TRUNG TÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN QUỐC GIA

TỔNG TẬP VĂN HỌC VIỆT NAM

TRỌN BỘ 42 TẬP

28



NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI

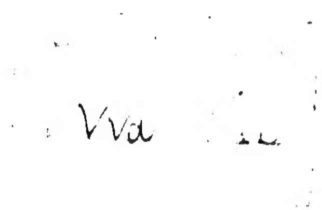
TRUNG TÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN QUỐC GIA

TỔNG TẬP VĂN HỌC VIỆT NAM

Trọn bộ 42 tập
Có chỉnh lý và bổ sung

TẬP 28

Chủ biên: PHAN CỰ ĐỆ
Sưu tầm, biên soạn:
NGUYỄN HOÀNH KHUNG - TRẦN HỮU TÁ



NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI
HÀ NỘI - 2000

CÙNG BẠN ĐỌC

Các tập 28, 29, 30 và 31 của bộ *Tổng tập văn học Việt Nam* đang ở dưới mắt bạn đọc chính là các tập 29A, 29B, 29C và 29D của bộ sách được tái bản lần thứ nhất.

Theo dự kiến ban đầu của Hội đồng biên tập Tổng tập văn học Việt Nam, tập 29 (gồm 29A và 29D) sẽ giới thiệu với bạn đọc mảng văn xuôi hiện thực những năm ba mươi của thế kỷ XX qua một số tác giả tiêu biểu và một số sáng tác có tính chất phong trào. Tập 29A (xuất bản 1988) được biên soạn theo dự kiến sắp xếp đó và bài *Khải luận* in ở đầu tập cũng được viết nhằm giới thiệu nội dung đó. Do nhiều khó khăn ở khâu xuất bản nên mãi đến năm 1997, tập 29 mới được xuất bản tiếp.

Khi biên soạn để xuất bản tiếp, Hội đồng biên tập, Nhà xuất bản và người biên soạn đều nhận thấy không thể giữ nguyên nội dung tập 29 như dự kiến ban đầu cách đây gần hai mươi năm. Công cuộc đổi mới lớn lao diễn ra trên đất nước hơn mười năm qua đòi hỏi có sự đổi mới trong cách nhìn nhận các giá trị văn học; đặc biệt, cần khắc phục lối nhìn máy móc, hẹp hòi khá phổ biến một thời, dẫn đến sự bỏ rơi nhiều hiện tượng văn học "tiền chiến" có giá trị như trước đây. Sự phân biệt mang tính chất đối lập giá trị giữa các dòng văn học hiện thực và lãng mạn cũng không còn được chấp nhận. Do quan niệm như vậy nên trong lần xuất bản các tập 29B, 29C, 29D và nhất là trong lần tái bản này, các tập đều có những chỉnh lý và bổ sung quan trọng so với sự sắp xếp ban đầu. Diện tác giả, tác phẩm đưa vào đã mở rộng hơn và không nhất thiết đó đều là "hiện thực". Sự phân bố các tác giả, tác phẩm trong các tập đều được sắp xếp lại. Bốn tác giả lớn (*Nguyễn Công Hoan, Vũ Trọng Phụng, Ngô Tất Tố, Nam Cao*) vẫn giữ nguyên vị trí chủ chốt trong bốn tập, nhưng sự phân bố các tác giả khác trong các tập thì có điều chỉnh ít nhiều, để các tập cân đối, nhất quán hơn, cũng tức là hợp lý hơn. Phần bổ sung đều phải là những tác giả, tác phẩm có giá trị cần được kể đến, ít nhất cũng có ý nghĩa về một mặt nào đó trong sự phát triển đa dạng của văn học thời kỳ này.

Như vậy, các tập 28, 29, 30, 31 này không phải là sự tái bản lần lượt từng tập 29A, 29B, 29C, 29D, mà là tái bản của hệ thống bốn tập với sự sắp xếp lại nội dung các tập. Với lần tái bản này, chúng tôi hy vọng sẽ giới thiệu

tương đối đầy đủ và có hệ thống một số tác giả, tác phẩm của nền văn xuôi Việt Nam những năm ba mươi của thế kỷ XX.

Trong lần xuất bản thứ nhất, tập 29A (xuất bản 1988) là công trình tập thể của nhóm biên soạn gồm ba người: Phan Cự Đệ, Nguyễn Hoành Khung, Trần Hữu Tá (Phan Cự Đệ là chủ biên và viết bài *Khải luận*). Các tập 29B, 29C, 29D (xuất bản 1997, có chỉnh lý, mở rộng so với quy định ban đầu) do Nguyễn Hoành Khung biên soạn. Các tập 28, 29, 30 và 31 của bộ *Tổng tập* tái bản này cũng do Nguyễn Hoành Khung biên soạn.

Hà Nội, 11-1998
Soạn giả

NGUYỄN CÔNG HOAN
(1903 -1977)

Nguyễn Công Hoan sinh ngày 6-3-1903 trong một gia đình quan lại xuất thân khoa bảng thất thế, quê ở làng Xuân Cầu, huyện Văn Giang, tỉnh Bắc Ninh (nay là huyện Châu Giang, tỉnh Hưng Yên). Lúc nhỏ có học chữ Hán, sau học trường Trung học Bảo hộ (Bưởi), năm 1922 vào trường Sư phạm. Sau khi tốt nghiệp (1926), đi dạy học ở nhiều nơi (thị xã Hải Dương, huyện Nam Sách, Kinh Môn, thị xã Lào Cai, thành phố Nam Định, đảo Trà Cổ...). Nguyễn Công Hoan bắt đầu sáng tác từ 1920. Năm 1922, viết những tập *Truyện thế gian* cho Tản Đà thư điếm ở Hà Nội. Năm 1930, thường xuyên viết mục Xã hội ba đào ký trên An Nam tạp chí của Tản Đà, và được công chúng chú ý nhiều từ đó. Tác phẩm của Nguyễn Công Hoan trước Cách mạng thường đăng trên các báo *An Nam tạp chí, Nhật Tân, Ích Hữu, Tin Văn, Cậu Ấm*, nhất là *Tiểu thuyết thứ bảy*.

Nguyễn Công Hoan có biệt tài về truyện ngắn. Với hàng trăm truyện ngắn, ông đã dựng lên bức tranh sinh động về cái xã hội thực dân phong kiến bất công, giả dối, thối nát đương thời. Ngòi bút của ông đã tỏ ra đặc biệt cay độc khi vạch mặt bọn quan lại tham lam tàn ác. Ông cũng lên án bọn địa chủ cường hào ngu dốt, keo kiệt, bọn tư sản vô lương tâm chạy theo đồng tiền, bọn "gái mới" đua đòi lối sống "Âu hóa" lố lăng, đồi bại... Đồng thời trong một số truyện ngắn, ông thể hiện khá chân thực và cảm động đời sống cơ cực, dở cười, dở khóc của những người nghèo khổ, từ anh kép hát, anh phu xe, em bé ăn mày, những "thằng quýt", "con sen"... ở thành thị, đến người nông dân nghèo ở nông thôn, người công nhân ngoài hầm mỏ. Một số truyện đã đề cập tới vấn đề chính trị thời sự nóng bỏng đương thời, đả kích bóng gió hoặc lật mặt trái một số chính sách bịp bợm của chính quyền thực dân. Có thể nói, truyện ngắn Nguyễn Công Hoan là sự kế thừa và phát huy mạnh mẽ truyền thống trào phúng phong phú, giàu tính chiến đấu trong văn học Việt Nam.

Nguyễn Công Hoan viết nhiều truyện dài, có những truyện được hoan nghênh rất rộng rãi, tuy ít thành công bằng truyện ngắn. Đặc biệt, trong những năm cao trào Mặt trận dân chủ (1935 - 1939), ngòi bút Nguyễn Công Hoan trở nên tung hoành, sắc sảo hơn bao giờ, cả trong truyện ngắn và truyện dài. *Bước đường cùng, Ông chủ, Lá ngọc cành vàng, Cái thủ lợn*... là những tiểu thuyết có nội dung xã hội tiến bộ, có ý nghĩa phê phán mạnh mẽ.

Sau Cách mạng Tháng Tám 1945, Nguyễn Công Hoan hăng hái tham gia nhiều công tác. Đầu tiên làm Phó Giám đốc Sở Tuyên truyền Bắc Bộ, rồi đến khi kháng chiến toàn quốc bùng nổ, ông gia nhập bộ đội, viết báo *Vệ quốc quân*, làm Giám đốc trường Văn hóa quân nhân và Chủ nhiệm tờ *Quân nhân học báo*. Ông được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương năm 1948. Sau khi hòa bình lập lại (1954), ông công tác hẳn ở ngành văn nghệ, được bầu làm ủy viên Ban Chấp hành Hội Liên hiệp Văn học Nghệ thuật Việt Nam, Chủ tịch Ban Chấp hành Hội Nhà văn khóa đầu (1957 - 1958) và ủy viên Thường vụ các khóa tiếp theo. Thời kỳ này ông trở lại sáng tác đều đặn cho tới ngày từ trần (6-6-1977).

TÁC PHẨM CỦA NGUYỄN CÔNG HOAN

TRƯỚC CÁCH MẠNG

– *Truyện thế gian*. Tản Đà ấn thư cục, Hà Nội, 1922.

– *Kiếp hồng nhan* (tập truyện ngắn), tác giả tự in, 1923.

– *Những cảnh khốn nạn* (tiểu thuyết). Dương xuân thư quán, 1932.

– *Tắt lửa lòng* (tiểu thuyết), đăng báo *Nhật Tân*, 1933. In lại trong *Phổ thông bán nguyệt san* số 1, 1-12-1936.

– *Chuyện chó chết* **(Truyện ngắn)**, *Xã hội ba đào ký* số 2. Mai Lĩnh xuất bản, 1934.

– *Hai thằng khốn nạn* **(Truyện ngắn)**. Mai Lĩnh xuất bản, 1934.

– *Lệ Dung* (tiểu thuyết), đăng báo *Nhật Tân* 1934. Đời mới xuất bản, 1943.

– *Ngựa người người ngựa* (tập truyện ngắn). Mai Lĩnh xuất bản, 1934.

– *Lá ngọc cành vàng* (tiểu thuyết), đăng trong *Tiểu thuyết thứ bảy*, 1935. In lại trong *Phổ thông bán nguyệt san* số 34, ngày 1-5-1939.

– *Tấm lòng vàng* (tiểu thuyết), đăng báo *Cậu Ấm* 1934. In lại trong *Phổ thông bán nguyệt san* số 8, ngày 1-7-1937.

– *Kép Tư Bền* (tập truyện ngắn), Tân Dân xuất bản, 1935.

– *Ông chủ* (tiểu thuyết), đăng trong *Tiểu thuyết thứ bảy*, 1935. Đời mới xuất bản (in chung với *Bà chủ*), 1944.

– *Một cái chương trình quyết thực hành* (tiểu thuyết), đăng trong *Tiểu thuyết thứ bảy*, 1935.

– *Bà chủ* (tiểu thuyết), đăng trong *Tiểu thuyết thứ bảy*, 1935. Đời mới xuất bản (in chung với *Ông chủ*), 1944.

– *Cô giáo Minh* (tiểu thuyết), đăng trong *Tiểu thuyết thứ bảy*, 1935. Tân Dân xuất bản, 1936.

– *Bơ vơ* (tiểu thuyết), đăng trong *Tiểu thuyết thứ bảy,* 1936. Đời mới xuất bản, 1944.

– *Cô làm công* (tiểu thuyết), đăng trong *Tiểu thuyết thứ bảy,* 1936. Đời mới xuất bản, 1944.

– *Tình khuyển mã* (tiểu thuyết), đăng trong *Tiểu thuyết thứ bảy,* 1936 - 1937.

– *Một công trình vĩ đại* (tiểu thuyết), đăng trong *Tiểu thuyết thứ bảy,* 1937.

– *Hai thằng khốn nạn* (tập truyện ngắn). *Phổ thông bán nguyệt san* số 5, ngày 1-4-1937.

– *Đào kép mới* (tập truyện ngắn). *Phổ thông bán nguyệt san* số 13, 1-12-1937.

– *Tơ vương* (tiểu thuyết). *Phổ thông bán nguyệt san* số 18, 1-5-1938.

– *Bước đường cùng* (tiểu thuyết). *Phổ thông bán nguyệt san* số 23, 1-10-1938.

– *Sóng vũ môn* (tập truyện ngắn). *Phổ thông bán nguyệt san* số 26, 1-12-1938.

– *Người vợ lẽ bạn tôi* (tập truyện ngắn). *Phổ thông bán nguyệt san* số 48,1-12-1939.

– *Ông chủ báo* (tập truyện ngắn). *Phổ thông bán nguyệt san* số 61, 16-6-1940.

– *Nợ nần* (tiểu thuyết). *Phổ thông bán nguyệt san* số 68, 1-10-1940.

– *Trên đường sự nghiệp* (tiểu thuyết). *Phổ thông bán nguyệt san* các số 94, 1-11-1941 - số 95, 16-11-1941 - số 96, 1-12-1941.

– *Thanh đạm* (tiểu thuyết). Đời mới xuất bản, 1943.

– *Nghịch cảnh* (tiểu thuyết). Đời mới xuất bản, 1943.

– *Danh tiết* (tiểu thuyết). Đời mới xuất bản, 1944.

– *Người An Nam* (tiểu thuyết). Đời mới xuất bản, 1945.

– *Cái thủ lợn* (tiểu thuyết). Đời mới xuất bản, 1945.

SAU CÁCH MẠNG

– *Nông dân với địa chủ* (tập truyện ngắn). Văn nghệ xuất bản, 1955.

– *Tôi quyết sống* (truyện chiến sĩ miền Nam Nguyễn Thị Chánh). Văn nghệ xuất bản, 1955.

– *Tranh tối tranh sáng* (tiểu thuyết). Văn nghệ xuất bản, 1956.

– *Xây dựng* (tiểu thuyết). tuần báo *Trăm hoa* xuất bản, (in chung với *Ông lão mài gươm*, truyện thơ của Nguyễn Bính), 1956.

– *Truyện ngắn chọn lọc*, 2 tập. Hội Nhà văn xuất bản, 1957 - 1958.

– *Hỗn canh hỗn cư* (tiểu thuyết). Văn học xuất bản, 1961.

– *Viết tiểu thuyết* (kinh nghiệm viết văn), viết chung với Võ Huy Tâm. Văn học xuất bản, 1960.

– *Người cập răng hầm xay lúa ở ngục Côn Đảo 1930* (Truyện ngắn), in trong *Ánh sáng mùa Xuân*. Văn học xuất bản, 1960.

– *Thăm nhà người anh em chiến đấu anh dũng* (bút ký). Văn học xuất bản, 1962.

– *Đống rác cũ* (tiểu thuyết), tập *I*. Văn học xuất bản, 1963.

– *Đời viết văn của tôi* (hồi ký). Văn học xuất bản, 1971.

– *Truyện ngắn chọn lọc,* 2 tập. Văn học xuất bản, 1973 - 1974.

– *Hỏi chuyện các nhà văn* (bút ký). Tác phẩm mới xuất bản, 1977.

– *Nhớ và ghi* (hồi ký). Tác phẩm mới xuất bản, 1978.

– *Tuyển tập Nguyễn Công Hoan*, tập I, II. Văn học xuất bản 1983 - 1984.

THẬT LÀ PHÚC

(Truyện ngắn)

Chú lính cơ Ván cách[1], cứ buổi chiều, ngồi trên phản trong trại, trông ra ngoài mành mành, thì cũng cho đôi mắt được một bữa tiệc no nê bằng cuộc ngắm những chị đi gánh nước ở giếng trong huyện.

Trong các chị gánh nước đó, chú chú ý nhất một chị, là "ma phăm" anh hàng bánh giò ở cổng huyện, tên là Tam.

Cứ kể ra, chị Tam trông cũng tình thực! Cái quần sồi đen nhánh, cái áo cánh hồ lơ, cái thắt lưng đỏ phấp phới bay theo gió, cái bộ xà tích lủng lẳng đập vào đùi, đã làm cho Ván cách ta say lử cỏ bợ! Không những thế, chị Tam lại còn có cái bộ mặt "gioong"! Mỗi khi chị gánh hai thùng nước nặng mà đi qua trại, thì mắt cố nhìn thẳng, mũi cố cầm hơi, tay nguẩy đằng sau, đầu nghiêng bên cạnh, cố kéo cái hò áo cho kín ngực, thì tuy mất vẻ tự nhiên, nhưng mũm mĩm như quả đào Vân Nam mới trẩy, khiến cho Ván cách ta chết cũng vớ vội lấy cái đàn bầu, mà tẳng tẳng vài tiếng. Nhiều khi thấy chị Tam hớn hở, chú chỉ phàn nàn có một câu rằng:

– Hoài của! Giá mình "xú ca nia"[2] cho nó ít giấy ráp để đánh đôi thùng rõ sáng, thì thực là bảnh chọe.

Nói nôm ra, chú Ván cách cũng muốn chim chị Tam đáo để. Có bận chú định ngồi trong mành mành, ví cho chị Tam một câu rõ hay. Giá chú biết làm thơ, làm văn thì hẳn đã nghĩ được một bài trường thiên rõ dài để tặng! Khốn nhưng chú chỉ quen thói tộp ngực lần lưng dân, cho nên chỉ học được mốt chim gái của bạn đồng nghiệp, thẳng như nòng súng, là giữ nón, chắn đường, hoặc nắm cổ tay mà bắt nói một câu.

– Van nhà, nhà buông em ra!

Nhưng mà người anh em chỉ dám "tiểu di" thế thôi, chứ mà thày quản đồn này nghiêm khắc lắm, lỡ chú bị "lập gioòng", hoặc bị tai thì phải biết! Cho nên, lắm lúc gặp cơ hội tốt, mà chú nghĩ đến hình phạt nhà binh, chú đành phải "đê mi tua" ngay!

---

1. Tiếng Pháp vingt-quatre, nghĩa là 24. Đây là số hiệu lính, được dùng gọi thay tên.

2. *Xú ca nia:* kỉ niệm.

Còn một kế sau cùng, chú nghĩ đã chín lắm, là nhân ngày lĩnh lương, hoặc gặp buổi bóp nặn được thằng dân nào, chú quyết bỏ hẳn ra ba hào chỉ, ra hàng chị Tam đánh một bữa bánh giò rõ no, thế là "a lê", tha hồ tán chuyện!

Buổi tối hôm ấy, trong túi chú Ván cách xủng xoảng có tiền. Chú bèn búi tóc yên ngựa cho thực nền, gài cái lược xương trắng cho thật khéo, chít cái khăn lượt cho thật vố, vuốt ít nước hoa cho thật thơm, rồi soi gương đằng trước, đằng sau, ngắm nghía mãi, mới thay quần, gài khố, bóc gói thuốc lá mới, phì phèo, huýt còi đi "la mát".

Lúc bấy giờ đã vào chín giờ khuya. Nhà hàng phố đã đóng cửa kín mít. Chú Ván cách lượn qua nhà chị Tam mấy lượt, thổi bài kèn "la vẩy" rõ lẳng để đánh tiếng, rồi dòm qua lỗ liếp. Chị ngồi một mình, đương chẻ lạt. Chú ngắm nghía thế một lúc lâu, đắn đo, không biết thằng chồng đi đâu, nhưng cứ liều gõ cửa. Chị Tam đương lúi húi, bèn ngẩng đầu lên, hỏi:

– Ai?

– Tôi đây! Cho tôi mua ít bánh giò!

Chị Tam đứng dậy, vừa nâng hé cái liếp ra, Ván cách đã lách được vào rồi.

– Chào chị, "măm den" còn bánh giò không?

– Thưa thầy, hôm nay phiên chợ, nên nhà còn ít thầy mua giùm cho cháu.

– Được! Còn bao nhiêu mang cả ra đây. Anh ấy nhà chị đâu?

– Thưa thầy, chạy đâu ấy ạ.

Ván cách được dịp tốt, "a la văng" ngay đến trước mặt chị Tam, vừa cười vừa lả lơi nói:

– "Cấm ma lách" với nhau cả, thầy với cháu gì! Đừng nói thế, phải tội!

Nói xong, chú sấn ngay vào, nắm lấy cổ tay người yêu một cách âu yếm:

– Nhà ơi!

Thế rồi mắt chú lim dim như lúc ngắm súng. Chị Tam nhanh thoăn thoắt, giật ngay ra, lùi lại mấy bước:

– Ô hay! Thầy quyền làm cái trò gì thế này? Tôi kêu to bây giờ!

– Mình ơi, tôi yêu mình lắm!

Vừa nói, chú vừa sấn vào, ôm lấy chị Tam, đẩy ngã xuống đất, rồi cũng ngã theo...

– Ối giời đất ôi! Thầy quyền làm gì tôi thế này?

Tiếng kêu rầm hàng phố. Thình lình, anh Tam ở đâu chạy về đến nơi.

Hẳn các ngài đã đoán trước ngay rằng máu ghen của anh Tam mà đùng đùng nổi lên, thì chú quyền Ván cách sẽ bị trói gô vào chân giường, và phải trận đòn nát da tan thịt.

Thế nhưng anh Tam tuy hơi tức đầy lên cổ, mà cũng cố nén ngay. Anh sợ Ván cách là người Nhà nước lại có sức, có quyền hơn anh, mà anh thì hèn hạ. Chi bằng thôi, thu xếp cho êm là hơn cả. Cho nên anh chỉ lấy lời ngọt ngào mà nói với Ván cách, chứ không dám lôi thôi.

Vậy mà Ván cách nào phải người biết điều. Thấy Tam chịu nước lép, chú lại làm già, sấn đến, tát cho Tam mấy cái.

Ngờ đâu Tam giữ được cái chày giã giò, giơ lên đỡ. Ván cách tưởng Tam đánh, quờ tay, giật phắt ngay được chày. Rồi giơ thẳng cánh: "a, đê, toa, hấp!" Sống mũi Tam máu chảy đầm đìa! Tam ngã quay ra, miệng kêu rầm làng xóm.

Nghe tiếng kêu cứu, người phố kéo lại rất đông, mới gỡ được đám đánh nhau. Nhưng Ván cách vẫn còn hung hăng, trỏ vào mặt Tam mà mắng:

– Mày láo! "Tăng xương!" Mày không biết ông là ai à?

Hàng phố thấy chuyện bất bình, ai cũng thương hại vợ chồng Tam bị bắt nạt một cách vô lý. Lúc ấy, Ván cách đã về rồi, nên nhiều người xui Tam đi trình ngay quan huyện, để ngài trừng phạt kẻ hay... lấy thịt đè người.

– Ừ, cậy là lính huyện mà vào hiếp vợ người ta, lại còn đánh người ta, thì pháp luật nào dung?

– Phải đi kiện mới được, bắt nạt thế, ai chịu nổi!

– Cứ kiện đi, đã có tôi làm chứng. Nếu cứ để nó quen thói, thì nay nó hiếp vợ anh, mai nó tha gì vợ tôi?

Sau một lúc bàn ra bàn vào, mãi anh Tam mới dám đội khăn, mặc áo, đi vào huyện.

Quan ở trong nhà tư. Ngài đương đánh tài bàn. Thấy đương đêm có ầm ầm tiếng kêu, ngài cũng đoán là có chuyện gì to xảy ra đó.

Nhưng vì chưa có ai báo, thì chưa chắc đã to bằng ván bài phải báo của thầy thừa ù sửu.

Quan cười ha hả. Các cậu lệ thấy quan vui, cũng tủm tỉm liếc nhau. Bỗng có tiếng rì rào ngoài cửa, và người kéo lố nhố đầy sân. Cậu lệ đang hầu nước bài, phải ngấc mắt lên nhìn mãi, đến nỗi phải chửi, vì quan bàn quân ăn quân đánh mà không biết.

Lúc ấy, tiếng xôn xao càng to, nên quan biết tất là đám kêu to ngoài phố khi nãy.

Thật may cho anh Tam vì trình quan ngay vào lúc ngài đương vui. Đáng lẽ phải chờ đến buổi hầu sáng hôm sau mới được vào.

Quan cho cậu lệ hỏi chuyện, thì thấy cậu dắt anh Tam vào. Giá lúc ấy quan không mải nhìn quân bài dưới chiếu, hẳn ngài đã thấy anh Tam mặt mũi bê bết máu me.

Tam vái chào, khúm núm gãi đầu, chắp tay, bẩm hết cả nỗi vợ bị hiếp là thế, mình bị đánh là thế. Câu chuyện rất dài, nên anh phải kể làm ba bốn nấc mới hết, vì thỉnh thoảng quan cắt ngang mà hỏi vặn:

– Khoan! Cửu văn đấy có phải không? Chíu... Gượm! Gì? Sao không xướng to lên?

Khi câu chuyện bẩm xong, thì vừa hết ván bài. Quan ngẩng đầu lên nhìn anh Tam, rồi cho gọi chị Tam vào. Quan ngắm một lúc, hai con mắt sáng quắc như hai ngọn đèn trời, khiến cho hai vợ chồng nhà hàng bánh giò phải thất đảm. Rồi ngài nghiêm nét mặt lại, như có ý muốn nghĩ để phân xử cho công minh.

Lúc đó, ngoài sân tối mù mù. Người đứng xem đằng xa cố ngậm miệng, nín hơi, để nghe.

Một lúc, ngài sang sảng tiếng truyền xuống, như ông Long thần ban hạnh phúc cho chúng sinh mà dạy rằng:

– Đáng lẽ đương đêm chúng bay đánh nhau, thì không biết nếp tẻ ra sao, ông hãy bỏ tù hãm bốn giờ cái đã. Nhưng ông tha cho về mà làm ăn lương thiện, không được lôi thôi nữa. Vả lại vợ mày mặt mũi thế kia, chắc hẳn cũng có thế nào với nó, thì nó mới thế chứ? Thôi ông cho về. Ông đang bận.

Một tiếng "dạ" dài, anh Tam thụp xuống đất lạy tạ quan hai lạy. Đoạn anh lom khom lui ra, nét mặt vui vẻ như người biết an phận, rỉ tai nói với vợ:

– May quá! Xuýt nữa thì phải ngồi tù. Thật là phúc! Lạy quan lớn ngàn năm!

9-10-1930

NGỰA NGƯỜI VÀ NGƯỜI NGỰA

(Truyện ngắn)

Đố ai biết anh phu xe đương lững thững dắt cái xe không ở đằng ngã tư đầu phố kia, đi như thế từ bao giờ đấy?

Trông anh ấy có vẻ "đói" khách lắm. Có lẽ thế thật. Vì ai lại tám giờ tối ba mươi Tết rồi, còn lang thang phố nọ sang phố kia thế? Mà hàng phố, nhà nào nhà nấy đóng cửa cả rồi, còn mấy ai ra ngoài đường làm gì, mà còn hòng một "cuốc" tất niên?

Ấy thế! Trả xe cho khách, về nhà hú hí với vợ con có hơn không, tội gì! Vợ anh, con anh, đương chờ anh ở cửa đó nọ. Năm hết Tết đến rồi. Còn mấy giờ đồng hồ nữa thôi, chứ còn lâu la gì?

Ấy, giá trong túi có nặng cái đồng tiền, thì chả phải bảo, anh ta cũng về nhà cho xong quách, việc gì còn phải vơ vẩn vẩn vơ như thế này! Khốn nhưng anh ấy vừa mới ốm dậy, ốm một trận tưởng mười mươi chết, thành ra không những mất một dịp kiếm tiền cuối năm, mà bao nhiêu tiền dành dụm trong bấy lâu, sạch sành sanh cả.

Bởi vậy, hôm nay, anh ấy cố vay được cái vốn để đi mua xe, kiếm bữa gạo để ăn Tết.

Quái, không hiểu cái ngày nay là ngày gì, mà từ chiều đến bây giờ, anh ấy mới được có hai hào chỉ! Ban chiều, khách áo gấm, áo nhung, đi nhan nhản ở đường, mà mời mỏi miệng, cũng không có một ai lên xe, nữa là bây giờ! Bực nhất là thỉnh thoảng lại lẹt đẹt tràng pháo nổ, làm cho anh ấy nóng cả ruột gan. Nghĩ đến cái cảnh Tết nhà giàu mà thèm rỏ dãi. Họ quăng tiền đi về dịp Tết, thi nhau tiền trăm bạc nghìn để xa phí vô ích, mà mình thì lo méo mặt mấy hào bạc gạo ngày mai không xong.

Thỉnh thoảng, anh ta dỏng tai quay cổ, xem có ai gọi ở đằng xa hay không. Thì chỉ thấy đánh đẹt, lòe một cái ở giữa đường, làm cho anh ấy giật mình đánh thót. Giật mình rồi lại thở dài, ngán cho cái đời bấp bênh, lắm lúc muốn quẳng phăng cái xe đi, làm nghề khác. Nhưng bỏ nghề này thì xoay ra nghề gì?

Anh ấy đi lững thững như thế, qua Hàng Trống, quặt ra phố Nhà Thờ, xuyên thẳng ra lối nhà thương Phủ Doãn, thì bỗng đứng dừng, quay cổ lại nhìn.

– Xe!

– Đây!

Ba chân bốn cẳng, anh ấy chạy vội lại phía có người gọi, hạ hai càng xuống.

– Bà về đâu?

Một bà trạc độ ngót ba mươi tuổi, mình mặc sa tanh màu, đầu quàng khăn bịt trắng, bỏ giọt xuống tận bụng, đứng ở đầu hè.

– Anh có đi giờ không?

– Bà đi mấy giờ?

– Một giờ.

– Xin bà sáu hào.

– Sao anh lấy đắt thế? Hai hào!

– Thưa bà, xe ngày Tết vẫn thế, vả lại bây giờ còn ai kéo nữa, mà bà giả rẻ thế. Con kéo một chuyến, rồi cũng đi giả xe, về ăn Tết đây!

Bà khách thấy anh xe nói ra ý không thiết kéo, nên quay lưng đi.

– Này, bà giả bao nhiêu?

– Hai hào là đắt rồi, ngày dưng chỉ có hào rưỡi một giờ thôi.

– Thôi, năm hào rưỡi, bà có đi, không thì thôi.

– Thôi.

Bà khách lại quay lưng đi, lần này thì đi thẳng.

Anh xe vắt chân chéo kheo, chổng càng lên trời mà nhìn theo mãi một lúc. Anh đoán có lẽ người này cũng là khách kiết, nên mới trả rẻ quá như vậy. Thôi thì người già thì ta non. Anh chạy theo và gọi:

– Này, mời bà lên xe! Hai... hào...! Xin bà hai hào rưỡi!

Bà khách vừa bước chân lên sàn xe, thấy anh xe vòi hai hào rưỡi, vội nhảy tọt ngay xuống đất:

– Không hai hào thì thôi.

– Thôi, đây mời bà lên.

Bà khách vạch cổ tay áo xem đồng hồ:

– Chín giờ năm nhé, nhưng kể là chín giờ đúng cũng được.

Anh xe kéo giờ, nên cũng chỉ chạy "dưỡng lão" thôi, đít nhổm mạnh, mà bước ngắn. Vì thì giờ là tiền bạc, chậm phút nào là tiền phút ấy.

Trước anh xe tưởng bà khách đi có việc gì, cho nên còn chạy. Sau thấy bà cứ trỏ vơ vẩn hết phố nọ sang phố kia, mà chả đỗ ở phố nào cả, thì mới đoán có lẽ là cảnh "ăn sương" chi đây. Anh bèn đi bước một. Nhiều lúc muốn hỏi thực, nếu có phải giăng há thì mình giới thiệu cho một món sộp đáo để.

Nhưng lỡ không phải thì họ mắng cho và không trả tiền thì khổ.

Qua chợ Đồng Xuân, vòng về Hàng Cót, lại rẽ sang Cửa Đông, bà khách bỗng hỏi:

– Anh xe có bằng lòng kéo tôi giờ nữa không?

– Vâng, nhưng bà có cho cháu hai hào thì cháu kéo hầu bà giờ nữa.

– Được.

– À, anh có hào lẻ không, cho tôi vay mấy hào, chốc nữa tôi giả cả đồng cho tiện.

Anh xe móc bao phục, lấy ra hai hào, đưa cho bà khách. Bà khách vào hiệu, mua gói thuốc lá, bao diêm, còn tiền mua cả hạt dưa để cắn.

Anh xe nhấp nhổm chạy rảo cẳng vài bước, rồi lại tiến bước như trước. Một lúc, anh mới đánh bạo hỏi một câu rõ khôn:

– Bà tìm ai, thưa bà?

– Tôi tìm người quen.

– Người quen bà ở phố nào?

– Anh cứ kéo đi.

Anh xe lại cứ kéo như thế, ra ga, vòng về đường Sinh Từ, quặt về Hàng Bông, Hàng Mành, Hàng Vải thâm, vân vân. Mãi mãi, mà người khách vẫn không tìm thấy ai quen.

– Thưa bà, bây giờ mấy giờ rồi?

– Mười một giờ kém năm.

– Con kéo hết giờ này, xin bà cho tiền để con đi đón khách ở ga về.

– Anh có bằng lòng kéo tôi giờ nữa không?

– Thưa bà, con đón khách ở ga hay ở nhà chớp bóng thì một "cuốc" cũng được hai hào chỉ.

– Anh đã chắc có khách chưa? Hay lại mật ít ruồi nhiều, rồi dắt xe về không. Anh lại cố kéo tôi giờ nữa, đi thủng thỉnh thế này mà được tiền, chả hơn chạy mửa mật ra ư?

Anh xe nghe bùi tai, lại bằng lòng kéo. Hàng phố càng thấy thưa người đi. Các cửa đóng kín mít. Đi một lúc, qua Ngõ Trạm, vòng sang Hàng Điếu, rồi rẽ sang Hàng Bồ. Lúc ấy, bốn bên im lặng như tờ, chỉ thấy tiếng lách tách bà khách cắn hạt dưa thôi, thì bỗng một tràng pháo nổ, đì đẹt báo giao thừa.

– Mấy giờ rồi, thưa bà?

– Phải gió nhà nào bây giờ đã đốt pháo giao thừa! Mới có mười hai giờ kém mười lăm.

Anh xe mới nghĩ: "Mười lăm phút nữa, mình sẽ có sáu hào. Sáu hào với hai hào là tám. Thế nào ta cũng nài thêm bà ấy mở hàng cho một hào nữa là chín. Chín hào! Mở hàng ngay vào lúc năm mới vừa đến. Thật là may! Mới năm mới đã phát tài! Thôi, sang năm tất là làm ăn bằng mười, bằng trăm năm nay".

Rồi anh nghĩ đến vợ con anh, mà phấn chấn trong lòng, như có cái sức gì nó xui giục anh quên khổ để vui lòng làm việc vậy.

"Sáng mai, kéo chuyến khách qua ga, xong rồi, ta đánh bát phở tái, rồi mua cho con cái bánh ga tô cho nó mừng. Vợ ta nghe thấy trong túi ta có tiền, thì chắc hớn hở, thấy ta làm lụng vất vả để kiếm tiền nuôi cả nhà, tất là thương ta lắm. Nhưng ta sẽ làm ra dáng không mệt nhọc, để vợ chồng con cái ăn Tết với nhau cho hể hả".

Anh vừa nghĩ thế, vừa kéo về phía nhà thương Phủ Doãn. Tới chỗ khi nãy, anh dừng xe lại, nói:

– Bây giờ có lẽ mười hai giờ, xin bà cho cháu tiền.

Bà khách có ý luống cuống, nói:

– Chết! Anh hỏi tiền tôi bây giờ à? Anh chịu khó kéo tôi một giờ nữa đi.

– Thôi khuya rồi, cháu phải về nhà.

– Này, chả nói giấu gì anh, tôi cũng đi kiếm khách từ tối đến giờ. Có anh biết đấy. Có gặp ai hỏi han gì đâu. Tôi định nếu có khách, thì hỏi vay tiền trước để giả anh. Nhưng chẳng mày gặp phải cái tối xúi quẩy thế này, thì tôi biết làm thế nào?

– Thế cô đi xe tôi từ chín giờ, cô không giả tiền tôi à?

– Bây giờ thì tôi biết làm thế nào?

– Tôi kéo cô lên Cẩm.

– Lên Cẩm thì tôi cũng đành lên với anh chứ tôi biết làm thế nào!

– Thế cũng vác mặt mặc cả xe giờ, lại còn vay tiền người ta mà mua thuốc lá với hạt dưa!

– Nhà tôi ở ngay đầu ngõ Hàng Bún, khi nào anh đi qua, thì tôi giả tiền anh chứ gì!

– Chứ gì! Một trăm ngõ Hàng Bún, ai biết ngõ nào mà tìm!

– Tôi không có tiền đâu, chả tin anh khám mà xem.

– Tôi không khám, cô giả tiền tôi cho tôi về!

– Đây, hay là phu la, áo, đồng hồ đây, anh muốn lấy thức gì thì lấy.

– Tôi lấy để làm ma mẹ tôi à?

– Thôi này, đừng cáu làm gì. Tôi bảo, cảnh tôi cũng như cảnh anh, cũng là đi kiếm khách cả. Nhỡ phải một tối thế này, thì chịu vậy, chứ biết làm thế nào?

– Thế sao cô không bảo thực tôi từ trước, để tôi kéo cô qua các nhà săm để hỏi, cô còn sĩ diện mãi.

– Nào ai biết cơ sự nó ra thế này. Thôi, này, tôi nói thế này thì anh nghe. Nếu bây giờ anh bỏ tôi ở đây, thì tôi không có tiền giả anh, sự ấy đã đành rồi, nhưng mà anh thiệt. Vậy anh cố kéo tôi nữa, may tôi có khách, thì tôi có tiền, mà anh cũng không phải phàn nàn nữa.

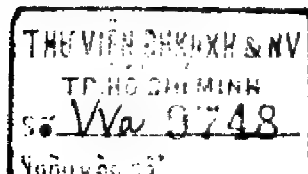
– Tôi thật là nợ nần gì cô kiếp trước hay sao, mà nay tôi khổ với cô như thế này. Đầu năm mà đã rấp! Rắc rối!

– Anh đừng nói thế, ai muốn thế này làm gì!

Bất đắc dĩ, con ngựa người lại phải kéo con người ngựa vậy.

Nhưng lần này thì thật là không buồn bước lên nữa. Chán quá!

Rõ số đâu mà số ăn mày thế này!



Anh xe vừa đi, vừa thở dài. Khách cũng vừa đi, vừa thở dài. Càng đi, càng thấy phố vắng tanh, vắng ngắt. Thỉnh thoảng mới gặp một người tùm hum cái áo badờxuy, mà đi có ý vội vàng.

Buồn thay! Đàn muỗi vo vo bay, đùa nhau xung quanh ngọn đèn. Lá cây sột soạt rụng, đuổi nhau ở trên đường nhựa.

Anh xe dắt xe đi diễu qua các cửa nhà săm để xin việc cho cô ả. Nhưng lúc ấy đã hai giờ sáng rồi, cho nên ế! May sao, đến đầu phố Hàng Gai, thì gặp một người ra dáng ăn chơi, đang tất tả cúi đầu đi. Cô ả dử mồi, đánh liều gọi lại, vờ vĩnh hỏi thăm đường. Nhưng khốn nạn, anh chàng này lắc đầu và cứ rảo cẳng bước đều.

– Tôi không biết, cô hỏi thăm anh xe này cũng được. Tôi còn vội đi mời Đốc tờ cho vợ tôi ốm đây!

Hai cái thở dài thất vọng theo đuôi nhau, rồi không ai nói thêm một lời nào. Anh xe lại từ từ tiến bước.

– Cô làm thế này thì tôi chết mất!

– Thôi anh bằng lòng vậy.

– Ấy cũng may cho cô, vớ vẩn mãi ở ngoài phố thế này, mà gặp mật thám hay đội con gái thì khốn!

– Mật thám tôi cũng chả sợ, đội con gái tôi cũng chả cần, vì tôi có "ba tăng".

Đi một lúc lâu, chẳng gặp một ai cả, cô ả bảo anh xe:

– Này, anh đỗ xuống tôi bảo. Tôi nói thực với anh nhé. Bây giờ đã về sáng rồi, chắc anh kéo tôi mãi cũng đến thế thôi. Tôi thì thực không có tiền giả anh đâu. Tôi gán cho anh khăn, áo, đồng hồ mà anh không lấy, thì tôi chả biết nghĩ thế nào cho phải cả. Thôi thì anh kéo tôi ra chỗ kín, vắng, anh muốn bắt tôi gì, tôi xin chịu.

– Tôi bắt gì cô mà tôi bắt!

Cô ả nắm lấy tay, vỗ vào vai anh xe, nhăn nhở cười:

– Anh này thực thà quá, nghĩa là chỉ có anh với tôi thôi, thì người tôi đây, anh muốn làm gì, tôi cũng bằng lòng.

– Ôi thôi! Tôi lạy cô. Nhỡ cô đổ bệnh cho tôi thì tôi bỏ mẹ tôi.

– Không sợ, tôi mới khám bệnh hôm qua.

– Thôi, tôi chắp tay tôi van cô, cô có thương tôi thì mời cô xuống xe cho tôi về, và xin cô tiền xe!

– Thế thì anh cứ kéo tôi về nhà tôi, xem có đồ đạc gì đáng giá, thì anh cứ việc lấy.

Anh xe bụng bảo dạ, thôi thì cầm bằng như mất cả buổi đêm nay là cùng. Nhưng ta chịu khó kéo nó về, may xem có cái gì thì ta lấy, còn hơn về không. Thật là dò nát đụng nhau.

– Nhà cô ở đâu?

– Trên Hàng Bún.

Anh xe vừa kéo, vừa lẩm bẩm nói một mình:

– Không có tiền cũng leo lên xe mà ngồi, chỉ sĩ diện hão thôi, lại còn tí tách hạt dưa, với phì phèo thuốc lá mà không biết ngượng!

Cô ả đành chịu mặt dầy cho anh xe mắng một ít câu cho bõ hờn, cứ ngồi im như phỗng.

Lúc ấy, gió bấc thổi căm căm, buốt đến tận xương. Nhà hàng phố đã thấy có người dậy. Nhưng họ dậy có phải để đi tìm gái đâu!

Đến cửa một nhà săm, cô ả bảo:

– Anh hãy ghé vào đây một tý cho tôi hỏi vay tiền người này xem có được không.

Anh xe hơi có hy vọng, đỗ lại để cho cô ả vào. Rồi vì mệt lử, anh ngồi phịch xuống sàn xe, tựa lưng vào thành, vừa chờ vừa nghĩ vơ nghĩ vẩn.

Một lúc lâu, một tràng pháo nổ vang trời, làm anh giật mình. Anh sực nghĩ đến cô ả, không biết cô ta vào đây làm gì mà lâu thế. Hay có lẽ đã có món khách nào chăng. Nhưng thế nào cũng phải trả tiền cho mình về đã chứ, lại bắt mình chờ đến sáng hay sao? Anh gõ cửa gọi.

Người bồi săm ra.

– Ông ơi, tôi hỏi thăm ông, người con gái quấn khăn quàng trắng vào đây ban nãy, nằm ở buồng nào?

– Chả có buồng nào có khách cả.

– Thế người con gái ấy đâu?

– Ra ngay từ bao giờ rồi, còn đâu mà hỏi.

– Thôi chết tôi rồi, ra cửa nào?

Người bồi lấy ngón tay cái, hất ngang về phía cổng sau.

Anh xe choáng người, như nghe tiếng sét đánh. Anh bàng hoàng như chợt tỉnh giấc chiêm bao. Người bồi săm nói sẵng:

– Đi, cho người ta đóng cửa. Ai bảo anh xông nhà cho tôi? Năm mới đừng bi beng!

– Ông ơi!...

Người bồi giúi vai anh xe, đẩy ra, rồi đóng ập cửa lại.

Anh xe nghiến răng, cau mặt, lủi thủi ra hè, cầm cái đệm quật mạnh vào hòm đánh thình một cái! Anh móc túi lấy bao diêm đốt vía, rồi khoèo bàn chân, co cái càng lên, đưa tay ra đỡ, thủng thẳng dắt xe đi.

Tiếng pháo chào xuân nối đuôi nhau đùng đùng, toạch toạch...

11-2-1931

An Nam tạp chí, số 18 (3 - 1931). In trong *Kép Tư Bền* (tập truyện ngắn). Nhà xuất bản Tân Dân, 1935

CỤ CHÁNH BÁ MẤT GIÀY

(Truyện ngắn)

Phải hiểu rằng cụ Chánh Bá có thương nhà này thế nào, cụ mới quá bộ đến xơi rượu, chứ như nhà khác, dễ mà mời nổi cụ đấy hẳn? Cụ lại không mắng cho vô số, chứ lại thèm đi à? Ấy thế mà mới chập tối, họ đã để ngay đứa nào nó xà lọn mất đôi giày mới của cụ, có chết không! Ừ thì đông người thì đông chứ, nhà có việc, nhà nào chả có nhiều kẻ ra vào! Nhưng cụ ngồi chơi tận trên nhà trên thảm thẩm, thì còn kẻ gian nào dám lẻn vào đó? Và riêng mình cụ ngồi ở sập giữa, thì còn ngờ ai đi lẫn được giày? Chẳng qua là lỗi tại chủ nhà không biết trông nom cẩn thận người nhà người cửa, trong khi chúng hầu hạ mà thôi! Mà đứa nào lấy đôi giày ấy cũng to gan thực! Hỗn của ai thì hỗn, chứ sao được hỗn ngay của cụ Chánh Bá! Thực là vuốt râu hùm!

May thay cho nhà chủ, là tự nhiên lại biết ngay rằng, cụ mất giày. Chứ đợi đến lúc cụ ra về, hay vô phúc cụ đi giải, mà tìm giày không thấy, thì không biết làm thế nào? Lại cũng may nữa, là cụ chưa biết rằng đôi giày mới của cụ không cánh mà bay đấy. Chứ mà cụ biết, thì chết với cụ! Xưa nay cụ chúa ghét những thói gian giảo. Ngay như đầy tớ cụ, đứa nào mà lảng vảng ra chợ, tắt mất đồ đạc của người ta, người ta có bắt được, và trình cụ, thì cụ cũng không tha. Cụ nhất định giữ lấy đồ ăn cắp, rồi sai đánh cho một trận thật.

Thế cho nên cụ Chánh Bá mất giày, nhà chủ sợ xanh mắt:

– Đôi giày của cụ như thế nào, hở cậu?

– Mới nguyên, kiểu Gia Định, đế cờlếp, mua những ngót ba đồng.

Độ một tháng nay, cụ Chánh Bá bực mình vì đôi giày của cụ nó móm quá. Anh người nhà nói rằng nó mới, kiểu Gia Định, đế cờlếp, là anh đã làm một lối văn "cổ điển" đẹp lời, chứ nếu theo giọng "tả chân" thì phải nói rằng nó xấu và cũng không có chữ để tả nữa!

Đôi giày ấy, chẳng biết cụ mua từ Khải Định mấy niên, đến bây giờ, đóng lại đế là lần thứ bốn, mà nó vẫn hoàn không đế. Mũi thì nứt rạn và vá nhiều nơi. Cái cá đã đóng thêm lượt nữa, nhưng nó vẫn

thủng. Lượt da thì ải và bật dây gần hết. Bọn thợ khâu giày phải trốn như trạch, vì lỡ ra không nhẹ tay mà chọc mạnh cái dùi vào, là nó toạc ra - vì tất nó toạc ra - thì oan gia!

Cho nên chiều hôm ấy, trước khi đi ăn cỗ, cụ đội khăn, mặc áo chỉnh tề, mà cụ ngắm đến đôi giày, thì cụ phát khùng lên. Cụ cầm cái giẻ, nhổ tý nước dãi, lau lại cái mũi cho đỡ mờ, nhưng cụ ngắm, cụ vẫn phải nhăn mặt.

Cụ đi đi lại lại vài lượt, ra ý nghĩ ngợi, rồi gọi anh đầy tớ thân và sai rằng:

– Đội khăn đi hầu tao.

Anh đầy tớ gẩy cái bã điếu, lau qua cái tráp, rồi đứng khoanh tay chờ lệnh. Cụ Bá nhìn vào đôi giày, nghiêm sắc mặt lại gắt:

– Mày làm tao xấu hổ về đôi giày!

Thấy khí giận ngầu ngầu trên mặt chủ, anh này gãi tai, không dám trả lời.

– Tao bực lắm! Làm thế nào bây giờ?

Anh đầy tớ không biết nói tiếng gì hơn là tiếng "dạ" đỡ đòn. Nhưng cụ Bá lại gắt:

– Tao không thể đi đôi giày này được nữa. Kệ chúng bây! Muốn làm thế nào thì làm!

Câu gắt khí lạ, các ngài nhỉ! Giá chúng mình làm nũng vợ, hay bắt nạt em gái, thì dùng câu ấy được đấy. Nhưng bắt đền người nhà thì kém "lô dích" lắm!

Nhưng mà cụ Chánh Bá tôi nói thực đấy! Đôi giày của cụ cũ và xấu, là lỗi tại đầy tớ ngu. Nay cụ bắt phải có đôi khác thay vào, thì không đứa nào được trái ý.

Anh đầy tớ lo lắm. Nếu anh bẩm cụ mua giày mới, thì khổ anh. Vì cụ cứ ừ, nhưng không đưa tiền. Nếu không có giày cho cụ, thì cụ đánh đòn về tội kiệt.

Cụ để anh luống cuống một lúc, rồi cụ mới dịu nét mặt, khoan thai vẫy lại gần, rỉ tai nói nhỏ. Đến câu chửi kết luận, anh ta mới tủm tỉm cười, phục ngầm thầy là mưu cao, và thấy nhẹ nhàng, đỡ lo đôi chút.

Ấy thế rồi hai thầy trò đi.

Đến nơi, nhà chủ đón chào rất trân trọng. Họ mời cụ lên nhà trên, hầu hạ kính cẩn, sợ hãi. Lại còn sợ không quen tính cụ xưa nay ra sao,

nên cứ phải thì thào hỏi dò cậu người nhà từng tý. Và nhờ cậu luôn luôn đứng cạnh cụ, xem thiếu thức gì, thì cứ việc sai bảo tự nhiên.

Cụ ngồi một mình trên sập giữa, và xơi riêng một mâm rượu đầy tú ụ. Nhà chủ không dám ghép ai ngồi hầu, mà cũng chẳng ai dám ngồi hầu. Vì lỡ ra có sơ suất hay thất thố, thì thà cụ cứ mắng chửi ngay cho lại là phúc. Đằng này, cụ cứ im, rồi để bụng. Thế là mất làm ăn.

Lúc chập tối, trong khi có hai thầy trò cụ Chánh Bá ở nhà trên, thì cụ khẽ gật tên đầy tớ, và liếc mắt một cái. Anh này hiểu ý, ra hiên đứng nhìn, rồi đến cạnh cụ, cúi xuống nhặt... Rồi thu thu vào trong bọc. Rồi len lén ra ngoài ao. Rồi giơ thẳng cánh tay, ném xuống nước. Tõm!...

Vì thế cho nên cụ Chánh Bá nhà tôi mất đôi giày mới nguyên.

*

* *

Cụ Chánh Bá mất giày! May mà cụ không biết đấy! Chứ giá cụ mà biết, thì chết nhà chủ! Vì cụ xưa nay chúa ghét những thói gian giảo! To gan thay, đứa nào dám vuốt râu hùm!

Lúc cụ xơi cơm xong, nhà chủ mới lên mời cụ đánh tổ tôm. Cụ vui vẻ cho phép ngồi, và hỏi dăm ba câu chuyện. Nhà chủ ngồi xổm ở cạnh sập. Và trong khi hầu chuyện, anh ta vớ lấy cái điếu để hút. Đấy, chính lúc ngọn đóm lập lòe dưới gậm, anh ta mới nom rõ bốn xung quanh giường, không thấy đôi giày nào cả. Anh ta tái mét mặt, đến nỗi chưa hút được xong hơi thuốc, thì mối lo đã dùn dùn đưa lên đến ngực, đến nỗi anh ta sặc và ho sù sụ! Sợ quá! Nhưng không dám nói ra, anh ta mới lẳng lặng soi khắp nhà. Quái! Không tìm thấy đâu cả.

Nhà chủ xin phép cụ cho bốn người lên hầu bài, rồi đi xuống. Lúc gặp cậu người nhà, anh ta mới hỏi khẽ:

– Đôi giày của cụ, cậu có cất không?

– Không! Sao bác hỏi lố bịch thế?

– Vậy thì mất à? Đôi giày của cụ như thế nào, hở cậu?

– Mới nguyên, kiểu Gia Định, đế cờlếp, mua những ngót ba đồng!

Hỏi xong, nhà chủ sai người đi soi đèn, tìm khắp mọi nơi: sau nhà, bờ giậu, xó bếp, ngoài vườn, chuồng trâu, cũi chó. Nghĩa là

những chỗ có thể ngờ là kẻ gian giấu được, hoặc các nơi mà đàn chó con mọi khi vẫn chơi đùa.

Càng không thấy, nhà chủ càng lo. Cậu người nhà cụ Chánh Bá thỉnh thoảng lại nói một câu dậm dọa:

– Hay là tôi lên trình cụ xem nhé?

– Trình cụ! Coi không cụ biết thì cụ chửi cho ủng mồ! Nhà chủ cứ bắt gia nhân đi tìm mãi, nhưng vẫn chẳng hy vọng gì bèn đánh liều bỏ phí một đồng bạc để treo giải thưởng cho người tìm thấy.

Nhưng có mà trời tìm! Giá có cao đoán rằng cụ đã mật sai người nhà cụ vứt bõm xuống ao rồi, mà mò, thì cũng vô ích. Vì từ nãy đến giờ, thì giờ cũng đủ cho đôi giày rữa ra và tiêu hết rồi, chứ còn gì!

Nhưng mà mất giày cụ Chánh Bá? Việc to! Chết!

Ấy, ở trên nhà, cụ vẫn đương vui vẻ gọi phỗng, và tính nước bài. Chứ nếu ai mà hót với cụ rằng đôi giày mới của cụ, có đứa nào thó mất, thì hẳn cụ quăng bài đó, rồi cụ tra tấn cho ra. Vì xưa nay cụ dữ như con hùm, khét tiếng trong hàng tổng là quyền hành, hách dịch, thét ra lửa!

Cụ thét ra lửa thật hay dối? Ấy là tán rộng thế cho nó hay đấy. Chứ nếu biết rằng mất giày mà cụ thét ra lửa thực, thì cháy tiệt cả nhà, còn gì nữa? Mà Nhà nước thấy cụ có phép lạ, thì đã gửi toách cụ sang Tây từ đời nào, để Viện Hàn lâm khoa học, các ông Bouvier Caullery, Gravier, Joubin, Marchal, Mesnil' khảo cứu. Và như thế thì chắc chắn cụ được đôi giày Tây để đi, chứ cụ có còn ở nhà nữa đâu mà mất đôi giày Gia Định đế cờlếp!

Nhưng nói cho cụ đỡ oan, là từ ngày cụ có chân Sơ học yếu lược tới nay, được đổi ngạch Bá hộ sang Văn giai, thì cụ cũng hiền lành hơn trước một chút. Cho nên giá cụ có biết rằng cụ mất giày, thì cũng mặc kệ, cho nhà chủ tự xử trí.

Tìm mãi không thấy, hai vợ chồng nhà chủ trợn mắt trợn mũi luống cuống, chỉ trỏ bàn nhau. Không biết làm thế nào cho êm chuyện. Rồi thở ngắn than dài, hối mãi vì sự trông nom không cẩn mật để xảy ra sự mất mát đáng tiếc ấy.

Rồi đến hai giờ sáng, xong ba hội tổ tôm, mọi người mời cụ Chánh Bá nghỉ, kẻo mệt. Nhà chủ sai đốt đuốc để tiễn cụ lại nhà.

Khi chỉ còn một mình cụ ở lại, cụ mới quàng cái khăn vào cánh tay, rồi lấy đóm soi đôi giày dưới đất. Đôi giày của cụ thật mới, bóng

nhoáng, kiểu Gia Định, và đế cờlếp, được để cẩn thận bên gậm sập. Cụ hiểu ý, liếc mắt nhìn nhà chủ. Nhưng cụ lại thấy nhà chủ cũng nhìn trộm cụ, thì cụ lại phải soi đóm xuống lần nữa, và làm như ngạc nhiên, không hiểu, nên nói:

– Ờ! Không phải...

Nhà chủ, trống ngực đập thình thình, vội vàng đáp để đánh trống lấp:

– Dạ! Bẩm phải đấy ạ!

Thế rồi cụ làm như vô tâm, và hay tin người, cụ vươn vai, ngáp, rồi cót két đôi giày mới, đi về, lấy làm vừa lòng lắm...

20-4-1933

In trong tập *Hai thằng khốn nạn, Phổ thông bán nguyệt san* số 5 (16-2-1937). Tân Dân xuất bản

KÉP TƯ BỀN

(Truyện ngắn)

Các ngài thích xem hát bội, hẳn chẳng ai là không biết tên kép Tư Bền. Ấy anh ta chỉ nổi tiếng về cái tài bông lơn, lắm lúc ra sân khấu, chẳng cần nói một câu khôi hài nào, nhưng chỉ nhìn một cái điệu bộ cỏn con của anh ta, các khán quan cũng đủ phải ôm bụng mà cười, vỗ tay đôm đốp.

Anh ở Sài Gòn ra hát ở Hà Nội đã ba năm nay. Vì anh có tài riêng, mà tính lại thích tự do, nên chẳng chịu làm chuyên cho một rạp nào. Nhưng hễ rạp nào khéo dùng anh một độ, là cũng đông khách. Cho nên, tối nào bà con Hà Thành đọc chương trình hay xem báo, thấy kép Tư Bền đóng vai giễu, là cũng nô nức đi xem. Lắm người đến chậm, phải mang tiền về không và phàn nàn rằng rạp chật quá!

Cho nên những tối hát có anh giúp, thì các hý viện đều trưng lên là buổi hát đặc biệt.

Nhưng đã hơn một tháng nay, anh ta không diễn ở đâu cả. Vì đã hơn một tháng nay, cha anh ta ốm. Đã hơn một tháng nay, lúc nào trong cái gác tối om ở gian nhà ngay đầu ngõ Sầm Công, cái tiếng rền rĩ của ông cụ hòa lẫn tiếng rầu rĩ của siêu thuốc mà làm anh Tư Bền phải rầu gan nát ruột, chẳng thiết đến sự làm ăn. Bệnh cha anh càng ngày càng nặng, thuốc thang chữa chạy, nào anh có quản ngại gì. Nhưng cái số tiền để dành của một vai kép, dần dần nó cũng đi bài tẩu mã, đến nỗi anh phải đi vay trước của các ông chủ rạp hát ít nhiều.

Một hôm, ông chủ rạp *Kịch trường* đến nhà anh ta chơi. Sau một vài câu hỏi thăm chiếu lệ, ông ta nghiêm nét mặt, nhắc đến món nợ:

– Sao? Cái số tiền đó, cậu đã có để trả tôi chưa?

– Thưa ngài, xin ngài hãy thư cho ít bữa, khi nào thư thả, tôi sẽ đi làm và nộp sau.

Ông chủ bĩu môi, nói:

– Thôi, biết bao lần rồi! Cậu không trả, tôi sẽ đem ra tòa đó.

Anh Tư Bền cười lạt cho xong chuyện, nhưng lại thấy ông chủ ngọt ngào dỗ:

– Bấy lâu cậu nghỉ hát ở các rạp, khách nhắc nhở luôn đấy. Vậy cậu liệu liệu mà đi làm ăn chứ?

– Vâng, tôi vẫn định thế...

– Tôi mới nhờ một nhà văn sĩ đại danh soạn cho tôi một vở hài kịch theo lối tuồng cổ. Vậy cậu ra giúp tôi vai chính. Vì phi cậu, không còn ai xứng đáng.

– Diễn vở mới thì phải học, thưa ngài?

– Phải, phải học và tập diễn trong độ nửa tháng.

– Trong nửa tháng! Chà!

Anh Tư Bền nhắc lại ba tiếng đó, như trong óc anh lẩn vẩn nghĩ ngợi biết bao nhiêu điều! Trong nửa tháng, trong mười lăm hôm trời, mỗi ngày anh phải xa cách cha anh mấy tiếng đồng hồ để đi học diễn. Cha anh ốm. Trong khi anh vắng nhà, ai trông nom săn sóc thay anh? Nghĩ vậy anh đáp phắt:

– Thôi, xin lỗi ông, tôi bận quá mà!

Rồi anh trỏ vào màn và nói tiếp:

– Cha tôi yếu, tôi phải ở nhà.

Lúc ấy, ở trên giường bệnh, ông cụ ho sù sụ, rồi thò tay ra cái ghế đẩu kê ở cạnh, để với lấy cái ống nhổ. Nhưng lật bật cầm không vững, cụ đánh rơi ngay xuống sàn gác, đờm dãi nổi lên bềnh bềnh.

Anh Tư Bền giật mình, chạy lại đỡ cha:

– Sao ông không gọi con?

Rồi anh lấy chổi quét chỗ nước lênh láng đi, đoạn nét mặt rầu rầu, anh nói:

– Đó, ông coi, vắng tôi sao đặng?

– Không, cậu cứ nhận lời giúp tôi, tôi sẽ sai người đến trông nom hộ cậu.

– Đa tạ ông, nhưng tôi không yên tâm.

Lúc ấy, trong màn có tiếng leng keng của chiếc đũa đập vào bát sứ. Đó là hiệu gọi. Anh Tư Bền lật đật chạy lại gần cha. Giọng khàn khàn của ông cụ sai anh rót chén nước.

Nhân muốn gợi cảm anh, ông chủ rạp *Kịch trường* lại gần giường, mở màn, rồi hỏi:

– Chào cụ, cụ có biết tôi là ai không?

Ông già giương hai mắt lên. Rồi như đã nhận biết, bèn nhăn bộ răng ra cười, cái cười khó đăm đăm, và gật gật mấy cái, rồi run lẩy bẩy, giơ tay ra bắt.

Các ngài đừng tưởng rằng ông cụ quen chào lối Tây, nên mới bắt tay đâu. Đến phải nhăn bộ răng ra cười còn là sự bất đắc dĩ nữa là. Nay sở dĩ ông cụ phải bắt tay, là vì phải tiếp khách theo lối lịch sự của những người mà con mình có nhờ vả.

– Cụ cũng không yếu lắm nhỉ. Sao mà cậu Tư Bền không nhận lời cho tôi?

Ông cụ hất hàm, có ý hỏi.

– Tôi sắp cho tập vở hát mới, định nhờ cậu ấy sắm vai chính.

Ông cụ lại nhăn răng ra cười và gật. Nhưng anh Tư Bền nói ngay với cha:

– Ông mệt lắm, con phải ở nhà.

Ông cụ cau mặt. Chỉ có anh Tư Bền hiểu. Bởi vì ông cụ chẳng muốn vì mình mà con làm trái lòng người chủ nợ. Ông chủ dỗ dành, nói:

– Cậu cứ cố giúp tôi đi. Cậu mà nhận lời, thì món tiền ấy cậu để đến bao giờ cũng được. Còn tiền hỏa hồng khi diễn tấn "*Ông huyện ba phải*" này, cậu cứ lấy cả để thuốc thang cho ông cụ.

Cái sức làm cho anh kép Tư Bền có thể nghĩ đến sự bỏ cha ốm một mình là ở câu nói ấy. Mà cha anh cũng vì câu nói ấy mà nở nang cả lồng xương ngực. Ông cụ cố thở mạnh mấy cái cho khoan khoái trong lòng.

– Cậu nghĩ sao?

– Nhưng nửa tháng trời! Ai trông nom cho cha tôi?

– À, thôi thế này thì cậu bằng lòng nhé. Cậu cứ ở nhà mà học vở. Đến hôm diễn thử lần cuối, cậu hãy đến rạp cũng được. Vì tôi biết cậu thông minh và có tài hơn người khác. Tội chi, có dịp trổ tài, vả lại để cho thiên hạ nhớ mong lâu cũng không tiện.

Nghe câu nói sau cùng như được ăn bánh thánh, anh Tư Bền có vẻ nghĩ ngợi. Anh nhìn cha. Ông cụ thấy con còn ngần ngừ, thì lộ ra vẻ không bằng lòng. Cụ nhăn mặt, cố cất lên cái tiếng khàn khàn để gắt:

– Nhận lời đi!

Nói xong, lại ho sù sụ.

Anh Tư Bền cảm động, nhìn ông chủ rạp *Kịch trường* và trả lời:

– Vâng!

Ông chủ vì chờ cái tiếng vâng này mất nhiều công quá, nên sợ nó không được chắc chắn. Đến hôm diễn, mà cha anh Tư Bền có làm sao, anh cứ vắng mặt ở rạp hát, thì lỡ bét. Ông bắt anh làm giấy giao kèo.

*

* *

Bà con sính xem hát, hôm đó thấy ô tô quảng cáo chạy rông khắp phố để thả chương trình và vải căng ở các ngã tư, đều nô nức rủ nhau đi xem buổi diễn đặc biệt, có Tư Bền sắm vai chính.

Tối đến, cửa rạp *Kịch trường* đèn thắp sáng trưng như ban ngày, chiếu rõ cái cảnh người đứng lố nhố như luống hoa trăm hồng ngàn tía, bướm ong chờn vờn. Trên thềm, dưới bậc, giữa đường, non nghìn thiếu niên nam nữ túm tụm lại, tìm chỗ để đứng ngắm nhau cho đỡ nóng ruột lúc chờ đợi. Tiếng nhạc hòa trong rạp, du dương trầm bổng, chứa chan biết bao tình tứ ái ân, như câu, như kéo, làm cho người ta cuốn hẳn, mà bất giác moi túi lấy tiền mua vé.

Rồi cái làn sóng người dần dà tràn vào trong. Trên các hàng ghế, chỗ nọ nhắc lại câu bông lơn của kép Tư Bền, chỗ kia bắt chước điệu bộ của kép Tư Bền. Ai nấy đều nóng ruột sốt lòng, mong cho chóng đến giờ mở màn sân khấu, để được cười, được vỗ tay, được học thêm vài lối pha trò mới, để mai làm nhếch mép người yêu.

Vinh dự thay, anh kép Tư Bền! Nhưng mà khốn nạn thân anh! Người ta biết đâu rằng hiện giờ này, ở nhà, cha anh đương giở chứng khò khè, chỉ chờ từng phút để thở một hơi nữa là hết nợ, và ở trong buồng trò, anh cũng đương nẫu ruột nhầu gan.

Thật vậy, ai ngó vào trong buồng trò mới thấy được cái khổ tâm của anh Tư Bền. Anh ngồi ủ rũ trước cái gương, bụng thì rối beng, mặt thì nhăn nhó, nhưng tay vẫn phải sờ vào hộp phấn hồng để đánh mặt, quệt vào đĩa mực để bôi nhọ cái mồm. Rồi anh lại phải mặc trái cái áo lụng thụng thêu, lận đôi hia xanh và đội cái mũ cánh chuồn ngược. Anh đóng vai này, trông ra phết giàu sang sung sướng. Chốc nữa, anh còn phải làm cho chủ anh bằng lòng, các khán quan được một phen cười vỡ bụng, vỗ rát tay kia mà!

Nhưng mà cha anh Tư Bền sắp chết! Ban nãy, lúc anh ở nhà ra đi, đã thấy nguy lắm rồi. Thôi! Nhưng mà mặc kệ. Anh phải quên đi, mà bông, mà đùa, mà pha trò trên sân khấu, cho chúng tôi cười, hét lên mà cười, cười đến nỗi phải lăn cả ra đất chứ.

*

* *

Một hồi chuông vừa dứt. Màn kéo lên. Một tràng vỗ tay đôm đốp như pháo nổ để hoan nghênh ông chúa khôi hài. Anh Tư Bền lững thững bước ra, cúi đầu chào, rồi đứng thần người ra như phỗng đá một lúc. Tiếng reo, tiếng hò, tiếng vỗ tay lại làm dữ tợn hơn trước! Mà khán quan thấy anh ăn mặc ngộ nghĩnh, cái mồm bôi nhọ nhem, thì ai mà nhịn cười được! Càng thấy anh đứng yên, họ càng được ngắm, và càng cho là anh muốn pha trò như thế, nên càng cười già!

Ác thật! Vai anh Tư Bền đóng hôm ấy cứ luôn luôn phải ở sân khấu. Nhất là anh phải làm nhiều điệu bộ hơn mọi khi. Lắm lúc còn phải rặn ra mà cười ha hả!

Hết cảnh đầu. Sao mà lâu thế! Anh được nghỉ một chốc, mới nhờ người về thăm xem tình hình cha anh ra làm sao. Rồi anh lại phải ra trò. Anh lại phải hò, phải hét, phải dằn từng tiếng, phải ngân từng câu, phải làm những bộ điệu, phải cười ha hả như cảnh thứ nhất. Người xem hát thì cứ trông thấy anh là họ cũng đủ cười rồi. Nào họ có để ý và nhìn rõ đâu được cái vẻ lo âu của anh, nó hiện ra ở trước mặt. Bỗng khi anh đương phệnh phạo trên sân khấu, khi người ta đương vỗ tay đôm đốp, thì anh nghe thấy có người ở trong phòng nói ra:

– Nguy hơn ban nãy. Đã cấm khẩu rồi!

Cha anh cấm khẩu rồi! Đành vậy. Nhưng chính là bây giờ mới nhiều cái vui trò. Khán giả dưới kia, hàng mấy nghìn con mắt, đương chăm chắm vào anh và im phăng phắc. Họ chỉ chờ anh há miệng là họ được lăn ra cười và vỗ tay mà thôi.

Cảnh thứ hai cũng lâu như cảnh đầu, mãi mới hết. Lúc anh đương ngồi thừ trong buồng trò, thì anh lại nhận được một tin báo nữa, là hiện nay cha anh đã mê đặc, chân tay lạnh cả rồi.

Còn gì đau đớn hơn cái tin ấy nữa! Anh Tư Bền bỗng ứa hai hàng nước mắt, rồi khóc nức khóc nở:

– Cha ơi!

Ông chủ thấy vậy, sợ quá. Anh mà bỏ dở vở kịch đương vui thì nguy. Ông cố khuyên giải, và cấm không ai được báo tin gì cho anh biết hết.

, Sân khấu bài trí đã gần xong. Ông chủ bắt anh đánh lại tí phấn cho thêm xuân sắc, và sửa lại bộ áo mũ cho có vẻ ngộ nghĩnh hơn. Ông thấy anh vừa thất giải áo, vừa sụt sịt mếu máo, thì bắt anh im đi, chùi nước mắt. Rồi ông đẩy anh ra sân khấu. Anh lại phải hò, hét, ngâm, cười, múa, nhảy để mua gượng lấy những tràng vỗ tay.

Cái cảnh thương tâm của anh Tư Bền, đi đôi với cái cảnh bông lơn, cứ diễn ra mãi, mỗi chốc lại càng thương tâm hơn lên. Mà càng thấy vắng bặt tin nhà, ruột anh càng nhàu như dưa, xót như muối! Cái cảnh cuối cùng mà anh cho là lâu tới, thì khán giả cho là chóng quá. Cho nên khi sắp hạ màn, anh cúi chào, thì cả rạp vỗ tay đôm đốp thật dài, dài mãi. Anh tưởng phen này quyết hết nợ, quyết được về cạnh giường bệnh của cha để nhìn thấy mặt cha một lượt sau cùng trước khi tắt nghỉ, thì ở hàng ghế hạng nhất, người ta kêu ầm lên:

– Bis! Bis! [1]

Ông chủ rạp lại cho kéo màn lên. Anh Tư Bền lại phải giấu bộ mặt rầu rầu mà anh thích - vì nó hợp với tâm lý anh hơn - để vui vẻ mà diễn lại đoạn cuối một lượt nữa.

Rồi khi bài kèn chào nổi lên, hồi vỗ tay sau cùng như làm vỡ rạp. Cái màn từ từ buông xuống. Anh cúi đầu thong thả chào. Nhưng bao nhiêu người, chẳng để chậm thì giờ, đã tranh nhau chạy lên gần anh. Người thì tặng hoa. Người thì bắt tay. Người thì véo mũi. Người thì khen. Làm cho anh ruột càng như thiêu như đốt.

Khi không còn phải thở dài để hoan nghênh những cái hoan nghênh của công chúng, anh Tư Bền mới lật đật chạy vào buồng trò, cởi vội mũ, và rửa quàng mặt mũi.

Lúc ấy, trong khi anh đương rối beng nghĩ đến cha, không biết bây giờ đã lạnh đến đâu, thì một người bạn hát chạy đến, vội vã ấn vào tay anh tập giấy bạc của ông chủ để sẵn cho anh, và nói:

– Mau mà về! Anh Tư! Hỏng từ ban nãy mất rồi! Khốn nạn thân anh quá!

27-7-1933

Nhật Tân số 2 (9-8-1993). In trong *Kép Tư Bền*
(tập truyện ngắn), Tân dân xuất bản, 1935

---

1. Diễn lại! Diễn lại!

BÁO HIẾU: TRẢ NGHĨA CHA

(Truyện ngắn)

Mưa phùn. Gió bấc. Rét buốt đến tận xương.

Nhưng mưa, gió, rét, có hề chi đến bữa tiệc giỗ ông cụ đẻ ra ông chủ hiệu xe cao su kiêm chủ hãng ô tô "Con cọp"? Bởi vì trong buồng khách, cửa đóng kín mít, hơi lửa lò sưởi xông lên nóng rực. Mà khách đến chơi, ông nào cũng gói mình vào đến trăm thứ áo, lại xù xù ở cổ một chiếc chăn con!

Khách đến dự tiệc, toàn là hạng ông nọ ông kia, danh giá, mà ông chủ nói là chỗ thân. Cho nên cố mời cho kỳ được. Vì chính ông cũng là hạng tai mắt trong phố phường. Ông là nhà tư bản vậy!

Vả lại, không nhân ngày giỗ bố, mà làm bữa tiệc cho thực linh đình, mời mọc cho thực đông khách, để tỏ rằng mình tuy nhờ trời làm ăn đã được khá, nhưng chẳng phải hạng uống nước quên nguồn - bởi đạo làm con là phải báo hiếu cho cha mẹ, để khỏi phụ công sinh thành dưỡng dục - thì thế gian họ cũng cười cho. Nghề thế, phú quý sinh lễ nghĩa.

Mà phú quý sinh lễ nghĩa thực. Chẳng tin cứ nhân cách cử chỉ của hai ông bà chủ nhà ra đón tiếp khách thì đủ rõ. Hai ông bà cùng béo tốt, đẹp đẽ. Nhất là ông, cái bụng phưỡn ra, nấp trong bộ quần áo xếp nếp cứng thẳng như cái hộp. Tóc bóng mượt, nhẫn như cái gáo lĩnh úp trên đầu, không chịu kém vẻ đẹp với bộ ria sửa khéo như vẽ. Miệng lúc nào cũng chực tóe ra một chuỗi cười. Vì ngày hôm nay, bổn phận ông là phải hay cười. Mà đã cười thì cười cực to, ôm bụng mà cười, cười cả từ câu nói buồn cười đến câu nói không buồn cười. Nghĩa là ông hết sức khoe cái cười lấy lòng, cái cười thiệp đời của nhà tư bản. Phải, người ta đã chẳng quản mưa, gió, rét mướt, mà quá bộ đến nhà để chiếu cố thì mình phải lấy làm hân hạnh, vui vẻ mới được. Cho nên ai đến, ông cũng chắp tay vái chào cung kính, rồi mời mọc ân cần, quí quí, hóa hóa, ăn nói rõ ra một nhà nền nếp, gia giáo.

Trong buồng ăn, tiệc đã dọn trên bàn, cái bàn chữ nhật, giải trên một tấm khăn trắng nuột. Cốc to, cốc nhỏ, chai lớn, chai con, bát sứ, đĩa tây, bày la liệt, nhưng có thứ tự, lóng lánh dưới ngọn đèn trăm nến.

Chuông sáu giờ vừa dứt. Khách đến đã đủ. Một tiếng ông chủ mời, thì một trăm bốn tư chiếc chân, vừa chân người vừa chân ghế, lê sền sệt trên nền gạch Tây bóng lộn. Hai mươi bốn chiếc cốc đầy rượu đã đụng nhau, chủ khách bắt đầu cầm đũa.

– Xin ngài cho phép chúng tôi vào vô phép bà chủ.

Câu nói vừa dứt, thì đã thấy bà chủ ở trong buồng đi ra, chắp tay, tươi như cái hoa:

-- Các quan đã có lòng yêu chúng tôi, mà đến chiếu cố bữa cơm thường nhà chúng tôi, chúng tôi xin đa tạ. Xin rước các quan xơi rượu.

– Chúng tôi chẳng dám tin là bữa cơm thường! Kỵ cụ cố ông mà ông bà làm to thế này, thì chúng tôi tự xét mình lấy làm xấu hổ vì bất hiếu. Thôi nhờ bà nói giúp cho chúng tôi xin vô phép cụ cố bà.

– Thưa các quan, cảm ơn các quan, cụ bà chúng tôi ở trong nhà quê ạ. Nhiều lần chúng tôi mời ra ở đây, nhưng không chịu đi. Cho nên chúng tôi vẫn lấy làm ân hận lắm.

Cái lễ phép tắc trách đã làm xong, chủ khách ăn uống rất êm đềm vui vẻ. Êm đềm vui vẻ thực! Sung sướng thay! Củi lò sưởi nổ đôm đốp, át cả tiếng giọt mưa phùn. Chuyện nói to làm lấp cả tiếng gió bấc thổi. Hơi rượu nồng nàn, ai nghĩ đến rét buốt thấu tận xương.

*

* *

Mưa phùn. Gió bấc. Rét buốt thấu tận xương.

Ngoài đường phố, ở quãng trước cửa nhà có bữa tiệc này, có một người đàn bà, lưng khoác áo tơi lá, đầu đội chiếc nón nghệ, dáng điệu bỡ ngỡ. Bà dòm hết nhà nọ đến nhà kia, mà lại dòm một cách ngốc dại. Nghĩa là không nghĩ đến rằng lỡ người ta đuổi, hay mắng, cho là định rình ăn cắp, người ta bắt lên Cẩm thì sao? Dòm chán rồi lại hỏi thăm. Mà hỏi chỉ độc nói trống không. Khi chẳng ai hoài hơi mà trả lời, thì bà ta cũng không biết phàn nàn hoặc sửa lại câu hỏi cho nhã nhặn thêm chút ít. Ấy thế rồi chịu đứng giữa đường, như yên trí rằng ở đây cũng như ở nhà quê, không có xe pháo qua lại. Bà lại nhìn quanh quẩn từng nhà một...

Hàng mười lăm phút, bà ta loanh quanh, đi lại đến năm sáu lượt. Rồi nhận thấy một cái nhà có cái mái chĩa ra, bà bèn đứng lại để tụ

mưa. Bà bỏ nón, cởi áo, ngồi tè he ở thềm cửa. Người đàn bà ấy trạc ngoài sáu mươi tuổi, trông rõ quê mùa, đần ngốc. Mặt mũi đen đủi, dăn deo, xấu như con khỉ. Hai mắt thì toét nhoèn những nhử. Cái hàm trên thì chìa ra như mái hiên. Hai tay thì lóng cóng, gí cái nút buộc ở dải yếm vào tận mắt, lúng túng cởi mãi mới lấy được một miếng trầu, bỏ vào mồm, nhai phóm phém. Trông lại càng xấu. Cái áo vải nâu dày cồm cộp, cái quần một ống - nói nôm ra, là cái váy - lùng thùng như cái bồ, chỗ thì ướt, chỗ thì khô. Có lẽ là bộ cánh quý nhất, nên ra tỉnh, mới dám mặc đến, nay bị ướt thì tiếc, nên cố vắt mãi cho khỏi đẫm nước mưa. Rồi lại cởi cái khăn vuông ra, để hở cái đầu bạc trọc tếch mà gãi, nhăn mặt lại mà gãi. Rồi lấy ngay cái khăn đội đầu ấy mà lau chỗ gấu váy có dính đất. Gớm, sao mà người đâu lại có người không biết thế nào là bẩn cả!

Rét đã run lên chẳng được, lại còn cứ lẩm bẩm nói một mình. Không biết nói những gì? Tính công tính việc hay là than thở, hay là vui thú cái chi chi? Nhưng thế thực rõ là cái lối người từ thuở bé chưa hề được thấy cái gì là hể hả.

Đương ngồi thì bỗng đằng sau lưng có tiếng cửa mở. Người đàn bà nhà quê quay lại, thì thấy trong nhà đèn điện sáng trưng, lố nhố bao nhiêu người, hình như ăn uống. Chỉ trông thoáng có thế thì thấy cửa lại khép lại, và có người đi ra.

– Alê! Chạy! Chốc nữa hãy đến. Người ta vừa mới ăn!

Nói xong người ấy đi.

Bà lão nhìn theo, không hiểu họ bảo ai. Nhưng chừng cũng đoán rằng người ấy là bồi việc cái nhà này đây. Cho nên, một lát sau, trông thấy người ấy về, bà lão đứng ngay dậy, toan hỏi. Nhưng chưa nói được gì, đã bị mắng ngay câu nữa:

– Alê! Không đi đi thì ông ấy ra bây giờ!

– Đây có phải là ông chủ không?

– Ông chủ nào? Không biết! Alê! Đi!

Thế rồi cửa lại hé ra, rồi áp lại. Người ấy vào trong mất.

Bà lão cố liều, rón rén bước lên bậc thềm cao, dòm qua cửa kính. Vì đèn sáng, nên trông rõ lắm. Rồi không biết nghĩ sao, bà lấy tay sờ mãi vào cửa để mở. Nhưng không biết làm cách nào, bèn lay thình thình, như không sợ hãi gì cả.

Một người đứng hầu chạy ra mở cửa! Có lẽ là người ban nãy, nên thấy bà lão thì đẩy ra, và nói:

– Đi! Chốc nữa...! Dạ!

Cánh cửa lại đóng đánh thình. Bà lão nhìn theo, thì thấy người hầu ấy khoanh tay đứng nói gì với một người đương ngồi ăn. Mà chính vì đã trông thấy người ngồi ăn ấy, nên bà lão mới dám bạo dạn như thế. Người ngồi ăn ấy tức là ông chủ nhà, chủ hiệu xe cao su kiêm chủ hãng ô tô "Con cọp".

Ông chủ đứng phắt dậy, phưỡn bụng đi ra mở cửa. Bà lão mừng rỡ, híp mắt, nhăn nhó cái mặt để cười và nói to tướng:

– Thành ra tôi ngồi ngay ở cửa nhà mà không biết!

Ông chủ nhà cau mặt, ra ý không bằng lòng, tặc lưỡi một cái.

Rồi cánh cửa lại đóng ập lại.

Bà lão không hiểu ra sao. Hay là mình trông lầm chăng. Ấy thế mà còn ngốc quá, bà cố cạy và đẩy mãi cửa. Nhưng may, không sao đẩy được. Nhìn theo vào, bà thấy cái nhà ông ấy đi tuột vào trong, mà khi ra ngồi vào bàn tiệc, thì lại cười nói như trước.

Độ mươi lăm phút sau, có người đập tay vào lưng. Bà lão quay lại, thì người ấy nói:

– Tôi đưa bà cụ đi vào cổng đằng này, ông tôi bảo thế.

– Không đi được lối này à?

– Ông tôi đương có khách.

Bà lão bước xuống thềm, đi theo. Vòng hai phố thì đến một cái cổng hơi rộng. Cổng mở, bà bước vào, đi qua một cái sân, thì đến cái nhà con, trong có chiếc ô tô bóng nhoáng. Người ấy bảo:

– Bà cụ ngồi tạm đây.

Bà lão nhìn bốn bên. Đèn tuy sáng, nhưng cũng không hiểu mình ngồi tạm nhà ai. Mà nói rằng ngồi, chứ có cái gì để ngồi đâu. Vả muỗi và hôi thối quá. Nên chỉ mong cho chóng có người đưa về, để lễ và để nằm nghỉ. Vì đi xe ngót một giờ đồng hồ cũng mệt. Bà lão nóng ruột quá.

Nhưng may sao, một lát thấy có người đi đến. Bà lão nhờ nhắn ông chủ xuống cho mình hỏi.

Độ mươi phút, quả nhiên có tiếng gót giày lộp cộp nện trên sân gạch. Bà lão cố nhìn xem ai. Mừng quá.

Thật đích là ông chủ.

Ông chủ đứng trước mặt bà lão, nét mặt hầm hầm, trợn mắt, khoanh tay vào ngực mà gắt:

– Một suýt nữa thì làm tôi ê cả mặt! Ai bảo bà ra làm gì?

Bà lão chưa kịp trả lời cái câu hỏi không ngờ, thì đã bị mắng luôn mấy câu nữa:

– Tôi đã cấm bà không được ra đến đây kia mà. Đã một lần trước rồi, mà không chừa! Bà không biết để sĩ diện cho tôi! Đây này, bà cầm lấy! Bà về đi! Mặc kệ bà! Bà phải về ngay bây giờ! Mới có hơn bảy giờ, còn sớm!

Nói xong, ông ta ấn vào tay bà lão một cái tròn tròn, rồi quay gót trở lên, và gọi rầm rĩ:

– Thằng bếp đâu rồi! Mày đưa bà ấy ra! Mà mày phải bảo chúng nó rằng tao cấm, không đứa nào được kéo bà ấy cả! Cho mà đi bộ để bận sau mà chừa.

Bà ấy là ai? Bà ấy là một người đàn bà góa. Đã ngoại ba mươi năm nay, có một đêm, bà ấy trót dại chiều chồng, mà tình cờ đẻ ra được một đứa con trai. Sinh được ít lâu, trời bắt tội bà ấy góa bụa. Nhà nghèo, làm ăn vất vả, kiếm chẳng ăn đủ, nhưng bà ấy chẳng nhẫn tâm bỏ đứa bé thơ ngây trả nhà chồng để bước đi bước nữa mà vui thú với cái tuổi xuân đương hơ hớ. Qua mấy năm khó nhọc, khi sài, khi đẹn, suýt chết mấy lần, thì đứa bé đến tuổi đi học. Rồi vì nghèo khổ quá, nó phải ra tỉnh kiếm ăn theo anh em. Nhờ được cái nó nhanh nhẩu, láu lỉnh, liều lĩnh, mà chẳng biết nó làm ăn ra sao, nó có được ít vốn, rồi lấy được ở đâu một con vợ giàu. Từ đó, thằng ấy một ngày một khá, buôn bán phát tài. Nay giàu đến hàng mươi vạn. Thằng con ấy tức là ông chủ hiệu xe cao su kiêm chủ hãng ô tô "Con cọp" vậy.

Bà lão lẩy bẩy, theo người bếp lôi ra cửa ban nãy. Đến đường, còn đương ngơ ngơ ngác ngác, chưa rõ nên đi lối nào, thì không biết tâm trí để đâu, bà ta lập cập, vấp một cái, ngã xoài ngay ra rãnh cống. Quần áo mặt mũi lấm bê bết. Cái tròn tròn vẫn nắm trong tay bắn quăng đi. Bà lão cố sờ soạng. Khi tìm thấy, bèn gí vào mắt để xem, thì cái tròn tròn ấy là đồng hào ván...

Mưa để khóc, gió để rên. Rét để cắt đứt ruột mẹ người con mà họ đương khen là hiếu tử.

28-3-1933

MẤT CÁI VÍ

(Truyện ngắn)

Ông Tham nhà ta hôm nay mất cái ví trong đựng bốn mươi đồng bạc. Ngài làm dữ quá! Dữ đến nỗi giá không có ông cụ cậu ruột ngài, là người có thế lực, can thiệp vào mà phát gắt lên, thì việc này quyết ra đến tận xăngtan chứ chẳng chơi! Thằng xe, thằng bếp, con vú, sợ xanh mắt, suýt phải trận đòn sống cũng thành tật. Mà khốn nạn, ở trong bếp, đứa nọ đổ cho đứa kia, đứa thì xin đi thề, đứa thì quyết đi trình mật thám. Đứa nào cũng không muốn để chủ ngờ oan mình.

Ông Tham, bà Tham thấy chúng nó quả quyết, cũng không biết xử trí ra sao. Nhưng vẫn không sao bỏ được lòng ngờ.

– Rồi tao không để yên cho chúng bay!

– Vâng, nếu việc này không ra, thì chúng con tức lắm.

– Chúng bay làm gì mà to mồm thế, nói khẽ cho cụ ngủ. Hôm qua cụ thức khuya.

Cụ đây, tức là ông cụ cậu ruột ông Tham, ngủ ngay ở cái giường kê cạnh đấy. Thằng xe muốn đổ riệt cho con vú, bèn nói:

– Thật chúng con từ sáng đến giờ chưa đứa nào bước chân ra khỏi cửa. Mà một mất mười ngờ, chúng con lấy làm bực lắm. Xin ông bà cho phép chúng con khám lẫn nhau. Chắc của vẫn còn ở trong nhà, thì còn tìm thấy được.

Bà Tham nói:

– Ừ, rồi đến lúc ra trước cửa quan mới hối. Chúng bay sấp mặt thật!

– Ấy, mợ khẽ để ông ngủ, đêm qua ông lủng củng mãi, mới chợp mắt đấy.

Nhưng họ làm điếc cả tai. Ông cụ có ngủ được đấy!

Ông cụ vẫn để ý đến những lời nói của vợ chồng ông Tham, nhất là ông Tham, thì lấy làm giận lắm.

"Mình chẳng ra gì cũng là cậu ruột nó, em mẹ nó, mà sao nó không biết nể mặt. Chẳng biết nó có dám ngờ mình hay không, mà sao nó nói lắm câu nghe trái tai quá".

Rồi ông cụ nghĩ lại cái địa đồ nhà ông cháu để tự xét đoán việc mất bạc này thế nào.

"Ngoài nhà ngoài có cái giường mình nằm, thông với buồng trong của vợ chồng nó. Nhưng hôm qua, nó ngủ ở ngoài này với mình. Thế rồi đến cửa ra sân, chính tay mình đóng và gài then. Mà trước khi đi ngủ, nhà Tham nó còn soi các then cửa cẩn thận. Thế thì chỉ có thể nghi con vú em ăn cắp được, vì thằng bếp, thằng xe ngủ cả dưới nhà dưới, cạnh bếp. Vậy chỉ truy con vú này là ra ngay".

Đương nghĩ thế, bỗng cụ nghe thấy ông Tham nói:

– Tao thì tao không ngờ cho con vú em đâu. Nếu nó có tính tắt mắt, thì tao mất nhiều lần rồi. Mọi khi tao ngủ, để bừa bãi cả tiền nong ra bàn, nhưng sáng dậy, vẫn còn nguyên, một trinh vẫn không suy suyển. Hai chúng bay liệu hồn!

Ông cụ vừa nghi cho vú em, nghe thấy ông Tham nói thế, nên càng phân vân:

"Ừ hay là nó ngờ cho mình thật, mà không dám nói ra? Trên nhà trên chỉ có vợ chồng nó, con vú em và con nó. Ngoài ra khách lạ, chỉ có mình mà thôi. Nhưng chẳng có lẽ. Hay là nó ngờ thằng bếp, thằng xe, sáng sớm dậy, có đứa nào lên nhà trên, rồi thấy cái ví ấy để chỗ nào, mà lấy chăng?"

– Bẩm lạy ông bà, hai anh em con ngủ dưới nhà, mà trên nhà trên thì khóa cửa. Sáng ngày, chúng con mới dậy. Cửa trên này chưa mở, con đã thấy ông bà kêu mất tiền. Lúc ấy, ông mới gọi chúng con lên. Xin ông bà xét cho chúng con chỗ ấy. Hay ông đi chơi tối hôm qua, mà đánh rơi đâu chăng?

– Tao nhớ rằng khi tao đi nằm, tao còn mở ví ra để đếm lại giấy bạc, rồi tao gối ở đầu giường, chỗ này. Tao nằm bên cạnh cụ. Vì thức khuya nói chuyện nên tao mệt, tao ngủ say lúc nào không biết. Tao chắc lúc tao đếm tiền, có đứa nào trông thấy.

Ông cụ nghe cháu nói câu ấy, thì thở dài, cựa mình một cái.

– Lạy ông bà, chúng con có biết cái ví tiền của ông mặt ngang mũi dọc thế nào, thì chúng con cứ chết một đời cha ba đời con!

"À, nếu nó đổ riệt cho thằng bếp, thằng xe, sao nó không đánh, không tra, không trình báo gì cả? Quyết là nó nói xa nói xôi cho mình hiểu đây. Hay là nó nghi mình đồng tình với lũ kia, vì thấy mình lạ nhà

không ngủ được, phải xì xục suốt đêm, hết hút thuốc lại uống nước, rồi mở cửa ra sau đi tiểu. Nếu thế thì thực nó chó đểu quá."

Nghĩ thế, ông cụ thấy khó chịu, lại quay mình nằm lại. Cụ muốn ngồi hẳn dậy mà bộc bạch tâm sự, rồi "đông đủ cả nhà, mình thể độc mấy câu cho nó đỡ nghi. Nhưng chắc đâu? Lỡ mình đoán lầm thì oan vợ chồng nó."

– Lạy ông bà xét lại, chỉ có người trên nhà, chứ thực chúng con không biết đấy là đâu.

Ông Tham quát:

– Chúng bay bảo tao ngờ cho ai? Ngờ cho bà à?

Ông cụ nằm yên, hơi tức đầy đến ngực, không chịu được, lại trở mình lượt nữa.

"Thôi đích lắm rồi. Chỉ là nó không dám nói đến nơi mà thôi".

– Lạy ông bà, chúng con đâu dám nghĩ thế.

– Thế thì chúng bay bảo tao ngờ cho cụ à? À, quân này láo thật!

– Chết, sao cậu ăn nói càn làm vậy!

Câu bà Tham vừa nói dứt, thì tự nhiên như có cái gì nó giật nhổm ông cụ ngồi dậy. Cụ hỏi dồn:

– Cái gì? Cái gì? Thế nào? Thế nào?

Ông Tham dịu ngay nét mặt lại, nói:

– Không ạ.

Rồi ông bảo bọn người nhà:

– Cho chúng mày xuống nhà.

Mục đích ông cụ là muốn giải tỏ khúc lòng, rồi mắng thằng cháu vô phúc mấy câu cho hả dạ. Chứ nó ăn nói cục súc, vô ý thế, mà mình cứ giả điếc, thì nó cho là mình không biết gì. Nhưng thấy vợ chồng ông Tham muốn dập chuyện đi, thì cơn tức lại đè lên đến cổ. Nên cụ cố gặng hỏi:

– Không. Tôi xem trong nhà như mất cái gì kia mà?

Bà Tham nói:

– Không ạ. Cháu mất đồng xu, nhưng đã tìm thấy rồi ạ.

– Không phải. To hơn kia.

– Thế thì ông chiêm bao đấy ạ.

– Rõ ràng tôi vừa tỉnh dậy, thấy anh Tham gắt gì to lắm kia mà.

Ông Tham nói:

– Không ạ. Đó là cháu mắng chúng nó từ nay thấy tiền nong, không cứ của ai, cũng không được tơ hào.

Ông cụ càng ngờ là cháu nói cạnh; bèn hỏi:

– Anh mắng ai?

– Những đứa kia đấy ạ.

– Những đứa kia là đứa nào? Anh đừng láo!

Bà Tham thấy ông cụ gắt gỏng to tiếng, bèn can chồng:

– Tôi đã bảo cậu mà!

– Thì tôi đã muốn im đi, sao mợ còn cứ xui tra xui tấn!

– Lạy ông, chúng cháu có dám nói gì đâu!

– Tôi không lầm, cậu mợ dạy quá lời, tôi đã hiểu cả rồi.

– Cháu lạy ông, vợ chồng cháu có thất thố điều gì, xin ông bỏ qua đi, ông đừng để bụng. Thôi, không nói đến chuyện ấy nữa. Hôm nay phiên chợ Đồng Xuân, mời ông lên chơi chợ.

Ông cụ càng muốn làm lớn, thì cứ bị cháu dập đi, cho nên càng không chịu được.

"Bây giờ nó bảo mình đi chợ Đồng Xuân, thì rõ ràng nó nói cạnh mình là kẻ cắp! À, quân này thâm thật. Mới dính tý Hà Nội, đã học lối ăn nói ba que!"

– Anh nghi cho ai lấy tiền của anh?

– Kìa! Tiền nong gì, thưa ông?

– Tôi nằm đây, tôi thức, tôi nghe hết từ đầu đến cuối. Anh nghi cho ai, anh cứ nói.

– Kìa, cậu nói đầu đuôi ông nghe, kẻo chả mấy khi ông ra chơi, ông thấy thế này, ông lại giận.

– Bẩm ông nguyên thế này: Cháu có bốn mươi đồng bạc để vào trong cái ví. Mọi khi bao giờ trước khi đi ngủ, cháu cũng bỏ ví vào tủ có khóa. Vì hôm qua đi xem hát với ông về khuya, nên cháu không muốn vào buồng lấy thìa khóa tủ, cháu cứ để ví trong túi. Nhưng sau, thấy nằm cứ cộm lên, cháu mới lấy ví ra, kiểm lại số tiền, rồi để gối đầu giường. Lúc ấy ông cũng biết.

– Phải, sao nữa?

– Rồi sáng hôm nay, cháu thấy mất.

– Phải, sao nữa?

– Bẩm có thế thôi.

– Thế anh nghi cho ai?

– Cháu nghi cho thằng bếp, thằng xe.

– Sao anh không nghi cho con vú.

– Tại nó thực thà, xưa nay cháu biết nó.

– Anh nghĩ thế là vô lý lắm. Tôi hiểu rồi, chính anh nghi cho tôi!

Bà Tham vội nói:

– Chết! Lạy ông, con cháu nào dám thế! Sao ông nghĩ vẩn vơ làm vậy?

– Thôi, tôi xin bà đừng nói khéo. Tôi biết ông ấy từ thuở để cái chỏm chóe bằng ngần này, nên tôi hiểu cả giọng nói. Này, tôi bảo cho anh biết, tôi tuy nghèo thật, nhưng tôi lấy của anh để tôi phải tội lòi mắt ra à?

– Khổ quá! Cháu không biết nói thế nào bây giờ được. Tự ông đổ cho ông đấy.

– Không phải tôi đổ cho tôi. Vì những câu anh nói cạnh nói khóe từ nãy đến giờ, nên chẳng phải bảo đến nơi tôi cũng hiểu ý cả. Đây, tôi cũng dằn lòng cho anh khám.

– Chết! Sao ông lại làm thế?

– Nhưng tức lắm!

Nói đoạn, ông cụ chạy đến mắc áo, giật cái áo trắng dài và cái áo the xuống, rồi rũ rõ kỹ. Rồi cởi tuột cái áo cộc ra, lộn các túi. Xong rồi, lại tháo cả thắt lưng, đưa cho ông Tham xem. Giá có tiện, có lẽ cụ cũng tụt phăng cả cái quần ra nốt, cho cháu tin rằng tất cả trong mình, không giấu giếm cái ví vào chỗ nào cả. Nhưng cụ cũng cứ lấy hai tay, nắn bóp khắp hai đùi thật kỹ, từ trên đến dưới.

Ông Tham thấy cậu làm đùng đùng sôi nổi, biết là cậu giận lắm, nên cứ ngồi yên như phỗng. Bà Tham thì lạy van hoài. Nhưng vẫn không ăn thua gì. Tự khám mình xong, ông cụ phân bua:

– Đấy nhé, anh chị đã tin chưa? Tôi không ngờ đâu bây giờ anh chị lại khinh người làm vậy. Cậu cũng như mẹ, mà anh nghi cho tôi ăn cắp, anh nghĩ đã phải chưa? Từ ngày anh đi làm, đã hơn hai năm nay, bất quá tôi đến chơi lần này là lần thứ bốn! Tôi thấy anh ở xa thì nhớ, nên đến thăm, chứ nào tôi có xin xỏ, bòn đãi cái gì? Chẳng qua anh mất mấy bữa cơm và suất tàu là cùng.

Nói xong, cụ súc miệng, và rửa quàng cái mặt, rồi đội khăn, mặc áo. Ông Tham thấy vậy hỏi:

– Thưa ông, cháu có lòng nào như thế! Ông đừng tưởng vậy mà oan cháu. Bây giờ ông đi đâu?

– Tôi đi về. Ông bà xử với tôi thế này thì tôi còn mặt mũi nào mà ở nữa!

– Khổ lắm! Vợ chồng cháu có điều gì không phải, thì ông là người trên, ông cứ mắng chửi, sao ông lại để tâm làm vậy?

– Thôi, tôi xin quan ông quan bà đừng nói khéo. Đồ đểu! Tao thề rằng từ nay tao không họ hàng gì với vợ chồng nhà mày nữa!

Nói đoạn, ông cụ hầm hầm, cắp ô đi.

Vợ chồng ông Tham nhất định nằn nèo cho ông cụ ở lại. Nhưng ông cụ nói dỗi:

– Thôi, kẻ cắp chả dám ở chung với người! Để tôi lên chợ Đồng Xuân tôi ở.

Nói xong, cút thẳng.

Vợ chồng ông Tham rầu rầu nét mặt, trở vào, im lặng nhìn nhau mà thở dài. Một lát, bà Tham ra dáng ân hận, gắt với chồng:

– Chỉ tại cậu lơ đễnh, đánh mất ví tiền, nên mới sinh ra lắm cái rắc rối.

Ông Tham ung dung, tủm tỉm cười, đáp:

– Thì đã làm sao?

– Thế sao cậu lại ngờ cho ông làm vậy?

– Tôi vờ thế, chứ ví đây này, có mất đếch đâu!

Vừa nói, ông móc trong túi quần, quẳng cái ví đánh bẹt xuống mặt phản.

Bà Tham trố mắt nhìn chồng:

– Rõ khéo khỉ, thế có phải là ông giận không.

– Mợ không hiểu. Tôi chỉ cốt làm thế để bận sau ông đừng ra chơi nữa. Tốn kém lắm!...

21-7-1933

Nhật Tân số 3 (16-8-1933). In trong *Kép Tư Bền* (tập truyện ngắn), Tân Dân xuất bản, 1935

ĐÀN BÀ LÀ GIỐNG YẾU

(Truyện ngắn)

Sau năm năm chuyên môn khảo cứu các thớ thịt đàn ông, cái Bống đã biết đặt cái sắc đẹp của mình vào những công cuộc khai mỏ.

Quả tim nó chẳng phải là cái bắp thịt đỏ hỏn, thoi thóp, cảm động nữa. Quả tim nó đã biến thành một gian buồng nhỏ, bọc sắt, có ống thu lôi, trong đó chứa chất biết bao nhiêu hy vọng của những anh chàng dại dột, nhìn đời qua cửa sổ nhà trường, tay cắp sách, miệng lẩm nhẩm, nhắc lại câu: *Đàn bà là giống yếu.*

Một hôm, trong rạp hát, giữa chốn tối tăm, nó đã mỉm cười, đem quả tim quý hóa đó, nũng nịu đặt vào lòng một quan phủ góa vợ, mà bước một bước lên chức bà lớn nghênh ngang.

Hình như trời đã đặt một cái khuôn riêng để đúc nặn các người làm bà lớn. Nên chẳng mấy chốc, bà phủ đã được đúng kiểu mẫu. Chỉ riêng bộ mặt cũng đã long trọng. Người ta tưởng chiếc bánh dầy đám cưới, ở giữa đặt một quả chuối ngự, và ngay đầu quả chuối, nằm dài hai múi cà chua. Rồi khi hai múi cà chua tách ra để theo nhịp với cặp mắt híp, đưa quan ông vào chốn nát bàn, thì ai cũng phải thấy một cái hố sâu thăm thẳm, sâu như bụng dạ một người đàn bà.

Song, quan ông lại có cái hình thể khác hẳn. Vì ở người ngài cái gì cũng cong, từ cái sống mũi đến cái lương tâm, từ cái lưng đến cách xử kiện. Tuổi đã già mà ái tình còn trẻ. Ngài mua được người ngọc ở chốn thành thị về để hầu hạ sớm khuya, thì thỏa chí lắm. Ngài quyết từ nay không chê bai những món lễ nhỏ quá, để làm sao có đủ tiền cho người yêu tiêu xài vung phí.

Thường những buổi chiều tà, khi bức màn đen lóng lánh kim cương rủ xuống để che kín vũ trụ, trong vườn hoa, trước tư thất, quan ông quan bà nhỏ to trò chuyện như một cặp tình nhân.

– Thế nào? Mai là rằm rồi, bà đã sửa soạn ra đền chưa?

– Đã đem đầu vào làm tôi con thánh, thì tôi quên làm sao được. À, ông này, thằng Hai Chinh, tôi tống cổ nó đi rồi. Ai lại cung văn

mà toét mắt, bẩn như ma. Lắm khi nửa giá chầu, chán quá, tôi phải thăng ngay lập tức.

– Đuổi nó đi, đến mai, lấy ai hát cho bà?

– Đã hơn nửa tháng nay, vợ Lý trưởng sở tại đã cho gọi nhà phó BÁI thay rồi. Thế mới gọi là cung văn chứ. Đàn ngọt, hát hay, lại nhanh nhẩu, sáng sủa. Thằng này khỏe mạnh, vạm vỡ, ăn nói có duyên, chứ chẳng hom hem như thằng chết giẫm trước đâu.

– Dễ thường tôi hom hem thế này cũng là tuổng chết giẫm nhỉ!

– Chết nỗi! Ví mình với thằng cung văn! Sao ông dại dột thế? Thật từ ngày hầu hạ ông, tôi như người đi xa về được tới nhà. Chẳng phải lầu son, gác tía, tôi mới được mãn nguyện. Đời tôi chỉ mong có hai điều: Một quả tim và một túp lều tranh.

– Còn thiếu một cuộn giấy bạc nữa là ba mới đủ!

Quan ông vừa nói tiếp, vừa lả lơi cười, rồi ôm chầm lấy quan bà: Một con nhái bén bám vào một quả dưa chuột!

– Bà đừng giận nhé. Thế bà có yêu tôi không?

– Gớm nữa! Lẩn thẩn lắm! Đàn ông chỉ hay bịa ra những câu hỏi để đàn bà chúng tôi phải bịa ra những câu trả lời! Có! Rồi sao nữa?

Quan ông đứng dậy, cầm tay quan bà, vào nhà, đóng cửa lại, qua bậc cửa buồng, gài then kỹ lưỡng. Rồi, dưới bộ ria mép như một cái mũ nồi úp chụp lấy cái miệng chúm chím, quan để nở ra một nụ cười... móm.

– Rồi thì... Bà còn đợi gì nữa.

Quan bà ỏng ẹo, đưa cặp mắt lườm yêu chồng, thỏ thẻ:

– Nhưng mà thế thì rét lắm.

Năm phút sau, dưới ánh đèn treo trong phòng, hiện nguyên hình bộ phận một người như hồi sơ sinh của các bà mụ nặn.

Cứ thế, những cảnh nồng nàn yêu dấu của hai linh hồn sắp nguội, mỗi buổi chiều lại diễn ra, đến nỗi mấy con thạch sùng cũng phải đánh ghen mà tặc lưỡi.

Cứ thế, ngày giờ trôi đi, quan phủ say tít, không còn nghĩ lại quãng đời dĩ vãng vấy bùn của vợ nữa.

Thời gian cùng một tay vẽ những vết nhăn trên trán người đời, lại đem khăn lau xóa hết những sự xấu xa ô uế trên mặt họ, để cho

ai, tới lúc chết, cũng được anh em đọc điếu văn kể công trạng và đức tính lúc còn sống.

Đến một hôm giông tố.

Mưa đổ. Gió gào. Trời lạnh buốt. Quan lớn đi bắt xóc đĩa, mãi khuya bì bõm mới về tới dinh. Bước chân vào hiên nhà tư, quan sung sướng nghĩ tới cái giường đệm bông, cái lồng ấp thịt, thì lại quên hết nỗi khó nhọc xông pha. Mưa vẫn đổ. Gió vẫn gào. Cơn giông mỗi lúc một dữ.

Bỗng một luồng gió đánh bật cánh cửa, tung ra ngoài một cái bóng đen, xô cái bóng nhanh tít ra phía vườn, bắn nó lẫn vào quãng tối tăm mờ mịt.

Hồn vía chưa đến nỗi lên mây, nên quan lớn còn có can đảm chạy ngay vào trong nhà.

Buồng bà lớn còn hé mở, có ánh sáng chiếu ra. Quan vội vã đẩy cửa vào, thì, chao ôi! Cơn gió bên ngoài không ngờ mạnh đến thế. Nó chui khe cửa, làm tung cả chăn đệm trên giường, làm xổ cả tóc bà lớn, làm tốc cả áo quần bà lớn, để lại trên tấm thân ngà ngọc có một chiếc áo sơ mi.

Bên ngoài, mưa vẫn đổ. Gió vẫn gào.

Dầu người đần độn đến đâu cũng đoán được tấn kịch vừa xảy ra trong buồng ấm cúng này, nữa là quan lớn "đèn trời soi xét".

Quan chẳng còn nghĩ nỗi quần áo ướt, khuỳnh hai tay vào háng, trừng mắt nhìn vợ.

Khác hẳn những kẻ có tội, bà điềm nhiên, lên giường, quấn chăn nằm ngủ.

Quan không sao ghìm được cơn thịnh nộ, áp lại gần, chỉ ngón tay dăn deo, rít lên:

– À, ra con này giỏi thực. Mày không coi ông ra gì. Vắng mặt ông một tý, mày đã rước trai vào...

Bà đưa mắt nhìn ông một cách ngạo ngược, ngắt lời:

– Tiếc thay, ông biết chậm quá rồi, ông ạ. Bây giờ ông mới bắt được thì ông ngu quá. Đã hơn nửa tháng rồi kia mà!

– Mày trêu gan ông! Ông thì cho mày vào tù!

Bà ngồi nhổm dậy, nhìn chính giữa mặt ông, cười rũ rượi:

– Úi chà! Dễ nhỉ! Xin quan lớn đừng lôi đình. Khỉ lắm!

– Ông thì bắt cả nhà mày cho mà xem. Nuôi ăn cho béo để giở quẻ.

– Ông nuôi tôi béo? Thế tôi có trả công ông không? Bên mua, bên bán, ông có quyền gì mà hạch? Ông nên biết, cái quyền tự do của tôi, ông đã cướp mất...

– Quyền tự do của mày? To nhỉ! Ông có nhốt mày không cho mày ra ngoài đâu mà mày bảo mất tự do?

– Phải, ông chẳng đóng cửa cấm tôi đi lại, song cái thân tôi, ông đã nhét nó vào trong bốn bức tường trát bằng giấy bạc trộn với cơm, ông có biết không?

– Ai bảo mày đâm đầu vào?

– Thế ra ông không cám ơn tôi đã cho ông biết những khoái lạc mãn kiếp ông cũng không biết à? Tôi đã mở đường mở lối cho ông đi, ông không biết còn toan giở mặt. Đồ vô ơn!

– Con bé này thực không coi ai ra gì nữa!

– Tôi đã bảo ông rằng, tôi cho ông lợi dụng tôi để chóng được thăng, ông không hiểu, thế thì tôi cũng phải lợi dụng ông. Ở đời này, ai không thừa cơ lợi dụng là khờ.

– Gớm thật! Mày dạy ông luân lý thế phải không?

– Tôi còn dạy ông hơn nữa. Ông đừng có lôi thôi vào tôi. Này, ngay bây giờ, tôi chạy ra trại cơ, trại lệ, ngoài phố, gõ cửa nhà từng đứa mà bảo: "Dậy mà xem, bà phủ ngủ với trai ngay bên cạnh mũi quan phủ".

– Ông cấm mày nói!

– Cấm thế nào được? Tôi chỉ bán cho ông cái phiến thịt của tôi, chứ có bán đâu cái tự do?

Câu nói bướng bỉnh làm tắc cơn thịnh nộ của quan ông. Cái búi tóc bí mật sau gáy, giá biết cử động, chắc cũng phải xổ ra mà ngỏng lên trời, làm thành một cái dấu ngạc nhiên.

Bà lớn được thể nói tiếp:

– Cái sung sướng của tôi chỉ là cái vỏ, cũng như chiếc áo lụa màu này, ai biết đâu gói chặt một tấm thân nát bét. Chữ "tử tế" của ông nêu lên cho mọi người, giá viết nó là "bất bí", mà đọc là "bóp nặn" thì đúng hơn. Tôi cứ nói. Rồi tôi đi khắp chỗ quen thuộc, bạn bè với

ông, báo với họ rằng: Mười mấy lần, bà phủ ngủ với trai, ngay trong buồng quan phủ.

Câu sau cùng, bà thong thả dằn từng tiếng, nghe chừng đã có công hiệu. Ông thì như bị từng ấy nhát búa nện vào chỗ yếu, vội vã sấn lại, lấy tay bịt miệng bà:

– Có khẽ chứ không?

– Việc gì phải nói khẽ! Người ta chỉ nói khẽ những điều nói dối, những câu ân ái thôi. Chứ những lời nói thực, phũ phàng, thì việc gì phải nói khẽ.

– Nhưng bọn người nhà nó biết thì sao?

– Thì nó sẽ bảo ông là thằng mù, thằng ngốc.

– Nỡ nào bà để chúng nó chửi tôi?

– Tại ai? Ai giở mặt trước?

Quan ông dấu dịu:

– Trong lúc nóng nảy, nghĩ càn, bà chấp làm gì!

- Ông đã biết lỗi rồi chứ?

– Vâng, thì biết lỗi.

– Chưa xong. Ông phải chuộc lỗi mới được. Lấp mồm tôi, ông phải kiếm lấy cái nút.

– Bằng gì nào? Bằng giấy "đỉnh" nhé?

– Không thèm!

– Bằng kim cương nhé?

– Tôi thừa rồi.

– Bằng ngọc thạch nhé?

– Tôi chẳng thiếu!

– Thế biết bằng gì bây giờ?

– Ông không đoán ra à? Ông không nhớ chủ nhật trước, đi chơi Hà Nội, tôi trỏ cho ông cái ô tô "Fo" mà chê "Vợ chồng lão phủ xoàng lắm" đấy à? Ấy, nút mồm đấy.

– Chết chửa? Bà điên rồi sao? Mong những cái ấy, đào đâu ra?

– Đào trong ruột những thằng dân của ông, chứ còn đâu nữa! Ông quên rằng ô tô của bọn các ông chẳng phải chạy bằng ét xăng, mà chạy bằng mồ hôi nước mắt của dân đen à? Ông ngu lắm, hèn lắm!

– Chả hèn lại thua!

Nói xong, ông toan ôm lấy bà, nhưng lại bị hất ra:

– Gớm chết! Ướt như chuột thế này. Ông có ừ không đã?

– Thì ừ chứ sao?

– Được rồi. Nhưng hôm nay tôi hãy phạt ông đã. Ông để tôi một mình đêm nay. Thằng ranh ban nãy làm mình mệt lử ra... Chứ như ông ấy...

Nói xong, bà cầm tay quan ông dắt ra ngoài, đóng sập cửa lại.

Bà còn văng vẳng nghe quan ông hỏi câu sau cùng:

– Gượm đã. Ban nãy bà bảo mười mấy lần?

– Mười bảy lần.

Bà trả lời liều vậy. Chứ bà còn đương tưởng tượng đến cái xe hòm nó nhe bộ răng kền sáng nhoáng ở đằng mũi, để cười, cười ông sẽ đưa bà đến chỗ phú quý vinh hoa hơn...

2 - 1934

THẰNG ĂN CẮP

(Truyện ngắn)

Phải đòn trận này thì nó cạch đến già! Nhưng đáng kiếp lắm! Ai thương? Ai bảo mới nứt mắt ra đã đi ăn cắp?

Người ta kháo nhau:

– Quân ấy tinh quái lắm! Ấy, nó cứ giả vờ đói khát để ăn xin, trát bùn vào mặt, vào người, lử thử lừ thừ, làm như thằng ốm, nhưng hễ rình nhà nào vô ý, là thừa cơ thó ngay, rồi lẩn mất, nhanh như cái cắt!

Người ta gớm mặt nó! Người ta sợ nó! Hễ nó lảng vảng đến, người ta ngờ, người ta canh, người ta giữ, coi nó như một con chó đói.

Một hôm, nó vơ vẩn giữa đám hàng bán rong.

Thấy nó, bà hàng rau đứng dậy, quẩy gánh lên vai, đi chỗ khác. Bà hàng thịt sờ lại ruột tượng. Bà hàng bún riêu nắn lại túi tiền. Bà hàng lê bấm cô hàng bánh đúc. Chị bán bánh rán sốt đưa mắt cho bác bán khoai.

Họ thì thào:

– Thằng ăn cắp.

Trông nó đáng sợ thật. Hai mắt trắng dã, lấm la lấm lét. Tóc thì bồng lên như tổ quạ. Da đen thui thủi. Mặt rạn như men lọ cổ.

Hai tay thọc vào túi áo tây tàng, xơ xác như tổ đỉa, nó đứng nhích ra chỗ bóng nắng, dún dẩy cho ấm.

Nó nhìn gánh bún riêu. Nó nhìn mẹt bánh đúc. Nó nhìn rổ khoai lang. Cơ chừng nó thèm. Nó thèm vì nó đói.

Thấy nó ám, các bà chẳng dám đuổi, nhưng bụng mong nó cút ngay đi.

Nó đứng một lúc. Rồi quá. Nó chìa bàn tay ra xin, xin bằng những câu văn sách thuộc lòng, chớ không cố lấy giọng nằn nì khốn nạn:

– Cắn cỏ lạy bà, con đói khát, bà làm phúc thí bỏ cho con đồng cơm bát cháo.

Thấy nó giở giọng, các bà giữ riết ruột tượng, túi tiền, thức hàng.

– Để bận sau, đi mà xin chỗ khác.

Nó nhăn bộ răng trắng như bầu ra, cười láu cá.

Gớm chết!

Nó cười gì? Ai biết được! Hay là nó chế các bà lần này quá khinh nó? Vì nó tham cơ hội mà xin đó thôi.

Nó làm bộ, lắc túi cho các bà nghe thấy tiếng xu kêu loẻng xoẻng! Ranh con thực! Nó lại đứng yên. Nó ngắm. Hai mắt chòng chòng vào cái nồi bún riêu khói bốc lên ngùn ngụt, vào cái nồi bánh đúc ngon lành, vào cái rổ khoai tròn trĩnh như "Ông Ỷ". Nó chảy nước dãi. Nó thèm. Vì nó đói thực.

Suốt từ sáng nó chỉ được có sáu đồng chinh, và một bát cơm nguội. Bát cơm ấy, chưa đủ sức bù vào chỗ nhịn chiều hôm qua. Nhưng thôi, làm quái gì cái vặt! Ăn không ra bữa đã quen từ thuở bé. Nó chỉ thấy đói. Chứ không thấy cồn cào. Nó ngồi sán vào cô bán bánh đúc. Nó chìa tay ra xin một miếng. Cô hàng ôm khư khư lấy mẹt vào lòng, xua lấy xua để:

– Chưa bán mở hàng đấy! Khỉ ạ!

Nó lại lê dịch sang kề nồi bún riêu:

– Lạy bà, con ăn mày bà một bát.

– Ba mươi sáu cái nõn nường! Mỗi bát mấy đồng xu của người ta đấy! Thôi đi! Dơ!

Nó lại mó vào củ khoai lang, tủm tỉm cười.

Bà ấy vội hất tay nó ra và mắng:

– Bà thì tát cho một cái bây giờ, đừng láo!

Bà hàng lê chắc chẳng đời thuở nào nó dám động đến hàng mình, là thứ xa xỉ phẩm, đùa nó rằng:

– Một hào một quả, bỏ tiền đây, tao bán cho.

Nó cười, lắc đầu.

Bà ấy ném vào lòng nó một mảnh vỏ quít. Nó đỡ được, bỏ vào mồm nhai gau gáu.

Rồi nghĩ thế nào, nó đứng dậy. Tay nó đếm xu trong túi, nói với bà hàng bún riêu:

– Bà bán cho cháu một bát.

– Mày có tiền không?

Nó gật đầu, mạnh bạo. Rồi đắc chí, nó lắc túi. Bà ấy múc cho nó một bát đầy. Nó ăn. Phù phù! Nóng! Xuỵt xoạt! Cay! Ngon quá!

Ai cũng yên bụng. Không ai để ý đến nó nữa. Họ nghênh xe đạp. Họ nhìn ô tô. Họ pha trò. Họ cười ha hả.

Nó vẫn ăn. Ngon quá!

*

* *

Năm phút...

Mười phút...

Bỗng chốc:

– Ối ông đội sếp ơi! Thằng ăn cắp! Ai đuổi hộ tôi!

Bọn bán hàng nhốn nháo. Chạy tứ tung. Quang gánh vướng. Người ngã. Hàng đổ. Bát vỡ.

– Bắt lấy nó!

Thằng ấy cắm đầu cắm cổ chạy, nhanh như mũi tên.

– Giời ơi! Nó kia kìa! Ai đuổi hộ tôi!

Một người qua đường đuổi theo nó. Hai người qua đường đuổi theo nó. Rồi ba bốn người, sáu bảy người...

– Bắt lấy thằng ăn cắp!

Rồi hàng chục người. Rồi không đếm được bao nhiêu người nữa. Họ chạy huỳnh huỵch. Họ làm như bắt giặc!

Ai cũng kéo cả ra đường để nhìn theo.

Một thằng chạy. Mấy trăm người đuổi. Bụi mù!

Bà ấy chạy sau rốt. Áo lấm. Khăn xổ. Tóc rũ. Ngửa mặt lên mà kêu:

– Ối ông đội sếp ơi!

Mọi người hỏi nhau:

– Ai mất gì?

Người bảo:

– Nó cắt đứt ruột tượng của người kia.

Người bảo:

– Nó lần túi người ta! Chà thằng oe con gớm thật!

Rồi lại thêm mấy chục người nữa đuổi theo thằng ăn cắp.

– Thằng ăn cắp! Bắt lấy nó! Ối ông đội sếp ơi! Nó ăn cắp của tôi!

Kìa, ông đội sếp đến thực. Bỏ mẹ!

Ông ấy cắm cổ, gò lưng, bấm chuông liên thanh, đạp xe đuổi theo.

Nó vẫn chạy như khoàng cả hai chân lên vai. Chạy hăng quá!

Nhưng người đuổi chạy nhanh hơn.

Bà ấy thì lạch bạch như con vịt, kêu không ra tiếng, mỗi lúc một xa nó, xa nó đến sáu bảy mươi thước.

– Khổ thân tôi, giời đất ơi!

Đến ngã tư.

May quá. Một ông chẳng hiểu đầu đuôi ra sao, nghe tiếng kêu, đâm bổ ở trong nhà ra, tóm ngay được cổ nó. Nó cúi xuống, mồ hôi trơn, ông ấy suýt nắm trượt. Nhưng liền vớ ngay được cánh tay nó.

Nó giằng ra. Ông ấy khỏe như vâm, quật ngay nó xuống đánh oách, ngã sấp xuống đường đá, xây xát cả người, máu me bê bết. Ông ấy vồ được nó.

– Nó ăn cắp gì?

– Nó giật khăn.

Ức! Một cái đá vào mạng mỡ:

– Chạy nữa đi!

Hự! Một quả tống vào ngực.

Nó méo mặt, không thở được! Đành chịu nằm yên.

Người ta chạy tới dần.

– Nắm chặt lấy nó!

Nhưng chẳng nắm, nó cũng chẳng chạy được.

Huych! Huych! Bốp!

– Này chừa này! Ăn cắp này!

Ai cũng phải giã cho cẩn thận, để bõ lúc chạy mửa mật bắt nó!

Nó lạy. Nó van. Nhưng ai tha? Dại gì mà tha thằng ăn cắp?

Họ càng ghét, túm lại đánh nhau như mưa.

– Cho đáng kiếp! Nó giật đôi khuyên vàng của người ta!

Họ lại đánh túi bụi không tiếc tay.

– Mười ba mười bốn tuổi đầu, đã dám lần lưng lấy của người ta năm đồng bạc, rồi lại đánh người ta!

Họ lại tức dữ. Lại cho thêm một trận.

Nó đau quá. Nằm sóng soài, không nói được nữa. Hai mắt lừ đừ, khốn nạn như con chó bị trói giật bốn cẳng ra đằng sau lưng.

Họ khám túi nó.

Tang vật nó tẩu đi đâu rồi?

– Mày để đồ ăn cắp ở đâu?

– Nó có đảng!

Nó mở mắt ra nhìn. Họ lại uych. Họ lại thụi. Họ lại tát. Họ lại đá. Không tiếc tay. Rồi lại hô:

– Đánh chết nó đi!

Nó cũng gần chết thực.

Những mũi giày, những ngọn gân bò, những quả đấm, những nhát gậy, làm nó đau ê ẩm cả mình. Phen này có sống cũng thành tật!

Nó cựa. Nó nhăn. Nó ôm bụng.

Đám đông càng ùn lên. Xe pháo tắc tị không đi được. Ông đội sếp lôi tay nó dậy:

– A lê! Lên Cẩm!

Nó mềm như sợi bún, không dậy được.

– Nó giả vờ đấy!

Lại mấy cái móng giò. Lại mấy cái tát. Để đợi người khổ chủ còn đương ỳ ạch chạy theo ở đằng xa.

Bà ấy mệt quá. Không lê được một bước. Không kêu được một tiếng. Cơ chừng tiếc của. Cơ chừng hết sức. Cơ chừng hết hơi. Không biết mất cái khăn, đôi khuyên, hay năm đồng bạc? Không biết bị nó đánh có đau không? Chờ bà ấy đến sẽ rõ.

– Ông... bà... giữ... lấy... nó... cho... tôi!

– Có thả nó cũng không chạy được, mau lên!

Bà ấy vẫn chạy. Bà ấy vẫn kêu. Bà ấy vẫn thở. Thảm quá!

Vòng người đứng giãn ra. Bà ấy đến. Hổn hển thở chẳng được.

– Phải nó đây rồi.

Bà ấy vồ lấy nó, va lấy vả để.

Bà ấy đánh cứ tương mạnh. Nó cũng không biết đau. Nó mê lên rồi.

Bà ấy kiệt sức, ôm chầm lấy nó, rồi ngã sóng soài ngay cạnh.

– Giả tao đây! Giả... tao... đây...!

Nó không thở được. Nó nhăn.

– Nó lấy gì của bà?

– Các ông đưa... nó lên... Cầm... hộ... tôi!

– Bà mất gì?

Bà ấy cố trả lời, nói rời rạc như người sắp tắt thở:

– Nó ăn của tôi... hai xu... bún riêu... rồi... nó quịt... nó chạy.

17-9-1930

In trong *Kép Tư Bền* (tập truyện ngắn), Tân Dân xuất bản, 1935

THANH! DẠ!

(Truyện ngắn)

– Thanh!

– Dạ!

Trong nhà hôm nay tấp nập như mở hội. Me cho phép cả sáu cô ra Đồ Sơn. Ngay từ bảy giờ sáng, sáu chị em đã gọi nhau choàng cả dậy. Các cô kệ cho đôi mắt đỏ gay nó bốc hỏa, các cô tranh nhau rửa mặt, rồi thi nhau trang điểm. Mùi phấn, mùi nước hoa thơm phức cả nhà. Mỗi cô chọn một màu áo, rồi ngắm hết cho mình, lại ngắm cho nhau.

Chung quy chỉ chết một mình con Thanh. Đã bận, lại thêm tíu tít. Mới gánh được một gánh nước, cô Diễm đã gọi giật:

– Thanh!

– Dạ!

– Hãy để thùng vào trong nhà, đem giấy này lại đằng cô Vân mượn cho tao quyển tiểu thuyết đã.

Nó nhặt bức thư ở bàn. Thế là tất tả chạy. Loáng một cái, nó đã mang quyển sách bìa nát nhàu về.

Vừa lúc đó, cô Tuyết sấn lại nó, và quát:

– Thanh! Mày làm ăn thế nào mà chả có giọt nước nào rửa chân thế? Muốn sống đi gánh về mau không!

Con Thanh chẳng nói chẳng rằng, lại đặt đòn gánh lên vai. Rồi đến cổng, nó quay lại, thấy vắng người, bèn lẩm bẩm một mình để minh oan:

– Khốn nhưng còn phải mổ gà để nấu cháo.

Đến cửa, chưa ra thoát, nó đã thấy hai chiếc xe hòm vừa đỗ. Một "đội" người nhảy xuống, toàn quần áo tây, đầu trần. Tiếng gót giày quèn quẹt, đồng thời, tiếng cười nói vang vang.

– Ồ kìa, các anh đã đến sớm thế?

Một người giơ cổ tay, trỏ chiếc đồng hồ chữ nhật:

– Y hẹn. Đúng tám giờ. Không sai một phút.

– Thế thì chúng em xin lỗi các anh nhé. Chín giờ bắt đầu đi cũng được. Xe nhà, sợ gì. Đừng chê chúng em là rùa nhé!

Rồi tiếng cười khanh khách để nhận rằng câu pha trò ấy đậm đà.

– Thanh!

– Dạ!

Con Thanh, lạy Trời Phật, mới đi được đến vệ hè. Nghe gọi, nó quay lại, không thấy ai, lại toan đi cho xong.

– Thanh!

– Dạ!

Nó dừng bước. Cô Nguyệt ra tận hè, chỉ tay vào mặt nó, cong cớn mắng:

– Con ranh đi đâu đấy?

– Con đi gánh nước.

– Sáng sớm chẳng gánh, hễ có khách là sấp lẩn phải không?

Nó đặt gánh, nói:

– Bà sai con gánh nước, nhưng đã có lúc nào đi được đâu.

Cô Nguyệt trừng mắt, để im cho nó cãi, rồi vênh váo hỏi:

– Nhưng bà đang gọi rầm mày ở dưới bếp ấy, mày có biết không?

Bà gọi rầm! Đến cả ông bà ông vải nó ở dưới âm phủ dễ lúc nào cũng phải cố lắng tai để nghe bà gọi và nhắc nó. Vì ông bà ông vải nó muốn được yên giấc ngàn năm.

Nó tặc lưỡi, quẩy thùng không và về.

Khách khứa nhốn nháo khắp nhà. Con Thanh len lén đi, cúi gằm mặt, tránh hết người này lại tránh người nọ. Nó không dám nhìn ai, cũng không dám nghe ai.

– Thanh!

– Dạ!

– Mày đi đâu?

– Dạ, thưa cô, bà sai con đi mua hạt tiêu.

Bỗng vành khăn nó xổ ra, rồi cả hai món tóc nó bị kéo giật. Nó ngật đầu ngoảnh lại. Một cậu đắc chí, cười hềnh hệch, nắn lại chiếc càvạt, nói:

– Gớm, các cô chiêu nhà này kiệt quá, không cho nó được cái khăn nhung cũ. Chó gầy hổ mặt người nuôi.

Nó biết là việc đùa, hết trống ngực, tủm tỉm cười, vừa đi vừa quấn khăn. Nhưng vẫn không dám để tai đến những lời bàn tán về nó, sau lưng nó.

Rồi mặt trời lên cao. Ánh nắng chói lọi. Một mảng áo lưng nó bết vào với thịt. Khi trở về, qua buồng khách, nó bẽn lẽn, ngượng nghịu. Những tiếng nói cười, bàn tán vẫn tranh nhau làm loạn nhà.

– Thanh!

– Dạ!

Nó vội quẳng đôi thùng với cái đòn gánh cạnh thạp nước, chạy ra.

– Anh bảo nó mua gì?

Cậu ấy chẳng đáp, lấy tờ báo để quạt, nghiêng đầu ngắm nó. Chẳng trả lời câu hỏi, cậu ấy bĩu môi, nói:

– Nhưng hai tay nó bẩn lắm.

– Làm gì?

– Nhà có cái bị hay cái hộp nhỏ nào không?

– Có.

Cậu ấy quẳng ra bàn ba xu, bảo nó:

– Mua nước đá. Nhưng không được mó tay vào nhé.

Cô Nhuận nói:

– Chạy lên! Hễ tan hết thì chớ chết!

Nó sợ chết, nên ba chân bốn cẳng, chạy như bay.

Tội nghiệp con bé, khi nó về, trên mặt mũi, mồ hôi nhỏ giọt. Nhưng hai mắt nó long lanh, vì vừa làm tròn được một việc mà không phải mắng. Nó sung sướng, cái vui sướng của nhà nghệ sĩ, nhìn hết người nọ đến người kia.

Cô Nghi khen:

– Thưởng cho con Thanh cái mề đay.

Nó sắp tủm tỉm, thì cô Tuyết đã lên giọng đanh đá, mắng nó:

– Đi mà gánh nước. Chậm như sên! Bà ở bếp ra mà không có gì rửa tay, thì mày ốm đòn.

Bỗng nó nghĩ đến bà - bà nghĩa là những ngọn roi, những câu chửi - nó sợ.

Nhưng cô Ngọc, độ mười ba mười bốn tuổi, ở trên gác, đánh phấn xong rồi, mà mới xỏ được một bên tay áo, đã vội vã chạy xuống, hỏi:

– Con Thanh đã về đấy à?

– Rồi.

– Thanh!

– Dạ!

– Làm gì đấy?

– Ồ! Để cho nó gánh nước, không me mắng cho.

Cô Ngọc ngẩn ngừ:

– Nhưng mà hãy gượm. Thanh! Đi quàng lên cho tao vậy. Mày ra thợ giặt bảo nó là ngay cho tao chỗ này nhé.

Một là con Thanh ngoan, hai là nó nhát, nên nó lại khoàng cả hai cẳng mà đi rõ nhanh.

Rồi nó về, vẻ mặt lo lắng. Nó giao hẹn:

– Thôi, các cô để con quẩy một gánh nước, kẻo bà đánh con nhé.

– Ừ.

– Mau lên!

– À, nhưng Thanh! Tao bảo. Một công đôi ba việc.

– Dạ!

– Mày đi mua cho tao ba xu ô mai. Đằng chua ấy nhé.

Rồi cô Kim nhìn mọi người chế nhạo:

– Vừa nói đến ô mai chua, cậu nào cậu nấy đã nuốt nước dãi!

Tiếng cười vang cả buồng. Cô Kim mở ví, nhặt chọn cho hết trinh Bảo Đại mới đến trinh Khải Định. Con Thanh chờ. Nó đập bàn chân nọ vào bàn chân kia, cho đỡ sốt ruột.

Rồi nó cầm tiền, nhấc đòn gánh lên vai. Vừa ra đến cổng, cô Hà cười sằng sặc, gọi theo:

– Thanh!

– Dạ!

Nó dừng lại thở dài chờ lệnh.

– Mày mua về phải đưa cho tao.

Cô Kim xua tay:

– Không được.

Một cậu bảo:

– Thanh! Mày cứ đưa cho tao!

Rồi nhao nhao mỗi người một điều. Nó chẳng nghe ra sao cả. Mà hễ bước một bước thì lại bị gọi:

– Thanh! Phải đưa cho tao!

Chờ các cậu, các cô đùa nhau để mất thì giờ của nó, nó lo lắm. Nó đánh liều, quay bước ra đi.

– Thanh!

– Dạ!

– Hãy về tao bảo!

Nó lại phải thủng thẳng trở lại. Cô Minh nói:

– Chờ đấy, tao lấy tiền, mua thêm năm xu nữa. Thế là ổn.

Rồi cô quay lại mọi người:

– Để tôi đóng vai nhà từ thiện, bố thí ô mai cho cả mọi người.

Tiếng vỗ tay, tiếng cười vang động cả đến nhà dãy phố bên kia.

Con Thanh đứng tựa vào tường, chờ cô Minh đưa tiền, ngắm cái cảnh êm đềm vui vẻ trước mắt nó. Bỗng một tiếng gọi như gắt ở dưới bếp đưa lên:

– Thanh!

Cô Tuyết trợn mắt, xua tay cho mọi người im, và nhìn con Thanh, hất hàm bảo:

– Kìa! Bà gọi gì mày.

– Thanh!

Tiếng gọi như quát. Con Thanh vội vã:

– Dạ!

Trên nhà, các cô, các cậu nhìn nhau sợ hãi.

Cô Ngọc bảo khẽ mọi người:

– Bà cụ đã nổi tam bành cái gì ở dưới kia kìa. Gớm!

Ai nấy yên lặng. Tiếng léo xéo trong sân làm mọi người ngồi trên ghế, nhu mì và trật tự.

Rồi cô Tuyết rón rén dòm vào sân, thì thấy mẹ, cái đuôi gà ở đầu khăn ngỏng ngược lên trời, mặt đỏ nhừ, quệt cái tay áo cánh đẫm những mồ hôi lên trán, tay cầm thanh củi, trỏ vào thạp nước, trợn tròn mắt, rồi phang vào đầu, vào mặt, vào lưng con Thanh túi bụi, để đánh nhịp với những tiếng: - Lười! Lười! Lười! Lười! Lười! Lười! Lười!...

2-7-1935

Tiểu thuyết thứ bảy số 66, ra ngày 31-8-1935. In trong tập *Sóng Vũ môn (Phổ thông bán nguyệt san* số 26, năm 1939)

THẰNG ĐIÊN

(Truyện ngắn)

Trời nắng, cái nắng mới, làm cho người ta khó chịu, dễ sinh giận dữ, gắt gỏng với cả mọi người.

Trên con đường nhựa Hải Phòng - Hà Nội, đen như con rắn nằm nhoài không cựa cậy, anh đĩ Mùi đi chợ về, quẩy một gánh nặng những khoai lang. Đi đã năm cây số, nên mồ hôi anh nhễ nhại, ướt cả áo, lấm tấm trên trán, trên mũi, và trên cằm...

Anh đang rảo cẳng bước cho chóng hết nốt hai cây số nữa, thì trông thấy ở cạnh đường, một cái ô tô hòm liệt máy, đứng đó. Nhân có bóng cây mát, anh nghỉ chân, hạ gánh khoai xuống, ngồi ở vệ đường. Anh phanh áo ngực, rồi lấy nón, vừa quạt, vừa nhìn cái xe chết.

Đằng mũi xe, một ông độ bốn mươi tuổi, mặt mũi phương phi, áo khăn chững chạc, đương loay hoay, chữa hết máy này, sang máy khác, mồ hôi chảy ra ròng ròng. Trong xe, một người đàn bà, cũng trạc tuổi ấy ăn mặc cũng sang trọng, thỉnh thoảng lại thò đầu ra hỏi:

– Thế nào, xe có chạy được không?

– Chẳng ăn thua gì.

Một chốc, người đàn ông trèo lên xe, vẫy anh đĩ lại gần, và nói:

– Này bác, tôi nhờ bác đẩy hộ đi mấy bước.

Vốn quen tính giúp đỡ, anh đĩ chẳng quản công. Anh bèn ì ạch đun xe đi được vài bước. Nhưng người ngồi trên xe thất vọng, nói:

– Thôi, cảm ơn bác.

Rồi quay lại nói với người đàn bà:

– Thôi, đành chịu. Hết cách rồi.

Anh đĩ nhìn hai vợ chồng người này - vì anh chắc là hai vợ chồng - thấy có ý lo lắng, thì anh cũng ái ngại thay. Đã được dịp làm quen, anh mới dám tò mò bóp cái lốp bánh xe, sờ vào mặt kính, mó các máy móc, rồi ngó vào trong xe. Anh thấy hai cái va ly to lắm.

Người vợ nói:

– Làm thế nào về cho kịp được?

Người chồng băn khoăn, móc túi xem đồng hồ, trả lời:

– Phiền quá! Mười hai giờ rồi. Đành phải đi bộ đến ga cho kịp xe lửa. Nếu may mà gặp xe hàng thì lên vậy.

– Nhưng ai coi xe cho?

– Bà ở lại, tôi về một mình, kẻo lỡ việc.

– Nhưng hai va ly nặng lắm, mang thế nào nổi?

Hai vợ chồng nhìn hai cái va ly, rồi cùng quay ra phía anh đĩ Mùi, như trong óc cùng nảy ra một ý nghĩ giống nhau vậy.

Rồi người vợ vẫy người chồng lại gần, ghé tai nói thầm như bàn nhau một việc gì. Đoạn người chồng hỏi anh đĩ:

– Này bác, bác có thể gánh thuê cho tôi hai cái va ly này đến ga được không?

Anh đĩ nhìn hai cái va ly, rồi nhìn hai thúng khoai lang. Anh gãi gáy, ra ý nghĩ ngợi, rồi hỏi:

– Có nặng không, thưa ông?

– Hơi nặng. Nhưng gánh thì cũng cân.

Anh đĩ nhấc thử lên xem, thấy cũng vừa sức. Anh gật đầu:

– Được, ông để nhà cháu gánh giúp.

Anh đĩ đặt hai chiếc va ly lên hai thúng, rồi ghé vai vào, gánh đi. Người đàn ông theo sau. Còn người đàn bà ở lại.

Gánh nặng. Trời nắng. Anh đĩ mệt thở hơi tai. Người đàn ông đi trước, vừa nực, vừa nhọc, vì từ thuở bé, chưa từng bị khổ như thế này bao giờ. Nhưng thấy anh nhà quê rụt cổ, nhăn mặt vì gánh nặng, nên ông cũng ái ngại:

– Có nặng không, bác?

– Bẩm ông, nặng ạ. Ông đi đâu?

– Tôi đi lên tỉnh.

– Thưa thế ông ở đâu ta?

– Tôi ở ngay tỉnh.

– Thế thì thích lắm nhỉ. Tỉnh có nhiều phố vui lắm. Ngày trước, cháu đã được lên tỉnh một lần.

Anh đĩ thấy ông ấy nói chuyện dễ dãi, nên vì cũng muốn quên nỗi gánh nặng, đường xa, trời nóng, mới hỏi thêm:

– Ngoài tỉnh chắc bây giờ vui vẻ hơn trước, ông nhỉ?

– Phải, hôm nào bác rỗi, lên tỉnh mà chơi.

– Cháu chẳng quen ai, mà cũng chẳng có việc gì mà lên. Đi một mình, nhỡ lạc chết.

Thấy bác nhà quê thực thà, ông kia chẳng hẹp gì mà không tỏ hết cái tử tế với người giúp mình, bèn nói:

– Được, khi nào lên tỉnh, bác cứ lại nhà tôi chơi. Nhà bác ở đâu?

– Nhà cháu ở gần ga, cách một cây số. Qua làng cháu rồi mới đến ga.

– Vậy ra bác phải đi thêm cho tôi một thôi đường nữa à?

– Vâng, nhưng chẳng ngại. Cháu làm ăn vất vả quen đi rồi.

– Thôi được, tôi sẽ đãi bác hai hào cho bõ công.

– Ông đừng cho, cháu không lấy đâu. Nhân thể chuyến gánh, thì cháu giúp ông, chứ công sá gì.

– Bác không lấy, tôi không bằng lòng. Bác cầm về mua quà cho cháu.

– Không. Người ta ăn ở với nhau, cốt giúp nhau lấy tình, chứ tiền mà làm gì?

Người ấy thấy anh đĩ nói với mình một cách nghĩa hiệp, thì ngợi khen mãi. Từ lúc ấy, hai người nói chuyện thân mật như bạn.

Khi tới ga, ông cứ lấy ra hai hào đưa anh đĩ. Anh đĩ cười, lắc đầu:

– Ông đừng làm thế. Hai hào chứ hai đồng cháu cũng không lấy đâu.

Ông ta lại nằn nì:

– Bác cứ cầm cho tôi bằng lòng. Tôi biết là công bác to hơn thế này kia.

– Không mà, cháu đã nói là ăn ở với nhau cốt lấy tình, chứ tiền thì làm gì.

Khi xe lửa đến, ông ta nắm tay anh đĩ, và nói:

– Bác thực có bụng tốt ít có. Bác là một người đáng quí, không bao giờ tôi quên. Khi nào bác lên tỉnh, nhớ lại nhà tôi chơi. Tôi sẽ đưa đi xem phố. Nhà tôi ở phố Bờ Sông, số 36. Nhớ nhé. Thôi, chào bác, cảm ơn bác.

– Vâng, không dám. Chào ông ạ.

*

* *

Một câu mời dơi. Một câu hứa vượn. Ai ngờ đến cuối năm ấy, anh đĩ Mùi có tiền, lên tỉnh sắm tết.

Mua các khoản xong, anh mới đi xem các phố xá. Anh nhớ người khách qua đường nhờ gánh va ly mấy tháng trước, cũng muốn tìm xem nhà người ấy ở đâu. Nhưng nào anh có nhớ phố và số nhà để hỏi thăm đến.

Đi hết phố này sang phố khác, nhà nào anh cũng ngắm, cũng nhận kỹ lắm. Vì không mấy khi lên tỉnh, lại được rảnh rang, nên anh chẳng chịu lỡ dịp mà chẳng đi cho khắp. Anh dừng chân trước hiệu cân gạo. Anh dừng chân trước xưởng ô tô. Anh xem cái cột đong dầu ét xăng, chiếc vàng, chiếc đỏ. Rồi anh đến phố Bờ Sông. Anh thấy một nhà có hàng rào sắt. Nhân có bóng cây, anh đứng nghỉ.

Anh đưa mắt vào trong nhà để nhìn. Người đi lên đi xuống tấp nập, người nào người nấy ăn mặc rất lịch sự.

Anh ngắm nghía các câu đối, hoành phi, sơn son thếp vàng. Anh nhìn các bồn cây, lá hoa bay tơi tả.

Bỗng anh thấy ở trong nhà có tiếng gắt toang toang, mà đầy tớ thì chạy cuống quít. Rồi có một người đứng ở hè, nét mặt hầm hầm. Anh thoạt trông người ấy, lấy làm ngờ ngợ. Nhìn kỹ, thì té ra chính là cái ông hỏng ô tô độ trước.

Vậy thì anh đĩ Mùi quen ông ấy rồi. Anh nghĩ lại cái việc anh đã giúp ông ấy, những câu ông ấy nói chuyện rất tử tế, dễ dãi, cùng những lời ông ấy khen anh và mời anh. Nay anh đã tìm thấy nhà ông ấy, không lẽ anh lại không vào một tý hay sao. Vì mấy khi anh đã lên đến tỉnh?

Anh đĩ đứng hẳn ở giữa cổng để nhìn vào cho cẩn thận. Anh sợ trông lầm chăng. Anh ở nhà quê quen trông người trên tỉnh, thường thấy người nào cũng sang trọng giống người nào.

Anh thấy ông kia cũng nhìn anh một lúc. Nhưng quái, sao không thấy ông ấy gọi? Hay là hôm nay anh đội khăn và mặc áo dài, nên trông khác, mà ông ta chưa nhận ra chăng?

Anh bèn giơ tay ra vẫy, và gọi:

– Ông ơi!

Lạ quá, anh thấy ông ấy quay trở vào. Và tiếng gắt mắng lại to hơn ban nãy. Rồi bỗng có người đầy tớ ở trong chạy ra, hất hàm hỏi anh:

– Đi đâu? Vào đây làm gì?

– Tôi quen ông kia. Tôi vào chơi.

– Ai chơi với mày? Thằng điên!

– Tôi không điên đâu. Tôi quen thật đấy.

– Đừng láo! Liệu không tao báo đội sếp đưa vào nhà thương. Cút đi!

– Anh hỏi lại ông ấy mà xem. Tôi không điên đâu. Tôi quen ông ấy. Ông ấy mời tôi đến chơi thật đấy mà.

– Mày đừng giở thói điên ra đây. Cút đi!

Người đầy tớ vừa nói, vừa dắt tay anh đĩ, lôi ra cổng.

– Mày là thằng điên. Chỗ này không phải chỗ mày đến nói láo. Ông ấy bảo tao đuổi mày đi, vì mày điên, nghe chưa!

– Tôi quen thật. Ông ấy nhờ tôi gánh va ly lên ga đấy, cái ngày ông ấy hỏng ô tô ấy mà.

Người đầy tớ nhìn qua nét mặt anh đĩ, rồi hỏi:

– Anh nói thực?

– Tôi nói dối làm gì? Ông ấy không mời, sao tự nhiên tôi dám đến. Tôi không điên đâu. Ông ấy tử tế lắm.

Người đầy tớ lại nhìn anh đĩ một lượt nữa, thấy bộ mặt anh quá thực thà, thì thương hại, nên mỉm cười, vỗ vai anh, và ôn tồn giảng:

– Ồ! Thế thì anh chẳng điên là gì? Lúc người ta hỏng ô tô khác, lúc người ta ở nhà tiếp khách khác. Chứ anh tưởng người ta lúc nào cũng như lúc nào à? Thôi, anh về đi là khôn...

1935

XUẤT GIÁ TÒNG PHU

(Truyện ngắn)

Trả tiền xe xong, ngài ôm cái gói bọc giấy xanh, chằng dây hồng, thoăn thoắt đến buồng khách, qua buồng ăn, ngó vào nhà tắm, rồi xuống bếp: xu hào, bắp cải, bong bóng, nấm, mực, còn bừa bãi, ngổn ngang cả trên phản làm cơm. Ngài ngơ ngác hỏi:

– Bếp! Bà đâu?

Anh bếp ngơ ngác, thưa:

– Bẩm, bà ở nhà ngoài.

Ngài càng ngơ ngác:

– Không mà?

Rồi ngài tìm lượt nữa: Nhà tắm, buồng ăn, buồng khách. Ngài gọi to:

– Mợ đâu nhỉ?

Chẳng thấy vợ đâu, ngài sực nghĩ ra. Ngài chạy lên gác, bật đèn lên. Thì quả nhiên bà nằm trên giường, đắp chăn kín mít.

Mừng rỡ, ngài đặt cái gói lên bàn, lại gần, ngồi cạnh vợ, lật chăn ra, tỏ ý ngạc nhiên:

– Kìa, tôi tưởng mợ sắm sửa xong rồi. Dậy đi, mau!

Bà mở mắt lim dim, kéo chăn đắp lại, uể oải nói:

– Tôi nhức đầu quá, mà cơm cúng ở nhà cũng chưa sắp sửa được gì cả.

– Không cần. Dậy mặc quần áo, kẻo không kịp.

Nói đoạn, ngài lật cả tấm chăn ra. Bà vợ thì cố co lại:

– Thôi, tôi nhức đầu như bị búa bổ, và chóng mặt lắm.

Ngài cười khanh khách, kéo vợ ngồi dậy:

– Ồ, vờ mãi! Mặt mũi thế này mà bảo rằng nhức đầu. Mau đi, kẻo lỡ.

Rồi chẳng hay cảm vì sắc đẹp hay muốn giở khoa nịnh đầm, ngài ôm lưng vợ, hít vào cổ. Nhưng bà hất ra, và lại cố nằm xuống dằn dỗi:

– Tôi chịu thôi.

Ngài trợn mắt, kinh ngạc:

– Chết, việc cần, không nói thế được. Thu xếp xong đâu vào đấy rồi. Mợ đừng phụ công tôi.

Rồi ngọt ngào, ngài đập vào vai vợ, trỏ cái gói:

– Này, tân thời, đẹp đáo để. Dậy mà xem.

Bà vừa kéo chăn toan trùm đầu, vừa nói:

– Điều khác thì tôi xin chiều ý cậu ngay.

Ngài co phắt chân, cuộn lại, ôm quẳng sang giường bên kia, hểnh hệch cái mồm, cười:

– Mợ chỉ ngại rét chứ gì? Có rét quái đâu! Ở ngoài đường cũng ấm áp lắm.

Bà ôm đầu:

– Ở nhà công việc còn bề bề ra, cậu không biết à? Cơm cúng đã làm được tí nào đâu.

Ngài dỗ dành:

– Không cần! Chả cúng bây giờ thì tám giờ, chín giờ, mười giờ đêm, lúc nào mợ về hãy hay. Mà chẳng có thì tôi cứ trầu nước mời các cụ về cũng được, chứ đã làm sao? Mai năm mới, hãy cỗ bàn bày vẽ.

Nói đoạn, ngài dựng vợ dậy, cầm hai cánh tay, kéo ra cạnh giường, rồi ngoéo chân, xếp lại hai chiếc guốc cho ngay ngắn. Bà oằn oại, ngả người để co lại, nhăn nhó, giằng tay ra. Nhưng thấy sức yếu quá, nên tự nhiên, bà bật ra tiếng khóc.

Đó là lúc chẳng nên đùa.

Cho nên, ngài trợn mắt, nghiêm chỉnh hỏi:

– Ô hay, mợ không đi thực à?

Bà vẫn ôm mặt nức nở:

– Cậu còn phải hỏi hay sao?

– Nhưng tôi đã hứa với người ta rồi kia mà!

– Mặc kệ cậu! Ai bảo!

– À, mợ khó bảo nhỉ! Nào có nhọc nhằn gì việc ấy. Tôi quanh năm làm lụng vất vả, mỗi ngày vùi đầu vào công việc hàng bảy tám giờ đồng hồ. Nếu tôi quản công, thì liệu cả gia đình này có được ấm no không? Mợ không biết nghĩ.

– Tôi hiểu cả. Cậu không cần nói nhiều. Nhưng cậu đừng bắt tôi thế.

Buông phứt vợ ra, ngài ngầu ngầu nhìn thật nghiêm chỉnh:

– Thế mợ muốn người ta cho tôi là đồ gì?

Bà chắp hai tay, vái lấy vái để:

– Tôi lạy cậu, tôi van cậu, cậu đừng ép tôi. Tôi là vợ cậu...

– Á, tôi là vợ cậu! Là vợ mà chồng bảo không nghe. Luân lý để đâu? Giáo dục để đâu?

Bà lại ôm mặt, thổn thức. Ngài móc túi, coi đồng hồ.

– Thôi dậy sắm sửa mà đi, còn có ngót một giờ nữa thôi.

– Ngót một phút tôi cũng chịu.

Nghiêm nét mặt, ngài rẽ ràng giảng:

– Mợ phải hiểu, tôi không muốn tôi phải ép mợ. Tôi muốn mợ vui vẻ mà đi. Tôi giảng nghĩa trong từng ấy ngày, tôi tưởng mợ đã nghe hiểu. Thế này thì cáu thật!

Bà nằm lả xuống giường, ôm đầu. Ngài nhìn một lúc, bỗng hất hàm, hỏi:

– Mợ có đi hay không thì mợ bảo?

– Tôi cắn rơm cắn cỏ tôi lạy cậu, cậu tha cho tôi. Cậu đừng làm tôi nhục.

Ngài nhăn mặt, rồi to tiếng:

– Có đi hay không?

Bà cũng nhăn mặt:

– Khổ quá, tôi lạy cậu.

Ngài gắt:

– Có đi hay không? Mợ trả lời một tiếng. Không lạy van gì cả. Có hay không?

Bà không đáp, nức nở khóc. Ngài nắm chặt bàn tay đấm mạnh xuống phản:

– Nói!

Nhưng chẳng được nghe ý kiến vợ, ngài xung tiết, chạy đến mắc áo, vớ cái ba toong, khuỳnh tay đứng trước giường, rồi giơ ngọn gậy vào mặt vợ, hỏi:

– Có hay không? Một tiếng!

Vừa sụt sùi, bà vừa đáp:

– Không!

Cần quyết liệt hơn, ngài giơ gậy:

– Thật mợ không đi à?

– Không!

– À, bướng! Tao không dọa đâu nhé. Để rồi mồng bốn Tết, nó nhổ vào mặt tao ấy à! Cứng cổ này! Khó bảo này!

Thế là chiếc gậy hăng hái, cứ từ trên cao giáng xuống. Bà rú lên, rồi giơ tay ra đỡ, sấn lại chồng, cố níu lấy cánh tay rắn như sắt. Nhưng loáng một cái, ngọn gậy giơ lên thật cao, quật mạnh xuống, chạm phải thành giường, gãy cấc ra làm đôi. Một mẩu quay lông lốc như chong chóng, bắn lên gần trần, rồi rơi xuống ván gác.

Đó là một cảnh dữ dội.

– Tôi van cậu, để nội trong ba ngày Tết, hôm nào tôi đi cũng được.

Biết là sự làm già bao giờ cũng hay hơn, ngài lắc đầu, co giật phắt vợ xuống. Bà ngã ngồi trên hai chiếc guốc lúc ấy ngổn ngang.

– Phải đi ngay! Tao không hoãn một phút! Đồ thân lừa chỉ ưa nặng.

Bà nhăn nhó khóc:

– Để đến mai, mồng một Tết, tôi đi vậy, bây giờ tôi còn phải làm cơm cúng.

– Đã bảo không cần mà. Người ta đi trước Tết, chứ ai để đến Tết rồi mới đi! Đứng ngay dậy!

Ngài giật phắt cái cột màn. Thì thình lình:

– Ối hàng phố ơi!

Bà vừa kêu, vừa túm lấy chồng, thở ỳ ạch.

Nhưng khỏe như con vâm, đưa khuỷu ra, ngài gạt vợ ngã lăn, và nắm chặt lấy hai cổ tay. Bà oằn oại, song yếu quá. Bà dùng hai cẳng để cưỡng. Nhưng cả cái sức nặng của tấm thân vạm vỡ đè trên ngực bà, bà phải cố cựa quạy để thở. Vậy mà ngài tát. Ngài tát dồn năm sáu cái, và hỏi tội:

– Mày có đi hay không?

Bà tối tăm mặt mũi, hổn hển thách:

– Đấy, cậu cứ đánh chết tôi đi.

Tức thì, những quả thụi kinh hồn vào mặt, vào ngực, và vào sườn, làm bà kêu thất thanh. Nhưng mặc kệ, ngài vẫn hỏi có một tội:

– Mày có đi hay không?

Bà kêu cha, kêu mẹ, kêu cả Trời nữa. Nhưng ai thưa? Ví thử cha mẹ hay cả Trời nữa có đứng đấy thực, cũng đố dám vào mà gỡ.

*

* *

Việc gì cũng vậy, đánh đau thì phải chừa. Cho nên chẳng mấy chốc, bà kêu cuống quýt:

– Vâng! Vâng! Tôi lạy cậu! Tôi xin đi.

Ngài hung hăng lôi phắt vợ dậy, hầm hầm nhìn.

Bà ngồi lả, chống tay đằng sau, đầu tóc rũ rượi, thở.

– Nếu mày định đi thật, thì đi mà lau mặt.

Sợ quá, bà chắp hai tay vái cuống queo:

– Vâng, vâng, tôi xin đi.

– Đi ngay!

– Vâng, vâng! Tôi lạy cậu.

Nói xong, bà lê đến ngồi ở ghế.

Ngài nhìn ra hiên, chạy lấy chiếc khăn mặt, đưa vợ:

– Đây, lau mặt đi! Áo quần, phấn sáp có sẵn cả rồi, còn khó khăn gì nữa.

Đoạn ngài vớ cái bọc, cởi dây, mở giấy ra trước mặt bà và nói:

– Không biết tao hết hơi nói người ta mới cho mượn những thứ này à? Mau, chậm rồi.

Bà khóc sướt mướt, cầm cái lược, giũ mái tóc ra và vừa xuýt xoa, vừa chải. Ngài vẫn còn hung hăng:

– Rẽ như lối chị Tham ấy.

Giật nẩy mình, bà vội chải, vội rẽ, vội uốn éo cho làn tóc lật lên, cong xuống cho thật nền, rồi vừa lau nước mắt, bà vừa lấy các thứ ở bọc để xoa phấn trắng, đánh phấn hồng, và kẻ môi son cho thắm.

Trong khi ấy, ngài đứng coi, mỗi chốc lại giở đồng hồ ra xem và giục.

Trang điểm xong, bà thở dài, cố gượng đau để đứng dậy, lấy cái quần sa tanh trắng và cái áo nhung màu may kiểu mới vẫn còn gấp gọn ghẽ trên bàn. Bà vận những thứ ấy vào rồi, rồi bôi dẫm nước hoa.

Đến bây giờ, dưới ánh đèn điện sáng trắng, bà thành ra một bóng hồng nõn nà, thơm tho, khêu gợi.

Nhưng vẫn trừng trừng nhìn vợ, ngài gắt:

– Tươi tỉnh lên thì người ta mới cảm, chứ khó đăm đăm thế kia, thì nó tống cổ về!

Rồi ngài xuống gác. Bà đi theo. Ngài gói ít nhật trình cũ, buộc dây cẩn thận, rồi đưa bà.

– Cầm cái này mà đi cho người ta khỏi ngờ.

Và vẫn nghiêm chỉnh, ngài đe:

– Hễ nói dối tao mà trốn vào đâu thì đừng ăn cái Tết này thôi!

Bà nghiến răng, thở dài, không đáp.

Ngài nhiếc:

– Cái giống đàn bà xưa nay vẫn thế kia! Lúc đến thì đừng có lù lù đằng cổng trước, nghe chưa? Mà khi nào ông ấy cho về, mới được về. Tao mà thấy ông ấy tỏ ý không bằng lòng thì chớ chết!

Nước mắt chạy quanh, bà bước chân ra gần đến cửa, quay lại, rít lên, nói:

– Thiếu gì cách lễ Tết mà cậu phải làm tôi nhục nhã như thế này!

Ngài trợn mắt:

– Câm ngay! Làm gì mà bô bô cái mồm lên thế. Đồ ngu như lợn. Cái gì thì mua được, chứ cái này mua được à?

Rồi ngài đứng nhìn chiếc xe kéo vợ đi khuất, mới quay lại, ra dáng yên lòng. Ngài yên lòng vì không phải thẹn với lương tâm mà chắc chắn rằng sẽ được ông ấy khen là biết ơn và tử tế.

1936

Tiểu thuyết thứ bảy số 87 (ra ngày 25-11-1936).
In trong tập truyện *Ông Chủ báo (Phổ thông bán nguyệt san* số 61, năm 1940).

TÔI MỚI THẤY BÀ

(Truyện ngắn)

Cái ngày mà ông ấy bắt được quả tang bà ấy "nói chuyện" với trai ở ngay trong buồng đến nỗi hai người đánh nhau một trận ra tuồng mà bà con ta xúm đông xúm đỏ ở trước cửa để xem, thì ai tưởng đâu có ngày nay, ông bà ấy lại hòa hợp, vui vẻ được nhỉ?

Hẳn cũng chửa ai quên được cái câu đau đớn mà bà ấy mỉa chồng. Phải, bà ấy gọi lũ con nhỏ ra đứng trước mặt chồng, rồi trợn mắt, nghiến răng ken két, chỉ tay và nói:

– Đừng hợm! Tưởng cái mặt ấy mà đẻ nổi những con như thế này phải không?

Ấy mới nguy! Thế ra thằng Lê, con Lý, thằng Đào là con ai kia đấy! Trong khi quá giận, bà ấy đã vô tình cung khai cái lý lịch hay ho!

Khốn nạn, lũ trẻ con chẳng hiểu chuyện gì, chúng nó thấy ba và má cãi nhau, thì sợ hãi, rồi dần dần lẩn ra sau nhà đánh đáo.

Mà khốn nạn hơn nữa là lúc ông ấy được nghe câu nói ấy. Thật chẳng khác gì ta bị sét đánh ngang tai. Ông ấy rú lên một tiếng, rồi gục đầu xuống bàn hu hu khóc.

Thật là một sự ông ấy chẳng ngờ. Mà bà con ta cũng chẳng ai dám ngờ là lũ con ấy chẳng phải ông có công đúc cốt. Phải, đèn nhà ai nhà nấy rạng, chứ ai rỗi hơi mà xem xét đến những cái không quan hệ đến mình. Ta có biết gia đình ấy, thì họa chăng từ khi ông ấy bổ về tỉnh nhà, ta chỉ biết ông ấy khinh người bằng nửa con mắt, bà ấy hợm hĩnh chảy ra mà thôi. Chứ còn cái thằng Lê, con Lý, thằng Đào, với cái hạnh kiểm đáng phục của bà ấy, thì không mồm bà ấy phun ra, có họa thiên lôi biết!

Mà thật, những đứa bé con nhà ông ấy lúc nào cũng phốp pháp, mũm mĩm, tươi tỉnh, thật trái với ông ấy, đã gầy như cái que, mà mặt mũi lúc nào cũng khó đăm đăm, nhăn nhó như thằng đau bụng. Nhưng ta có thể tưởng tượng là những đứa trẻ ấy giống máu mẹ, vì bà ấy thật là một "con bò cái chắc chắn" béo nùng nục, nhất là đôi

môi, vừa ướt, vừa dày. Gia dĩ bà ấy lại đẹp, và thích trẻ. Năm ấy đến 40 tuổi đầu rồi chứ còn ít gì, thế mà còn làm đỏm như cô con gái thèm chồng. Thấy người ta quần trắng, bà cũng quần trắng, thấy người ta rẽ bên, bà cũng rẽ bên. Nhưng lạy thánh vạn bái, chứ khi bà ấy ăn mặc, đánh phấn vào, thì ngay ngoan ngoãn như tôi đây, cũng phải trố mắt, ngây người ra mà nhìn và nuốt nước dãi. Đẹp thật!

Nhưng mà ông ấy có kém vẻ tân thời chút nào đâu? Bà rẽ lệch thì ông cũng rẽ lệch. Bà áo xatanh xúp dài gần tới mắt cá, thì ông cũng áo xa tanh xúp dài xuống đến bắp chân. Bà quần trắng, thì ông cũng quần trắng. Thua gì? Mà ông lại còn tiến hơn bà một bậc, là ông để răng trắng và có cả áo badờxuy nữa. Thế thì bà không cảm ông thì cảm ai?

Nhưng, than ôi! Ông ấy cũng tân thời lắm đấy, nhưng không phải! Những hàm răng trắng, những đầu rẽ lệch, những quần trắng, những áo tha thướt dài, mà ở đàn bà, nó thành ưa nhìn, chứ mà đàn ông chúng ta, nhất là những hạng thiếu niên ta, sống trong thế kỷ hai mươi này, mà cứ giữ mãi bộ áo quần quốc túy thì ăn thua gì? Có khi ăn mặc thế mà đi hỏi vợ, thì Cẩm tha phạt cho đã là tốt phúc đấy!

Đối với những bà vợ ấy thì ông chồng phải béo tốt, khỏe, đẹp, vui vẻ, trung thành vân vân, vân vân; mà bề ngoài, phải mặc quần áo tây, đầu chải thật bóng, râu ria cạo cho nhẵn thín, lúc nào cũng phải có cặp kính đồi mồi nó nhong ếp trên sống mũi. Nghĩa là vừa có vẻ hùng hồn, vừa ra nhà học giả. Chứ mà lủn củn, lùn cùn như ông ấy thế kia thì "về"!

Bởi vậy, chẳng được chồng béo tốt, khỏe, đẹp, vui vẻ, trung thành, mà đến cả cái vân vân, vân vân, cũng chẳng có, nên chắc rằng bà phải sưu tập một vài người chồng dự khuyết để khi ông có việc đi vắng nhà là bà cho mời đến đánh tổ tôm, hút trứng lacoóc, rồi vô phép ông Tơ!

Ờ! Thế mà tài thật! Những cuộc ái tình vụng trộm ấy có phải nó đi không để lại dấu vết đâu mà anh chồng không biết nhỉ! Kìa, thằng Lê, con Lý, thằng Đào, là ba cái chứng cớ; trước kia, khi chúng nó chửa ra đời, thì bà ấy còn giấu giếm ở tận đáy lòng, nhưng một ngày bụng dạ bà ấy một rõ rệt ra rồi mà có lẽ vì ông ấy vẫn không ngờ vực chi vợ, nên tức mình, chúng nó mới dần dần rủ nhau chui tọt cả ra ngoài cho ông xem để ông hiểu.

Nhưng vì ông không hiểu cái nghĩa bóng của sự đẻ con, nên ông yêu chúng nó hết sức, và khi thấy vợ diếc móc mình không đẻ nổi lũ con như thế, ông mới như nghe tiếng sét đánh ngang tai!

Rồi cũng vì câu nói đó, mà ông làm đơn xin ly dị vợ, và trong khi đợi tòa xử, ông ốm, ốm đến mấy tháng, tưởng chẳng còn sống đến ngày nay.

Thương hại quá! Ngày ấy ông ốm có mỗi một mình, chẳng ai trông nom săn sóc cho cả, vì vợ ông, chẳng đợi gì pháp luật, ngay sau khi mắng chồng câu ấy, bà quát con sen xếp va ly quần áo, để ra ga, về Hà Nội. Trước khi lên xe, bà vẫn còn giận lắm, bà nhìn ông thổn thức, bà cười gằn, rồi nguýt một cái đến dài và nói:

– Để bà xem đứa nào cần đứa nào!

Rồi chẳng biết tòa không chiều ý ông, hay đứa nào cần đứa nào, mà sau, ta lại thấy bà xách va ly cùng về với ông, hai người vui vẻ, hòa hợp ở với nhau, thân mật như đôi nhân tình còn đương thời kỳ thề sống, thề chết vì danh dự.

Trông bề ngoài gia đình ấy, đố ai không biết mà đoán được rằng nó đã có lần suýt nữa thì tan nát, vợ một nơi, chồng một nẻo, mấy đứa con thì đầu đường, xó chợ bơ vơ.

*

* *

Nhưng trời già thật là độc địa! Giữa cái lúc vợ chồng người ta đương hưởng cái lạc thú, cái êm đềm của cảnh gia đình, thì ông Xanh đem ngay một cái tai vạ tày đình đến. Ông ấy bị bắt quả tang làm một việc phi pháp.

Thôi hỏng! Phen này không tù cũng mất chức! Mất chức thì túng! Đói thì khổ to! Ấy thế mà còn tù thì, trời ơi, mất vợ, mất con, mất cả cái để khói hương sau lúc chết!

Nghĩ đến tương lai, ông lo, ông hối hận, ông khóc lóc, rồi phát sốt, phát rét, rên khừ khừ!

Suốt mấy ngày đêm, ông không ăn, không ngủ, ông nằm dí trên giường, như người ốm đợi chết đến nỗi bà phải gắt:

– Thì ông cũng phải dậy mà bàn tính công việc, chứ chịu thế à?

Ông gượng ngồi, nhưng không đủ sức để dựng nổi cái lưng còm rỏm, ông bèn mặc kệ cho nó rơi lả xuống giường, rồi nhắm mắt, nói như mê sảng:

– Thôi, tội sờ sờ ra đó, còn làm gì được nữa.

Bà đập tay xuống bàn, cau mặt:

– Đàn ông mà hèn thế! Mới có thế đã hết vía lên rồi!

Rưng rưng nước mắt, ông run rẩy, đưa tay ra để nắm tay vợ, và nói:

– Bà có nghĩ hộ tôi cách nào không?

Bà ngắm chồng mà thở dài. Bà lắc đầu, chép miệng, rồi tiến lại ngồi gần hơn, dịu dàng nói:

– Nếu ông cứ mặc tôi để tôi lo lắng, thì mười phần có thể chắc chắn được chín rưỡi.

Mở choàng mắt ra, ông ngồi nhổm dậy ngơ ngác nhìn như tìm vị phúc tinh, rồi ngạc nhiên, hỏi vợ:

– Bà vừa nói gì?

– Nếu ông cứ mặc tôi để tôi lo lắng thì mười phần có thể chắc chắn được chín rưỡi.

Ông mừng rỡ, trợn mắt rõ to để chòng chọc nhìn vợ:

– Bà nói thật?

Bà quả quyết gật đầu:

– Tôi chắc thế.

Ông nắm chặt tay bà, nằn nì:

– Thế thì phúc nhà ta còn vượng. Sao bà không bảo ngay từ hôm nọ?

– Nhưng biết ông có bằng lòng giao cho tôi việc này không?

Gật lấy gật để, ông run run đáp:

– Sao không bằng lòng? Không bằng lòng để mà chết à?

*

* *

Cuối năm ấy, một hôm, người ta thấy ông ngồi bên cạnh vợ bế đứa bé con mới đẻ.

Nhưng các ngài đừng tưởng gia đình nhà ông đã trải qua cuộc tang thương đâu nhé. Này vẫn hoành phi, câu đối, này vẫn sập gụ, tủ gương, bao nhiêu vẻ choáng lộn, bao nhiêu vẻ đài các ngày trước hiện nay vẫn còn, mà thằng Lê, con Lý, thằng Đào bây giờ chiều chiều lại nhảy lên ngồi ô tô cho anh tài vặn đi về vùng nhà quê đổi không khí.

Nghĩa là không có cái gì mất mát cả, mà ông bà ấy nhờ trời còn thêm được mụn con trai.

Ông ấy bế con, âu yếm hôn hít bộ tóc vàng như tơ của nó, rồi nhìn vợ. Bà mỉm cười, khép lại cái áp cho kín bụng thằng bé.

Bỗng ra vẻ nghĩ ngợi điều chi, ông ngậm ngùi thở dài, rồi trông trộm vợ. Ngạc nhiên, bà hỏi một cách âu yếm:

– Ông có điều gì nghĩ ngợi?

Vẫn chưa thấy chồng trả lời, bà véo von ngâm:

– Đẻ ra, con thiếp, con chàng, con ai?

Ông mỉm cười, lắc đầu:

– Không phải, tại tôi nghĩ hối hận cái ngày dại dột làm giấy ra tòa độ trước!

Bà lườm yêu ông, rồi mỉm cười.

Ông cũng mỉm cười, hôn tóc con, rồi nắm chặt tay vợ, gật gù đáp:

– Thoát được cái nạn năm ngoái, tôi mới thấy bà là có giá trị thật!

Ích hữu số 1 (25-2-1936)

ĐÀO KÉP MỚI

(Truyện ngắn)

Mới độ bảy giờ tối, ba ngọn đèn điện ở cửa rạp tuồng An Lạc đã bật lên. Cái trống dựng nghiêng ở chân tường đã bắt đầu rung những hồi inh ỏi.

Hiệu trống ấy, cứ một nhịp, kéo dài cho đến tận tám giờ, có khi tám giờ mười lăm, là lúc khai diễn.

Thỉnh thoảng, thằng bé con vừa nện tùng tùng, vừa uể oải giục:

– Các ông các bà, lấy vé vào mà xem, gần đến giờ rồi.

Đó là nó mời mấy ông nhỏ, mấy bà vú em, được dịp vắng chủ, ra đây để "xã giao" với nhau.

Các ông, ông nào ông nấy tóc chải thật mượt, hoặc gài cái lược bằng dây thép uốn, bá vai nhau, vắt chân chéo khoeo, đứng ở trước cái bảng quảng cáo giấy vàng dán trên mặt liếp, để tập đánh vần quốc ngữ.

Các bà thì áo cánh cộc lụa mặc ra ngoài cánh cộc vải, kệ cho lũ trẻ đứa chạy tung tăng, đứa bò lổm ngổm, ngồi ở gần hàng nước, phàn nàn bà chủ nghiệt hoặc nói chuyện chồng bạc tình.

Rất ít người lấy vé vào coi hát.

Tiếng trống vẫn làm đinh tai.

Trong cái buồng hẹp ngay cạnh cửa, có lỗ tò vò bé cỏn con, trước cái bàn để sẵn ba bốn tập vé, bà chủ ngồi thừ mặt, vú vạch ra cho con bú.

Không còn gì buồn bằng cho cảnh ế hàng.

Trong rạp, từ bảy giờ rưỡi trở đi, ba chiếc quạt tây, buộc díu vào một dây kéo, đã bắt đầu hoạt động. Ghế các hạng, lác đác đã có một vài người ngồi. Ngọn gió nhân tạo không phẩy được tới những dãy ghế cuối cùng, cao lêu đêu, dãy ghế hạng năm xu mà người ngồi, đếm gần được bốn chục. Trong khi chờ, khán giả cười to, nói lớn, nhổ bậy, hoặc cãi nhau.

Nhưng bỗng một hồi chuông rung mạnh. Đèn phía trong sân khấu bật lên, làm rõ những mảnh sơn bong trên lớp vải màn mỏng bao nhiêu, thì làm mờ cái phong cảnh vẽ đi bấy nhiêu.

Trống, kèn, nhị, thanh la, tung ra những tiếng gắt gỏng.

Bỗng một cái đầu bóng thò ra ngoài màn sân khấu, ngơ ngác nhìn. Một dịp cười dồn ở hàng ghế bét. Một hồi chuông rung ngắn nữa. Chiếc màn từ từ cút kít cuốn lên từng nấc: Cảnh triều đình.

Người ta xuỵt. Người ta hét im. Nhưng ở cuối rạp, vẫn cười to, nói lớn, vẫn nhổ bậy, cãi nhau.

Vai vua gầy gò, ngồi trên cao, trước cái phông sơn thủy, vuốt bộ đuôi ngựa làm bức rèm mồm, nhìn hai dãy bá quan, hát những câu không ai nghe rõ. Bá quan nghiêm chỉnh, thỉnh thoảng sờ nạm râu anh em ruột với râu của vua, mắt liếc ngang liếc dọc, ra vẻ trịnh trọng.

Rồi một anh nhọ mõm, quần áo thâm, quỳ giữa sân khấu, bưng trên đầu cái đĩa bày bốn chiếc chén không. Vua giơ tay mời. Bá quan sáu người, thì bốn người đứng dậy, mỗi người cầm một chén, vạch râu, kề tay vào mồm, hắt cạn, rồi lại ngồi xuống.

Vua cười kha khả, phán:

– *Giui! Giui quá đi mấc mà thôi!*

Rồi cả bọn kép hát đứng dậy, đi bài tẩu mã. Tiếng kèn đưa cao, giọng hát hùng hồn vang nhịp, ăn theo với điệu bộ múa may. Ở hàng ghế dưới, tiếng ồn ào đã hơi dịu.

Bỗng anh nhọ mõm ban nãy, ở trong buồng trò chạy ra, hớt hơ hớt hải. Anh vấp vào một vai quan, ngã lộn tùng phèo. Tiếng vỗ tay ran như tràng pháo, để thưởng cho anh kép hát pha trò đậm.

Ngã xong, anh kép đứng phắt dậy, đứng thật ngay, xòe năm ngón tay lên trán để chào kiểu nhà binh. Người ta lại cười.

Vua nói giọng Sài Gòn, phán hỏi:

– *Chi mà bay giội giàng làm giậy, thằng kia?*

– *Dạ, thậm cấp, thậm cấp, chí nguy, chí nguy! Quân nước Phiên đã kéo đến Lâm Truy, cách kinh kỳ có ba ki lô mét.*

– *Ải! Ải!*

Vua quát vậy, rồi với chiếc nậm gỗ, đập chan chát:

– *Ải ải! Nếu giậy, khổ dã chàng khổ dã, nguy tai thị nguy tai! Cuộc chiếng tranh nếu cứ kéo dài, ta e nữa môộc mai dâng khổ. Ớ này, bá quang!*

– *Dạ.*

Rồi vua gò lưng, lắc đầu, lắc cổ, hét:

– *Quảng Phiêng đã Lâm Truy kéo tới, làm giua tôi lại gặp buổi giang nang, trẫm truyềng cho giăng giõ bá quang, xem ai có tài, có gang ra giúp nước, hà!*

Vừa dứt lời, hai anh kép mồm nhấn thín, ngồi ngoài cùng, ban nãy trơ khấc không được đánh chén, vội đứng cả dậy, xắn áo thêu, xốc lại mũ, rồi múa may, uốn éo, làm bộ giương súng cưỡi ngựa, vặn ô tô, nhảy xe đạp. Người xem hát cười rầm rầm. Hai anh lại nhảy xe đạp, vặn ô tô, cưỡi ngựa, giương súng một lượt nữa, đụng cả vào nhau, ngã nghiêng ngửa, cho đến tận lúc tiếng cười ngớt. Rồi trong rạp im phăng phắc. Một luồng gió, qua chỗ đi tiểu, đượm mùi cống, lọt vào cửa tò vò, làm cho cả rạp thấy thoang thoảng luồng không khí hăng hăng. Nhưng không ai để ý đến, người ta chăm chú nhìn và nghe hai anh kép đương phệnh phạo giở lối anh hùng rơm. Anh bên phải vươn cổ nói:

– *Đã có tôi phò tá!*

Anh bên trái, ngoác mồm tiếp:

– *Lại có mỗ tá phò!*

Rồi cả hai anh đồng thanh vừa hát vừa giơ tay:

– *Xin thánh thượng đừng lo.*

Đoạn lại cùng vênh váo trỏ vào ngực mình:

– *Đã có tôi... phò tá!*

Dứt lời, hồi vỗ tay sao mà vang và lâu thế!

Thằng bé bán nước và lạc rang lách qua các chỗ ngồi để rao hàng. Trên sân khấu, vẫn diễn ra những câu điệu bộ và những câu pha trò nhảm nhí. Hai ba ông quần áo tây ngồi trên hạng nhất, thở dài, rồi đứng dậy ra về. Nhưng hàng cuối cùng mỗi lúc một thêm người, mà cũng chỉ đông ở hạng ấy.

Nhìn khu ghế nhất, ghế nhì, khách vắng tanh tanh, ông chủ gánh hát lo lắng.

Ở ngoài đường, bọn tìm cuộc vui buổi tối vẫn đi lại rầm rập. Nhưng mấy ai qua rạp An Lạc, nghe tiếng kèn, tiếng nhị, đã chịu liếc mắt vào trong, xem đào kép áo mũ râu ria, diễn những trò gì.

Mấy năm nay, ít người thích nghe hát tuồng cổ.

Gánh An Lạc dọn đi đâu mấy tháng nay lại mới về, thuê ở chỗ cũ.

Ngay từ buổi sáng, ở cửa rạp, người qua đường vô ý đến đâu cũng phải trông thấy một cái cổng kết bằng lá dừa, gài thêm những cành nhãn cải hoa dâm bụt. Trên cổng, hàng chục chiếc cờ Pháp, Nam bay tít tít. Trên tường, một miếng vải trắng căng thẳng, có dán một dòng chữ trang kim:

– *Đào kép mới! Bản rạp chấn chỉnh! Đào kép mới!*

Rồi đến năm giờ chiều, lúc mặt trời đã xế, trước nhà hát, bảy chiếc xe cao su đã chực sẵn cả ở vệ đường.

Một lát, bảy chiếc xe thong thả bước một tiến đi. Xe đầu, một cái biển dán giấy đỏ, có chữ viết lớn:

Đại diễn tích hát mới! Lưu Đề bình Phiên - Bản rạp mới chấn chỉnh! Đào kép mới!

Ngồi trong xe, một thằng bé còn giơ thẳng hai cánh, nện vào mặt chiếc trống cái, và một thằng nữa, đánh thanh la, thỉnh thoảng phồng má, thổi bài kèn tây ra trận.

Xe thứ nhì, bốn tài tử, người kéo nhị ngồi phệt dưới sàn xe, hai người thổi kèn và sáo, lèn nhau trên đệm, và người đánh đàn ngồi chỗ mui, giang hai cẳng để lấy thăng bằng.

Xe thứ ba, một cô tiểu thư mắt toét, mặt trắng, má đỏ, với một đứa bé con tóc xõa. Hai người cùng áo gấm, giày Tàu.

Xe thứ tư, ba ông ngồi kẹp đùi vào lưng nhau, một ông thượng ban, một ông trung ban, một ông hạ ban, cùng mũ cánh, áo thêu, ông thì mặt đỏ, ông thì râu dài, ông thì mũi hin, tai bẹp.

Xe thứ năm, thứ sáu cũng vậy. Cũng những ông trông ra phết Thái sư.

Xe thứ bảy, một cô xấu, nhưng tân thời, mặt phấn má hồng, môi đỏ, rẽ lệch, chiếc áo căng lườn, trông tức anh ách, như một bài thơ thất luật.

Đoàn xe quảng cáo mười lăm vị đào kép mới, đi diễu hết phố này sang phố khác. Mặt trời chưa lặn. Ngọn cây đứng yên. Bóng râm mới lấn được nửa đường bên trái. Bọn đào kép phải phơi dưới ánh nắng nóng như thiêu. Trên mặt phấn một vài người, mồ hôi lấm tấm, rồi ròng ròng nhỏ giọt. Họ lấy quạt che nắng, và phẩy. Song, trời này

mà họ cứ mũ áo ấy, đai mãng ấy, để đi rong phố, thì dù họ có khéo giữ lấy bộ mặt tươi tỉnh, nhưng ai chẳng đoán được cái cảnh đáng thương của kiếp đào kép hát tuồng!

*

* *

Tối hôm ấy, cũng mới độ bảy giờ, sáu ngọn đèn điện làm sáng trưng cả cửa rạp An Lạc. Thằng bé con lại khua trống rầm rầm.

Các ông bếp, các bà vú em vẫn xã giao, đi lại nhộn nhịp. Nhưng trước cái bảng giấy đỏ, đã có nhiều ông sang trọng đứng đọc. và qua lỗ hổng bán vé, thỉnh thoảng một vài cái tay trắng muốt thò vào xỉa tiền.

Độ tám giờ, trong rạp đã nhiều khách. Trên dãy ghế hạng nhất có chừng hai chục người. Hạng nhì đông hơn. Hạng ba đông hơn nữa. Hạng năm xu càng đông hơn.

Người ta thử xem rạp An Lạc chấn chỉnh. Người ta thử xem tài đào kép mới. Người ta thử xem tích hát mới.

Nhưng rồi, người ta lắc đầu với nhau. Vẫn cái màn lở sơn cũ che sân khấu không được kín. Vẫn cái đầu bóng trước ngó ra. Và sau một hồi chuông rung, thì cái màn ấy cũng vẫn cút kít cuốn dần lên từng nấc: Cảnh triều đình.

Sau một vài tiếng im, tiếng xuỵt, ở hàng ghế dài cuối cùng cao lêu đêu, họ vẫn cười to, nói lớn, nhổ bậy, cãi nhau.

Trước cái phông sơn thủy vá, vai vua, mặt mũi phương phi không đeo râu, ngồi trên ngai cao, mắt liếc bên phải bên trái, có vẻ oai vệ, để nhìn hai dãy bá quan, và hát những câu không ai nghe rõ.

Rồi một anh mõm trắng, quần áo đỏ, quỳ giữa sân khấu, bưng trên đầu cái đĩa bày sáu chiếc chén không. Vua giơ tay mời. Bá quan sáu người, thì cả sáu người đều nhấc chén, vạch râu, ngửa cổ ra để uống rượu bằng không khí. Anh mõm trắng cầm chiếc nạm gỗ, rưới vào chén một lượt rượu nữa. Bá quan lại uống một tuần nữa và kêu say. Lúc ấy, anh mõm trắng đứng dậy nhìn một vai quan đang lảo đảo. Anh lướt tay vào nạm râu của hắn, rồi quệt vào mồm mình. Thế là anh say đổ điên đổ cuồng, mắt trợn ngược lên, chệnh choạng, sờ soạng, ngả bên kia, giúi bên nọ, mãi mới vào được buồng trò.

Trời ơi! Người ta cười, người ta vỗ tay, tưởng đến vỡ rạp.

Vua cười kha khả, phán:

- *Giui! Giui quá đi mấc mà thôi!*

Rồi bài tẩu mã theo giọng kèn, hùng hồn vang nhịp.

Bỗng anh mõm trắng ban nãy, hớt hơ hớt hải chạy ra. Anh vấp vào một vai quan, ngã lộn tùng phèo. Tiếng cười lại vang động.

Ngã xong, anh đứng phắt dậy, ngay như tượng gỗ, xòe năm ngón lên trán để chào kiểu nhà binh. Người ta lại cười.

Vua nói giọng Sài Gòn, phán hỏi:

– *Chi mà bay giội giàng làm giậy, thằng kia?*

– *Dạ, thậm cấp, thậm cấp, chí nguy, chí nguy! Quân nước Phiên đã kéo đến Lâm Truy, cách kinh kỳ có ba ki lô mét.*

– *Ải! ải!*

Vua quát vậy, rồi với chiếc nậm gỗ, đập chan chát:

– *Ải ải! Nếu giậy, khổ dã chàng khổ dã, nguy tai thị nguy tai! Cuộc chiếng tranh nếu cứ kéo dài, ta e nữa môộc mai dâng khổ. Ớ này, bá quang!*

– *Dạ!*

Vua hét:

– *Quâng Phiêng đã Lâm Truy kéo tới, làm giua tôi lại gặp buổi giang nang, trẫm truyềng cho giăng giõ bá quang, xem ai có tài có gang ra giúp nước, hà!*

Hai anh kép ngồi ngoài, một anh mặt đen, râu đỏ phun phè phè từ thái dương đến môi, một anh mặt trắng, râu vẽ bằng mực, lanh lẹn xắn áo, xốc mũ, múa may, uốn éo, mà bộ giương súng, cưỡi ngựa, vặn ô tô, nhảy xe đạp. Tiếng cười lại vang lừng.

Anh bên phải lắc đầu lắc cổ, nói:

– *Đã có tôi phò tá!*

Anh bên trái vươn cổ, phụng phạo tiếp:

– *Lại có mỗ tá phò!*

Rồi cả hai anh cùng giơ tay và cùng hát:

– *Xin thánh thượng đừng lo.*

Đoạn lại cùng vênh váo trỏ vào ngực mình:

– *Đã có tôi... phò tá!*

Trên hàng ghế đầu, người ta nhăn mặt, bàn tán:

– Nhảm quá. Ta phải lừa rồi.

– Phải họ nói láo, chứ chấn chỉnh cái cóc khô gì! Vẫn đồ bài trí ấy, có đào kép mới mà vẫn hát tích cũ, thì có khác trước tý nào?

Một người tinh mắt, mỉm cười, trỏ lên sân khấu, nói:

– Các ngài thử nhìn kỹ xem bọn kép này là mới hay cũ. Cái anh lần trước ngồi kia, thì bây giờ bỏ bộ râu ria, và ngồi đây. Cái anh ngồi bên này bây giờ, vận mũ khác áo khác và vẽ mặt khác. Vả được độ một vài thằng kép khổ hoặc con đào ươn, mà đã nhặng lên là mới, là chấn chỉnh, thì chúng mình chỉ mắc một lần là cùng!

Rồi cùng thất vọng, rủ nhau ra.

Từ hôm sau trở đi, chiều nào cũng vậy, cứ độ năm giờ, bọn đào kép ban An Lạc lại mũ mãng, phấn sáp, râu ria, ngồi trơ tráo trên xe cao su, đi diễu qua các phố để phơi nắng cái đời hát tuồng còn ngắc ngoải.

Nhưng người đã xem diễn qua một tối, họ đều chán ngán. Nghe tiếng trống kèn cổ động ầm ĩ, họ cũng biết rằng gánh hát còn sống đó, song, chẳng ai muốn để ý xem tối nay, trong rạp, bọn vua quan trò hề ấy họ ậm ọe với nhau những trò gì!

5-8-1936

Tiểu thuyết thứ bảy số 119 (ra ngày 5-9-1936). In trong *Đào kép mới* (tập truyện ngắn). *Phổ thông bán nguyệt san* số 13 (1-12-1937)

NĂM MỚI

(Truyện ngắn)

Bà Thông chưa hả giận. Sắm sửa quần áo xong, bà hầm hầm gọi:

– Sen!

Con bé khốn nạn, sợ hãi, lấp ló mãi ở cửa, mới dám bước vào. Nó khẽ thưa:

– Dạ.

Bà Thông đỏ mặt tía tai, trỏ tay lên tường, nói:

– Mười một giờ đêm rồi, chứ không còn sớm sủa gì nữa, mày liệu mà quét tước cửa nhà. Đúng giao thừa tao ở chùa về, phải có sẵn sàng các thức. Đừng để tao phải bực mình mà năm mới...!

Con Sen run rẩy đáp:

– Vâng.

Bỗng bà quay phắt lại, gắt:

– Há to to cái họng ra! Ăn nói thì ngôn bất xuất khẩu! Vừa trận đòn buổi chiều rồi, không nhớ à?

Con Sen lui xuống, một lát lại bị gọi giật:

– Sen!

Sẵn cái phất trần bên cạnh, bà vớ lấy, chạy đến vút lấy vút để vào lưng nó:

– Định đi ngủ à? Thế mày không biết quét nhà phải không? Để rác ngập mất thế này! Này, rác ngập này!

Đoạn, trong khi con Sen vừa khóc thút thít, vừa còng lưng chui rúc vào tận gậm giường tối om, bà lại quát:

– Thế hương nến mua về để đâu?

– Bẩm bà, con để ở nhà trong.

– Sao lại để ở nhà trong? Chỗ ấy là chỗ mày để những thức cúng bái à? Sao trên bàn thờ không để hả xẩm?

Tức thì lộn tiết, phát luôn dăm bảy chiếc vào lưng nó.

– Mày thử xem lúc này hàng phố còn nhà nào ầm ầm như nhà này nữa không? Mày chỉ làm tao mang tiếng ác.

Rồi bà ngửa mặt tím bầm lên kêu:

– Trời! Có đầy tớ nhà ai ngu ngốc như thế hay không! Mười chín, hai mươi tuổi đầu rồi! Ở hàng hơn một năm, dạy mãi cũng thế thôi! Nuôi những quân ngu ngốc chỉ tổ nhục mình!

Con Sen xám mặt, đặt gói hương nến lên trên bàn. Bà Thông nhìn bộ dạng nó một lát, bỗng hầm hầm mắng:

– À, ra từ nãy tao nói mặc tao, mày không nghe. Mày giỏi thực!

Thế là cái phất trần lại giáng đen đét vào lưng nó như mưa:

– Này giỏi! Này giỏi! Này giỏi! Này giỏi này!

Con bé lăn lộn kêu khóc:

– Con lạy bà, con trót dại.

Bà Thông nghiến răng, trợn hai mắt trắng dã, đập tay xuống bàn:

– Lần nào cũng kêu trót dại. Đến bao giờ mày mới khôn?

Bà ngồi thần ra, tấm tức nhìn hết trần nhà, đến bàn thờ, đến các gậm giường. Khi không còn điều gì đáng trừng phạt đứa ở nữa, bà bèn gọi:

– Sen! Thuê cho tao cái xe! Mặc cả nó bảy xu, vừa đi vừa về, ra chùa, mà dặn cẩn thận rằng đến giao thừa tao mới về.

Con Sen đi, độ mười phút sau, nó thập thò ở cửa, khẽ nói:

– Bẩm bà, người ta không bằng lòng đi bảy xu.

Bà Thông quay lại, cau mặt:

– Nó không bằng lòng thì thuê đứa khác, ngoài phố thiếu gì xe? Mà không bảy xu thì tám xu, từ cái ấy cũng bắt tao phải nói!

Mặt vẫn đỏ như quả bồ quân, bà xếp đồ lễ vào trong quả, đoạn ngồi chờ, chốc chốc lại liếc mắt lên chiếc đồng hồ. Bà nóng ruột, đi đi lại lại, rồi nhìn ra cửa.

Một lúc lâu, con Sen về, bà mắng:

– Tao tưởng mày chết ở xó xỉnh nào rồi! Đi ngẩm ngập hết cả đêm!

– Thưa bà, mãi ở phố dưới mới có một cái xe.

– Thế mặc cả chưa?

– Bẩm đã.

– Bảy xu hay tám xu?

– Bẩm tám xu.

Bà Thông ngồi yên lặng một phút, rồi trỏ cái quả, hoạnh:

– Thế mày không biết mang cái này ra xe à? Người đâu mà lại như cái máy thế? Tao ra chùa lễ, đến giao thừa tao về, liệu mà thức, hay lại ngủ giúi ngủ giụi để tao phải gọi hết hơi!

Con Sen đứng im, cúi đầu. Bà Thông nói tiếp:

– Rồi liệu nhìn đồng hồ, độ mười hai giờ kém mười thì thắp hai cây đèn này lên. Mà xem trong cửa trong nhà còn có cái gì phải dọn dẹp thì dọn dẹp đi.

Nói xong, vẫn còn giận dữ, bà theo con Sen ra cửa. Bà ngồi trên xe, đặt quả đồ lễ lên lòng. Trước khi xe quay càng, bà còn ngoái cổ lại, gí tay vào trán nó, nghiến răng, dặn:

– Liệu mà gài then gài thiệc lại, xẩm nhé!

Giao thừa.

Năm cũ trôi, không còn để một dấu vết. Năm mới tới, cũng chẳng đem đến một dấu vết gì.

Trong đêm tối lặng, tràng pháo bắn tóe ra những tia lửa và những tiếng kêu ran như giọng reo hò của trẻ được áo mới.

Chiếc xe kéo bà Thông cót két trên con đường nhựa rồi hạ bên hè phố. Bà xuống đất, móc túi trả tiền xe và thu hai tay vào bọc, bà đứng nhìn bốn bên.

Đoạn bà giơ tay ra khẽ gõ vào cửa:

– Cách! Cách!

Tiếng then lạch xạch ở bên trong, rồi hai bản lim rít lên, mở toang theo hai cánh tay giang rộng.

Bà đứng lặng trên thềm, ngắm vào, rồi nhìn con ở, dõng dạc nói:

– Năm mới! Tôi mừng chị Sen làm ăn bằng năm bằng mười năm ngoái!

Con Sen đáp rất trơn, như đã học thuộc sẵn:

– Năm mới, con mừng bà buôn may bán đắt, phát tài sai lộc.

Bà Thông tươi như bông thủy tiên mới nở, dịu dàng hỏi:

– Nào, tôi đến xông nhà, chị Sen mừng cho tôi cái gì đi chứ?

Con Sen sực nhớ ra, cuống quít móc thắt lưng, rồi mỉm cười, lễ phép đưa bà một phong giấy đỏ, và nói to:

– Năm mới, con mừng tuổi bà được mạnh khỏe bằng năm bằng mười năm ngoái.

Bà Thông mở gói ra, cười khanh khách, cầm đồng hào rồi móc túi lấy đồng hào khác đưa con Sen, âu yếm bảo:

– Năm mới, tôi cũng mừng tuổi chị Sen để làm vốn nhé!

Nói xong, bà đặt quả lên bàn, nét mặt vui sướng, khen:

– Nhà cửa phong quang, vui vẻ lắm nhỉ? Chắc năm nay nhà ta có vạn sự may. Thôi, cho chị Sen đi ngủ. Để tôi thức một tý nữa, rồi tôi đóng cửa hộ cho.

Đoạn bà hớn hở, ra đứng ngoài hè, nhìn hai bên phố vắng ngắt.

Chỉ một mình bà được may mắn hưởng khí xuân đầm ấm của buổi đầu năm, bà khoái trí đưa tay mở rộng thêm hai cánh cửa và đứng chệch sang một bên, để khắp trong nhà được đón lấy luồng hơi êm ả của năm mới.

Ích hữu số Xuân 1937 (ngày 2-2-1937)

ĐƯỢC CHUYẾN KHÁCH

(Truyện ngắn)

Vì nghĩ đến buổi khách ngày chợ phiên, nên từ trưa đến bây giờ, tự nhiên anh Tiêu như thấy nhẹ nhõm hẳn một nửa người.

Anh ngồi dậy. Nhưng thấy mình mẩy ê ẩm, anh vươn vai, duỗi khục hai tay, rồi nhảy từ trên phản xuống đất. Anh đứng yên một lát cho đỡ chóng mặt, rồi lấy năm đầu ngón tay vuốt lại mái tóc. Nhìn cái điếu, anh định đặt một mồi, hút thử xem còn ho không. Nhưng hình như anh chưa thèm thuốc lắm. Anh biết thế là anh chưa khỏi thực.

Anh Tiêu ra cửa, đứng. Thấy người qua lại đông đúc, anh phấn khởi, quên cả váng vất.

Đã bốn hôm nay, anh nghỉ xe, vì lúc nào anh cũng hầm hập sốt.

Trước kia, mỗi khi bị nóng mình nóng mẩy, anh cho là thường. Anh không hề chịu nằm rên hoặc uống thuốc. Trong nghề anh, anh đã tìm ra được một môn thuốc rất thần hiệu. Lúc nào người anh gây gấy, thì không kỳ quản đắt rẻ, anh cố kéo lấy một chuyến khách, chạy một mạch rõ nhanh, cho ra mồ hôi. Tự khắc cơn sốt nó rơi ở đường lúc nào không biết.

Nhưng từ đầu năm nay, sức anh chống chọi lại với các bệnh tật có kém đi. Lắm khi anh phải "hàng" trước một cơn nhức đầu, hay một trận đau bụng.

Hơn mười năm cầm càng xe, anh Tiêu cho rằng như thế anh cũng đã là dai sức. Vì mắt anh từng thấy các bạn không chịu được những nỗi nhọc nhằn của nghề. Có người mới làm được vài hôm, đã phải một trận ốm thừa sống thiếu chết. Có người mới kéo xe được độ ba bốn năm, đành xoay nghề khác nhẹ nhõm hơn. Có người không kiếm đủ ăn, phải chịu bó tay thất nghiệp, và đi ăn cắp, ăn trộm. Có người bị những trận đòn ghê gớm của cai mà thành ra què quặt, mang tật suốt đời. Phải, còn nghề nào vất vả cho bằng nghề kéo xe. Thôi thì đang nắng sém mặt sém mày, bỗng nổi trận mưa rào, rồi mưa vừa tạnh, mặt trời đã lại chiếu ngay xuống, nóng như lửa.

Như vậy, lưng đang nhễ nhại mồ hôi, thì bị ngay ướt những nước lạnh. Rồi vụt lại đẫm những mồ hôi. Thế mà anh vẫn phải cắm cổ, gò lưng mà chạy, hai chân đặt lên đường nhựa bỏng như đốt. Song, nào đã hết. Buổi tối, anh còn phải phơi sương, có khi phanh bụng ra, ngủ gật suốt đêm. Một người không khỏe như anh, mà làm việc thế, lại không được ăn đủ, ngủ đủ, thì còn gì là đời. Thế mà cứ sống như vậy, anh kéo dài cho được mười năm, kể cũng đã là tay anh hùng.

Nhưng ít lâu nay, sức anh suy kém lắm. Có hôm, anh phải bán lại xe cho người khác trong nửa buổi, để về nhà nằm nghỉ cho qua lúc khó ở trong mình. Và lần này, anh phải nằm bẹt mất bốn hôm. Vì anh không thể gượng được với thần sốt ác nghiệt nữa. Mà nào chỉ có một bệnh sốt? Anh còn ho, ho như rút ruột rút gan, ho đến nỗi hàng xóm nghe thấy cũng phải sợ.

Nhưng hôm nay, anh đã nhóc nhách ngồi dậy được. Và khi biết rằng chiều nay có cuộc chợ phiên to trên Bách thú, tự nhiên anh Tiêu thấy nhẹ nhõm hẳn người.

Một tối hôm nay, kiếm bằng ba bốn ngày thường. Vả lại, toàn khách lắm tiền, bước lên xe không thèm mặc cả, cốt để diện với gái, hơn là ra dáng ta có từ tâm. Thì anh bỏ sao được dịp kiếm ăn dễ dãi và không vất vả này. Anh cũng tính bắt đầu từ ngày kia mới lại đi làm cho sức thực khỏe đã. Nhưng buổi làm tối nay và tối mai, cũng chẳng qua như buổi đi bách bộ trong sân, có gì là khác. Vả, mới có nghị định cấm đi xe đôi, thì hẳn anh không phải kéo nặng nhọc như trước.

Chừng hơn ba giờ, anh rảo bước, đến hiệu xe. Đầu anh vẫn còn hơi váng vất, anh lao đao như người mới ở thuyền lên bộ. Song, anh không nản lòng. Chắc rằng người qua lại tấp nập làm loạn mắt, nên anh thấy thế.

Đi một quãng, anh chóng mặt hơn. Anh đứng lại nghỉ, để thở. Rồi lúc lại sức, anh lại thong thả tiến từng bước một. Anh sờ tay lên trán, thấy vẫn mát như thường. Không hề gì. Hẳn mấy hôm nay vì anh nằm gí, nên bây giờ, mới bắt đầu cử động, anh chưa quen đó mà thôi.

Ở Cửa Nam, các bạn đã đứng đông cả. Họ đùa nhau một cách táo tợn, mà anh rợn cả người. Anh cho rằng trong mình không được khỏe, nên hay sợ, chứ ngày thường, chính anh cũng vẫn đùa bỡn họ như thế. Bỗng có hai người đuổi nhau, rồi người chạy trước quay lại giơ nắm tay, xói vào ngực người chạy sau một cái thực mạnh. Họ vật

nhau, cười như nấc nẻ. Anh Tiêu ghê cả thịt, và cũng rạo rực như thấy quả đấm ấy uych vào ngực anh vậy.

Anh không dám nhìn các bạn nữa. Anh vào tuột nhà ông Cai. Nhưng tiếng cười đùa vẫn inh ỏi bên tai, khiến anh càng muốn quên đi, thế mà cái hình ảnh ấy như còn diễn ở trước mắt. Mà mỗi khi tưởng tượng đến quả phật thủ nó đấm vào ngực, anh lại thấy nao nao như buồn nôn.

*

* *

Anh Tiêu cúi xuống, nâng hai càng xe lên. Anh tiến một bước. Sao mà cái xe nặng thế. Mới ốm có bốn hôm, mà sức lực đã khác đi như thế rồi.

Anh không bước nhanh nữa. Vội gì? Chiều nay, ở Bờ Hồ rất sẵn người. Lúc nào chẳng có khách? Dù có đi rảo bước, bất quá đến trước độ mười lăm phút là cùng. Sớm mười lăm phút hay chậm mười lăm phút, thì rồi cũng có khách.

Đi độ hết phố Hàng Bông đệm, anh vẫn thấy choáng váng, rồi tối tăm mặt mũi. Anh phải đứng lại để thở.

Được. Buổi mới, anh cũng cần tập đi. Chốc nữa, anh sẽ không choáng váng và thở nữa. Cái xe sẽ nhẹ nhõm như thường.

Nghỉ một lát, anh lại bước đi. Nhưng chẳng ai thụi nhau ở trước mặt anh, mà bỗng tự nhiên anh cũng nao nao như buồn nôn. Anh ho dồn một trận, cố khạc mà không ra đờm. Rạo rực, anh muốn nằm ngay ra vệ hè để thở một lát. Giá anh nôn được hẳn thì khoan khoái lắm.

Bờ Hồ là cái biển người mà các phố như các ngả sông chảy dồn người lại. Đến nơi ồn ào, tấp nập, anh Tiêu quên cả bệnh tật. Tự nhiên, anh rảo cẳng từ lúc nào mà anh không biết.

Sự làm quá sức khiến anh lại thấy trong người khó chịu. Anh váng vất và rạo rực hơn. Rồi sa sầm lại, suýt ngã khuỵu.

Ba bốn lần, anh muốn thôi đừng tham công tiếc việc nữa. Biết thế, giá cứ nghỉ cho đến ngày thực khỏe, rồi tha hồ mà làm tiền. Chứ vừa mới hơi khỏi, anh đã gượng dậy, lỡ ốm thêm thì chả bõ. Nhưng trả xe? Cai nào dại mà nhận cho anh. Ai chịu mấy hào thuế ấy? Hẳn anh phải nai lưng ra mà đền sự thiệt hại này.

Mà anh đền? Anh rùng mình khi nghĩ đến tiền đền một buổi xe ngày hội. Hay là anh chịu lỗ vốn ít nhiều, gọi một người bạn nào mà bán lại xe cho người ta buổi tối nay? Nhưng đã mua xe, anh đành phải kéo để kiếm tiền cho khỏi lỗ vốn vậy.

Anh nản chí, càng như bị thần bệnh ám ảnh. Mà buồn quá. Bờ Hồ rầm rập những người thật, nhưng bọn nào đi hai người, họ cũng trèo lên xe điện cả. Anh vẩn vơ, suy nghĩ về cái nghị định nhân đạo của quan Đốc lý thành phố mới ban hành. Chẳng lẽ việc quan thương dân lao động, đặt ra lệ khách không được ngồi xe đôi, lại định giá mỗi cuốc ngắn phải trả một hào, lại hóa ra làm lợi cho xe điện phải hạ giá mỗi quãng là hai xu hay sao? Hay là bây giờ vẫn còn sớm? Phải, người sang trọng còn đương ăn cơm. Chốc nữa, có mà vứt đi cũng không hết khách.

Đèn điện đã bật

Anh Tiêu nhìn trước nhìn sau, và đứng dưới bóng tối để nghỉ. Anh cứ thấy cổ ngứa, lờm lợm. Giá không ai để ý đến anh, mà anh được nôn ra đây, thì hay quá.

Anh thử ọe. Ngực anh càng rạo rực. Nhưng không sao nôn được.

Đứng đấy chán, anh lại đi. Anh tin rằng thế nào cũng được vài chuyến khách. Sao bây giờ xe nặng hơn lúc nãy? Anh thở. Thì tự nhiên anh ọe một tiếng, nhưng không được gì cả.

Nôn khan, anh không lấy làm lạ chút nào. Vì trong bụng anh có gì đâu. Hai hôm nay, mới ban nãy, anh mới ăn được một tí cháo.

Anh lại đi vài bước, mời những khách mà anh gặp. Nhưng chẳng ai trả lời.

Rồi bỗng cơn buồn nôn lại làm anh nao nao trong người. Anh đứng lại, lấy tay vuốt ngực. Tự nhiên, anh đâm ra sợ nôn. Sao vậy? Nào ai biết được.

Nhưng cơn buồn nôn càng bắt anh phải cố nôn. Anh phải đứng cạnh đường, ở chỗ tối. Anh đỡ ngực, há miệng, nhăn mặt và gò lưng xuống để ọe.

Anh ọe. Anh cố ọe. Thì bỗng miệng anh trào ra được đến một bát nước đen đen và long lỏng.

Rồi ngực anh càng rạo rực. Anh chóng mặt như say rượu. Anh ọe khan vài tiếng nữa, rồi lấy tay quệt nước ở mồm.

Quái, cái gì đặc vậy. Anh ghé ra chỗ sáng, nhìn kỹ. Thì bỗng anh giật nảy mình. Mẹ ơi, máu!

Máu tươi toe toét quanh mồm anh, nghĩ mà ghê cả người.

Rồi một cơn ho nổi lên. Anh gò lưng, nhăn mặt, há mồm, hộc ra được một đống máu tươi nữa. Anh sợ run lên, nhìn bốn bên. Nhưng may quá, không có một người đội sếp nào trông thấy.

Lanh trí khôn, anh vội vàng lại chỗ máy nước, ấn mạnh cho nước tóe ra thực nhiều, để nó chảy tràn ra cống, rửa sạch vũng máu đi.

Rồi vừa toan thò miệng vào vòi nước để súc, bỗng anh nghe thấy tiếng gọi: Xe!

Anh ngẩng lên nhìn. Một cô tân thời, cắp ví ở nách, đi dún dẩy từ đằng xa lại.

Không biết nên kéo hay nên không? Anh đương phân vân. Nhưng vụt anh trông thấy một vài chiếc xe không từ đằng xa chạy lại, tranh nhau cướp lấy khách. Chẳng đắn đo hơn thiệt, tự nhiên anh vội vàng quệt tay, chùi máu mép, với lấy càng xe, cũng cắm cổ chạy. Chiếc xe nhẹ nhảy lên chồm chồm.

May làm sao, anh lại tranh được chuyến khách.

1936

CHIẾC QUAN TÀI

(Truyện ngắn)

Chiếc quan tài ấy đặt trên tấm phản, giữa một túp nhà xiêu. Một người đàn bà, quần áo nâu bạc, ngồi bệt ở bên, úp mặt vào cánh tay khoanh cạnh ván thiên, thỉnh thoảng hé vuông vải nhỏ mới, ghé ra ngoài, xỉ mũi xuống nước. Gần đó, một thằng bé con, chỉ mặc một manh áo rách, thò cái gậy tre vừa đẫn, nghịch với những tăm bọt sủi trên mặt lượt bùn.

Bỗng bốn người đóng khố, lực lưỡng, đẩy chiếc mảng chuối áp đến hè, rồi cùng nhau vào, khỏa chân để rửa, nói mấy câu, và đứng lên phản, bắt tay vào cỗ ván.

Họ còng lưng, ưỡn ngực, để khênh cho thăng bằng. Song, họ không thấy nhọc nhằn, vì chiếc áo quan ấy nhẹ quá. Nó bằng gỗ tạp, lỗ chỗ những vết mọt đen, mỏng vừa một đốt ngón tay. Họ chép miệng, phàn nàn với nhau, thương hại anh Cu xấu số, khổ cho đến lúc chết, chết ngay vào độ trời làm vỡ đường.

Mảng chuối chở chiếc quan tài lềnh bềnh theo tay bốn người đẩy ra cổng. Chị Cu trùm khăn lên mặt, khóc thảm thiết. Cứ cả quần áo thế, chị lội bì bõm, đi sau chồng.

Giá không có mảnh vải trắng che mặt, đố người lạ nào bảo chị là người nhà người chết. Và giá không có tiếng khóc, đố ai đoán là ngoài đường có đám ma. Thằng Cu thì chẳng biết gì. Nó thấy người ta ghé lưng, bảo nó ôm cổ để cõng. Nó ngơ ngác làm theo, hình như thích chí vì được đi lội.

Bốn người đẩy mảng, dò từng bước. Đi dưới nước đã chậm, thế mà đường lại trơn. Những bọt sóng tóe bắn lên, làm tắt cả hương. Mấy cây nến cắm trên khúc chuối, bị gió, không sao cháy được. Người ta đã nhiều lần thắp lại cả hương lẫn nến, nhưng vẫn tắt như thường.

Xung quanh, làn nước đỏ mênh mông, từ sáng đến bây giờ, mỗi lúc lên một cao. Chị Cu gào mãi nên rát cổ. Chị phải thôi khóc. Và cố bấm đầu ngón chân xuống đất, cho khỏi ngã.

Mực nước chỗ cao thì đến bẹn, chỗ thấp thì đến thắt lưng hoặc đến ngực. Cả làng chỉ còn có mỗi một nơi cao nhất là khu giữa vườn

nhà ông Lý, may quá, chưa bị ngập. Cho nên ngay từ khi anh Cu ngáp cái sau cùng, chị Cu phải kiếm cơi trầu lên xin với chủ đất, để nhờ chỗ chôn chồng. Ông Lý thương hại, vui lòng nhận lời, lại khuyên chị nên đưa ngay anh Cu "ra đồng" kẻo chỉ một giờ nữa, vườn ông cũng tràn nốt. Thật thế, cả làng, hiện nay chỉ có khu vườn ấy là hở. Còn thì từ ngoài đồng cho đến khắp các xóm, chỗ nào cũng những nước là nước. Nói đúng ra, giữa đồng cũng còn vài ba cái gò là còn nổi lên. Nhưng những đường ra đấy, từ khi mới có tin vỡ đê, tuần đã chặt tre rấp ngang lối, vít kín cả lại rồi. Chỉ còn một lỗ con con chui khe lũy, người ta vẫn đánh trâu qua để thả cho nó bơi đến các gò, đứng nắng và ăn bèo Nhật Bản, thì lối ấy nhỏ quá. Và trừ trâu ra, ai dám bơi qua những nơi ruộng sâu đến một con sào.

Chiếc mảng lênh bênh độ một lát, thì quành vào ngõ xóm Trung. Tuy đường hẹp, nhưng lối đi cao dần. Nước đến thắt lưng, sau đến bẹn, rồi sau đến đầu gối. Rồi sau cùng, mảng chuối chịt lại, mắc cạn, không đi được nữa.

Người ta ghé tay bê áo quan. Chị Cu vác vồ cuốc lên vai, đi theo. Nước rẽ qua những cẳng chân đen thủi, kêu rào rào, tóe bọt trắng sang hai bên.

Chị Cu giục mọi người mau tay lên, vì chị lo ngại quá.

Quả nhiên, mới từ nãy đến giờ, nước đã láng gần khắp vườn nhà ông Lý. Chỗ đất vừa đào cách đây độ một giờ, đã có những dòng nước ngòng ngoèo bò theo nơi thấp, và rỉ vào, ngập đến lưng huyệt.

Bốn người rảo cẳng, rồi đặt quan tài xuống. Họ nhảy vào hố, hai tay bốc nước, thoăn thoắt tát ra. Nhưng vô ích. Nước ra bao nhiêu, lại vào bấy nhiêu. Mà nước vào lại mạnh hơn nước ra. Tát cũng không kịp.

Bốn người thất vọng, bảo nhau khênh bốn góc cỗ ván. Hai người tiến, hai người lui, rồi cùng đứng ngay ngắn ở hai đầu huyệt. Họ cúi lưng, đưa thấp dần dần tay xuống. Chiếc quan tài hạ từ từ. Cảnh đau đớn làm chị Cu đứt từng khúc ruột. Chị muốn khóc cho hết nước mắt, gào cho hết hơi, để được chôn theo chồng. Nhưng bỗng chiếc quan tài đứng sững lại, không xuống được nữa. Nước ở dưới đội nổi lên. Tiếng khóc im bặt.

Bọn người nhìn nhau lo sợ. Lúng túng. Làm thế nào? Bàn tán hồi lâu, hai người nhảy xuống, đứng ở hai đầu áo quan để lấy sức nặng, thì nó mới chìm được. Nhưng nước vào huyệt đã nhiều, nên khi người ta vừa nhảy xuống, nước ở dưới dềnh lên, tràn qua ván thiên. Quan tài như chiếc thuyền đáy phẳng, nó bập bềnh. Hai người mất thăng bằng, ngã khuỵu, thụt cẳng xuống huyệt.

Cách ấy không được. Ỳ ộp, mỗi người nói ra một kế. Chỉ làm sao thắng nổi có mỗi một ít nước, mới chôn được dễ dàng. Chị Cu tưởng tượng đến chồng bị ngâm sũng, chị thút thít, kể lể, thương con người đến chết còn vất vả.

Chẳng mấy chốc, chiếc quan tài vì nhẹ, lại tự nhô lên đến gần mặt đất. Cả huyệt đầy những nước mất rồi. Bây giờ mới là lúc khó khăn. Họ vẫn luẩn quẩn bàn bạc.

Sau hết, ba người phải lấy lưỡi cuốc, hếch kẽ ván cho nước ồ vào thật nhiều và cùng nhau đứng về một đầu cho sức nặng đủ dận được xuống đất. Một người lấy vồ chêm vào thành huyệt, ghì chặt lấy. Một người cuốc đất, và chị Cu khuân vội vàng, vứt xuống hố. Thấy thây chồng đầu cao đầu thấp, chị đau đớn lắm. Nhưng biết làm thế nào?

Họ lèn đất vào thành huyệt và áo quan, rồi quẳng những tảng to lên trên. Cho đất đủ sức dìm một đầu quan tài, họ lại đứng sang đầu bên kia. Và cũng làm như trước. Họ thở ì ạch, khó nhọc như một cuộc vật lộn. Khi cỗ ván đã bị chèn chặt hai đầu, họ bèn rủ nhau lên, để hết sức đào đất cho nhanh chóng mà quẳng xuống. Nhưng họ vừa bước chân khỏi, cỗ áo quan đã bềnh lên theo. Song, được cái nó không nổi cao quá. Biết rằng sức phấn đấu có công hiệu, họ huỳnh huỵch làm một lúc nữa thật mau. Chiếc quan tài lần này chịu nằm gí xuống tận đáy huyệt.

Bây giờ họ đã đỡ vất vả. Chỉ còn việc đắp đất lên cho thành nấm mà thôi. Ấy thế mà khi ngôi mả đắp vừa xong, nước đã láng vào khắp vườn, không còn hở một chỗ nào nữa.

Những con giun đất màu đen to bằng ngón tay út nổi lềnh bềnh, rập rềnh theo đà sóng, trôi với đám bọt rác.

*

* *

Một giờ, lại một giờ. Mực nước lên cao dần, cao trông thấy.

Xung quanh mả anh Cu, có những lá tre khô bám vào. Rồi có bèo Nhật Bản. Rồi có cả bọt rác nữa. Thứ này bám vào chốc lát, rồi bị sóng lôi đi. Thứ kia ôm lấy nhau, nhảy nhót, chạm óc ách vào nấm đất mới đắp. Nước rập rờn liếm mãi vào khe những mảng đất, làm cho nó mủn ra. Rồi nó lở thành những cục con con, lả tả rơi từng tí một.

Độ nửa ngày, nước tràn qua mặt mả.

Gió hiu hiu. Bụi tre cót két như nghiến răng. Những lá vàng rào rào bay xuống, chạy trên mặt nước như thuyền buồm thuận chiều. Lúc nào sóng cũng rập rờn làm ải đất mả đắp dối. Hòn to không mấy chốc thành hòn nhỏ. Hòn nhỏ không mấy chốc bị cuốn đi. Nấm mồ bị vẹt dần. Rồi nó không cao hơn mặt vườn nữa. Rồi chẳng bao lâu, tự nhiên, ở dưới, nhô lên một tầng đất mới.

Tầng đất này mỗi lúc một tí, bị sóng đánh, bị ải, và bị cuốn đi. Rồi hết lượt này đến lượt khác, đất ở dưới cứ nhô lên và cứ bị cuốn đi từng hòn nhỏ cho đến hết. Rồi sau hết, ục một tiếng, cả chiếc quan tài tự nhiên nổi bềnh lên. Nó nghiêng đi, hất tảng đất cuối cùng trên mặt ván trơn bùn như mỡ. Tảng đất rơi tõm xuống nước. Cỗ áo quan tròng trành, rồi đứng yên trên huyệt như chiếc thuyền bị cạn.

Chiếc quan tài nổi theo mực nước lên cao dần. Sóng bập bềnh cứ vỗ mãi vào thành nó như cố đẩy nó đi. Rồi sau, nó không bị vướng gì nữa. Nó quay đầu, lừ lừ theo chiều gió và chiều nước, lênh đênh, lúc trôi ngang, lúc trôi dọc.

Độ nửa ngày, chiếc quan tài đã tự đến góc vườn, cạnh bờ lạch. Đến đây, nước phía ngoài chảy xiết, hút nó vào rặng tre. Nó mắc ở đó. Rồi một bè ngổ bám cạnh nó. Rồi một cụm bèo bám cạnh nó. Rồi cả một mảng vừa ngổ, vừa dừa, vừa bèo. Cả tảng bị nước đẩy ra lạch, nhưng không nổi.

Chiều gió đổi làm nhích dần mọi vật, mỗi lúc một tí. Nhưng cỗ ván gặp cành rong, tự nhiên rúc đầu vào bụi. Rồi lái ngang, hẩy mảng bèo ra cho nó chui qua khe rặng tre và theo dòng lạch trôi nhanh như mũi tên. Rồi một mình chiếc quan tài cựa quậy, như cũng muốn tìm lối ra chỗ rộng. Nhưng nó nặng nề, nên hết xoay dọc lại xoay ngang. Nó tiến rất chậm chạp, vì thỉnh thoảng có rong tre cản lại.

Nắng gay gắt làm cho khô đất bết trên mặt cỗ ván và cong vênh một phần nắp lên. Cả người nằm trong, trương phềnh ra, cũng hình như không chịu được chỗ quá chật hẹp.

Chiếc quan tài như con thuyền không chủ, bập bềnh, lách theo lũy tre. Lúc nó dừng lại. Lúc nó nhích đi. Lúc nó giúi nghiêng, lại bạt vào bụi. Rồi sau hết, nó tới một chỗ có khe rộng. Tự nhiên, nó lao một cái, thích hai cạnh vào tre hai bên, rồi đâm thẳng ra giữa lạch chảy xiết. Đến đây, nó quay mấy vòng, rồi lừ lừ, nó trôi dọc theo dòng nước.

30-9-1937

Tiểu thuyết thứ bảy, số 178 (ra ngày 23-10-1937).

ĐỒNG HÀO CÓ MA

(Truyện ngắn)

Tôi cực lực công kích sách vệ sinh đã dạy ta ăn uống phải sạch sẽ, nếu ta muốn được khỏe mạnh, béo tốt. Thuyết ấy sai. Trăm lần sai! Nghìn lần sai! Vì tôi thấy sự thực, ở đời này, bao nhiêu những anh béo, khỏe, đều là những anh thích ăn bẩn cả.

Thì đấy, các ngài cứ hãy nhìn ông huyện Hinh, hẳn các ngài phải chịu ngay rằng tôi không nói đùa.

Chà! Chà! Béo ơi là béo! Béo đến nỗi giá có thằng dân nào vô ý, buột mồm ra nói một câu sáo rằng: "Nhờ bóng quan lớn", là ông tương ngay nó nói xỏ ông. Tức thì, mặt bàn là một, mặt nó là hai, bị vả đôm đốp. Mà rồi thằng khốn nạn ấy, ông truy cho đến kỳ cùng, không còn có thể làm ăn mở mày mở mặt ra được. Bởi vì ông có sẵn trong tay hàng mớ pháp luật, thì ông ngại gì không khép thằng bảo quan béo vào tội "làm rối cuộc trị an". Thế là việc công việc tư, ông đều được trọn vẹn. Vì không những ông được hả giận, lại còn được tiếng mẫn cán là khác nữa.

Nhưng cớ sao từ ngày xuất chính tới nay, hai mươi năm trời rồi, ông vẫn còn lẹt đẹt tri huyện mãi. Cái đó không quan hệ. Các bạn học cùng ông, họ đều thăng đường quan cả, vẫn thường phàn nàn hoạn lộ quá chậm chạp của ông. Trước mặt họ, nghe câu nói thành thực ấy, ông chắp tay, cúi đầu, làm ra vẻ buồn rầu. Nhưng lúc quay lưng đi, ông bĩu môi, chửi thầm một câu, bụng bảo dạ:

– Làm bố chánh có vặn sỉ ra mà ăn!

Lý lịch của ông huyện Hinh cũng xấu thật. Bởi vì ngồi huyện nào, ông cũng bị dân kiện. Mà quan trên xét ra ông lại trễ nải việc quan. Đời làm quan của ông chỉ có hai việc chính: đánh bạc và chơi gái.

Năm nay, ông đã ngoại tứ tuần. Ông vẫn lấy cái tuổi của ông để lên mặt tiền bối, khinh những ông huyện trẻ khác, nếu tụi này dám chỉ coi ông là bậc ngang hàng. Ông liền khoe thằng Cả nhà ông đã hai mươi nhăm, rồi ông cặp ngón tay trỏ và ngón tay cái với nhau, vê vê trên mép. Trên mép ông, ông đã bao công trình mới cấy được từng

ấy râu. Ông để râu, cho khác hẳn với tụi huyện trẻ nhãi. Nguyên cái da mặt ông nhỏ mà có lẽ vì ông béo quá, nên lỗ chân lông căng ra, căng thẳng quá, đến nỗi râu không có chỗ nào lách ra ngoài được. Đến nỗi năm bốn mươi tuổi, mà mặt ông nó cứ nhẵn thín như thường. Ông bực mình, bèn ra lệnh cấm thợ cạo lia lưỡi dao lên môi ông một dạo, để ông nuôi râu. Thì sau hết, những lông tơ nó cũng dài ra, và trông rõ hơn. Và đến bây giờ, đứng ở hai bên miệng ông, nó thành hình hai cái dấu chua nghĩa (...)

Buổi hầu sáng hôm ấy.

Con mẹ Nuôi, tay cầm lá đơn, đứng ở sân công đường. Nó hớt hơ hớt hải qua cổng chòi, rồi sợ sệt bỡ ngỡ, không biết quan ngồi ở buồng nào. Bỗng một người mặc áo cánh nái nhuộm vỏ già chạy xồng xộc đến trước mặt nó, và hỏi:

– Đi đâu?

Con mẹ biết ngay rằng đó là cậu lính lệ. Và như hiểu rõ phép vào quan, nó giúi đưa cậu lệ hai hào đã cầm sẵn ở trong tay, rồi nói nhỏ:

– Nhờ cậu bẩm quan cho tôi vào hầu.

Cậu lệ tuy đã cầm tiền, nhưng làm như ta không để ý đến việc nhỏ nhen ấy, bèn vừa thò tay, vừa nói to:

– Đưa xem đơn, việc gì?

Rồi trong khi nhà Nuôi kể lể, thì cậu lệ đánh vần để đọc lá đơn. Đoạn cậu lắc đầu, nhăn mặt bảo:

– Vào kia, nhờ bác nho Quý bác ấy làm hộ cho. Đơn này không được.

Con mẹ tái mặt, hỏi:

– Không được thế nào, thưa cậu?

Cậu lệ giơ hai tay ra giảng:

– Nghĩa là nếu nhà chị muốn việc chóng xong, nghe chưa?

– Thưa cậu, cậu cứ vào trình quan hộ. Chả nói giấu gì cậu, nhà tôi bị mất trộm hết sạch cả đồ đạc lẫn tiền nong. Sáng nay, vay mãi mới được đồng hai bạc, để đi trình quan, cậu làm ơn thương hộ cho.

Cậu lệ nhìn nét mặt nằn nì của nhà Nuôi, song vẫn thản nhiên:

– Tôi bảo nhà chị không nghe thì tôi mặc kệ. Tôi thấy nhà chị ăn mặc thế này, lại bị lúc vận hạn đen đủi, tôi lại chẳng động lòng hay sao? Nhưng ở đây, cái lệ nó như thế. Tôi tử tế, nên bảo trước. Nếu nhà chị không theo, thì quan quở, chớ có trách tôi đấy.

Muốn chứng thực lời nói của mình, mẹ Nuôi cởi nút dải yếm ra, rồi xỉa năm đồng hào đôi còn lại lên gan bàn tay, và nói:

– Đây này, chẳng tin, cậu đếm mà xem, chỉ còn vừa vặn tiền trình thôi.

Cậu lệ lắc đầu. Con mẹ vừa buộc lại tiền, vừa nhăn nhó, van lơn:

– Lạy cậu, thương cháu, cho cháu được nhờ. Cậu cứ vào bẩm quan hộ. Hễ quan bắt làm lại đơn, thì cháu xin ra nhờ bác nho Quý ngay.

Bỗng một tiếng chuông gọi. Cậu lệ dạ giật một tiếng, rồi ù té chạy. Con mẹ Nuôi nhìn theo, biết rằng buồng quan ngồi ở chỗ ấy. Nó đánh liều tiến đến, vừa tiến, vừa lo. Nó bước chân lên thềm, trống ngực bắt đầu nổi mạnh. Nó đã trông thấy ông quan. Nó lại sợ nữa. Vì lo sợ quá, nên quên đứt rằng chính nó đi trình việc mất trộm. Nó lại tưởng như nó là đứa ăn trộm vậy. Nó rón rén, đứng nép vào cạnh cửa, thập thò, ghé vào trong, và lắng tai nghe. Nó thấy quan đang dặn cậu lệ xuống bảo nhà bếp ninh cho thật dừ cái chân giò.

Và đến khi cậu lệ dạ tiếng cuối cùng và đi vào sân sau, mé cửa trong, thì nó hiểu ngay rằng đã mất toi hai hào cho thằng xỏ lá nó chẳng bẩm cho mình một tiếng nào.

Bỗng hai con gà tây béo xù quàng quạc kêu ở sân trước. Nó thốt giật nảy mình. Quan đang ngồi, choàng một cái, ngài đứng dậy, chạy vội ra hiên, đứng ngay cạnh nhà Nuôi, và gọi váng:

– Có đứa nào đấy, lừa hai con gà vào cho tao!

Tức thì, người ta chạy tán loạn để xua gà, và nhà Nuôi thì chắp hai tay, quỳ ngay xuống gạch, và nâng ngang đầu cái lá đơn.

Khi đôi gà đã chạy về, quan bèn nhìn con mẹ, và bảo:

– Vào đây.

Nó mừng quá, lóp ngóp đứng dậy, vội vã theo vào trong buồng giấy.

Nó đứng ở cạnh bàn, run lên bần bật. Nó liếc nhìn quan. Ngài oai vệ quá. Nó lại sợ hơn nữa. Nhưng dù run hay sợ, nó cũng không quên được việc vì thiềng quan.

Nhưng tiền trình diện quan, nó lại buộc vào trong dải yếm. Nó phải cởi ra, mới lấy được.

Nó mới lúi húi rút cái nút buộc ra. Nó sợ quan chờ lâu, nên phải vội vàng. Mà vì vội vàng, lại lo quan gắt, nên nó lóng cóng. Cái nút vừa xổ ra, thì loảng xoảng, cả món tiền rơi tiệt cả xuống gạch.

Năm đồng hào đôi nảy lên mấy cái, và từng ấy tiếng kêu làm nó giật mình. Tự nhiên, nó choáng cả người và hoa cả mắt. Nó cúi nhìn chỗ nhiều hào rơi nhất, ngay bên cạnh nó. Đồng thì chui nằm ẹp gần chân nó, đồng thì xoay tít mấy vòng, đồng thì bắn ra góc buồng. Mấy đồng nữa thì thi nhau lăn ra tận chỗ xa.

Nó không thấy quan nói gì, nên cũng hơi tĩnh tâm. Nó bèn cúi ngồi xuống để nhặt tiền. Một đồng, hai đồng. Đồng thứ ba nghiêng ở mé tường. Nó tìm đồng thứ tư. Mãi nó mới thấy ở tận gần chân bàn giấy của quan. Nó tìm đồng thứ năm. Quái, nó tìm mãi, mà không thấy đâu cả.

Nó phải có năm hào đôi. Năm hào đôi mới thành đồng bạc được. Vừa ban nãy, nó giở ra cho cậu lệ xem, và lại buộc cẩn thận vào dải yếm. Không lẽ đồng hào ấy có ma, đã biến đi đâu mất chóng thế được. Vậy chỉ quanh quẩn ở trong buồng này mà thôi. Nhưng nó đã tìm kỹ lắm rồi. Mà trình đơn tám hào, tất nó bị quan chửi. Không biết làm thế nào được, nó tần ngần, chắp hai tay, vái:

– Lạy quan lớn ạ.

Rồi nói lùi lùi bước ra cửa. Rồi nó đi về...

Ông huyện Hinh cứ ngồi yên sau bàn giấy để nhìn theo con mẹ khốn nạn. Rồi khi thấy nó đi đã khuất, ông mới đưa mắt xuống chân, dịch chiếc giày ra một tý. Và vẫn tự nhiên như không, ông cúi xuống, thò tay, nhặt đồng hào đôi sáng loáng, thổi những hạt cát nhỏ ở đế giày bám vào, rồi bỏ tọt vào túi.

12-1937

HÉ! HÉ! HÉ!

(Truyện ngắn)

– Này xe, cái con mẹ thắt lưng tím đang đi trước hiệu Phúc An kia, có phải là vợ nhà Chánh tổng Đồng Quân không nhỉ?

– Bẩm cụ lớn phải ạ.

Cụ lớn - bởi vì người đàn bà này được diễm phúc hơn người khác ở chỗ có chồng làm quan đến chức Tuần phủ - cụ lớn nghĩ một lát, rồi hỏi:

– Tên con mẹ là Chánh gì hở?

Anh xe vừa bấm chuông, vừa đáp:

– Bẩm, Chánh Tiền ạ.

Cụ lớn mỉm cười:

– Tên nó thế không trách nó giàu. Nhưng nó ăn mặc thế kia, đố ai biết nó có hàng vạn. Đến gần nó, mày đỗ cho tao xuống nhé.

– Dạ.

Lúc ấy bà Chánh Tiền đương đi vội vàng trên hè. Bà không để ý đến đường phố, bởi vì ở nhà quê ra tỉnh, bà định sắm ít xẻng cuốc, cùng vài thứ lặt vặt, nên đi đi lại lại ở phố Khách đến mười lượt, để khảo giá các hiệu bán đồ sắt.

Bà mặc áo vải nâu dài không gài khuy, quần thâm ngắn cũn cỡn. Cánh tay bà khoác cái nón đã tàu tàu. Tất cả bộ cánh của bà chỉ hơn người nhà quê thường có cái thắt lưng tím.

Bà đương nhìn vào hiệu Phúc An, bỗng tiếng cười khanh khách giòn tan ngay bên cạnh tai, làm bà giật nảy mình:

– Hé! Hé! Hé! Bà chị lên tỉnh từ bao giờ thế?

Cụ lớn Tuần nắm lấy cổ tay bà Chánh, và vồn vã hỏi thế. Thì không ngờ bà này, được hân hạnh bất thần, sung sướng quá, đến nỗi rú lên một tiếng "ối", và cảm động suýt rơi nước mắt. Bà ta vội vàng chắp hai tay để vái, lùi lại một bước, cung kính chào:

– Lạy cụ lớn ạ.

Cụ lớn, nhăn mặt, xua tay:

– Không, không cụ lớn cụ bé gì, chị em mình bạn gái cả, ai hơn tuổi là chị, ai kém tuổi là em. Có các ông ấy làm việc với nhau thì muốn gọi nhau là gì thì gọi.

– Dạ, lạy cụ lớn.

– Ồ, đừng cụ lớn cụ bé gì mà! Hé! Hé! Hé!

– Lạy cụ lớn cho phép con gọi thế ạ.

– Gớm, các bà chị đến khó bảo. Thế nào, bà chị lên tỉnh từ bao giờ, sao không vào trong dinh chơi?

– Lạy cụ lớn tha tội cho, chúng con ăn mặc sồ sề, sợ vào thì làm bận mắt cụ lớn.

Cụ lớn cười xòa:

– Ồ, bà chị cứ dạy thế. Tôi trách đấy!

– Lạy cụ lớn, cụ lớn là chỗ cha mẹ, cụ lớn tha tội cho con cháu.

– Thế thì bây giờ vào chơi vậy.

– Lạy cụ lớn, dạ.

– Vào ăn cơm với tôi cho vui nhé.

– Lạy cụ lớn, chúng con đã vô phép cụ lớn rồi ạ. Nhà quê chúng con hay ăn cơm sớm.

– Thì vào chơi nói chuyện vậy. Ông Tuần tôi đổi về đây, tôi đến thăm các bà chị một lượt, thế mà các bà chị lên tỉnh, không bà nào vào chơi với tôi. Tôi giận lắm đấy.

– Lạy cụ lớn, chỗ chúng con là con cháu, chỉ sợ ăn nói thất thố, nên không dám vào đó mà thôi.

– Thì tôi đã bảo chỗ chị em mình là bạn gái với nhau, ta cần gì. Các bà chị đong bán, tôi cũng đong bán. Các bà chị làm ruộng, tôi cũng làm ruộng. Thật đấy, ở nhà, tôi cũng vẫn giặt giạ, quét tước, chứ có xềm xệp ngồi không như các bà quan khác đâu. Hé! Hé! Hé!

– Dạ.

– Vào chơi trong dinh nhé.

– Dạ, chúng con xin theo hầu cụ lớn.

– Ừ, lên xe tôi mà đi.

Nói đoạn, cụ lớn gọi chiếc xe hàng, để nhường bà Chánh Tiền ngồi xe nhà.

Cử chỉ không ngờ này lại khiến bà Chánh cảm động. Lần này, bà ứa nước mắt thật. Bà ngượng nghịu, run sợ thế nào ấy. Nhìn chiếc xe sơn giả đồi mồi, gọng kền sáng loáng, vải đệm trắng tinh, bỗng bà ghê cả người. Bà tưởng như mình không xứng đáng được dùng những thứ sang trọng quá quắt như vậy. Và khi đặt tấm thân cục mịch lên trên chiếc đệm êm ái do cụ lớn nhường cho, bà khoan khoái, nghĩ bụng không biết mấy mươi kiếp trước tu đã dầy dặn thế nào, nên kiếp này mới được đền bù bằng một phút hạnh phúc này vậy.

Bà ngồi mớm trên xe, mà vẫn còn rùng mình. Bà ngẫm đến lời ngọt ngào, tử tế của cụ lớn mà nở nang cả mày mặt. Sao lại có bà quan dễ dãi, phúc hậu như bà Phật này. Một đời người, dù khổ sở thế nào, mà được cụ lớn ban chuyện cho một lát, một lát thôi, thì còn ai muốn chết nữa. Vợ một quan Tuần phủ, vợ một cụ lớn đầu tỉnh, mà đối đãi với vợ một tên Chánh tổng quèn, ăn nói thân mật như chị em, nào nắm tay vồn vã, nào bà chị, nào hơn tuổi, nào vào chơi, nào trách móc, trời ơi, ai được thế mà chả thọ thêm đến mười năm! Nghĩ đến đó, bà Chánh dào dạt cả tâm hồn.

Bỗng xe bấm chuông và chạy quành vào dinh. Bà Chánh vội vàng tụt xuống đất, và nói:

– Anh đỗ cho tôi xuống đi bộ, kẻo cụ lớn ông trông thấy lại quở.

Nhưng cụ lớn bà nghe tiếng. Cụ lớn quay lại, xua tay, cười:

– Không can gì. Đàn ông họ không hay chấp nê như bọn mình đâu.

Đến thềm nhà tư, bà Chánh chùi chân vào chiếc thảm rất kỹ lưỡng, rồi mới dám bước lên gạch hoa. Và cụ lớn phải kéo mãi, bà mới dám ngồi trên chiếc ghế bành đánh bóng. Bà thít người lên.

Cụ lớn gọi lính quạt nước, và lấy lọ chè cất trong tủ mà cụ lớn khoe là thượng hảo hạng. Chính cụ lớn tự pha ra chén, và đưa tận tay mời bà Chánh Tiền.

Mỗi lần bà Chánh được cụ lớn ban cho những câu tử tế, dễ dãi, ngọt ngào, thì bà lại rơm rớm nước mắt.

Cụ lớn hỏi thăm về mùa màng, đong bán. Cụ lớn bàn lẽ thiệt hơn về lối làm ăn. Bà Chánh cảm sự nhã nhặn bao nhiêu, lại phục sự đảm đang của cụ lớn bấy nhiêu. Và cụ lớn nói cả chuyện buôn bán của cụ lớn, khi gọi họ, khi đong thóc, khi cân sơn, khi buôn tơ, khi đặt đay, vân vân, bất cứ dịp nào có lãi, cụ lớn cũng không để tiền nằm yên bao giờ.

– Phi thương bất phú, bà chị ạ. Ông nhà tôi tiếng rằng làm quan, nhưng lương lậu có được là bao. Hé! Hé! Hé!

– Dạ, lạy cụ lớn, cụ lớn ông thực là nhân quan.

– Phải, cho nên tôi vẫn phải giữ nghiệp nhà, là lấy sự buôn bán làm căn bản. Làm bà quan, chẳng qua như được hưởng cái hoa thơm, chứ sung sướng sao bằng các bà chị có ruộng nhiều. Thế năm nay bà chị chỉ cấy có năm mươi mẫu thôi à?

– Dạ, lạy cụ lớn, năm nào chúng con cũng chỉ cấy có ngần ấy, còn cho người ta làm rẽ. Vì nhà neo người, sức một mình con không kham nổi ạ.

– Phải, tội gì vất vả lắm. Vả lại chỗ cho người ta cấy rẽ, cũng thừa ăn tiêu rồi còn gì.

– Dạ.

– Chỗ năm mươi mẫu ấy, bà chị bảo trữ lại để bán là phải lắm. Thóc được giá mà không bán, chỉ tổ để chuột cắn.

– Bẩm cụ lớn, mấy lị nhà con chật, không có chỗ chứa thêm thóc nữa ạ.

– Ồ, quế hóa quá, trong nhà bà chị có những hai lẫm thóc to tướng, thế mà không đủ để chứa thóc kia à?

– Dạ, lạy cụ lớn, thầy Chánh nhà con vẫn cứ định xong mùa này thì xây thêm mấy gian nữa. Thầy cháu cứ không muốn bán, bảo trữ lại, chờ năm vỡ đường hãy hay. Nhưng con tưởng để thóc nằm đấy, thà bán đi để đong cái khác còn hơn.

– Phải, bà chị nghĩ chí phải. Việc tiền nong, phi ở tay bọn mình, không có lợi Các ông ấy đàn ông đàn ang, gặp đâu nói đấy, chứ sao bằng bọn mình Hé! Hé! Hé!

– Dạ.

– Thế bà chị còn được bao nhiêu thóc ở trong nhà?

– Lạy cụ lớn, cũng còn độ hơn nghìn bạc, chứ chả mấy ạ.

– Ồ, quế hóa quá! Bà chị không bán à?

– Bẩm ý con muốn bán, nhưng thầy cháu cứ muốn giữ lại.

– Ồ, này, bà chị để tôi đong cho, cho ông ấy tức một mẻ.

Bà Chánh sung sướng, đáp:

– Dạ, cụ lớn dạy thế còn gì bằng.

– Thật đấy, cho tôi đong một nghìn nhé...

– Dạ, cụ lớn đã dạy, thế nào con chả xin tuân.

– Nhưng mà này, chỗ chị em, chả nên giấu giếm nhau. Tôi vừa có dăm nghìn, lại tậu cái đất trên Hà Nội để làm nhà cho khách chạy loạn thuê mất rồi. Bây giờ chỉ còn có dăm chục để ăn từ nay đến cuối tháng. Bà chị có cho đong chịu hãy nhận lời.

– Lạy cụ lớn, bao giờ cụ lớn ban cũng được, miễn là cụ lớn nhận mua là may cho con lắm rồi.

– Thế bà chị không sợ tôi quỵt à? Hé! Hé! Hé!

Bà Chánh cười theo:

– Lạy cụ lớn, tôi con nào dám ngờ cha mẹ.

Cụ lớn bèn nghiêm trang, nói:

– Nhưng mà này, chị Chánh ạ, tôi nhận đong của bà chị một nghìn đồng bạc thóc, nhưng tôi hãy cứ gửi bà chị ở nhà đấy. Như vậy, bà chị hẳn khỏi nghi nhé! Hé! Hé! Hé!

– Lạy cụ lớn, chúng con nào dám thế, xin cụ lớn cứ cho xe về.

– Không, tôi cứ gửi ở nhà bà chị. Bởi vì trong dinh chật chội, có chỗ nào chứa đâu?

– Dạ.

– Rồi bao giờ tôi thuê được nhà ngoài phố, sẽ cho nó về lĩnh thóc sau.

– Dạ.

Bà Chánh nói chuyện một lúc lâu nữa, mới hả hê, cáo từ ra về.

Và cố nhiên đến nhà, bà nhắc lại nguyên văn cho cả làng, cả tổng nghe những câu nói tử tế, nhã nhặn, dễ dãi, phúc hậu của cụ lớn Tuần.

*

* *

Ba tháng sau, trời làm lụt loạt và đói kém. Thóc lúa cứ cao lên vòn vọt. Việc vào dinh hầu cụ lớn đã thành ra một thời sự cu cũ. Cho nên bà Chánh Tiền chỉ còn trông thấy chỗ cây thóc bán chịu cho cụ lớn mà thôi. Bà thở vắn, thở dài. Thà cụ lớn cho người đem đi cho khuất mắt, hoặc cụ lớn ban cho ít nhiều để làm vốn thì bà cũng cam lòng. Từ nọ đến nay, bao nhiêu người xin đong mà bà không dám bán. Bà tiếc quá. Song nghĩ đi thì thế, mà nghĩ lại, bà cho là chẳng thiệt nào. Một đời dễ mà gặp được một bà quan đầu tỉnh đối với vợ một thầy Chánh tổng vồn vã, dễ dãi, phúc hậu, như thế. Người ta có tiền nghìn bạc vạn hẳn

hoi, cũng không thể mua được lời nói tử tế của người trên. Cho nên, nghĩ tới đó, bà lại thấy hả hê, sung sướng nguyên vẹn.

Một hôm, có người lính tuần về Đồng Quân, đưa bà Chánh phong thư. Bà bảo chồng mở ra để đọc:

Bà chị,

Bây giờ thóc được giá, tôi nhờ bà chị làm ơn bán hộ chỗ thóc tôi gửi bà chị trước. Cứ thời giá, thì chỗ ấy thu được đến hơn nghìn rưởi, nhưng tôi chỉ lấy tròn nghìn rưởi mà thôi, còn bà chị có bán được hơn thì mặc ý. Vậy chỗ một nghìn, tôi xin nộp lại bà chị, còn năm trăm lãi, là của tôi. Như vậy là tôi quấy rầy bà chị quá, xin bà chị miễn trách.

Lâu nay không thấy bà chị lên tỉnh, tôi nhớ lắm. Vậy thế nào 26 này, bà chị cũng lên, nhân tiện chúng ta nói chuyện với nhau cho vui.

BÀ TUẦN

Nghe xong thư, bà Chánh Tiền nhăn nhó, rồi thở dài mãi.

Thóc này bán cho ai được, để kịp đến 26 có năm trăm đem lên nộp cụ lớn đây? Thì té ra bây giờ xoay ngược lại, bà là con nợ của cụ lớn.

Suốt mấy ngày, bà lo lắng. Bà phải chạy khắp các nơi để mời người đến đong, nhưng không xong. Chả ai có vốn nữa. Mà ngày 26 cứ gần dần.

Lắm lúc định liều, bà tính cứ lên tỉnh, rồi bẩm với cụ lớn là thóc ế. Như vậy bà có thể không thiệt hại gì. Song, thế không tiện. Cụ lớn đã tin cậy mà giao cho một việc. Mới có mỗi một việc. Chả lẽ chưa chi đã phụ bụng tốt của cụ lớn? Vả lại cụ lớn vồn vã, ngọt ngào, dễ dãi, phúc hậu, ai nỡ xử lại thế được?

Kết cục, là ngày 26, bà Chánh Tiền lên tỉnh có mang đủ số năm trăm lãi thóc của cụ lớn.

Món năm trăm ấy, bà phải viết văn tự để vay. Bà hậm hực, tức bực và oán thán cụ lớn lắm.

Nhưng mà:

– Ấy kìa! Hé! Hé! Hé! Bà chị! Tôi mong mãi!

Cụ lớn nắm lấy cánh tay và vồ vập nói thế. Bà Chánh Tiền bỗng quên hết mọi sự. Bà lại cảm động, rơm rớm nước mắt, và hởi lòng hởi dạ như thường.

TÔI CŨNG KHÔNG HIỂU TẠI LÀM SAO

(Truyện ngắn)

Lên khỏi mấy bực thềm và qua hàng hiên nhìn, Sinh thấy cái cảnh "chúa vắng nhà" hiện ra trong các buồng giấy.

Phải, bao giờ ông Sếp không có mặt tại sở, thì suốt cả, từ ông Phán sắp về hưu cho chí bác loong toong tập sự, ai nấy tự do tán gẫu cùng nhau, mặc kệ những ai có việc phải ngấp ngó ở ngoài hè chờ đợi.

Sinh thì không ưa cái lối làm việc giả dối như thế. Nhất là đối với ông Sếp hay hục hặc này. Từ ngày được bổ đi làm tới nay, bao giờ anh cũng nghĩ tới bổn phận trước hết. Anh không sợ ông Sếp bằng dư luận. Mà không sợ dư luận bằng lương tâm. Anh muốn tự trọng, không chịu để người trên nói động đến mình. Người trên đã không thể trách mắng anh về một lẽ gì, hẳn anh không phải lấy lòng và xu nịnh ai nữa. Anh muốn làm việc một cách thẳng thắn, tự do.

Bởi vậy, ông Sếp ở cạnh anh, hay đi vắng, anh coi cũng thế thôi. Cho nên, thấy các bạn đồng nghiệp cặm cụi - có lẽ là vờ - khi có mặt người trên, và chây lười khi khác, anh vẫn bỉ ngầm là họ thiếu nhân cách. Anh cho là những cái quất quéo này nó đẻ ra cái quất quéo khác. Nó là nguyên nhân những sự luồn lọt, ton hót, bôi gio trát trấu vào thanh danh của cả một đoàn thể.

Sinh đi thẳng vào buồng mình. Đồng hồ đã chỉ bảy giờ hai mươi nhăm. Anh cởi áo, khoác vào lưng ghế, và tìm sổ sách giấy má hôm trước làm dở.

Mọi ngày, cũng lúc này, bàn máy chữ buồng cạnh đã bắt đầu lách tách, có khi rào rào như mưa. Thế mà bây giờ chỉ những tiếng chuyện, tiếng cười nôn nao, loạn cả óc, làm anh khó lòng làm việc bình tĩnh được.

Liếc mắt nhìn xung quanh, anh thấy chỗ này, Tâm và Sức ngồi cả lên bàn, khoa chân múa tay, nói chuyện với Tham Trí. Chỗ kia,

Ban mặc áo cộc, cặp cái điếu vào hai đùi, sắp hút thuốc; Chính thì lom khom châm diêm, và Bắc thì chỉ rình thổi tắt.

Thấy các bạn đồng nghiệp đùa nhảm, Sinh mỉm cười, quay đi. Bỗng thình lình anh nghe thấy đánh bốp. Rõ là tiếng bàn tay tát vào má. Anh đoán ngay là bác loong toong Thảo xưa nay vẫn hay có thói đánh người, vừa ra oai với một anh dân nào vô phúc. Anh toan để ý nhìn, thì chính Thảo đã nói rất to, giọng gắt gỏng:

– Muốn ở tù thì nheo nhéo cái mồm lên, các quan còn đang bận. Chưa đến giờ!

Ngay lúc đó, đồng hồ buông một tiếng. Bảy giờ rưỡi. Nhưng hiệu báo ấy không có nghĩa gì đối với trong sở khi vắng mặt ông Sếp.

Bỗng cửa buồng mở phanh ra, rồi lại tự đóng. Nghĩa vào. Đó là một bạn đồng nghiệp của Sinh, cùng làm một buồng giấy.

Cũng vì luôn luôn ngồi gần nhau và tuổi sàn sàn ngang nhau, nên Sinh thân với Nghĩa hơn với các bạn khác.

Thoạt vào, Nghĩa đã vui vẻ nói ngay:

– Có lẽ đến tám chín giờ nó mới ra sở, tội gì không hưởng lấy vài phút tự do? Này Sinh, bảo cái đã...

Sinh nhếch mép, cười lấy lòng bạn, nhưng tay vẫn cầm bút.

Anh hỏi:

– Anh bảo gì?

– Hôm qua nhật trình đăng Tàu Nhật đánh nhau thế nào?

Sinh cười, không đáp, hỏi lảng:

– Cái giấy tôi đánh máy dở, loong toong có để bàn bên ấy không?

– Thôi, đốt cái chăm chỉ của anh đi. Này, cuối tháng này, "mó" lương xong, vào cổ phần với đằng này để xuống xóm nhé. Con Nhật nó vẫn hỏi thăm đấy.

Sinh vẫn cúi viết, không đáp. Nghĩa chạy lại, giằng bút ra, nói:

– Tôi không bắt anh ăn cắp được dăm phút hay sao!

Rồi chõ mồm sang buồng bên cạnh, Nghĩa kêu:

– Ối làng nước ơi! Sao mà nó điên dại đến thế. Có ai bắt thằng Sinh nói chuyện được không?

Nghĩa cười sằng sặc. Một ông già cúi gầm mặt để đưa nhỡn tuyến lên trên đôi kính trắng, nói:

– Ông Sinh còn trẻ, chưa lịch duyệt việc đời!

Sinh vẫn mỉm cười. Anh không muốn mất lòng ai, nhưng cũng không muốn để ai ngăn trở công việc mình. Anh nói khẽ với Nghĩa:

– Cho tôi làm xong việc này đã.

Nghĩa bĩu môi:

– Việc nhà nước, cần gì hấp tấp. Vả bao giờ hết được? Anh chỉ biết làm việc như một con bò, không dám nghỉ một phút. Thì nhân nó không có đây, hãy nghe người ta nói câu chuyện này đã nào.

Sinh cười:

– Thì cứ nói đi, tôi vừa làm vừa nghe cũng được mà.

– Không, hãy bỏ bút xuống đã.

– Kìa, anh trông, bố Hạnh ngủ gật kìa, chừng đêm qua bố đã bù khú với cô Hai đến sáng. Chúa ăn cắp thì giờ là bố Hạnh đấy.

Sinh thở dài:

– Mình không làm việc, họ kêu chết.

– Ai? Anh bảo họ là ai?

– Là những người đứng chờ ta ngoài kia chứ ai?

– Kệ xác chúng nó! Chúng nó cần ta, chứ ta cần chúng nó à?

Sinh dở đùa dở thật, đáp:

– Nói thế này, anh đừng giận nhé, chúng nó sẽ bảo chúng ta là...

Sinh ngừng, nhìn bạn. Nghĩa tiếp ngay:

– Là ăn cắp là cùng chứ gì!

Sinh phá lên cười. Nghĩa bĩu môi:

– Anh tính ở đời này, thiếu gì thằng ăn cắp. Mà triệt sao được tính ăn cắp của người ta. Anh chẳng thấy bao nhiêu thằng to đầu mà vẫn công nhiên ăn cắp à? Mà suy ra cho cùng, nếu không có những việc có thể ăn cắp được, thì người ta còn vẽ ra những sự công ích công lợi để làm gì? Vẻ khả quan của xã hội hiện thời, chẳng là do những tư tưởng muốn ăn cắp mà ra hay sao?

Nói đoạn, Nghĩa về bàn giấy mình, và tiếp:

– Thôi được, anh chẳng ăn cắp thì tôi ăn cắp vậy.

Sinh nhìn theo bạn. Hai người yên lặng, không ai nói chuyện nữa.

Bỗng Nghĩa giơ hai tay lên, ngáp, bảo Sinh:

– Tao cũng muốn bắt chước mày, đạo đức một lát, nhưng Sếp đi vắng mà cứ làm việc, thật tao không yên với lương tâm. Hôm nay tao dậy trưa, vội đi làm, chửa kịp ăn sáng. Sinh, mày có ăn bánh Tây chả, tao mua cho.

– Ăn rồi.

– Thế tao ăn một mình cấm nuốt nước dãi nhé!

Sinh gật đầu, rồi lại cúi xuống, loay hoay làm tính cộng.

Nghĩa sai loong toong đi mua thức ăn, rồi mở to quyển sổ, và để lọ mực ở trước mặt. Anh cầm bút, như người đang dở bận việc vậy.

Một lát, bánh Tây mua về, Nghĩa cắn một miếng, rồi cất vào ngăn kéo. Vừa thong thả nhai, anh vừa nhìn ra ngoài cửa sổ, nghĩ ngợi.

Lúc ấy, Sinh mải việc, không để ý đến những tiếng động quanh mình.

Bỗng một tiếng nói làm Sinh ngẩng đầu lên.

Ông Sếp lù lù đứng trước bàn giấy Nghĩa.

Sinh trông thấy, biết ngay rằng Nghĩa bị bắt chộp trong lúc đang ăn. Ông Sếp, cả hai vế đùi, hai cánh tay, lẫn mặt, đỏ ngầu ngầu, hất hàm hỏi Nghĩa:

– Ông nói cho tôi biết, ông đã làm những gì từ sáng đến giờ?

Nghĩa lúng túng, tay cầm bút, trỏ vào quyển sổ. Ông Sếp gật đầu:

– Ông nói dối tôi. Ông đang ăn gì?

Nghĩa mặt tái xanh, chối:

– Không, tôi có ăn gì đâu?

Ông Sếp càng tức, trừng trừng nhìn Nghĩa:

– Sao ông lại nói dối tôi. Ông ăn cái gì giấu ở ngăn kéo đó?

Nghĩa lắc đầu, làm bộ ngơ ngác, rút ngăn bàn ra, đáp:

– Không, đây ông xem, có gì đâu?

Ông Sếp cúi nhìn, quả không có gì thực. Ông càng giận. Sinh rất khó chịu. Anh thấy ông Sếp quá sắc mắc, lại thấy bạn cứ chối hoài. Hẳn là chính mắt ông ta đã bắt được Nghĩa đang nhai, nên mới dám hỏi thế. Vả chỉ nghe giọng Nghĩa nói lúng búng, cũng có thể đoán được trong miệng chưa nuốt trôi miếng bánh.

– Ông có ăn, tôi không nói sai.

Nghĩa vẫn cãi:

– Tôi không ăn gì cả.

Ông Sếp trợn mắt:

– Có thực ông không ăn không?

– Phải, tôi không ăn.

Ông Sếp ôn tồn nói:

– Vậy ông há mồm ra tôi xem.

Sinh rùng mình, liếc nhìn bạn. Nghĩa không há, nhưng rất lúng túng. Ông Sếp lại giục:

– Ông bảo ông không ăn, thì ông cứ há mồm ra... Há!... Ông có há hay không?

Nghĩa không thể làm thế nào được, đành phải mở rộng hai hàm. Ông Sếp nhìn thẳng vào miệng Nghĩa... Ông ta nhún vai, bĩu môi. Rồi không nói thêm gì, ông ta chắp tay sau lưng, lẳng lặng đi ra. Ông đã quẳng sự khinh bỉ thấm thía vào mặt người có lỗi.

Sinh căm tức lạ lùng. Anh nhịn thở dài, để cắm mặt xuống mảnh giấy. Anh giận bạn đã để cho người ta làm nhục. Rồi càng nghĩ ngẫm nghĩa, anh càng thấy chán nản, lắm lúc hăng máu, anh run bắn người lên.

Ở mấy buồng cạnh, Sinh liếc mắt, thấy ai nấy cùng làm việc rất hăng hái. Tiếng máy chữ, tiếng chuông, tiếng gắt gỏng, tiếng gót giày Tây chạy, làm tôn vẻ uy nghi của ông Sếp muốn uy nghi.

Trước mặt Sinh, Sinh lại thấy Nghĩa không lúc nào rời tay cái quản bút. Anh thở dài. Cái cột tính cộng anh làm từ sáng đến giờ chưa xong một nửa.

*

* *

Đúng mười một giờ bốn nhăm. Sinh khoác áo, đứng dậy. Anh đến cạnh Nghĩa, để tay vào vai bạn, nói dịu dàng:

– Đến giờ rồi, đi về, anh!

Nghĩa ngẩng cái mặt buồn thiu, sợ sệt, nói:

– Anh cứ đi trước. Tôi sợ nó còn gọi gì tôi chăng.

Sinh cương quyết:

– Đến giờ thì ta về, cần gì!

– Nhưng tôi nên ở lại.

Sinh cười thương hại:

– Các buồng kia, họ về cả rồi.

Nghĩa ngó cổ nhìn, rồi rụt rè vớ lấy cái áo. Anh khoác vào mình, gài khuy, rồi hỏi khẽ người loong toong:

– Ông ấy đâu?

– Bẩm về đã lâu rồi ạ.

Nghĩa yên tâm, cùng Sinh lững thững ra cửa. Đôi bạn xuống mấy bực thềm. Mấy người phu xe mời vồn vã, kính cẩn:

– Mời quan lên xe ạ.

Sinh xua tay, bảo Nghĩa:

– Đi bộ, tôi muốn hỏi anh cái này.

Khi ra cổng, đến ngoài phố. Sinh thở dài, trách:

– Gớm, ban nãy anh quá lắm. Anh đã ăn, thì anh chối làm gì. Nó giết được anh hay sao!

Nghĩa cười, không đáp, Sinh tiếp:

– Rồi đến khi nó bắt anh há mồm, sao anh không nhận là có ăn, lại cứ há ra? Tôi thấy ê chệ quá! Nào cái mồm há ra nó có đẹp đẽ gì, nhất là trong đó lại có miếng bánh Tây to, nhoét những nước dãi. Tôi trông thương tâm quá.

Nghĩa thở dài. Sinh nhăn nhó:

– Thì giá anh không há đã làm sao? Mà tôi không hiểu anh nghĩ thế nào anh lại há mồm ra cho nó xem thế?

Nghĩa cảm động, long lanh nhìn bạn như chợt hiểu cái phút đê tiện. Rồi hai dòng nước mắt chảy ra, anh run run, đáp:

– Ừ nhỉ, thật tôi cũng không hiểu tại làm sao tôi lại há ra như thế!

9-1937

VẪN CÒN TRỊCH THƯỢNG

(Truyện ngắn)

Ngày xưa, mỗi tỉnh ly có một nhà thông phiên, là những nhà bằng gạch hoặc bằng tranh, cốt nhất phải rộng rãi sạch sẽ, để người chủ cho các ông phủ, huyện trong hạt trọ, mỗi khi các ông này lên tỉnh có việc quan.

Ngày nay, nghệ thuật làm quan đã tiến một bước dài, từ ông huyện hạng ba cũng có thể có ngay được chiếc ô tô hạng xa xỉ, nên vì cách đi về mau chóng, mà không còn một tỉnh nào có thông phiên, cũng như trong hàng phủ, huyện, ít lâu nay, bói cũng không ra một vị nào có râu nữa.

Bây giờ xin các bạn cố tưởng tượng hộ một ông huyện ngày xưa, một ông huyện không giầy ban, không răng trắng, không khăn xếp nhiễu, không áo xa tanh trơn, một ông huyện không bóng đầu chui đâu cũng lọt, như các bạn vẫn thường thấy, nhưng một ông huyện có mũi hin, có trí hẹp, có búi tóc củ hành, lẫn trong vành khăn lượt quấn rối, có mép và cằm nhây nhớt những râu chảy lòng thòng cả xuống chiếc ngực lép, một ông huyện mặc áo sa hoa nhầu, dài quá đầu gối, mà hai ống quần có thể làm người ta nghĩ đến hai chiếc đèn xếp gấp bằng giấy moi.

Song, tuy ông huyện ngày xưa với ông huyện ngày nay khác hẳn nhau ở bề ngoài, mà bề trong họ vẫn có chỗ hơi giống nhau. Họ cùng biết dùng quyền thế mình để đục khoét dân, cùng biết gọi người cho mình bằng mày một cách mất dạy, và nhất là đối với đàn bà con gái, họ cùng:

Ngày trông quan lớn như vua,
Đêm sao quan lớn nô đùa như dân?
Ngày trông quan lớn như thần,
Đêm sao quan lớn tần mần như ma?
Ngày trông quan lớn như cha,
Đêm sao quan lớn la đà như con?

*

* *

Tôi không còn nhớ là về năm nào nữa, ông Huyện Văn Giang tôi lên tỉnh có việc quan, và trọ ở nhà người thông phiên tên là Giốc.

Giốc có một cô con gái năm ấy trạc hai mươi tuổi. Cô Khuê, tên cô ta, mặt trái xoan, trắng, hai môi đỏ thắm lúc nào cũng như sẵn sàng khoe hai hàm hạt huyền nhỏ và đều. Ngày thường, cô đội khăn vuông suyến, và mặc áo nâu non. Tuy áo ấy không may chét lườn như bây giờ, nhưng giải đũi màu cá vàng bao giờ cũng bó lấy bộ lưng cong, làm nở nang bộ ngực đầy thi vị.

Bởi vậy, mỗi khi ông Huyện có việc phải ngủ lại ở tỉnh - mà rồi ông hay ngủ lắm - và mỗi khi bàn đèn đã bày giường mà Khuê rón rén đến gần, lễ phép chế ấm nước sôi vào bình tích chè hạt, thì y như ông Huyện phải ngây ngất cả tâm hồn.

Ông giương mục kỉnh, ngắm dăn cổ tay ngà của Khuê, có năm ngón nung núc những thịt, ông ngắm nước da hồng ở má mà ông chắc nó vừa thơm thơm quý báu mà kẻ tốt phúc mới được mó tay vào. Ông thở dài.

Rồi khi Khuê xách siêu đi xuống bếp, ông nhìn theo cho đến lúc khuất, và không bao giờ quên để mắt vào hai giò cổ chân, hai giò cổ chân trắng nõn, dưới đôi ống quần đen nhánh.

Ông Huyện Văn Giang tuy thấy mình đầu hoa râm, môi, cằm và má mọc bừa bãi những râu, song hình ảnh cô con gái hơ hớ có thể kéo ông ngược trở lại ba mươi năm trước. Bởi vậy ông chẳng chịu phí cơ hội nào gần Khuê mà không vờ vĩnh hỏi cô dăm ba câu chuyện.

Có một lần thấy Khuê rót tóe một tí nước sôi ra ngoài chiếu, ông vội bỏ chỏng quèo cối sái, làm ra mặt sợ hãi dịu dàng hỏi:

– Có bỏng không, con?

Cô con gái được quan an ủi, hồi hộp trả lời:

– Bẩm cụ, không việc gì ạ.

Tức thì, thông phiên Giốc ngồi phản bên kia, cho là con mình dám để bận lòng quan khách, vội quắc mắt mắng:

– Con bé vô ý quá!

Rồi bác đến gần ông Huyện, gãi tai xin lỗi:

– Quan lớn tha tội cho, con bé cháu nó lớn người, mà làm ăn chẳng biết gì cả.

Khuê ửng đỏ hai má, chạy tọt vào buồng. Ông Huyện ôn tồn, gỡ tội hộ người lép vế để lấy cảm tình thục nữ:

– Không, chị ấy còn có ý tứ bằng mấy trăm con cô nó nhà tao đấy. Con nhà quan chẳng học làm học ăn, cho nên cái gì cũng vụng.

Ông Huyện chắc thế nào Khuê cũng được vui sướng về những câu khen ngợi không ngờ ấy. Cô ta sẽ phải khen ngợi ông là dễ dãi, là tử tế, cô ta sẽ thiện cảm với ông, sẽ bằng lòng ông. Mà một khi cô ta đã bằng lòng, thì đối với mắt cô, tự nhiên râu ria ông rụng đi, da răn reo nhẵn thín. Lúc ấy cụ sẽ hoàn toàn thành cậu trẻ măng. Rồi nếu muốn vườn thêm hoa nữa, ông mua cô về làm nàng hầu thứ sáu, để sớm khuya đấm bóp. Nếu nhà họ ít phúc, con gái chẳng có số lắm cô lớn, thì ông cũng coi cô như đóa hoa thơm giữa đường để vui thú tạm bợ khi lũ gái sề vắng mặt.

Cái chương trình tối thiểu ấy đã phác ngay từ khi ông mới đến cai trị dân Văn Giang. Bởi thế, ông cứ tuần tự mà tiến.

Đã nhiều lần, ông gọi thông phiên lên khuyên bảo:

– Phố xá là chỗ tai vách mạch rừng mày nên bảo con bé nhà mày ăn nói cho cẩn thận. Trong quan trường chỉ hơn ngoài được cái trật tự, trên ra trên, dưới ra dưới. Người ta gọi cụ là cụ lớn Thượng, hoặc các đường quan ở trên này, còn những thuộc quan, thì chỉ được gọi là quan lớn mà thôi. Con bé nhà mày gọi tao bằng cụ, tao e đến tai cụ Thượng, cụ lại cho tao có ý lấn đó.

Bác Giốc nhăn nhó, xin lỗi:

– Lạy quan lớn tha tội cho cháu, nó ngu si lắm. Thôi thì con dại cái mang.

Ông Huyện xua tay:

– Tội lỗi gì cái vật ấy. Là tao nói thế vì tao sợ nó gọi quen miệng đi. Nhưng thôi, mày đừng mắng mỏ gì nó cả, nghe chưa?

Sau một tiếng dạ dài, bác thông phiên sang phản bên kia, chờ xem quan có gọi gì thì sẵn sàng hầu hạ.

Nhà bác Giốc không lấy gì làm rộng cho lắm. Ngoài là ba gian, hai đầu hai trái, tức là hai buồng, có cửa gỗ cẩn thận. Không biết gian bên phải, phía gần bếp, ngày thường dùng làm gì, nhưng hễ tối nào ông Huyện nghỉ lại, thì y như độ khuya khuya cô Khuê ở dưới bếp lên, khẽ kẹt mở cánh cửa, rồi vào ngủ đó. Cạnh cửa buồng kê cái phản thấp của bác Giốc nằm.

Nhiều đêm, khi cơm đen đã gần no say, ông Huyện nghe thấy bác Giốc kéo gỗ inh nhà, thì bực mình, quay cổ sang gọi:

– Này, thông phiên, ngáy vừa vừa chứ!

Tức thì bác Giốc ngồi nhổm dậy, bàng hoàng một lát, rồi đáp đỡ đòn:

– Bẩm quan lớn, những người ngáy rất tỉnh ngủ.

Nhưng nào quan lớn có mong gì bác tỉnh ngủ, trái lại quan lớn muốn bác ngủ say như chết, nhất là bác lù lù nằm cạnh cửa vào buồng thì đống thịt bác ghê tởm như thần giữ của. Quan lớn nói:

– Hay là mày ra chỗ khác mà ngủ. Tính tao hễ nghe thấy tiếng động là không sao chợp mắt được.

Nhưng bác thông phiên ngu độn hiểu đâu được cái thâm ý của quan:

– Bẩm quan lớn, con ngủ đây để đêm hôm coi nhà hầu quan lớn.

Đối với Khuê, thỉnh thoảng ông Huyện gọi lên, sai các việc vặt. Ông bảo:

– Thầy mày già, lắm lúc tao muốn mượn cái này cái nọ mà tao nể quá.

Khuê cảm động đưa mắt nhìn ông lão phúc hậu:

– Dạ.

Một vài khi, chỉ có mình ông với Khuê, thì ông cất cái giọng khê nồng nặc mà ngọt ngào nhủ:

– Con nên học ăn, học làm cho ngoan ngoãn khéo léo, rồi ta làm mối cho.

Khuê thẹn thò, cố mỉm cười để giữ đủ lễ với người trên. Ông Huyện lại tủm tỉm, nói:

– Con nên tập tiêm thuốc phiện, trước hết là giúp thầy, sau là mỗi khi vào bữa thuốc mà ta bận, thì con tiêm hầu ta.

Tưởng lời khuyên bảo thực thà, Khuê không đáp, vì cô không dám trả lời trái ý quan.

Một lần nữa, trong khi ông Huyện nhờ bác thông phiên ra phố mua bán vài thứ, ông gọi Khuê lên gần để khoe khoang nhà cửa.

Ông lấy cô lớn Năm ra để dò ý Khuê rồi ông tặc lưỡi:

– Ấy, cô ấy cũng trạc tuổi con và cũng xinh xắn như con ấy. Nhưng cô ấy không được dịu dàng đầy đặn như con đâu.

Ông thấy Khuê vui sướng lộ ra nét mặt.

Một lát, ông kéo cái tráp khảm, lấy thìa khóa mở nắp ra, rón đồng bạc đưa Khuê, và nói:

– Ta thưởng riêng cho con đồng bạc vì con đã chịu khó hầu ta.

Khuê lúng túng chắp tay, nói:

– Lạy quan lớn, con không dám.

– Không, ta không nói với thầy con đâu mà sợ. Con cứ cầm. Thánh dạy: Thượng tứ hạ bất cảm từ. Con không cầm, ta giận đó.

Khuê chẳng hiểu thánh nói gì. Song thánh đã bảo mà không nghe ắt phải tội, nên hai tay giơ ra. Khuê ấp úng đáp:

– Con xin quan lớn.

Ông Huyện sướng hơn người được tiền, dí mạnh đồng bạc vào gan hai bàn tay của Khuê. Ông đã cọ sát vào làn da mát rượi và mềm mại của cô con gái nõn nà ấy. Ông hồi hộp. Giá không còn tỉnh mà trông thấy bác Giốc đã về, quyết ngay lúc ông nhảy một cái từ địa vị phụ mẫu dân đến địa vị con rể anh hàng cơm trọ.

Bác Giốc làm tắt cuộc tán tỉnh. Khuê lẳng lặng xuống bếp. Bởi vậy ông Huyện không biết nổi cái tình ý của đóa hoa mơn mởn ấy ra sao.

Rồi ông đâm ra tư lự.

Nghề làm quan hay trịch thượng, trịch thượng ở việc làm với dân đã đành, trịch thượng ở cái ái tình trong trí tưởng tượng.

Cho nên, sau một lúc vừa tiêm thuốc vừa nghĩ ngợi suy tính, ông Huyện Văn Giang đã dùng sức óc để đi rất mạnh, rất nhanh mà đoán rằng tất sao đêm nay ông cũng được cưỡi phượng.

Rồi đến khi tiếng kiểng cầm canh tư trong dinh cụ Thượng đã đưa đi xa để báo cho ông biết rằng đêm đã khuya, ông mong mãi cô Khuê mới lên buồng, và mãi bác thông phiên già mới "kéo gỗ".

Chờ cho mọi người ngủ thực say, ông đằng hắng rõ to mấy tiếng. Không thấy bác Giốc cựa, ông tắt phụt đèn đi, khe khẽ ngồi dậy, và rón rén tụt xuống đất.

Ông bấm kiễng năm đầu ngón chân, nhịn thở, sờ soạng trong nhà tối như hũ nút, để đi.

Bác thông phiên vẫn ngáy đều đều.

Qua giường ông nằm, ông đưa tay sang ghế trường kỷ, rồi đến chiếc bàn tre. Ông bước dài ra phía ngoài, lần theo hàng cửa giữa, rồi cửa bên.

Lúc này ông hết sức im lặng.

Khi tay đã để vào cánh cửa buồng, ông đứng dừng lại, lắng tai nghe một lúc lâu.

Trống ngực ông đánh to quá, đến nỗi chính tai ông cũng nghe rõ. Trong người ông, máu nóng chạy ran lên.

Ông thấy Khuê cựa luôn. Trí tưởng tượng trịch thượng của ông đoán rằng chính cô bé cũng đương lòng xuân phơi phới mà trằn trọc mất ngủ.

Ông sờ khe hai cánh cửa, ẩy thử một tí: không gài then!

Ông vén râu lên để thở bằng miệng cho đỡ ra tiếng. Im phăng phắc. Ông nâng cánh gỗ và mở ra dần dần.

Nhưng bất đồ, một tiếng "thịch" khẽ, tiếng ngáy bỗng im bặt, và tiếng người ngồi nhổm dậy, rồi xòe một cái, ngọn diêm tóe ánh sáng vào mặt ông Huyện. Không tránh đằng nào được nữa, ông luống cuống, ngay như cán tàn. Thấy động, Khuê giật mình, ngẩng cổ, rú lên.

Bác Giốc, khi đã nhìn rõ vị khách xấu chơi thì vừa giận vừa sợ. Nhưng vì bác chỉ là thằng dân hèn thì cố nhiên cái giận phải nhường chỗ cho cái sợ, nên bác chỉ dám thở dài cau mặt, nói khẽ:

– Chết, sao quan lớn lại thế, người ngoài người ta biết thì còn ra thế nào nữa?

Thấy thông phiên nhu nhược, ông Huyện thản nhiên bước chân ra, và vẫn giọng trịch thượng, ông đáp:

– Mẹ kiếp, trừ tao với mày, với nó, không ai nói ra, thì người ngoài đứa nào biết được mà mày sợ!

Tiểu thuyết thứ bảy số 199 (19-3-1938).

CÁI NẠN Ô TÔ

(Truyện ngắn)

Tuy rằng chỉ làm có Chánh tổng, nhưng ông Năng có cả ô tô. Tuy rằng có cả ô tô, nhưng ông Năng lại không dùng bao giờ. Bởi lẽ rất dễ hiểu, là ông chỉ làm có Chánh tổng. Ông nể quan Huyện Nguyên mà lấy lại, chứ biết rằng quanh năm, ông chẳng hay đi đâu. Vả công việc của ông có gì là cần. Loanh quanh trong mấy làng thông nhau bằng những đường đất hẹp gồ ghề, ông cho là đi bộ thì nhanh hơn, và cố nhiên, không có gì để thiệt hại. Mà nghênh ngang cái xe ô tô, rồi tiền thuê sốp phơ, tiền mua dầu xăng, mỗi tháng lại đèo thêm vài chục bạc nữa, thì chết!

Cho nên, từ ngày có xe, ông chỉ cùng vợ con đi thử có mỗi một lượt, gọi là cho biết đủ mùi phú quý. Còn thì ông gửi ở một nhà quen trên phố huyện.

Ông vẫn dạm bán nó để lấy tiền làm việc khác. Nhưng vì người ta cứ bắt chẹt mà dìm giá, nên ông cứ phải làm như không cần bán. Phải, tội gì? Nếu thiệt độ một trăm, hay dăm chục, thì thôi, ông cũng coi như món tiền tạ thêm cái công tác thành của quan cho ông. Nhưng đằng này, họ chỉ nhất định trả có ba trăm, và chê bủng chê beo là nó hỏng những cái gỉ cái gì, nghĩa là họ biết ông ù cạc về khoa ô tô, nên cứ cố hết sức lòe cho ông tin rằng ba trăm còn là đắt.

Thực ra, cái ô tô ấy chạy còn tốt. Sở dĩ quan Huyện Nguyên bán đi, vì ngài được thăng Tri phủ, lại giữ chức Thương tá, nên ít việc, ngài không dùng đến nữa.

Cái lần ông Chánh Năng đi thử với vợ con, thì xe ông chạy khỏe lắm. Nó còn kêu rất to. To đến nỗi không cần còi, người đi đường cũng phải nghe tiếng mà giạt sang hai bên. Đằng sau, bụi bay mù trời. Xòe bàn tay ra ngoài, ông thấy gió bạt đi. Vả xe ấy, nước sơn còn bền, bóng kền còn nhoáng. Mà anh tài của quan cầm lái hộ, khen mãi ông Chánh chưa chơi ô tô bao giờ, nhưng rất sành, vì xe này quan đã bán hớ. Và ông cứ việc tha hồ dùng, vài năm nữa bán đi còn được lãi, chán vạn người muốn mua.

Kể thì ông Chánh Năng được khen cũng sướng, và cũng tạm quên nỗi túng thiếu trong gia đình.

Thực vậy, tranh nhau làm Chánh tổng, ông đã phải chạy chọt đến vài nghìn. Rồi từ ngày được nên danh nên giá, ông những tưởng xúc được của dân, để vớt vát lại chỗ thiệt thòi. Ngờ đâu, sự ấy chỉ là mộng tưởng. Mà quanh năm, những dịp phải giao thiệp ở chỗ quan nha, làm ông cứ thêm tốn kém. Cái cơ nghiệp trước kia có đến vạn, nay nó cứ mòn dần. Lại gặp mấy năm trời làm lụt loạt, đói kém, nên chẳng những ông không trông mong gì được về ruộng nương, mà còn bị tai hại đèo vào nữa. Lắm lúc cần đến tiền tiêu, ông rất bực dọc, không biết sờ mó vào đâu.

Quan Huyện Nguyên, khi sắp đứng dậy, cần bán xe, thì ngài cứ nhất định không tin rằng ông Chánh Năng túng. Ngài ngọt ngào dỗ dành, giảng mãi cho ông Chánh hiểu ích lợi của ô tô. Ngài lại bảo nếu không sẵn tiền, thì ngài cho chịu, muốn bao giờ nộp cũng được.

Cho nên ông nể quá. Ý quan thầy đã muốn, kẻ thuộc hạ từ chối thế nào cho đành lòng. Vả nay ngài đi thương tá tỉnh khác, nhưng biết đâu, mai kia, ngài sẽ lại không về thương tá, hoặc bố chánh, hoặc tuần phủ tỉnh nhà? Thì sự làm vừa lòng quan, có đi đâu mà thiệt?

Bởi vậy, ông cố dấn một lần nữa để chiều lòng thầy. Ông vay lãi năm trăm, để được tiếng khen, và được quan vỗ vai, vui vẻ cảm ơn mãi.

*

* *

Quan Huyện mới, chưa có ô tô. Ngài mới ra làm quan. Và mới trọng nhậm huyện này là huyện thứ nhất.

Đã có lần ngài đến xem xe của ông Chánh Năng, và mua dầu, vặn máy lấy để đi thử. Tin ấy làm cho ông Chánh khấp khởi mừng thầm. Nhưng sau bặt đi, chẳng thấy ngài hỏi han giá cả gì nữa.

Ông Chánh hỏi dò mới biết ngài định dùng xe nhỏ hơn kia. Chứ xe này bốn chỗ ngồi, rộng quá, không được tiện. Vả ngài muốn mua xe mới nguyên, vì đâu bà Huyện là con nhà giàu. Ngài còn đương xui bà thúc cụ nhạc cho cái ô tô kiểu đít vịt. Tuy vậy, ngài cũng khen xe của ông Chánh Năng còn tốt, và bảo, với cái giá năm trăm, không đến nỗi là hớ lắm.

Thấy câu chuyện không ăn thua đâu vào đâu, ông Năng lấy làm buồn. Nhưng ông cố làm mặt thản nhiên, để bọn khác dòm dỏ mua xe đỡ được dịp dìm thêm giá xuống lần nữa.

Nhiều lúc, trong gia đình, đồng tiền bị thiếu, ông thấy chiếc ô tô ấy thật là thừa. Nhưng biết làm thế nào?

*

* *

Một hôm, có người lính huyện về đưa ông Chánh Năng phong thư. Phong thư của quan. Người ấy nói:

– Ngài muốn dùng xe của thầy.

Ông Chánh mừng rỡ, vội vàng bóc ra:

Ngày 6 Décembre 1938

Thầy Chánh,

Trong khi chờ mua được ô tô mới, tôi hãy tạm mượn cái xe của thầy ít lâu để dùng về việc quan. Vậy thầy đừng từ chối, vì xe của thầy để không cũng thế.

Quan Tri huyện
LÊ THĂNG

Đọc xong, ông Chánh Năng thở dài, quên cả rét. Trán ông lấm tấm mồ hôi.

Trước mặt người lính, ông lắc đầu ngầm một cái, cố nhịn hơi thở dài cho kín đáo, rồi trả lời:

– Cậu về bẩm quan rằng tôi xin lĩnh ý nhé.

Và khi cậu lệ đã ra về, ông Chánh đọc lại mấy dòng của đấng có quyền. Ngẫm nghĩ cái giọng nói hách dịch, bắt buộc, chẳng được một lời cảm ơn cho nhã nhặn, ông tặc lưỡi, bỏ bức thư vào túi, lên giường, cuộn chăn đi ngủ.

*

* *

Từ hôm sau, xe ô tô của ông Chánh Năng lại được ra vào nơi ăn chốn nằm cũ. Ngày ngày, nó lại được một quý nhân thẻ bài trước ngực, ngồi nhấp nhổm ở đệm sau. Nó lại chạy hộc khói ra, kêu phành phạch rầm trời, tung bụi đường lên như mây, và quát tháo bằng những hồi còi hồng hộc như tiếng thú dữ.

Nhưng từ hôm đó, chủ nó cũng nhận được rất nhiều hân hạnh.

Quan Huyện, vì muốn cảm ơn người thuộc hạ tử tế, đã vui lòng cho mình mượn xe, nên động có việc qua nhà người ấy, ngài lại không quên vào chơi.

Và mỗi tháng, ngài vào chơi như thế đến hai ba lượt.

Lần đầu tiên, ngài đi có một mình, và ngồi qua loa có chốc lát, nên chủ nhân chỉ kịp pha có ấm nước chè Tàu.

Được quan hạ cố đến nhà, mà chỉ tốn chừng hai đồng xu, ông Chánh Năng lấy làm hả hê lắm. Ông tự cải chính mãi những ý kiến có trong đầu óc bấy nay, và phục quan này lịch thiệp, chẳng kém gì quan trước. Mà ở đời, ông cho là không thể lấy lời lẽ viết trong thư để suy xét cách cư xử của người ta được.

Lần thứ hai, được rỗi rãi hơn, quan đi xem nhà cửa, vườn tược của ông Chánh. Thấy cây cam nặng trĩu những quả chín đỏ, ngài giơ tay bứt một quả, bóc ra, và ăn rất tự nhiên. Ngài khen mãi giống cam quý và nhờ ông Chánh chiết cho một cành. Cảm về cách cử chỉ giản dị, tự nhiên của một vị phụ mẫu dân, ông Chánh khâm phục quan này ít kiểu cách hơn quan trước. Rồi ông sai chọn năm chục quả vừa chín tới, xếp vào cái thúng, bỏ lên ô tô để biếu ngài.

Lần thứ ba, khi đã thân hơn, quan bảo ông Chánh làm cơm chiều, cho cả lính tráng theo hầu ăn nữa. Vì ngài đi tuần đêm trong tháng củ mật, xơi ở đâu cũng lỡ bữa. Gà, ngỗng, vịt, chạy tán loạn, kêu quang quác, nhưng rồi cũng chết "nhăn răng" cả ra. Bữa cơm hôm đó thực là linh đình. Quanh mâm cơm quan, bốn chiếc đèn cầy vặn rõ to, chiếu sáng rực. Kẻ hầu người hạ, đi lại rộn ràng, y như ngày ông Chánh ăn khao. Quan khảnh ăn. Thịt thà, đồ nấu còn thừa mứa.

Lần thứ tư, quan đi tuần, lại tạt vào thăm ông Chánh. Chẳng để ngài phải bảo, ông Chánh biết ý, sai ngay đầy tớ nhốt những giống vật cần dùng lại, rồi gọi người đến làm cơm giúp. Lại một bữa cỗ linh đình, quan, nha, lính cơ, lính lệ, tài xế, người nhà, cả thảy vừa một tá miệng ăn như tằm ăn rỗi.

Lần thứ năm, họ cũng ăn, cũng uống, và lại thêm ngủ đêm ở nhà ông Chánh, vì trời đổ mưa phùn, không đi tuần được. Cố nhiên chủ nhân phải bày cuộc vui. Bàn tổ tôm, tiền của ai người ấy đánh đã đành, ông Chánh còn phải kiếm một hộp thuốc phiện - mà thuốc phiện mua bằng giá mới - để bàn đèn rong đêm, cho quan ôm một cô đầu trẻ mà nằm cho dễ... thức.

Sự hân hạnh của ông Chánh Năng đã trở nên sự ân hận lớn.

Rồi sáng hôm sau, lúc quan ra về, ngài còn dặn:

– Những lốp xe của thầy mòn quá rồi. Để tôi sắm bốn chiếc mới, kẻo đi hại xe.

– Dạ.

Nhưng quan mua dùng, mà ông Năng phải trả tiền như thường. Bởi cái lẽ rất dễ hiểu là ông là chủ xe.

Rồi lần thứ sáu, quan nha lính tráng lại đi tuần, và cứ quen mùi, lấy nhà ông Chánh Năng làm chỗ đỗ. Ăn uống, hát xướng, hút xách và bài bạc.

Ông Chánh đã thấy sợ sự tiếp quan khách. Nhưng không ai được trông thấy lúc ông nhăn nhó.

Và lần thứ bảy, sự lo lắng phải đón quan vào nhà còn đem cho ông một tin sét đánh nữa: Xe ô tô của ông chết ở giữa đường. Nếu không thay máy mới, không thể dùng được.

Ông Chánh Năng choáng người, thú thực với quan rằng không có tiền chữa chạy. Thì may quá, quan bảo:

– Được, vả lại chủ nhật này tôi cũng có xe mới rồi, và từ nay đến tết, chẳng phải đi tuần nữa. Vậy tôi trả lại thầy, thầy cho người đẩy nó về nhé.

*

* *

Chắc rằng quan Huyện thấy ông Chánh Năng, chỉ vì có cái xe cho ngài mượn, mà ít lâu nay bị thiệt đơn thiệt kép, nên ngài cũng ái ngại. Ngài mới nghĩ cách đền bù sự tốn kém cho "khổ" chủ.

Thì ngài đã đền bù bằng cách rất chu đáo thật.

Một hôm, ngài sai người về nhà ông Chánh Năng, tặng ông một cuộn giấy, là bức phóng đại ảnh ngài.

Ông Chánh mở tấm ảnh, giải ra chiếu, chặn bốn góc, rồi ngắm nghía. Quan Huyện mặc phẩm phục, mặt mũi ngài phương phi, trông thật đẹp. Nhưng đến cái nó làm cho ông vui sướng nhất, là mấy dòng chữ, tự tay quan nắn nót viết, đề ở phía dưới tấm ảnh:

Tặng thầy Chánh tổng Nguyễn Văn Năng, người giúp việc rất đắc lực và bạn rất thân của tôi.

Quan Tri huyện
LÊ THĂNG

Ông Chánh Năng ngâm đi ngâm lại mãi câu này. Nhưng bỗng ông giật mình, vì sực nhớ ra một điều.

Ông xoạc bàn tay ra, đo bức ảnh: Bề ngang hai gang rưỡi, bề dọc ba gang.

Thôi bỏ đời rồi! Thì ra cái nạn ô tô nó còn ám ảnh mãi đến bây giờ chưa hết. Ông còn phải vay tiền để đóng một cái khung bằng gỗ gụ cho xứng với tấm hình đẹp, rồi lại phải cắt một miếng kính lớn, để rồi mà treo ảnh quan ở giữa buồng khách. Kẻo ngài trọng nhậm ở hạt này còn lâu.

1938

THỊT NGƯỜI CHẾT

(Truyện ngắn)

Vì mới chết lần này là lần đầu, nên anh Xích chưa có lịch duyệt về khoản ấy.

Thực vậy nếu chết ở tỉnh, thì ai láu, nên chọn vào đêm thứ sáu. Như thế, vợ con có vừa vặn thì giờ để cáo phó lên báo. Và đến chủ nhật, cất đám, có đủ các cụ, các quan, các ông, các bà, thân bằng cố hữu đi đưa đông. Ở nhà quê, nếu chết vì tai nạn, người khôn ngoan bao giờ cũng tránh những ngày chủ nhật hoặc ngày lễ, thì sự khám xét, tống táng mới mong chóng được.

Nhưng khốn nỗi, xưa nay, không ai chết đến lần thứ hai để được bài học kinh nghiệm về cách chết. Vì vậy, vẫn có nhiều người chết một cách ngờ nghệch.

Nhất là anh Xích, một anh dân quê vô học, nên càng ngu dại nữa. Anh đã vô lý mà chết đuối ngay vào đêm thứ bảy vừa rồi.

Nguyên cha anh, ông Cứu, thầu của làng cái đầm sen ngay giáp lũy tre. Đến mùa này hoa nở, ông phải làm chòi nhỏ ở giữa đầm, hai bố con cắt lượt nhau ra ngủ đó để canh.

Chiều hôm ấy, anh Xích ra đánh chén ở đình, say bí tỉ. Đến xẩm tối, anh vừa về đến nhà, đã bị ông Cứu giục mang điếu và gối ra chòi.

Anh lao đao đi. Rồi không hiểu sao, sáng sớm hôm sau, không thấy về. Và đến tám giờ, xác anh đã nổi lên, trôi lềnh bềnh vào gần bờ.

Người ta đoán nhiều cớ về cái chết này. Nhưng tựu trung, chỉ hai thuyết có thể hợp lý được:

Một là, anh Xích vì say quá, loạng choạng chở thúng, bị ngã vào chỗ sâu.

Hai là đương đêm anh ngủ mê, vô ý cựa, đến nỗi lăn tòm xuống nước.

Chứ những tiếng đồn anh tự tử vì việc gia đình, hoặc bị kẻ thù đánh chết, đều không thể tin được.

Hương lý tò mò, hỏi dò hai bên hàng xóm nhà ông Cửu, xem hôm trước hai cha con có to tiếng gì với nhau không. Họ cố ý nhận xét rất kỹ lưỡng cái thây người xấu số. Nhưng không ai tìm ra được một chứng cứ gì khả nghi. Và khi được tin dữ dội con ông Cửu bị nạn, cả làng ra tận bờ đầm xem. Ai cũng phàn nàn, thương tiếc người con trai tử tế, hiền lành. Và trông cái xác chết còng queo ngâm dưới nước, đố ai cầm lòng cho đậu.

Bà Cửu tru lăn tréo lộn, mấy lần toan nhảy tùm xuống ôm lấy con. Nhưng bà bị người ta giữ lại. Trong lúc như điên như cuồng, bà chửi ông Lý trưởng không cho bà vớt anh Xích lên, để đặt trên bờ. Bởi vì, bà mếu máo và chắp tay lạy lấy lạy để mọi người và nói:

– Nó đau lòng lắm, các ông các bà ơi!

Nhưng người ta khuyên:

– Để quan về khám, làm biên bản xong, bà muốn làm ma to cỗ lớn thế nào, mặc bà. Chứ bây giờ, bà đừng nên đụng đến anh ấy. Ngộ để anh ấy lên bờ, rồi mình mẩy xây xước chẳng hạn, thì quan nào cho chôn? Vả chết đuối, sao nằm trên bờ được?

Bà Cửu không tin, gắt:

– Không cho chôn thì quan giữ làm gì?

– Giữ để chờ Đốc tờ về khám. Như thế, lại lâu ra.

Bà nghe hiểu, xỉ mũi, lau nước mắt, và ngồi xổm cạnh cái quan tài rỗng không, dưới bóng cây, đành lòng chờ đợi.

Bà mong được phép chôn con như con mong mẹ về chợ. Người nhà bà lên huyện trình quan ngay từ sáng, nhưng đến bây giờ, không hiểu tại sao, chưa thấy về. Đường lên huyện không xa, chẳng rõ vì sao lại có sự chậm chạp thế này được.

Nhưng một giờ. Lại hai giờ. Lại ba giờ.

Bà Cửu không còn sức và nước mắt để chờ, để khóc nữa. Bà hết đứng lại đi loanh quanh, không dám trông chỗ con nằm.

Rồi bà ngồi xổm xuống đất, gục mặt vào đầu gối để nghe ngóng. Bà đợi một hiệu còi ô tô của quan. Những lúc có tiếng xay lúa ù ù, bà khấp khởi lắng tai, và thở dài vì mừng hụt.

*

*   *

Mặt trời chói lọi, rọi tia lửa xuống đất.

Thây anh Xích bắt đầu đổi khác: Chân tay co quắp hơn. Tóc lỏa tỏa như nón rễ bèo Nhật Bản.

Gió hiu hiu. Làn sóng rập rờn liếm vào thân anh kêu óc ách. Anh rập rình như nằm trên giường lò xo.

Rồi tự nhiên, cái xác lật ngửa lên. Con người trước kia hiền lành là thế, nay biến thành con bò thui: Bụng phềnh to, má phềnh to, mặt phềnh to. Đôi mắt híp lại, như bị kéo dài ra tận mang tai. Tứ chi dúm dó. Ai trông thấy bộ dạng nhăn nhó, dọa nạt của người chết, mà khỏi rợn tóc gáy được?

Từ lúc ấy, người thân thích đến thăm thưa dần. Rồi sau hết, không ai dám lại gần đấy nữa. Những khách đi đường, vì vô ý hoặc bất đắc dĩ phải qua, đều che nón, ngậm miệng, và đến chỗ xa, rùng mình một cái, mới nhổ toèn toẹt.

Ông Cửu ở nhà để chờ quan về khám, cũng chẳng kém nóng ruột. Ông như chết một nửa người mà vẫn phải tiếp khách đến hỏi thăm mỗi lúc một đông. Ông chỉ muốn được yên, để nằm nhoài ra mà kêu gào, vật vã cho hả nỗi phụ tử tình thâm. Ông lại lo lắng, không hiểu vợ ông ngồi ngoài bờ đầm, có ai canh giữ cẩn thận, hay lại chẳng nén nổi lòng thương, mà liều mình quá, thì ông thêm một nỗi ân hận nữa suốt đời.

Họ hàng chạy đến, mỗi người giúp một việc. Người bày ở dưới nhà ngang một bàn thờ cỏn con, lấp láy có đôi nến trắng. Người lược may đồ khâm liệm và xé khăn cho lũ em.

Rồi đến khi được biết rằng là ngày chủ nhật, cả buổi hầu sáng, quan không ra công đường, vì đêm trước ngài nhảy đầm trên tỉnh, ba bốn giờ sáng mới về; và đến chiều, cổng huyện đóng, vì là ngày nghỉ; thì ở nhà, ông Cửu trợn mắt, kêu rú lên một tiếng, và ở cạnh lũy tre, bà Cửu ngã vật xuống đất, ngất đi đến năm phút đồng hồ.

Cả làng phải chờ.

Họ hàng sắp sửa việc ma chay xong, ai nấy về nhà, để chờ sáng hôm sau lại đến làm giúp. Người không thân thích lại bắt đầu công việc như cũ, chờ lúc kèn trống nổi lên thì đưa anh Xích ra đồng. Ông Cửu cho người vực bà Cửu về. Hai vợ chồng già nằm chết gí ở hai giường, chờ cuộc khám xét của quan phụ mẫu. Tử thi chờ chôn, mỗi lúc một trương to, rập rềnh cạnh cái quan tài ngoác miệng chờ việc.

Cảnh vật im ả như cũng chờ để nghe ngóng tin. Ánh nắng cứ lẳng lặng rọi xuống. Cây cối mệt nhọc, càng gục lả.

Nhưng giữa nơi yên lặng, chìm đắm trong sự buồn thảm ấy, có một chỗ đầy vẻ hoạt động. Ngay ở quãng tử thi mà người đồng loại kinh tởm khi nhìn thấy, hoặc ghê sợ khi đến gần, thì những loài vật khác giống tỏ vẻ âu yếm, thiết tha lạ lùng. Dưới nước, lũ cá mương vui vẻ, nô giỡn với nhau, chui vào kẽ nách, lỗ tai, đớp thật nhanh, rồi chạy nhào biến mất. Rồi lại đớp. Rồi lại chạy. Trên không, vo vo đàn ruồi nhặng, rủ nhau đến đậu đen kịt vào mặt mũi, chân tay, mải miết hút chất đồ ăn bổ. Thỉnh thoảng chiếc lá tre vàng vẩn vèo từ trên đâm bổ xuống, làm động cuộc kiếm ăn đang bình yên, thì vò một tiếng, lũ ruồi nhặng bay tản đi. Nhưng khoảnh khắc, lại bậu vào, làm thành những quầng đen trên tấm xác xám ngoẹt.

Rồi buổi chiều, một mùi nồng nồng, hăng hăng đã bay thoang thoảng đến được chỗ xa xa. Trên ngọn tre, xào xạc tiếng cánh bay, con quạ đen cố quặp hai chân vào một cành ẻo lả, vẫy đuôi để giữ thăng bằng cho vững chãi, rồi chao đôi mắt thèm thuồng xuống mồi. Rồi một con nữa cụp cánh, đậu ở một cành cây khác, lên tiếng khàn khàn gọi nhau. Chẳng mấy chốc, hai ba con nữa bay lại.

Một con vỗ cánh, bay sà xuống trước, đứng lên bụng thây người để thám hiểm. Thấy được bình yên, cả lũ theo nhau, mổ rỉa từng nơi một.

Như thế, anh Xích vô tình là ân nhân của đàn cá, ruồi, nhặng, quạ. Chân tay vẫn co quắp như dọa, mặt mũi vẫn nhăn nhó như nát, nhưng anh vẫn bị rỉa, bị hút, bị đớp như thường.

Thịt người chết, ai hay cũng là món đồ ăn quý hóa.

*

* *

Cho đến tận chín giờ sáng hôm sau, còi ô tô đằng xa bỗng thét váng.

Đàn quạ hết vía, vừa bay vừa kêu sa sả. Lũ ruồi nhặng, hốt hoảng, vội trốn cho xa. Đàn cá mương thấy nguy, lộn nhào mỗi con chui vào một xó.

Thì lúc ấy, trên bờ đầm, quan Huyện tư pháp là một, cụ Lục sự là hai, cậu lính lệ là ba, cùng trịnh trọng làm việc, và cùng trịnh trọng khạc nhổ. Cậu lệ cầm gậy, lật đi lật lại tử thi. Quan và nha ghé mắt

xem xét từng ly từng tí và biên chép. Hương lý, vợ chồng ông Cứu, cùng họ hàng, người làng, ai nấy khoanh tay im lặng, nuốt đờm, nhìn chằm chặp vào xác chết. Người thở dài. Người lau nước mắt.

Khám nghiệm xong, quan truyền lịnh đuổi cả người tò mò ra xa. Và trước cảnh thương tâm, ngài ôn tồn hỏi ông Cứu:

– Cái đầm này mỗi năm anh kiếm lợi cả cá lẫn hoa có được đến dăm trăm không?

Thấy quan hỏi câu phiếm, không dính dáng gì đến vụ chết đuối, ông Cứu đành phải đáp.

– Dạ.

– Anh cấy hai mươi mấy mẫu?

– Lạy quan lớn, hai mươi hai mẫu.

Quan gật gù:

– Thôi được, để cho anh biết rằng tôi rõ gia tư nhà anh lắm. Còn việc khám xét hôm nay, thì tôi không thể cho chôn ngay được. Vì tôi xét trong người tên Xích, có nhiều vết khả nghi. Tôi phải bẩm tỉnh xin Đốc tờ về khám cho cẩn thận.

Ông Cứu như sét đánh, run cầm cập, nhăn nhó kêu:

– Lạy quan lớn...

Ông Huyện lắc đầu:

– Nó bị bức tử. Phải có Đốc tờ mổ xẻ xác nó ra mới rõ được.

Bỗng một tiếng tru lên, bà Cứu ôm mặt, lanh lảnh khóc:

– Ối con ôi!

Tiếng khóc của người mẹ trước thi hài đứa con chết đuối đã trương, làm ai cũng phải cảm động. Nhưng trái lại, nó không làm chuyển nét mặt của quan tư pháp. Đến đây, ông là đại biểu cho pháp luật. Ông đã từ người bằng thịt bằng xương biến thành pho tượng bằng sắt đá lạnh lùng.

Vậy đã là sắt đá, tất không thể cảm được những tiếng khóc lóc ẻo lả của người mẹ mất con, hoặc những tiếng kêu nài mềm yếu của người cha oan uổng. Cảm được sắt đá, duy chỉ có một vật. Vật ấy cố nhiên phải rắn, tuy chẳng được rắn bằng sắt, cũng phải rắn hơn đá. Mà vật rắn ấy, nhà ông Cứu không thiếu. Nó làm bằng loài bạc.

Thấy ông Huyện lặng nhìn tử thi đương xông lên một mùi khắm lằm lặm, ông Cứu não nuột nói:

– Xin rước quan về nhà nghỉ cho đỡ nắng.

Ông Huyện chẳng biết vô tình hay cố ý, lấy tay xua ruồi, và khạc nhổ, rồi đáp:

– Ừ, kẻo ở đây tởm lắm. Nó đã trương to, mà ruồi, nhặng, cá, quạ cứ sán vào. Lại còn phải phơi nắng, đợi thầy thuốc mổ xẻ nữa, thì biết bao giờ mới được chôn!

Rồi vừa đi, ngài vừa bảo ông Lục sự:

– Đích là một án mạng, chứ không đúng như những lời trình trong giấy đâu.

Ông Cửu tiến lên gần, nhỏ nhẻ thưa:

– Lạy quan lớn, còn vong hồn con con kia. Nếu có thế nào, con cam chịu tội trước cửa quan lớn. Xin quan lớn cho phép con mai táng, con xin hậu tạ quan lớn.

Quan quay lại, nhìn ông Cửu bằng đôi mắt dịu dàng của một người có trái tim dễ cảm. Ngài hỏi:

– Anh định tạ tôi bao nhiêu?

– Lạy quan lớn, con xin khấn một nén.

Quan cười:

– Anh phải biết cứ tiền dầu xăng khứ hồi ô tô tôi về đây cũng đáng một nén rồi.

Ông Lục sự đi rảo cẳng lên, nói:

– Bẩm quan lớn, việc này to chứ chẳng phải vừa.

Rồi ông cau mặt, trách ông Cửu:

– Cơ nghiệp anh như thế mà anh muốn chôn ngay con anh, anh không tạ ơn quan nổi một bách hay sao?

Rồi luôn mồm, ông thưa với ông Huyện:

– Bẩm quan lớn, nghề dân ta họ vẫn ngu dại làm vậy, muốn chạy việc, lại cứ muốn không mất tiền.

Ông Cửu nhăn nhó, nói khẽ với ông Lục:

– Nhờ cụ bẩm với quan hộ, một bách thì tôi không sao lo được. Tôi xin tạ một nửa.

Ông Lục xua tay và trợn mắt, như ngăn cản một câu nói dại dột:

– Chết! Anh nói mới dễ nghe sao!

Rồi ghé tai ông Cửu, ông thầm thì:

– Này, chỗ thân, đằng này cam đoan xin hộ cho bằng được. Nhưng ít ra anh cũng cứ lo lấy bát thập, còn thập nguyên, cho dằng này ăn với chứ?

Ông Cửu cũng thầm thì:

– Khốn như hiện nay không có đủ.

– Thì hãy cứ hứa đi, mai kia lên tạ sau cũng được kia mà. Đằng này nhận cho. Chứ anh đang tâm để con anh thế được à?

Ông Cửu yên lặng, thở dài.

Quay lại phía sau, ông thấy vợ ông đương lăn lộn. Ông không thể cầm được nước mắt, vội vàng mặc cả mấy câu nữa, rồi bằng lòng khất quan bảy mươi đồng.

*

* *

Và một giờ sau, lũ ruồi, lũ nhặng, lũ cá, lũ quạ, tiếc ngẩn ngơ.

Chúng có biết đâu rằng quan Huyện tư pháp đã tranh mất món mồi ngon của chúng.

Tiểu thuyết thứ bảy, số 206 (ra ngày 7-5-1938).

TINH THẦN THỂ DỤC

(Truyện ngắn)

Có lính huyện mang trát quan về làng:

Quan tri huyện X.X.
Sức hương lý xã Ngũ Vọng tuân cứ,

Nay thừa lệnh Tỉnh đường, ngày 19 Mars [1] *này, tức 29 tháng giêng An Nam, tại sân vận động huyện có cuộc đá bóng thi, nhiều chiến tướng đá rất hay, mọi nhẽ.*

Vậy sức các thầy phải thông báo cho dân làng biết và phải thân dẫn đủ một trăm người, đúng 12 giờ trưa đến xem, không được khiếm diện.

Những người đã cắt đi dự cuộc khánh thành sân thể dục tháng trước, thì lần này được miễn.

Ai có mặt tại sân vận động cũng phải ăn mặc tử tế, đi đứng nghiêm chỉnh, và phải vỗ tay luôn luôn, vì hôm ấy có nhiều quan khách.

Làng Ngũ Vọng lại phải có năm lá cờ, sẵn sàng từ mười giờ sáng.

Việc này tuy là việc thể dục, nhưng các thầy không được coi thường, nếu không tuân lệnh sẽ bị cữu.

Nay sức
LÊ THĂNG

*
* *

Anh Mịch nhăn nhó nói:

– Lạy ông, ông làm phúc tha cho con, mai con phải đi làm trừ nợ cho ông Nghị, kẻo ông ấy đánh chết.

Ông Lý cau mặt, lắc đầu giơ roi song to bằng ngón chân cái lên trời, dậm dọa:

---

1. Có nghĩa là: tháng 3.

– Kệ mày, theo lệnh quan, tao chiếu sổ đinh, thì lần này đến lượt mày rồi.

– Cắn cỏ con lạy ông trăm nghìn mớ lạy, ông mà bắt con đi thì ông Nghị ghét con, cả nhà con khổ.

– Thì mày hẹn làm ngày khác với ông ấy, không được à?

– Đối với ông Nghị, con là chỗ đầy tớ, con sợ lắm. Con không dám nói sai lời, vì là chỗ con nhờ vả quanh năm. Nếu không, vợ con con chết đói.

– Chết đói hay chết no, tao đây không biết, nhưng giấy quan đã sức, tao cứ phép tao làm. Đứa nào không tuân, để quan gắt, tao trình thì rũ tù.

– Lạy ông, ông thương phận nào con nhờ phận ấy.

– Mặc kệ chúng bay, tao thương chúng bay, nhưng ai thương tao. Hôm ấy mày mà không đi, tao sai tuần đến gô cổ lại, đừng kêu.

*

* *

Bác Phó gái dịu dàng, đặt cành cau lên bàn, ngồi xổm ở xó cửa, gãi tai, nói với ông Lý:

– Lạy thầy, nhà con thì chưa cất cơn, mấy lại sợ thầy mắng chửi, nên không dám đến kêu. Lạy thầy, quyền phép trong tay thầy, thầy tha cho nhà con, đừng bắt nhà con đi xem đá bóng vội.

– Ồ, việc quan không phải như chuyện đàn bà của các chị!

– Thì lạy thầy, thế này, làng ta thì đông, thầy cất ai không được. Tại nhà con ốm yếu, nên xin thầy hoãn cho đến lượt sau.

– Ốm gần chết cũng phải đi. Lệnh quan như thế, ai cũng lấy cớ ốm yếu mà không đi, thì người ta đá bóng cho chó xem à?

– Thưa thầy, giá nhà con khỏe khoắn, thì nhà con chả dám kêu. Nhưng thưa thầy, từ đây lên huyện, những chín cây lô mếch, sợ nhà con đi nắng thì cảm, rồi phải lại thì oan gia.

– Đây không biết, mà đây cũng không nghe đâu. Vợ chồng thu xếp với nhau thế nào, đây mặc kệ!

– Thưa, hay con nghỉ buổi chợ để đi thay nhà con có được không à?

– Không! Phải là đàn ông kia. Chứ nữ nhân ngoại tộc, ai kể?

Người đàn bà thờ dại:

– Thế thì con biết làm thế nào được!

*

* *

Bà cụ phó Bính, mắt kèm nhèm, vừa nói, vừa cười rất vô duyên:

– Thì lòng thành, ông Lý cứ nhận đi cho cháu. Cháu hôm ấy không bận đi ăn cưới thì cháu cũng xin vâng. Cháu đã thuê thằng Sang đi thay cho cháu cũng thế. Ông ngơ đi là được.

– Thế ngộ quan biết, có chết tôi không!

– Quan đếm đủ đầu người là xong, chứ ai xem thẻ mà ông sợ.

– Tôi nhận lễ của con bà mà tôi lo lắm. Việc quan nào phải việc chơi.

– Thì cũng như ông làm phúc ấy mà lị.

– Nhưng thằng Sang có khăn áo tử tế, hay lại ăn mặc như thằng ăn mày ấy.

– Ông không phải lo việc ấy. Nó đã dạm mượn được đủ cả rồi. Cháu mặc cả và đã khoán đủ với nó như thế.

Ông Lý nhăn mặt, nhặt ba hào, bỏ túi:

– Làm việc mà cứ gặp phải những người như con bà, thì tôi đến chết mất.

– Thì ông không cho phép cháu ở nhà, cháu phải thuê người khác đi thay cũng thế chứ gì.

– Thế đến gà gáy hôm 29, bà phải bảo thằng Sang, chực sẵn ở đình, tôi dẫn đi.

– Ấy, ông cho nó cơm nước thong thả đã chứ. Đá bóng ít ra ba bốn giờ chiều mới bắt đầu kia mà. Tôi tưởng mười hai giờ ở nhà đi cũng vừa. Buổi sáng, tôi còn mượn nó cuốc mảnh vườn.

– Ba bốn giờ chiều mới bắt đầu, nhưng quan bắt đến huyện từ 12 giờ trưa. Để ngài điểm. Mà quan sức mười hai giờ, thì mình phải đến từ 11 giờ cho sớm sủa. Vả lại, tôi còn phải mang cờ lên lúc 10 giờ, thì chả đi từ lúc năm sáu giờ thì đi vào lúc nào? Cho nên, mọi người phải chờ tôi ở ngoài đình từ gà gáy.

– Thế thì sớm quá.

Ông Lý gắt:

– Tôi không lôi thôi. Bà không bằng lòng thế, thì tôi cứ bắt đích danh con bà. Mặc kệ!

Bà Phó sợ hãi:

– Không, lệnh ông thì thế nào tôi chả phải nghe. Là tôi nói chuyện thế đấy chứ.

– Mấy lị bao nhiêu người đều phải thế, chứ riêng gì bà. Bà bảo thằng Sang nắm cơm từ chiều hôm trước, chứ sáng hôm ấy dậy mới thổi thì không kịp đâu.

– Vâng.

*

* *

Ngay từ sáng tờ mờ hôm 29, ở sân đình làng Ngũ Vọng, đã có tiếng ông Lý quát tháo om sòm:

– Thiếu những mười tám thằng kia à? Tuần đâu, đến tận nhà chúng nó, lôi cổ chúng nó ra đây. Chứ đã hẹn đi lại còn định chuồn phỗng!

Sau tiếng dạ ran, những ngọn đuốc linh tinh kéo đi các ngả. Ông Lý dặn theo, tiếng oang oang:

– Hễ đứa nào láo, cứ đánh sặc tiết chúng nó ra, tội vạ ông chịu. Mẹ bố chúng nó! Việc quan thế này có chết cha người ta không! Chúng bay gô cổ cả, giải cho được ra đây cho ông!

Lại một tiếng dạ nữa, giữa những tiếng chó rống dậy. Ngọn lửa đỏ như nổi lềnh bềnh trong biển sương mù.

Thì đại khái cái cảnh diễn ra như thế này:

Hai người tuần, một người cầm đuốc, một người cầm tay thước, đạp cửa vào nhà thằng Cò. Sau khi tìm sục khắp gian ngoài, buồng trong, không thấy một ai, họ xuống bếp, chọc tay thước vào cót gio, và bồ trấu. Rồi họ lùng ra mé sau nhà. Cũng vô hiệu.

Nhưng bỗng có trẻ khóc thét lên, thì hai anh tuần mới khám phá ra chỗ người trốn: thằng Cò nằm ẹp với con ở cạnh đống rơm, phủ lên mình đầy rơm.

Nó bị lôi ra ngoài. Nó van lạy:

– Lạy các bác, các bác cho tôi ở nhà làm ăn.

– Sao anh đã hẹn với ông Lý, lại không đi, để ông ấy chửi địa lên kia kìa.

– Tôi đi thì tôi mất cả ngày, mà mất buổi làm thì tôi với cháu nhịn đói.

– Tôi không biết!

– Mấy lị tôi không mượn đâu được quần áo.

– Không biết! Anh ra đình mà kêu với ông Lý.

Thằng bé con nhắm nghiền mắt, ôm chặt lấy bố. Nó sợ quá, không khóc được nữa. Thằng Cò chưa kịp trả lời, đã bị lôi xềnh xệch đi.

*

* *

Cuộc săn dù ráo riết đến đâu cũng không sao tróc đủ một trăm người phải đi xem đá bóng. Dăm sáu anh khôn ngoan, đã kéo đến ngủ nhờ nhà khác, hoặc làng khác. Họ làm như lánh nạn.

Khi thấy đã chậm giờ, ông Lý trưởng nghiến răng nói:

– Chúng nó ngu như lợn. Người ta cho xem đá bóng chứ ai làm gì mà cũng phải bắt. Rồi quan thấy không đủ số, lại chửi ông không tận tâm.

Rồi ông ra lệnh:

– Chín mươi tư thằng ở đây, xếp hàng năm lại, đi cho đều bước. Tuần, chúng bay phải kèm chung quanh giúp tao. Đứa nào mà trốn về thì ông bảo.

Đoạn ông lo lắng, đi cuối cùng, mắt nhanh nhẹn để coi cẩn thận như coi tù binh.

– Mẹ bố chúng nó, cho đi xem đá bóng chứ ai giết chết mà phải trốn như trốn giặc!

1938

Tiểu thuyết thứ bảy, số 251 (ra ngày 25-3-1939).

SÁU MẠNG NGƯỜI

(Truyện ngắn)

– Thôi, cái quan bằng lòng vậy, để bận khác tôi bảo chúng nó đến cho. Cái quan cứ ngủ lại đây, sáng mai hãy về, kẻo đêm đã khuya rồi, từ đây lên châu, đi đã xa, lại qua nhiều rừng, tôi không yên tâm đâu mà.

Nghe Lý trưởng Tưởng thành thực nằn nì, nói bằng giọng kéo dài và ngô nghê như thế, ông châu Phiên lấy đồng hồ ra coi rồi nhìn ra ngoài. Rừng, núi và trời lẫn lộn trong màu đen. Ông hơi nản lòng. Nhưng thử xem còn hy vọng gì nữa không, một lần nữa, ông làm ra dáng giận dỗi, vỗ vai Lý trưởng và nói theo lối người Thổ:

– Này, cái quan không bằng lòng thầy Lý đâu nhé. Thầy Lý không biết làm việc. Thầy Lý nói dối quan. Thầy Lý hứa nếu quan đến xem hội thì thầy Lý gọi cho quan những cô gì cô gì kia mà. Thế mà chẳng cô nào đến cả. Để đêm khuya thế này, quan phải về không. Ở vùng xuôi, những lý dịch đối với các quan tốt hơn kia. Nếu làng mời quan ngủ lại mà không gọi được cô nào ra hầu chuyện, thì thầy Lý hoặc thầy Chánh phải đem người nhà thay vào kia đấy.

Nói đoạn, ông châu yên một lát, để thì giờ cho Lý trưởng Tưởng hiểu thấu cái phong tục đẹp đẽ dưới trung châu, và ngẫm nghĩ cái bổn phận chu đáo của nhà chức dịch đối với quan phụ mẫu. Rồi ông tươi cười, hỏi nửa đùa nửa thật:

– Quan nghe nói thầy Lý có em gái mà?

Lý trưởng lắc đầu, đáp rất tự nhiên:

– Cho nó ra tiếp cái quan cũng không làm sao, nhưng rồi sợ nó quen đi, quan ạ.

Biết rằng không còn nước non gì, ông châu Phiên bảo thắng ngựa, nhất định về.

Đường lên châu ly khúc khuỷu, qua những cánh rừng rậm, nhiều đoạn chênh vênh trên khe sâu thẳm. Song, ông tin ở con ngựa ô của ông rất khôn và rất thuộc lối, và ở hai tên lính cơ lực lưỡng, can đảm, lại có đem cả súng lẫn đạn đi theo hầu. Tuy lần này về Bản

Sing, ông chỉ có mục đích xem hội, nhưng ông cũng định tối đến, theo tục lệ, ông sẽ có đùa với bọn con gái dậy thì lũ lượt kéo nhau ra đường giỡn hát bên ngọn đuốc.

*

* *

Lúc bấy giờ, độ mười giờ đêm, ba thầy trò đã bắt đầu phải chui qua cánh rừng rậm. Lối đi ban nãy còn hơi lờ mờ rõ, bây giờ thì thật đen như mực. Không ai có thể trông thấy gì, dù đã quen làm những việc lén lút. Người ta có một cảm giác khó chịu là bị quây vào giữa một cái màn rùng rợn, chật hẹp, mà tai. mắt, chân tay hoạt động một cách sợ sệt, song vô công hiệu.

Ba con ngựa bổ móng vào những phiến đá, kêu lộp cộp. Thỉnh thoảng, một chiếc lá khô rơi, xào xạc đụng bốn năm bận vào cành. Và xa xa, tiếng tí tách của một dòng nước uể oải chảy từ kẽ đá ra. Ông châu, một tay nắm cương, một tay víu yên, gò người về đằng trước và nhấp nhổm theo nhịp kiệu.

Những cuộc đi đêm vất vả, ông đã từng trải nhiều bận, nên đã quen. Làm chức Tri châu, ông tránh sao được nơi rừng xanh, núi đỏ, nước độc, ma thiêng. Song, ông chỉ cố đợi vài tháng nữa, đến kỳ thăng thưởng cuối năm, ông sẽ vận động thăng Tri phủ, và xoay về một huyện nào tốn tốt ở trung châu. Lúc bấy giờ, ông mới có thể nghĩ đến chuyện làm giàu và sung sướng được. Chứ ở đây, tiếng là quan cai trị, mà quanh năm, ông chẳng xơ múi gì. Dân sự họ sợ uy quyền Lý trưởng hoặc Chánh tổng người địa phương hơn là quan phụ mẫu. Vả ở vào một nơi giáp biên thùy, công việc canh phòng còn khó nhọc và nguy hiểm gấp bội phần.

Rong ruổi trong khoảng tịch mịch, ông châu Phiên bỗng nhớ đến cái chức vụ tịch mịch của mình. Một hơi lạnh thoảng qua, làm ông rùng mình. Ông móc túi, lấy điếu thuốc lá và bật bùi nhùi để hút.

Bỗng ngựa ông đứng dừng lại. Rồi lưng ông bị đầu con ngựa sau húc phải. Ông giật nảy mình, tự nhiên ghê rợn, như có cái gì nó báo trước cho ông một điềm chẳng lành. Trong người ông nóng ran. Ông vội vàng lắng tai và giơ tay trong khoảng tối đen, làm hiệu cho lính, và khẽ nói:

– Đứng lại.

Ba con ngựa cùng dừng bước, thở, vẫy đuôi xoàn xoạt, và giậm chân xuống đường đất rắn các để đuổi muỗi.

Quan quay lại, hỏi lính:

– Có người?

Tức thì hai ngọn súng đã chĩa ngang ra đằng trước. Mọi người yên lặng để nghe ngóng và chờ đợi. Tiếng xôn xao mỗi lúc một gần. Ông Châu ra lệnh khẽ:

– Nạp đạn sẵn.

Gót chân nện xuống đất nghe rõ dần. Một người lính nói thầm:

– Họ nói tiếng Thổ hay tiếng khách? Đông đấy.

Ông châu ngăn:

– Thôi, im. Xuống ngựa cả, mau!

Rồi ông hỏi to:

– Ai, đi đâu?

Những tiếng xôn xao ở xa tức khắc im bặt. Thấy khác ý, ông châu ngờ vực. Trong bóng tối, ông nhận ra năm sáu cái bóng đen kịt.

Một người lính hỏi lại:

– Ai? Đi đâu? Lấy cả thẻ ra để quan khám!

Lời vừa dứt thì không hiểu làm sao, bọn người đằng trước chạy tán loạn.

Đoán là việc nguy hiểm, ông châu hăng hái, thét:

– Bắn!

Đoành! Ngọn lửa sáng lóe, tiếng vang inh vào các khe núi, kêu vọng dài ra. Tức khắc, một cái bóng đen ngã vật xuống, giãy dành đạch, rên rỉ.

Hai người lính càng phấn chấn, đem hết sức lực, chạy đuổi bọn người gian.

Lại một tiếng đoành, rồi tiếng đoành nữa.

Ông châu nắm chặt lưng ba con ngựa, trống ngực đã bớt rộn, ông lên tiếng hỏi:

– Thế nào?

– Bẩm trúng ạ.

Thấy người ngã đầu tiên còn phì phì thở ngay gần đó, ông châu bấm bùi nhùi. Đá lửa bật ra những tia sáng lòe, rọi rõ lối đi. Ông tiến mấy bước, rồi dồn dập hỏi:

– Bọn mày mấy đứa?

– Đau lắm, tôi làm gì mà bắn tôi?

Chẳng để vào tai những tiếng nói thảm thiết vô ích, ông lại hỏi. Tiếng trả lời:

– Sáu đứa.

Ông nói to, bảo lính:

– Tất cả sáu đứa!

Ngay lúc ấy, một tiếng súng lại nổ ran, vang động cả bốn phía.

Rồi tiếng reo:

– Ngã rồi.

Mừng rỡ, ông châu hô:

– Còn hai nữa. Bắt cho kỳ được!

Rồi cúi xuống, ông toan hỏi thêm. Song, người khốn nạn đã ằng ặc giãy, rồi nằm im lịm.

Trời tối quá, nên cuộc săn người rất gian nan. Bởi vậy, trong sáu kẻ gian, bốn người chẳng may bị đạn thì chịu gục xuống, còn hai người lẩn lút được. Lính đã hết sức tìm sục mọi nơi, song, không tài nào thấy được. Thực ra, họ trốn không khó gì. Chỉ cần cho người đuổi không trông thấy hút được, là họ nép vào bụi rậm nào đó, thế là thoát. Họ nằm đó cho thật yên. Bởi vậy, hai người lính đã mất công chui rúc cho đến tận tang tảng sáng.

Nhưng khi tầng lá xanh đen đã hơi nổi ra ngoài nền trời màu sữa, thì ông châu bắt đầu hơi ngạc nhiên. Cách người chết nằm không xa, có những đống gì to lù lù. Muốn khỏi ngợ, ông buộc ngựa vào cành cây, đến tận nơi, nhìn cho kỹ.

Bỗng ông nhủn người, run lên, mặt tái mét. Đó là những bó thuốc lá, mà sáu người này có lẽ chỉ là bọn buôn thuốc.

Lương tâm ai chẳng có? Dù làm quan cũng vậy. Thỉnh thoảng, người ta có đôi phút vụt thấy lương tâm hiện ra, mỗi khi biết rằng mình làm bậy. Bởi vậy, ông châu Phiên hối hận việc đã giết oan bốn mạng lương dân.

Nhưng biết làm thế nào bây giờ?

Ông châu vốn là người có óc thực tế. Hạng người này ít thiên về tình cảm. Nên khi một việc lỡ xảy ra, họ không xoa xuýt, than tiếc, mà phải cương quyết tính ngay đến cách đối phó sau này. Vì vậy, trong giây phút, ông lanh trí, nghĩ ngay được cách làm thế nào để tránh lỗi với quan trên.

Thì ông làm thế này.

Ông đến tận nơi từng người bị đạn để tra hỏi. Khi biết đích bọn đó chỉ là người Thổ đi kiếm thuốc lá để sáng sớm mai bán tại chợ Bản Sing, ông bèn đốt thẻ của họ đi, và bắt lính trói chặt lại, cho khỏi có người nào còn sức lê đi và trốn thoát. Như vậy, ông có thể kệ họ nằm rên rỉ một mình, không phải bận về canh gác nữa.

Đoạn ông cùng hai tên lính cơ, chia nhau đi các ngả để sục nốt hai người hiện đương trốn.

Ông cao đoán lắm, bảo lính:

– Chúng nó chưa ra khỏi cánh rừng này. Chúng mày cứ trông kỹ vào những chỗ rậm rạp. Tao sẽ thưởng to cho thằng nào có công.

Lúc ấy đã sáng rõ. Ba thầy trò vừa lắng tai, vừa trố mắt, dò từng bước để tìm tòi. Không một bụi rậm nào họ không khua ngọn súng vào. Không một khe đá nào họ không lách lưỡi lê vào. May thay, trời không phụ kẻ có công bao giờ. Chẳng bao lâu, chính ông châu tóm được một người nằm ẹp như con nhái bén dưới một gốc cây đổ. Và một tên lính vồ được người nữa, đương cắm cổ chạy bán sống bán chết trong khóm lau cao.

Bắt sống được hai người cuối cùng, mà hai người này không có thẻ, ông châu mới thực mừng. Ông sai trói gô họ vào gốc cây.

GÁNH KHOAI LANG

(Truyện ngắn)

Buổi chợ tan, bà Lý gánh hai thúng khoai về nhà, nét mặt buồn rười rượi.

Thấy tiếng vợ ngoài cổng, ông Lý vội chạy ra, nhưng rồi đứng sững lại, tưng hửng, hỏi:

– Thế nào? Ế à?

Bà Lý uể oải đi vào, đặt gánh xuống sân, lắc đầu:

– Đã bảo mà, thầy nó gàn dở quá. Năm hết tết đến, còn ai mua của nỡm này làm gì? Chỉ làm tội tôi gánh trật xương vai ra mà thôi.

Rồi nhìn chồng lặng yên, và nét mặt lo lắng, bà thương hại, nói:

– Hay thầy nó cứ làm như ông Chánh hội ấy, ỳ ra, không tết, không lẽ ông quan ông ấy giết chết hay sao?

Ông Lý thở dài:

– Mình còn làm việc với người ta, không xử thế được.

Bà vợ cau mặt:

– Sao lại không được? Thày nó để ông ấy bắt nạt được một lần, rồi ông ấy bắt nạt mãi. Cứ thử trây ra xem sao nào. Gặm khố người ta mà trừ à.

Nói xong, bà Lý vừa xuống bếp, vừa gắt gỏng:

– Làm Lý trưởng một làng quèn quèn có hơn trăm suất đinh, mà nay tết, mai tết, lại phải những hai đồng, cũng chẳng dám mở miệng ra mà kêu.

Ông Lý bực mình, gắt lại:

– U mày lên huyện mà kêu. Cứ ở nhà nói đổng thì ai chẳng làm được. Lại không biết người ta ra làm quan chỉ cốt có việc nạn khoét thôi à.

Bỗng một lát nghĩ ngợi, ông Lý hỏi:

– Thế đồng bạc để mua thịt ngày mai đâu, u mày đưa đây vậy.

Bà Lý bĩu môi:

– Dễ nghe nhỉ. Cả nhà ăn tết, chỉ có đồng bạc, thầy nó định lấy đem vào quan hay sao?

– Chứ làm thế nào?

Bà Lý nguýt:

– Rồi không có gì sửa mâm cơm cúng hôm mồng một, để ngoài người ta nói cho ấy à?

Ông Lý buồn rầu, vuốt mái tóc, hấp háy mắt. Ông nhăn nhó, nhìn gánh khoai lang. Ông lo lắm. Mai đã là ngày quan hẹn lên lễ tết, mà nay chưa có đồng nào. Không thể thế được. Vụ lụt vừa rồi, dân làng đã xơ xác, rạc rầy. Nhà ông tiếng là đủ ăn, nhưng sự thực, bữa nào vợ chồng con cái cũng phải độn khoai lang với gạo đỏ. Bởi vậy, vào lúc khó khăn này, kiếm được đồng tiền để nuôi sống cái thân còn chật vật khốn đốn, huống chi để đem làm giàu cho bọn quan tham.

Nghĩ vơ vẩn một lúc, ông Lý gọi vợ, dỗ dành:

– Này u mày cứ đưa tôi đồng bạc, để mai tôi đi sớm, rồi hãy hay.

Bà Lý ương ngạnh:

– Nhất định tôi không chịu để cái tết này ông bà ông vải phải nhịn đói. Thầy nó muốn làm gì tôi thì làm.

– U mày khó bảo quá.

– Mà nói thực ra, ông bà ông vải đã chắc gì được hưởng mâm cao cỗ đầy. Đồng bạc này chỉ là để vợ chồng con cái ăn tết với nhau cho sướng mà thôi. Mình làm lụng quanh năm vất vả, được ngày tết để nghỉ ngơi ăn uống vui vẻ, tội gì mà đem tiền mồ hôi nước mắt cho người khác hưởng.

Ông Lý phát cáu, nói:

– Nhưng vui sướng chưa thấy đâu. Hãy biết rằng tôi khổ với người ta trước đã.

Bà Lý chợt nghĩ được một điều, ôn tồn nói:

– Thầy mày cứ gánh thúng khoai này lên huyện mà tết quan. Khoai mà không là tiền à. Gặp lúc đói kém, nó lại không quý hơn vàng ấy à?

Thấy vợ dịu, ông Lý mỉm cười:

– Thì tôi cũng đã nghĩ như thế, món khoai này cũng trị giá đến đồng bạc. Nhưng một khoai không vẫn chưa đủ lệ, phải có thêm đồng nữa, ông ấy mới nhận cho.

Bà Lý xung tiết:

– Ăn gì mà ăn lắm thế.

Ông Lý trợn mắt:

– Tôi đã bảo u mày cứ hay nói nhảm, thế nào cũng có ngày vạ miệng. Nhà mình là nhà làm việc, mình nên giữ mồm giữ miệng, kẻo đến tai ông ấy ngay đấy.

Bà Lý càng tức, nói to:

– Ừ đấy, tôi sợ gì. Ông ấy cứ đem mà giết quách cả nhà này đi. Chứ lại bóc lột người ta tàn nhẫn thế à?

Ông Lý lại trợn mắt, vội chạy đến giơ tay để bịt mồm vợ. Bà Lý tưởng chồng đánh, bèn bù lu bù loa lên, kêu khóc. Ông Lý càng nổi giận, sẵn tay, vả ngay cho vợ một cái thật mạnh. Tức thì, tiếng tru tréo dậy lên ồn ồn.

Nhưng hàng xóm chạy ngay sang. Ông Lý phân trần lẽ phải của mình. Bà Lý cũng già mồm cãi lại để mọi người hiểu. Kết cục, ai nấy đều khuyên bà Lý nên để tiền cho ông lên huyện tết quan. Bởi vì nếu không, không những ông Lý sẽ bị quan nay hạch sách điều nọ, mai đòi hỏi việc kia, tốn kém dây dưa, rồi ra cũng quá tội. Mà ông Chánh hội đã không tết, ông Lý cũng lại không tết, quan sẽ đổ cho cả làng là cộng sản, thì dân vừa bị cái ách lụt lội trời trị chưa hồi phục, đã lại bị cái ách quan trị nữa, thì đến đi xiêu cả làng mất.

Bà Lý hiểu lẽ, động lòng, mới chịu nhượng bộ chồng.

*

*   *

Đứng trước bàn giấy quan, ông Lý gãi tai, nhìn đĩa tiền để trên hai thúng khoai chồng lên nhau, khúm núm nói:

– Lạy quan lớn, chúng con gọi là có cây nhà lá vườn, đem đầu đến vì thiểng tết quan lớn.

Ông Huyện hình như đã nổi giận. Ông ngắm áo quần và người ngợm ông Lý bằng đôi mắt đầy mỉa mai, rồi trỏ tay vào lễ vật, dõng dạc hỏi:

– Thầy đem tết tôi? Thầy thử ngắm xem cái mả khoai lang của nhà thầy bày ở giữa buồng giấy này, trông nó có đẹp không đã?

Ông Lý sợ hãi, trống ngực thình thình. Quả là cái mả khoai lang đã làm tiêu cả vẻ hùng vĩ của bộ da cọp và hai thanh quất treo trên

tường, và làm giảm cả sự choáng lộn của bộ bàn ghế gụ đánh bóng, có những đệm nhung thêu kim tuyến. Rồi như tiếng sét, ông Huyện gắt:

– Đồ xỏ lá! Đem về để vợ chồng con cái ăn với nhau! Nhà tao không có lợn!

Giật mình, ông Lý tái mét mặt, ấp úng nói:

– Lạy quan lớn, quả thực chúng con túng đói, xin quan lớn thương cho.

– Mày kêu mày túng? Mày túng thì ông cách cổ mày đi cho thằng khác làm. Đồ ba que!

Ông Lý không thể đáp thế nào được, bèn chỉ lạy van đỡ đòn:

– Lạy quan lớn.

Ông Huyện quắc mắt, đập bàn, lại quát:

– Đem ngay đi! Đừng để bẩn công đường! Từ giờ đến trưa, mày không tết được tao, thì tao bỏ tù. Tao bảo trước cho mà biết.

Ông Lý run bắn người, nghĩ ngay đến mai là mồng một tết mà mình phải giam trong trại.

Ông bèn khom khom bê hai thúng khoai ra để ở góc hè, bỏ tờ giấy bạc vào túi, rồi ra phía cổng.

Ruột ông rối như mớ bòng bong. Ông đi ra để quan khỏi quở thêm, chứ thực ra cũng chưa định đi đâu.

Nhưng may quá, ông sực nghĩ đến ông phó Sinh bán hàng cơm ở ngoài phố, là chỗ quen thuộc. Ông Lý định đến nói khó với ông ta, may ra ông ta giúp cho chăng.

Đến nhà ông phó Sinh, ông Lý kể lể đầu đuôi câu chuyện. Ông phó Sinh ái ngại, song, lắc đầu, đáp:

– Tôi có thì ông tiêu cũng thế, tôi không tiếc ông đâu, ngặt vì độ này tôi túng quá.

– Hay nhờ ông vay hộ vậy.

Ông phó nghĩ một lát, rồi lắc đầu:

– Khó lắm, ông ạ. Có mấy chỗ mọi khi lúc túng thiếu tôi vẫn đến giật lửa, thì đều mắc míu cả rồi, nên bây giờ chắc không hy vọng gì.

Ông Lý nhăn nhó, nằn nì:

– Ông cứ nói rằng ông hỏi mượn cho tôi vậy.

Ông phó cười:

– Đến tôi buôn bán ngay ở phố này, mà khi vay mượn còn phải đem cái nọ cái kia đến làm tin, nữa là ông.

Ông Lý vừa sòng sọc hút thuốc lào, vừa gật gật ra ý mừng rỡ, rồi sau khi thở hết làn khói ở miệng ra, ông nói:

– Vay có mỗi một đồng bạc, làm gì người ta không tin? Chả có tôi làm giấy và có áp triện chứ gì.

Ông phó bật nghĩ ra:

– Ông có đem đồng triện đi đấy à?

Ông Lý gật:

– Có đấy.

– Ông ạ, còn có cách này chắc chắn, là ông đem quách triện đi mà cầm. Có tôi nói giúp vào, may người ta cho vay đấy.

Túng phải làm liều, ông phó và ông Lý cùng đi. Phúc làm sao, người ta bằng lòng cầm chiếc đồng triện một đồng bạc, lãi ba mươi phân.

*

* *

Có đủ tiền vào tết quan, ông Lý thấy được nhẹ nhõm.

Ông đứng chờ ở hiên công đường, nhìn đến hai thúng khoai nặng nề mà thở dài. Chốc nữa, ông lại phải gánh cái món ăn vô duyên ấy về mới rầy rà chứ!

Được lệnh quan gọi vào hầu, ông Lý xếp gọn gàng hai tờ giấy bạc lên đĩa, rồi nắn lại khăn, sờ lại khuy áo, và thong thả tiến vào.

Ông đặt đĩa tiền ở góc bàn, sắp bẩm một câu chiếu lệ. Nhưng ông Huyện đã vui vẻ, ngọt ngào nói ngay:

– Đấy, các thầy chỉ được nghề nói dối quan là tài. Từ nay không nên thế. Thôi được, có lòng thành, ta cảm ơn.

Nói đoạn, quan phụ mẫu nhanh nhẹn gión món tiền, bỏ túi. Rồi cũng chẳng ngượng miệng tí nào, và làm như động lòng thương người thuộc hạ phải gồng gánh nặng nề, ngài dịu dàng dạy:

– Thế còn hai thúng khoai ban nãy đâu, đem vào đây nhé.

1938

SÁNG, CHỊ PHU MỎ

(Truyện ngắn)

Rửa xong bát đũa, Sáng cầm đèn hoa kỳ vào buồng, đặt trên mặt hòm, rồi mở màn, bảo mẹ:

– Bu ở nhà, con đi đằng này một tí nhé!

Bà già như đã đoán được ý con, cựa mình nằm quay mặt ra ngoài, rên rỉ, nói:

– Thôi, con ạ, không thuốc thang gì nữa đâu. Đừng đi vay mượn, rồi lại mắc nợ. Bu đã qua cầu ấy, bu sợ lắm.

Sáng thở dài, sờ lên đầu mẹ, rồi nhăn nhó, nói:

– Thế này mà bu cứ không chịu uống thuốc. Bu sốt nặng hơn ban trưa đây mà.

– Tại bu đắp nhiều chăn đấy. Cứ để vậy, rồi khỏi. Bu không muốn để nợ cho con đâu.

– Bu đừng tiếc tiền. Hôm kìa, hôm kia, bu uống luôn hai chén, nên đã gần khỏi. Giá bu cứ để con đi xoay xỏa, lấy tiền cân hai chén nữa, thì chắc hôm nay cất cơn rồi.

Mẹ Sáng cảm động, lắc đầu, nắm lấy tay con:

– Bu thấy tình cảnh nhà thế này, bu chả muốn thuốc thang tí nào cả. Uống chén nào vào mồm, đeo nợ chén ấy, thì uống làm gì.

– Nợ thì rồi giả, chứ có ăn không uống không của ai mà bu ngại. Vả lại con giật tạm của các chị ấy, chứ có vay của ông cai Nhã đâu.

– Mày nói dối. Bu lại không rõ tất cả các phu phen làm ở mỏ này hay sao. Ai thừa tiêu cho mày giật mượn được. Thầy mày ngày xưa làm ở đây hơn hai mươi năm, thật là ăn tiêu vắt cổ chày ra nước, thế mà lúc bị sập lò chết đi, còn để lại món nợ, giả mãi mới hết.

Sáng thở dài, đáp:

– Bu để yên con nói cho mà nghe. Có phải con hỏi mượn một người đâu, mà bu chắc rằng không có. Con vay mỗi chỗ một ít, cho nên dễ, bu ạ!

– Thế rồi lấy gì mà giả?

– Rồi kỳ lương này, con trang trải thế nào cũng xong. Bu cứ yên tâm.

Bà già lắc đầu, thương hại con, hổn hển thở:

– Tao bảo mày cứ không nghe. Vừa trưa hôm nay, tao thấy mày bàn nhau với chị Nhân là vay ông cai Nhã kia mà. Nợ ai, chứ nợ lão ấy thì khổ đấy, con ạ.

– Con biết rồi. Con đã bảo con không vay ông ấy đâu mà.

– Nhưng mà không vay đâu cả. Liệu mà nghỉ ngơi rồi đi ngủ, sáng mai còn đi làm.

Rồi bà than thở một mình:

– Hai hôm nay, gạo đã phải đi vay rồi, bây giờ lại còn cất thuốc cho mẹ. Nhục quá, nghèo ơi là nghèo!

Bỗng hai dòng lệ ứa ra, làm ngập đuôi mắt, rồi từ từ chảy xuống mang tai, bà nằm quay vào trong, thở những hơi dài thống thiết.

Sáng buồn rầu, nói:

– Bu cứ uống thử thêm hai chén nữa. Bởi vì, nếu tiếc tiền, rồi sốt nặng hơn, thì làm thế nào!

Mẹ Sáng đập tay, gắt:

– Đấy, tao kệ mày. Mày khó bảo quá!

– Được, bu cứ kệ con.

Nói đoạn, Sáng thu dọn trong nhà, hạ các liếp cửa xuống, vặn nhỏ đèn lại, rồi lách ra đường.

*

* *

Cũng giờ ấy, cai Nhã chờ cho các ký lục trên nhà giấy về hết mới vào báo cho chủ Nhì biết tin mừng:

– Thưa ông, tối hôm nay, xơi cơm xong, ông có bận việc gì không?

– Không, anh muốn gì?

Nhã ghé gần lại, ti hí đôi mắt lươn, nói nhỏ:

– Cái con bé xưa nay ông vẫn ước ao, tối nay, tôi sẽ dắt vào cho ông.

Ông chủ tươi cười, vuốt vểnh bộ râu ngược lên, rồi khoanh tay trên bàn, hất hàm hỏi:

– Con bé nào thế nhỉ?

– Con bé tên là Sáng, vẫn ngồi bên cạnh bà già ở đầu phía tay trái nhà máy ấy mà. Chả có lần ông khen nó đẹp là gì.

Ông chủ chợt nghĩ ra, gật gật, đáp:

– Phải, tôi nhớ ra rồi, cái con bé có bộ ngực to bằng ngần này ấy chứ gì?

Hai thầy trò nhìn nhau, cười híp mắt. Nhã nói:

– Chính đấy, tôi vẫn bảo nó là vì ông nhân từ, thương đến ngày xưa cha nó chết về công việc của Sở, nên mới ban ơn cho nó vào làm.

– Thế rồi sao?

– Tôi xem ý nó, thì nó không như những đứa khác. Nghĩa là nó không nhí nhảnh, dễ dãi đâu.

– Thế bây giờ?

– Bây giờ là tôi làm ơn cho nó.

– Anh làm ơn cho nó?

– Phải, vì mẹ nó ốm.

– Sao?

– Để tôi nói hầu ông nghe. Ban nãy, nó tìm tôi, hỏi vay tôi mấy đồng bạc mua thuốc cho mẹ. Xin ông biết rằng lần này là lần đầu mà nó nhờ tôi về tiền nong.

– Thế nó phong lưu à?

– Không, ông tính làm phu đủ ăn là may lắm, chứ còn thừa thãi sao được. Giá nó không vì mẹ ốm, phải tiêu bất thường và vay loanh quanh bạn hữu không được, thì chưa khi nào nó chịu nói với tôi.

– Đó là sự thực, hay nó tìm dịp đến gần anh?

– Tôi mong đó là nó nói dối, thì cách hành động của tôi mới có kết quả. Nhưng, thưa ông, mẹ nó ốm thực.

– Thế anh bảo nó thế nào?

– Tôi bảo nó là tôi không có sẵn, nhưng tôi có thể đưa nó đến mượn tiền ông. Nó sợ ông, không dám đi, nhưng tôi đã cắt nghĩa cho nó nghe rồi.

Ông chủ cười, khen:

– Tốt lắm!

– Phải, dịp tốt đến cho ông trong khi bà về Hà Nội. Tối nay, tôi sẽ lên đây. Nhưng điều cần nhất, là ông nên xử trí cho khéo, kẻo con bé ấy tai quái và liều lĩnh lắm.

– Không ngại.

– Tôi nên dặn trước ông thế, vì con Sáng này không như những con trước tôi dắt đến cho ông đâu.

– Được rồi. Tôi cảm ơn anh.

*

* *

Khoảng hơn tám giờ tối, Sáng lo lắng, theo cai Nhã đi trên con đường bò quanh sườn đồi, lên nhà chủ. Chị chẳng biết việc vay tiền chủ có kết quả gì không. Chị liều mà nghe lời Nhã, theo vào chủ để vay tiền. Chị chỉ mong mẹ chị có thuốc uống. Chị biết Nhã vẫn dắt gái đến cho chủ, thì rồi đây, thế nào chị cũng bị mang tiếng. Song, chị chỉ cốt lương tâm biết mà thôi.

Đến cổng, Nhã tặc lưỡi, nói:

– Nghề thế, chị nghe chưa, mình đi làm thì phải chiều ý chủ. Tôi thấy chị cứ khủng khỉnh với người trên, như thế không nên.

– Thì cụ bảo cháu làm thế nao?

– Ồ, cái đó chị nghĩ thì ra chứ. Giá như chị năng đi lại với chu, có phải lần này chị chả phải nhờ đến tôi mới vay được chủ hay không.

Sáng hiểu ý, không đáp. Chị nhìn xuống chân đồi, chỗ tối om, có những mái nhà tranh xám, là xóm thợ thuyền.

Tới thềm, Nhã bảo:

– Chị chờ đây, tôi vào nói trước đã!

Sáng đứng lại, thở mạnh một cái:

– Chào! Mệt! Giá cụ lên một mình nói hộ cháu cũng được, cháu đỡ phải leo dốc.

Sáng đứng một mình ngắm cái nhà cao lồng lộng. Chị lạy trời cho chủ bằng lòng cho chị vay lương. Một lát, Nhã vui vẻ ra, vẫy Sáng:

– Được rồi. Chủ bảo chị vào mà ký nhận lấy tiền.

Sáng mừng rỡ, trống ngực nổi mạnh:

– Thế cụ vào với cháu chứ?

– Không cần!

Sáng ngần ngại, rồi nói:

– Cụ chờ cháu ở đây nhé!

Cai Nhã trợn đôi mắt trắng dã, gắt:

– Có mau lên không, bắt ông ấy chờ à?

*

* *

Sáng vừa vào, ông chủ đã làm ngay như mọi bận. Ông đến cửa, vặn khóa, bỏ thìa vào túi, và nhăn nhở cười, ôm thốc lấy người con gái. Không nếp tẻ gì cả. Bởi vì ông yên trí là hạng này chỉ là những vật cho ông tiêu khiển khi vắng vợ. Họ với ông cách nhau một vực một trời, thì nói chuyện làm gì cho mất thì giờ. Ông là chủ kia mà, cần gì phải tán tỉnh lôi thôi.

Nhưng lần này khác. Bỗng ông bị cưỡng kịch liệt.

Sáng quằn quại trong cánh tay ông, kêu to:

– Ô hay, ông này mới hay chứ! Tôi vay ông tiền mua thuốc cho bu tôi, sao ông lại làm thế này?

Ông chủ không hiểu tiếng, nên mặc kệ. Hai bắp tay ông nổi lên, ông hết sức ghì chặt lấy Sáng, và ghé môi vào má chị. Sáng càng giãy giụa. Chị giận, mặt đỏ bừng bừng. Chị hết sức chống cự lại con quỷ dâm dục. Rồi, biết mình yếu hơn, chị nắm được râu ông ta, rứt mạnh, và kêu to hơn, rồi gầm lên:

– Ối giời ơi! Ông buông tôi ra!

Nhưng đầu tóc chị xổ ra rũ rượi. Mà ông chủ vẫn nói những tiếng bằng giọng dỗ dành. Người ông ta nóng ran, mồ hôi mướt ra. Và vì thế, hai cánh tay trơn như phết mỡ.

Sáng thở hồng hộc. Máu hăng chị sôi lên sùng sục. Chị quào mặt ông chủ, và luồn tuột được đầu ra ngoài. Song nhanh như chớp, ông chủ lại vồ ngay được chị, làm chị ngã giúi xuống, bị cả sức nặng của cây thịt vạm vỡ nằm đè lên trên.

Biết thế nguy, Sáng hết sức lăn lộn một chập nữa. Chị đạp chân, cựa tay:

– Ông buông tôi ra! Ông đểu lắm! Tôi tự tử bây giờ!

Song, cuộc vật lộn càng hăng hái. Gần đạt đến đích, ông chủ không tha.

Độ năm phút sau, khi hết hơi sức, và biết rằng không thể cưỡng hơn được nữa, chị mới quyết liệt. Chị đã không khỏe để trừ dâm thần, thì chị đành hủy hoại thân chị để lánh nạn. Chị bèn giơ mười đầu ngón tay cấu mạnh vào cổ họng. Rồi nhăn nhó, chị nằm sóng soài, mệt lử.

Ông chủ thấy tấn tình kịch biến thành bi kịch, vội vàng buông người con gái khó bảo ra, và đứng dậy.

Sáng thở hổn hển rồi im lịm.

Ông ta vắt hai tay ra sau, lặng ngắm Sáng. Lúc bấy giờ, ông ta có thể làm gì Sáng cũng được. Song, ông ta đứng yên.

Có lẽ ông ta động tâm. Ông ta lau mồ hôi trán, giật khục tay và thở dài.

Hình như lòng nhân đạo trở về với ông ta.

Ông ta lắc đầu, vẻ mặt hối hận lấy hai tay lật Sáng lại. Một tiếng rền rĩ làm ông ta thương hại kẻ yếu hèn.

Trong buồng yên lặng.

Nghĩ ngợi một lát, chòng chọc nhìn Sáng, bỗng ông ta móc túi, lấy ví. Rồi lẳng lặng ông ta mở ví, thọc bàn tay vào trong ngăn. Giơ ra ánh đèn, ông tìm và bóc tờ giấy bạc năm đồng.

Nhưng vừa lúc ấy, Sáng cựa một cái, rồi ngồi nhổm dậy, thở, hai tay tựa xuống gạch.

Chị không chết, mà cũng chẳng làm sao cả.

Ông chủ vẫn nhìn chị. Ông đã bớt sợ. Và do đó, bớt thương hại. Bàn tay ông ta vẫn để nguyên trong ngăn ví.

Trong khi ấy, Sáng không dám nhìn ông. Mặt tái xanh, chị quấn rối món tóc, nhặt chiếc khăn rơi, rồi vội vàng đứng dậy ra phía cửa sổ, trèo qua tường và nhảy phắt ra ngoài.

Và cũng trong khi ấy, ông chủ tươi tỉnh, rút bàn tay ra, gấp ví lại, và bỏ vào túi. Ông nhìn theo Sáng, nét mặt mừng rỡ.

Ông mừng rỡ, chẳng phải thấy Sáng vẫn lành mạnh như thường.

Ông mừng rỡ là vì đỡ mất toi món tiền suýt nữa vô cớ đền vết thương cho con bé bướng bỉnh.

Tiểu thuyết thứ bảy, số 263 (ra ngày 17-6-1939)

TẤM GIẤY MỘT TRĂM

(Truyện ngắn)

Chọn được hàng vừa ý, bà chủ bảo gói lại và ra quầy chờ để trả tiền. Nhưng ồ lạ, bà mở ví ra, tìm, tìm mãi. Không biết tấm giấy một trăm vương đâu? Bà lại tìm, bỏ riêng từng thứ để ở trong ví ra để tìm. Chiếc mù soa này. Quyển lịch con này. Bảng giờ ôtô ca này. Hộp phấn này. Ống son này. Vân vân. Bà rũ tung chiếc mù soa, giở từng tờ trong quyển lịch. Còn trong ngăn con thì cố nhiên không có rồi. Ngăn ấy, xưa nay bà chỉ đựng toàn hào xu. Vì hào xu cần lấy đến luôn, nên để riêng như thế cho dễ tìm. Vả lại ngăn ấy năng bị mở, bà không muốn để bạc giấy, nhất là giấy to, vì bà vốn kín đáo.

Tìm tòi một chập, bà ngẩn người ra để nghĩ.

Phải, có, bà có mang tiền đi. Mà quên sao được thứ cần thiết nhất ấy, khi bà cần sắm mấy thứ hàng mới để mặc nực. Bà nhớ lắm, bà nhớ kỹ lắm. Vả nếu không để mở két lấy tiền, thì lúc ấy, bà vào buồng giấy ông làm việc gì?

Bà nhớ rằng trong tập mười lăm tờ giấy trăm, bà chọn tờ mới nhất. Và thấy bà làm lẻ loi tập giấy lớn, ông có bảo bà là nên mang giấy lẻ. Bà nhớ đích rằng bà gấp nó làm tám, bỏ dưới cái mù soa. Thì lúc xe qua Bờ Hồ, bà mở ví ra soi gương lại, còn trông thấy nó. Thế nghĩa là bà có mang tiền, chứ không quên ở nhà. Thôi thôi - nghĩ đến đó, bà lại ngẩn người ra - khi gần đến Tràng Tiền, bà có rút khăn ra để thấm mồ hôi và chấm thêm tí phấn, thì muốn chừng trong khi vô ý, bà lôi cả tấm giấy bạc, và đánh rơi ra ngoài mất. Phải, chỉ có thế mới có thể mất được. Chứ từ lúc vào hiệu đến giờ, bà chưa hề mở ví. Lúc nào bà cũng cầm nó ở tay, thì không có lý nào mất bạc ở đây được.

Người bán hàng chờ bà trả tiền. Nhưng bà còn ruột gan nào nữa. Bà đành nói thực:

– Tôi bỏ vương đâu mất tờ giấy trăm. Thôi để lần khác vậy.

Thấy bà là khách quen, người chủ đáp:

– Bà cứ mang hàng về, lúc nào trả cũng được.

Nhưng như mất thần trí, bà lẩm bẩm một mình:

– Đích là thế.

Người chủ nhắc:

– Bà thử tìm lại trong ví xem. Bà mất tiền ở đâu, chứ không phải ở đây.

Bà lại vừa loay hoay tìm lần cuối cùng, vừa nói:

– Thế thì đánh rơi ở xe.

Sau khi lục soát ví một lượt nữa – và cố nhiên cũng vô ích – bà vẩn vơ, lững thững đi ra.

Tấm giấy bạc ấy, đích là nó theo khăn mù soa ra ngoài, chứ không còn cách gì khác nữa. Nhưng nó ra ngoài, rồi nó rơi đi đâu? Rơi xuống đường? Thôi nếu thế thì đành mất. Rơi trong xe? Cũng chẳng có hy vọng gì còn. Mà từng kia cái xe, biết bà đã đi cái nào? Khốn hơn, phu xe lại chẳng chạy giật lùi cho khách nhận mặt. Sau lưng, người nào không giống người nào.

Bà đứng dừng lại để nghĩ. Phải, còn một hy vọng cỏn con nữa, là bà cố nhớ xem lúc rút mù soa ra là lúc xe đến đâu, thì tới đó mà tìm ở đường, may ra món tiền chưa lọt vào mắt một người tham lam nào chăng. Hình như lúc ấy xe đã ra khỏi tòa Đốc lý. Phải đích rồi, trước cửa nhà dây thép.

Bà rảo cẳng, mắt chăm chắm nhìn vào chỗ bà nghi đánh rơi tiền. Đến nơi, bà rẽ hẳn ra giữa đường, đi thong thả từng bước, cúi mặt, đưa mắt sang bên phải, rồi lại bên trái, rồi lại bên phải, rồi lại bên trái. Và khi tới quá tòa đốc lý, bà lại quay trở lại, tìm một lượt nữa, kỹ càng hơn.

Đến khi thấy rằng mặt đường nhựa vẫn nhẵn như chùi, và từ nãy đến giờ, kẻ qua người lại hàng trăm hàng nghìn, bà mới thở dài, chán nản.

Mồ hôi lấm tấm trên mặt và trên lưng áo. Nó chảy thành giọt trên gáy và trong nách bà. Bà đã bực mình, lại bực mình thêm. Song, chẳng còn bụng dạ nào nghĩ đến trang điểm, bà đứng cạnh gốc cây có bóng râm, mắt vẫn chăm chắm vào chỗ mà bà nghi rằng mất của.

Một ngọn gió mát thổi hây hẩy. Bà mím đôi môi thắm lại để băn khoăn và tiếc tiền.

Một trăm đồng bạc, đối với bà, tuy chẳng vào đâu, nhưng không được tiêu nó mà mất, thì ai không tức. Thà rằng thua một canh hàng nghìn, bà còn được cái thú mở bát. Thà rằng thưởng cho bọn thợ, bà còn được tiếng là nhân từ. Nay vì lơ đễnh, bà mất ở giữa đường, không thể tra hỏi vào đâu cho bõ tức được. Một trăm bạc này, chẳng vào đâu thực. Hàng ngày, chồng bà có thể thu hơn ngần ấy lãi. Bà có thể lấy giấu giếm ông cũng nổi vài trăm.

Bà có thể một buổi, vặn chậm đồng hồ ở xưởng lại năm phút, chỉ năm phút thôi, là đủ thu lại xấp xỉ món tiền bị thiệt. Nhưng gì thì gì, bỗng không, mất một trăm đồng bạc, mất biệt tăm, biệt tích, thì dù có là chủ nhà ngân hàng, chủ sở mỏ, mỗi năm lãi hàng vài mươi triệu, cũng phải nghĩ ngợi, cố tìm cho ra, nữa là bà, chỉ là vợ ông chủ xưởng dệt. Bà giận mình vô tâm.

Cho nên, đứng ở giữa đường đi lối lại, bà cũng chẳng nhìn thấy ai. Bà thần người, cố nhớ lại một lần nữa từng ly từng tí, từ lúc mở két đến lúc biết tiền mất, xem còn có thể gặp một tia hy vọng nào khác chăng.

Bỗng mắt bà long lanh sáng. Bà đã có một ý hay.

Phải. Hay là tờ giấy bạc ấy còn vương trong xe.

Hay là thế chăng?

Chỉ có thế, bà mới có thể lại tìm ra được.

Một tờ giấy gấp làm tám. Nó nhỏ, nó nặng. Vậy nó không thể bay được. Sàn xe lại trải thảm. Vậy nó không thể lọt xuống đường.

Hay tiền còn ở trên xe?

Biết đâu đấy?

Nhưng xe nào? Cái kia? Cái kia? Không thể nhận ra được. Mà nếu gặp người phu xe thực thà hoặc ngu ngốc, thì bà có thể lấy lại số tiền. Chứ mà phải hạng gian giảo, thì thôi đành. Mà hy vọng sự thực thà ở quân phu xe! Đó là một sự đại vô lý. Trăm thằng nhà nghèo, thằng nào không có tính ăn cắp? Tự nhiên, suy cách làm việc của chồng, bà càng tin lời xét đoán ấy là chí lý. Phải, ông chủ nọ, ông chủ kia, kiếm tiền dễ như bỡn, còn chẳng tí chút thực thà nữa là. Thấy đồng tiền, đến thánh cũng híp mắt, nói chi người phàm tục như bọn mình, nói chi bọn nghèo khổ?

Bà thở dài. Bà mong anh phu xe kéo bà ban nãy là hạng người có những ước muốn na ná ông thượng Phạm, ông hường Hà, ông chủ

báo Nguyễn. Nghĩa là biết xem báo, và hiếu danh. Biết xem báo, hẳn là anh ta đã thấy bạn đồng nghiệp của anh trong Trung Kỳ, vì thực thà mà được Triều đình ban thưởng ngàn tiền. Hiếu danh, hẳn anh ta đến nộp tấm giấy trăm ở sở Cẩm để xin tư phẩm hàm. Bà chỉ sợ anh phu xe ấy lại cao thượng hơn ông thượng Phạm, ông hường Hà, ông chủ báo Nguyễn. Bà chỉ sợ anh ta lại khôn hơn các ông này, coi tiền để tiêu hơn tiền để đeo. Song, bà cho là ở đời này, nhất ở nước mình, giết sao cho chết tiệt giống hiếu danh.

Thế là bà đi đến sở Cẩm, với một tấm lòng tin ở sự hiếu danh hơn là sự thực thà của người đời.

Phải, nếu không, bà có thể trình việc mất tiền này để nhờ nhà chức trách tìm hộ.

Chợt bà dừng lại, mắt như nảy ra một tia sáng.

Bà có một điều rất hệ trọng giúp đỡ cho Sở Cẩm và Sở Mật thám, mà bà quên mãi: Đó là số xe.

Từ nãy, bà đâm quẫn trí, nên không nghĩ đến. Bà đã nhớ cả tên hiệu lẫn số xe bà đi. Những chữ ấy, lần này, tự nhiên bà đã để ý đến. Chứ mọi khi, ai hơi đâu nhớ những cái lặt vặt ấy. Lúc ấy, ở trên xe, qua Hàng Đào, bà thấy đôi xăng đan kiểu mới của một bà gặp ở đường, nên bà nhìn xuống chân bà, rồi ngắm mười móng nhuộm đỏ như son. Chợt ánh nắng làm lóe cái biển đồng số xe bầu dục đóng gần đó, cũng làm bà chói mắt. Thì bỗng bà trông đến số xe. Mọi lần, những con số, bà có nhớ bao giờ đâu. Nhưng số xe này lại trùng với số nhà bà, nên bà không học cũng không quên được.

Vậy thì xe ấy số 56, hiệu L.

Đó, manh mối vụ tìm bạc. Nó là đầu mối chỉ rối. Tìm thấy nó, sự gỡ sợi rất dễ và rất nhanh.

*

*   *

Anh L. 56 đang rảo cẳng kéo xe không đi phố Hàng Gai. Cách kiếm ăn của anh chẳng khác gì cuộc đánh bạc. Nó do sự ăn may. Lúc này anh cũng chỉ dám mong ở sự tình cờ có khách gọi. Cho nên, trừ khi đã kiếm đủ tiền thuế, còn lúc nào anh cũng phải vội vàng. Chân tuy bước ở đây, nhưng tai và mắt anh để tận chỗ đâu đâu kia. Và

tuyệt vọng ở hiện tại, anh hy vọng ở tương lai. Nghĩa là, biết đâu, đằng kia, phố kia, có người sắp ra đường cần xe chăng. Cho nên, khi ta thấy anh L.56 còn kéo xe không đi một cách vội vã thế kia, ta có thể đoán rằng anh còn đói khách lắm.

Từ sáng, anh mới làm có ba chuyến, được vẻn vẹn hào rưỡi. Anh mong trời cứ nắng nữa lên, nắng to vào, để, tuy phải vất vả, nhưng dễ kiếm khách.

Hết phố Hàng Gai, anh rẽ sang Hàng Hòm, về Hàng Đàn, rồi ra Hàng Ngang. Thì thình lình có người gọi. Anh sửng sốt dừng lại, quay cổ nhìn. Song, than ôi, người ta gọi không phải để thuê anh, mà để khám anh.

Bốn thám tử ở bốn phía ập lại. Bà chủ xưởng dệt đến gần anh, nói:

– Đúng xe này, các ông ạ.

Anh xe đương ngơ ngác, chưa hiểu sao. Bỗng một thám tử hỏi:

– Hồi chín giờ sáng, anh kéo bà này lên Tràng Tiền phải không?

– Vâng.

– Sau anh kéo ai nữa?

– Thưa ông, một ông từ Gô đa về Hàng Bông.

– Anh có nhớ nhà người ấy đấy chứ?

– Vâng.

– Được. Bà này đi xe anh lúc sáng, trong khi mở ví ra lấy khăn mù soa, có đánh rơi tấm giấy bạc một trăm, anh có bắt được không?

Anh ngẩn ngơ nhìn. Bà chủ tiếp:

– Có bắt được thì anh đưa lại tôi, tôi thưởng cho anh đồng bạc.

Thám tử nối lời:

– Mà không trả, thì sẽ bị tù tội.

Anh xe sợ hãi, thật thà thưa:

– Tôi chẳng bắt được tiền nong nào cả. Bà thử tìm lại xem. Hay bà lơ đễnh bỏ quên ở đâu. Bà đừng ngờ oan tôi.

Thám tử cười:

– Trăm thằng, thằng nào cũng có một lối nói. Bà ấy có quyền lơ đễnh, nhưng hễ mày lấy thì phải tù.

Bà chủ dỗ:

– Anh trả tôi, chẳng những được thưởng tiền, mà biết đâu, nhà nước không thưởng mề đay cho anh.

Thám tử lắc đầu:

– Với quân này, không thể ngọt ngào được.

– Mày có lấy không? Không thì, a lê, đi!

– Lạy thầy, con không biết gì cả. Hay cái ông ở phố Hàng Bông bắt được chăng, thì con không biết.

– Không nói lôi thôi. Hễ tao khám mày không có tiền, thì mày chỉ cho tao nhà người ấy. Không có thì mày về sở.

Anh xe quả quyết đáp:

– Vâng, thầy cứ khám.

Bốn người quây vào anh để nắn soát. Những nơi rất bí mật anh vẫn giấu tiền, đến cai cũng không tìm ra, nhưng thám tử đều lục đến cả.

Bà chủ đứng chứng kiến cuộc khám xét. Bà hy vọng lắm. Bà hy vọng, vì tin ở sự nhanh nhẹn của các nhà chuyên trách, tin ở số bà không bao giờ gặp sự chẳng may, và nhất là tin ở tính ăn cắp của bọn nghèo.

Thám tử khám hết người, mới lục lọi đến xe.

Thì họ chẳng mất công lâu. Chiếc đệm vừa nhấc lên, tờ giấy trăm gấp tám đã rơi vào trong hòm xe, như để chạy trốn.

Anh xe rú lên một tiếng kinh ngạc. Và bà chủ cũng reo lên một tiếng vui mừng.

– Cái gì đây?

– Lạy các thầy, con không biết tiền nào. Giá con tham tâm, thì con lấy rồi. Chắc bà ấy đánh rơi, nó mắc vào đấy, chứ con không định bụng lấy.

– Mặc kệ! Đồ ăn cắp! A lê!

Sau câu giản dị ấy, anh xe bị xích tay và giải đi.

7-1939

CHUỘC CỤ

(Truyện ngắn)

Vừa được độ mười lăm phút, thằng Quýt đã lại vào giục cô Tư:

– Trưa lắm rồi, cô vào mời cụ dậy để con mở cổng, kẻo chúng nó cứ nheo nhéo từ sáng đến giờ.

Cô Tư đỏng đảnh gắt:

– Kệ chúng nó, ai bảo hôm qua, hôm kia không đến một thể. Ai làm đầy tớ chúng nó lắm thế được. Tận ba mươi Tết mới thèm vác xác vào!

Song tuy làm ra dáng hách dịch như vậy, mà cô Tư cũng không bỏ lỡ dịp nào không để cho người nhà, đầy tớ tin rằng cô vẫn được cụ Hàn yêu hơn hết bọn cô hầu. Cô bèn xỏ chân vào guốc, đứng dậy.

Cô đến trước tấm gương treo ở cột. Cô vuốt mái tóc, nắn lại khăn, bôi ít sáp vào môi, rồi khi yên trí mình vẫn còn nguyên vẹn nhan sắc của cô con gái ngoài hai mươi, cô mới lên nhà trên rón rén mở cửa buồng.

– Ông! Ông! Mời ông dậy.

Cụ Hàn cựa, mở mắt, mỉm cười với cô, rồi quờ tay nắm lấy cổ tay cô, rồi, cụ giơ hai cánh tay khẳng khiu ôm lấy cô hầu non. Nhưng cô Tư cản lại:

– Chúng nó chờ đông lắm rồi.

Cụ Hàn hút một chập mới vươn vai. Cô Tư dịu dàng hỏi:

– Rửa mặt nhé.

Thấy cụ gật, cô bèn lấy chiếc khăn màu nước dưa, vẫn treo ở lưng ghế cạnh giường, dúng vào thau nước, vắt khẽ và đưa cho cụ.

Cụ Hàn lau qua loa đôi mắt, rồi nói:

– Bảo thằng Quýt mở cổng!

Cánh cổng nhà cụ Hàn bấy giờ mới mở: một dinh cơ gồm sáu chiếc nhà gạch lớn.

Năm người theo Quýt vào ngồi chực ở nhà ngang.

Bác khán Thạch cũng ở trong bọn đó. Bác chờ đã lâu lắm. Bác chỉ cần chuộc cụ rồi ra chợ mua miếng thịt, kẻo vãn người vì chợ hôm nay chỉ họp một lúc buổi sáng.

Năm nào cũng vậy, bác cầm cụ từ đầu tháng năm cho cụ Hàn, bởi vì tháng ba, tháng tư, tháng nào bác cũng có giỗ. Mọi năm phong lưu, hăm tám, hăm chín Tết bác đã đi chuộc về. Nhưng khốn nỗi, năm nay làm ăn khó khăn quá. Hôm nọ, vừa lo được đủ tiền, bác đã bị người ta lần túi đòi mất. Thật thế, bác nợ nhiều quá, chẳng năm nào đến tối ba mươi Tết, bác không bị réo ở cổng. Cho nên trốn được món nào hay món ấy, không có, bác phải nói khó hoặc van lạy người ta để người ta thương tình. Bác cố giấu biệt dần dần, nay một hào, mai một hào, cho đủ hai đồng mới có tiền chuộc cụ và sắm miếng thịt miếng thà cho ra vẻ Tết.

Món chuộc cụ, không ai thúc bách, song bác coi khẩn bằng mấy mươi món khác. Bác tưởng tượng nếu không chuộc được cụ về, thì phải tội chết.

– Nào, ai cần thì lên hầu trước đi.

Dứt lời Quýt, cả năm người đều tranh nhau đứng dậy.

Bác khán nằn nì:

– Tôi chờ từ sáng, cho tôi lên trước.

Nhưng Quýt trỏ vào người mặc áo tây thâm và ra lệnh:

– Bác xã về tận Tràng, mà chuộc những hai chiếc mâm, cho lên trước.

Mười lăm phút sau, bác khán Thạch lại phải nhường cho người ở Tam Đa lên chuộc lại cái lư. Và mãi tận hơn một giờ, bác mới được gọi.

Bác theo Quýt đi. Qua sân lát gạch bát to, bác lên thềm nhà giữa rồi đứng lại. Bác cởi thắt lưng lấy tám hào ba nắm ở tay và bỏ hai xu vào túi. Bác khúm núm vạch bức mành mành để vào. Bác vái chào.

– Lạy cụ ạ.

Cụ Hàn nằm cạnh bàn đèn có cô Tư tiêm thuốc, không trả lời, chỉ nhìn bác.

Cô Ba ngồi têm trầu gần đó, hất hàm hỏi:

– Kêu gì?

Bác khán gãi tai:

– Bẩm con đến trình cụ cho con chuộc cụ con về.

Cô Ba hiểu, nhanh nhẹn vào trong buồng. Cụ Hàn nói theo:

– Tên Nguyễn Thạch có chua chữ ở dưới đế ấy nhé.

Bác khán chờ. Im lặng.

Trong buồng đưa ra những tiếng gỗ chạm vào nhau, lục cục, rồi bỗng cô Ba hỏi:

– Từ tháng nào nhỉ?

Bác Khán đáp:

– Bẩm tháng năm ạ.

Cụ Hàn mồm ngậm giọc tẩu, tay bấm đốt, rồi khi đã hút xong điếu thuốc, cụ nhìn bác khán nói:

– Tám hào rưỡi.

Thấy cô Ba tìm mãi không được, cụ Hàn giục:

– Sao lâu thế?

– Thưa, chưa thấy ạ.

Cụ cau mặt, nhìn Quýt:

– Mang cả ra đây. Nó chả được việc gì cả!

Tức thì Quýt nhanh nhẩu vào buồng, rồi bưng ra một sọt bài vị. Chiếc bài vị nào cũng sơn đỏ, bụi bám đầy, có dấu vôi trắng ở mặt và ở đế.

Quýt đặt sọt xuống đất. Cụ Hàn ngồi dậy cúi chọn từng chiếc một rồi phàn nàn:

– Chết chửa, còn bao nhiêu đứa không biết chết trôi chết giạt đi đằng nào mà không chuộc cụ chúng nó về. Ông cho rồi quỷ sứ nó lại không rút lưỡi những đồ bạc ác ấy đi à!

Bác khán đứng yên để chờ.

Cụ Hàn xáo lộn để tìm. Cụ cũng phải tìm mãi. Khi thấy chiếc bài vị đề tên bác khán Thạch, cụ mới trừng mắt mắng cô Ba:

– Chả nó là con khỉ đây à?

Rồi cụ hất hàm bảo bác khán:

– Tám hào rưỡi!

Bác khán thở dài. Bác tủi thân lắm. Lại thấy cụ Hàn không được vui vẻ, nên bác thất vọng. Song, bác cũng cứ liều, mất gì lời nói. Bác đặt tám hào ba vào đĩa, đằng hắng rồi thưa:

– Lạy cụ, mấy năm nay, con nhờ vả cụ, không lần nào dám thiếu cụ, nhưng lần này con chỉ lo được có ngần này, xin cụ thương cho.

Cụ Hàn không nói không rằng, quẳng chiếc bài vị vào sọt và nằm xuống.

Bác khán giật mình như trông thấy tổ tiên bị thương. Bác gãi tai. Nhưng cụ đuổi:

– Bước! Mày tưởng mấy hào bạc của mày to lắm à?

Cô Tư mắng theo:

– Thôi, đi! Quýt, cất cái sọt rồi đuổi nó ra!

Quýt kéo áo bác, nhưng bác cố đứng lại. Bác như muốn ứa nước mắt, móc túi lấy thêm hai xu rồi để vào đĩa.

Cô Ba ngảnh nhìn, đoạn nhặt bài vị đặt lên phản.

Bác khán kính cẩn nâng lấy cụ và túm vạt áo, chùi bụi chỗ đánh dấu vôi vào mặt cụ.

Đoạn sung sướng vì đã có cụ để thờ trong mấy ngày Tết, bác thu thu khúc gỗ sơn son ấy vào bọc, vái chào cụ Hàn và hai cô, rồi hớn hở lui ra.

Tiểu thuyết thứ bảy, số 344 (ra ngày 20-1-1941)

TẮT LỬA LÒNG

(Tiểu thuyết)

I

THÔI CÒN CHI NỮA MÀ MONG!

Chuyến ô tô hàng xình xịch đến chợ Gồi, chưa đỗ hẳn, thì một cậu học trò đã hăm hở nhảy tót xuống. Đầu đội mũ trắng sờn vành, mình mặc áo thâm tây vá, chân đi giầy đanh tre mòn gót, tay xách va ly vải vàng cụt một quai, cậu học trò rẽ sang tay phải, theo con đường hẹp bên bờ ruộng, đi thẳng về phía làng Văn Ngoại.

Lúc ấy đang vào giữa trưa, một buổi trưa mùa hè, trời xanh ngăn ngắt. Ánh nắng chang chang chiếu xuống mặt nước ruộng long lanh chói như mặt gương. Hơi cỏ hai bên vệ đường bốc lên, đưa thoảng nhẹ vào mũi một mùi quen quen dễ chịu, cái mùi "quê nhà", chỉ khi nào ta ở tỉnh lâu ngày, được nghỉ hè về mới ngửi thấy. Trong rặng tre, tiếng ve sầu lanh lảnh, như nhắc ta nhớ đến những buổi đánh khăng, thả diều với các bạn trẻ trong làng hồi còn thơ ngây.

Cậu học trò nhìn từng cái lều tranh bán nước, ngắm từng cây nhãn cạnh lối đi, trông từng cái mặt nước ao vơi đầy, xem từng cái cổng "chống" người ta mới chữa lại. Bỗng đằng sau có người hỏi:

– Kìa cậu Điệp đã về đấy à?

Điệp quay lại, vui vẻ chào rồi đáp:

– Vâng, tôi đã được nghỉ hè. Hôm nay bà có đắt hàng không?

– Ế lắm cậu ạ! Thế nào, cậu có thi đỗ không? Bà mong tin lắm đấy.

Điệp lắc đầu, thở dài;

– Hỏng mới về sớm thế này chứ!

– Chết! Thế thì làm thế nào!

Điệp tái mặt không trả lời, cười lạt hỏi;

– Đẻ tôi có nhà hay đi vắng, hở bà?

– Hôm nay phiên chợ Bản, bà đi từ sớm, nhưng chắc cũng sắp về. Thôi, vô phép cậu, tôi về trước nhé.

Điệp đứng tránh sang bên cho bà ta đi, rồi bước thong thả, sực nhớ lại câu "thế thì làm thế nào" ban nãy mà buồn tênh, vừa tủi thân vừa thương mẹ.

Điệp ngậm ngùi nghĩ đến nhà mình, xưa vốn vào hạng giàu có trong làng. Nhưng từ năm Điệp lên sáu, nghĩa là đã mười lăm năm nay, ông Cử là cha Điệp mất đi, thì gia đình gặp nhiều vận hạn, làm ăn chẳng ra làm sao, thành ra mỗi ngày một sa sút, ruộng vườn phải cầm bán đi hết. Từ khi bắt đầu biết nghĩ, Điệp đã được thấy lắm cảnh đau lòng, nên nhiều lúc chàng trông thấy mẹ gánh hàng long tong đi hết chợ này đến chợ khác, thì chỉ mong cho chóng đến ngày khôn lớn, đi làm kiếm được tiền, đỡ mẹ khỏi phải nhọc nhằn vất vả.

Đỗ bằng Sơ học Pháp - Việt, Điệp thi vào trường Sư phạm, vì được ăn học không mất tiền, mẹ không phải lo lắng băn khoăn, mà cũng không phải phiền lụy đến ông Tú Nguyễn, là người bạn thân của cha Điệp.

Điệp học bốn năm trời, rất chăm chỉ ngoan ngoãn, nhưng đến ngày thi bằng Cao đẳng tiểu học thì hỏng. Điệp hỏng thi.

"Thế thì làm thế nào?".

Câu nói ban nãy lại như văng vẳng bên tai Điệp, khiến chàng phải bồi hồi, lau mồ hôi trán.

"Thế thì đẻ lại vất vả một ít lâu nữa. Thế thì đẻ lại phải buồn vì ta một ít lâu nữa. Thế thì ta lại phải lo lắng tới kỳ thi tháng chín này. Thế thì ta lại chưa báo hiếu đẻ được. Thế là Lan lại phải nghĩ ngợi vì ta. Thế thì làm thế nào được!".

Mấy cái "thế thì" Điệp tự trả lời mà lấy làm đau đớn lắm, Điệp thi hỏng. Chàng cố quên sự buồn để vui vẻ về quê, định lấy chữ "học tài thi phận" an ủi mẹ. Nhưng đến bây giờ chàng không sao đè nén, chôn lấp được những nỗi đau đớn chứa chất tận dưới đáy lòng. Điệp thở dài dừng chân bên gốc đa cạnh đường để nghỉ.

"Phải, cần gì đi vội vã lắm thế. Để còn ở chợ, dù có về nhà sớm cũng vô ích mà thôi".

Ngồi độ năm phút, chợt Điệp nghĩ tới Lan, con ông Tú, bỗng lại thấy hăm hở trong lòng, đứng phắt dậy, xách va ly đi thẳng. Vừa đi chàng vừa bực mình, tiếc cái công bao năm đèn sách, bây giờ rút cục tay trắng về không, uổng hy vọng của những người bấy lâu trông ngóng.

Sang qua cầu thì tới đầu làng, Điệp đã trông thấy cái cổng gạch. Cái cổng ấy lúc nào cũng lè phè đứng đấy, nhưng lần này tự nhiên chàng thấy sửng sốt cả người, tựa hồ nó có cái sức gì chực co chân chàng lại, không cho bước nữa.

Ấy là cái cổng nhà ông Tú, cái cổng nhà Lan, người ý trung nhân của Điệp.

Từ khi Điệp và Lan còn bé, ông Cử và ông Tú vẫn hứa cùng nhau sẽ gả con cho nhau. Rồi khi Điệp mồ côi, ông Tú đã coi Điệp như con, săn sóc trông nom rất chu đáo. Thường ngày nghỉ học về, Điệp vẫn qua thăm ông Tú, mà ông Tú thấy Điệp thông minh, nết na, chăm chỉ, nên rất mừng thầm. Lan thì tính hạnh rất thuần, cả làng ai cũng khen là ngoan nết. Một đôi khi Điệp vào nhà ông Tú, vẫn gặp mặt Lan, nhưng chỉ thấy Lan cúi đầu quay đi mà hây háy đôi má bánh đúc, chứ chưa hề được nói chuyện với nhau bao giờ. Thường Điệp vẫn thấy Lan săn sóc đến mình một cách gián tiếp thì cũng cảm động và hiểu rằng được Lan yêu. Nhưng khốn thay, vì nhà nghèo, nên chàng không dám yêu Lan, không quá mơ mộng một ngày kia dám hỏi Lan làm vợ. Cái tâm sự ấy chỉ một mình Điệp biết, chứ cũng chưa dám nói với ai, vì chàng chắc rằng ông Tú không khi nào quên được lời hứa trước.

Điệp đi vào trong làng, qua cái giếng, cái đình, rặng hàng rào râm bụt thì đến cái cổng xây ấy ở bên tay trái. Điệp ôm cái va ly cụt quai sang bên tay phải, thì tự nhiên quả tim chàng đập mạnh, mồ hôi toát ra như tắm. Nhưng cũng theo thói quen mọi khi, đi qua cổng ấy, tất chàng phải liếc mắt thật nhanh nhìn vào chỗ ấy... Thì quả nhiên lần này, chàng cũng trông thấy người ấy mà lạ quá, cũng cùng một lúc ấy, người ấy chợt ngẩng đầu nhìn ra cổng, bốn mắt hữu tình vô ý gặp nhau...

Điệp sửng sốt cả người, bâng khuâng như mất trí. Tuy chàng đã đi quá, nhưng cái hình ảnh Lan ngồi khâu trên hiên còn như hiện mãi ra trước mắt. Kìa, rõ ràng Lan ngồi duỗi hai chân ra, cái thúng

may lung tung những mụn vải, cái má đỏ hây hây, con mắt đen lay láy. Điệp lắc đầu, tiếc cái vẻ thiên nhiên của Lan. Điệp cố hết sức tìm tòi thêm những nét thần tình, nhưng không sao nghĩ ra được nữa, vì chàng trông Lan quen quá đi mất rồi.

Điệp tưởng tượng thử đặt cái dáng Lan ngồi khâu như thế lên trên phản nhà mình xem có hợp hay không, thì bỗng chàng nhớ ngay đến sự thi hỏng.

"Chắc bây giờ Lan cũng đương luẩn quẩn, muốn biết ta thi cử ra sao đây! Khổ quá, không mượn ai báo hộ ngay tin cho Lan biết, để nàng đừng nuôi lâu cái hy vọng lắm mà lại buồn nhiều!"

Thế là Điệp vẫn muốn yêu Lan, song chàng lại không dám yêu Lan! Chàng thi hỏng, cảnh quẫn bách còn lẩn quất ở trong gia đình, thì bao giờ chàng dám nói đến chuyện hỏi Lan làm vợ!

– A, anh đã về, anh cho em quà đi!

Điệp giật nảy mình, nắm lấy tay thằng bé em họ nó ôm chầm lấy cẳng và dắt nó về nhà.

Điệp ngồi trên giường, mở va ly ra, xếp dọn quần áo sách vở. Thằng bé em chống nẹ bên cạnh chờ quà. Điệp trông nó, thương hại:

– Anh quên không mua quà cho em rồi. Em xem cái này cho vui vậy!

Điệp giở mấy cái vẽ trong sách Hóa học để làm tiệc chay thết em, nhưng thằng bé không nhai quen những món ăn vô vị ấy, nó đứng dậy chạy ra sân chơi.

Điệp thấy từ thằng bé con cũng thất vọng về mình, thì lại cảm cái cảnh nghèo mà tủi thân trách phận.

Dọn xong quần áo sách vở, Điệp dắt em ra cổng đứng ngóng mẹ. Chợt đứa người nhà ông Tú chạy lại, tay cầm cái bát, đứng trước mặt Điệp, hỏi:

– Thưa cậu nhà có đỗ không, cậu cho tôi xin một bát.

– Anh xin đỗ làm gì?

– Tôi không biết.

Điệp nhanh trí hiểu ngay. Tự nhiên chàng thấy trong lòng hồi hộp, bèn hỏi gặng:

– Anh không biết? Ai sai anh đi xin?

– Thưa cậu, cô tôi.

Điệp lặng người một lát:

– Ông có nhà không?

– Thưa cậu, ông tôi đi vắng từ hôm qua, chiều mới về.

– Anh về nói rằng nhà tôi hiện nay không có đỗ, nhưng ít lâu nữa thì thế nào cũng có.

Thằng người nhà vâng, rồi cầm bát đi thẳng. Điệp thấy nó không quay về, bèn gọi giật lại:

– Anh đi đâu thế?

– Tôi đi xin nhà khác vậy!

– Không, anh hãy về cái đã.

– Cậu bắt tôi về thì cô tôi mắng tôi, để tôi đi cho được việc.

– Anh hãy về trả lời thế cho tôi.

– Việc gì phải trả lời, thưa cậu, tôi xin được đỗ thì thôi chứ gì!

– Không, anh cứ về rồi hãy hay.

– Vâng, thì tôi về.

Thằng người nhà quay gót trở lại, nhưng nó vừa đi được dăm bước, Điệp đã gọi giật lại và hỏi:

– À quên, anh nói với cô thế nào?

– Tôi bẩm rằng bà đi vắng.

Điệp trợn mắt:

– Anh phải nói như câu của tôi dặn, là nhà tôi hiện nay không có đỗ, nhưng ít lâu nữa, thế nào cũng có. Anh thuộc chưa?

Thằng ấy nhoẻn miệng cười, đáp:

– Tôi thuộc rồi! Cậu hay lôi thôi quá!

Điệp nhìn theo nó, tủm tỉm cười, thở dài, như đã trút được một gánh nặng, vì đã báo được tin cho Lan biết. Ấy Điệp với Lan tuy chưa được chuyện trò cùng nhau, nhưng cứ dùng cách nói bóng như thế để hỏi dò tin tức của nhau luôn.

Điệp đứng cổng chờ độ nửa giờ thì mẹ chàng gánh hàng về. Bà Cử thấy con từ đằng xa, mừng mừng rỡ rỡ. Điệp chạy đến mang đỡ mẹ mấy bó hàng, rồi cùng về nhà.

Bà Cử vừa mệt vừa nực, mồ hôi nhễ nhại, ngồi phệt ngay ở đầu hè. Bà thấy con nói thi hỏng thì chỉ hơi biến sắc mặt một chút. Bà nuốt đã quen những vị đắng cay của đời. Bà tặc lưỡi, dịu dàng vừa quạt vừa nói:

– Thôi cũng được, con ạ. Chả đỗ lần này thì đỗ lần sau, chả đỗ lần sau thì đỗ lần sau nữa. Trời nào có đóng cửa ai bao giờ. Cứ chịu khó thì làm gì cũng được, con nên lấy đẻ làm gương.

– Thưa đẻ, thành ra con cứ làm cho đẻ phải lo nghĩ về con mãi.

– Cái đó là tự lòng đẻ, đẻ còn sống ngày nào, là còn lo nghĩ về con ngày ấy. Dù sau con có giàu sang như người ta, chắc đẻ cũng vẫn phải vì con mà lo nghĩ. À, con đã đến hầu ông Tú chưa?

– Bẩm chưa. Nhưng ban nãy con gặp đứa người nhà, con hỏi thăm, biết rằng ông Tú đi vắng.

– Vậy thì đến chiều con sang nhé. Thật là chả có ai ăn ở trung hậu được như ông Tú. Mấy hôm nay, ngày nào cũng cho người sang hỏi xem con đã về chưa và có đỗ không. Người ta đối với nhà mình chu đáo quá, nhà mình chẳng đối lại được một phần trăm! Đẻ nghĩ lắm lúc mà ngượng. Về phần đẻ, thì tiền nong giật mượn bên ấy luôn luôn. Về phần con, thì ông Tú trông nom săn sóc sự học hành từ tấm bé! Hôm nọ Lan nó cũng sang đây.

– Thưa đẻ sang làm gì?

– Ông Tú sai sang biếu đẻ một ít cao ban long.

– Nhà mình quanh năm chẳng có gì đưa lại, phiền quá, đẻ nhận làm gì!

– Thôi thì đẻ mong ở con, để con trả nghĩa ông Tú vậy.

– Không, đẻ không nên nghĩ thế. Nhà mình nghèo, ông Tú giàu.

– Người ta không có bụng dạ phân biệt giàu nghèo mà khinh mình đâu, con đừng tưởng thế mà phụ lòng người ta. Lỡ đến tai ông Tú thì ông Tú giận.

– Con cho thế là phải đấy, đẻ ạ. Mình đã ơn người ta nhiều rồi, mình phải đền người ta bằng cách làm cho con gái người ta được sung sướng, chứ lại bắt con gái người ta cũng phải chịu theo cái khổ với mình thì sao mình đang tâm? Giá như con đỗ đạt, làm nên ông nọ ông kia, thì không nói làm gì, nhưng nay con số phận chẳng ra sao, còn chi nữa mà mong, hở đẻ. Thật con không đáng làm rể ông Tú, mà con cũng không nên làm rể ông Tú nữa.

– Không, con nói thế không được. Vả con Lan, hẳn con cũng biết tính người, nếu đẻ được người ấy làm dâu, thì cái hạnh phúc của đẻ

đã mất đi từ lâu, có lẽ chỉ có nó mới lấy lại cho đẻ được. Tại sao con thừ người ra thế?

Điệp cười gượng, trả lời:

– Đẻ đừng nên nhắc chuyện ấy vội. Để khi con công thành danh toại hãy hay. Bây giờ con không giấu đẻ nữa. Chính cô Lan đối với con, nhiều lúc làm cho con phải động lòng. Người ấy ai ngờ lại là ân nhân của con nữa đó.

Bà Cử nhìn thẳng vào mặt con một cách êm ái, như muốn hỏi. Điệp nói tiếp:

– Đã hai lần cô ấy giúp con tiền mua sách mà con không biết.

– Sao?

– Vì con cũng không hiểu.

– Thế con cứ tiêu?

– Vâng, mãi sau có người nói đến một vài câu có dính dáng đến việc ấy, con mới đoán ra, nhưng chính người nói cũng không biết chuyện.

– À, thế ra nó là con gái mà bụng dạ hào hiệp nhỉ.

– Con không lấy được người ấy thì con khổ, mà người ấy lấy được con thì người ấy cũng khổ. Làm khổ người ân nhân, con chẳng đang tâm, đẻ ạ! Thà mình chịu khổ thì hơn. Thôi, nhưng con không muốn nghĩ đến chỗ ấy vội, mà con cũng không muốn để đẻ nghĩ đâu. Hãy biết rằng hiện nay con trượt thi, con không còn dám mong gì nữa.

Hai mẹ con chuyện vãn hồi lâu, rồi bà Cử đứng dậy xuống bếp thổi cơm. Lúc hai người vừa ngồi vào mâm thì người nhà bên ông Tú vào, thưa:

– Bẩm ông tôi mới về, ông tôi xin phép bà cho cậu Điệp chốc nữa sang chơi.

Bà Cử đáp:

– Anh về bẩm ông vâng, để ăn cơm xong, Điệp nó sang hầu ông nhé.

Người nhà về, Điệp nói đùa:

– Chốc nữa vác cái mặt mo đến, ê quá!

Rồi chàng vừa và, vừa nhai, vừa gắp, nhưng thật trí không để ở chỗ ăn một tí nào. Cho nên nuốt vội nuốt vàng mấy bát cho xong bữa, chàng mặc áo, đi đến nhà ông Tú...

II

ÂN TÌNH

Lúc ấy, mặt trời đã xế non tây. Hơi nóng đã dần dần dịu. Gió mát đã hiu hiu thổi. Cơm xong, ông Tú sai mang bàn ghế ra vườn hoa ngồi mát ở dưới giàn thiên lý đợi Điệp sang chơi.

Bỗng có tiếng chó sủa ở mé cổng, ông bèn gọi người nhà ra đón Điệp vào. Nhưng không phải, đó mới là người phu trạm đem đến cho ông tờ báo hàng ngày. Ông mở báo ra coi, xem đến mục thi cử, ông vụt quay vào trong nhà hỏi Lan:

– Bằng Cao đẳng tiểu học là bằng gì con?

– Bẩm thày là bằng Díplôm ạ.

– Quái, trước tao thấy người ta gọi Díplôm là bằng Thành chung kia mà?

– Vâng, nhưng bây giờ bằng ấy gọi là Cao đẳng tiểu học.

Rồi ông dò tên các người trúng tuyển, ông đứng phắt dậy, nét mặt mừng rỡ, ngoảnh vào gọi con gái:

– Thằng Điệp đỗ rồi, mày ạ!

Nhưng ông lấy làm lạ, vì thấy mặt Lan vẫn thản nhiên như không.

Song vì mải mừng Điệp đỗ, ông quên ngay cái thái độ lạnh lùng của con, không chú ý đến nữa. Ông nói tiếp.

– Thằng Điệp đỗ cao lắm. Nó đỗ thứ tám!

Lan vẫn lãnh đạm như trước, trả lời:

– Đấy là báo đăng thứ tự A, B, C. Chữ đầu tên là Đ thì người ta xếp lên trên, chứ có phải cao thấp gì đâu! Ngày trước, độ con đỗ bằng Sơ học, thày cứ mắng mãi là con đỗ thấp, mà khen chị Anh học giỏi đỗ đầu, nhưng có phải thế đâu, Lan với Anh cũng vậy.

– Nhưng, con ạ, ở đây họ in lầm, chữ p đánh chữ n, thành ra tên là *Vũ Khắc Điện*.

Thấy sự lạ, Lan chạy đến sau lưng cha, nhìn vào tờ báo rồi nói:

– Bẩm thày, thế là *Vũ Khắc Điện* đấy ạ.

– Mày đừng trứng khôn hơn rận! Tao còn lạ mấy tờ báo hàng ngày, được một tin gì có thể chạy được báo là vội in quàng in quáng

cho chóng xong để tranh nhau xuất bản trước, thành ra chữ lầm be lầm bét! Còn gì lố bịch cho bằng câu ngày trước tao đọc: *Tiên sinh đã tả ra hai ba bài văn,* mà chữ *t* ở tả lại in lầm là chữ *i!* Thế thì tao quyết đây là *Vũ Khắc Điệp.*

Lan không dám cãi lời cha, nhưng ái ngại cho cha đã mừng rỡ hão huyền. Nàng đi vào, lấy đồ khâu ra đứng dựa cột hè để làm việc.

Ông Tú được biết tin Điệp đỗ thì cho là tờ báo không còn tin gì đáng xem hơn nữa, ông gấp lại, để trên bàn, rồi nhớ đến cái nét mặt khác thường của con gái ban nãy.

Ông thấy thoạt tiên Lan nghe tin Điệp đỗ mà lạnh lùng như không, thì ông cho là nghề con gái bao giờ cũng vậy, tính tình kín đáo, đối với cái tin hay dở của người ngoài, dù có can hệ đến thân mình cũng chỉ dám mừng thầm buồn vụng mà thôi, chứ không bao giờ lộ ra sắc mặt, sợ người khác cho là trái phép. Nhưng sau Lan cứ cho là Vũ Khắc Điện, thì ông lấy làm lạ quá. Không biết rằng vì Lan ghét Điệp hay sao, mà không muốn nghe tin Điệp được phần vinh dự như thế? Hay bây giờ Lan chán vì Điệp nghèo mà có ý duỗi ra? Ông lại sực nhớ từ lúc ông đi vắng về, Lan có vẻ rầu rầu, hỏi không nói. Hay Lan thấy tin Điệp nghỉ hè mới về mà buồn chăng? Hay Lan cứ yên trí tin trước rằng Điệp hỏng thi, để lúc nghe đích thực Điệp đỗ để được vui bội phần mà lỡ Điệp có hỏng thực, cũng không đến nỗi buồn lắm?

Trong khi ông phân vân nghĩ ngợi về tâm lý Lan thì Điệp đã đứng thập thò ở ngoài cổng.

Điệp đứng mãi ở cổng, đứng mãi, đựng đến mười phút mà không vào. Điệp không vào, không phải là không có cớ.

Một cớ đầu là Điệp sợ đàn chó nhà ông Tú dữ như lũ hùm, mà quan viên mới ở tỉnh về nhà quê hay sợ chó. Song, như mọi khi, thì Điệp gọi người nhà ra đưa vào. Vậy tất không phải vì thế mà Điệp phải đứng suông ở cổng. Một cớ nữa, là có lẽ Điệp phải sắp sẵn câu nói để an ủi ông Tú, và có khi an ủi cả Lan nữa, vì một đôi khi, biết đâu, Lan không ở trong buồng lắng tai vào câu chuyện của Điệp. Nhưng ông Tú và Lan đều sẵn bụng thương yêu Điệp, thì sự đối đáp cũng không cần đắn đo, dàn thế khó khăn như việc ra trận, phải dùng nhiều mưu trí mánh khóe. Vả Điệp vào nhà ông Tú sớm phút nào thì được nhìn trộm Lan sớm phút ấy, được ngồi cái ghế mọi khi thỉnh thoảng Lan ngồi, được uống cái chén mọi khi thỉnh thoảng Lan uống, được cầm cái quạt mọi khi thỉnh thoảng Lan cầm. Vậy Điệp

còn trù trừ gì mãi mà chẳng gọi người ra trông chó? Ấy là chàng chẳng biết gọi ai, nên phải đứng yên ở đó, chẳng lẽ chàng lại réo tên cái người đứng kia ra đưa chàng vào hay sao?

Điệp ngấp nghé ngoài cổng nhân tiện có dịp được ngắm Lan lâu và tự do, tội gì không hưởng! Nhưng Lan vô tình không biết. Nàng đứng dựa cột vẩn vơ hai mắt nhìn xuống. Điệp thấy Lan độ này đẫy hơn trước, cái tay áo cộc lụa như nịt chét lấy cánh tay. Nàng vẫn khâu, mấy ngón tay búp măng thoăn thoắt loay hoay trên mảnh lụa đào. Điệp ngắm mãi, bất giác sinh ra buồn, buồn vì nỗi có lẽ mình vô duyên với con người có duyên ấy. Bỗng tự nhiên chàng thấy ngực Lan phồng lên rồi dẹp dần lại, rồi nàng ngừng tay không khâu nữa, nét mặt rầu rầu, hai mắt mơ mộng. Quả là nàng cũng đương vơ vẩn điều chi.

Điệp càng muốn biết Lan nghĩ ngợi gì mà buồn đến thế, hay Lan sực nhớ đến chàng hỏng thi, mà cũng chia cái khổ não chăng? Nếu quả thế, hai người chung một tâm sự, vui vẻ cho Điệp biết là ngần nào! Thì ra có trượt thi mới được cái sung sướng ấy. Tự nhiên, chàng tự an ủi, và phấn chấn trong lòng.

Điệp càng nhìn càng thấy yêu Lan, song yêu Lan bao nhiêu chàng phải cố đè nén cái ái tình đi bấy nhiêu. Chàng thấy mình khôn ngoan một cách đáng thương.

Bỗng Lan vụt nhìn ra cổng, Điệp trông thấy nhưng không đứng lấp đi, cứ chòng chọc hai mắt vào Lan, mà Lan cũng cứ chòng chọc hai mắt vào Điệp. Bốn tầm con mắt như luồng điện, nồng nàn, thẳng thắn, mạnh mẽ, như thấu đến tận đáy lòng nhau. Điệp thấy tâm hồn bay đâu mất cả rồi nao nao thổn thức, suối lệ như cũng bị phiêu động mà tuôn dào ra. Lạ quá, ngay lúc ấy, Lan cũng đổi ra nét mặt lạnh lùng, ngực phồng cao lên rồi lại dẹp xuống. Một lát, Lan lẳng lặng quay gót vào trong nhà.

Điệp đứng ngây người như khúc gỗ mãi mới định thần, bèn lên tiếng gọi đầy tớ.

Ông Tú thấy Điệp vào, mừng rỡ, mở ngay tờ báo ra khoe với Điệp và rủa mãi cái vô ý của bọn thợ nhà in.

Điệp không biết trả lời thế nào cho câu nói đủ sức mạnh kéo lại được cái tâm lý ông Tú từ thái cực nọ đến thái cực kia, bèn tiu nghỉu, khẽ nói:

– Bẩm ông, con hỏng!

Mà Điệp cũng chỉ còn tâm trí để nghĩ ra được mấy tiếng cụt thun lủn ấy mà thôi. Ông Tú kinh ngạc:

– Anh hỏng?

Điệp tái mặt, phào ra được một tiếng:

– Dạ.

Rồi hai người ngồi lặng đi...

Nhưng sự yên lặng chỉ là cái dấu chấm lửng chứ chưa là cái dấu chấm hết. Hai người ngồi im lặng, như bị biết bao cảm tưởng ngao ngán, nó tranh nhau chui lách vào làm chật ních, làm rối beng cả óc, lấp cả đường không cho câu chuyện khác chen ra.

– Thế thì anh làm thế nào?

Điệp nghe câu hỏi ấy, biết rằng tuy nó chỉ là đoạn kết của những mối cảm tưởng của ông Tú, nhưng chàng cũng đoán ra bao nhiêu nghĩa lý ở chỗ trên. Song hẳn chàng chẳng trông thấy trong óc ông Tú có một vài sự nghi ngờ về thái độ của Lan ban nãy! Câu hỏi kia chàng đã từng đứt ruột để tự trả lời tách bạch từng khoản mãi lúc đi đường ban trưa, nên bây giờ cũng chỉ chịu thắt nút bằng câu kết:

– Thưa ông, vậy thế thì con biết làm thế nào?

Ông Tú nghe câu đáp nó bao hàm bao tâm sự của Điệp không tiện nói ra, bèn hỏi:

– Nhưng đến tháng chín...? Còn kỳ thi nữa chứ?

– Bẩm vâng.

– Thế thì nó nông nổi quá!

Lời ông Tú nói, thoạt nghe như không cần vào câu chuyện, nhưng nó cần vào tư tưởng của ông. Điệp cũng nói một câu cóc nhẩy để đuổi theo ông Tú;

– Bẩm nên thế ạ.

Chưa có lần nào ông Tú và Điệp lại hiểu bụng nhau như lần này. Bởi vậy, những chuyện nói sau, ta không nghe thấy câu nào về sự thi cử nữa. Ông Tú không cần an ủi Điệp, vì biết rằng không khi nào chàng hỏng đến lần thứ hai. Mà dù Điệp có hỏng đến lần thứ hai chăng nữa, nếu chàng buồn, thì lời an ủi của ông không thể nào làm cho chàng vui được, vì chàng vốn sẵn trí lực để đối phó những sự đau đớn ở đời rồi.

Độ tám giờ tối, Điệp xin cáo từ. Ông Tú sai người nhà mang đèn soi tiễn Điệp về, và hẹn chiều hôm sau sẽ sang chơi, nói với bà Cử

một câu chuyện. Trước khi Điệp vái chào, ông Tú tủm tỉm cười, vỗ vai chàng, nửa thật nửa cợt, bảo:

– Bọn phụ nữ hay thích công danh, anh phải cố gắng mới được nhé!

Điệp về nhà, đem lời ông Tú dặn nói với mẹ, và đoán chắc ông muốn an ủi mẹ, cùng nhắc lời ước xưa về nhân duyên của Điệp và Lan cho yên lòng bà. Nhưng sực nghĩ đến câu nói sau cùng của ông Tú. Điệp thấy chán ngán, bèn xin mẹ cứ nói thẳng cho ông Tú nghe cái ý của mình đã tỏ ra ban chiều. Rồi đêm hôm ấy Điệp luẩn quẩn, vắt tay lên trán, nằm nghĩ ngợi mãi không sao ngủ được. Đến trống canh tư, Điệp quả quyết vùng dậy, thắp đèn viết thư cho Lan, nói thẳng cái ý của mình đã định.

Cô Lan,

Hôm nay tôi xin phép cô cho tôi được dãi bày tâm sự cùng cô. Tuy đây là câu chuyện tôi đã phải nhầu gan nẫu ruột, nhưng tôi đã đắn đo lâu ngày, bây giờ tôi mới dám quyết định, xin cô hiểu bụng cho tôi.

Ngày xưa ông và thầy tôi có giao ước với nhau để cho cô cùng tôi được trăm năm kết nghĩa.

Thầy tôi mất đi, nhà tôi bị sa sút, trong mấy năm trời, cái cơ nghiệp đã theo vạ nọ vạ kia mà hết sạch, đẻ tôi thì phải đâm ngược chạy xuôi, buôn thúng bán mẹt, thật là vất vả khổ sở. Cái cảnh gia đình, tôi chẳng nói ra, cô cũng hiểu cả.

Nhưng nếu chỉ có hai mẹ góa con côi cố ra sức làm ăn nuôi nhau, thì hẳn không bao giờ gia đình tôi được êm đềm dễ chịu như ngày nay. May sao, có ông nhà, lấy chỗ tình thân, đi lại trông nom giúp đỡ. Cái công đức ấy, không bao giờ chúng tôi quên được. Đẻ tôi với tôi thường vẫn phàn nàn điều đó, mà riêng tôi, tôi chỉ mong học hành được kết quả, gọi là khỏi phụ lòng bấy lâu ông săn sóc cho. Nhưng cơ sự đã như thế này, tôi không biết nói thế nào nữa!

Chiều hôm nay đẻ tôi nói đến chuyện trăm năm của tôi, ngày mai, ông hẹn sang chơi, chắc là cũng nhắc đến chuyện ấy. Vì thế tôi viết bức thư này để bộc bạch cùng cô vài ý kiến.

Thưa cô, tôi không ngờ đâu là tôi long đong thế này mà vẫn được ông và cô giữ lời hứa cũ. Nhiều lúc tôi nghĩ đến cô mà tôi tự khuyến khích tôi. Cô thấy tôi nghèo túng quẫn bách quá, cô ngầm giúp cho tiền nong. Cô dùng cách gián tiếp để khuyên bảo, để an ủi, khi tôi có sự buồn rầu lầm lỡ. Nói tóm lại cô đối với tôi, thật có bụng hải hà, mà cái bụng hải hà ấy, là do ở tấm lòng cô coi tôi như ruột thịt. Tôi

vẫn mong tính đến chữ duyên để đền lại cái tình ân sâu nặng ấy, nhưng khốn thay, nói bao nhiêu lại đau lòng bấy nhiêu!

Nếu gia đình tôi không đến nỗi túng quẫn lắm, nếu tôi có cái sinh kế chắc chắn, nghĩa là nếu tôi đủ lực làm cho cô được sung sướng thì tôi thề rằng sau này vạn bất đắc dĩ tôi không được cùng cô sánh vai suốt đời, thì quyết không lấy ai nữa! Nhưng mà, than ôi! Cái cảnh ngộ của tôi hiện nay đã khốn nạn thế này, mai sau ắt cũng vẫn thế, mà tôi trông chừng nó lại đuối dần đi mãi, thì thôi, tôi cũng cam lòng chịu tiếng bạc cùng cô.

Tôi viết đến đây mà hai hàng nước mắt ứa ra! Tôi tủi thân bao nhiêu, tôi lại trách phận bấy nhiêu, hẳn cô cũng biết rằng bao giờ đối với cô, tôi cũng vẫn có lòng yêu quý.

Nhưng chính là vì muốn yêu quý cô mà tôi không dám yêu quý cô, bởi tôi không được yêu quý cô, tại tôi không muốn làm khổ lây đến người tôi yêu tôi quý. Tôi có lương tâm, tôi không nỡ để ái tình thành ra lụy. Vậy vì những lẽ ấy, tôi không muốn cùng cô ăn đời ở kiếp cùng nhau. Tôi muốn cho đời cô được sung sướng, nên tôi phải xa cô, tôi mong cô đừng dây với tôi nữa.

Tôi khổ tâm mà cầm bút viết bức thư này, thật là vì sự bất đắc dĩ tôi đã quả quyết, xin cô hiểu tâm sự cho tôi, mà từ nay đừng mong ước đến chuyện nhân duyên nữa. Cho nên nghĩ đến đời cô, chớ vì lòng cao thượng mà đọa đày nó.

Vậy từ trước đến nay, cô đã cư xử với tôi như bực chị, thì tôi xin nhận cô là chị suốt đời, và xin cô cũng cứ coi tôi như em, đổi sự yêu mến ra sự âu yếm.

Những lời trong thư này, vì trí nghĩ đi nhanh hơn tay viết, cho nên lộn xộn, mong rằng cô hiểu bụng tôi và lượng xét cho.

Đa tạ
ĐIỆP

Viết xong, Điệp đọc đi đọc lại, rồi mới yên tâm ngủ được. Sáng hôm sau, chàng đánh liều gấp lá thư vào trong tờ nhật trình mượn đằng ông Tú, rồi sai người đưa trả tận tay Lan, và dặn nói mấy câu cho Lan hiểu ý.

III

SỰ TÌNH CỜ

Từ khi Điệp đưa thư cho Lan tới nay, đã năm hôm rồi, nhưng chưa nhận được phúc đáp. Ngày nào mượn nhật báo, chàng cũng mở ra và thử soi lên sáng trước xem trong có gì không, song lần nào cũng mất hi vọng. Điệp áy náy, hay là Lan không biết tờ báo hôm nọ có "nhân"?

Hai bận ông Tú gọi sang chơi, Điệp cũng không trông thấy Lan. Song vì chàng cố ý không muốn gặp mặt Lan, nên bận nào chàng cũng nhìn thẳng hoặc cúi đầu nom xuống.

Nhưng ai đối với ai kia, thì thấy sự im lặng, mới có thể cứng mãi được. Chứ Điệp đối với Lan thì chàng phải ân hận ngay, vì đã xử với người yêu quá tàn nhẫn. Nên càng bặt tin tức, Điệp càng thấy không an tâm. Người ta bảo yêu nhau là làm khổ nhau thực đúng.

Một hôm, Điệp tự nhiên thấy nóng ruột, ngồi đâu, đứng đâu cũng không yên. Cơm chiều xong, độ năm giờ, chàng thơ thẩn ra cầu đầu làng chơi, rồi cứ theo lối bờ sông dẻo bước đi mãi.

Vầng ô còn cao, ánh nắng đương đậm. Cụm hoa bèo tím, theo dòng nước bạc, thi chạy với những đám mây trắng rung rinh, in trên mặt sông lam. Bốn năm con cò bợ lấp loáng, sà xuống những thửa ruộng bùn lầy, rồi vỗ cánh lên, là là mặt đất bay về phía rặng đồi xa tít. Bên sườn đồi, một dãy thông bò từ chân lên ngọn, khẳng khiu, lòe xòe, làm dịu hẳn một góc trời nhoáng như tấm gương.

Bốn bề tịch mịch như ru trí nghĩ vẩn vơ. Điệp đưa chân đi, chẳng để ý đến gì cả.

Bỗng đằng xa có một người đi lại, Điệp nhìn, nhìn mãi lấy làm ngờ ngợ. Người ấy đi gần đến, thì chàng trông kỹ, dưới vành nón chúp, quả không sai cái miệng với cái cằm Lan!

Điệp vui sướng, trông trước trông sau, không thấy có người, bèn hăm hở như ông tướng cầm quân sắp ra trận, chàng quyết có dịp giữ Lan lại mà giảng nghĩa rõ cho Lan cái ý trong thư. Tài diễn thuyết ở trong trường mọi khi Điệp cần phải giở hết ra để dụ Lan nghe và theo cái ý kiến của mình cầu cho Lan được hạnh phúc. Điệp sắp sẵn thứ tự câu nói...

Nhưng Lan đi càng gần, Điệp đã thấy trống ngực càng mạnh, mất hẳn một nửa can đảm. Rồi Điệp thấy trong người nó thế nào ấy, như có cái gì ngấm vào, bò buồn buồn theo khắp các dây thần kinh, Điệp run lên...

Lan đi sắp đến nơi, Điệp đứng sững lại, nhìn vào nàng chòng chọc. Chàng thấy mắt Lan trũng, có quầng thâm thâm. Lan trông thẳng...

Lan đi qua trước mặt Điệp, hai má đỏ ửng, hơi nhếch tí mép. Điệp như bị điện giật, tự nhiên rủn cả người. Rồi có cái gì nó đè cả lên ngực, lên cổ, Điệp quên phăng hết cả, quên cả từ tiếng chào, là mào câu chuyện!

Rồi Lan đi vụt qua... Thôi! Thế là hết! Chả ai nói với ai một tiếng nào!

Nhưng chẳng lẽ ông tướng Điệp ban nãy toan hùng hổn thế mà chưa chi đã chịu nổi hiệu kèn thu quân?

Điệp bèn quay lại nhìn theo Lan, run run, nóng rực cả người, không biết làm thế nào cho Lan đứng lại được! Lúc Lan đi quá đến hơn mười bước, Điệp mới nghĩ ra là phải gọi, bèn ấp úng nói:

– Cô Lan!

Hai tiếng "Cô Lan", từ thuở bé đến bây giờ Điệp mới gọi thật là lần thứ nhất, nên cố nói to mà cứ nghẹn ngào, không được rõ lắm. Lan nghe thấy, nhưng còn đi bốn năm bước nữa mới dừng chân quay lại nhìn Điệp. Đứng độ ba giây đồng hồ, Lan lại đi...

Cái tiếng đầu tiên Điệp đã cho ra thoát, thì những câu sau cũng được thông đường, nên Điệp rảo cẳng theo Lan và gọi nữa:

– Cô Lan! Tôi hỏi...

Lan nghe gọi cũng như lần trước, đi thêm vài bước nữa mới quay lại. Nhưng lần này chỉ độ ba bước thôi. Nàng nhìn trước nhìn sau. Lúc ấy Điệp đã theo gần tới.

Lan trông thấy Điệp, bỗng tái mét mặt, luống cuống, chớp luôn mắt đến mười bận, rồi cúi đầu ngượng nghịu hai tay sờ soạng mà không biết nên vớ lấy cái gì...

Điệp đứng trước mặt Lan, sửng sốt... Hai người nhìn nhau, im lặng đến nửa phút...

Điệp cố gắng mới nói được những tiếng chính, mà không sao chắp được vào câu cho gọn gàng:

– Thưa cô, cái thư trong tờ báo?

Lan cất giọng run run đáp:

– Vâng ạ!

– Cô trả lời chưa?

– Không ạ!

– Tại làm sao? Cô nghĩ thế nào?

– Không ạ!

Từ lúc ấy Điệp thấy hơi quen quen, nên thu lại được tâm hồn và đã nói nổi những câu dài hơn trước. Nghe Lan đáp nhát gừng, Điệp nhìn Lan bằng con mắt nằn nì, khiến Lan phải chao liệng ngay hai con ngươi mà trông xuống đất...

– Cô Lan!

– Dạ!

Tiếng thưa như thoảng ngoài môi, Lan liếc nhìn Điệp một cái rồi lại trông xuống, lấy tay vê tà áo.

– Cô có thể đứng đây tôi hỏi câu chuyện trong mười phút không?

Lan nhìn bốn bên, đáp:

– Thưa cậu, lâu quá không tiện.

– Năm phút vậy!

Lan ngần ngừ, trông thẳng cái gò trước mặt và nói!

– Cũng không tiện!

Điệp hiểu ý, trỏ tay nói:

– Vậy mời cô lại cái gò này, ta đứng nấp sang bên kia thì không sợ ai trông thấy.

Lan hai má bỗng hây hây, run run đáp:

– Vâng, mời cậu đi trước.

Điệp vén quần bước theo bờ ruộng, Lan đi sau. Hai người ngậm miệng, nhưng trong óc cùng phải luẩn quẩn nghĩ vào bài, như học trò thi kỳ vấn đáp, phải tính đủ thì giờ để nói cho hết ý. Đến chỗ khuất, Điệp ngồi phệt xuống thảm cỏ và mỉm cười mời Lan:

– Cô ngồi xuống đây.

Lan cất nón, né mình, vén áo, cũng ngồi phệt. Từ thuở bé đến giờ Điệp mới được ngồi cạnh một người yêu khác máu và khác giống, nên

lại thấy nao nao trong lòng. Chắc Lan cũng chẳng được tự nhiên như ngồi bên bạn gái. Hai người ngồi im lặng một lúc lâu, tuy chẳng nhìn nhau, nhưng hai trái tim đập theo một nhịp. Độ năm phút, Lan giục:

– Cậu hỏi gì?

– Cái thư hôm nọ cô có đọc kỹ không?

Lan không trả lời, móc túi lấy ra tờ giấy đã nhầu và bóng những mồ hôi, nói:

– Đây! Sao tôi không đọc kỹ?

– Vậy cô có hiểu bụng cho tôi không?

Lan thấy Điệp nghiêm sắc mặt, bèn không trả lời, co một chân lên, tựa cằm vào đầu gối, tay dứt cái cỏ gà. Điệp lại hỏi:

– Vậy cô có hiểu bụng cho tôi không?

– Tôi hiểu lắm, nhưng...

Đến tiếng "nhưng" thì Lan ngắc lại, không nói được nữa, mà một giọt nước mắt rơi xuống ngọn cỏ. Rồi Lan ôm mặt nức nở khóc:

– Nhưng... nhưng cậu ác quá.

– Cô Lan ơi!

– Cậu không hiểu bụng tôi!

Câu nói tự đáy lòng nọ thấm thía đến tận đáy lòng kia, khiến Điệp thổn thức, cũng không cầm được lệ. Bốn dòng châu lã chã, chan hòa như làm trôi cả tư tưởng oán hận. Một lát Điệp lau nước mắt, tủm tỉm nói:

– Tôi không muốn cô khổ.

– Tôi không muốn cậu khổ một mình.

– Tôi không muốn cô phải khổ vì tôi.

– Thế nào là khổ?

– Khổ là không được sung sướng!

– Thế nào là được sung sướng?

– Được sung sướng là không phải khổ!

Nghe câu nói giằng co như kéo cưa, bỗng hai người cùng bật cười, tình tứ nhìn nhau, cái buồn bây giờ thật tiêu tán hết. Lan nhìn Điệp, vui vẻ nói:

– Cậu gàn quá! Cậu cho tôi là hạng người thế nào?

– Cô là một người, cô cho phép tôi dùng chữ đúng, cô là một người đáng yêu, đáng quý, đáng ơn của tôi suốt đời!

– Vậy mà chưa chi cậu đã ghét, đã khinh, đã phụ tôi?

Bị ba phát đạn, Điệp nghẹn lời, lúng túng không đáp được.

– Cậu phải biết, nếu tôi coi tiền tài hơn cậu, nếu tôi coi tiền tài làm ra hạnh phúc, thì không khi nào tôi xử với cậu như thế. Tôi tiếc rằng tôi đã trả lời cậu, chứ tôi tưởng cái quầng thâm mắt này, cũng đủ bằng vạn lời biện bạch.

Điệp hối hận, nói:

– Cô Lan, cô tha lỗi cho tôi!

Lan nhìn Điệp, mỉm cười bằng cái cười đại lượng. Điệp thở một cái mạnh, như muốn hất cả cái hơi nặng nề đang chứa chất trong ngực rồi nói:

– Vậy thì, cô Lan, cô có yêu tôi không?

– Tôi tưởng có hay không, cậu xét thì biết.

Điệp vui vẻ nói:

– Tôi muốn cô trả lời rõ kia!

Lan lườm Điệp:

– Tôi không nói!

– Thế là không yêu chứ gì!

– Tôi không biết! Gớm!

– Cô Lan ơi! Tôi không ngờ đâu tôi bị biết bao nỗi đau lòng, mà được phút này hởi dạ. Tôi không ngờ đâu tôi bị cả vũ trụ chán ghét, mà được một cô yêu quý. Tôi không ngờ đâu tôi chán ghét cả vũ trụ, mà tôi lại yêu quý một mình cô.

Lan nhìn xuống nói:

– Vậy cái thư này, cậu đang tâm mà đưa cho tôi?

Điệp giật lấy, xé nhỏ tinh, rồi ném tung ra trước gió. Mảnh trắng bay liệng như đàn bướm, bám cả vào áo, vào đầu Điệp và Lan, Lan nói:

– Cậu khổ nữa tôi cũng không quản, cậu trượt mãi tôi cũng không cần. Ái tình nên để trên danh lợi.

Điệp vui sướng ngẩng mặt lên trời, thở dài.

– Chết chửa, cậu Điệp, mấy cái năm phút rồi?

Hai người cùng cười, trông lên mặt trời đã chìm được nửa vành. Mấy con cò trắng đã liệng về bụi tre. Gió chiều đã hây hẩy thổi. Rồi câu chuyện càng nồng, thì giờ đi càng chóng.

– Cô Lan ạ, tôi đọc các sách, tôi thích cái cảnh này lắm. Tôi muốn cô cùng tôi, ước gì ta hóa ra hai người chăn chiên, yêu nhau, thỉnh thoảng gặp nhau, rủ nhau ra sườn đồi, dưới bóng cây mà trò chuyện kể lể những câu tình tự mộc mạc, mong mỏi những điều hy vọng thực thà...

– Cậu lãng mạn quá.

– Thú lắm cô ạ, còn gì thích cho bằng hai đứa yêu nhau bằng cái tình tự nhiên như cảnh vật của tạo hóa, rồi một đôi khi, chúng đưa nhau lên ngọn đồi cao, đứng nhìn xuống dưới, thì tôi tưởng thần tiên cũng đến thế mà thôi. Quanh mình đã không có người đời, mà lại được thở riêng một bầu không khí, thật là chẳng bận chút trần ai!

Lan cười, trả lời:

– Cái tưởng tượng bao giờ cũng êm đềm thú vị hơn sự thực. Cậu cứ thế không trách cậu thi hỏng cũng phải!

– Phải thế mới được. Sống một cách mơ hồ mới thấy cái sung sướng, mà việc đời ta chỉ nên biết qua loa. Nếu ngày sau tôi lấy cô, tôi sẽ ở một trái đồi riêng, làm nhà tận trên đỉnh cao chót; trên sườn đồi, ta sẽ trồng các thứ rau đủ để ăn quanh năm. Tôi muốn rằng ta không xuống đến chân đồi nữa, mà cũng đừng ai lên quấy rối mình làm gì. Chỉ có cô với tôi, ta sống bằng cái đời ái tình hơn cái đời vật chất.

– Cậu có tư tưởng lạ quá, mà cậu nói những câu tôi không hiểu được. Chắc cậu học chỉ chuyên tiếng Pháp nên nói tiếng ta dùng nhiều chữ không đúng.

– Không đúng thì thôi, nhưng cô có thích như thế không?

– Hai người riêng một thế giới, thì sao không thích. Nhưng riêng thế nào được? Cậu khó tính quá.

Điệp và Lan nói chuyện hồi lâu nữa, bỗng Lan giật mình trỏ:

– Chết chửa! Cậu có trông thấy cái gì đây kia không?

Điệp nhìn theo tay, hỏi lại:

– Cái gì?

– Ai nhìn ta đây kia? Thành ra tôi ở đây mấy mươi cái năm phút rồi nhỉ?

Chị Hằng đỏ bừng và to như chiếc mâm, cứ dần dần ở rặng tre nghểnh mặt lên mãi. Lan đứng dậy, nói:

– Thôi, cậu cho tôi về, kẻo chị Hằng trông thấy!

Điệp thở dài, dài và buồn như cái ngân nga của tiếng chuông chùa đằng xa đưa lại. Lúc ấy đã nhá nhem tối, nhưng bốn mắt sáng quắc nhìn nhau không chớp. Điệp bùi ngùi đứng dậy, Lan nói:

– Tôi chúc cho cậu được vạn sự may.

– Vâng xin cô nhớ hôm nay là mười sáu tháng năm, ngày đáng kỷ niệm!

– Tôi đi nhé!

– Gượm! Tôi còn câu gì nói nữa không nhỉ! Sao thì giờ đi chóng thế?

– Rồi thì giờ sau này cậu sẽ chẳng phải phàn nàn, nó sẽ của riêng cậu cùng tôi, cậu còn gì dặn tôi không?

– Vậy, phải đợi đến bao giờ mới được sự tình cờ này nữa?

– Lần này cậu gặp tôi quyết không phải sự tình cờ, sẽ là sự định sẵn...

– Ai định được?

– Sự định sẵn của cha mẹ chứ ai?

Điệp thất vọng, Lan nói:

– Tôi đi nhé!

– Vâng, nhưng...

– Thôi, để dành, nói cả thì hết mất. Tôi có nhiều chuyện nhưng chưa nói được câu nào.

– Tôi cũng vậy, thôi, đợi ngày ấy tôi sẽ thổ lộ hết. Mà không biết có thể nào hết được chuyện của chúng mình không nhỉ?

– Vâng, có một câu quan trọng, nhưng tôi chưa có thì giờ nói, tôi cũng phải đợi vậy. Tôi đi nhé.

– Vâng!

Lan mỉm cười chào Điệp. Điệp mỉm cười chào Lan, Lan đi. Điệp ngây người trông theo... Lan nhìn lại... Điệp cố nhìn theo... Tà áo bay bay, dáng ai tha thướt... lờ mờ... thấp thoáng... Màu áo nguyệt bạch lẩn hút vào trong bóng trăng xanh...

Giun dế đùn ra những giọng sầu!...

IV

KHOA

Từ hôm tình cờ gặp Lan, được Lan ngỏ ít tâm sự, Điệp đâm ra luẩn quẩn nghĩ ngợi, công nhiên bước một bước dài trên đường tình. Lúc nào Điệp cũng như có Lan trước mặt. Nhiều bận vì nghĩ đến Lan, chàng cố gắng chăm học. Nhiều bận vì nghĩ đến Lan, chàng lại chán nản việc làm. Có khi mắt chàng nhìn vào sách mà óc để đâu. Có khi tay cầm bút làm tính, chàng cũng viết ba chữ *Nguyễn Thị Lan* ra vở, rồi lại xóa đi. Đêm nằm ngủ, chợt thức dậy, chàng cũng như trông thấy Lan bên cạnh. Ngày nào chàng cũng vờ vẩn đi qua nhà ông Tú một lượt để nhìn vào, chàng hay kiếm cớ này cớ khác để đến thăm ông Tú hơn trước. Nhưng trước, sự ra vào rất đường hoàng tự nhiên, bây giờ thì thành ra bẽn lẽn ngượng nghịu.

Thỉnh thoảng Điệp lại cầm bút viết bức thư để nói chuyện một mình với Lan. Viết xong đọc lại rất kỹ, rồi chàng xé nhỏ, hoặc đốt đi, hoặc bỏ vào miệng nhai nát bét.

Một đêm đã gần sáng, Điệp trở dậy thắp đèn, viết mấy trang sau này:

Cô Lan,

Hôm nay tôi lại không ngủ được, mà mõ ngoài điếm đã sang canh tư rồi. Quái sao độ này tôi kém ăn kém ngủ quá thế? Chắc bây giờ tôi sút đi mất đến vài cân! Từ tối đến giờ, tôi chỉ vơ vẩn mãi. Cô thì lúc này đương ngủ say, hẳn chẳng biết đâu trong chốn khuê phòng, có tâm hồn Điệp tôi lẩn quẩn ở đó nhỉ?

. . . .

Canh năm.

Tôi vừa chợp mắt được thấy một cái chiêm bao thú vị lắm. Lúc tỉnh dậy, cố nằm rốn một chốc để mong lại mộng lần thứ hai, nhưng không sao tìm thấy giấc cũ. Tiếc quá!

Nguyên muốn kỷ niệm ngày cưới ta năm ngoái là ngày tôi bước từ cảnh ngộ nọ sang cảnh ngộ kia, tôi có yêu cầu cùng cô một cuộc đi chơi phong cảnh. Buồn cười không! Đã cưới đâu, mà nếu cô đã là vợ, việc gì tôi còn phải yêu cầu! Lại buồn cười nữa, là cô không nghe, khăng khăng rằng phải giữ kẽ với dư luận! Tôi làm mặt giận, giảng

cho cô biết đã là vợ chồng còn phải e lệ nỗi gì, cô vẫn muốn chối từ, song sợ phật ý tôi, nên bằng lòng nhận lời, nhưng lại chọn ngày hôm mồng một tháng chín, vì cô yên trí là ngày khai trường, chắc tôi phải cáo bận, không thể đi được. Như thế, cô vừa được lòng tôi, vừa không ngại những lời bình phẩm của miệng thế. Nhưng đến hôm mười lăm tôi mới phải đi học, nên cuộc du lịch thành.

Tôi thấy cô cùng tôi đi trên con đường giữa một cánh đồng mông mênh bát ngát. Trời xanh mây xám chen màu. Hai bên, lúa rám vàng. Ta cứ rong ruổi con đường đi mãi, rồi... tới chân một quả núi cao. Thấy trên đỉnh có cái nhà năm từng bỏ không, cô bèn rủ tôi lên xem. Nguyên tôi vẫn ước có một ngày được cùng cô chon von ở một nơi cao vút, xa cái xã hội có người, nên tôi thích lắm, chẳng quản chi những nỗi khó nhọc.

Theo lối con con, chúng ta trèo mãi. Đường đi quanh quất, dốc đá cheo leo, hai bên cỏ xanh lấm tấm như nhuộm, càng lên càng như rũ sạch trần ai. Đẹp nhất là một chỗ um tùm những cây, ta phải chui qua, như cái hang kết bằng lá. Đứng dưới nhìn lên, lối đi thì nhỏ vút và đỏ, hai bên thì cao rậm và xanh. Tôi cùng cô đứng lại ngắm, tự tưởng tượng như đôi uyên ương đương vén lá lách cây, đưa nhau tìm chốn Động đào để ẩn! Đi đến giữa cái tổ tò vò thiên tạo ấy, tôi không thể bỏ qua được cảnh đẹp, bèn rủ cô dừng chân ngồi chơi dưới gốc cây thông. Trời tuy đã sang thu nhưng vẫn nắng, cái nắng hanh vàng lạt mà gay gắt. Hoa rừng sặc sỡ như gấm giải, cái đỏ, cái vàng, cái hồng, cái tím, có thứ tròn trắng như núm bông trên mũ trẻ con, có thứ lua tua rủ xuống, như đánh đu dưới cái cành cây ẻo lả.

Chúng ta ngây ngất vì cảnh mà không tưởng đến nhau. Cô thì chui lách vào bụi rậm, tôi thì đưa mắt trông theo. Bên tai chim kêu xào xạc, thông reo ù ù. Mấy chiếc lá vàng lác đác rụng theo chiều gió, quay lượn như cánh diều ngóp, rồi la đà giỡn nhau sột soạt trên mặt đường. Một lúc, cô chạy về, tay cầm bó hoa tươi như nét mặt, hớn hở đưa tôi và đố tôi biết từng thứ một. Rồi câu chuyện mặn nồng điểm thêm vào lúc thú vị cho tuyệt thú, đến nỗi tôi quên hẳn mấy giọt nước thấm qua tầng lá, rỏ xuống mặt tôi làm cho trán tôi lấm tấm ướt. Cô lấy mùi xoa lau hộ, và giục tôi đi. Cô bảo:

– Lúc vui, ta không nên hưởng hết, phải để thòm thèm.

Đi độ 20 thước nữa, ngoặt sang bên tay phải thì ta đến đỉnh, có thang máy đưa lên tận trên sân gác cái nhà bỏ không.

Trời ơi! Tôi không biết cô có cùng chiêm bao với tôi một mộng hay không, chứ đến chỗ này thì tôi không thể tả sao cho đúng được nữa.

Đứng trên cao nhìn, bốn bề bát ngát, trời thu ảm đạm, mơ màng. Phong cảnh như bức họa lúc mưa phùn, như ảnh chụp lúc sương phủ. Chẳng hay Tạo hóa đã hà tiện ít thuốc vẽ, hay cảnh mộng bao giờ cũng chập chờn, không rõ ràng bằng sự thực? Dưới chân đồi biếc, đồng ruộng vàng úa, bao la. Làn nước phau phau của con sông ngoằn ngoèo như con rắn trắng uốn mình trên tấm thảm nhung hoa lý, rồi lẩn vào trong đám khí thu lờ mờ. Dải mây bạc quấn quanh ngọn núi xám cao ngất trước mặt tựa chiếc khăn ngang trắng đục. Núi thì đứng ủ rũ lom khom, như đương khóc ngàn dâu xanh rì. Đằng xa xa, thấp thoáng dưới ánh mặt trời, một dãy bình phong bằng đá, rặng núi như cố đẩy nhau ra ngoài biển, mà biển thì thăm thẳm lượn vùng, lớp sóng trắng xóa lại xế nhau lên bờ.

Ngày thu thật là lặng lẽ và tiêu sơ. Ngắm xuống dưới đất thì thấp, nhìn lên trên trời thì cao. Tôi trông cô, cô trông tôi, nồng nàn biết bao cảm hoài man mác. Hai người đứng tựa bao lơn nói chuyện, say vì cảnh, không ai muốn về nữa. Nhưng bỗng cô trỏ tay về phía đồi ở chân góc trời tây và hỏi:

– Kìa cậu, có phải nhà ta ở chỗ ngùi ngùi kia không?

– Phải, nhưng không chắc, vì đây là non Bồng, ta ở vào thế giới khác rồi.

Cô tươi cười, thổn thức nói:

– Vậy có lẽ từ nãy đến giờ, ở dưới hạ giới đã trải qua mấy thế kỷ.

– Phải, mà biết đâu cái cửa hang ban nãy, cây đa mọc kín hẳn, ta không tìm thấy lối về.

– Không về thì cứ ở đây chứ sao?

Nghe câu nói, hai người cùng rũ ra cười đắc chí, tôi cười to quá, tỉnh ngay dậy mất.

Hai mắt tráo trưng, tôi ngậm ngùi, vội ngồi dậy để ghi lấy cuộc du lịch trong chiêm bao cùng cô. Cái thư này tôi chắc chỉ một mình cô hiểu, vì tôi yên trí là cô cùng tôi thấy chung một mộng đêm qua. Nhưng nếu chỉ riêng tôi được hưởng cái cảnh tuyệt diệu ấy, thì có chăng là chuyện chiêm bao! Nhưng mộng, hay thực mặc dầu, viết đến đây, lòng tôi ngao ngán lắm, biết bao giờ cô với tôi lại được đi chơi như sau này?

ĐIỆP

Những sự bận đại khái như thế nó làm bận óc Điệp suốt ngày, có khi suốt đêm nữa. Lắm lúc Điệp sực nhớ đến kỳ thi sắp tới thì lại đâm mặt liều, phải tự dối lương tâm là còn thì giờ kịp chán.

Bà Cử trông thấy con thờ thẫn gầy đi thì vừa thương vừa lo, thường khuyên bảo:

– Con ơi, con không nên quá chăm chỉ và lo nghĩ. Đẻ xem ra bây giờ con không được bằng trước, đẻ ngại lắm.

Điệp tuy thương mẹ, nhưng cũng cứ nói trí trá rằng:

– Đẻ cứ yên mặc cho con thức. Chỉ còn ít lâu nữa, dù con có phải khó nhọc hơn một tí đẻ cũng đừng nên để tâm. Sau khi đỗ, con sẽ được nhàn.

Bà Cử bán được bao nhiêu lãi thì tiêu vào đồ ăn tẩm bổ cho Điệp cả. Khi thịt, khi trứng, có của ngon vật lạ, không bao giờ bà tiếc mà không mua cho Điệp ăn. Điệp thấy mẹ săn sóc đến mình, một đôi khi cũng ân hận, muốn xếp hẳn chữ tình sang một bên để lưu tâm đến bản thân, nhưng cái óc quá si đã như quen lối nghĩ, không sao quên được Lan nữa.

Từ hôm Lan gặp Điệp, nàng rất yên tâm. Một lần viết thư mừng một người bạn thân sắp lấy chồng, nàng đã thổ lộ ra những câu rất có vẻ tự đắc.

Người con gái, tương lai tốt hay xấu, không ai có thể đoán trước được. Tốt hay xấu, có lẽ tùy ở sự tình cờ - bảo rằng ở sự đúc nặn sẵn của khuôn Xanh, mà ta gọi là số - nghĩa là tùy ở cảnh ngộ, địa vị và cách cư xử của người bạn trăm năm sau này, mà người bạn ấy, nào ai biết là ai! Vậy trong đám nữ lưu mình, những chị chưa đính hôn với ai, đều sống bằng cái đời mập mờ, tối tăm, khác nào đi con đường ban đêm, muốn nhìn đằng trước để xem nơi mình sẽ tới là chỗ thế nào, mà nhìn chẳng thấy!

Cái ái tình của Lan đối với Điệp khác hẳn Điệp đối với Lan. Điệp thì bơ phờ, nản việc; Lan thì vui vẻ, chăm làm. Vì nàng biết cái thì giờ còn được làm con gái họ Nguyễn không được là bao nữa, nên nàng cố hết sức làm cho tròn bổn phận với gia đình trước khi làm dâu họ Vũ.

Mấy lần thấy Điệp đến nhà, nàng phải tránh mặt không cho Điệp gặp, để chàng yên trí mà sách vở chuyên cần. Có lúc đêm khuya canh vắng, nàng cũng ngừng tay kim chỉ mà tưởng nhớ đến ý trung

nhân, nhưng chỉ nghĩ được đến rằng Điệp có hiếu có hạnh mà thôi, rồi mỉm cười, nàng thầm chúc cho chàng công thành danh toại.

Ngày thi của Điệp chẳng mấy chốc đã đến. Điệp sang chào ông Tú để hôm sau đi Hà Nội. Ông Tú bảo Điệp ở lại ăn cơm rồi nói chuyện hồi lâu mới cho về.

Điệp cố nhìn Lan nhiều bận, nhưng đều không thấy. Lúc ra cổng, chàng thấy thấp thoáng cái vạt áo xanh xanh đằng sau bức rại.

Điệp thi, trong bụng lấy làm lo lắm, vì chỉ chàng mới biết rõ tương lai mình mà thôi. Bấy lâu chàng biếng học, kỳ thi này chẳng dám tin ở sức mà chỉ dám mong ở sự may.

Thi kỳ viết rất chật vật, nhưng may sao, Điệp gặp được hai bài tính cũ, nên đủ nốt vào kỳ vấn đáp. Song, đến kỳ vấn đáp, chẳng may Điệp gặp ngay một ông giáo hỏi gặng mãi về điện học. Chàng không thể trả lời được câu nào. Trông thấy ông giáo cầm bút cho nốt chàng toát mồ hôi, choáng người lên. Vừa hối hận, vừa thất vọng, chàng sực nghĩ thương mẹ, thương ông Tú, thương Lan, chàng bèn lủi thủi ra sau trường, đứng sụt sịt khóc.

Bỗng Điệp bối rối, chàng lau vội nước mắt và vờ nhìn ra hồ. Chàng xấu hổ vì trông thấy ông Phủ họ Trần là bạn đồng khoa với cha chàng.

Ông Phủ hỏi, và thấy Điệp kể lại việc thi, thì thương tình bảo:

– Cháu cứ yên, ông giáo đó là em chú, để chú vào xin hộ cho.

Nói rồi ông Phủ đi một lát. Lúc trở ra, ông vui vẻ bảo Điệp:

– Cháu được thêm chín nốt, thôi, nín đi. Còn buồng nào nữa, thì vào ngay kẻo không kịp.

Điệp như được cải tử hoàn sinh, chắp tay cảm ơn ông Phủ, và xin có một ngày được đến tận nơi để tạ ân ông. Ông Phủ nhận lời:

– Được, bao giờ cháu đến cũng được. Miễn là cháu đỗ thì chú mừng.

Điệp vái chào, vội quá, chẳng kịp hỏi xem ông Phủ đến trường có việc gì.

Điệp cho là nhà có phúc mới gặp được ông Phủ nên càng phấn chấn, vào các buồng thi khác, được trót lọt. Hôm ra bảng, Điệp thấy tên, mừng rú lên!

Đỗ thì phải về nhà quê ngay lập tức. Đó là khoản thứ nhất trong chương trình của Điệp. Nhưng cái chương trình ấy cũng chỉ có cộc

thông lốc một khoản ấy mà thôi, vì trong túi, Điệp chỉ còn có ba hào chỉ, vừa khẩm để chi tiêu khoản thứ nhất, nghĩa là trả tiền vé ô tô đến chợ Gỏi.

Điệp phởn phơ ôm bọc quần áo ra đến bờ sông, sung sướng nghĩ đến công đèn sách ngót mười năm, đến tương lai rực rỡ như hoa như gấm.

Nhưng chàng phải làm cho Lan giật mình về tin mừng này, chàng bèn chịu khó cuốc bộ sang đầu cầu Gia Lâm, để bớt được vài xu, mua một nắm đỗ. Chàng gói đỗ vào tờ giấy, bỏ cẩn thận vào trong túi.

Xe tới chợ Gỏi, Điệp hăm hở về làng. Lúc này thì Điệp thấy cái gì cũng vui và đẹp cả. Chàng sang cầu, qua mấy nhà, thì đến cái cổng gạch...

Điệp đi chậm lại, nhìn vào nhà ông Tú, thấy chỉ có một mình Lan, đương ngồi lúi húi chẻ rau trên hè. Chàng, vênh váo đằng hắng một tiếng rõ to. Lan vừa ngẩng đầu lên, chàng giơ thẳng cánh, ném cả gói đỗ vào sân rơi tung tóe. Lan mỉm cười hiểu ý, khẽ gật đầu...

Điệp gật đầu trả lời, nở nang từng khúc ruột...

V

... RỒI ĐẾN DANH

Trống hầu chiều vừa dứt, ông Phủ Trần đã khăn áo chỉnh tề ở nhà tư thong thả lên công đường làm việc.

Lúc bấy giờ vào khoảng cuối thu, bóng nắng không những lạt mà thỉnh thoảng lại có cái gió bấc thổi. Những người gầy gò đã phải giở áo nịt hoặc áo kép ra dùng. Nhưng ông Phủ vẫn chỉ mặc có cái áo sa bóng, mà động ông ngồi ở bàn giấy thì y như cái quạt tây treo trên trần, phải đưa đi đưa lại. Những lúc ông gắt - mà ông hay gắt lắm - khi cái khăn của ông đã đẩy lên quá trán, thì cái quạt tây ấy phải nhảy lên chồm chồm, có khi liếm tận đến trần nhà. Ông thu vào vừa chặt cái ghế mây bành hạng đại, trông đằng sau, bè bè một cái lưng phì nộn.

Ông ngồi đó, cái vẻ im lặng rất uy nghiêm, uy nghiêm gần ngang với nét mặt ông vậy.

Ông bóc các công văn ra xem, rồi vặn chuông gọi. Tên lính đương ngồi xổm ở ngoài cửa, im phăng phắc như con chó đá, bỗng đạ giật một tiếng, rồi chạy choàng vào đứng chắp tay để chờ lệnh.

Lúc ấy có một cái bóng đen đen thấp thoáng sau bức bình phong vải xanh ngoài hiên, ông hất cái cằm nhẵn thín hỏi:

– Xem đứa nào ngoài kia, mày.

Tên lính rón rén ra rồi vào bẩm:

– Bẩm lạy cụ lớn, có tên học trò là Vũ Khắc Điệp xin vào hầu.

Ông Phủ cau đôi lông mi, nghiêng đầu, hỏi:

– Tên là gì?

– Bẩm cụ lớn, Vũ Khắc Điệp.

– À, đưa nó xuống nhà khách, rồi rót nước, bảo nó ngồi chờ tao, nghe!

– Dạ.

Tên lính ra. Ông Phủ quay mặt nhìn qua cửa kính sau lưng có che màn đăng ten, lúc trông thấy Điệp, thì trên mặt phẳng phiu lộ ra những nét vui vẻ. Ông gãi cằm ra vẻ đắc chí lắm. Rồi mặc kệ cái dựa ghế nó phải ỏe ra đằng sau, ông quẳng cả đống lưng xuống, ngồi ưỡn nửa người, cắn môi nghĩ ngợi...

Điệp theo tên lính, vòng đằng nách công đường đến cái sân rộng. Đang đi qua một nếp nhà gạch nữa, bỗng tên lính như sực nhớ đến việc gì, bèn bảo chàng chờ đó một lát, rồi chạy vào nhà tư. Điệp đứng lại trông đằng trước mặt, gần đó, có cái nhà tranh, phu phen đương trần lực dỡ phá đi, mà bên cạnh, hai người lính cơ đương cầm roi để ốp.

Tên lính ra, một tay xách ấm tích nước, một tay bưng cái đĩa Nhật Bản mà trên úp cái chén tống Tầu rồi lại đưa Điệp đi đến cái nhà tranh trước mặt. Tên lính lấy phất trần quét tầng bụi trên bàn ghế gỗ tạp sơn xanh, rót chén nước chè hạt xong, nói:

– Quan truyền cậu ngồi chờ đây. Quan đang bận.

Điệp buồn mồm, hỏi tên lính:

– Cái nhà kia đổ hay làm sao thế cậu?

– Đó là trại cơ, cụ lớn bắt phá đi, chứ không phải đổ.

– Tại làm sao?

– Tôi không biết, vì làng tôi mới cắt tôi ra lính hầu cụ lớn mấy hôm nay. Đâu ý cụ lớn muốn thiên trại cơ ra gần cổng chòi.

Nói xong tên lính xách ấm nước đi.

Điệp vừa mệt vừa khát, một chén nước uống không đủ, nhưng biết làm thế nào? Thấy cách ông Phủ tiếp đãi như thế, chàng tự hiểu mình được liệt vào hạng khách nào nên đã hơi thấy khó chịu. Rồi chờ năm phút, mười phút, ông Phủ vẫn không cho gọi lên. Điệp đã thấy nóng ruột. Nhân rỗi việc, chàng giũ bụi áo và nhổ cỏ may ở quần, vì chàng đi bộ từ ga, đường dài ngót mười cây số. Rồi chẳng còn việc gì khác để làm cho tiêu khiển hơn, chàng liền nhìn các câu đối treo đó, thử đọc xem còn nhớ chữ Nho nào không. Bỗng chàng giật mình, vì thấy đằng sau một lỗ vách, có con mắt lo ló nhìn mình. Chàng chột dạ, trông con mắt ấy, thì tự nhiên cái lỗ lại thủng sáng ra, rồi tiếng rúc rích hai người cười với nhau, và tiếng giầy lọc cọc chạy. Điệp tinh ý, đoán là tất tiếng giày gót cao và nhỏ, nghĩa là giầy mang cá. Chàng nhanh mắt nhìn theo phía giầy, thì vụt một cái, ở cửa tò vò trên nhà tư, chỉ còn phấp phới mảnh vạt áo màu cặn vang và một ống quần trắng đương chạy. Điệp đoán hẳn các cô đây, thấy khách đàn ông lạ vào nhà thì hay ngó. Chàng nghĩ đến cách ăn mặc của mình hôm nay, lấy làm bằng lòng lắm, vì đã làm được các tiểu thư chú ý đến. Quả vậy bây giờ chàng đã cải lương cái mũ trắng sờn vành, mà chụp chiếc khăn lượt mới, đã thải đôi giầy đanh tre tàng, mà vận giầy tây trắng đế cao su. Tuy cái áo vải thâm vẫn cũ, nhưng đã vá lại tử tế rồi.

Một lát, trên buồng có tiếng lanh lảnh gọi;

– Bếp ơi! Rót tao chén nước.

Rồi tiếng đàn tàu văng vẳng đưa đến tai Điệp, như mách ngầm người đó hiện ngồi đâu. Điệp nghe lõm bõm, nhưng cũng nhận được những khúc đang gảy, là *"Vọng cổ hoài lang, Vương cô nương đoản mệnh"* mà ngày trước trong trường chàng thường được nghe các bạn họa.

Điệp tò mò cố nhìn lên xem ai gảy đàn, thì không nghe thấy gì nữa, mà trên cái ghế xích đu ở hè, một vị tiểu thư đã đương chao đi chao lại, mắt nhìn vào quyển tiểu thuyết. Muốn tiêu thì giờ, Điệp ngồi lánh mình sang một bên để ngắm vị tiểu thư cho rõ. Mất gì?

Vị tiểu thư ấy hẳn là lệnh ái của quan. Điều đó, dù chẳng phải tay cao đoán mới nói nổi, vì nếu là người ngoài, sao lại ở trong phủ này làm gì? Nhưng vì tiểu thư ấy đích là lệnh ái của quan, mà điều này thì chẳng cần phải nghĩ lâu mới có thể quả quyết thế được, vì trông nàng giống ông Phủ như đúc, giống cả từ cái béo chụt béo chịt!

Nhưng quái, con quan sao không đẹp tí nào, thật là phí mất cả địa vị! Tiểu thư nằm ngửa trên ghế, nhưng để mặt nghiêng, thành ra cả cái mặt, "vĩ đại" nhất cái má. Vì lưỡng quyền cao mà thịt má đè gí nhau xuống, nên nó rộng rãi, phẳng lì như tấm phản. Hai môi thì dầy, cũng nung núc những thịt, tuy trời hanh mà lúc nào cũng như ướt. Dưới cái trán bóng, đôi lông mi đen như mực tàu, vòng cong trên hai mắt mơ màng bí mật. Từng ấy cái mà xếp cả vào mặt một người con gái. Tạo hóa thật đã khéo chơi chua! Cho nên Điệp nhìn, rồi tưởng tượng đến Lan, bụng bảo dạ:

– Giá Lan thô bỉ xấu xí hơn, ta quyết chẳng phàn nàn.

Nghĩ đến vợ, Điệp nhớ ngay đến sự thi đỗ, nhớ đến sự thi đỗ, chàng nhớ ngay đến cái ơn của ông Phủ. Rồi chàng lại sực hồi tưởng những lời nói ngọt ngào, nhân từ của ông Phủ hôm thi, bây giờ so sánh đến cách tiếp đãi lãnh đạm này, thật là một trời một vực.

Điệp chờ đợi lâu mà ông Phủ không xuống, bực mình quá. Bực mình bao nhiêu, chàng lại chán ghét cái lối quan cách bệ vệ bấy nhiêu. Lúc rồi, chàng muốn nhờ người lên chào bà Phủ, nhưng hẳn bà Phủ chẳng biết chàng là ai, mà chàng sợ nhất cái lối phải cung khai gia phả cho bà hiểu. Mà vị tất bà đã hiểu Điệp là hạng người nào, và nên gọi bằng gì. Như thế hẳn bà bảo:

– Ừ xuống nhà khách ngồi chơi.

Cái lối xách mé khinh người ấy, Điệp không thể chịu được. Chỉ có ông Phủ biết chàng nên ông khéo léo, gọi chàng bằng cháu và xưng là chú, vì chàng vẫn thường gặp ông ở nhà ông Phán là nhà chàng trọ học. Nhân có ông Phán nói chuyện, nên ông Phủ mới biết chàng là con bạn ngày xưa.

Điệp chờ mãi, chờ mãi. Thỉnh thoảng thấy tên lính bưng thúng gạo hay bu gà xuống nhà tư, chàng vẫy, nhưng nó nhìn chàng một cách bỡ ngỡ mà không lại.

Bao nhiêu điều vui vẻ Điệp tưởng tượng trong khi đi đường, đến nay thấy trái hẳn lại, chàng tức quá. Nhưng làm thế nào? Bổn phận chàng phải đến tạ ơn ông Phủ. Đáng lẽ chàng phải đi ngay từ ngày mới đỗ mới phải, song chỉ vì chưa lo được tiền hành lý nên mới nấn ná đến tận bây giờ, đến nỗi chàng phải áy náy mãi.

Điệp ngồi hơn một giờ đồng hồ, ruột nóng như sôi. Thơ thẩn một mình chàng muốn ngắm tạm cô tiểu thư cho đỡ buồn ngủ, nhưng

không trông thấy nữa, vì cô cũng ngủ từ bao giờ, úp quyển sách lên mặt. Trên ghế xù xù một đống có mặc áo quần.

Nhưng chẳng bao lâu - đó là nói văn chương, chứ lâu cho Điệp lắm rồi - hồi trống tan hầu làm cho tan cả sự thất vọng của Điệp. Điệp thấy cô tiểu thư mở choàng mắt dậy và chạy đi mất. Cánh cửa công đường mở ra, ông Phủ bệ vệ đi xuống.

Có lẽ vì phải chờ lâu mà Điệp đã chất chứa nhiều nỗi ác cảm trong lòng, nên thoạt nhìn ông Phủ, chàng chỉ thấy những cái dữ tợn, những cái bất nhân nó lộ trên mặt ông.

Ông Phủ quàng cái khăn vào cánh tay, vừa đi vừa cởi khuy áo sa, lững thững xuống nhà khách, nét mặt tươi tỉnh như hoa. Điệp bỗng hối hận ngay lập tức vì đã quá nóng nẩy mà phán đoán lầm bụng người ân nhân. Điệp bèn lấy lương tâm, chắp hai tay vái chào.

Ông Phủ gật đầu, mỉm cười, nói:

– Cháu chờ chú có lâu không? Hôm nay chú bận quá. Sao nó đưa cháu xuống đây? Chà! Cái thằng láo quá! Những lính đây mới đến hầu cả, còn ngớ ngẩn như lũ mán, ăn nói thì cục súc vô lễ, cháu đừng để bụng nhé! Lên trên này.

Ông Phủ vẫy tay, rồi lên nhà tư. Chàng nghe những câu nói tử tế ân cần không ngờ. Điệp càng lấy làm hối hận. Ông Phủ ngồi trên chiếc ghế trường, gọi lính pha nước và bắt mở tung các cửa, rồi giơ tay bảo Điệp:

– Anh ngồi chơi đây.

Điệp nhìn bộ sa lông tân thời bóng nhoáng, có giải đệm thêu, không dám ngồi, nói:

– Dạ, bẩm quan lớn để mặc chúng con.

– Được cứ ngồi xuống, chú còn hỏi chuyện lâu kia mà! Ờ! Sắp làm ông giáo có khác, trông đứng đắn lắm nhỉ? Có vợ chưa?

Điệp đỏ mặt trả lời khẽ:

– Bẩm quan lớn chúng con chưa.

– Phải lấy đi mới được, để cho nó đỡ đần me... Hà! Hà! Kìa, cứ ngồi xuống đấy.

Điệp sẽ vén áo, xê dịch cái đệm vào trong rồi rón rén ngồi mớm vào một tí ghế, mà vẫn còn thấy rùng cả mình.

– Chú mong anh mãi.

– Dạ, bẩm quan lớn...

Điệp vừa nói được ba tiếng, bỗng ông Phủ đứng phắt dậy xua tay nói:

– Khoan! anh chờ chú một chút.

Rồi ông vội ra hè, giơ tay ra đón lấy tờ giấy của một người khúm núm đưa đến. Cứ trông quản bút gài mái tai, và tý mực dính vào giữa môi dưới, Điệp có thể đoán là nho của ông Thừa. Ông Phủ xem giấy, cau mặt gắt:

– Bán đạn, chứ bấn đạn là nghĩa lý gì! Mày không biết viết chữ giặc cướp thế nào à? Đồ ngu như lợn! Về viết lại bản khác, tối đưa ta ký để kịp phát trạm.

Người nho dạ lui ra, ông Phủ quay vào vui vẻ hỏi Điệp:

– Thế nào? Anh nói thế nào nhỉ? Chú vô tâm lắm anh ạ.

– Bẩm quan lớn, từ ngày chúng con đội ơn quan lớn, chúng con vẫn mong được sớm hầu quan lớn, nhưng cảnh nhà quẫn bách, mãi mới lo được tiền ăn đường.

Ông Phủ thấy câu nói thực thà, bật buồn cười, đáp:

– Làm gì cái vặt mà ơn với huệ. Không đến được thì thôi, chứ ngại gì? Chú cảm ơn.

– Dạ.

– À, thế nào? Đẻ, à quên mẹ vẫn mạnh đấy chứ? Anh gọi là gì nhỉ?

– Bẩm quan lớn con gọi là đẻ ạ.

– Ừ, đẻ cũng biết chú đấy.

– Dạ. Đẻ con cũng nói chuyện ngày trước đẻ con có được hầu quan lớn mấy lần.

– Phải, ngày độ thày với chú còn tập văn quan đốc Hà Đông; dễ thường còn ít tuổi hơn anh bây giờ ấy. À, năm nay anh hăm mấy nhỉ?

– Bẩm quan lớn, con hai mươi mốt ạ.

– À, tuổi Sửu. Thế ra anh hơn con Thúy Liễu nhà chú hai tuổi. Phải, con em nó tuổi Mão.

Điệp sực nghĩ ra cái bồ sứt cạp ban nãy hẳn là con em Thúy Liễu. Điệp cắn môi để nhịn cười về cái tên quá hà lạm!

– Bẩm quan lớn, cậu cả con năm nay học đâu ạ.

– Ồ! Anh cứ gọi chú là quan lớn với quan bé làm gì! Quan với người ta, chứ trong nhà thì quan quách gì! Thày với chú ngày xưa thân như anh em ruột, vì chú kém tuổi thày nhiều, vậy cứ gọi là chú.

– Dạ, bẩm quan lớn tha phép cho con.

– Không, đừng gọi thế, chú giận. Anh cứ gọi như chú cháu trong nhà.

Điệp thấy quan Phủ dễ dãi, chuyện trò vui vẻ, thì lấy làm dễ chịu quá.

– Bẩm chú...

Điệp nói tiếng chú hơi ngượng. Ông Phủ nhìn chàng thấy mặt mũi sáng sủa, ăn nói thực thà, nên càng yêu.

– Bẩm chú, em cháu học trường nào ạ.

– Chú hiếm lắm. Mới có em Thúy Liễu là lớn, còn một thằng em bé, năm nay mới lên hai, là con chị Năm nó.

Điệp sực nghĩ đến bà Phủ, vội nói:

– Bẩm chú cho phép cháu vào chào thím.

– Thím ở nhà quê, không có đây. Vì nay mai, trong một tuần lễ nữa là cùng, chú sẽ được thăng Chánh án.

Điệp mừng rỡ, quên cả cái lễ phép xin ông Phủ đi chào cô Hai, cô Ba, cô Tư, cô Năm. Chàng nói:

– Bẩm Chánh án ạ?

– Phải, Chánh án, mà may sao, ngay tỉnh ta đấy.

– Dạ, chú làm Chánh án tỉnh cháu ạ.

– Phải, cho nên thím về nhà quê, rồi lên tỉnh trước xem nhà cửa để định chỗ kê dọn. À, thế nào? Anh đã làm đơn xin bổ chưa?

– Bẩm chú, cháu đã xin rồi, nhưng cả lớp cháu, chưa ai được bổ cả.

– Phải, bây giờ ngạch nào người ta cũng chỉ loại bớt người đi mà thôi.

– Dạ, mấy lớp trước cháu, đến nay cũng chưa bổ hết.

– Ồ, mà làm cóc gì cái nghề giáo học, khó nhọc mà ăn thua gì! Chú tính giá anh cứ xin ngay làm thư ký các tòa lại chóng khá.

– Dạ, bẩm chú, trường cháu chỉ dạy cách làm giáo học thôi ạ.

– Biết rồi! Nhưng mà làm giáo học...

Ông Phủ bĩu môi, lắc đầu, không nói nữa,.

– Bẩm chú, nếu nhà cháu khá thì cháu theo học nốt ba năm trên trường Cao đẳng sư phạm.

– Rồi cũng đến giáo học là cùng! Chú tưởng muốn bay nhảy chóng, thì chỉ nên làm thư ký các tòa. Làm thư ký rồi, thì lên tham tá, có thày tốt thì khó gì không xuất chính được?

– Bẩm xuất chính là thế nào ạ?

– Xuất chính là làm quan chứ gì!

Ông Phủ nói xong mỉm cười, Điệp cũng mỉm cười, hai cái cười cùng có ý kiêu ngạo, mà hai cái kiêu ngạo khác hẳn nhau:

– Bẩm chú làm quan thì cháu tưởng cũng...

Điệp suýt nói hớ, nhưng vội ghìm ngay lời lại và chữa:

– ... Cháu tưởng cũng vất vả lắm.

– Nhưng không túng, anh ạ. Mà đi làm các sở các tòa mới đủ tiêu được.

– Bẩm chú, lương giáo học to hơn lương thư ký các tòa.

Ông Phủ bật ra một tiếng cười rất gọn:

– Hì! Anh chưa ra đời, anh chưa hiểu. Cứ trông vào lương thì chết!

Nói xong, ông cười nốt một hồi rõ giòn và rõ dài, khiến Điệp phân vân quá.

– Chú nói thực. Anh nên đổi ngạch đi. Vả nằm nhà mà chờ bổ giáo học, thì đến đời nào ? Tiếc làm gì cái nghề năm cha ba mẹ ấy?

Điệp nghe ông Phủ nói, nghĩ đến cảnh nhà quẫn bách mà buồn. Nhưng đổi ngạch thì bơ vơ, biết nghề gì mà làm? Vả lo được ngót ba trăm bạc để đền lương bốn năm ăn học, thì lấy đâu? Chàng nói:

– Bẩm chú, cháu không thể đổi ngạch được, cháu đành chịu vậy thế thôi.

– Ồ! Ở đời ta phải xoay như con chong chóng mới sống được chứ!

– Bẩm, cháu chả có thể xoay được nghề gì.

– Này! Anh cứ xin từ giáo học, rồi xin bổ thư ký lục sự, tốt đáo để.

– Bẩm cháu phải đền lương.

– Thế à? Bao nhiêu?

– Ngót ba trăm!

– Có là mấy? Nếu anh thuận, chú sẽ xoay cho anh được làm với chú, rồi chú trông nom che chở cho.

– Bẩm người ta không bổ thế ạ.

– Được! Sao lại không? Chú có quan thày mạnh lắm. Chú nhờ thì được ngay.

Điệp biết là ông Phủ hết lòng mong cho mình được khá, nhưng giá nhà khá, có tiền đền lại thì còn nói gì. Nghĩ đến nông nỗi nằm nhà, mài cái nghèo túng ra mà ăn, chàng lại càng buồn, nên chỉ thở dài. Ông Phủ nói:

– Nếu anh bằng lòng thì chú hết sức giúp.

– Bẩm chú, cháu được đội ơn chú nhiều lắm rồi.

– Có phải anh chỉ ngại vì món tiền đền lại nhà nước không?

– Dạ!

– Nếu anh không có, thì xin đưa dần. Nếu không xong, thì chú cho mượn, bao giờ có thì trả chú cũng được.

Điệp vui sướng quá, vì không ngờ ở đời lại có một ông bạn nữa của cha cũng tử tế như ông Tú. Bao nhiêu hy vọng về chữ danh, Điệp định trao cả trong tay ông Phủ, nhưng Điệp nghĩ lại, vì nhiều lẽ, lại không muốn thế. Điệp phân vân, khó quyết định quá. Ông Phủ thấy Điệp im lặng, cũng đoán được bụng. Một lúc Điệp nói:

– Bẩm chú, cháu được đội ơn chú nhiều lắm rồi.

Ông Phủ nghe Điệp nhắc lại câu ban nãy, biết rằng chàng chưa dám quả quyết, bèn xui chàng một ý kiến:

– Ơn với huệ quái gì cái vặt ấy, con thày cũng như con chú. Anh cứ về bẩm đẻ cho chắc chắn rồi lên chơi chú, nói cho chú biết. Nhưng những việc quan hệ như thế, anh chớ viết thư.

Điệp thấy câu trả lời dễ quá mà từ nãy không nghĩ ra, bèn vội bẩm:

– Dạ, bẩm chú vâng.

Chuyện trò hồi lâu rồi mâm cơm bưng lên. Điệp ngồi ăn với ông Phủ rất vui vẻ. Không ngờ đời chàng lại gặp được những sự may mắn lạ lùng...

Hôm sau Điệp ở phủ về, đem việc công danh ra hỏi ý kiến mẹ. Bà Cử thấy ông Phủ tử tế thì cảm kích, thở dài, nói:

– Thày con mất đi, để lại cho đẻ những ông bạn thật quý, đẻ không biết nghĩ nên thế nào cho khỏi phụ bụng tốt của người ta. Ông Phủ đã hứa hết lòng giúp, việc ấy là thân danh của con, đẻ tùy con định liệu.

– Nhờ ông Phủ nữa thì đời con có hai người ân nhân. Một ông Tú, nhà ta đã chịu bao nhiêu ơn nặng, chưa biết lấy gì báo đền, nay lại sắp chịu ơn ông Phủ nữa, thì...

– Hay là thôi quách, con? Con viết giấy lên từ chối khéo cũng được?

– Con cũng nghĩ thế, nhưng chờ bổ giáo học thì biết đến bao giờ; một năm, hai năm, mà không biết chừng, kinh tế này, đến ngay như bên trường nữ sư phạm cũng có nhiều cô phải nằm nhà nữa là! Con chưa có việc ngày nào, con buồn vì đẻ vất vả ngày ấy.

– Cái đó con không ngại. Bề ngoài đẻ khổ, nhưng bề trong đẻ sướng, con biết đâu đẻ được con thảo, dâu hiền, ấy là trời đền công cho đẻ đó.

– Con ngại một điều nữa, là nhờ ông Phủ sợ mất lòng ông Tú.

– Không! Ông Tú hẳn mừng cho con chứ việc gì mà mất lòng? Hay là con hãy nên hỏi ý kiến ông Tú trước?

– Vâng con vẫn định bụng bàn với đẻ trước, nếu đẻ bằng lòng hãy thưa lại ông Tú sau; mà nếu đẻ cũng phân vân như con, thì hãy lấy ý kiến của ông Tú để quyết định.

– Phải, ông Tú là người bẻ lái cho gia đình ta, thì những việc khó khăn này, mẹ con ta nên nhờ ông Tú nghĩ hộ.

Nói đoạn, bà Cử cùng Điệp sắm sửa để sang nhà ông Tú.

Ông Tú nghe tiếng chó cắn, ngó thấy bà Cử, vội vàng khăn áo chạy ra tiếp đón.

Nghe bà Cử thuật lại lời ông Phủ, ông Tú vỗ tay cười, và nói:

– Thế là may cho anh Điệp lắm, còn phải bàn bạc lôi thôi chi nữa?

– Thưa ông, tôi và cháu chưa dám quyết định muốn rằng ông chỉ bảo cho nên thế nào?

– Nên thế chứ còn nên thế nào, thưa bà! Còn gì dễ hơn là việc ấy. Sao anh không nhờ ngay ông Phủ hôm qua có tiện không? Việc là việc hay chứ có phải dở đâu mà ngại?

– Thưa ông, tôi chỉ ngại một điều, là không biết lấy gì đền ơn ông Phủ được.

– Người lớn ai cần gì trả ơn. Ông Phủ này tôi không quen lắm, nhưng nếu có phải bạn học thân với ông Cử nhà ngày xưa, thì đó là bổn phận ông ấy đối với một người bạn đã khuất.

Điệp ngùi ngùi nét mặt đáp:

– Thưa ông...

Ông Tú mỉm cười nhìn Điệp, nhưng thấy chàng có dáng buồn, thì nghiêm lại mà nghe.

– Thưa ông, nhưng đời con không muốn có hai người ân nhân!

– Anh nói dở lắm.

Bà Cử tiếp:

– Thưa ông cháu nói phải đấy ạ. Chúng tôi lấy làm khó nghĩ nhất về chỗ ấy, nên muốn từ chối cái ơn ông Phủ. Chúng tôi được nhờ ông nhiều, đã không biết lấy gì báo đáp, nay lại thêm một người ân nhân nữa, chúng tôi biết làm thế nào?

– Bà nghĩ thế cũng phải, nhưng đàn ông chúng tôi không kỹ tính thế đâu.

Nói đoạn ông Tú cười ha hả, vì rất hởi dạ được câu bà Cử thưởng cho mình. Điệp thưa:

– Bẩm ông, nhưng con không muốn để một ai khác nữa sẽ là ân nhân của con. Bởi vì con chỉ muốn nhận ông là cha thứ hai mà thôi.

Ông Tú thấy Điệp muốn đối với mình đặc biệt như thế, rất cảm động. Nhưng vì ý muốn cho Điệp chóng công thành danh toại, được sớm bước vào cảnh đời sung sướng, nên ông bảo:

– Tôi cảm ơn nhưng mà...

Nói đến đây, ông Tú thấy tắc, bèn nhìn lên trần nhà để nghĩ, vì ông lại cảm động quá vì lời nói của Điệp:

– ... Nhưng mà anh cứ nên nghe lời ông Phủ là hơn.

Bà Cử nói:

– Thưa ông lấy gì mà trả ơn ông Phủ?

Điệp tiếp:

– Vâng, mà con cũng không muốn chịu ơn ông.

Ông Tú nghĩ ngay được ý mới:

– Anh bảo anh không muốn chịu ơn ông Phủ, nhưng anh đã trót chịu của ông một cái ơn to hôm thi rồi.

Điệp im, bà Cử im. Ông Tú ha hả cười, giòn như khúc nhạc khải hoàn!

Điệp tuy chịu lời ông Tú, không cãi được, nhưng chưa nhận lời nói ấy là nên theo. Cứ như ý Điệp, thì dù cả bà Cử, ông Tú, lẫn Điệp, dù ba người cùng chung một ý kiến, hoặc từ chối, hoặc nhận lời, nhưng không chắc Điệp đã cho là đúng để thi hành, bởi vì còn thiếu sự quyết định của người thứ tư nữa. Ý kiến của Lan tuy là của người thứ tư, nhưng có giá trị thứ nhất. Điệp bỗng thấy Lan đằng hắng

trong buồng, chàng càng muốn hỏi Lan quá. Tự nhiên, may sao, ông Tú gọi:

– Lấy trầu ăn, con!

Lan ở trong buồng, đáp:

– Vâng ạ.

Điệp mừng lắm. Vì tài nào Lan cũng phải bưng tráp trầu ra ngoài này, thì trong khi bà Cử và ông Tú vô tình, chàng quyết sẽ hỏi ý Lan bằng đuôi con mắt, chắc nàng phải tìm cách trả lời, lúc bấy giờ chàng mới có thể ngả về mặt nào được. Điệp cố ý nhìn vào cửa buồng, hễ thấy có bóng loáng một cái, thì tức là Lan ra đấy, nên lúc nào chàng cũng sắp sẵn con mắt để làm hiệu cho nhanh. Điệp khấp khởi, trống ngực đã nổi lên, vì chỉ lo Lan nhìn mình nhanh quá, chàng không kịp ra hiệu. Lại lỡ chàng làm hiệu nhanh quá, mà nàng chẳng hiểu chàng muốn nói chi, thì thật là phí mất một dịp tốt. Nhưng không may cho Điệp làm sao, cái tráp trầu xếp xong, Lan lại sai thằng em bé bưng ra! Điệp vừa thất vọng, vừa buồn cười, im ỉm xếp kỹ tất cả bao nhiêu cái "sắp sửa" ban nãy vào bụng!

Thằng bé Xuân lệnh khệnh ôm cái tráp, trèo qua bực cửa, chẳng may lúc bước xuống, vướng quẩn vào then, ngã đánh oạch: trầu, cau, rơi tung tóe. Xuân khóc rầm rĩ.

Ông Tú và bà Cử chạy lại đỡ Xuân và dỗ dành. Điệp cho đó lại là một dịp may, hẳn việc quan trọng của đời Lan thì trời bắt nàng phải trao ý kiến cho mình. Vì nàng không hiểu, cố cưỡng, nên tự nhiên cơ hội nó xui nên cho Xuân ngã, để nàng phải ra bưng lấy cho chàng gặp mặt.

Thì quả nhiên Lan phải chạy ra thực. Nhưng nàng lại không nhìn Điệp! Điệp tức quá, không biết làm thế nào cho nàng ngẩng lên được. Nhưng trong khi bối rối, Điệp cho đôi mắt được bữa tiệc no say!

Rồi may quá bà Cử nói ngay với ông Tú:

– À, sẵn có chị Lan đây, ông và tôi hỏi ngay ý chị ấy xem chị ấy cho thế nào là phải.

Ông Tú cười:

– Vâng, mà ta cũng không nghĩ ra, để tùy bụng chúng nó là phải.

Điệp nở nang khúc ruột. Hẳn phen này chẳng cần phải làm như lối ăn cắp chàng mới biết được ý của ý trung nhân. Trống ngực chàng thình thịch, vì danh phận mình chóng hay muộn, là ở lời thỏ thẻ của

người yêu sắp sửa nói ấy. Điệp giỏng tai ra nghe, tủm tỉm cười, trông Lan. Bà Cử lại hỏi:

– Kìa! Thế nào? Chị Lan? Nên hay không?

Lan đang nhặt trầu, thẹn đỏ hai má, cúi gầm mặt xuống. Điệp nóng ruột, rắp trong tâm hễ Lan nói thế nào, là tán thành ngay cho lời nàng thêm giá trị. Ông Tú cười, giục con:

– Kìa con! Bà hỏi?

Điệp khấp khởi, nhìn Lan bằng đôi mắt nằn nì. Mọi người đều im lặng.

Bỗng Lan ngẩng phắt đầu lên, bỏ cả trầu, cau lẫn tráp đấy, vùng té chạy mất!

Ông Tú phì cười, muốn chừng ông đã liếc thấy cái dáng tưng hửng của Điệp:

– Thôi được, xin bà cứ cho anh ấy nghe lời ông Phủ. Bà và anh Điệp có bụng tốt đối với tôi, như thế là đủ đền công tôi rồi. Vả anh Điệp đã trót nhờ ơn ông Phủ rồi kia mà!

Bà Cử và Điệp ngồi yên lặng. Ông Tú lại nói:

– Thôi, không còn nên phân vân gì nữa. Cứ nhận lời đi.

Bà Cử nói:

– Nhưng mà...

– Thôi, bà còn nhưng mà làm gì nữa.

Điệp cũng nói:

– Nhưng mà...

– Thôi, đã định hỏi ý kiến tôi, thì nên nghe tôi kẻo phụ bụng tôi. Ông Phủ ngày trước tôi chỉ hơi quen, có gặp một vài bận, lúc ấy ông còn gầy như cái tăm...

Điệp bật cười, nói:

– Bẩm bây giờ ông ấy không gầy nữa ạ.

Ông Tú ngạc nhiên đứng dậy, vòng hai tay ra đằng trước, hỏi:

– Béo thế này nhé.

– Bẩm hơn nhiều ạ.

– Làm quan, béo là thường. Hễ cứ từ Tri phủ trở lên, là anh nào cũng béo gù cả lưng!

– Bẩm ông Phủ cũng gù lưng ạ. Giá bây giờ ông gặp ông ấy, chắc ông lạ lắm.

– Ngày trước tôi không thích bạn với hắn, vì hắn tinh quái, xỏ xiên lắm. Nhưng người ta hay vì địa vị, cảnh ngộ và hoàn cảnh mà đổi tính, cho nên bây giờ lão ấy mới tử tế thế đấy.

Chợt Điệp nghĩ đến ông Phủ: nào tiếp đãi lãnh đạm, nào ăn nói vồn vã, nào dáng điệu bệ vệ, nào cử chỉ giản dị, nào mặt mũi thâm ác, nào bụng dạ nhân từ. Điệp không hiểu làm sao, trong một người mà có những cái tương phản nhau quá lắm thế. Điệp nghĩ vậy, rồi buột mồm hỏi:

– Bẩm ông, con nhờ ông Phủ, liệu có điều gì đáng ngại không ạ.

Ông Tú không muốn vì lẽ gì Điệp bỏ lỡ một dịp tốt về công danh, bèn quả quyết nói:

– Không ngại gì cả. Có gì xảy ra, tôi xin chịu trách nhiệm!

Công việc bàn bạc ổn thỏa, hôm sau Điệp đi trả lời ông Phủ, nhưng trong bụng vẫn hậm hực, vì không biết Lan có thuận cho mình bỏ nghề giáo học hay không.

VI

... RỒI LẠI ĐẾN DUYÊN

– Cậu giết con thì giết, chứ con chả lấy người ta đâu! Cậu đừng ép con.

– Tao không cần phải ép mày, con đĩ dại kia ạ. Tao ép nó đấy!

– Cậu ép nó lấy con, nhưng con không lấy nó!

– Làm sao?

– Nó gầy và xấu lắm!

– Ngu như con chó ấy! Nó gầy và xấu, thì nuôi trong một tháng, cho ăn nhiều cao lương mỹ vị vào, tự khắc béo tốt đẹp đẽ ngay chứ sợ gì!

– Nhưng nhà nó nghèo!

– Nhà nó nghèo thì nhà mày có của, khỉ ạ! Nếu tao là con gái nhà giàu, tao chỉ lấy những thằng chồng nghèo, càng dễ sai khiến!

– Nhưng nó là con nhà dân!

– Lại còn con ông Trời nữa à! Mà con nhà dân, nó càng biết sợ mình! Tao tưởng mày lấy được nó là may cho mày đấy.

– Hu! Hu! Nhưng sao nó không học cao đẳng!

– Mày muốn nó học cao đẳng, rồi tao bắt nó chứ gì! Tao đã định tâm bao nhiêu lâu rồi, mà mày cứ cứng cổ! Con gái chúng bay đứa nào cũng muốn lấy chồng cao đẳng, ông cho lại không ế hết cho mà trắng mắt ra à?

– Nhưng mà cái bộ Lý Đình Dù thế, thì mặc sao được quần áo tây!

– Ông kệ xác mày, cho mày chết già! Ông muốn che chở cho mày, ông muốn bịt mắt thiên hạ, ông muốn mau mau gả tống gả tháo mày đi cho ông đỡ bận thân, mà mày còn kén cá chọn canh. Mày thử nghĩ xem, mày còn nõn nường gì mà đài các mãi. Mày bêu xấu ông, cáu tiết ông chỉ cho một phát súng là bỏ đời! Mày làm nhục cả nhà, cả họ!...

Ông Phủ sở dĩ phải giở lôi đình để dỗ cô con gái yêu là Thúy Liễu lấy chồng, là vì hễ nghĩ đến Thúy Liễu ông lại sốt ruột lắm. Người ta bảo có con gái lớn trong nhà thì hãm tài. Thật thế chăng? Sao vừa tan hầu chiều, ông đã gọi Thúy Liễu vào buồng, đóng các cửa lại và gắt gỏng dữ dội thế.

Thấy Thúy Liễu bưng mặt khóc, ông đập bàn đánh thình, đứng phắt dậy;

– Mày còn oán nỗi gì? Thuốc cất cho mày, tự tao phải thân hành lên Hà Nội để cân, mà mày không chịu chăm uống. Biết thế tao cứ kệ xác mẹ mày cho xong. Hay mày muốn cũng ngồi tù thì ông cho vào tù cả một thể. Ông không thương nữa.

Thúy Liễu khóc hu hu nói:

– Con lạy cậu, cậu đừng mỉa con thế!

– Ông thèm mỉa mày à?

Rồi ông phồng má, thở phù phù, đi đi lại lại trong buồng, hai tay nắm hai đầu vạt áo sau, phất ra phất vào rõ mạnh để quạt. Bỗng ông thấy lạch xạch quả bàng cánh cửa, ông quay ra, biến sắc mặt, quát hỏi:

– Đứa nào đấy?

Cánh cửa mở hẳn, con vú vào, chắp tay nói:

– Bẩm cụ lớn...

– Ai cho mày vào đây?

Con vú run cầm cập, bẩm:

– Bẩm cụ lớn, có tên Vũ Khắc Điệp xin vào hầu.

Đang lúc thịnh nộ, vả ngờ con vú đã nghe rõ câu chuyện, nên ông trợn mắt, đập bàn gắt:

– Mặc kệ nó!

Con vú xám người, lui ra, đóng cửa, nhưng bị gọi giật ngay lại:

– Vú Áp!

– Dạ!

– Đưa nó xuống nhà khách, bảo nó chờ tao! Ăn nói cho có lễ phép, nghe không!

Chờ con vú đi ra, ông Phủ quay lại Thúy Liễu, hất hàm hỏi:

– Tao đã định như thế, mày có theo hay không? Đồ mất dạy!

Thúy Liễu lau nước mắt, thở dài. Ông Phủ bảo:

– Xuống bếp bảo chị Ba mày làm cơm, dọn tao với nó cùng ăn.

Tấn kịch rùng mình sởn gáy ở trong buồng kín đến đó thì hạ màn, rồi ông Phủ đóng vai khác ở cảnh khác. Ông ra đứng giữa hiên nhà tư, nhìn xuống chỗ Điệp ngồi, tươi cười vui vẻ vẫy Điệp. Điệp vái chào đi lên, ông Phủ bảo:

– Chú mong anh mãi, buồn quá, chú đương nằm khàn trong kia? Sao anh đến đây muộn làm vậy?

– Dạ, bẩm quan lớn, à bẩm chú, cháu đến đã lâu, nhưng vào buổi hầu, cháu sợ chú bận, nên cháu đi xem phố.

Ông Phủ vẫn thấy Điệp thực thà, cười nụ, nói:

– Phố phủ này lèo tèo có mấy nóc nhà, có gì lạ mà xem! Hôm nay chú chả bận gì cả, buổi hầu chiều chú có ra đến công đường đâu!

– Bẩm tên lính canh cổng bảo cháu rằng chú có đông dân đến hầu lắm.

Ông Phủ lắc đầu, cười, nói vội:

– Láo thế thì thôi. Anh đừng tin chúng nó, chúng nó mới đổi về cả, nên chẳng biết tí gì. Bận sau, anh cứ vào tuột nhà trong.

Ông Phủ đưa Điệp vào phòng, bảo ngồi, và hỏi:

– Thế nào? Mẹ, à quên đẻ định cho cháu ra sao?

– Bẩm chú, trăm sự nhờ chú, đáng lẽ đẻ cháu đến hầu chú để bẩm chuyện, nhưng vì thấy nói chú sắp thăng quan, nên đẻ cháu đợi khi chú đi cung chức rồi lên mừng chú một thể.

– Càng hay! Lâu lắm chú không gặp đẻ, chú cũng muốn mời đẻ lên chơi.

– Thế anh đã làm đơn chưa?

– Bẩm chưa; cháu còn phải bẩm chú để chú dạy cho cách thức.

– Ừ, chứ mà làm giáo học, thì chú thấy nhiều cái khó chịu lắm, anh ạ. Rồi đến khi bị bạc đãi, thì anh phó gào mới hết nói cao thượng! Ờ, mà quái, sao chú ghét bọn giáo học thế, họ khụng khượng quá, mà tên nào cũng khả nghi! Làm thư ký các tòa, ai người ta cũng gọi là quan, có giá trị bao nhiêu không?

– Bẩm chú, cháu tưởng giá trị thì ở người.

– Ấy, cái lý thì thế, nhưng sự thực không thế. Chú thấy anh lanh lợi, chú sợ anh làm giáo học nó phí đi mất.

Nói xong, ông Phủ gọi lính lấy bút giấy bảo cách cho Điệp làm đơn, rồi lại viết thư riêng vận động cho chàng.

Độ bảy giờ rưỡi, bữa cơm dọn ra. Ông Phủ vui vẻ, bảo Điệp ngồi vào bàn ăn. Ông xoa hai tay, nhìn vào các đĩa xào nóng hôi hổi, bảo thằng bếp:

– Lấy rượu! Anh Phán uống được rượu đấy chứ?

– Bẩm chú không ạ.

– Ồ! Phải học uống rượu mới được. Rượu là cái tiêu khiển thần tiên, nó làm cho ta quên các nỗi khổ thống. Chú thích rượu lắm. Anh uống với chú một chén cho vui.

– Bẩm chú tha cho cháu, cháu không uống được tí nào!

– Không hề chi. Chả say đâu mà sợ. Mà có say thì để ngủ cho dễ, chứ có còn việc gì nữa. Vả ở đời, anh cũng nên biết qua mấy thứ cần cho cách giao thiệp, như đánh tổ tôm, uống rượu, hút thuốc phiện, đánh trống chầu. Hôm nay chú có anh đến chơi, chú vui vẻ lắm.

Điệp nể lời ông Phủ, không dám cưỡng, vả nhân tiện chàng cũng muốn uống chén rượu để mừng mình, cho nên chàng cầm cốc, nhấp một hụm, rồi nhăn mặt nuốt đánh ực một cái, thấy nóng ran cả lên. Ông Phủ cười, bảo:

– Nó cay cay, hăng hăng, tê tê phải không?

Điệp tủm tỉm, bẩm:

– Dạ!

– Uống hụm nữa mà xem.

Điệp lại nhấp nữa. Ông Phủ rót thêm cho đầy cốc và khen:

– Ừ, làm tài trai, rượu không biết uống thì hèn lắm.

Điệp cố nâng miệng chai lên, nhưng ông Phủ cứ ép uống:

– Phải uống say đi, cần gì!

Độ mười lăm phút, Điệp đã choáng váng, nói đã lắp, trông cái nhà, cái cửa đã thấy nghiêng nghiêng, đổ đổ, mà lúc cao hứng, chàng quên cả giữ lễ, cười chuyện to tướng. Rồi cứ uống tràn chẳng biết gì, đến nỗi chàng mắt mờ, lưỡi ríu. Rồi nói huyên thuyên, chẳng ăn thua đâu vào đâu, đang câu nọ chàng dọ sang câu kia, có khi quên, chêm cả tiếng lóng ở trường vào chuyện!

Điệp say thực rồi, nhưng ông Phủ vẫn chưa tha cho chàng, cứ rót thêm cho đầy cốc.

– Anh uống nữa đi, chú còn phải uống nhiều.

Điệp hai mắt thật lờ đờ, tay run run giơ cốc lên, lảo đảo đứng dậy, nhăn răng ra cười, nói:

– Ừ thì uống, cần đếch gì! Tôi có say tôi chết!

Rồi nốc một hơi, khà một cái, chàng gục xuống mặt bàn. Lúc ngẩng dậy, ông Phủ lại dí vào tay một cốc đầy, chàng lại uống hết. Nhưng lần này thì chàng quỵ hẳn, chân tay rũ ra mềm nhũn như người mới chết.

Đêm hôm ấy, trên chăn dưới đệm, Điệp đánh một giấc ngủ thật say đến tận sáng hôm sau.

Sáng hôm sau, chàng cựa dậy, thấy tê dại hẳn cánh tay phải, mà mình lại gác chân lên một người. Chàng không hiểu tại sao mình lại nằm với ai ở đâu. Chàng mở mắt ra. Tuy cửa vẫn đóng nguyên, nhưng trong buồng sáng lắm, chàng thấy trước mặt có một cái lưng bè bè, cao như bức thành. Chàng vừa tưởng được hân hạnh ngủ chung với ông Phủ, thì đã trông thấy cái nạm tóc xù xù đen nhánh, dài lê thê, ngoằn ngoèo quấn lấp cả gối. Điệp nhìn kỹ, thôi chết rồi: Thúy Liễu! Trống ngực nổi lên, chàng duỗi cẳng ra, nhắm nghiền đôi mắt lại, giả cách ngủ.

Điệp nằm bên Thúy Liễu mà đâm lo! Vẩn vơ chàng không hiểu ma men ám ảnh thế nào, lại lò mò vào buồng này ngủ được! Thế này mà ông Phủ biết có chết hay không? Liệu ông có để yên cho chàng được hưởng cái tương lai may mắn nữa hay không? Mà có lẽ ma đưa lối quỷ đưa đường, chứ nào chàng có tính nguyệt hoa, say rượu rồi đi sục gái đâu! Vả dù chàng có phải thực hay tơ mơ như thế nữa, thì dại gì mà vuốt râu hùm!

Điệp cứ cố duỗi thẳng tay cho Thúy Liễu kê cái đầu nặng chình chịch lên trên mà không dám cựa. Nhưng càng không dám cựa, càng muốn cựa, càng không được cựa, chàng càng thấy mỏi rời cánh tay! Lại còn nỗi khát nước quá chừng mới khổ nữa chứ!

Điệp thấy tình thế nguy ngập, nên chỉ còn cách cứ giả vờ ngủ là khôn nhất, đành nằm lỳ đấy cho đến lúc Thúy Liễu dậy, khi ấy chàng hãy trở dậy sau. Như thế chàng cũng có thể tỏ cho mọi người biết rằng mình say, ngủ li bì, đến nỗi chẳng biết chi cả.

Điệp nằm im, chờ, nóng ruột quá, mà Thúy Liễu thì cứ nằm mãi. Chàng để ý nghe, thấy thúy Liễu hô hấp không đều, và thỉnh thoảng thở dài luôn, thì không rõ nàng ngủ hay thức. Lắm lúc Thúy Liễu cựa mạnh quá, và đạp lia lịa. Giá Điệp có ngủ thực cũng phải sực thức dậy, nhưng vì ngủ giả cách nên nhất định chàng nằm gan, mặc kệ. Thành ra hai người đo giường lâu quá.

Bỗng cánh cửa mở ra, và có người đi vào. Điệp xấu hổ càng giả vờ ngủ thin thít. Bỗng một tiếng đằng hắng làm cho Điệp sợ rủn cả người: Ông Phủ! Trống ngực chàng lại nổi lên, mạnh hơn lúc nãy. Nhưng rồi tiếng cửa lại khép, Điệp mở lim dim con mắt để nhìn, trong buồng không còn ai nữa.

Điệp lo quá, song cố nhịn thở dài! Không biết khi dậy, chàng có nên thú thực với ân nhân câu chuyện này hay không? Khốn nạn! Ngủ với Thúy Liễu lo chết đi, chứ nào có được sung sướng ai mà phải mang tội vạ!

Điệp không được cựa, mỏi dần cả mình mẩy, lắm lúc đầu gối Thúy Liễu lại thúc mạnh vào mạng mỡ, đau điếng người mà không dám kêu! Chàng chờ và mong mãi! Lắng tai nghe, đồng hồ bên buồng cạnh đã thong thả điểm một, hai, ba , bốn, năm, sáu, bảy, tám, chín tiếng! Thúy Liễu hết cựa đến đạp, khó chịu quá. Không hiểu Điệp chờ Thúy Liễu dậy trước hay chính Thúy Liễu chờ Điệp dậy trước? Cho nên hai người nhất định nằm ăn vạ thi nhau!

Nhưng mà đến thì chữ Điệp còn đỗ được huống chi là thi nằm! Bởi vậy, rồi sau khi Điệp bị Thúy Liễu hẩy mạnh đến ba bốn cái mà vẫn cố nằm gan, thì chàng thấy Thúy Liễu thở dài, ngồi dậy, rồi mở cửa đi ra.

Được nhẹ nhõm cánh tay và thở dài tự do. Điệp nằm rốn thêm độ mười lăm phút nữa rồi cũng trở dậy.

Chàng ra ngoài rửa mặt, cố làm ra dáng vô tình tự nhiên, nhưng vẫn ngượng nghịu thế nào ấy. Chàng có ý nhận bọn đầy tớ, thấy đứa nào cũng nhìn mình, như biết rõ cả câu chuyện bậy này.

Điệp vào buồng khách, nhìn lên đồng hồ, thấy thì giờ chạy nhanh vùn vụt, mà chàng chỉ mong lâu hãy tan hầu để được ngồi yên nghĩ câu đối đáp lời ông Phủ, khi ông mắng trách.

Nhưng đến mười một rưỡi, khi trong trại cơ nổi hồi trống tan thì trong ngực Điệp cũng nổi theo hồi trống lo. Ông Phủ lừ lừ từ công đường đi xuống. Tự nhiên Điệp vừa sợ vừa xấu hổ, nhưng cũng cố đứng dậy một cách sượng sùng.

Không biết rằng thực thế hay Điệp nghĩ lầm, chàng thấy ông Phủ lãnh đạm hẳn đi. Đích là ông giận lắm. Chàng đã toan giải bày để tỏ nỗi oan uổng của mình, nhưng tình ngay lý gian, biết nói thế nào cho trôi được? Rượu say mèm rồi lê đến ngủ với con gái người ta, mà nằm gí đến trưa mới dậy được, chính người ta bắt được quả tang, còn oan nỗi gì? May người ta giữ kín, tức là người ta không muốn lộ ra để bọn đầy tớ nó cười cho, người ta tha bỏ tù là tốt phúc, chứ còn chối cãi thế nào được? Khốn nạn, chỉ có lương tâm Điệp mới hiểu cho Điệp, nhưng mà nếu cứ viện lương tâm ra để mong minh oan, thì cũng khó nghe lắm.

Điệp thấy ông Phủ không nói gì, lấy làm tấm tắc, bèn đánh liều nói:

– Bẩm chú...

Ông Phủ lạnh lùng hỏi:

– Hôm qua anh say quá nhỉ! Anh có biết gì không?

Điệp thấy ông Phủ khởi thế công, đành rằng mình đuối lý thì nên giữ thế thủ, hễ vững được là khá rồi, nên trả lời:

– Bẩm chú, cháu chẳng biết gì cả.

Ông Phủ cười lạt. Nhưng cái cười tuy lạt mà nó đậm đà bao nhiêu ý nhị, khiến Điệp rối beng không biết nên rào đón về mặt nào cho kín. Ông Phủ nói:

– Người ta say rượu, hay mất hết cả lẽ phải.

– Dạ, bẩm chú hôm qua cháu say quá, chẳng còn biết trời đất là gì, bây giờ cháu vẫn còn thấy choáng váng.

Ông Phủ cười sâu sắc:

– Phải, anh mệt lắm tôi biết. Anh vừa mới dậy phải không?

Câu nói đau như xói vào lòng Điệp. Điệp tức vì ông Phủ chỉ nói lởn vởn xa xôi, chứ chưa vào hẳn chỗ đáng nói. Mà biết rằng hễ trả lời câu nào là hớ câu ấy, nên chàng chỉ "dạ" cho kín đáo.

– Cái đơn của anh và cái thư của tôi có lẽ đến Hà Nội rồi.

Điệp biết ông Phủ cứ tiến binh dần dần vào khắp các mặt, lấy làm nguy lắm, hẳn rồi sau ông chỉ cho một phát đạn là mình mất cựa, cho nên càng phải giấu không cho ông dò biết được đội quân của mình nhiều ít mạnh yếu thế nào, bèn:

– Dạ!

Nhưng rồi ông Phủ bày các thế trận khác. Ông không đánh thẳng Điệp, mà dùng lương tâm chàng đánh chàng mới mạnh hơn. Ông gọi vú Áp và lũ người nhà, đùng đùng nổi giận, đập bàn đập ghế om xòm, tìm những tội cỏn con của chúng rồi nhất định đuổi suốt lượt, không nuôi đứa nào nữa.

Quả nhiên Điệp sợ bằng hai trước.

Rồi từ đó, ông lại vui vẻ như thường, Điệp càng lấy làm lo lắng bứt rứt. Cho nên ăn cơm xong Điệp xin phép về. Ông Phủ bằng lòng ngay, không lưu lại như lần trước. Ông lại gửi chàng cái thư đưa cho bà Cử và dặn:

– Anh nên tin cậy ở tôi, rồi điều gì anh cũng được như ý. Nhưng vì danh dự, anh không nên kể chuyện ấy với ai.

Câu nói rất mập mờ, khiến Điệp không hiểu là về việc công danh hay việc Thúy Liễu, cho nên trong khi đi đường chàng mở ngay thư ra xem trước.

Thưa bà Cử,

Việc công danh của anh Điệp, như thế cũng đã chắc xong, xin bà cứ yên lòng chờ đợi trong ít lâu nữa.

Nhưng còn một điều tôi muốn bàn cùng bà, là anh Điệp năm nay đã lớn tuổi, bà nên tính đến bề gia thất để được yên tuổi già. Vậy nếu bà có cần để tôi giúp về chữ duyên của anh ấy, tôi xin hết lòng như tôi đã hết lòng giúp anh ấy về hai chữ công danh.

Tôi thiết nghĩ ở thời buổi này, bà nên cho phép anh ấy được tự do kén chọn, bằng lòng ai thì bà nên ưng thuận, nhất là những nơi xứng đáng, anh ấy đã biết rõ mà thưa với bà, thì bà cũng cho anh ấy được tùy ý. Anh ấy cẩn thận, ngoan ngoãn, là một người con rất hiếu thảo, tôi rất yêu. Vậy xin có lời mừng bà, và khi nào bà được thư thả, mời bà lên chơi, sẽ có nhiều câu chuyện đáng nói.

Nay thư

Le Tri phủ TRẦN

Đọc xong, Điệp toát mồ hôi, thấy ông Phủ lầm quá mà buồn, mà hối, mà lo. Buồn cho mình long đong chưa hết chuyện nọ đã đến chuyện kia rắc rối. Hối vì mình trót quá dại dột say sưa để xảy ra vạ gió tai bay. Lo cho đường nhân duyên của Lan và mình không khéo vì việc này mà sinh ra gàng quải. Nghĩ vậy, Điệp nhăn nhó một mình, bèn xé nhỏ bức thư, nhất định giấu, không nói cho ai biết cả...

VII

TIN SÉT ĐÁNH...

Điệp về nhà, vơ vẩn, thờ thẫn, không vui vẻ như mọi ngày. Bà Cử hỏi cớ, nhưng chàng giấu, không dám nói thực cái nỗi lòng của mình. Ngày nào Điệp cũng sang ông Tú, ông Tú cũng nhận thấy chàng có vẻ lo lắng, hẳn có một chuyện tâm sự uất ức không tiện nói ra. Nhiều bận ông Tú gợi ra để dò ý chàng, nhưng gợi sao cho đúng được vào nơi có mạch sầu?

Hôm sau, người phu trạm đưa Điệp một bức thư. Ký nhận xong, chàng nhìn chữ đề phong bì, thấy nét mềm và sắc, rõ chữ đàn bà. Chàng chột dạ, vội bóc ra xem, thì chỗ ký tên ba chữ Trần Thúy Liễu, làm chàng không còn hồn vía nào nữa.

Anh Điệp

Hẳn anh chẳng ngờ đâu rằng lúc anh đi khỏi, thì cậu em chửi mắng em ra làm sao. Mười chín năm trời nay, em giữ tấm thân trong sạch, nào ai hay rằng đến bây giờ tự nhiên vô cớ, em không còn dám khoe băng khoe tuyết với đời nữa. Cái đêm hôm ấy, chỉ vì anh quá cuồng dại mà giết danh dự của em, của cả nhà, cả họ em. Khốn nạn,

bao cái tủi cái nhục, một mình em xin chịu đựng hết, em không dám oán trách ai cả, nhưng em chỉ yêu cầu anh một điều, là mai sau dù có thế nào, thì nhờ anh minh oan hộ cho em, vì chỉ một mình anh là hiểu cho người bạc mệnh này cái nỗi oan ức ấy.

Em chờ thư anh trả lời. Thư riêng của em, không ai xem cả.

TRẦN THÚY LIỄU

Đọc xong, Điệp rùn cả người, xé thư đi. Những tiếng "mai sau dù có thế nào, người bạc mệnh" làm cho Điệp phải lo, phải sợ! Đích là Thúy Liễu đâm liều mà đi tự vẫn, nên mới nói thế. Mà chẳng định thế, sao Thúy Liễu lại yêu cầu chàng minh oan làm gì. Điệp không ngờ mình lại làm nên một tội đại ác không tưởng tượng được. Không ngờ mình giết người!

Thần lương tâm ở đâu đến trách mắng Điệp khiến chàng ăn năn cái tội của mình. Chàng chỉ hơi có thể tự tha thứ được ở chỗ mình không định làm mà nên vạ. Điệp thở dài, bóp trán, cắn môi đắn đo mãi, mới quyết trả lời Thúy Liễu. Điệp viết ráp, chữa đi chữa lại, mới chép ra giấy trắng, rồi đọc kỹ một lượt, lại ngần ngừ xé đi. Rồi lại viết, rồi lại xé đến lượt thứ tư mới định hẳn, chàng rút ngắn vài câu, cho đủ nghĩa:

Em Thúy Liễu,

Tiếp thư em, anh rất hối hận, vì quá cuồng dại mà đêm hôm ấy, anh đã làm hại một đời em. Nhưng em chớ quá liều thân, anh xin thề với lương tâm rằng, anh sẽ hết sức chu toàn danh dự cho em. Em thế nào, chỉ một mình anh biết, anh thế nào, cũng chỉ một mình em hay, vậy xin em chớ ngại.

VŨ KHẮC ĐIỆP

Viết xong thư, Điệp tạm được đỡ lo.

Từ hôm sau, ngày nào chàng cũng đón người phu trạm để hỏi xem mình có thư hay không, vì chàng áy náy sợ Thúy Liễu tự tử lắm.

Một hôm Điệp tiếp được thư của ông Phủ. Chàng tái mét mặt, lật đật bóc ra, thì may quá, ông báo cho chàng tin ông thăng Chánh án, và bảo chàng biết công việc của chàng mười phần đã chắc chín, chỉ còn chờ nghị định ký nữa là xong. Không thấy ông nói đả động gì đến Thúy Liễu, Điệp mừng lắm.

Nhưng cơ sự đã như thế này, Điệp chẳng mong được đi thư ký lục sự tý nào, mà nhất là phải làm việc dưới quyền ông Chánh án này! Điệp nghĩ đến ông, khó chịu như nghĩ đến một con cọp, một con ma, mà chàng chỉ mong được tránh xa, cho khỏi sinh chuyện.

Những lúc đêm khuya, Điệp sực nhớ lại cái buổi sáng cùng Thúy Liễu chung chiếu, chung chăn, mà giật mình thon thót. Chẳng hay việc này vỡ lở ra thì Lan đối với mình ra sao? Ngày cưới của Điệp, bà Cử cũng đã dự định, chỉ từ nay đến tháng hai sang năm là cùng. Nhiều bận Điệp muốn nói với mẹ xin cưới ngay, để tránh mọi chuyện trắc trở, song vì giữ ý, nên lại thôi.

Hôm tiếp được nghị định bổ đi làm, ông Tú sửa bữa cơm mời bà Cử cùng Điệp sang dự. Ăn xong, ông Tú tiễn Điệp hai mươi đồng bạc và nói:

– Bây giờ anh đi làm, chẳng thiếu chi, nhưng gọi là tôi giúp anh lúc buổi đầu.

Điệp cảm động, không ngần ngừ, giơ hai tay cầm ngay lấy và thưa:

– Ơn của ông, không khi nào con dám chối từ.

Bà Cử thấy Điệp khéo thì bằng lòng lắm. Rồi ông Tú khuyên răn mọi điều, Điệp cúi đầu nghe rất vui vẻ. Ông Tú lại viết thư cho một người bạn là ông Cả Tòng ở trên tỉnh, để nói cho Điệp ở trọ.

Điệp lên đường, cả bà Cử cũng đi tiễn, nhân tiện đến mừng và cảm ơn ông Chánh án.

Hôm ấy là chủ nhật, ông Chánh án không phải ra tòa. Ông ngồi trong nhà, thấy Điệp đi với một bà ăn mặc nhà quê, thì đoán ngay là bà Cử, vội chạy ra đón.

Ông làm ra dáng rất vồn vã, sai người nhà khênh hòm hộ Điệp, và cho mời bà lớn ra.

Ông mừng cho bà Cử có con ngoan ngoãn, hiền lành, hiếu hạnh. Bà Cử thấy ông dễ dãi, thì cũng hả lòng, nhưng vẫn có ý rợn, vì ông là quan. Nói đến chuyện nhà ở, ông hỏi Bà Cử:

– Thưa bác, bác định cho anh Phán ở đâu?

– Bẩm quan lớn, ông Tú chúng tôi định thu xếp cho cháu ở trọ nhà ông Cả Tòng ngoài phố.

– À, ông Cả Tòng, tôi cũng có biết, ông ta đã vào trong này vài lần. Ông Tú nào cũng quen ông ấy thế?

– Bẩm ông Tú họ Nguyễn, người làng chúng tôi là chỗ thông gia.

Ông Chánh án trừng mắt hỏi:

– Vậy anh Phán có vợ rồi?

– Bẩm quan lớn chưa. Nhưng ông Tú chúng tôi với ông cháu ngày xưa đã giao ước cùng nhau, mà bây giờ ông Tú giữ lời hứa trước, trông nom cho cháu từ thuở bé...

Ông Chánh án cười nhạo báng:

– Thế thì đã gọi là thông gia sao được! Tôi tưởng bà cứ cho anh ấy ở trong này với tôi cho tiện thì hơn.

Bà Cử thấy ông Chánh án săn sóc đến con mình thì phân vân, nhưng Điệp khẽ liếc mẹ một cái, nên bà Cử không trả lời. Ông Chánh án hiểu ý, vuốt cái cằm nhẵn thín, nói:

– Các anh ấy còn ít tuổi, sợ kiếm được tiền rồi bị bạn bè rủ rê đi chơi bời. Ở trong này với tôi thì bó buộc một tý.

Điệp thưa:

– Bẩm chú không phải thế ạ. Ông Cả Tòng có con là bạn học với cháu, nên cháu xin phép chú ở ngoài ấy cho vui. Vả cháu tiện có bạn để học hành.

Ông Chánh án nói:

– Thì anh hay ở tạm trong này dăm bữa nửa tháng, đừng ngại.

Bà Cử bảo Điệp:

– Hay là quan lớn dạy thế, thì con hãy nghe. Vả bây giờ chưa tìm được nhà ông Cả Tòng.

Bất đắc dĩ Điệp phải bằng lòng ở trong dinh. Nhưng nhận lời mà vừa lo, vừa buồn.

Hôm sau bà Cử về, Điệp bắt đầu ra tòa làm việc. Ông Chánh án cho chàng ngồi ngay trong buồng ông, để tiện dạy dỗ các công việc. Ông thấy chàng thông minh, giảng đâu hiểu đấy, lấy làm yêu lắm, khen:

– Rồi anh làm hơn chú được. Nhưng cốt nhất là phải khéo xử với quan thày.

Trái lại, Điệp thấy nản chí ngay từ buổi đầu, vì tưởng tượng đến công việc sau này, mình sẽ chỉ như cái máy.

Điệp ở trong dinh được ba hôm, bực mình quá, mất cả tự do. Vả khó chịu nhất là thỉnh thoảng cứ chạm trán Thúy Liễu. Điệp thì nhìn

thẳng, nhưng dù nhìn thẳng đến đâu cũng thấy được cái vô ý của Thúy Liễu, đến nỗi có lúc chàng phải phát ngượng! Cho nên đến hôm thứ tư, chàng xin phép ông Chánh án ra ở ngoài phố. Ông Chánh án không bằng lòng, nhưng chẳng còn cớ gì giữ nổi, nên phải để cho chàng đi. Điệp như con chim sổ lồng, thấy dễ chịu lắm.

Tối hôm sau, ông Cả Tòng nói chuyện với Điệp rằng ông Chánh án muốn gả tiểu thư cho chàng, và hỏi ý chàng nghĩ ra sao. Điệp như bị sét đánh, trả lời:

– Thưa ông tôi đã làm rể ông Tú rồi thì làm rể ông Chánh án sao được?

Hôm sau đi làm, thoạt gặp ông Chánh án, Điệp đã hơi giận đầy lên cổ. Tan hầu chiều, ông bảo chàng về nhà riêng để nói chuyện, chàng hiểu ý ngay.

Đến nhà, Điệp theo ông vào buồng khách. Tuy ông không có cảm giác về sự rét, nhưng ông thân hành đóng các cửa kính, rồi tươi cười xếp bằng tròn trên sập, nói:

– Hôm qua, ông Cả Tòng có nói câu chuyện gì với anh không?

– Bẩm chú có ạ.

Ông gật gù, hỏi:

– Thế anh đã trả lời ông ấy thế nào?

Điệp bướng bỉnh đáp:

– Bẩm chú, cháu nói với ông ấy rằng cháu có vợ rồi.

Ông Chánh án cố ghìm sự giận dữ, cười lạt, hỏi:

– Anh có vợ rồi?

Điệp trông cái cười lạt bỗng sợ hơn cái gắt, nên dịu:

– Bẩm chú cháu biết rằng chú thương cháu như con, muốn gây dựng cho cháu được hẳn hoi, cháu không biết lấy gì báo đáp. Nhưng bẩm chú, cháu đã trót hò hẹn với con ông Tú người làng.

Ông Chánh án lại cười:

– Thế thì anh trót học trường Sư phạm, sao bây giờ anh lại đi thư ký lục sự?

– Bẩm chú, nhưng mà cháu nợ ông Tú cháu một cái ơn to.

Ông Chánh án lại cười, nói:

– À, ra ông Tú nói cho anh đỗ, ông Tú xin cho anh đi làm đấy nhỉ!

Điệp lúng túng chưa biết trả lời ra sao, thì ông Chánh án hoạnh luôn câu nữa:

– Anh với con ông Tú, đã nặng tình với nhau như với con Thúy Liễu nhà tôi chưa?

Điệp cuống lên, sửng sốt cả người, cựa mạnh một cái, nói ấp úng:

– Bẩm chú, hôm ấy...

Ông Chánh án không cho Điệp dứt lời:

– Tôi tưởng anh trung hậu, chứ ra anh lại lừa, lại phản tôi.

– Bẩm chú...

– Anh làm hại danh dự nó, nghĩa là anh làm hại danh dự tôi.

– Bẩm...

– Mà tôi không ngờ đâu, tôi nuôi ong tay áo. Tôi không ngờ đâu, anh đáp lại tôi bằng cách ấy.

Điệp run người, tắc hơi, không nói được tiếng nào nữa.

– Anh không nên bắt chước lối các công tử Hà thành mà dùng cái lối ngựa truy phong ấy được.

– Bẩm chú, thật là oan cháu quá. Nguyên là...

– Anh kêu oan, tôi cũng ví dụ là oan. Nhưng anh nỡ xử với con tôi như thế à? Anh nỡ bỏ nó à?

– Bẩm chú cháu có làm gì đâu mà cháu bỏ.

– Anh phải biết, tôi rõ cả đầu đuôi câu chuyện rồi. Nay tôi đã định, anh không được bướng. Anh đã làm hại đời con Thúy Liễu, thì anh phải cứu lấy đời nó, lẽ đó là công bằng; vả dĩ nó là con tôi.

– Bẩm chú, ông Tú Nguyễn đã hứa gả cô Lan cho cháu.

– Thì từ chối phắt đi, khó gì!

Điệp rưng rưng nước mắt, rồi hu hu lên khóc. Ông Chánh án bảo:

– Đời anh bây giờ là trong tay tôi, anh liệu đó! Nếu anh kệ đời con Thúy Liễu, thì tôi cũng không để đời anh yên đâu. Nếu anh cứ khăng khăng một mực cưỡng hoài, thì liệu hồn cả cái đời ông Tú nhà anh nữa. Tôi mà làm ra thì tù tội cả lũ, chớ trách!

Thấy câu nói gọn thon lỏn, trôi chảy như miếng "tào phở". Điệp nghẹn ngào, ngồi trơ như bức tượng, mặt nóng bừng bừng. Giá trông ông Chánh án không có oai, Điệp đã quyết can đảm cầm cái ghế choang phăng cho ông một cái vào đầu, rồi sau muốn ra sao thì ra.

Ông Chánh án nhìn Điệp mất hồn ngồi ngay như khúc gỗ, thì ông lại sắt đá, lãnh đạm, hất cằm bảo:

– Cho anh về ăn cơm. Vài hôm nữa, nghỉ hai ngày, tôi cho phép anh về nhà quê mà hỏi ý đẻ.

VIII

ÔNG ẤY LÀ ÔNG QUAN, ÔNG ẤY KHÔNG THÈM NÓI DỐI

Được nghỉ lễ hai hôm, Điệp về nhà quê. Người làng gặp chàng, đều hỏi han chuyện trò, vui vẻ, tưởng như cậu Phán đem khối bổng lộc về kính mẹ, chứ có biết đâu là chàng đem tấm lòng chết trở về nhà!

Điệp đến đầu cầu, nhìn xuống đường thấy có vết bánh ô tô vẫn còn mới, mà trẻ con làng nháo nhác kháo nhau đi xem quan, Điệp gặp một vài ông kỳ lý khăn áo chỉnh tề đi lại có ý vội vã, chàng hỏi xem quan nào, thì họ bảo:

– Quan Chánh án.

Điệp lo sợ. Ông Chánh án đi về có việc gì? Nếu là việc công, sao chàng không biết? Chàng đương đoán phỏng, thì kìa lù lù cái xe tô tô đỗ trước cổng nhà ông Tú đã làm cho chàng giật nẩy mình. Chàng biết tất có chuyện chẳng hay.

Qua nhà ông Tú, Điệp nhìn vào, thấy cả mẹ cũng ở trong ấy. Tự nhiên chàng đứng dừng lại, sững sốt cả người, như điên như dại.

Bà Cử trông thấy con, vẫy vào.

Điệp đến sân, trông rõ ông Chánh án và ông Tú ngồi ở ghế giữa, bà Cử thì ngồi phản bên. Trong buồng Lan ngó ra nhìn Điệp nét mặt sợ hãi.

Điệp chắp tay chào mọi người, nhưng chẳng ai trả lời một tiếng. Thấy sự lãnh đạm đột ngột ấy, chàng đoán được cả đầu đuôi câu chuyện. Rồi ai nấy nét mặt giận dữ, không nhìn nhau, đều im lặng. Cái im lặng mới nặng nề làm sao? Điệp biết rằng vì có mình nên câu chuyện bị ngắt quãng, chàng bèn bẽn lẽn ngồi cạnh mẹ. Bỗng ông Chánh án đứng phắt dậy, nói:

– Đấy, anh ấy đã về, bà Cử và ông Tú hỏi anh ấy thì rõ, rồi bảo anh ấy hộ tôi.

Nói đoạn ông đi ra, ông Tú mời lại thế nào cũng không ở.

Điệp theo mọi người ra tiễn ông Chánh án, ruột rối như mớ bòng bong, nhất là chưa biết đích câu chuyện nó xoay đến thế nào.

Xe ô tô mở máy chạy. Ông Tú quay lại nói với bà Cử.

– Mời bà hãy ở lại chơi.

Bà Cử và Điệp theo vào. Điệp chưa ngồi yên đã bị mẹ mắng thốc một hồi.

– Tao không ngờ mày bất hiếu bất mục, lừa lật, hư đốn như thế. Tao xấu hổ về mày. Thôi, từ nay tao kệ xác mày, có thân thì lo, tao không có mày nữa!

Nói đoạn bà òa lên khóc. Điệp nghẹn ngào, không đáp được lời nào. Mà lời nói không ra được, thì tất nước mắt phải ra thay. Ông Tú ngồi chống tay vào má, nhìn Điệp. Lúc ấy trong buồng nghe rõ có tiếng sụt sịt.

Một lúc, Điệp nói:

– Thưa đẻ, đẻ nói cho con đầu đuôi câu chuyện, rồi đẻ cho phép con thưa lại hãy hay, chứ đẻ cứ mắng át đi thì con biết làm thế nào được?

– Thôi, tôi cắn cỏ tôi van ông, tôi không dám đẻ đẻ con con với ông nữa.

Rồi bà nằm vật xuống giường, nghẹn ngào, hai tay vuốt ngực. Điệp như đứt từng khúc ruột thưa:

– Thưa ông, thưa đẻ, con oan lắm. Việc này con biết cả rồi. Ông Chánh án muốn gả con gái cho con, nên mới đặt điều cho con như thế.

– Đặt điều à! Mày còn già họng phải không? Ông ấy bắt được quả tang mày nằm với cô gì, bây giờ mày còn cãi à!

– Con lạy đẻ, đẻ ôn tồn mà nghe con phân trần mọi lẽ, chứ chưa chi đẻ đã tin ngay ông Chánh án, thì đẻ giết con đi còn hơn. Nguyên là hôm con đến phủ để trả lời việc xin đi làm của con, thì bữa cơm tối hôm ấy, ông ấy ép con uống rượu. Con uống say quá, chẳng biết trời đất là gì, đến nỗi thiếp đi, rồi sáng hôm sau, con thấy con nằm chung một giường với cô Thúy Liễu. Thực con không hiểu vì sao!

– Không hiểu vì sao? Vì mày phải lòng cô ấy. Tao không ngờ mày liều lĩnh bất nhân đến như thế!

– Bẩm đẻ, thực ông chánh án lầm, nay ông ấy làm lầm cả ông Tú lẫn đẻ.

– Nếu mày bảo ông ấy lầm, sao việc to thế, mày về, mày giấu, mày không dám nói?

– Bởi vì hôm con về, ông Chánh án có gửi cho đẻ cái thư.

– Ừ phải, mày cũng bịt đi!

– Trong cái thư ấy, ông ấy khuyên đẻ nên hỏi vợ cho con, và hứa sẽ hết lòng giúp, nhưng con hiểu ý ông ấy muốn gả Thúy Liễu cho con, vì ông ấy lầm. Con thấy ông ấy nghĩ tới một điều không thể thực hành được, nên con xé thư đi, không dám nói với đẻ, sợ đẻ để bụng mà nghĩ ngợi. Bởi thế từ hôm ấy, con thơ thẩn cả người, vì con lo.

– Sao tao hỏi mày, mày không nói? Mày nhớ nó chứ lo cái gì?

Ông Tú bảo:

– Phải, tôi cũng có ý hỏi xem anh ấy vơ vẩn cái gì, nhưng anh ấy cũng không nói.

Bà Cử lại nổi giận đùng đùng:

– Đồ bất hiếu, mày có học mà ăn ở thế à!

Ông Tú can:

– Không, bà đừng nên làm quá như thế! Nhưng tôi hỏi anh Phán. Thế anh với cô Thúy Liễu có tình ý gì với nhau không? Anh cứ nói thực.

Điệp thấy ông Tú ôn tồn, thì nở nang khúc ruột, cho là ông Tú bao giờ cũng đại lượng, suy xét kỹ hơn, thì ông có thể làm trạng sư cho mình, bèn trả lời:

– Bẩm ông, con xin thề rằng nếu con có tình ý gì với Thúy Liễu, con không dám sống thêm một ngày nào nữa.

Ông Tú ung dung cười, đưa Điệp mảnh giấy nói:

– Sao lại có cái thư này? Hay không phải chữ anh?

Điệp nhìn mảnh giấy rõ cái thư chính tay mình viết cho Thúy Liễu hôm nọ. Điệp cầm lấy, trông lại từng chữ. Trời ơi! Sao mà những lời ám muội quá lắm thế! Thật là đôi nhân ngãi vừa viết cho nhau, chứ còn cãi thế nào được. Điệp nhìn kỹ ông Tú bằng con mắt nằn nì, nhưng cứ nói rõ sự thực:

– Bẩm ông, vì hôm con về, Thúy Liễu bị ông Chánh án mắng tàn nhẫn, nên đánh liều định tự vẫn, có viết giấy nhờ con sau khi chết

thì mình oan hộ. Nhưng lương tâm nào để con nỡ mặc cô chết một cách oan uổng, con bèn trả lời bằng mấy câu này.

Ông Tú cầm tờ giấy, đọc to lên, đến câu *"vì quá cuồng dại mà đêm ấy anh đã làm hại một đời em"* thì dằn từng tiếng mà nhìn Điệp, khiến Điệp như bị từng ấy nhát dao đâm xói vào ruột gan.

Đọc xong thư, ông Tú hỏi:

– Thế cái thư của Thúy Liễu viết cho anh đâu?

– Bẩm ông, con xé rồi.

Ông Tú lắc đầu, cười lạt, đến nỗi Điệp phải khóc.

– Thôi, anh đừng khóc nữa cho thêm nặng tình. Làm quái gì cái vặt, rồi anh sẽ được sở cầu như ý, lo gì.

– Bẩm ông, xin ông chớ quá giận con. Điều sở cầu của con là được nhờ vả ông suốt đời.

Ông Tú lắc đầu mát mẻ nói:

– Tôi không dám, anh nói quá.

– Bẩm ông, xin ông xét cho con. Hẳn ông cũng biết từ thuở bé, tính con như thế nào.

– Phải tôi biết thì đã hẳn, nhưng tôi có ngờ đâu. Anh bảo ông Chánh án còn lầm nữa là! Này! Ông ấy bảo anh định sở khanh đấy!

– Trời ơi! ông Chánh án là người thế nào lời ông đoán hôm nọ rất đúng, ông ấy muốn gả Thúy Liễu cho con, nên bịa để nói dối ông và để con đó mà thôi.

Bà Cử ngồi nhỏm dậy, xỉa xói nói:

– Ông ấy là ông quan ông ấy không thèm nói dối! Mày bảo ông ấy bịa rằng mày chim con gái ông ấy, ông ấy bịa rằng mày ngủ với con gái ông ấy phải không. Đồ vô phúc!

– Thôi, bà đừng mắng anh ấy, anh ấy tủi. Tôi đã đoan rằng anh ấy cứ nhờ ông Chánh án, có xảy ra sự gì thì tôi chịu trách nhiệm, nay tôi xin giữ lời hứa, thế là êm chuyện.

Bà Cử lại vật mình xuống giường, nói:

– Xin ông chớ giận mẹ con tôi.

– Không hề gì, dù anh Điệp có làm rể ông Chánh án, thì tùy ý anh ấy, chứ không bao giờ tôi đối với bà kém trước, xin bà chớ ngại.

Điệp nói:

– Bẩm quả ông Chánh án ép con, ông ấy dọa rằng nếu con không nghe thì ông ấy làm hại cả ông nữa.

Ông Tú đủng đỉnh nói:

– Cái đó cố nhiên. Vì anh đã làm hại con ông ta, tất nhiên ông ta phải làm hại tôi, cho sự nhân duyên của anh và con bé nhà tôi ngăn trở.

Điệp thở dài, lau nước mắt nói:

– Chỉ có cách là con chết đi cho xong. Ông Chánh án khôn ngoan, có ô tô, về nói chuyện trước với ông và đẻ, nên ông và đẻ tin ngay.

Bà Cử nghiến răng, chỉ vào mặt Điệp:

– Mày cho mẹ mày là đồ ngốc phải không? Mày đã làm một điều đại ác. Lũ người nhà đầy tớ ông Chánh án phải đuổi oan vì mày, mày có biết không? Coi chúng nó oán đến chết, con ạ.

Điệp sực nghĩ ra sáng hôm ấy, Ông Phủ hầm hầm quát mắng đầy tớ, và đuổi suốt lượt. Song chàng ôn tồn nói với mẹ:

– Ông ấy đuổi chúng nó về tội gì, ông ấy đã nói rõ cả hôm ấy.

– Tội gì! Ông ấy ngờ chúng nó đồng mưu với mày. Đuổi chúng nó đi, vì ông ấy lại muốn không cho những đứa biết chuyện này bàn ra tán vào, rồi lên tỉnh mới lại đi bép xép, mách lẻo với người khác, hại danh giá nhà ông ấy.

Hiểu bụng thâm hiểm của ông Chánh án, Điệp lắc đầu nói:

– Đẻ tin ông ấy quá!

Ông Tú cười:

– Không phải chúng tôi tin lời ông ấy đâu. Bao giờ chúng tôi chẳng tin anh trước. Tôi tin lời nói của anh ở trong bức thư này anh viết cho Thúy Liễu.

– Thế này thì con còn nên sống làm gì, vì con đã phụ bạc ông.

– Đừng hoài thân, vô ích, anh ạ. Bằng lòng ai thì lấy người ta, chứ cần gì!

– Khốn nạn thân con, thưa ông, con bị ông Chánh án ép! Con ức quá!

Ông Tú cười sâu sắc. Bà Cử đang nằm, bỗng kêu nhức đầu, lấy dầu bôi, rồi xin phép ông Tú về, vì thấy trong người khó chịu!

Điệp theo mẹ, trong bụng rối beng. Chàng chỉ muốn bỏ phắt công việc làm ăn để về nhà quê mà ở cho yên thân. Nhưng bây giờ cơ sự

đã quá như thế này, dù ở đâu, mình cũng không tránh khỏi được tay ông Chánh án, vả chắc gì ông Tú gả Lan cho mình nữa? Mà bỏ việc thì chết đói; con trai đã lớn tuổi, không lẽ bắt mẹ phải nuôi báo cô đến bao giờ.

Bà Cử về nhà, lên giường lấy chăn ra đắp. Điệp thấy cảnh càng cực, cực nhất là mình không làm gì nên tội, mà bỗng hai gia đình tự nhiên gây nên mối ác cảm, sầu thảm như thế này.

Chàng ngồi cạnh mẹ, khẽ kiếm lời an ủi:

– Thưa đẻ, đẻ không nên nghĩ ngợi quá nữa. Rồi hẳn đẻ sẽ thấu nỗi oan cho con, mà ông Tú sau này cũng không giận con nữa.

Bà Cử lại nổi trận lôi đình, ngồi nhỏm dậy, xỉ vả:

– Người ta hoài con cũng không thèm gả cho cái thứ mày. Mày là đồ khốn nạn! Tao chỉ dạy mày những cái ăn ở trung hậu, mày học đâu những thói ba que của con nhà mất dạy. Mày bêu tao, mày làm nhục tao với ông Tú.

Rồi không còn sức nữa, bà nằm xuống, thở hồng hộc, đập chân đập tay, nước mắt ràn cả xuống thái dương.

Điệp đành chịu để mẹ mắng, không dám nói cốt để bà được yên nghỉ một tí.

Chàng ngồi ủ rũ, khoanh tay trước ngực, gục mặt xuống nghĩ ngợi. Trong óc chàng, biết bao cảnh vùn vụt diễn ra, khiến chàng mỗi lúc lại thở dài. Chàng tưởng như thấy ông Chánh án trợn mắt dọa:

– Đời anh bây giờ là trong tay tôi, anh liệu đó!

Lại thấy ông tươi cười, rót rượu cho chàng mà bảo:

– Ừ, làm tài trai, rượu không biết uống thì hèn lắm.

Rồi chàng nhớ lại cái sáng hôm ấy, cùng Thúy Liễu nằm ở trong buồng. Chàng nghĩ tới ông Tú nói mát:

– Tôi tin lời nói của anh ở trong bức thư này.

Rồi chàng lại văng vẳng thấy mẹ mắng:

– Đồ vô phúc!

Bỗng đến cái cảnh dưới trăng hôm mười sáu tháng năm trước, dưới vùng trời trong trẻo chàng như lại được nghe Lan thỏ thẻ:

– Vậy mà chưa chi cậu đã ghét, đã khinh, đã phụ tôi.

Từng ấy điều nghĩ làm cho Điệp bứt rứt, bực dọc, nước mắt ở đâu lại chảy ra. Bà Cử nằm đó, thỉnh thoảng lại cựa và kêu rên lên một

tiếng kinh hồn. Điệp tưởng tượng đến khi mình cùng Thúy Liễu lấy nhau, mà Lan thì kết hôn với một người khác. Thỉnh thoảng hai cặp vợ chồng, khi đi về làng Văn Ngoại, có gặp nhau thì chỉ nhìn nhau bẽn lẽn, mà tâm sự dạt dào.

Điệp để tay vào trán mẹ, thấy hơi hâm hấp nóng.

Chàng lo mẹ ốm quá. Nhưng biết làm thế nào?

Một lúc lâu chàng thấy mẹ nằm yên, và đã ngáy. Chàng mừng vì nếu mẹ ngủ được một tí thì đỡ nghĩ ngợi nhiều sinh mệt.

Bỗng có tiếng gót chân ngoài hè. Điệp ngửng đầu lên, nhìn: Lan đến.

Vừa mừng, vừa tủi, vừa thẹn, vừa vui, chàng thấy trong bụng nao nao, chẳng hay Lan đến làm chi, chẳng hay mình gặp Lan lần này là hay hay là dở.

Điệp đứng dậy. Lan vẻ mặt rất buồn, thấy Điệp ra đón, ngượng nghịu đứng dừng lại, luống cuống vội nói:

– Thưa cậu, thày tôi sai mang thứ thuốc này sang đây để bà dùng.

Điệp ngùi ngùi, thở dài:

– Thưa cô để tôi mới ngủ. Tôi muốn mời cô xuống nhà ngang, cho tôi được tỏ chút tâm tình.

Lan cười, đau đớn:

– Thôi, không cần, cậu ạ.

Điệp choáng đầu lên, mãi mới nói được:

– Thế cô cũng không thương tôi nữa hay sao?

Lan thở dài, không đáp. Điệp đi xuống nhà ngang trước, rồi mời Lan, Lan ngẩn ngừ, nhìn vào trong nhà chỗ bà Cử nằm, rồi cũng theo xuống.

IX

THÔI, TỪ NAY...

Đến nhà ngang Điệp mời Lan ngồi, và nói ngay:

– Tôi gặp cô bây giờ thực là một dịp may cho tôi được thổ lộ hết tâm sự. Tôi xin kể cô nghe đầu đuôi câu chuyện, mong rằng cô thấu nỗi khổ tâm cho tôi.

Lan lạnh lùng không đáp, Điệp tiếp:

– Ông nhà và đẻ tôi vì quá tin lời ông Chánh án, đến nỗi trách mắng tôi những điều mà tôi nghe phải đứt từng khúc ruột, cho nên tôi không dám mong cô tin tôi, miễn là cô rõ chuyện cho, ấy là tôi được hả dạ.

Lan nhăn mặt, đáp:

– Cậu nói mau lên, đừng giáo đầu dài nữa.

– Vâng. Nguyên hôm thi, tôi suýt bị hỏng về...

– Về điện học, phải, tôi đã biết rồi.

– Vâng, rồi tôi được đỗ, tôi bèn đến cảm ơn ông Phủ Trần. Tôi tới phủ, thì vừa mới trống hầu chiều, ông Phủ bận việc, chưa tiếp tôi, cho tôi xuống nhà khách. Lúc ấy, lo ló ở chỗ thủng bức vách rõ ràng có một cái mặt nhìn tôi, khi tôi biết, thì tôi thấy tiếng giày chạy. Đó, Thúy Liễu con ông Phủ đấy. Thúy Liễu lên nhà tư, gảy đàn, đọc tiểu thuyết, rồi nằm ngủ ở hiên đến tận tan hầu, nghe tiếng trống mới vùng dậy. Trong khi tôi phải ngồi chờ ba giờ đồng hồ, tôi nóng ruột quá, đã bực tức cái lối bệ vệ của các quan, cho nên khi thấy ông Phủ, tôi đem lòng ác cảm. Nhưng ngờ đâu ông ấy tiếp tôi một cách rất tử tế, cho tôi lên nhà tư, gọi tôi bằng cháu và xưng là chú. Hôm ấy ông Phủ khuyên tôi bỏ giáo học, và xin đi thư ký lục sự vì ông ấy sẽ được thăng Chánh án, và vận động cho tôi làm việc dưới quyền ông. Thật tôi không ngờ đâu ông ấy rắp tâm chăng lưới để chụp tôi. Mới hôm qua, có một việc xảy ra trong dinh, tôi mới rõ ông ấy là độc ác, và mới hiểu bụng dạ sâu sắc của ông ấy.

– Việc gì?

– Nào việc có gì là quan hệ đâu! Chỉ có một thằng tù, khi nó xe cát vào trong dinh, không hiểu nó ăn cắp gì, hay nó hỗn hào gì với ông ấy hoặc với cô con gái rượu, mà ông ấy đùng đùng thịnh nộ, gọi dây nói cho ông Cẩm cấm chỉ nó không được vãng lai vào dinh, rồi lại làm tờ bẩm rất đanh thép, vu cho nó vào dinh ăn cắp. Có lẽ thằng ấy phải ra tòa xử một lượt nữa, mà phen này ắt bị án nặng, phải phát vãng lên thượng du.

– Thế nào là đanh thép?

– Ông ấy tự thảo giấy lấy và gửi lấy, nên tôi không được đọc. Ấy là tôi thấy anh em bên Tòa sứ nói chuyện lại như thế, họ khen ông Chánh án giỏi việc. Cho nên việc của ông tôi quyết là ông ấy dự định

đã lâu, đâu vào đấy cả, mà bây giờ đến nỗi tôi đang mắc vào tròng nên khó gỡ.

Lan trước làm mặt lãnh đạm, sau lờ đờ con mắt nhìn xuống để chú ý vào lời Điệp, đến đó, nàng nhìn thẳng vào chàng và hỏi:

– Trong khi cùng ông Phủ nói chuyện, cậu có để ý đến câu gì quan trọng không?

– Không, chỉ có việc xin đi thư ký lục sự là quan trọng, còn thì ông hỏi thăm nom nhà cửa.

– Hỏi thăm thế nào?

– Hỏi thăm đẻ tôi, và hỏi tôi bao nhiêu tuổi. À, ông ấy còn hỏi đùa là có vợ chưa.

– Thế cậu trả lời sao?

– Tôi cứ thực thưa rằng tôi hăm mốt, và chưa có vợ.

– Ông ấy bảo thế nào?

– Ông ấy không bảo gì cả. À quên, phải rồi, có, có; thấy tôi nói hăm mốt tuổi, ông ấy bảo ngay rằng tôi hơn Thúy Liễu hai tuổi.

– Cậu nói nốt đi.

– Rồi tôi về bẩm đẻ tôi và ông nhà.

– Tôi biết rồi, gì nữa.

– Vì ông Phủ dặn tôi nên đến tận nơi mà trả lời chứ đừng viết thư, nên tôi lại phải đi lần thứ hai, tức là lần có đêm tôi ngủ với Thúy Liễu.

Lan đang ngồi im, cựa mạnh một cái, sa sầm nét mặt, hỏi:

– Tại làm sao?

– Hôm ấy ông Phủ vui vẻ quá, ngài ép tôi uống rượu.

– Quên, trong khi chờ ông Phủ, cậu có trông thấy cô gì ấy không?

– Không biết Thúy Liễu có trông thấy tôi hay không, chứ tôi thì không gặp; vả mãi đến tan hầu tôi mới vào phủ, thì tôi không muốn phải chờ như lần trước, nên tôi đi chơi ngoài phố.

– Trong khi nói chuyện, ông Phủ có đả động gì đến Thúy Liễu nữa không?

Điệp nghĩ rồi nói:

– Không, đích rằng không.

– Thế nào nữa?

– Tôi có biết uống rượu đâu, nhưng ông ấy cứ bắt uống. Tôi nhấp một tí, thấy choáng váng trong người. Rồi lúc vui chuyện, tôi quên đi, và nể nên uống mãi, uống mãi, đến nỗi bất tỉnh nhân sự.

– Cậu nói chuyện với ông Phủ những gì?

– Cũng chỉ có chuyện công danh mà thôi, còn sau những gì tôi không nhớ, vì tôi say quá, nhưng chắc rằng chẳng có chi đáng chú ý. Tôi gục xuống bàn, thế rồi chẳng biết tự tôi đi ngủ hay ai khênh tôi đi ngủ, sáng hôm sau, tôi thấy tôi nằm với Thúy Liễu một giường. Tôi thề rằng chỗ này tôi không nói dối.

Lan chống tay vào cằm, đăm đăm con mắt:

– Cậu cứ nói đi.

– Lúc mở mắt dậy, tôi thấy đã trưa lắm rồi. Tôi bị Thúy Liễu gối đầu lên cánh tay tôi, sái bại hẳn đi. Tôi lo quá, nhưng vào lúc khó khăn thế này thì nằm lì cũng chết, nhưng dậy ngay lại càng chết; tôi đắn đo mãi, nên quyết định cứ giả cách ngủ, để nằm gan, chờ cho Thúy Liễu dậy trước, tôi mới dậy sau, vờ như không biết gì cả. Nhưng mãi, Thúy Liễu không dậy, mà một lúc, tôi thấy ông Phủ vào trong buồng...

Lan nhìn Điệp.

– Nhưng rồi ông ấy lẳng lặng đi ra.

– Thế bao giờ Thúy Liễu mới dậy?

– Mãi đến hơn chín giờ. Tôi dậy, tự lấy làm ngượng, nhưng cố làm mặt tự nhiên. Tan hầu ông Phủ xuống nhà tư, thấy tôi thì lãnh đạm hẳn đi, và tìm những câu xa xôi để trách móc.

– Sao ông ấy lại để yên cậu lúc bắt được ở trong buồng?

– Tôi không hiểu.

– Thế rồi ông ấy có gắt mắng cậu không?

– Không! Thế tôi mới khó chịu, không rõ ý ông ấy ra sao cả. Ông ấy lại còn gọi lũ người nhà đầy tớ lên, tìm kiếm ra tội, và đuổi suốt lượt ngay trước mặt tôi. Ăn cơm xong, tôi xin về, ông ấy lạnh lùng đưa cho tôi cái thư gởi về cho đẻ tôi. Tôi bóc thư ra xem trước, thì thấy ông ấy khuyên đẻ tôi nên nghĩ đến chữ duyên của tôi, và hứa sẽ cũng giúp tôi như đã hết lòng về công danh của tôi. Tôi biết rằng ông ấy lầm, tưởng tôi có tình với Thúy Liễu, nên bảo ý đẻ tôi nếu tôi có xin lấy Thúy Liễu thì ông ấy gả cho. Tôi xé thư đi, về nhà không

dám nói với ai cả, mà một mình ngày đêm lo lắng, chắc thế nào cuộc nhân duyên của cô cùng tôi cũng bị ngăn trở.

Điệp thở dài. Lan cũng thở dài.

– Đến hôm tôi đi làm, ông Chánh án nhờ ông Cả Tòng bắn tin gọi gả, rồi chính ông ấy cũng hỏi tôi, nhưng tôi nhất định chối từ.

Lan lại làm như nghe chuyện không can thiệp đến mình, nói:

– Nếu cậu đã làm hại người ta, thì cậu nên cứu người ta, thế là nhân từ.

Điệp nhăn nhó nói:

– Khốn nạn thân tôi, tôi có lòng dạ nào nghĩ đến ai nữa mà làm hại! Nếu cô hiểu bụng cho tôi, chắc cô không nói câu ấy. Từ ngày tôi gặp cô, được cô tỏ cho tôi biết ý cô quyết định, vì tôi như bị thu hết tâm hồn...

Lan lắc đầu, xua tay, nói:

– Cậu nói nốt chuyện ấy đi, lâu lắm rồi.

– Ai ở ngoài cũng tưởng tôi đã làm hại danh dự Thúy Liễu; vì vậy mà sau khi tôi về, có lẽ Thúy Liễu bị xỉ vả một trận kịch liệt, nên quyết tình quyên sinh, mà gửi cho tôi bức thư.

– Bức thư thế nào.

– Trong thư, Thúy Liễu xin tôi một điều là minh oan cho, vì chỉ một mình tôi hiểu Thúy Liễu, và yêu cầu tôi trả lời. Tôi nghĩ hối hận vì tôi vô tình đến nỗi Thúy Liễu phải hủy hoại một đời, nên tôi trả lời Thúy Liễu bằng bức thư ban nãy ông đọc. Tôi chỉ lạ một điều là sao cái thư ấy lại lạc được vào tay ông Chánh án.

Lan gật gù nói:

– Cái đó không lấy gì làm lạ.

Điệp thấy Lan có ý băn khoăn, chứ không lãnh đạm như ban nãy, vui vẻ hỏi:

– Cô đoán tại sao?

Lan đổi ngay nét mặt lạnh lùng, đáp:

– Tại thư của Thúy Liễu vào tay ông ấy nên ông ấy bóc ra chứ sao?

Điệp thở dài, nói nốt:

– Tôi chối từ lời ông Chánh án, ông ấy gắt, bảo tôi về nói chuyện với đẻ tôi. Ông ấy thấy tôi nói đã đính hôn cùng cô, thì đe dọa, dọa cả tôi, dọa cả ông nhà nữa.

Lan cười, cái cười chua chát.

– Rồi ông ấy về tọt đây nói chuyện trước cùng ông nhà với đẻ tôi cho nên bây giờ tôi mới bị hắt hủi như thế này.

Nói đến đó, Điệp bưng mặt khóc. Hai mắt Lan cũng mọng mọng những lệ mà nhìn lên xà nhà. Điệp nói:

– Cô ơi, nếu cô biết bụng cho tôi...

Lan nghiêm ngay nét mặt lại nói:

– Thôi, thì cũng đành vậy chứ sao?

– Cô có tin tôi không?

Lan thở dài không đáp.

– Cô có yêu, có thương tôi nữa không?

Lan lắc đầu, nói:

– Bây giờ tôi không có quyền mà cậu cũng không nên hỏi tôi câu ấy nữa.

Điệp lại ràn rụa nước mắt, Lan cứ lạnh lùng như không, nói:

– Cậu quên tôi đi.

Điệp cựa mạnh kinh ngạc, đáp:

– Không thể. Cô không nên quá ác thế. Trái tim tôi như sắt đá, nhưng từ thuở bé đã khắc ba chữ Nguyễn Thị Lan càng ngày càng sâu, bây giờ phải mài đi mới sạch nhẵn và có thể khắc được chữ khác. Nhưng mà, cô ơi, như thế thì nó bị thương.

Nói đến đấy, Điệp bưng mặt nức nở không ra tiếng, Lan cảm động quá, quay đi, lấy vạt áo chùi nước mắt. Một lúc Điệp ngẩng đầu, hỏi Lan:

– Cô có giận tôi không?

Lan lại cố nghiêm nói:

– Tôi cũng không có quyền.

– Tôi không thể yêu được ai nữa, tâm hồn tôi đã gởi cô từ lâu rồi.

Lan lắc đầu, nói:

– Tôi nào dám giữ?

Điệp càng thấy Lan nói mát, càng như đứt từng khúc ruột. Lan nói:

– Nếu cậu muốn yên thân, thì cậu nên kết duyên cùng Thúy Liễu.

– Tôi yên thân sao được, mà nếu lấy Thúy Liễu để được yên thân, sao tôi ích kỷ như thế được?

– Không phải là ích kỷ, vì cậu làm yên cả gia đình tôi. Cậu hy sinh chữ duyên mà báo đáp thày tôi ở chỗ đó. Rồi tôi quên cậu; tôi quên cậu rồi.

– Cô có thể tàn nhẫn với tôi thế được à?

– Tôi không lấy cậu nữa, cậu không kết duyên với Thúy Liễu mặc dầu.

Điệp thổn thức:

– Thế thì chỉ còn một mình tôi đi trên đường đời hiu quạnh, tôi sống với ai?

Lan vẫn lạnh lẽo cười lạt.

– Mặc kệ cậu.

Nghe câu nói như sét đánh ngang tai, Điệp trợn mắt lên nhìn Lan một cách giận dữ, khiến Lan tự nhiên đổi ngay ra nét mặt dịu dàng. Nhưng rất nhanh, Lan lại làm ngay nghiêm nghị mà nói một câu để nuôi cái giận dữ đã mất:

– Tôi mặc kệ cậu thật.

Nghe câu nhắc lại, Điệp như bị tiếng sét lần thứ hai mất cả tinh thần; chàng phải ôm lấy ngực, bỗng Lan không giấu được cảm tình thật nữa, thốt nhiên nức nở khóc:

– Nước mắt này của tôi bây giờ đối với cậu nó vô giá trị lắm, tôi không tội gì mà giữ nó nữa, tôi cứ cho nó tuôn hết ra.

Nhưng chỉ một tí thôi, Lan nín hẳn, lấy vạt áo chùi cho khô mắt. Điệp bị giọt lệ của Lan nói thấm đến tận đáy lòng, nhăn nhó, bứt rứt, nói:

– Cô Lan ơi! Từ hôm mười sáu tháng năm đến giờ, không ngày nào, không giờ nào, không phút nào là tôi không nghĩ đến cô. Óc tôi bị ái tình nó chiếm mất quá nửa, đến nỗi tôi chểnh mảng hết cả các công việc khác. Lúc nào tôi cũng hình như có cô ở trước mặt, mà những lời nói việc làm cũng đều nghĩ, như bị ảnh hưởng của bệnh tương tư. Nói tóm lại, tôi sống vì cô, tôi ước mong công danh cũng vì cô, mà trong trí tôi, cũng vì cô mà tôi có bao nhiêu ý định tốt đẹp về tương lai...

Lan đang nghe một cách cảm động, bỗng như tỉnh lại, sực nhớ đến điều gì, đứng phắt dậy vừa đi vừa quay lại, nói:

– Tôi cảm ơn cậu, nhưng cậu quên tôi đi, cậu đừng yêu tôi nữa. Thôi, từ nay...

Nói đến đấy, Lan thấy nghẹn lời, quay mặt đi rảo cẳng bước thẳng ra cửa, ra cổng, rồi về. Điệp đứng dậy trông theo, ngây người ra, không hiểu tại làm sao Lan dứt đứt câu chuyện một cách đột ngột thế.

Điệp không rõ bụng Lan với mình ra sao, sao lại có cái thái độ lạnh lùng nhưng chứa chan vẻ đằm thắm làm vậy? Lúc nghiêm, lúc khóc, vậy thì Lan có tin chàng mà thương hại tình cảnh chàng chăng?

Hay Lan nghe ông Chánh án mà giận dữ chàng? Nhưng giận hay thương, Điệp cũng không còn hy vọng gì nữa.

X

TẤM LÒNG LAN VÀ ĐỒ HỒI MÔN THÚY LIỄU

Hôm sau là ngày đón dâu, ngày Điệp đón Thúy Liễu về làm vợ. Con đường nhỏ từ chợ Gỏi về làng Văn Ngoại, đã thấy phẳng phiu nhẵn nhụi như những hôm có quan Sứ về. Ở đầu cầu, bọn tuần đặt hương án bái vọng trên chiếc cổng chào, ngả nghiêng mấy ngọn cờ bay phấp phới, thấy cuộc nghênh tiếp trọng thể làm vậy, những bà đi chợ đều phải tấm tắc nói với nhau:

– Sung sướng chưa! Đó là đám cưới cậu Phán con cụ Cử lấy con gái cụ lớn Chánh án đấy.

Nguyên từ hôm Điệp bị mẹ mắng, ông Tú hắt hủi và Lan giận, thì cái tâm lý của chàng nó rối beng hơn thời cục nước Tàu, không bút nào tả cho thấu được. Rồi chàng lại bị ông Chánh án nhất định ép gả, hứa cáng đáng cho hết các khoản chi phí về việc cưới và dọa nếu không nghe thì lập tức có những việc xảy ra chẳng lành cho Điệp và cho ông Tú. Rồi ông Tú từ chối không gả Lan cho nữa, nên Điệp cũng đành như đời mình bỏ đi thôi thì ai bảo sao nghe vậy, chứ không suy xét nghĩ ngợi gì nữa. Điệp nếu không gọi được là chết dở, thì cũng là điên là cuồng mất rồi. Nhưng không bao giờ Điệp quên ông Tú, thỉnh thoảng chàng lại tự an ủi mà nghĩ rằng:

"Mình hy sinh hạnh phúc để trả nghĩa ông Tú vì nếu mình lấy Lan, thì ông Tú sẽ bị hại".

Điệp về nhà, thấy nhà rộn rịp, kẻ ra người vào tấp nập, cỗ bàn linh đình, khách khứa vui vẻ. Chàng gượng ra chào hỏi mọi người,

song mặt ngây ngô thờ thẫn, có lúc chàng không trả lời một câu của khách hỏi, có khi chàng đáp một câu người ta hỏi từ bao giờ. Chàng chỉ muốn được một chỗ tĩnh mịch để nằm yên mà nghĩ lại cảnh đau đớn để khóc, nhưng ai cho chàng được đau đớn được khóc? Hồ được ngồi nghỉ ở trong buồng, hồ nghĩ đến Lan mà suối lệ sắp được tuôn trào ra cho đỡ tấm tức, chàng đã bị gọi ra nhà ngoài để gượng vui tiếp một bọn mới vào mừng, mà những câu chúc, những chuỗi cười, như đâm vào ruột chàng cho thêm tan tác! Suốt ngày, nào lời đoán sau này chàng sẽ đi tri huyện; nào lời chắc chàng sẽ giàu có, làm rạng vẻ cho dân làng; nào tiếng pháo nổ đùng, tạch, nào tiếng kỳ cạch giã giò; thì chàng tưởng tượng như Lan nỉ non khóc lóc, như thần lương tâm mắng diếc, mỉa mai, khiến cho chàng nghe mà khúc lòng tê tái.

Bỗng có thằng bé con gọi Điệp ra một chỗ, đưa cho bức thư, nói:

– Thưa cậu, cô Lan gửi cho cậu và dặn cậu cho cái gì để làm tin là đã đến tay cậu.

Điệp vội cầm lấy phong bì, thấy nặng, biết là bức thư dài lắm, nóng bóc ra, bèn móc túi định lấy bút chì biên nhận mấy chữ và hẹn Lan sẽ trả lời, nhưng trong túi chỉ có con dao tây sáu lưỡi móc lòng thòng vào đầu dây sắt, Điệp vội đưa cho nó cả dây lẫn dao, và dặn miệng một câu, rồi xé phong bì ra xem giấy.

Anh Điệp

Nếu ngày mai là ngày đáng mừng rỡ nhất đời của anh, thì em nên để anh được hoàn toàn vui vẻ, dám đâu làm rối ruột anh bằng mấy trang giấy này làm chi? Nhưng khốn nạn thân anh, vì em biết rằng anh khổ, vì em biết rằng anh cũng chết một nửa tấm lòng như em, nên em đưa anh bức thư này, em không hối hận chút nào cả. Vậy thì mấy lời của người quý anh, người thương anh, người yêu anh, chẳng qua nó cũng chỉ làm nẫu ruột nhầu gan anh như tiếng pháo mừng anh, như tiếng người chúc anh mà thôi.

Anh ơi, những như anh với em, thì có ngờ đâu là trên đường đời hiu quạnh, anh đi một đường, mà em đi một lối! Có ngờ đâu là ngày mai anh phải đi đón người bạn trăm năm không phải là em. Có ngờ đâu là anh em ta phải ly biệt một cách đau đớn!

Thôi thì người ta ra làm sao, chẳng qua là tại số của Trời định trước cả, ta nên nghĩ thế để nhẹ cái sức mạnh của sự ngược đãi của Tạo hóa mà gượng sống vậy, chứ biết làm thế nào?

Anh yêu em, em yêu anh, đôi ta vì cảnh ngộ mà yêu nhau, những tưởng một ngày kia được sum họp cùng nhau gây thành hạnh phúc, nhưng mà trời bắt, ta nên cam lòng, buồn cũng thế thôi, khóc cũng thế thôi, anh ạ.

Em tự biết, anh không nỡ đứt ruột mà nhìn cuộc ái tình tang thương, như thế anh được an ủi rồi, anh không nên vì em mà nghĩ ngợi nữa. Anh nên lấy lòng nhân từ mà coi Thúy Liễu là vợ, anh nên yêu Thúy Liễu như yêu em, nói tóm lại, vì cuộc nhân duyên mới của anh đã thành rồi, anh nên quên hẳn em đi, mà làm đầy đủ bổn phận người chồng cho gia đình có lạc thú vĩnh viễn.

Em xin nói thực cùng anh rằng tuy anh cùng em trăm năm chẳng vẹn, nhưng em cũng cho như thế là đủ rồi, anh đối với em thì kính yêu, em đối với anh thì một dạ, thế thì dù chẳng đã cưới xin như vợ chồng, nhưng về tinh thần cũng đã nên nghĩa. Cho nên em coi như tơ duyên trước vẫn lành, mà anh thì phải đi vắng xa. Bởi vậy, em không buồn tủi, thì anh chẳng nên khóc làm gì.

Khốn nạn, anh Điệp ơi, em vừa khuyên anh đừng nên khóc lóc, mà hay đâu nước mắt của em nó đã ràn rụa ra đây rồi. Thôi thì em cam chịu tội cùng anh, cho phép em khóc nốt một lúc nữa cho hả dạ vậy. Ừ mà tội gì không khóc, ta nên khóc cho hết nước mắt đi, cái nước mắt này cũng chỉ được phép vì anh mà tự do rỏ xuống có đến ngày hôm nay nữa là hết. Đến lúc này ta nên than thở cùng nhau cho thỏa lòng, kẻo mai đây, anh bước sang lối đi khác, anh lấy vợ khác, thì dù em có khóc chăng nữa, cũng chỉ một mình em biết mà thôi.

Anh ơi, mấy hôm nay em thấy đường sá họ sửa sang lại, họ vá đắp lại, ở đầu cầu họ bài trí đồ bái vọng, nhất là từ hôm qua, bên tai em nghe tràng pháo nổ, thì em như bị xé lòng, nghe tiếng giã giò, thì em như bị đâm ruột, suốt ngày em chỉ gục trên đống chăn mà khóc, chẳng thiết ăn ngủ gì cả. Em khóc không phải vì em buồn cho em đâu, anh ạ. Số phận em như thế là đành rồi, nhưng em chỉ thương anh mà thôi, vì em chắc rằng anh tưởng thày em và em giận anh lắm.

Không phải, không phải đâu, anh Điệp ạ. Thày em vờ giận dữ anh, mà em cũng bắt buộc phải hắt hủi cùng anh để cho anh khỏi bị hoạn nạn đấy thôi.

Em xin kể lại câu chuyện ấy.

Nguyên hôm ông Chánh án về nói chuyện anh, em đứng trong buồng, em nghe thấy hết cả. Ông ấy kể tội anh làm hại Thúy Liễu. Bà

nhà ta vả thày em thì không tin, nhưng đến khi ông ấy đưa cái giấy của anh viết cho con gái ông ấy, thì không ai còn bênh anh được chỗ nào nữa. Bà thì nổi giận, thày em thì thở dài, mà bụng em thì rối như mớ bòng bong, em thấy chán ngán vì anh quá, nên lúc ông Chánh án lên xe ra về, em không thể nào nhịn tủi thân, mà cầm được lệ.

Nhưng mà thày em hiểu rõ cả chuyện đấy anh ạ. Lúc thày em tiễn bà ra cổng thì vào ngay trong buồng em. Thày em thấy em đương gục mặt xuống giường mà thổn thức, thày em cũng mặc cho em được tự do đau đớn về anh, nghĩa là em đau đớn cho em nữa. Mà em biết rằng hẳn thày em cũng tha thứ cho em cái lúc rầu gan nẫu ruột này, cho nên em không cần giữ gìn giấu giếm gì, vì em cho rằng nước mắt của em tuôn ra một cách chánh đáng.

Một lúc, em gượng dậy, thày em gọi em lại mà bảo:

– Con ơi. Điệp nó phải lừa ông Chánh án thật đấy. Thày đoán cả chuyện rồi. Nó thực thà quá, nó không hiểu cái ý định sâu sắc của ông ấy từ lâu, nên đến bây giờ khó gỡ. Nếu nó nhất định khăng khăng vì nhà ta mà chối từ lời ông Chánh án, tất nó bị hoạn nạn, khổ một đời. Thày thương nó lắm. Thày không muốn nó vì mình đến nỗi bị vạ lây, con nghĩ sao?

Em nghe thày em nói, cảm động quá, lại bưng mặt khóc, không sao trả lời được. Thày em mới giảng nghĩa những nỗi anh mắc lừa cho em nghe, rồi đoán trước những việc xảy ra cho anh. Em càng thương anh. Nếu em cứ ích kỷ, nếu em cứ muốn cùng anh kết nghĩa trăm năm, thì anh sẽ bị hại một đời, âu là em quyết hy sinh hạnh phúc cho anh được sung sướng. Dù anh không được thật sung sướng, anh cũng không đến nỗi mắc vạ gió tai bay.

Em thương anh, em quý anh, em yêu anh, thì bao giờ em cũng thương, cũng quý, cũng yêu anh. Em định được việc này, em lấy làm hả dạ lắm, cho nên rồi thày em bảo em sang bên nhà, cốt gặp anh, và vờ làm cho anh mất hy vọng về em đi.

Nhưng khốn nạn, đứng trước cái ái tình nồng nàn, đằm thắm, cao thượng, cái ái tình nó ăn rễ đã sâu vào trong tim em, em thấy em nhu nhược quá, dù em cố làm ra mặt lạnh lẽo, nhưng có được đâu, bất giác cái giả dối nó làm em khổ tâm đến nỗi bật ra tiếng khóc.

Em cũng biết rằng anh không thương yêu Thúy Liễu mà bất đắc dĩ anh phải bạn cùng Thúy Liễu suốt đời, thì anh vui vẻ thế nào

được. Nhưng em xin anh một điều, một điều nó giúp nốt cho ý định của em được hoàn toàn, là anh quên em đi và yêu lấy Thúy Liễu. Anh nên hiểu rằng Thúy Liễu là vợ anh, anh phải vì bổn phận, vì lương tâm mà yêu Thúy Liễu: dù bây giờ ái tình chưa có, nhưng không nên vì một lẽ gì mà cứ nhớ đến em mãi được. Vì em chỉ là người yêu của anh có đến ngày hôm nay mà thôi, còn từ mai, em xin anh trả lại tấm lòng cho em, anh nên quên em đi, chứ nào anh có quyền nhớ em mãi được. Và nếu cứ vì có em đứng giữa, mà anh với Thúy Liễu hờ hững cùng nhau, thì em không muốn thế đâu, em không muốn thế đâu, em không ác được thế đâu.

Rồi đây, em chắc sẽ có người bạn trăm năm tốt như anh, anh đừng thương em nữa. Em sẽ quên anh để em làm đầy đủ bổn phận làm vợ người ấy.

Cứ kể ra thì cũng đau lòng đấy, anh nhỉ... Nhớ nhau mới khó, chứ quên nhau thì còn gì dễ hơn! Rồi ra anh cùng em có muốn gặp gỡ cũng chỉ mong họa là ở trong giấc mộng, nhưng biết có mộng thấy nhau hay không?

Đau đớn làm sao! Anh ơi! Em đã cố nói lảng ra chuyện khác mà lại nghĩ đến nỗi buồn. Em xin lỗi anh vậy, anh Điệp ơi! Đến đây em không thể cầm được nước mắt nữa. Ô hay! Sao từ hôm nọ đến nay, nước mắt em chảy ra nhiều quá lắm thế này, mà viết bức thư, em không ngờ tốn nó nhiều hơn mực!

Anh ơi! Lan hôm nay không được vui vẻ như Lan của anh hôm mười sáu tháng năm nữa đâu; Lan hôm nay không được đầy đà như Lan của anh hôm nọ nữa đâu anh ạ.

Tâm hồn em anh lấy mất cả rồi, mai anh mang nó đi thì em lấy gì em sống được, hở anh? Em chỉ có một tấm lòng yêu mà thôi, cái tấm lòng yêu ấy em đã để dành cho anh, em đã trao cho anh từ lâu thì còn có thể lấy lại thế nào mà yêu người khác được nữa; đời em chỉ có thể yêu được một người, đời em chỉ có thể yêu được một mình anh, em không thể nào phụ bụng anh mà chia xẻ cho người khác nữa! Ngán cho em mới 20 tuổi đầu, tấm lòng chưa sống mà đã chết! Anh Điệp ơi, anh yêu em làm gì, anh quý em làm gì, để đến nỗi ngày nay ruột em đau như cắt thế này, anh ơi!

Đến bây giờ em mới hiểu biết rằng ái tình nó làm cho người ta được sung sướng ít, nhưng phải cay đắng nhiều. Từ nay em quyết xa nó, coi nó như kẻ thù, không bao giờ em dám mơ màng đến nó nữa.

Em viết đến đây mà run tay. Thôi thì em cũng cố vài hàng chữ nữa để chúc anh chị được bách niên giai lão, và xin anh đừng nghĩ đến em.

Còn như em, tuy chẳng được làm vợ anh, nhưng em cũng xin phép anh nhận em là một người em gái thân yêu của anh vậy. Em gọi sẵn anh là anh ngay từ đầu bức thư này cũng là ý ấy. Rồi một đôi khi anh có về làng, xin anh cứ coi thầy em và em như trước bởi vì thầy em và em đều hiểu bụng thủy chung của anh, không hề trách giận anh một tí nào cả.

Thôi, em xin chào anh, và mong rằng anh sẽ vì em mà vui vẻ với Thúy Liễu; còn như em, nếu anh vướng vít ít tình cũ, thì em xin hò hẹn cùng anh đến kiếp sau.

Từ biệt anh,
NGUYỄN THỊ LAN

Điệp đọc xong thư, thần hồn phiêu động, tâm trí như bay như cuốn đi đâu, chàng nhìn lại nét chữ nhòe mà không cầm lòng đậu nữa. Nào chàng ngờ đâu ông Tú và Lan lại hy sinh cả sự sung sướng cho chàng được yên thân! Chàng như điên như dại, vào buồng trùm chăn, đọc kỹ bức thư một lượt nữa.

Rồi đọc đến hai lượt thì càng thấm thía, đến nỗi nhầu cả tờ giấy.

Điệp đang mơ mơ màng màng về mấy chỗ làm cho Lan đau lòng, và nghĩ trả lời, bỗng có người gọi chàng ra ký sổ trạm.

Người phu trạm đưa chàng một cái phong bì, chữ đề xấu quá, và rất lạ; bóc ra, chàng đoán mãi không biết là của ai vì không ký tên. Thư rằng:

Thưa Cậu,

Chúng tôi nghe tin cậu sắp lấy cô Thúy Liễu, chúng tôi rất lấy làm yên tâm, vậy có mấy lời mừng cậu và cô Thúy Liễu.

Nhưng chúng tôi có một điều không thể giấu cậu được, là nhờ cậu làm phúc trông nom chu toàn cho cái thai ở trong bụng cô Thúy Liễu, nếu sau này nó có được làm người, chúng tôi xin cậu lấy lòng nhân từ mà nuôi nấng nó cho tử tế thì chúng tôi lấy làm cảm ơn cậu vạn bội...

Đọc xong, Điệp choáng người, như bị cảm, run lên, lạnh toát cả chân tay! Rồi sợ ngã, chàng vừa nức nở khóc vừa chạy vào trong buồng, nằm đóng chặt cửa lại.

Rồi giữa trưa hôm sau, khi sáu chiếc ô tô ông Chánh án thuê để Điệp rước Thúy Liễu về đến nhà, mà yêu, mà quý, mà làm bạn trăm năm, thì chàng nghe tin Lan vừa mới bỏ nhà đi đâu mất! Chàng rụng rời chân tay, rú lên một tiếng, rồi ngã ngất xuống sân gạch.

XI

DUYÊN MỚI

Cưới xong, Điệp bàn với mẹ định cho Thúy Liễu ở nhà quê một tháng để đi lại các nơi họ hàng, nhưng ông Chánh án không nghe, lại bắt Điệp vào trong dinh ở gởi rể.

Điệp ở gởi rể, lấy làm bực dọc quá, nhất là không được lúc nào tự do mà xem lại bức thư của Lan để rỏ thêm vài giọt lệ khóc người yêu vì mình đến nỗi ngày xuân má hồng phai lạt. Điệp chỉ được nghĩ ngấm nghĩ ngầm đến Lan mà thương thầm khóc vụng mà thôi. Cái thư của Lan, chàng quý như mấy trang tuyệt mệnh, nên trân trọng giữ kín, gấp trong bìa quyển sách cũ cất tận dưới đáy hòm, chàng định trả lời Lan ngay chiều hôm ấy, nhưng mấy lần cầm bút, chưa viết mà nước mắt đã ràn rụa, kế đến tiếp bức thư sau, thì tâm hồn bối rối, không nghĩ ra được một chữ nào nữa. Đến bây giờ, bể thẳm non xa, mà bóng chim tăm cá, biết cố nhân ở những đâu đâu?

Điệp muốn rõ Lan đi đâu, nên đến chủ nhật, xin phép bố vợ về thăm nhà, nhưng chàng bị giữ lại để đi chào các người họ nhà vợ.

Điệp viết thư về thăm mẹ và thăm ông Tú, nhưng thư có đi mà tin không lại, chàng càng không hiểu ra sao. Có lần chàng được nghỉ lễ hai hôm, định về quê, nhưng ông Chánh án ngăn lại và bảo:

– Không cần, để đến Tết về một thể.

Điệp lấy làm đau lòng lắm. Thế là chàng được vợ thì mất mẹ, mà mẹ chàng mất cả con lẫn dâu! Chàng nghĩ thương mẹ thui thủi một mình những tưởng con đi làm thày Phán để trả nghĩa, gia đình được đoàn tụ vui vẻ, chứ có ngờ đâu đến nay mẹ chàng vẫn phải dâm ngược chạy xuôi, lo lắng vất vả, túng quẫn từng đồng xu, vậy mà con nghiễm nhiên đóng một vai công tử ở vào nơi tiền nghìn bạc vạn, coi của như rác, khinh người như mẻ!

Giá ai biết cái cách sinh hoạt của bà Cử khổ sở dường bao, lại thấy Điệp được sung sướng lịch sự như thế này, nay ô tô hòm kính đi chỗ nọ, mai xe lửa hạng ba đi chỗ kia, hầu người này, chào người khác, mà đến mẹ thì chẳng đoái hoài, ắt hẳn cho chàng là bất hiếu. Nhưng oan cho Điệp quá. Chàng ở đây, có chịu được những cái đài các đâu. Nhiều khi chàng thấy nó phiền phức, tục tĩu, khó chịu quá. Nhất là chàng bị ông Chánh án bắt mặc quần áo tây, chải đầu bóng và tập tành lối giao thiệp theo kiểu nhà quan, lại sáng sữa bò điểm tâm, chiều "phó mát" tráng miệng, chàng sực nghĩ đến mẹ bỏ nâu áo vải, phải lo chạy bữa gạo hôm sau, thì miếng đỉnh chung nuốt vào mà hai hàng lã chã. Lắm lúc chàng thèm thuồng cái cảnh nghèo túng thuở trước ở cạnh mẹ.

Điệp tự cho là khốn nạn nhất trong những người khốn nạn, Thúy Liễu đẩy Lan đi để tranh lấy địa vị mà chàng phải nhận là vợ. Ông Chánh án lừa chàng làm cho chàng cùng Lan phải chia uyên rẽ thúy, lại giết của chàng cả chữ hiếu lẫn chữ tình, mà chàng phải gọi là bố vợ! Đau đớn cho chàng nữa là Thúy Liễu có mang, đích thực có mang rồi! Hèn nào ông Chánh án chẳng cố ép chàng lấy Thúy Liễu, mà bỏ cả tiền bắt cưới ngay lập tức! Chàng căm hờn ông Chánh án khinh chàng không bằng con chó; con chó, đánh nó, nó còn biết kêu, chứ chàng đã mắc vào tròng là chịu chết mất ngáp. Vậy ra chàng hèn quá, nhục quá. Nghĩ đến nguồn cơn, chàng uất lên, rạo rực trong người chỉ mong thổ máu ra để được chết!

Nghĩ lại mấy dòng chữ nguệch ngoạc trong thư nặc danh thật là những mũi tên độc bắn vào trái tim chàng cho chàng thật chết. Mà thực, chàng chỉ sống về phần xác, còn phần hồn, Lan đã lấy đi từ lâu, nay lại mang nó đi đâu mất rồi, tìm đâu cho thấy nữa! Mà chàng còn muốn tìm nó về làm chi? Như thế chàng có sống cũng chỉ là sống gượng, chờ cho đến ngày thần chết làm phúc lia cho một nhát hái, để được vùi nốt cái đời thừa xuống đất cho xong nợ mà thôi. Ngày nào xem báo, chàng cũng để ý tìm kỹ xem có vụ trầm mình không. Nhưng chàng cho là nếu Lan quả thật chết, thì nàng hết khổ, hết đau trước chàng! Song chàng lại thương hại, chẳng hay hồn bạc mệnh bơ vơ nơi đất khách, nấm mồ vô chủ, có ai đắp điếm cho không? Chẳng biết Lan có được lên cảnh Bồng lai, hay lại thành ma đói ma khát! Chàng chỉ mong hỏi thăm người ta tìm được đến mả Lan mà lăn, mà than, mà gào, mà khóc, cho hết hơi đi, cho lả người đi, cho kiệt sức đi mà ôm khối tình theo người yêu xuống chín suối!

Bây giờ chàng phải bỏ Lan mà nhận lấy người vợ thừa của ai làm vợ mình, nhận lấy đứa con của ai làm con mình, chàng cho rằng nước đời sao lại éo le hiểm hóc đến như thế? Cái bức thư ấy, chàng cũng giữ kỹ và kín như bức thư của Lan, nhưng sống để bụng, thác mang đi, chàng quyết chôn chặt tận dưới đáy lòng, nhất định không hề thổ lộ tâm sự ấy cho ai biết hết. Trước chàng định dùng cái thư ấy làm khí giới để phá tan đám cưới, nhưng mà hở môi ra những thẹn thùng, thì thà cứ bí mật mà dò xét Thúy Liễu. Lắm lúc chàng nghĩ, nếu có phải Thúy Liễu hư thật, thì chàng cũng nên đại lượng mà thứ cho. Vì sự dại dột ấy là ở thời kỳ Thúy Liễu chưa thuộc về chàng, song chàng động nhìn thấy mặt vợ, thấy mặt bố vợ, thì cái lòng nhân từ quảng đại đã phải nhường ngay chỗ cho cái ghét, cái khinh, cái thù!

Những nguồn cơn thắc mắc ấy làm cho chàng phải đổi cả tâm tính. Suốt một tháng đầu, vì nghĩ ngợi, buồn bực, uất ức quá thành ra chàng sinh ít nói năng, mà soi vào gương đã thấy trên má vẽ rõ ra hai nét răn như người mếu. Thỉnh thoảng đêm thường trằn trọc chàng cố nhắm mắt đi để được nằm mộng thấy mẹ, thấy Lan và ông Tú, nhưng mà không gặp bao giờ.

Thường những buổi trưa, công việc ở tòa xong, Điệp hay lúi húi ở ngoài hiên vuốt ve mấy chậu hoa lan. Chàng yêu quý nó lắm, nên rất chăm bón xới, mà thường ở đây có lẽ chàng chỉ thân với mấy chậu lan ấy mà thôi. Buổi chiều, chàng lại thơ thẩn đi chơi một mình, hoặc đứng bên bờ sông nhìn dòng nước nao nao, hoặc đứng trước nghĩa địa ngắm nấm đất cao thấp. Chỉ có bờ sông, chỉ có nghĩa địa là chàng thấy hợp với cái tâm sự đen tối, u uất, lạnh lùng của chàng mà thôi, mà đối với cái cảnh nó du dương cơn sầu man mác, chàng thấy nhẹ nhàng dễ chịu lắm.

Một hôm chủ nhật, Điệp nhớ nhà quá, buổi chiều tỉa lan xong, mới vơ vẩn đi ra chơi chỗ mọi khi. Một dải sương trắng đục ngùi ngùi bốc lên cạnh rặng tre gió bấc căm căm, vi vút thổi như rên rỉ trong tầng lá, chàng nhìn về đằng đông, chỗ phía làng Văn Ngoại, mây trời mù mịt, cảnh tình khơi nhắc tấm lòng thần hôn. Chàng đứng thừ đến tận lúc tối sập mới trở ra về, thì đi nửa đường, chàng gặp ngay người lý trưởng ở quê chàng lên tỉnh có việc.

Thôi thì mừng mừng tủi tủi, chẳng thân cũng như được sống lại, khác nào như cây cỏ đại hạn gặp tuần mưa! Từ ngày lấy vợ, đến tận hôm nay chàng mới thấy mặt một người mà chàng không ghét nên chàng giữ lại đứng bên gốc cây, nói chuyện mãi không muốn dứt.

Chàng hỏi thăm tin nhà, biết mẹ và ông Tú vẫn bình yên, lấy làm mừng lắm. Rồi người lý trưởng lắc đầu, ngậm ngùi nói:

– Bà thì ế hàng lắm, cậu ạ, mà cứ hỏi thăm hôm nào là chủ nhật, thì bà lại nghỉ buổi chợ, vì bà cứ tưởng cậu về chơi. Ông Tú vẫn đi lại đằng nhà thân như trước, nhưng từ ngày cô Lan bỏ nhà mà đi, ông Tú buồn quá. Bà cũng ngơ ngẩn cả người, nhất là mong cậu về mà không thấy. Mấy hôm đầu, ông Tú phát ốm, nhưng rồi ông cố gượng đi tìm cô Lan, song dò la mãi cũng chẳng thấy tin tức gì cả. Có người đoán cô phẫn chí mà đi tự tử, có người đoán cô cắt tóc đi tu rồi, nhưng không lấy gì làm đích xác.

Điệp ngẩn ra nghe, trong bụng nao nao; cái hình ảnh Lan, cái nỗi khổ tâm của mẹ chàng và ông Tú lại như diễn ra trước mắt, chàng thở dài. Người lý trưởng nói tiếp:

– Nhưng mãi đến hôm kia, có người đến chơi với ông Tú nói chuyện rằng trong cái chùa gì về vùng Bắc Giang, mới có người con gái đến xin ở được một tháng. Ông Tú lập tức đến tận nơi, hỏi thăm những người trong chùa, thì không biết có phải cô Lan hay không vì không được giáp mặt, nhưng cứ như người ta tả hình dung, thì đích là cô Lan, không còn sai nữa, song chỉ còn ngợ một điều là sao cô Lan mà người ta lại bảo đến ba mươi tuổi, và hay cầm con dao tây sáu lưỡi có cái dây sắt để khóc. Phải, cô Lan đâu lại già thế, mà ông Tú bảo cô ấy làm gì có con dao ấy bao giờ?

Điệp cảm động quá, không thể cầm được nước mắt, nức nở, khóc, nói:

– Đích là Lan rồi! Trời ơi! Thảm thiết thế này ư!

Người lý trưởng tìm lời an ủi Điệp rồi hỏi:

– Sao cậu mợ không đón bà lên đây mà ở cho vui có được không?

Câu nói vô tình Điệp nghe như thắt ruột, bèn chẳng giấu giếm gì, chàng kể cả cho người làng nghe cái cách cư xử của ông Chánh án, nhưng dặn giấu đừng nói với mẹ. Chuyện trò được một lúc nữa thì kèn tám giờ nổi hiệu làm cho Điệp sực nhớ ra phải về ăn cơm, chàng bèn hỏi thăm chỗ trọ của người lý trưởng để hôm sau ra chơi. Người ấy dặn Điệp và bảo:

– Cậu có gởi tiền về đỡ bà, thì đưa tôi mang cho một thể.

Lại như bị một phát đạn đưa thẳng vào trái tim, Điệp lặng đi không trả lời được nữa.

Chàng lấy làm xấu hổ, nhục nhã với người lý trưởng quá, vì chàng lĩnh lương về, có được giữ đồng tiền nào đâu! Được bao nhiêu, Thúy Liễu lấy mất cả rồi, mà hàng ngày tiêu vặt, chàng vẫn phải ngửa tay xin vợ! Hiện nay trong túi chàng không có được một trinh! Chàng vẫn định cuối tháng này thì gởi tiền về nhà, nhưng cái tập giấy bạc mà nhà nước trả công cho chàng, thì bố vợ chàng đã giữ nghiến lấy mà đưa cho vợ chàng mất rồi, như thế biết Thúy Liễu có để cho chàng cái gì mà phụng dưỡng mẹ chàng hay không? Nhưng nhất định chốc nữa chàng bảo vợ đưa hai chục bạc để cho đem về biếu mẹ trước.

Điệp đi chơi lâu, cả nhà phải chờ cơm, ông Chánh án giận lắm. Từ hôm cưới, ông thấy con rể lạnh lùng, ra ý khinh khỉnh, thì đâm ra ghét, nên Điệp muốn gì ông cũng không cho bao giờ, nhất là Điệp xin về nhà quê, thì ông lại càng không muốn cho phép, vì đã khỏe lãnh đạm với nhà vợ thì ông không để Điệp đằm thắm với mẹ đẻ cho bõ hờn.

Lần này thì ông Chánh án không nhịn như mọi bận nữa; ông mắng chàng thậm tệ. Điệp vừa mới gặp một người làng âu yếm, vừa mới được nghe mấy cái tin xé ruột xé gan của những người thân, nay bước vào cái gia đình rặt những kẻ thù mà chàng bị hắt hủi khinh bỉ, nên chàng không chịu, bèn giở giọng cãi bướng. Ông Chánh án đỏ mặt tía tai, cởi phừn phựt cả tràng khuy áo "gilê" ra rồi đập bàn đập ghế để gắt. Bà Chánh án thấy chồng thịnh nộ, lại thấy con rể hỗn hào, cũng tức tốc ra mắng nhiếc Điệp, rồi xói móc những là con nhà hèn mọn được nương tựa cửa quan mà vô lễ vô phép; những là bất nhân bạc bẽo, toàn học thói sở khanh để đền lại cái nghĩa nặng ân sâu; Thúy Liễu thấy ầm ầm sợ tai tiếng ra đến ngoài, bèn lôi chồng vào buồng, rồi nguýt một cái, đóng cửa lại, và gây sự để bênh cha mẹ. Điệp bị cả nhà xâu xúm bắt nạt, tức mình quá, thành ra hai vợ chồng cãi nhau một trận rất kịch liệt. Thôi! Thế là xếp cả chuyện bảo vợ đưa tiền!

Chỉ có lần này cãi nhau Điệp mới phải nói với Thúy Liễu lâu và nhiều nhất, còn mọi ngày hai vợ chồng ấy rất lãnh đạm với nhau.

Từ ngày Điệp biết Thúy Liễu có mang, thì chàng không hề nói lộ với ai cả; đến ngay như Thúy Liễu, chàng cũng không cho hiểu rằng mình đã rõ đến tận tủy, tận xương, chàng chịu cắn răng buồn khổ một mình để dò xét xem Thúy Liễu chửa với ai. Vì vậy chàng đối với

Thúy Liễu vẫn như thường, không tỏ ra một ý gì là ngờ vực, nhưng cứ đến tối, thì chàng định bụng không cho Thúy Liễu được gặp trước khi đi ngủ bao giờ.

Tối nào Điệp cũng giả vờ xem sách hoặc bận bịu công việc ở nhà ngoài đến tận khuya, liệu chừng Thúy Liễu ngủ rồi, chàng mới vào buồng, mà động đặt mình là giả cách ngủ ngay lập tức. Cũng có hôm Thúy Liễu thức khuya chờ chồng, nhưng ít khi thôi, vì Thúy Liễu chịu ăn chịu ngủ lắm, mà gặp phải cái đêm bất ngờ ấy, thì Điệp nhăn nhó kêu đau bụng, hoặc ôm đầu kêu rức, rồi nằm xuống ngáy khò khò.

Thấy cái thái độ lạ lùng của chồng, Thúy Liễu không hiểu ra sao, nhưng chắc lấy làm khó chịu lắm. Hẳn Thúy Liễu cũng có thể đoán phỏng được là chồng biết cái tội mình, nhưng chẳng lẽ lạy ông tôi ở bụi này, ngượng quá!

Nhưng mà, một tháng, rồi hai tháng, rồi lại đến ba tháng, tuy Thúy Liễu chẳng lạy ông tôi ở bụi này, nhưng cái thai nó cứ lạy ông tôi ở "bụng" này, mỗi ngày một rõ. Thấy cái bụng căng thì Điệp đối với vợ càng tủi, càng nhục, càng căm, càng hờn, mà Thúy Liễu cũng đối với chồng càng căm, càng hờn, càng tủi, càng nhục. Cứ thế rồi hai người thành ra ngấm ngầm mà chán nhau, mà ghét nhau, mà thù nhau. Chứ người ngoài thấy vợ Điệp có mang, thì họ mừng và khen:

– Mợ ấy mắn lắm nhỉ!

Nhưng ai rõ chuyện hơn lại thì thào:

– Cậu mợ ấy đi lại với nhau từ ngày quan còn ở phủ kia mà!

Bà Cử ở nhà chờ con về, hết chủ nhật này sang chủ nhật khác, nhưng phương trời thăm thẳm, thư thường tới người không thấy tới, nỗi nhớ nhung như hun đúc tấm can tràng. Song Điệp được đi làm, được ở trong dinh với ông Chánh án, được ông dạy bảo bênh vực cho, thì bà rất yên lòng mà chịu một mình ở nhà làm ăn vất vả.

Hôm ba mươi tết, là ngày Điệp báo tin được nghỉ sẽ về, bà dậy từ tan canh, mong mỏi từng phút. Bà chờ cơm sáng đến tận giữa trưa; không thấy con và dâu về, bà nóng ruột quá nên ăn vội xong, bà cắp nón ra chợ Gỏi đứng ở gốc đa, ngóng từng chuyến ô tô một.

Đến tận chiều sẩm, hai vợ chồng Điệp mới về tới nơi. Bà Cử mừng cuống lên, chạy ra xe đón và hớn hở xách va ly hộ. Bà thấy Điệp gầy gò hơn trước thì chỉ biết thương con làm lụng nhọc nhằn, nào bà có hay đâu rằng Điệp đã phải đầy đọa tâm hồn nên xác thịt phải kém sút. Bà

lại thấy con dâu có mang thì càng mừng, mừng rằng nhà có phúc được con độc sinh cháu đàn, nhưng nào biết đâu cái thai của Thúy Liễu chỉ là vốn riêng của nàng đem về nhà chồng làm của hồi môn!

Thúy Liễu đã chán chồng, đã ghét chồng, đã thù chồng, nay lại trông thấy mẹ chồng nhà quê quá, ăn mặc như con vú, thì lại xấu hổ. Cho nên vừa bước chân xuống xe ô tô, Thúy Liễu thấy một người tồi tàn chạy ra đón mà mình phải chào là đẻ, thì phải phát ngượng với khách qua đường.

Hai tình đã khác nhau, mà hai cảnh lại tương phản, nên Thúy Liễu khó chịu bội phần, nhất là mẹ chồng ăn nói hỏi han những câu cục mịch, thì cái tính khinh người là cái tính thông thường của phần nhiều các vị tiểu thư, Thúy Liễu lại đem về mà điểm vào tinh thần những câu đối đáp với bà Cử.

Thúy Liễu phải đi bộ từ chỗ xuống xe đến tận nhà, tuy không xa, nhưng lấy làm bực dọc quá. Tới nơi, nàng vào trong nhà, lại càng thấy chán ngán. Hôm cưới, lạ nước lạ non, nàng không dám nhận kỹ từng tí, vả những đồ đạc, thức trang hoàng, mượn đâu phải trả đấy, nay chỉ còn trơ xác nhà tranh lụp xụp, trong kê vài cái phản khổ mà thôi! Thúy Liễu ở nhà ngói quen đi rồi, nay chịu thế nào được? Nàng tủi thân, sao mình con nhà quan giàu có, sang trọng hẳn hoi, mà lúc xuất giá thì chồng chẳng ra chồng, mẹ chồng chẳng ra mẹ chồng, đến cái nhà ở cũng tiều tụy xiêu nát làm vậy! Cử nhân mà làm gì! Thông phán mà làm gì! Rõ có tiếng mà không có miếng! Mà cực quá, cái tiếng ấy đã to gì bằng ai!

Mặt khó đăm đăm, Thúy Liễu ngồi hai tay bó giò mớm ở trên phản mà nhìn mẹ chồng, Điệp biết ý vợ, càng thấy chướng mắt và đâm ghét! Bà Cử có hiểu đâu! Bà ở dưới bếp dọn cơm, xào xáo lại những món bà sắp sẵn từ buổi sáng. Những thức ngon thức lạ, bà để dành, vì bà quý con quý dâu, nhưng Thúy Liễu có dám dúng đũa vào đâu, chẳng biết đồ ăn có được sạch sẽ hay không mà cái mâm cái bát sao nó luộm thuộm quá!

Ăn xong, Thúy Liễu phải múc nước rửa mặt lấy, vì không có đầy tớ mà sai! Rồi những bà cô, ông cậu, ông chú, bà bác, cùng những họ hàng xa gần, thấy vợ chồng Điệp về, ai nấy cũng vào chơi hỏi thăm. Thúy Liễu bất đắc dĩ phải tiếp lấy làm bực dọc quá, vì các ông bà ấy ăn mặc không ai ra hồn người! Một loạt đều quê kệch như mẹ chồng, nghĩa là như hạng đầy tớ, vú, bõ nhà nàng cả.

Độ tám giờ, khách khứa mới về. Tâm sự buồn tênh, Thúy Liễu bèn đứng ra cổng chơi để tiêu khiển. Nhưng mà trời tối đen như mực, bốn bề vắng tanh vắng ngắt, thỉnh thoảng mới có tiếng người, thì lại là tiếng om xòm chửi nhau về đòi nợ. Tết với nhất gì mà buồn khổ buồn sở thế này, pháo phiếc chả có, chỉ rặt thấy chó cắn nhau ran lên mà thôi! Nàng vào sân, đứng nhìn trong nhà, những ngắm mẹ chồng, chồng với đồ đạc mà thở dài thở vắn!

Điệp kê dọn lại giường thờ cho chỉnh đốn.

Bà Cử gọi mợ Phán vào để bàn bạc sửa mâm cơm cúng ngày hôm sau. Thấy Thúy Liễu trả lời dấm dẳn, bà không để ý, song Điệp bực mình lắm. Nhưng Thúy Liễu có phải vợ chàng đâu, mà chàng cần phải bắt bẻ dạy dỗ, khuyên bảo? Chàng coi chẳng qua cũng như cái bướu, cái gai, mà số chàng phải chịu đựng.

Sáng hôm mồng một tết, bà Cử đã đánh thức Thúy Liễu dậy từ tờ mờ sáng để xuống bếp làm cỗ cúng. Rét quá, sớm quá, Thúy Liễu còn ngái ngủ, nhưng chẳng dúng tay vào thì sai ai? Nàng lấy làm vất vả lắm!

Tết nhất nhà quê thật là tẻ ngắt. Chỉ có dăm ba bánh pháo ngắn quèn của vài nhà bên cạnh. Còn thì họ chỉ chúc nhau suông mà thôi! Chả bù với ngày hôm nay ở các phủ, huyện, từ sáng sớm đến chiều, trong dinh không mấy lúc ngớt tiếng pháo, mà xác pháo đỏ ngòm cả sân. Thúy Liễu đâm nhớ cảnh phú quý.

Phải bó buộc nhiều cái không chịu nổi, đến ngay trưa mồng một, Thúy Liễu sắp sửa đồ đạc, xin về tỉnh. Bà Cử ngẩn người ra vì nhớ con dâu, nhưng lưu lại thế nào nàng cũng nhất định nằng nặc đòi đi, Điệp mặc kệ cho Thúy Liễu tùy ý, vì chàng có muốn được gần vợ tí nào đâu! Thúy Liễu ở nhà, Điệp không có lúc nào được than thở riêng nỗi mình với mẹ cả.

Lúc Thúy Liễu xách va ly đi ra, bà Cử ngậm ngùi thở dài bảo:

– Thôi, để đến ngày mợ ở cữ thì đẻ lên chơi một thể.

Điệp được ở nhà một mình, mới kể lể với mẹ cách cư xử của nhà vợ, và vợ, nhưng vẫn giấu việc Thúy Liễu có mang, vì chàng chắc nếu mẹ được tin ấy, thì không khéo bà nghĩ ngợi héo hon dần mà chết mất, cho nên thà một mình phải nuốt đắng ngậm cay còn hơn.. Bà Cử khuyên Điệp nên ăn ở với ông Chánh án cho phải đạo, vì ông vừa là ân nhân, vừa là bố vợ, lại vừa là quan thày, không nên bướng bỉnh mà ông phải để tâm buồn bực.

Hỏi về Lan, Điệp biết rằng hiện Lan ở chùa Phương Thành thuộc tỉnh Bắc Giang, từ ga Kép đi vào ước chừng độ năm cây số. Lan nhất định đi tu suốt đời, mà nội người nhà đến thăm Lan không nhận tiếp ai cả, hai lần ông Tú và bà Cử đến tận nơi, nhưng Lan tránh mặt không ra, lại dặn những người trong chùa nói dối là không có.

Trong mấy ngày nghỉ ở nhà, Điệp có sang ông Tú vài lần. Nhưng nhà ông Tú vắng Lan, nó như cái nhà không hồn, cái nhà có người chết lạnh lẽo vậy. Chán ngắt! Trông ông Tú lúc nào cũng ngơ ngẩn buồn rầu và có vẻ già hơn trước, thì Điệp lại nhớ Lan. Nhất là chàng nhìn lại chỗ cột hiên mọi bận Lan đứng trông chàng, trong buồng mọi bận Lan ngấp nghé ra, thằng Xuân, em bé Lan, thì không có Lan mà tết này mặc áo cũ, cái cơi trầu, cái hộp lược, đến nay không có ai người chủ trương. Nhưng từng ấy cái chưa làm cho chàng đau lòng lắm bằng cái ảnh Lan! Chàng liếc nhìn lên ảnh, tinh thần còn đậm, nhan sắc đương tươi, lại nhắc cho chàng nhớ tới xiết bao ân tình. Cứ động chàng thấy mặt Lan ở ảnh thì như bị lay động lớp sóng lòng nhưng chàng cứ thích đưa mắt lên, để được ôn lại những cái kỷ niệm của thời kỳ dĩ vãng đáng tiếc.

Chiều mồng ba tết Điệp phải từ giã mẹ và phải chào ông Tú lên tỉnh làm việc.

Đang ở vào giữa cảnh gia đình xiết bao thân yêu âu yếm, chàng từ nay lại phải trông thấy những mặt hằn thù, sinh ra chán nản công việc.

Đối với Thúy Liễu, chàng vẫn lãnh đạm như ngày chưa cưới. Có chồng mà cũng như không, không chồng mà cái bụng mỗi ngày một nghễu nghện, Thúy Liễu không chịu được đau khổ, một hôm nàng kể lể hết với mẹ rồi khóc.

Vốn trước ông bà Chánh án biết là cô con gái quý có mang, nên cho Điệp vào ngủ với Thúy Liễu và vội ép gả cho chàng để che mắt thế gian và lừa chàng, tưởng công việc thế là êm, là hết bổn phận làm cha mẹ, chứ có ngờ đâu. Điệp lại tinh quái đến thế này, nên căm tức lắm, mới gọi chàng ra mắng một trận tàn nhẫn.

Điệp không cãi mà cũng không nói lại nủa điều, cứ coi như những lời thừa vô ích cho cái bụng dạ sắt đá! Rồi hết sẵng đến ngọt, bà Chánh án dỗ:

– Cậu mợ chỉ là yêu quý anh, nên mới ép gả chị ấy cho anh, chớ cậu mợ có ngờ đâu là chị ấy lại hư đốn như thế. Thôi thì anh cũng nên coi như số phận của anh nó thế, mà nhận lấy đứa con. Anh nên nghĩ lại cái công cậu tác thành cho anh, mà không nên trái ý cậu mợ. Cậu mợ định rồi cho anh hai cái nhà ở Hà Nội, anh không nên bỏ lỡ dịp may.

Điệp nói:

– Con nào dám trái ý cậu mợ. Cậu mợ gả vợ cho con, thì con lấy, cậu mợ bắt con nhận cái thai, con nào dám chối từ. Từ trước tới nay, có vợ con làm chứng đó, con có hề nói đi nói lại một lời nào về chuyện ấy đâu? Mà con cũng sống để bụng, chết mang đi, chứ không dám than thở cùng ai cả. Hai cái nhà ở Hà Nội, nếu cậu mợ cho vợ chồng con, thì con xin lĩnh, bởi vì ngày sau con cũng cho cháu, chứ chắc gì con được ở ngày nào!

Bà Chánh án thấy con rể nói những câu sâu sắc, lại tức lắm nhưng cố nhịn:

– Vậy thì anh phải đi lại hỏi han chị ấy, chứ sao lại thờ ơ như thế? Hay có đứa nào nó xui xiểm gì anh mà anh nghe nó chăng?

– Bẩm cậu mợ, chẳng có ai xui xiểm gì con cả. Tự nhiên ý nghĩ con nó khiến ra như thế mà thôi.

Vừa nói xong, bỗng Thúy Liễu ở trong buồng chạy ra, tay cầm cái giấy, quăng vào mặt Điệp đùng đùng nói:

– Thảo nào! Cậu giết tôi vì cái giấy này đây. Trời ơi!

Nói rồi, bù lu bù loa khóc.

Điệp giật mình, tưởng Thúy Liễu tìm thấy thư nặc danh kia, hóa không phải, chàng nhìn kỹ thì ra bức thư của Lan. Thúy Liễu khóc:

– Bẩm cậu mợ, ngay từ ngày cưới con, con thấy nhà con đối với con khác, cho nên con vẫn đăm nghĩ, chắc hẳn bị đứa nào cám dỗ. Thì đây, con lục hòm, thấy cái giấy này của con đĩ Lan. Con khổ lắm!

Rồi nàng vừa gào vừa khóc:

– Con đĩ Lan! Mày làm hại bà!

Điệp lặng người không nói được lời nào nữa. Ông Chánh án cầm thư lên đọc cho cả nhà nghe. Mỗi tiếng trong thư, lại như nhắc Điệp nhớ lại người xưa; Điệp sợ phát ra tiếng khóc, bèn đứng phắt dậy đi ra. Ông Chánh án, sắc giận ngầu ngầu trên mặt, gọi giật Điệp lại, nhưng chàng không quay cổ, cứ đi vào buồng nằm.

Một lúc Điệp thấy đùng đùng ở ngoài sân những tiếng chậu vỡ kêu loảng xoảng. Thì ra cơn ghen Thúy Liễu nổi lên, cô sư tử chẳng nể tay mà đập phá, hết cả những chậu lan đang nở hoa ở thềm nhà. Nhưng Thúy Liễu vẫn chưa hả cơn tam bành, còn lấy dao băm nhỏ hết các giò lan, xé tan xé nát cái thư ra, rồi buộc cả lại mà treo ở cửa buồng, để ra vào thì lấy cái roi quất một cái và chửi rủa:

– Đồ đĩ, cướp chồng bà!

Hơn tháng trời, Điệp phải giày vò cực nhục nên mối thù càng to, Điệp quyết việc ly dị với Thúy Liễu.

Về phần cha mẹ vợ và Thúy Liễu cũng muốn nhân cái cớ ấy để Thúy Liễu ly dị chồng, nhưng chưa lúc nào được cái thư mới của Lan. Song ông bà vẫn xui Thúy Liễu kiếm chuyện sinh sự lôi thôi với Điệp để kiện nhau, khép luật cho dễ.

Một việc mà hai bên cùng muốn làm thì tuy không bảo nhau, nhưng cũng dễ thành lắm, nên chẳng bao lâu, trên bàn giấy tòa án, Điệp đã trông thấy một lá đơn kiện chồng tình phụ của Thúy Liễu đệ lên ông Chánh án.

Nhưng Điệp vẫn lãnh đạm như không, khẳng khái nói với bố vợ:

– Bẩm cậu, con tưởng việc này chẳng phải xét xử lôi thôi cho mang tiếng với đời, con xin làm giấy cho vợ con đi lấy chồng là êm chuyện.

Ông Chánh án thấy Điệp khinh mạn, căm tức lắm không đáp; mà Điệp nói được câu ấy, thì lấy làm mát ruột mát gan.

Đến tối, sau một trận cãi nhau kịch liệt với bố mẹ vợ và vợ, Điệp lục hòm, lấy bức thư nặc danh bỏ vào túi, viết một cái giấy cho Thúy Liễu ly dị, rồi gói ghém quần áo nhất định ra đi, bỏ cả việc làm, bỏ cha mẹ vợ, bỏ cả vợ, bỏ cả cái thai trong bụng vợ.

Nhưng mà ngày mới vào ở trong dinh, Điệp trân trọng cất kỹ hai bức thư, nay ở trong dinh ra, chàng chỉ còn lấy ra được một bức. Mấy trang giấy của Lan, viết bằng nước mắt và máu, chàng chỉ còn giữ được có thế để làm ghi tích tấm lòng của Lan thì đã bị Thúy Liễu xé dừ xé vụn vất vào đống rác với bó lan băm nhỏ mất rồi!

Thôi, nhưng mà được ly dị cùng Thúy Liễu, được ra khỏi cái gia đình đã giết chữ tình chữ hiếu của chàng, được khuất mặt những người đã đang tâm chia rẽ mối nhân duyên của chàng cùng Lan, đã dập tắt lửa lòng của đôi lứa thiếu niên tình sâu nghĩa nặng, Điệp thấy nhẹ nhàng khoan khoái như người tù tội được thoát ngục, như cây trong tối được thấy bóng mặt trời.

Điệp đáp xe lửa đêm về Hà Nội, rồi sáng hôm sau chàng không về nhà vội, nhưng lấy vé đi ga Kép, để đến chùa Phương Thành tìm Lan. Xiết bao tâm sự ngót một năm trời nó uất ức trong lòng bấy nay, Điệp không có người nào mà thổ lộ. Bây giờ đi tìm Lan, tìm Lan ngay vào lúc cái tâm sự ấy còn mới mẻ nguyên vẹn thì được gặp Lan, Điệp sung sướng vì chàng sẽ tha hồ mà kể lể nỗi duyên mới, mà than thở mối tình xưa...

XII

TÌNH XƯA

Ngót năm tháng trời nay, nào Điệp đi cưới Thúy Liễu, nào Điệp đi làm mỗi ngày hai buổi, kể sự đi thì đến mấy trăm mấy nghìn lần, nhưng chưa lần nào chàng đi hăm hở như lần này.

Điệp ngồi xe lửa, tính từng ga, mong từng phút, bên lòng chan chứa biết bao nhiêu hy vọng, khác nào như người ly biệt quê hương vài chục năm, đến nay được về nơi chôn rau cắt rốn.

Đến ga Kép, Điệp xuống. Nước non tuy lạ cảnh lạ người, nhưng là nơi có chùa Phương Thành, là nơi Lan đã từng in vết chân để đến một chỗ mà chôn chặt nỗi niềm riêng, là nơi mà Lan định gởi thân nương bóng cho qua một đời, vì không được mãn nguyện về chữ duyên cùng chàng. Điệp thấy thích mắt thân yêu quá. Những quả đồi, những ngọn núi, tuy vô hồn, nhưng đối với chàng nó như chan chứa vẻ tình thâm.

Theo con đường cái độ năm cây số. Điệp vừa rẽ sang bên trái, đã trông thấy nóc chùa xám xịt dưới chân đồi xanh xanh.

Điệp thẩn thức, đứng lại ngắm.

Bốn bề quạnh hiu, đàn chim xào xạc trên cây, nấp dưới bóng nắng buổi xuân tàn gay gắt. Làn mây trắng, vơ vẩn bay đi, làm hoen ố vùng trời xanh trong, lênh đênh như đám bọt ngoài bể. Chiếc buồm nâu đè ngọn sóng biếc uể oải theo gió. Mùi thơm cỏ bay lên, cái mùi quê hương thân yêu làm chàng phảng phất như được về nhà.

Điệp lại hăm hở đi, rẽ xuống bờ ruộng con con bên tay phải thì đến cổng chùa.

Cổng chùa đóng kín, nhưng có cái dây thòng lòng xuống để giật chuông gọi mở cửa. Chàng đứng đó cảm động, trống ngực thình thình, giơ tay lên với lấy dây.

Nhưng trước khi gặp Lan để nói chuyện, chàng muốn đi dạo quanh chùa để được xem xét cho kỹ chỗ Lan ở đã, kẻo mấy khi lại lên đây làm gì, vì chàng định bụng kể chuyện mình đã ly dị cùng Thúy Liễu và yêu cầu Lan nghĩ lại mà về nhà để chắp nối mối tình xưa.

Chùa có hàng rào tre non bao bọc, rậm và kín lắm. Điệp nhìn vào trong, thấy vắng vẻ quá. Sân trước rêu cỏ mọc xanh rì, cửa chùa đóng kín mít. Đến mé sau, chàng thấy một cái nhà lá, có lẽ là chỗ ở của vị sư, nên chàng cố ý lắng tai nghe, nhưng vắng tanh vắng ngắt không có một tiếng động. Chàng thương hại Lan mọi ngày vui tính, đến nay sao nàng chịu được cái cảnh buồn bã như thế này, chàng đứng dừng lại mười lăm phút, nhưng vẫn không thấy một tiếng gì. Chàng lại lò dò theo hàng rào đi một tí nữa, thì đến cái cổng chống, nhưng cũng đóng. Mấy con chó trong chùa thấy có người lạ thì sủa vang, chàng phải lánh ra ngoài ruộng xa, nhưng mắt vẫn cố lách nhìn vào khe lá tre để họa có thấy Lan đứng đó. Bỗng có một bà lão đi lại, đến trước mặt, và bảo chàng:

– Ông hỏi gì thì ra đằng cổng trước.

– Tôi hỏi thăm chú tiểu Lan?

– Chùa này rặt sư nữ, cụ tôi không cho ai là đàn ông vào ngày thường đâu. Mà chả có chú tiểu nào tên là Lan cả.

– Có, có chú tiểu Lan đấy.

– Tôi làm hộ chùa này bao nhiêu năm nay, tôi lại không biết hay sao?

– Thế thì bà làm ơn bảo tôi có một người con gái chừng hai mươi tuổi, xin vào tu ở đây hồi trong năm hay không?

Bà hộ mỉm miệng, như nghĩ đến một chuyện gì buồn cười, đáp:

– À, thế mà ông cứ hỏi chú Lan thì ai biết được!

Điệp mừng lắm, nói:

– Nhờ bà gọi hộ chú ấy ra, nói rằng có anh chú ấy tên là Điệp hỏi chú ấy.

Bà hộ ngạc nhiên nhìn Điệp:

– Tên chú ấy mới là Điệp chứ, sao ông lại bảo tên ông cũng là Điệp?

– Được, muốn tên là gì cũng được, bà cứ gọi chú ấy ra đây cho tôi.

Bà hộ lắc đầu:

– Ông nói như dễ lắm đấy. Có một lần ông gì nhận là đẻ ra chú ta đến, chú ta cũng không tiếp; lại có một lần nữa, bà gì trông giống ông, nhận là cô, chú ta cũng không ra nữa là ông! Mà chú ấy dặn giấu, sao hôm nay tự nhiên tôi buột mồm nói ra thế này!

Rồi bà hộ toan đi, nhưng Điệp nói:

– Không bà cứ nói tên Điệp, thế nào chú ấy cũng phải tiếp. Chú ấy giận thày tôi, giận cô tôi mà đi tu, nhưng chú ấy chỉ bảo riêng có một tôi thôi, cho nên...

Bà hộ cười, lắc đầu:

– Chú ấy chẳng giận ai cả. Chú ấy chỉ giận duyên nên mới nhờ vả cụ tôi, chứ ông nói dối sao tên chú ấy là Điệp, mà ông là anh chú ấy cũng tên là Điệp!

Điệp thấy đích thực lắm rồi, nằn nì nói:

– Chẳng nói giấu gì bà, chính là chú ấy vì chữ duyên không được vẹn cùng tôi, mới chán đời như thế, nên lấy tên tôi mà đi ở chùa.

– Sao chú ấy lại bảo tên người ấy là Vũ Khắc kia mà!

Điệp cảm động, vội vàng móc trong túi lấy cái khăn mùi xoa có thêu con bướm ra nói:

– Chính tên tôi là Vũ Khắc Điệp, nghĩa là con bướm. Đây bà trông.

Bà hộ cười:

– Hèn nào một hôm chú ấy bắt được con bướm, chết ở đầu nhà, mà chú ấy không nỡ vứt đi, mới ép vào quyển kinh; lúc khô, chú ấy để vào cái khung tre, làm như cái ảnh, treo ở đầu giường.

Điệp thổn thức, lạnh cả người. Bà hộ tiếp:

– Nhưng mà rồi cụ tôi tưởng chú ấy sát sinh, nên mắng mãi, và bắt chú ấy không được treo nữa.

– Thế bây giờ con bướm ấy đâu?

– Chú ấy khóc lóc mãi, nhưng phải nghe lời cụ tôi. Chú ấy bèn đào cái lỗ, bỏ xác con bướm vào một bao diêm, rồi chôn, chôn cả con dao tây sáu lưỡi của chú ấy thường cầm nữa.

– Tại sao chú ấy chôn con dao hở bà?

– Nào ai hiểu được, tôi chỉ biết rằng từ hôm chôn con bướm và con dao, thì chú ấy không hay khóc nữa, chứ trước kia, nhất là ngày chú ấy mới đến, thì chúng tôi phải đặt tên chú ấy là Hồ Lệ đấy! Vì cứ cả ngày loay hoay với con dao mà khóc.

– Thế chú ấy chôn ở đâu?

Bà hộ trỏ tay vào đầu nhà, nói:

– Kia, kìa, chỗ bên chậu Lan ấy.

Điệp cố cầm lại nước mắt mà dòm vào chỗ chậu cây, mà hỏi:

– Cái mô đất thấp kia, phải không bà?

– Không phải, cái cao mới là mả con bướm, còn cái thấp chú ấy chôn cành hoa Lan gẫy đấy.

Mỗi câu bà hộ nói là Điệp lại thêm đau lòng thương Lan. Bà hộ bảo:

– Có một hôm tôi hỏi tại sao chú ấy không chôn ngay con bướm vào chậu Lan, lại chôn hoa Lan bên cạnh con bướm thế?

– Chú ấy trả lời thế nào?

– Chú ấy khóc bảo: "Trời bắt thế". Chà! Nào ai hiểu được! Chú ấy cứ khóc luôn, mà nói chuyện với chú ấy thì buồn rưn rứt ấy!

– Chú ấy có đau ốm gì không hở bà?

– Có một tháng đầu, chú ấy ốm tưởng đã chết. Ngày nào cũng sốt mê mẩn, mà sốt nặng thế nào cũng không rời con dao ở trong tay ra! Một hôm chúng tôi bỡn, mới giấu dao đi, thì trời ơi! Chú ấy bù lu bù loa như cha chết, làm như điên như cuồng, đến nỗi cụ tôi phải mắng chúng tôi mãi.

– Chú ấy quý con dao sao lại đem chôn nó đi.

– Tại chú ấy bảo không muốn nom thấy nó nữa.

– Thế sao bà không đào lên lấy con dao ấy mà dùng?

– Ai lại chơi ác thế, trêu cho người ta khóc thì mình được ích gì? Vả ngày nào chú ấy không ra thăm một lượt.

– Chú ấy thăm vào lúc nào?

– Vào chính ngọ, vì chú ấy bảo là lúc chú ấy đã phải trông thấy một cảnh đau đớn nhất đời chú ấy.

Điệp ngẩn người, sực nhớ ra là lúc đám cưới mình đi đến đầu làng thì chuông đồng hồ nhà thờ làng bên cạnh vừa bắt đầu inh ỏi đánh. Hẳn là Lan đứng nhìn lũ xe ô tô thì đau khổ quá, nên mới

phẩn thân mà đi hẳn thôi. Nhưng Điệp bỗng nhớ rằng ông Tú nói chuyện Lan bỏ nhà lúc mười hai giờ, thì có lẽ Lan mới bắt đầu đi đã gặp đám cưới đến. Thế thì thương hại cho Lan quá! Hẳn là Lan muốn đi, để đoàn ô tô cưới đến nơi tránh được nỗi gai mắt, nhưng ngờ đâu Lan đi muộn quá. Điệp rơm rớm nước mắt hỏi bà hộ:

– Chú ấy có chăm chỉ làm lụng không, hở bà?

– Trước thì chú ấy buồn và khóc luôn, nhưng cụ tôi khuyên dỗ, và giảng giải mãi, bắt chú ấy học kinh: từ khi chú ấy chôn con dao và con bướm, chú ấy thôi không khóc nữa, mà chăm chỉ làm ăn. Cụ tôi yêu chú ấy lắm, chú ấy ăn ở tử tế quá, ông ạ. Thôi nhưng ông giữ tôi ở đây đến bao giờ?

– Khoan! Nhờ bà làm phúc nói với chú ấy rằng có một người tên là Điệp đến thăm chú ấy.

– Tôi chịu thôi, lỡ chú ấy giầy vò tôi thì làm thế nào, vì chú ấy dặn tôi giấu, nay tôi lại nói chuyện với ông, rồi chú ấy biết lại cho tôi là người bép xép. Chú ấy không tiếp ai đâu ông ạ.

– Nhưng chú ấy tiếp tôi, bởi vì chính tôi là người thân của chú ấy nhất đời!

– Thôi, tôi không nói đâu. Ông cứ ra cổng trước mà giật chuông, rồi tôi bảo chú ấy ra mở cổng, thì ông sẽ được gặp.

Điệp cảm ơn bà hộ, rồi đi, vừa đi vừa nghĩ nông nỗi mà quý bụng Lan bội phần! Chàng đến một chỗ trông rõ vào đằng trước cái nhà lá, thì thấy bóng một chú tiểu. Chàng cố nhìn vào, thấy chú tiểu ấy đang lúi húi khâu. Nhìn kỹ, bỗng chàng rụng rời, vì người ấy chính là Lan, song già, xanh và gầy hẳn đi! Bấy giờ chàng mới nghĩ ra là Lan ở chùa thì phải cạo trọc đầu, mà bịt cái khăn vuông nâu, và mặc quần áo nâu, đi đất, trông tiều tụy quá!

Điệp không cầm nổi được nước mắt! Sao mà cái nét mặt Lan lại buồn quá thế, mà thảm chưa, ai vẽ cho Lan hai nét răn trên má. Thôi, có lẽ Lan hay khóc lắm, nên hai má nó thành tật như vậy mất rồi! Điệp ngắm Lan mãi, càng ngắm càng giọt ngắn giọt dài. Bỗng có con chó xổ ra cắn, chàng phải chạy ra đằng cổng trước.

Điệp bâng khuâng ngồi ở cổng, nghĩ đến ái tình của Lan đối với mình lúc nào cũng đằm thắm mà tủi thân! Nào nàng ốm, nào nàng giữ mãi con dao mà khóc, nào nàng đặt tên là Điệp, nào nàng gìn giữ cái thân tàn của con bướm, đến lúc không được gần nó nữa thì không

nỡ vứt mà chôn cất tử tế và ngày nào cũng ra thăm, nào lại chôn cành hoa lan bên cạnh con bướm: những cách nàng làm biết bao ý vị thâm trầm, mà thương hại hay, cái tâm linh của nàng, chỉ một mình nàng biết! Lan thật là một người đáng yêu, đáng quý, đáng trọng của Điệp suốt đời. Nhưng Điệp lại nghĩ đến mình đối với Lan, cũng không đến nỗi xấu hổ, vì đã phụ bụng của người đáng yêu, đáng quý, đáng trọng. Sở dĩ chàng bỏ việc bỏ vợ, cũng vì Lan; chàng chỉ yêu một mình Lan; chàng không thể nhận ai là vợ được nữa. Chốc nữa, chàng giật chuông, Lan ra mở cổng, hai trái tim cùng nhau đập mạnh, mà hai mặt giáp nhau thì xiết bao tủi tủi, mừng mừng. Những nông nỗi đắng cay từng ấy tháng trời, chàng sẽ được kể hết ra, hẳn Lan cũng thấy hởi lòng mà thương chàng đã vì nàng mà hy sinh hai chữ phú quý. Lúc bấy giờ hẳn bốn dòng lụy sẽ cùng nhau mà rỏ những giọt nên thơ.

Điệp hăm hở như mở cờ trong bụng, đứng dậy ngẩng lên, tay sờ vào dây chuông. Lá liễu thướt tha, in vào cánh cổng mốc hoa những nét vẽ mềm mại, trông như bức rèm Nhật Bản.

Chàng vui sướng... Nhưng cái phút quyết định nghiêm trọng nó làm cho chàng động lòng, trống ngực thình thình, tay run rẩy:

"Này, mấy tiếng chuông này rung động nó sẽ làm cho rung động cả lòng ta!"

Điệp lại bỏ tay xuống:

"Lan mà ra đây, bất thình lình trông thấy ta! Việc không ngờ ấy có lẽ làm cho nàng mừng quá mà rú lên; ngất đi mất!"

Điệp lại bồi hồi, nắm phắt vào dây chuông toan giật:

"Lời nói đầu của ta là câu gì? Ta sẽ bảo ngay nàng là ta đã ly dị cùng Thúy Liễu. Song chỉ sợ nàng quá thương ta, không muốn làm rối sợi chỉ Tấn tơ Tần đang khăng khít của ta cùng lệnh ái quan Chánh án mà cũng không cho ta được gặp mặt".

Sắp giật thì Điệp ngừng lại, mỉm cười:

"Nhưng mà có lẽ ta thấy mặt nàng, nghẹn ngào không nói được nên lời nữa!"

Rồi Điệp co tay lên quyết định giật nhưng lại thôi, rồi thở dài:

"Cái tấm tình xưa của nàng gần nửa năm nay chôn chặt dưới đáy lòng, bị những tâm sự khác nó đè gí xuống; nay đào nó lên được chắc

khó, mà nàng cũng đau lòng lắm. Nhưng nàng sẽ vui vẻ được sống bằng cái đoạn đời cũ!"

Lan ở trong hiên ban nãy có trông thấy Điệp hay không? Trước Lan mải khâu, chẳng để ý đến gì cả, nhưng lúc thấy tiếng chó cắn, nàng mới đưa mắt nhìn ra.

Nàng trông theo người đội cái mũ trắng bị chó đuổi. Lúc rõ là Điệp, bỗng nàng giật nẩy mình, nhăn mặt, chân tay rủn ra như muốn ngã, mà lòng tê tái, trống ngực thình thình, nước mắt nước mũi ứa ra khắp mặt. Phải một phút như mất hồn, nàng vịn chặt lấy cái cột, nhắm nghiền mắt lại. Một lúc mở ra, nàng quay mặt đi, không dám trông ra phía hàng rào nữa. Rồi hai mắt trừng trừng nhìn trời, miệng lẩm bẩm đọc câu kinh, nàng đi từ từ đến phía góc nhà, chỗ có cái chuông gọi mắc dây ra cổng. Lúc ấy tâm sự dạt dào, nàng lẳng lặng một tay nắm lấy quả chuông, một tay cầm cái kéo giơ lên, cắt sợi dây đứt đánh phựt một cái, ngửa mặt lên để ngăn cho nước mắt đừng tràn ra nhưng trên má cũng vẫn thấy lóng lánh hai dòng lệ... Rồi như không còn hơi sức nữa, nàng buông phịch hai tay xuống thổn thức, ôm đầu chạy vụt vào buồng...

Trong khi ấy thì ở ngoài cổng, Điệp vẫn nắm lấy dây chuông, co tay lên định giật rõ mạnh. Nhưng bỗng chàng đờ tay, thẫn người ra nghĩ, rồi nét mặt ngùi ngùi... Tự nhiên hai dòng nước mắt lóng lánh bò xuống má, chàng thở dài:

Thôi, nhưng lửa lòng của Lan đã tắt, đã chôn ở nơi từ bi tĩnh mịch này rồi, ta gợi chi cái đống tro tàn cho thêm đau đớn?

Rồi buông phắt dây ra, chàng quả quyết đi rõ mạnh, không quay mặt lại nữa...

XIII

THẰNG VŨ

Mùa Đông. Bảy giờ tối. Một cái ôtô hòm kính theo đường quanh vào phủ, ngọn đèn pha sáng quắc như đưa một vùng ngọn chổi quét đến tận chân trời. Cánh cổng vòm mở toang, một chiếc xe xình xịch tiến vào, đến giữa sân nhà tư thì đỗ. Thằng Vũ quất như con cá mắm,

ở trong nhà chạy ra, hai tay thu trong bọc, hai hàm răng cầm cập, đứng giún giảy cạnh một tên lính cầm một chiếc đèn tây. Cửa xe mở, ba thằng bé con, quần áo tây, mũ đồng màu cánh chả, thoăn thoắt nhảy tót ra, ríu rít như đàn chim non, xúm quanh thằng Vũ mà kể lể chuyện trò; rồi đến một ông nhỏ nhắn, ước độ năm mươi tuổi, lủng lẳng cái thẻ bài ngà trước ngực, nhẹ nhàng bước xuống, và giơ tay vào trong níu một bà... Bà ấy trông to tướng trong bộ áo lót lông cừu, không gài khuy và cái khăn quàng đầu bằng len màu xám, lòe xòe, lệnh khệnh, dò dẫm mãi mới đặt được cái chân xuống bực, và vịn vào cánh cửa, rồi sợ vướng ngã, bà ấy kêu rầm lên soi đèn. Đèn đã giơ cao, bà ấy mới dám để nốt một cẳng nặng nề nữa vào bực xe, mé xe trĩu hẳn xuống, rồi bật lên, bà ấy đã xuống đến đất!

– Lạy thày ạ, lạy mẹ ạ.

Đáp lại tiếng chào có vẻ đậm đà, mừng rỡ của thằng Vũ, ông Phủ bà Phủ... không trả lời, mà cũng không nhìn nó. Rồi mọi người đi vào nhà tư, ông Phủ lên buồng giấy.

Trời rét lắm! Bà Phủ ngồi xếp bằng tròn trên sập gụ có giải đệm, xuýt xoa đắp kín áo vào chân đưa hai tay lên hơ trên cái hỏa lò than hồng. Một chốc bà mới tháo cái khăn quàng, rồi nhìn sang phản gian bên, bốn đứa trẻ đang xúm quanh ngọn đèn trò chuyện.

Bà Phủ năm nay mới ngoài ba mươi, nhưng bà cứ thích làm như bà cụ, bởi vì bà là bà lớn. Bà béo lắm, nhưng vì mới có việc phải lo nghĩ, nên bà sút đi mất bốn cân, chứ độ hai tháng nay, bà còn chê bà Bố Tuyên là không được bằng nửa bà, vị này chỉ được có ngót bốn mươi kilô thịt.

Bà trông sang chỗ lũ con, thấy thằng Vũ đang há hốc miệng ra nghe ba thằng bé khoe bộ áo mới, đôi giầy đẹp và các đồ chơi mới mua về! Bà nhìn, bà nhìn mãi thằng Vũ, rồi bỗng dưng nét mặt bà hầm hầm, như muốn cố tìm kiếm lấy được một câu gì để mắng. Bà gắt:

– Thằng Vũ! Mày không biết lấy giầy cho chúng nó thay à!

Thằng Vũ?

Hoàng Trần Vũ, ngay từ năm nó mới lên mười tuổi, nó đã sớm biết hơn các trẻ khác, vì nhờ trời, nó khổ hơn các trẻ cùng tuổi, tuy địa vị nó là con quan.

Thực vậy, nó là con ông Phủ Hoàng Xuân Long; nhưng mà ông quan hay ông dân thì cũng là người cả, nên ông Hoàng Xuân Long là cha

thằng Vũ, cũng có thể đối với thằng Vũ như những người cha ghét con khác. Thằng Vũ không được cha mẹ nó yêu như ba em nó, là thằng Hoàng Mạnh Ly, Hoàng Trọng Quy và Hoàng Quý Phượng. Mấy hôm nay cha thằng Vũ về nhà quê có kỵ ông nội nó. Cả nhà được theo về, duy một mình nó phải ở lại. Nó cũng muốn về, vì tính trẻ con thấy được đi thì thích, nhưng cha mẹ nó không bảo nó sắm sửa quần áo, nên nó không dám xin. Cái không dám đã là cái đặc tính của nó từ thuở nó biết nói, biết đòi, bởi vì nó xin cái gì cũng không được bao giờ, nó lại còn phải mắng phải đánh nữa. Cha mẹ nó bắt nó bày đình bày chùa cho các em nó chơi, vì không có nó chơi với các em nó, thì các em nó buồn. Đến mãi mãi không thuộc được hai mươi bốn chữ cái, mới bắt nó học theo, để em nó ganh đua cho chóng nhớ mặt chữ. Nó nhiều trí khôn hơn thằng Ly, nên mau biết hơn, bài nào cũng học trơn. Như thế đáng lẽ nó được cha mẹ khen, nhưng trái lại, nó phải đòn, vì mẹ nó bảo:

– Mày chỉ ích kỷ.

Thành ra nhiều lúc nó không dám thuộc dám hiểu nữa.

Bây giờ nó với thằng Ly được ra trường Pháp - Việt để học, hai đứa cùng ngồi lớp đồng ấu. Nhưng thế nghĩa là nó đóng một vai đi hầu em nó hơn là vai học trò, vì nó phải cắp sách, mang mực cho thằng Ly, mà động thằng Ly bẩn áo, hay nhọ tay, thì y như đít nó bị nổi mấy con trạch đỏ hỏn!

Nó chỉ được ăn mặc vừa đủ mà thôi, cho nên những ngày đông tháng giá như thế này, nó không thích tí nào cả, vì nó thấy rét lắm. Các em nó, mỗi mùa một bộ quần áo tây mới, nhưng nó thì chỉ có đến cái áo láng kép là sang trọng nhất. Cha mẹ nó yêu nuông ba em nó, ba em nó làm lỗi, nhưng tội thì đến nó phải chịu.

Một hôm mẹ nó đi tỉnh về, không biết có chuyện gì mà gắt cả với cha nó, và mắng cả thằng Ly, thằng Quy. Đến thằng Phượng giơ tay đòi bế, mẹ cũng quát con vú em bắt cho đi chơi xa. Nó biết ngay hôm ấy thế nào cũng không thoát được trận đòn, nên nó phải tránh. Nhưng đến tối, thì nó không trốn vào đâu được nữa. Nó phải lên nhà tư, ngồi từ bi từ tại. Tuy thấy ba em xúm quanh ngọn đèn cười đùa với nhau, nó cũng không dám nghịch, dám nói. Lúc ấy, cha nó đương nói chuyện với mẹ nó, mà các em nó cười đùa rầm rầm, mà loạn cả nhà, át cả câu chuyện, nên mẹ nó quát:

– Im cả đi.

Thì nó vẫn im, vì nó biết thân nó như con cá nằm trên chốc thớt! Ba em nó phải mắng, yên lặng được một lát, nhưng rồi lại nhìn nhau mà rúc rích. Tức thì, đến một chục cái phất trần vút đen đét vào lưng nó, nó đau thon thót! Nó oan mà không dám khóc, vì càng khóc, càng phải đòn.

Mẹ nó đánh xong, còn bắt nó quỳ quay mặt vào tường nữa, và cho các em nó đi ngủ.

Lúc ấy, trong nhà im phăng phắc, nó mới để tai đến câu chuyện cha mẹ nó đang nói cùng nhau. Mẹ nó nhăn nhó, quật cái tráp tròn xuống sập nói:

– Chỉ tại ông nên tôi mới phải bực mình!

Cha nó cười, làm lành:

– Thì ai để ý mà nhớ được tên nó! Tôi có ngờ là chính nó đâu!

– Thế thì ông xin đổi đi. Tôi không thể nào chạm trán nó ở trên tỉnh luôn luôn được.

– Làm quái gì cái vặt ấy. Kệ nó! Mình có việc gì can thiệp đến nó đâu mà cần!

– Thế ngộ trong phủ có án mạng, nó không về khám được à? Ông làm tôi suýt ê mặt. Giá tôi không cẩn thận mà hỏi han như trước, cứ như mọi khi, xồng xộc vào rồi gặp mặt nó, thì thực là mất hết sĩ diện. Tôi bảo ông đưa tiền lên tiêm trên đốctờ tây Hà Nội thì ông tiếc! Thế thì ông làm quan để làm gì! Ông làm quan mà để vợ con phải khổ, thà cáo về còn hơn!

Cha nó lại dỗ:

– Thôi, bà...

– Tôi thu xếp, mai tôi về nhà quê, tôi không ở đây nữa. Tôi không muốn lỡ ra phải nhìn mặt nó. Tôi không muốn cho nó biết tôi là vợ ông.

– Bà gàn quá. Bà hèn mọn gì mà sợ?

– Không phải tôi sợ nó. Nghĩa là tôi không muốn nhớ đến chuyện cũ mà thôi.

Thằng Vũ nghe lõm bõm, cũng đoán ra được có, nhưng rồi câu đối đáp mỗi lúc xa trí hiểu biết của nó, nên nó không để tai vào nữa. Nguyên hôm nọ mẹ nó phàn nàn với cha nó là độ này gầy, bảo cha nó đưa một trăm bạc để lên Hà Nội nằm bệnh viện của ông đốctờ tây

tiêm thuốc. Cha nó không đưa, nói rằng ở trên tỉnh mới có ông bác sĩ người Việt Nam, thì nhờ ông trông nom cho cũng được cẩn thận, và chỗ các quan, chắc ông ấy không lấy nhiều tiền. Mẹ nó đi, tưởng rằng bận này vắng nhà hàng nửa tháng, ai ngờ đến chiều về ngay, rồi ngầy ngà với cha nó. Chỉ có thế mà nó cũng phải vạ lây. Nhưng thế là thường.

Cha nó thích nuôi khướu. Cái lồng khướu bao giờ cũng treo ở trước nhà. Thằng Phượng cứ đòi mang xuống để chơi. Nó không dám lấy, thằng Phượng mách mẹ nó, nó liền phải đòn vì không biết chiều em. Hôm khác, thằng Phượng cũng đòi lấy lồng khướu, vì sợ phải đòn như lần trước, nó bèn bắc ghế để đứng, khi đang giơ hai tay nâng cái lồng, thì một cái bạt tai làm cho nó choáng óc ngã lăn xuống đất. Thì ra cha nó ở đằng sau, mà nó không biết. Một cái tát mạnh vào thái dương non nớt của nó, làm nó phát sốt, lử thử đến hai hôm; nhưng nó không dám nằm, vì nó sợ phải đòn nữa. Nó phải đòn trận này, vì cái tội làm đầu têu cho em nó bắt chước.

Lại một hôm, không biết đứa nào nghịch tinh, đổ mực vào lỗ tai thằng lính nhà chè đương ngủ ngày. Thằng lính mách mẹ nó, mẹ nó cũng bắt nó nằm và đánh cho năm roi quấn đít. Nó oan, đương tấm tức một mình, thì con vú già ở đàng sau bếp đã gọi om cả nhà lên rằng:

– Cậu Ly ngã xuống ao!

Người ta vội nhảy ùm xuống nước vớt được thằng Ly lên, thì thấy tay thằng Ly vẫn còn đen nhoèn những mực. Hỏi thì thằng Ly nói rằng chính nó đã nghịch thằng lính, vì thấy anh Vũ phải đòn đau quá nên nó sợ phải trốn ra ao rửa tay một mình.

Việc như thế mà mẹ nó chẳng mắng thằng Ly đến nửa lời, lại toan nhè nó ra đánh một trận nữa, vì tội làm thằng Ly sợ quá đến nỗi suýt chết oan!

Cho nên thằng Vũ sợ cha mẹ nó, sợ các em nó, sợ cả bọn kẻ hầu người hạ, bởi vì hết ngày ấy đến ngày khác, hết tháng ấy đến tháng khác, hết năm ấy đến năm khác, nó sống để chịu mắng, chịu chửi và chịu đòn.

Của đáng tội thằng Vũ chỉ thấy có mỗi một lần là mẹ nó nhân từ với nó, thưởng cho nó cái áo sa tây cũ của cha nó. Tuy cái áo ấy đã rách nhiều chỗ, nhưng từ thuở bé nó mới có cái áo này là đẹp nhất, vì thấy chi chít những hoa là hoa. Mẹ nó bảo con vú chữa lại cho nó,

để nó mặc. Song nó chưa được xỏ tay vào bận nào, vì nó có được đi đâu đâu? Đến ngay quê nội nó, nó cũng không được về mấy khi, quanh năm nó chỉ ở nhà, trừ việc đi học một ngày bốn lượt, còn thì nó không được bước chân ra khỏi cổng.

Sở dĩ nó được cái áo sa tây, vì hôm ấy nó thấy cha nó hớn hở đưa tờ nhật trình mới và nói gì với mẹ nó. Mẹ nó tươi cười trả lời:

– Thế là trời cũng có mắt lắm.

Rồi mẹ nó cầm tờ báo xem, nhưng xem xong, quẳng toẹt xuống đất, tức giận, nói:

– Nó đi thì kệ cha nó, làm gì mà nhà báo cũng tiếc với chúc! Rõ tờ lá cải này không còn chuyện gì mà đăng nữa hay sao? Thôi, hết năm nay không thèm mua báo này nữa.

Đến tối, nó đọc cả tờ báo để biết về việc gì mà nó được hưởng sung sướng lây như thế, nhưng tìm cả bốn trang, nó không thấy có việc gì can hệ đến cha hoặc mẹ nó cả.

Nhưng cũng chỉ một lần ấy thôi, còn sau nó vẫn thấy cha mẹ nó quá cay nghiệt với nó, cho nên nó rất tủi thân. Giá nó khôn lớn tý nữa, hoặc nó là người ngoài, trông thấy những sự áp chế bất công ấy, hẳn đã tự hỏi:

– Nó là con đẻ hay con nuôi của ông Phủ Hoàng Xuân Long?

Nhưng giá có câu hỏi ấy thực, thì cái giấy khai sinh của nó có ba người làm chứng hẳn hoi đã trả lời chắc chắn rằng:

– Con đẻ.

Nhưng sao thằng Vũ bị nhiều nỗi đắng cay khổ sở, thằng Ly thằng Quy, thằng Phượng lại được sung sướng lạ lùng thế? Sao thỉnh thoảng nó nhận thấy nó như đầy tớ mà ba em nó như con chủ nhà? Sao một đôi khi các em nó hỗn với nó, bắt nạt nó, mà cha mẹ nó để yên? Sao họ hàng nội ngoại đối với nó rất thờ ơ lãnh đạm? Sao động nó sai bảo người nhà làm hộ cái gì, thì mẹ nó đã quắc mắt lên mà mắng:

– Mày làm lấy không được à? Con nhà lính tính nhà quan vừa chứ!

Nó chẳng con quan là gì? Cha nó trước khi làm tri phủ, chẳng làm tri huyện là gì? Chứ có phải đi lính đâu?

Rồi dần dần nó lớn, nó nghe thấy đích một hôm cha nó nói chuyện với một người rằng:

– Cái năm tôi học hậu bổ...

Thế thì cha nó cũng đi học đấy chứ? Nó hỏi nghĩa tiếng hậu bổ, thày giáo nó giảng là trường học làm quan.

Nó học sáng dạ và ngoan ngoãn hơn các em nó, nó được thày giáo khen luôn. Nhưng việc đến tai cha mẹ nó thì nó bị hắt hủi, từ đó cha mẹ nó coi nó như người ngoài, nó nghịch gì cũng kệ thây không mắng không đánh nó nữa.

Có một lần thày giáo ra bài làm đến chữ "tứ linh", và cắt nghĩa rằng:

– Tứ linh là bốn con vật thiêng: *long, ly, quy, phượng.* Long là rồng, ly là long mã, quy là con rùa, phượng là chim phượng.

Hiểu nghĩa chữ tứ linh, nó nhớ đến bức vẽ ở tường đền Bách Linh, cũng có bốn con vật ấy, rồi nghĩ ngay đến cách đặt tên của cha nó và ba em nó. Cha nó tên là Long, ba em nó tên là Ly, Quy và Phượng. Sao nó thì cha nó không đặt tên ngay là Ly, lại chờ cho nó có em đặt cả cho ba đứa nối vào tên cha nó. Sao cha nó lại hẩy nó ra ngoài làm vậy? Rồi tò mò, nó hỏi người bạn bên lớp nhất rằng:

– Tại làm sao tên anh lại lót chữ *mạnh*?

– Tại tôi là con cả.

– Thế em thứ hai của anh lót chữ gì?

– Lót chữ *trọng*.

– Thế em thứ ba?

– Lót chữ *quý*.

Nó càng ngạc nhiên. Đáng lẽ nó là Hoàng Mạnh Ly mới phải, vì nó là con cả, mà chữ Ly liền ngay với chữ tên của cha nó.

Những sự lạ lùng ấy làm cho nó phải khám phá cho ra cái sự vô lý trong chỗ đặt tên nó và các em nó; nó hỏi dò nghĩa tên nó, thì người ta bảo:

– Vũ là mưa, vũ là lông chim, vũ là trái, vũ là vũ trụ, vũ là văn vũ, vũ là họ Vũ, vũ là vua Vũ, vũ là có tâm địa hèn mạt.

– Vậy tên tôi có liên can gì với tên thày tôi không?

– Không.

Thế rồi thôi, nó chịu chôn sự hồ nghi vào bụng, vì nội người nhà nó không dám hỏi ai cả.

Đến tận năm nó mười ba tuổi, nó cũng không hiểu thêm được tên nó nghĩa là gì. Nhưng nó chắc rằng hẳn là đối với cha mẹ, nó có một

việc gì khiến cho cha mẹ phải phiền lòng mà nó không biết đấy thôi. Cớ làm sao cha mẹ nó coi nó như thù hằn, ghét bỏ nó như con ai ấy, đến nỗi nó cực khổ hơn hết cả những đứa trẻ có cha mẹ, cực khổ hơn cả những đứa trẻ bồ côi, bởi vì nó không thấy nó được là con ai cả! Những sự âu yếm, những sự săn sóc của cha mẹ, nó chỉ được biết ở trong các bài học nhà trường, nên nó đau lòng, nó thèm thuồng, nhưng nó không dám oán cha mẹ nó tí nào.

Có một hôm nó thấy người bạn học có tên lót chữ Trần. Cái tên giống nó, nó liền hỏi, thì bạn đáp:

– Chữ Trần là họ mẹ tôi, nên cha tôi lấy làm chữ lót cho tên tôi, có gì làm lạ? Như thế thì ba chữ tên tôi vừa có họ cha tôi, vừa có họ mẹ tôi.

Thằng Hoàng Trần Vũ bấy giờ mới hiểu thêm được một tí nữa. À, ra nó cũng lót bằng họ mẹ nó. Bởi vì mẹ có cũng họ Trần. Mẹ nó tên là: *Trần Thúy Liễu*

XIV

MẪU CHUYỆN CŨ

Mười ba năm đã qua, bà Cử Vũ, ông Tú Nguyễn và ông Chánh án Trần đều đã lần lượt hóa ra người thiên cổ.

Thúy Liễu sau khi ly dị cùng Điệp, thì hơn hai tháng nữa đẻ được thằng con trai và cuối năm ấy lấy kế ngay được ông Hoàng Xuân Long, khi đó đương làm tri huyện.

Cái khoảng mười ba năm trời đã hầu như xóa nhòa trong trí nhớ Thúy Liễu hết cả những đoạn tình sử cay đắng cũ, duy chỉ còn Vũ là như cái bướu, ngày nào cũng ngấm ngầm muốn lật bộ mặt trái của một vị quan bà mặt lớn tai to.

Vũ cũng chẳng may mà phải sống mãi làm người; đã sống mãi làm người, lại phải ở mãi với Thúy Liễu; đã phải ở mãi với Thúy Liễu, lại còn phải nhờ mãi ông Hoàng Xuân Long nuôi sống cho. Tuy vậy, nào nó có biết đâu người nó vẫn gọi là thày, người vẫn nhận nó là con trong giấy khai sinh, lại chỉ là bố hờ của nó, mà nó chính là hạt máu rơi của ai, hồi mười ba năm trước, chỉ vì sắp có nó mà biết bao thảm trạng gây nên trong mấy gia đình.

Đến bây giờ nó đi học, thày giáo chỉ bảo nó những địa dư sử ký, những luân lý, toán pháp chứ ai bảo cho nó biết rằng nó không phải là con người mà nó tưởng đẻ ra nó?

Vũ thấy trước ngày nào cũng phải mắng, phải đánh, và phải chửi, nhưng rồi từ ngày vì chăm học và ngoan ngoãn, được thày khen và bạn mến, thì nó không được cha mẹ mắng, đánh, chửi nữa. Nhất là em nó là thằng Ly, vừa dốt, vừa lười, vừa nghịch, phải thày giáo mắng phạt luôn, thì nó trông rõ thấy nó làm gì cha mẹ nó cũng mặc kệ, suốt ngày không hề đả động đến nó, coi nó ghẻ lạnh hẳn như người dưng nước lã vậy. Những khi cha mẹ muốn sai nó làm việc gì, thì không bao giờ bảo thẳng nó, tất là truyền cho con vú hay thằng lính bảo nó. Nhưng những việc nó làm, không phải là công việc của một con quan phải dúng tay. Nhiều khi bận, nó không đủ thì giờ để học.

Từ năm đỗ được bằng Sơ học yếu lược, nó đã suýt phải bỏ học mấy lần. Nhưng may làm sao, lần nào nó không được ra trường, thì y như thằng Ly và thằng Quy cũng trốn đi chơi lêu lổng, nên bất đắc dĩ, cha mẹ nó phải cho nó đi học như trước.

Một hôm mẹ nó trông thấy nó dạy các em nó học lại bài thể thao ở lớp. Nó hô, các em nó giơ chân giơ tay rõ đều, mẹ nó gọi các em nó vào, mát mẻ đánh mỗi đứa một cái khẽ và nói:

– Chúng mày có phải là dòng liu điu như ông ấy đâu! Tôi van ông, ông đừng dạy chúng nó cái nghề ấy.

Câu nói ấy làm cho nó phải rơi lụy. Vậy ra nó là dòng liu điu? Thế là ý thế nào? Hay là người đẻ ra nó là dòng liu điu? Thì cha nó hay mẹ nó? Nó nhớ đến cách cha mẹ, họ hàng nội ngoại cư xử với nó rất hờ hững, nó nghĩ đến khuôn mặt nó khác ba em nó, nó lại thấy tên nó trật ra ngoài bộ tứ linh, thì hay nó là con nuôi cha mẹ nó? Nhưng suy nghĩ làm sao nó cũng không tài nào quyết đoán được, vì cái giấy khai sinh của nó bao giờ cũng làm thày cãi mà đánh đổ hết cả những sự hồ nghi.

Nhưng mà trời sinh ra vậy, nó không phải máu mủ của ông Hoàng Xuân Long thì ông Hoàng Xuân Long ác cảm với nó nhất, mà tự nhiên, nó càng lớn, càng thấy khó chịu về cái thái độ của ông Hoàng Xuân Long. Lắm bận nó trông rõ những thói xấu của ông, nghĩa là trái hẳn với những trẻ khác, bao giờ cũng coi cha mẹ như những vị thần minh hoàn toàn.

Vũ dần dần yêu mến thày giáo và bạn bè hơn cha mẹ, anh em nó, bởi vì ở gia đình, nó chỉ thấy sự bất công, sự ngược đãi, sự lãnh đạm, nhất là đối với cha nó, mỗi ngày nó như một xa.

Mấy tháng trời một câu hỏi về cỗi rễ cứ luẩn quẩn trong óc nó.

Rồi đến ngày hai mươi ba tháng chạp, mẹ nó sắm sửa hành lý sắp cùng với các em nó về nhà quê ăn tết, bỗng có một người đàn bà già ước đến ngót sáu mươi tuổi, đến nhà nó, biếu mẹ nó hai chục quả cam. Mới đầu, thấy mái tóc bạc phơ của người ấy, mẹ nó ngơ, sau người ấy xưng danh ra, mẹ nó bỗng biến sắc mặt nói:

– À, vú Áp đấy à? Thế nào, lâu nay làm ăn có khá không?

– Bẩm lạy bà lớn, từ ngày cụ cố cho chúng con về thì mỗi ngày chúng con làm ăn một thêm sa sút. Nhiều lúc chúng con nhớ bà lớn, nhưng xa xôi, chả làm sao đi được. Bây giờ chúng con chợt nghĩ đến tình thày trò cũ, cố xoay lấy món tiền hành lý mới đến hầu quan lớn và bà lớn được.

– Ừ, tôi cám ơn, ngót mười lăm năm rồi đấy nhỉ. Thôi, cho xuống nhà dưới.

Vú Áp khúm núm chắp tay lui ra, một lát bà Phủ mở cái ví tiền lấy tờ giấy bạc một đồng, đưa cho Vũ và bảo:

– Chốc nữa mày xuống đưa đồng bạc này cho vú Áp là người ban nãy biếu cam ấy nhé.

Nói đoạn, cuốn khăn quàng, áo cừu, bà lù lù bước lên xe.

Vũ thấy mẹ xử tệ với một người đầy tớ cũ, thì ái ngại cho vú Áp lắm. Vú Áp hỏi thăm, thấy nói Vũ là con trai lớn của ông Phủ thì đâm nghi, mà vì oán bà Phủ đối với mình kiệt quá, nên hỏi chuyện người nhà, vú Áp lấy làm thương Vũ cũng bị bạc đãi như nó. Như thế, tự nhiên Vũ và vú Áp cùng chung một cảm tình.

Sẩm tối hôm ấy, ông Phủ Long cũng như mọi khi, vợ đi vắng thì chuồn lên tỉnh với cô đầu. Trà là tình nhân đã có con riêng cùng ông, và đã quyết một hai lấy về làm vợ bé, nên Vũ tự do hỏi chuyện vú Áp.

Lúc nhà lên đèn, Vũ gọi vú Áp lên, và bảo:

– Vú có rét thì lên đây mà sưởi. Trời rét quá nhỉ?

Vú Áp vui vẻ, ngồi xổm bên cạnh lò, Vũ tỉ tê hỏi:

– Vú hầu bà lớn từ năm nào?

– Tôi trước là vú sữa nuôi bà lớn, sau lại ở làm vú già.

– Sao vú không ở hầu nữa?

– Tại cụ lớn đuổi tôi.

– Ông ngoại tôi đuổi vú?

– Phải, lúc bấy giờ cụ cũng còn đương làm quan Phủ như quan bây giờ ấy. Nhưng tôi hỏi thật, năm nay cậu bao nhiêu tuổi.

– Tôi mười bốn. Từ thuở tôi bé, vú không lên chơi.

– Vâng, tôi thôi hầu cụ lớn từ ngày bà lớn còn con gái.

Vú Áp ra ý nghĩ ngợi, rồi hỏi:

– Cậu không theo bà lớn về nhà quê ăn tết.

Vũ cảm động, tủi thân nói:

– Không mấy khi tôi được về quê nội. Tết này, tôi cũng phải một mình ăn tết ở đây.

– Cậu có hay về quê ngoại không?

– Thỉnh thoảng. Vì quan ông quan bà ít cho tôi đi lắm.

Vú Áp nhìn thẳng vào mặt Vũ như muốn dò ý, và nói:

– Hẳn cậu được quan chiều lắm.

Vũ thở dài ứa nước mắt, không trả lời. Vú Áp hỏi:

– Cậu ngoan ngoãn lắm. Nhưng tôi hỏi thật cậu, cậu có hay phải đòn không?

Vũ vẫn chưa khô lệ, lắc đầu. Vú Áp lại gợi:

– Sao cậu ăn mặc thế này? Ai lại con quan mà mặc quần cháo lòng và áo rách khuỷu thế? Người ta cười cho cậu ạ.

Vũ nín lặng, vú Áp lại nói:

– Cậu cởi áo ra, tôi vá hộ.

Vũ ra ý sợ sệt, đáp:

– Thôi, vú cứ mặc kệ tôi, kẻo bà lại hỏi.

Nói đoạn, nó nức nở khóc. Vú Áp chép miệng, xoa đầu nó, an ủi:

– Cậu nín đi. Tôi thương cậu lắm.

Từ thuở bé, Vũ mới được một người thương hại vỗ về, nó lấy làm sung sướng quá. Bỗng long lanh con mắt, nó hỏi:

– Cha tôi là ai. Vú có biết không?

Vú Áp tự nhiên ứa hai hàng nước mắt, rồi vội tìm lời để an tâm Vũ:

– Cha cậu là quan lớn nhà chứ ai. Sao cậu hỏi dở thế.

– Vú còn giấu tôi, vì tôi chắc vú biết, quan lớn đây là cha nuôi tôi thôi.

– Sao cậu lại hỏi câu ấy?

Vũ bèn kể cho vú Áp nghe hết cách ông Phủ Long đối đãi với nó từ năm nó biết đến nay, rồi nói tiếp:

– Vả tên tôi là Hoàng Trần Vũ. Hoàng là họ quan ông, Trần là họ quan bà, còn Vũ nghĩa là gì, tôi không hiểu.

Vú Áp đương lim dim con mắt để nghe, bỗng thấy Vũ giảng đến tên, thì như bật nghĩa ra, đáp phắt:

– Vũ là họ cha đẻ ra cậu.

Vũ rú lên một tiếng rồi trống ngực thình thình chân tay run run, trợn mắt nhìn vú Áp; vú Áp trông nó dữ như con ác thú mà hết cả hồn. Một phút im lặng. Ngọn lửa tí tách trong lò sưởi.

Bỗng Vũ đứng dậy bưng mặt khóc:

– Vú ơi! Nhờ vú làm phúc cho tôi biết cha thật tôi tên là gì, bây giờ cha tôi ở đâu? Mẹ tôi ở đâu? Tại làm sao ông bà này lại nuôi tôi? Khốn nạn, ở đây tôi khổ lắm vú ạ!

Vú Áp cảm động lau nước mắt, kéo nó ngồi xuống bảo:

– Khẽ chứ! Cậu im mà nghe. Bà lớn đây chính là mẹ đẻ ra cậu đấy.

Vũ lắc đầu:

– Không phải. Sao bà đối với tôi không có tí tình mẹ con ào?

– Bởi vì cậu là con riêng của bà lớn, rồi sau bà lớn mới lấy quan lớn đây.

Thằng Vũ giật nảy mình, nức nở hỏi:

– Thế cha tôi đâu?

– Tôi không biết. Nhưng mà...

Vú Áp bưng hai tay lên che đôi mắt nhắm nghiền, như cố lục lại trong óc để nhớ một mẩu chuyện cũ.

Vũ lau mắt đăm đăm nhìn và giục:

– Vú nói ngay đi. Vú làm phúc nói cho thật, vú thương tôi với.

Vú Áp bỏ hai tay ra, trầm ngâm, thở dài, nhìn nó và nói:

– Ngày ấy, tôi đương ở dưới bếp làm cơm, bỗng cụ lớn gọi tôi lên nhà tư, cụ quát tháo, kể tôi lười, tôi hỗn, rồi trả tiền công, nhất định đuổi đi, không nuôi nữa. Tôi lạy van xin mãi, nói là chỗ đầy tớ cũ ở

hầu hàng ngót hai mươi năm, xin cụ lớn rộng ơn thương lại, nhưng cụ lớn nhất quyết không nghe.

– Cụ lớn là ông ngoại tôi ấy à?

– Vâng. Suốt lượt đầy tớ người nhà ngày hôm ấy, có tội cũng như không, đều bị cụ lớn cho về cả.

– Sao vậy?

– Phải, tôi và vú em rất lấy làm ngạc nhiên cùng hỏi nhau: Sao vậy? Nhưng chúng tôi chẳng biết cớ vì đâu. Những đứa khác, thì chúng nó mắng nhau:

– Chỉ vì mày cứ nhìn cậu ấy mà tủm tỉm.

– Chỉ tại mày tò mò, cứ mặc cô ấy có yên chuyện không!

– Tôi có hiểu gì đâu! Hỏi mãi thì chúng nó mới nói rằng bà lớn nhà ta đây, khi ấy còn là con gái, đã ngủ với một người...

Vũ tái mặt, hỏi:

– Vì thế, cụ lớn sợ lộ chuyện, nên đuổi cả chứ gì?

– Phải, người ấy quê ở đâu, tôi không biết, tôi chỉ rõ rằng tuy người ấy nhà nghèo, nhưng cụ lớn có lòng thương lắm. Ngày ấy cụ lớn rất hay gắt gỏng, nhưng với ai kia, chứ với người ấy thì cụ lớn ôn tồn, đã có hai lần cụ lớn cho ngồi ăn cơm cùng, bàn chuyện gì ra ý quan hệ lắm.

– Rồi sau thế nào?

– Rồi sau chúng tôi gói quần áo ra đi chứ còn thế nào nữa! Chắc rồi có lượt đầy tớ mới thay chúng tôi. Thế là trại cơ đã một lượt lính mới, trại lệ cũng một lượt lính mới, mà trong nhà tư lại cũng một bọn hầu mới, tha hồ cho chúng bỡ ngỡ.

– Tại làm sao?

– Tôi không rõ, tôi chỉ biết rằng trước khi chúng tôi không được hầu nữa, thì thày quản đồn và năm người lính trú phải đổi đi nơi khác, các anh lính lệ cũng phải cách hết. Trời ơi, bây giờ tôi nghĩ đến cái ngày ấy mà còn rùng mình; tôi đi hầu cụ lớn từng ấy năm trời, không thấy năm nào lắm cướp, lắm trộm, lắm cái sợ, lắm cái đen như thế. Cụ lớn thì gắt gỏng cả ngày. Mà không biết vì việc gì, cả cụ lớn cũng chỉ ở phủ ấy có đâu độ nửa tháng nữa, rồi đổi đi chỗ khác.

– Từ ngày ấy vú không đi lại hầu cụ lớn nữa?

Vú Áp lắc đầu:

– Giá chúng tôi phải đuổi vì cớ gì, thì còn xin cụ lớn thương lại được, chứ vì cụ lớn muốn giữ tiếng, thì tôi quyết lạy van sứt trán ra cũng vô ích.

– Thế rồi cụ lớn xử trí với mẹ tôi và người ấy thế nào?

Vú Áp chép miệng thở dài, lắc đầu, chỉ nói:

– Cậu biết rõ câu chuyện quá, thì cậu thêm oán thù ra mà thôi. Thôi tôi khuyên cậu cứ chịu khó học hành, ăn ở có lòng tốt, thì tất Trời Phật sẽ phù hộ cho cậu được về đến nơi quê cha đất tổ.

Vũ lắc đầu, nằn nì:

– Không, vú cứ nói, tôi đến nước này, còn dám oán thù ai mà vú lo hộ tôi.

– Mà thực ra, sau khi phải đuổi, tôi có được lai vãng đến cửa cụ lớn nữa đâu. Nhưng tôi chỉ biết đích rằng khi bà lớn có mang cậu thì người ấy và bà lớn bỏ nhau.

Vũ trợn mắt, nói:

– Vậy ra cha tôi bỏ ngay mẹ tôi từ khi tôi còn ở trong bụng?

Vú Áp xoa đầu Vũ, nói:

– Tôi không rõ là ai bỏ ai, nhưng cha cậu thì tôi biết, ngày ấy hiền lành ngoan ngoãn lắm!

– Hay là mẹ tôi bỏ cha tôi?

– Tôi không biết.

– Vậy vú có biết cha tôi tên là gì không?

– Phải, để tôi nghĩ đã.

Vú Áp ngẩn người, nhìn lên trần nhà, cố soạn lại hai tiếng đã chôn từ năm nào ở trong trí nhớ, Vũ nao nao trong lòng, ngồi yên lặng mong mỏi. Bỗng vú Áp "à" một tiếng, làm cho tia mừng nẩy bật sáng đôi mắt nó đương lờ đờ nghĩ ngợi. Rồi vú Áp ghé vào tai Vũ nói thầm...

XV

MỘT ÔNG Y KHOA BÁC SĨ

Hôm ấy là ngày mồng một tết. Ngay từ sáng sớm, những tràng pháo đua nhau muốn xé rách cái màng lưới đan bằng sợi mưa phùn

chăng trước nhà, chắn không cho người ta ra khỏi cửa. Ngoài đường nhựa ướt át, bóng lộn như mặt gương, thỉnh thoảng một vài cái xe, bưng kín mít như các cô dâu nhà quê, nối đuôi nhau mà chạy, để tỏa ra ở các khe cánh gà những tia khói thuốc lá. Ngọn gió mạnh rung cây, cố ngắt nốt dăm chiếc lá vàng bíu mớm trên cành còn trơ khấc, làm cho những giọt lệ được dịp mà lộp độp rơi xuống, khóc cái thân cây khẳng khiu như bộ xương. Suốt từ đầu phố đến cuối phố, nhà nào cũng đóng cửa hàng. Dưới mái hiên, xác pháo lăn tăn, đỏ như cánh hoa đào, dính bết với vỉa gạch. Trên cao, mờ mịt một màu trắng đục nặng nề. Đứng thập thò trên khung cửa, che lấp ánh đèn điện trong nhà còn thắp sáng như ban đêm, các công tử, các tiểu thư, thơm tho, sặc sỡ, mới mẻ, tươi tỉnh như đóa hoa mới nở, nhìn trời mà tiếc công sắm sửa từ hôm trước, ngắm vuốt từ buổi sáng, cố chờ, cố mong, cho mưa chóng ngớt, cho gió chóng im, để hoa kia khỏi phải vô duyên phô vẻ thắm với nhau trong hang tối.

Lúc bấy giờ ông y khoa bác sĩ đứng sau cửa kính trên gác, hai tay thọc vào túi quần nhìn cảnh vật ra chiều nghĩ ngợi. Bỗng bác sĩ để mắt vào một thằng bé có ý hớt hải đi ở cạnh đường.

Bác sĩ mặt mũi hom hem, có lẽ đến ngoài bốn mươi tuổi. Vì chỉ chăm chút công việc về bổn phận bác sĩ không để tâm đến sự ăn mặc, sự trang sức, cho nên bộ râu, món tóc không chải chuốt, mà quần áo rất xuềnh xoàng.

Vì hôm ấy là ngày tết, nên bác sĩ mới đổi cách tiêu khiển là đứng nhìn phố, chứ ngày thường, suốt từ sáng đến tối, lúc bác sĩ ở buồng người ốm, lúc bác sĩ vặn xe hơi đi thăm bệnh người ta mời, lúc bác sĩ ở trong phòng thí nghiệm, loay hoay với mấy con vi trùng.

Bác sĩ chỉ lấy nghề làm vui. Ai vào thăm bệnh viện của bác sĩ cũng phải khen là bác sĩ tận tâm với khách, mà có lẽ mở bệnh viện bác sĩ có cái mục đích cứu người hơn là kiếm lợi. Vì vậy bao giờ bác sĩ cũng có đông người đến nhờ ơn.

Nhưng có một điều ai cũng phải lấy làm quái lạ, là đối với người ốm, bác sĩ sốt sắng vui vẻ bao nhiêu, thì khi một mình, bác sĩ lại có bộ mặt lãnh đạm buồn rầu bấy nhiêu. Lúc nào trông bác sĩ cũng ra vẻ nghĩ ngợi lo lắng. Bác sĩ có lẽ là một người đã bị nhiều vết thương trong tâm hồn, nhưng là người bị thương có nhân, có lượng.

Khi ấy bác sĩ vẫn chòng chọc ngắm thằng bé ban nãy: mũ và quần áo nó ướt như chuột lột. Nó như có ý tìm nhà, đến cửa nào cũng

ngẩng lên cái biển đề số. Thấy thằng bé con vẩn vơ, ngơ ngác, bác sĩ chạnh nghĩ đến lúc này các gia đình người ta sum họp, nào lễ tổ tiên, nào mừng tuổi cha mẹ, nào chúc nhau giàu sang, đắt vợ đắt chồng, nào ăn uống vui vẻ, cờ bạc cười nói, thì động lòng:

"Thằng bé kia là cái hình ảnh của ta hơn hai mươi năm về trước".

Rồi khi thằng bé con đến trước bệnh viện, bác sĩ không thấy nó đi sang nhà bên cạnh nữa. Bác sĩ đang tìm nó, bỗng người nhà đẩy cửa vào nói:

– Bẩm ông, có một cậu bé con nói rằng mời ông xuống để thưa với ông một câu chuyện cần.

Bác sĩ quay lại, hất hàm. Người nhà thưa:

– Bẩm con không biết việc gì cả.

Mấy cái dấu hỏi luẩn quẩn trong óc bác sĩ. Lạ thay! Sao tự nhiên ngày tết mà thằng bé ấy không ở nhà? Mà chuyện gì vậy? Bác sĩ hỏi:

– Thằng bé con bằng từng này, mặc quần áo ướt phải không?

– Vâng.

– Bảo chờ dưới buồng khách.

Bác sĩ lững thững xuống gác, cố đoán mãi nhưng không tài nào nghĩ ra.

Đến buồng khách, thoạt nhìn thằng bé, bác sĩ đã lấy làm ngạc nhiên vì nó trông thấy bác sĩ mà những nét mừng rỡ bỗng lộ ngay trên mặt nó tái mét thâm tím những vết. Nhưng độ hai giây đồng hồ, tự nhiên bác sĩ biến hẳn sắc mặt, vì bác sĩ nhận ra nó hao hao giống một người mà bác sĩ quên bặt đi mất; tuy bác sĩ cau đôi lông mi để cố nhớ lại, nhưng quyết rằng chỉ thấy hiện ra trong óc những cơn giông tố phũ phàng.

Trái lại, thằng bé con vẫn hớn hở vui vẻ như một người thỏa hy vọng, khát khao được gặp người thân yêu của nó nhất đời, thân yêu bằng tấm tình phụ tử.

Hai người nhìn nhau. Trong giây phút, cái im lặng đã nhường cho hai tâm lý thay đổi biết bao vẻ. Bác sĩ hỏi:

– Cậu đến có việc gì?

Thằng bé đáp như đọc thuộc lòng câu đã học sẵn:

– Thưa ông, tên con là Vũ, lót chữ Trần, họ Hoàng. Hoàng là họ cha nuôi con; Trần là họ mẹ con; Vũ là họ cha đẻ ra con. Tên con là Hoàng Trần Vũ.

Nói đoạn nó chòng chọc trông vào cái mặt vẫn ngạc nhiên của bác sĩ. Lạ thật! Vũ tưởng bác sĩ nghe ba tiếng ấy thì đến phải giật nẩy mình như bị sét đánh cạnh tai, rồi hai cha con sẽ ôm nhau mà khóc, mà kể lể nỗi xa xưa. Ngờ đâu bác sĩ điềm nhiên hỏi:

– Vâng, cậu đến có việc gì?

Vũ nhắc lại một cách rất cảm động:

– Bẩm tên con là Hoàng Trần Vũ.

Bác sĩ cười lạnh lùng:

– Vâng tôi đã nghe ra, cậu đến có việc gì?

– Bẩm con là...

Tưởng Vũ lại làm đến lượt thứ ba cái việc vô lý là khoe cái tên kỳ quặc, bác sĩ đè lời:

– Vâng tôi nghe ra rồi.

– Vâng, nhưng bẩm... con là con... cha.

Nói xong, nó đứng phắt dậy, nước mắt ràn rụa, giơ hai tay run run ra phía bác sĩ để ôm, mặt xám ngoẹt hơn ban nãy. Bác sĩ động tâm, chạy vội ra đóng các cửa kính. Vũ nói tiếp:

– Thưa cha, con khổ lắm, mẹ con với ông ấy coi con như kẻ thù, xử với con rất tàn nhẫn.

Bác sĩ thương hại, giơ tay ra ngăn:

– Khoan! Cậu đừng gọi tôi thế vội. Ai bảo cậu là con tôi?

– Bẩm ông, con có đủ chứng cớ.

Bỗng hai mắt bác sĩ lờ đờ nhìn lên trần, như nghĩ lại một việc gì mờ tối ngày xưa, rồi ngồi phắt lại hỏi:

– Bà đẻ ra cậu họ Trần?

– Vâng.

– Bà ấy tên là Trần...?

– Thúy Liễu.

Hai tiếng Thúy Liễu của Vũ nối vào câu bác sĩ nói dở phát được ra ngoài, thì hai dòng nước mắt lại lã chã tuôn tràn ra. Vũ bưng mặt nức nở khóc. Sa sầm, bác sĩ chạy lại vỗ vai an ủi thằng bé khốn nạn, rồi cười một cách ái ngại mà rằng:

– Cậu theo tôi lên gác nói chuyện cho tiện.

Bác sĩ đi trước, Vũ đi sau. Vũ nói:

– Thưa ông, con ở với ông Hoàng Xuân Long khổ lắm.

Bác sĩ đứng dừng, quay lại hỏi:

– Ông Hoàng Xuân Long tri phủ.

– Vâng, ông cũng biết?

– Mấy tháng trước tôi còn làm việc với nhà nước, thì cũng ở một tỉnh với ông ấy. Nhưng tôi chỉ ở đó có hơn một tháng, rồi nghỉ việc, và mở cái bệnh viện này, nên tôi chưa quên tên ông ấy.

Vũ sực nhớ ra câu chuyện mẹ Vũ đi nhà thương tỉnh định tiêm thuốc bổ, lại về giày vò ông Phủ, và vì cớ gì Vũ được cái áo sa tây.

– Thưa ông, chính ông ấy bây giờ lấy mẹ con.

Bác sĩ gật đầu rồi lại đi. Vũ thấy bác sĩ vẫn lãnh đạm như không, không cảm động, lấy làm lạ quá, nói:

– Mẹ con và ông ấy hành hạ con khổ nhục trăm chiều, con không sao chịu nổi.

– Nhưng sao cậu lại đi tìm tôi?

– Thưa ông, cứ một cái tên mà ông Phủ Long đặt cho con cũng đủ làm con hiểu rằng con là con ông.

– Ai bảo cậu thế?

– Thưa ông, vú Áp.

– Vú Áp nào?

– Vú Áp hầu mẹ con từ thuở còn bé.

Bác sĩ lại đứng dừng, cau mặt nghĩ, rồi bảo:

– Cậu cứ nói đi.

– Từ hôm con biết đích thực là ông Phủ Long sở dĩ bạc đãi con, là vì sự thù riêng với ông, thì con cũng phải coi ông ấy như thù địch.

Bác sĩ cười lạt nói:

– Ông ấy làm gì mà thù tôi?

Vũ thấy bác sĩ như không thiết tha đến câu mình nói, tức lắm, trả lời:

– Sao không có duyên cớ? Hôm kia, con nhất định sinh sự với ông ấy, thì ông ấy sai lính trói con, đánh con một trận đau quá, thâm tím cả mình mẩy. Đây, ông trông mặt và chân tay con, còn đủ cả vết thương. Ông có thể đoán được trận đòn này ông ấy tàn nhẫn là ngần nào!

Bác sĩ nhìn Vũ, thương hại, nói:

– Được, đau đã có thuốc.

– Rồi ông ấy bắt con nhịn cơm cả ngày, diếc móc con những câu thật đau đớn. Con bực mình, cự lại, không nể lời nữa.

– Thế bà Phủ có nói gì không?

– Mẹ con về nhà quê ăn tết, đến mồng mười này mới lên phủ.

– Rồi sao nữa?

– Ông ấy vào buồng, lục trong cặp giấy má cũ; rồi ném vào mặt con một tờ giấy đã vàng mà bảo: Bố mày là thằng bạc bẽo, bỏ mày ngay từ khi mày còn ở trong bụng mẹ mày. Mày có đường có nẻo thì bước, tao không cho mày ở nhà này một ngày nào nữa. Mày máu mủ với bố mày có khác, cho nên mày cũng bạc như vôi.

– Thế thì ông ấy lầm, mà ông ấy cũng làm cho cậu lầm đấy, cậu ạ. Rồi tôi sẽ nói hết đầu đuôi câu chuyện cho cậu nghe. Ngày trước, nhiều người trách tôi là tầm thường quá, vì tôi đã không làm được những thủ đoạn phi thường, bởi vì họ chỉ muốn tôi hành động như các nhân vật trong tiểu thuyết. Thế gian hay thích những cái phi thường, mà chính họ cũng tầm thường như mình mà thôi.

Đến buồng thí nghiệm, bác sĩ giơ tay nói:

– Cậu trông qua buồng này, cũng có thể đoán là tôi đã làm được bao nhiêu việc. Tôi chỉ lấy công việc làm vui ở đời để quên những nỗi thống khổ.

Vũ nhìn cái kính soi vi trùng, các lọ thuốc, rồi ngắm chiếc ảnh phóng đại đóng khung mạ vàng treo trên tường. Bác sĩ mỉm cười bảo:

– Đấy là ảnh ông cụ ân nhân của tôi, vì cụ mà bây giờ tôi được như thế này. Chứ nếu không thì có lẽ tôi đã phí hoài, một đời đem cái thân làm mồi cho sự sầu não. Chính cụ cũng trông nom săn sóc cho tôi từ thuở bé; cụ lại cho tôi sang Tây học nghề này.

– Thưa ông, còn ông ngoại con?

Bác sĩ cười lạt, sắp đáp, thì thấy Vũ cầm lọ thuốc để ở bàn giơ lên xem, bèn vội giật lấy:

– Cậu chớ mó vào những thức này, coi mà oan gia, vì thuốc độc đấy. Chỉ vô ý dính một tí vào miệng là chết ngay.

Vũ liếc mắt nhìn theo chỗ để lọ thuốc, không nói gì cả. Bác sĩ trỏ tay sang buồng bên phải, nói:

– Đây là chỗ học của con ông cụ này, hiện nay theo ban tú tài trường Bảo hộ. Hễ đỗ phần thứ hai xong, thì tôi cũng cho sang Pháp học nghề bào chế.

Bác sĩ đưa Vũ vào phòng riêng bên trái:

– Đây là chỗ làm việc riêng của tôi, cậu ngồi đây, ta nói chuyện.

Bác sĩ kéo ghế cho Vũ ngồi, rồi mở tủ lấy ra một cái cặp giấy, lúi húi tìm từng tờ, Vũ đưa mắt bốn bên. Các đồ đạc thật là sơ sài: trước cái giường tây, vừa một người nằm, có kê cái bàn giấy, trên mặt giấy má bừa bãi, ở tường treo một bức ảnh vẽ bằng sơn. Tìm tòi xong, bác sĩ ngồi vào ghế. Vũ hỏi:

– Bẩm ông, bà đốc con về tết trên nhà quê.

Bác sĩ cười:

– Cậu trông cả nhà tôi xem có tí gì là tết không? Mà tôi làm gì có vợ!

Vũ ngạc nhiên, nhìn bác sĩ. Lúc này là lúc bác sĩ muốn nói rõ câu chuyện mà Vũ cần biết, bèn chỉ tay lên bức ảnh vẽ sơn trên tường:

– Nhưng có thể nói rằng vợ tôi kia.

Vũ càng ngạc nhiên. Bức ảnh ấy vẽ một vị sư còn trẻ tuổi.

Vũ nói:

– Thưa ông, nhưng sao bà lại là sư?

Bác sĩ mỉm cười đáp:

– Người này là con ông cụ bên kia, vì không lấy được tôi nên đi tu. Mà tôi không lấy được người này, nên cũng không lấy ai nữa.

– Nhưng mà sao...

– Đây là tôi mượn vẽ phóng theo cái ảnh người ấy chụp khi còn ít tuổi, chưa đi tu.

Vũ ngạc nhiên hỏi:

– Thưa ông, sao bây giờ ông không mời bà này về.

Bác sĩ thở dài, đáp:

– Hồi tôi đi Tây, hồi tôi đỗ và hồi tôi về nước, tôi có viết ba bức thư vào chùa, kể lại câu chuyện riêng của tôi, và xin rằng sẽ kết lại duyên cũ, nhưng đều không tiếp được thư trả lời. Khi tôi ở Pháp về, tôi có đến chùa mấy lần, nhưng người ấy nhất định không ra, mà dặn người nói dối là chết rồi. Tôi biết người ấy gan góc lắm, nên tôi đành không lấy ai nữa, để trọn lời thề xưa.

Vũ nhìn bác sĩ bằng con mắt cảm động:

– Thưa ông, thế bây giờ?

– Bây giờ vẫn thế. Nhưng mỗi năm hai lượt, tôi và em trai người ấy đến qua chùa, hỏi thăm tin tức. Ngày hôm nay có việc bận nên tôi không về nhà quê và đi chùa được, tôi định đến mai sẽ xuất hành.

– Thưa ông, thế ông quên hẳn mẹ con?

– Là bà Trần Thúy Liễu? Phải có lẽ tôi quên. Bởi vì bà ấy có là vợ tôi đâu? Mà cậu cũng lầm tưởng tôi là cha cậu.

Vũ cau mặt, móc túi, nói:

– Thưa ông, quyết con không lầm. Chính ông Hoàng Xuân Long, sau khi đánh con trận đòn ngày hôm kia ấy thì sai cởi trói, bắt con đi ngay tức khắc, và bảo:

– Bố mày hiện ở Hà Nội phố ấy, số nhà ấy, xéo đi mà tìm lấy nó, chứ ông thì hoài cơm!

– Thế thì ông Phủ có bảo tên tôi cho cậu biết không?

– Không, nhưng con biết.

– Có phải tên là thế này không?

Vừa nói, bác sĩ vênh váo, đưa Vũ cái danh thiếp ba chữ:

Vũ Khắc Điệp

Vũ không ngạc nhiên tí nào, lại mỉm một nụ cười thắng trận, rồi đổi cái danh thiếp bằng cái giấy nát nhầu vừa lấy trong túi ra, đưa cho bác sĩ. Bác sĩ cầm đọc, thì chính là cái giấy khi bác sĩ còn làm thư ký lục sự, viết để ly dị với Thúy Liễu. Bác sĩ lại cười, gật đầu, nói:

– Phải, nhưng cái duyên này chỉ có vài tháng thôi, mà không có tí tình nghĩa vợ chồng nào cả.

Vũ nhìn bác sĩ, có ý hỏi. Trả lời ý ấy, bác sĩ yên lặng đưa Vũ một tờ giấy. Vũ đọc:

Thưa cậu

Chúng tôi nghe tin cậu sắp lấy cô Thúy Liễu, chúng tôi rất lấy làm yên tâm, vậy có mấy lời mừng cậu và cô Thúy Liễu.

Nhưng chúng tôi có một điều không thể giấu cậu được, là nhờ cậu làm phúc trông nom chu toàn cho cái thai ở trong bụng cô Thúy Liễu, nếu sau này nó có được làm người, chúng tôi xin cậu lấy lòng nhân từ mà nuôi nấng nó cho tử tế, thì chúng tôi lấy làm cảm ơn cậu vạn bội.

Đọc xong Vũ rú lên, rồi òa khóc:

– Trời ơi, không ngờ đâu tôi lại khốn nạn như thế này.

Bác sĩ lắc đầu thở dài, vỗ về Vũ. Vũ vừa khóc vừa nói:

– Bây giờ con biết cha con ở đâu mà tìm ông ơi!

Bác sĩ ngậm ngùi, đáp:

– Không lo. Tôi đã rõ chỗ cha cậu ở.

Bác sĩ lặng nhìn Vũ một lát, trên gò má xương xẩu của cái mặt lạnh lùng, hai dòng lệ từ từ rơi xuống ván gác.

Rồi động niềm riêng, Vũ nức nở, bác sĩ Điệp thổn thức, mà trời cũng vẫn sụt sùi...

XVI

CHA THẰNG VŨ

Chiều hôm mồng ba, Vũ, bộ mặt có vẻ sát khí đằng đằng; tay cầm hai hộp kẹo tây, đến bệnh viện của Điệp. Nhưng Điệp đi vắng chưa về, Vũ hỏi thì người nhà bảo:

– Ông tôi đi Bắc Giang, hẹn về ngay, nhưng không hiểu làm sao chưa thấy về.

Vũ thất vọng băn khoăn nói:

– Tôi muốn thưa ông một câu chuyện, mà chờ đây có tiện không nhỉ?

– Được, cậu cứ chờ, ông tôi cũng đoán là cậu sẽ trở lại.

Vũ ngồi ở buồng khách, thơ thẩn một mình, vừa buồn, vừa mong mỏi, Vũ sở dĩ đến đây, mục đích chỉ định ngủ nhờ một tối nữa để thực hành cái ý định mới nảy ra trong óc từ ban chiều, mà nghĩ đến việc ấy, Vũ quả quyết như một ông quan tòa khép án tội nhân vậy.

Vũ ngồi chống tay lên cằm, yên như phỗng đá, một lúc, nắm tay, nghiến răng, trợn mắt đứng phắt dậy, đi đi lại lại rất hùng hổ, rồi lại thở dài ngồi phịch xuống. Vũ ong ruột lắm.

Nguyên theo lời Điệp dặn, sáng hôm sau Vũ đi tìm làng cha đẻ, tên là Cách. Đó là một sự mà Vũ chẳng ngờ, vì Vũ hỏi thăm nhà ông Cách nhưng không ai biết ông Cách là ai. Người ta bảo:

– Cả làng này không có ai tên là Cách cả.

Đi một quãng nữa, đến trước nhà Hội đồng, Vũ gặp một vài ông già khăn áo chỉnh tề, đứng trò chuyện với nhau, Vũ bèn hỏi nhưng mọi người đều lắc đầu, đáp:

– Tên là gì chứ là Cách thì ở làng này không có.

Vũ ngạc nhiên, vừa bước đi một bước, bỗng có một ông nói:

– Này, hãy khoan, cậu.

Rồi ông ấy hỏi các ông kia:

– Hay Cách là thằng Tư Kềnh chăng?

– Tư Kềnh sao lại tên là Cách?

– Có lẽ phải, tôi còn nhớ ngày xưa nó có bảo nó tên là Cách.

Vũ vội hỏi:

– Thưa ông, vậy thì nhà ông ta ở đâu?

– Cậu cứ đi thẳng đường này, đến chỗ quá hàng rào xương rồng kia, thì rẽ sang tay phải; đi vào ngõ ấy qua độ ba bốn nhà, hết nhà có cái cổng đất thì là nhà nó đấy.

Vũ cảm ơn, chào rồi đi, nhưng tai còn được nghe một câu bình phẩm mát cả gan cả ruột:

– Thằng Tư Kềnh mà cũng ông với ênh!

Vũ vào ngõ, trong bụng khấp khởi mừng thầm, cũng cái mừng hôm trước đứng cửa bệnh viện của Điệp, tức là cái mừng sẽ được trông thấy nhà cửa của cha, được trông thấy mặt mũi cha.

Đi càng gần tới, trống ngực càng đập mạnh, Vũ vui sướng quá.

Đến nơi, Vũ đứng ngoài cổng nhìn vào, định có gặp ai ở sân thì vẫy ra, nhưng chờ mãi, không thấy một người nào cả.

Cái nhà ấy chỉ có ba gian, mà lụp sụp quá. Gọi đúng tên ra, thì nó là cái lều, bức vách ba bên thì xiêu vẹo, nhưng cũng đỡ nổi cái mái bằng rơm mà làm gì chẳng đỡ nổi cái mái khốn nạn ấy vì là rơm lợp đã lâu ngày, nó bết gí xuống, dính với nhau, trông mỏng tèo tèo. Đằng trước chẳng có cửa dả gì, nên ngày cũng như đêm, suốt năm nó ngoác miệng ra mà nhận lấy những trận gió cắt ruột của mùa đông, sức nóng thiêu mày của mùa hạ. Đằng trước nhà, một miếng đất, để gọi là sân rau giền, rau sam và cỏ, tranh nhau mọc bừa bãi, bẩn thỉu quá! Toàn thể cả nhà cửa, đất cát, giá trị chưa bằng tấm áo mặc thường của các vị tiểu thư.

Nhìn kỹ từng ấy cái, Vũ bỗng nghĩ:

"Mẹ ta là con một ông quan đại thần, có lẽ nào có mang ta với người chủ cái nhà khốn nạn này? Hay ta lại lầm nốt chăng?".

Vũ rón rén bước vào sân, ngó trong nhà, thấy có độc một tấm phản, trên tấm phản có độc một người nằm đắp chiếu, kê đầu lên cái gối làm bằng nửa khúc tre.

Vũ phân vân, bèn gõ tay vào cột. Người ấy quay mặt ra nhìn, tự nhiên Vũ thấy rạo rực trong lòng, suýt ứa hai hàng nước mắt.

Người ấy ngồi nhổm dậy, Vũ chào, hỏi:

– Thưa ông, có phải tên ông là ông Cách hay không?

Người ấy nhìn Vũ từ đầu đến chân, rồi lắc đầu, nói:

– Tôi là Tư Kểnh, cậu hỏi gì?

Vũ hơi thất vọng, hỏi lại:

– Nhưng ngày xưa có bao giờ tên ông là Cách không?

Người ấy gãi cái đầu trọc tếch có lốm đốm tóc bạc, nghĩ, rồi lắc đầu có vẻ ngờ vực:

– Không! Cậu hỏi làm gì?

Đáp xong, người ấy chống tay xuống phản, nhăn cái mặt răn reo nứt rạn, ngồi lại chiều khác, ra dáng đau đớn lắm, Vũ nói:

– Mười lăm năm về trước, ông tên là Cách mà?

Người ấy vừa thở vừa nói:

– Cậu đừng gọi tôi là ông, lỡ các cụ làng tôi nghe thấy.

– Không ngại gì, ông ạ. Mười lăm năm về trước, có bao giờ ông tên là Cách không?

– À, phải, nhưng không phải tên đó, đó là "mè rô". Tôi đi lính "mè rô min tóa săng ván cách". Người ta vẫn gọi quen tôi là Cách, nhưng ở làng vẫn gọi tôi là thằng Tư Kểnh.

Vũ giật mình đánh thót, chân tay run lên, xám mặt lại:

– Thế bây giờ ông làm gì?

Tư Kểnh lắc đầu:

– Tôi yếu lắm, làm gì được? Mới gần năm mươi tuổi đầu nhưng lắm bệnh tật lắm.

Vũ biến sắc mặt, bỗng hai dòng lệ rơi xuống đất, Vũ lấy vạt áo lau, rồi hỏi:

– Thế ông ăn bằng gì?

– Bữa đói bữa no, cậu ạ. Khi nào tôi khỏe thì đi hầu các cụ cũng được bữa cơm. Độ này ốm, thì ông Bá bên cạnh vẫn cho ăn, nhưng tôi nể lắm.

Vũ lặng người, vờ nhìn ra ngoài sân một lúc rồi lại hỏi:

– Thế nhà ông không có ai à?

Tư Kềnh thở dài, nói:

– Tôi không có vợ mà cũng không có họ hàng. Nghèo khổ lắm, cậu ạ. Mong chết mà không được. Vả ốm yếu đói khát thì ma nào nó lấy!

Vũ không thể nhịn được nữa, đành mặc cho nước mắt nó tuôn ra.

– Ông phải bệnh gì?

– Cái nghèo cái đói nó dễ sinh ra nhiều bệnh tật lắm. Nhưng cũng vì tôi đi nước độc về, nên bây giờ tôi bị tê thấp đã đến mười năm nay.

– Ông có muốn chữa khỏi không?

Tư kềnh dúm mặt lại cười, cái cười của người khốn nạn, rồi lắc đầu:

– Khỏi để phải sống khổ, thì tôi khỏi làm gì?

– Ông khỏi thì tự nhiên ông được đủ ăn sung sướng.

Tư Kềnh lắc đầu. Vũ ngậm ngùi, hỏi:

– Ông còn nhớ chuyện ngày xưa không?

– Chuyện gì?

– Tại làm sao ông nghèo khổ thế này? Trước ông đi lính kia mà?

– Phải, tôi đi lính khố xanh.

– Ông có đóng ở phủ, dưới quyền ông phủ Trần phải không?

Tư Kềnh chống hai tay ra đằng sau, nghĩ rồi gật.

– Thế ông còn nhớ cô nào là cô Thúy Liễu không?

Tư Kềnh cựa mình nhăn mặt, run run hai tay suýt ngã. Vũ vội chạy lại đỡ, Tư Kềnh rên hừ hừ nghiến răng nói:

– Cậu là mật thám...

Hai giọt nước mắt của Vũ rơi bộp xuống mặt Tư Kềnh. Vũ đắp chiếu cho Tư Kềnh rồi tiếp:

– Không, tôi là người lương thiện.

Tư Kềnh trừng trừng hai mắt nhìn Vũ. Vũ nói:

– Cô Thúy Liễu sai tôi đến thăm ông.

Tư Kềnh vừa rên vừa lắc đầu:

– Không phải.

– Tôi nói thực. Ông cầm lấy cái này.

Vũ móc túi đưa cho Tư Kềnh cái giấy năm đồng vào tay. Tư Kềnh nhìn tờ giấy bạc, rồi nhắm mắt, nhăn răng ra cười, gò ngực lên mà hổn hển.

– Tôi cảm ơn cô Thúy Liễu, tôi cảm ơn cậu.

Vũ thấy Tư Kềnh sung sướng bao nhiêu, thì khổ tâm bấy nhiêu, mà càng khổ tâm bao nhiêu, càng giận mẹ bấy nhiêu. Vũ nói:

– Tôi thương ông lắm.

Tư Kềnh gật, nói:

– Bây giờ cô ấy lấy ai? Được mấy con rồi?

– Cô ấy lấy một ông Phủ, được bốn con trai.

– Trời ơi, chóng quá nhỉ! Thế ông Phán ấy sau ra làm quan à? Cô ấy sung sướng nhỉ. Thế mà cũng được làm bà quan!

– Thế ngày độ ông đi lính mãn hạn thì ông làm gì?

– Nào có được mãn hạn đâu! Tôi đóng ở phủ ấy được ít lâu rồi vì việc đánh mất đạn, quan bắt đổi cả năm người.

– Việc đó ông có rõ ai lấy không?

– Chả phải ai lấy cả. Có một hôm quan gọi tôi lên, bảo đưa cả bao đạn của tôi lên cho quan mượn nhưng ngờ đâu ngài giữ lấy, rồi bẩm tỉnh là tôi đánh mất đạn.

– Thế à? Sao ông không kêu?

– Kêu ai? Tôi phải đổi, cả đồn phải đổi, mà cả trại lính lệ cũng phải đuổi hết. Ở đồn mới được vài hôm, tôi bị bắt, là thông đồng bán đạn cho giặc cướp, rồi phải tù và bị giam ở một tỉnh trung châu. Ở đấy, một hôm tôi xe cát vào dinh quan Chánh án, thì tình cờ gặp ngay cô Thúy Liễu và quan Phủ năm ấy làm Chánh án tỉnh này. Bởi vậy, hơn một tháng sau, tôi phải phát vãng lên mạn ngược, trên Sơn La. Tôi ở đấy, không chịu được nước, suýt chết mấy lần. Nhưng thà chết ngay ngày ấy, còn hơn đeo bệnh tật vào mình mà sống dai dẳng đến bây giờ.

– Thế là ông dại nên mới phải tội oan.

– Phận hèn thì còn kêu thế nào được oan! Tôi biết là quan thù tôi vì một việc.

– Việc gì?

– Việc tôi với cô Thúy Liễu.

Vũ vờ hỏi:

– Sao lại dính đến cô Thúy Liễu?

Tư Kềnh nghĩ ngợi, rồi tươi tỉnh hẳn lên, vì được nhắc lại cái đời sung sướng đã qua:

– Nguyên ở phủ ấy, nhà tư chỉ cách trại cơ có cái sân bếp chừng hai mươi bước. Buồng cô ngay ở đầu nhà, có cửa sổ trông xuống trại. Ngày ấy tôi còn trẻ trung, đẹp đẽ, khỏe mạnh lắm và chưa vợ. Cũng là vui chơi với nhau trong trại, anh em chúng tôi hay hát, hát tuồng, hát chèo, hát lý, kể kiểu Sài Goòng, kể sa mạc. Trong bọn anh em, tôi có giọng tốt nhất. Một hôm về tháng tám, tôi đang kể sa mạc, bỗng trông ra ngoài phía trên buồng cô, thấy cửa mở đèn tắt, mà cô thì ngồi ở trong, muốn chừng đang nghe. Tôi thấy vậy, im không hát nữa, thì văng vẳng, tôi nghe tiếng đàn cô đánh. Hôm sau, lúc độ gần canh ba, trời sáng trăng, tôi lại bắc chõng ra sân, và cũng kể sa mạc. Tôi lại trông thấy cửa buồng cô mở ra, và thấy bóng cô đứng đấy. Vì hôm trước có đám cướp to ở cuối phủ, nên tối ấy quan đi tuần với thầy quản Đồn và ba người lính; chỉ còn anh Tấng Sít canh ở cổng, và tôi ở nhà coi trại mà thôi. Tôi thấy cô nghe, phần sợ cũng có, phần muốn ghẹo cô cũng có, tôi lại im không hát nữa. Nhưng tôi vừa im tiếng hát, thì lanh lảnh cô gọi:

– Anh Cách hát nữa đi.

Tôi bèn cố lấy giọng, hát những câu cực hay, thì thấy cô leo lên cửa sổ, ngồi phệt, thõng chân xuống gọi:

– Này, anh Cách lại gần đây mà hát.

Tôi nhìn trước nhìn sau và trong bếp, thấy vắng vẻ quá, vì quan đi vắng, nên người nhà cũng đi chơi, mà trên nhà trên, bà lớn và các cô cũng đi ngủ cả, nên đánh liều, tôi bắc chõng lên sân bếp để hát, nhưng hát khẽ thôi, vì tôi sợ trên nhà biết thì phải chửi. Nhưng cô bảo:

– Hát to lên anh!

– Bẩm cô, con sợ trên nhà nghe tiếng.

– Thế thì lại gần đây mà hát. Anh hát hay lắm.

Tôi trong bụng đã thấy muốn giở mặt liều, nhưng nghĩ mình hèn mọn, ngộ lỡ ra thì tù mọt gông, tôi bèn nói:

– Bẩm cô tha phép cho con.

– Không sợ! Anh hát rồi tôi sẽ thưởng cho anh; hôm nay vắng vẻ, tôi cho anh cứ tự do mà.

Nói đến đó Tư Kềnh thở dài. Vũ nói:

– Thế là tôi hiểu rồi. Thôi, ông không phải nói thêm nữa.

– Vâng. Nhưng cậu phải biết là cô ấy mê tôi trước, chứ Bụt trên tòa gà nào dám mổ mắt. Ngày ấy quan bắt cô ấy uống thuốc mãi, nhưng không làm thế nào cho cái thai ra được.

Vũ tái mặt, nói lảng:

– Nhưng sao ông không khiếu oan, kể rõ đầu đuôi như thế?

Tư Kềnh thở dài, cựa mình, hai tay chống lại, lắc đầu, nói:

– Mình dại mình chịu, đổ tiếng cho người ta thì mình có hay thêm gì đâu. Vả tôi không nỡ, vì ngày ấy tôi được cô ấy thương tôi lắm.

– Thế bây giờ tôi hỏi ông câu này, ông nói thực nhé.

– Vâng cậu cứ hỏi.

– Vũ móc túi, lấy mảnh giấy nặc danh hôm trước Điệp đưa cho, hỏi:

– Có phải thư này ông viết phải không?

Tư Kềnh cố gượng ngồi dậy, đọc từ đầu đến cuối bức thư.

Trong khi ấy Vũ ngắm cái nét mặt xanh xao của Tư Kềnh, và mong một tiếng trả lời ở cửa miệng người ấy.

– Phải!

Vũ như bị sét đánh, bỗng nức nở khóc, làm cho Tư Kềnh trố mắt lên nhìn, chẳng hiểu sao cả.

– Phải, thư này chính tay tôi viết, khi tôi chưa lên Sơn La. Nhưng cậu ơi, cậu làm ơn bảo cho tôi biết rồi sau cô đẻ con trai hay con gái.

Vũ cau mặt nghĩ. Bỗng nắm chặt tay, Vũ đấm xuống phản, rồi hỏi:

– Ông bảo gì?

– Cậu làm ơn cho tôi biết rồi sau cô đẻ con trai hay con gái?

– Đẻ con trai, đứa bé ấy hiện vẫn còn sống và ở với cô Thúy Liễu, nhưng nó bị cực nhục lắm, chính tai tôi nghe thấy mấy lần nó bị mẹ nó diếc là con nhà lính mà tính nhà quan.

Tư Kềnh lắc đầu:

– Bạc quá! Ác quá! Bất nhân quá! Hèn nào mà rồi tôi hỏi thăm, có người nói rằng ngày mới đẻ đứa bé, cô ấy bóp nó chết ngạt, nhưng may có người biết.

Vũ giật mình đánh thót, rụng rời chân tay. Một lúc mới nói:

– Đứa bé bị bạc đãi, vẫn có ý đi tìm ông đấy.

Tư Kềnh thổn thức lên khóc, gò lưng mà ho sù sụ, nhăn nhó, gục đầu xuống cổ, quệt vai áo lên mắt:

– Con ơi!

Vũ cũng khóc.

Tư Kềnh ho mệt quá, nhờ Vũ đỡ nằm và bảo:

– Vậy cậu có gặp nó, nhờ cậu làm ơn đưa nó về đây cho tôi.

– Thế nào rồi ông cũng gặp con ông, ông cố sống thêm hai ba năm nữa. Nó sẽ nuôi nấng ông được tử tế. Ông sẽ có lắm tiền nhiều bạc.

Tư Kềnh thở dài. Hai người lặng nhìn nhau hồi lâu, mỗi người hiểu một cách, rồi Vũ cầm mũ cáo từ ra đi...

XVII

ĐIỆP VỚI THÚY LIỄU

Vũ ngồi một mình ở buồng khách nhà bác sĩ Điệp, tay bóp trán suy nghĩ lại cái cảnh khốn nạn của cha, cái lòng bất nhân của mẹ, thì càng oán ông Phủ Long và Thúy Liễu.

Đến độ bảy giờ tối, bỗng có tiếng còi bóp inh ỏi ở ngoài phố, người gác quen hiệu, chạy ra mở cổng. Hai cánh cửa sắt rít lên, khi chiếc xe hơi hòm kính nhẹ nhàng, nhảy chồm rồi tiến vào đến sân, thì Vũ đã đứng chờ ở đó.

Xe chưa tắt máy, Điệp đã gọi vang người nhà và hai thày khán hộ. Vũ đoán hẳn có việc gì quan trọng chi đây, bèn chạy lại gần xe, để cùng mọi người chờ làm đỡ công việc.

Điệp thấy Vũ chào, mỉm cười gật đầu, nhưng nét mặt vẫn rất lo lắng, hấp tấp xuống xe, theo sau là một người trẻ tuổi. Điệp giới thiệu với Vũ:

– Đây là em Xuân, con cụ ân nhân của tôi.

Rồi ngoảnh lại bảo Xuân:

– Người mà anh mới nói chuyện cùng em buổi sáng.

Vũ và Xuân chào nhau, Điệp nói:

– Tôi bận, cậu Vũ chờ tôi sẽ nói chuyện nhé.

Vũ hỏi khẽ Xuân:

– Thưa ông, ông Đốc bận gì, sao trông mặt ngài có ý hốt hoảng vậy?

Xuân trở vào trong xe nói:

– Có người ốm nặng, chúng tôi đưa về đây.

Vũ nhìn Điệp, nhìn Xuân, đứng lặng.

Trong bệnh viện, đèn bật sáng trưng, mọi người khiêng chiếc giường lên gác, và ôm chăn đệm, gối mới thay đi theo.

Điệp và Xuân vẫn đứng đấy, Vũ tò mò cố nhìn vào trong xe, thấy một người quấn chặt trong chiếc chăn nâu, trông như khúc gỗ, không rõ mặt mũi.

Khi giường ghế trên gác kê dọn đã xong, Điệp mở cửa xe, rồi cùng Xuân khênh bệnh nhân lên gác, Xuân bảo Vũ:

– Có cái hòm trong xe, cậu bưng hộ lên.

Vũ cúi vào trong xe, lôi cái hòm ra. Cái hòm ấy bằng gỗ tạp sơn đen, vuông chằn chặn, đằng sau có bản lề, đằng trước khóa, nhưng bản lề và khóa đều long cả. Vũ tưởng cái hòm nặng, cố hết sức khênh, thì trái lại, cái hòm nhẹ bỗng lên, nghiêng đi, nắp bật ra, Vũ trông rõ trong có một ít quần áo bằng vải nâu. Vũ phân vân, không hiểu con bệnh là hạng người thế nào mà được biệt đãi như thế.

Đặt bệnh nhân lên giường, mọi người thay chăn và gối. Lần này thì Vũ nhìn rõ.

Người này hẳn là ốm nặng lắm. Mặt mũi đen đủi, xấu xí, hốc hác, lưỡng quyền và hàm răng vêu lên, xám ngoẹt, mặt và hai tay gồ ghề những xương cùng gân, thân thể mềm lả như cái xác không hồn, bởi vì có con mắt có thể biểu hiện cho sự sống, thì đã lờ đờ hoặc nhắm mất rồi. Trông bộ tóc dựng ngược như lông bàn chải. Vũ sực nhớ đến cái đầu của cha Vũ, thì đoán là một anh tù bị phát vãng trên mạn ngược mới về; thật, giá trên ngực, Vũ không trông rõ cái lần áo phập phồng lên xuống, thì đã tưởng là người chết rồi.

Vũ thấy Điệp có dáng rất lo lắng, ngại ngùng, cẩn thận. Tự tay Điệp đi sửa soạn các đồ tiêm, Vũ hỏi khẽ Xuân:

– Thưa ông, người ốm là ai?

– Chị tôi đó. Chị tôi ốm đã ba tháng nay ở chùa Phương Thành.

Vũ cảm động, trố mắt nhìn Lan một cách cung kính. Vậy là người có ảnh treo trong buồng ngủ của Điệp! Vậy là người Điệp yêu, Điệp quý, Điệp nhớ nhất đời!

Lan nằm trên giường bệnh, bất tỉnh nhân sự. Điệp cầm tay Lan, thất vọng lắc đầu, nói:

– Chậm quá rồi, khó lắm.

Một cái yên lặng man mác, mỗi người tâm sự một khác, đều cùng nhìn nhau thở dài.

Bỗng Vũ khẽ hỏi:

– Bà ấy phải bệnh gì?

Điệp liếc mắt, Xuân hiểu ý, không muốn có tiếng nói xôn xao bên người ốm, bèn bấm Vũ, hai người rón rén ra buồng thuốc. Xuân nói:

– Chị tôi không rõ là mắc bệnh gì, bởi vì nhiều bệnh quá, những bệnh về tâm lý nó đã ăn sâu vào trong tâm hồn hàng mười lăm năm, bây giờ phát ra thì rất khó chữa.

– Nhưng bác sĩ hết lòng, hẳn có hy vọng.

Xuân lắc đầu, cười một cách đau đớn:

– Mặc dầu. Vì hiện nay bác sĩ cũng chưa phân biệt được bệnh. Ấy thế mà anh tôi và tôi xin mãi sư cụ mới bằng lòng cho về đó. Sư cụ rất thương mến chị tôi, cứ nhất định không nghe, nói rằng không muốn phó thác tính mệnh cho ai cả; vì sư cụ coi chị tôi như con, năm nay người đã ngoại tám mươi tuổi. Chị tôi thì ốm nặng quá, mê mẩn không còn hiểu gì, đến nỗi chúng tôi mang về đây, cũng không biết.

– Nhưng nếu bà ấy biết rằng bác sĩ và ông trông nom săn sóc cho, thì hẳn bệnh mười phần, phải giảm ngay năm sáu.

Xuân gật đầu:

– Có lẽ.

Bỗng Điệp lững thững ra, vẫn thất vọng, lử thử nói:

– Anh phải mời vài ông bác sĩ nữa cùng hiệp lực để chữa mới được.

Xuân hỏi:

– Bây giờ chị em ra sao? Anh?

– Tiêm rồi, nhưng còn phải nghe từ giờ đến nửa đêm mới có thể yên tâm được.

Nói rồi, Điệp xuống nhà dưới.

Trên gác bệnh viện đêm hôm ấy tấp nập kẻ ra người vào, nhưng đều rất sẽ sàng, không có một tiếng động to.

Lan nằm lả trong chăn, lúc thì hổn hển thở, lúc thì ự ự cựa, cũng có lúc mở mắt ra, nhưng chỉ vài giây đồng hồ, rồi lại gà gà nhắm lại, rất mệt nhọc.

Ba bốn ông Đốctờ và Điệp cùng nhau nghe bệnh và bàn bạc, nhưng ai cũng đều lắc đầu, Điệp càng lo.

Độ khoảng mười giờ, Điệp thấy Lan thở đều hơn trước, và nằm im, Điệp mới khẽ ra, đóng cửa lại, đi ăn cơm.

Trong khi ngồi vào bàn, Điệp gọi Vũ đến cạnh nói chuyện, Vũ thấy Điệp hơi vững dạ, nói:

– Con chúc bà ấy sẽ chóng khỏi, để cùng ông trọn lời ước xưa.

Điệp đổi ngay ra nét mặt rầu rầu:

– Tôi nào dám mong nhiều quá thế, có phải một mình tôi quyết định được việc ấy đâu! Vả mong bà ấy khỏi được bệnh cũng đã khó lắm rồi. Thế nào? Cậu về đây, hẳn ý cậu muốn cho tôi biết rõ cậu đã được nghe và thấy những gì.

Vũ tái mét mặt, kể hết đầu đuôi câu chuyện Tư Kềnh rồi khóc. Điệp và Xuân rất ngậm ngùi, Vũ kết cục:

– Con đến đây, chủ ý định thưa ông lại việc đó, rồi sáng mai, con xin phép ông con đi sớm.

– Cậu đi đâu? Cậu có thể ở đây với tôi, tôi sẽ cho cậu đi học tử tế, cậu đừng ngại.

Vũ bối hồi, đáp:

– Nếu con có phải nhờ đến ông, thì sau này kia, chứ bây giờ thì quyết con phải đi.

– Cậu về với ông bà Phủ?

Vũ cười:

– Thưa ông, đối với một người đã lập tâm giết con mấy lần, thì là kẻ thù, chứ là mẹ sao được.

Điệp an ủi nói:

– Đành vậy, nhưng bà Phủ có công mang nặng đẻ đau, ông Phủ có công nuôi nấng cậu từ thuở bé đến giờ, cậu nên nghĩ chỗ đó.

– Nhưng chẳng may cho mẹ con, là con không chiều được ý mẹ con mà chết ngay từ khi còn là cái thai, thì hẳn là lẽ tự nhiên, ông Phủ Long phải nuôi con. Ông Phủ Long và mẹ con coi con như kẻ thù, tất con không thể coi ông ấy và bà ấy là cha là mẹ nữa.

– Vậy thì cha cậu sẽ là ông Cách?

Vũ lắc đầu:

– Ông Cách! Nào ông ấy có định tâm có con đâu!... Con chỉ là cái kết quả của sự đùa bỡn của ông ấy và bà Thúy Liễu mà thôi.

– Cậu nghĩ thế không được. Người ta uống nước phải nhớ nguồn.

– Con là con của xã hội, chứ không là con riêng của một ai.

Rồi đau đớn, Vũ ngồi yên lặng một lát, trầm ngâm. Độ năm phút sau, Vũ lại nói:

– Con không muốn ai biết cỗi rễ của con. Con không muốn ngày sau hễ ai nói đến con, người ta lại thì thào rằng:

– Đó là con hoang của thằng lính tập. Nghĩa là con chỉ là một người con chịu trách nhiệm những công việc của cha hay mẹ.

Điệp đương lo lắng bỗng bật cười. Vũ lại nói:

– Chỉ có tay Thần Chết là có thể xóa được hết cả dấu vết ở đời.

Điệp lại cười:

– Chỉ có linh hồn cao thượng, đại lượng, cũng như chỉ có công việc bổn phận mới có thể làm quên được nỗi khổ thống ở đời. Tối đây, nếu không cương quyết lấy công việc về bổn phận để phấn đấu với những nỗi đau đớn, thì những cái này nó đã sai khiến giày vò tôi biết đến thế nào rồi. Ở đời, ta phải sống cao thượng và làm việc.

Câu chuyện đang vui, bỗng Điệp nghe thấy tiếng Lan ự ự trong buồng, vội bỏ cả bát đũa vùng chạy vào.

Đêm hôm ấy, Điệp tuy nằm trên giường, nhưng không dám chợp hẳn mắt. Trong buồng Lan, tức là buồng Xuân học, chỉ thắp một đèn ngủ lờ mờ, còn thì tắt hết. Điệp vắt tay lên trán, vơ vẩn lo lắng về bệnh tình của Lan, lúc nào cũng lắng tai nghe ngóng. Hễ thấy một tiếng động là giật mình. Bên ngoài gió vi vút thổi, cái đêm chảy

thăm thẳm, lạnh lùng, nó chứa bao nỗi kinh hùng, bí hiểm, lại càng dọa Điệp, làm cho Điệp hễ động thiu thiu mơ màng là đã thấy những giấc chiêm bao sợ hãi.

Bỗng ngoài buồng thuốc, ngọn đèn điện bật sáng trưng. Điệp mở choàng mắt ra, khe khẽ lật chăn ngồi nhổm dậy. Rồi gượng lẹ, Điệp đứng lên rón rén đến sau cánh cửa kính có màn đăng ten dòm vào.

Điệp ngạc nhiên, sững hẳn người ra.

Vũ ngồi ở trên bàn, đang loay hoay với hai hộp kẹo.

Điệp lẳng lặng nhìn để dò xét xem Vũ định làm gì. Vì bàn kê ngay gần đấy, nên Điệp trông rõ lắm.

Vũ buộc dây chằng bốn bên hai cái hộp, rồi dán mảnh giấy đè lên nút buộc, và cầm bút. Chẳng mấy chốc trên mặt hộp, Điệp đã trông rõ mấy dòng chữ sau này:

Bà Phủ Hoàng Xuân Long

Làng Yên Hạ

Lạc Quần

Viết xong, Vũ cầm cái hộp ngắm nghía, rồi chống tay lên bàn ra chiều nghĩ ngợi. Một lúc, Vũ gục hẳn mặt xuống, rồi bỗng ngẩng phắt đầu lên, cầm bút viết để nốt cái hộp nữa:

Ông Hoàng Xuân Long

Tri Phủ

Ga Lai Khê

Viết xong, lại như bận trước, Vũ cầm cái hộp ngắm nghía, rồi như có điều gì hối hận không yên tâm.

Điệp cắn môi, cau đôi lông mi lại nghĩ, không hiểu Vũ có ý gì mà gửi hai hộp kẹo cho hai người ấy. Nhưng chắc rằng thế nào cũng là việc không hay. Điệp nhận kỹ nét mặt Vũ, bỗng đâm nghi, bèn trông bốn bên buồng thuốc. Điệp giật nảy mình: lọ thuốc độc vẫn để kia, nhưng vợi đi hẳn một nửa.

Điệp hiểu ngay lập tức, run lên, lạnh toát cả người. Lúc bấy giờ, buồng ngoài, Điệp thấy Vũ vẫn ngồi thừ; tay cầm hai cái hộp giơ lên lại đặt xuống, mà ngắm nghía mấy dòng chữ. Chàng thở dài, lắc đầu.

Điệp mơ màng, đứng ngây như khúc gỗ, đến nỗi ngọn đèn điện tắt lúc nào cũng không để ý đến nữa.

Lúc bấy giờ đã bốn giờ rưỡi sáng. Hơi lạnh quanh mình làm cho Điệp như sực tỉnh giấc chiêm bao. Chàng bâng khuâng, đi lại giường, ngồi gục đầu, nhắm đôi mắt, nghĩ ngợi. Hẳn là trong cái óc nhân đạo của chàng tưởng tượng ra bao nhiêu cái thảm trạng trong gia đình họ Hoàng.

Rồi tự nhiên chàng quả quyết đứng phắt dậy, đến mở tủ. Chàng bấm ngọn đèn pin soi vào trong ngăn, lấy ra ba tờ giấy bạc một trăm, gấp lại và bỏ vào trong chiếc phong bì danh thiếp và dán kín.

Rồi giữa cái lặng lẽ, trong trẻo, tôn nghiêm của buổi canh tàn, Điệp lẹ làng bước đi, mở cửa ra buồng ngoài, nín hơi, rón rén đến cạnh giường Vũ. Chàng đứng đằng đầu giường, lắng tai nghe, thấy Vũ đã ngáy, chàng bèn với tay lên đỉnh màn, nhấc lấy cái mũ của Vũ, bỏ phong bì vào vành mũ da lần trong; rồi lại êm lặng để trả chỗ cũ. Điệp lại khe khẽ thò tay vào màn, rút dần dần lấy ra hai hộp kẹo, rồi rón rén về buồng mình.

Rất khéo léo, chàng bóc cái giấy đề tên trên hộp, rồi lấy con dao cắt dây chằng bốn bên, nậy nắp, đổ hết kẹo ra, và soi đèn xét rất kỹ lưỡng. Một lúc lâu, chàng gói cả kẹo vào một cái gói riêng, và nhét vào hộp những mảnh sắt con con và chèn đầy giấy vụn xung quanh. Điệp đóng nắp hộp, lắc thử rồi buộc dây, dán giấy như cũ.

Làm cẩn thận xong, Điệp sẽ sàng, lắng tai từng tí, rồi cất trả hai cái hộp vào chỗ cũ cho Vũ.

Cất xong, Điệp đứng ngay ở đầu giường, hai mắt đăm đăm nhìn Vũ mà ngậm ngùi. Sau lượt màn thưa, Vũ nằm sóng sượt, dưới vầng tóc đen ngòm, lờ mờ có cái cánh tay vắt ngang qua mắt và trán; vậy mà Điệp cũng tưởng tượng thấy cái mặt nhăn nhó của thằng bé con mười lăm tuổi, đầy những vết thương về vật chất, và về tinh thần!

Rồi trên bộ mặt sắt đá của Điệp mà người xưa vẫn cho là bạc, từ từ chảy ra hai dòng lệ long lanh!

XVIII

ĐIỆP VỚI LAN

Bệnh Lan mỗi lúc một trầm trọng, đến nỗi Điệp không những không có hy vọng chữa khỏi, mà cũng không mong hàng ngày nữa, được giờ nào hay giờ ấy mà thôi. Điệp cố hết sức chữa cho Lan tỉnh

trong một lúc để được nói chuyện trước khi vĩnh quyết, nhưng khó quá, lúc nào Lan cũng li bì, mà ba bốn bận ngất đi, tưởng không cứu được nữa.

Suốt cả ngày hôm sau, mấy vị bác sĩ đến thăm bệnh cho Lan, nhưng cũng không ích gì. Điệp lại cho mời cả mấy ông thày khách, thày ta, xưa nay có tiếng là danh sư nhưng ai bắt mạch xong cũng từ chối. Điệp đành bó tay cùng Xuân ngồi ở ghế kê ngay sát đầu giường, để chờ lúc Lan giở chứng thì gọi.

Nằm trong chăn, hai mắt gà gà; Lan vẫn hổn hển thở. Cứ mỗi khi Lan cựa, hoặc rên, thì Điệp và Xuân lại giật mình nhìn nhau và dò xem Lan muốn gì. Điệp chắc rằng Lan cứ thế rồi lịm đi, như ngọn đèn hết dầu thì tắt.

Nhưng bỗng tự nhiên, Lan thở mạnh một cái, rồi hai con mắt mở to, có vẻ tinh thần.

Điệp mừng quá, nhưng là cái mừng ở trong sự tuyệt vọng, vì Điệp biết rằng đó là phút cuối cùng của Lan lấy hết cái sức tàn để phấn đấu với sự chết.

Lan giương mắt nhìn, nhìn Điệp và nhìn Xuân. Điệp ghé đầu lại gần, gọi:

– Cô Lan!

Xuân rơm rớm nước mắt, cũng gọi:

– Chị ơi!

Lan trừng trừng nhìn hai người để làm hiệu thưa, Điệp hỏi:

– Cô Lan, cô có biết tôi là ai không?

Lan lim dim hai mắt, gật đầu.

Điệp bảo:

– Cô thử nói tên xem có đúng không?

Lan giương đôi mí mắt chòng chọc nhìn vào mặt Điệp khẽ cất tiếng:

– Điệp!

Nói xong, tủm tỉm cười. Điệp trỏ vào Xuân hỏi:

– Thế cô có biết ai đây không?

Lan quay nhìn, nhìn mãi, rồi lắc.

– Xuân đấy, em Xuân đấy.

Lan vẫn nhìn, Xuân hỏi:

– Chị có nhận ra không? Em đây mà.

Lan lắc. Xuân nói:

– Tại ngày chị còn ở nhà, em còn bé quá, bây giờ em lớn, em khác hẳn đi.

Lan gật, rồi ú ớ nói líu lưỡi hỏi:

– Thày mạnh chứ?

– Thày mất sáu năm nay rồi, chị không biết à?

Lan lắc, rồi nức lên nhưng không khóc ra nước mắt.

– Bây giờ em học ở ban Tú tài trường Bảo hộ. Anh Điệp nuôi cho ăn học.

Lan quay nhìn Điệp, gật một cái. Điệp nói:

– Đây là nhà tôi, bệnh viện của tôi mới mở, tôi không làm việc nhà nước nữa.

Lan gật, rồi cố nhăn mặt, dùng hết sức, hỏi bằng giọng khàn khàn, líu ríu rất khó nghe:

– Mấy con?

Điệp trợn mắt ngạc nhiên hỏi:

– Cô tỉnh hay mê? Cô Lan?

– Tỉnh.

– Thế cô có nhận được ba cái thư tôi gởi vào chùa không?

Lan gật.

– Sao cô lại hỏi thế?

Lan thong thả lắc đầu, đáp:

– Tôi không đọc.

Một hồi trống ngực làm cho Điệp bồi hồi, hai dòng lệ bỗng bò trên má chàng; Điệp nhăn nhó hỏi dồn:

– Sao lại không đọc?

Lan lắc, lả ngoẹo đầu thở dài.

– Thế cô có biết tôi bỏ Thúy Liễu ngay mấy tháng sau khi cưới không?

Lan lắc. Xuân nhìn Điệp nói:

– Hay là chị tưởng Thúy Liễu vẫn ở với anh, mà không muốn đứng giữa, làm rối cuộc hòa hợp gia đình anh, nên mới thế?

Lan gật. Điệp nói:

– Tôi không lấy ai cả. Ngày ấy tôi bị bắt buộc cưới Thúy Liễu, chứ không nhận Thúy Liễu là vợ.

Lan nhìn Điệp, có ý cảm động, nhăn mặt lại, mà ngực phồng to rồi dẹp xuống như đã hắt được một hơi nặng nề. Điệp nói:

– Bây giờ tôi đỗ y khoa bác sĩ, là nhờ ông nhà cho sang Tây học. Đẻ tôi mất sau khi tôi ở Pháp về được một năm. Em Xuân học hành ngoan ngoãn, chắc nối được nghiệp nhà.

Lan gật.

– Ngày tôi bỏ Thúy Liễu, tôi có vào chùa định thăm cô, nhưng không vào, vì tôi muốn quyết lập thân trước, rồi mới nghĩ đến cuộc nhân duyên sau.

Một nụ cười khô đét nở trên cặp môi héo hắt của Lan. Lan lắc đầu.

– Sao cô lại đày đọa thân cô quá thế. Cô làm gì nên tội, tự làm khổ như thế để thiệt một đời?

Lan nhăn mặt, lắc đầu, cố nói:

– Tôi tưởng...

Rồi rũ lên mà ho; ho xong, hai mắt đờ ra, lim dim, thở... Điệp lắc đầu, bảo Xuân:

– Thương hại quá.

Lan lại cố mở mắt ra để nhìn. Điệp hỏi:

– Thế ba cái thư tôi gửi về đâu?

Lan lại dim mắt, nói:

– Hòm.

Điệp bảo Xuân lục ra lấy, thì quả nhiên ba cái phong bì còn dán nguyên. Điệp vò đầu vò tai, nhăn nhó nói:

– Khổ quá. Tôi thương cô quá.

Rồi Điệp nức nở lên mấy tiếng, ngồi phịch xuống ghế. Xuân cũng thổn thức. Quanh mắt Lan bấy giờ cũng lóng lánh một quầng lệ.

Điệp bảo Xuân mang ảnh ông Tú và ảnh Lan cho Lan xem. Lan nhìn, rồi mỉm cười, gật đầu. Điệp hỏi:

– Cô liệu trong mình thế nào?

Nước mắt đầm lên, Lan lúng búng trong lưỡi mấy tiếng:

– Tôi chết... chân lạnh...

Điệp và Xuân nhìn nhau thở dài. Điệp hỏi:

– Thỉnh thoảng tôi với em Xuân có lại chùa hỏi thăm cô, cô có biết không?

Lan lắc. Điệp nhăn mặt, nói:

– Khổ thân quá! Trời đã cho người ta cái quên là một, cái quen là hai, để rịt những vết thương trong tâm hồn mà không biết lợi dụng. Đau đớn cho Lan biết chừng nào! Lan ơi!

Vừa nói Điệp vừa nức nở khóc. Lan quay mặt nhìn chàng tỏ tình thương hại, gọi:

– Anh!

Xuân cũng gọi:

– Anh Điệp, chị em hỏi gì.

Điệp lau mắt, ghé tai gần:

– Cô hỏi gì tôi.

Lan thở mạnh, ú ớ nói khẽ:

– Đừng khóc... tôi chết... lạnh đùi...

– Cô muốn tôi để cô ở đâu?

Lan hỏi:

– Chôn ấy à?

– Phải!

– Đâu cũng được:

– Ở nhà quê nhé!

Lan gật, sau cái gật, một cái mỉm cười cố sức, sau cái cười cố sức, hai con mắt chòng chọc nhìn vào Điệp nhưng lờ đờ dần.

Điệp gọi:

– Cô Lan!

Xuân cũng gọi:

– Chị ơi!

Không thấy trả lời, Điệp và Xuân run lên, cố gọi. Bỗng trên môi mấp máy:

– Tôi... chết... Lạnh ngực.

Hai người đứng sát lại giường: mắt Lan tuy đờ, mất dần tinh thần, nhưng như vẫn có ý tiếc mà cố nhìn theo Điệp, Điệp gọi:

– Cô Lan.

Tự nhiên Lan lại cựa đầu để tỏ ý hiểu, rồi rên như muốn thưa. Điệp hỏi dồn:

– Cô còn muốn gì nữa không?

Tuy đầu đã ẻo lả, nhưng Lan cố lắc được vài lần, lưỡi đã rụt lại, nhưng Lan cố phào ra mấy tiếng líu ríu:

– Tôi thỏa lắm rồi.

Bốn tiếng ấy làm cho Điệp sung sướng, như thấy trẻ hẳn người lại: Rồi Lan rên, ú ớ như gọi, nhưng không còn ra tiếng gì nữa. Đứng trước cái phút cuối cùng của Lan, Điệp cảm động quá, không thể khóc được, cố giương mắt nhìn Lan, để được in sâu trong hình ảnh người đã hy sinh một đời cho mình được sung sướng mà tuy mắt đã đờ hẳn, Lan vẫn chòng chọc trông Điệp. Bỗng trong chăn thấy ngó ngoáy cựa, Xuân lật lên thì hai bàn tay Lan đang xòe ra, chắp lại với nhau. Rồi giật mạnh một cái, hai tay lạnh như đồng, Lan choàng tay ra, nắm chặt lấy cổ tay Điệp và Xuân, thì một tiếng nấc, ngực Lan thôi không thoi thóp nữa, sống mũi vẹo đi, nhưng hai mắt lờ đờ trắng phếch, vẫn cố mở nguyên để nhìn vào mé Điệp đứng...

XIX

TRÊN ĐỈNH GÒ XƯA

Năm giờ chiều hôm sau ở chợ Gỗi, người ta thấy phường kèn trống, bát âm, và phu đòn, sắp sẵn nhà táng linh xa ngồi chờ ở gốc đa để đón đám ma.

Cảnh xuân mà ảm đạm. Mặt trời chìm tây, hất cái bóng úa tàn lên những đám mây bạc mờ, lộn ra các màu óng ánh như khảm. Cây khô chưa nẩy lộc, đứng lom khom bên cạnh đường. Khóm tre kẽo kẹt, làm tơi tả chiếc lá vàng sum soe bay, rồi nằm mắc trên bụi tầm xuân dại.

Một chốc, ba chiếc ô tô từ đằng xa phăng phăng chạy lại, bóp còi inh ỏi, đến đầu chợ thì dừng.

Tiếng kèn nổi lên, theo gió đưa đi những giọt rền rĩ sầu thảm, khói hương phảng phất bay lên, đám ma thong thả theo lối rẽ vào

làng Văn Ngoại, rồi đi quanh rặng tre trên bờ sông. Người đưa đám mỗi lúc một đông. Trông thấy Điệp, Xuân, và một vị sư bác chùa Phương Thành, nghiêm trang đi sát sau cữu, thì ai nấy đều nhớ đến cảnh ngộ Lan mà sụt sùi giọt lệ. Trời về chiều đã tăng cái vẻ sầu thảm, trời về chiều lại bày thêm cảnh đám ma có giọng khóc nỉ non ai oán... Tạo hóa như khéo vẽ nên bức tranh đoạn trường!

Trống vẫn thúc, kèn vẫn rên. Hồn và xác Lan trong chiếc nhà táng, nghênh ngang theo sau tiếng bát âm ẻo lả, lượn vùng quanh lũy, qua mấy thửa ruộng trồng mã đề thì hạ xuống, cạnh cái gò chính Điệp và Lan đã ngồi nói chuyện hôm mười sáu tháng năm khoảng mười lăm năm trước.

Trời thấp dần. Núi non xa dần. Cảnh vật xung quanh đã nhuộm một mầu sẫm, buồn rười rượi như sắp chết. Bức màn sương, trên rủ xuống, xa đưa lại, cũng dần dà trùm khuất mọi nơi, rải rác vẻ u ám thê lương vào buổi chiều hôm hiu hắt.

Rồi sau, cây lẫn với núi, núi lẫn với trời, ánh sáng lờ mờ chỉ còn thu lại có một khoảng xung quanh gò đất giô lên giữa cánh đồng không mông quạnh.

Chim lạc đàn bay về tổ đã hết, người đưa đám đi về nhà đã thưa. Mấy bác phu vác cuốc lên vai, lững thững, yên lặng nối đuôi nhau xa dần.

Thấy sự vắng vẻ mỗi lúc một buồn tênh, như cảnh chợ buổi chiều hôm thưa lác đác, Điệp xúc động đến cái nỗi đời lẻ tẻ kẻ còn người khuất, tử biệt sinh ly, mà nguồn cơn thắc mắc, sóng lòng dào dạt. Rồi đây, chàng cũng ít khi về thăm cái gò này, mà Lan sẽ một mình chôn chặt khối tình, chờ trăng, đón gió, để ôn lại những ngày thơ ngây.

Trời thấp hẳn, xung quanh không có một tiếng động. Núi non cảnh vật đều mù mịt một màu đen, bi đát như để tang. Giữa khoảng vũ trụ cao thâm man mác, trên đỉnh gò còn trơ hai cái bóng người đen đen, nhỏ xíu; đứng sững, dắt tay nhau, gục đầu lặng lẽ trước cái nấm đất mới đắp.

Trời tối sập. Cơn gió thổi dài làm lạnh lẽo tấm lòng não nùng, như muốn lật tung chiếc màn trời thẳm nghiêm khơi ngất. Xung quanh chỉ còn cái cao thâm man mác của vũ trụ. Điệp và Xuân còn nấn ná không nỡ dời chỗ ở cuối cùng của Lan. Biết bao tâm sự mang máng, Điệp còn muốn nhớ lại cái đoạn lệ sử của người chan chứa

những ân tình, tưởng tượng lại cái buổi dưới bóng trăng trong hôm mười sáu tháng năm ngày trước.

Mấy lần toan đi không dứt, Điệp và Xuân cứ đứng sững cạnh mả mà ngậm ngùi. Bỗng Xuân bảo:

– Thôi ta nên về kẻo khuya.

Điệp lau hai hàng nước mắt, nhìn bốn bề tối mít như bưng, mới nắm chặt lấy tay Xuân, lắc đầu, nói:

– Em ơi! Cùng trong cảnh khổ nào, bao giờ người đàn bà cũng nhu nhược hơn đàn ông, cho nên mới chịu để sự đau đớn nó giày vò đến chết.

Hai tiếng thở dài nối nhau, hai người lững thững, yên lặng, dắt tay bước đi, nhưng đến chân gò, còn trầm ngâm đứng quay lại trông một lượt nữa cái mô đất vô hồn, thơ thẩn, nó cũng lẳng lặng nhìn theo bằng mấy nén hương còn lấp lánh sáng.

Than ôi! Lòng người với vũ trụ, cái nào man mác cao thâm hơn?

Đăng báo *Nhật Tân* 1933, in trọn trong
Phổ thông bán nguyệt san, số 1, 1-12-1936

LÁ NGỌC CÀNH VÀNG

(Tiểu thuyết)

I

HAI THẾ GIỚI

Nga một mình lững thững ra vườn chơi. Hai bên lối đi, đầu cỏ còn ướt đẫm, nặng trĩu những nước. Trên mạng nhện, hạt sương đọng, nổi lên trăm nghìn vẻ óng ánh như kim cương.

Cảnh vật buổi sáng mùa xuân bâng khuâng như mộng. Sương sa mù trời. Dẫy núi đá cằn, mọi khi rắn rỏi ở màu áo xám, uốn lưng ở rìa cánh đồng, bây giờ uể oải như lờ mờ chưa tỉnh giấc trong màn, mà đầu thì lẩn kín vào chiếc chăn trắng.

Đứng dưới gốc đào, Nga thấy tâm hồn man mác. Làn gió hiu hiu thổi, làm tha thướt tà áo nhẹ nhàng. Mấy cánh hoa tơi tả, lăn tăn bay xuống đầu, xuống vai nàng, rồi xuống đất. Nhìn màu đào rải rác trên tấm thảm xanh, Nga nhớ lại xác pháo đỏ ngòm trong sân mấy hôm trước, nàng mỉm cười khoan khoái.

Nga ngắm rặng đào mãi không mỏi mắt. Hoa đua nhau nở to, rung rinh, như hớn hở cười với gió đông. Nàng cho rằng chỉ sáng nay, đầy trời trắng xóa sương mù, thì màu phớt của vườn đào mới tăng vẻ đẹp. Nhưng mà chính Nga, một thiếu nữ lộng lẫy, mơn mởn, tha thướt trong rặng đào, mới càng làm cho cảnh thêm tươi đậm. Má ánh màu hoa, áo xen sắc lá, món tóc mây quấn rối, lả tả xuống trán, xuống tai, Nga phảng phất như Chúa Xuân hiện hình vậy.

Ngắm nghía một cành hoa đẹp nhất, Nga cố kiễng chân, giơ tay để với, định bẻ, đem về cắm vào lọ trong buồng, nhưng cao quá, không sao lấy được. Nàng thất vọng. Nhưng nàng tưởng tượng, so sánh cái địa vị cao quý của mình với cụm hoa đào nọ, nàng lấy làm hãnh diện.

Nga, con ông phủ họ Lê. Họ Lê này là dòng dõi thế phiệt. Cha Nga vừa đổi đến đây dạo tháng mười năm ngoái. Nga học trường Sư phạm, nên nhân dịp nghỉ Tết, mới về phủ với cha lần này là lần đầu.

Nga quen ở đất thị thành đông đúc vui vẻ. Bây giờ về nơi nhà quê tịch mịch, nàng thấy buồn quá. Cả ngày, trừ với cha mẹ, nàng chẳng nói chuyện được với ai. Thỉnh thoảng có cô Thừa, cô Lục vào chơi, nhưng họ đều là hạng nhiều tuổi, và họ tự coi như bậc dưới, nên câu chuyện chỉ toàn giọng giao thiệp đón đưa.

Cho nên, suốt từ hôm về, tới nay là mồng năm Tết, nàng chưa hề bước chân ra khỏi cổng. Từ sáng đến tối, nàng chỉ loanh quanh dưới gối mẹ cha, rồi khi quyển sách, khi tờ báo, khi xem xét công việc của nhà, Nga chưa phải giải trí bằng cách khác. Vả ở đây, còn có cách gì giải trí cho hợp tính tình nàng. Bởi vậy, nàng tự thấy nàng cao quá, cả hình thức lẫn tinh thần.

Nhưng từ sớm, cha mẹ Nga đi vắng, nên nàng buồn, mới dạo khắp đó đây trong dinh cho tiêu khiển.

Ở vườn đào, Nga trèo lên bờ thành, dẻo bước đi mãi cho tới mé gần cổng chòi, sau trại lệ. Nga vơ vẩn đứng nhìn ra phố, mà mắt chẳng để vào một cái gì.

Mấy dẫy nhà lá, tối tăm, ẩm thấp, sắp hàng xộc xệch, trông rõ ra cách cẩu thả, quê mùa, lặng lẽ trên mái rơm, những tia khói đùn lên, ẻo lả uốn quanh co rồi biến mất.

Bỗng một cảnh hoạt động đập vào mắt Nga. Ngay dưới chân thành, trong sân cái nhà có cây bàng trước cửa, có một người ở trong bước ra. Nga lánh sau lần hàng rào xương rồng chú ý nhìn xuống.

Nga trông rõ một người con trai, bằng trạc tuổi nàng, nách cắp quyển vở dày, tay cầm khúc giò, ngồm ngoàm nhai, ngon lành lắm. Rồi con chó vện vẫy đuôi đến gần, người thiếu niên nhăn mặt, co dúm chân tay, pha trò với nó.

Nga bật buồn cười, càng mải nhìn tấn kịch ngộ nghĩnh. Rồi người thiếu niên đặt vở xuống đất, dậm dọa con chó, rồi sừng sộ, nói tiếng Tây với nó, đến nỗi nó kêu rầm, quắp đuôi chạy mất. Một nhịp cười vang, hai môi tách ra, làm hé hai hàm răng trắng nuột. Nga vui vẻ chăm chắm ngắm người thiếu niên. Nàng lấy làm lạ, không ngờ nhà ấy lại có người như thế ấy. Nhà ấy rất tiều tụy. Mái lợp rơm lâu ngày, đã dẹp bết dính với nhau, mà nước mưa làm lún nhiều chỗ như lòng máng. Vách thì không dính với cột nhà đã xiêu. Trong sân chật hẹp, có bày vài cóng nước, thừa một chỗ con để phơi, rồi đến bếp, dựa vào thành, cũng lụp xụp, yếu ớt.

Nhưng người ấy lại khác hẳn. Tóc rẽ bên chải mượt. Dưới cái trán vuông rộng, hai con mắt có vẻ tinh nhanh. Toàn thể, trông ra một người học trò cẩn thận, thông minh, vui vẻ.

Nga đương lẩn quẩn nghĩ ngợi, thì một luồng gió thổi lật tung bìa quyển vở ở sân, rồi phần phật giở mấy tờ giấy. Nga thoáng trông các hình vẽ biết ngay là những bài hóa học ở chương trình lớp năm thứ tư. Nàng nghĩ thầm:

"Anh chàng này cũng một tâm lý như mình, nên mới đùa với chó. Ở Hà Nội quen, về nhà quê mới chán làm sao!".

Rồi từ đó, Nga không thể rời mắt được con người lạ lùng ấy nữa. Nàng cứ lẳng lặng nấp chỗ kín để dòm sang.

Bỗng con Sen đứng dưới chân thành, gọi:

– Mời cô về xơi cơm.

Nga như chợt tỉnh cơn mơ màng, quay nhìn xuống, mỉm cười:

– Sao mày biết tao ở đây?

– Con phải tìm cô mãi đấy ạ.

Nga đưa cổ tay lên xem chiếc đồng hồ vàng, rồi giật mình, nói:

– Ồ, thế mà đã mười một giờ rồi nhỉ. Vú em cho cậu xơi cơm chưa?

– Đã ạ, có lẽ bây giờ cậu sắp đi ngủ rồi, còn gì.

Nga ở trên mặt thành, dang hai tay, chạy sầm xuống, ôm chầm vào Sen cho khỏi ngã, rồi cười sằng sặc. Nga cũng muốn đùa, đùa vui vẻ như người thiếu niên ở trong túp nhà tranh tiều tụy nọ.

– Ở đây buồn lắm, Sen ạ.

– Chốc nữa xơi cơm xong, mời cô đi xem phố.

– Phố đây có gì mà xem?

– Có đến ba bốn hiệu Khách ấy, to đáo để.

Nga bĩu môi, Sen cười:

– Ở nhà quê, chỗ nào có nhiều hiệu Khách là vui.

– Vui cho mày, chứ không vui cho tao.

Rồi nhân muốn dò la, Nga hỏi:

– Mày... Mày có thuộc hết các nhà ở ngoài phố không?

– Con chỉ thuộc những nhà ở quanh cổng phủ này thôi.

– Những nhà nào?

Sen trỏ tay, kể:

– Đây là hiệu chú Khách Thái An; bên cạnh là nhà Toe bán giò. Rồi đến bác đồ Sơn bán xôi chè. Rồi đến cả Lọi bán thịt chó. Cái nhà này là nhà thày Ký rượu, rồi đến hàng cơm bác phó Bái...

Nga nhìn Sen, gật gù mủm mỉm ra ý chế nhạo rồi ngắt lời:

– Thế cái nhà có cây bàng trước cửa kia là nhà ai?

Sen nhìn Nga, không biết nó vô tình hay hữu ý. Nhưng bỗng hai má Nga đỏ ửng, cuống quýt hơi vờ vẩn:

– Cây bàng ấy có lắm quả không?

– Con không biết. Nhưng bác đồ Sơn như thế, thì ai lấy được quả với bác ấy.

– Bác ấy ở đâu?

– Nhà bác ấy đấy, cô ạ.

– Bác đồ gì?

– Bác đồ Sơn. Có bao nhiêu bàng chín là bác ấy giữ, để bán, chẳng lọi ra ngoài quả nào. Người ta bảo ngày xưa chồng bác ấy làm nho cho thày thừa Lung đấy. Đâu quê ở Sơn Tây, nên gọi tên thế.

– À, ra cũng tỉnh nhà nhỉ? Ở làng nào?

– Con không biết.

– Bây giờ chồng bác ấy không làm nho nữa à?

– Chết từ đời nào rồi còn gì. Còn bác gái bây giờ nợ như chúa chổm. Hôm ba mươi Tết, bác ấy trốn như chạch, đến tận khuya mới dám về. Thế mà người ta cũng biết. Rồi thành ra cãi nhau om sòm. Giá quan không thương hại thì đã bỏ tù rồi.

Nga khe khẽ thở dài:

– Bác ta bán gì?

– Bán xôi chè. Nhưng được mấy tí; vả lại què tay thì làm lụng ăn thua gì.

Nga sửng sốt cảm động, đứng dừng lại:

– Bác ta què, a mày? Thương hại nhỉ!

– Vâng, người ta bảo khi chồng bác ta chết, bác ta nghèo khổ lắm kia. Cứ phải làm thuê, làm mướn, đi đêm về hôm. Rồi một lần lính tráng trong phủ ra ghẹo ghiếc thế nào không rõ, muốn chừng bác ta không thuận tình, rồi họ thù đánh què.

Nga thở dài, thong thả vừa đi vừa hỏi:

– Tội nghiệp! Bao giờ thế?

– Đã lâu lắm. Mười mấy năm nay rồi. Giá bác ta chịu khó nhờ người con gái lấy được chồng khá, thì làm gì phải cặm cụi, vất vả thế. Con gái bác ta thỉnh thoảng cho tiền luôn, nhưng nhất định bác không lấy. Bác ấy bảo còn sức làm được, chưa phải nhờ con. Thế mà, hay đáo để, bác ấy đã dành dụm thế nào, mà cũng đã được cái vốn, mở được ngôi hàng xôi chè.

– Nhưng nợ thế kia mà?

– Vâng. Cũng tại thằng con trai.

Nga giật mình hỏi dồn:

– Con trai làm sao?

– Không, thưa cô, nó có làm sao đâu. Thằng ấy là thằng Chi, đâu nó đang học trường Ký Bưởi trên Hà Nội thì phải. Thỉnh thoảng bác ta được đồng nào, lại dành dụm cho con mua sách hết cả. Cũng may cho bác được thằng con học giỏi.

– Thế lấy gì cho con ăn học?

– Người ta bảo thằng Chi được lương. Chứ cô tính ngữ ấy mà không được lương, thì có mà đi ăn mày!

Nga cau mặt, mắng:

– Người ta là học trò cũng như tao, mày đừng gọi là thằng, và đừng khinh bỉ thế.

Nói đến đó, Nga vừa lên tới thềm nhà. Vào buồng ăn nàng thấy cơm đã dọn tinh tươm. Chiếc khăn trắng nuột trải phẳng phiu trên bàn. Bát bít, đũa ngà, bóng nhoáng. Các đĩa đồ ăn sạch tinh vi, ngùn ngụt khói bốc, ngon lành.

Nga ngồi chống tay xuống bàn, vơ vẩn nghĩ ngợi. Đưa mắt nhìn các đồ đạc trong nhà, nàng như vừa phải đi qua một thế giới cùng khổ, nay được đến cái thế giới bể bạc rừng vàng. Nhưng thấy được giàu sang sung sướng bao nhiêu, nàng lại thương hại cảnh ngộ bác đồ Sơn, ngậm ngùi số phận Chi bấy nhiêu.

Sen đặt bát cơm vào khay đưa Nga. Mùi gạo tám thơm ngào ngạt. Nga thở dài, cầm lấy, rồi hỏi:

– Cậu đâu?

– Vú em sắp cho cậu ngủ ạ.

Rồi những câu hát ru văng vẳng ở bên buồng kia đưa sang một giọng buồn tẻ:

– Ngồi buồn kể chuyện anh Tương Chi.

Chợt nghe tiếng Chi, Nga lắng tai nghe:

– Người thì thật xấu hát thì thật hay.
Cô My Nương nhà ở lầu tây
Con quan Thừa tướng ngày rầy cấm cung.

Ngủ đi, cậu ơi!

Anh Tương Chi chở đò dưới sông,
Chở đò ngang dọc suốt đêm đông dãi dầu.

Ngoáo! Ngoáo ơi!

Nga mỉm cười, ngẫm nghĩ: "Ngày xưa, có con quan Thừa tướng với anh lái đò tên là Chi!".

– Đêm thanh chàng mới hát một câu,
Gió đưa thoang thoảng tới lầu cô My Nương.
Cô My Nương nghe tiếng hát thì thương.

Cậu ngủ đi chứ! Vú yêu!

Nga cảm động mơ màng nhìn vào mặt kính tủ cốc. Màu đào trong vườn ánh lộn như cảnh thần tiên. Nàng sung sướng.

– Hồ trông thấy mặt anh chàng lại chê,

Nga lại mỉm cười, rồi thở dài;

– Anh Tương Chi khi trở ra về,
Cắm sào cho chặt, hát thề một câu.
"Kiếp này đã dở dang nhau.
Thì xin kiếp khác duyên sau lại thành."

Chi ra đi! Thằng bé con ở bên kia nó khóc đấy mà!

Bỗng Nga buồn, rồi tự nhiên nàng nghĩ ngợi thấy khó chịu lắm, gọi:

– Vú em!

– Dạ.

– Sao vú cứ hát nhảm thế? Ru bài khác không được à?

– A ời ời! Thưa cô bài ấy hay chứ?

– Bảo thì vú phải nghe, không được hát bài ấy nữa.

Ngước mắt lên, Nga thấy con Sen tủm tỉm. Nàng bèn nghiêm nét mặt, bảo:

– Vú ấy chỉ hát nhảm. Có đời nào con quan Thừa tướng lại thèm phải lòng anh lái đò bao giờ!

Sở dĩ nàng phát ra những giọng đài các như thế, vì vụt nàng nghĩ nàng với anh học trò nghèo lúc nãy, tự nhiên nàng chệnh lòng, mà có tư tưởng phân biệt giai cấp; nàng cho là vô lý, không bao giờ hạng đê hèn mình rơm chất cỏ lại có thể theo gót được với bậc cao quý lá ngọc cành vàng...

II

DANH, LỢI, TÌNH

Mọi ngày, ăn cơm sáng xong, vào khoảng mười hai giờ, Nga quen tính ngủ trưa. Hôm nào không được ngủ, thì không sao chịu nổi.

Theo lệ thường, lần này Nga cầm tờ báo, lên giường nằm, đắp chăn để đọc cho dễ ngủ.

Nhưng lạ quá, mắt nhìn vào giấy, mà không thấy chữ gì. Óc nàng cứ luẩn quẩn buồn bã. Rồi chuông đồng hồ điểm một tiếng, nàng đặt tờ báo xuống, cố nhắm mắt lại.

Nhưng càng nhắm mắt, Nga càng khó ngủ. Anh Tương Chi với cô My Nương lúc nào cũng chập chờn, hiện ra trong trí tưởng tượng của nàng. Nàng thương người con gái si tình, nàng thương người con trai hèn mọn. Nàng lại tiếc không rõ rồi hai người có kết duyên được với nhau không. Mấy lần, Nga toan gọi vú em, để hỏi nốt câu chuyện, nhưng rồi lại thôi. Nàng cho rằng cái sức mạnh sai khiến nổi người ta, không gì bằng ái tình. Đôi trai gái, đã gặp gỡ nhau trên đường tình, thì không có cái gì, có thể chia rẽ được. Đã yêu nhau thì không kể đến giàu nghèo, sang hèn. Chẳng sự khó khăn nào ngăn trở nổi đôi lứa.

Sở dĩ Nga nghĩ ngợi lan man thế, chỉ tại buổi sáng tự nhiên trông thấy Chi, lại biết cảnh nhà Chi. Nàng thương và hối rằng mình đã quá khinh người. Trong thế giới học trò, ai cũng như ai. Địa vị tốt đẹp về mai sau, hẳn chẳng hẹp hòi gì mà đánh lừa người thông minh, có chí.

Rồi tung phắt chăn ra. Nga vùng ngồi dậy, đi mở các cửa sổ. Ánh nắng vàng tươi sáng lọt vào buồng. Bức màn tung theo chiều gió, gợn lên một làn sóng. Cảnh vật ở ngoài hớn hở khoe vui.

Sen vào xếp chăn gối, Nga bảo:

– Tao đi chơi ra phố một tí đây. Mày sắp sẵn nước rửa mặt.

– Thưa cô, có phải đun không?

– Thôi, không cần.

Nga không cần rửa mặt bằng nước nóng, chẳng phải nàng thấy lúc ấy nắng ấm, nhưng chính là nàng muốn ra phố ngay để thỏa chí tò mò. Nàng tò mò muốn biết mặt đáng phục của bác đồ Sơn, muốn xem cái hàng tồi tàn của bác. Nàng muốn lại trông thấy anh chàng Chi, anh chàng có bộ dạng lúc nào cũng vui vẻ, dù cảnh ngộ rất đáng buồn.

Nga vào buồng trang điểm; độ nửa giờ, nàng ra buồng khách, đứng trước gương lớn để soi. Nàng nhìn hình trong gương, mỉm cười, vì nàng thấy nàng đẹp lạ. Ngắm bộ quần áo sang trọng, sửa sang đồ nữ trang quý giá, nàng nghĩ đến nhan sắc, địa vị nàng, nàng như đã trông rõ thấy tương lai rực rỡ.

Nga đến cổng, đứng một lúc, nhìn hai bên phố. Rồi nàng đi rẽ về phía tay trái. Nga chú ý vào nhà có cây bàng trước cửa. Cái nhà ấy, đằng trước cũng không sang trọng gì hơn đằng sau. Nghĩa là vách cũng xiêu, cột cũng vẹo. Ở ngoài bày chõng tre, có cái mâm gỗ úp chiếc lồng bàn lở sơn. Trước chõng, là cái ghế dài mà bốn chân lòi cả lên mặt. Ngồi đằng sau, là bác đồ Sơn, trạc độ năm mươi tuổi. Lúc ấy mặt bác rầu rầu, như tư lự điều chi. Nga không trông rõ cánh tay gãy, nhưng nàng chỉ thấy một tay để trên chõng, còn một tay thõng hẳn xuống.

Đi quá nhà bác đồ Sơn, Nga còn quay nhìn lại. Bất đồ nàng thấy không người nào ở phố là không nhìn theo nàng. Lại còn mấy đứa bế em lếch thếch ở cạnh sườn, cũng đi theo nữa.

Nga biết mình ăn mặc sang trọng làm lạ mắt mọi người.

Quả vậy, những quần áo của Nga rất đắt tiền. Hẳn là cái áo nhung bạch tuyết óng ánh, may kiểu thắt đáy ở lưng, lại gài bằng sáu chiếc khuy vuông chạm, làm cho người ta phải ngạc nhiên nhất. Mà Nga lại bôi phớt một lượt phấn hồng, nên cái áo ấy lại làm tăng thêm vẻ mặt ngọc. Mắt và tóc Nga đen lay láy như nhau, càng làm nổi cái dung nhan lộng lẫy. Cổ tay Nga, sáng lóe chiếc vòng kim cương.

Nga kệ cho lũ trẻ con đi theo sau. Nàng lững thững đi, sung sướng lắm.

Ra đến đầu phố, thì là đồng ruộng. Những luống khoai, lá xanh um, thẳng hàng nhau, trông như vết kẻ ở mặt giấy. Đến tận chân trời, cánh đồng bát ngát, phẳng lặng như tờ. Trời xanh ngắt mà trong, một vài chỗ có nổi lên những áng mây lờ mờ trắng. Phong cảnh nhà quê tĩnh mịch và dịu dàng. Nga thấy tinh thần khoan khoái.

Đứng một chốc, khi mặt trời xế bóng thì Nga về... Bỗng ở trong ngõ, tiếng huýt gió làm nàng quay nhìn lại. Nàng thấy một người mà nàng ngờ ngợ. Nhưng rồi nàng biết ngay là Chi. Nàng ngợ, vì Chi ăn mặc khác hẳn lúc sáng. Chi mặc áo the thâm, đội mũ trắng, dận guốc, hớn hở, tay cầm cái liễn sứ, mắt nhìn trời, bộ dạng vui vẻ lắm.

Thoạt thấy Chi, thấy cái người lúc nào cũng luôn luôn tìm sự vui một mình, Nga mỉm cười, phải quay mặt che dù lấp đi.

Nga cố bước chậm để nhường Chi lên trước. Nhưng đến năm phút, nàng vẫn thấy tiếng guốc đều đều lê đằng sau lưng. Tự nhiên Nga ngượng nghịu, bối rối lạ. Vì nàng đã tưởng tượng ra hàng trăm nghìn trò ranh mãnh diễn ra ở sau nàng. Nàng quyết đôi mắt Chi không phút nào rời nàng. Nàng đoán óc Chi ngây ngất vì sắc đẹp của nàng. Bỗng nàng thấy kiêu hãnh lạ thường. Rồi định bắt chợp anh chàng đang giở trò tinh nghịch. Nga quay phắt lại.

Nhưng lạ quá. Chi chẳng để ý gì đến nàng. Chi hiền lành, đứng đắn, mắt nhìn đi đây đó.

Tự nhiên Nga sượng sùng.

Bỗng một con chó vàng to xổ đến gần Nga. Sợ hết hồn, Nga cuống quýt, rú lên một tiếng, giơ dù ra đỡ. Nhưng con chó cứ hồng hộc, cắn rách dù rồi nhăn răng nhìn Nga. Nga bỏ dù, vừa kêu vừa chạy, trống ngực thình thình, mặt xám ngoét.

Tức thì, xoảng! Con chó ẳng ẳng chạy. Mấy mảnh sứ tan tành ra đường. Người ta vội vã xúm đến hỏi Nga. Nhưng Nga đã thoát nạn, vừa thở vừa cảm ơn mọi người.

Bồi hồi, Nga cảm động về cách cử chỉ của Chi. Nàng quay lại, định đền Chi một nụ cười, nhưng không thấy Chi đâu cả. Thì ra Chi đã thản nhiên, đi tiến lên trước, không nhìn mảnh liễn vỡ cũng không nhìn Nga.

Bên tai, Nga thấy người ta nói:

– Hoài của, cái liễn đẹp thế mà anh ấy quật vỡ.

Rồi người ta nhặt những mảnh, thử chắp lại cho liền, ngắm mãi, và xuýt xoa tiếc.

Nga chào mọi người, rồi rảo cẳng về phủ.

Đến nhà, Nga gọi Sen, kể lại nỗi sợ hãi lúc nãy và hỏi:

– Sen, cái liễn sứ ấy bao nhiêu tiền?

– Thưa cô, cũng có cái đắt, cái rẻ.

Nga móc túi, đưa Sen tờ giấy một đồng, nói:

– Mày ra nhà bác đồ Sơn, đưa cho bác ấy đồng bạc, bảo tao đền cái liễn vỡ nhé. Mày nói cho khéo, vì cái liễn vật thủ chả là bao, nhưng con bác ấy biết trọng người hơn của, thì bụng ấy mới là đáng quý!

Sen nhanh nhảu ra phố. Nga đi theo, đứng trên thành, chỗ sau giậu xương rồng, để nghé sang và nghe cho rõ.

Nga thấy Chi mặt rầu rầu, đứng thừ ở giữa sân. Trong nhà bác đồ Sơn cáu kỉnh mắng:

– Như thế bận sau ai còn cho mày mượn gì nữa. Khổ quá! Lấy gì mà đền người ta bây giờ?

Mãi mãi, Chi mới đáp:

– Nhưng tiếc cái liễn, thì để chó cắn chết người ta hay sao?

Lúc ấy, Nga nghe rõ tiếng Sen nói:

– Bác Đồ, cô tôi cho tôi ra đưa đền bác cái liễn ban nãy.

Bác đồ Sơn hỏi:

– Cô nào?

– Cô Nga ở trong quan.

– Ồ, thế à? Thế ra cô trong quan bị chó cắn, mà thằng Chi nhà tôi nó lấy liễn ném đấy à? Nếu vậy thì thôi, không phải đền gì cả.

– Không, bác cứ cầm lấy, không thì cô tôi mắng.

Chi chạy ra nhà ngoài, nói:

– Không, nhà tôi không lấy đền đâu. Không phải cô ấy là con quan, mà để tôi sợ, để tôi không dám. Dù ai cũng vậy thôi. Tôi thấy lúc nguy cấp, sẵn trong tay có thứ để chống cự hộ, thì tôi cứ ném, chứ tôi mong gì đền với bồi. Mà tôi có biết cô ấy ở trong phủ đâu!

Nga thở dài, ngờ đâu con người ấy, lại thẳng thắn khẳng khái như thế. Đã không cảm vì sắc đẹp, lại coi thường chỗ quyền quý.

Nhất là bị khốn quẫn, mà vẫn coi tiền tài kém bổn phận. Bổn phận của Chi cứu Nga lúc ấy, là bổn phận chỉ những người học thức mới có mà thôi. Nga nghĩ:

– Người ấy hiện nay vào cảnh ngộ khó khăn nhưng nếu đã có óc vượt trên chữ danh, chữ lợi, chữ tình, thì thật là người phi thường, quyết sau này không phải chìm đắm mãi trong vòng gay go.

Sen về, đưa trả Nga tờ giấy bạc, nói:

– Thưa cô, con nói mãi, nhưng bác đồ Sơn khăng khăng không lấy, nhất là con bác ấy.

Nga không nói gì, lẳng lặng cầm tiền bỏ túi, rồi thong thả về.

Nga vào buồng khách, ngồi trên ghế bành gụ chạm, chống tay lên cằm, nghĩ ngợi.

Nàng cảm động về cách cử chỉ và tấm lòng quý hóa của Chi. Nàng thương Chi chẳng được tốt số, sinh vào nhà bần tiện, nên dù thế nào, giữa Chi và nàng cũng có một bức tường nó ngăn đôi hai người, dẫu đứng gần nhau, nhưng không sao gặp nhau được. Cũng như hiện nay, dinh của cha nàng và nhà Chi tuy ở sát nhau, nhưng có bờ thành, có hàng rào xương rồng, nó phân biệt hẳn hai nơi như một trời một vực. Thế thì dù Chi với nàng cùng là người, cùng sức học ngang nhau, cùng ở trên mặt đất bằng phẳng, cùng thở một làn không khí như nhau, nhưng địa vị cha mẹ nàng khác địa vị cha mẹ Chi, thành ra nàng với Chi khác nhau, khác nhau một cách vô lý.

Chợt nàng nhìn thấy hình nàng trong gương, cái hình một cô tiểu thư ngàn vàng. Nàng thở dài...

Rồi bao nhiêu đồ đạc trong phòng, lộn trong tấm gương bày ra trước mắt nàng một cảnh uy nghi khó chịu. Hai bên, hai cái giá cắm những cờ, biển. Giữa, một cái đỉnh đồng đen, cao đến ngực. Rồi bộ ghế gụ chạm, có rải đệm nhung màu tiết dê. Trong cùng, một cái giá chạm, đặt ngang ba thanh quất khảm. Trên tường, ở giữa, một bức truyền thần ông nội nàng, bệ vệ trong bộ mũ áo nhị phẩm; hai bên, những câu đối sơn son thiếp vàng rực rỡ. Rồi chỗ này, chỗ kia, các ảnh cha nàng, bác Bố, cậu Huyện, chú Tham, như bày cái gia phả dòng thế phiệt.

Nhưng mà nhà Chi? Nga chợt nghĩ đến nhà Chi? Chỗ này cái chõng tre trên để mâm xôi chè. Chỗ kia cái bức vách thủng. Trên cột, treo cái áo the dài, và cái mũ trắng. Trên tường thì trang hoàng bằng mạng nhện, bằng mảnh nhật trình cho đất vách khỏi long thêm.

Bỗng tiếng còi ôtô inh ỏi ngoài cổng. Ba tiếng trống báo.

Nga mừng rỡ, chạy ra đón cha.

Chiếc xe hòm sơn màu cánh kiến lù lù, êm như ru, tiến đến cửa công đường thì đỗ. Cửa xe mở ra.

Cha Nga vừa trên xe bước xuống, thấy con đã vui vẻ hỏi ngay;

– Ở nhà bình yên đấy chứ con? Từ sáng có chuyện gì không?

Biết tính cha rất săn sóc đến gia đình, thì câu hỏi ấy chỉ là thường lệ, nên nàng chắp tay, dịu dàng đáp:

– Bẩm không ạ.

Mẹ Nga, vừa đặt chân xuống đất, đã nhìn Nga xuýt xoa nói:

– Rét, rét quá!

Nga mỉm cười, trông ánh nắng vẫn còn chiếm một nửa sân.

Nga theo cha mẹ qua buồng khách, rồi vào nhà trong.

Ông Phủ trước khi ngồi xuống ghế, thì đứng thẳng người, giơ hai cánh tay quật ra đằng sau. Nga biết hiệu, chạy lại cởi áo ba đờ suy lót lông cừu ra, treo lên mắc và tháo cái khăn len lù xù ở cổ. Lúc ấy người mới trông rõ cái cổ áo trắng không gài khuy mà mé bên phải, tụt hẳn xuống. Mãi đến khi ông móc cái ví to xù ra để ở bàn, hai bên cổ áo mới lại cao đều nhau. Ông ngồi xuống, tháo thẻ bài ném xuống bàn, tức thì, một tên lính xách đôi guốc kinh, ngồi thụp bên cạnh, cởi giày bí tất. Anh ta nhớ cả việc lấy bí tất lau các khe ngón, rồi khe khẽ nâng chân đặt vào guốc.

Trong khi ông Phủ không để ý đến công việc của tên lính dù rất chậm chạp, thì bà Phủ lo xo chạy lại, ngồi ghế trước mặt, vẫn kêu:

– Rét, rét quá!

Nhưng hỏa lò than đã lách tách ở ngoài hiên. Tên lính khác ôm vào, bà Phủ hơ hai bàn tay xoa vào với nhau rồi hỏi Nga:

– Sao trông mặt con ngơ ngác thế? Con không rét à? Lại đây sưởi với me đi.

– Bẩm me, hôm nay nắng ấm ạ.

– Ừ, thày me có tuổi, không trách.

Thực ra, quan ông quan bà độ năm mươi tuổi là cùng. Trên mặt chưa có nét dăn nào cả. Có lẽ các ngài ăn sung mặc sướng nên trẻ lâu.

Thấy vú em thập thò ngoài cửa, ông Phủ cười sằng sặc, gọi:

– Bế cậu vào đây.

Nhưng bà vẫy tay ra nói:

– Hãy gượm. Điếu!

– Dạ.

Sen đặt thuốc lào, bưng điếu đặt xuống đất và đánh diêm. Bà với cái se, uốn cong vắt rồi ngửa mặt hút sòng sọc. Hút xong, bà há mồm để những khói đặc cuồn cuộn tuôn ra, trông rất ngon lành. Rồi khoái chí, bà gọi:

– Nào, cậu vào đây.

Thằng bé con đang ngậm cái vòng vàng, nước dãi chảy ướt cả ngực áo gấm lam, thấy mẹ giơ tay bế, nhảy lên chồm chồm.

Đằng cạnh giường, Nga đang mở va ly cất đồ đạc vào tủ.

Bà Phủ bế con, nói chuyện:

– Nhỉ, quan nhỉ, thằng con cụ Tuần chả kháu được bằng thằng cậu nhà này nhỉ?

– Ừ, còn xơi, liu điu sao nở được ra rồng!

Bà Phủ gật đầu, biểu đồng tình.

– Mà thật, con người ta cũng có giống đấy.

– Phải, ông ấy chân thông ngôn ra đấy mà. Có đỗ đạt gì đâu.

– Nhưng mà người ta cũng là cụ Tuần.

– Thôi, nhà mình lại tìm chỗ khoa mục thế gia chứ chơi thế nào được với bọn ấy.

– À, ông ấy khoe nó học trường gì sê nhỉ?

– Trường Lít sê, nhưng mà dốt như bò! Làm gì được, cái ngữ ấy!

Nói xong, ông nhìn Nga.

Nga đã lắng tai nghe, hiểu cả.

Hai má nàng hây hây đỏ. Nàng chợt nghĩ đến những đám đã đánh tiếng hỏi nàng từ năm nàng mới mười ba tuổi. Nàng tính nhẩm, cả đám này là sáu. Mà sáu nơi, toàn là các công tử con quan. Nào cậu Hai nhà quan án Lê, cậu Cả con quan huyện Phạm, cậu Năm con cụ thượng Nguyễn, cậu Cử nhà quan bố Trần, cậu Tâm con cụ hiệp Vũ, lại đến nay, con cụ tuần Dương.

Muốn lảng chuyện, nàng kể cho cha mẹ nghe việc bị chó cắn lúc nãy. Nàng cố nói khéo, cốt tỏ tấm lòng hào hiệp của Chi cho cha mẹ biết. Nghe xong, bà Phủ bảo:

– Ừ, nó dám lấy đền! Việc gì con phải như thế. Chúng nó như chỗ đầy tớ mà.

Ông Phủ cau mặt nhìn con, hách dịch nói:

– Nó lấy thì căng xác nó ra!

Nga khẽ thở dài, nhưng phải lấy lòng cha mẹ, nên đáp:

– Dạ.

Nàng ngậm ngùi. Lá ngọc cành vàng phải bày nơi chung đỉnh. Nga cảm thương Chi chất cỏ mình rơm...

III

GIA ĐÌNH GIÁO DỤC

Sáng mồng bảy, Nga dậy sớm, vẻ mặt rầu rầu. Hôm nay, nàng phải đi Hà Nội học.

Độ bảy giờ rưỡi, chiếc xe hòm đã đỗ ở sân nhà tư. Anh tài xế, trong khi chờ, lấy khăn lau lại những nơi bám bụi.

Ăn điểm tâm xong, ông bà Phủ và Nga khởi hành.

Hôm ấy trời rét lắm. Cho nên lúc bước chân lên xe, Nga run lên. Lại vì nhớ nhà, nàng rơm rớm nước mắt.

Bà Phủ cười:

– Gớm, lớn bằng ngần ấy, cô còn ăn vòi thày me! Thôi, vui vẻ lên.

Ông Phủ cũng khuyến khích:

– Đi học chứ đi đâu mà phải khóc!

Bà Phủ tiếp:

– Thế giá để cô ấy đi một mình, dễ cô ấy nằm ăn vạ nữa chứ chẳng chơi.

Nga nũng nịu đáp:

– Nhưng đến tỉnh, thày me lại ở lại!

– Chứ gì! Thày me tiễn con ra tỉnh, đến ga, thì thày me trở về. Còn ở đường đã có thằng Lại nó đi hầu. Đến Hà Nội, thì nhà chú Tham cũng như nhà ta. Việc gì mà buồn. Thày me còn có chút việc ở tỉnh chứ, tiễn con thế nào đến tận trường được!

– Nhưng sẵn xe, thày me hoãn việc ở tỉnh độ bốn giờ thôi.

Ông Phủ cười, dỗ dành:

– Cô có giấy đi tàu hạng ba trừ nửa tiền, bỏ nó phí mất. Rồi đến ga, cô gặp vô số bạn. Tha hồ cô vui. Lại không quên ngay thày me ấy!

Một lát mọi người lên xe. Cánh cửa đóng thình. Chiếc ôtô từ từ chạy.

Ngồi trong xe, không ai thấy rét cả. Trái lại, hơi người và hơi dầu xăng, làm cho ấm nữa.

Nga mặc hai áo nhung, đến nỗi hơi thấy bức phải cởi cái khăn quàng ra.

Chiếc xe vù vù chạy. Qua nhà bác đồ Sơn, Nga có ý liếc vào, nhưng không thấy ai cả. Mà đường phố cũng vắng vẻ quá. Rét như cắt. Chẳng ai dám ra ngoài.

Hai bên đường, cây cối vẫn vật theo gió. Thỉnh thoảng đằng trước, bụi cuốn bay mù. Trời quang tênh.

Ông Phủ nói:

– Ồ! Gió to lắm nhỉ.

Tài xế đáp:

– Dạ! mới trở rét từ đêm. Tối hôm qua, mưa phùn một lát.

Bà Phủ ngạc nhiên:

– Thế à? Ừ, có mưa phùn mới rét được.

– Bẩm, mưa lúc trong nhà đang đánh tổ tôm.

Nga cười:

– Mưa lúc nào con cũng chẳng biết đấy.

Bỗng một tiếng còi điện gầm lên như sư tử rống. Nga nhìn đằng trước, chiếc xe sắt dần dần tránh khép nép sang cạnh đường, rồi hèn hạ đứng lại.

Trong khoảnh khắc, ôtô vụt qua.

Nhưng trong khoảnh khắc, Nga đã rõ được một cảnh khiến nàng bồi hồi: Trong chiếc xe sắt, Chi ngồi với một người Khách.

Nga thấy Chi tay ôm trên lòng một gói, tất là gói quần áo và sách vở. Ôtô qua, Chi thò ra ngoài mui rách tả tơi, bay phần phật để nhìn.

Nga nhận thấy mặt Chi xám ngoét, có lẽ vì rét. Mấy vạt áo bay tung lên. Người Khách ngồi cạnh, thì quấn ở cổ cái khăn len, tùm hum lên gần đến mắt, khoanh tay chặt trước ngực.

Khi xe Nga vượt qua, Chi vội vàng vớ vạt áo the trùm lên kín mặt cho khỏi bụi. Nhưng vạt áo trắng cũng lật lên tố cáo sự nghèo khổ: chiếc áo vệ sinh xanh mà Chi mặc ở trong đã bạc màu mà thứ áo ấy mấy năm nay không ai dùng nữa.

Nga vờ quay lại, để nhìn qua mặt kính nhựa sau lưng: Vừa lúc ấy Chi giơ cả hai chân lên trời, khiến người Khách phải cười, dúm cả hai mắt; Nga cũng không nhịn cười được.

Lúc ấy cha Nga quay lại xem xe ai, và cũng nhìn thấy Chi làm trò như thế.

Bỗng ông hỏi tài xế:

– Xe đứa nào thế mày?

– Bẩm quan lớn, chú Thái An đấy ạ.

Bà Phủ nói:

– Mồng bảy mà Khách họ không kiêng nhỉ.

Nga lẳng lặng, chỉ cốt nghe đến tiếng *Chi*, nay thấy mẹ nói lạc đầu đề, thì thất vọng. Nhưng ông Phủ ngạc nhiên hỏi:

– Kìa, tao tưởng nó lấy vợ Khách đấy chứ?

– Dạ, bẩm vợ Khách ạ.

– Sao con nó lại ăn mặc ta?

Tên lính ngồi ngay đườn như phỗng ở cạnh tài xế, bấy giờ mới nhúc nhích đáp:

– Bẩm quan lớn thằng bé kia không phải con nó.

Nga thấy Lại gọi Chi bằng thằng, bỗng thở dài. Bà Phủ cau đôi mày tò mò hỏi:

– Thế thằng bé kia là thế nào?

– Bẩm nó là con nhà đồ Sơn, bán xôi chè ngay ở gần cổng Phủ đấy ạ.

Nga nghe Lại khai nghề nghiệp của mẹ Chi, cái nghề nghiệp hèn mọn, bất giác động tâm. Nàng vờ mỏi, cựa ngồi lại, rồi lắng tai, Lại nói tiếp:

– Bẩm thằng bé này học ở Hà Nội, hôm nay cũng đi lên trường.

– Sao ở Phủ cũng có trường, nó lại viễn vọng thế?

– Bẩm quan lớn, trước nó cũng học ở đây.

– Thế rồi sao?

– Bẩm rồi bây giờ nó đỗ.

– À, tao tưởng nó mới học độ lớp nhất lớp nhiếc chi thôi.

– Dạ.

Nga sung sướng, lẳng lặng nghe, mặt tươi tỉnh lắm. Bà Phủ hỏi thêm:

– Thế nó học trường nào, mày có biết không?

– Bẩm bà lớn, nó học trường Bưởi, vào hạng ăn lương đấy ạ.

Ông Phủ nói:

– À, nó tên là gì?

– Bẩm quan lớn, nó tên là Chi.

Bà Phủ hỏi chồng:

– Sao lại được ăn lương nhỉ?

– Một là nhà nghèo, hai là học khá.

Lại nói:

– Bẩm bà lớn, nhà nó nghèo ạ.

Ông Phủ như đắc chí, cười:

– Ừ, thế chứ lỵ!

– Bẩm quan lớn, cũng tại nó học giỏi nữa ạ.

Ông Phủ im, không đáp. Rồi cố ý phá câu chuyện đang nồng, ông sai Lại:

– Điếu!

Lại cầm se trúc, rồi móc túi đặt thuốc và đánh diêm. Sửa soạn xong, anh cặp cái điếu vào đùi, rồi châm. Ông Phủ vít se dài nghêu, ngửa đầu ra đằng sau mà hút. Khói thuốc tỏa ra như mây, làm Nga ho sù sụ.

Ngồi yên một lúc, tẩn mẩn, bà Phủ sực nhớ ra, hỏi Nga:

– Có phải thằng này hôm kia đã lấy cái liễn để ném chó cho con phải không?

Nga hồi hộp đáp:

– Dạ.

– À, nó cũng biết một đôi chút đấy nhỉ!

Nga vui sướng, mỉm cười. Muốn cho cha mẹ rõ tấm lòng đáng phục của Chi, nàng đáp:

– Vâng! Những người có học bao giờ cũng có nghĩa hiệp, hay cứu người trong lúc nguy hiểm.

– Không! Là me muốn nói nó biết bổn phận làm dân, đối với con quan kia mà!

Nga tiu nghỉu, cười lạt:

– Dạ.

Ông Phủ kiêu căng nói:

– Phải, chúng nó như hạng đầy tớ.

Nga tức bực. Nàng vờ quấn cái khăn bịt, cho mẹ khỏi nhận thấy nét mặt khó chịu của nàng.

Bà Phủ khuyên nhủ con:

– Bận sau, cô có đi chơi đâu, nhớ bảo một đứa nó theo hầu nhé, dù đi chơi gần cũng vậy. Nhà mình thiếu gì đầy tớ.

Ông Phủ cũng tiếp:

– Vả có là con nhà dân mới cứ đi một mình như thế chứ! Dù không có việc gì sai báo, nhưng cũng nên có đứa hầu cho ra vẻ, nghe không?

– Dạ.

– Thế hôm ấy con ra tận nơi nhà nó chi tiền liền à?

– Bẩm thày, con sai con Sen ạ.

– Ừ, con làm thế phải!

Bà Phủ hỏi:

– Thế nó xin con, hay tự con cho?

– Bẩm tự con đền.

Ông Phủ cau mặt:

– Con phải nói rằng cho, chứ việc gì mà đền.

Nga rất bực dọc, nàng đánh bạo nói:

– Con tưởng nói là đền mới đúng, mới phải lẽ.

Ông Phủ nhìn Nga, đáp:

– Hừ; lẽ thế nào? Đúng thế nào? Thế thày làm quan làm gì?

Nga im. Nàng rất buồn. Buồn vì nàng đã dám thốt lên một lời có ý phản đối cha mẹ. Buồn vì cha mẹ nàng quá khinh người. Rồi bà Phủ nói:

– À, nhà đồ Sơn! Có phải nó góa, mà trước thằng chồng nó làm nho không, mày?

– Dạ.

– Ừ, chắc thằng bé này định tâm ghè liền ra để mẹ nó kiếm chỗ đi lại hầu hạ chứ gì!

Ông Phủ gật gù, cho là phải, cười ha hả. Nga cũng chiều lòng cha mẹ, nhếch tí mép. Bà Phủ đắc chí vì câu nói đúng, được hoan nghênh dường ấy, lại nói tiếp:

– Quân láu cá thế đấy. Thế thằng ấy bao nhiêu tuổi mà tinh khôn như vậy, mày?

Nga bực mình đáp:

– Bẩm, độ bằng con.

Bà Phủ bật cười, âu yếm bảo con:

– Các cô ăn nói vô ý quá. Không nên so sánh vô lý như thế.

Một nụ cười đắc thắng điểm trên môi Nga.

Ông Phủ nói:

– Phải. Nó là con nhà hèn mọn, và nó học kém con. Nó học lớp nào, mày có biết không?

Lại đáp:

– Bẩm quan lớn nó sắp thi thông phán ạ.

Ông Phủ có ý không bằng lòng, cau đôi lông mi, gọi Lại để lảng chuyện:

– Điếu!

Bà Phủ nói:

– Gớm! Ông hút thuốc luôn, để con nó ho đấy.

Nga âu yếm nhìn cha mẹ, thưa:

– Bẩm không việc gì ạ.

Nhưng ông Phủ bảo:

– Thôi, cất điếu đi.

Lại lấy cái se rút ra, đặt nằm trên đùi. Bà Phủ hỏi:

– À quên, thằng bé này có họ gì với nhà Khách Thái An thế mày?

– Bẩm không ạ.

Ông Phủ nói giọng chắc chắn:

– Ồ! Thế bà cũng phải hỏi! Vợ góa của thằng nho mà nhân tình với Khách là sự thường.

Nga hơi cau mặt. Nhưng Lại đáp:

– Bẩm quan lớn, nhà này đã già ạ.

– Nhưng mà trước kia, mày biết đâu?

– Dạ.

– Ừ, chả thế, thằng Thái An phải đưa con con mẹ ấy đi học. Mà biết đâu, thằng bé này lại không là Khách lai? Thằng Thái An mà không cưu mang, thì tiền đâu, thằng bé này ăn học? Đành rằng có lương, nhưng lấy gì mua sách vở.

– Phải, ông đoán có lý lắm!

Ông Phủ vênh váo, đắc chí:

– Bà lại còn khen ông Trạng làm thơ! Những việc án từ, nếu không đoán lý mà soi xét, thì biết bao nhiêu người ngay bị oan!

Nói xong, ông cười, nhìn vợ, nhìn con, nhìn tên lính.

Lại khoanh tay, đáp:

– Dạ.

Nga muốn minh oan cho người ngay, bèn đánh liều nói:

– Lại, tao nghe thấy nhà bà ta gẫy một tay, là tại làm sao?

– Bẩm con không biết.

Không rõ nó không biết thật, hay nó không dám tỏ sự biết của nó ra.

Nga lại hỏi:

– Người học trò này, tao thấy con Sen nói rằng trọ học đâu ở gần trường Bưởi kia mà?

– Bẩm vâng.

– À, thế thì lương lĩnh ra, trả tiền cơm rồi, cũng còn thừa tiền để mua sách vở đấy nhỉ. Thế thì bà mẹ anh ta làm gì đến nỗi làm điều nhơ nhuốc.

Cãi được cho bác đồ Sơn, Nga vui vẻ. Nhưng ông Phủ cau mặt:

– Con biết đâu? Sách tây đắt tiền, đủ sao được mà mua! Đừng gọi nó là bà mà mất giá trị, con ạ.

Bà Phủ hỏi:

– Sao thằng này lại đi xe với chú Thái An mày?

– Bẩm bà lớn, chú ấy lên tỉnh cân thuốc. Còn thằng Chi thì dễ thường đi ghép xe.

– Ừ, như thế thì rẻ. Chứ một mình một xe thì tiền đâu! Hay nó đi nhờ xe đấy, mày ạ.

Nga thở dài. Nàng trông quanh mình, thấy rặt một thứ sang trọng, thừa thãi cho nàng được sung sướng, thế mà trong bọn học trò, lại có những người nghèo khổ, quanh năm bị thiếu thốn như Chi.

Rồi xe đến tỉnh, ông Phủ bảo tài xế:

– Vào trong cụ Tuần.

Nga giơ cánh tay, nhìn đồng hồ, nói:

– Còn những một giờ nữa xe lửa mới đến.

Bà Phủ bảo:

– Sớm quá nhỉ, thế thì cả con cũng vào đây.

Nga ngần ngừ, nghĩ đến câu chuyện cha mẹ nàng nói hai hôm trước, ngượng nghịu đáp:

– Con xin phép thầy me cho con ra ga ngay.

– Chờ ở ga lâu lắm, con ạ.

– Hay con bảo anh tài xế đánh xe lại phố gần đây, nhà chị Nhạn, cùng học lớp con, rồi đến giờ chúng con ra ga một thể.

– Nhạn là con cái nhà ai?

– Bẩm me, thầy chị ấy làm trong ty cụ Tuần.

Ông Phủ bảo:

– À, phải, con Thừa Minh. Thôi được, tài xế hãy đỗ ở dinh quan Thương đã nhé. Bà với cô Nga hãy vào đó.

Nói xong ông giở ví ra lấy tờ giấy bạc hai chục đưa Nga, và dặn:

– Con giữ cẩn thận. Đến ngày kỵ tháng ba mới được xin thêm. Phải tiêu dè dặt nhé!

Nga cầm tiền mừng rỡ.

Xe qua dinh Tuần phủ quặt vào phố trong thì đến dinh Thương tá.

Bà Phủ ghé tai Nga, hỏi:

– Ngần ấy, con tiêu có đủ không? Hễ có thiếu thì cứ vay chú Tham rồi me cho nhé.

Nga tủm tỉm:

– Vâng.

Bất đắc dĩ Nga vào trong dinh ông Thương. Ngồi độ nửa giờ, nàng xin phép ra ga cho sớm.

IV

TRÊN XE LỬA

Sân ga, hành khách đã nhộn nhịp. Nhất là bọn học sinh.

Chỗ nọ học trò trường Bưởi túm tụm nhau, cười nói rầm rầm. Chỗ kia, học sinh trường Sư phạm đang đếm xem có thiếu mặt nào không. Ai nấy vui sướng, hể hả.

Họ kể lại với nhau những việc rất quan trọng trong mấy ngày Tết, là ăn bánh chưng và đánh tam cúc. Họ hỏi nhau xem có học ôn thêm được bài nào không. Thỉnh thoảng, họ đưa mắt sang ngắm chỗ các cô nữ sinh đọc từng tên một và bình phẩm.

Không ai bỏ qua được tên cô Lê Thị Nga.

Nga lẫn trong đám chị em, nét mặt buồn rầu mong đợi

Thỉnh thoảng, liếc mắt, thấy bên học trò con trai họ chòng chọc nhìn mình mà thì thào, nàng biết họ nói mình, trong lòng cũng hơi hồi hộp. Chị em thì cố làm vẻ đứng đắn, nghiêm trang, làm như không biết rằng ai chú ý đến bọn mình vậy.

Kim lớn đồng hồ mỗi chốc nhích đầu lên dần. Bỗng Nga nói với bạn:

– Các chị cho tôi lại đằng này dặn thằng người nhà một tí.

– Nó đứng đâu?

– Đứng đằng kia?

– Sao không lấy cả cho nó vé hạng ba, có oai không?

Nga tủm tỉm:

– Ai sang trọng được bằng cậu! Giá tôi không được trừ nửa tiền vé, thì tôi cũng chẳng dám quá ngông.

Nói xong, tha thướt Nga đi. Hàng trăm mắt thiếu niên như muốn nuốt chửng lấy nàng.

– Cô ấy quên không bôi tí phấn vào trong mang tai!

– Hằng Nga giáng thế!

Những tiếng trêu ghẹo bâng quơ theo sau trận cười làm Nga đỏ mặt. Nhưng nàng vờ tự nhiên như không nghe tiếng. Nàng có ý đi qua cả sân ga để tìm xem Chi đứng đâu.

Nhưng chẳng thấy đâu cả.

Kim lớn đồng hồ gần đứng sững dậy. Xe lửa sắp tới nơi.

Lại thấy Nga tới, vội xách va ly đến gần và chờ lệnh.

Nga khẽ bảo:

– Tàu đông lắm, mày nên ngồi ở toa cuối, xem tao có cần bảo gì không nhé.

– Vâng.

Rồi nó theo Nga đi.

Bỗng một hồi còi rúc inh ỏi. Xe lửa sắp đến. Một lần sau cùng, Nga cố nhận xem Chi đứng ở đâu mà im tiếng lạ, thì tự nhiên có người hỏi nhau:

– Thằng con nhà Chi dễ đi chuyến sau.

Thế là Nga yên chí Chi lỡ tàu.

Xe nặng. Gió ngược. Nga ngậm ngùi nhớ lại cái cảnh ấy mà nàng đã gặp ở giữa đường.

Con tàu lù lù, ầm ầm tiến đến. Hành khách sắp sửa tranh nhau lên trước để chiếm chỗ.

Bọn học trò con trai đứng sau bọn bạn hữu Nga để nhường lên trước. Nga vội vàng đi đầu, kiếm chỗ ngồi ngay cửa sổ, để nhìn về phía cửa ga cho tiện. Người ta lên đông dần. Toa hạng ba cũng chật ních.

– Ê! mau! Chi! Trinh! Lên đây.

Nga sửng sốt, vội vàng tìm. Nàng thấy hai người, Chi, và một người chắc tên là Trinh, đương lật đật chạy.

– Đây kia mà! Chi!

Trinh đưa va ly cho các bạn, rồi quay mặt nói với lại:

– Chốc nữa về trường tôi đưa nhé.

Nga yên chí và mừng thầm sẽ được có dịp lâu cho Chi ngắm cách cử chỉ xuềnh xoàng của mình, nên còn đương mải để mắt vào Trinh, thì không trông thấy Chi đâu nữa.

Xe lửa từ từ chạy.

Trinh hớt hải mở cửa vào. Các bạn xúm lại gần, bắt tay và hỏi:

– Đâu, thằng Chi đâu?

– Không biết.

Nga ngơ ngác, không hiểu vì sao có sự lạ lùng này. Vậy Chi biến đâu mất? Rồi nàng thấy người ta hỏi:

– Trinh, sao mày bảo mất giấy trừ nửa vé mà mày dám đi hạng ba.

– Mất thật, đây là tao lấy giấy của thằng Chi.

Nga lắng tai, đoán chắc sẽ được nghe người ta sắp ca tụng Chi là bạn tốt. Thì người ta lại hỏi:

– Thế thằng Chi đâu?

– Nó ở cuối hạng tư ấy.

Nga càng tâm phục tấm lòng tốt của con người rất ít có ấy.

– Thằng Chi tốt bụng nhỉ!

Nga đưa mắt nhìn xem ai nói, bỗng nàng thấy Trinh bĩu môi, đáp:

– Nó bán lại cho tao ba hào đấy. Nó bảo để nó mua ba quyển vở.

Nga cảm động, thở dài.

Tàu đi nhanh dần.

Nghiêm chỉnh, Nga ngồi im, vơ vẩn nghĩ, để mắt vờ trông ra ngoài. Cột dây điện, nhà cửa, cây cối chạy ngược lại. Song Nga chẳng để ý đến cái gì.

Nga đoán chắc bây giờ Chi đang len lỏi ở toa dưới, cố kiếm lấy một chỗ để đặt đủ hai bàn chân. Rồi người ta chen, người ta dúi, hành khách mỗi chốc lại ấm oái cãi nhau. Càng nghĩ đến Chi, Nga càng thấy bồn chồn, thất vọng. Nàng đang mong được nghe Chi nói chuyện với bạn, và pha trò để cùng được vui. Thành ra cái thì giờ này, nó vô ích cho nàng quá.

Xe chạy được một ga, Nga nóng ruột, đứng phắt dậy, bảo bạn:

– Tôi xuống toa dưới, xem thằng người nhà nó đâu.

– Thôi, đông nghịt những người, chị đi sao được. Kệ nó.

– Nhưng nó ngớ ngẩn lắm, chỉ sợ nó bỏ mất va ly của tôi thôi.

Nói xong, Nga ung dung đi, mở cửa xuống hạng tư.

Kỳ thực Nga chỉ muốn tìm gặp mặt Chi.

Gặp mặt làm gì?

Chính Nga cũng không biết.

Nga cố vừa chen lách vừa tìm tòi. Đi được độ nửa toa, nàng lao đao, mệt quá. Giầy và bí tất bị chân người ta giẫm lên ba bốn lượt. Ống quần và tà áo cũng quệt cả vào lồng gà.

Nhìn đằng trước, thấy hành khách đông nghịt, Nga toan trở lại, không dám tiến bước. Nhưng nàng quay lại sau, cũng không vắng đi tí nào. Về cũng dở, mà đi cũng rầy. Nga bị dúi, suýt ngã mấy lần. Rồi nàng nghe thấy người ta nói:

– Tàu đã đông, mà cô kia còn lượn!

Nga xấu hổ lạ lùng. Đứng dừng lại, nhìn xung quanh, Nga có cái cảm tưởng như trông rõ tâm cảnh của mình vậy. Nàng đương sung sướng ngồi trên toa hạng ba, mà bây giờ, chỉ muốn gặp Chi - mà cũng không biết gặp để làm gì - nàng chịu khó chui rúc xuống toa hạng tư, đầy đọa tấm thân, đầy đọa quần áo, phải nghe người ta diếc móc. Gặp Chi để cho thỏa một cái thiếu ở trong lòng. Thật đúng như ở đời, Nga và Chi trong hai cảnh ngộ, lại muốn gặp nhau.

"Hay cái thiếu ấy là ái tình?"

Nghĩ như vậy, Nga thở dài.

"Thế mới biết ái tình là tuyệt đích".

Rồi bỗng nàng dừng bước:

"Hay là thôi. Ai lại thế. Gặp nhau làm gì? Vả gặp nhau sao được".

Nga quay phắt trở về. Nhưng người ta tiến đi, nàng không bước được một bước.

– Cô đi tìm con?

Lại lúc bấy giờ mới trông thấy Nga. Anh đương ngồi trong xó, len ra và hỏi thế. Nga cau mặt tỏ ý không bằng lòng đáp:

– Ừ, mày có chỗ ngồi rồi à?

– Vâng, anh Chi anh ấy bảo con rằng cô đi tìm con.

Trống ngực Nga tự nhiên nổi lên. Nga đưa mắt nhìn không thấy Chi đâu cả.

– Đâu, anh ấy đâu?

Lại trỏ tay. Nga trông theo thấy Chi ngồi thu mình sau cái bồ lớn.

Nhưng lúc ấy Chi quay mặt đi.

Nga bực mình quá. Không biết làm thế nào được. Rồi nghĩ được một câu, Nga nói to:

– Thôi được, mày ngồi bên cạnh anh Chi tao rất yên tâm.

Nhưng Chi vẫn không nhìn lại.

Nga trông Chi, thấy vẻ mặt buồn rầu, lại cảm thương. Chi ở vào cái gia đình hèn mọn, nghèo khó, đến nỗi phải bán lại sung sướng của mình cho bạn để kiếm mấy hào.

Rồi Nga bảo Lại:

– Mày lên toa kia, tìm hàng bánh đậu, mua cho tao vài phong nhé.

Nói xong, nàng đưa tiền, Lại chen lách đi, độ năm phút, lẫn vào trong đám rừng người.

Nga đứng gần Chi, ngẩn ra và tự nhiên thấy bẽn lẽn, hồi hộp. Rồi đánh liều nàng quay gọi:

– Anh Chi!

Chi nghiêng đầu đứng dậy chào, rất lễ phép. Nga khẽ cúi, mỉm cười chào lại. Nga thỏ thẻ:

– Nhờ anh trông giúp tôi cái va ly và khi sắp đến ga, anh bảo nó hộ.

– Thưa vâng.

Bỗng Nga thấy ân hận lạ thường. Ân hận vì Chi gọi mình là cô, mà mình gọi Chi là anh. Nhưng tìm ngay được câu nói, Nga tiếp:

– Chết! Tôi xin lỗi anh, tôi cứ quen mồm.

Thấy Chi tủm tỉm. Nga vui mừng quá. Lúc ấy những người xung quanh đều nhìn nàng, làm nàng rất ngượng. Hai má và hai tai nàng đỏ ửng. Cuống quýt, nàng vội nói:

– Anh hãy cho tôi mượn cái va ly.

Cốt làm có việc cho đỡ thẹn. Nga mở khóa, vờ vịt tìm tòi quần áo. Bỗng nàng nghĩ ngay được những câu hỏi để che mắt mọi người:

– Anh Chi ạ, hôm kia, tôi bảo con Sen ra đưa bà cái ấy, có lẽ bà với anh không bằng lòng!

Chi cười, đáp một cách rất tự nhiên:

– Không ạ. Cô làm thế là phải, mà chúng tôi làm thế cũng là phải.

Nga mỉm cười khẽ gật đầu, rồi trông đi.

Vì Nga không muốn tỏ ý cảm ơn bằng lời nói, giữa chỗ công chúng người ta đương để ý đến mình, Chi nói:

– Tôi tưởng cả quan lớn bà lớn cũng đi Hà Nội. Anh Lại anh ấy nói cô đi có một mình.

– Vâng. Thày me tôi chỉ lên tỉnh thôi. Lúc ấy tôi cũng trông thấy anh đi xe với chú Thái An.

– Vâng.

Lặng yên một lúc, Nga lại nói:

– À, tôi có mấy quyển sách, anh có dùng đến, anh cứ lại đằng nhà mà lấy.

Chi ngạc nhiên, nhìn Nga để hỏi ý. Muốn cho Chi hiểu thấu câu nói thật bụng của mình, nàng nhắc lại:

– Tôi có mấy quyển sách, anh có dùng đến, anh cứ lại đằng nhà mà lấy. Mỗi thứ tôi có đến hai, ba quyển, mà quyển nào cũng tốt lắm.

Mắt Chi vẫn không rời Nga, ấp úng đáp:

– Vâng.

– Anh có bút chì không?

Chi móc túi đưa Nga bút chì. Nga lấy danh thiếp của mình, đề thêm tên phố, và viết nguệch ngoạc mấy dòng:

Nhà chú Tham tôi. Những ngày chủ nhật, cứ lại. Tôi rất mong giúp anh để tỏ lòng biết ơn của tôi.

Rồi đưa danh thiếp cho Chi, nàng nói to:

– Đây, những sách tôi biên tên ra đây.

Chi cầm danh thiếp, đọc xong, nhìn trộm Nga một cái rất nhanh. Nga mỉm cười. Rồi hai người cùng có vẻ mơ màng đâu đâu.

Không muốn phí thời giờ, Nga nói ý:

– Nếu anh hỏi thằng Lại, anh có thể biết rõ tâm địa người ấy.

Chi khẽ đáp:

– Vâng.

– Hiện bây giờ anh có cần gì không?

– Không ạ.

– Thôi được, chủ nhật sau, anh có thể ra chú Tham tôi hỏi gì không?

Nghĩ ngợi, Chi nói:

– Vâng.

– Anh cứ đến vào buổi sáng, chú tôi có nhà.

– Vâng, nhưng mà...

– Không, anh đừng ngại.

– Vâng. Ơ kia, anh Lại đã mua được bánh rồi.

Nga quay nhìn: Lại đang cố len. Nga vờ đứng xa Chi, rồi lúc Lại đến, Nga bảo:

– Mày đi lâu quá. Tao đã nhờ anh Chi, có điều gì bỡ ngỡ phải hỏi anh ấy.

Nói xong, Nga cầm mấy phong bánh rồi cất vào va ly, và dặn:

– Trông đồ đạc cẩn thận nhé, À, mày đói chưa?

– Bẩm chưa.

– Nhưng mày cứ cầm mấy hào, rồi mua quà mà ăn.

Nga móc túi, đưa tiền và nói thêm:

– Có mua gì ăn, nhớ mời cả anh Chi, nghe chưa!

– Vâng.

Dặn dò xong, Nga chào Chi bằng một đôi mắt kín đáo, rồi lên toa hạng ba.

Suốt từ đó đến Hà Nội, Nga vơ vẩn, ngồi thần người ra. Chị em nói chuyện, nàng không để tai nghe. Mơ màng, nàng nghĩ đến ái tình, đến những người đã đánh tiếng dạm nàng làm vợ, đến cảnh Chi nghèo khó, quần áo Chi tồi tàn. Bỗng nàng thở dài, sực nhớ lại câu hát của con vú em hôm nọ.

Hồ trông thấy mặt anh chàng lại chê.

Quanh mình Nga, người ta nói chuyện rầm rầm.

Tiếng bánh xe chạy trên đường sắt, tiếng còi hét xé tai, cũng không làm cho nàng nhớ rằng hiện nàng đương ở trên xe lửa. Nàng tựa cằm vào cửa sổ. Ruộng nương, sông núi, như bị xoáy nghiêng xoáy lệch, càng làm cho óc nàng bị quay cuồng

V

CHỜ

Sáng chủ nhật, bà Tham vào trường xin phép cho Nga ra.

Thật là một sự ngạc nhiên cho bà. Thấy cháu có vẻ thờ thẫn, bà hỏi:

– Từ hôm vào học, cháu vẫn mạnh khỏe đấy chứ?

– Bẩm thím vâng.

– Sao cháu xanh làm vậy?

Nga mỉm cười, đáp:

– Thím trông lầm. Tại cháu không đánh phấn đấy ạ.

Bà Tham cau mặt, nói:

– Cháu hết phấn rồi à? Sao không vay chị em mà dùng. Chủ nhật ra phố, ai lại thế kia, người ta cười cho đấy.

Nga nói lảng:

– À, thưa thím, thày cháu mới gửi thư cho cháu.

– Thế à? Ở nhà bình yên chứ?

– Vâng.

– Kìa, sao cháu đi khập khiễng vậy. Cháu làm sao thế?

Nga khẽ đáp:

– Bởi vì cháu đi đôi giày này bé quá.

– Giầy của ai ấy đây mà?

– Vâng, giầy của cháu, một người bạn cháu mượn để hôm nay đi ăn cỗ cưới.

Bà Tham nhìn chân Nga, phì cười:

– Đi giầy sang trọng quen, đến nay cháu lê đôi giầy da láng rách, trông tiều tụy quá.

Nga giơ cái khuỷu tay thủng cho thím xem, và nói:

– Bẩm không tiều tụy bằng thế này.

Bà Tham phá ra cười:

– À, thảo nào, thím thoạt trông thấy cháu, thím lạ quá. Mà thím nghĩ mãi không biết hôm nay cháu có những cái gì khác. Mượn cái áo ở đâu mà vừa dài vừa rộng thế này?

Nga thẹn thùng, đáp:

– Của người có đôi giầy này đấy ạ.

– Thế cũng cho cả người ta mượn áo à?

– Vâng.

– Nhưng cháu thiếu gì áo? Cho mượn thứ này đã có thứ khác, sao không mặc?

Nga không đáp.

Hôm nay, Nga cố ý ăn mặc một cách rất sơ sài. Cô con gái mơn mởn mọi khi với chiếc áo xa tanh màu hồng phớt, với cái quần xa tanh trắng, với đôi giầy nhung tiết dê cao gót, với chiếc khăn quàng len trùm vai rủ chéo xuống lưng với bộ tóc óng nhậy, lả tả như sắp trụt xuống mặt, với những thứ trang sức bằng kim cương lấp lánh, với mùi phấn và nước hoa thoang thoảng, thì hôm nay chỉ là một người đen từ đầu đến gót. Mà cái màu đen lại làm cho người ta già hơn, trang nghiêm hơn. Tưởng chừng như người ấy dù thế nào cũng không nhếch mép. Nga mặc những thức này, chẳng phải vì bạn nàng đã mượn những quần áo đẹp. Nhưng chính là nàng đã hỏi mượn các bạn.

Chị em bạn thấy Nga ướm áo, ướm quần, lại hứa rằng chủ nhật này sẽ "diện" ra phố như thế, thì tưởng giễu cợt nói đùa, ai nấy cười sằng sặc. Đến bây giờ thấy Nga làm thực ai cũng ngạc nhiên.

Chỉ có Nga hiểu ý định của mình. Vì hôm đó, nàng có hẹn Chi đến.

Chi! Nghĩ đến tên Chi, là Nga tưởng tượng ngay đến sự túng thiếu, sự tồi tàn. Thế thì nàng tiếp Chi ngày hôm nay, điều cần nhất là nàng đừng để Chi phải tủi thân, khi trông thấy bề ngoài nàng quá sang trọng. Nàng yên chí thế. Bởi vì khi hai người có một cái khác nhau, tự khắc câu chuyện không bao giờ hợp dù cái khác nhau chỉ là bề ngoài.

Về đến nhà chú, Nga làm ra bộ hớn hở, vui vẻ, đùa giỡn với các em bé. Kỳ thực nàng mong đợi Chi. Thỉnh thoảng thấy có ai đội mũ trắng đi sát vào cửa, là nàng lại trống ngực, nghển cổ trông theo.

Một lúc, Nga ngồi một mình ở sa – lông.

Bốn xung quanh đồ đạc sang trọng quá, làm nàng khó chịu. Tiếp Chi trong phòng khách lộng lẫy, nàng chẳng muốn tí nào. Nàng ước gian này chỉ quét vôi trắng, chỉ bày có cái bàn bằng gỗ tạp với bốn chiếc ghế mây xoàng.

Tự nhiên, Nga có một tư tưởng rất lạ. Nàng thấy cái phú quý nó là một bức thành cao kín, mà người ở trong như bị giam hãm, bị tù.

Chú Nga vì làm Tham tá, nên phải thuê nếp nhà bốn mươi đồng một tháng. Có nhà đẹp, phải bày bộ sa – lông gụ mới xứng đáng. Mà đã có bộ sa – lông đắt tiền, tất bốn bên tường phải quét vôi màu, kẻ hoa. Ngày tết đến, sao cũng phải có vài cốc thủy tiên, và một cành đào to để cắm vào chiếc độc bình cổ. Rồi những tủ gương, giường đệm. Rồi những xe nhà gọng kền bóng nhoáng. Rồi những người nhà, đầy tớ thật nhiều. Song sự ăn tiêu dù thừa thãi đến đâu, cũng chỉ làm cho ta đủ sống mà thôi. Thì cũng đủ sống như một người thường. Hôm nay, Nga ăn mặc sơ sài thế này, nàng cũng chẳng thấy khác mọi khi một mảy may.

Rồi Nga thấy cái phú quý nó làm cho người ta cao xa quá. Mà cao xa quá thì cô độc, cô độc thì buồn vì không được hưởng những cái vui vẻ của bọn bình dân, cái vui vẻ dễ kiếm, đầy rẫy.

Nga hiện đang sống bằng cái đời học sinh, cái đời bình đẳng ở trong trường không có sự phân biệt giàu, nghèo, sang, hèn. Nay nàng thấy Chi, người thiếu niên mà nàng gặp đầu tiên, là một người thanh cao giản dị. Có lẽ vì nghèo nên Chi mới có tính cách thanh cao, giản dị chăng? Vậy mà vì thanh cao, giản dị, nên Chi luôn luôn được vui vẻ, cái vui vẻ đầy rẫy, dễ kiếm của bọn bình dân.

Đồng hồ buông chín tiếng. Nga thở dài, đứng dậy, lại sau cửa kính, nhìn ra phố!

Bỗng ông Tham trong nhà đi ra, nói:

– Chú mới mua vài cuốn sách, hay lắm. Cháu lấy mà đọc.

Nga lễ phép quay lại, đáp:

– Dạ.

– Cháu không đi chơi đâu à?

– Bẩm không.

– Thế thì ở nhà chờ chú thím, độ hơn mười giờ chú thím về nhé.

– Dạ.

Nói xong, ông Tham ra cửa, gọi xe đi. Một lúc bà Tham cũng theo sau, Nga nói giọng làm nũng:

– Bẩm thím đi chóng lên mà về ạ.

Bà Tham âu yếm mỉm cười:

– Thím đi một chốc, về ngay.

Nga mừng lắm. Hẳn là được dịp tốt để tiếp Chi một cách tự do hơn là có chú thím ở nhà.

Sở dĩ Nga dám mời Chi đến nhà ông Tham, vì Nga biết chú là một người tự do không quá nghiêm khắc như cha. Và chú xuất thân tây học, nên có óc mới, rất hợp thời, chứ không quá nệ cổ. Thì giá Chi có đến, mà Nga giới thiệu với chú, là một người học năm thứ tư trường Bảo hộ, quê ở phố Phủ, thì ông Tham cũng hỏi han, trò chuyện, tiếp đãi, rất tử tế. Nếu Nga lại nói tính cách của Chi cho chú nghe, có lẽ Chi lại được ông Tham quý hóa nữa kia. Ông Tham coi Nga như con đẻ, rất săn sóc về giáo dục cho Nga, ông thường bảo nàng rằng:

– Luân lý cổ của ta kém về mặt xã hội giáo dục. Vì vậy, nhiều khi Nga thích ở với chú hơn là về phủ với cha.

Nga bắc ghế ngồi sau bức màn cửa kính nghé ra phố. Kẻ qua người lại, kéo nhau đi lũ lượt. Ai nấy đều còn như tiếc tết mà mặc nốt bộ áo mới may. Nhưng nàng chỉ để ý đến những người đội mũ trắng.

Đồng hồ điểm một tiếng.

Nga nóng ruột quá. Không hiểu có việc gì ngăn trở mà Chi không lại được? Chẳng lẽ Chi không tìm thấy phố. Hay là Chi phải phạt? Nếu không phải phạt, chẳng còn lý gì Chi sai hẹn cùng Nga được.

Tiếng tích tắc của đồng hồ, mạnh và vội như tiếng gót chân chạy của thần thì giờ. Mười tiếng chuông ngân nga, làm rung động cả lòng thiếu nữ đương mong mỏi đợi chờ.

Nga đứng lên. Rồi lại ngồi xuống. Rồi lại đứng lên. Rồi lại ngồi xuống. Tựa cằm lên trên lưng ghế, đôi mắt đăm đăm, nàng nghĩ ngợi.

Hay là Chi ngại điều gì mà không đến?

Hay là Chi khinh nàng mà không đến?

Hay là Chi đã đi tới đầu phố rồi?

Hết thương Chi, lại giận Chi, rồi lại mong, mà vẫn vô hy vọng. Mấy câu hỏi kia cứ mỗi chốc lại làm bận óc. Nga giở cuốn sổ tay ra xem lại những ý ghi sẵn để chốc nữa định nói. Nàng muốn làm cho Chi hiểu rằng nàng không phân biệt giàu, nghèo, sang, hèn. Nàng chỉ quý người có nhân cách. Nàng có thể cho Chi mượn nhiều sách. Chi có thể thường thường qua lại đây thăm nàng.

Ôn lại ngần ấy điều, Nga thấy lòng hồi hộp, tựa hồ như đương nói chuyện với Chi vậy. Bỗng nàng ngẩng đầu lên, nhìn ra đường, song vẫn chẳng thấy ai cả.

Mười giờ rưỡi.

Quái lạ thay! Chi đáng thương? Hay đáng giận?

Không có lẽ con người có học ấy lại hắt hủi một người con gái thành thực mời mình đến nhà.

Nếu vậy hẳn là Chi ngại. Một lẽ, Nga là con nhà quan, Chi là con nhà dân. Một lẽ, Nga sang trọng, Chi tồi tàn. Một lẽ, Nga hẹn Chi đến nhà chú. Nếu vậy, Chi chỉ là đáng thương.

Mười một giờ.

Nga bực tức lạ lùng. Thì giờ đi nhanh quá. Còn mong mỏi gì nữa.

Hai cái xe đỗ phịch trước cửa làm cho nàng ngấc đầu lên. Ông Tham bà Tham về. Nàng hết hy vọng, nhưng gượng vui vẻ, mở cửa ra đón chú thím.

Ông Tham đưa Nga một hộp thuốc, nói:

– Thuốc này, những người có bệnh đau tim uống hay lắm. Chú mua cho cháu đấy.

Nga vui vẻ giơ hai tay đỡ.

– Cháu nhớ xem lời dặn người ta gói ở trong, mà uống cho đúng nhé.

– Dạ.

Rồi ông nghiêm mặt, nói:

– Bệnh đau tim, chớ coi là thường.

Nga cúi đầu, cười. Bà Tham hỏi:

– Thế nào? Các em đâu?

– Bẩm thím, các em chơi trong nhà ạ.

– Nó đã làm gần xong cơm chưa?

– Bẩm thím không biết.

Ông tham cười, nói:

– Thỉnh thoảng cháu phải tập trông nom bếp nước mới được.

Nga thẹn thùng, theo thím vào nhà trong.

Bà Tham nói rất nhiều chuyện cho Nga nghe, nhưng Nga chỉ vâng dạ hoài, chứ không để ý đến gì cả. Không được ngóng cửa, nàng nóng ruột quá.

Nga chỉ mong được thấy chú vào bảo:

– Kìa, cháu Nga ra có ai hỏi gì.

Nhưng mà mâm cơm đã dọn ra. Thế là tuyệt vọng.

Mười một giờ rưỡi.

Bữa cơm ấy, Nga ăn không ngon một tí nào. Nàng chỉ lẩn quẩn nghĩ về Chi. Nàng yên chí lúc này, Chi có đến gõ cửa, mà không thấy ai ra mở, thì lại trách nàng hẹn vờ. Cho nên và vội được hai bát, nàng vô phép đứng dậy. Rồi rửa mặt quàng quàng, nàng ra nhà ngoài ngồi đợi.

Một chốc, ông Tham ăn xong ung dung đến buồng khách, hỏi Nga về sự học. Nga trả lời, mà mắt vẫn để ra phố.

Bỗng chốc, Nga thấy Chi đi ở đằng xa, có ý nhìn lên các số nhà. Nàng sửng sốt, mừng quá, trống ngực thình thình.

Nàng trông rõ Chi mặc áo pa đờ suy đen và đi giày tây vàng. Chắc những thứ ấy Chi đi mượn lại nhà Nga. Chi phải ăn mặc cho ra vẻ, cho khỏi tiều tụy. Chi đứng sững hè phố bên kia, nhìn mãi sang nhà Nga. Nga không còn nghe thấy chú nói chuyện những gì nữa. Nàng run lên, hai mắt chòng chọc nhìn Chi. Nàng cảm ơn trời phật.

Nhưng mà không hiểu sao, đứng một tí, rồi Chi lờ phờ đi. Nga không nghĩ ngợi, e ngại gì, chạy vội ra, mở toang cửa, định để Chi trông thấy.

Vậy mà Chi không quay lại.

Nga nghẹn ngào lên đến cổ.

Nga đã tính liều, hoặc gọi, hoặc chạy theo. Nhưng chú nàng đây kia, nàng không dám tự do quá thế.

Thật tuyệt vọng. Nga đóng ập cửa lại, thở dài, nét mặt rầu rầu:

– Cái gì thế cháu?

– Không ạ.

– Đi mà nghỉ cháu ạ.

Nga chán nản lên gác, nằm trên giường trằn trọc mãi. Sau, tức quá, nàng vùng dậy, lấy bút mực, viết bức thư, gửi trách Chi:

Anh Chi,

Hôm nay, tôi chờ anh cả buổi sáng. Anh nên biết tôi mong mỏi nóng ruột là ngần nào. Đến quãng mười hai giờ, tôi thấy anh đứng trước cửa nhà, nhìn sang, rồi lại đi. Vậy tôi không hiểu vì lẽ gì anh phụ bụng tôi thế.

Tôi mời anh đến chơi, chẳng qua vì thấy anh là một người có nhiều đức tính đáng quý lại sống trong cảnh ngộ đáng ái ngại. Tôi muốn giúp anh ít sách để anh học. Chỉ có thế mà thôi. Vậy vì lẽ gì anh không vào, anh nên cho tôi biết.

NGA

Viết xong, Nga đọc đi, đọc lại. Rồi xé đi. Rồi chép lại. Đắn đo không biết có nên nói như thế không? Cái thư vừa nhã nhặn, vừa kiêu ngạo, đến tay thì Chi nghĩ thế nào? Rồi không muốn trù trừ, Nga cho vào phong bì, dán lại, đề cho Chi vào trường rồi tự tay đi bỏ vào thùng thư.

VI

VIỆC CHẲNG NGỜ

Sáng chủ nhật sau, bà Tham lại vào trường đón Nga ra, Nga vẫn ăn mặc xuềnh xoàng như lần trước.

Về đến nhà, Nga thơ thẩn, bồn chồn, chỉ loanh quanh ngoài buồng khách, mắt lúc nào cũng nhìn ra phố.

Lấy làm lạ, ông Tham hỏi:

– Sao từ Tết ra, chú thấy cháu khác lắm. Cháu có sự gì nghĩ ngợi?

Bà Tham nói:

– Hay là cháu lo thi?

Nga đương luống cuống, được một ý để trả lời, bèn đáp:

– Vâng, cháu lo thi.

Ông Tham cau mặt:

– Đừng nên lo quá mà mụ người, học không được nữa đâu.

Nga cười. Bà Tham lại nói:

– Con gái chả đỗ thì đừng, hơi đâu mà lo rồi gầy người đi cháu ạ. Đỗ làm cô giáo, nhưng rồi khi về nhà người ta thì lại xin thôi ngay đấy chứ gì.

Nga thẹn thò, cúi mặt.

Bỗng có một hồi còi xe ôtô rất quen tai. Ông Tham ngớ mặt, lắng tai, nói:

– Hay là xe anh.

Rồi cả nhà chạy ra cửa nhìn.

Chiếc ôtô lù lù tiến đến. Nga mừng rỡ:

– Bẩm chú thím, thày me cháu ạ.

Xe dừng. Cửa xe mở. Ông Phủ, bà Phủ xuống. Các con ông Tham trong nhà nhảy nhót ra. Ông Tham chào, hớn hở hỏi:

– Bẩm anh chị lên chơi hay có việc gì?

– Lên thăm chú thím thôi.

Nói đoạn, ông xoa đầu những đứa bé con nó sán vào bên cạnh.

Bà Phủ nhìn Nga, ngạc nhiên hỏi:

– Kìa quần áo cô đâu? Sao cô ăn mặc thế kia?

– Bẩm me, con cho chị bạn mượn đi ăn cưới ạ?

Ông Phủ trông Nga, hỏi:

– Cho đứa nào? Nó con cái nhà ai? Đừng nên cho mượn liều như thế, con ạ.

Nga cúi gầm, không đáp. Ông Phủ lại hỏi:

– Trông con xanh lắm nhỉ. Mà ngơ ngác tệ. Có phải không chú, thím?

Bà Tham nói:

– Bẩm, em vừa hỏi cháu. Cháu bảo cháu lo thi.

Bà Phủ thương con, đứng dậy, nhăn nhó:

– Tôi đã bảo ông, cho con nó học làm gì mà!

Ông Phủ móc túi, đưa cho bà Tham tiền, nói:

– Nhờ thím mua cho cháu mấy lạng cao cho cháu tẩm bổ.

Nga cảm động, nhìn cha mẹ, chú thím bằng đôi mắt rất âu yếm.

Chuyện trò một lúc, bà Phủ và bà Tham rủ nhau đến phố Phúc Kiến mua cao. Ông Phủ và ông Tham lên phố Tràng Tiền sắm một vài thứ đồ đạc. Nga xin phép ở nhà coi nhà.

Bắc ghế ngồi sát sau màn cửa kính, Nga ngẫm nghĩ đến Chi. Quyết nhiên Chi tiếp được thư nàng rồi. Chi hối hay Chi giận? Hôm nay, Chi có đến đây hay không?

Nhưng nếu Chi định đến, nàng mong Chi đến ngay lúc này, là lúc cả nhà đi vắng, thì nàng mới dám nói những câu muốn nói. Chứ

mà chốc nữa, nếu cha mẹ nàng thấy Chi ở nhà này hẳn nàng bị hỏi vặn, ngờ vực.

Nga biết cha mẹ rất nghiêm khắc, nếu lại rõ là Chi con bác đồ Sơn bán xôi chè ở phố Phủ, thì sao nàng cũng không tránh được trận mắng nên thân.

Nga nhìn ra phố, mỗi chốc lại hồi hộp. Thì giờ vẫn chạy rất nhanh. Chẳng mấy chốc nữa đã mười giờ đúng. Rồi lần lượt, mọi người đi vắng đã về.

Bà Phủ bảo Nga:

– Me muốn cho con uống thuốc bổ hơn là ăn cao. Trong trường có ai biết sắc thuốc không?

Bà Tham cười:

– Trong trường còn ai sắc thuốc hộ mình được.

– Thì mình cho tiền người ta mà lại.

Nga từ chối:

– Thôi ạ.

– Thế những đầy tớ hầu hạ, mình không sai được à?

– Bẩm me, sợ bà Đốc biết, bà ấy phạt vì trái phép.

Bà Phủ phát cáu, gắt:

– Phép gì lại có phép vô lý thế! Thế người ta ốm không cho người ta uống thuốc hay sao? Hễ người Đốc có hỏi thì con cứ nói rằng me bắt uống.

– Bẩm me, trong ấy đã có Đốctờ thường đến khám bệnh, và có người trông nom thuốc thang rồi.

Bà Phủ vẫn lo ngại, thở dài:

– Chả học thì đừng. Bất quá mấy chục bạc lương chứ mấy. May một cái áo cũng hết.

Nga mỉm cười không đáp. Bà Phủ hỏi chồng:

– Ông nghĩ thế nào? Cho con đi học xa, tôi áy náy quá.

Ông Tham nói:

– Chị chớ quan tâm. Đã có chúng em. Chị cứ yên lòng cho cháu học nốt mấy tháng nữa.

Bỗng ngoài cửa có người đội mũ trắng dòm vào làm cho cả nhà phải quay ra. Nga biến sắc mặt: Chi đến.

Chi mở cửa, cúi chào mọi người. Nga run lên.

Lễ phép, Chi nói:

– Bẩm con hỏi cô Nga.

Mấy con mắt ngạc nhiên đổ dồn cả vào Nga, như có ý hỏi. Nga vừa bực mình vừa bẽn lẽn, không dám lên tiếng. Ông Phủ quay lại Nga:

– Đứa nào thế, con?

Nga cuống quýt. Cả nhà im lặng chờ câu trả lời.

Chi vẫn đứng sững, ngượng nghịu quá. Lần này, Chi ăn mặc khác lần trước, Chi mượn được cái áo đi mưa màu rêu, và đi đôi giày tây đá bóng. Ông Phủ thấy Nga chưa đáp, hỏi luôn:

– Đứa nào thế, con?

Câu hỏi khinh người làm cho Chi phải nhìn ông Phủ một cái.

– Bẩm thày, đây là một người học trò trường Bưởi.

– Nó hỏi gì con?

Nga chỉ muốn đưa mắt cho Chi ra. Nhưng phiền quá, Nga thấy Chi không nhìn nàng, mà ai nấy cùng trông vào nàng để nghe câu trả lời. Ông Phủ lại hỏi:

– Nó hỏi gì con?

Ấp úng, Nga đáp liều:

– Bẩm con không biết ạ.

Ông Phủ hỏi Chi:

– Mày hỏi gì?

Tức giận, mặt Chi tím bầm lại. Nhanh trí khôn, Nga tiến ra, hỏi Chi:

– Có phải bác là anh chị Thịnh không? Chị Thịnh nhờ tôi đưa bác mấy quyển sách.

Cả nhà vẫn ngơ ngác. Nói xong, Nga chạy lên gác. Mọi người im phăng phắc. Ông Phủ ngồi nghiêm trang, ngắm Chi từ đầu đến chân, rồi khẽ hỏi ông Tham:

– Thằng này con cái nhà ai, chú có biết không?

Ông Tham nhã nhặn hơn, lắc đầu.

Mặt Chi xám lại. Chi cắn môi.

Một lúc Nga xuống, đưa Chi gói sách. Ông Phủ hỏi:

– Cái gì thế con?

– Bẩm sách ạ.

– Đưa thày xem.

Ông mở từng quyển, giở từng tờ, xong rồi đưa Nga, nói:

– Được. Con cho nó về.

Chi như bất đắc dĩ cầm lấy sách, hơi gật đầu để chào mọi người. Nhưng vẫn chỉ cái yên lặng nặng nề nghiêm trọng ấy trả lời Chi mà thôi. Chứ không ai nhúc nhích.

Chi đóng cửa đánh thình, quay nhìn lại, rồi vùng vằng đi.

Lúc ấy Nga mới hết sợ. Nhưng cũng ngay lúc ấy, Nga thấy ở vỉa hè trước cửa nhà. Chi đứng nói chuyện với Lại, đi hầu cha mẹ Nga. Lại một hồi trống ngực nổi lên.

Ông Phủ cũng trông thấy, liền gọi:

– Lại!

– Dạ!

Lại tất tả chạy vào. Ông Phủ hỏi:

– Mày nói chuyện gì với nó, vào đây xem có việc gì hầu không chứ!

– Dạ.

Bà Phủ hỏi:

– Đứa nào mà mày lại quen thế?

– Bẩm con nhà bác đồ Sơn bán hàng ở Phủ ạ.

Nga giật mình đánh thót, tái mét mặt.

Ông Phủ cau mặt nhìn Nga, hỏi:

– Sao nó dám đến đây mượn sách con? Thày thấy nó xấc láo lắm.

Nga chối:

– Bẩm thày, sách của một người chị em bạn con nhờ đưa hộ.

Bà Phủ nghiêm mặt nói:

– Thế con có biết nó là con nhà đồ Sơn ở phố Phủ không?

– Bẩm me, không.

Ông Phủ nói:

– Thế thì được. Nhưng bận sau có ai nhờ con đưa hộ gì, con chớ cầm. Nhất là thày không muốn cho con giao thiệp với đàn ông con trai lạ.

– Dạ.

Bà Phủ nói:

– Rồi những quân ấy hỗn láo quen thân, chú ạ.

Ông Tham cười, Nga vẫn đứng im cúi mặt.

Tuy đã thoát được một việc hiểm nghèo, nhưng Nga vẫn còn sợ hãi quá vì từ lúc ấy, không lúc nào ông bà Phủ không giảng luân lý cho nàng nghe.

Cả ngày hôm ấy, Nga không được phút nào vui vẻ nữa. Nhất là nàng thấy cha mẹ nhiều lúc quá tự cao tự đại, mà muốn dạy nàng khinh hết cả mọi người.

Trước kia, nàng coi lời cha mẹ như những bài kinh thánh, dù thế nào cũng yên chí là không sai lầm. Nhưng từ hôm gặp Chi, nàng thấy một vài khi cha mẹ có những tư tưởng quá thiên về gia thế. Cho nên nhiều lúc, tuy nàng chỉ vâng dạ, mà kỳ thực trong bụng bực dọc lắm.

Nga bực dọc bao nhiêu, lại thương hại những người nghèo khổ, ái ngại cho Chi bấy nhiêu. Nàng ân hận chẳng may Chi đến nhà nàng vào lúc không nên đến, khiến nàng phải ngượng nghịu về những câu hỏi của cha. Hẳn là Chi cũng căm hờn lắm.

Rồi chờ khi cha mẹ lên xe về, nàng lên gác đóng cửa lại, nằm gục đầu vào chăn.

Lúc nàng đương thở dài, chẳng ngờ bà Tham đứng bên cạnh mà không biết.

Bà Tham ngạc nhiên, không hiểu vì sao, bèn hỏi. Nga mời thím xuống nhà, rồi kể chuyện đầu đuôi cho hai chú thím nghe. Nàng nói thật hết, không giấu giếm tí gì.

Ông Tham bảo:

– Cháu có bụng tốt với người ta, cũng đáng khen đấy. Nhưng còn cái viết thư thì không nên tí nào. Kệ người ta, không đến thì thôi. Viết như thế, lỡ ra mang tiếng.

Nga thở dài, nói:

– Thày me cháu nhiều lúc quá thiên...

– Phải, tại thày cháu làm quan. Lại không ở đất Hà Nội. Vả không học chữ Tây, nên có nhiều tư tưởng không hợp thời nữa. Nhưng dù thế nào, cháu cũng không nên trái ý thày me.

Được nghe chú khuyên giải mấy câu, Nga hơi được hả dạ. Rồi nghĩ ngợi thế nào, đến chiều sẩm, trước khi vào trường, nàng lại lấy bút viết bức thư gửi cho Chi.

Anh Chi,

Chắc sáng hôm nay, anh giận lắm. Nhưng cái đó không tại anh, mà cũng không tại tôi. Chỉ là ở cái không ngờ mà thôi. Thật vậy, không ngờ hôm nay thày me tôi lên Hà Nội chơi. Không ngờ anh đến thăm tôi vào giữa lúc thày me tôi có nhà.

Thôi, nhưng dù thế nào, tôi cũng xin lỗi anh. Tôi có lỗi cùng anh vì anh đã không phải bằng lòng, là tại tôi cả.

Song, rồi một ngày anh một rõ bụng tôi. Tôi tiếng là con nhà quan, giàu có sang trọng, nhưng tôi không bao giờ phân biệt giai cấp. Tôi chỉ biết có nhân cách.

Vậy xin anh cứ tin ở tôi. Ngoài tôi ra, những điều gì đã làm anh buồn, xin anh vứt bỏ đi, đừng để tâm nữa.

Vì muốn anh biết rõ tôi hơn, nên chủ nhật sau, mời anh cứ ra nhà tôi. Chú thím tôi đã nghe tôi nói chuyện về anh rồi, nên cũng quý mến anh lắm. Nhưng nếu anh ngại điều gì mà buổi sáng hồi chín giờ anh không lại đằng nhà, thì xin đến hai giờ chiều, anh chờ tôi ở Đồn Thủy, sau nhà hát Tây.

NGA

Tái bút: Nếu anh thấy có xe ôtô đậu ở cửa nhà thì xin chớ vào.

Bỏ xong thư, Nga thấy được thật hả dạ. Nàng tưởng tượng như trông thấy Chi đương buồn bã mà đọc mấy lời của nàng, bỗng vui vẻ ngay rồi.

VII

BẼ BÀNG

Trời xanh ngắt. Những đám mây trắng mọc lên sau rặng cây xa vút, như dãy núi tuyết. Ánh nắng xuân vàng làm cho cảnh vật vui tươi.

Nga chờ ở bờ sông, mé Đồn Thủy, thơ thẩn đưa mắt đến tận chân trời. Gió hiu hiu thổi. Cỏ cây một màu xanh non, làm êm dịu tâm hồn.

Nga đi đi lại lại, ra ý nóng ruột lắm. Vụt có chiếc xe hay có người đi tới, nàng lại hồi hộp. Thỉnh thoảng nàng giơ cổ tay nhìn đồng hồ.

Đã hai giờ rưỡi, sao Chi không đến. Chi đã không lại nhà ông Tham buổi sáng, thì hẳn Chi y hẹn mà chờ ở đây lúc này. Có lẽ nào thư lại mất?

Hay là Chi giận về những lời cha Nga nói sáng hôm chủ nhật trước? Nga suy nghĩ vẩn vơ. Nhưng không sao trả lời được câu hỏi nào cả. Và biết câu nào là đúng.

Nga dằn lòng chờ một lúc nữa, cố ngắm nghía mọi nơi cho quên nỗi sốt ruột. Được đứng ở chỗ quang đãng, thoáng khí, Nga so sánh với cảnh sầm uất, náo nhiệt ở mé phố, nàng được khoan khoái lạ lùng:

"Được đứng đây mới thấy chỗ kia là khó chịu. Vậy như Chi đang ở cảnh ngộ ấy mà được đánh đổi địa vị với Nga này, chắc hẳn lấy làm sung sướng lắm".

Nhưng rồi nàng thở dài:

"Biết đâu là Nga này ở địa vị giàu sang bó buộc lại không ước ao cái cảnh ngộ của Chi. Tức như ở thành phố đông đúc thì ước ao chỗ nhà quê khoáng đãng".

Chợt đằng xa, một người đội mũ trắng đi đến. Nga trông rõ là Chi, tự nhiên nàng nóng ran cả người. Hai má ửng đỏ.

Chàng cắm đầu đi rất vội vàng.

Trống ngực Nga nổi lên. Nàng luống cuống thẹn thùng, muốn chạy trốn.

Nhưng bỗng Nga nghĩ:

"Ơ hay! Làm gì phải luống cuống, thẹn thùng?"

Rồi nàng lấy hết can đảm để tự trấn tĩnh, thì Chi vừa tới nơi.

Trông thấy Nga, Chi ngả mũ chào. Nga run rẩy gật đầu, cố mỉm cười đáp lại.

Chi đến gần. Tự nhiên mặt Nga lại đỏ bừng mà Chi cũng như bối rối. Lặng yên một chút, Chi nói:

– Thưa cô, cô phải chờ có lâu không?

Nga định thần lại, nói dối:

– Thưa anh, tôi vừa đến độ năm phút.

– Tại tôi đi bộ từ trên ấy đến đây, nên muộn, xin cô tha lỗi.

Dứt lời, Chi nhìn Nga, Nga đưa hai mắt xuống, bâng khuâng đáp:

– Không dám.

Thì Nga lại thấy Chi dận đôi giày vàng vá trắng.

Nga cố át giọng run, mạnh bạo nói:

– Lần trước, không may cho anh đến ngay vào lúc ấy, có thày me tôi.

Chi cười kiêu ngạo:

– Cũng được. Vì tôi được lịch duyệt thêm một điều.

Nga thẹn, không nói. Chi hỏi:

– Cô gọi tôi ra đây, có việc gì?

Nga dịu dàng:

– Tôi xin lỗi anh.

– Thưa cô, cô quá khiêm tốn.

– Không, anh ạ! Tôi với anh chỉ là hai người học trò. Tôi lại là một người chịu ơn anh.

– Tôi không dám.

– Tôi vốn đau tim. Nếu bị những phen sợ hãi như hôm ấy, mà không có anh có lẽ tôi ngã lăn ra đấy rồi.

Chi mỉm cười nhìn Nga. Nga sung sướng quay mặt đi. Một lát, nàng nói thêm vì nàng quên hết những câu định nói:

– Tôi nói thực đấy.

Và không hiểu Chi cũng quên như nàng hay sao mà chỉ đáp:

– Vâng.

Sợ câu chuyện mỗi lúc một lạt, Nga nói:

– Anh có thiếu sách dùng, vậy nếu cần thứ gì, anh cứ bảo tôi, tôi có nhiều lắm.

Chi thẳng thắn trả lời:

– Vâng, tôi cảm ơn cô. Tôi mượn quanh các bạn cũng tạm đủ.

– Nhà chú Tham tôi, thỉnh thoảng anh cứ lại chơi. Chú tôi vui tính lại dễ dãi.

Chi cười lạt, không đáp, Nga càng thấy ngượng nghịu:

– Anh có bận việc gì bây giờ không?

– Thưa cô có, tôi phải đi đằng này.

Tưởng chừng như bị hất hủi, Nga hỏi:

– Anh thấy tôi viết thư cho anh, anh nghĩ thế nào?

– Thưa cô, tôi vẫn nghe lời cô.

– Hay thấy tôi hẹn anh ra đây, anh khinh bụng tôi?

Chi cười, lắc đầu:

– Thưa, cô dạy quá lời.

– Lần sau nếu muốn gặp anh, tôi lại viết thư cho anh có được không?

Ngần ngừ Chi đáp:

– Xin thôi, gần cô thì lúc nào tôi cũng muốn, song tôi sợ quan lớn biết.

Nga cau mặt:

– Sao anh nghĩ thế?

– Vâng, tôi nghĩ vậy, như có ý phụ bụng cô. Nhưng cô là con nhà quan, tôi là con nhà dân, nên tuy đối với cô, tôi không ngại gì, nhưng đối với quan lớn, tôi lấy làm e lệ quá.

– Không, anh nên quên chuyện chủ nhật trước với thày tôi đi. Anh chỉ biết có tôi mà thôi. Cũng như tôi chỉ biết có anh. Dòng dõi không thể làm ra giá trị của người ta. Mà dòng dõi của gia đình không đáng kể bằng dòng dõi của tư tưởng.

Chi cười, Nga lại tiếp:

– Tôi không thích nghe những câu anh vừa nói. Người ta ai chẳng như nhau,

– Nhưng mà...

Bỗng một cái xe đi đến, Nga che dù lấp mặt. Rồi câu chuyện đứt quãng.

Một lúc Chi nói:

– Cô xem hộ mấy giờ rồi.

– Hơn ba giờ, anh đi đâu.

Chi có ý hằn học:

– Vâng, thế này thì tôi không phải với cô quá. Cô có lòng hạ cố thương người học trò nghèo. Nhưng chỉ vì tôi tự thẹn vì cảnh ngộ, và tôi sợ những tai vạ xảy ra cho kẻ dân hèn, nên tôi xin cô miễn trách cho.

Nga lặng đi, thở dài.

Chi cúi chào quay gót.

Nga nhìn theo, rồi gọi xe về nhà. Đi đường, Nga ngẫm nghĩ đến câu đối đáp lạt lẽo của Chi mà bẽ bàng. Nàng không hiểu Chi đã mát mẻ hay thú thực rằng vì e ngại điều chẳng hay sẽ xảy ra cho Chi: nàng oán trách số phận mình sinh trưởng nơi quyền quý xa quạnh.

Nhưng vẩn vơ, đếm lại từng thái độ, cử chỉ khó hiểu của Chi, Nga lại bực nàng đã quá nông nổi. Quá nông nổi thì những người xét lầm mình có thể khinh mình được. Chi chửa biết nàng bao giờ. Nay bỗng dưng thấy cô nữ học sinh hơ hớ ấy viết thư mời đến tận nhà, lại hẹn đến chỗ vắng, chắc chàng cho là hạng không đứng đắn. Như vậy, thì bụng tốt của nàng sẵn sàng muốn giúp Chi bằng sách vở, chỉ là một sự giả dối khéo léo nàng bầy ra cho hai người có việc với nhau được lâu bền. Nếu quả thế, Nga xấu hổ quá. Nàng săn sóc đến Chi, Chi hờ hững với nàng. Như vậy Chi không thiệp. Vì ít ra đối với một thiếu nữ, người ta phải nhã nhặn hơn kia. Nhất là thiếu nữ ấy lại là Nga, con một ông giàu sang, mà Chi chỉ là con một nhà nghèo túng bán hàng ngay ở phố Phủ ấy.

Vừa đi vừa thử dò dẫm tâm lý con người lạ lùng, bỗng nàng thấy lạo xạo dưới chân. Thì ra nàng đã đến bờ hồ, vào con đường rải sỏi. Một nước biếc lộn áng mây hồng, in bóng những đình tạ sặc sỡ. Cảnh chiều xuân lặng lẽ gieo vào tâm hồn nàng một chán chường não nùng. Nàng cụp dù, đứng trên bờ cỏ. Sóng lăn tăn, làm giạt chiếc lá vàng bập bềnh. Nàng ngắm lá khô, lại như gợi đến cảnh ngộ hạng người cơ cực. Những người ấy, cũng như chiếc lá hết nhựa, phải xiêu giạt long đong theo chiều gió. Họ vì bó buộc mà thành ra hèn hạ đáng thương.

Rồi nàng thử cân nhắc lại một lần nữa xem Chi đáng giận hơn hay đáng thương hơn. Nàng lại tự suy xét mình xem đáng thương hay đáng giận. Và Chi với nàng, ai đáng giận hơn hay ai đáng thương hơn.

Nàng giương dù, đi thong thả từng bước để nghĩ. Nhưng cứ băn khoăn, nàng không những không rõ bụng Chi, lại không tự dò được bụng nàng thế nào.

Chợt nàng nghĩ đến ái tình.

– “Không khi nào”.

Nàng mỉm cười, lắc đầu. Ái tình đâu đã đến chóng thế được.

Nhưng tự nhiên nàng thở dài, và ghê sợ không dám nghĩ hơn nữa. Nàng thề không bận lòng về những chuyện vẩn vơ vô lý.

Nàng thuê xe về nhà.

Rồi đến tối tới trường, bà giám thị đưa nàng một phong thư. Tuy ngoài phong bì đã đề tên người gởi là cha nàng, nhưng thư cũng bị bà Đốc bóc ra để kiểm duyệt.

Nga con.

Mấy lần thày định viết thư này cho con, nhưng thày đắn đo mãi.

Song thày chắc những lời khuyên bảo của thày dưới đây chỉ làm con vui vẻ, vì con vốn rất hiếu thảo ngoan ngoãn, nên tấm lòng yêu mến con của người cha lại giục thày phải cầm bút.

Con ạ, chủ nhật vừa rồi, có thằng học trò nó đến lấy sách của người bạn con mượn cầm hộ ở nhà chú. Việc cỏn con giúp đỡ bạn ấy, chắc con đã quên rồi. Nhưng thày mẹ thì nghĩ ngợi cho đến ngày hôm nay.

Thày khuyên con từ rầy nên tránh những việc làm ấy. Bởi vì con nên nhớ rằng bọn con trai học trò bây giờ xấc láo lắm, mà cái thằng hôm nọ lại xấc láo hơn nữa. Thày giận lắm.

Thằng ấy là con một con mẹ bán xôi chè ở phố Phủ. Mẹ nó làm đầy tớ nhà ta không đáng. Như thế mà con định đưa sách tận tay cho nó, thì thật con dại dột quá chừng.

Nhưng sự dại dột ấy có thể tha thứ được, bởi vì con không biết. Song mẹ đã cho gọi con mẹ đồ Sơn vào Phủ, để mắng nó, cho nó dạy bảo con nó rồi.

Đọc đến đây, Nga thấy dào dạt cả lòng. Nàng thở dài, bỏ thư xuống, thừ mặt ra. Rồi một lát, lại đọc nốt.

Nhà nó là một nhà không có lễ nghĩa thì con tính lễ nghĩa liêm sỉ nào có thể tìm thấy được trong xã hội nghèo nàn.

Nga mỉm cười chua chát.

Những con nhà ấy, vì không ai dạy bảo, nên còn bé thì cấc lấc, ngông nghênh, lớn lên thì đi ăn trộm ăn cướp, làm cộng sản, khiến cho các quan phải nhọc nhằn về sự trừng trị và sự trông nom chúng nó.

Nhà ta nội ngoại là thế gia vọng tộc, đời đời khoa bảng nối nhau làm quan to, theo một thứ luân lý rất hay của nghìn xưa các cụ để lại, chỉ hơn nhà người ta có một điều là người dưới biết nghe, biết sợ người trên. Ngay như chú Tham, thông thạo tiếng Tây, quen biết nhiều quý quan, giúp thày bao nhiêu việc công cũng như việc tư, mà chú vẫn phải

nghe, phải sợ thày, thì con đủ biết nếu phúc trạch các cụ không to, sao để lại cho con cháu được sự trên thuận dưới hòa như thế.

Thày thường nghe nói con gái đi học chữ Tây dễ hư. Điều ấy thày thấy nghiệm ở những nhà kém giáo dục, chứ thày chắc con không bao giờ để thày phải lo ngại, ngờ vực một tí gì.

Nhưng thày cũng phải khuyên răn con, khuyên răn con ngay từ lúc đầu, bởi vì biết đâu, nay con cầm sách hộ đứa này, mai con cầm sách hộ đứa kia, rồi những thằng học trò nó không lân la, đưa con vào cạm lúc nào không biết?

Thôi, vài lời tâm huyết như thế là đủ cho con. Thày sẽ viết giấy dặn chú từ nay không được cho một đứa nào vào nhà, nhất là phải cấm cửa cái thằng hỗn xược con con mẹ bán xôi chè ở cổng Phủ.

Thày: Lê Tri Phủ

Đọc thư xong, Nga tự nhiên thấy đau lòng lạ. Nàng muốn quên Chi mà không thể quên được. Nàng bỏ vào túi, chứ không xem lại như mọi bận. Mà nghĩ đến bác đồ Sơn bị mắng oan, Chi bị khinh rẻ bất công, nàng thầm oán cha mẹ quá nghiêm khắc và gia đình giáo dục quá hẹp hòi, đến nỗi làm cho người ta sống một đời cô độc. Nàng thấy cái thư ấy nó ác quá. Nó nhắc nàng không lúc nào quên Chi.

Nàng vào lớp học bài, mà không sao thuộc được. Nàng quanh quẩn hết ngồi xuống ghế lại vờ ra tủ lấy sách, cốt cho chị em khỏi nhận thấy mình bơ phờ.

Và mỗi khi qua chỗ những người bạn nghèo đương cặm cụi xuống sách vở, nàng lại nghĩ đến lời nghiêm huấn của cha và một thứ cảm tưởng vừa xấu hổ, vừa tủi nhục xâm chiếm lấy nàng, khiến nàng tưởng đến số phận Chi mà ngao ngán.

VIII

TRIỆU CHỨNG

Từ đó đến một tháng sau, Nga không hy vọng gặp mặt Chi. Mà nàng cũng không viết giấy cho Chi nữa. Nàng thích nghe những chuyện mà chị em nói về bọn học trò bên trường nam Sư phạm và bên trường Bưởi. Nhiều người biết tiếng Chi. Nàng rất chú ý đến Chi, và hay hỏi về Chi lắm.

Chị em bạn thấy nàng nhiều lúc thẫn thờ, thì hỏi cớ, nhưng nàng thở dài, và cười cho qua câu chuyện.

Một hôm chủ nhật, nàng xin phép chú thím đi chơi buổi trưa với bạn. Nàng rủ người ấy lên vùng trường Bưởi, thác rằng để biết chỗ, đến kỳ thi khỏi đi lạc. Nàng vơ vẩn nhìn vào từng lớp, nhưng không rõ chữ ở biển đề lớp nào vào lớp nào.

Man mác, nàng đứng xem nhiều người tung tăng đi lại, hoặc chạy nhảy ở sân thể thao. Rồi nàng lên làng Thụy, là chỗ mà nàng nghe thấy có nhiều học trò trọ.

Chẳng hay nàng có mong gặp Chi không, và gặp để làm gì. Nhưng lúc tưng hửng trở về, nàng ra vẻ thất vọng.

Thấy câu chuyện rời rạc nàng hỏi và đáp, người bạn cũng không để ý.

Nhưng Nga không thể đựng nổi trong lòng những nỗi riêng. Nàng cần thổ lộ với bạn cho nhẹ bớt tâm sự?

– Chị ạ, tôi có một người chị họ, không biết thương hay yêu một người học trò trường Bảo hộ này.

– Thương hay yêu?

– Tôi không rõ.

– Chị ta không nói thực à?

– Không.

– Nhưng thương hay yêu, chị đoán được chứ?

Nga ngẫm nghĩ, rồi đáp:

– Không, nhưng cứ tôi biết, mới đầu chị ấy chỉ thương người học trò này nghèo, muốn giúp đỡ mà thôi.

– Từ cái thương đến cái yêu, chỉ có một ly.

Nga yên lặng, trầm ngâm, rồi nói:

– Tại người học trò này... không hiểu vì lẽ gì chị ấy lại thương quá lắm, thế.

Nói đoạn, nàng cười. Bạn cũng cười:

– Chị dớ dẩn quá. Thế sao nữa?

– Người học trò kia nghèo, nhưng học giỏi và nhiều đức tính tốt lắm. Này, chị ạ, không biết họ có thể lấy nhau được không nhỉ?

– Yêu nhau thì lấy nhau chứ gì.

Nga mơ màng, rồi lắc đầu:

– Nhưng không thể, người kia là con nhà hèn mọn, mà chị tôi là con quan. Như thế không thể lấy nhau được, chị ạ.

– Ồ, đời xưa, chứ đời nay như thế lấy nhau là thường. Miễn là hai người yêu nhau tha thiết. Còn có gì ngăn nổi được ái tình. Thế chị không thấy chị Tình đấy à.

Nga gật:

– Ừ nhỉ, cũng con ông Tuần mà lấy một người thường dân. Thích nhỉ.

– Phải, lấy chồng là mình lấy cho mình chứ có lấy cho cha mẹ mình đâu.

– Nhưng chị ạ, chị Nhàn tự tử có phải vì tình thực không?

– Hình như thực. Sở dĩ các báo ngày ấy không đăng rõ, vì nhà chị ấy giàu.

– Chỉ vì tuyệt vọng về ái tình nên biết bao nhiêu người chết oan ức, hoặc mang tiếng theo trai là tại cha mẹ quá khắc nghiệt.

– Chị ạ, thày me tôi khắc nghiệt lắm. Tôi chắc cũng sẽ bị khổ về đường nhân duyên.

– Các cụ cổ chết, theo thế nào được.

– Giá bây giờ tôi có muốn yêu một người con nhà tầm thường, có lẽ thày me tôi đến bắn tôi chết.

Nàng cười, sung sướng. Bạn hỏi:

– Thế người chị chị định xử trí ra làm sao?

– Tôi không hiểu. Tự tử thì chị tôi không nỡ, vì cha mẹ chiều chuộng lắm. Đi trốn với người ấy thì chị tôi không dám, vì họ nhà to, sợ tai tiếng. À, mà chị tôi đã yêu người ấy đâu nhỉ.

– Chuyện chị mới vớ vẩn chứ:

Nga như sực tỉnh mộng, hỏi:

– Tôi vừa nói gì nhỉ?

– Chị bảo chị chị chưa yêu người ấy.

– Ừ phải, nhưng có lẽ người ấy đáng yêu.

– Thế nào là có lẽ! Nếu thật bụng yêu, thì vì cha mẹ chiều, chị chị nên nói thực đi, có hơn không?

Nga lắc đầu:

– Điều gì, chứ điều ấy quyết chị tôi không được cha mẹ chiều. Vì vậy chị tôi cứ buồn uất ngấm ngầm có lẽ ốm to.

Hai chị em thở dài, Nga nói:

– Hôm nay chị tôi nhờ tôi tìm nhà người đó, nhưng biết đâu mà tìm nhỉ.

– Tìm làm gì?

Nga nghĩ ngợi, rồi cũng tự hỏi:

– Ừ nhỉ, tìm làm gì, đã chẳng được yêu nhau thì mơ màng lắm chỉ hại người mà thôi. Mà biết họ có thiết đến mình không?

– Chị nói gì?

– Ừ nhỉ, tôi nói gì thế, chị?

Dần dần, Nga đổi tính. Sự đổi tính ấy mỗi ngày một rõ rệt. Người con gái nhu mì, vui vẻ mọi khi bây giờ hay cáu bẳn, hay cãi nhau, hay thở dài một mình. Người học trò chăm chỉ, đức hạnh mọi khi, sinh ra lười biếng, bướng bỉnh, liều lĩnh, dám cãi cả bà giám thị. Chỉ trừ khi nàng thổ lộ việc riêng với bạn thân, nàng mới lại dịu dàng.

Một hôm Nga thấy nóng ruột lạ. Giờ học, nàng xin phép xuống nhà đến ba bốn bận. Chị em cứ tưởng Nga muốn trêu cô giáo, đều tủm tỉm cười.

Chiều hôm ấy, Nga ăn rất ít cơm. Rồi tự nhiên, có những lúc nàng đương đứng chơi ngoài sân, bỗng rưng rức lên khóc.

Tối hôm ấy, nàng xin phép đi nằm sớm. Nhưng mà hổ đặt mình độ dăm phút, nàng lại vùng dậy, đi tung tăng khắp buồng thuốc.

Ai hỏi, Nga cũng nhăn nhó nói:

– Tôi thấy khó chịu trong người, ốm to mất.

Thật ra, lúc ấy Nga chẳng nghĩ đến gì cả, vì nàng chẳng nghĩ lâu được nửa phút đồng hồ.

Đến đêm, Nga lần sang giường cạnh, đánh thức người bạn dậy. Tuy người bạn không lấy gì làm thân, nhưng nàng cũng thở dài tưởng như sắp thổ lộ những câu tâm sự.

– Chị ạ. Tôi đau đớn lắm. Chà! Nói ra, nó dài lắm. Thôi chị ngủ đi.

Rồi Nga lại chạy đến giường khác, cũng thân mật nói như thế. Được một lát, cả buồng thức dậy, mà Nga thì cười sặc sụa, như có vẻ đắc chí lắm.

Từ hôm sau, cả trường phải ngạc nhiên về bộ điệu của Nga. Nga làm như người điên. Vậy mà có ai nói:

– Chị Nga điên chắc!

Thì Nga sướng lắm, kêu người ấy là tri kỷ, rồi bám riết lấy, mà nói ba hoa; có lúc tự nhiên khóc nức khóc nở.

Một người bạn học đem tin ấy cho bà Tham. Bà Tham xin phép cho Nga nghỉ ở nhà một tuần lễ.

May lại được phép.

Nga ở nhà chú thím. Ông Tham thấy Nga đổi khác hẳn tính nết thì sợ hãi, bèn viết giấy về Phủ.

Bà Phủ lên ngay Hà Nội thăm con và vì lời khuyên của ông Tham, bà vào trường xin cho Nga nghỉ học ba tháng. Sự xin phép rất khó khăn, vì bà phải lấy giấy Đốctờ nhận thực rằng Nga bị bệnh đau phổi.

Nga nói lăng nhăng cả ngày, thỉnh thoảng lại đánh đập các em.

Bà Phủ thương con, thường hỏi:

– Con thấy trong mình thế nào, cứ nói thực để thày me thuốc thang cho.

Nga cười ha hả đáp:

– Me cứ cho gọi Đốc tờ, và các ông danh sư đoán bệnh. Con chẳng có bệnh gì cả.

– Me nói với chú thím mai cho con về nhà.

Nga sừng sộ:

– Thèm vào, con thèm vào về Phủ. Bẩn chân.

Rồi nàng cười lăn ra, sau lại hu hu lên khóc.

Bà Phủ lo sợ, cả ngày nhăn nhó. Ông Tham bảo:

– Hay là cháu mắc bệnh loạn óc. Cháu vẫn có chứng đau tim. Những người đau tim, nếu gặp điều gì sợ, hoặc thất vọng quá, thường hay dễ mắc điên.

Bà Phủ ngẫm nghĩ, đáp:

– Không, cháu chẳng có điều gì sợ. Vả anh chị rất chiều cháu, thì cháu có gì thất vọng đâu. Chắc cháu lo thi quá.

– Chị nên cho cháu ở trên này, để tiện thuốc thang.

Ngẫm nghĩ bà Phủ nói:

– Chị là đàn bà, chẳng biết thế nào là nên. Hay là chú thím viết giấy bẩm anh xem.

Nga nghe tiếng, nói chêm vào:

– Anh cũng chẳng cho phép được.

Rồi nàng cười sằng sặc, nhưng đang cười dở, thì giơ tay sờ soạng câu đối, và như quên hẳn việc vừa mới làm.

Bà Phủ cau mặt:

– Con chớ nói càn.

Nga trợn mắt, đáp:

– Anh không cho phép mắng tôi.

Rồi hầm hầm, lên gác, nằm, cười khanh khách.

Các con ông Tham thấy Nga như thế, đều thích xem lắm. Chúng nó coi như những trò ngộ nghĩnh. Thỉnh thoảng Nga đánh chúng nó đau quá, lại có lúc vỗ về, kể chuyện cho chúng nó nghe. Song chuyện chẳng đâu vào đâu. Nga phệnh phạo kể:

– Một hôm, chị ăn mặc như con ăn mày. Chị đội cái nón rách bươm. Chị mặc cái quần rách bươm. Chị khoác cái áo tam tài. Chị đi bộ từ nhà sang tận bên Tàu, chị vào cung vua ông Tưởng Giới Thạch. Chị thấy cái súng chị cầm lấy chị bắn đánh đùng! Ơ kìa! Ông Tưởng Giới Thạch, ông ấy bắt tay chị đấy.

Các em phá ra cười, hỏi:

– Thế ông ấy có khen chị không?

Nga gật:

– Có, ông ấy bảo: C'est biên!

Thấy Nga nói ba hoa, bà Phủ thường ngăn cấm. Nhưng Nga càng thích nói.

Có bận Nga trỏ tay vào mặt bà Tham nói:

– Ê hê! bà tham ăn! Chi ơi!

Rồi Nga nói như diễn thuyết:

– Không thấy nước nào thối như nước Nam mình. Bà Tham! bà Phủ! Ông ấy là Tham, ông ấy là Phủ. Chứ bà ấy làm nghề ngỗng gì? Làm cho các bà ấy vì tiếng gọi càng tưởng là mình to, lên mặt tràn đi thôi.

Nghe câu nói, thím Nga buồn cười, nhưng mẹ Nga tức lắm, cầm cái phất trần, đánh vào lưng con một cái.

Tủi thân. Nga vừa khóc vừa cười nửa ngày.

Ông Phủ lên thăm con luôn. Ông rất buồn rầu. Ông nghĩ mãi xem đã làm việc gì thất đức đến nỗi con mang bệnh tật.

Ai mách đâu có thày thuốc hay ông cũng mời cho kỳ được. Các ông lang vẫn xem mạch và kê đơn. Đơn nào cũng rất nhiều thần sa và chu sa, nhưng vẫn vô công hiệu.

Có người quen mách giá uống được nước trong áo quan khi người ta cải táng thì người hóa dại sẽ khỏi liền. Nhưng ai dám cho uống thế.

Vả độ ấy gần tháng ba. Trời đã nắng dữ lắm. Khí nóng làm cho Nga bệnh càng nặng.

Bà Phủ không dám mời Đốc tờ, sợ người ta bỏ vào nhà thương điên.

Bà không thể đưa con về Phủ vì không thể nào cho nàng lên ôtô được. Nàng sẽ phá vỡ kính, đánh chửi tài xế, rồi nhảy xuống đường thì oan gia.

Bạn bè đến thăm, không ai dám giáp mặt Nga vì sợ nàng chửi.

Cả ngày Nga nghêu ngao hát, có ai mắng, Nga càng thích hát già và nói bướng:

– Ê hê! Đố ai hát hay bằng tôi.

Nga hay nói tiếng "ê hê" quá!

Sau bà Phủ để riêng cho Nga cái buồng trong nhà trong, và sợ Nga chạy loăng quăng ra ngoài, có khi lỡ ra cả đường nữa, nên phải khóa trái cửa lại.

Có một hôm Nga làm như khỏi hẳn bệnh. Tự nhiên nàng đòi quần áo, ăn mặc rất sang, ngắm nghía phấn sáp một lúc. Cả nhà mừng rỡ, chiều ý nàng. Nhưng bỗng nàng nói:

– Thôi, lấy chồng xong rồi.

Thế là nàng vội vàng xé cả quần áo ra không ai giữ kịp. Rồi cả ngày, nàng không để yên mồm lúc nào. Nếu không hát thì ngâm thơ. Nếu không ngâm thơ thì đọc tiếng Tây. Nếu không đọc tiếng Tây thì nheo nhéo cãi nhau một mình.

Nàng hay hát:

Tháng chạp ăn tết ở nhà,
Tháng giêng cờ bạc, tháng hai hội hè

Và nói:

– Kệ mẹ tháng tư. Chi ạ.

Ngồi buồn kể chuyện anh Tương Chi,
Con quan thừa tướng gì gì cũng hay,

– Kệ mẹ nó. Ê hê, này cái cô kia, cái cậu kia,

Sống khôn thì chết phải thiêng,
Chớ đi chân vành kiềng mà đuổi theo tôi.
Đi đâu mà chẳng lấy chồng.
Mặt ông vua thì thế, mặt ông giám quốc thì sao? Hở Chi!

Than ôi! Một cô tiểu thư ngàn vàng, đến nay mình gầy mặt hóp, ai trông thấy chẳng phải động lòng thương.

Rồi sau, tối nào ông Phủ cũng lên Hà Nội. Hai ông bà sút đi còn độ nửa người. Bà Phủ thì ai bảo lễ đâu cũng lễ. Hết xem bói đến xem thẻ, mà động kể chuyện cho ai nghe bệnh tình của Nga, bà cũng nhăn nhó, đau xót vì con, nước mắt như mưa...

IX

GIA GIÁO

Trong khi ông Tham đi mời Đốc tờ, thì ông Phủ ngồi trầm ngâm trên ghế. Bỗng ông hỏi bà Phủ:

– Quái, nhà ta, các cụ ăn ở phúc đức, sao tự nhiên có nó lại mắc phải cái bệnh kỳ quặc này!

Bà Phủ thở dài:

– Bệnh điên khó chữa đấy, ông ạ.

– Thím Tham đã nói cho bà nghe cái tiếng Chi mà con nó nói luôn mồm, là thế nào chưa?

Bà Phủ gật đầu. Ông Phủ bảo:

– Việc gì tôi đoán cũng không sai một mảy may. Tôi đã không cho nó giao thiệp với bọn con trai, vậy mà tôi chắc chú Tham cho phép nó, nên mới đến nỗi này. Văn minh đấy!

– Ông chớ vội oán chú Tham. Việc này tôi biết rõ, để tôi nói ông nghe.

Rồi bà ngồi xích ghế lại gần:

– Con Nga nhà này ấy, ông ạ, một hôm đi chơi ở phố Phủ, xuýt bị một con chó cắn. Thằng Chi, con con mẹ đồ Sơn quật cái bát hay cái liễn gì, để đuổi con chó, rồi con Nga cho đồng bạc, chắc ông nhớ việc ấy rồi chứ gì?

Ông Phủ gật.

– Phải.

Bà Phủ tiếp:

– Cái hôm khai trường độ Tết, thằng Chi gặp con Nga trên xe lửa, nó mới lân la chuyện trò.

Ông Phủ tròn xoe hai mắt:

– Thế à? Thôi chết!

– Rồi một hôm thằng ấy đến đây, giữa cái bận ông với tôi ở cái nhà này, nó cứ chỉ nhăng nháo, ăn nói cấc lấc, và tôi đã gọi mẹ nó vào Phủ mắng cho một trận, ông cũng dặn chú Tham cấm cửa thằng ấy, ông còn nhớ không?

– Phải. À, ra con Nga này gian dối, mà thằng kia cũng Sở Khanh thật. Thì ra mình chỉ ngồi nghe nó nói dối.

– Ngay độ ấy, ông ạ, con Nga nhà này đã bị nó quyến rũ, cho ăn bùa mê bả dột gì rồi đấy.

Ông Phủ lặng người rồi cau mặt:

– Sao chú Tham thím Tham không biết? Hay là biết mà ngơ đi?

– Khổ, nào chú thím ấy có biết! Mãi tận hôm nọ, tôi cứ thấy nó gọi "Chi ơi!". Tôi mới sực nhớ ra, hỏi chuyện thím Tham. Rồi nhân có người bạn nó ở trường ra thăm nó, thím Tham mới dò la, thì câu chuyện mới vỡ lở.

Ông Phủ ngồi quay người lại, thở dài:

– Xấu hổ! Nhục!

– Thím Tham hỏi dò, thì bạn nó nói rằng từ Tết ra, có một lần Nga nói hở với bạn là muốn giúp đáp một người học trò nghèo ở trường Bưởi, và nhiều lúc hình như nó vơ vẩn, chán nản sự học. Bạn bè hỏi vì sao buồn, thì nó nói nó thương cảnh ngộ người học trò ấy, mà uất về một chuyện trong gia đình.

Ông Phủ cau mặt:

– Uất cái gì?

– Không rõ. Mình có làm gì cho con khổ đâu?

Rồi lâu lâu con Nga có ý dấn do hỏi bạn rằng:

– Con quan với con nhà dân, có thể kết hôn với nhau được không?

Ông Phủ giậm chân, gắt:

– Trời ơi! Tôi không ngờ. Nó đốn quá! Vô phúc!

– Chúng bạn nó bảo: cái đó tùy bố mẹ. Rồi con Nga than thở rằng ông với tôi quá nghiêm khắc, không đời nào cho phép nó làm điều trái ngược ấy.

Ông Phủ nói:

– Chứ lại gì! Đời nào!

Lúc ấy trong buồng Nga có tiếng quát tháo rầm rầm:

– Tao không ăn. Tao không ăn, bước đi!

Bà Phủ lật đật chạy vào ngó qua mặt kính, thì ra Nga nói một mình.

Nga thấy bà Phủ, bèn gọi:

– Này cô kia, tôi hỏi. Chi đâu?

Bà Phủ xoám ngoẹt mặt vừa lui, thì Nga đã chạy xô ra, phăm phăm nắm tay, đấm vào mặt kính đánh choang và chửi rầm rĩ.

Bà Phủ run như cầy sấy, chạy ra xa, thì Nga thò cổ, nhăn răng cười. Răng kính nhọn, làm sây sát cả má. Nhưng hình như nàng không biết đau đớn.

Trông Nga lúc bấy giờ ai cũng phải thương. Đầu tóc thì rũ rượi. Mà mặt mũi thì bê bết những cơm và nước thịt, Nga bôi vào, và nói là phấn và nước hoa. Quần áo Nga đã rách cả, nên chỉ che thân có bằng một cái khố tải; vậy mà Nga cũng đã xé gần tan nát rồi.

Bà Phủ chạy lên nhà trên, vừa trống ngực vừa thở. Ông Phủ cũng sợ hãi quá; rồi hai người ôm mặt khóc.

Bà Phủ nói:

– Tôi không ngờ con ta lại đến nỗi này.

Ông Phủ hỏi:

– Thế nào nữa, bà nói nốt, kẻo chú Thâm thím Tham về bây giờ.

– Như vậy, thì con Nga quyết là thất vọng vì tình. Tôi đoán là thằng Chi cho bùa mê, mà con này ăn phải nhiều quá, nên mới phát điên.

– Ừ, phải đó.

– Nhưng mà, ông ạ. Bạn nó đoán từ trước đến sau chúng nó chỉ gặp nhau có một bận mà thôi. Nhưng thằng Chi chịu thân con nhà hèn mọn, cho nên sợ. Vì vậy, con Nga cũng thất vọng. Mấy lần sau, hình như con Nga viết thư, mà thằng Chi không trả lời.

Ông Phủ nghĩ ngợi một lúc, hỏi:

– Sao ban nãy bà bảo chúng nó mê nhau?

– Thì phải nói thế chứ! Thực ra, thì con mình mê nó.

Ông Phủ thở dài:

– Nghĩa là nguyên nhân chỉ con Nga thì mê thằng kia mà thằng kia không dám mê. Vả con Nga biết rằng, con nhà trâm anh, không thể lấy thằng kia được, nên thất vọng mà phát điên chứ gì?

– Phải.

Tiếng Nga lại nheo nhéo trong nhà, và tiếng cửa thình thình như bị phá. Ông Phủ nấp sau cánh cửa nhà trên, ngó xuống, thấy Nga vẫn đương thò đầu ra ngoài. Ông bèn sai người lấy miếng ván gỗ, đóng thay vào chỗ kính vỡ.

Một chốc, chiếc ôtô đỗ cửa. Ông Phủ vớ cái khăn chạy ra đón.

Ông Đốc tờ vui vẻ giơ tay ra bắt, ông Phủ khúm núm đưa cả hai tay và cúi rạp lưng xuống. Nhìn ông Tham, ông Phủ khẽ bảo:

– Chú mời quan lớn vào chơi.

Ông Đốc tờ hỏi bằng tiếng Pháp, ông Tham thông ngôn rằng:

– Ngài hỏi từ lúc nãy, cháu ra sao?

Ông Phủ đương ngồi, đứng dậy chấp hai tay, đáp:

– Dạ, cảm ơn quan lớn, cháu vẫn điên.

Ông Tham hỏi:

– Không, cháu có đập phá gì nữa không.

Ông Phủ lễ phép nhìn ông Tham đáp:

– Bẩm quan lớn, cháu vừa đập vỡ chiếc mặt kính.

Bà Phủ len lét đứng sau chồng nhắc khẽ:

– Đấy nó đang nói gì đấy, chú có nghe thấy không?

Ông Phủ cau mặt nói:

– Xà! Đàn bà biết gì, để yên tôi bẩm với quan lớn cũng được.

Nga lanh lảnh hát một bài hát Tây. Rồi lại bắt đầu chửi.

Bác sĩ phì cười, rồi ngồi một lúc, ông vào thăm Nga.

Cửa mở ra, Nga thấy người lạ, thì len lét đứng nấp vào một xó, hai mắt len lét nhìn ông thày thuốc.

Ông Đốc tờ đứng ngắm, lắc đầu nói:

– Lúc nào mắt cô ấy cũng đỏ ngầu thế này à?

– Vâng.

– Thế thì nặng quá mất rồi.

Nga mím môi, nghiến răng, rồi xổ tóc ra, để vấn lại. Độ mười lăm phút, Nga ngoan ngoãn để yên cho bác sĩ mó máy vào người, rồi bỗng đánh đùng, nàng cau mặt, xỉa xói vào khách, chửi rủa tàn nhẫn.

Ông bà Phủ vội vàng xin lỗi:

– Cháu có lỡ lời, xin quan lớn đừng để tâm.

Bác sĩ cười, tuy vẫn không hiểu Nga nói gì.

Rồi Nga đâm xổ vào ông Phủ, quát:

– À nó đây rồi!

Từ lúc ấy Nga lại lảm nhảm nói một mình, và chửi tất cả những người đứng quanh đó. Chửi chán, Nga lại réo cả tên những danh nhân các nước mà nàng nhớ trong các nhật trình mọi khi nàng đọc.

Thày thuốc hỏi:

– Mọi khi cô ấy cũng hay nói thế?

– Vâng.

– Cô ấy thường nói câu gì nhiều nhất?

Ông Tham ngượng nghịu, đáp:

– Đến tên người học trò ấy

– Tức là Chi đấy.

Ông Đốc tờ cắn môi nghĩ. Một lát ông lên buồng khách. Ông Tham nói:

– Hình như cháu tôi vẫn thấy nóng ruột lắm. Nó chạy khắp mọi nơi trong buồng và nói lăng nhăng cùng chửi rủa. Nó coi ai cũng là thù hằn.

Thày thuốc cười:

– Với người điên, ai cũng như ai.

– Thì ra nó mê man quá, mà sao nó không biết mệt. Nó chửi rủa, hát, cười, khóc, nhảy nhót, đập, phá, trong hàng ba bốn giờ đồng hồ. Nó khỏe hơn lúc thường.

– Phải, tôi đã thấy có người vác nổi tấm ghế ngựa lim để phá cửa. Người điên trông thấy cái gì cũng muốn phá. Cái nhà mà không chắc chắn, cũng có khi đổ với họ được.

– Vâng, nhưng lúc nó mệt, thì nó lăn ra, ngủ như con vật.

– Trước ông cho cô ấy uống thuốc An Nam?

Ông Tham cười:

– Không bao giờ nó chịu uống. Đầu tiên, nó uống một ngụm, nhưng rồi nhổ đi ngay. Rồi nó quật cái bát, suýt vào mặt người cho uống thuốc. Sau này, chúng tôi phải dằn nó ra, gang mồm để đổ thuốc vào. Nhưng nó cứ phun ra phì phì, rồi chửi theo đến hàng giờ.

Ông Đốc tờ cười:

– Chữa người điên và coi người điên, là việc rất khó. Cần phải người kiên tâm. Nó là bệnh về tâm lý.

Ông Phủ bàn:

– Bẩm quan lớn, chúng tôi thiết nghĩ nếu bệnh tâm lý thì có thể giảng giải cho nó nghe lẽ phải được.

Bác sĩ lắc đầu:

– Với người điên, không có gì là lẽ phải nữa. Có khi ông rồi cũng bị cô ấy chửi đó.

Ông Phủ gật đầu, chịu:

– Dạ, thường cháu vẫn chửi tôi và bà nó nhà tôi luôn. Mới đầu chúng tôi thấy con nhà gia giáo lại làm những cái trái ngược với luân lý như thế, chúng tôi giận lắm, nhưng rồi chúng tôi cũng quen đi và sẵn lòng tha thứ.

– Phải, ông nên thế. Tôi khuyên ông câu này: Bệnh con ông hiện nay còn đáng sợ nữa, vì đương độ trời nóng bức quá. Ông phải chiều ý cô ấy. Chữa bệnh đã là khó, mà chiều người có bệnh, lại càng khó. Cho nên tôi muốn nói thực với ông bà một điều.

Ông Tham thông ngôn. Ông Phủ vừa nghe, vừa gật:

– Dạ.

– Theo như lời em ông nói lại, thì con ông nguyên có bệnh đau tim lại uất lên, vì thất vọng về tình. Chẳng may khí trời oi ả, càng

dễ làm cho bệnh điên phát ra, mà phát ra một cách kịch liệt. Chữa bệnh không gì bằng chiều người có bệnh, vậy ông bà nên chiều ý muốn của cô ấy.

– Dạ, quan lớn dạy, chúng tôi xin vâng lời.

– Nghĩa là ông bà nên làm cho cô ấy vừa lòng. Ông bà nên cho phép người yêu cô ấy đến thăm cô ấy. Như thế bệnh sẽ giảm dần và rồi sẽ khỏi hẳn.

– Dạ, xin vâng.

– Tôi biết rằng như thế, thì ông bà coi như trái ngược với luân lý, vì em ông đã nói chuyện rõ cái gia thế nhà ông, và cái tính nghiêm khắc của người thế gia vọng tộc.

– Dạ, quan lớn đã dạy, thế nào chúng tôi cũng xin theo.

– Tốt lắm. Nếu ông đã hiểu, thì rất hay cho tôi. Tôi đoán chữa khỏi. Tôi thấy người An Nam hay cố chấp, chứ người Tây, thì con nhà quyền quý, dù có lấy người hèn mọn cũng không sao. Cốt đôi trẻ yêu nhau là được.

– Dạ.

– Rồi ông cứ cho người yêu của con gái ông đi lại thăm nom; và nếu khi khỏi, cô ấy có xin ông điều gì ông chớ nên trái ý. Vì tôi e cô ấy lại uất lên, và phải lại. Mà phải lại thì nguy hiểm lắm.

– Dạ, xin vâng.

Chuyện trò một lúc nữa, bác sĩ vui vẻ cáo từ lui ra. Ông Phủ tiễn đến tận bờ đường, giơ hai tay, cúi rạp lưng xuống để chào một cách rất kính cẩn.

Ôtô vừa mở máy chạy, ông Phủ đã hầm hầm đi trước, rồi gọi cả bà Phủ và ông bà Tham vào mà rằng:

– Lão ấy nó nói vậy, chứ việc gì mà cho thằng ấy đến đây thăm nom.

Mọi người ngơ ngác nhìn. Ông Phủ lại bảo:

– Tôi thấy lão ấy dùng chữ người yêu mà giận đầy khúc ruột.

Ông Tham thất vọng:

– Bẩm anh...

Ông Phủ gắt:

– Lại còn chú nữa. Việc gì mà mách rõ với thằng Đốc tờ như thế để nó nói láo!

Ông Tham sợ, đáp:

– Bẩm, để họ biết rõ thì chữa mới chóng.

– Chóng! Làm Đốc tờ thì phải biết cả, chứ còn hỏi thì giỏi gì. Thôi, để tôi cho nó về Phủ.

Ông Tham nằn nì xin cho Nga ở Hà Nội, mãi ông Phủ mới nghe, nhưng giao hẹn:

– Nhưng chú không được nghe lão Đốc tờ nó xui dại.

– Bẩm anh, em tưởng bệnh về tâm lý, thì nên chữa bằng tâm lý.

– Ồ tâm lý cái gì! Còn luân lý của ông cha, chú vất đi đâu?

– Dạ, bẩm anh, em thiết tưởng luân lý chỉ hợp với từng thời, vì nó là những điều của người từng thời đặt ra mà thôi. Vậy thì luân lý phải hợp thời mới được. Vả chăng luân lý chỉ là những điều của người thừa ăn thừa tiêu; đặt ra để hạng tầm thường không theo nổi vì nó phiền phức, mục đích là để phân biệt cách sinh hoạt hạng trên với hạng dưới. Cho nên có khi luân lý của ta không hợp với luân lý của Tây, mà luân lý đời trước làm hại đời này.

Ông Phủ mặt đỏ bừng bừng, đập bàn:

– Chú đừng ngụy biện! Con Nga chết thì thôi chứ không thể nhố nhăng được!

Cả nhà im lặng. Ai nấy run như cầy sấy.

Trong nhà nheo nhéo đưa ra tiếng Nga réo tên ông nội, bà nội, cha, mẹ, chú, bác, thím, cậu, cô, dì và cả Chi nữa, chửi lia lịa.

X

BỆNH VỚI THUỐC

Bệnh Nga càng ngày càng nặng.

Suốt ngày, Nga lảm nhảm hát hổng, khóc lóc mà càng hay nhắc đến tên Chi quá. Lúc thì gọi Chi, lúc thì nói một mình như đang chuyện trò với Chi, lúc thì chạy vào góc tường tìm Chi, nhưng có lúc lại réo tên Chi ra chửi mãi.

Bà Phủ muốn thăm con, chỉ dám đứng ngoài dòm vào. Hễ thấy Nga nằm yên, hiền lành, thì còn nhìn lâu. Nhưng gặp khi Nga làm

hăng, thì bà lẩn mặt không dám cho nàng trông thấy. Vì hễ thoáng thấy bà, là Nga gọi, có khi gọi bằng chị, có khi gọi bằng con kia, có khi gọi bằng bà lớn.

Công việc trông nom săn sóc Nga, bà Phủ giao cho một con vú. Cũng may được con vú trung thành chịu khó, lại khỏe mạnh, can đảm nên nó chẳng quản ngại, nó vẫn quét tước, dỗ dành, dọa nạt, có khi phải đè ngửa Nga ra mà đổ thuốc vào mồm.

Đối với con vú ấy, Nga vừa ghét, vừa thù, vừa sợ. Nga sợ nó, có lẽ vì nó bắt uống thuốc. Hễ nó vào, Nga len lét nhìn xem tay nó có mang thuốc hay không. Nếu có, Nga kêu rầm lên giãy giụa như người phải đòn, hoặc chạy trốn như người muốn thoát nạn. Có khi Nga ngoan ngoãn để lừa nó, rồi cầm chén thuốc, hắt toẹt đi. Chỉ có nó là Nga chưa dám chửi lần nào, vì nó dọa hễ chửi thì nó vả vỡ miệng, và bắt uống thuốc.

Đã lâu, Nga không mặc quần áo. Vì quần áo nào chịu được. Đầy người, bẩn lấm như ma lem. Thế mà con vú ấy vẫn phải lau chùi cho Nga, mỗi ngày một lần, không hề kêu ca than thở.

Trông Nga hốc hác quá. Thân thể gầy hẳn đi. Xương gò má và xương vai giô hẳn lên. Cổ tay khẳng khiu, như cái ống nứa.

Cha mẹ họ hàng ai cũng phải đau xót. Khốn nạn một vị tiểu thư, mơn mởn, nõn nà, vui tươi, lộng lẫy, mà trong hơn một tháng trời, thành một con vật nhơ bẩn, ai cũng phải tởm, ai cũng phải ghê, xấu như con lợn sề, dữ như con chó đẻ, bẩn như con bọ hung.

Con vú mỗi khi vào thăm Nga, lại lên kể cho ông Tham nghe. Ông Tham phải biên lời nói vào cuốn sổ tay, để nói lại với bác sĩ.

Ngày nào cũng nắng. Nóng quá. Mà càng nắng, càng nóng, Nga càng điên, càng cuồng. Cả nhà ai cũng khấn trời cho mưa để thời tiết êm dịu một chút, nhưng mà vô ích, ban ngày ánh nắng như thiêu đốt, mà ban tối, vầng sao vằng vặc, còn như dọa cái nóng cháy hôm sau.

Ông Phủ vẫn luôn luôn có mặt tại Hà Nội, rỗi thì hai ba hôm một lần, bận thì dăm sáu hôm một lần. Đã có bà Phủ và vợ chồng ông Tham săn sóc cho Nga, nên ông cũng yên dạ. Và ông buồn bã, chán ngán. Không thăm con thì bụng áy náy chẳng yên, mà mỗi bận nhìn con, ông đứt từng khúc ruột. Nhất là từ hôm ông nghe Đốc tờ khuyên bảo mấy câu, ông thấy như bị một câu chửi nhục nhã.

Ngày hôm ấy, ông giận quá. Nếu bác sĩ không phải người Pháp, có lẽ ông đã nổi lôi đình rồi. Nên khi bước chân lên xe về Phủ, ông còn dặn chú Tham:

– Anh nể chú thì anh cho mời Đốc tờ, nhưng chú đừng theo thuốc tây một tí nào nhé. Chúng nó chữa nhảm quá.

Thấy ông Tham dậm dạ cho xong chuyện, ông hiểu ý ngay nên ông nói dối, vì biết rằng lời nói dối có công hiệu hơn lời gắt:

– Nếu chú không nghe anh, thì thà chú cầm dao đâm ngay vào cổ anh chị trước, rồi hãy giết cháu.

Nhưng lời nói dối, hoặc lời gắt đối với ông Tham, cũng có giá trị như nhau, nghĩa là cùng không công hiệu tý nào.

Ông Tham rất quả quyết. Vả ông hiểu bệnh tình của Nga hơn hết, nên ông rất tin lời có lý của thày thuốc. Song, ông chỉ dám nói thực với chị, chứ vẫn phải giấu anh. Động nghe tiếng xe ông Phủ đến nơi, ông phải cất hết thuốc tây, và để một thang thuốc ta sẵn ở bàn làm chứng.

Đã có lần, ông thất vọng, bảo nhỏ với vợ:

– Cháu Nga không khéo thì nguy. Mà nó có đến nỗi nào, chỉ là nó bị nạn về dòng dõi.

– Tại làm sao?

– Bệnh này, giá vào con nhà thường, thì cách chữa rất giản tiện. Hoặc giả cháu Nga là con mình, thì có hi vọng khỏi. Ngặt vì anh chị quá cổ, nên khó lòng lắm. Thật sinh trưởng vào thế gia, cũng là một cái lụy.

– Cậu nói vậy là ý thế nào?

– Tôi đã rõ hết cả chuyện con Nga, mà tôi không dám nói với anh chị, sợ anh chị mắng sao để cho nó thế. Cái hôm thằng Chi nó đến đây, tôi hiểu ngay, tôi khéo hỏi nên con Nga thú thực cả. Rồi đến ngay ngày chủ nhật sau, tôi thấy con Nga thơ thẩn, có ý chờ đợi. Tôi chắc rằng nó viết giấy hẹn thằng Chi đến, mà thằng Chi sợ không dám đến. Từ ngày ấy đến hôm con Nga bị bệnh tôi không hề thấy thằng Chi đến đây. Tôi quyết chúng nó hẹn gặp nhau một chỗ nào đó, vì tôi nhận thấy con Nga ở trường không năng ra nữa.

– Cháu bảo bận học mà!

Ông Tham mỉm cười:

– Yên, tôi nói cho mà nghe.

– Hay là nó ăn phải bùa mê.

– Bùa mê gì! Ái tình là thứ bùa mê mầu nhiệm nhất. Ta cứ tin nhảm cho là bùa mê, nhưng chắc gì có. Tôi không tin như thế. Vì tôi

đoán là chuyện ái tình, nên ít lâu nay tôi đi hỏi dò, mới biết rằng lần đầu tiên, chúng nó hẹn nhau ở sau nhà hát Tây. Bà Tham cau mặt, có ý gắt:

– Sao cậu không ngăn cháu, để xảy ra cho nó thế này, có phải mình cũng có tội không?

– Tôi có biết trước đâu. Nguyên con Nga nhà này thì có bụng tốt, muốn giúp thằng Chi. Con Nga có tính trung hậu thương người thế nào, ai mà chẳng biết, cho nên lúc mới đầu, tuy tôi hiểu ý mà tôi không muốn làm mất cái tính tốt của nó. Vả đời này, con gái có học, đều có ít nhiều tư tưởng bình đẳng, tự do, bác ái, bậc cha chú không thể ngăn cản được. Có tư tưởng ấy là tốt, chứ không phải xấu. Mà sở dĩ tôi mặc kệ nó vì tôi tin ở cái giáo dục của nhà ta. Thật đấy, từ trước đến sau, con Nga vẫn là đứa có giáo dục. Nhưng ngặt vì thằng Chi lại là con nhà hèn mọn quá, nên thấy con Nga tốt bụng, lại không dám hưởng. Cái lần chúng nó gặp nhau ở sau nhà hát Tây, thì chính thằng Chi lãnh đạm không muốn gặp gỡ con Nga nữa. Nhưng vì thế con Nga càng thương nó. Rồi hỏi dò, biết thằng Chi cũng là một người khá, có nhiều đức tính, nên thường con Nga nói chuyện với chị em bạn, ca tụng thằng Chi. Có một lần, con Nga lên tìm tận chỗ thằng Chi trọ học. Nhưng không thấy. Vì những điều thất vọng ấy, con Nga nghĩ ngợi, sinh ra ngây dại. Rồi càng ngày, hỏi dò thêm, nó càng thấy thằng Chi là người thật hoàn toàn, chỉ vì sa vào cảnh nghèo quẫn nên mới phải đối với nó một cách rụt rè như thế, nó càng đâm ra thương thằng Chi. Nó mơ màng được người chồng như thằng Chi. Nó nghĩ đến cảnh nhà ta, đời đời quan sang, giầu có, tất không thể nào ai lại phá cái nếp nhà mà nhận lấy thằng Chi là rể. Nhất là anh chị Phủ, không đời nào lại cho nó lấy thằng Chi, nên nó càng tuyệt vọng. Tuyệt vọng bao nhiêu, nó đau đớn bấy nhiêu. Một độ, thấy nó hỏi tôi mấy câu tôi đã ngờ ngợ. Chứ nếu nó kể rõ tâm sự cho tôi nghe, có lẽ tôi giảng giải, nó cũng đỡ nghĩ ngợi để khỏi đau đớn ngấm ngầm.

– Giá tôi biết thì hơn, vì Nga nó sợ cậu, không dám nói.

– Phải.

– Sao cậu biết rõ đầu đuôi thế?

– Tôi đi hỏi, rồi khớp lại những câu người ta nói, thì thành ra câu chuyện nó đi như thế. Vậy thì con Nga trước kia, chỉ cảm thằng Chi. Sau nó thương thằng Chi. Rồi càng thất vọng, nó càng nghĩ đến

ái tình. Mà nó nuôi trong óc một thứ ái tình mơ mộng quá, nên từ khi điên, nó nhắc đến tên thằng Chi luôn.

– Thế cậu có nói với Đốc tờ những chỗ hóc hách ấy không?

– Có.

– Vì vậy ông ấy mới bảo anh chị thế, phải không?

– Đó là ông ấy nói ý. Chứ ông ấy nói rõ với tôi rằng nên gọi thằng Chi đến thăm con Nga. Bệnh con Nga là bệnh uất vì tình, thì phải lấy ái tình mà chữa.

– Rồi phải cho hai đứa lấy nhau à?

– Thì có làm sao? Thằng Chi cũng là người chứ là gì?

– Nhưng mà...

– Đàn bà hay cố chấp gàn dở.

– Không phải. Lấy nhau cũng được. Rồi nếu nó được học, sau này nó chả nên ông nọ ông kia hay sao. Nhưng giá như nó thành đạt rồi, hãy cưới, chứ bây giờ mà cưới thì nghe nó thế nào ấy.

Ông Tham phì cười, lắc đầu:

– An Nam mình lấy nhau, không phải về tinh thần. Phần nhiều trai gái chỉ trông ông bà ông vải, hoặc tiền của mà lấy nhau. Thì ra chẳng phải hai người lấy nhau. Chỉ là cái phú quý nó kết hôn với nhau mà thôi!

– Cậu định cho thằng Chi đến thăm con Nga à?

Ông Tham gật đầu:

– Tôi rất bằng lòng nhưng tôi không có toàn quyền. Anh chị thật hết lòng với con. Lúc thường, đối với con, thì nưng như nựng trứng, hứng như hứng hoa. Nó hơi nhức đầu, xổ mũi, là đã điên cuồng, chạy nhao lên về thuốc. Độ này, anh chị lo lắng mất ăn mất ngủ, trông thật ái ngại. Nhất là anh, già sọm hẳn đi. Bao nhiêu tiền thuốc thang, anh chị cũng không quản. Người ta mách thứ gì, anh chị cũng tìm cho kỳ được. Thấy đền phủ nào thiêng, chị cũng đến tận nơi để lễ bái, thành kính kêu cầu. Nhưng vô ích cả. Có bệnh thì phải uống thuốc. Mà con Nga không chịu uống, thì có mà trời chữa. Cho nên tôi tưởng cứ thằng Chi vào thăm, dỗ dành cho uống thuốc, tự khắc nó khỏi dần. Chính Đốc tờ người ta bảo rằng chỉ cần cho thằng Chi đi lại, nói chuyện nói trò, tự khắc hay bằng trăm bằng nghìn thuốc. Nghĩa là con Nga được giải uất, khắc khỏi.

– Nhưng nó điên, biết nó có nhận ra thằng Chi, và chịu chuyện chăng?

– Có nhiều thứ điên. Nguyên nhân bệnh điên của con Nga là thế, thì thuốc đấy, mất đồng xu nào?

– Sao cậu không nói rõ đầu đuôi với anh chị để cho anh chị biết sự cho thằng Chi đi lại là cần.

Ông Tham thở dài, nghĩ ngợi nói:

– Cứ ý tôi, thì sau khi nó khỏi, anh chị nên gả phắt cho thằng Chi. Hai đứa yêu nhau, đó là một điều chính trong việc cưới xin. Vả thằng Chi mà có công làm cho con Nga khỏi, thì nó đáng được lấy con Nga lắm.

– Thì hãy đến lúc khỏi cái đã, còn như lấy nhau hay không, là tùy ý hai đứa.

– Nhưng tất hai đứa phải lấy nhau, vì chúng nó yêu nhau. Đốc tờ họ có đoán bệnh mập mờ đâu.

– Sao?

– Đốc tờ bảo nên cho thằng Chi vào thăm con Nga luôn, mặc kệ cho chúng nó khuyên bảo chuyện trò cùng nhau. Đừng ai để ý đến. Chúng nó muốn làm gì thì làm, miễn là khỏi được bệnh.

Bà Tham phát vào lưng chồng cười, đỏ mặt:

– Khỉ! Ai lại thế.

Ông Tham vẫn nghiêm trang, đáp:

– Thật đấy. Chính thế mới có lẽ.

Bà Tham buồn rầu, nói:

– Nhưng mà con Nga biết gì là lẽ phải, là ái tình nữa!

– Vậy thì trong một ngày, mợ không thấy thỉnh thoảng nó yên mồm, yên chân tay trong ít lâu là gì. Vả thằng Chi dỗ dành nó, can ngăn nó, hoặc làm gì, bảo gì chẳng có lúc nó nghe hiểu.

– Thế thì phải nói thực với thằng Chi như thế à?

– Ừ, cứ bảo: nó là vợ anh, anh được phép dỗ dành, khuyên bảo, can ngăn nó.

– Thế thì khỉ lắm nhỉ!

Ông Tham cau mặt:

– Bệnh nào thì thuốc ấy, chứ cứ nể hà, sợ sệt thì có khi con Nga chết oan, không biết chừng.

– Nhưng mà người ngoài cười cho thối óc.

– Sợ người cười chẳng hơn để mình khóc vì nó chết. Một mạng người chứ chơi à? Ấy, cái lụy thế gia là thế đó. Nhà thế gia bắt buộc phải theo luân lý. Mà tôi đã nói với anh, luân lý không phải là cái luật của tạo hóa, chỉ là cái của người xưa đặt ra mà thôi. Cho nên có khi luân lý không hợp thời và hợp chỗ, có khi luân lý làm hại người ta. Đến ngay như cái luật của tạo hóa, mà khi cần, người ta còn phải thắng, phải trái, huống hồ là luân lý.

Bà Tham nghĩ ngợi, nói:

– Nếu vậy thì Đốc tờ người ta bảo phải đấy. Chỉ có thằng Chi là giải được uất cho con Nga, chỉ có thằng Chi là cho con Nga uống thuốc được. Khốn nạn thân nó, từ ngày ốm, nhà mình tốn kém bao nhiêu mà nó chẳng được uống một hụm thuốc nào. Vì nó cứ nhổ đi mất cả. Ốm mà không có thuốc thì còn gì là người. Mà nhân thế bệnh lại càng nặng. Mà sự để cho hai đứa gặp gỡ nhau lại là vị thuốc thần hiệu nhất. Vậy cậu nên bẩm với anh Phủ, để anh hiểu mà cứu cháu.

Ông Tham trợn mắt, lè lưỡi, nói:

– Khó lắm? Ông ấy hủ lắm, biết có nghe ra không?

– Đến tôi là đàn bà, còn nghe ra, nữa là.

– Nhưng nhà Nho còn câu nệ bằng trăm, bằng nghìn đàn bà ấy. Lại còn tự phụ nữa. Có khi cũng tin, cũng chịu, nhưng nhất định không làm. Nhất là xui làm những điều trái với cổ tục thì càng khó.

– Hay là để tôi nói với chị?

Ông Tham ngẫm nghĩ, đáp:

– Chị Phủ là đàn bà, giá nói khéo để gợi lòng mẹ thương con, thì may cũng có thể được. Song chị còn có tư tưởng phân biệt giai cấp bằng mười anh. Thì khó lòng cho chị tin theo. Khỏi thì muốn khỏi nhưng đời nào chị lại chịu cho thằng Chi lấy con Nga. Rồi chị cứ hứa với nó và nếu không giữ lời, thì mang tiếng mình lừa.

Bà Tham thở dài:

– Bây giờ tôi mới thấy cái phiền phức của nhà đại gia.

Ông Tham cười:

– Vì con Nga đã thấy thế, mà biết thế không thể nào thoát ly ra được khỏi vòng lễ giáo của nhà đại gia nên nó mới thành ra một nạn nhân. Mà bây giờ muốn nó khỏi, mình cần phải phá toang cái lễ giáo ấy đi.

– Tôi chỉ sợ lúc cậu nói ra, anh Phủ mắng về tội sao để con Nga như thế, mà không ngăn nó.

– Ngăn sao được tư tưởng người ra. Vả nó định làm cái gì mà giấu, thì ai có thể biết được. Nhất là những bậc cha chú càng không thể biết những điều của con cháu định làm. Có khi chúng nó bàn bạc với người thân, mà không ai dám nói đến tai mình cả.

– Vậy cậu nên lựa lời, để nói với anh chị.

– Được, đến chủ nhật này.

XI

LÔI ĐÌNH

Đắn đo mãi, không thể đừng được, ông Tham mới dám nói với ông Phủ. Ông kể rành mạch nguyên nhân bệnh của Nga, và cách chữa mà thày thuốc dặn.

Trong khi ông Tham nói, ông Phủ ngồi nghiêm chỉnh để nghe, không hề đáp mà cũng không hề đổi sắc mặt, vì vậy ông Tham mới giảng giải hết các lẽ.

Bà Phủ ngồi cạnh, thương con sụt sịt khóc.

Rồi một phút im lặng. Mọi người chống tay nghĩ ngợi.

Bỗng ông Phủ quắc mắt đập bàn đánh thình, làm cả nhà giật mình. Ông Tham xám ngoẹt run lên. Ông Phủ gắt:

– À, ra chú quá nghe Đốc tờ nó nói láo. Chú có học, chú lại không biết rằng hạng nói dối thứ nhất là Đốc tờ, thứ nhì thì đến Thầy kiện hay sao? Họ chỉ dọa người để lấy tiền mà chú cũng tin à?

Nghĩa là ông cố quên bặt một hạng người nữa, cũng nói dối như ranh và cũng dọa người lấy tiền như quỷ, nên ông càng cáu:

– Giá họ quyền hành một chút nữa, giá họ làm quan thật, thì không biết họ làm hại người ta đến thế nào! Chú vẫn cho con Nga uống thuốc tây đấy à?

Ông Tham run sợ, nói:

– Bẩm anh, nhưng cháu nhổ đi có uống đâu.

– Nhưng chú vẫn định bụng cho nó uống à?

Ông Tham sợ hãi khép nép đáp:

– Dạ.

– À, ra chú không nghe lời anh. Em đâu có em vô phúc thế! Mà anh xem chú ti toe được dăm ba chữ Tây, chú dám công nhiên bài bác cái thuần phong mỹ tục của các cụ. Bây giờ chú làm nên, được nhà cao cửa rộng, vợ đẹp con khôn, là vì ai? Sao chú bạc bẽo thế? Người ta phải trọng nhất là luân lý. Nhất là những nhà nền nếp như nhà ta, càng phải trọng luân lý. Dù thấy luân lý nó bó buộc, cũng nên chịu nhắm mắt mà theo mới phải chứ! Chú nghe Đốc tờ bảo thằng ấy đến để chữa cho con Nga. À, chú muốn rước voi về giày mồ à?

Rồi tức giận lên đến cực điểm, ông Phủ trợn mắt trỏ vào mặt ông Tham quát:

– Đồ vô đạo!

– Bẩm anh...

– Im!

– Bẩm anh, xin anh xét cho. Nếu không thì cháu Nga chết oan.

Nói xong, ông Tham lấy khăn chùi đôi mắt đỏ hoe.

Ông Phủ cười lạt mỉa mai:

– Hừ!

– Em muốn bẩm anh rằng em nói có lý không?

– Anh hiểu rồi. Vẫn là có lý. Nhưng sao chú dám khuyên anh gọi thằng kia đến!

– Bẩm anh, nếu có lý thì nên theo, không có thì cháu chết.

Ông Phủ lại quát:

– Chết thì thôi! Chú phải im.

Cả nhà đang run sợ, bỗng nghe tiếng thút thít khóc: Bà Phủ và bà Tham gục cả xuống bàn. Thấy ông Phủ quả quyết quá, mà nghĩ đến Nga, ai chẳng động tâm.

– Bẩm anh, em tưởng nên theo lẽ phải.

– Luân lý mới là phải. Còn thì trái hết.

Ông Tham thở dài, nhìn anh bằng đôi mắt nằn nì.

Lúc ấy, tiếng Nga ở trong đưa ra, phá toang cuộc xung đột mới nhóm:

– Gớm! Làm gì mà cãi nhau như mổ bò thế. Nước sông Nhị Hà bây giờ trong quá, chúng bây ạ, chị ạ.

Nhưng không để ý đến Nga, ông Tham nói:

– Thằng Chi, em xét ra, là một đứa học trò ngoan ngoãn. Anh chẳng thấy chuyện xưa biết bao nhiêu nhà quan chỉ kén rể là học trò nghèo hay sao?

– À, ra chú vẫn tưởng chú phải.

Rồi ngừng một lúc nghĩ ngợi, ông nói:

– Được rồi, chú lên gác với anh.

Rồi ông Phủ hầm hầm đứng dậy, gọi:

– Thím Tham! Bảo đứa nào mua bao nến thẻ hương. Bà Phủ! Bà đi têm trầu, và pha nước lễ.

Mọi người nhìn nhau ngạc nhiên.

Ông Phủ vớ cái khăn, rồi lên gác, ông Tham lững thững theo đi. Ông Phủ còn hăng tiết, vừa đi vừa quay lại nói:

– Anh không bảo được chú! Chú cậy khôn hơn cả các cụ!

Rồi ở trên gác, ông dọn dẹp các đồ đạc trang hoàng trên lò sưởi, lấy phất trần quét tước rất sạch sẽ. Ông Tham đứng im ở góc nhà, chắp tay, nhìn. Nhưng thấy ông Phủ làm việc chẳng lẽ ông cứ giương mắt mà xem, ông bèn chạy lại đỡ. Ông Phủ gắt:

– Chú không được phép dúng tay vào những việc thành kính này!

Ông Tham ngơ ngác, lui lủi về chỗ cũ.

Ông Phủ lấy cái khăn bàn phủ lên lò sưởi, và đặt hai cây nến đồng hai bên; rồi cung kính, ông bưng cái ảnh cụ cố, đặt ngay ngắn vào giữa.

Lúc ấy, bà Phủ và bà Tham ở dưới nhà đã rón rén đưa lễ vật lên, rồi đứng khép nép ở góc tường.

Tự tay ông Phủ cắm nến và thắp hương, đặt trầu và pha nước. Rồi ông giải chiếc chiếu trước chỗ thờ, ông đứng nghiêm trang, chắp tay, đoạn thụp xuống lễ bốn lễ, rồi quỳ, suỵt soạt khấn, gian gác có vẻ tôn nghiêm một cách cảm động.

Cả nhà im lặng. Ông Tham mặt cắt không được hột máu, rất lo sợ. Ông biết rằng vì anh quá khắc, nên mới sửa phạt ông bằng cách khấn các cụ về để trừng trị ông là đứa con vô phúc. Ông đang vơ vẩn

nghĩ ngợi tủi thân, bỗng nghe thấy ông Phủ đang khấn thì nấc lên mấy tiếng, rồi hồng hộc lên, phục xuống chiếu, ôm mặt khóc rưng rức.

Thế là cả nhà cùng sụt sịt, thảm thiết như mới có tang.

Một chốc, ông Phủ lấy tay áo quệt ngang mắt, rồi vừa thổn thức vừa lễ bốn lễ nữa.

Đoạn, ông nhăn nhó, chắp tay đi giật lùi ra chỗ để giày, rồi nhìn ông Tham bằng đôi mắt đỏ hoe, ông gọi:

– Chú Tham!

Ông Tham mắt lấm lét, rón rén đến.

– Dạ!

Ông Phủ trừng mắt, hỏi:

– Thế chú còn đợi gì mà không đội khăn vào?

Bà Tham luống cuống kiễng chân chạy lấy khăn cho chồng. Ông Phủ đứng cạnh chỗ thờ, nghiêm chỉnh nói giọng dõng dạc như giọng Quan tòa:

– Tội chú đáng đánh đòn. Nhưng anh nghĩ thương cho chú đã lớn, và đã là ông nọ ông kia, nên anh trình các cụ tha cho chú. Vậy chú vào lễ tạ các cụ rồi nằm xuống đây.

Ông Tham rưng rưng nước mắt, vào lễ tạ bốn lễ. Hai ngọn lửa thẳng, tự nhiên nghiêm trang như đôi mắt uy nghi của vong hồn hiện về, chòng chọc nhìn người con bất hiếu. Nước nến chảy xuống như hai dòng lệ thảm. Mùi hương ngào ngạt làm chỗ thờ tự tăng vẻ thiêng liêng, mà cái ảnh treo trên, cũng như có hồn, đang phảng phất đâu đây để chứng kiến tấm lòng thành của ông Phủ. Bà Phủ và bà Tham cũng sửa lại vành khăn, ngồi thụp xuống chiếu lặng lẽ lễ, rồi yên lặng cung kính đứng chắp tay ở cạnh ảnh, như để hầu bố chồng lúc sinh thời.

Đoạn, ông Phủ nói:

– Bây giờ chú chịu tội đi.

Lập tức, ông Tham nằm sấp trên chiếu, duỗi thẳng cẳng, gục đầu xuống ván gác. Ông Phủ lấy chiếc ba toong, nâng hai tay, quay về phía thờ, vái dài một cái, rồi để ở ngang mông em. Rồi ông đứng cạnh bàn thờ, nhìn ông Tham mà diễn thuyết. Lúc ấy, đôi con mắt ông lờ đờ, chân thành, như được linh hồn cha mẹ ông bà nhập vào thân ông, như được văng vẳng thấy những lời nghiêm huấn sắt đá của người xưa, mà nhắc lại cho em nghe vậy:

– Em đã lầm lỗi, em nên biết hối. Anh em ta sở dĩ được hiển đạt như thế này, là nhờ phúc ấm của các cụ để lại. Vậy mà em đã dại dột, xui anh làm càn làm bậy, dám bài bác cả luân lý đời đời của tổ tiên. Anh là người đại lượng, đã trình xin tha thứ cho em lần đầu. Nhưng nếu lần sau, em còn dám ăn nói càn nữa, anh sẽ xin phép các cụ đánh đòn, chứ không tha.

– Dạ.

Rồi ông quay nhìn bà Tham:

– Còn em nữa. Em phải can ngăn... thím phải can ngăn chú ấy, mỗi khi chú ấy phạm vào những tội vô đạo. Nghe chưa?

Bà Tham chắp tay, cúi đầu:

– Dạ.

Rồi quỳ bên cạnh em, ông suỵt soạt khấn khứa, đoạn đứng dậy:

– Thôi, tha cho chú.

Ông Tham, đau đớn như bị trận đòn, lóp ngóp dậy, rồi lễ tạ bốn lễ.

Ông phủ bảo:

– Cho phép chú dọn dẹp đồ lễ.

Nói xong, ông hả cơn giận, thong thả xuống nhà dưới.

Bà Phủ nhìn theo chồng, rồi trông bà Tham và lè lưỡi, lắc đầu. Bà Tham cũng tủm tỉm cười. Bà Phủ nói khẽ với ông Tham.

– Chị toan bảo chú im. Tính anh khắc lắm, làm gì chú không biết.

Ông Tham buồn rầu, thất vọng, lắc đầu, nói:

– Đến hỏng mất!

Rồi ông thở dài, nằm xoài trên giường, vắt tay lên trán.

Bà Phủ lại gần, dỗ dành:

– Mời chú xuống nhà chơi với anh. Chú giận anh chị đấy à?

– Bẩm chị không. Khốn nạn, em thương cháu mà em không có quyền làm cho cháu sống.

– Thì ai chả thương cháu, nhưng chú bẩm anh những câu cũng khó nghe lắm kia. Giấy rách còn phải giữ lấy lề nữa là...

Vừa lúc ấy, ông Phủ lại lên gác, hỏi:

– Cái gì?

Bà Phủ cười gượng cho câu chuyện đỡ quan trọng:

– Chú Tham buồn vì lo con Nga chết.

Ông Phủ trợn mắt, nói:

– Thì chú vẫn chưa nghe ra hay sao? Chú phải biết anh chị lại thèm gả con bậy bạ như thế hay sao? Cháu mắc vận hạn, nhưng khi gặp thày gặp thuốc, tất nó khỏi. Có lẽ nào bệnh mà uống thuốc lại không khỏi bao giờ.

– Bẩm anh, nhưng mười bận cho thuốc, thì cả mười bận nó phun ra, như thế cháu khỏi sao được. Hay là anh chị cứ bằng lòng cho em gọi thằng Chi vào dỗ dành cho cháu Nga uống thuốc thôi vậy.

Một tiếng đập bàn. Ông Phủ quắc mắt thét:

– Thế chú không biết nó là con con mẹ hàng xôi chè, làm đầy tớ nhà mình không đáng hay sao?

Vừa dứt lời, bỗng có tiếng chạy rầm rầm lên thang gác, mà dưới nhà, người kêu thất thanh:

– Ối trời ôi! Cô Nga làm sao thế này!

Ông Phủ, bà Phủ, ông Tham, bà Tham, giật mình quay lại:

– Bẩm cô Nga làm sao ấy ạ.

Mọi người chạy ồ xuống, run lẩy bẩy. Bà Tham hét mở cửa.

Nga nằm bất tỉnh nhân sự, còng queo dưới đất, hai mắt trợn ngược lên, mà đầu thì có máu chảy ướt đầm cả tóc, trông rất thảm thương.

Ông Phủ nói không ra tiếng:

– Chết thật! Con tôi điên đến nỗi đập đầu xuống gạch, trời ơi!

– Bẩm, dễ cô con ngất đi nên ngã.

Bà Phủ, bà Tham khóc sướt mướt.

Ông Phủ sai mọi người vực Nga lên phản, và lay gọi.

Nga vẫn thở phì phì, thỉnh thoảng nhăn mặt lại, và cố cựa.

Độ mười lăm phút huyên náo, Nga hơi tỉnh lại. Rồi một lát, giương mắt, Nga nhìn hết người này đến người nọ, rồi sờ lên đầu, cười khanh khách.

Thế là Nga ngồi nhổm dậy, lấy tay đẫm vào máu, và trát đầy lên mặt. Trông Nga đáng khiếp như một người bị thương. Bà Phủ kéo bà Tham đứng xa ra.

Nga lại bắt đầu nói lẩm nhẩm:

– Đâu? Anh Chi đâu? Chồng tôi đâu?

Rồi hai tay khoanh như để bế con, Nga dỗ dành:

– Nín đi, mợ đây mà. Chồng tôi bận học mãi không đến nhỉ. Ô hay! Ông Lê Lợi làm gì tôi thế này!

Nói đoạn vùng dậy, giơ quả đấm, hăng hái, trừng trừng nhìn ông Tham:

– Chị không tha nó ra cho tôi à?

Rồi ôm chặt lấy con vú, Nga kêu:

– Mẹ mìn! Ối ông đội xếp ơi!

Mọi người sợ chạy tán loạn. Ông Phủ gọi rối rít:

– Khóa cửa lại.

Nga buông con vú ra, cười và nhại:

– Khóa cửa lại! Gớm, làm như nhà pha của anh không bằng! Tôi nói đùa đấy mà. Thày me ơi! Chú thím ơi! Nộp đơn cho con đi thi nhé!

Rồi Nga nhảy nhót, hát hổng, độ mười lăm phút thì lên phản nằm.

Bà Tham đứng ngoài khung cửa nhìn vào, thấy Nga yên lặng, mới đi ra buồng khách.

Ông Phủ thở dài. Ông Tham nói:

– Bẩm anh.

– Gì!

– Bẩm anh, em xin anh nghĩ kỹ lại. Cháu Nga đến lúc bệnh kịch liệt rồi. Nếu không nghe Đốc tờ thì hỏng mất.

– Gớm! Chú dai như đỉa đói. Lúc nào cũng Đốc tờ.

– Bẩm anh, thằng Chi cũng là người. Dù có gả cháu Nga cho nó, cũng không là cái nhục, vì nó tất có tương lai rực rỡ, không kém gì ai.

Ông Phủ trỏ vào mặt em:

– Chú bậy lắm. Ra anh không bảo được chú à?

Thế rồi ai nấy đoán sẽ có một cuộc trừng phạt ông Tham lần thứ hai, quan trọng bằng mười lần thứ nhất. Nhưng không, nói xong ông Phủ hầm hầm gọi:

– Tài xế đâu? Sắp xe tao về.

Rồi rất giận dữ, ông vùng vằng đi. Cả nhà sợ hãi. Bà Phủ và bà Tham nói sao, ông cũng không trở lại nữa. Ông bảo:

– Tôi không ngờ đâu có em bướng bỉnh dại dột thế! Tôi xấu hổ lắm. Không dạy được em, thì tôi về. Bà cũng liệu mà về, và cũng đem con Nga về. Tôi không có anh em với nó nữa.

Xe ông Phủ đi, ông Tham lắc đầu thở dài. Bà Phủ nhăn nhó, vừa lo lắng vừa buồn bã, lên gác nằm khóc.

Bà Tham trách chồng:

– Cậu làm anh giận, phiền quá!

Ông cương quyết đáp:

– Anh gàn lắm! Anh giết con Nga...

Rồi nghĩ ngợi một chút, ông rỉ tai bảo vợ:

– Cứ thế này mà để trông thấy nó chết, thật tôi không đành tâm. Tôi nhất định cứ theo ý tôi. Tôi sẽ gọi thằng Chi đến. Nếu đến thế mà con Nga không khỏi, hãy nên chịu phép trời.

Bà Tham lo sợ, đáp:

– Nhưng chị Phủ không nghe thì sao?

Ông Tham cắn môi nhìn xuống để nghĩ kế. Bỗng ông tươi tỉnh nói.

– Được, không khó gì. Tối hôm nay, mợ khuyên chị nên đi lễ. Mợ sẽ đi với chị lên Yên Bái, Sơn Tây, và Ninh Bình, Thanh Hóa, các nơi có các đền có tiếng là thiêng. Hãy cứ đi vắng dăm ba hôm một; tôi sẽ nhân lúc ấy gọi thằng Chi đến. Nếu có kết quả hay, mợ lại mời chị đi lễ một lần nữa. Cứ thế trong một tháng xem sao nào.

Bà Tham nghe hiểu, đắc chí, nói:

– Vậy cậu ở nhà, nên lo liệu. Nhưng phải dặn dò đầy tớ, cấm ngặt chúng nó không đứa nào được nói nửa lời.

Đoạn ông viết giấy về phủ, xin lỗi anh rằng mình quả dại dột, và cam đoan từ nay không nghe Đốc tờ. Ông xin phép cho bà Phủ cùng Nga ở lại Hà Nội để chữa bằng thuốc ta.

XII

MỘT CHÚT HY VỌNG

Chi y lời đã hẹn với ông Tham, đến thăm Nga. Nói chuyện qua loa một lúc, Chi theo ông Tham vào nhà trong, bẽn lẽn, cảm động.

Cửa buồng mở ra, Chi thoạt thấy Nga, bỗng lạnh hẳn người, nước mắt như muốn ứa trào ra. Thật là không ngờ. Nga gầy còm quá, thân hình chẳng khác gì con ma đói. Nga mặc cái quần thâm và khoác cái

khố tải mới. Những thứ ấy, ông Tham vừa bảo vú bắt Nga che thân cho đỡ lõa lồ.

Đưa Chi đến cửa rồi, ông Tham lên nhà ngồi chờ.

Trống ngực Chi nổi lên. Nhưng Chi cố giữ hết can đảm. Lúc bấy giờ Chi chỉ có mục đích cứu một người con gái, người con gái khốn nạn hơn mình, có lẽ vì yêu mình quá mà phát điên, nên chàng không kỳ quản gì hết, dù đã đoán trước thế nào cũng bị hoặc đánh, hoặc xé, hoặc chửi.

Chi đứng lặng nhìn Nga đương lúi húi cắm cổ ngắm vuốt cái diềm khố tải. Khe khẽ, Chi đóng cửa lại, rồi cất giọng run run gọi thử:

– Cô Nga! Nga!

Nga thấy tiếng người, ngẩng mặt nhìn Chi bằng đôi mắt ngây dại. Chi lại nghẹn ngào, hỏi:

– Cô Nga, cô có biết tôi là ai không?

Nhìn Chi một lúc, Nga như chẳng biết gì, lại cúi đầu, điềm nhiên vê cái diềm khố tải. Thấy vậy Chi thương hại vô cùng. Nghĩ một lúc, Chi xưng danh:

– Cô Nga! Chi đây mà!

Nga ngẩng đầu nhìn, rồi mặc kệ, lại cúi xuống như trước.

Chi yên lặng tiến đến gần. Bỗng một tiếng cười khanh khách. Chi giật mình đánh thót, ù té chạy. Nhưng Nga đã giơ cái khố tải lên, và khoe:

– Này, cái áo đại trào này đẹp đấy chứ, anh Chi nhỉ?

Chi dừng lại nhìn.

Thấy Nga gọi tên mình, sao gặp mặt mình, không nói ý mừng rỡ? Chi đương nghĩ ngợi, thì thấy Nga mới chòng chọc trông Chi. Rồi độ năm phút, hình như nàng hiểu biết, bẽn lẽn, kéo cái quần, sắp lại cái khố tải lui lủi vào ngồi xổm trong xó nhà, có ý sợ sệt.

Chi yên tâm, đánh bạo theo vào. Nga len lét như con vật bị trói, thấy người giơ gậy ra sắp đánh vậy. Nghĩa là hình như chỉ rắp chịu đau đớn mà không thể chống cự.

Chi ngồi gần Nga, hỏi:

– Cô Nga, tôi là Chi đây mà. Tôi yêu cô lắm.

Như nghe hiểu. Nga đỡ sợ. Chi lại nói luôn:

– Cô có biết rằng Chi này yêu cô không?

Nga mỉm cười, quay đi, nói:

– Cái con mẹ ấy thế mà độc ác nhỉ!

– Này! Cô Nga, con mẹ nào? Cô điên đấy à?

Nga cau mặt, nhìn Chi, cãi:

– Không! Anh bảo tôi điên à? Tôi có điên đâu?

– Thế cô nói con mẹ nào?

Nga ngẩn mặt, phá ra cười, đáp:

– Ừ nhỉ. Cái bác ấy kia đấy, anh Chi nhỉ.

Thấy Nga hiền lành, lại biết gọi tên mình, Chi phấn chấn, nói:

– Tôi bảo này, cô Nga. Thôi, đừng nói lẩn thẩn nữa.

Nga lườm Chi một cái, rồi đứng dậy, đi sang ngồi bên xó khác, Chi lại theo.

– Cô Nga. Cô nói chuyện với tôi nhé?

Nga nhìn Chi một lúc rồi đáp:

– Ừ, anh cứ nói đi.

– Ai lại ăn mặc thế này? Con quạn mà tồi thế à? Thế thì tôi không yêu đâu.

Nga mỉm cười, vừa nói như để làm lành:

– Quần áo trước tôi xé cả rồi.

– Sao lại phí của thế?

– Bực mình lắm, anh ạ.

– Thế cô không thương tôi nghèo à? Không mặc thì cho tôi có được không?

Rồi âu yếm, Chi sắp lại cái khố tải cho kín tay. Nga tỏ ý vui mừng.

– Cô Nga ạ, nếu cô cứ ăn mặc thế này mãi tôi không yêu cô đâu.

Nga giẩu mỏ, đáp:

– Nhưng ở đây, họ ghét tôi, có cho tôi mặc quần áo đâu.

– Tại cô cứ xé mà!

– Không, tôi không xé nữa.

– Cô có uống thuốc không?

Nga nghe thấy tiếng thuốc, len lét lại đi sang ngồi xó trước, như muốn chạy trốn. Chi theo sau, rồi bảo:

– Cô lên phản mà ngồi. Con gái ai lại bẩn thỉu thế này?

Nga thẩn thơ nhìn lên trần, nói một mình:

– Tài quá! Cao thế kia mà nó nhảy được.

Lại ngọt ngào, Chi nói:

– Này, cô Nga, cô đương nói chuyện với Chi kia mà.

Nga trừng trừng nhìn Chi. Chi lại nói:

– Cô đương nói chuyện với Chi kia mà.

– Chi Chi cái gì! Bà lại tát cho vỡ mồm bây giờ! Cút!

Nói xong, sừng sộ đứng dậy.

Chi giật lùi, sợ quá.

Nga được thế, hai tay nắm lấy hai đầu khố tải, căng mạnh một cái để xé, nhưng không rách. Rồi đỏ mặt tía tai, Nga xỉa xói vào Chi:

– Rõ dơ, chỗ đàn bà con gái người ta nằm, vào đây làm gì?

Vừa nói vừa đuổi Chi quầy quậy.

Trống ngực nổi lên thình thình, Chi chạy quanh. Nga đuổi theo nắm được vạt áo, giật mạnh một cái:

Soạt!

Rồi Nga chửi rầm rĩ.

Ông Tham nghe tiếng, chạy vội vào, gọi:

– Thôi để bận khác cậu ạ.

Chi mở cửa rõ nhanh để trốn ra, rồi đóng ập và khóa lại. Nga lay phá mãi không được, réo Chi chửi mãi,

Chi theo ông Tham lên nhà, ông Tham hỏi:

– Thế nào?

Vui vẻ, Chi đáp:

– Thưa ông, có hi vọng khỏi được.

– Em nó có biết là cậu không?

– Hình như có. Tôi có hỏi đến quần áo, thì cô ấy bảo vì không ai cho cô ấy mặc.

– Cậu có đả động đến chuyện uống thuốc không?

– Thưa có. Nhưng đến đây thì cô ấy hết khôn. Có lẽ vì chuyện thuốc, mà cô ấy bắt đầu sinh sự với tôi, rồi lại điên rồ như trước.

Ông Tham ngẫm nghĩ, rồi bảo:

– À, phải. Mọi khi con vú phải dằn nó ra để đổ thuốc, mà nó cứ phun phì ra ngoài.

– Tôi tưởng không nên thế. Phải dỗ dành ngọt ngào thì hơn.

– Nhưng bây giờ nó sợ hết cả mọi người. Cho rằng ai cũng định bắt nó uống thuốc! Nó chửi cả nhà, chả từ ai. Ban nãy nó có nói xằng nói bậy, cậu đừng chấp nhé.

Chi cười. Ông Tham tiếp:

– Dễ thường nó chỉ mới thấy cậu là người đầu tiên chưa ép nó uống thuốc bao giờ. Vậy cậu có cách nào cho nó uống được không?

Chi nghĩ một lúc, rồi đáp:

– May thì được. Tôi sẽ có cách.

– Thế nào? Cậu thử nói xem.

– Một là đổ thuốc vào ấm, có nắp đậy kín, cho cô ấy khỏi ngửi thấy mùi. Rồi cứ để luôn trong buồng như nước. Cô ấy khát thì uống.

Ông Tham gật gù:

– Có lẽ được.

– Hai là tìm cách lừa cho cô ấy uống.

– Lừa thế nào?

– Hoặc là nói tức. Hoặc là làm cho cô ấy bắt chước mình. Còn cách sau cùng là dỗ dành bằng lời ngọt ngào.

Ông Tham mỉm cười, gật gù:

– Tôi tưởng dù dùng cách gì, nhưng thỉnh thoảng cũng nên dỗ dành ngọt ngào. Nếu nó uống, tất là nó biết nghe. Nó đã biết nghe, là nó hiểu một đôi chút.

– Có, cô ấy có nhiều lúc hiểu biết.

– Phải.

– Vậy thì những lúc ấy, hãy nên cho uống.

– Nhưng trừ cậu ra khó có người dỗ dành. Bây giờ nó thù ghét cả nhà rồi.

– Vâng, chúng tôi xin cố.

– Bởi vì nó chỉ khát khao tấm lòng yêu của cậu, cậu lợi dụng ái tình mà chữa cho nó.

Chi ngượng nghịu ấp úng đáp:

– Vâng. Một lời ông đã bảo, tôi xin hết lòng. Bởi vì tôi biết cô Nga đối với tôi nhiều phen muốn tỏ bụng tử tế. Chỉ vì tôi lãnh đạm, nên cô ấy mới thất vọng, rồi cô ấy nghĩ đến cái giai cấp, nên tuyệt vọng, mà đến nỗi này. Đó có lẽ cũng là lỗi ở tôi một nửa.

Ông Tham thở dài:

– Ở vào một gia đình dòng dõi trâm anh như gia đình tôi, mà muốn đánh đổ giai cấp, thật là một việc rất khó. Một đằng cứ nhắm mắt giữ nền nếp cũ, một đằng mạnh bạo mà thực hành những tư tưởng mới. Thành ra hai đằng coi nhau như hai thái cực, xung đột nhau.

Chi ngậm ngùi:

– Chỉ chúng tôi là không phải bó buộc.

– Phải, được tự do theo tư tưởng của mình thì còn gì sung sướng bằng.

Chuyện trò hồi lâu, Chi bất buộc phải cáo từ ông Tham. Đó là cái thì giờ nó không cho Chi được ngồi lâu, chứ Chi thấy ông Tham vui vẻ, thật thà, thì rất cảm phục. Mà cảm phục nhất, là Chi nhận ra ông Tham là một người nhã nhặn, coi Chi như người bạn kém tuổi mà thôi. Thực trái hẳn với cha Nga.

Chi về, ông Tham dặn:

– Đến mai, cậu chớ để tôi phải mong nhé.

Từ hôm đó, mỗi ngày Chi đến thăm Nga một lượt. Bà Tham thì cứ hết đến nọ đến phủ kia, đưa bà Phủ đi hàng ba bốn hôm mới trở về. Ông Phủ từ hôm bực mình với ông Tham, thì không lên Hà Nội nữa. Vì vậy cứ hai ngày ông Tham lại phải viết thư kể rõ bệnh tình của Nga. Thư nào ông Tham cũng xin tạ tội, nhưng nhất định ông Phủ không trả lời. Cho nên nhân một lượt được nghỉ lễ, ông Tham phải về tận Phủ để chịu anh mắng tàn nhẫn.

Song, ông Tham vẫn theo ý riêng ông, nghĩa là chữa Nga theo cách Đốc tờ đã dặn.

Nga vì được Chi đến dỗ dành, thì dần dần tỉnh lâu hơn trước. Lại được một dạo đến gần một tuần lễ, trời cứ mưa luôn, nên ngày đêm mát mẻ. Bệnh Nga vì thế mà được dịu bớt.

Chi rất có hy vọng Nga khỏi được, vì đã trông thấy kết quả hay.

Ngày ấy, tuy gần đến kỳ thi nhưng Chi không tối nào là không để ra vài giờ tìm câu chuyện hôm sau đến nói cho Nga nghe.

Dần dần, Chi thuộc tâm lý Nga, nên rồi chuyện trò với Nga được bền hơn, mà Nga không giở mặt với Chi nữa.

Nhưng có một điều Chi lấy làm lo ngại, vì một hôm Chi được tiếp ông Đốc tờ chữa cho Nga. Bác sĩ cười bảo:

– Cô ấy cần phải cưới ngay, thì mới có thể khỏi thực được. Nếu không cưới ngay thì bệnh chỉ lửng lơ. Mà có lẽ phải lại nữa.

Chi chợt nhớ ra một chuyện: ở làng Chi có người con gái điên bị một người hiếp, rồi bỗng khỏi bệnh.

Đối với Nga, Chi rất thương vì trông thấy hiện nay Nga khốn nạn hơn mình. Cho nên ngẫm lời thày thuốc, Chi khó nghĩ quá.

Bởi vì, khi hứa với ông Tham mà đến dỗ dành nga, Chi chưa hề tưởng đến ái tình, huống chi là mong được cùng Nga ân ái.

Nhưng ái tình không thể nào không có được. Nó ngấm ngầm đến, nó đến để làm keo sơn cho đôi trái tim non, nó đến để làm cho Chi ít lâu nay sinh ra vơ vẩn và bạo dạn.

Cho nên đã có lần Chi ngồi cạnh Nga. Vuốt lưng nàng và thỏ thẻ nói:

– Em Nga ơi, nếu anh không phụ bụng em thì chi đã đến nỗi em khổ.

Vậy mà Nga như cảm động, giương đôi mắt ngây thơ ra nhìn Chi. Chi thấy mặt nóng bừng bừng. Chàng run run ôm lấy cổ Nga đan năm ngón tay mình vào năm ngón tay Nga, nâng nó lên, để rịt vào miệng, mà trong khi hai cái lồng xương ngực nở to ra, thì bốn tầm con mắt dịu dàng gặp nhau long lanh quầng lệ, tựa hồ như muốn tả rõ hai khúc đàn tim hòa theo một nhịp vậy...

XIII

LỤY THẾ GIA

Từ khi khỏi bệnh điên, Nga đổi hẳn tính.

Họ hàng bè bạn đến thăm và mừng nàng, nàng bẽn lẽn chỉ cố lẩn mặt. Ai nói đùa câu gì, nàng chỉ nhếch mép cười. Nhiều người hỏi trong khi điên có biết mình nói những gì không thì nàng đáp:

– Cũng có lúc biết là tôi nói càn, nhưng trong bụng tôi hình như uất ức, không nói không chịu được.

Ông Phủ tin rằng Nga khỏi, là vì phúc ấm của ông cha để lại. Cho nên ông thường đắc chí bảo ông Tham:

– Nhờ tổ ấm, cháu nó được lành mạnh. Nếu nghe chú, có phải tai tiếng biết bao nhiêu không?

Ông Tham vẫn đáp:

– Dạ.

Nhưng kỳ thực trong bụng ông rất lo.

Cái lo này, ông đã biết từ trước. Vì muốn Nga khỏi được, tất ông phải lo như thế này. Nhưng cái lo mà ông đã tưởng tượng nó không to bằng cái lo thực ngày nay. Sự thực ngày nay, Nga tuy là con gái, nhưng chỉ có danh mà không có thực. Cái đời lành mạnh của Nga bây giờ, ông Tham đã mua nó bằng cả một tấm trinh tiết của cháu.

Thế thì tất nhiên ông phải cố nói với ông Phủ cho Chi được lấy Nga. Vì ngoài Chi ra, quyết không ai nhận Nga là vợ. Vả ông lại thấy Chi và Nga rất yêu nhau, cho nên ông càng phải cố gắng. Vì vậy ông lo làm một điều rất khó khăn, khó khăn ở chỗ đánh đổ được tư tưởng giai cấp của ông anh quá câu nệ.

Mấy lần ông toan nói, nhưng đắn đo mãi, mà chưa dám lộ câu chuyện cho anh chị biết. Ông mới xin một điều cho Nga ở Hà Nội để uống thuốc bổ mà thôi.

Ông Phủ bà Phủ, sau khi cho tiền Nga đi sắm các thứ quần áo mới, thì cũng về phủ cả.

Ông Tham chờ được đến kỳ thi, thấy tin Chi đỗ thì rất mừng. Ông cho như thế là ông bớt được điều khó khăn.

Nhưng mà có một hôm, bà Tham lo lắng hơn.

Ông hỏi, thì bà thở dài nói thầm:

– Con Nga dễ thường có mang.

Ông Tham giật nẩy mình. Mặt ông xám lại, hỏi:

– Sao mợ biết?

– Tôi xem ý mọi ngày, đoán rằng nó nghén, ban nãy tôi gạn hỏi nó mới biết đích.

Ông thừ người ra. Lúc ấy, có lẽ ông tưởng tượng đến nét mặt nghiêm khắc của anh, cái bụng phồng to của cháu, ông thấy bao nhiêu trách nhiệm nặng nề, nó đặt cả lên ngực ông, làm ông như tức hơi, như nghẹn thở. Ông bèn ôm đầu lên gác nằm.

Bà Tham theo ông lên, ông quật tay xuống chiếu nói:

– Thế này thì không thể chậm được. Chủ nhật này, tôi phải về thú thực cùng anh chị mới được.

Rồi hai vợ chồng gọi Nga lên bàn bạc quanh quẩn với nhau, Nga thấy chú thím buồn bực vì mình, thì chỉ khóc. Ông Tham thương cháu sợ lo uất lên mà phải lại nên bảo:

– Công việc của cháu đã có chú thím định liệu cho. Thày cháu nghiêm thật, nhưng mà đã hóa ra như thế này, thì không nghe chú thím sao được.

Đến chủ nhật, cả ông bà Tham và Nga cùng về Phủ. Ông bà Phủ thấy hai em và con có vẻ buồn thì lấy làm lạ quá.

Ăn cơm xong, ông Tham mời ông bà Phủ vào buồng riêng, đóng cửa chặt lại để nói chuyện. Thoạt tiên ông Tham ấp úng mới nói được:

– Bẩm anh chị, hai em về đây, cốt bẩm anh chị một điều cho cháu Nga.

Ông Phủ ung dung vuốt râu vui vẻ đáp:

– Được, chú cứ nói.

– Bẩm cứ theo như lời Đốc tờ, thì cháu Nga tài nào cũng phải lấy chồng ngay.

Ông Phủ cau mặt:

– Đốc tờ! Chú cứ nhắc mãi đến Đốc tờ! Thì cháu khỏi rồi can gì đến Đốc tờ nữa.

– Dạ! Nhưng mà chính Đốc tờ người ta nói thế, rất đúng bệnh của cháu chính là uất lên vì tình.

Ông Phủ hơi gắt:

– Ô! Chú này dở hơi quá! Sao chú cứ nhắc mãi đến chữ ấy, tình là thế nào! Nhờ phúc ấm các cụ, nay cháu được như thường rồi còn gì.

– Dạ. Nhưng bẩm anh chị, ông Đốc tờ dặn, thế nào cũng cho cháu lấy chồng ngay.

Ông Phủ cười thương hại:

– Chú gàn quá! Chú nát về tư tưởng mới mất rồi.

Bà Phủ hỏi:

– Thế người Đốc tờ người ta bảo chú thế nào?

– Bẩm chị, người ta chỉ dặn em có thế. Người ta bảo chớ tin rằng cháu khỏi thực. Người ta lại bảo bao giờ cũng nên chiều ý cháu, nhất là việc gả bán.

Ông Phủ tức:

– Nếu không dễ nó lại phát điên chắc! Gớm, họ dọa thế mà chú cũng tin à?

Bà Phủ nói:

– Mà cũng được ông ạ! Mấy đám dạm nó trước, ta chọn lấy một chỗ xứng đáng, rồi trả lời người ta chứ gì.

– Nhưng mà nên để cho người ta nhắc mình, chứ ai lại gả tống gả tháo đi như thế, con mình như vàng như ngọc, nào có phải của bán rao!

Ông Tham xám ngoét mặt thưa:

– Bẩm anh chị. Em nói thực điều này; chắc anh chị không bằng lòng em.

– Được chú cứ thử nói.

– Bẩm anh chị, cháu Nga sở dĩ chịu uống thuốc, mà ngày nay khỏi được, là toàn ở công người học trò tên là Chi.

Ông Phủ nghĩ rồi hỏi:

– Tức là cái thằng xấc láo ngày hôm ấy, con nhà đồ Sơn ngoài kia ấy à?

– Dạ.

– Thế thì khó gì, để anh cho nó đồng bạc.

Bà Tham thở dài, bà Phủ hỏi:

– Đồng bạc đáng công đấy, thím nhỉ?

– Dạ.

Ông Tham lườm vợ một cái rồi nói với ông Phủ:

– Bẩm anh, công của nó như thế thì rất to. Hay nói ngay rằng nếu không có nó, thì cháu Nga hiện nay tất vẫn còn điên, hoặc sẽ chết. Nghĩa là thằng Chi đã cải tử hoàn sinh cho cháu Nga.

Ông Phủ bĩu môi nói:

– Nhà không đầy phúc, thì có họa thánh chữa! Chú ạ, anh vẫn tin rằng sau cháu cũng sẽ khỏi kia mà.

Bà Phủ tiếp:

– Vả không tốt lễ thì có mà khỏi đấy!

Thấy câu chuyện đi xa đầu đề dần, ông Tham nói:

– Bẩm anh chị, em cho phép thằng Chi vào dỗ cháu Nga, thật là trăm tội với anh chị.

– Thôi, nhưng mà cháu khỏi, anh chị mừng mà quên cái lỗi của chú. Chú thím chớ quan tâm.

– Bẩm thế nghĩa là em vẫn theo lời ông Đốc tờ.

Ông Phủ nhăn mặt:

– Thôi được, biết rồi. Chú đừng nhắc lại nữa mà!

– Dạ. Bẩm anh chị cho nên em tưởng theo lời Đốc tờ dặn bảo mà giữ gìn cho cháu cẩn thận thì hơn.

Ông Phủ ngẫm nghĩ rồi nói:

– Được. Anh chị sẽ lưu tâm.

Rồi một lúc ông vẩn vơ tiếp:

– Nhưng anh chỉ chưa bằng lòng vì nó còn đang đi học. Giá nó đỗ Tú tài rồi thì hay.

Ông Tham hởi dạ như vừa trút được gánh nặng. Nhưng một câu nói của bà Phủ kéo ngay ông lại với cái lo lắng trước.

– Con cụ Tuần ấy hả?

– Phải.

Ông Tham thở dài nói:

– Bẩm anh chị, con ai thì con, em thiết tưởng gả chồng cho cháu thì nên tùy ý cháu. Mình làm cha mẹ, cốt xem cái đứa hỏi cháu có ngoan ngoãn hiền lành, có nhân cách không thôi là đủ.

– Nhưng cũng phải con nhà đăng đối với nhà mình mới được.

– Bẩm anh, em tưởng cần nhất là hai đứa đăng đối với nhau trước đã, hễ chúng nó bằng lòng nhau là hơn. Như cháu Nga, lấy chồng là lấy cho cháu, thì anh chị nên tùy cháu, cho cháu cái quyền được lấy chồng!

– Chú nói rất phải, nhưng lệ ta, trong việc gả bán, người ta chọn dòng giống, cần hơn chọn người.

– Bẩm anh...

– Tổ tiên làm thế, mình phải theo thế chứ. Nhà người ta thế nào thì mặc kệ. Nhưng nhà ta nếu không chọn kỹ, thì họ hàng, làng xóm, thiên hạ người ta cười cho.

Ông Tham thấy ông Phủ nói át đi, rất thất vọng. Nhưng ông cũng cứ thưa:

– Bẩm anh, em tưởng giá trị một người là chính ở người ấy. Ngay như nghề làm quan, nhà nước chỉ dùng người có tài, thế thì việc hôn nhân, chỉ nên chọn người chứ không nên chọn gia thế.

Ông Phủ đáp:

– Chọn gia thế, có nhiều lợi, chú không biết. Một là con nhà thế phiệt bao giờ cũng dễ làm nên. Dễ làm nên vì học hành có đất. Dễ làm nên vì thế lực của ông cha. Hai là nếu không làm nên quan tư gì thì nó có sẵn của cải, hương hỏa, đủ suốt đời no ấm.

– Nhưng mà lỡ nó chơi bời phá của thì em tính núi cũng phải hết.

– Ồ! Nhiều ông quan giàu lắm, chú không rõ à? Các ông ấy có hàng dãy nhà ở Hà Nội, không kể tiền gởi nhà băng, đồn điền, và ruộng nương ở nhà quê nữa. Con cháu phá mấy đời cho hết. Vả lại mình gả làm gì cho những đứa phá gia?

– Nhưng mà em tưởng bây giờ có người con trai thật tốt bụng, ngoan ngoãn, có nhiều đức tính, nhất là có nhân cách, mà mình trông chừng nó có thể làm nên, nghĩa là nó sẽ có cái tương lai rất tốt đẹp không kém con nhà quan, thì mình gả cũng được. Bởi vì một người đàn bà có chồng, thì người ta theo chức vị của chồng, mà gọi là bà Đốc, bà Tham, bà Huyện, chứ có ai dòm đến ông cha mà gọi là bà con dâu cụ Thượng, cụ Tuần bao giờ!

Ông Phủ hiểu ý cười hỏi:

– Chú có đám nào muốn ghép cho cháu Nga chứ gì?

Ông Tham hơi vui đáp:

– Dạ, bẩm anh vâng.

– Thế thì chú cứ nói, việc gì phải rào đón cẩn thận như vậy.

– Bẩm anh, em xem ra cháu Nga cũng đã bằng lòng đám ấy.

Ông Phủ hơi đổi sắc mặt mà trên trán nổi lên vài nét giăn, nhưng ông gượng hỏi:

– Chú cứ nói.

– Bẩm anh nó đã đỗ ở trường Bưởi. Mà có thể theo học đến kỳ cùng. Người ta kỹ sư, tiến sĩ, thì nó cũng có thể kỹ sư, tiến sĩ.

Ông Phủ gật đầu?

– Được, nó là con ông nào? Chú cứ nói rõ.

Ông Tham ấp úng:

– Bẩm anh, đó là một điều phụ.

– Thì chú cứ nói đi.

– Bẩm cha mẹ nó cũng nhà Nho nhưng chẳng đỗ gì cả.

Ông Phủ cười, cười như được nghe ông Tham pha trò rất mặn mà vậy. Ông Tham ngượng nghịu, bà Tham vừa nóng ruột vừa lo cho chồng, nhìn chồng như có ý thúc giục.

– Bẩm anh người học trò ấy...

Nói dở câu, ông Tham run lên. Ông Phủ cười nốt một mẩu con con nữa rồi hỏi:

– Người học trò ấy chú biết?

– Dạ. Cho nên em rất thương yêu nó.

– Cái đó cố nhiên. Không thương yêu sao chú nói hộ nó.

Rồi ông cười ha hả.

– Bẩm anh, nó tức là đứa đã cải tử hoàn sinh cho cháu Nga.

Bầu không khí trong buồng bỗng thay đổi một cách đột ngột, một tiếng đập bàn, làm ba người giật mình đánh thót. Ông Phủ trừng trừng đứng phắt dậy, nhìn ông Tham, mắng:

– Ra cháu vừa khỏi điên thì đến chú! Nhà ta vô phúc lắm rồi! Rồi ông run lên ngồi phịch xuống ghế.

Bà Phủ chạy lại đỡ. Ông Phủ vừa thở vừa nói:

– Thảo nào, chú ấy đấn đo mãi! Trời ơi! Chú ấy xui tôi dâu gia với con mẹ bán hàng xôi chè! Chú Tham!

– Dạ.

– Thế chú có nhớ thày ông ngày xưa làm gì không?

– Dạ. Bẩm anh có.

Bà Phủ can:

– Thôi ông nói khẽ kẻo người nhà đầy tớ nó biết. Thôi, chú im đi, kẻo anh giận.

Ông Tham nghẹn lời. Bà Tham lại gần chồng, bấm khẽ vào vai một cái. Nhưng trí xét đoán của ông Phủ rất nhanh, nên ông dịu ngay mặt bèn hỏi:

– Anh hiểu cả rồi, tất còn điều gì nữa, chú nói nốt đi.

– Dạ bẩm anh quả có. Thằng Chi rất đỗi thương cháu Nga, mà cháu Nga cũng muốn trả ơn nó. Bẩm anh, hai đứa rất yêu nhau, mà cháu nhất định đòi lấy nó.

Ông Phủ giật mình kêu:

– Ối trời ơi!

Bà Phủ ngơ ngác nhìn ông Tham như mới được nghe thấy chuyện ma quỷ. Ông Phủ lại hỏi:

– Anh biết rồi, nhưng còn nữa, chú phải nói hết.

– Bẩm anh, bẩm anh thằng Chi làm được cho cháu Nga khỏi, là vì nó đã phải làm cho cháu đỡ uất lên vì tình.

– Ối trời ơi!

Rồi ông Phủ như không còn hơi để quát tháo nữa, ông ôm đầu, vuốt ngực. Bà Phủ lăm đăm con mắt nhìn ông Tham. Một lúc như mê sảng, ông Phủ lại hỏi một cách đáng thương:

– Còn gì nữa không? Chú ơi!

– Dạ. Bẩm anh chị...

Rồi ông vừa nói tiếp, vừa lau nước mắt:

– Bẩm anh chị, bây giờ cháu có mang với nó.

Như bị sét đánh ngang tai, ông Phủ ngấc lên, lả người, suýt ngã và rên rỉ:

– Chú giết anh!

Bà Phủ rú lên và ngã lạng xuống.

– Ối!

Ông Tham chạy lại đỡ anh. Bà Tham ôm lấy chị. Vừa lúc ấy, Nga ở ngoài đẩy cửa vào, thấy cái cảnh thê thảm của cha mẹ, thì không tài nào cầm được nước mắt. Nàng nức lên ôm lấy cha mẹ rồi cũng ngã gục xuống gạch. Ông Tham bà Tham nhìn cháu chán nản, lắc đầu và thở dài...

XIV

CHÉN THUỐC RỬA NHỤC

Mấy hôm nay, ông Phủ không ra công đường nữa. Nhục lắm, ông chẳng muốn trông thấy một ai. Tuy việc Nga có mang, ông bà không dám lộ cho ngoài biết, vậy mà ông cũng tưởng như ai ai cũng rõ cả đầu đuôi rồi. Ngày nào cũng vậy, suốt từ sáng đến tối, các cửa nhà tư đều đóng kín. Người nhà, lính tráng thì thào với nhau là quan se mình. Nhưng kỳ thực, tuy ông Phủ nằm bẹp dí trên giường thật, song ông không ốm. Ông không ốm, mà ông vẫn rên. Đó là ông thở dài, rên rỉ.

Cái buồn bực, cái đau đớn làm cho ông mấy ngày hôm nay tốn bao nhiêu nước mắt. Ông nghĩ đến ông cha, cực lòng, ông chỉ muốn thác cho rồi. Còn gì ái ngại cho bằng một người đã già lại mếu máo, khóc lóc! Mấy bữa cơm, ông bỏ hẳn. Ông khấn trời cho ông được ốm, để sớm về chầu tổ tiên.

Nhưng mà thương hại thay, ông chẳng được ốm thật. Ngày nào ông cũng trông thấy mặt con gái ông. Cái hình ảnh đứa con chửa hoang, chỉ tổ thêm nhắc cho ông bao nhiêu nỗi đứt ruột.

Từ hôm ông Tham về Phủ đem cái tin sét đánh ấy, ông Phủ bắt Nga ở nhà. Song ông cấm chỉ không cho Nga được dàn mặt.

Ông giận em, giận con và đay nghiến vợ. Ông như phát điên đến nỗi không nghĩ được cách gì trừng phạt tội nhân cho đích đáng. Cho nên ông chỉ nhầu gan nẫu ruột về nghĩ mà tin rằng nhà ông đã đến lúc hết phúc rồi.

Buồng Nga ở ngay cạnh buồng ông nằm, nên thường nàng ra vào bị cha sỉ nhục luôn. Thấy cha đau đớn vì mình, Nga cũng chỉ muốn chết. Một đằng thất hiếu với mẹ cha, một đằng thất vọng vì tình duyên, nay cố nhiên đã lỡ bước, nàng quyết không sao trọn vẹn được mặt nào.

Bởi vậy, trông Nga càng tiều tụy. Những lúc nghĩ thấm thía, nàng chỉ còn cách nằm vắt tay lên trán mà khóc thầm. Hiện nay, Chi được nghỉ hè về nhà, nhưng tuy hai người gang tấc mà thật là quan hà. Nga muốn nhắn cho Chi biết tin mình một tí, song không có dịp, và cũng không thể có dịp.

Những lúc nghe cha rên rỉ ở buồng cạnh, Nga lại chạy ra xun xoe đứng bên. Nhưng ông Phủ hễ thấy mặt con, thì nhăn mặt, xua tay, tựa như nhìn thấy một vật nhơ bẩn. Ông van lơn nói:

– Tao lạy mày, mày tránh ra. Mày tha cho tao. Mày đừng giết tao. Mày dàn mặt tao, tao trông thấy mày, thì tao chết mất!

Nga nghe lời nói, như bị nhát dao đâm vào ruột vào gan. Nàng cho đời mình quạnh hiu quá. Ở giữa gia đình mà nàng cô độc lạ lùng. Ông Tham không dám về Phủ nữa. Mà chỉ có chú, họa may mới có thể về hùa với nàng và khuyên can cha được mà thôi. Ấy là nói có thể, chứ chắc gì cha Nga nghe theo. Nhưng giá ông Tham có dám năng đi về, thì dù ông Phủ chẳng cho nàng được kết hôn với Chi, song nàng cũng hình như được có người bênh vực, và biết đâu, cha nàng cũng đỡ giận, đỡ ghét một chút.

Vả lại, mẹ nàng lại đi vắng. Nàng không hiểu là đi đâu cả. Cứ nàng đoán, thì là bà về nhà quê, vì chắc là cũng đau đớn không kém gì ông, nên không muốn lộ cho mọi người biết là trong nhà có xảy ra việc quan trọng đến nỗi cả mọi người nằm bệt như ốm.

Mẹ Nga tuy không nghiêm khắc quá như cha, nhưng đến nỗi nước này, dù người nhân từ đến đâu, cũng không thể tha thứ được.

Bởi vậy, Nga càng thương cha mẹ. Nhưng thương cha mẹ bao nhiêu, nàng lại thương Chi bấy nhiêu. Thật ra nàng chẳng hối tí nào. Nàng chỉ oán cái gia thế và cái lòng câu nệ nhút nhát của bọn con ông cháu cha. Vì có nó mà cha nàng phải làm nô lệ cho cái luân lý vô nghĩa. Vì có nó mà cha nàng khinh miệt hết cả hạng người nghèo hèn. Vì có nó mà, than ôi! Tình duyên của nàng đến nỗi ngang ngửa, một đời dở dang.

Rồi Nga hồi tưởng lại những ngày vui vẻ cùng Chi. Thương hại thay, lúc nào Chi cũng tỏ ra là hèn nhát, sợ hãi, cam chịu phận thấp hèn. Cả đến dạo Nga điên gần khỏi, thấy Chi hết lòng trông nom săn sóc, thì chính Nga khơi mào cho Chi khỏi e lệ rụt rè. Chính nàng đã khêu gợi, giục giã Chi mạnh bạo tiến lên con đường tình để cùng nàng thỏa mãn thú nhục dục.

Mà sở dĩ nàng dám cả gan như thế, là do nàng đã cảm lòng Chi quá, đến nỗi quên cả việc xảy ra bất ngờ.

Vả lại, nguyên nhân chỉ bởi Nga coi Chi là người, cũng là người như Nga, hơn nữa, Chi lại có những đức tính và tư tưởng hơn người.

Thế thì giai cấp không thể thắng cái lòng trọng nhân cách người của Nga được.

Những lúc nghĩ đến cha, Nga thấy cha như cái trở lực kéo Nga lại và đặt Nga ngồi vào khuôn khổ cũ. Song đến khi đứng trước ái tình, nàng không còn thấy một sức nào có thể ngăn cản được lòng. Vì vậy nàng mạnh bạo đạp đổ giai cấp đi.

Thành ra bây giờ, hiếu chẳng xong, tình chẳng vẹn, cũ không dứt, mới không xong. Nga như bị đẩy cả ra ngoài bốn cái vòng, vòng tình, vòng hiếu, vòng cũ, vòng mới. Thật là một chiếc thuyền nan bị sóng gió tứ tung.

Nga mong gặp mẹ để khóc lóc, kể lể, gợi mối từ tâm, may mà mẹ thương tình được phận nào thì nhờ phận ấy. Rồi dần dần Nga xin mẹ nói với cha cho nàng được lấy Chi, vì đã trót thì phải trét. Nhưng mẹ Nga đi vắng mãi chẳng về.

Một hôm Nga đánh bạo, rón rén đến cạnh cha, ngó dòm vào giường. Nàng thấy cha lim dim ngủ, nằm quay vào trong, mặt mũi hốc hác hẳn đi. Nàng cảm động lắm, thở dài một tiếng rất mạnh.

Ông Phủ mở choàng mắt, chợt giật nẩy mình. Chắc ông không ngờ chỉ được quên đời một lát để sống lại bằng tưởng tượng những ngày đáng tiếc đã qua, mà lúc mở mắt ra, ông lại thấy ngay cái nhục nhã của gia đình sừng sững ở trước mặt.

Nga nhăn nhó, thưa:

– Bẩm thày, me con bao giờ về ạ?

Ông Phủ nhắm mắt, không đáp.

– Bẩm thày, me con bao giờ về ạ?

Bỗng ông nhổm phắt dậy, trừng trừng nhìn Nga,và nghiến răng:

– Nga, mày bêu riếu mẹ cha, làm nhục ông bà ông vải!

Nga cúi mặt. Hai dòng nước mắt ràn rụa như mưa.

– Chú Tham giết tao, giết cả danh giá của gia đình. Mày làm đến nỗi tao không mặt mũi nào dám trông thấy người khác nữa. Bây giờ mày nghĩ thế nào?

Nga vẫn cúi mặt, không đáp. Vì Nga không dám trả lời thật điều Nga nghĩ.

– Mày nghĩ thế nào? Con bất hiếu kia... Mày không trả lời phải không? Đáng lẽ tao đem mày trôi sông. Đáng lẽ tao cho mày một phát đạn...

Nga nức lên, ôm mặt thổn thức khóc:

– Bẩm thày, con tưởng con đã trót đi như thế này thì...

– Phải, mày trót! Giá mày trót có mang với những đứa con nhà sang trọng thôi thì tao cũng nhắm mắt nhắm mũi gả tống gả tháo mày để che mắt thế gian. Nhưng mày đổ đốn với con con mẹ hàng xôi chè ở phố Phủ? Xôi chè! Phố Phủ!

Ông dằn bốn tiếng sau cùng, rồi hu hu lên khóc, và nằm vật xuống. Rồi ông hổn hển nói:

– Nếu tao biết tao đẻ ra mày để tao thấy cái nhục nhã này, thì thà tao bóp mũi mày chết ngay từ ngày lọt lòng cho xong!

Nga cảm động quá, đến nỗi rợn tóc gáy. Ông Phủ lại tiếp:

– Mày rồi khổ suốt đời con ạ. Cá không ăn muối cá ươn. Phương ngôn nói chẳng câu nào sai cả. Rồi mày chỉ suốt đời lấy lẽ người ta thôi, chứ đứa nào dại mà rước đến cái thứ mày nữa!

Nghe đến tiếng lấy lẽ, Nga ngẩng phắt đầu nhìn cha, vì nàng không hiểu cha nghĩ thế nào. Ông Phủ bảo:

– Rồi chiều nay, me mày về, thì tao bảo gì mày không được trái lời.

– Dạ.

Đáp xong, Nga phân vân. Có lẽ đó là một việc quan trọng. Nàng lo sợ lắm.

Chiều hôm ấy, quả nhiên bà Phủ về. Nga ra đón chào, mà không sao vui vẻ được. Nga nhận vẻ mặt mẹ thấy tươi tỉnh, chứ không tiều tụy quá như hôm nọ thì mừng thầm. Nhưng mà Nga không được hỏi chuyện riêng mẹ câu gì, vì cha nàng đã đuổi nàng vào trong buồng. Nàng cố ý tò mò, lắng tai nghe, thì thấy cha mẹ thì thào với nhau những gì lâu lắm. Rồi một lúc, trong nhà có mùi khói củi. Nàng ngó ra, thấy mẹ đương lúi húi dóm cái hỏa lò, mà bên cạnh đặt một siêu thuốc. Nàng yên chí rằng thuốc bổ của cha. Nàng đấn đo, rồi chạy ra, làm đỡ mẹ, nhưng cha nàng quắc mắt lên, trỏ tay quát:

– Đi vào! Không việc gì đến mày.

Len lén, Nga thở dài đi vào. Rồi cảm vì nỗi bị cha mẹ bỏ, nàng nằm trên giường, thút thít khóc.

Một lát, Nga nghe tiếng giày lại gần. Nàng ngẩng đầu dậy, thì mẹ nàng đã ngồi cạnh. Nàng biết chắc mẹ sắp nói cho nghe việc gì đây. Quả vậy.

– Thày me tuy giận con, nhưng vẫn thương con lắm, con ạ. Con trẻ người non dạ, chỉ tại chú Tham xui dại nên mới bị lầm lẫn như thế này, đến nỗi con khổ một đời.

Nga thở dài:

– Bẩm me, chỉ tại con, chứ chú con vô tội. Me đừng đổ oan cho chú con.

– Lấy nó, thì không đời nào thày me cho phép con đâu. Con đừng mong hão huyền nữa.

Như bị sét đánh ngang tai, Nga phải chống tay xuống chiếu cho khỏi ngã. Bà Phủ tiếp:

– Thế này thì con còn thể nào lấy được người tử tế. Ai người ta lấy con làm vợ cái con cột nữa. Mà cái đời làm lẽ, khổ nhục trăm phần, con ạ. Nhưng mà...

Đến đây, bà Phủ động lòng, lấy vạt áo lau nước mắt:

– Bẩm me, thế thì con quyết xin cô độc suốt đời.

– Không ở vậy được. Vả nói vậy mà thôi, chứ con không đến nỗi phải làm lẽ đâu. Thày me phải tính cho con được bằng người mới được. Rồi có ông Huyện, ông Phủ nào góa vợ, thì thày me cũng cố đánh tiếng để người ta biết mà hỏi con làm kế. Vậy thì con cũng thể làm nên được bà nọ bà kia, danh giá, con ạ.

Nga lắc đầu, như ghê sợ những câu nói của mẹ.

– Thế nhưng mà, úi chà! Khổ quá! Nếu người ta thấy con có con riêng, thì khó lòng!...

Rồi bà để cho Nga ngẫm nghĩ một lúc. Trong khi ấy, Nga chẳng ngẫm nghĩ gì, nàng chỉ cố mong cho mẹ nói nốt.

– Cho nên thày me định bịt hẳn chuyện này đi. Chốc nữa, me cho con uống thuốc thì con uống nhé.

Nga sửng sốt, hỏi:

– Bẩm me, thuốc gì?

Bà Phủ ghé tai, nói nhỏ:

– Cho cái thai nó ra, con ạ.

Nga rùng mình, nhìn mẹ, kinh ngạc. Nga run lên, không ngờ đâu cha mẹ mình lại đang tay làm một việc đại ác, vì không muốn cho con kết hôn với một người chẳng được đăng đối về gia thế.

Đánh liều, Nga nói:

– Bẩm me, con tưởng thế thì không hợp với nhân đạo.

Bà Phủ dằn dỗi:

– Thế thì mặc xác cô! Cô không muốn hay thì cô liệu hồn. Tôi bảo cô thì cô phải nghe. Cô phải biết cha mẹ cô khổ nhục về cô, tôi phải thân hành đi lấy thuốc cho cô, lại thân hành sắc cho cô. Cô không nghe, đã có thày cô trị tội.

– Bẩm me...

Nói đến đây, Nga nghẹn lời, bật khóc. Bà Phủ đay nghiến:

– Đó là một chén thuốc rửa nhục, nghe chưa? Rồi mày ễnh ruột mày ra! Mày bêu riếu cha mẹ họ hàng. Mày báo hiếu thế à? Rồi người ngoài người ta đào bới xới trộn mả ông mả cha lên có hiểu không? Nhân đạo với chả nhân đức gì!

Nga lau nước mắt, nằm vật xuống giường. Bà Phủ giận quá, đi ra.

Từ lúc ấy, Nga thấy lạnh toát người, như bị sốt rét. Trời ơi! Chén thuốc rửa nhục! Nàng không hiểu sao cha mẹ lại bắt nàng làm những việc ghê gớm đến thế. Có nên nghe hay không? Nàng lo sợ và thương hại cha mẹ. Rồi, bị bao nhiêu nỗi thất vọng giày vò, nàng lấy bút giấy, nhất quyết viết thư cho Chi:

Anh Chi.

Em lấy làm đau đớn mà nói với anh rằng quyết em không thể nào trọn kiếp với anh được. Chẳng hay anh có thể tưởng tượng được cái cảnh thương tâm trong gia đình em từ khi thày me em biết tin em có mang với anh không!

Bụng thày me em như sắt đá không thể chuyển được anh ạ.

Đã ngót một tuần lễ nay, em không dám dàn mặt thày em lâu. Mà thày em thì như bị ốm, suốt ngày nằm gí.

Bây giờ me em bắt em uống thuốc thôi thai! Có khổ nhục không, anh?

Trời đất ơi! Mấy ngày hôm nay, em chỉ sống bằng nước mắt, em chắc anh nghe thấy tin này, cũng phải rùng mình kinh sợ như em! Thì ra thày em muốn dắt em vào vòng luân lý, lại phải mưu làm một việc vô nhân đạo.

Em hiện nay bất lực. Đành bó tay chịu chết một bề, không biết làm thế nào được. Viết thư cho anh, mà hở những lời oán trách cha mẹ, em biết đã làm một điều lỗi, nhưng đến lúc này, em than thở cùng ai?

Vậy thì gặp anh, em quyết không thể được nữa. Một là em sống, hai là em chết. Song em sống cũng như chết. Vì sống, tất thày me em lại tìm những nơi quyền quý mà gả cho xứng đáng với con cháu nhà.

Cho nên thư này, anh coi như bức thư cuối cùng, như bức thư tuyệt mệnh. Coi đời ái tình của đôi ta, không ngờ nó chết yểu. Thì em xin anh cũng coi em như đã chết với ái tình. Nhưng mà anh Chi của em ơi! Đời em như thế là đủ. Em được anh yêu quý, em được là vợ anh bấy nhiêu ngày, dù em có chết cũng không ân hận tí nào nữa.

Em không muốn gợi lòng thương của anh, mà khóc lóc, hoặc dùng những lời thảm thương trong thư này, vì em đã sai ước cùng anh. Vậy em chúc anh cứ sống vui vẻ, mà quên hẳn em đi.

Còn như em, em quả quyết đến tận cuối cùng để đạt hi vọng riêng được chút nào hay chút nấy. Anh đọc thư này, nếu không thấy cảm động, thì anh nên yên chí rằng em anh vẫn còn can đảm. Em anh can đảm để chịu cái khổ nhục của một nạn nhân của tư tưởng giai cấp trong gia đình chuyên chế, của một người lênh đênh giữa bể mà biết bao phong trào mạnh mẽ đã gây nên những ngọn sóng cồn.

Vĩnh quyết anh

NGA

Viết xong, Nga gọi Sen, cho một hào, và khẽ bảo:

– Mày giấu giếm bức thư này cho kỹ, rồi có lúc nào ra phố, thì đưa cho anh Chi con bác đồ Sơn nhé.

Sen vâng. Nhưng nó vừa ra khỏi buồng, thì một tiếng quát làm Nga rụng rời:

– Sen!

Nga run như cầy sấy. Bà Phủ hỏi:

– Cô bảo gì mày?

– Dạ bẩm bà lớn, không ạ.

Nhưng đã biết rõ cả, bà lấy phất trần vụt nó một cái, quắc mắt nói:

– Con này man trá, muốn sống thì đưa cái thư đây.

Nga lạnh toát cả người. Sen đưa thư cho mẹ Nga rồi sợ hãi đi ra. Bà Phủ chạy thốc đến giường ông Phủ tru tréo:

– Trời đất ơi! Ông thử đọc xem nó nói với nhau những gì! Ra con Nga nhà này ghê gớm thực!

Nga rụng rời chân tay mê lên. Nàng ôm đầu, trống ngực thình thình, rồi lên giường nằm thẳng cẳng như chết...

XV

LÒNG CHA MẸ

Bị tóm được bức thư viết cho Chi, Nga đâm liều, đành chờ một phen đánh chửi nhục nhã. Nhưng năm phút, rồi mười phút, Nga cố lắng tai, mà chẳng thấy cha mẹ đả động một lời. Nàng đoán chắc cha mẹ đã ruồng bỏ, mà không hơi đâu dạy đứa con hư đốn.

Một lát, có tiếng động, nàng ngẩng đầu dậy, thấy mẹ bưng bát thuốc vào.

– Nga!

Đáp tiếng gọi, Nga khẽ thưa uể oải ngồi dậy, tay vấn đầu. Bà Phủ nói:

– Con hư dại, thày me đã tha tội mà không nói nặng nửa lời, thì thôi chứ, sao trên má con còn ngấn nước mắt thế kia?

Nga thở dài hỏi:

– Bẩm me, me cho con cái gì đó?

– Thuốc này tự me phải lên tận Hà Nội, nhờ một ông danh sư bốc cho. Me lại thân hành sắc cho con, thì con phải uống.

– Bẩm me, con không uống.

Thấy con quả quyết, bà Phủ rưng rưng nước mắt, dỗ dành:

– Con dại quá, con ơi! Con đã một lầm hai lỡ, mà chẳng may bụng mang dạ chửa, tức là con đeo một vết nhục suốt đời cho cha mẹ, họ hàng. Người ngoài càng thấy con là con nhà dòng dõi, người ta càng cười. Thà con là con thằng cu bố đĩ, thì con chửa hoang, người ta chẳng nói làm chi. Vậy con cố uống, uống để giữ vuông tròn tiếng tăm cho cả nhà cả họ.

Nga khăng khăng đáp:

– Me để con chết còn hơn bắt con làm một tội đại ác.

Bà Phủ lại ôn tồn:

– Còn về phần con, me đã giảng cho con ban nãy rồi. Nếu con làm được cho cái thai nó ra, thì sau này con mới mong lấy chồng ông nọ ông kia được. Nhược bằng đứa con nó sờ sờ ra đó, ngộ sau này có ai hỏi con, mà người ta thấy rằng con chửa hoang với con con mẹ

hàng xôi chè ở phố Phủ, liệu người ta còn màng nữa hay không? Vậy con nên biết rằng lòng cha mẹ thương con, dù thế nào cũng muốn cho con sung sướng nên mới phải giả dối như thế. Con không nên phụ lòng cha mẹ.

Nga khóc, khẽ hất tay mẹ ra. Bà Phủ biết ngọt không được, bèn bảo:

– Me nói mà con không nghe, thì me nhường cho thày con bảo con vậy.

– Bẩm me, con dám nói rằng không ai bắt nổi con làm điều trái ngược.

Bà Phủ tức, nghiến răng, day dứt:

– À, mày muốn giở lý sự phải không? Thế cái bụng mày ễnh ra thì ai bắt. Phỉ hổ!

Nói đoạn, bà chạy ra nhà ngoài nói với ông Phủ:

– Nhất định nó không uống. Đấy, tôi để phần ông dạy nó.

Rồi lập tức, Nga nghe tiếng giày cha đi vào. Nàng sợ hết hồn.

Ông Phủ tay cầm chiếc roi song, trỏ vào mặt con hỏi:

– Mày có uống hay không thì bảo, con kia!

Nga nhìn cha bằng đôi mắt nần nì, rồi chấp tay, lạy lấy lạy để:

– Lạy thày, trước khi thày trừng phạt con bằng cách nào thì trừng phạt, thày me cho con bẩm một điều: Một là con chết, hai là thày me cho con được kết hôn với người mà con đã có mang.

Ông Phủ hét:

– Con này gan thật!

Rồi ông quay lại bảo bà:

– Bà chạy ra ngoài dặn người nhà lính tráng, cấm không đứa nào được lảng vảng gần đây! Rồi bà đứng ngoài ấy mà canh.

Đoạn ông hung hăng hỏi con:

– Mày có uống hay không?

– Thưa thày, nếu uống để xóa cái vết ái tình cũ, để mưu một cuộc nhân duyên mới, thì con không muốn thày me mang tiếng giả dối, tàn nhẫn.

– Nhưng mày sẽ được sung sướng!

– Bẩm thày, thày me cho là sung sướng, chứ nếu con không được trăm năm với một người bạn ý hợp tâm đầu, thì con cho là khổ sở.

– Nhưng cái thằng ấy là thằng con nhà dân, con nhà nghèo, nghe chưa?

– Nhưng con tưởng miễn là người ấy cho con được hạnh phúc.

Hai mắt đỏ ngầu ngầu, ông Phủ gõ roi vào đầu Nga, hỏi:

– Mày có uống hay không? Nói ngay! Tao không lý sự nữa.

Nga khóc lóc:

– Con lạy thày.

Ông Phủ trợn tròn xoe mắt, dữ dội như con cọp muốn nuốt chửng lấy Nga cho hả giận:

– Mày có uống hay không?

Nga vừa chắp tay lạy vừa sụt sịt đáp:

– Lạy thày, thày tha tội cho con. Con không uống.

Đét!

Một vết roi quật mạnh vào lưng Nga. Nga đau quặn, nhăn mặt. Ông Phủ lại hỏi:

– Mày có uống không?

– Bẩm thày, thày đại lượng cho con.

Đét! Đét!

– Đại lượng thế chứ còn thế nào nữa? Tao hết sức thương mày mà mày không biết. Uống ngay đi!

– Bẩm thày, con nhất định không uống.

– À gan à! Này!

Đét! Đét! Đét!

Nga tối tăm mặt mũi, nằm vật ra, rên rỉ:

– Con lạy thày. Trời đất ơi!

– Ngồi dậy, cầm ngay lấy bát thuốc!

– Bẩm thày con đã quyết không uống.

Ông Phủ hăng tiết, lập tức chạy ra ngoài, rồi vào ngay, Nga thoáng thấy cha cầm một vật gì đen lay láy:

– Mày có uống không?

Vừa hỏi, ông Phủ vừa giơ tay kề sát thái dương Nga. Nga nhìn kỹ bỗng rùng mình. Ngọn súng lục.

Nga run bắn người lên.

Ông Phủ tay giơ súng, tay bưng bát thuốc, hất hàm hỏi:

– Mày có uống không? Nếu không tao không tiếc mày nữa!

– Bẩm thày, thày muốn giết con, con xin vâng.

– A, con này gan liều!

Rồi ngẫm nghĩ một lúc, một ý kiến vụt nẩy ra trong óc ông, ông bảo:

– Nếu mày không uống, tao phải gọi thằng Chi vào đây, để nó cho mày uống. Nó đã tài cho mày uống thuốc, mà lần này không bảo được mày, thì tao sẽ cho nó một phát đạn.

Thấy nói đến Chi, bỗng Nga động tâm.

Ông Phủ biết lời nói của mình có công hiệu, bèn tiếp:

– Một là mày uống, hai là thằng Chi chết. Mày chọn đằng nào. Nói ngay!

Nga run run, giơ tay ra, đỡ lấy bát thuốc.

– Thày me chuộng chỗ quyền quý quá, khinh chỗ nghèo hèn quá, mà để khổ cho con.

Nói xong, Nga để bát cạnh môi. Mấy giọt lệ theo nhau dòng dòng chảy xuống hòa với nước thuốc.

Nhưng nàng kinh tởm. Nàng kinh tởm việc uống thuốc cũng như cái kết quả của thuốc. Nàng kinh tởm sự chuyên chế của gia đình nó làm nàng tủi nhục. Bỗng nàng thổn thức khóc, gào lên khóc. Bát thuốc suýt nữa rơi. May quá, ông Phủ vội vàng đỡ ngay được:

– Bà đâu?

– Dạ.

Bà Phủ hớt hải chạy vào. Ông bảo:

– Bà phải thân ra phố, lôi cổ thằng con con mẹ bán xôi chè vào đây.

Bà Phủ ngơ ngác:

– Thưa làm gì thế ạ?

Ông Phủ trợn mắt:

– Bà hãy lôi cổ nó vào đây đã. Con bé nó cứng đầu cứng cổ lắm. không dạy được.

Bà Phủ vội vã vấn lại khăn, mặc áo lụa và cầm hộp trầu bạc.

Có từ trong phủ ra nhà Chi, bà cũng đi xe, xe nhà. Bà vẫn thế. Bà chẳng đi bộ đến đâu bao giờ, dù có gần.

Xe bà đỗ ở cửa nhà bác đồ Sơn. Bác đồ đang ngồi hàng, đứng dậy khúm núm chào. Trái lại, mặt có vẻ sát khí đằng đằng, bà quý khách

đi thẳng vào trong, khiến bác đồ chẳng hiểu việc gì cả. Người lính kéo xe cũng lấy làm ngạc nhiên. Một vài đứa trẻ quây lại xem.

Nhưng Chi hiểu ngay rằng việc chẳng lành. Bởi vì, dù có lời hứa chắc chắn của ông bà Tham tán thành việc hôn nhân, dù có mối tình tha thiết, cương quyết của Nga đối với mình, dù chàng đã đỗ Cao đẳng tiểu học, nhưng chàng cũng chẳng hi vọng việc trăm năm với Nga được như ý. Chàng thương Nga và yêu Nga. Nhưng càng thương yêu bao nhiêu chàng càng lo buồn bấy nhiêu. Nhất là từ hôm đưa tin cho Nga biết rằng chàng thi đỗ đã về, mà không được câu trả lời của Nga, chàng đoán tình thế trong gia đình Nga đã trở nên nghiêm trọng.

Ông bà Tham, lúc về Hà Nội, chàng có trông thấy hai người khi qua nhà chàng. Hai người cùng có vẻ mặt rầu rầu. Như vậy, chàng biết là thất vọng và rất đau khổ.

Chi đứng dậy chắp tay chào bà Phủ.

Bà Phủ ngắm chàng từ chân đến đầu bằng đôi mắt thù hằn, hỏi:

– Mày là con con mẹ này phải không?

Chàng chưa kịp đáp, bác đồ Sơn đã trả lời thay:

– Lạy bà lớn, con chúng con đấy ạ.

Bà Phủ đứng im một lát, rồi quay lại bác đồ Sơn hách dịch hỏi:

– Thế mẹ con nhà mày còn đợi gì mà không mời tao ngồi?

Bác đồ Sơn run sợ, xoa hai tay:

– Lạy bà lớn, bà lớn tha tội, rước bà lớn ngồi ạ!

Bà Phủ nhìn quanh, vớ lấy quyển sách của Chi đang đọc, đặt ở dưới, và ngồi lên trên. Bởi vì bà cho rằng chiếu bẩn. Bà hỏi:

– Thằng kia, sao mày dám hỗn láo với cô?

Chi xám ngoẹt, run run. Bác đồ Sơn ngạc nhiên nhưng nghĩ ra ngay, vội vàng đáp:

– Lạy bà lớn, ngày ấy chúng con đã mắng cháu rồi. Cháu dại dột, xin bà lớn đánh cho chữ đại xá.

Bà Phủ lại nói:

– Học hành gì thứ mày, đồ du côn! Sao mày không nghĩ đến tương lai, ở nhà mà đi gồng gánh đỡ mẹ mày? Mà con mẹ mày cũng ngu như chó ấy.

Chi cười chua chát đáp:

– Thưa bà lớn có điều gì xin nói với tôi, mẹ tôi không có lỗi.

– À mày giở bướng. Mày vào ngay trong phủ quan truyền.

Tức đầy ruột, Chi nói:

– Chốc nữa tôi vào. Không có việc gì cần cả.

– Thằng Lại đâu, lôi cổ nó đi cho tao.

– Muốn mời tôi vào, thì nói tử tế tôi sẽ đi, tôi không làm gì nên tội, không ai bắt được tôi cả.

Nói đoạn, Chi mặc áo, và đi trước bà Phủ.

Thực ra, trong bụng chàng rối như mớ bòng bong. Chàng biết rằng lần này đi là vào hang cọp. Nhưng dù nguy hiểm, chàng cũng cứ đi, đi để được biết tình cảnh của Nga, và chịu chung với Nga những nỗi đau đớn. Chàng cũng vui lòng.

Chi đến sân công đường, thì xe bà Phủ cũng vừa tới. Chàng theo bà vào nhà tư.

Chàng không chào ông Phủ. Nhưng ông Phủ không để ý đến cử chỉ ấy. Ông nhìn Chi, ngầu ngầu hai mắt, sừng sộ kể tội:

– À, thằng này, mày hỗn láo. Mày muốn sống hay muốn chết.

– Thưa quan lớn, câu quan lớn hỏi, chúng tôi tưởng là thừa, vì không ai dại đến nỗi muốn chết.

– Sao mày dám hỗn láo với cô. Mày có biết cô là con tao không?

– Thưa, tôi vẫn biết...

Chàng nói chưa hết, bỗng cánh cửa buồng mở toang, Nga chạy ra, tóc rũ rượi, ngồi phệt xuống đất, chắp tay, cúi đầu, lạy như tế sao:

– Lạy thày, lạy me, thày thương hại cho hai chúng con. Thày cho sống hai chúng con cùng sống, thày bắt chết, hai chúng con xin chết ngay.

Rồi nàng ngẩng bảo Chi:

– Anh lạy thày me đi!

Chi bối rối, không biết làm thế nào, thì ông Phủ đập bàn:

– Hai chúng con! Con này to gan thật! Tao gọi nó vào đây, là bắt nó cho mày uống thuốc. Thằng kia, mày phải bảo cho nó uống hết bát thuốc, không có tao cho mày một phát đạn, mày quyến rũ con tao.

Nói đoạn, ông đứng dậy, mở tủ lấy khẩu súng lục và bà Phủ đặt bát thuốc lên bàn.

Nga khóc lóc:

– Anh ơi, cực nhục lắm, thuốc thôi thai đấy.

Chi nhủn cả người, đầu óc choáng váng. Ông Phủ nói:

– Tao không muốn có thứ máu tanh thối trong người con gái tao. Thằng kia! Trông khẩu súng này đây. Mày muốn sống thì bảo nó uống.

Chi đáp:

– Cô Nga có uống hay không là tùy quan lớn, chứ tôi không thể nhẫn tâm. Còn như quan lớn bảo tôi quyến rũ thì thực quan lớn lầm.

– Lạy thày, trăm tội ở như con. Chú thím con đã bẩm thày hết. Ngoài con không ai có lỗi cả.

– Tao gọi thằng này vào đây, không phải để nghe chúng mày lý sự. Con kia, mày có uống hay không?

Nga đứng dậy nói:

– Lạy thày, con đã trót yêu người ta, con đã trót có mang với người ta, con xin thày thương hại con, thày để con sống. Rồi thày từ con, thày đuổi con, con cũng cam lòng.

– Tao từ mày, tao đuổi mày, để mày đi bêu riếu tao nữa phải không? Mày có uống hay không?

Nga gạt nước mắt:

– Không. Nhất định con không uống. Nhất là thày giết con.

Chi đứng cạnh, bâng khuâng, lòng thổn thức. Chàng thương Nga, cảm động mối tình tha thiết của Nga đối với chàng. Chàng muốn khóc. Nhưng trước cái cảnh tàn nhẫn này, chàng không sao có nước mắt được. Ông Phủ cầm súng lục, trỏ vào Nga hung hăng hỏi:

– Có thật mày gan không?

Nga đáp:

– Vâng, xin thày cho hai chúng con, mỗi người một phát đạn.

Nhưng ông quắc mắt nhìn Chi:

– Mày phải bảo nó uống.

– Thưa tôi không bảo.

– Mày không bảo phải không?

Nói vậy, ông giơ súng về phía Chi, ngón tay trỏ mấp máy cò. Chi hoa mắt. Nhưng chàng đứng gan. Ai nấy im phăng phắc. Chỉ một cái bóp khẽ là kết liễu một đời người.

Ông dí súng vào thái dương Chi, quả quyết nói:

– Tao đếm đến ba, mày phải bảo nó, không thì tao nhất định bắn.

Rồi dằn từng tiếng, ông đếm:

– Một!... Hai!....

Tức thì Nga cuống quýt, lăn xả vào bát thuốc.

– Lạy thày, vâng, vâng, con xin uống.

Ực! Ực! Ực!

Nàng uống để cứu Chi. Đối với nàng, có thể ông Phủ không nhẫn tâm. Nhưng đối với Chi, thì ông bắn thật, nếu ông không bảo được,.

Chi ứa nước mắt. Đứt từng khúc ruột.

Độ ba giây đồng hồ. Nga nhăn nhó thở khà một tiếng, rồi bỏ rơi cái bát xuống gạch. Nàng nhắm mắt, chạy vào buồng, nằm gục xuống giường cố thọc tay vào miệng để nôn. Nhưng không thể. Nàng chỉ ọe khan. Thuốc không theo ra được.

Thất vọng, nàng đập phá lăn lộn như điên như cuồng.

XVI

NHỮNG NGƯỜI THUA TRẬN

Suốt đêm hôm ấy, Nga không ngủ được, mà trên mặt gối, lúc nào cũng đầm đìa những lệ.

Đến gần sáng, nàng thấy gây gây sốt.

Hôm sau, nàng mãi không dậy, Bà Phủ vào đánh thức, hỏi:

– Con thấy thế nào?

– Bẩm me, con sốt.

Bà Phủ sờ đầu con, kinh hoảng, gọi ông. Một lát ông mới vào, thản nhiên hỏi:

– Nó có nóng lắm không?

Bà Phủ thở dài lắc đầu:

– Nóng. Có lẽ nhiều xạ hương quá.

Rồi hỏi Nga:

– Con có nhức đầu không?

– Bẩm óc con như bị búa bổ.

Bà Phủ rầu rầu nhìn chồng:

– Thôi, đích thuốc công quá.

Ông Phủ không nhìn Nga, ung dung đi ra, như chẳng quan tâm về bệnh chút nào.

Nga sốt nặng dần, sốt li bì, không biết gì nữa. Mà bệnh tăng rất chóng.

Bà Phủ thì áy náy, lo lắng, thường vào thăm Nga luôn. Thấy Nga bất tỉnh nhân sự, bà chỉ thở dài.

Độ mười giờ, Nga nói mê nói sảng. Ông Phủ hỏi bà Phủ:

– Nhà có trứng gà không?

– Có.

– Cho nó ăn sống. Cách ấy rất thần hiệu. Nhưng mà...

– Nhưng mà làm sao?

– Nó nôn hết thuốc mất.

Bà Phủ giày vò:

– Ông biết cách chữa mà bây giờ ông mới bảo thì còn ăn thua gì!

Ông Phủ lạnh lùng cười lạt.

Nga ăn trứng gà sống. Nhưng không công hiệu. Mỗi lúc nàng lại sốt nặng thêm, mà nói lăng nhăng luôn miệng. Thỉnh thoảng nàng mới hơi tỉnh. Nhưng lúc tỉnh thì nhăn mặt, ôm đầu, kêu nhức óc.

Có một lúc Nga buồn chân tay. Đập lên giường, thì đụng phải bà Phủ. Nàng mở mắt lờ đờ nhìn mẹ líu lưỡi nói:

– Con chết mất, me ạ.

Rồi quả nhiên, nàng thiếp đi.

Một lúc lâu, có những tiếng văng vẳng, làm Nga bàng hoàng. Nàng tỉnh dậy, lắng tai. Tiếng kêu ngay ở buồng cạnh. Nàng nghe rõ lắm.

– Ối, con lạy quan lớn.

– Mày không biết dạy con mày, để con mày hỗn láo!

Nga ngẫm nghĩ, đoán chắc là bác đồ Sơn bị cha Nga hành tội. Như quên cả bệnh tật, nhọc mệt, Nga cố gượng lần dậy, xuống đất, nhìn qua cửa kính. Thì quả nhiên một người đàn bà què một tay, đương lăn lộn

dưới đất, cuống quýt giơ một tay ra đỡ đòn. Cha Nga thì vừa tát, vừa đấm, vừa đá. Một lát, bác nằm còng queo, không kêu được nữa.

Bên cạnh bác, Chi bị xích tay, vẻ mặt tức tối.

Nga động tâm quá chừng. Nàng hăng hái, cố dùng hết sức còn lại để ra được đến chỗ diễn tấn thảm kịch. Mọi người thấy Nga, đầu tóc rũ rượi, đều kinh ngạc.

Ông Phủ trỏ Nga, bảo Chi:

– Mày làm con tao thế kia. Mày có biết không? Nếu tao không đại lượng tao đã cho hai mẹ con mày mỗi đứa một phát súng.

Dứt lời, những ngọn roi song như mưa xuống đầu, xuống mặt và xuống mình Chi. Chi cuống quýt không thể đỡ được vì tay mắc xích.

Nga rung động cả tâm can. Nàng lăn xả vào ôm lấy người yêu, the thé kêu van để chịu thay những vết roi oan nghiệt. Nhưng hết cả hơi sức, nàng ngã gục xuống, mà tay vẫn với, vẫn quờ, vẫn đỡ cho Chi. Trái lại, ông Phủ thấy cảnh như chọc mắt, càng đánh, đánh túi bụi, đánh như không biết chán tay.

Quá lắm, Nga thở hồng hộc, thiếp đi. Mà Chi cũng không biết gì nữa. Hai người âu yếm ôm nhau để cùng chịu đòn. Thực là một cảnh diễn cái sức mạnh của tình yêu.

Cả ngày hôm ấy, Nga chẳng ăn một miếng cơm, miếng cháo nào. Mình thì nóng như lò than. Hai môi khô se, nước bọt đặc sít. Bệnh lại nặng hơn.

Thỉnh thoảng, nàng mới thở dài một tiếng, rền rĩ kinh hồn, và vật tay mạnh xuống giường, ấy là nàng hơi tỉnh.

Chỉ những lúc ấy, bà Phủ mới hỏi con xem thấy trong mình thế nào. Nhưng nàng không đáp. Kỳ thực nàng có hiểu gì nữa đâu.

Nỗi thương tâm và trận đòn trong lúc nàng ốm, lại làm nàng kiệt sức, vì vậy bệnh nàng chóng kịch liệt.

Cho nên bà Phủ vừa lo lắng, vừa hối hận. Ngay từ chập tối, bà ngồi ở đầu giường Nga mà nghe nàng rên. Đã mấy lần, bà bàn nên đánh xe, đưa nàng đi Hà Nội để chữa, nhưng ông Phủ thản nhiên đáp:

– Để xem đã.

Ông Phủ ở nhà ngoài, thỉnh thoảng mới vào thăm con, song lúc nào cũng có vẻ bận tâm nghĩ ngợi một điều gì mà ông không nói ra vậy.

Đến nửa đêm, Nga rên to quá. Tiếng rên đều đều, liền liền nhau, nghe rất sợ.

Bà Phủ soi đèn, thấy mắt Nga lờ đờ ngủ gà. Giật nẩy mình, bà thò tay vào chân nàng, thì bà rú lên gọi:

– Ông ơi! Hỏng mất.

Nhưng không thấy tiếng đáp, bà chỉ một mình nước mắt chạy quanh, gọi:

– Nga, con ơi. Con sống với thày me nhé.

Rồi xúc động quá, bà mếu máo gọi:

– Ông ơi, ông vào đây với tôi.

Tiếng Nga rên bé dần, mà trong buồng chỉ có một mẹ một con.

Bà thò tay vào sờ đùi Nga, rồi thất vọng, gọi dồn:

– Nguy đến nơi rồi, ông vào đây với tôi, xem còn có thể chữa được không.

Không thấy ông vào, bà tưởng ông đã nằm nghỉ.

Rồi tuy biết Nga chẳng còn hiểu gì, bà cũng cứ giảng cho con rõ cái bụng dạ trung hậu để nàng khỏi oán hận cha mẹ đến lúc chết.

– Con ơi, có phải thày me giết con đâu! Con sống ở lại với thày me mà hưởng những sự sung sướng. Con là con quan, thì con lại được làm dâu quan, vợ quan. Thày me không để con phải khổ đâu con ạ.

Tiếng Nga rên thưa dần. Nàng há hốc đôi môi xám ngoẹt, khò khè thở.

Trong buồng, cái gì cũng tăng vẻ kinh khủng. Ngọn đèn phừn phựt như run rẩy. Đồng hồ tích tắc như tiếng gót người chạy trốn. Con chuột rúc, con mối kêu. Não nùng.

Ngoài góc thành, con cú rít một hồi ghê hồn trên cây gạo.

Bà Phủ trống ngực đập mạnh, gọi ông, ông vẫn mặc kệ, chưa vào. Bà dỗ dành Nga:

– Sống mà sung sướng con ạ. Thày me không bắt con lấy những đứa bần tiện đâu mà.

Một tiếng thở dài, Nga không rên nữa. Lòng trắng mắt lộn lên. Nàng im lặng chẳng khác gì cái thây ma.

Bà Phủ sụt sùi, lay gọi con. Song nàng bất tỉnh, mềm như sợi bún. Rồi bỗng một tiếng nấc, nàng thở hộc ba tiếng. Cái bông để ngoài lỗ mũi không phập phào bay nữa.

Mặt cắt không được hột máu, bà Phủ lẩy bẩy xỏ chân vào giầy, chạy ra nhà ngoài định đánh thức ông để báo tin dữ dội.

Nhưng ông Phủ đã đi ngủ đâu. Vẫn ngồi nghiêm chỉnh như lúc chập tối, ở trên ghế mây cạnh bàn, ông cúi đầu tựa tay vào má như để trầm ngâm hoặc chờ đợi. Thấy bà ra, ông thất vọng, ngẩng mặt, lắng tai. Bà đến gần nắm tay ông, trợn mắt, mếu máo nói:

– Hỏng rồi ông ạ! Làm thế nào?

Nói xong, bà lăm đăm nhìn ông.

Ông Phủ cũng nhìn bà, rồi chớp mắt mấy cái. Đoạn vẫn lạnh lùng, ông ung dung đứng dậy, vừa vào buồng Nga, vừa thốt ra một tiếng thở dài ở tận đáy lòng sắt đá:

– Thôi được, càng đỡ nhục!...

Đăng dần trên *Tiểu thuyết thứ bảy*, 1935; in trọn trong *Phổ thông bán nguyệt san* số 34, ra ngày 1-5-1939

ÔNG CHỦ

(Tiểu thuyết - Trích)

Ông chủ bắt đầu đăng trên *Tiểu thuyết thứ bảy* từ số 53 (ra ngày 1-6-1935). Sau in thành sách chung với *Bà chủ* cùng tác giả (Nhà xuất bản Đời mới, Hà Nội, 1944).

Vợ chồng anh đĩ Nuôi làm tá điền cho ông chủ ấp, quanh năm đầu tắt mặt tối mà vẫn công nợ ngập đầu. Anh phải vay thóc ông chủ và chịu lãi rất nặng. Đến ngày đầy tuổi tôi con trai ông chủ, vợ chồng anh bế con đem lễ đến mừng. Thấy chị đĩ có nhan sắc, ông chủ nghĩ ngay cách thỏa mãn dục vọng. Ông giữ chị lại và đêm ấy định giở trò bỉ ổi, nhưng chuyện không thành. Ông bịa chuyện mất trộm, rồi gán cho người vú em ăn cắp để đuổi đi, sau đó, ép chị đĩ Nuôi đến thay. Không nghe không xong, chị đành xa con xa chồng lên ở vú nhà ông chủ. Nhưng ông chủ đâu chỉ cần chị ở vú! Sau lần cãi nhau với vợ khiến bà bỏ đi, ông chủ cứ vào buồng vú em gạ gẫm chị. Chị rất lo sợ và hết sức đề phòng, nhưng lại bị người nhà ngờ oan... Anh Nuôi ở nhà nuôi con, không thấy vợ gửi tiền về, lại nghe nói vợ anh đã thành "bà chủ" vội vàng lên tìm nhưng không được gặp. Nỗi nghi ngờ càng tăng, về nhà thì đứa con lên sài vài ngày rồi chết, anh càng đau đớn, lại lên tìm vợ lần nữa. Chờ ba ngày mới thấy bà chủ về. Bà túm lấy anh: "Mày thông với vợ mày rút ruột ông mày!". Rồi bà sai đầy tớ trói anh vào gốc cây, đánh anh đến chết. Chị đĩ cũng bị bà chủ đuổi đi. Về đến nhà, con đã chết, lại biết chồng đang đi tìm mình, chị lên nhà ông chủ tìm anh. Bà chủ nói dối là anh bị cảm nắng vừa chết. Và bà "làm phúc" cho cỗ ván, lại cho chôn nhờ vào ruộng nhà bà... Chị đĩ chỉ còn biết khóc lóc và hết sức cảm kích trước cái ơn trời bể của bà chủ!...

Ông chủ là truyện dài đầu tiên trong văn học công khai thời đó đã đề cập trực diện đến mối xung đột giai cấp giữa nông dân và địa chủ ở nông thôn. Tác giả đứng hẳn về phía người nông dân bị áp bức bóc lột và lên án mạnh mẽ bọn địa chủ dâm ô tàn ác. Tuy thể hiện người nông dân còn sơ lược, có chỗ chưa chân thật, nhưng nhìn chung, *Ông chủ* là một tác phẩm hiện thực tiến bộ đương thời.

Ông chủ gồm 8 chương. Dưới đây trích các chương II, IV, V và VIII.

II

MÁ ĐÀO - MẮT XANH

Sáng hôm sau hai vợ chồng đĩ Nuôi đi từ lúc mờ mờ đất. Mặt trời lên cao dần, chói lọi. Đường qua các bờ ruộng rất khó đi. Chị đĩ Nuôi bế con sã cả cánh tay, mồ hôi nhễ nhại. Hai má chị đỏ dừ. Vai áo ướt đầm.

Anh đĩ Nuôi, tay xách khăn gói, thấy vợ có dáng mệt nhọc thì an ủi:

– Đi một thôi nữa thì đến. Hẳn hôm nay ông vui vẻ, ngọt ngào chứ không gắt gỏng như mọi bận.

Vợ anh nhìn anh, tươi cười rồi bĩu môi đáp:

– Lấy đường để hòa vào lời nói, thì làm gì mà chẳng ngọt ngào!

Rồi chị cười xòa đắc chí.

Một lúc anh đĩ Nuôi lo lắng, dặn vợ:

– Hễ ông bà có hỏi u nó xuống từ bao giờ thì u nó cứ bảo mới từ tháng trước nhé.

– Ừ, nhưng lỡ ông nhớ mặt tôi vì đã gặp một lần, thì sao?

– Không. Nhớ sao được. Mà hễ ông có hỏi han công việc của tôi, thì u nó cứ nói không biết nhé.

– Ừ.

– Tại ngày mùa vừa rồi, tôi gặt lúa về nhưng đem giấu đi một chỗ, thành ông không bắt nợ được. Ông dọa rồi vụ này sẽ cho người đến gặt lấy. Khi tính hết nợ cũ rồi mới để phần cho mình gặt.

Chị đĩ Nuôi nhìn chồng, kinh ngạc:

– Thế thì còn phần mình gì nữa! Ông ấy lấy nợ thì hết. Mình thành ra công cốc.

– Cần gì, hãy biết thế. Rồi mình có cách khác.

Vợ thở dài, bảo chồng:

– Nghèo mà làm ruộng cho những ông chủ ác, thì mình chỉ làm đầy tớ không công mà thôi. Họ bóp mình quá bọn Tây đen cho vay lãi. Dạo tháng hai, thầy nó vay của ông chủ mấy thùng thóc giống?

– Cấy năm mẫu thì vay năm thùng.

– Năm thùng. Sao ông ấy tính giá 0,50 đồng một thùng, mà nhà cũng chịu? Rồi đến tháng mười, ông ấy lấy gấp đôi, tức là mười thùng. Nhưng ngày mùa, thóc chỉ bán được có 0,35 đồng một thùng. Tính ra mình phải nộp ngót 15 thùng à?

Chị đĩ Nuôi lắc đầu, chép miệng, nói tiếp:

– Cũng may mình không thuê trâu đấy. Giá thuê nữa thì chết!

– Phải, mỗi con trâu mua độ 20 đồng mà mình thuê từ tháng hai đến tháng mười phải trả bằng thóc cũng đến 15 đồng ấy.

– Chết thật! À, mà nhà ta còn vay ông thóc ăn đấy nhỉ!

– Phải, vay năm mươi thùng. Rồi cũng phải nộp gấp đôi. Nhưng tính giá thóc tháng mười thì cũng ra gấp ba! Ấy mình lại nai lưng cật sức làm lấy, nên không tốn kém lắm. Lại còn vay đóng thuế, mỗi mẫu 2,50 đồng, rồi cũng phải nộp gấp ba như lối vay thóc giống, thuê trâu ấy.

– Hỏng! Thế này thì làm ruộng càng ngày càng nợ vào mất.

– Biết vậy mà vẫn cứ phải theo đuổi. Thì nó cũng như đánh bạc, gặp năm thóc cao, thì tha hồ sung sướng.

– Nói làm gì sung sướng vội, hãy mong hết nợ chủ cũng đã khó lòng. Thế sao năm nào cũng có người nợ, mà ông chủ vẫn cho người ấy cấy?

– Không cho làm thì làm thế nào? Để người ta nộp dần chứ đòi ruộng thì mất nợ à!

Chị đĩ Nuôi lau mồ hôi, đổi tay bế con rồi hỏi:

– Liệu thầy nó xem làm lụng có đủ ăn, không có thì trốn biệt quách đi một chỗ có hơn không? Tội gì đeo đuổi mãi cái nghề vất vả này!

Anh đĩ Nuôi lắc đầu:

– Không thể được. Được ông chủ tin mà giao ruộng cho làm, cũng đã khó lắm rồi. Bây giờ đi nơi khác, ai người ta biết mình là thằng cha căng chú kiết nào mà tin? Rồi lại bỏ về chủ cũ, thì ai thừa ruộng mà giao cho mình nữa. Vả làm ăn có giấy má. Ngay từ mình vay một hai đồng cũng còn phải làm giấy má cẩn thận, nữa là. Thôi, chủ nào chả thế.

– Thế ra mình chỉ làm cỗ sẵn cho ông ấy xơi thôi!

– Thì mình không tiền nên phải chịu vậy, chứ sao!

– Nhưng sao thầy mày vay lắm thế?

– Tôi có muốn vay đâu, nhưng ông cứ bắt vay.

– Thế à? Sao lại chịu.

– Không chịu thế, ông đòi lại ruộng, thì mình chết đói.

Chị đĩ Nuôi buồn rầu:

– Thế thì hẳn kiếp trước mình nặng tội, nên bây giờ mới phải đầy làm kiếp điền tốt không có vốn như thế này đấy.

Rồi hai vợ chồng cùng thở dài, buồn rầu, nghĩ ngợi. Đồng lúa mới cấy xanh rờn, rập rềnh theo gió. Mùi thơm đưa thoang thoảng. Chị đĩ Nuôi cười, trỏ tay, bảo chồng:

– Công mình mà người ta ăn. Thật là dại.

Anh đĩ Nuôi cau mặt:

– Thôi, không nên nói nhiều! Nhất là mình đã gần đến nơi rồi.

– Sợ gì, chỗ này có ai nghe tiếng mà cần?

– Nhưng cũng không nên nói mà nó quen mồm đi. Lỡ rồi đến đó cũng buột miệng ra thì chết! Nhờ người ta còn oán người ta.

– Tôi xem thế này thì mình suốt đời làm đầy tớ. Giá có nghề nghiệp gì khác mà kiếm ăn còn hơn.

– Thôi, không nói nữa. Kìa, con chó con nó nhìn tôi, nó cười kìa.

Chị đĩ Nuôi ghé môi, hít vào má con bé. Con bé nhảy nhót trên tay mẹ, cười sằng sặc, giơ tay đằng trước, ê ê với bố. Anh đĩ Nuôi vui vẻ bảo vợ:

– Từ ban nãy đến giờ, nói chuyện tiền nong, lúa má, chán chết lên ấy. Để bụng mà đùa với con có hơn không!

Rồi anh giơ tay âu yếm bế con đỡ vợ.

Mặt trời lên cao. Ánh nắng rọi xuống, nắng như lửa.

Hai vợ chồng đi một chốc thì đến đường quành, bỗng anh đĩ Nuôi dừng lại, bảo vợ:

– Thôi nhé, ông kia kìa.

Đằng trước, một người mặc áo gấm lam, đội mũ vải vàng vành to tướng, đương chỉ trỏ bảo mấy người đứng trước mặt, tiếng nói sang sảng.

Anh đĩ Nuôi đưa con cho vợ bế, giở bọc ra lấy khăn chụp vào đầu, rồi lấy áo dài vải thâm ra mặc. Chỉ một lát trông anh đã khác hẳn mọi khi.

Rồi hai vợ chồng lại đi, cùng lộ vẻ lo lắng.

Tới gần ông chủ, anh đĩ Nuôi chắp hai tay vái.

Ông chủ gật đầu, đi vào.

Chị đĩ Nuôi theo ông chủ. Chị nghĩ lại cái mặt đen sạm của ông mà sợ. Chị nhìn vườn tược nhà cửa, rộng rãi, mát mẻ mà tủi thân. Đàn chó xồ ra sủa vang. Cái Đĩ khóc thét lên. Anh đĩ Nuôi quay lại, trợn mắt, hất hàm bảo ý vợ. Chị đĩ Nuôi vội vàng bịt mồm con lại.

Lên thềm nhà, ông chủ bảo:

– Vào đây.

Rồi ông mở cửa. Anh đĩ Nuôi theo vào, bảo vợ đứng đợi ở hiên. Chị đĩ Nuôi ngồi phục xuống đất, trật vú cho con bú. Liếc mắt vào trong nhà, chị thấy chồng luống cuống tìm cái khay, rồi đặt hai gói đường, và gãi tai nói gì khẽ lắm. Chị vơ vẩn nhìn xung quanh. Dưới bếp, người đi kẻ lại tấp nập. Chị đoán chắc hôm nay được ăn cỗ to.

Bỗng chị nghe thấy chồng nói:

– Bẩm lạy ông, ông không thương, thì con đến bán cả vợ con đi cũng không đủ nộp ông.

Một tiếng gắt:

– Mặc kệ mày!

Chị run sợ, lắng tai, rồi đứng dậy, ngó vào. Chị thấy chồng chị lạy van ông chủ hoãn cho món nợ, và khất đến tháng mười. Chị thở dài, bụng bảo dạ: "Chả cho khất thì bắt bò người ta chắc!".

Rồi chị nghe thấy tiếng lanh lảnh:

– À, đĩ Nuôi đấy à? Lấy vợ đã có con mà không cho ông bà được miếng trầu!

Chị giật mình đánh thót. Rồi chồng chị ngó cổ ra, gật đầu gọi vào. Chị khúm núm chắp tay chào. Chị thấy mặt ông chủ vẫn còn xám ngoẹt vì tức giận, nhưng bà chủ vừa ra, tươi cười, nói:

– Nhà mày có gì mà bày vẽ. Chúng mày nhớ ngày đầy tôi anh bé, đến đây là đủ rồi, nghe chưa!

Anh đĩ Nuôi hoàn hồn, cười lại, gãi tai:

– Dạ, lạy ông bà, gọi là thế, chúng con thấy ông bà thương, cũng chẳng dám mua bán cái gì.

Ông chủ sau khi nhìn kỹ chị đĩ Nuôi thì dịu cơn giận nên mắng:

– Chúng mày bày vẽ lắm. Tao không bằng lòng!

Rồi ông gật gù nói với bà:

– Hai vợ chồng nhà này khá đấy!

Thấy chủ khen, anh đĩ Nuôi mừng lắm.

– Dạ.

Bà chủ bảo:

– Chốc nữa xuống dưới nhà mà uống nước nhé.

Nói xong, bà vào. Trong nhà bỗng im lặng.

Hẳn ba người, mỗi người đều luẩn quẩn nghĩ khác nhau.

Ông chủ nhìn chị đĩ Nuôi một lúc rồi dịu dàng hỏi:

– Con bé con được mấy tháng?

Rồi ông gật gù đứng dậy, đến gần nó vỗ vào má nó. Một chốc ông tươi cười, bảo chị đĩ:

– Xuống nhà mà ăn trầu uống nước. Sáng mai về có được không?

Anh đĩ Nuôi phân vân, rồi đáp:

– Bẩm ông, chẳng mấy khi chúng con hầu hạ ông. Nhưng nhà chúng con tối nay không ai coi, chúng con xin phép ông đến chiều cho chúng con về.

– Ta muốn vợ chồng nhà mày hãy ở đây, để làm giúp, vì hôm nay ta mời nhiều khách. Trong hai người, có ai ở lại được không?

Chị đĩ Nuôi bấm chồng, ghé vào tai nói thầm:

– Thày nó ở lại, tôi về.

Rồi chị thưa:

– Bẩm ông, nhà con ở lại hầu ông cũng được.

Ông chủ hai mắt nhìn xuống, không đáp. Một lúc ông bảo:

– Chúng ta chỉ cần người ở lại để trông nom cơm nước dưới bếp, rồi rửa bát, vậy chị ở lại có được không?

Bẽn lẽn chị đĩ Nuôi nhìn chồng. Anh đĩ Nuôi đáp:

– Dạ, bẩm được ạ.

– Ừ, thế cho xuống nhà.

Vợ chồng đĩ Nuôi lui ra, rồi đóng cửa lại, nhác trông ông chủ phúc hậu lạ thường.

Nhưng ông chủ không ngồi yên. Đợi hai người đi xong, ông rón rén, đến sau bức màn ren nhìn theo, rồi thẫn người ra mà thở dài.

Hẳn ông cảm cái nhan sắc chị đĩ Nuôi.

Rồi ông ngồi thừ trên ghế, cắn môi nghĩ có lẽ bao nhiêu mưu kế ông đã bày sẵn trong óc.

Một lát ông đứng phắt dậy, đi soi gương, chải đầu, và chụp cái khăn, vuốt ve tóc thật cẩn thận, rồi dạo xuống bếp.

Mọi người thấy ông đến, khép nép đứng dậy, ông tươi cười nhìn khắp lượt rồi hỏi:

– Nhà đĩ Nuôi đâu nhỉ.

Có người đáp:

– Bẩm ông, anh ấy mổ lợn, chị ấy ngồi kia ạ.

Ông chủ nhìn ra mé đầu hè. Ông nhìn mãi, như bị cái sức gì nó làm ông mê hồn vậy. Chị đĩ Nuôi đương ngồi phệt xuống đất, trật vú ra cho con bú.

Ông chủ chòng chọc ngắm cái ngực chị bằng đôi mắt rất đĩ thõa, rồi rón rén tiến đến gần. Lúc ấy đôi má phính của chị còn hây hây đỏ. Mắt chị nhìn con, lông mi cong lên. Hai môi đỏ chót để hở lượt răng hạt huyền làm cho cái miệng cười tươi thắm lạ. Trông chị mũm mĩm đầy đặn như người trong tranh. Bỗng chị ngẩng đầu lên, giật nẩy mình, vội vàng kéo lại yếm. Ông chủ chắp hai tay đằng sau đứng sừng sững trước mặt chị, rồi ngượng nghịu, run run nói:

– Chốc nữa lên nhà, ta giao việc cho. Bà bận lắm. Nghe chưa?

Chị đĩ Nuôi ngơ ngác, đáp:

– Dạ.

IV

MỘT TẤN HÀI KỊCH DIỄN KHÉO ĐẾN NỖI NHỮNG NGƯỜI XEM PHẢI SỢ RUN

Tấn hài kịch ấy là tấn hài kịch mất bạc. Nguyên cái kết quả của cái đêm không kết quả của ông chủ đã làm cho ông mất cái giấy hai mươi đồng.

Sáng hôm sau, vừa trên giường bước xuống đất, ông đã ngơ ngác mở các ngăn bàn và ngăn tủ, rồi gọi bà vào, bảo:

– Mợ tìm hộ tôi một tí.

– Cậu mất cái gì?

– Cái giấy hai chục. Tối qua, tôi nhớ rằng tôi để nó trên bàn, chỗ này, định cất vào tủ, nhưng rồi nhức đầu quá, nên tôi quên đi mất.

Bà chủ vội vã lục hết mọi nơi. Ông chủ đứng thẩn ra vẻ nghĩ ngợi rồi bảo:

– Nhà đông người, biết nghi cho ai bây giờ.

Bà chủ bỗng đùng đùng gọi:

– Chúng bay đâu lên cả đây tao bảo.

Tức thì đầy tớ dạ ran, ai nấy hốt hoảng. Bà nói:

– Đêm qua, ông để tờ giấy hai chục ở đây.

Ông chủ tiếp:

– Ở trên bàn này.

Bà chủ trỏ lên bàn, nói:

– Đây, ở chỗ này, mà bây giờ mất. Vậy chúng mày, đứa nào trót dại thì muốn sống đưa trả, bằng không tao sẽ căng xác chúng mày ra.

Mọi người xanh mắt, trông nhau. Ông chủ tiếc của, ngồi trên ghế, thừ mặt thở dài. Bà chủ bảo:

– Chúng bay nghĩ kỹ xem. Chúng bay ăn ở nhà này, cơm ăn áo mặc, tao tưởng ông với tao tin chúng mày ngần nào, thì chúng bay phải nên biết điều ngần ấy, cái giấy hai chục ấy, đứa nào lấy rồi nuốt không trôi đâu con ạ.

Một tên đầy tớ già, tức giận, gãi tai nói:

– Bẩm ông bà, thật chúng con không đứa nào biết gì cả.

Ông chủ cười mỉa:

– Ít ra trong bọn chúng bay cũng có một đứa ăn cắp, nếu không, sao tao lại mất tiền.

Rồi như nghĩ được một kế, ông nói tiếp:

– Bây giờ thì thế này. Hôm qua, nhà ta có trộm vào, tao cũng yên trí như là chính thằng trộm nó đã lấy cái giấy ấy, nhưng tao lại ví dụ như nó chưa đem tiền ra khỏi nhà. Vậy tao cho phép chúng bay được tìm kiếm các nơi trong hai giờ đồng hồ. Đứa nào tìm thấy, tao thưởng cho đồng bạc. Nếu đứa nào tìm thấy, lại không muốn ra mặt, thì nó cứ việc giất lên mái tranh gần cột thứ nhất ở chuồng trâu. Hết

giờ tìm, nếu tao ra chỗ đó mà thấy giấy bạc ấy thì tao sẽ cho tất cả chúng bay một đồng bạc để làm bữa rượu mà uống.

Mọi người phân vân, không biết nói thế nào cả.

Bà chủ bảo:

– Đấy, chúng bay hãy xem, như vậy mà ông vẫn còn nhân từ, thì đủ biết. Vậy không bảo nhau đi mà tìm, còn đứng đấy làm gì?

Nhưng họ vẫn không nhúc nhích. Bà chủ trừng mắt mắng:

– Mau lên, có đi mà tìm ngay hay không?

Mọi người buồn bã, lui xuống nhà dưới. Bà chủ nhìn chồng thờ thẫn thì ái ngại, chép miệng phàn nàn:

– Cậu lơ đễnh quá.

Ông chủ thở dài, nói:

– Nào ai ngờ đâu chúng nó gian giảo làm vậy. Về việc mất tiền này, tôi ngờ cho một đứa.

– Cậu ngờ đứa nào? Cậu thử nói để tôi dò xem.

– Tiền của tôi để đây, duy chỉ có đứa ngủ trên nhà này mới biết mà lấy thôi.

Bà chủ gật gù:

– Có lẽ.

– Bởi vì những đứa kia, không đứa nào dám vào đây. Nhất là từ sáng, tôi chắc chưa đứa nào lên tới buồng này cả.

– À phải.

– Thế chẳng phải nó thì là ai?

– Cậu nói rõ là đứa nào?

Ông chủ nhìn vợ, vui vẻ thì thầm:

– Con vú em có tính gian giảo, xưa nay tôi vẫn để ý.

Bà chủ cau đôi lông mi, đáp;

– Nhưng sao lại con vú em, cậu thử nghĩ kỹ xem?

– Ban nãy tôi thấy mặt nó xám hẳn đi, đôi mắt nó lấm la lấm lét. Thì nó kia mợ thử nhìn kỹ nó mà xem.

Bà chủ nhìn theo chồng, rồi nói:

– Nó có vẻ sợ hãi thật.

– Thì chẳng nó còn ai vào đây nữa. Chỉ có nó ngủ trên này, thì mới biết tôi để quên tiền mà lấy chứ. Ban nãy tôi cho đầy tớ đi tìm,

là tôi muốn làm cho phải phép, cho công bình, chứ tôi thừa biết rằng chính nó rồi. Bởi nó biết mình biết, nên nó sợ.

Bà chủ tức giận:

– À, ra quân này gớm thật!

Rồi nghĩ ngợi một lúc, bà bảo:

– Này, cậu ạ, đêm qua, nhà đĩ Nuôi cũng ngủ trên này nữa.

Ông chủ lắc đầu:

– Không, bố nhà đĩ Nuôi cũng chẳng dám vào buồng tôi ngủ.

– Hay chính nó, nên hôm nay nó mới xin về từ sáng sớm. Phải rồi...

– Không, đừng ngờ thế mà oan nó. Quanh năm nó mới đến nhà mình một lượt chẳng may mình vô ý mất tiền, mà mình lại ngờ cho nó thì lần sau bố đứa nào dám đến.

– Khoan, cậu để tôi nghĩ xem đã, nó xì xục cả đêm đấy, cậu ạ.

Ông chủ cười, nói gạt đi:

– Thì mợ tính, muỗi như trấu, nó ngủ sao được mà chẳng phải xì xục.

– Nhưng sao sáng nay nó có ý vội vàng.Tôi bảo nó chờ cậu dậy, xem có dặn gì chồng nó không mà nó không ở.

– Tôi cho là nó sợ nắng con nó. Nghi cho con vú em còn có lý hơn.

– Không, hay là tôi cho một đứa đuổi nó, khám cái đã.

– Đừng làm thế vội, để xem chúng nó ở đây rồi hãy hay. Mợ phải biết đã có một lần con vú em nó ăn cắp ống vôi của mợ, nhưng không trôi nên nó bỏ trả.

– Bao giờ nhỉ?

– Lần ấy mợ đi vắng.

Rồi yên lặng một lúc, ông chủ bảo vợ:

– Bây giờ mợ thử giả vờ đi tìm xem đứa nào lảng vảng gần chuồng trâu thì là đứa ấy lấy.

– Phải, cậu cứ ở yên trên này nhé.

Nói xong bà xuống bếp rồi ra vườn. Ông chủ ở lại, một mình trong buồng giấy. Lúc vợ đi khuất, ông bèn lẳng lặng mở tủ ra lấy một quyển sách dày. Ông mỉm cười lấy tờ hai chục ra, gấp tám lại, rồi vào buồng vú em. Một lúc lâu, ông tươi tỉnh đi ra, rồi lên giường nằm, cố lấy dáng nhọc mệt. Độ nửa giờ sau, ông thấy bà quát:

– Vú em!

Ông nhổm dậy, vui vẻ nhìn trong buồng cạnh.

Con vú em chạy tất tả lên. Bà nói:

– À ra quân này gian thực!

Ông chạy vội sang, thấy bà hầm hầm đứng khuỳnh tay vào háng, trước mặt cái thúng quần áo lục tung tóe ra. Bà chủ giơ tờ giấy bạc lên, hỏi:

– Mày nói ngay, tiền này ở đâu?

Con vú em thấy bà chủ quát tháo, nó run sợ. Nó nhìn tay bà. Khi trông rõ tờ giấy hai chục, nó không còn hồn vía nào nữa. Không thể chối cãi được, nó hu hu lên khóc. Bà chủ quát:

– Mày còn oan phải không?

Tức thì, bà quẳng cả quần áo lẫn thúng ra sân. Thằng bé con đang ngủ trong giường giật mình, khóc thét lên. Bà chủ lại quát:

– Có đường có nẻo thì bước! Tao không nuôi mày nữa.

Mọi người ngơ ngác chạy lên cả nhà trên. Ai thấy vú em cả gan ăn cắp cũng cho là sự không ngờ.

Con vú em một mực kêu oan:

– Bẩm lạy ông bà, nếu con dám lấy tờ giấy bạc này thì con không ở với chồng với con con nữa.

– Đừng nỏ mồm, mày phải bước ngay ra khỏi nhà này!

Ông chủ ái ngại can vợ:

– Mợ nên nén tâm một tí. Được, ta hãy biết rằng nó ăn cắp.

– Phải đuổi ngay nó đi, không thiếu gì đứa nuôi con.

– Thì ngày hôm nay, con mình bú bằng gì chứ?

– Cậu làm thế, không trách chúng nó lèn cậu mãi. Chúng bay tống cổ ngay con vú em đi cho tao. Đừng để nó ở đây, tao mà cáu tiết thì tao chẻ xác nó ra ngay.

Con vú em khóc mếu, giơ tay ra bế anh bé. Bà chủ hất nó ra quát:

– Không khiến.

Nó ra sân, nhặt nhạnh quần áo vào thúng rồi xuống bếp ngồi phệt ở đầu hè.

Mọi người bảo:

– Vú dại dột quá. Như người ta, thì giấu đâu chả được.

– Khốn nạn, đứa nào thù tôi nó bỏ vào, chứ tôi nghèo, phải đi ăn đi ở thực, nhưng tôi có làm giàu được bằng cái của ăn cắp đâu!

Thấy vú em mọi khi thực thà, ai nấy thở dài ái ngại hộ. Nhưng trên nhà bà chủ trỏ tay quát:

– Mày không đi phải không?

Vú em chắp hai tay lạy nói:

– Bẩm bà, con nhớ anh con lắm.

Nhưng mọi người khuyên nó nên đi ngay.

Nó nói:

– Nhờ bác, bác lên nhà bế anh bé xuống đây cho tôi dặn dò anh một điều.

Một người thở dài, lên lên bế anh bé xuống. Con vú gượng cười, giơ hai tay ra ôm chặt lấy thằng bé nói:

– Anh bú vú một bầu rồi vú về.

Thằng bé ngây thơ ngậm vú, và như mọi bận, nó giơ chân tay ra đùa với vú. Bỗng một giọt nước mắt rơi vào má thằng bé, vú em hôn hít thằng bé một hồi rồi nói:

– Anh chơi ngoan nhé, vú phải đuổi, vú không hầu anh nữa đâu.

Rồi nó lắc đầu nói:

– Tôi nhớ anh quá.

Thấy nó âu yếm, quyến luyến, ai nấy cảm động. Một lát vú em hôn thằng bé lần cuối cùng, ứa nước mắt rồi nó ngửa bàn tay thằng bé phỉ thui và dặn:

– Thôi nhé anh ngoan, vú về nhé.

Nói đoạn nó đưa anh bé cho người khác bế, rồi đứng dậy từ giã mọi người.

Lúc nó lên chào ông chủ bà chủ, ông không nói gì, nhưng bà còn tức giận, xỉa vào mặt nó và bảo:

– Tao nhân đức, không thèm bỏ tù mày, nghe chưa. Từ nay thì chừa thói ấy đi, kẻo có ngày thì chết con ạ.

Dứt tình ra đi, con vú còn nhìn vào buồng nó một lần trót, nó thấy anh bé đương nghịch ngợm con hươu bằng bông. Nó thở dài, ngậm ngùi, quay phắt mặt đi bước rảo cẳng...

V

VÚ EM

Anh đĩ Nuôi ngồi vắt chân chữ ngũ ở đầu hè, đăm đăm, nghĩ ngợi. Một lát, anh bảo vợ:

– Khó nghĩ quá. Không đi cũng khổ mà đi cũng rầy.

– Phải, từ lúc nghe tin ấy, tôi thấy thế nào ấy. Phân vân quá.

– Hãy từ chối phắt đi.

– Cũng được, song tôi ở nhà thì bố nó làm gì cho đủ ăn được. Bố nó đã vất vả để kiếm cho ba miệng.

– Rầy về nỗi mình còn nợ người ta.

– Mà bao giờ gỡ cho hết nợ. Tôi tính làm ăn thế này thì càng ngày, càng nợ vào.

Anh đĩ Nuôi phẫn thân nói:

– Biết rằng ông bà có cho công không, hay lại trừ?

– Ban nãy anh Hai bảo ông cho tiền công, chứ không trừ. Hay là bố nó cứ để tôi đi, mỗi tháng tôi sẽ được thêm ba đồng, mà bố nó thì không phải lo lắng lắm. Con mình cũng đã có thể ăn cơm được rồi.

– Đành vậy, nhưng cả nhà có hai vợ chồng và một mụn con, nay vì đồng tiền, chồng xa vợ, con xa mẹ, tôi buồn lắm.

– U nó thích đi lắm à?

Vợ nhìn chồng, cau mặt, đáp:

– Khốn nạn, đi ở làm vú em có danh giá gì mà tôi thích. Tôi chỉ muốn giúp cho bố nó đỡ phải nhọc nhằn, vả lỡ đến mùa này, mình có chịu lại chút ít thì ta khất cũng dễ. Con mình mỗi ngày một lớn, tất ăn tiêu mỗi ngày một nhiều. Thì có sạch nợ mới mong phong lưu, mình mới khỏi khốn quẫn. Còn như phải xa nhà thì chẳng nên buồn làm gì. Ta nên chịu cái nghèo là hơn.

Nói đến tiếng nghèo, chị đĩ Nuôi cảm động rơm rớm nước mắt.

Nguyên từ lúc bà chủ bắt được quả tang con vú ăn cắp cái giấy hai chục thì bà nhất định đuổi nó. Rồi bà nghe chồng cho gọi chị đĩ Nuôi đến cho anh bé bú. Nhưng vì vợ chồng đĩ Nuôi không trả lời dứt

khoát, nên ông chủ lại sai ngay anh Hai là người nhà, lập tức cưỡi ngựa đi ngay, gọi chị đĩ Nuôi một lần nữa, anh Hai buộc ngựa ở cổng, vừa bước chân vào sân, đã nói một cách giận dữ:

– Anh chị thực không biết điều chút nào. Tôi tưởng anh chị nhờ ông bà, có nhà ở, có ruộng cày, đủ ăn quanh năm, thế mà bây giờ ông bà bảo một việc không được.

Anh đĩ Nuôi cười lạt, tuy vậy mà ruột anh rối beng. Anh Hai nói tiếp:

– Đi làm vú em có gì là khó nhọc. Cái công việc ấy thực là nhàn hạ, được ăn trắng, mặc trơn. Anh chị phải biết, bao nhiêu người cậy cục đi ở vú mà không nổi kia kìa. Bà chủ thương anh chị hiền lành, thực thà, nên muốn để dành cho anh chị một chỗ mà kiếm thêm tiền để vợ chồng đỡ phải quanh năm đầu tắt mặt tối. Sao anh chị dại thế!

Rồi anh Hai nhìn chị đĩ Nuôi hỏi:

– Tôi nói thế, chị đã nghe ra chưa?

Chị đĩ Nuôi bẽn lẽn đáp:

– Anh bảo nhà tôi ấy. Tôi tùy nhà tôi.

Anh Hai quay sang anh đĩ Nuôi, hất hàm hỏi:

– Sao, anh không cho chị ấy đi à?

Thấy như bị bắt ép, anh đĩ Nuôi lại cười lạt và đáp:

– Nhưng anh tính cháu nó bé quá. Nhà tôi đi, thì ai nuôi cháu cho tôi.

Anh Hai bĩu môi:

– Một mình nhà anh có vợ đi ở vú! Gớm thật! Nói chứ, không trách người ta bảo thân lừa ưa nặng.

Vợ chồng đĩ Nuôi nhìn anh Hai, như chưa hiểu ý anh muốn nói cái gì, thì anh Hai lại tiếp:

– Này anh cứ thử cưỡng lời ông bà xem. Thật là người đời!

Nói xong, anh hầm hầm đứng phắt dậy đi ra cổng, tháo cương ngựa. Anh đĩ Nuôi luống cuống chạy theo.

– Anh hãy ngồi chơi lát nữa, cho tôi nghĩ kỹ đã.

Anh Hai cau mặt nói xẵng:

– Tôi không nói với người không biết điều! Để tôi về bẩm với ông bà. Rồi anh chẳng ra làm sao đâu, tôi bảo trước.

Anh đĩ Nuôi cố kéo tay anh Hai trở lại nói:

– Thì những việc này, anh cho tôi nghĩ đã.

– Nhưng anh bé hiện nay mệt lả, không khóc được nữa. Mà tôi đi lần trước không được việc, tôi phải mắng những gì, anh có biết đâu. Tôi tiếc rằng rồi anh hối không kịp.

Anh Hai theo anh đĩ Nuôi, vừa đi vừa nói thế. Chị đĩ đứng trong buồng nghe, ngậm ngùi hỏi chồng:

– Bố nó nói thế nào để anh Hai giận thế.

Anh Hai bảo:

– Tôi có giận đâu. Tôi chỉ bực mình vì tôi phải mắng oan mà thôi. Anh chị làm gì chẳng biết tính ông bà. Ai trái ông bà một tí, là suốt đời khổ đấy.

Anh đĩ Nuôi bứt rứt hỏi:

– Ông định làm gì tôi, anh có nghe thấy không?

– Rồi anh sẽ biết.

– Không, chỗ anh em, anh giấu tôi làm gì?

– Định ấy à? Tôi biết rằng anh không để cho chị ấy đi là muốn vợ chồng con cái ở với nhau một nhà cho vui vẻ. Nhưng mà anh phải biết rằng nếu vậy anh sẽ không có nhà mà ở nữa. Trong ngày hôm nay mà chị ấy không đến, thì mai ông sẽ cho người đến đòi nợ. Nếu anh không nộp đủ tiền, thì đồ đạc của anh sẽ bị lấy hết, mà có lẽ cả cái nhà này cũng bị đem về nhà làm củi đun.

Anh đĩ Nuôi xám mặt, thở dài, không đáp được. Bỗng rơm rớm nước mắt, anh gọi vợ ra bảo:

– U nó nghĩ thế nào?

Chị đĩ Nuôi chán nản:

– Bây giờ ruột tôi rối beng, chẳng nghĩ được gì cả.

Anh Hai dỗ dành:

– Không bằng lòng cũng không xong, thì thà cứ đi cho êm chuyện, vừa được ăn sung mặc sướng, vừa được tiền mà nuôi chồng con, vừa được gỡ dần món nợ!

Anh đĩ Nuôi cười đau đớn để giấu vẻ tức giận rồi hất hàm bảo vợ:

– Thôi được. U nó sắm sửa mà đi.

Rồi nói với anh Hai:

– Anh cứ về trước, để nhà tôi đi sau.

Anh Hai lắc đầu:

– Tôi chờ chị ấy cùng đi. Vả bây giờ chiều rồi, trùng trình tí nữa thì tối.

Chị đĩ Nuôi lẳng lặng đi xếp quần áo vào thúng, và nói:

– Gớm anh làm như đi thú không bằng. Anh cho tôi chào bà con quen thuộc, rồi dặn dò thầy nó một vài điều đã mà.

– Ồ có đi Tây đâu mà phải thế. Bất quá đi làm độ một hai năm rồi về chứ gì. Mà gần đây, thỉnh thoảng anh ấy lên thăm.

Anh để cháu nó ngủ dậy, tôi cho nó bú một bầu đã.

– Đánh thức nó dậy. Chị đừng làm tôi nóng ruột. Thế thì đến tối mất.

Anh đĩ Nuôi nói:

– Anh cứ về trước, thế nào nhà tôi cũng đi mà. Tôi đưa nhà tôi đi.

– Được, đừng sai hẹn mà khốn nhé.

Nói xong, anh Hai ra cổng, lên ngựa phi một mạch.

Anh đĩ Nuôi nhìn theo, rồi buồn bã, bảo vợ:

– Nhất nợ, nhì tội.

Rồi bước chân vào buồng, anh thấy vợ nước mắt chạy quanh, tiếng run run gọi con:

– Em ơi, dậy u bảo.

Con bé con cựa, mở mắt ra và vươn vai. Chị đĩ ôm nó vào lòng:

– Em bú u cho no đi. Từ mai trở đi, thầy nhai cơm cho em ăn nhé.

Rồi không cầm được nước mắt, chị khóc nức nở. Anh đĩ Nuôi cố nén tâm, chẳng nói chẳng rằng.

Con bé vừa bú vừa nghịch, lúc thì nhả vú ra, trỏ tay lên trời và ê ê. Chị đĩ bảo chồng:

– Tôi đứt ruột ra đi, tôi nhớ nhà lắm, nhất là con chó con.

Anh đĩ Nuôi lắc đầu, chép miệng:

– Đành vậy với trời, than thở làm quái gì. Thôi, mau mau mà đi kẻo tối.

Độ nửa giờ sau, xếp dọn xong xuôi, chị đĩ Nuôi bế con ra cổng đi trước, còn anh đứng lại đóng cái liếp cửa.

Khi thấy vợ thẫn thờ đến cổng, anh có cảm tưởng như trông thấy người ta chuyển cữu một người thân để khênh ra đồng vậy.

Từ ngày lấy nhau, chỉ lần ly biệt này anh mới thấy đau đớn. Anh đau đớn vì phải xa vợ hằng năm. Anh đau đớn vì sự ly biệt này là bị ép uổng. Nỗi nhớ thương vợ nó day dứt anh, nên anh đau đớn quá. Rồi đi theo kịp vợ, anh bảo:

– Nực cười quá, u nó đi làm, tôi đỡ vất vả, lại được tiền, thế mà tôi cứ tưởng chừng như u nó bị đày, không bao giờ gặp nữa.

– Chỉ nói dại.

Hai vợ chồng nhìn nhau, bồi hồi. Mặt trời xế. Bóng tà bảng lảng. Cỏ cây lặng lẽ như gợi thêm cho tâm sự buồn tênh.

Đi đến đầu đường, chị đĩ Nuôi quay lại nhìn cái cổng nhà, rồi thở dài:

– Sang năm tôi về, chắc những chỗ này đổi khác cả.

Chồng cười, an ủi:

– Thật là đàn bà, chỉ hay nghĩ vơ vẩn. Ta nên lẳng lặng mà chịu có hơn không. U nó ở đấy, rồi tìm những cái vui vẻ mà quên nhớ nhà đi. Tôi ở nhà chịu chăm chút nuôi con, cũng có thể quên u nó được.

– Cái đĩ con, sang năm thì nói như vẹt, và chạy lon ton tha thỉi chơi cả ngày, chẳng biết nó có nhớ mặt u nó hay lại cho là người lạ.

– Thỉnh thoảng tôi bế con lên thăm u nó mà.

– Nhưng mỗi bận bố nó lên chơi, lúc về tôi lại thêm nhớ.

– Thôi được, để tôi xem. U nó nhớ xin công hàng tháng nhé.

– Cứ tháng tháng tôi lại gởi tiền công về cho thầy nó tiêu. Ông bà chả phải chịu lại đâu mà sợ.

– Mà u nó nên cẩn thận, nhà người ta thì lắm đồ đạc, lỡ suy suyển cái gì, người ta lại đổ cho mình, như vú em trước thì khốn. Nhất là ăn nói nên giữ mồm giữ miệng, đừng tí ta tí toét nhé.

Chị đĩ Nuôi thở dài, rồi bế xốc con lên.

Ánh tà chiếu vào gáy nó. Chị lấy nón che rồi hôn hít nó, rất âu yếm. Đến sẩm tối thì vừa đến nơi.

Bà chủ trông thấy, làm mặt giận:

– Gớm, đài các mãi!

Anh đĩ Nuôi gãi tai nói lối đỡ đòn:

– Bẩm bà, nhà con nó vừa về ban sáng nên nó mệt. Chúng con định thế nào sáng mai cũng lên hầu ông bà.

Ông chủ chạy ra, trông thấy bầu đoàn nhà đĩ Nuôi, thì cau mặt nói:

– Đi làm gì mà đông thế kia cho mất công việc.

– Dạ, bẩm ông, nhà con nó nhớ cái đĩ, nên con phải đưa nhà con đi, mai con bế cháu về.

Bà chủ đổi mặt tươi cười nói:

– Mau rửa ráy, rồi cho anh bú. Tao mong mãi nhà mày. Anh thì khóc, mà nhất định không ăn gì. Anh chẳng chịu bú chực ai cả. Mãi đến ba giờ hôm nay mới chịu ăn tí bột đấy.

– Dạ!

Rồi bà chủ nói dở cợt dở thật:

– Mày mà không lện, thì gọi là thế nào đêm nay tao cũng cho nó đốt nhà!

Dứt câu, bà cười vui vẻ. Song hai vợ chồng đĩ Nuôi động tâm lắm. Chồng nhìn vợ, vợ nhìn chồng như hiểu thấu nỗi đau đớn của nhau.

Nhưng đứng trước mặt ông bà chủ, hai người cùng phải nén cái tâm sự xuống tận đáy lòng, để gượng cười, nhưng cái cười bề ngoài, nó chỉ có thể vẽ trên mặt vài nét răn vụng về, đến nỗi trông như mếu...

VIII

ÂN BỂ TRỜI

Anh đĩ Nuôi ở chờ ba hôm. Trong ba hôm trời, anh những rầu gan nẫu ruột. Anh giận vợ điên bạc, oán chủ lật lừa. Anh thấy cái đời của kẻ nghèo khó nó như cái đời bỏ đi vậy. May sao, hôm thứ tư thì bà chủ về. Anh mừng quá. Anh cố tố cáo việc riêng của ông để bà phán xử.

Nhưng mãi anh không dám dàn mặt bà, vì từ lúc về đến nhà, bà gắt gỏng ầm ỹ; bà hỏi việc này, việc nọ, bà quát tháo với cả mọi người. Thỉnh thoảng bà mắng những câu quái gở:

– Tao thì đuổi hết chúng bay đi.

Đến tận trưa, anh đĩ Nuôi đắn đo mãi, mới lên nhà trên. Thì lạ quá, bà chủ vừa thấy anh đã giở trận lôi đình. Bà xám mặt lại, nghiến răng, trỏ vào mặt anh mà nói:

– À, quân bạc, mày rút ruột tao.

Anh đĩ ngạc nhiên, run sợ, anh ấp úng đáp:

– Bẩm lạy bà, con mới đến đây vài hôm nay.

Bà chủ cười gằn:

– Lạy bà! Ra chúng bay bạc thật. Tao biết cả. Mày tưởng tao không có mắt hay sao?

Nói xong, bà đứng phắt dậy, túm tóc anh, rồi cứ lưng phát mãi.

Tuy anh đĩ Nuôi không đau, nhưng anh cũng kêu chiếu lệ. Anh chẳng hiểu chuyện gì. Anh muốn để bà chủ nguôi cơn giận, rồi hỏi xem vì sao bà đánh anh?

Nhưng, vừa buông anh ra, bà đã quay xuống bếp, gọi váng:

– Chúng mày đâu cả rồi?

Những tiếng dạ ran dưới nhà, làm cho anh đĩ Nuôi kinh ngạc. Anh nhìn bà chủ, anh thấy bà xám ngoẹt người lại và tay run rẩy.

Người nhà lục tục kéo lên. Bà chủ hung hăng nói:

– Chúng bay trói thằng này lại cho tao.

Lệnh trên ban xuống, kẻ dưới cứ việc răm rắp thi hành. Anh đĩ Nuôi lạy van rã bọt mép. Độ năm phút, anh bị gô vào cây cau phơi ra giữa nắng. Bà chủ nhìn mọi người làm xong việc, rồi khuỳnh tay hất hàm bảo mọi người:

– Chúng bay kiếm mỗi đứa cái gậy đánh thằng đĩ Nuôi ốm đòn cho tao, tội vạ đâu tao chịu.

Rồi bà trỏ vào anh đĩ Nuội mà rằng:

– Mày làm hại gia đạo nhà tao. Mày thông với vợ mày để rút ruột ông.

Anh đĩ Nuôi choáng người, đáp:

– Bẩm lạy bà, không phải thế, oan con quá. Chính con định bẩm bà việc này để bà nói chuyện khuyên can ông.

Bà chủ cười chua chát:

– À vừa đánh trống vừa ăn cướp, mày khôn thật. Nhưng tao thử xem bây giờ mày còn có khôn nữa không.

Rồi quay xuống nhà dưới bà gọi:

– Chúng bay đâu cả rồi, hay về hùa cả với nó?

Mọi người sợ hãi chạy lên, bà bảo:

– Cho chúng bay đánh sướng tay.

Anh đĩ Nuôi bị những ngọn gậy vào lưng trước còn kêu thưa, sau kêu mau dần, sau hết hơi, không kêu được nữa. Quần áo anh rách tan tành, mà bắp thịt thâm tím, đỏ ngòm những máu, bị phơi ra ngoài nắng. Anh đành liều. Anh mê lên. Anh chỉ thấy rát, anh không nghe rõ gì nữa!

Bọn người nhà trông thấy anh mà thương hại, nên đến lúc anh gục lả ra, thì họ cũng khoan tay. Nhưng bà chủ chưa hết cơn hờn, bà quát:

– Chúng bay không đánh cho nó ốm đòn, thì tao cho chúng bay một trận.

Thì vừa lúc ấy, ô tô ông chủ về. Bà chủ đương đứng khuỳnh hai tay hống hách, bà nguýt một cái, rồi đi thẳng vào. Ông chủ xuống xe, trông thấy cảnh tượng mà giật mình. Ông hiểu cả việc, ông bèn nhanh nhảu lên thềm, vào buồng vồn vã:

– Mợ đã đánh nó rồi à? Phải, tội ở nó, chứ giầy vò tôi thì oan tôi quá.

Bà chủ lặng người không đáp. Ông lại làm ra dáng vui vẻ, sán đến gần:

– Mợ ơi! Mợ giận tôi đấy à?

Bà chủ thở mạnh một cái, nói:

– Thôi, ông giết ngay tôi đi, còn về đây làm gì!

Ông chủ cười làm lành, rồi đi thong thả ra hiên. Anh đĩ Nuôi vẫn gục lả ở giữa nắng. Ông liếc mắt nhìn qua rồi vẫy gọi anh Hai, và hỏi:

– Chúng mày đánh nó có đau lắm không?

Anh Hai chắp tay gật gật nhanh nhảu đáp:

– Bẩm đau lắm vì bà truyền lệnh thế, không ai dám cưỡng.

– Phải, tội ở nó, nó đáng phải đánh.

Anh Hai nhìn chủ có ý ngạc nhiên, rồi hỏi:

– Bẩm ông, vú em đâu?

Ông thở dài:

– Em bé thì ở Hà Nội, hiện nay đã thay vú. Còn vợ nhà đĩ Nuôi thì hôm qua bị trận đòn, và bà đã đuổi đi rồi.

– Bẩm tội gì ạ?

Bà chủ nghe tiếng, trừng mắt quát:

– Tội gì, mày còn hỏi phải không? Chúng bay tệ quá. Tao biết cả. Liệu hồn.

Anh Hai sợ quá, nói lảng:

– Bẩm thế hiện nay vợ đĩ Nuôi đi đâu?

Ông chủ đáp:

– Nó về với chồng nó ở ấp. Chồng nó đến đây từ bao giờ?

– Bẩm ông, đến đã bốn hôm nay. Chắc anh ấy nghi chị ấy, rồi đến đây định bắt về.

Ông chủ cau mặt hỏi khẽ:

– Thế nó có bẩm bà gì không?

Anh Hai cười:

– Bẩm không.

- Được, hễ bà bảo gì, chúng mày phải nghe theo. Phải chiều bà hết sức, không được trái ý, nghe chưa?

– Dạ.

Ở dưới sân, anh đĩ Nuôi mở mắt, thấy ông chủ thì anh nhìn chòng chọc. Căm hờn, anh xám mặt lại, rồi như không đủ can đảm để chịu đựng thêm những nỗi đau đớn nữa, anh nhắm nghiền mắt lại.

Lúc ấy bà chủ ra hiên thấy chồng, thì hơi giận lại đầy lên đến cổ. Bà đùng đùng đến gần anh đĩ Nuôi. Bà giở hết sức ra để tát, để đánh. Rồi vừa dứt tóc, bà vừa chửi. Bà làm đủ trăm hình nghìn tội. Anh đĩ Nuôi hết kêu lại van, nhưng rồi biết rằng vô ích, anh đâm ỳ ra, cắn răng đành chịu những hình phạt. Đến chiều xẩm, bà chủ thấy anh đĩ Nuôi đã kiệt hơi sức, bà mới bảo người cởi trói, và lôi anh ra cổng. Anh đĩ Nuôi đau nhừ người, nằm cong queo bên bờ cỏ. Anh cố bò lê đi nhưng được độ ba bước, anh không còn sức nữa, đành chịu nằm bẹp dí.

*

* *

Chị đĩ Nuôi phải đuổi, về tới nhà, thấy cửa đóng im mít. Hỏi thăm hàng xóm thấy người ta kể lại chuyện đầu đuôi, chị vật vã, tru lăn tréo lộn, rồi đâm bổ đi tìm chồng.

Nhưng chị có biết chồng chị đi đâu. Chị yên chí là chồng đi tìm chị. Chị chán ngán lạ thường. Chị biết rằng chồng chị đau đớn vì nghi ngờ chị. Chị phải minh oan mới được. Làm thế nào để báo thù con người đã manh tâm làm cho gia đình chị tan nát. Chị liều đi, đi vơ vẩn.

Tới trại ông chủ, chị không dám vào. Hỏi những người quanh đó, thì chị biết rằng chồng chị có tới đấy, nhưng không rõ rằng còn ở đó, hay đã đi từ bao giờ. Chị bèn nhờ người nhắn hỏi anh Hai, nhưng anh Hai không bảo.

Sáng sớm hôm sau, chị thấy tiếng xe hơi đi qua. Nấp sau hàng rào nhìn theo, chị thấy một mình ông chủ vặn máy, mà xe thì chạy nhanh lắm. Chị bèn theo vết xe mà đi.

Nhưng được độ hai giờ sau, chị thấy xe ông chủ đã trở về. Chị đứng rạp sang cạnh đường, cố nhìn vào trong xe. Xe gần tới, thì đi chậm dần dần. Ông chủ ngó đầu ra, bảo chị:

– Về nhà tao bảo cái này nhé.

Rồi chiếc xe hơi lại bốc bụi chạy nhanh như bay. Chị đĩ Nuôi nửa mừng nửa lo, đắn đo mãi mà không quyết định có nên về nhà ông chủ hay không. Về có việc gì? Sao ông không bảo ngay?

Hay là vì có người khách lạ ngồi trên xe, mà ông không muốn đỗ lâu để bảo là việc gì. Sau hết chị liều, cứ nhắm mắt đưa chân xem sao, chị đoán già rằng ông cho mấy tháng công trước.

Tất tả đi trên đường cát nóng bỏng chân, chị đĩ Nuôi băn khoăn, tự hỏi mãi bao nhiêu điều, mà không biết câu trả lời nào là đúng.

Độ buổi trưa, chị vào trại. Tự nhiên chị thấy rợn tóc gáy. Chị thấy cảnh nhà như có vẻ buồn bã lặng lẽ khác thường. Ngập ngừng mãi ở cửa, sau đánh bạo, chị vào. Thì vừa lúc ấy chị trông thấy bà chủ, chị tái mét mặt. Nhớ lại những roi đòn hai hôm trước, chị tưởng tượng ngay đến một cuộc đánh ghen thứ hai nữa.

Chị bẽn lẽn, chắp tay chào, thì bà chủ đon đả, tươi cười, vẫy chị lại gần, và bảo:

– Mày làm tao rầy rà quá. Chồng mày nó lên đây tìm mày, rồi nó cảm nắng.

Giật nảy mình, chị đĩ Nuôi nhìn bà chủ, có ý hỏi thêm.

Bà chủ bảo:

– Rồi thương hại quá, thuốc nào cũng không chuyển.

– Bẩm bà thế nhà con đâu?

Bà chủ vẻ mặt ái ngại, trỏ tay xuống nhà dưới. Chị đĩ Nuôi vội vã chạy, thì đến nơi, chị giật nẩy mình, chị òa lên khóc: chị chẳng được hỏi han chồng chị bệnh tật làm sao. Chị chỉ được thấy cỗ ván

mỏng manh, trên có cái bát phố đầy gạo, cắm ba chân hương đỏ. Trong nhà một bầu không khí lạnh lẽo, buồn tênh.

Chị vật vã bên quan tài. Chị gào, chị khóc, khản cả tiếng, hết cả hơi. Bao nhiêu người đứng ở ngưỡng cửa nhìn vào, đều thở dài một cách e ngại. Bỗng bà chủ vỗ vai chị mà rằng:

– Mày, tao bảo, chồng mày chẳng may xấu số thiệt phận, không được gặp vợ gặp con, nhưng cũng còn may mà được chết ở đây, thì tao làm phúc cho cỗ ván, nghe chưa.

Chị đĩ Nuôi cảm động, vắt nước mũi, chùi nước mắt đáp:

– Dạ.

– Mà ông cũng đã phải đi ô tô mời Đốc tờ về khám xét để tiện sự trình báo nghe chưa?

– Dạ, con lạy bà thương con.

– Ừ, nhưng tao cũng thương hại chồng mày xưa nay hiền lành, mày tiếng thế cũng ngoan ngoãn, thì tao bảo các anh em chốc nữa khiêng ra đồng, tao cho chôn nhờ vào ruộng nhà nghe chưa. Này, cầm lấy.

Chị đĩ Nuôi ngẩng đầu lên, thấy cái giấy năm đồng của bà chủ đưa cho, thì động lòng quá, vội vàng ngồi xếp chân lại, xì xà xì xụp, lạy lấy lạy để. Bà chủ nói:

– Thôi, tao chước cho.

Nói đoạn, hớn hở, bà lên nhà trên. Chị đĩ Nuôi quay ra, trông thấy mọi người, thì vừa khóc lóc, vừa nói:

– Em lạy các bác, các bác giúp cho nhà em được mồ yên mả đẹp.

– Thôi chị không phải nói, chúng tôi xin hết lòng. Ông bà đã mời thầy, chạy thuốc mãi, nhưng anh ấy chẳng qua cũng là tại số.

Làm lấp cả tiếng nói, chị đĩ Nuôi nức nở khóc òa, rồi thụp lễ mọi người để chân thành mà cảm tạ !...

Đăng trên *Tiểu thuyết thứ bảy* từ số 53 (ra ngày 1-6-1935). Đời mới xuất bản. Hà Nội. 1944

CÔ LÀM CÔNG

(Tiểu thuyết - Trích)

Truyện dài *Cô làm công* bắt đầu đăng trên *Tiểu thuyết thứ bảy* từ số 113 (ra ngày 25-3-1936). Nhà xuất bản Đời mới (Hà Nội) in thành sách năm 1944.

Dưới hình thức nhật ký, *Cô làm công* thuật truyện một cô gái con nhà khá giả, nền nếp bị phá sản, phải đi làm để kiếm sống và nuôi em. Có học, có nghị lực và lòng tự trọng, chủ trương sống tự lập, cô đã phẫn nộ trước lời khuyên lấy lẽ một lão Huyện và cũng không chấp nhận một cuộc hôn nhân tuy giúp cô thoát khỏi tình thế nghèo đói, nhưng khiến cô sống cuộc sống ỷ lại. Ban đầu cô làm gia sư cho nhà Hường Đào. Bị đối xử không tốt, phẩm giá bị xúc phạm, cô đã bỏ đi. Sau cô xin được vào bán hàng cho một hãng buôn lớn, chủ Tây. Tưởng được nơi nhàn hạ dễ chịu, nhưng cô càng ngày càng thấm thía cái khổ cái nhục của kẻ làm công bán hàng. Trước hết, người bán hàng phải luôn luôn chiều khách, dù cho khách thô lỗ, khó chịu. Lắm khi ốm đau cũng không được nghỉ, đang lên cơn sốt mà vẫn phải tươi cười tiếp khách. Khổ tâm nhất đối với người làm công là luôn luôn bị chủ nghi ngờ ăn cắp. Chủ thường cho tay sai dò la, có khi khám xét sờ nắn thô bạo. Mỗi tháng vỏn vẹn sáu đồng rưỡi bạc lương, tính ra mỗi giờ năm xu, không bằng công phu xe! Ấy thế mà chủ còn luôn luôn trừ lương, có khi chỉ vì đi chậm một chút, hoặc quên đeo băng.... Người làm công còn khổ vì bọn tay sai của chủ. Được chủ tin cậy, bọn này tha hồ tác oai tác phúc. Phải biếu xén, tết nhất chúng, thậm chí có cô phải "đem tình yêu đáp lại" chúng để có việc làm và được yên thân! Vì đồng lương, có cô phải "chịu ép dưới sự thèm muốn của người trên": người đời chỉ biết lên án họ là dại dột hư hỏng, chứ có biết đâu những nỗi ẩn tình! Vì miếng cơm manh áo, kẻ làm công muốn giữ lòng tự trọng thật khó thay! Có anh vì cứng cỏi cãi lại những lời xúc phạm vô lý của chủ đã bị chủ đuổi thẳng tay...

Qua việc miêu tả thân phận một cô làm công, tác phẩm đã phản ánh khá chân thực tình cảnh khổ nhục của tầng lớp tiểu tư sản nghèo bị xã hội đồng tiền hắt hủi, đồng thời, lên án bọn chủ Tây lạnh lùng tàn ác, khinh miệt người dân thuộc địa.

Dưới đây, chúng tôi trích giới thiệu vài đoạn.

*

* *

Hôm nay, lúc tan sở, không hiểu có việc gì, mà anh Tây đen khám làm rầm lên, đến nỗi chủ xuống mắng chúng tôi thậm tệ. Không có chuyện này, thì không tài nào tôi hiểu được một vài tiếng lóng. Hôm mới vào, tôi nghe thấy mấy người đồng nghiệp đàn ông nói chuyện với nhau những tiếng *"tập võ"* với anh Chà, cùng là *"làm phụng hoàng"* . Bây giờ tôi mới biết thế là bị khám lúc tan sở, người làm ra về. Mới trông cuộc *"tập võ"* tôi thấy ngược mắt lạ. Mỗi người, khi đến cổng, thì hai tay giơ lên, hai chân dạng ra, anh Chà nắn vuốt từ cổ áo, hai bên sườn, hai túi, đến hai cẳng. Tôi không bị tập võ như thế, nhưng cũng không được chủ tin là thực thà, nên cũng bị khám xét, song thường người đầm chỉ mó tay qua loa vào tôi thôi. Chẳng hay bà cho rằng con gái không quỷ quyệt gian giảo, hay là thấy cách ấy làm mất thì giờ cho bà, và làm nhục nhã cho người khác? Giá vì hai lẽ ấy mà tôi không bị bóp kỹ càng, thì tôi được sung sướng hơn bà Nhân. Chị Nhân làm ở hiệu gần hiệu tôi, nói rằng chị không hề bị khám bao giờ, bà đầm mà chủ giao cho việc khám, chỉ nhìn chị bằng đôi mắt nghi hoặc, song chưa hề mó tay đến quần áo chị, vì bà sợ phải rửa tay lâu!

Ai bảo cái nghèo không phải xấu, nhưng ở đời, bao nhiêu cái xấu đều đổ lên đầu kẻ nghèo!

6 Septembre [1]

Sáng hôm sau, có anh quên chưa *"để tang bố"* mà phải phạt một hào! Cái băng đeo ở cánh tay, thật chẳng khác gì để tang ! Không biết ai có giọng chua cay, đặt tên nghề bán hàng là nghề để tang bố!

Thấy họ bị trừ lương, tôi lại giật mình cho tôi. Sáng hôm qua một suýt nữa, tôi cũng bị trừ một hào vì đi chậm. Giá cái chuyến xe điện ấy chết cho năm phút nữa, thì rành tôi không đổ lỗi cho ai được. Hôm nay đã bớt xuống máu chân. Phải đến mười hôm nữa, tôi mới như thường được. Mai, hai em tôi đi thi. May chúng nó được học, thì bà tôi và tôi mới yên lòng. Chúng nó sẽ có lương, đỡ bận đến nhà trong bốn năm. Anh Quý khéo tính ngày, gởi thư về tới trước ngày thi, chúc hai em tôi đỗ. Anh vẫn tưởng tôi còn dạy học ở nhà Hương Đào, nên ca tụng mãi là nghề dạy học cao thượng, khuyên tôi chớ nên chán nản. Anh so sánh nghề dạy học với các nghề khác của phụ nữ, anh bảo tôi còn sướng bằng mấy những cô làm thư ký, đánh máy hoặc bán hàng, vừa việc nhiều, vừa lương ít, vừa bị chủ bạc đãi.

---

1. Có nghĩa là: tháng chín.

Anh biết đâu rằng chính vị hôn thê của anh đương làm nghề anh hết lời mạt sát đấy!

Nhưng tôi chẳng dám nói thực cảnh ngộ tôi bây giờ, rồi anh lại thương hại tôi. Tôi muốn anh yên tâm mà chuyên nghề công việc của anh. Về phần tôi, tôi tự nguyện lúc nào cũng giữ mình cho được thanh cao, dù ở hoàn cảnh nào cũng vậy.

19 Septembre

Thế là xong được một việc. Sách vở, quần áo của các em tôi, tôi đã lo sắm sửa đủ và đã gởi vào trường cho chúng nó rồi.

Mấy hôm, tôi bận tối mắt, chẳng được rảnh lúc nào để cầm đến quản bút.

20 Septembre

Trong bọn các cô làm công ở sở tôi, có lẽ chỉ có tôi đi làm để sinh nhai thôi chắc. Các chị khác, tôi thấy lúc nào cũng hớn hở vui cười. Dễ thường được đồng lương nào, các chị sắm ăn, sắm mặc hết. Phải, người ta đi làm để tiêu khiển, để có bạn bè, để được trưng diện bộ cánh. Sung sướng thay những người ấy! Tôi như các chị, thì cứ những khi bị chủ tỏ ý không bằng lòng, ăn nói càu nhàu, là tôi quay ra cửa liền, cần gì! Ai lại cái gì cũng đổ lỗi cho người làm công bao giờ! Hôm nọ, chủ khám sổ, thấy gian tôi coi hàng bán không mạnh bằng mấy hôm trước đâm nghi ngay là đã đối đãi với khách thiếu vẻ lịch sự, hoặc ăn mặc không chải chuốt, trang điểm không cẩn thận, hay hững hờ với khách hàng hay sao! Khốn nạn, ai làm sao cho hàng ngày nào cũng chạy như ngày nào được! Chẳng lẽ người ta không mua, lại lôi kéo, lạy van người ta hay sao? Chủ còn hỏi dò mấy cô đầm lai về tôi. Cũng may các cô ấy cũng ế hàng, chứ không, các cô tha hồ khoe khéo, khoe khôn để dìm bọn tôi đi.

21 Septembre

Tôi có một việc lo quá. Gian tôi coi mất cắp đến bốn cuộn băng. Tôi đoán biết người ăn cắp rồi. Buổi chiều, bốn bọn khách đến bắt tôi lục hàng cho xem, người hỏi giá thức này, người hỏi giá thức kia, làm lộn xộn cả lên, khiến tôi cuống queo. Thì hay đâu, trong bọn đó có người gian mà tôi không ngờ. Vả ngờ thế nào được! Người ta đến hỏi hàng, mình không để người ta tự do lựa chọn, mà lúc nào mình cũng có ý nghi ngờ để mắt vào coi, thì người ta cho là bán hàng không lịch sự rồi đi hàng khác, hoặc phàn nàn đến tai chủ, thì chủ cứ mình mà cự, rồi phạt và dọa dẫm chuyện nọ chuyện kia. Thế mà để họ tự do, thì tai

vạ đến thân. Việc mất cắp này chưa ai biết. Tôi hãy cứ giấu kín đó. Tôi không có tính gian, tôi không cần. Mỗi lần ở sở ra, tôi đều bị khám xét, nếu tôi lấy mấy cuộn băng ấy, thì túi phải lểnh kểnh, bà đầm ắt là biết rồi, tôi thoát làm sao được! Vả lại nếu tôi lấy thoát được thì bà đầm khám cũng lỗi. Nếu hai người cũng bị chủ lôi thôi, tất bà ấy cũng phải bênh tôi, tôi sợ gì! Nghĩ như vậy, song tôi lo quá. Thật là số tôi đen hay sao, mà dúng vào làm đâu, tôi cũng thấy bị vấp váp. Những người không cần đi làm, thì lại không gặp những cái tai bay vạ gió như thế cho!

22 Septembre

Không thế được. Hôm qua tôi đã nghĩ quẩn. Hỏi nhiều người, tôi mới hay rằng bọn đi làm công không thực thà lắm đâu. Bởi vậy, chủ không tin, mà mỗi khi tan sở mới có cuộc *"múa phụng hoàng"*. Nhưng mà những người gian giảo, bao giờ cũng tinh khôn. Họ định lấy cắp vật gì, thì anh Chà không thể nào bắt được quả tang, vì họ không đem theo vào trong mình đâu. Họ bảo một người quen vào hàng, vờ làm khách mua, rồi chuồn thức ấy cho người ta. Đến khi nào chủ soát lại hàng hóa, thấy mất, thì họ làm bộ ngơ ngẩn, và cãi phứa. Nếu vậy thì không khi nào chủ tin tôi thực thà nữa. Mà khi tôi đã mang tiếng là gian giảo, thì không những bị đền, mà còn bị chủ ghét, sinh thêm chuyện khó khăn cho tôi. Tính tôi hay bướng, nếu chủ nói nặng lời, quyết tôi không chịu nổi, thì thế nào cũng hoặc tôi bỏ việc, hoặc chủ tống cổ đi. Khi đã tống cổ tôi, hẳn chủ bảo hiệu khác đừng dùng tôi, cứ lấy cớ rằng tôi thiếu đức thực thà, thì dù tôi chịu làm công không, cũng đố ai dám rước. Tai hại thế đấy! Tôi biết làm thế nào bây giờ? Đành rằng tôi chịu trách nhiệm về món hàng mất ấy rồi. Chỗ ấy là ba đồng rưỡi. Nếu tôi phải đền, thì còn có sáu đồng rưỡi lương mà thôi. Sáu đồng rưỡi lương, trời ơi! Sáu đồng rưỡi để nuôi sống một gia đình! Sáu đồng rưỡi lương, có lẽ tiền phấn sáp với phí tổn về giầy áo cũng mất đến một phần ba rồi. Bốn mươi tám giờ một tuần lễ, mỗi tháng ít ra là hai trăm giờ làm việc, vậy mà lương mười đồng, thì tính ra mỗi giờ chỉ có năm xu! Thế mà nay bị trừ lương... sung sướng quá! Một giờ của người phu xe còn được sáu bảy xu, có khi một hào. Thế mà một giờ của người làm công, trông bề ngoài thì ra dáng lắm, chỉ được có năm xu! Mà không sóng gió gì thì mới được đủ năm xu đấy! Từ nay, có lẽ mỗi bận ngồi trên đệm xe, tôi phải phát ngượng với người kéo! Thôi, muốn êm việc, đành tôi phải bỏ ra ba đồng rưỡi để đền vậy.

23 Septembre

Cũng không thể được. Tôi tưởng đền thì êm, hóa ra cũng không. Thật tạo hóa có những bài học rất oái oăm. Sự thực ở trong lòng với sự thực ở ngoài đời, nhiều khi trái hẳn nhau, mà sự thực ở ngoài đời thường không nhận sự thực ở trong lòng là thực nữa. Bởi vậy, muốn cho người ta cho mình là thực lòng, mình phải nói dối! Gian hàng tôi bị mất cắp, sự việc thì tôi không thấy; tôi muốn tỏ rằng tôi thực, tôi định xin đền. Nhưng tôi không thể làm thế được. Nếu tôi xử thực thà như thế, người ta sẽ cho tôi là gian, là giả cách thực thà.

Chủ không lấy đền bằng giá hàng mất đâu, bao giờ ông ấy cũng bắt đền gấp ba. Không những thế, tôi còn phải trừ một ngày công, phải mắng, phải nghi ngờ mất mặt, và cuối năm, mất món tiền về hạnh kiểm!

Thế thì tôi làm thế nào bây giờ? Rắc rối quá. Không biết thằng nào quái ác, lại đến chỗ tôi coi mà lấy cắp! Chừng nó thấy tôi ngờ nghệch, dễ lừa chăng? Tôi phải cái tính hay rối trí. Ngày trước ở trường, hễ bị bà giáo gắt, là tôi cuống quýt lên, không sao nghĩ được câu trả lời nữa.

Ở đời, thế mới biết, không thể tin được bề ngoài. Nhất là ở Hà Nội, có rất nhiều người đúng như màu mỡ riêu cua. Đi ngoài đường, ta gặp những chàng công tử ăn mặc rất sang trọng, ta tưởng hình như họ thường nằm trên đống vàng. Ấy thế mà cứ theo họ về nhà, thì có khi mình phải phát tởm. Họ sẽ đưa ta đi rất lâu, đến những phố có nhà cửa lụp sụp. Họ quanh vào trong ngõ bẩn thỉu, rồi chui vào một cái nhà rất tiều tụy, lên một cái gác thấp lẹt đẹt như chiếc chuồng chim. Khói bếp, nước cống, và các mùi khác xông vào mũi ta, làm cho ta khó thở. Ta khó lòng tìm được chỗ mà ngồi cho vững vàng, sạch sẽ. Họ ngủ ở sàn gác, trên những chiếu đã thâm. Đồ đạc trong nhà không có gì, giá có thì cũng tiều tụy như cái gác ấy. Nhưng tài nào ta cũng tìm thấy một cái mắc áo, để mắc bộ quần áo mà họ mặc hàng tháng không cho ngửi mùi nước, và một lọ sáp để chiều chiều chải tóc cho mượt, đi diện ngoài đường. Những anh chàng ấy, quanh năm ăn rau muống chấm tương thôi, khảo bảy ngày không được một chữ, ấy thế mà có khi đi hỏi vợ thì mụ mối những rằng cậu ấy là con cụ Tuần, con ông Huyện hiện coi đồn điền ngoan đáo để đấy!

Tôi hiểu có hạng người ấy, vì vừa năm ngoái, chị Loan suýt bị lừa một đám như thế họ đến hỏi. Sau chị ấy cho đi dò xét mới biết rõ.

Những hạng ấy, quanh năm nghĩ kế ăn cắp để làm hại người ta.

24 Septembre

Có một kế dễ, thế mà tôi nghĩ mãi không ra. Thế này thì chủ không ngờ tôi được, mà thường lại bằng lòng tôi cũng nên, là tôi bỏ tiền ra vờ mua bốn cuộn băng ấy. Song, tiền đâu mà mua? Để mai, tôi đến nói với chủ cho tôi mua chịu, cuối tháng trừ vào lương vậy.

25 Septembre

Diệu kế! Thế là việc mất cắp êm thấm. Tôi yên tâm, nhưng đau lòng vì tự dưng mất ba đồng rưỡi bạc. Ấy, ở đời thế đấy, mình nói dối thì họ cho là mình thực thà, mà mình thực thà thì họ lại cho là mình nói dối. Giá thử tôi cứ thực thà khai với chủ về việc mất cắp, xem tôi có bị nghi là ăn cắp rồi không? Ôi, ở đời, lẽ phải đã không có, sự thực cũng không biết tìm đâu ra, những hạng con gái như tôi, quanh năm chỉ ở trong xó nhà, việc đời cứ tưởng như việc trong sách, chứ có ngờ đâu sách chỉ chép được một trong ngàn muôn ức triệu phần việc đời đã qua...

1er Octobre [1]

Hôm nay có một bọn khách bất nhã quá.

Tôi đoán là mấy anh chàng công tử nào ở các tỉnh về Hà Nội chơi đây. Họ thấy trong cửa hàng Tây, lại có những người con gái An Nam làm việc, thì họ yên trí tôi là hạng người chỉ để cho khách mua hàng trêu ghẹo, nên họ coi tôi như mấy cô hàng kem, mà buông những lời rất lỗ mãng. Giá ở chỗ khác, tôi đã cho biết họ với tội, ai hơn ai. Nhưng đứng ở cửa hàng, tôi phải im thin thít, trái lại, vẫn cười để đối đãi chiều lòng họ. Phiền quá, cô "Cháo bò" lúc nào cũng để mắt sang tôi, mỗi khi tôi có khách. Tôi ăn nói đứng đắn, cô mách chủ rằng tôi lười; tôi cười nhã nhặn, khách đứng lại lâu mà không mua gì, thì cô nghi là tôi dắt nhân tình đến chỗ làm ăn! Không trách người ta ghét, mới đặt tên cho cô thế. Người ta thấy cô hay cáu nhàu, bèn gọi cô là "phở", vì cái mũ cô tàng quá. Sau cô biết tên cô là "phở" người ta mới gọi chệch cô là cô "Cháo bò". Cô "Cháo bò" hay lấy lòng chủ lắm. Nay cô mách người nọ, mai cô mách người kia, để tâng công. Mà cô tinh đáo để. Hôm ấy tôi nói với chủ rằng tôi xin mua cuộn băng, cô đoán ngay là tôi mất cắp.

Cô hỏi săn hỏi đón rằng mua làm gì, và đến hôm qua, cô còn hỏi tôi đã dùng băng ấy khâu gì, cho cô ấy xem để nếu có khéo thì nhờ khâu trả tiền. Tôi lòng thẳng, không khéo léo mồm mép, nên chắc cô ấy không ưa tôi lắm. Các bạn đồng nghiệp khuyên tôi nên chiều chuộng cô "Cháo bò" cẩn thận, để lỡ khi mình có lỗi, cô ấy che chở đi

---

1. Tiếng Pháp: tháng mười.

cho. Nhưng tôi không luồn cúi, nịnh nọt được. Nhất là thỉnh thoảng kiếm chút quà đem biếu để gây cảm tình, thì tôi xin chịu.

... Còn ông Đa, cậy được chủ yêu, cũng hay sinh sự với người khác lắm. Ai không biếu xén, tết nhất, thì bị ông ấy nói xấu với chủ. Chủ coi ông ấy như người đứng đầu bọn làm công, nên ông ấy thường đưa đón việc luôn. Việc tôi với việc ông ấy không liên can với nhau, nên tôi không cần gì ông ấy, vả tôi là đàn bà, đã dưới quyền những bà đầm. Nhưng giá là đàn ông, thì dù công việc không liên can, tôi cũng phải làm thần tử ông ấy, nếu không, bị mất việc như chơi.

Giá phỏng những người được địa vị như thế, họ nghĩ chín hơn một chút mà ăn ở lại thì được người khác kính phục, mến yêu bao nhiêu. Thì cũng là bọn đem thân đi làm cả, thế mà cũng cậy thần cậy thế, bắt nạt người cùng nghề. Tôi được nghe lắm bận chính ông ta ra những cái lệ rất vô lý, song, lại lòe là "chủ bảo thế". Những tính cách nô lệ ấy, ai mà không ghét, không khinh.

9 Octobre

May tôi quá. Hôm tôi xin việc, tôi liều làm đơn vào tận chủ, được chủ nhận cho, chứ bây giờ tôi mới hiểu rằng chị Lương phải mất cả tháng công cho ông Đa, nói nhã rằng mua quà bánh cho con ông ấy.

Khiếp! Thế mà thỉnh thoảng tôi còn thấy ông Đa liếc mắt đưa tình với chị Lương! Hẳn ông ấy cho tôi là chướng lắm thì phải. Những người tầm thường, có khi vì những cách khéo léo của kẻ làm ơn, mà phải đem tình yêu đáp lại.

Nhưng, con sâu bỏ rầu nồi canh, như vậy họ sẽ khinh cả tụi con gái đi làm.

10 Octobre

Hôm nay, cô "Cháo bò" hỏi tôi về giá cả những quần áo của tôi, rồi cô cho là tôi nói dối, chứ đâu lại rẻ được như thế... Cô ấy... không biết rằng quần áo tân thời không đắt bằng quần áo xưa. Cô ấy tin rằng ăn mặc đẹp, tất phải tốn tiền. Chẳng hay cô ấy hỏi làm gì? Tôi đoán làm sao mấy câu hỏi đó cũng dây dưa đến một chuyện gì mà tôi chưa biết, chứ hơn một tháng nay, tôi có được trông thấy cô ấy nói chuyện với một người... nào đâu! Hay vì tò mò mà cô hỏi vậy? Nào ai biết!

11 Octobre

Cô "Cháo bò" lại hỏi tôi lấy gì mà ăn mặc sang trọng thế. Ông Đa cũng nhìn tôi một cách chế nhạo, mỉa mai. Nhân tiện tôi mới nói cho cô ta rõ:

– Tôi phải ăn mặc thế này, là vì tôi nghe lời ông chủ dặn. Các sở hiện nay thích dùng đàn bà, vì đàn bà làm việc có phần chăm chỉ hơn đàn ông, mà đàn bà hơn đàn ông ở cái nhẫn nhục, mềm mại, không hay cãi lý sự. Và dùng đàn bà, chủ phải trả ít lương hơn đàn ông, mà cửa hàng lại có một thứ câu khách tốt!

Ai ngờ, cả cô "Cháo bò" lẫn ông Đa phật ý. Hai người nhìn nhau, rồi cùng lảng đi. Cứ trông đôi mắt tức tối của ông Đa, thì hình như rồi ông ấy muốn kiếm chuyện với tôi vậy. Thật tôi cũng lạ. Từ nay, tôi phải giữ mồm giữ miệng, kẻo ăn nói dại dột, không nghĩ đến đo, có khi tai vạ lớn.

18 Octobre

Ở sở tôi, vừa có một chuyện rắc rối. Nguyễn Mạnh Hiền xưa nay vẫn ăn mặc An Nam. Nhưng từ hôm đầu tháng, anh bắt đầu mặc quần áo tây. Anh thường nói mặc quần áo tây cho gọn.

Dè đâu, chủ để ý đến sự thay đổi ấy, mà chẳng biết ai bịa đặt cho anh những tính xấu, chủ ngờ ngay anh không được thực thà, có lẽ đã làm hại chủ cái gì, mới có tiền sắm sửa như vậy.

Đầu tiên, chủ gọi anh, bảo:

– Anh làm việc lười, cuối tháng tôi trừ lương đó.

Anh Hiền cãi:

– Lấy chứng cớ gì ông bảo tôi lười?

– Mà anh không thực thà bằng các bạn anh đâu.

Anh Hiền nói:

– Tôi không hề đi chậm trễ, và xảy ra có ai đi chậm trễ, ông đã trừ vào lương người ta rồi. Tôi cặm cụi làm việc cho ông, có khi hết giờ của ông mà công việc còn, tôi phải ngồi lại một lúc. Như thế, ông không chịu biết đến, để trả thêm lương cho tôi thì thôi, sao ông lại bảo tôi lười biếng và không thực thà?

Ông chủ quắc mắt nói:

– Nếu anh không làm với tôi, thì tôi thiếu gì người! Đây anh trông trên bàn giấy tôi, một chồng đơn xin việc, họ đều xin bằng một số tiền công tháng rất hạ. Nếu anh lý sự thì từ mai mời anh ở nhà.

Anh Hiền đỏ mặt, chừng anh cũng tức:

– Nếu ông muốn bảo tôi ở nhà, thì ông nên theo đúng luật, nghĩa là bảo cho tôi biết trước mười lăm hôm, cũng như khi tôi muốn thôi việc với ông.

Ông chủ bĩu môi:

– Tôi đối với anh không cần luật pháp. Nếu anh còn lý sự thì tôi mời anh ra cửa ngay.

– Nếu ông không cần luật pháp, thì luật pháp bắt từ nay ông phải cần.

Ông chủ đập bàn, không nói gì nữa. Ông lúi húi tính toán những gì, quay vào mở két bạc, rồi gọi anh Hiền lại gần:

– Tôi không muốn có người làm với tôi cứng cổ như anh. Cái kết quả hiển hách của sự cứng cổ sẽ là bài học hay cho anh và các bạn anh.

Nói đoạn, ông đưa tiền công nửa tháng cho anh Hiền, và nói:

– Anh cầm những cái này, rồi luôn thể, anh cầm cả mũ anh nữa. Tôi không cần anh từ bây giờ.

Anh Hiền nói:

– Tôi xin nhắc ông rằng hôm nay là ngày mười tám.

Ông chủ bĩu môi, gật gù:

– Vâng, vâng, tôi lại xin nhắc anh rằng trong mười tám hôm đó, có hai ngày chủ nhật. Mời anh ra.

Dứt lời, ông đuổi anh Hiền ra khỏi buồng giấy, mặc dầu hai môi anh mấp máy, chẳng biết toan cãi hay toan nằn nì. Chúng tôi nhìn theo anh Hiền, ai nấy im lặng như khi đi đưa đám ma.

19 Octobre

Người ta thì thào rằng anh Hiền sở dĩ bị đuổi, là vì cái "lão kia" nó hót với chủ, để nó đưa người của nó vào làm. Ghê gớm chưa!

Có lẽ cô "Cháo bò" hôm nọ cũng bị nó xui, nên mới hỏi tôi về sự ăn mặc và trang điểm. Chắc nó định kiếm chuyện với tôi vì tôi không giao thiệp gì với nó.

Nhiều người con gái, vì mang ơn người dắt díu mình vào làm, đã miễn cưỡng lấy chữ tình đối lại. Nay cái mỉm cười giả dối, mai cái đuôi mắt vờ vĩnh. Rồi lâu, sự giả thành sự thật, nhất là bọn đàn ông, anh nào cũng khéo cái lỗ mồm, chẳng biết họ thương yêu thật, hay họ làm ra bộ thương yêu để cảm lòng người ta. Nếu mình nông nổi, nhẹ dạ, là mình tự làm hại đời mình. Tôi nghe nói "lão kia", hồi năm ngoái, đã chiếm được trái tim của một cô làm công ở sở này, rồi khi cô có mang, nó muốn dẫy ra, nên nó đặt điều mách chủ, để chủ đuổi cô ấy.

Tôi nghĩ đến số phận các bạn gái đi làm mà buồn thay! Không nghề nào không có một vài người vì tiếc cọc lương tháng đến nỗi phải chịu ép dưới sự thèm muốn của người trên.

Rồi đến khi lỡ ra mình có thế nào, thì họ bỏ mình, mình biết kêu ai được? Người đời thấy những chuyện như vậy, đều kết tội cho người con gái là dại dột, chứ biết đâu đến những ẩn tình.

20 Octobre

Hôm nay ở sở tôi, họ bảo nhau ăn mặc An Nam hết. Ăn mặc tây, họ sợ bị chủ ngờ, vả chủ thấy người nào sang trọng, lại cho rằng thừa thãi tiền tiêu rồi có thể chịu để chủ trừ bớt lương đi chăng?

Ai bảo mẹ chồng nàng dâu mới hay có lắm chuyện lôi thôi?

21 Octobre

Chủ nghi việc cổ động mặc quần áo An Nam cho tôi. Tôi chắc thằng vô nhân đạo kia nó sinh sự với tôi, nên chủ mới bảo là tôi được. Phải thỉnh thoảng, lúc ra vào sở, khi gặp bạn đồng nghiệp đàn ông, tôi có chào hỏi, chuyện trò thực. Nhưng tôi làm gì đủ thế lực để cổ động một việc cả sở phải theo? Họ bàn bạc với nhau bao giờ, tôi có biết đâu!

Tôi có nói với chủ:

– Nếu tôi có ý phản đối ông, sao tôi không ăn mặc tồi và bỏ phấn sáp đi trước?

Chủ cho là tôi có lý, im không hỏi nữa. Từ nay, tôi càng phải giữ gìn. Quanh mình tôi, có kẻ chỉ muốn làm hại tôi. Tôi tính đi làm thế này thì ức lắm. Ngày còn đi học, chị em chơi bời với nhau, ai thực thà nhất, ấy là được nhiều bạn yêu mến nhất. Thế mà khi ta trực tiếp với đời, cái đức thực thà lại không đắc dụng nữa.

25 Octobre

Trời trở rét sớm thế! Mọi năm, đến tháng này, tôi có thể mặc những áo mỏng được. Vậy mà mấy hôm nay, lúc tôi dậy, tôi đã thấy những cơn gió bấc lạnh lùng. Nguy quá! Ai đi Vạn Bảo để chuộc cho tôi mấy cái áo về đây? Các em tôi ở cả trong trường, mà tôi, những giờ Vạn Bảo mở cửa, tôi cũng ở trong sở. Tôi nghe nói sở cầm đồ có hạn cho trong mấy tháng, nếu người cầm không chuộc đồ về được thì phải đến đổi vé. Không đổi vé, ấy là mất đồ. Chẳng biết người ta hẹn mấy tháng, và vé của tôi đã đến hạn ấy chưa?

Có lẽ tôi có tiền mà vì không lúc nào đi chuộc, đến nỗi mất áo chắc.

Đăng trên *Tiểu thuyết thứ bảy* từ số 113 (25-7-1936).
Đời mới xuất bản, Hà Nội, 1944

BƯỚC ĐƯỜNG CÙNG

(Tiểu thuyết)

Bước đường cùng được in lần thứ nhất trên *Phổ thông bán nguyệt san* số 23, ngày 1-10-1938.

Sau đây là toàn văn *Bước đường cùng* in theo văn bản đó.

I

Pha nằm trên phản nhà ngoài, một tay vắt ngang trán, một tay cầm chiếc quạt mo, thỉnh thoảng đập phành phạch xuống chiếu. Anh không nực, song phải phẩy luôn như thế, để đánh tiếng rằng mình vẫn còn thức.

Làm lụng vần vật suốt ngày ở ngoài đồng, Pha mệt lắm. Mọi tối, vào lúc này, anh đương đánh một giấc ngon, nhưng hôm nay vì bận rộn, nên anh cố thức để nghe ngóng và chờ đợi. Và để lo lắng nữa. Vợ anh đương giở dạ đẻ.

Phải, anh không lo sao được. Ngày năm kia, cái hôm vợ ở cữ cái con bé dại, Pha đã phải một phen chí khổ. Vì đẻ con so, nên chị đau đớn, quằn quại hàng mấy giờ đồng hồ. Rồi đến khi cuống queo, chị không chịu nổi, cứ réo mãi tên chồng lên mà chửi, những là mày làm khổ bà. Bà trùm Sủng, một bà tắm, trong ba mươi năm nay đã đỡ cho gần khắp người hàng tổng, hôm ấy, cũng sợ mê, giục anh lập tức phải trèo qua nóc nhà, rồi lại lội ao, từ bờ nọ sang bờ kia, tuy trời rét như cắt ruột.

Bây giờ Pha nghĩ lại việc ấy mà còn rùng mình, sợ như người phải đi sứ.

Bởi vậy, từ lúc bà trùm đến, mỗi khi nghe tiếng bà giục vợ rặn và chị ấy ì ạch thở như người sắp tắt hơi, anh lại thương vợ và lo cho mình. Mà vẩn vơ nghĩ bao nhiêu, Pha cám cảnh trơ trọi bấy nhiêu.

Thực vậy, ba anh em ruột của Pha: Quấy thì chết, Quậy thì đi làm ăn ở trên mỏ Thái Nguyên, Hòa thì cữ tháng chạp năm ngoái, sau hồi

đói kém, đi bạt tận đâu đâu, chẳng nhắn tin về. Anh vẫn tưởng hắn ra ngoài tỉnh, nhà ông bát Hường là chú họ, vì ông này buôn bán giàu có. Nhưng không phải. Chị ruột anh, chị Sáo, nhờ trời được phong lưu, nhưng lại lấy chồng xa. Pha hơn anh em được cái vợ có vốn đi chợ. Gánh hàng xén đáng giá độ ba chục đồng bạc ấy, đã cung cấp cho hai miệng đủ ăn, không phải chạy ngược chạy xuôi, và chỗ tám sào ruộng của cha mẹ chia cho, không đến nỗi chết non chết yểu.

Nhà Pha ở vào đầu xóm Chũm, làng An Đạo, làm trong miếng đất thiên thẹo, rộng độ mươi thước. Đất ấy của ông bà nhạc cho vợ chồng anh khi mới cưới. Từ khi ăn riêng, anh mới cố giúm lấy một ngôi nhà, thôi thì để che nắng, che mưa, đỡ mang tiếng là có đất phải đi ở nhờ người khác.

Nhà ấy cũng như phần nhiều nhà trong làng chúng ta, nó là hai mái lợp tranh, hờ hững úp trên những bức vách thấp lè tè và mỏng dinh dính. Nó có hai gian ngoài và một gian buồng, mà đầu nhà, dưới có rãnh nước đen đặc và nổi váng, dùng làm chỗ đun nấu. Ánh sáng đáng lẽ được đường hoàng lọt vào trong bằng cả khoảng rộng một gian. Song từ sáng sớm đến chiều tối, người thì đi chợ, người thì đi đồng, nên ngay từ lúc mặt trời còn lấp ló sau bụi tre, cái liếp dùng làm cửa đã phải hạ xuống. Cũng bởi lẽ ấy, hai vợ chồng, chẳng ai có lúc nào rỗi rãi được ở nhà mà chăm nom quét tước cả.

Nhà này tuy mới làm được có hai năm, nhưng thì giờ ấy cũng đủ nhiều cho nó phải làm đúng bổn phận với chủ quá lãnh đạm của nó. Cho nên đã lâu nay, cái nhà ấy lấn cả ra ngoài giới hạn của công dụng.

Mái tranh đầy mạng nhện rủ lủng lẳng xuống hàng tràng, là một chỗ hứng được rất nhiều nước mưa, và tiện thể cho chảy vào trong nhà tong tỏng. Từ dưới cái mái ghẻ lở ấy đến mặt phẳng ốm yếu là một kho to tát để giữ khư khư lấy một thứ hơi vừa ẩm vừa hôi, một công trình trộn lẫn rất ít công phu của các thức để ăn, để mặc, để dùng, để ở. Dưới gậm phản tối tăm là cái trại muỗi, chỉ chờ đến lúc có người là thả đội quân du kích. Mặt nền là cái vườn rất tốt, đầy rêu xanh, có điểm từng đống mùn mọt hung hung. Dưới tầng đất là chỗ ở rất bình tĩnh của những gia đình đủ các thứ chuột to nhỏ, tha hồ mà sinh năm đẻ bảy, và khắp cả từ trên đến dưới, từ trong ra ngoài, từ phải sang trái, nhà ấy lại là cái hũ, độc quyền nhốt vi trùng các thứ bệnh. Xung quanh hũ, ngay khi chủ hạ liếp xuống để đi vắng, đã tự

nhiên hiện ra hàng trăm hàng nghìn khe và lỗ để lóe ánh sáng vào, chẳng khác gì từng ấy con mắt ghê gớm của các vị hung thần quây quanh tứ phía chòng chọc nhìn vào, để canh không cho một thứ giết người nào ở trong được lọt ra ngoài vậy.

Vậy mà vợ chồng Pha ở đấy mấy năm nay, đã không tự biết là can đảm. Hơn nữa, lần nào đẻ, chị vẫn nằm trong buồng và mời bà trùm Sủng đến đỡ cho.

Bà trùm bước chân lên hè lúc nào, là bắt chị rặn từ lúc ấy. Bà vạch cái khăn bằng the che đôi mắt đã về già để cố nhìn cho rõ, rồi bước chân vào buồng.

– Gớm, sao mà tối thế này, có cho xin cái đèn không? Nào, cứ cố lên. Trời Phật đền cho thằng cu thì tha hồ mà mừng.

Rồi cười ra ý bằng lòng, bà bảo:

– Được, buồng gái đẻ kín đáo thế này cũng tốt.

Một lúc, sờ soạng chán, bà lại cười, hỏi:

– Ơ, thế kêu ở đâu đấy, tôi chẳng trông thấy gì cả. Có cho cái đèn vào đây hay không?

Lúc ấy, Pha đã châm xong đèn rồi. Anh cầm đến cửa buồng, đặt ở ngưỡng và gọi với vào trong.

– Đèn đây, bà ơi!

Bà trùm gắt:

– Gớm, ông hạng vừa vừa chứ, vợ đẻ chứ ai đẻ mà sợ bẩn không dám vào.

Pha chưa kịp đáp, thì vợ anh đã vừa ì ạch thở, vừa giải nghĩa:

– Nhà tôi dữ vía lắm, bà ạ.

Bà trùm dỗ dành:

– Cố lên, cố nhiều lên, nó sắp ra rồi. Nín hơi lại mà rặn.

Ngọn đèn hoa kỳ khói mù, theo tay răn reo của bà trùm đem vào. Ánh lửa đỏ chiếu ra nhà ngoài đi lệch dần ra phía cửa.

Pha nằm lặng trên phản để nghe.

Bên trong, vợ anh nghiến răng lại vừa thở hổn hển, vừa kêu ngất từng tiếng:

– Đau lắm, bà ơi, bà có làm thế nào cho tôi, không chết mất.

Bà trùm gắt rất tự nhiên:

– Ỉa vào mồm, dại nào.

Bà pha trò:

– Sướng lắm thì khổ nhiều, ai bảo! Cố lên, tí nữa thôi, nó đã ra được cái đầu rồi.

Từ nãy, Pha trống ngực thình thịch, bây giờ thấy nhẹ bỗng hẳn người. Anh thấy vợ thở rất mạnh, chắc là lấy hết hơi sức.

Nhưng bỗng chị quằn quại kêu:

– Khổ lắm, bà ơi, nó đã ra đâu! Tôi tất hơi mất.

– Phải gió, lại cứ kêu. Cố lên, im mà rặn!

– Khốn nạn, nào có im được. Đau lắm! Mệt lắm!

Mỗi lần thấy vợ mếu máo kêu, Pha lại nhăn nhó mặt theo, tưởng chừng như chính mình đau vậy. Giá có thể đau thay được, chắc anh chẳng từ. Nhưng biết làm thế nào? Pha lắc đầu thở dài.

Bỗng bà đỡ đập tay đánh đét một cái và gắt:

– Ghê gớm muỗi! Bác Pha có cho tôi mượn một cái quạt không?

Pha ngồi nhổm dậy, đứng ngoài cửa, thò tay vào liếc mắt nhìn trộm và gọi:

– Quạt đây, bà ơi!

Chị Pha tưởng chồng xông vào, vội vàng nằm quay mặt vào vách, kéo chiếc quần che chỗ thân thể lõa lồ. Rồi vừa thở dốc, vừa nghiến răng, cố nói ra tiếng, chị đuổi chồng ra quầy quậy:

– Đi ra, khỉ! Phỉ hổ đàn ông!

Bà trùm đứng dậy, càu nhàu:

– Bác ấy có vào đâu nào! Chồng chứ ai mà thẹn!

Pha sợ tái mét mặt. Anh yên trí vợ đã bắt đầu tức, thì chắc lại nhớ đến việc chửi như lần trước. Cho nên lúc đưa quạt cho bà, anh hỏi khẽ:

– Sao lâu thế, hở bà?

Bà trùm ghé miệng vào tai anh nói thầm. Mùi quyết trầu lại rõ hơn tiếng nói. Song, Pha cũng hiểu bà muốn dặn gì rồi.

Lập tức anh lẳng lặng ra sân, xuống cái chuồng nhỏ xíu trước kia nuôi lợn. Anh víu vào cọc đóng ở cửa, cố hết sức lay, và dần dần nhổ lên đủ bốn cái.

Làm xong, anh vui vẻ đi rất nhanh lên nhà. Anh tin rằng như vậy, vợ anh sẽ đẻ dễ dàng, đẻ ngay bây giờ, anh không lo nạn sang sứ nữa. Bà trùm đã bảo anh từ hôm nọ, làm phép như thế rất hiệu nghiệm.

Nhưng chị Pha cứ kêu, kêu mãi. Và mỗi cơn đau nổi lên kịch liệt, mà chịu quằn quại, thì bà đỡ lại mắng:

– Rặn đi, chứ cứ rên thì bao giờ nó ra! Gớm sốt cả ruột! Chồng thì giục cuống người ta đến, mà nào đã đẻ! Để yên ở nhà, người ta đã ngủ được một giấc tốt.

Mỗi lúc thấy vợ như kiệt lực, Pha lại thở dài và thất vọng. Anh lo thế nào cũng phải chửi, nên vẫn phải cầm canh bằng chiếc quạt.

Nhưng một lát, trong buồng yên lặng. Anh lắng tai để nghe. Vợ anh không kêu, mà bà trùm cũng không giục rặn nữa. Có lẽ hai người cùng mệt và cùng ngủ thiếp đi.

Bỗng độ đầu trống canh ba, Pha thấy vợ rú lên gọi dồn:

– Bà ơi, bà trùm ơi! Khổ thân tôi, đau quá!

Không có tiếng trả lời, chị Pha gọi chồng:

– Nhà ơi! Gọi hộ bà trùm dậy đi, mau lên

Pha cuống quýt, nhổm dậy, gọi:

– Bà trùm, bà trùm, nhà tôi gọi gì bà?

Pha đoán vợ sắp đẻ. Anh lo lắng hơn trước. Bà trùm ú ớ thưa:

– Ơi, biết rồi, cố rặn một lúc nữa đi.

Bà quạt phành phạch dăm cái rồi ngồi dậy.

– Nó đương ra rồi, bà ơi, bà đỡ lấy nó cho tôi.

– Ờ, tôi đây!

Chị Pha rặn cố nhịn hơi để rặn. Pha hồi hộp. Một lát tiếng nhoe nhoe đưa ra, Pha mừng rỡ, lại hồn.

– Ồ, thằng cu!

Pha vui sướng quá. Sướng cuống cả lên. Thế là vợ anh qua cơn vượt cạn. Mà trời cho đứa con trai. Thôi thế cũng bõ cái công vợ chồng ăn ở hiền lành.

Đứa bé vẫn nhoe nhoe khóc. Bà trùm tắm cho nó. Tiếng nước dội róc rách. Nó càng khóc. Bà trùm làm gì một lát, rồi bảo:

– Nó đói đấy, cho nó ngậm vú để nó đỡ khóc.

Một lát nữa, bà bảo:

– Thôi, tôi về.

Chị Pha uể oải nói:

– Bà ngủ chơi đằng này, khuya rồi, về làm gì!

– Thôi chả ngủ đây, mai mất buổi chợ.

Bà nói đoạn, ánh đỏ trong buồng chiếu ra nhà ngoài, bà trùm cầm đèn bước qua cửa buồng, chào:

– Bác gái nằm chơi.

Pha đứng chờ đưa gậy cho bà, và đỡ lấy đèn. Anh dắt bà xuống sân. Bà trùm vạch đôi con mắt chỉ còn lòng đen bạch phếch để nhìn Pha, rồi nói thầm:

– Cũng may đấy. Không có thì đến đêm. Thôi, thong thả bác giai chơi nhé!

– Để tôi đưa bà về.

– Giã ơn bác. Sáng giăng như ban ngày đây mà.

Pha dặn:

– Mai bà đến sớm, tắm cho cháu.

– Ừ. À này, nhớ xin nước giải cho bu nó uống nhé. Chả thuốc nào bằng. Tôi nghiện đấy, ngày nào đi chợ về cũng phải làm một bát.

Pha đặt đèn trên hè, dắt bà trùm Sủng đi. Tuy vậy, bà vẫn sờ lối bằng gậy, vì chẳng trông rõ gì. Đường trong làng, bà chỉ thuộc lòng mà thôi.

Bà trùm qua vại nước kê cạnh cây cau, thì dừng lại, bà múc một gáo để uống và sung sướng kêu:

– Mát ruột!

Bà đổ chỗ nước còn thừa vào chum, rồi lại sờ soạng đi.

Pha nâng cổng lên để bà qua, rồi chào:

– Bà về.

– Phải, không dám, bác chơi.

Đàn chó bắt đầu làm náo động cả xóm Chũm.

II

Bừng mắt ra, Pha ngồi nhỏm dậy. Tuy ít ngủ, nhưng anh tỉnh táo lắm. Anh lắng tai nghe thấy vợ thở đều đều, bèn khẽ nâng hé cái liếp để đi lại bếp.

Trời xanh ngắt. Vừng đông đã đỏ ửng, nhưng ánh nắng chưa láng đến sân. Gió hiu hiu làm xào xạc bụi tre, bỏ rơi những chiếc lá khô bay tơi tả.

Đứng một nơi râm mát và nghĩ đến vợ mới đẻ con trai, Pha sung sướng, khoan khoái lạ. Anh đã luẩn quẩn mãi đêm qua về nghĩ đặt tên con, và định hôm nay trước khi ra đồng cấy nốt cho bà trưởng Bạt, anh rẽ vào nhà ông thơ ký, nhờ ông ấy vào sổ khai sinh cho.

Bỗng một con gà mái đi kiếm mồi từ sau nhà ra sân trước, làm anh chú ý. Tự nhiên anh nghĩ đến cách sinh nhai vất vả của vợ. Mấy hôm trước chị vẫn tỏ ý tiếc mấy buổi chợ khi phải nằm một xó.

Con gà lò dò đến gốc cau, bới đất, rỉa sâu, rồi ngẩng cổ lên nhìn, và rún một cái, nó nhảy đứng bám vào thành vại.

Pha sợ bẩn nước, giơ tay ra đuổi. Con vật hoảng, dang rộng hai cánh, nhảy xuống. Bất đồ con chó mực xổ ra đuổi theo. Con gà cuống queo, vỗ cánh bay đành đạch và cục cục kêu. Chó vồ theo. Gà quang quác chạy. Và hai con đuổi nhau sang vườn bên cạnh.

Pha chắc tiếng động này làm vợ thức giấc. Anh không thổi cơm vội, hãy đứng ở góc nhà xem tình hình. Thì quả nhiên, chị đã ló cái mặt xanh nhợt ra ngoài cánh liếp:

– Gớm, gọi mãi mà chẳng thưa!

Người đàn bà ấy có dáng rất mệt nhọc, và vì mới đẻ, nên lại như gầy thêm. Chị tùm hum cái khăn vuông, mặc áo nâu dài và lận đôi dép một. Người ta bảo phụ nữ thuộc về phái đẹp. Song sự thực, với chị Pha hiện giờ, câu ấy chỉ hoàn toàn có nghĩa mỉa mai.

Pha nhìn bộ dạng ốm yếu, chán nản của vợ thì thương hại. Anh nói:

– Tôi thổi cơm cho bu nó ăn, rồi đến đĩ Dự báo tin và xin cành cau, mang lại nhà ông Ký Chính nhờ khai sinh cho thằng cu mới được.

– Thôi, phiền lắm.

– Đĩ Dự với tôi thì hắn tiếc cái gì.

Pha chắc chắn như vậy, vì Dự là em vợ, vì hai anh em vốn thân với nhau. Nhưng vợ anh lại nói:

– Đi đâu mà vội. Trẻ con mà cứ chụp ảnh là một, khai sinh là hai, là chúa độc đấy.

Pha cười:

– Vẽ! Con bé dại trước thì ai khai sinh cho nó.

Đoạn anh vui vẻ mở rộng liếp ra và cùng vợ ngồi trên phản bàn việc:

– Này, bu nó ạ. Tôi định đặt tên cho thằng cu là Trộn. Bu nó bảo thế nào?

Chị nhăn mặt lắc đầu:

– Không gọi thế, tên xấu lắm. Hôm nào đến nhờ ông lang Sáng đặt tên chữ cho nó.

– Ồ, chả chữ nghĩa gì, giỏ nhà ai quai nhà ấy, không cần. Quấy, Quậy, Hòa, Sáo, Pha! Thì tên thằng cu là Trộn, thế phải.

– Nhưng các bác ấy có đặt tên cho lũ cháu thế đâu!

– Thì con bác Quậy chả là Sỏi, là Sành là gì.

Vợ chồng đương dở câu chuyện, bỗng bên hàng xóm có tiếng the thé bác trương Thi gái mắng con:

– Thằng Yêng hư thật, mày có tìm xem nó đâu không, ban nãy nó vừa lảng vảng đây mà.

Bác trương trai ồ ồ nói:

– Tao thấy nó chui qua hàng rào sang nhà bác Pha đấy.

Bác trương gái lại the thé:

– Thế thì sang mà tìm, thấy đứa nào ăn cắp, đem mà đào mả bố nó lên!

Pha bị nói cạnh, bỗng nẩy ra một ý kiến:

– Bu nó ơi, phải rồi!

Rồi anh nói thầm. Chị Pha cau mặt gắt:

– Cái gì? Nói to lên nào.

– Tôi nghĩ ra tên thằng cu rồi.

– Tên là gì?

– Để tôi bàn với cậu Dự đã rồi mai hãy khai sinh. Mai tôi bảo.

Chị Pha càu nhàu:

– Lại còn mai mấy chả kia. Thế nói bây giờ làm sao?

Pha vui vẻ bảo vợ:

– Đặt tên nó là Bạch.

– Sao lại Bạch?

– Thì nhé, trương Thi nó đặt tên con nó là Yêng, tội gì mình không gọi tên con mình là Bạch.

Vợ Pha tươi tỉnh, thân mật hỏi khẽ:

– Thế tên bố nó là Bạch à?

Pha vênh váo đáp:

– Ừ!

– Ừ, chỗ hàng xóm mấy nhau mà nó đi lấy tên bố mình để đặt cho con nó, thì tội gì mình không báo thù? Không đặt thế làng nước lại bảo mình chịu lép.

Hai vợ chồng đồng ý với nhau. Nhưng trong buồng, thằng bé con khóc, làm tắt câu chuyện đương nồng nàn.

– Ồ, gớm khỏe chửa, đã ra ngoài đấy à?

Pha nhìn ra ngõ, thấy bà trùm Sủng đương chống gậy đi đến và theo sau là bác San gái, con dâu bà. Bà trùm hỏi:

– Chứ ly người ta yếu như mày ấy. Mẹ Mới nó đẻ xong, nó lội xuống ao ăn trộm bèo liền, để sáng hôm sau đem ra chợ bán.

Pha chạy ra đón hai người. Bà trùm bảo:

– Hôm nay tôi nghỉ buổi chợ. Độ này cũng ế hàng.

Bác San dừng lại, giơ roi đánh chó và nói:

– Tôi thấy bà tôi nói bác gái ở cữ, tôi sang thăm đây.

– Tạ ơn bác.

– Thế bác gái ở cữ thằng cu hay cái đĩ.

Tuy Pha cho câu trả lời của mình là thừa, song cũng đáp cho phải phép:

– Thằng cu, bác ạ.

Bác San chẳng ngạc nhiên mà cũng chẳng mừng rơn tí nào, tuy vậy bác cũng:

– Ồ! Thế à! Thế bác gái nằm đâu?

Pha lại cho câu đáp của mình là vô ích, vì bác San vừa thấy vợ mình vào buồng:

– Bu cháu nằm trong kia, bác ạ.

Bà trùm chống gậy, cố rướn mình bước lên thềm nhà rồi quay lại bảo con dâu:

– Chốc nữa về, mày nhớ xin bác ấy nắm lá dành dành nhé. Tối qua tao thức khuya, mắt lại kệnh lên rồi.

Bác San không đáp, vẫn thân mật nói với Pha:

– Thấy nói bác gái ở cữ, gọi là thế, tôi có chục trứng cáy, đem sang bác ăn kiêng.

Pha cảm động đáp:

– Bác lại cứ cho. Bà tấm cho cháu, tôi chưa có gì đưa lại, thế mà...

Bà trùm quay lại nói:

– Nhà nó biếu bác, bác cứ nhận đi có được không, ngày trước nhà nó ở cữ thằng cu Chất, bác gái cho những năm quả trứng gà kia mà!

Pha từ chối cho phải phép, tuy vẫn biết mình có quyền nhận đồ biếu trả nợ. Anh chẳng ngần ngại lâu, giơ tay cầm lấy xâu trứng cáy và mời khách ngồi chơi ở phản. Và anh bế con ra. Bác San đỡ lấy thằng bé, nhìn mặt nó, hôn hít nó.

Một lát, Pha đứng dậy, nói:

– Mời bà mấy bác ngồi chơi, tôi đi đằng này có tí việc.

Bà trùm, cơ chừng vì thông minh hoặc vì lịch duyệt, đoán ngay ra chủ nhân đi làm gì, vội vàng gạt:

– Đi đâu? Này, đừng làm cơm nước gì đấy, chúng tôi ăn cả rồi.

Chị Pha nhếch mép cười:

– Không phải, chúng cháu định đến ngày đầy cữ mới mổ con gà, trước là cúng mụ, sau là mời bà, mời bác đến uống rượu.

Bà trùm chữa thẹn, cười ha hả:

– Ừ, bây giờ có gà hãy nuôi béo đi.

Pha nói cho lạc câu chuyện:

– Tôi đi khai sinh cho thằng cu đây.

Vốn quen sống giản dị, bà trùm trịnh trọng mắng một cách thân mật:

– Thôi đừng vẽ. Lên năm, lên mười, nhờ giời chúng sống, lúc nào khai sinh không được.

– Thưa bá Tân cháu bảo phép Nhà nước bây giờ như thế, không có bố mẹ phải phạt.

– Thôi đi, phép vua thua lệ làng. Tục ở đây không có khai sinh như thế. Lúc nào người ta phạt, bác cứ bảo ông già bà cả ở làng này ngày xưa có khai sinh bao giờ, sao vẫn cứ sống lâu bảy tám mươi tuổi cả.

Bác San hỏi:

– Thế hai bác đặt tên cháu chưa?

– Rồi!

Vẫn giọng thân mật, bà trùm mắng:

– Gớm, tên tuổi làm gì sớm thế? Cứ thằng cu mà gọi.

Chị Pha ngồi vững lại, vì chị cần phải kể lể:

– Bà mấy bác tính thế thì ai nhịn được. Bên ấy hắn đặt cho thằng bé trùng tên ông cháu, thì tôi tội gì không lấy ngay tên bố hắn đặt cho con tôi, để tôi réo cho sướng mồm.

Bà trùm làm như cũng giận lắm, hỏi dồn để thỏa chí tò mò:

– Ai?

Chị Pha trỏ sang bên nhà trương Thi:

– Lại còn ai!

– Thế bác đặt tên thằng cu là Bạch à?

– Ừ.

Bác San can:

– Thôi, người ta không biết, bác sang bảo người ta một tiếng để người ta đổi tên đi, chứ hàng xóm láng giềng với nhau mà!

Chị Pha vạch xuống chiếu, tức tối nói:

– Tôi nói dối tôi chết, còn bao nhiêu cái uất ức, tôi chịu nhịn bảy tám tháng nay, nó làm như bắt nạt tôi không bằng ấy.

Bác San vẫn can:

– Thôi. Máu non đừng nghĩ ngợi.

Bà trùm hất tất cả cái mặt đanh đá vào con dâu thười môi ra mắng:

– Câm mồm đi. Chứ ly như vợ chồng nhà mày ấy!

Bác San lườm, cãi:

– Bà bảo vợ chồng nhà tôi làm sao?

Bà trùm quai mồm ra:

– Thôi, già này xin! Mẹ kiếp! Bà chả thấy chúng nó làm gì cũng phải câm họng! Bà thì bà chửi cho ủng mả ông tam đại tứ đại chứ bà lại chịu à!

Bác San sừng sộ toan cãi nữa, nhưng chị Pha can:

– Thôi, xin bà, xin bác, để đến bận khác. Bà tính tôi làm như thế có phải không?

Bà trùm khen:

– Phải, ăn miếng trả miếng, chứ cứ chịu nước lép thì có họa... Chả có thì kiện nhau đến tam phủ tứ phủ chứ chắc đã làm gì nhau tốt.

Nói đoạn, bà trùm lấy nước tắm cho thằng Bạch rồi vẫn tức con dâu, bà mát mẻ "chào hai bác" rồi về trước. Bác San bế thằng bé, vạch vú cho nó bú, rồi khi thấy mẹ chồng ra khỏi cổng, bác bảo:

– Tôi ghét cái lối bà ấy cứ đem chuyện nhà nọ đi nhà kia nói. Ấy rồi thế nào, nội ngày hôm nay, bên bác trương cũng biết việc này cho mà xem. Ở trong làng, trong nước, nhất là hàng xóm láng giềng, ta nên chín bỏ làm mười, chứ không thì thù hằn nhau đời đời.

Dứt câu nói, đôi bạn đã nghe tiếng bà trùm léo xéo bên nhà trương Thi, và chỉ độ mười phút sau, ngay bên hàng rào, cạnh vách, tiếng the thé của vợ trương Thi đã nổi lên để bình một bài văn bất hủ:

• – Làng trên xóm dưới! Bên sau bên trước! Bên ngược bên xuôi! Tôi có con gà mái xám nó sắp ghẹ ổ, nó lạc ban sáng, mà thằng nào con nào, đứa ở gần mà qua, đứa ở xa mà lại, nó day tay mặt, nó đặt tay trái, nó bắt mất của tôi, thì buông tha nó ra. Không tôi chửi cho đơơới!

– Chém cha đứa bắt gà nhà bà! Chiều hôm qua bà cho nó ăn hãy còn, sáng hôm nay, con bà gọi nó hãy còn, mà bây giờ nó đã bắt mất. Mày muốn sống mà ở với chồng với con mày, thì mày buông tha thả bỏ nó ra, cho nó về nhà bà. Nhược bằng mày chấp chiếm, thì bà đào mả thằng tam đại, tứ đại nhà mày lên, bà khai quật bật săng thằng ngũ đại lục đại nhà mày lên. Nó ở nhà bà, nó là con gà, nó về nhà mày, nó biến thành cú, thành cáo, thành thần nanh đỏ mỏ, nó mổ chồng mổ con, mổ cái nhà mày cho mà xem. Ối cái thằng chết đâm,

cái con chết xỉa kia! Mày mà giết gà nhà bà, thì một người ăn chết một, hai người ăn chết hai, ba người ăn chết ba, mày xuống âm phủ, mày bị quỉ sứ thần linh rút ruột ra. Ớ cái thằng chết đâm, cái con chết xỉa kia!

Chị Pha căm tức như chính mình bị chửi. Chị run lên, nghiến răng, xỉa xói bảo bác San:

– Đấy, bác xem, ai mà nhịn được!

III

Chị Pha bôi thêm tí nghệ vào mặt và chân tay, rồi sắp quang gánh, hạ cửa liếp để đi chợ.

Nằm ở nhà mấy hôm, chỉ tiêu mà không kiếm ra đồng nào, chị sốt cả ruột. Nhiều lúc vật tay xuống chiếu, chị thở mạnh ra những tiếng rên rất não nùng, thảm thiết.

Bởi vậy, để được yên tâm lo việc sinh nhai, chị đã nói với bà trưởng Bạt cho cái Bống, cháu bà bế hộ thằng Bạch, thì chị xí xóa công làm của chồng chị cấy cho bà mấy hôm nay mà bà còn chịu.

Bà trưởng bằng lòng ngay, vì cái Bống năm nay đã lên tám, bố mẹ chết cả rồi, nó ở nhà chơi cũng thế, phải tập làm đi thì vừa. Hễ thằng Bạch nó khóc, đã có bác tư Dậu, con dâu bà, cho nó bú chực. Khi trừ xong nợ, chị Pha hứa trả cho cái Bống mỗi ngày một xu.

Chồng chị chẳng nghỉ làm một buổi nào cả. Cấy xong cho bà trưởng, anh định cấy đến ruộng nhà. Con nhà nông, trời đã cho sẵn một bộ xương đồng da sắt để chống với nắng mưa. Ngày hè thiêu đốt, cũng như ngày đông tê tái, quanh năm anh phải lợi dụng hai cánh tay nổi bắp, để đỡ mang tiếng con trai nhờ vợ, để được ăn ở lương thiện, và để mong đóng góp với làng cho người ta khỏi khinh.

Bởi thế, cũng như phần nhiều dân quê, sự biết của anh rất hẹp, sự nghĩ của anh rất gần. Nó hẹp nó gần trong vòng lũy tre quây quanh làng. Xa hơn nữa, là cánh đồng đời đời phẳng lặng. Cuộc sinh hoạt mộc mạc làm anh bằng lòng sống hiền lành yên phận, không ước muốn cao xa phiền phức, sống như ông cha anh đã sống ngày trước, như phần nhiều người làng hiện đương sống bây giờ.

Mục đích cuộc đời chị Pha cũng không có gì khó hiểu. Nó theo nếp những người khác, là lấy chồng để nương tựa, buôn bán để có việc và đẻ con để nuôi.

Chị Pha đặt gánh lên vai. Thấy nặng, chị biết chị vẫn còn yếu. Nhưng mặt trời đã lên cao, rọi những tia chói lọi qua khe những đám lá cây. Chị nghĩ đến chồng lúc này ở ngoài ruộng. Chị được sung sướng nhàn hạ hơn, vì khi nắng khi mưa, lúc nào cũng được ngồi dưới mái lều. Chị bước rảo cẳng theo đà của hai chiếc bồ rún lên rún xuống.

– Này, chị Pha tôi nói cho mà biết, có về bảo anh ấy đổi tên thằng bé, không có chẳng ra gì với tôi đâu.

Chị Pha đứng dừng lại, đặt phịch gánh xuống đất. Chị hung hăng nhìn vợ trương Thi, mặt nóng bừng bừng. Nhưng chưa nói, chị đã thấy run lên, đầu choáng váng, và mệt rốc hẳn người. Định thần một lát chị mới đáp:

– Ừ đấy, cứ đặt thế đấy, nghĩa là sinh sự thì sự sinh, chứ bụt trên tòa gà nào dám mổ mắt.

trương Thi chạy ra, tay cầm thanh củi, nói:

– Phải, muốn sinh sự sự sinh thì tôi xem.

Chị Pha nghẹn hơi đến cổ, song biết thế không làm gì nổi. Nhưng không lẽ chịu nước lép, chị giở giọng chua ngoa:

– Nhà tôi không chứa thổ đổ hồ, chồng tôi không ăn trộm ăn cướp, tôi không theo giai đánh đĩ, không buôn lậu bán vụng, mười đời nhà đứa nào cũng không làm gì nổi tôi tốt!

trương Thi bị chạm nọc, cười gằn, trỏ vào mặt chị Pha, dọa:

– Ừ, mày xem tao có làm gì nổi mày không!

Chị Pha căm giận, toan cũng mày tao, và chửi một trận đáo để, nhưng bên địch đã kéo nhau vào nhà.

– Thôi mà, chị Pha, một câu nhịn là chín câu lành.

Chị Pha uất lên, chùi nước mắt, đáp:

– Đấy, bà tính xem ai sinh sự trước!

– Thôi, đi chợ đi, trưa rồi.

Vẫn còn hậm hực, chị Pha cất gánh lên vai. Chị tiếc sao lúc nãy không cứ xông vào xé cho con mẹ ấy một mẻ. Nhưng chị tự an ủi: ở đời bao giờ ở hiền cũng gặp lành, mà những kẻ gian ngoan tai quái như trương Thi, tự khắc đã có giời biết mà trị tội. Hạng ấy quyết

không thể giữ của bền được. trương Thi là một tay chơi có tiếng ở làng An Đạo. Cứ một vết sẹo dài chéo trên trán hắn cũng đủ tố cáo hắn vẫn sinh nhai bằng nghề gì. Ở tù ra, hắn không ăn trộm ăn cướp nữa, nhưng hắn lại nấu rượu lậu. Việc ấy cả làng biết đấy, song chưa lần nào hắn bị bắt. Nhà Đoan ở cách làng có sáu cây số, cả Tây lẫn An Nam về sục nhà hắn luôn, nhưng lần nào hắn cũng tẩu thoát được hết tang vật. Mà một khi người ta đã quay gót trở ra khỏi làng, hắn lại công nhiên đóm bếp nấu một mẻ rượu lớn.

Cả làng ai cũng kiềng hắn, vì người ta không muốn dây với con người ngông ngược. Hắn tưởng thế là giỏi, càng chẳng sợ chẳng nể ai. Ông lý trưởng, ông chánh hội, cho đến cả quan nghị hách dịch là thế, mà hắn chẳng coi vào đâu.

Chị Pha càng ngẫm nghĩ, càng căm hờn. Chị không hiểu sao những người thù nhau với hắn, không nghe ngóng đích xác lúc nào hắn đương làm việc phi pháp, lập tức đi máy Đoan về. Chỉ cách ấy mới có thể làm cho con người nham hiểm phải tuyệt nghiệp, tù tội. Mà vùng này mới được yên ổn làm ăn, thỉnh thoảng đỡ thấy bóng những người mặc quần áo vàng, xồng xộc vào làng, để họ nhũng nhiễu, có khi không khám được rượu lậu, họ đâm cả vào nhà người ta ghẹo gái.

Đến chợ, chị Pha chui vào lều, lấy nón quạt một lát, rồi cởi đôi bồ lấy hàng ra bày. Người quen kẻ thuộc, ai thấy chị vắng mấy buổi mà nay bụng bé đi cũng biết là chị ở cữ. Với những người hỏi thăm, chị kể rành rọt cho nghe câu chuyện bực mình vừa rồi. Nói được như thế, chị mới hả.

Chẳng mấy chốc, những hộp gỗ vuông có lồng kính trên mặt đã bày la liệt trước chị, trên chiếc vỉ buồm rộng bằng cói rải xuống đất. Thực là một cuộc triển lãm về công nghệ quốc tế: khuy, phấn, pin, ghim, ví, xà phòng Con Mèo, thuốc lá, lưu hoàng, thuốc lậu Từ Ngọc Liên, cỗ bài, dầu Cô Ba, truyện, vân vân... Trên xà rủ xuống những áo tích cô, khăn mặt bông, bít tất và dải rút.

Chị Pha ngồi trên chiếc ghế thấp, thỉnh thoảng mở hộp trầu ra lấy một miếng để nhai cho đỡ buồn, và luôn luôn mời chào người qua kẻ lại.

Nắng như quăng lửa. Càng về trưa, chợ càng đông. Mùi người trộn lẫn với mùi cá, mùi thịt, theo bụi bậm xông lên.

Chị Pha thấy đói bụng, mở gói, lấy cơm nắm ra ăn, chấm với trứng cáy.

Bỗng vợ đĩ Dự hớt hơ hớt hải chạy đến báo:

– Chị về xem, anh ấy làm sao kia kìa!

Chị Pha giật mình hỏi:

– Nhà tôi làm sao hở mợ?

– Ai biết được, thấy người ta đương túm đông túm đỏ ở sân đình ấy.

Chị Pha vội vàng bỏ cả ăn lẫn hàng, nhờ em dâu trông hộ, cầm nón tức tốc về. Chị cắm cổ chạy, quên cả mệt. Chị cố đoán mà không sao biết được việc gì.

Đến đầu làng, chị thấy đám đông đi về phía cổng đồng. Vì không gặp ai để hỏi, nên chị cố chạy tháo, nhịn thở, nhăn mặt, ôm bụng mà chạy cho kịp. Gần đến nơi chị mới gặp một người mách:

– Có rượu chôn ở ruộng anh ấy!

Tin sét đánh làm chị rụng rời chân tay. Chị hiểu ngay. Chị thấy chồng, đầu không nón, mình không áo mà trời nắng chang chang thì chị thương hại quá. Pha phải trói giật cánh khuỷu, đầu dây chão có người tuần cầm. Người Tây Đoan mặt đỏ, vẫn như mọi bận, đội mũ vải vàng rộng rìa, mặc áo sơ mi nịt quần cụt, chống cái ba toong thật to. Ai trông thấy nước da đỏ, bộ râu hùm và đôi mắt khoằm khoặm của hắn cũng phải khiếp. Đi với người Tây có hai người lính quần áo vàng, nón vàng giầm chân không, nhưng mặt có vẻ oai vệ lắm. Sau bọn nhà Đoan, thì lý trưởng, chánh hội, phó lý, khán thủ, hai người tuần và đến trăm người kéo nhau ra xem. Những người này đều nhìn Pha bằng đôi mắt ghê tởm, khinh bỉ. Tự nhiên họ ghét bỏ một người bất lương hành động trái luật như kẻ cướp kẻ trộm vậy.

Nguyên nhà Thương chính trên huyện được tin báo có rượu lậu ở An Đạo, nên phái người về. Người nhà Đoan đến làng, gọi lý trưởng ra ruộng để nhận thực và tìm bắt chủ ruộng là Nguyễn Văn Pha. Lý trưởng tuân lệnh, phái khán thủ và một tên tuần đến ruộng bà trưởng Bạt. Pha đương cấy, thấy tự nhiên có người vồ lấy mình và trói, anh sợ hãi chẳng hiểu việc gì, ngơ ngác hỏi. Nhưng không ai trả lời cả. Họ thít rõ chặt, giong anh về nhà.

Trong khi ấy, lính Đoan vào nhà Pha, lấy thuốn sắt nhọn chọc chẳng còn thiếu chỗ nào, trong nhà, ngoài bếp, đống tro, đống quần áo, chĩnh tương, mặc kệ.

Lục lọi không thấy gì, mọi người trở ra, thì vừa lúc tuần giải Pha đến. Biết rằng bị khám rượu lậu và chắc nhà Đoan lầm, anh nói:

– Thưa các quan, tên con là Nguyễn Văn Pha đấy ạ.

– Phải rồi, ruộng mày có chôn rượu lậu.

Pha tái mét mặt, nhìn sang nhà trương Thi thấy người đứng lố nhố nhìn qua hàng rào. Anh hiểu ngay vì đâu rượu lại bò đến ruộng của anh. Anh biết tội này là quan trọng và đành chịu, chứ không thể cãi oan được.

Nhưng muốn anh phục Nhà nước không bắt lầm ai bao giờ, người ta giải anh ra đồng để được nhìn bằng hai mắt chính ruộng anh có rượu để ký nhận vào biên bản.

Chị Pha thấy chồng oan uổng, vội vàng chạy đến trước mặt người Tây Đoan, chắp hai tay vái lấy vái để và khóc lóc, nói:

– Lạy quan lớn, quan lớn tha cho chồng con, chồng con không biết nấu rượu bao giờ. Chẳng qua người ta thù.

Người Tây trợn mắt, giơ ba toong lên dọa. Hàng trăm người chạy ồ như vịt, ngã cả lên nhau. Nhưng không có gì cản nổi người đàn bà ngu xuẩn và liều lĩnh, tuy mặt người ấy nhợt nhạt vì mệt và vì sợ.

– Lạy quan lớn, chồng con vẫn lương thiện không dám làm những việc phi pháp. Đây, có mặt các cụ lý, cụ chánh, quan lớn hỏi ngay thì rõ.

Lý trưởng quắc mắt:

– Ô hay, cái chị này, việc gì đến tôi chỗ ấy. Tôi không biết đâu. Bước! Quan lớn đánh cho bây giờ!

Người Tây Đoan thản nhiên đánh diêm, hút thuốc lá và chữa cái quai mũ. Chị Pha vẫn khóc lóc và nói lải nhải:

– Nó thù, nó chôn rượu vào ruộng nhà tôi.

Rồi cảm động quá, chị nức to lên:

– Ai làm thế nào mà canh ruộng ở ngoài đồng được, hở giời! Khốn nạn thân tôi quá, giời ơi!

Người lính Đoan xua tay đuổi:

– Đi lên Hà Nội mà lý sự, đây không biết. Rồi tù mất nhà, mất ruộng.

Thấy chị Pha khóc một cách lố bịch, người Tây Đoan nhăn răng ra cười. Hình như hắn đã chai mắt, chai tai về hàng nghìn hàng vạn tấn kịch có tiếng khóc thống thiết như thế.

Thấy tiếng kêu van của mình vô công hiệu, chị Pha quay lại nói với Lý trưởng và Chánh hội:

– Lạy các cụ, các cụ làm phúc nói với quan hộ cho. Thật là oan nhà cháu quá. Có người đáng bắt thì các quan không bắt.

Người lính Đoan quắc mắt:

– Im mồm!

Chị Pha tức quá, không nhịn được, bèn nói liều:

– Các ông làm việc vô lý, chỉ bắt ức người ta thôi. Ruộng ở tận ngoài đồng, chả lẽ ra đấy mà ngồi canh suốt đời à?

– Mặc kệ, lên Hà Nội mà kêu?

Từ nãy, Pha không van lạy gì. Anh cũng thản nhiên như người Tây Đoan, vì anh coi việc phải trói và giải đi, rồi phải tù, mất nhà, mất ruộng chăng nữa là một việc dĩ nhiên. Ở gần nhà Đoan từ thuở nhỏ, làm gì anh chả được mắt thấy, tai nghe biết bao nhiêu việc như việc này.

Bởi vậy, tuy thương vợ còn yếu đuối, anh chỉ lẳng lặng mà chịu tội, còn hơn là cương, là kêu, lỡ bị tát, đá, đánh, thụi, lại thêm khổ vào thân nữa chứ ích gì.

Pha theo người ta dẫn đến cánh Mả Dơi có ruộng mình mà người lính Đoan thứ ba nữa đương đứng đợi và ý chừng để canh tang vật.

Bỗng chị Pha chạy lồng lên trước, như có việc gì lạ vậy. Rồi tự nhiên chị quay lại, mừng rỡ, cuống quýt, chắp tay lạy người Tây Đoan và nói:

– Lạy quan lớn, ruộng này không phải của nhà con.

Cả ngần ấy mắt trố lên. Ai nấy ngạc nhiên hết sức, Pha cố nhìn, thì bỗng nhẹ hẳn người, như được sống lại.

Chị Pha cười khanh khách nói:

– Bẩm đấy là ruộng của quan Nghị Lại ạ.

Mọi người tưng hửng, ngơ ngác nhìn nhau ra ý sợ hãi.

Pha tươi tỉnh, trỏ ruộng bên cạnh rồi nói:

– Ruộng nhà con đây, chứ không phải ruộng ấy.

Người Tây Đoan hất hàm hỏi Lý trưởng. Lý trưởng và Chánh hội đồng thời đáp:

– Bẩm ruộng này của tên Phạm Lai thật ạ.

Người Tây nhún vai, giơ ngang hai cánh tay...

May quá! Pha lại lương thiện như thường.

IV

Dinh cơ Nghị Lại ở đứng giữa làng An Đạo. Song, sự thực, làng An Đạo với dinh cơ ông là hai thế giới cách biệt hẳn nhau.

Đó là một khu đất rộng ước hai mẫu, bốn mặt tường cao ba thước tây xây gần kín khắp, trừ nhà cụ Ánh ở oái oăm vào một góc. Những mảnh chai sáng choáng, tua tủa cắm thẳng trên tường, như lưỡi lê của đội quân canh đứng đều răm rắp. Giữa dãy tường theo đường cái, nổi lên cái cổng cực lớn, có chòi canh, nhưng họa hoằn hai cánh mới có dịp mở. Thường thường, người ta vẫn ra vào bằng cái cửa tò vò bên cạnh, rộng độ năm mươi phân tây, nhưng cả ngày đóng im ỉm.

Nghị Lại giàu có một cách hỗn láo. Tiền, thóc, ruộng nhà của người khác lọt vào tay ông dễ dàng như trở bàn tay.

Với ông, sự học vấn không làm gì. Thuở bé, ông coi sách vở là kẻ thù số một. Bây giờ ông vẫn còn khoe một việc năm ông mới mười lăm tuổi. Hồi ấy ông học ở lớp Tư. Một hôm không thuộc bài, ông bị thầy giáo mắng nhiếc. Lập tức, ông đứng phắt dậy, cắp sách ra khỏi nhà trường. Và từ đó, dù cha mẹ khuyên dỗ, mắng chửi thế nào, ông cũng không trở lại cái ngục thất nó chiếm đoạt hết cả tự do của tuổi sung sướng của ông nữa.

Rồi năm sau khôn hơn, ông mới nhận ra rằng tự thuở nhỏ ông vẫn bị giam hãm trong cái ngục thất nghiệt ngã hơn nhà trường, là gia đình, mà những người coi ngục còn nghiêm khắc bằng mấy mươi thầy giáo. Ông bèn tìm dịp thoát ly. Một tối, ông lấy cắp năm trăm bạc, theo một người bạn hơn tuổi, lên Hà Nội. Hai anh em tập cách ở xã hội.

Vì ở xã hội sớm thế, nên ông sớm học được đủ các ngón, mà ngón nào cũng tinh. Ông lấy làm hãnh diện rằng mới mười sáu tuổi đã giỏi trống cô đầu, mới mười bảy tuổi đã hút nổi hai mươi điếu thuốc phiện một lúc và mới mười tám tuổi, đã có vô số nhân tình ở Hà thành.

Ông chỉ chửi lại cha mẹ có hai lượt vì ngày xưa, ông ở nhà rất ít để phụng dưỡng song thân, và nếu năm mười chín, không đa mang điếu

thuốc, điếu xái, lâm vào cảnh túng bấn, thiếu ăn thiếu tiêu, ông đã chẳng trở về với gia đình, và đã thực hành được câu thề không đời nào chịu gọi vợ chồng thằng Chánh Hòe là bố mẹ. Chỉ vì nghĩ ngợi rõ kỹ lưỡng một đêm đói thuốc, ông mới tỉnh ngộ rằng ông đã dại mà không hưởng quyền làm con, quyền làm con một của nhà giàu có hàng vạn.

Ông bà Chánh Hòe thấy con về thì mừng, cho là đã biết hối, bèn dỗ dành con nên tu chí làm ăn, và cưới cho con người vợ. Một cô vợ đẹp, một ả phù dung, là hai cái dây chắc chắn nó ràng buộc ông với nơi chôn rau cắt rốn. Hai cụ liền huấn luyện cho ông cái phương pháp làm giàu. Và từ khi đứng chủ cơ nghiệp này, ông mới phục ông còn giỏi bằng mấy song thân ngày trước.

Nguyên khi ông bà Chánh mất đi thì dinh cơ mới rộng độ tám sào mà ruộng vườn tất cả có ngót trăm mẫu. Thế mà thấm thoắt trong mười năm trời, tường quanh nhà xây gần kín hết, mà ruộng nọ đẻ ra ruộng kia, đến tháng này, ông có vừa đúng bốn trăm mẫu.

Bây giờ ông chỉ nằm khểnh, hút cho sướng cái tuổi năm mươi, thỉnh thoảng có dịp thì lại làm giàu chơi, chứ ông cũng lấy làm mãn nguyện rồi.

Bọn hương lý đưa người nhà Đoan đến cổng lớn nhà Nghị Lại. Lý trưởng giơ tay giật dây chuông, thì đồng thời đàn chó cũng cắn dậy lên. Một lát, trên chòi có người nhìn xuống:

– Ai hỏi gì?

– Vào bẩm với quan rằng có quan Đoan đến nhé.

Năm phút sau, phía trong cổng có tiếng tháo gióng gỗ và mở khóa. Hai cánh cửa theo hai bánh gỗ lộc cộc lăn trên gạch, mở toang, để hiện ra một anh lực điền, cởi trần đứng choãi hai chân, đương cố sức mở cho hết cánh lim dày dặn.

Người Tây Đoan quen lối, đi thẳng vào sân, mặc dầu lũ chó xổ ra, lăn xả vào mà cắn. Ông qua chuồng trâu bò, lẫm thóc để lấy bóng rợp, rồi bước chân lên thềm vào buồng khách.

Buồng khách ấy khá gọi là tình tứ.

Đây là một cô gái Trung Hoa trắng hồng như trứng gà bóc, mũm mĩm hầm hớ hênh trật cả đùi lẫn vế. Nọ là một phu nhân mẫu quốc đã tụt quần gần quá bẹn như chỉ chực đánh rơi vào đầu những ai đi dưới. Ở góc lại một cô nữa chẳng mặc gì để che tấm thân trắng phau, béo phốp, nhưng lại thẹn thò chua ngoa, một tay bịt ngay chỗ chẳng

nên bịt và một tay giơ lên trời, cầm một cái... Một cái đây hiểu ngầm là một ngọn đèn cụt đầu...

Những thức ấy đáng lẽ khêu gợi lắm thì phải, song tức thay, nó chỉ là những bức tranh màu và pho tượng trắng đầy bụi bậm. Gia dĩ, may cho khách đa tình không đến nỗi ngây ngất, là trong buồng lại sẵn nhiều sức phản động khiến người ta phải cụt hứng ngay.

Đầu tiên, là một mùi tanh tanh ở trong gầm xông ra. Nó là mùi han đồng của những đỉnh, những đèn, những mâm, những nồi xếp la liệt dưới sập. Những thức ấy khó lòng mà lấy ra được; vì khi cất vào đó, người ta đã phải rất đông cùng khiêng bổng cái sập lên, mà khi hạ xuống, thành sập sát gần xuống đất.

Rồi đến những bàn ghế, tranh ảnh, cùng trăm thứ trang hoàng trên tường, không ra lối lăng gì. Cái thì thực đẹp, cái thì thực xấu, cái thì thực mới, cái thì thực cũ. Hình như những đồ ấy chủ nhân đã góp nhặt dần dần của các nhà khác. Sự bày biện bảo cho ta biết chủ nhân là một tay bất chấp mỹ thuật, nhưng là một người biết chịu khó tiếc của trời.

Nhưng cái phản động lực lớn nhất lại là cái ảnh truyền thần Nghị Lại. Ta nên nhớ rằng ông Lại mới làm nghị viên. Song vì người làng phải nghe ông và gọi ông là quan, nên ông không cần nể ai, chụp ngay cái hình mặc mũ áo đại triều và thuê vẽ. Họa sĩ lại là tay đồng chí của chủ nhân, càng không cần nể ai nữa. Y đã tô màu tía lên trên áo rộng và vẽ thêm đôi giao long dưới cầu mũ có rắc kim nhũ. Song, trời ạ, cả một bộ triều phục uy nghi ấy lại dùng để trang hoàng cho một tấm thân có bộ mặt hom hem, răn rúm, khủng bố người ta bằng hai nét răn xoạc cong sang bên má, làm cho đôi mắt đã xếch càng xếch thêm. Họa sĩ muốn tôn người có của, đã hòa màu hồng cho khéo để tô da mặt hồng hào như người Mỹ tráng kiện. Song sự thực, Nghị Lại là dòng dõi một giống người thuộc về chủng tộc thứ sáu trên hoàn cầu.

Thực vậy, nếu trắng thì ông là người Âu, nếu vàng ông đã là người Á, nếu đỏ, ông đã là người Mỹ, nếu nâu, ông đã là người Úc, nếu đen, ông đã là người Phi. Đằng này ông lại xanh xanh đích thủ da của chủng tộc người nghiện.

Nghị Lại lúc ấy đã khăn áo chỉnh tề. Ông làm ra dáng vội vàng. Tuy vậy, hai mi mắt vẫn còn húp híp, và mùi khói thuốc phiện còn nồng nặc, khiến ai cũng đoán được rằng ông vừa qua một giấc điệp

nồng nàn, và muốn tấm thân chỉ khẳng khiu thôi, được nhẹ nhàng để cử động, ông đã phải bơm khói vào trong bằng ít ra là mươi điếu thuốc phiện.

Ông cười khanh khách, vồn vã đến trước mặt ông Đoan, tưởng như sắp vồ lấy bạn tri kỷ mà hôn hít. Ông cúi gập người, ôm chầm bằng cả hai tay, lấy tay người Pháp mà rung tít:

– Lạy quan lớn, sao lâu nay quan lớn không vào chơi.

Người Tây Đoan nhún vai, nói:

– Tôi vào đây, vì có việc quan hệ.

Nghị Lại ngạc nhiên, đớ người, nhìn khách:

– Cái gì vậy?

– Ruộng ông có rượu lậu?

Nghị Lại tròn mắt nhìn:

– Có rượu lậu?

– Phải, thầy Lý trưởng nói rõ để ông Nghị biết là ruộng nào?

Lý trưởng nói:

– Bẩm quan, cái thửa bảy thước ở cánh Mả Dơi, của nhiêu Sinh nhường hầu quan tháng trước, mà quan cho nhà Lành cấy rẽ ấy ạ.

Nghị Lại cau mặt, gõ mấy đầu ngón tay xuống bàn:

– Cái thửa ruộng ở cạnh thằng Pha ấy à?

– Dạ.

Ngẩn người ra một lúc, rồi Nghị Lại cười:

– Quái. Nhưng quan lớn bảo nhà tôi thế này còn nấu rượu lậu làm gì?

– Đành vậy, nhưng ông là chủ ruộng, thì theo pháp luật ông có lỗi. Hiện tang vật còn đó, ông ra đồng với tôi để xem, và ký vào biên bản.

– Phát!

Một tiếng gọi trong lúc giận dữ, ai nấy giật mình:

– Dạ.

– Mày bẩm với cô Năm, đi theo Lý trưởng ra xem có phải đứa nào bỏ rượu vào ruộng nhà không nhé.

Rồi ông nói với ông Đoan:

– Thôi, ta bất tất phải đi. Mời quan lớn cứ ở đây. Nắng lắm.

Ông quay vào trong, gọi:

– Mau lên, sao chậm thế?

– Dạ.

Tức thì một tên đầy tớ bưng khay rượu ra. Hai cốc sâm banh trong sáng lanh canh chạm vào nhau làm sóng sánh rượu vàng. Nghị Lại giơ tay mời:

– Rước quan lớn.

Khách chạm cốc rồi ngửa cổ uống một hơi. Nghị Lại rót thêm và nói:

– Cái cốc này người ta làm nông quá. Giá quan lớn cho phép, tôi lấy bộ cốc uống vang thì rót được nhiều hơn. Chắc quan lớn khát lắm.

Người Tây Đoan mỉm cười:

– Tùy ông.

– Thứ rượu này ngon lắm. Hồi sinh thời cụ tôi, cụ tôi không dùng, đem cất vào xó lẫm thóc đến ba mươi chai ấy. Bây giờ tôi mới biết, suýt nữa quên thì phí.

Rồi ông cười thực to để che lấp sự lo lắng và nghĩ ngợi.

Uống quá nửa chai rượu, người Tây Đoan mặt đã hơi hồng hồng, bèn nghỉ miệng để nói:

– Về việc rượu này, chắc ông phải phạt nặng.

– Tôi không hiểu sao pháp luật lại quá bất công thế. Tôi đã làm nghị viên, rất trung thành với hai chính phủ, không nhẽ tôi lại dám làm điều phi pháp.

– Phải, điều đó tôi cũng hiểu, và không ngờ gì ông cả, nhưng pháp luật là pháp luật.

– Ruộng của tôi rất nhiều, không những ở tỉnh này, mà còn ở tỉnh khác nữa, chẳng lẽ thửa nào tôi cũng phải cho người đi canh hay sao? Mà nếu lệ nhà Đoan nghiêm ngặt thế này, thì những đứa ghét tôi, chỉ một ngày có thể dễ dàng làm tôi khánh kiệt cả cơ nghiệp được.

Khách không đáp, chỉ mỉm cười. Nghị Lại nói tiếp:

– Làng tôi có một thằng xưa nay sinh nhai về nghề nấu rượu, tên nó là thằng trương Thi, chắc nó bỏ rượu lậu vào ruộng nhà tôi.

Chánh hội mách:

– Bẩm nó định bỏ vào ruộng nhà thằng Pha kia đấy ạ, vì hai đứa xưa nay vẫn thù hằn nhau.

Ông Đoan nói:

– Phải chính thằng Thi đi báo tôi.

– Đấy, việc rõ rệt như thế, mà quan lớn phạt tôi thực là oan tôi quá.

Người Tây nhún vai:

– Nhưng tôi biết làm thế nào. Ông với tôi vẫn là chỗ bạn bè thân.

Vừa lúc ấy cô Năm về, nhận chính là ruộng nhà. Nghị Lại nghĩ lung lắm.

Rồi ông sực nhớ ra, mắng đầy tớ:

– Kìa, chúng mày sao không mời các thầy xuống nhà ngang xơi nước.

Đợi khi trong buồng vắng, ông Nghị cười thân mật, nói:

– Đành tôi chịu cái vạ vịt, nhưng chỗ quan lớn với tôi, quan lớn có thể cứu tôi không? Tôi thì không văn hoa lễ phép được như người ta, nên mới hỏi thẳng quan lớn như thế?

Người Tây Đoan lắc đầu:

– Không thể, việc tôi về đây khám rượu, ở sở có biết, và người làng này cũng biết cả.

– Thì tôi tưởng như quan lớn làm như không khám thấy gì?

– Không được, có hẳn hoi, và có hương lý làm chứng.

– Ồ làm gì! Hương lý ở đây là đầy tớ tôi cả, tôi bảo gì chúng nó không phải nghe. Quan lớn làm ơn cứ xé biên bản đi, thế nào tôi cũng không dám quên ơn quan lớn.

– Không được, ông ạ.

– Tôi làm nghị viên, rất trung thành với hai chính phủ. Cho nên tôi không muốn có dấu vết gì xấu trong lý lịch tôi với Nhà nước. Tôi chỉ ngại điều ấy, chứ có sợ gì món tiền phạt. Nhà tôi như thế này, tôi thiếu gì. Chắc quan lớn cũng biết, tôi hầu hạ các quan, có lúc tốn kém đến bạc nghìn, mà có tiếc gì. Đấy, ngay như mấy lần tết nhất, tôi vẫn đi lại hầu các quan lớn thì quan lớn biết.

Ông Đoan gật gù, đáp:

– Nhưng tôi không muốn làm việc phi pháp.

– Thôi, tuy vậy nó hợp với tình bạn bè. Tôi không quên ơn quan lớn đâu mà. Trước kia tôi chưa nhờ vả gì quan lớn, mà còn đi lại hậu hĩ, nữa là bây giờ tôi hàm ơn quan lớn.

Người Tây Đoan nghĩ ngợi một lát, rồi hỏi nhỏ:

– Thửa ruộng ấy, ông cho đứa nào cấy?

– Tên Nguyễn Văn Lành.

– Nó ở đâu?

– Nó ở tổng Hà Tràng, cách đây chừng mười cây số.

Người Tây Đoan nghĩ ngợi, rồi gật đầu. Nghị Lại vui vẻ xui:

– Tuy ở xa, nó có thể chịu trách nhiệm về việc rượu lậu này, vì tôi đã giao ruộng cho nó. Xin quan lớn cứ bắt và làm tội nó. Thế thì công bình hơn là bắt tôi.

Người Tây Đoan đứng dậy cười, bắt tay ông Nghị lắc đầu than thở:

– Tôi vất vả về ông.

Ông Nghị khúm núm đáp:

– Không dám.

Rồi ông tiễn khách ra cổng, nhìn theo ân nhân với một nụ cười.

*

* *

Tất cả bao nhiêu bạn đầu gối tay ấp của Nghị Lại đều lên cả nhà khách, uống nốt chỗ rượu sâm banh còn lại và chờ chồng về, xem kết quả cuộc điều đình ra sao. Ai cũng muốn tỏ ra tha thiết đến hoạn nạn của gia đình lắm.

Tiễn người nhà Đoan xong, Nghị Lại trở vào nhà, mặt hầm hầm, đi vào buồng khách.

Ông vứt bịch khăn xuống sập, cởi áo sa, áo trắng và áo cộc ra. Bên bức truyền thần một ông quan mũ áo chỉnh tề, hiện ra một thằng người trơ trơ bằng thịt bằng xương. Nói cho đúng, thịt thì Nghị Lại hiếm, nhưng xương thì ông rất nhiều, vì ông cởi trần, nên để lộ ra một thân thể gầy còm rất đáng thương, tưởng chừng như cả bộ xương xộc xệch ấy chỉ dính vào nhau một cách lỏng lẻo, mà va vào đâu một tí, là cái khung người phải bẹp dúm dó, khó lòng nắn cho nó lại nguyên hình.

Cô Tư quạt cho ông, hỏi:

– Thưa thế bây giờ công việc ra sao ạ?

Nghị Lại phồng mồm, thở phù một cái, rồi kể lại chuyện cho các vợ nghe. Cô Ba nói:

– Đấy tôi đoán là không việc gì, chả đúng à, chắc quan nói, người ta nể.

Cô Năm ỏn ẻn:

– Tôi thì tôi cứ lo lo là!

Bà Cả cau mặt bảo đầy tớ:

– Phát, tao cho phép mày gặp thằng trương Thi đâu thì cứ cắt gân nó đi cho tao. Tội vạ đâu tao chịu.

Cô Ba xui ông Nghị:

– Cắt gân mà thôi à, quan làm cho nó ăn mày phen này ấy chứ lị.

Cô Hai nói:

– Mà cứ để ruộng người ngoài lọt vào ruộng nhà thành ra rắc rối.

Cô Tư cãi:

– Thì quan dỗ dành nó mấy lượt, nó không bán đấy chứ!

Bà Cả chép miệng:

– Không thể để thế lâu được.

Trong khi từng ấy người bàn tán, Nghị Lại không thêm vào nửa lời. Ông nằm trên sập, ngẩn ra, nhíu đôi lông mi lại.

Chợt ngoài sân có tiếng chuông rung, rồi một lát, Phát đưa một người đàn bà vào.

Người đàn bà đặt gói chè vào cái khay, rồi ngồi thụp xuống đất, vừa lạy vừa nói:

– Lạy quan, thầy cháu sợ phép quan lớn, không dám đến để lạy quan, mà thầy cháu hiện từ trưa đến giờ không biết đi đâu mất. Thực thầy cháu chịu tội với quan nhiều.

Nghị Lại ngồi nhổm dậy, hỏi Phát:

– Đứa nào thế, mày?

– Bẩm vợ nhà trương Thi ạ.

Nghị Lại trợn mắt quát:

– À, mày phản tao!

Vợ trương Thi sợ, khóc lóc:

– Thầy cháu lo quá, phát sốt phát rét lên, mà thực quả tình nào có biết đâu ruộng ấy là ruộng của quan. Lạy quan, quan làm tình làm tội gì thì thầy cháu xin chịu, nhưng xin quan nghĩ lại cho nhà cháu, hai vợ chồng dại với bảy đứa con thơ.

– Chồng mày bỏ rượu lậu vào ruộng tao, rồi đi báo quan mày còn bảo tao thương thế nào?

– Lạy quan, thực oan cho thầy cháu quá. Thầy cháu cũng như tôi con quan, vậy con nào lại phản bố bao giờ. Lạy quan, quan đánh cho hai chữ đại xá, thì con mới dám cho người tìm thầy cháu về. Con chỉ sợ thầy cháu liều lại đi đâm đầu vào xe lửa hay xuống sông thì thực là khổ quá.

Nói đến đấy, người đàn bà cảm động quá, lại nức lên khóc.

Nghị Lại nguôi cơn giận, hỏi:

– Tao có thể bỏ tù vợ chồng mày lúc nào cũng được. Song tao vốn nhân đức, tao không nỡ. Mày sinh nhai bằng nghề quốc cấm, lại đi làm hại người ta.

– Bẩm quả nhà con lập tâm báo thù thằng Pha, chứ có biết đâu ruộng ấy là của quan ạ.

– Tao cũng chiếu tình cho nhà mày, nhưng sao trong làng trong nước, chúng mày nỡ cư xử với nhau cạn tình thế.

Vợ trương Thi che lỗi, vội nói:

– Lạy quan, quan mắng chửi thế nào chúng con xin chịu, nhưng chính nó gây sự với con nhiều lần, con nhịn mãi đến nỗi uất lên, không chịu được. Bẩm, ở làng này nó chẳng sợ nể ai, ai nó cũng nói chẳng ra làm sao.

Nghị Lại cười. Người đàn bà mỏng môi, lại hót thêm:

– Bẩm con nói câu này, quan lại bảo con ghét bỏ nó mà mách, chứ cái ngày quan dạm mua ruộng nhà nó, nó đã không bán, lại còn dám nói xấu vô số.

Ông Nghị cười lạt nói:

– Hừ! Cứ nói cả huyện này, tao lấy ruộng của đứa nào không được.

Vợ trương Thi phỉnh:

– Dạ, lạy quan, quan thì hay thương người, quan chẳng nỡ làm thế, quan để cho tôi con được nhờ.

Nghị Lại vênh váo như tưởng mình phúc đức thật, nhìn người đàn bà ra ý vừa lòng, rồi nói:

– Thế nhà mày với nhà thằng Pha thù nhau, sao không đi kiện trên huyện, lại bỏ rượu lậu như thế?

– Thưa quan, con có ngờ đâu lại bỏ nhầm ruộng, chứ nếu đúng thì không những nó phải tù, lại còn mất nhà mất cửa nữa. Kiện ở huyện, bất quá mình tốt lễ, quan trên mới xử cho được, và nó chỉ phải tù là cùng. Ngộ nó cũng tốt lễ, thì mình công toi.

Nghị Lại lắc đầu, nói:

– Bởi vì mày lo chỗ không đáng lo. Lo những chỗ đáng lo thì nó có thoát đằng nào được.

– Lạy quan, cũng tại nhà con không có tiền lễ quan huyện. Đằng này bỏ rượu vào ruộng thì chẳng tốn kém gì cả.

– Không có tiền lễ quan, mà mày lại không biết ở làng này ai thân với quan để đến mà nói à?

Vợ trương Thi ngẫm nghĩ, rồi đáp:

– À, lạy quan, tại con chưa nghĩ ra. Bây giờ quan dạy, con mới biết. Mà giá trước kia có biết quan thân với quan huyện, con cũng sợ, chả dám đến nói, nhỡ quan chửi cho thì làm thế nào?

Nghị Lại mắng:

– Chúng mày làm như tao ác khẩu lắm ấy. Đứa nào cũng sợ tao chửi. Tao đã chửi đứa nào bao giờ. Ở làng này, ai có việc gì nhờ, tao cũng sẵn lòng giúp. Nào vay tiền ư, nào nói với quan hộ ư, tao đã từ chối ai chưa?

– Lạy quan, quan thương dân như thương con. Giá trước kia biết quan dễ dãi như thế này, thì con cứ trăm sự nhờ quan cho xong.

Nghị Lại gạn:

– Thế bây giờ mày có muốn kiện nó không?

– Bẩm bỗng không chả lẽ lại kiện?

– Con mẹ mới thật thà chứ? Thiếu gì cớ? Mày cứ qua cửa nhà nó, nói trêu tức nó một câu, xem có thành chuyện to không nào?

Vợ trương Thi vui sướng:

– Dạ, lạy quan, rồi có thế nào thì trăm sự con nhờ quan.

– Mày về gọi chồng mày đến đây tao vẽ cách cho mà làm.

Vợ trương Thi sắp đáp, bỗng bên nhà Ánh chỗ hàng rào dâm bụt nổi lên một hồi chửi rủa, tiếng lanh lảnh réo sang bên nhà Nghị Lại:

– Bà mất nhà mất cửa, bà đi ăn mày, nhưng bà hãy chửi cho sướng miệng hôm nay, rồi mai bà muốn đi đâu thì đi. Chứ nó lại độc ác tàn nhẫn thế à. Đất nhà nó rộng thế chứ còn muốn rộng đến đâu nữa, nó lại muốn chiếm cả nhà bà cho vuông, cho đẹp dinh cơ kia. Nó để chôn vợ chôn con nó à! Bà không bán, nó lập tâm thả chó sang nhà bà, để suýt con bà chết lòi ruột. Rồi bà đánh chó nó, nó đi kiện. Nó xui người đến mách bà bán nhà để lấy tiền lễ quan, rồi nó mượn người đến mua rẻ.

Nghị Lại vờ không nghe tiếng, nhưng mặt nó cứ xám dần. Vợ trương Thi sợ ông ngượng, bèn chào và ra về bụng khấp khởi mừng thầm vừa thoát được nạn lớn, vừa nhờ được chỗ có thế lực để trả thù. Sung sướng bao nhiêu, chị phục quan nghị nhà chị bấy nhiêu, và nguyền rủa mãi những người ghét ông, họ bịa ra chuyện chẳng đáng tí nào, để nói xấu ông là thằng giàu đểu giả, quanh năm hút máu hút mủ những hạng cùng đinh.

V

Chiều nay Nghị Lại ra đường chơi mát.

Đó là điều lạ, không biết hay hay gở, và chờ ai.

Không bao giờ ông đi lại như thế lại không có mục đích. Bao nhiêu công việc, ông đã định trong bụng cả rồi.

Đáp những cái vái dài của người nhờ vả ông, của người tự nhận là đầy tớ, tôi con ông, ông nhìn họ, chứ đầu và môi không nhúc nhích.

Đứng xem lũ trẻ con đánh khăng và cãi nhau, ông nhoẻn mép ra cười. Rồi tạt vào văn chỉ, ông lấy que móc đất chỗ chân cột, xem còn mối hay chăng. Ông rỗi rãi quá.

Qua điếm canh, ông bước thong thả hơn.

Ông đến xóm Chũm. Chị Pha ngồi ở ngõ, đương bế con, miệng lúng búng đầy cơm, tay cầm chiếc đũa, vội vàng đứng dậy, ngửa mặt lên trời, chào:

– Lạy quan.

Ông Nghị hơi gật, ôn tồn hỏi:

– Ừ, nhà mày đâu, ít lâu nay tao không gặp?

Lại ngửa cổ lên, chị đáp:

– Lạy quan xá tội cho, nhà con đến ba bốn tháng nay những việc là việc.

– Mấy lần trên nhà có bận, tao có ý hỏi, mà không thấy.

Thấy ông Nghị hỏi, Pha vội vã chạy ra, lễ phép vái chào. Sở dĩ lâu nay anh lánh mặt, vì mỗi bận gặp Nghị Lại, là một bận anh bị ông hỏi đã nhất định chưa. Nhất định nghĩa là nhất định bán ruộng cho ông. Anh chỉ nhất định từ chối, mà ông thì nhất định đòi mua. Bởi vậy mấy tháng nay, hai ba lần Nghị Lại cho gọi, mà anh đều nói dối là đi vắng. Hôm nay ông đến tận nhà, anh không chạy đâu cho thoát và chắc rằng không chạy đâu cho thoát chuyện ông gạ mua ruộng.

Nghị Lại hỏi:

– Thế nào, lúa má nhà mày có khá không?

– Bẩm quan, con mới cấy.

– À, tao nghe nói mày mới đẻ con giai!

– Dạ, vâng.

Ông Nghị cười vui vẻ, bảo chị Pha:

– Lúc nào thong thả, bế nó vào trong tao, tao thưởng cho đồng bạc, nghe không? Đã cho nó ăn cơm rồi đấy à?

– Vâng, cho nó cứng cáp, mà con đi vắng luôn, cho cháu ăn cơm cho quen.

Rồi ông đứng sát gần Pha, thân mật, hỏi thầm:

– Thế nào, việc nó kiện mày ra làm sao?

Pha ngơ ngác, hỏi:

– Bẩm ai? Con không biết?

Ông Nghị nháy một mắt, trỏ sang nhà trương Thi. Chị Pha thấy câu chuyện đột nhiên, ghé lại gần, hai mắt trố lên để nghe. Pha lo lắng, hỏi:

– Bẩm, quả con không biết tý gì.

Ông Nghị cau mặt mắng:

– Chết thật, việc can hệ thế mà mày không biết! Thế hôm nọ hai bên chửi nhau, đánh nhau thế nào kia mà?

– Lạy quan không, nó chửi con, nhưng con có chửi lại đâu.

– Thế sao nó lại kiện?

Pha không đáp, xám mặt, nhìn vợ bằng đôi mắt đầy ý nghĩa. Tự nhiên anh thương vợ dại con thơ và cảm nỗi nhà nghèo bị cơn hoạn nạn. Nghị Lại để cho sự lo lắng đủ thì giờ thấm thía, rồi mới nói:

– Mà hình như nó lo ông lục sự.

Rồi ông cười, nói đùa:

– Giá nó nói với tao một tiếng, tao cho nó cái danh thiếp lên quan, có phải bằng mấy lục sự thừa phái, có khi họ đơm đó không? Thế mày định theo kiện hay chịu ngồi tù?

– Bẩm quan, con chả biết tính thế nào cả.

– Việc mày thì mày tính lấy, chứ ai tính hộ mày?

Pha thở dài:

– Bẩm ngồi tù thì khổ vợ con, mà theo kiện thì con làm gì có tiền.

Nghị Lại thầm thì:

– Tao đến đây hôm nay, định hỏi mày chỗ này đây, vì tao ghét thằng trương Thi, nó vừa làm hại tao, chắc mày biết đấy chứ?

– Dạ, dạ.

Pha vừa đáp vừa gật lia lịa, anh đã hiểu câu nói thật của ông Nghị.

Thằng bé con bị bế ngửa, chói mắt, và bị mẹ nhổ cơm vào mồm, khóc sa sả. Chị Pha lấy chiếc đũa quệt quanh mép nó và gõ vào cột cổng cành cạch.

– Mà bản tâm nó là định hại mày kia đấy, nhưng phúc bảy mươi đời nhà mày, nó lại nhầm sang ruộng tao.

Pha lại gật:

– Bẩm con hiểu.

– Cho nên tao tưởng mày theo kiện rồi kiện lại nó, chứ có đứa hàng xóm như thế, thực là nguy hiểm. Hiện nay mày còn nhà mà ở, còn ruộng mà cấy, nhưng biết đâu mai đây, vì một hũ rượu của nó mà mày không những khánh kiệt, lại bị tù tội. Cho nên tao định đến đây bàn với mày, là tao cho mày tiền để mày kiện lại nó.

Tiếng "cho" là một tiếng chưa có ai hân hạnh được nghe phát ra ở cửa miệng Nghị Lại, vì vậy, khi nói đến nó, ông dằn rõ to, và cũng

vì vậy, cả bốn con mắt của vợ chồng Pha nhìn lại ông, như nhìn một cái kỳ quan vậy. Ông Nghị lại nhắc:

– Tao cho mày tiền mà kiện lại nó. Mày có dám không?

– Bẩm con sợ quan trên bênh anh ấy.

Ông Nghị vênh váo nói:

– Khi nào tao bảo kiện ai, tức thì quan phải xử cho người ấy được. Thế mày có điều gì ngại không?

Chị Pha bản tính tham lam và nông nổi, mồm lúng búng cơm, bèn xui chồng:

– Nếu quan thương thì tội gì. Làm cho nó biết tay chứ.

Nhưng Pha trầm ngâm cúi mặt xuống đất suy tính, vợ anh nói:

– Tiền quan bỏ ra, quan lại nói với quan huyện giúp. Thì đằng nào thằng Thi không rũ tù phen này.

Nghị Lại nói khích:

– Thật đấy, mày không dám kiện nó thì mày cũng hèn, mà rồi nó đè đầu đè cổ cho, con ạ.

Nghe những câu có lý thì bùi tai, Pha quả quyết:

– Lạy quan, thôi thì trăm sự nhờ quan.

– Được, thế đến mai mày vào trong tao, tao vẽ lối cho mà làm, rồi tao đưa tiền cho mà lo, nghe chưa?

Nói đoạn, Nghị Lại quay đi. Hai vợ chồng Pha hể hả vái dài.

Nhưng mới độ vài bước, ông Nghị quay lại, à một tiếng rất thiếu tự nhiên:

– À, nhưng mà nó còn đang kiện mày kia mà? Mày phải theo xong cái kiện này rồi mới kiện lại nó được chứ.

Rồi không để Pha kịp suy nghĩ sâu xa đến những nỗi khó khăn, ông đã nói ngay để gỡ cho anh mối tơ vò:

– Được, để tao viết lên quan mấy chữ, ngài sẽ dàn xếp bỏ việc này đi, không xét nữa.

Pha hớn hở đáp:

– Dạ, con tưởng con không chửi nhau với nó thì nó kiện thế nào được con?

– Ồ, có chứ, cho nên mày phải kiếm cái gì quà cáp lên quan, với các ông thừa trên huyện, nghe chưa? Nghề thế, không thì ai làm việc không cho mình?

Ngập ngừng, Pha không đáp. Nghị Lại phải dỗ luôn:

– Mày ngại không có tiền à? Cái đó không hề gì. Tao cho mày vay. Mấy hột mà sợ!

Chị Pha khi ấy đã nhổ xong hụm nước vào miệng con rồi, nên chị được tự do, bèn nói với chồng:

– Quan đã thương thì thầy nó đừng ngại. Tiếc dăm đồng bây giờ, nhỡ tai hại về sau thì khốn.

Ông Nghị híp mắt cười, khen:

– Ừ, con mẹ là đàn bà mà giỏi.

Chị Pha sung sướng, Pha hỏi:

– Bẩm quan, tốn độ bao nhiêu?

- Độ dăm ba đồng chứ mấy vạn?

Không để chồng quyết định, chị Pha nói trước:

– Vâng, lạy quan, thế thì trăm sự nhờ quan.

Rồi nhìn chồng, chị đanh đá tiếp:

– Tôi tức lắm cơ, không kiện cho nó mất nghiệp thì không chịu. Chốc thầy nó đến hầu quan, quan cho cái giấy cầm lên ông huyện và lĩnh món tiền quan cho mà mua trà lá.

Nghị Lại khen chị Pha nhanh việc, rồi dặn Pha:

– Chốc nữa, đến tao nhé. Nhưng tao tính cứ đem tiền vào cho đỡ kềnh càng.

Nói đoạn, Nghị Lại ung dung như đi chơi, một lát nữa mới về nhà.

VI

Nghị Lại hãy cho Pha vay tiền, chứ chưa cho không, vì anh cần gỡ xong cái kiện rồi mới nói đến chuyện kiện người được.

Vì vậy, Pha chỉ nhờ có ba đồng. Anh rất tin cái sức mạnh của phong thư của ông Nghị gửi cho quan. Việc theo kiện anh không tán thành lắm, nên thỉnh thoảng lại tiếc tiền, và phàn nàn với vợ:

– Để ba đồng này, vợ chồng con cái ăn no được một tháng.

Mấy hôm nay, cả vợ chồng anh cũng không đi làm để ở nhà chờ trát quan. Vợ anh vì chạy quá sức hôm anh bị bắt rượu nên cũng cần nghỉ chợ cho lại người. Nhưng đã đến bốn hôm, chẳng thấy gì mà ăn tiêu tốn kém sốt cả ruột. Mấy chỗ nợ công làm đều hứa đến mùa sẽ trả bằng thóc. Bởi vậy, chị Pha phải giật tạm vào món ba đồng mất vài hào để đong gạo.

Đồng bạc để nguyên thì nó còn lâu lâu, nguyên giá trị đồng bạc, nhưng khi nó tan thành hào, thì ngoảnh đi ngoảnh lại, nó mòn hết lúc nào không biết. Bởi vậy, dần dần, vì sự cần phải tiêu, lại cầm tiền trong túi, chị cứ phải mượn tạm mãi cho kỳ đến hết hào của đồng bạc ấy.

Rồi bác San đến chơi, mách chị có món vải trắng người ta để rẻ có một đồng. Chị tham bốn, năm hào lãi lại vay món còn lại để mua. Rồi thấy sự chờ đợi vô ích, chị bắt đầu lại gánh hàng đi chợ.

Một buổi sáng, đầy tớ Nghị Lại, dẫn một người lạ mặt đến nhà Pha.

Người lạ mặt có cái đặc biệt là mặc hai áo cộc. Áo trong bằng vải, áo ngoài bằng đũi nhuộm vỏ só, mà cùng dài đến gối, cùng may lối năm thân, và cùng có cổ rất cao. Người ấy mặt khinh khỉnh, đội khăn lượt quấn có năm vòng, nhưng đằng trước đếm được hơn mười nếp. Người ấy tay cầm chiếc roi mây quấn tròn đầu, đi tuột vào trong nhà, leo lên phản ngồi không chào ai cả.

Phát trỏ người lạ mặt, nói:

– Đây là cậu lệ trên huyện. Anh có trát đòi. Quan bảo anh làm quen để vài hôm nữa có người dẫn lối.

Pha tươi cười, lấy cái điếu bát đặt vào giữa chiếu. Phát hỏi:

– Làm gì lôi thôi lại bị kiện tụng thế?

Pha cười không đáp.

Người lính hút xong điếu thuốc, há toang miệng cho làn khói đặc ngùn ngụt tuôn dần ra, rồi vẫn chưa nói tiếng nào, thong thả móc túi lấy đưa Pha một tờ giấy có đóng nhiều dấu đỏ.

Phát làm hết bổn phận giới thiệu, đứng dậy ra về, và máy Pha ra cổng, rỉ tai dặn:

– Cậu lệ đi từ sáng chưa ăn gì, liệu cơm rượu cho chu tất nhé.

Pha bồn chồn cả người vì thấy phải tiêu bất ngờ. Nhưng biết làm thế nào? Anh phải chạy ra chợ bảo vợ về làm đồ chén. Trong khi ấy,

cậu lệ buồn, hút điếu thuốc lào nữa, rồi lấy quạt phẩy mảnh chiếu, và ngả lưng, nằm một cách khoan khoái lắm. Một lát, tiếng ngáy vang như xay lúa.

Vợ chồng Pha ở chợ về, với một con gà, nửa chai rượu trắng. Hai người vừa đi đường vừa gắt gỏng nhau về nỗi hiện nay chỉ còn vẻn vẹn có sáu hào chỉ. Mấy hôm nay hàng ế, tiền bán ở chợ chỉ đủ ăn từng ngày, không thể bù trả món hai đồng bạc vay tạm được. Nhưng vợ anh quả quyết nói:

– Thầy nó cứ về trước đi, tôi lại đằng ông Nghị, lạy van ông ấy cho mượn vài đồng nữa vậy.

– Bu mày nói như của nhà không bằng. Nếu ông ấy là người dễ dãi về tiền nong, ông ấy đã chẳng giàu ùn ùn thế được. Không biết chừng ba đồng bạc hôm nọ ông ấy lấy bao nhiêu phân đấy.

– Thì thầy nó bảo làm thế nào bây giờ? Ông ấy cho ta tiền để kiện còn được, há không cho ta vay để lo xong cái kiện này hay sao.

– Bu mày làm thế nào thì làm, hôm nọ ông ấy cứ bắt tôi vay năm đồng, mà tôi nhất định chỉ cầm có ba. Tôi sợ vay lãi và nhất là lãi của tiền ông Nghị.

– Được, thầy nó kệ tôi, tôi là đàn bà, càng dễ nói.

Bàn nhau xong, vợ Pha đến Nghị Lại, và anh về nhà mổ gà làm cơm. Độ nửa giờ sau, chị Pha hớn hở về, vừa về đến ngõ đã khoe.

– Thế mà đàn ông lắm cái đoảng hơn đàn bà. Giá thầy nó đến chưa chắc ông ấy đã cho vay đâu. Người ta cứ bảo ông ấy ác nghiệt nhưng ít lâu nay, ông ấy dễ dãi đấy chứ!

Vừa nói, chị vừa cởi giải yếm, xòe cho chồng xem năm tờ giấy một đồng và cười như nắc nẻ.

Pha chặt thịt gà và lòng gà xếp vào hai đĩa phố, rồi đặt lên chiếc mâm gỗ. Đầu và hai chân, anh bầy vào một đĩa riêng. Vợ anh nhanh nhẩu gắp dưa dá, và ra cây chanh vặt dăm chiếc lá non, đặt ở góc mâm, bên cạnh chiếc chén muối hột to và đỏ. Rồi khi hai bát chiết yêu nước luộc gà đã múc, thì mâm cơm trông đã tàm tạm tươm. Pha lấy khăn rửa mặt lau chiếc chén vẫn úp trên cũi trong buồng, rồi cung kính bưng mâm lên.

Người lính ngồi nhổm dậy, duỗi khục hai cánh tay, đứng lên, vai, vặn lưng, bẻ đầu, và vẫy cẳng, rồi lại ngồi xuống.

Pha rót rượu và mời:

– Nhà cháu chẳng có gì, mời cậu xơi tạm chén rượu.

Khách nhìn hai đĩa thịt gà trắng nõn, thì bằng lòng lắm, nói lấy lệ:

– Bác bày vẽ quá, cơm dưa muối thế nào cũng xong thì thôi, lại đem mà mổ gà.

Đoạn hắn xoa hai bàn chân đầy đất vào nhau, ngồi xếp bằng tròn lại, cầm chén mời chủ:

– Nào, ta cùng ăn cho vui.

– Đã ạ, tôi có phép cậu từ sáng rồi.

– À, tôi tưởng chưa ăn thì cùng ngồi vào cả đây cho vui. Tôi tiếng thế mà bình dân lắm kia... Vậy tôi có phép rượu bác nhé... à, bác bảo cho quả chanh với tí ớt.

Pha thấy phiền hết sức, song cũng phải bảo vợ chạy đi mua những thứ gia vị thiếu ấy. Khi chị Pha về, người lính trách:

– Tưởng nhà có sẵn, chứ nếu không thì mua làm gì!

Khách vừa uống kề cà, vừa nhắm rất thô tục. Trong khi ăn, anh ta chẳng nói với chủ một tiếng nào. Đánh loáng, hai đĩa thịt gà luộc đã gần hết. Pha phải ngượng về sự thiếu đồ nhắm, phải làm lối lịch sự, xuống bếp chặt nốt chỗ thịt để dành chiều vợ chồng ăn với nhau. Thấy được tiếp đồ ăn, khách càng ăn càng uống già. Anh ta nốc từng hụm rượu và nuốt ừng ực.

Và thấy chủ nhân tử tế, anh ta mới cảm khái nói:

– Tôi lấy làm lạ, sao ông Nghị Lại lại cho người đưa tôi sang đây, mà không cho tôi ăn cơm ở bên ấy. Quan sai tôi về đây về việc của ông ấy. Ông ấy bị thị Ánh nó kiện là ăn hiếp lấy nhà của nó. Quan bảo ông ấy biết trước để liệu mà thu xếp, vậy đáng lẽ phí tổn tiếp tôi, ông ấy phải chịu thì phải.

– Nhưng cậu cũng có cầm trát đòi tôi về việc kiện.

– Đành vậy, nhưng nhà bác có gì mà bắt bác tốn kém. Ông ấy phải mang ơn quan, phải mang ơn tôi, thế mà giàu có là thế, lại đùn cho nhà bác phải làm cơm rượu.

Pha hỏi dò việc kiện tụng của mình, người lính làm ra vẻ bí mật, chứ không chịu thú rằng không biết.

– Việc quan, tôi nào dám tiết lộ ra ngoài.

Chẳng mấy chốc, nửa chai rượu hết bay. Pha cầm lấy chai, nói rằng đi mua thêm, để gợi lịch sự của ông khách bình dân vốn hay từ chối. Nhưng ông khách lại dặn:

– Này, bác xem ở đâu nó bán cái số ngang thì mua, chứ thứ này nhiều cồn, uống không tốt.

Pha bấm bụng, lấy hào rưỡi và nhờ bác tư Dậu, con dâu bà trưởng Bạt, mua bên trương Thi hộ, chứ anh không dám ra mặt.

Ăn no say xong, người lính ngủ một giấc dài, rồi khi dậy, vòi Pha hai hào, gọi là tiền xe để về huyện.

VII

Trời nắng đã bắt đầu dữ. Hai bên đường chẳng có một bóng cây. Chỉ một cánh đồng phẳng lặng với làn nước loang loáng.

Pha lên huyện hầu kiện.

Anh đội khăn lượt, mặc áo vải tây đen và quần trắng vải to, là những thức anh sắm đã lâu, nhưng ít có dịp dùng. Anh mượn cái ô trắng để che, vì từ làng lên huyện xa những sáu cây số.

Anh vừa mừng lại vừa lo. Mừng vì trong lưng có phong thư của ông Nghị, anh chắc chắn thế nào cũng được quan thương mà ngơ đi cho. Lo vì bỡ ngỡ mới đến cửa quan lần này là một.

Anh giắt năm đồng hai hào tư. Chẳng phải anh biếu cả quan chỗ tiền ấy. Ông Nghị bảo tạ độ hai, ba đồng là quá phải. Ông đã dặn anh đường lối vào công đường, chỗ nào là trại lệ, chỗ nào là trại cơ, chỗ nào là buồng giấy ông thừa, ông lục, chỗ nào là chỗ quan ngồi. Ông lại chỉ bảo anh rành rọt lời ăn tiếng nói với lính và quan nha. Ông bảo vì anh là dân, nên phải lên đúng ngày giờ hầu kiện cho phải phép, chứ có như ông thì chẳng phải đến công đường, hoặc lúc nào lên cũng được. Ông quả quyết anh chỉ phải giáp mặt quan một lát, rồi lại được về nhà ngay. Cho nên vợ anh dặn nhân tiện lên huyện, thì chỗ tiền thừa, anh ra phố đến hiệu chú Si mua mười phong thuốc lá, vài chục diêm, nửa tá xà phòng, một hộp lơ và hai cỗ tổ tôm.

Đến cổng huyện, anh đứng ngoài nhìn vào, thấy trong tấp nập những người đi lại. Anh có ý tìm cậu lính hôm trước để gọi, nhờ cậu đưa đường cho thì hơn, vì cậu dặn khẩn khoản thế nào lúc đến huyện, anh cũng vào chơi uống nước.

Nhưng anh không gặp người quen. Anh đành theo các người khác vào trong sân. Qua mặt người lính khố xanh bồng súng gác ở cổng, anh lễ phép ngả ô, rồi tiến đến gốc bàng mát, bẽn lẽn đứng chờ.

Tuy vậy, anh cũng sợ. Anh chẳng dám đường đột nhìn ai. Trong lúc đắn đo, lại thấy những tiếng dạ, những lính lệ cắm cổ chạy, anh đã tính trở về, nhờ ông Nghị viết cho lá thư khác, đừng nói hộ anh kiện tụng lôi thôi nữa.

Bỗng có người đến hỏi anh làm anh dứt mối nghĩ ngợi:

– Người kia, việc gì?

Pha khép nép thưa:

– Thưa cậu, tôi mang giấy của ông Nghị Lại lên hầu quan nhờ cậu bẩm hộ.

Người lính không đáp, khủng khỉnh đi thẳng đến một người khác đứng gần đó.

Một lát, một người lính nữa đến hỏi xẵng và Pha cứ câu ban nãy trả lời. Một lát nữa, lại người lính nữa đến xoắn xuýt, nhưng lại câu trả lời ấy thì lại có sự lãnh đạm ấy.

Pha nhớ cái quang cảnh ở bến ô tô ngoài tỉnh, và sự mời chào của những người bán vé. Anh biết rằng đã khổ vì không đáp thực thà. Việc đưa thư cho ông Nghị không khiến họ phải chú ý bằng việc mình có giấy quan đòi lên hầu.

Bởi vậy, với người lính thứ tư có dáng tử tế hơn, anh đáp:

– Tôi lên hầu kiện.

Nhưng người lính cau mặt, gắt...

– Hầu hạ gì bây giờ, quan đang bận.

– Nhưng giấy sức khẩn kia mà!

Người lính lại gắt:

– Đợi đấy! Mai.

Rồi anh ta càu nhàu:

– Sức quan thì tờ đếch nào là không khẩn?

Kinh ngạc, Pha đáp:

– Chết, nhà tôi ở xa lắm, cậu vào trình quan hộ, cho tôi còn về.

Cậu lệ ngắm Pha từ đầu đến chân, rồi đứng gần lại, hất hàm, thân mật hỏi nhỏ:

– Có gì không?

Pha vui vẻ, móc túi lấy phong thư và mỉm cười, đáp:

– Có, giấy của ông Nghị tôi.

Bỗng huỵch một cái, Pha bị ngay một quả tống vào ngực đau điếng:

– Này nghị này! Cậy có nghị à? Nghị thì đến ngày kia.

Nói đoạn, lính lệ quăng phong thư xuống đất và bỏ đi chỗ khác. Pha sợ run, cúi nhặt. Anh không hiểu tại làm sao cả. Anh phải chạy theo, nhũn nhặn hỏi:

– Sao lại ngày kia, cậu? Cậu làm phúc vào trình quan hộ.

Người lính dừng lại, nhíu lông mi, hất hàm về cửa công đường, như có ý thách:

– Đấy, cậy có nghị thì cứ vào.

Pha tưởng thực, vừa bước đi, thì bị lôi ngay tà áo lại. Mảnh vải cũ, rách xoạc ngay một đường. Pha vừa tức, vừa sợ. Anh lính đỏ mặt, sừng sộ hỏi:

– Đi đâu?

Pha không biết đáp câu hỏi vô lý ấy thế nào. Người lệ vừa bảo anh cứ vào lại hỏi anh đi đâu. Thật là khó hiểu quá. Giữa lúc ấy, có tiếng gọi, lính dạ rất to và thoăn thoắt chạy đi, nhưng còn quay lại, giơ bàn tay ra, đe:

– Đứng đấy, liệu hồn.

Thấy mình được tự do. Pha mon men tiến đến cửa công đường, thập thò ngoài buồng giấy quan huyện.

Bên buồng cạnh, các ông thừa và nho đương làm việc rộn ràng.

Pha lách mắt, ngó qua lỗ thủng ở bức bình phong, nhìn vào trong, thấy quan đương hút thuốc lá và lấy con dao cạo một miếng xương trắng. Anh toan mạnh bạo bước vào, thì thình lình: bốp! Một cái tát của tay chuyên môn làm anh đinh tai, choáng óc.

– Ối!

Anh bật ra tiếng kêu. Lập tức, anh bị giật cổ ra bực hè suýt ngã bổ chửng xuống sân. Người lính nghiến răng, trỏ vào mặt:

– Mày định kêu cho cụ tổ mày nghe tiếng, phải không? Bố mày đánh thì mày phải câm kia mà!

– Lạy cậu...

– Bố mày bảo đứng chờ ở kia, sao mày không nghe? Muốn tù thì bảo.

Hết cơn bàng hoàng, Pha như cái máy theo người lính kéo áo lôi đi. Đến đầu công đường, người lính trợn mắt, hoạnh:

– Mày muốn vượt quyền ông thì mày bảo?

Dứt lời, anh bị một quả tống nữa vào ngực. Lần này đã lịch duyệt, anh cố nhăn nhó chứ không dám kêu. Người lính cũng dọa:

– Kêu ông bỏ tù. Ông đánh cho mất thói tự do đi. Mày đừng tưởng quan như ông Nghị nhà mày ấy.

Pha còng lưng, ôm ngực nói:

– Cậu bảo tôi vào mà!

– Bố mày bảo thế, nghĩa là bố mày bảo liệu hồn... Quân ngu như lợn. Mày không biết mày muốn vào quan thì phải nhờ đến bố mày đấy à?

Bấy giờ Pha mới hiểu cái uy quyền của cậu lệ, thì ra còn to hơn cả ông Nghị làng anh, anh vội vàng lạy:

– Lạy cậu, cậu tha cho. Có gì tôi không biết, xin cậu cứ bảo.

– Thế sao tao bảo có gì không, mày lại cậy có giấy của ông Nghị mày. Ông Nghị mày đã oai lắm thế à?

– Vâng, thật quả tôi không biết.

– Quả cái thằng bố mày. Thế mày tưởng mày lờ bố mày mà mày vào lọt quan à?

Pha hiểu, vội vàng nói:

– Cậu cứ cho tôi vào, tôi xin hậu tạ.

Người lính lắc đầu:

– Không hậu gì cả, có gì thì đưa ngay tút xuỵt, không có quan gọi tao bây giờ, tao không có thì giờ lôi thôi.

Nói chưa dứt câu, người lính thò tay vào nắn hai túi, và thắt lưng người dân khốn nạn. Khi thấy cục nút, hắn hiểu là tiền, vội vàng dịu ngay mặt lại, đổi giọng nói:

– Các anh ngu lắm kia. Có việc vào quan lại cứ không muốn mất tiền để người ta chỉ bảo công việc cho. Mau lên, đưa đây mấy hào, không thì...

– Lạy cậu, tôi quả thực nghèo túng.

Người lính trợn mắt:

– Đồ các anh ngu như lợn. Một đằng được vào hầu ngay, được xử tử tế, một đằng phải cơm hàng cháo chợ, để chờ không biết đến bao giờ, anh chọn đằng nào?

Pha nén lòng để cười lạt. Anh không dám đấn đo, khẽ thở dài, thong thả quay mặt đi, cởi nút thắt lưng, lấy ra một hào, mỉm cười đưa vào tay người lính:

– Chỉ có thế này, cậu nhận cho.

Người lính cầm tiền bỏ túi xong, mới nói:

– Bỏ ra ba hào nữa, không có thì thôi.

– Lạy cậu, làm gì còn.

– Thì thôi.

Người lính quay bước đi, anh Pha vội vàng gọi lại:

– Cậu!

Anh lắc đầu, lúi húi lấy ra hào nữa, và vừa buộc nút lại vừa nói:

– Thật quả chỉ còn có thế này. Tôi có biết đâu lệ ở đây phải thế.

Bất đồ, mấy xu tung rơi ra. Người lính vội vàng nhanh như cắt, cướp lấy cướp để và cười sằng sặc đắc chí. Bỏ tiền vào túi xong, hắn đưa Pha đến trước buồng giấy quan, cầm tờ sức vào. Một lát hắn ra, vẫy tay bảo:

– Sang bên ông lục sự.

Thấy không được vào quan để đưa thư ông Nghị, cái thư nhờ quan bênh vực mình, Pha trù trừ, rồi đánh bạo nói với người lính:

– Nhờ anh làm phúc trình quan cho tôi vào hầu, để đưa ngài bức thư của ông Nghị tôi.

Anh lệ gắt thầm:

– Con khỉ! Lúc nãy thì không nói. Để đến mai cũng được.

– Không, thư cần kia.

– Đấy thì mặc kệ, đây không biết.

Pha nghĩ đến cái bạt tai lúc nãy, tần ngần không dám tiến, nhưng người lính lại giục:

– Vào đi, quan đang rỗi, con khỉ!

Pha dựng cái ô vào tường rồi vào, khom lưng vái chào.

– Lạy quan lớn.

Quan vẫn cạo con bài mà chược và hút thuốc lá như ban nãy. Ngài không ngẩng đầu lên, mà cũng không đáp. Cho nên Pha đứng khoanh tay chờ.

Quan phụ mẫu là một người có nhiều cái đặc biệt. Đứng trước ngài, ta có cảm tưởng hỗn xược như ta phải ăn một mâm cỗ đầy ăm ắp những thịt mỡ khi ta đã no nê. Nghĩa là ta phát ngấy về sự phì nộn của ngài. Ngài cúi mặt xuống, cả tấm thịt trên quai hàm bị cổ áo là cứng nó đùn lên, nó vẽ nên một nét răn chia má ra làm hai khu đều nhau, khu nào cũng phính và nung núc những thịt. Cái tấm má ấy đầy đặn đến nỗi giá chỉ một mũi ghim nhỏ lỡ đụng vào, là có thể làm chảy ra hàng lít nước nhờn mà ta quen gọi là mỡ, lông mi ngài rậm mà vòng lên, đối với đôi mắt ngài hùm hụp cong xuống. Từ thái dương đến má, bốn xung quanh miệng ngài, người ta tưởng mặt ngài làm bằng sắt vì nó đen đen. Nhưng không, màu ấy chỉ là di tích bộ râu quai nón mà sáng nay ngài quên chưa cạo.

Ngài đặt lên đầu một vòng khăn không xứng đáng. Vì đối với cái mặt vĩ đại ấy, nó phải nhiều nếp hơn. Cho nên quấn quanh đầu ngài, nó như chiếc vành sắt đai quanh một thùng gỗ gánh nước. Mà khăn ấy, ngài đội một cách rất chướng, đến nỗi người nào trong mặt trận dân chủ, tất phải phát cáu mà vô phép ngài ấn thật mạnh đằng sau xuống cho nó trùm nốt gáy.

Riêng ở ngài, sự oai vệ cũng đã quá đầy đủ rồi, thế mà đằng sau, đằng trước, bên ph ải, bên trái, còn bày la liệt những thứ khiến người yếu bóng vía phải rùng mình: thanh quất, súng lục, súng trường, gươm, giáo, bát xà mâu, kích... rặt những thứ chỉ quệt vào thằng dân nào là thằng ấy đủ chết mất ngáp.

Ngắm từng ấy thứ, tự nhiên mặt Pha xám dần.

Bỗng quan ngửng lên nhìn: một luồng điện làm anh choáng vía, anh run lên, không nói ra hơi nữa.

– Việc gì?

Nghe hai tiếng ồ ồ ở cuống họng quá rộng, Pha hoàn toàn líu tắc lưỡi lại. Nhưng hỏi xong quan đưa mắt xuống quân bài ngay. Lúc ấy, Pha mới hoàn hồn dần và nhớ mang máng lại các việc.

Pha móc túi lấy bức thư, vuốt cho thẳng thắn, tiến đến cạnh bàn giấy. Tự nhiên, anh lại bắt đầu run và quên, đến nỗi chỉ nói được rõ có mấy tiếng.

– Lạy... lớn... nghị.

Như cầy sấy, anh đặt thư trên bàn, và lùi lại góc phòng đứng khoanh tay để lấy hồn vía.

Quan vẫn cắm mắt vào mảnh xương trắng, đưa tay vơ lấy thư, rồi bóc phong bì ra. Đọc được vài dòng, ngài ngẩng đầu, nói:

– Quái, tao lại cho cái ông Nghị nhà mày ăn nói lắm giọng! Hôm nọ vừa viết cho tao nhờ xử cho thằng Thi được kiện, hôm nay đã nhờ tao xử hòa cho mày rồi.

Pha càng bối rối, không hiểu bụng dạ ông này thế nào mà đòn xóc hai đầu làm vậy.

Quan đọc nốt bức thư, vẫn không ngẩng lên, gật đầu nói:

– Được, nể lời ông Nghị, tao sẽ tha cho mày, nghe chưa. Sang buồng thầy lục, tao bảo thầy ấy liệu lấy cung.

Pha dạ và ngắm nghía quan như ngắm nghía vị ân nhân. Lúc ấy, quan vẫn vừa đọc thư, vừa với tay vào cái đĩa không để ở góc bàn. Ngài vét mấy lượt nhưng chẳng được gì cả. Bỗng ngài ngẩng lên nhìn thẳng vào Pha, ngạc nhiên, hỏi:

– Đâu?

Pha ngạc nhiên chẳng kém gì quan, vì chẳng hiểu quan hỏi gì. Song anh cũng phải trả lời:

– Dạ.

Quan cau mặt hỏi:

– Dạ cái gì? Thế ông Nghị mày không dặn mày phải thế nào à?

– Bẩm có, con phải đem đầu đến kêu quan lớn thương cho.

Quan gật:

– Biết rồi! Nhưng vào quan không có lối nói bằng nước dãi.

Rồi ngài bắt đầu xẵng:

– Mày đừng láo. Đây ông Nghị viết cả cho tao là mày trình tao năm đồng và tạ tao hai chục, vì thế ban nãy tao mới bảo tha cho mày.

Pha dựng tóc gáy như nghe thấy tiếng sét. Thật là tự nhiên anh chui vào hang hùm. Năm đồng thì có, chứ hai chục, anh lấy đâu ra.

Anh oán ông Nghị bỗng dưng đưa anh vào chỗ chết. Anh run lên, nói như mếu máo:

– Lạy quan lớn, cảnh nhà con nghèo, quan lớn đèn giời soi xét cho.

Quan quắc mắt:

– Nghèo thì bước! Xét cái con mẹ mày à! Làm mất thì giờ của ông.

Nói xong, ông gọi:

– Lính đâu mày, tống cổ thằng này xuống trại.

– Lạy quan lớn...

Anh lính ban nãy lại hùng hổ hiện ra, giơ tay vả luôn vào mồm Pha hai cái, rồi cầm cổ anh lôi đi.

Trong khi ấy, không biết quan đã cúi mặt xuống tự bao giờ, bình tĩnh cạo nốt quân bài mà chược.

VIII

Pha định với lấy cái ô, nhưng người lính cứ kéo bừa anh xuống trại. Từ thuở bé, anh chưa hề gặp hoạn nạn to, nên lần này anh mê lên, như người mất hồn. Anh không hiểu rồi sẽ ra sao. Anh chỉ biết rằng tại anh bỡ ngỡ nên mới thành nông nỗi.

Thầy Đội lệ đang nằm trên phản, thoáng trông thấy tội nhân bèn hốt hoảng chạy ra đón và hỏi lính:

– Quan bảo giam nó à? Có phải gì không đấy?

– Con không thấy quan truyền.

Thầy Đội mở cửa buồng giam lúc ấy chưa có người nào, tống Pha vào. Pha giẫm lên một lượt đất ẩm, ghê cả chân. Cái cùm lim nặng nề nằm lù lù trước mặt làm anh giật mình. Thầy Đội nhấc tấm gỗ lên, nói:

– Tao cứ cùm mày cho cẩn thận, ngồi xuống.

Pha không dám cưỡng, vì từ nãy đến giờ anh đã lịch duyệt chốn quyền môn. Anh muốn khóc, nhưng lại sợ trái phép, đành giấu sự buồn bã mà ngấm ngầm thở dài. Anh ngồi trên lượt rơm đã nát cho khỏi bẩn quần, và duỗi hai chân lên trên phiến lim có khoét hình bán nguyệt. Thầy Đội đặt tấm gỗ trên xuống. Anh đau đánh nhói. Cái cùm nặng nề nghiến vào xương như tiện cổ chân anh. Thầy Đội khóa đầu chốt lại. Pha đau quá, nhăn nhó hỏi:

– Lạy thầy nới rộng cho con, buốt lắm.

Thầy Đội không đáp, đứng ghếch chân lên mặt phiến lim, hỏi:

– Mày tội gì? Nói cho thật.

– Bẩm thầy, con chẳng có tội gì.

– Mày ăn cướp hay ăn trộm, cứ nói cho thật, tao liệu cách gỡ tội cho.

Pha tuy ngu dốt, nhưng đã biết nghi ngờ, vả anh có tội gì mà cần giấu, nên nói:

– Chỉ tội con chưa kịp nộp tiền trình, nên quan giam con, có thế thôi.

Thầy Đội không tin:

– Sao lại thế?

Muốn cho thầy Đội hiểu đầu đuôi việc của mình, mong thầy có thương hại chăng. Pha bèn kể lể rõ ràng cho thầy nghe. Nghe xong, thầy nói:

– Phải, thằng già ấy nó chúa hay dắt mối cho quan để làm hại các anh. Mà anh phải biết, nó cho cả thằng Thi vay ba chục để khấn quan đấy.

Pha sững sốt cả người, song anh không tin. Anh nghi ngờ hết thảy những người trong huyện. Anh nhận thấy họ có ý ghét ông Nghị hay sao, nên từ người lính cho đến thầy Đội, ai cũng nói xấu ông. Và chẳng qua cũng là cái mưu mô họ lừa anh, chứ đời nào ông Nghị lại nỡ xử tệ với anh được.

Ngắm anh một lát, thầy Đội lại nói:

– Mày láo, chứ mày bảo chưa kịp nộp tiền trình mà quan giam. Hẳn mày đã hỗn láo gì hay có tội gì khác. Trăm thằng vào tù, thằng nào cũng xoen xoét rằng không biết tội gì.

– Bẩm thật.

Thầy Đội vờ gắt:

– Mày nói dối là mày dại, con ạ! Mày muốn tao gỡ cho, thì cứ thú thực đi. Thú với tao chứ có phải thú với quan đâu. Nói với tao, tao bày kế cho liệu mà khai, có tốn cũng tốn ít thôi, chứ mày lên quan, hở cơ ra ông ấy tóm được thì bỏ mẹ, con ạ. Mày phải biết một câu nói hớ hênh trước mặt quan là một năm tù. Tao bảo trước cho mà biết.

Nghe lời dậm dọa, Pha trố mắt nhìn, nao nao cả ruột gan. Nhưng xét tội mình chẳng qua chỉ vì chậm chạp, nên anh quả quyết đáp:

– Bẩm, quả chỉ vì con chậm đưa tiền trình.

Thầy Đội nghĩ ra, bĩu môi nhạo:

– Bộ mày thế này mà dám nói có tiền. Mày cậy có ông Nghị làm thầy, nên mày tăng phú quan.

Pha cãi:

– Bẩm thực con có mang tiền đi.

Thấy Pha bị trúng kế, thầy Đội nói khích để thách:

– Ừ, thì tiền mày đâu? Mày nói gian lòi đuôi ra rồi.

Muốn chứng sự thực thà, Pha cởi nút thắt lưng, lấy ra năm tờ giấy một đồng, xòe ra trước mặt thầy Đội:

– Bẩm đây, chứ con có dám nói dối đâu.

Bất đồ, thầy Đội chộp ngay, bốc lấy một tờ, bỏ nghiến vào túi, vui sướng nói:

– Ừ, tóm được cậu rồi, có chạy đằng giời, đang thiếu tiền góp tổ tôm tối nay đây.

Rồi không lý sự gì thêm nữa, thầy chạy ra như thằng ăn cắp giật, và khóa tách cửa lại, rồi quay vào cười ha hả. Hẳn thầy đắc chí về cách lấy tiền có nghệ thuật.

Bị mất tiền, Pha quờ tay theo để vơ lại, và đứng phắt dậy, nhưng đánh nhói, anh tưởng gãy chân về cái cùm. Anh ôm cẳng xuýt xoa. Vừa đau, vừa tức, bất giác anh hu hu khóc. Anh không ngờ chốn công môn lại nhũng nhiễu hơn chợ. Mất một đồng bạc, anh còn có bốn, anh có gì lễ quan, theo trong giấy ông Nghị được. Như vậy, anh không thể kêu oan nữa. Anh nói dối quan thật, vì anh có đủ đâu năm đồng? Thế này thì chiều nay hay mai anh cũng không mong gì được tha về. Mà tội lừa quan trên phải biết rằng không nhẹ. Lại nghĩ từ hôm qua đến nay, anh mất vào những chỗ không đáng mất gần hai đồng rồi. Anh tiếc món tiền mồ hôi nước mắt, có thể cứu sống gia đình anh ngót một tháng trời. Pha ngồi trong buồng giam nhìn ra ngoài sáng. Bụng anh lo lắng không lúc nào ngơi. Anh thương vợ phải mong mỏi anh về, mà ngày về của anh, chưa biết chừng một tháng, hai tháng hay đôi ba năm... Chẳng hay vợ anh có biết nông nỗi này mà tìm anh, cố lo cho anh khỏi tai nạn hay không.

Thỉnh thoảng những con muỗi to và những con kiến lửa kềnh lại đốt anh đến nhói. Mà cả hai đùi tê liệt, máu đọng lại, bấm không

thấy đau. Anh mỏi, nhưng càng cựa càng đau. Anh thấy ở đời không có cái dại nào giống cái dại nào, tự nhiên vô cớ đâm đầu vào tròng để nên tù nên tội. Anh chỉ mong Trời Phật run rủi cho ông Nghị đến xin tha cho anh về. Anh chỉ tin một thế lực của ông Nghị có thể giải thoát cho anh được.

Bóng nắng ngoài hè càng rợp sân, anh càng nóng ruột. Rồi thấy bụng đói và thèm thuốc lào nữa. Nhất là khi lũ lính ăn cơm ở gian ngoài, anh càng cồn cào. Chắc chắn là anh phải nhịn bữa chiều hôm nay.

Rồi đến sẩm tối, trong trại vắng tanh, anh nghĩ đến vợ con ở nhà, bụng dạ lại cồn cào hơn đói. Một đêm nay nữa, một đêm lo sợ, không ngủ được, anh sẽ thấy nó dài là ngần nào. Nghĩ đến từ sáng hôm nay và trước, anh được tự do, mà thèm. Biết bao giờ anh lại được hưởng sự sung sướng như thế nữa. Nhìn cái tương lai mù mịt, anh chỉ thở dài.

Anh ngả lưng xuống, nhắm mắt lại, cố ngủ cho quên đói, quên mong, quên khổ. Nhưng đất ẩm, anh xê dịch ra chỗ nào cũng không thoát. Muỗi thì vo vo như đàn ong. Anh thấy gian ngoài người ta thắp đèn ba dây, thấy Đội lệ và bốn người nữa châu đầu vào ánh sáng đánh tổ tôm với nhau. Mỗi tiếng cười ròn rã của thầy là một nhát dao nhọn nó đâm vào ngực anh.

Anh đã cố ngủ, song không tài nào ngủ được. Lúc về sáng, anh có chợp mắt hai ba dạo, nhưng lần nào cũng chiêm bao. Khi thấy như đang ở nhà với vợ con, khi thấy phải đầy ra một nơi rừng rú nước độc. Cho nên lúc tỉnh dậy, mình mỏi, hai chân đau liệt, anh bàng hoàng nghĩ đến ngày mai.

IX

Cả đêm hôm ấy, chị Pha cũng không ngủ. Chị nóng cả ruột hết đứng lại ngồi, hết thở dài lại bế con ra cổng ngóng. Chị chẳng hiểu duyên cớ vì đâu mà chồng lên huyện, chỉ đưa một bức thư mà không thấy về. Hay quan đi vắng, anh phải ở lại đợi. Hay quan yêu anh vì nỗi gì mà bắt anh ở lại huyện cho làm lính lệ tháng tháng được ăn lương chăng. Rồi đến chiều, tự nhiên chị thấy nháy mắt, thì đâm lo, thành ra ruột nóng như cào. Nghĩ khôn chẳng nghĩ, chị lại cứ nghĩ dại. Chồng chị có đi đâu thì sớm tối thế nào cũng về chứ chưa hề ngủ

đêm lại bao giờ. Cho nên lần này, chị thấy nhà quạnh vắng quá. Mà chị lo đêm hôm có trộm. Nhà tuy chẳng có gì, nhưng gánh hàng đấy, nó vơ vét cũng được vài chục đồng bạc. Chị đứng bên hàng rào gọi bà trưởng Bạt cho cái Bống sang ngủ với chị cho vui, nhưng con bé nhát, sợ tối, không dám đi. Bởi vậy, vừa chập tối, chị đã đóng cổng, chốt cửa giả cẩn thận rồi bế con đi nằm. Tuy vậy, chị có ngủ được đâu. Chị có đếm được những tiếng kẽo kẹt của bụi tre gần đó nghiến vào nhau bao nhiêu lần, cùng lúc hồi canh tư chó nhà ai ở xóm đồng rít lên mấy hồi rùng rợn. Mỗi bận ở ngoài đường có tiếng gót chân nện xuống đất, chị lại mừng hụt rồi lại lo. Đầu trống canh ba, chị vùng trở dậy, mở cửa ra đầu nhà, lấy nồi nước, bẻ bồ kếp và đun. Chị gội đầu xong, ngồi quạt tóc cho khô, rồi mới đi nằm. Một tiếng chim kêu khuya, một tiếng sột soạt, chị đều cho là cái điềm, mà không đoán được là hay hay gở.

Cho đến tận rạng đông, tuy ít ngủ, song chị ngồi nhỏm dậy, tỉnh táo lắm. Thằng bé con nằm im thin thít, thỉnh thoảng theo thói quen, móm mém miệng như để bú. Chị mở bồ lấy đinh vàng, thẻ hương, vội vàng ra miếu đầu làng để lễ, suỵt soạt khấn, cầu bình yên cho chồng.

Chị đến bếp, dóm lửa, thổi niêu cơm và gọi cái Bống sang giúp đỡ. Bữa cơm vắng chồng, chị chắc chán ngắt nên còn tí muối vừng chiều hôm trước, chị đem ăn nốt, để dành dứa kho phần chồng. Ăn xong, chị đánh thức con mớm cho nó, rồi vét trong nhà có đồng hai tiền hàng, chị giắt thắt lưng, gánh đôi bồ đi. Nhưng không hiểu sao, chị không ra chợ. Chị tạt sang nhà bà trưởng Bạt:

– Bà cho tôi gửi gánh hàng, thầy cháu đi vắng, tôi không đi chợ. Tôi lên huyện cất một vài thức.

– Thế anh ấy đêm qua chưa về à?

Chị thở dài:

– Chưa, chả hiểu làm sao!

– Khoảng đầu trống ba, tôi thấy chó cắn, lại có tiếng người gọi, tôi ngỡ anh ấy về. Phải, chị nghỉ buổi chợ, nhân tiện lên huyện xem sao.

Chị Pha quẩy gánh vào buồng, bà trưởng hỏi:

– Hôm nay phiên chợ huyện đấy nhỉ?

– Vâng.

– Thế chị chịu khó xem lợn có rẻ thì mua cho tôi một đôi, độ đồng rưỡi, hai đồng nhé. Chị cứ ứng hộ, rồi tôi giả sau.

Chị Pha cười, thoái thác:

– Tôi chỉ có vài đồng để mua hàng, ứng sao được cho bà?

Bà trưởng vào buồng rồi ra, tay cầm cái túi bằng vải. Bà cởi miệng túi, lấy ra một đồng bạc giấy, và đếm mười hào đưa cho chị Pha. Chị Pha đùa:

– Chà, bà này rích nhỉ, cấp vốn cho tôi một đồng, mai tôi bán được hàng tôi giả nào.

- Còn đâu, đây là tiền bán lợn của nhà Dậu hôm kia đấy.

Rồi bà chép miệng:

– Không bán thì thằng bố Dậu nó cũng khênh đi mất, tội quá, thuốc với xái, đa mang vào chỉ khổ.

Chị Pha tán:

– Thì bà không cho tôi vay. Chú Dậu chú ấy cũng cấp mất hết cho mà xem.

Bà trưởng thở dài, nghĩ ngợi một lát, rồi nói:

– Ờ thì tôi cho chị vay, cũng như gửi chị giữ hộ. Nhưng bao giờ giả, phải lãi năm xu cơ.

Chị Pha nhận liều. Bà trưởng mở túi tiền ra đếm cả hào lẫn xu năm và xu lẻ lấy một đồng. Chị Pha hớn hở:

– Thôi chào bà nhé.

– Hãy gượm, đi đâu mà vội để tôi bảo nó ra giàn hái mấy lá giầu không, ăn một miếng đã.

Nhưng chị Pha nóng ruột, nói:

– Để đến chiều. Thôi, tôi đi đây.

Chị Pha tất tả lên huyện. Qua cánh đồng lúa má xanh tốt, chị mừng thầm, năm nay được mùa. Chị tạt qua ruộng nhà xem có hũ rượu lậu nào không. Trời chưa nắng, gió mát rời rợi làm chị càng hăm hở đi cho chóng đến nơi.

Đến phố huyện, qua các hàng cơm nào chị cũng vào hỏi thăm, nhưng chẳng ai biết chồng chị là ai cả.

Chị càng bối rối. Giữa lúc ấy, chị nghe thấy một hồi trống rấn rỏi trong huyện. Chị biết rằng chỉ vào đó, hỏi thăm lính mới rõ.

Chị tiến vào cổng huyện, thấy người lính canh xà cạp, thắt lưng da, ngồi trên chiếc ghế đẩu, chống súng xuống đất thì ngập ngừng. Chị ngả nón, đánh bạo đến gần, hỏi:

– Thưa thầy quyền, thầy làm phúc bảo cháu nhà cháu có trong này không?

Thấy câu hỏi vẩn vơ, người lính nhìn rất oai vệ. Nhưng khi đã trông thấy rõ ràng người đàn bà ngớ ngẩn này tuy xấu, nhưng còn đôi vú vớt vát được, nên anh ta dịu ngay mặt, nhăn nhở trỏ vào cái nhà gạch cao ở cạnh và cười, đáp:

– Có, chị muốn hỏi thăm nhà chị, thì vô khối trong kia.

Nói đoạn, hắn túm ngay lấy nón chị Pha. Chị sợ hãi, giật lùi lại, nhưng không kịp.

– Lạy thầy, thầy cho cháu xin, cháu đi tìm nhà cháu đây mà.

Người lính nhìn chị Pha rất tình tứ, đáp:

– Biết rồi, có nói tử tế thì đằng này giả. Không thầy thầy cháu cháu gì cả. Lại đây bảo: người đâu gặp gỡ làm chi, trăm năm biết có duyên gì hay không?

Chị Pha vốn chẳng phải nữ sĩ, nên câu văn chương kia, chị chẳng hiểu gì. Song cũng đoán biết là thầy quyền ghẹo mình, nên trống ngực chị nổi lên, chị van lạy:

– Lạy thầy, cho cháu xin, cháu có chồng con rồi.

Người lính đứng phắt dậy, nắm lấy tay chị Pha, nhưng hụt. Chị giằng được ra. Chị tức đầy ruột, nhưng phải nén không dám giở chua ngoa. Bỗng có tiếng cười khanh khách:

– Này, hai anh chị để đến tối, ai lại ban ngày ban mặt mà xấu chơi ngay ở ngoài đường thế.

Người lính híp đôi mắt lẳng lơ, để cố cười cho có duyên. Thấy người đội khăn, mặc áo dài thâm, ở tai có gài cái bút, có vẻ nho nhã, đương nhìn người lính và mình giằng co nhau, chị Pha ngượng nghịu quá, nói:

– Nhờ ông xin hộ thầy quyền cho cháu cái nón, cháu đi tìm nhà cháu lên hầu quan từ chiều hôm qua chưa về.

Trong khi chị vô ý, thì đánh độp một cái ở ngực, chị Pha giật nảy mình, trẻ phố xúm lại xem từ ban nãy cười rộ lên. Thì ra, anh lính đã bóp được vú chị. Chị xấu hổ, run lên, xám người lại, toan quen mồm cất tiếng chửi. Nhưng người lính quẳng chiếc nón vào chị, nghiêng đầu cho rõ tình và nhăn nhở nói:

– Đây, anh cho nhà, nhà đi nhé!

Chị Pha, hầm hầm cầm nón, đi thẳng vào sân công đường, kệ những tiếng cười đằng sau vẫn giòn tan.

Người lính hôm nọ thấy chị Pha quen mặt thì chạy lại. Nỗi mừng làm chị quên ngay việc nhục nhã vừa rồi. Chị hỏi:

– Thưa cậu, nhà tôi lên hầu quan hôm qua, sao mãi chưa về?

Người lính khủng khỉnh gật đầu đáp:

– Phải rồi tôi biết, nhưng không úp mở gì cả, đưa mấy hào đã, tôi bảo.

Dịu dàng, chị Pha đáp:

– Cậu làm phúc bảo giùm cháu, cháu đội ơn.

– Chà! Ơn với huệ gì, một đời chị mới đến đây một lần. Có tiền thì bảo, không có tiền thì ra. Bữa cơm chị thết tôi hôm kia tiêu hết rồi!

Chị Pha nghĩ đến dặm đường, không lẽ đã vào đây, hỏi được gần đến nơi, lại chịu về, không được việc gì, để qua mặt anh lính đĩ bợm khi nãy. Chị đành cởi thắt lưng lấy ra một hào. Người lính tử tế ngay, nói:

– Kiếm cái gì vào nói với thầy Đội, thầy ấy cho vào thăm. Hiện bác ấy phải giam ở trong trại.

Chị Pha rú lên một tiếng, rồi nước mắt chạy quanh, chị bàng hoàng nói mãi mới được:

– Trại ở đâu, cậu?

Người lính trỏ tay. Chị thổn thức tiến về phía trại, mở mành ra, vừa khóc vừa nói:

– Lạy cụ, cụ làm phúc cho con vào thăm nhà con phải giam từ hôm qua.

Đội lệ ngợ một phút, rồi hiểu ngay, song vẫn hỏi:

– Chồng mày là đứa nào?

– Bẩm là tên Pha ạ.

Thầy lòe:

– Pha, à phải, tội nặng lắm đấy, không ai vào thăm được cả.

Chị Pha nức lên khóc. Thầy Đội hỏi:

– Con mẹ kia, có im mồm không? Quan nghe tiếng thì tù nốt bây giờ. Ta hỏi đây: chồng mày có tội gì?

Chị Pha chùi nước mắt, đáp:

– Lạy cụ xét cho, chồng con làm ăn hiền lành, con chẳng biết có tội gì cả.

– Mày lại giấu cho chồng mày. Nó khai cả rồi. Ông cho chết. Thế bây giờ mày muốn gì?

– Lạy cụ, cụ cho phép con vào thăm chồng con.

Đội lệ cười:

– Mày tưởng cái trại này như buồng nhà mày để vợ chồng trò chuyện với nhau phải không?

– Lạy cụ, con là đàn bà, có cái gì không nên không phải, cụ đánh cho hai chữ đại xá. Cụ cho phép con vào một tí hỏi chồng con xem đầu đuôi ra làm sao.

Vừa nói, chị vừa có ý nhìn xung quanh. Đầu chái đằng kia, chỗ có chấn song tre, trong bóng tối, chị thấy một người ngồi dưới đất, nghển cổ ra ngoài, hình dáng rõ ràng là chồng chị. Chị càng nóng ruột nói:

– Lạy cụ, cụ làm phúc cho con.

Thầy Đội liếc mắt, biết chị đã trông thấy chồng, song mặc kệ không nói gì.

Pha ở trong buồng giam, nói to:

– Lạy thầy, thầy làm phúc cho nhà con nó đến thăm con một lúc.

Thầy Đội quay lại, trợn đôi mắt trắng dã ra, làm bộ giận dữ lắm, quát:

– Vả vào miệng nó kia!

Một người lính đang nằm ở phản gần đó, ngồi nhỏm dậy, lấy thìa khóa mở cửa buồng giam. Chị Pha nghẹn ngào nhìn theo. Thầy Đội cũng liếc nhìn người đàn bà ngu độn.

Một tiếng bốp! Mặt chị bỗng tái hẳn lại, rồi nước mắt giàn giụa.

Biết là có công hiệu, thầy Đội nói:

– Cho mày đến gần chồng mày để chúng mày đánh tháo cho nhau phải không?

– Lạy cụ, quyền phép trong tay cụ. Cụ làm phúc cho chúng con đời nào chúng con lại có lòng ấy.

Thầy Đội vuốt râu, gật gù:

– Ký cược đồng bạc, tao cho vợ chồng gặp nhau. Không thì thôi.

Chị Pha hiểu nghĩa tiếng ký cược là phải gửi tiền thầy đi để làm tin, rồi khi chuyện trò xong với chồng, chị lại được lấy về. Vì ngờ

nghệch, lại nóng gặp chồng, nên chị mừng rỡ, vội vàng cởi giải yếm, đếm mười hào, đưa cho thầy Đội giữ.

Thầy Đội cầm tiền, hút thuốc xong, xỏ chân vào guốc, đưa chị Pha đến chấn song buồng giam.

Thấy chồng, chân trong cùm, lưng áo lấm láp, chị vừa mừng vừa tủi, vừa thương, giàn giụa nước mắt, không sao nói nên lời được. Pha cảm động quá, cũng nước mắt chảy quanh. Anh kể cho vợ nghe vì lẽ gì phải tù. Chị chỉ thở dài chép miệng, chứ trước mặt thầy Đội không dám ngỏ ý oán trách ai cả.

– Thế từ hôm qua đến giờ, thầy nó đã cơm nước gì chưa?

– Chưa, nhưng bây giờ không đói nữa. Có nước cho tôi một hớp, khát khô cả giọng.

Thầy Đội thấy vợ chồng sắp dùng quá cái phép thầy cho, nghĩa là cho nhau uống, bèn giục:

– Mau lên, không có quan biết lại chết cả bây giờ. Muốn uống nước thì phải mua, chứ đây không sẵn.

Bỗng có người lính chạy đến nơi với thầy Đội:

– Thầy cho giải tên Pha lên hầu.

Vợ chồng Pha mừng quá. Thầy Đội mở cửa buồng và tháo cùm ra. Pha loạng choạng đứng dậy. Anh bị tù cẳng cả đêm nên được cử động, lấy làm khoan khoái lắm. Sực nghĩ đến mình còn bốn đồng, nên anh lo lắng nói với thầy Đội:

– Xin phép cụ, con bảo nhỏ nhà con cái này.

Thầy Đội gắt:

– Đi mau, chốc nữa hãy hay.

Pha thấy rằng nếu không được hỏi vợ xem có giắt tiền để lấy thêm đồng bạc thì sự lên quan của anh chỉ có mục đích là lại vào ngồi tù, nên anh chùn lại không dám đi, lại nằn nì nói:

– Cụ cho phép con hỏi nhà con một câu thôi.

– Nửa câu cũng không được. Con mẹ kia tránh xa ra, cho người ta giải nó đi.

Chị Pha bị đuổi, vừa lùi xa, vừa hỏi:

– Thầy nó có muốn dặn dò gì thì cứ nói đi.

– Tôi thiếu tiền lễ quan một đồng.

Chị mừng rỡ chạy lại:

– Đây, tôi có đây.

Chị lấy tờ giấy bạc, giúi vào tay chồng và yên tâm đứng lại, nhìn theo chồng vào buồng giấy quan. Chị mon men đứng ở hè lắng tai nghe trộm. Song chị không nghe rõ gì, nên hồi hộp lo. Một lát, chồng chị ra, tay cầm một tờ giấy. Chị hất hàm hỏi, thấy chồng mỉm cười gật đầu. Chị mới yên tâm, thở mạnh, bạo dạn vẫy chồng và gọi khẽ:

– Này, thế nào, giấy gì thế?

Pha ở trên hiên, ghé đầu xuống, tươi tỉnh nói thầm:

– Sang xin dấu rồi về.

– Không làm đơn kiện à?

Pha quay lại nhìn, không thấy có ai, bèn bĩu môi, lắc đầu.

Chị Pha trợn mắt:

– Thế mất toi năm đồng à?

Pha cau mặt, tặc lưỡi, rồi đi tuột vào buồng bên cạnh. Thấy lố nhố những người, anh chắp tay vái la liệt, rồi đưa một ông mặt mũi phương phi, mà anh đoán là ông lục sự:

– Lạy cụ, quan bảo xin cụ cái dấu.

Ông lục lên ngọn kính, đọc tờ giấy, rồi đưa một người môi thâm sì:

– Anh nho đóng kiềm.

Người nho nhanh nhẹn đón tờ giấy, và cũng đọc. Đọc xong, hắn làm một việc rất dung dị, là mở hòm ấn ra, dí cái kiềm vào hộp son, và áp nhẹ vào một lượt. Đoạn tay phải hắn cầm giấy, nhưng chìa bàn tay trái ra trước mặt Pha và không nói gì cả. Cái cử chỉ ấy, hắn cho là rất tự nhiên, ai cũng hiểu, thì Pha lại không hiểu. Pha thò tay toan cầm lấy tờ giấy, hắn rụt tay trái lại, và hất hàm bảo:

– Đưa đây.

Pha ngơ ngác. Vì chỉ anh nho mới phải đưa giấy cho anh chứ anh có phải đưa gì đâu. Người nho giục:

– Đưa đây rồi mà về.

– Thưa đưa gì ạ!

Không đáp, hắn tặc lưỡi, gấp tư tờ giấy, bỏ nghiến vào túi. Một lát, hắn mới trừng mắt, mắng:

– Đừng làm mặt dớ dẩn, bỏ ra ba hào, mau.

– Thưa tiền gì ạ?

– Tiền gì à? Tôi đóng không cho anh cái kiềm à?

Pha đương ngơ ngác về cái lệ này, bỗng vợ anh đứng ngoài gọi. Anh quay ra, ghé nhìn xuống. Chị đưa anh ba hào, dịu dàng nói:

– Đây, nộp cho xong rồi mà về, quàng lên.

Pha đưa tiền cho người nho và chìa tay ra đỡ lấy giấy. Nhưng tờ giấy ấy lại bay ngay đến bàn ông lục sự. Ông này đang nói dở chuyện với ông thừa, nhắc lại và bảo:

– Đồng sáu.

Pha không hiểu giấy gì mà mình phải nộp lắm thế. Nhưng đoán là tiền chè lá, anh đánh bạo thưa:

– Lạy cụ, cháu làm gì có tiền.

Ông lục vừa nghe chuyện vừa thản nhiên quay lại, nói:

– Sáu hào phạt, một đồng tạ tiền giấy bút.

Pha ngạc nhiên:

– Bẩm phạt gì, tạ ai ạ?

Ông lục cho là anh bướng, tròn xoe mắt lên:

– Tạ bố mày ngồi đây, nghe chưa? Mày chửi nhau với thằng Thi, quan trên chỉ phạt có vi cảnh mà tao phải viết cho mày biên bản biên lai nghe chưa!

Pha càng không hiểu:

– Lạy cụ con có chửi nhau với ai đâu. Có tên Thi chửi con mà thôi.

Ông lục chửi:

– Tiên sư mày, thế tự nhiên quan bắt giam mày hôm qua à? Muốn tù nữa thì cãi đi.

Pha sợ run không dám nói nửa lời. Chị Pha cũng mê lên, vội cởi lấy đủ đồng sáu rồi gọi và đưa cho chồng.

Ra ngoài cổng huyện, Pha sung sướng như người thoát chết. Anh bèn thực hành chương trình:

Khoản thứ nhất, làm cho anh được hoàn toàn sung sướng, là tìm một nơi vắng vẻ để tống những thức nó làm cho anh bực mình, khó chịu từ hôm qua.

Khoản thứ hai, báo cho vợ biết rằng anh còn bị mất cái ô trắng mượn.

Khoản thứ ba, tính toán tất cả các phí tổn, còn thừa tiền để ăn uống lấy sức mà về.

Bỗng đương ngồi hàng cơm, chị Pha đứng dậy hốt hoảng nói:

– Ồ, còn đồng bạc ký cược thầy Đội giữ.

Pha nắm lấy tay vợ, chán nản, nói:

– Thôi, đã ra thoát, chớ nên đâm đầu vào. Vả nói vậy là lão lấy chứ lại giả gì đấy.

Anh rất oán thán lối bóp nặn tàn nhẫn trong công môn, nhưng không dám nói rõ. Vợ anh thở dài:

– Gớm, lệ đâu lại có cái lệ qua tay nào cũng phải tiền.

Người bán hàng cơm đã nghe thủng chuyện, nói.

– Tại hai bác ngớ ngẩn nên người ta bắt nạt già, bóp nặn được đến đâu, thì bóp nặn đến đấy, chứ lệ gì?

Vợ chồng ngơ ngác nhìn bà hàng, rồi Pha bỏ dở bát cơm, không ăn được nữa, như đã nghĩ đến một cái gì kinh tởm vậy.

X

Về đến nơi, chị Pha vào ngay nhà bà trưởng Bạt để cho con bú, và kể lể sự tình, lạy van bà cho chịu món tiền mua lợn đến cuối tháng, sẽ trả cả gốc lẫn lãi. Chị cam đoan rất chắc chắn, vì chị đã định tâm từ nay phải bán tống bán tháo hàng họ đi để lấy tiền trang trải chỗ tám đồng của ông Nghị và ba đồng của bà trưởng. Thà chịu lỗ vốn một tí, còn hơn để món nợ nằm đó, cho nó đẻ lãi ra.

Bà trưởng giận lắm, nhưng thấy tình cảnh chị thì đáng thương, nên chỉ nhiếc móc một lúc, rồi bất đắc dĩ phải bằng lòng cho chị chịu tiền vậy.

Vợ chồng con cái đoàn tụ một nhà rất vui vẻ. Nhiều người đến hỏi thăm, ai cũng mừng cho Pha ở hiền gặp lành. Anh đĩ Dự hứa cho anh ba hào để đền cái ô mất.

Đến chiều, chị Pha âu yếm đưa con cho chồng bế, rồi cầm chiếc rá, nói:

– Thầy nó coi nhà, tôi đi vay gạo thổi cơm chiều, nhà hết cả gạo.

Pha thấy vợ chật vật thì động lòng thương. Anh buồn bã dịu dàng nói:

– Thôi, không cần, tôi nghĩ đến cái đoạn trường cửa quan vừa rồi lúc nào là thấy no lúc ấy.

Vợ cảm động, rơm rớm nước mắt:

– Tôi thấy nhà được về mà mừng quên cả đói.

Rồi cùng bảo:

– Thế thì bữa chiều nay nhịn cũng được.

– Được.

Hai vợ chồng mỉm cười nhìn nhau. Một lát Pha nói:

– Vả ai cho ta vay gạo? Những người thân đều là những người nghèo, cũng cảnh được bữa nay lo bữa mai như ta.

– Thôi, nhưng tôi cứ muối mặt xem ai có cho vay được chăng. Mình có thể nhịn được đã đành, chứ con nó đã có tội tình gì mà bắt nó nhịn bú.

Nói đoạn, chị ôm chặt con vào lòng, hôn hít hồi lâu rồi cắp rá ra đi.

Pha đăm đăm nhìn theo vợ. Anh lắc đầu, thở dài.

Bỗng có tiếng chó cắn ngoài ngõ. Anh nhìn ra, thì Phát người nhà ông Nghị đã nói:

– Anh Pha đến, quan hỏi gì ngay.

Tự nhiên Pha lộn ruột, căm tức con người lừa dối. Anh định không đi. Nhưng vụt nghĩ đến món nợ tám đồng, anh mất cả hăng hái. Anh thở dài, cầm nón theo Phát. Nhưng căm giận không lẽ để mãi trong bụng, mà anh lại chẳng dám nói cho ông Nghị biết anh đã rõ tâm địa ông, nên anh phải than thở với Phát, vì anh yên trí hết nào những câu trách móc cũng đến tai ông Nghị. Anh nói cho Phát biết rằng ông Nghị đã xui anh kiện, rút cục anh không kiện mà ông cũng bắt anh phải mất năm đồng cho quan, gia dĩ anh còn tốn bao nhiêu tiền ngoài mà vẫn phải tù, phải đánh.

Không ngờ Phát cũng một cảnh ngộ như anh, nên chẳng vào hùa với ông Nghị, lại lôi bao nhiêu chuyện xấu của chủ ra mà kể:

– Ông ấy chẳng mấy tháng không bị kiện và không đi kiện, chẳng chỗ này thì chỗ khác. Vì vậy đối với quan nào ông cũng phải chiều chuộng, dất mồi cho ăn luôn. Ngay như mấy anh Tây Đoan

không can thiệp gì, mà ông ấy cũng quỵ lụy. Để làm gì? Để bắt nạt chúng ta cho dễ. Chả vừa rồi, ông ấy vừa bị nhà Ánh nó bỏ giấy về việc chiếm nhà nó, được quan thu xếp êm thấm, nên hàm ơn mà dắt khách đến cho quan. Này chính ông ấy xui trương Thi nó kiện anh đấy nhé.

Pha trố mắt, ngạc nhiên như nghe một chuyện cổ tích:

– Thật à? Thế mà hôm qua tôi thấy trên huyện người ta nói thế, tôi lại cứ không tin.

– Phải, mà đục nước chỉ béo cò, trương Thi cũng phải vay ông ấy hai chục, lại nhờ ông ấy khấn quan hộ.

Pha cười lạt, ngẫm nghĩ.

Anh căm hờn người xui nguyên giục bị, đòn xóc hai đầu. Anh quyết hăng hái nói thẳng đến tai ông Nghị cho được hả giận.

Nhưng đứng trước mặt Nghị Lại, Pha không giữ được ý định nữa. Khi nghe anh nói quan nha lính tráng tàn nhẫn, ăn không của anh mất ngót mười một đồng, lại khép anh vào tội vi cảnh vì chửi nhau, thì ông Nghị ngọt ngào nói:

– Con ngu dại thế, không trách con chết. Tiền mất cho quan là tiền không đi đâu mà mất, sao con lại cứ tiếc? Mình làm thằng dân, bao giờ cũng dưới quyền cai trị của người ta, ngộ rồi khi con có việc gì, con có mong người ta bênh vực cho hay không? Quyền phép trong tay người ta, người ta ưa mình thì người ta che chở mình, mà người ta ghét mình thì người ta cứ thẳng tay. Há con chẳng thấy bao nhiêu người chịu tốn kém để kiếm chỗ đi lại mà không được đấy à?

Bị ông Nghị nhồi sọ. Pha đứng lặng và nguôi giận. Anh cho là lời có lý và không thiết tha tiếc tiền như trước nữa. Ông Nghị nói tiếp:

– Cho nên làm dân có bổn phận là phải kính trọng quan phụ mẫu. Không nên thấy mất những món tiền nhỏ để vội oán thán. Làm con, ai oán thán cha mẹ bao giờ. Năm đồng bạc, mình cho là to, chứ người ta coi như cái rác cái bụi. Vả lại làm quan mà không ăn lộc, thì ai làm quan làm quái gì. Mày không nên ngu dại, nghe hoặc bắt chước những đứa vô luân thường đạo lý, những đứa ngông cuồng, những đứa cộng sản, làm sách, viết báo, để chúng nó nói xấu quan này, nói xấu quan kia. Người ta xấu, người ta cũng là ông quan cai trị mình. Chúng nó hay, chúng nó giỏi, sao chúng nó không được ra làm quan? Chung quanh đây, mật thám đầy lên đấy. Vả lại phải suy xét

mới được. Người ta ngũ lục phẩm triều đình, mình đã là thứ bực gì mà đã dám chống cự với người ta. Chẳng qua mình là thằng dân hèn.

Pha lại trông thấy trước mặt một người phốp pháp và những khí giới giết người, tự nhiên anh lại bắt đầu sợ quan như thường. Anh đáp:

– Lạy quan, con đâu dám nghĩ thế.

– Cho nên mai, mày lại phải đi tạ quan mới được.

Pha thấy nói phải lên huyện thì khó chịu, hơi cau lông mày, nhìn ông Nghị và hỏi:

– Bẩm con làm gì mà phải tạ. Quan huyện nhất định khép tội con chửi nhau, đã phạt con sáu hào rồi, thế là việc xong.

Ông Nghị cười, ôn tồn hỏi:

– Nhưng không có thư của tao, liệu việc con có xong không?

– Như thế thì con phải tạ ơn quan chứ không phải là quan huyện. Quan bảo con kiện trương Thi, nhưng con không kiện nữa, thì việc gì con phải tạ.

Ông Nghị đuối lý, nhưng cũng gật đầu, nhăn mặt, dằn từng tiếng:

– Biết rồi, khổ lắm! Nhưng con phải biết rằng chỗ người lớn nói với nhau, tức là tao đã khấn với quan huyện như thế rồi, con nghe chưa? Nếu con định lập tâm quịt ngài, rồi con sẽ thấy rằng con dại, con đã vào quan một lần há lại chưa sáng mắt ra hay sao?

Pha lại thấy nhụt, nhưng cũng còn nói cho vỡ lẽ:

– Nhưng thưa quan, cơm con chả có mà ăn, áo chả có mà mặc, đến bữa chiều nay nhà con phải đi chạy gạo, thì làm gì có tiền mà lễ quan một cách vô lý.

Thấy mình thuyết đã xiêu lòng thằng ngu ngốc mà thỉnh thoảng nó lại cứ chống chế, nên ông Nghị càng hết sức nhồi sọ, đánh về mặt cảm tình. Vì vậy ông lại nhăn mặt và dằn:

– Khổ lắm, giảng từ hôm nọ thì không thèm hiểu cho. Tao đã cho vay kia mà.

Nói đoạn, ông mở tủ quẳng một cuộn giấy bạc xuống bàn, nhìn Pha để dò ý và tủm tỉm nói:

– Đây, tao là người lớn, chẳng lẽ tao nói hai lời với anh. Anh mất tiền tao cũng thương hại, nhưng anh phải mừng được làm đầy tớ chỗ quyền thế.

Thấy Pha đứng ngây người, im lặng, ông thở dài, và nói bằng giọng thân mật hơn:

– Thế nhà mày thiếu gạo ăn hôm nay à, con? Thằng Phát đâu?

– Dạ.

– Vào bảo cô Tư hay cô Năm cũng được, nghe chưa, đong cho anh Pha hai đồng bạc gạo nhé, khổ!

Thấy Pha có dáng cảm động, ông than thở:

– Gạo độ này kém lắm nhé. Đồng bạc chỉ đong được có mười lăm bơ chiêu, sốt cả ruột.

– Bẩm, được mười chín bơ ạ.

– Láo!

Rồi ông đánh trống lấp:

– Thế hôm nọ tám đồng, hôm nay hai đồng gạo, với hai chục nữa là đi ba mươi đồng, nhớ lấy nhé.

– Dạ. Lạy quan, từ nay đến cuối tháng, con xin nộp.

Ông Nghị mắng:

– Chà! Bao giờ nộp cũng được. Tao biết việc này cũng hơi tại tao một tí, cho nên tao mới hối hận mà tận lực giúp mày. Thì mày hãy cứ lo làm ăn chăm chỉ.

Thấy ông Nghị hình như thành thực tử tế với mình. Pha ngậm ngùi cầm rá gạo đem về nhà. Nhưng khi vợ anh khảo lại thì thấy hụt mất già nửa bơ và chị kêu rầm lên rằng thứ gạo hôi và mọt này, ở chợ bán một đồng hai mươi bơ là đắt.

XI

Pha ở huyện về. Cởi khăn áo xong, anh bắc chõng ra sân ngồi mát, thừ người tiếc ngẩn tiếc ngơ món tiền hai chục tạ quan. Vợ anh tặc lưỡi, tự an ủi:

– Thôi, cũng là cái số mất của, thế cho đỡ ốm.

Pha không nói gì, thở dài. Thấy chồng thế, chị Pha ái ngại, lại nói:

– Người còn thì của hãy còn. Bá Thọ hẹn hôm nay mua lại gánh hàng, hễ được giá thì bán phăng để giả nợ. Chân tay còn cứng rắn, hễ sạch nợ thì ta làm giàu cần gì.

Pha chán nản:

– Bu mày, đừng nói đến chuyện làm giàu đi.

Một tiếng cười giòn tan ở ngoài cổng, chị Pha nhìn ra, thấy bác Tân, chị ruột chị, lấy chồng dưới cuối tổng vui vẻ vừa vào vừa nói:

– Từ ngày chú dì ở cữ cháu, tôi cứ bảo lên mừng mà nhà bận quá. Nào thằng cu ra bá bế nào.

Bác Tân âu yếm đón thằng Bạch ngủ trên tay mẹ nó và nựng nó đủ điều, để nó thức dậy.

Pha đứng lên nhường chỗ cho chị vợ, rồi đi rót bát nước vối:

– Bác uống tạm.

Bác Tân nhìn Pha hỏi:

– Tôi nghe chú mới được cái bổng.

Pha cười:

– Vâng, cái bổng to.

Vợ anh chép miệng:

– Vợ chồng tôi trót nghe ông Nghị xui dại, thành ra bị cái vạ vịt.

Rồi chị kể đầu đuôi, từ việc đặt tên con, việc trương Thi chửi cạnh mất gà, việc bỏ rượu lậu vào ruộng, đến việc Thi sinh chuyện để kiện, và trước sau chồng chị bị đòn, bị giam và mất tiền ra sao.

Bác Tân ngẩn ra nghe, thỉnh thoảng chép miệng, than thở:

– Khốn nạn!

Kể xong chị Pha kết cục:

– Thì ra ông ấy xui nguyên giục bị, để nhà tôi tự nhiên mất hơn ba chục bạc, có tai hại không? Thế mà vẫn làm ra ta nhân đức thương người lắm, mà làm sao ông quan ông ấy ăn vô lý thế mà cũng ăn được.

Bác Tân cười mỉa mai:

– Làm quan thấy tiền đưa đến tận mõm lại còn phân biệt có lý với vô lý! Ông này ác chẳng kém gì ông trước. Này, thấy người ta bảo hễ nghe nhà nào có máu mặt trong huyện, là cho người đến gây sự kiện tụng để ăn tiền đấy.

Thấy vợ chồng Pha thở dài, bác Tân tức tối nói tiếp:

– Ăn vừa vừa chứ, kẻo lại mất quan sớm.

Pha cười:

– Người ta khôn, ăn tiền đúng phép, chứ có để hớ hênh chỗ nào đâu mà sợ. Mình là dân, hễ cứ có việc gì dính đến quan, thì cứ là tuyệt nghiệp.

Chị Pha bĩu môi:

– Tại thầy nó nghe ông Nghị nên mới đến nỗi, chứ người khác thì việc gì.

Rồi chị nói với bác Tân:

– Tôi định bán gánh hàng đấy, bá ạ, để lấy tiền mà giả nợ ông Nghị, ông ấy lấy lãi nặng quá. Mười lăm hai mươi phân là thường.

Bác Tân, cười, nói đùa:

– Thảo nào ban nãy chưa chi chú dì đã nói đến chuyện làm giàu.

Pha cười chán nản:

– Nói đùa cho vui đấy chứ, nếu giàu được thì đã giàu rồi. Năm ngoái tôi dọn cái quan viên, mà mãi mới giả nợ hết.

Bác Tân nói thêm:

– Vả lại ở làng khác, còn mong nói chuyện làm giàu, chứ ở làng này, tục hương ẩm nặng lắm, mấy lại còn đời lão Nghị, thì cứ là dân đi xiêu hết. Đấy, chú dì xem bác Hai, bác Ba nhà này thì biết.

Pha cảm động, đáp:

– Bá nói đúng đấy. Như bác đám Ích, kể đã là tay giỏi, bao nhiêu ruộng nương mất sạch với ông Nghị về cái năm cai đám, phải lên tận Tuyên Quang làm ăn. Thế mà mấy năm chả biết phát tài thế nào, bác ấy lại dành dụm được cái vốn, về ở làng. Thế mà cái nhà ông Nghị cũng bất nhân, chẳng biết sinh sự thế nào với bác ấy, đến nỗi bác ấy lại mất nhà, hết sạch sẽ, và nay lại lên Tuyên Quang.

Ba người cùng phá ra cười. Chị Pha tiếp:

– Bác đám gái bẻ que thề rằng từ giờ đến chết cũng không về làng nữa.

Bác Tân nói:

– Ở làng tôi, tiếng thế mà làm ăn dễ hơn làng này.

Chị Pha tiếp:

– Là vì dưới làng còn có người nọ người kia biết tiếng Tây, nhất là không ai giàu hẳn như ông Nghị Lại, chỉ rặt những nhà sàn sàn đủ ăn như nhau thôi.

– Thật đấy, chỉ những người cùng cảnh mới biết thương hại nhau, đùm bọc nhau, chứ hạng giàu có, họ coi mình như cái kiến cái bọ, giẫm lên mình lúc nào thì mình chết lúc ấy.

Pha nói đùa:

– Độ vài năm nữa, khi đất ruộng làng An Đạo này về tay ông Nghị Lại cả, thì ông ấy ăn sang đến làng Trung, làng Phượng, rồi đến làng Đông Thái nhà bá.

– Bây giờ lại còn chưa, mới độ một phần tư ruộng của ông ấy thôi. Nghĩa là chúng tôi ở xa ông ta, thì ít người bị vạ.

Pha căm hờn, tiếp:

– Nhưng không bị cái vạ nhà giàu thì bị cái vạ quan, cũng thế.

Bác Tân gật.

– Ừ, vạ quan thì chẳng làng nào thoát.

Rồi thở dài, bác tiếp:

– Gớm, bao giờ ông ấy đổi đi cho dân nhờ.

– Ông này đổi đi, ông khác lại đến, bao giờ mình thoát được.

Pha buồn nản, nhắc lại ý bản nãy:

– Rút cục chỉ dân chết, chết vì nạn nhà giàu, chết vì nạn quan.

Bác Tân trai ở ngoài cổng bước vào, cười vui vẻ, nói tiếp một thôi một hồi:

– Dân quê còn chết về nhiều cái nạn khác nữa, nạn ăn ở bẩn thỉu, dại dột, nạn sưu cao thuế nặng, nạn lụt, nạn đại hạn, nạn hủ lậu, rút cục nạn gì cũng do cái dốt nát nó đẻ ra cả.

Câu nói pha trò của người vui tính không làm ai cười, trái lại, nó khiến mọi người phải ngẫm nghĩ. Nói xong, bác Tân ngồi xuống chõng, vớ cái điếu hút sòng sọc.

Bác Tân gái nhìn chồng, chép miệng buồn rầu, mách:

– Thầy nó ạ, chú dì định bán gánh hàng đi để trang trải nợ lão Nghị Lại.

Pha kể đầu đuôi, cái tai bay vạ gió mà mình vừa bị cho anh rể nghe. Bác Tân trai trầm ngâm hỏi:

– Thì chú dì lấy gì mà ăn?

– Chúng tôi có tám sào đây, may cũng đủ ăn, rồi đi làm mướn kiếm thêm chứ gì.

Khách lắc đầu, ngao ngán:

– Chú dì sang ở với tôi, chứ đừng nên ở đây. Ta biết trước cái làng này bất lợi cho bọn nghèo ta, ta nên tránh trước nó đi.

Bác Tân gái nói gắt:

– Thầy nó nói mới hay chứ? Ai lại có làng có nước, có nhà có ruộng hẳn hoi, mà bỏ đi ở nhờ nhà anh rể!

Bác Tân trai không đáp, hỏi:

– Thế chú dì bán xong gánh hàng thì định làm cho ai?

– Tôi hãy biết sạch nợ ông Nghị là thoát được cái nạn to, còn thì giời sinh voi lại sinh cỏ, lo gì?

Bác Tân gái hỏi:

– Thế bà Thọ định dạm mua cho dì à?

Chị Pha thở dài:

– Chắc gì, còn giả rẻ thối ra, ai bán được.

Bác Tân trai hỏi:

– Bà Thọ nào nhỉ?

– Bà chị gái nhà bà Nghị ba ấy mà, bà ấy mua cho con dâu tập buôn.

– Thôi, thế thì không bao giờ dì nên bán, mà cũng không bao giờ dì bán nổi.

Chị Pha ngơ ngác nhìn bác Tân. Bác bày giảng:

– Vì họ dìm giá. Họ biết rằng ngoài họ, không ai có tiền mua nổi, thì bắt chẹt lúc mình cần tiền.

Bác gái tiếp:

– Mà biết đâu lại chính ông Nghị mua của dì đấy.

Bác trai nghĩ ngợi rồi bàn với vợ:

– Đẻ nó ạ, hay là ta mua giúp chú dì?

– Chị em trong nhà với nhau, ai lại mua thế, người ta cười cho.

– Thì ta giả dì như giá dì mua ở hiệu ấy chứ gì. Đừng để dì thiệt.

Pha giẫy nảy:

– Không. Tôi không bán cho hai bá đâu.

– Thì dì đừng ăn lãi chúng tôi, chúng tôi không mua rẻ của dì. Như thế, nhà tôi đỡ công đi cất hàng, mà dì không phải người ngoài họ giả hạ quá.

Chị Pha thở dài, cảm bụng tử tế của anh rể. Chị nhìn chồng ngồi thừ cúi gầm mặt xuống.

XII

Vì lòng tử tế của chị gái và anh rể, chị Pha bán được gánh hàng ba mươi hai đồng.

Vợ chồng rất mừng, tuy mất mối sinh nhai hàng ngày, nhưng có tiền để trả món nợ nặng lãi, đỡ phải ngày đêm lo ngay ngáy. Vậy rồi đây anh chị sẽ phải vất vả hơn để kiếm ăn, nhưng được ăn ngon chứ không phải vừa ăn vừa lo.

Hôm nhận đủ tiền, chị Pha bảo chồng:

– Thôi, thầy nó khăn áo lại nhà ông Nghị, rồi đến mừng bác San, kẻo người ta mời vào giấc này, mình lại đến chậm.

Pha nhăn mặt, đáp:

– Mình có phong lưu mới nói chuyện mừng, chứ túng kiết thì hãy chịu đấy, ở làng ở nước, thiếu gì dịp giả nợ nhau.

– Không coi được, ngày ông mất, bác ấy làm giúp bao nhiêu, lại phúng những năm hào, cho nên bây giờ mình có kiết cũng phải mừng ba hào.

Pha gạt đi:

– Tiền mừng ra mừng, tiền phúng ra phúng. Để bao giờ bà trùm Sủng chết, lúc bấy giờ ta phúng lại thì mới phải. Con bác ấy đỗ Sơ học yếu lược, bác ấy khao mời bà con thân thuộc, thế là việc vui chơi, cần gì phải mừng. Mấy lị xưa nay ở làng này làm gì có lệ mừng Sơ học yếu lược.

– Nhà nghĩ thế không phải. Là bởi xưa nay đã có ai đỗ đâu mà khao với mừng. Bây giờ mới có con bác ấy thành đạt về chữ Tây là một. Vả lại bác ấy cũng chưa đóng góp gì với làng, chả lẽ cứ ăn của người ta mãi mà không giả, cho nên bác ấy mới làm thế.

Pha cười, lắc đầu:

– Thế thì bu nó chưa rõ tại sao có đám khao này. Nguyên là tại ông Nghị đến nhà bác San, dỗ dành bà trùm với bác ta nên khao, cũng viện lẽ là từ ngày xửa ngày xưa, bây giờ mới có con bác ấy làm danh giá cho làng. Ông ấy bỏ tiền ra cho bác ấy vay, rồi chính ông ấy bán lợn, bán bò, bắt bác ấy phải mua.

Chị Pha nghĩ ngợi, rồi nói:

– Thế là phải viết nhà, viết ruộng cho ông ấy chứ!

– Khỏi được! Người làng khuyên can mãi, nhưng không biết bác ấy bị ông Nghị phỉnh khéo thế nào mà nhất định không nghe ai. Lại dơ nữa là con đỗ phải lễ thầy giáo đâu mất mười đồng. Thế mà bố khệnh khạng, như ông cụ cố, chiều không dám đi đón hàng cho vợ, thỉnh thoảng có dắt trâu đi tắm, bác ta cũng đội khăn, mặc áo dài và đi guốc. Rởm đời thế thì có mất nghiệp cũng đáng kiếp!

– Nhưng đã được dâu gia với ông phó Nhị, danh giá bao nhiêu. Bây giờ bác ấy mời thầy nó, mà thầy nó không đi, rồi bao giờ mình có việc, mời bác ấy, bác ấy lại không đi nữa.

Pha trầm ngâm một lát, rồi gật:

– Được. Tị nữa tôi đi.

Nói xong, anh mang ba chục đến nhà ông Nghị.

Phát ra mở cổng, bảo trong nhà đương có ông Lý, ông Chánh hội đến từ trưa để trình sổ thuế mới năm nay. Pha vào, ngồi chờ ở hè bên cho khuất. Nhưng những tiếng bàn tán bên trong làm anh chú ý nghe.

Ông Nghị hỏi:

– Các anh lấy lẽ gì mà đánh tôi lên hạng năm mươi đồng?

– Bẩm quan là gia trưởng. Đã đành ruộng tên quan ít, nhưng những ruộng đứng tên các bà và các cô, các cậu, người ta qui cả vào quan để quan đóng thuế thân hạng nhất.

Ông Nghị ngạc nhiên:

– Thế ra sang tên cũng vô ích à?

Nhưng hút xong điếu thuốc, ông nói:

– Không, tôi chỉ chịu hạng ba mươi đồng là quá lắm. Năm ngoái, tôi chỉ phải mất có hai đồng rưỡi. Năm nay có tăng, thì đến hai bốn đồng, cùng lắm băm nhăm đồng, chứ làng nước với nhau, các anh bắt tôi nộp năm mươi đồng thì nghe sao được.

– Bẩm đáng lý quan nộp thuế hạng hai trăm kia đấy ạ, vì cộng cả quan có những bốn trăm mẫu. May các quan nghị khóa trước phần nhiều là điền chủ to, các quan bênh những người nhiều ruộng mới cố xin rút xuống năm chục đấy ạ.

Ông Nghị ngẩn ra nghe, rồi bĩu môi nói:

– Hạng nghị viên ấy là hạng nghị viên chó má, Nhà nước định thế, sao không cãi cho bằng được, để y nguyên thuế cũ nhất loạt hai đồng rưỡi có hơn không. Lý gì thằng mõ cũng là người như tôi mà chỉ nộp có một đồng thuế thân. Hay tôi hưởng sự sung sướng của Nhà nước ban cho năm mươi lần hơn nó? Thực là mất cả công bằng. Đáng lẽ càng người giàu càng đáng nộp một đồng, vì quanh năm như tôi đây, có ra ngoài mấy khi đâu, cho nên chẳng cần gì đến đường sá, cầu cống của Nhà nước. Nhà tôi lại xây kiên cố để giữ trộm cướp, chả cần gì đến lính tráng, tuần đinh. Nhà giàu hay nuôi thầy giáo riêng trong nhà để dạy con, hoặc cho chúng nó đi Hà Nội, đi sang Tây, học tháng nào mất tiền tháng ấy. Tôi không hiểu sao, viện dân biểu, trong đó biết bao nhiêu ông nhà giàu, mà không biết bênh lấy quyền lợi cho chu đáo. Thực là tiếc cái thời buổi cũ! Nghị viên ngày xưa danh giá lắm chứ, ai cũng được kim khánh, mề đay, phẩm hàm. Bây giờ Nhà nước coi rẻ quá, chả thưởng cho cái gì cả.

Nói đoạn ông thở dài.

Lý trưởng thưa:

– Khóa sau, mời quan lại ra nghị viên.

– Anh tính tôi ra làm gì? Giàu tôi cũng giàu rồi, sang tôi cũng sang rồi, hơi đâu mà tranh giành, vất vả. Mà có chạy được, bất quá mình cũng vẫn chỉ là quan nghị, chứ hơn gì. Hễ Nhà nước có mở quốc trái phòng thủ Đông Dương nữa, mà có thưởng Hàn lâm, thì tôi quyến cái ấy hơn, vừa danh giá, vừa không mất đi đâu đồng tiền nào, vừa được lãi.

Nói đoạn, tiếng xè xè thuốc phiện kéo thật đều. Rồi ông Nghị bảo:

– Nghĩa là vui chuyện, tôi nói cho các anh nghe chơi chứ băm nhăm hay năm mươi đồng, thì tôi cũng chả phải nộp đồng nào.

Chánh hội vội vàng đáp:

– Lạy quan, như năm ngoái, mỗi suất thẻ chả là bao, chỗ chúng con làm việc trong làng này như tôi con quan, nên không dám thu của quan, nhưng năm nay, bấm nó cao quá.

– Chà, các anh phải bỏ tiền túi ra nộp cho tôi đấy hẳn? Chẳng qua các anh thu lạm của nhà Cò, nhà Binh, thằng Sét, với những đứa như chúng nó. Bất quá các anh thí cho tôi suất sưu, thì tôi che chở cho các anh. Chứ tôi đã làm việc làng chán, lại không biết hay sao. Suất sưu của tôi năm nay năm chục, chứ giá hai trăm như Nhà nước

định, mà các anh trừ đi cho tôi, các anh cũng chẳng thiệt đi đâu đồng nào, đâu có đó cả.

– Quan tha tội cho, làm nghề nào ăn nghề ấy ạ.

– Ừ, thế chứ lý! Sao lúc đầu các anh lại nói phét rằng năm nay quan bắt thu hơn năm ngoái nhiều. Tôi bảo cho các anh biết, tôi không phải đóng một xu thuế thân nào cả, các anh liệu làm thế nào thì làm. Chứ đừng giở luật lệ lý sự với tôi mà không xong đâu.

– Vâng, bẩm quan đã cho phép, chúng con mới dám quyết định. Vì chúng con chắc năm nay thuế mới, nhiều người phải đóng góp nặng hơn năm ngoái, họ kêu.

– Kêu thì cứ vả tan họng chúng nó ra. Thế bao nhiêu đứa đóng vào hạng vô sản?

– Bẩm, đáng lý trăm rưỡi người, nhưng quan trên chỉ cho có năm mươi người.

– Bao nhiêu thì bao, các anh cũng phải để dành mười suất cho những đứa người nhà tôi.

– Bẩm, tên những người nộp một đồng, đã kê cả vào sổ bổ rồi.

– Đâu, đưa xem nào.

Im lặng một lát, ông Nghị nói:

– Không được. Thằng Cò, thằng Sét, với những thằng này bắt nó đóng lên hạng sáu, hai đồng rưỡi cũng được. Mọi năm nó còn lo nổi kia mà. Có đứa nào đấy không, lấy đĩa giầu chứ!

Chẳng có tiếng thưa. Pha chạy xuống nhà dưới để gọi, thì đã thấy ông Nghị cởi trần trùng trục ra hiên, vừa đi vừa xoắn cạp quần cháo lòng. Gặp Pha, ông hỏi:

– Thằng Pha đấy à?

Đứng ngoài sân, Pha quay lại vái chào:

– Dạ, lạy quan ạ.

– Có việc gì thế?

Pha rón rén bước lên hè, qua ngưỡng cửa, móc túi lấy cuộn giấy bạc, gãi tai, thưa:

– Bẩm đội ơn quan cho con nhờ món tiền hôm nọ hôm nay con xin nộp.

Ông Nghị ra dáng giận dữ lắm, còng lưng, nhăn mặt mà phàn nàn:

– Khổ lắm, ai đòi mày mà mày nộp?

– Lạy quan, quan nhận cho, con sợ để lâu, không tiện.

– Tiện với chả không tiện gì. Thôi, tao chưa cần, mà mày lại vay cào, vay cấu ở đâu đấy chứ gì?

Pha nói thực:

– Lạy quan không, con bán gánh hàng của nhà con.

Ông Nghị cau có để tỏ vẻ thương hại, rồi chửi yêu, mà mắng:

– Thế đấy! Ai đòi mà dại dột thế? Thôi được, tao biết bụng vợ chồng nhà mày, nghe chưa. Chỉ có gánh hàng để kiếm ăn, lại đem bán đi, lạ quá!

Rồi ông đặt tay lên vai Pha, đưa anh vào trong nhà, âu yếm nói với ông Chánh hội:

– Mình thương chúng nó, mà chúng nó có hiểu lòng mình đâu!

Pha nhăn nhó, nằn nì:

– Bẩm quan, tiếng thế con cũng còn vài sào ruộng và hai vợ chồng khỏe khoắn.

Ông Nghị lại mắng át:

– Thôi đi, tao thương thì để tao thương, đem tiền về. Tao bảo không nghe rồi lúc tao ghét thì không ra gì đâu.

Pha yên lặng ngẫm nghĩ. Ông Nghị nói:

– Nhân tiện có ông Lý đây, để tao viết cho mấy chữ rồi điểm chỉ vào, nhờ ông ấy cho cái triện. Tao nhiều việc hay quên, biên thế cho nhớ.

Nói đoạn, ông Nghị loay hoay viết, rồi giảng qua loa cho Pha nghe và đưa anh điểm chỉ.

– Anh Lý, đóng cho nó cái triện.

Lý trưởng cầm tờ giấy ra sáng, đánh vần đọc:

– Tên tôi là Nguyễn Văn Pha...

Ông Nghị tặc lưỡi:

– Xem thôi mà, đọc to làm gì, văn tự nào không giống nhau.

Lý trưởng hiểu ý, nói:

– Quan thương vợ chồng nhà anh nghèo, chứ người ta còn thầy thợ, lạy sứt trán, quan không cho vay đấy.

Pha nhăn nhó cố cười. Ông Nghị cầm lấy bức văn tự đã đóng triện, bỏ vào tráp, và bảo Pha:

– Liệu kiếm cơi giầu tạ ông Lý, nghe chưa.

Pha thở dài cầm tập giấy bạc, chào mọi người rồi lủi thủi ra về.

Anh rất bất mãn, và lo lắng cho số phận ba chục bạc này sẽ chẳng được lâu bền. Tiền vào nhà khó như gió vào nhà trống.

XIII

Khoảng hai ba giờ chiều mùa hè là khoảng bức nhất trong một ngày. Nhưng ở nhà quê, người ta ăn vào lúc ấy. Cả ăn cỗ cũng vậy.

Nhà bác San, khách khứa đông ăm ắp, như bị luộc trong cái lò lửa. Hình như quên cả nực, người ta vẫn khăn lượt, áo dài, ngồi bốn người bốn góc phản, dù có quen nhau hay không, cái đó không can hệ đến sự ghép ngồi cho tiện. Họ nghiêm chỉnh và phe phẩy quạt, không nói với nhau một câu nào ngoài tiếng mời uống nước, hoặc nhờ quẳng hộ cái điếu. Trời thì oi bức, nhà thì ba mặt vách quây, nên những tấm thân, tấm áo, tấm khăn, chỉ quen nước mồ hôi, chứ không quen nước lã, tự do xông lên một mùi chua chua.

Ngoài rạp ở sân che lượt cót, tuy thoáng, nhưng nực hơn. Ánh mặt trời xuyên qua những khe hở của nan nứa ghép không khít, mạnh mẽ chiếu lỗ chỗ xuống sân gạch. Khách đến chậm chân đều ngồi cả đấy, trên hai hàng phản kê gần nhau.

Sau khi đặt ba hào vào đĩa, tươi cười nói mấy câu mừng khách sáo, Pha được San trịnh trọng nhìn xem phản nào thiếu người để mời ngồi tạm. Và bác từ tạ rằng nhà khí hẹp, và ghế giữa, trước bàn thờ phải để dành mời cụ Chánh tổng, cụ Lý trưởng và hai cụ Chánh, Phó hội.

Chờ một lát, ba ông sau này ở nhà Nghị Lại đến, nét mặt vẫn còn đầy căm hờn. Sự căm hờn ấy, duy Pha có thể hiểu nhưng nếu anh không hiểu thì thôi.

San ra tận cổng đón, và mời khách vào. Ông Lý nói:

– Chúng tôi mắc tí việc, thành ra đến chậm.

Ông Chánh hội nhấc cặp kính đen lên trán, mở to mắt nhìn vào trong nhà, và không để ý đến lời chào của mọi người, ngạc nhiên hỏi:

– Ơ, thế chưa ăn à?

– Vâng, còn chờ các cụ, mà cụ Chánh cũng chưa đến.

– Gớm, thế mà ông Phó cứ giục rối lên, để yên đằng này làm thêm mấy điếu của hắn nữa cho đỡ ức thì không.

Rồi ông càu nhàu một mình:

– Làm Chánh tổng mà khệnh khạng như ông quan.

Ông Phó hội đi thẳng ra bể, vục gáo xuống nước, giội vào tay xoa lên mặt, vuốt lên tóc và râu. Ông cứ để nguyên mặt ướt cho tự nó khô, đi vào, sung sướng nói:

– Mát quá! Chào các cụ!

Rồi rất tự nhiên, ông móc túi lấy củ tỏi, quả ớt và miếng gừng đặt trước mặt.

Chừng mười lăm phút, ông Chánh tổng đến, theo sau có thằng đầy tớ cặp tráp và xách điếu.

Cử tọa đứng cả lên phản chào. Ông Chánh mỉm cười nhìn mọi người, gật đầu, đáp:

– Phải, phải.

Ông Chánh hội trách đùa:

– Người ta mời cụ hai giờ, bây giờ bốn giờ cụ mới đến.

Ông Chánh tổng vuốt chòm râu chổi xể, đáp:

– Khốn nhưng đến sớm lại bảo là háu ăn.

Nói xong, ông vội vàng cười để mọi người hiểu là câu pha trò đầy những duyên. Ai nấy đều rặn cười để lấy lòng ông Chánh tổng.

Một người cũng muốn đùa, mách:

– Bẩm cụ, cụ Chánh hội cháu cũng vừa mới đến đấy ạ!

Nhưng ông Chánh tổng không cười.

Từng mâm đầy những miếng trắng xóa, thái to, ở bếp bưng lên và đặt ở giữa bốn người một. Nhưng chỉ trừ bàn giữa, chủ nhân lại ghép thêm mỗi phản một người lớn và có phản thêm cả một thằng bé con nữa, nói rằng người nhà, xin phép cho ngồi tiếp khách. Đoạn bác San dắt con ra giữa, chắp tay lễ phép nói:

– Giời sinh ra thế, chúng tôi có cháu nhờ tổ ấm đỗ được bằng Sơ học yếu lược, gọi là thế có sửa con lợn, trước lễ thần sau mời làng, được cụ Chánh với các cụ chiếu cố, chúng tôi cảm ơn lắm. Xin rước các cụ.

Thằng Sinh, một nhân vật đen trùi trũi, béo, cao, ước chừng mười bảy tuổi, mặt lù dù, khăn áo chỉnh tề, đứng cạnh cha trịnh trọng

chắp tay vái từng mâm một. Rồi không biết làm gì hơn nữa, nó túm tỉm cười, xuống bếp. Mọi người gật gù nhìn theo nó.

Ngoài sân, pháo bắt đầu nổ. Trong nhà, rượu bắt đầu xông lên một mùi hăng nồng. Người ta thấy bác San và thằng Sinh đi theo một người đội mâm đồng, chỉ trông rõ có chiếc thủ lợn: bác đem biếu ông Nghị.

Ông Chánh tổng gọi thằng Mới đến khoanh tay hầu gần đó:

– Xuống dưới nhà hỏi bác San gái, xem có rượu ngang không nhé.

Bác San chạy lên, khép áo ngực, xoa hai bàn tay vào nhau, lễ phép đáp:

– Lạy cụ, để nhà cháu cho đi mua, chứ nhà cháu không trữ sẵn, vì hôm qua, cụ Lý cháu lại gán cho những ba mươi chai rượu ty rồi.

Ông Lý trưởng bị oán, vội phân trần:

– Phải, đó là lệnh quan. Lệ mổ lợn là phải mua mười lăm chai.

– Vâng ạ, cháu có dám nói gì đâu ạ. Là cụ hỏi thì cháu bẩm thế, cháu đã cho đi mua rượu ngang rồi.

Nhân câu chuyện rượu, phản nọ phản kia mới đỡ im lặng. Người ta bớt những tiếng mời nhau uống, mời nhau ăn và khi nhai xong, bớt nghiêm trang ngồi quạt, nét mặt trầm ngâm ra vẻ nghĩ ngợi.

Rồi những chai cạn đi bao nhiêu, những mặt đỏ lên bấy nhiêu. Mà hơi men bốc ra bao nhiêu, tiếng nói nhiều dần và to dần bấy nhiêu. Ồn ào, ì ộp. Nhưng câu chuyện vẫn chỉ có tính cách địa phương. Bỗng:

– Ông đếch sợ thằng nào!

Sự im lặng thành ra công cộng, ai nấy quay nhìn cả một chỗ.

Pha mặt đỏ gay, trật chiếc khăn xếp bẹp, quật mạnh xuống phản. Chiếc khăn bẹp thêm, và méo mó như cái mồm mếu. Anh không để ý đến ai, lại nói:

– Mười đời nhà nó cũng không kiện nổi ông.

Bác San trai khi ấy đã về, tất tả chạy đến, trợn mắt trỏ vào mâm cụ Chánh, và thì thào. Pha đáp:

– Tôi có say tôi chết, có cụ Lý biết đấy, mấy năm trước lệ uống rượu còn ngặt, tháng nào cụ không gán cho tôi một chai, mà tôi uống có say bao giờ đâu.

Ông Lý vừa nhằn xương, vừa nói:

– Phải rồi, đó là lệnh trên, mỗi người dân phải một chai một tháng, chứ tôi ép anh thì tôi được cái gì?

– Không, là tôi tức bác ấy kia, bác ấy lại bảo tôi say, tôi nói càn.

San ôn tồn:

– Thôi, tôi xin, bác làm thế nó mất cả vui đi.

Một người phản bên kia giơ chén lên nói khích:

– Bác Pha không say thì uống với tôi một chén.

Pha giương mắt nhìn người khách, rót rượu, ngửa cổ uống ừng ực.

Ông Lý gọi:

– Này, anh Pha, tỉnh rượu mà nghe tôi hỏi chuyện. Anh làm gì mà phải gán ruộng cho ông Nghị thế?

Pha trợn mắt:

– Tôi gán bao giờ?

– Thì vừa ban nãy anh điểm chỉ vào văn tự nợ ông ấy năm chục mà.

Pha há hốc mồm ra. Anh mê hơn là say.

– Đích cụ thấy thế à?

– Tôi nói dối anh làm gì.

Chợt mang máng, anh nhớ lại lời Tân: rút cục nạn gì cũng do cái dốt nó đẻ ra. Và trong lúc chuếnh choáng, anh cũng nhận thấy rằng vì dốt nát nên anh quá tin ông Nghị, vì dốt nát nên anh không biết trong văn tự ông ấy đã tự do viết những gì.

Thấy Pha ngồi thừ buồn bã, ông Lý gọi bác San:

– Kìa, chủ nhân mời anh Pha uống đi chứ. À, anh Pha này, chén xong tổ tôm nhé! Có ba chục bạc trong túi đấy.

Pha nốc một hơi, rồi chán nản, anh nhăn mặt, khà một cái đáp:

– Vâng, tôm! Cần gì!

– Nhưng anh góp cho tôi nhé!

– Thì góp! Cần gì!

Người ta ép nhau uống rượu thật túy lúy. Và khi cơm xong, cụ Chánh tổng ngả lưng cạnh bàn đèn, hỏi bâng quơ:

– Ồ, buồn nhỉ, con Năm độ này có nhà hay đi hát đâu nhỉ?

Chủ nhân hiểu ý, cho người gọi cô đầu. Trong khi ấy, Pha nôn mửa tung tóe cả ra áo lẫn chiếu.

XIV

Chị Pha đương vui vẻ mớm cơm cho con ở đầu hè, bỗng thấy một người cõng chồng trên vai, chị hết hồn. Mặt chồng chị đỏ dừ, gục lả đầu xuống, chân tay mềm thõng như người chết, bác San đi theo nói:

– Bác ấy say quá, nôn mửa cả ra. Đã cho hút thuốc phiện để giã rượu, song không tài nào kéo được.

Chị Pha nhăn nhó:

– Giời ơi, nốc cho lắm vào!

Pha nằm xuống phản, thở phì phò, hăng nồng cả nhà. Vợ anh lấy vôi bôi vào bàn chân, bàn tay cho anh.

Bác San móc túi lấy gói giấy bạc:

– Đây là của bác ấy, còn có hăm tám đồng, cụ Lý lấy mất hai đồng góp tổ tôm.

Chị Pha kinh ngạc hỏi:

– Tiền đâu thế này, mà sao cụ Lý lại lấy hở bác?

– Tôi không biết, chỉ thấy cụ Lý lấy góp tổ tôm rồi đưa tôi giữ, đây là tiền áp triện vào văn tự thì phải.

– Ơ hay! Văn tự nào.

Chị Pha không hiểu ra sao cả. Bác San an ủi:

– Nhưng cũng may bác giai say quá, chứ không thì đã thách nhau với cụ Lý đánh tổ tôm. Đánh với cụ ấy, có mà cúng hết, tay cờ bạc gạo, ai còn lạ gì.

Nói đoạn, bác San về, để lại trả chị Pha người chồng đỏ như quả bồ quân, và sự suy nghĩ vẩn vơ, mà sức một người đàn bà, nhất là nông nổi, dốt nát như chị, không tài nào hiểu được.

Mãi đến sáng hôm sau, Pha mới tỉnh.

Anh bàng hoàng ngồi dậy, chống tay xuống phản, và ngơ ngác nhìn. Có lẽ anh lấy làm lạ, sao lại ở nhà.

Chị Pha vội vàng hỏi ngay chồng về số tiền hăm tám đồng hôm qua. Pha kể lại cho vợ biết rằng ông Nghị nhất định chưa nhận trả nợ. Chị Pha tươi cười, nói:

– Thế thì ta lại có vốn buôn, càng hay, đỡ vất vả.

Pha xua tay:

– Nhưng không phải ông ấy cho đâu mà đã vội mừng. Không thể giữ món tiền của ông ấy được, phải lập kế mà giả, không thì ông ấy lừa đấy.

– Có đời nào?

– Này, ông ấy tự tiện viết vào văn tự tôi nợ năm mươi đồng. Hẹn gán ruộng. Tôi tưởng ông ấy thực thà, nên lúc bảo điểm chỉ, tôi cứ điểm chỉ.

Vợ anh kinh ngạc, xám ngoẹt người lại, tru ầm lên:

– Chết chửa, sao lại người đời thế?

Pha nhăn nhó, vật chân vật tay:

– Chỉ tại mình không biết chữ, nên không biết ông ấy viết hươu viết vượn gì. Giá ông ấy viết hẳn một trăm, có lẽ mình cũng nhắm mắt mà chịu.

Chị Pha mếu máo, đặt con xuống phản, kệ cho nó nhoe nhoe khóc. Một lát, chị nói:

– Thế thì chết đến nơi rồi. Bây giờ làm thế nào?

Pha than thở:

– Từ hôm nọ đến nay, mình mất bao nhiêu tiền một cách vô lý, chẳng qua chỉ tại mình dốt nát.

– Thôi, hãy hỏi bây giờ thầy nó định làm thế nào?

Pha lắc đầu, chán nản, lẩm bẩm:

– Nợ ba mươi đồng, Lý trưởng lấy hai đồng tiền áp triện, thành thử còn có hăm tám đồng.

– Nhưng tôi còn hai đồng, vậy vẫn là ba chục. Thầy nó chịu mất hai đồng cho Lý trưởng vậy, cứ đem ba chục đến trả, lạy van ông ấy để ông ấy nhận cho mà lấy văn tự về, không có thì chết mất.

– Nhưng còn lãi? Chắc ông ấy ghét thì ních đến hai mươi phân cho bõ.

Chị Pha nghiến răng:

– Dù ba mươi phân mà thoát được món nợ này cũng là phúc. Vả lại từ xưa đến giờ, ông ấy có cho ai vay lãi mười phân đâu.

– Mà món này đã làm gì được nửa tháng, nhất là cái rá gạo hôi mà ông ấy cũng tính vào tiền này để lấy lãi, thì ông ấy đểu quá.

Chợt bác Tân trai đến chơi. Thấy vợ chồng Pha đang to tiếng thì bác ngờ ngợ, hỏi:

– Kìa, tôi tưởng chú dì đã xong nợ, tôi có hai đồng đây, định đưa chú dì tiêu.

Pha cảm động, kể lại cho anh rể biết sự thể, và ý kiến của vợ chồng vừa bàn. Tân lắc đầu, nói:

– Thế thì thế nào lão cũngních đến hai mươi phân.

Chị Pha quả quyết:

– Bao nhiêu thì bao, giả cho bằng được.

– Nhưng tất lão làm khó khăn, tính lãi cả tháng là sáu đồng.

Vợ chồng Pha ngồi ngay như tượng. Bác Tân nghĩ một lát, rồi nói:

– Thế ngộ lão vẫn cứ ngọt ngào, nhất định không lấy nó thì sao? Ý lão muốn ngâm đấy để lấy ruộng kia.

– Phải rồi. Thành ra mình có tiền cũng khó lòng mà giả được, ác quá!

Bác Tân gật gù cười:

– Rồi chợt lúc mình không có tiền, hắn mới đòi và bắt mình viết văn tự mới, cho cả lãi lên làm gốc. Cái lối này, hắn vẫn dùng xưa nay.

Rồi chợt nghĩ ra, bác nói tiếp:

– Được, tôi đi với chú đến. Tôi làm chứng cho. Hễ lão lật lọng thì ta đem việc này lên quan.

Pha nghe tiếng quan, chắp hai tay vái rối rít:

– Thôi, thôi, tôi lạy bác, chớ dại nữa. Nếu người ta chỉ cốt công bình mà xử cho thằng nghèo được kiện, thì người ta đã chẳng làm quan.

Chị Pha cáu tiết:

– Thế thì chỉ chết thằng dân đen thôi!

Bác Tân gật gù đáp:

– Phải, bao giờ nhà cầm quyền với nhà tư bản cũng về hùa nhau để bóp hầu bóp cổ bọn ta.

Ba người im lặng, chẳng khác gì ba ông tướng trơ trọi lại không khí giới, đang cố nghĩ cách giải vây, mà bên địch có quân hùng, tướng mạnh. Chợt bác Tân long lanh, nhìn hai người nói:

– Được rồi, chú với tôi, hai ta cũng cứ đi. Chú nói rằng nhờ tôi đến bầu chủ và xin cho tôi ký vào văn tự. Tôi nói xin viết ruộng của tôi ở cánh đồng sớm.

Pha cảm động, nói:

– Nhưng thế thì tôi để khó cho bác.

– Chú đừng kỳ quản. Chỗ anh em nghèo, ta nên giúp đỡ lẫn nhau. Tôi thường vẫn bảo chỉ có mình mới biết thương nhau, chứ họ lúc nào cũng rình để bóc lột mình. Vả lại, trong hai ta, tôi còn khá hơn chú. Nhưng, đó là cái kế lừa lão Nghị mê lên về ruộng tốt của tôi. Hễ hắn lôi văn tự ra, chú nắm phắt lấy để giả tiền.

Ba người hớn hở, chị Pha xui chồng :

– Hễ thấy nó nắm được văn tự, thì xé tan xé nát ngay đi.

Bác Tân nhiều mưu trí, bàn:

– Hãy khoan, tất lão cáu, sinh sự, cho người ra đánh và vu là ta đến cướp văn tự để kiện ta.

Chị Pha đáp:

– Thà tù tội còn hơn mắc nợ. Người ta bảo, nhất tội nhì nợ, nhưng bây giờ mới biết nhất nợ nhì tội. Người ở tù, có lúc được tha, còn trông thấy ruộng nương nhà cửa chứ người có nợ thì không những khánh kiệt, mà sau này còn tù là khác nữa. Nhất là nợ ông Nghị Lại thì không biết thế nào mà đoán trước được.

Ba người cùng thở dài im lặng. Một lát bác Tân giục:

– Thế thì ta đi chứ!

Hai anh em đi, chị Pha nhìn theo, chan chứa những hy vọng.

Pha bồi hồi lo lắng, không biết lần này đi có kết quả gì không, anh thở dài, bác Tân hiểu ý, an ủi:

– Thế nào lão này cũng mắc.

Hai người đến cổng ngách nhà ông Nghị. Pha giơ tay run run ra giật chuông.

Phát đứng trên chòi, bảo chờ để vào hầu trước. Trong lúc đợi, Tân và Pha dặn dò nhau kế hoạch một lượt nữa, và vui sướng cùng rúc rích cười. Pha hồi hộp, trống ngực nổi to dần. Như người đi bể gặp bão, đã dạt dần đến bờ, anh tâm niệm lạy trời phù hộ cho được thoát nạn. Chờ nóng ruột, anh di chân xuống đất, và lấy tay cạo rêu

tường. Có tiếng Phát gọi ở trên chòi, hai người hăm hở ngửng lên. Nhưng bỗng cùng tiu nghỉu nhìn nhau như cùng tắc thở.

– Quan đi vắng.

Hôm sau Pha lại đến. Và cố nhiên ông Nghị Lại không tiếp. Liền liền trong năm hôm, không hôm nào người ta mở cổng cho anh vào. Nhưng đến hôm thứ sáu, anh không đến nữa. Anh không đến, không phải vì chán nản. Anh rất kiên tâm nhất là anh biết, nỗi nguy hiểm vì nơi ông Nghị Lại. Anh không đến, vì anh không dám đến. Cái tin anh có ba chục bạc từ bữa khao, nó đồn đi khắp làng, cho nên từ bà trưởng Bạt đến đòi nợ hôm nọ đến anh Tí đến bắt đền thêm hai hào tiền ô, đến con Cù thằng Lãnh cũng đến hỏi những lặt vặt. Chị Pha trốn không kịp, chị cứ phải bẻ que thề sống thề chết nói là người ta ghét bịa đặt ra, chứ chị làm gì có tiền. Chị đành nghe hết những lời nặng nhẹ, những câu chửi bới nhục nhã. Chị nhất định ỳ các món nợ khác mà ngày nào người ta cũng đến thúc và nỗi khó chịu để chồng cố lăn lưng vào trả cho được món nợ ông Nghị không đòi.

Thì xảy ra kỳ thuế đến nơi.

Hôm ấy buổi chiều, có mõ rao lời làng ra đình bổ thuế. Chị Pha chán nản bảo chồng:

– Thế là lại chết! Chốc nữa thầy nó đi dò mà nghe xem mỗi suất sưu năm nay bao nhiêu. Nhân tiện có gặp cụ Lý thì trách cho cụ ấy mấy câu.

Pha lắc đầu:

– Nghe làm gì, để bảo cậu Dự đi, cậu ấy bạo ăn bạo nói, và mình vào thứ bực gì, mở miệng ra ai nghe. Nhỡ người ta mắng cho, sinh ra thù ghét thì dại.

– Người ta làm ức, mình không chịu được thì phải nói. Từ hôm nọ đến nay, mình đã tai hại bao nhiêu về nhịn nhục rồi, còn nhịn nhục đến đâu nữa?

– Nào ai nhịn nhục. Năm nay nhà nước bổ thuế mới không nhất loạt hai đồng rưỡi như mọi năm. Vậy mình có mươi thước đất với tám sào ruộng, thì nộp vào hàng sáu nghĩa là như năm ngoái, không lợi mà cũng không thiệt.

Chị Pha ngồi yên một lát, rồi nói:

– Các cụ bổ thuế hôm nay, chắc mai thế nào chẳng niêm yết ra đình cho làng biết.

Pha thở dài:

– Đã hẳn, nhưng mình có biết chữ đâu mà hiểu các cụ viết những gì.

– Có chán người biết chữ.

– Nhưng ai không biết chữ thì thiệt riêng người ấy. Từ hôm nọ đến nay, tôi bị bao nhiêu tai vạ vì dốt nát. Lắm lúc tức, muốn đi học.

Vợ cau mặt, mắng:

– Thôi đừng dơ! Già đời còn cắp sách đi học, không sợ người ta cười cho! Vắt mũi chẳng đủ đút miệng lại còn vẽ. Định làm vương làm tướng gì mà đi học.

Pha cười:

– Học có phải như trẻ con cắp sách đến trường đâu. Mà trường thì mãi tận trên huyện xa lắc xa lơ, ai đi được. Học nghĩa là lúc rỗi, ở nhà mượn người biết chữ dạy cho. Tôi thấy bảo chữ quốc ngữ dễ học chứ không như chữ Nho ngày xưa, chỉ độ nửa tháng đã đọc, đã viết được.

Chị Pha bĩu môi:

– Nếu học dễ như thế, thì nước Nam này ai không thể ra làm quan được.

Pha lại cười:

– Học để mà biết chữ có phải để ra làm quan đâu. Mà đời này thiếu gì nghề lương thiện, vả học để mong kiếm tiền thì trước hết phải là con nhà giàu. Bá Tân khuyên tôi cố học cho biết quốc ngữ rồi bá ấy cho mượn sách mượn báo mà đọc. Bá ấy bảo sở dĩ hiện nay bá ấy biết một đôi chút, cũng là nhờ biết chữ.

Chị Pha ngẫm nghĩ, rồi gật, nói:

– Mà có không lù đù thì ở chốn thôn quê mới đỡ bị bắt nạt. Tôi căm ông Nghị Lại bao nhiêu, tôi oán ông Huyện bao nhiêu tôi lại bực mình về cái tội dốt bấy nhiêu. Cho nên, tôi quyết thế nào cũng phải học cho biết chữ quốc ngữ.

Chị Pha im lặng, nhìn chồng. Rồi hai người bàn nhau đến các món nợ vặt, và cùng đồng ý là nên trả hết cả để cho khỏi mỗi lúc phải nhức óc...

Đến sẩm tối, Dự áo the vắt vai, vào chơi, mặt hầm hầm, lắc đầu nói:

– Chẳng nước mẹ gì cả. Mất cả buổi vô ích.

Pha cau mặt hỏi. Dự đáp:

– Chánh hội chẳng cho ai xem sổ nghị định mới và sổ kiến điền. Ông ta chỉ nói qua loa rằng làng có ngần này đinh, ngần này điền, tổng cộng ngần này tiền, vậy thì cộng với ngoại phụ, hạng nhất đóng ngần nầy, hạng nhì ngần này, điền mỗi mẫu ngần này.

Chị Pha hỏi:

– Ngần này là bao nhiêu?

– Nào ai nhớ được, nhưng nhiều chỗ mập mờ lắm.

Pha hỏi:

– Thế không ai xin ông ấy tính toán rành mạch à?

Dự trừng mắt:

– Bất chứ lại xin! Chính tôi bắt, nhưng ông Lý về hùa ngay với ông Chánh hội, gắt um lên, thách rằng thuế bổ thế nào đã có quan phê bằng lòng rồi, ai không chịu đóng cứ đi mà kêu. Được, rồi tôi rủ người đi khiếu cho mà xem, chứ các ông ấy cứ quen thói làm bừa như mọi năm, gieo tai vạ cho làng, ai chịu được.

Pha lắc đầu:

– Vô ích! Như năm ngoái đấy, chả có người bỏ giấy là gì. Nhưng quan có xét đâu.

Chị Pha thêm:

– Vì các ông ấy đấm mõm quan rồi.

Pha cười:

– Nhưng nghĩ cho kỹ, ai hơi đâu cơm nhà làm việc cho làng. Các ông ấy cũng phải tốn kém nhiều khoản, nào trình sổ, nào dầu đèn, nào đốc thuế, nào lính đi tuần, nào kiểm thuế, nào đi lại, nào tạ thuế, nhất nhất cái gì cũng tốn kém quá chừng thì người ta thu không bổ vào đâu, chẳng lẽ người ta nai lưng ra chịu.

Dự xua tay:

– Thế thì anh lầm. Chỉ nên có món tiền thưởng cho chức dịch phần thu, tức là đền công khó nhọc, dầu đèn và phí tổn hành lý. Còn thì là những tiền dân è cổ góp nhau để họ có tiền lễ quan, để quan lơ đi cho họ tha hồ mà bóp dân.

Pha ngớ ra, Dự giảng:

– Thì quan và lính đã ăn lương Nhà nước, tức là ăn lương trích ở thuế dân đóng, thì họ phải làm việc cho dân, sao hơi có việc gì dân

cũng phải cho họ tiền lần nữa. Thế là mình ngu, mình dại. Bổn phận họ phải trông nom canh thuế, không gì vô lý bằng trình sổ cũng lễ tiền, tạ thuế cũng bằng tiền. Lầm lỗi gì mà phải tạ? Đấy chẳng qua là tiền hoa hồng mà bọn mọt dân trích ra để quan bênh họ, nếu họ bị khiếu nại.

Pha mỉm cười:

– Chẳng trách người ta kêu cậu bướng quá!

– Thế nào là bướng? Tôi không bướng. Tôi chỉ muốn có lẽ phải. Bọn cầm quyền có thấy ai hiểu lẽ phải, ngăn cản không cho họ làm bậy, thì họ bảo là bướng. Thế hãy hỏi quan lính trên huyện ăn lương để ngồi không à? Sao động có việc gì bắt họ phải làm thì mình lại cứ tống tiền vào cho họ hư quen đi. Là tại mình ngu, cho nên họ mới bắt nạt mình được.

Pha hiểu, cười vang. Dự nói tiếp:

– Dân quê ta nơi nào cũng bị quan lại, hương lý đục khoét, chỉ tại dân ngu, vô học.

Pha cảm động, thở dài nhìn vợ, nói:

– Đấy, thế mà lúc nãy tôi bảo nhà tôi rằng tôi học quốc ngữ, nhà tôi cứ không bằng lòng.

Chị Pha cãi:

– Rõ bịa nào! Ai không bằng lòng.

Dự nói:

– Làng ta không có trường là một điều hết sức tai hại. Những tiền làng tiêu về ăn uống, cùng để nay lễ quan, mai lễ quan, tôi tưởng làm được mấy cái trường và nuôi được lấy thầy giáo chứ lị. Tôi may được bác Tân khuyên bảo học hành, nên bây giờ mới rạng ra một tí, biết thế nào là lẽ phải, thế nào là áp bức. Chứ trước kia, cứ bị người ta nhồi sọ mãi cho nên cũng tưởng những món hương lý lạm bổ ở thuế để chi phí lễ lạc là công bình, hợp lẽ phải.

Ba người ngồi im. Một lát Dự lại nói:

– Những làng có người đứng đắn trông nom công việc thì chỉ ba năm bỏ lệ ăn uống hủ lậu, là đủ có đường rải gạch, có trường dạy trẻ, và làm được bao nhiêu việc công ích. Làng ta, dân vô học, nhà cửa ẩm thấp, đường sá lầy lội, nhất là cái ao vừa để tắm giặt, rửa ráy, vừa để gánh nước ăn, thật là bẩn thỉu tai hại.

Chị Pha nói để trút nỗi uất ức trong lòng:

– Giá ông Nghị như người ta thì làng này được nhờ khối. Làm gì ông ấy chẳng công đức cho làng được cái trường, cái đường, cái giếng.

Dự nghiến răng:

– Nói làm gì đến thằng ăn cướp ấy, nó chỉ mong cho ta ngu, và cứ cố ghìm cho ta ngu lâu để bóc lột dễ dãi. Lắm lúc thấy nó chướng mắt, tôi cứ muốn cho nó một nhát dao.

Vợ chồng Pha giật mình.

Dự lại nói:

– Chúng mình phải coi nó là kẻ thù chung.

Vì khát khao sự học, Pha lắc đầu chữa:

– Ông ấy chưa phải là kẻ thù. Vì nếu tính kỹ ra, thì còn nhiều cái đáng thù lắm, nhưng xét cho đến gốc, thì do ở mình dốt nát.

Dự cãi:

– Nếu không có cái thằng nhà giàu nó bóc lột dân ta không còn cái khố mà đeo, thì đâu đến nỗi làng ta tiều tụy, dân ta dốt nát. Vậy kẻ thù của ta là cái nghèo.

Chị Pha đương têm trầu, nhăn mặt kêu:

– Ừ, thì cả cái dốt lẫn cái nghèo. Ghê gớm! Nói sốt cả ruột!

XV

Mấy hôm nay ở mé đình, suốt từ sáng đến tối, thỉnh thoảng lại thùng thùng nổi lên ba hồi chín tiếng. Lối trống đánh dóng ba đã vì thói quen đời đời mà đưa vào bộ óc An Nam một ý nghĩa thúc giục.

Làng An Nam vốn quanh năm bình tĩnh, hồi trống ấy lại luôn luôn làm huyên náo ầm ĩ cho người ta sợ thêm, trong khi người ta đang sợ thuế, vì người ta lo không biết lấy đâu ra được tiền. Để dành gạo ăn đến hôm sau cũng khó, huống chi một món tiền vài đồng bạc để nộp công sưu. Người ta sợ thêm vì nghĩ đến nỗi khủng bố mọi năm của tiếng quát tháo, chửi rủa, của sự đánh đập, hình phạt, của những hơi thở dài ngấm vụng đàn bà trẻ con trong xó tối, của những tiếng khóc rên rỉ người thiếu thuế ở góc đình.

Buổi sáng, cơm nước xong, vợ thằng Mới cầm cái chổi ra đình quét sân. Nó ấn bã mía, tàn thuốc, lá bánh, vỏ dừa, cùng các thứ rác

rưới khác qua khe ván cho lọt xuống đất để khỏi phải hót, rồi giải ngay ngắn lại mấy chiếc chiếu. Lúc nó đương lau khay đèn thì hai ông Chánh hội và Lý trưởng đã bước lên thềm:

– Tôi nói dối ông tôi chết, phó Năng nó nhất định chỉ đưa có chính tang và ngoại phụ ba đồng ba xu thôi, tôi nói thế nào nó cũng nhất định không lòi thêm xu nào. Quân kiệt thế đấy. Không biết ngày xưa nó làm thuế mà người ta nộp thế, nó có chịu được không?

– Thế nó chưa nộp điền à?

– Chưa.

– Được để nó biết tay tôi, hôm nào nó ra nộp thuế ruộng ông cứ bảo nó nộp ở tôi nhé.

Ông Chánh vừa đặt một chân lên chiếu, đã quát:

– Mới!

– Dạ.

Ông quắc mắt nhìn con đàn bà chậm chạp, thét:

– Sao chiếu sạn thế này. Không thay à? Láo thật!

Thằng Mới ở đâu tập tễnh chạy lên, sợ hãi quá, lấy tay sờ vào chiếu rồi ỳ èo một mình:

– Con mẹ ranh thế đấy, không chịu rũ đi. Mà chân các bố lấm như chân trâu cũng cứ kéo vào mà ngồi.

Ông Chánh hội trợn mắt tát đánh bốp vào má thằng khốn nạn ngã đồng kềnh ra và hoạnh:

– Bố mày chân bẩn thì mày phải giặt chiếu, mày láo gì. Liệu hồn, không có xong thuế, ông tống cổ.

Thằng Mới sợ hết hồn, lóp ngóp bò dậy. Mấy hôm nay nó phải đánh chửi nhiều quá. Bốn con mắt dữ tợn như bốn luồng điện thật nhanh đâm thẳng vào nó. Nhưng được cái nó lòa nên chẳng trông thấy gì. Nó cuộn ba chiếc chiếu lại, lom khom, đến gần bao lơn, rũ ra ngoài.

– Mẹ bố mày, rũ chiếu không bảo ông.

Ông tộc biểu Diễm vừa chửi vừa ôm đầu chạy. Ông lấy cái áo the vắt ở vai phủi đầu, mặt mũi và áo quần. Ông đi lên đình:

– Chào các cụ, đến sớm thế. Đêm qua, từ lúc trống động thì chúng tôi đã tan rồi. Giá đánh thêm hội nữa thì tôi được đến tứ nguyên ấy, đang đỏ.

Ông Lý nghiêm nghị, nói:

– Chắc thế nào hôm nay quan cũng về qua đây đi xuống Bình Lộc khám cái cướp hôm qua.

– Nhưng đâu nó không lấy được gì.

– Sao bảo lý Bình Lộc mất hết cả tiền thuế. Cho nên tôi chắc quan về đây kiểm thuế, nhân tiện đi tuần. Ta phải bảo nhau làm ăn cẩn thận.

Đoạn ông hách dịch gọi:

– Mới, mau rỗi nổi trống lên, gọi khán thủ và tuần ra đây. Gậy giáo đâu cả, sao chúng nó không dựng ở mái đình thế này, chết thật! Đi mời các ông ấy ra. Gớm, làm như ông hạng cả. Thế này mà quan đến thì làm thế nào kia chứ! Việc là việc công chứ việc riêng đếch ai mà hôm đếch nào cũng mời năm tin mười tin không thèm ra cho. Chén với phiện thì nhanh lắm!

Ba người ngồi. Ông Chánh hội chập khăn, cởi áo dài và cuộn cả lại, để xuống chiếu gối đùi lên trên. Ông Lý há ngoác mồm ra ngáp, gãi đùi sồn sột, phàn nàn:

– Cay cả mắt! Đã bảo thôi lại cứ tống cho mình hút mãi thành ra ngứa cả đêm không ngủ được.

Ông Chánh hội đang sắp mở sổ, cũng dừng tay lại để gãi:

– Hễ cứ nói đến gãi là tôi lại thấy ngứa. Năm sáu hôm nay bận quá, không lúc nào rỗi mà tắm cả.

Nói đoạn, ông vê ghét, quật xuống sàn và ngắm nhìn cái áo, cái quần của ông, nó đã đổi sang màu vàng nhạt và dầy cộp vì ghét và mồ hôi. Thằng Mới bưng khay chén và ấm nước, cùng đèn điếu đi lên.

Các ông phần thu và tuần lục tục kéo nhau đến. Tiếng trống ròn rã nổi lên. Họ ngồi quanh hai chiếc chiếu, nói lại chuyện tổ tôm đêm qua.

Ông Lý đang phục vị trên chiếu, mắt chăm chú vào quyển sổ lẩm bẩm tính, ngẩng dậy nói:

– Này thôi im, gớm, có mau lên không. Các ông chia việc cộng xem từ hôm nọ đến hôm nay ta biên vào sổ cả thảy bao nhiêu tiền, để rồi cất chỗ thừa đi, không có nhỡ sổ biên ít mà tiền thật lại nhiều thì chết. Hôm nay thế nào quan cũng về khám thuế.

Rồi ông quát gọi:

– Khán thủ đâu. Đứng kia, không cho ai vào nộp thuế vội, bảo người ta hãy chờ, nghe chưa?

Ông tộc biểu Hoàng thất vọng, nói:

– Thế là nguội bữa chén sáng nay. Tôi lại chưa ăn cơm.

Ông thủ quĩ ngửa mặt lên ngáp:

– Ừ nhỉ, các ông làm việc nhé, để tôi về làm mấy điếu cái đã.

– Không, ai tính thì tính, ai thu cứ thu cho chóng việc. Khán thủ! Nổi trống lên, bảo ai nộp thuế cứ vào.

Nói đoạn, ông Chánh hội mài mực, loay hoay làm việc, bà phó Đinh che vải ở mắt, lần lần đến:

– Chào các cụ chơi.

Rồi bà ngồi xổm, hai tay cởi giải yếm lấy tiền.

– Nào cụ, tính hộ đi, bố cái đĩ năm nay phải nộp bao nhiêu tiền?

– Tên Phạm Rụng có phải không nhỉ?

Bà cụ đáp rất tự nhiên:

– Tôi cũng chẳng biết ngày xưa ông cháu đặt tên cho nó là gì, lúc bé cứ thấy gọi thằng Quạc. Mọi năm nhà nó về nó nộp, năm nay vợ nó lại ở cữ, nó gửi tiền về thôi.

Lý trưởng ngẩng đầu:

– Phải, Phạm Rụng, tên trong sổ xanh kia.

Rồi lại cúi xuống lẩm nhẩm tính. Ông Chánh hội loay hoay với mấy con số một lát rồi nói:

– Ba mẫu bảy, là đi bốn mẫu hai, tất cả bốn mẫu chín.

– À, ông ơi, cái bọn bảy sào ở đồng Quàng này, bố cháu đã đoạn mại cho ông Nghị, mà ông Nghị cũng nhận nộp thuế cho bố cháu rồi, ông trừ đi cho.

Ông Chánh hội cau mặt, gắt:

– Làm người ta nhầm cả rồi. Tôi không biết, bà hãy cứ báo tên Phạm Rụng nộp rồi tính toán với ông Nghị sau. Chứ đây sổ sách đã làm, tôi cứ chiếu ra thu tiền.

Ông tộc biểu họ Phạm đằng hắng một cái, ông Chánh hội nhìn, thấy bạn nháy mắt và lắc đầu ra hiệu. Bà cập kèm, không trông thấy, đáp:

– Thế thì nào tôi biết được.

Bỗng có tin báo quan về, mọi người nộp thuế chạy như vịt, chức việc vội khăn áo chỉnh tề, chạy ra sân đình đón quan. Quan đi chiếc xe nhà sơn đen, có người lính phụ, khăn xếp, áo the dài kéo. Quan bước xuống đất. Mọi người vái rạp. Quan hỏi:

– Thế nào, thuế má ra sao? Đêm hôm phải bắt tuần giờ canh cho cẩn mật, nghe chưa?

Lý trưởng khoanh tay, đáp:

– Dạ.

– Đêm qua, nó cướp nhà Lý trưởng Bình Lộc, tao chắc nó cho là tiền thuế để đấy. Nhưng may còn ở nhà các tộc biểu. Lý trưởng phải làm tờ khai những đứa tình nghi đêm qua khiếm diện, nghe chưa. Khai cả những đứa mới được ân xá nữa nhé.

– Dạ.

Quan thủng thỉnh bước lên thềm đình, nhìn mọi người đến nộp thuế đứng ở đằng xa:

– Tao đã phái phó đội và hai tên lính cơ đi tuần ban ngày để đốc thuế một thể. Độ trưa hôm nay chúng nó đến.

– Dạ.

Rồi quan ôn tồn dặn nhỏ Lý trưởng:

– Sổ sách với tiền nong phải cho cẩn thận, nghe chưa?

– Dạ, lạy quan lớn đêm nào chúng con cũng cắt bốn tên tuần canh nhà.

– Là tao bảo sổ sách với tiền nong kia, độ này những thằng ân xá chúng nó bướng bỉnh lắm, tao sợ chúng nó hỗn láo, mấy mật thám ở Hà Nội về, cho nên sổ sách biên thế nào thì tiền mặt phải cân cưa như thế. Mà khi nào có người lạ đến xem thu thuế, phải đuổi nó ra.

– Dạ, lạy quan lớn thương chúng con...

– Nghĩa là phải hết sức giữ gìn, kẻo mang tiếng cả tao. Chúng nó có giở giói gì, cứ cột cổ nó lại, giải lên huyện, tao trị cho.

– Lạy quan lớn, làng con không có tên nào được ân xá về, chúng con không phải lo ngại lắm.

– Nhưng biết đâu, ngộ những đứa ở chỗ khác đến.

– Thì chúng con đã biết mặt.

– Lạy quan lớn.

Mọi người quay nhìn. Nghị Lại khăn áo chỉnh tề vái chào quan và hấp tấp lên thềm. Ông Huyện niềm nở bắt tay, nói:

– Lâu nay ngài vẫn mạnh khỏe?

Nghị Lại khúm núm đứng cách quan hai thước, đáp:

– Dạ, cám ơn quan lớn.

Ông Huyện tươi cười, đứng im.

Ông Nghị nói:

– Lạy quan lớn, độ này thuế má, chắc quan lớn lắm việc lắm.

Ông Huyện lắc đầu, bĩu môi:

– Bận quá. Giá quanh năm như thế này cả, thì ai dám ra làm quan. Thật là vất vả. Nay mai lại còn đê điều.

Nói đoạn, ông quay lại Lý trưởng:

– Lý trưởng phải luôn luôn cho người canh trên đê nhé. Cơn mưa vừa rồi, nước các ngả sông đổ về chắc nhiều đấy.

– Dạ.

Rồi sực nghĩ ra, ông hỏi ông Nghị:

– À, thế nào ông Nghị, làng này phải kiếm một chỗ làm trường để tôi bổ hương sư về dạy học chứ? Mà ông Nghị làm gì chẳng công đức được cho làng ít bàn ghế?

Nghị Lại khom lưng, đáp:

– Dạ.

– Nhà nước có thứ Học chính bội tinh thưởng cho những người có công với sự học, kể thế cũng phải.

– Dạ,

– Làng có trường, đỡ cho con em phải đi học xa. Ông nên giúp tôi lập trường hương học ở làng. Tôi trông cậy ở ông đấy.

– Dạ.

Chuyện văn một lúc, ông Huyện lên xe đi. Ông Nghị và mọi người vái chào, rồi quay về đình. Ông Nghị híp mắt lại cười với Lý trưởng:

– Hẳn có đứa nào nó cho chén nên mới khẩn khoản lập trường hương học.

Ông Chánh hội ranh mãnh, nói:

– Lại một lẽ nữa là ông ấy vừa mới bị cái kiện tham tang. Cho nên làm việc này để chuộc tiếng với quan trên.

Lý trưởng gật đầu, nói:

– Bẩm đúng thế đấy ạ. Hôm nọ ông ấy còn bắt anh lý Tam Dương tìm đất để lập sân thể dục ngay cạnh huyện, sát lối ô tô lên tỉnh. Toàn làm lấy tiếng.

Ông Nghị cười:

– Mẹ kiếp, ở nhà quê còn thể dục với thể dịch, lại chưa được làm bằng chân tay ựa cơm ra à. Việc mở trường hương học làng này, tôi nhất định phản đối. Làng nào có trường, trẻ con cũng láo, rồi sinh ra khó bảo, khụng khượng. Làng ta là làng làm ruộng, cần gì có trường học.

Ông Phó hội biểu đồng tình:

– Mấy lị làm vương làm tướng gì mà học, rồi sinh ra một lũ dở dở dang dang như làng Tam Dương đó, đàn anh làm việc đến khó.

Ông Nghị gật đầu:

– Thật thế, tao cũng nghĩ thế, cho nên tao chán ghét trường học. Quỹ làng này làm gì không đóng nổi bàn ghế. Trường đã có sẵn giải vũ kia. Mà nếu không có tao cũng thừa tiền xây cho làng một nhà trường ba lớp với sắm đủ bàn ghế, các thứ cần dùng. Nhưng không đời nào tao lại dại rước voi về giầy mồ, kết quả là hại cho tao trước. Cho nên chúng mày cũng thế nhé. Hễ ông Huyện có đả động đến việc làm trường, thì cứ vâng dạ cho qua rồi lờ đi. Mà bận sau ông ấy về đây, hỏi đến tao, cứ bảo tao đi vắng.

XVI

Có tiếng chó cắn ở ngoài ngõ. Pha hồi hộp ngẩng nhìn. Anh tưởng Quậy và Hòa đã gửi ai tiền về đóng sưu chăng. Nhưng không phải. Đó là ông tộc biểu đến giục Pha ra thuế.

Pha đáp:

– Vâng, về phần tôi đã có rồi. Nhưng tôi chờ tiền của bác cháu rồi hãy đóng một thể.

– Thế đã nhắn ai lên Thái chưa?

– Rồi, mà cũng chỉ nhắn bác Quậy cháu được, chứ bác Hòa cháu thì ai biết đâu mà tìm.

Hút xong thuốc, tộc biểu nói:

– Ngày kia đã bỏ thuế, không biết các ông phần thu làm thế nào, chứ thiếu khối ra.

– Tại thuế năm nay thu sớm quá, những người đi làm xa không biết mà gửi tiền về.

– Không, chả phải thế. Các ông ấy lười quá, chỉ chén với hút là khỏe, còn công việc thì chỉ đùn. Từ hôm nọ đến nay, nuôi báo cô phó đội với lính mất khối ra đấy. Họ về đây, chẳng được ích gì, chỉ nằm dài ở nhà ông Chánh, hạch ăn, hạch hút, hạch góp tổ tôm, lại đi mò gái suốt đêm.

Chị Pha nói đùa:

– Thế thì không khéo các ông lỗ vốn.

Tặc lưỡi, tộc biểu đáp:

– Lỗ thì chả lỗ, nhưng ăn thua gì?

Vừa dứt câu, bỗng có tiếng xôn xao ở ngoài đường. Tộc biểu vội vàng lui lủi ra, có vẻ sợ hãi. Ngoài cổng một người lính cơ mặt hầm hầm đi với khán thủ vào nhà Pha, theo sau là thằng Bính bị trói giật cánh khuỷu:

– Tên Pha có nhà không? Trốn thuế đấy à? Sao không ra đình mà nộp cho xong: muốn tù thì bảo?

Người lính cơ trỏ vào mặt Pha, trừng mắt nói thế.

Pha sợ hãi đáp:

– Thưa thầy quyền, tôi còn chờ các bác cháu một thể.

– Chờ! Việc là việc ăn đấy mà phải chờ nhau. Còn hai hôm nữa đổ thuế, quan về thì bỏ mẹ sớm. Khán thủ cứ trói nó lại giải ra đình.

Khán thủ tuân lệnh, lại gần Pha, Pha vội vã đáp:

– Lạy thầy quyền để tôi đi, tôi có tiền sẵn đây mà.

Chị Pha cuống queo, vào buồng, rồi ra, xòe mấy tờ giấy bạc:

– Thầy cháu nói thực, thầy làm phúc tha cho thầy cháu.

Người lính quát:

– Thôi, tha cho nó.

Nói đoạn lại hầm hầm đi.

Pha thoát nạn, mừng rỡ, vội vàng khăn áo ra đình.

Đến cổng Nghị Lại, anh dừng chân để xem, vì thấy đông người đứng đó.

Nó là cái cảnh chen chúc trước lỗ cầm đồ nhà Vạn Bảo. Người nào người nấy, vẻ mặt buồn bã vì ốm đói, vì lo lắng, cố lách vào đứng sát cánh cửa tò vò đóng kín. Trên chòi cổng lớn, Phát luôn miệng, hò:

– Chị nào cầm đôi đèn kia, hãy đứng giãn ra cho bà đám Rớt vào trước.

Hoặc:

– Ai ôm cái áo bông kia, mang về, đây không lấy áo.

Lúc hai cánh cửa hé mở, một người ra thì mấy chục người chen nhau vào. Ngọn roi mây như mưa vào các đầu, và Phát đứng trên, rát cổ vì hò ầm ĩ. Hai cánh lại đóng ập lại, sau khi nuốt chửng một người. Bác Thứ chen được đến chỗ rộng, xổ cả khăn, mặt đỏ rừ. Vậy mà bác hể hả cười, và khoe:

– Quan ông không nhận hoa tai, chê là vàng giả, nhưng quan bà cho vay hai đồng.

Mọi người thèm muốn, nhìn bác Thứ, ao ước được may mắn như bác. Pha hỏi:

– Lãi bao nhiêu?

– Mỗi đồng một ngày năm xu.

Thấy vẻ mặt bằng lòng của người đàn bà chạy được tiền nộp thuế. Pha thở dài, không xem nữa, đi thẳng đến đình.

Thằng Chích, con thằng Mới dang tay hết sức nện vào mặt trống, và đùa một mình, nó đọc ba tiếng một:

– Thuế, thuế, thuế! Thuế thuế thuế!

Bước lên thềm, Pha đã nghe tiếng ông Lý quát tháo choang choang:

– Mặc kệ, ốm thì ốm cũng kẹp, việc quan không nói đến tình.

Pha nhìn vào, thấy chỗ góc đình, Cò, một người làm ruộng cũ của ông Nghị nằm còng queo trên sàn đương nhăn nhó kêu:

– Con lạy cụ, cụ hãy thư cho đến mai, nhà con đem cháu đi bán, thế nào sớm tối nay cũng về [illegible]

– C[illegible]y thì chó nó mua.

Rồi ông trợn mắt, giậm chân, giục:

– Ơ hay, sao chúng mày không lấy kẹp ra đây!

Hai tên tuần dạ ran, chạy tíu tít cầm hai thanh tre đến. Chúng bắt Cò giơ bàn tay ép tre hai bên ngón và vặn dây thít lại.

Cò giãy giụa, há hốc mồm kêu:

– Lạy cụ! Lạy cụ!

– Thít! Thít chặt!

Ông Lý vừa quát vừa tụt chiếc guốc mòn gót ra, nện túi bụi vào đầu một người tuần:

– Mẹ bố mày, mày không thít phải không?

Tiếng kêu trời đất ầm ĩ dậy lên, làm ai nấy quay cả lại, đứng yên lặng sợ xanh mắt. Ông Lý nghiến răng trỏ vào mặt Cò:

– Mày muốn trốn thì cứ trốn đi.

Rồi ông rất nhọc mệt thở ì ạch quay nhìn lũ bị trói khác ngồi một hàng gần lan can: cả từng ấy con mắt đồng thời nhìn xuống, lo sợ.

Ông Lý trỏ vào mặt những người khốn nạn, dọa:

– Chốc ông khỏi mệt, ông mới bảo cho chúng bay.

Pha lên sàn đình, đứng cạnh chiếu thu thuế.

Làn khói thuốc phiện ở chỗ ông Chánh tổng nằm với Phó đội, hơi rượu hăng ở mâm ông Phó hội, người lính cơ, ông Lý cựu và ông thủ quỹ xông lên một mùi nồng nặc. Pha đâm sợ, thấy nghẹn ngào ở cổ. Anh nhớ lại buổi say ở nhà bác San.

Bỗng ông phần thu hỏi:

– Anh Pha nộp thuế đi.

Pha ngồi xổm cạnh chiếu tay cầm tập giấy bạc, nói:

– Ông tính hộ cháu xem năm nay phải nộp bao nhiêu?

Phần thu đặt con tính và càu nhàu:

– Sao không tính ở nhà trước.

Rồi một lát, ngửng mặt lên, ông đáp:

– Mười ba đồng bảy hào mốt.

Pha ngạc nhiên hỏi:

– Sao lắm thế, hở ông?

– Phải rồi, điền mỗi mẫu ba đồng bảy hào hai, đinh mỗi suất ba đồng ba hào ba. Nhà anh ba suất.

Pha ngạc nhiên:

– Kìa, cháu có tám sào thôi mà.

– Thế thì mười ba đồng rưỡi.

– Những suất sưu của các bác cháu, ông để các bác cháu đóng chứ?

– Không biết, đó là lệnh quan.

Ông Lý ở đằng xa, trừng mắt gắt sang:

– Nó không nộp thì gông cổ nó lại, giảng lý cho nó thì đến bao giờ mới xong. Các ông chậm chạp lắm. Mai mà không đủ thuế, quan quở tôi khai ra hết, tù thì cùng tù cả nút, chứ chả riêng gì tôi mà tôi sợ.

Phần thu bẽn lẽn, bắt đầu giở cáu:

– Mười ba đồng rưỡi, mau?

Pha ôn tồn nói:

– Thế thì cháu hãy nộp một suất với tám sào của cháu.

Phần thu gắt:

– Khỉ!

Ông loay hoay tính:

– Bảy đồng năm xu.

Pha ngẫm nghĩ:

– Thế là ông vẫn tính của cháu những một mẫu.

Làm ra mặt dớ dẩn, phần thu đáp:

– À, thế thì bảy đồng.

– Thế nhưng hai sào mà ông bắt có năm xu? Bác trương Việt nộp có ba đồng ba xu một suất sưu thôi mà.

Phần thu quắc mắt, sừng sộ:

– Người ta khác, anh khác, anh đừng láo! Tôi thì gông cổ anh lại, biết chưa?

Phó đội hút xong điếu thuốc, mút vòi ấm nước rồi ngồi nhổm dậy:

– Đứa nào láo đấy, lôi cổ nó lên đây, đây đương ngứa tay.

Pha run sợ, vội cúi mặt xuống, không dám nhìn, đếm đủ bảy đồng đưa nộp.

Phần thu biên giấy rồi đưa:

– Đây, tôi hãy biên nhận chỗ tám sào với suất sưu của tên Hòa, còn tên Quậy với của anh, bao giờ có tiền hãy hay.

Pha sửng sốt, nhưng không dám nói:

– Bác cháu có gì, ông cho đánh hạng một đồng thôi chứ?

Phần thu gắt to:

– Một đồng à? Vô sản mới một đồng chứ?

Pha lấm lét nhìn ông Phó đội, ông Lý xồng xộc chạy đến:

– Nó không đóng à? Nó vừa có ba chục đồng bạc, lại còn vô sản cái gì?

Phó đội quay lại, nói:

– Thế thì cứ cột cổ nó lại mà riệt cho một mẻ. Cái giống chúng nó thế, không đánh không bao giờ lòi tiền.

Pha vội vã cầm biên lai, cút thẳng không dám quay cổ lại.

Rồi qua nhà Dự, anh vào chơi, than thở cho đỡ uất ức. Dự cầm biên lai, trợn mắt, nói:

– Họ biên có ba đồng ba xu suất đinh với hai đồng chín hào tám, tám sào ruộng.

Ngẫm nghĩ một lát. Dự gật gù lẩm bẩm:

– Vụ thuế này, bọn mọt khoét đến vài ba trăm bạc của dân.

XVII

Được tin quan về đốc thuế, hương lý cuống quít vội vàng cho tuần sục bắt tất cả những thân nhân người đi vắng chưa gửi tiền đóng sưu.

Thêm vào bọn đã bị giữ ở đình chịu các nhục hình từ hôm trước, chín người nữa, trong đó có cả Pha, bị trói giải ra chỗ thu thuế.

Từ sáng, thằng Mới phải quét tước thật cẩn thận. Bàn đèn, cỗ bài, cùng các thức ăn dở, nó phải giấu cả vào hậu cung.

Ngay đầu làng, mấy lá cờ đuôi nheo ủ rũ ở hai bên đường. Hương lý đã tề tựu cả chỗ gốc đa để chờ. Đúng giờ, một chiếc ô tô bóp còi từ đằng xa lại. Hai chiếc lọng vàng vội vã giương ra. Xe dừng, quan xuống. Bọn tùy tòng, ngoài thừa phái, chánh đội, lính lệ, lính cơ là những người quen mặt, ta còn nhận thấy một người lạ, đi sau cùng.

Vừa bước chân xuống xe, quan đã cau có hỏi Lý trưởng:

– Thiếu bao nhiêu?

– Lạy quan lớn, chín mươi bảy đồng.

Quan gắt:

– Chúng mày trễ nải công việc, liệu không ông cách cổ hết. Bảo tuần vào từng nhà bắt trâu bò giải ra đình cho tao.

Cả tụi hương lý, ai cũng có trâu, nên sợ hãi, đưa mắt cho Lý trưởng. Lý trưởng xun xoe thưa:

– Bẩm, trâu không còn con nào ở nhà, làm ngoài đồng cả từ sáng.

Chánh hội tâng công:

– Lạy quan lớn để con bảo khán thủ đánh mõ gọi về.

Quan gật:

– Vừa mõ, vừa sai tuần ra đồng, dắt từng con về, như thế mới được việc.

Quan trèo lên sàn đình, ngồi trên ghế, tì tay vào bàn có giải khăn trắng. Một tên tuần phẩy quạt lông. Hương lý đệ trình sổ sách, và trong khi thừa phái đọc tên những người thiếu thuế, Lý trưởng dắt đến trước mặt quan một xâu dài cả đàn bà lẫn đàn ông, trói giật cánh khuỷu. Quan quát:

– Sao chúng mày dám trốn thuế Nhà nước?

Cả từng ấy người ồn ào mỗi người một câu. Thừa phái giơ tay ngăn:

– Im. Tên Phạm Liệu đâu? Kêu đi.

– Lạy quan lớn, con không có một sào ruộng, sào đất nào. Con đi ở nhờ, làm ruộng mướn cho ông Nghị con, con tưởng được đóng thuế vô sản một đồng, thế mà thầy Lý con không nghe, cứ bắt con đóng ba đồng ba xu. Lạy quan lớn đèn giời soi xét.

Lý trưởng nhanh nhảu gãi tai kêu:

– Lạy quan lớn, tên này tuy không có ruộng có đất, nhưng đầu năm nó đi vắng làng quá ba tháng.

– Lạy quan lớn.

Quan trợn mắt, quát:

– Im. Vả vào mồm nó kia!

Tức thì năm đầu ngón tay của Lý trưởng áp vào má Liệu, cả cái đầu tưởng rơi bắn đi.

Thừa phái gọi:

– Nguyễn Thăng.

Thăng chưa kịp nói, Lý trưởng đã cướp lời:

– Lạy quan lớn, tên này nhất định chỉ nộp chính tang hai đồng rưỡi, còn ngoại phụ lẫn tương tế năm ba hào không nộp, lại đổ cho chúng con hà lạm.

Thăng giương mắt cãi:

– Bẩm, Lý trưởng khai man...

Thừa phái trỏ tay, mắng:

– Im.

– Tên Vũ Hữu Chứ!

Lý trưởng nói:

– Bẩm có mẹ tên Chứ.

Bà cụ già đầu trọc tếch, da mặt răn rúm, chân tay khẳng khiu, nhăn nhó nhìn quan phụ mẫu bằng đôi mắt nần nì, và vì hai tay bị trói nên phải gật đầu để lạy, nói không ra hơi:

– Lạy quan lớn, thương già này đã tám mươi hai tuổi. Con chúng con đã chết từ tháng chạp, có khai tử hẳn hoi mà đến bây giờ thầy Lý bắt chúng con phải đóng công sưu.

Nói đoạn, bà sụt sịt, hai dòng nước mắt ròng ròng chảy xuống má qua đôi môi méo xệch.

Thừa phái động lòng, giảng:

– Phải rồi, con bà già chết từ tháng chạp, nhưng ngay từ cuối tháng một, nghĩa là đầu năm tây làng làm sổ kê tên những người phải nộp thuế năm nay, và sổ thông quy ấy đệ lên tỉnh. Trên tòa chiếu sổ đinh làm bài chỉ tư ra kho bạc, rồi đến kỳ đổ thuế này, kho bạc cứ đúng số tiền trong bài chỉ ấy thu tiền.

Thấy quan đứng dậy đi ra mé đình nhổ, Lý trưởng trừng trừng nhìn bà già, trỏ vào mặt, chửi khẽ:

– Mẹ bố con quạ cái, cãi nữa đi. Con mày khôn hồn sao không chết từ đầu tháng một năm ngoái.

Bà già ức lên không chịu nổi, òa lên khóc:

– Ối con ơi, ới bố Vòi ôi, nhục nhã cho mẹ, mẹ có ngờ đâu mày chết còn chưa thoát.

Mọi người im lặng cảm động nhìn cái cảnh não nùng.

Ông Huyện chạy lại quát:

– Im!

Lý trưởng nhau nhảu, trợn mắt, hầm hầm giơ tay toan tát. Ông Huyện ngăn:

– Thôi, còn những đứa kia, không có tiền đóng thuế thì phải ngồi tù.

Từ nãy, Pha nơm nớp nhìn quan phụ mẫu. Anh không sợ hãi, trái lại anh mong đến lượt trả lời để có dịp tố cáo Lý trưởng đã thu lạm lại bắt người vô lý. Anh yên chí quan sẽ bênh anh, vì anh nhớ lời Nghị Lại đã dạy hôm nọ. Anh đã mất tiền cho quan hai mươi nhăm đồng bạc. Tiền ấy là tiền không mất đi đâu. Quan tất nhớ anh mà bênh vực anh và trị Lý trưởng. Bây giờ quan bảo phải tù, anh thất vọng quá, vội kêu to để quan trông thấy:

– Lạy quan lớn!

Ông Huyện trông anh ngờ ngợ. Pha khấp khởi mừng, trống ngực thình thình. Khi ông Huyện đã nhớ ra, thì trỏ vào anh mà nói với Lý trưởng:

– Thằng kia nhà khá mà cũng thiếu tiền thuế, sao không đánh ựa cơm nó ra.

Nói đoạn, ông nhìn ra sân thấy một người tuần mặt mũi đầy những máu, dắt trâu về. Tất cả hương lý nhìn vật và người bị nạn. Chẳng ai tỏ một vẻ ngạc nhiên.

Người tuần lên sàn đình, tức tối kêu:

– Lạy quan lớn, thừa lệnh quan lớn truyền, chúng con ra đồng bắt trâu, nhưng chúng nó chạy hết, có mỗi một con này con bắt được thì tên coi đánh con, lạy quan lớn đèn giời soi xét...

Lý trưởng mách:

– Bẩm trâu của ông Nghị Lại ạ.

Ông Huyện thất vọng, mắng trương tuần:

– Mày không biết trâu này của ông Nghị Lại à, sao mày dại thế. Nó đánh cho cũng phải, ngoài đồng thiếu gì trâu.

Một tên tuần nữa dắt con trâu khác về đứng ở sân đình. Sau khi biết rằng không phải của ông Nghị Lại, người lạ mặt đi theo quan vội vàng xuống, xem xét ngắm nghía con vật hồi lâu, rồi lên nói:

– Lạy quan lớn, con xin nộp mười lăm đồng.

Nói đoạn, hắn xỉa ba tờ giấy năm đồng trước mặt quan, thì một người đàn bà hốt hoảng vừa thở vừa xông vào sân đình:

– Lạy quan lớn, trâu của con. Con không có tội gì. Thuế ruộng con đã nộp rồi. Quan lớn tha trâu cho con. Con mua bảy, tám chục đồng bạc đấy.

Quan thản nhiên trỏ vào những người bị trói:

– Mày đòi những đứa này sau.

– Lạy quan lớn....

Quan hất hàm bảo lính. Họ kéo tuột người đàn bà hung hăng đi ra tận xa. Tiếng roi vút đen đét và tiếng kêu tiếng khóc còn vang vọng.

Ông Huyện chờ mãi, hỏi Lý trưởng:

– Làng này bao nhiêu trâu, sao chúng nó chỉ bắt được có hai con về?

Lý trưởng ấp úng. Quan nhìn người lái trâu, mỉm cười, nói khẽ gì, rồi ngài đứng dậy:

– Lý trưởng dẫn tao về làng, đến những nhà giàu.

– Lạy quan lớn, mời quan lớn vào nhà ông Nghị Lại.

Quan nhăn mặt gắt:

– Trừ nhà ông Nghị, không còn nhà nào đủ bát ăn à?

Phó hội nhắc:

– À nhà ông phó Năng.

Lý trưởng sực nhớ Năng đã nhất định chỉ nộp có ba đồng ba xu thôi, bèn dẫn quan đến.

Phó Năng vừa chào, quan đã nói:

– Nhà mày giàu, mày phải cho những đứa nghèo vay tiền nộp thuế.

Phó Năng chối đây đẩy:

– Lạy quan lớn, anh Lý con khai man.

Quan không đáp hất hàm ra lệnh. Tức thì hai người lính trú giữ hai vợ chồng phó Năng một chỗ, và đội lệ cùng mọi người đi khám tiền ở trong buồng.

Phó Năng nhất định không nghe kêu van hết lời.

Thản nhiên, quan lớn hỏi phó Năng:

– Biên lai thuế mày đâu?

Phó Năng không hiểu để làm gì bèn móc bao lục lấy đưa quan, và nói:

– Lạy quan lớn, con có bao nhiêu tiền đã nộp vào thuế mất rồi.

Không đáp nửa lời, ngài đưa thư ký:

– Nếu nó không chịu cho dân vay, mày hủy phái lai này đi, món tiền thuế nó đã nộp thì biên sang tên những đứa khác. Nếu rồi nó không chịu nộp cho nó, mày trình, tao sẽ tịch ký nhà nó.

Phó Năng tức run bắn người lên. Chánh đội ở trong buồng ra, tay ôm bốn quan tiền trinh và một ít giấy bạc.

Quan mừng rỡ. Vợ phó Năng tiếc của kêu gào. Song mọi người vẫn cứ im lặng làm việc. Quan bảo:

– Đếm xem bao nhiêu.

Phó Năng nhăn nhó kêu:

– Lạy quan lớn, thế thì thiệt hại cho chúng con quá.

– Mày không mất gì mà thiệt hại. Việc quan khẩn, tao phải làm thế, rồi mày bắt những đứa thiếu thuế viết văn tự nợ lại mày.

Chánh đội đếm xong, bẩm:

– Lạy quan lớn, bốn tám đồng năm hào.

Quan lẩm bẩm:

– Với mười lăm đồng, là sáu ba đồng năm hào.

Lý trưởng nói:

– Bẩm còn thiếu ba mươi ba đồng năm hào.

Quan đứng dậy và mọi người đi theo. Lý trưởng đưa đường rẽ vào ngõ nhà bà Thêm, một người đàn bà góa. Bà này vốn biết tin quan đến lục tiền nhà phó Năng. Nay lại thấy rầm rập đến nhà mình, vội vàng đóng cổng lại rồi chạy vào sân, hai chân giậm xuống đất kêu:

– Ối làng nước ơi! Cướp! Cướp nhà bà Thêm.

Bà tưởng kêu như thế, người làng sẽ đến cứu bà, nhưng vô hiệu. Bọn tuần phá cửa. Lúc hai cánh mở toang, bà ngã lăn đùng như người ngộ gió líu ríu kêu khóc. Người ta khênh bà vào, đặt nằm trong nhà, và lần thìa khóa ở bộ xà tích trong túi bà, đi mở các hòm các tủ. Sau cuộc vơ vét, họ được thêm bốn mươi đồng.

Bà Thêm tỉnh dậy kêu gào. Ông Huyện ái ngại, giảng giải cho bà ta biết cái ý nghĩa nhân đạo của sự cho vay tiền này. Nhưng người đàn bà góa nhất định không muốn hiểu mục đích cao thượng của công việc mình đương bị làm. Bà ta hờ chồng khóc con thảm thiết. Không

chịu được lời tru tréo của con mẹ bất tử, ông Huyện bảo một người lính cơ.

– Chúng mày làm như hôm qua vậy.

Lập tức hai người lính sang nhà bên cạnh, bất cứ có người hay đi vắng, họ cũng cứ vào, họ lấy những cây nến gỗ, nồi đồng, họ bắt cả lợn, nghĩa là tất cả đồ đạc đáng giá từ một hào trở lên, quẳng ở sân nhà bà Thêm. Tiếng kêu khóc dậy lên, khắp mọi nơi.

Ông Huyện trỏ các đồ vật, bảo Lý trưởng:

– Rồi trong làng thu xếp với nhau. Những thức này đền con mẹ này, tùy giá rồi trừ tiền của nó đi, và bắt những đứa thiếu thuế phải nợ lại.

Nói đoạn, kệ mọi người gào la thảm thiết, bọn quan quận bình tĩnh về đình.

Quan ngồi nghỉ ở ghế, vui vẻ nói:

– Không thế, không tài nào xong được.

Lý trưởng khúm núm, đặt năm tờ giấy bạc vào cái đĩa, gãi tai nói:

– Lạy quan lớn, quan lớn thương chúng con, chứ cứ như chúng con thì không biết làm thế nào, gọi là vi thiềng quan lớn.

Quan huyện thu tiền bỏ vào túi, rồi đứng dậy ra về. Từ thừa phái trở xuống, mỗi người được Lý trưởng tùy chức cao thấp tiễn tiền xe, tuy họ cùng ngồi ô tô với ông Huyện.

XVIII

Cố nhiên từ lúc quan đi khỏi, trong làng xảy ra những cuộc chửi nhau đánh nhau lớn. Các phần thu, ai cũng sợ dây đến mình, vội vàng ai chuồn về nhà nấy cho mau. Lý trưởng với Chánh hội ở lại sau cùng, bỏ sổ sách và tiền nong vào tráp. Chánh hội nói:

– Quan dặn ông thu xếp cho họ kia mà!

Tặc lưỡi, Lý trưởng đáp:

– Kệ cha chúng nó, cứ để chúng nó đánh nhau chửi nhau mình mới có kiếm chứ. Mà chẳng có mình thu xếp, chúng nó cũng phải tự làm lấy văn tự, đâu vào đấy cả. Đứa xin triện, lúc ấy ta sẽ liệu sau.

Hai người yên lặng đi về. Một lát, ông Lý nói:

– Tôi không khéo thì nghiện mất. Tôi đã thôi được từ ngày tháng hai, thế mà vụ thuế này phải thức đêm thức hôm mà các ông ấy lại cứ ép.

– Tôi cũng thế, phen này nhất định vác tĩnh về nhà, nhà tôi giày vò mỏi mồm thì thôi chứ gì. Mấy lại mình hút phong lưu chứ có bệ rạc như người ta đâu mà sợ mang tiếng.

Lý trưởng nói:

– À, ký Mai lạ quá, đến một tháng nay tôi ép hút luôn, thế mà chưa mắc. Tôi tưởng sau dịp này nó cũng phải chết để nó chừa nói xấu thuốc phiện đi. Làng ta, tôi tính mỗi năm trung bình thêm được năm người nghiện.

Chánh hội cười:

– Tôi tính nước An Nam ta, có lẽ không có một người nào không họ xa họ gần với người nghiện.

Hai người phá lên cười. Một lát ông Lý nói:

– À, còn số thẻ vô sản, tôi tính ra không khéo không đủ để phát.

– Thế thì lại làm như năm ngoái, những thằng Mận, thằng Cò, với thằng Sét thì quanh năm đi đến đâu, ba đứa chung nhau một thẻ cũng được.

– Vả mình cứ bảo chúng nó là tình nghi, quan sức giữ thẻ chúng nó. Thế thì chả cần phát cho chúng nó cũng được. Mấy lại chúng nó còn biết gì mà dám kiện ai.

Chợt qua tường nhà Nghị Lại, căm hờn, ông Lý bảo:

– Chỉ thằng cha này chẳng khó nhọc gì mà ăn hiếp của chúng ta hơn sáu chục đồng thuế thân năm nay. Mình làm mửa mật, lo ngay ngáy, rút hết chỗ nọ đến chỗ kia, mà chia nhau không được một nửa số của nó.

– Mình đã được chén, được hút vô tội vạ.

– Nào mình có được hưởng một mình, biết bao nhiêu thằng ăn ghẹ vào đấy.

– Như vậy chúng nó mới khỏi xoi bói mình. Nay mai tôi còn lo cái nước lên tạ thuế quan. Ông ấy hết sức che chở bênh vực cho mình, không có ông ấy thì tất thiếu ngót trăm bạc, nên phải kiếm cái lễ cho chững chạc mới được.

Dứt lời có tiếng người chạy huỳnh huỵch lại sau, run run gọi:

– Các ông ơi, các ông có lại mau không kẻo họ đánh nhau thành án mạng bây giờ. Cả nhà trương Thi nó đương xúm lại đánh nhà ông phó Năng không khéo nguy mất.

Ông Lý cau mặt.

– Việc gì đến trương Thi mà nó lại đi gây sự với ông phó Năng?

– Tôi biết đâu?

Ông Chánh hội quay lại, cáu:

– Mà việc đếch gì nhà đến anh mà anh cũng chõ mõm vào đấy.

Dứt câu gọn lỏn, hai người bình tĩnh rẽ vào ty thuốc phiện mua hai hộp con, rồi về nhà.

XIX

Chân trời đằng đông dần dần trắng như sữa. Sao mỗi lúc một nhạt.

Gió hiu hiu.

Chị Pha đặt con nằm một mình, đánh thức chồng dậy, rồi ra chống liếp cửa lên.

Bắt đầu hôm nay, Pha đến làm mướn cho Nghị Lại.

Sở dĩ anh phải quay đầu về với ông Nghị, vì xong vụ thuế, vợ chồng anh không còn kế gì sinh nhai.

Mà ở làng này, sau vụ thuế, ngoài ông Nghị ra, không còn ai còn có tiền mướn người làm nữa.

Chiều hôm qua, khi đến nhà ông Nghị xin việc, anh được Phát gọi vào ngay. Ông Nghị không chối đi vắng nữa, vì thừa hiểu hẳn anh không còn đồng xu nào để nằn nì ông nhận nợ. Khi thấy anh ngỏ ý xin cho vợ chồng làm, ông Nghị lắc đầu, nói rằng độ này công việc rỗi rãi. Sau, may có vợ chồng anh Hai xin nghỉ về quê vài hôm, anh chị Pha mới được thay tạm vào chân ấy.

Pha hớn hở mừng, đỡ phải lo chạy gạo lại được thêm mỗi ngày mỗi người hào rưỡi, như tiền công ông Nghị vẫn trả anh Hai. Món ấy tuy hạ, song còn hơn nằm nhà nhịn đói.

Chị Pha bế con sang gửi cái Bống rồi hai người đến nhà ông Nghị ăn cơm. Lúc mang gầu ra đồng thì đã rõ mặt người.

Nền trời xanh ngắt. Ánh hồng đỏ rực từ rặng tre trước mặt như phun lửa, hứa hẹn một ngày nữa nắng như thiêu.

Pha thấy bức, cởi áo vắt vai. Tia mặt trời chiếu mạnh vào bụng như những mũi tên nóng.

Đến nơi, hai người nghỉ một lát, rồi đứng hai bên bờ, còng lưng vục gầu xuống ao, ưỡn người, hất nước ra ruộng. Tiếng nước xì xòm. Mặt trời lên hết rặng tre, ánh nắng đã nóng quá. Chị Pha dừng tay, cởi áo, và chữa nón, rồi lại làm việc. Gió không có. Mặt, cánh tay, lưng, mồ hôi chảy ra ròng ròng.

– Lâu ngày không quen làm việc gì nặng, bây giờ mới tát được vài gầu đã mỏi rồi.

Chồng thương hại, cười:

– Vài hôm nó quen đi chứ lị. Trông đằng kia họ làm nhanh chưa?

– Phải quen, đến lúc quen thì vừa ốm xác.

Pha nói lảng:

– Cánh đồng này, gần hết là ruộng ông Nghị.

– Thì thửa này cũng của ông Lý đương vừa bán ngày năm ngoái đây mà.

Rồi chị thở dài:

– Kể người ta giàu cũng sướng. Chỉ ngồi không chẳng phải mó tay vào việc gì, tự khắc những người vất vả quanh năm đầu tắt mặt tối phải đem thóc đến nộp. Thật đã giàu lại giàu thêm, mà đã nghèo khổ lại nghèo khổ thêm. Mà họ làm giàu vì mồ hôi nước mắt của mình.

– Chuyện! Thôi đừng nói nữa, im mà làm cho đỡ mệt.

Chị Pha không nói gì, lẳng lặng tát nước, nhưng tự nhiên cao hứng, chị cất lên tiếng lanh lảnh hát:

Quê tôi nay ở Ngũ Đình,
Xin đem một chuyện nhân tình phô trương,
Kính trình liệt quý quý hương,
Thượng thông hạ đạt xem tường cho tôi.
Ăn năn thì sự đã rồi,
Nhưng mà cũng phải đền bồi mới xong.
Tân Mùi năm ấy tàn đông,
Nhâm Thân lại gặp tháng cùng đầu xuân.

Mối manh nhờ cậy băng nhân,
Yên là Đỗ Ngữ duyệt văn đó mà.
Bà xã Hiệp ở dân ta,
Con là thị Bảo ấy là túc nhân.
Vấn danh giao ước Tấn Tần,
Nội ngoại cùng biết, xa gần đều khen.
Ai ngờ đổi trắng thay đen,
Pha bùn dẫu có hồ phèn khôn trong.
Bất phu nhi dục như ong,
Phấn thừa, hương thải ai hòng làm chi!
Lễ nghi các tiết mọi kỳ,
Há rằng có phải mảnh chì quăng sông.
Việc này nhờ cậy chư ông,
Vả chốn lân tiết cùng trong hạt nhà.
Lấy nhời mà bảo bà ta,
Kẻo mà hôn cấu lại ra cừu thù!

Hát xong, chị phá ra cười, khen:

– Bài vè này hay đấy nhỉ!

Bỗng có tiếng khàn khàn, ở bờ ruộng bên kia:

– Ơ hay, chúng bay làm đi, chứ tao thuê để đi đú đởn với nhau đấy à?

Vợ chồng quay lại, thấy bà Nghị đến gần đó, khuỳnh hai tay vào háng. Chị Pha kinh hãi, cố hết sức làm việc. Khi bà Nghị đi khỏi, chị Pha vừa thở vừa nói:

– Thầy nó chầm chậm cho tôi theo với. Không hát để quên mệt, thì hai tay mỏi rời.

Thấy mặt vợ đỏ dừ, Pha ái ngại:

– Cố chút nữa cho bà ấy đi xa hãy hay.

– Bây giờ độ mấy giờ nhỉ?

– Tàu tám giờ đã về đâu.

Chị Pha thở dài:

– Giời ạ, còn tát từ giờ đến mười hai giờ trưa thì kéo sao nổi. Hay nghỉ tay một tí đã.

Chồng lắc đầu:

– Buổi mới, ta hãy nên làm cho bằng người ta để cho ông ấy tin cậy.

Chị Pha nhăn mặt:

– Nhưng thở không được. Ù cả tai, hoa cả mắt. Bây giờ tôi mới biết thầy nó khỏe, đi làm đồng quanh năm mà chịu được.

Mặt trời lên quá con sào. Nước sóng sánh ở ruộng chiếu lên long lanh. Gió vẫn lặng. Nóng gay gắt.

Chị Pha không còn sức nữa, hổn hển nói:

– Tôi dễ say nắng, rức cả đầu.

Pha cười, an ủi:

– Con nhà quê mà không quen nắng thì hèn quá.

– Từ ngày ở cữ, mỗi bận tôi gánh hàng có từ nhà đến chợ mà cũng thấy váng vất, nữa là đứng bêu nắng từ sáng đến giờ.

– Thế thì còn từ trưa đến chiều, bu nó chịu thế nào được, lúc ấy nắng xiên khoai, có gió thì lại như bốc lửa vào mặt. Đi làm mướn, không phải lo kiếm lấy gạo mà ăn, nhưng vất vả lắm. Giá mình làm cho mình thì tha hồ, nghỉ lúc nào cũng được.

– Nội các thứ nghề làm mướn, dễ không có gì khổ bằng làm ruộng. Suốt ngày đứng nắng chang chang, công việc thì nặng nhọc, mà không thể nào làm dối dá che mắt chủ được, vì được bao nhiêu nó rõ cả ra đấy.

– Mà từ mờ mờ sáng, cho đến chín mười giờ đêm, lúc nào cũng vần vật.

Chị Pha nói chuyện thì quên nhọc mệt, nhưng bỗng bà Nghị Lại kia rồi. Bà đến gần khuỳnh tay đứng nhìn, khiến anh chị Pha không dám hé răng, cứ cắm cổ hết sức tát nước. Nghèo đói thật là một nhục hình.

Lúc mặt trời lên đến đỉnh đầu, có con bé đem cơm ra đồng nói:

– Bà lớn bảo anh chị nghỉ tay, rồi anh đi bừa cho bà chỗ năm sào ở đám Ông Đống, để chị cu Bái đến tát nước với chị.

Được nghỉ, vợ chồng Pha hớn hở, tìm chỗ gốc cây có bóng mát để ăn cơm. Chị Pha tuy đói nhưng mệt quá không ăn được mấy. Vả cơm lại khô khan. Chị phải chan nước vối, nhưng cũng chỉ nuốt được có hai bát. Pha và bát nào cũng hết ngóm. Anh chỉ ngoạm ba miếng, gắp có tí tôm rang. Nhưng bụng còn đói, mà ba bát rưỡi cơm anh ăn còn thấy thiếu. Song, biết làm thế nào? Cơm mang ra đồng chỉ có thế.

Vợ chồng ăn xong, nghỉ ngơi một lát nữa thì chị cu Bái đến. Pha để hai người lại đi sang đám Ông Đống để bừa.

Công việc buổi chiều nặng nhọc hơn. Trời nắng cháy lưng. Mọi người làm cho đến sẩm tối, thì thu đồ đạc về nhà ông Nghị để ăn bữa cơm nữa. Đồ ăn bữa cơm chiều không hơn gì bữa trưa, song được cái cơm không đến nỗi thiếu.

Nhà làm ruộng ở chốn thôn quê quanh năm không hết việc. Mà ông Nghị lại không có lệ cho thợ nghỉ ngay từ chập tối. Nên cơm xong, vợ chồng Pha còn phải ở lại đến giữa trống hai. Chị Pha mỏi như dần, tưởng chừng đi không nổi. Lúc bà Nghị cho lệnh nghỉ tay, chị cắp nón về liền, để chồng ở lại lĩnh công xá.

Được gọi lên lấy tiền, Pha hớn hở. Nhưng bà Nghị nói:

– Vợ mày nó lười lắm, cả ngày chỉ hát chứ không làm, tao không bằng lòng cho mày với nó làm một chỗ.

Pha không đáp.

– Mọi năm, công đàn ông tao giả bảy tám xu một ngày, đàn bà ba bốn xu. Nhưng năm nay, thuế má cao, quan phải nộp những sáu bảy chục mà chúng bay chỉ mất có mỗi một đồng, cho nên tao phải hạ công chúng mày xuống. Mày thì tao có thể giả được năm xu, thế là hậu lắm rồi, còn vợ mày tao giả cho ba xu thôi hôm đầu lấy may. Còn mai thì bảo vợ mày ở nhà.

Pha nhăn nhó, kêu van:

– Lạy bà lớn, năm nay thuế con vẫn phải nộp như mọi năm, con xin bà lớn ban cho con hào rưỡi như bà đã giả vợ chồng anh Hai.

– Vợ chồng nó khác, vợ chồng mày khác. Mày không bì được. Không bằng lòng lấy thì thôi. Mai ở nhà cả. Chúng mày muốn kiếm chỗ mà đi lại nhờ vả về lâu về dài thì phải biết điều. Con vợ mày nó làm tao cho hai bữa cơm đã là khá, chứ cái bộ khẳng khiu gầy gò ấy như bọ chó múa bấc, đến chỉ thêm vướng cẳng.

Nói đoạn, bà Nghị quẳng tám xu xuống đất, và đi vào, Pha bất đắc dĩ phải cúi xuống nhặt.

Phát khuyên:

– Thôi, bà lớn đã dạy thế, bà lớn có để ai thiệt hơn ai đâu, anh không biết điều tí nào cả. Chúng tôi đây cũng bị hạ công, mà mỗi mẫu đến mùa này còn phải nộp thêm hai thùng thóc hầu quan nữa đấy.

XX

Pha không thể bỏ việc nhà Nghị Lại, dù ông bóc lột đầy tớ thái quá. Viện lẽ thuế tăng, ông kiếm thêm được hàng năm trăm đồng lời.

Vợ anh bị cảm, hôm sau nằm đắp chiếu rên hừ hừ suốt ngày. Mà chị ở nhà trọi một mình. Con chị, cái Bống bế ở nhà nó. Chỉ khi nào thằng bé đói và khóc nó mới sang bảo chị cho bú hoặc mớm cơm mà thôi. Pha đi làm suốt ngày ở ngoài đồng, từ tinh sương đến tận giữa trống hai. Khi ấy anh mới được săn sóc đến bệnh tình vợ. Anh sờ trán và chân tay vợ, rồi vội vàng đi hái một vài thứ lá người ta mách đem về đưa cho vợ uống.

Một buổi, khi trả xong tiền công người làm, ông Nghị dặn Pha:

– Tao nghe thấy ở làng họ rục rịch kiện Lý trưởng và Chánh hội về việc thuế, mày làm ăn với tao, không được lôi thôi, ai làm kệ ai nhé.

Pha vâng và hiền lành đi về. Song anh lấy làm mát ruột. Vì từ hôm bị nộp thuế ức, anh vẫn oán thán Lý trưởng và Chánh hội xưa nay hùa nhau cậy thế quan để áp bức dân, nay thật là đáng tội.

Anh đi rảo cẳng về. Vợ anh đã đỡ nóng đôi chút.

Chị thấy chồng, lật chiếu ra, ngồi dậy, vừa quấn tóc vừa nói:

– Cậu Dự từ chập tối đến giờ đến hỏi thầy nó hai ba lượt. Cậu ấy hẹn chốc nữa lại đấy.

Pha ngạc nhiên, hỏi:

– Việc gì mà cần thế?

– Cậu ấy nói việc kiện ông Lý và ông Chánh hội và chắc sao ông Nghị cũng đã nói cho thầy nó biết rồi.

– Phải, mà ông Nghị khuyên đừng dính dáng. Tôi cũng sợ cửa quan lắm rồi.

Chị Pha tức:

– Kiện cho nó chết đi chứ, ngữ ấy thì việc gì mà thương.

– Không, là mình thương mình, chứ thương gì họ.

Lúc ấy, Dự vào, đi với ông lý cựu, phó Năng. Ông phó móc túi lấy ra cái đơn đưa cho Pha, Pha nhìn vào chữ rồi cười:

– Tôi cứ bảo học, nhưng bận quá, đã mua bút giấy về kia mà chưa lúc nào sờ được đến sách vở.

Dự cầm đơn, nói:

– Đây này. Tôi đọc chỗ chính cho anh chị cùng hiểu.

"Ngày mười lăm tháng sáu Tây, Lý trưởng và Chánh hội làng chúng tôi cho rao mõ để dân biết ra đình bổ thuế. Khi ra, hai tên ấy không đem sổ nghị định mới và sổ kiến điền cho dân xem. Chỉ nói số dân đinh của làng có 328 suất và điền có 145 mẫu, số tiền tổng cộng đinh là 757,20 đồng, điền là 543,86 đồng. Những người có một, hai thước đất ở, đáng lẽ được đóng 1 đồng thì đều phải đóng 2,50 đồng với ngoại phụ 0,50 đồng, tương tế 0,03 đồng, cộng là 3,03 đồng, nhưng họ lại thu những 3,33 đồng. Người thật vô sản, nghĩa là thật không có một thước đất và cả làng ai cũng biết là khố dây, mới được đóng vào hạng bảy, nhưng số ấy cũng ít. Thêm ngoại phụ 0,20 đồng, tương tế 0,03 đồng, đáng lẽ 1,23 đồng một suất, thì Lý trưởng và Chánh hội bắt đóng 1,60 đồng.

Thế là mỗi suất sưu hạng bảy bị thu lạm 0,37 đồng và các hạng trên mỗi suất 0,30 đồng. Như vậy, 328 suất đinh; hai tên mọt ấy đã hà lạm 111,14 đồng. Ruộng làng chúng tôi có 365 mẫu, trong đó có 157 mẫu tha ma, thổ phụ, đền từ, đê điều và sa bồi, với 43 mẫu hàng khu, còn lại thực canh cư là 165 mẫu; 43 mẫu hàng khu phân thụ 56 đồng, trừ với 543,86 đồng, còn lại 487,86 đồng là số thuế của 165 mẫu điền phải chịu, tức là mỗi mẫu phải đóng 2,96 đồng. Nhưng Lý trưởng, Chánh hội chỉ bổ có 145 mẫu phải nộp 3,72 đồng. Tính ra thì toàn số ruộng dân, mỗi mẫu bị lạm mất 0,76 đồng, 165 mẫu là 125,40 đồng. Tổng cộng tất cả đinh điền, Lý trưởng và Chánh hội làng chúng tôi đã lạm được 236,54 đồng".

Pha trợn tròn mắt để ngạc nhiên về số bạc to lớn. Anh lại nghĩ đến món năm trăm đồng của ông Nghị được lợi về thuế năm nay. Vợ anh như khỏe lại, hung hăng nói:

– Đấy, cứ mỗi người vài hào tưởng nhỏ, không ai chịu bới móc ra, đến lúc tính mới biết nó gần hai trăm rưởi bạc. Làng này dân nghèo, ruộng ít mà họ còn hà lạm được thế, nữa là những làng giàu.

Pha trầm ngâm:

– Ông Nghị khuyên chúng tôi đừng dính dáng đến việc này.

Ông phó Năng đáp:

– Cái đó không lạ. Là vì Lý trưởng được ông ấy che chở, đâu đã biếu không suất sưu hơn sáu chục bạc.

Chị Pha sửng sốt nhìn chồng:

– Đấy. Thế mà bà ấy dám dài mồm kêu là vì phải đóng thuế nặng cho nên giảm công người làm.

Pha cắm mặt không nói gì. Dự tiếp:

– Cho nên lẽ tất nhiên là ông ấy phải bênh vực bọn mọt. Một lẽ nữa là xưa nay vẫn chỉ một tay ông ấy khêu ra kiện cáo để dắt mối cho quan. Nay việc này không phải do ông ấy làm, nên không muốn một người khác có công với quan.

Pha hỏi:

– Thế ai đứng đơn kiện?

Phó Năng đáp:

– Chúng ta. Tất cả làng. Đây đã được bảy người ký rồi. Còn hai bác nữa. Ngày xưa, có ông Lý cựu biết đấy, tôi cũng đã làm thuế, nhưng tôi chỉ thu đủ tiền và lễ quan, thừa ra được suất thẻ xe pháo là tốt, chứ không quá quắt như các ông ấy bây giờ. Bây giờ quan thì đòi ăn nhiều, mà khi làm thuế, hàng hai mươi người bám vào ăn như ăn cướp của dân, trông chướng mắt không chịu được. Các bác cứ nghe tôi, ký cả vào đơn này, chúng tôi vào quan cho, chúng tôi không sợ. Xưa nay chúng tôi đi lại cửa quan nhiều lần, chúng tôi lạ gì.

Bỗng có tiếng huỳnh huych ở ngoài cổng và có ánh sáng đèn điện bấm chiếu lòe vào trong nhà.

Lý trưởng, Chánh hội, mặt hầm hầm, đi sau có bốn người tuần vác gậy gộc rầm rộ đi vào. Lý trưởng quát:

– À, các người bàn nhau hội kín. Tuần đâu, trói cả lại cho tao.

Nói xong, vào giật lấy cái đơn kiện.

Lý cựu hung hăng, đứng phắt dậy, cầm cái bát uống nước, quật xuống đất:

– Tao thách thằng nào mó vào người chúng tao.

Vợ chồng Pha sợ xanh mắt, lại tiếc bát. Thằng bé con khóc thét lên và tiếng chó cắn nổi lên rầm rầm. Lý trưởng trỏ mặt Pha, bảo lũ tuần:

– Hãy trói thằng này lại. Ít lâu nay mày học quốc ngữ để mày làm cộng sản.

Pha cau mặt nhìn người tuần có ý thách. Nhưng Dự sấn ra đứng giữa hai người, nói:

– Khoan! Tôi hãy hỏi ông Lý và ông Chánh, chúng tôi có tội gì?

Lý trưởng đáp:

– Tôi đếch biết! Trói chơi đấy.

Lý cựu tức:

– À, các ông coi rẻ người làng thực.

– Tôi mất tiền lễ quan lo ra làm lý trưởng...

Dự tiếp:

– Phải, để giúp ích chứ không phải làm hại dân làng.

Lý trưởng cáu, trỏ vào mặt Dự:

– À, thằng Dự, mày bảo ai là hại làng?

Dự cười:

– Đáng lẽ ông gọi tôi là mày thì tôi không gọi ông là ông nữa. Nhưng tôi muốn nói bằng tiếng của người có giáo dục. Ông không cần hỏi tôi nói ai làm hại làng. Mười người chúng ta đây trong có cả ông nữa, đã thừa hiểu tôi nói ai rồi. Đừng có ngu lắm mới không hiểu, phải hỏi lại.

– À, Dự, mày nói xỏ tao.

Lý trưởng xông vào. Dự lùi lại một bước để giữ thế. Pha, Lý cựu và phó Năng đều như sắp ra trận. Nhưng Chánh hội từ nãy chưa nói một tiếng, bây giờ mới khe khẽ bảo:

– Thôi, tôi hãy can hai bên. Đâu, ông Lý cho tôi xem đơn kiện nào.

Dứt lời, ông lẩm bẩm đọc, rồi xé đơn đi, ôn tồn cười nói với Lý trưởng:

– Ồ, làm quái gì cái vặt này, suýt nữa có phải thành bất bình to không?

Mọi người rất ngạc nhiên, cũng không thể dò được bụng dạ của con người nham hiểm. Chánh hội lại tiếp:

– Thôi, tôi xin ông Lý bỏ qua. Giá các ông ấy muốn kiện chúng tôi thì hãy hỏi chúng tôi trước, chúng tôi bảo cho biết đúng những số lạm thu. Trong đơn này vẫn còn thiếu nhiều lắm.

Nói đoạn, ông cười hà hà, nhìn bên địch bằng đôi mắt đắc thắng.

Dự toan nói lại, thì ông giơ tay ngăn:

– Không, chúng tôi không muốn sinh sự với các ông. Mời ông Lý cho tuần về! Khuya rồi.

Mọi người càng ngạc nhiên về cái thái độ nhu nhược của ông Chánh hội. Nhưng bọn Pha, Dự vốn biết ông này ghê gớm thì hẳn ông ta có ý định gì đây.

Lý trưởng không chịu về:

– Ông cứ để im, để tôi trị cho họ một mẻ!

Chánh hội nhìn bên địch:

– Không, tôi xin lỗi các ông hộ ông Lý quá say nói liều.

Đoạn, ông kéo áo ông Lý về. Ông Lý chưa hả giận, nhưng vì yếu nên phải theo tay ông Chánh và còn ngoái cổ lại nhìn, nhất là Dự.

Bọn người ra khỏi, Dự trầm ngâm, nói:

– Tất họ phải nghĩ cách báo thù ta.

Lý cựu đáp:

– Không sợ, ở làng, hễ mềm thì họ nắn, mà rắn thì họ buông. Ban nãy, họ thấy mình đứng sát lại để bênh nhau, họ phải sợ.

Pha gật:

– Phải, nếu không họ đã trói nổi tôi rồi.

– Anh Pha hiền lành quá, không được, phải cứng cỏi lên. Anh nhu nhược thì chỉ bị bắt nạt mãi.

Pha cảm động:

– Bây giờ tôi đã hơi dạn rồi.

Dự tiếp:

– Anh phải học để biết đọc. Điều ấy cần nhất cho sự sống, nhất là của dân quê ta. Mình biết thì không ai bắt nạt nổi mình. Mình sẽ được yên để nâng cao đời sống của mình lên.

Pha yên lặng, nhìn Dự, thấy em vợ lanh lợi, nói năng hoạt bát thì rất thèm, nếu không có Dự dũng cảm, ắt ban nãy anh đã bị trói. Mà vào địa vị anh, anh quyết không dám quá bạo như Dự mà hăng hái đứng ra ngăn người tuần. Thế mà Dự thắng. Chắc Dự đã biết lẽ phải mà không sợ đấy thôi.

Bốn người bàn hôm sau làm đơn lại và đi lấy chữ ký nữa, Dự gật:

– Các ông ấy có thể cậy thế mà bỏ tù thân thể của từng thằng chúng ta được chứ không thể bỏ tù được sự công phẫn chúng nó ở cả trong lòng chúng ta.

Mọi người, sung sướng cho là phải rồi kéo nhau ai về nhà nấy.

Thức khuya và vốn mệt sẵn, nên Pha buồn ngủ quá. Anh bèn ngả lưng trên phản và được năm phút đã ngáy.

Nhưng đến đầu trống ba, bỗng có tiếng gọi cổng. Chị Pha gọi chồng dậy mở. Thì anh vừa nâng cổng lên, hai tên tuần đã ập túm lấy anh, trói gô và bảo:

– Ông Chánh hội cho đến bắt anh.

Thấy tiếng chồng kêu và giẫy giụa, chị Pha vội chạy ra, van lạy, nhưng chồng chị đã bị lôi tuột ra đình.

Chị quên cả bệnh, vừa theo chồng vừa đi vừa già mồm kêu, nhưng vì sức yếu, nên không nói to được.

Đến đình, Pha thấy cả bảy người ký tên trong đơn cũng lục tục phải bắt ra đó.

Thì ra ông Chánh hội chờ đến lúc đêm thật khuya, mới đi tỉa từng người một thì không sợ hợp sức chống cự lại. Mà việc làm êm tĩnh đến nỗi không mấy ai biết.

Khi tám người bị bắt đến cả trước mặt, ông Chánh mới nói:

– Tôi thương lão Lý cựu và phó Năng già...

Pha từ nãy vẫn chờ, mà chưa thấy có mặt Dự trong số người bị bắt nạt. Anh hiểu liền vì lẽ gì.

– Nên tôi không bắt - lời ông Chánh - Còn các anh muốn kiện chúng tôi thì sẽ biết tay chúng tôi. Các anh dựa tạm vào nhau mà ngủ đêm nay, rồi sáng mai ta cùng lên huyện.

Mọi người căm giận, nhất là ở sân đình, thân nhân các người bị trói đứng chờ, ai cũng khóc lóc hoặc tức uất. Nhiều bà nhu nhược vào tận nơi ông Chánh đứng mà kêu van khóc lóc xin tha. Nhưng vô ích. Ông Chánh rất quả quyết.

Bỗng chị Lữ đến gần Chánh hội, lạy van, nói:

– Nhà cháu trót dại, nghe các cụ ấy, cụ làm phúc tha cho để mai thầy cháu đi làm.

Nói đoạn, dúi vào tay ông ta một tờ giấy bạc.

Ông Chánh hội ngẫm nghĩ, bảo tuần cởi trói cho Lữ. Thấy kế ấy có kết quả, nên dần dần ai cũng bắt chước và kết cục chỉ còn một Pha phải ở lại. Ông Chánh gọi chị Pha:

– Thế nhà chị để yên chồng như vậy có phải không?

Chị Pha bối rối. Tiền chị không có thì làm thế nào. Sau cùng chị nghĩ ra được một cách hối lộ, chị mặc cả hồi lâu thì ông Chánh cũng thi nốt ân cho Pha và dặn:

– Vợ anh nó xin đến ngày mùa anh phải gặt cho tôi mười lăm buổi. Nhớ lấy đấy.

XXI

Việc kiện bọn mọt dân ấy thế là tắt. Từ hôm sau, ngoài ngã ba, quanh bàn đèn, bên mâm chén, chẳng chỗ nào người ta không nói đến, nhưng nói thầm với nhau. Ai cũng oán Lý trưởng và Chánh hội, và thương hại mấy người can đảm đã ký vào đơn. Người ta đoán sao những kẻ tiểu nhân cũng lập tâm trả thù nữa.

Pha được tha về, cánh tay sưng lên, không thể đi làm được. Anh đến nói với ông Nghị xin nghỉ, và vợ anh bị cảm lại, nên anh càng lo và càng buồn. Nhưng chẳng để anh phải nói xin phép, ông Nghị vừa thấy mặt anh đã thịnh nộ, quát mắng:

– Tao bảo mày không nghe thì thôi, về mà làm với ông Lý cựu, với ông phó Năng nhà mày, đây tao không thừa cơm.

Pha lạy van để minh oan, nói:

– Lạy quan, chả tin quan cứ cho gọi ngay ông Lý vào hỏi ba mặt một nhời xem con có ký vào đơn kiện không?

Thấy Pha cãi một cách thẳng thắn, ông Nghị dịu nét mặt và cho người đến hỏi Lý trưởng. Ngồi đầu hè, Pha nhớ lời Dự nói hôm qua rằng ông Nghị che chở cho Lý trưởng làm bậy, nên cấm đoán anh không được dự vào việc kiện tụng, anh thấy nhục nhã lạ. Anh làm với ông Nghị, đầu tắt mặt tối mỗi ngày mười bốn giờ đồng hồ, đến nỗi vợ ốm chẳng được nhìn, lại còn mất cả tự do nữa. Không theo ý chủ ép thì bị xỉ vả nhục nhã. "Không thừa cơm!" Bát cơm đỏ khô khan, tí muối vừng khét lẹt và quả cà nặng mùi, có bữa ăn chưa được no, lại có sức mạnh mua rẻ được anh như thế ư? Không! Hai cánh tay

nồi bắp của anh phải có giá trị hơn thế, phải kiếm được lợi hơn thế. Vả gì phải chăm nom ruộng người cho tốt, mà lúa má mình mấy hôm nay ra sao, anh không được biết đến. Anh bực mình. Anh có nên làm như thế này mãi không? Vụt anh nghĩ tạm thời hãy vay thóc ông Nghị để đến mùa trả. Như vậy, anh được tự do lúc nhà bấn người, và đỡ phải mỏi mệt trong khi mình còn đau trong như dần.

Anh quả quyết đứng dậy, đi vào nói với ông Nghị:

– Lạy quan, mấy hôm nay nhà con ốm, con đi làm cả ngày, không ai trông nom thuốc thang cho. Vả ruộng con, con phải thuê người nhổ cỏ mất mấy buổi cũng tốn kém. Con xin phép quan cho con ở nhà ít ngày, quan cho con nhờ vài đồng, đến mùa con xin nộp.

Bà Nghị nhiếc:

– Quân này đến bạc, vừa làm có mấy hôm đã nóng đít. Mày không làm nữa thì vay làm gì?

Ông Nghị lườm vợ và gạt đi:

– Tùy mày, tao không ép. Mày muốn vay bao nhiêu tao cũng cho. Nhưng tao không có tiền đây, có lấy thóc thì lấy.

Pha mừng rỡ, lẩm nhẩm tính, rồi đáp:

– Bẩm quan cho con năm thùng ạ.

– Được, nhưng tao giao hẹn, đến mùa, xưa nay tao vẫn thu bằng thóc đấy nhé.

Yên lặng một lát, ông Nghị tiếp:

– Chỗ đầy tớ, tao tính rẻ cho bảy hào một thùng. Ngoài thì phải bảy hào rưỡi. Thế nghĩa là cũng như mày vay tao ba đồng rưỡi.

Pha kinh ngạc:

– Lạy quan, quan tính thế thì cao quá.

Bà Nghị cau mặt đáp:

– Không thì thôi, ỏe họe mãi.

Ông Nghị vẫn rề rà nói:

– Xưa nay tao vẫn cho cả làng này vay thế, thì sao.

Yên lặng một lát, ông Nghị nói:

– À, đến mồng năm, trong này có kỵ cụ cố ông, vợ chồng mày đến làm giúp nhé.

Pha dạ, rồi bà Nghị gạt thóc cho anh gánh về.

XXII

Tuy Pha không đi làm mướn nữa, song ở nhà anh chẳng được nghỉ ngơi chút nào. Bệnh vợ anh không bớt. Cơm cháo chị không ăn, thành ra chị xanh xao, gầy gò và dài thêm. Đến đêm, chị lại nổi cơn ho, rũ ra mà ho. Con anh, vì đói sữa, khóc sa sả cả ngày. Nhà anh đã tối lại tối hơn, vì người ốm sợ gió, nên không những cửa giả phải đóng im ỉm, mà các khe đều có dán giấy nhật trình. Bởi vậy mùi hôi hám, hơi ẩm thấp, càng được lẩn quất ở trong, không có đường thoát ra ngoài. Họ hàng bà con từ hôm nghe tin chị ốm nặng, mới năng lui tới, người mách thứ thuốc nọ, kẻ mách thứ thuốc kia. Nhưng anh chỉ có thể cho vợ dùng những thứ thuốc không phải mua mất tiền, hoặc ở sân quanh cọc giậu, hoặc cùng lắm, giá độ dăm ba xu. Bà trùm Sủng thì đoán chắc hôm đi làm ngoài đồng, chị qua miếu bà cô, nên chạm vía. Thôi ai bảo sao anh nghe vậy, nên đã phải sửa trầu cau, khăn áo cung kính đi lễ tạ. Bà lại thành thực chịu tốn kém đi kêu cầu cho chị ở đền đức thánh Trần. Song bệnh người ốm vẫn không thuyên giảm. Cả ngày chị nóng như lò than, sù sụ đắp chiếu và rên hừ hừ. Quần áo và người ngợm lúc nào cũng đẫm mồ hôi, bẩn thỉu.

Pha rất bối rối. Cha anh ngày xưa, và anh Hòa anh bây giờ cũng đều góa vợ năm hăm bốn tuổi. Anh không tin sự linh thiêng của bà cô và đức thánh Trần, vì anh chắc rằng số anh như vậy. Và vớ vẩn, anh sực nghĩ đến cái chiêm bao tháng trước thấy ông nội anh về, ăn mặc rách rưới tiều tụy, anh mới đoán sở dĩ ít lâu nay anh bị nhiều tai nạn, chẳng qua là động mộ. Ngôi mộ ông anh, năm nào đi tảo, anh cũng đắp cẩn thận, mà vẫn bị lún đi gần hết. Thôi, không còn hồ nghi gì nữa, anh bèn nhờ ông lang Sáng tìm cho một chỗ đất khác để giấu giếm mà cất mả tức khắc.

Chạy xong mộ, anh hơi yên tâm, song đêm mồng bốn từ trống tư trở đi, anh thấy chị cứ thở dài, buồn chân, buồn tay, hỏi không nói. Anh lo sợ đã phải phát khóc.

Nhưng ác quá, ngày mồng năm đã tới, ngày mà ông Nghị bảo anh đến lễ giỗ cụ cố ông. Ruột rối như mớ bòng bong. Anh lại hỏi vợ:

– Bu nó thấy trong người thế nào cứ nói cho thật.

Song chị Pha vẫn không đáp và nằm yên như cái xác chết. Bỗng lúc tan canh có tiếng Phát gọi cổng:

– Anh Pha ơi, quan bảo anh đến mổ lợn.

Pha bèn mời Phát vào nhà, trỏ vợ và đáp.

– Anh làm ơn về bẩm với quan hộ rằng nhà tôi nguy lắm, xin quan cho gọi người khác.

Phát đi một lát, lại có tiếng anh Hai nheo nhéo ngoài ngõ:

– Anh Pha, bà đang gắt um lên kia kìa. Bà bảo anh là đồ bạc, chỉ biết có vợ con.

Chị Pha nghe thấy, giục:

– Thì thầy nó đến một tí vậy.

– Đã đến thì chiều mới được về. Mà bu mày thế này, tôi bụng dạ nào mà đi cho đành.

Chị Pha thở dài, hổn hển nói:

– Nhưng thầy nó không đi, không được đâu. Mấy thầy nó ở nhà tôi cũng không yên tâm. Rồi ông bà ấy ghét, lại đòi nợ thì chết cả.

Pha thở mạnh một cái, phàn nàn:

– Đến thì hầu hạ bỏ mẹ, mất cả việc nhà. Chẳng những chẳng được đồng công nào lại mất đồ lễ nữa.

Chị Pha nhăn nhó gắt:

– Nhưng mà ông ấy không kiếm chuyện về sau.

Hai người yên lặng, thì lại có tiếng gọi:

– Anh Pha ơi, có vào hay không. Quan đang chửi địa lên kia kìa.

Chị Pha giục:

– Thôi đi đi, khổ lắm. Vợ người ta ốm cũng không cho người ta trông nom.

Bất đắc dĩ, Pha đứng dậy, đi mua một chai rượu, một đĩnh vàng và một thẻ hương. Chỗ năm thùng thóc vay Nghị Lại, thế là anh tiêu cả cho anh.

Đến nhà ông Nghị, bà Nghị thấy anh mát mẻ khen:

– Mời ông vào xơi rượu! Ông khôn lắm, bây giờ ông mới thèm bước chân đến. Ông có hiếu với vợ ông lắm.

Nhưng thấy anh có đem đồ lễ, ông Nghị cau mặt, tặc lưỡi gắt:

– Sao mày cứ bày vẽ, thôi đưa đây tao nhận cho, rồi xuống nhà mà làm giúp.

Cổng lớn nhà ông Nghị hôm nay mở toang đón khách các nơi. Thật là một sự long trọng.

Dần dần xe pháo đỗ ở cửa. Mỗi khi có tiếng trống báo đánh tùng, thì ông Nghị vội vàng đặt tẩu xuống, chụp quàng cái khăn và vừa đi vừa cài khuyu áo thụng trắng, chạy ra đón khách.

Ông kính cẩn vái khách và chắp hai tay đi theo. Trông vẻ mặt cố làm ra vẻ buồn rười rượi của ông trong ngày ky, không ai còn nhớ tới thuở xưa ông đã chửi lại bố ông hai lần.

Đàn bà, đàn ông các nơi về rất đông. Các ông chánh, phó tổng, chánh phó lý, chánh phó hội hoặc đương thủ hoặc đã từ dịch, ai ai cũng mang đồ lễ hậu, khiến ông Nghị rất cảm động. Một vài ông phán tỉnh và các bà ở Hà Nội cũng chung nhau thuê ô tô đổ về. Nói tóm lại, ngày giỗ nhà quan đông làm sao, thì ngày giỗ nhà ông Nghị Lại cũng đông thế. Quan, người ta sợ cái uy của quyền thế. Nghị Lại, người ta sợ cái uy của đồng tiền. Vì, cũng như Pha, khách khứa toàn là người có dây dưa nợ nần với ông Nghị.

Song bọn có nợ cũng chia ra giai cấp như ở xã hội. Hạng sang trọng được ngồi chễm chệ trên nhà, chờ ăn cỗ, nghe ông Nghị cảm ơn. Hạng hèn hạ, phải ở dưới bếp, phục dịch mửa mật, mâm bưng xuống để ăn thừa và nghe bà Nghị chửi đổng.

Nhất là Pha, từ sáng đến giờ bị chửi nhiều nhất. Bà Nghị bảo anh khụng khượng, cho mời năm tin mười tin mới thèm đến, mà lúc đến còn hầu hạ không tận tâm, lại hay trốn việc, hễ vắng bà là tìm một xó để đứng.

Thực ra, lúc nào Pha cũng nghĩ đến vợ ốm sắp chết, nằm ở nhà một mình. Giá anh muốn lén về nhà một lát cũng không thể được, vì sau khi khách đã đông đủ, ông Nghị sai đóng bịt cổng lại, cấm ngặt không cho lũ ăn mày được vào. Đầy tớ thân ông đứng canh cổng. Nếu có ai trốn chắc hắn vào mách liền. Mà Pha lại sợ nữa, là lỡ mình có hé cổng ra, làn sóng người đói rách tràn vào, làm nhớp mắt những người đang chè chén phởn phơ, thì trách nhiệm ắt mình phải chịu.

Bởi vậy, anh như người mất trí, lúc nào cũng lờ phờ chẳng thiết làm việc gì, mong chóng được ăn mà về với vợ sắp hấp hối.

Đến mãi giữa trưa, khách nhà trên mới xong. Bà Nghị sai cất những đĩa nguyên đi, còn đĩa ăn dở thì trút vào với nhau cho đầy tớ. Bọn điền tốt đặt mâm xuống đất, ngồi xổm xung quanh, ăn uống. Cạnh đó, những con chó cũng ngồi vểnh mõm lên chờ xương.

Pha yên lặng và vội vàng vài bát. Ăn xong, anh ngậm tăm, uống quàng bát nước, rồi lên nhà trên, vẩn vơ đi tìm bà Nghị, định xin phép về. Nhưng ngạc nhiên quá, đám xóc đĩa đang vui thú, tự nhiên tan và người ta nhốn nháo đứng cả dậy, đi tìm.

Thì ra một bà trắng như tiên, cả từ bộ răng cho đến cái mặt, cái quần, kêu mất chiếc nhẫn kim cương, vì ban nãy bà tháo ở tay ra để rửa mặt, rồi quên không đeo vào.

Ông Nghị cáu lắm, xám mặt lại, ra hiên gọi lũ người nhà, bắt họ hãy bỏ bát đũa đấy, lập tức phải lên ông hỏi.

– Bà Phán mất một cái nhẫn kim cương. Có đứa nào bắt được, thì phải đem nộp ngay, kẻo mang tiếng tao.

Mọi người ngơ ngác nhìn nhau. Xưa nay, Pha biết có nhẫn vàng bạc, chưa hề được nghe nói nhẫn kim cương bao giờ. Không biết nó quý thế nào. Không thấy ai đáp, ông Nghị choang choang mắng:

– Chúng bay hầu hạ trong này, xưa nay tao vẫn tin cẩn, quanh năm đồ đạc không suy suyển cái gì, mà sao hôm nay lại thế?

Muốn tỏ ra mình thực thà để xin phép về trước. Pha thưa:

– Lạy quan, thực chúng con không biết. Từ sáng con ở nhà dưới.

Bà Nghị hơi nghi, mắng:

– Không thể thế được. Mà Pha! Sao ban nãy tao thấy mày đi vớ vẩn hết buồng nọ đến buồng kia? Trong lúc này, một mất mười ngờ, chi bằng hãy khám một lượt đã. Chứ kẻ cắp ở lẫn với người, không chịu được. Của bà Phán cũng như của tao, đứa nào trót dại thì đem ra nộp, kẻo không ra gì với tao đâu.

Từng ấy mắt đổ dồn vào Pha, như để cố nhìn cho thấu tâm can anh. Nhưng tâm can anh chỉ rối lên về vợ ốm, nên phải ở lại, anh tức lắm.

– Bẩm thế, xin bà lớn cứ khám.

Bà Nghị hần học nói:

– Đứa nào gian nên thú ngay, kẻo mang tiếng cả lũ. Mà khi tìm thấy, tao giải thằng ăn cắp lên huyện cho quan làm tội. Nếu không ra tao phải tra ngay ở nhà này cho được.

Ai cũng có vẻ tức bực. Một người nói to:

– Anh nào xấu thói, đừng để anh em phải đòn lây.

Ông Nghị bèn sai cô Ba ra canh cổng và bắt mọi người cởi áo. Một loạt thân người gầy gò, đen đủi, xếp hàng ở giữa sân, vú em, vú

già và vợ các điền tốt, đều phải bỏ sự ngượng nghịu của đàn bà để chịu cái nhục hình cởi trần ra trước mặt mọi người. Họ oán thán vụng thầm. Ông Nghị đầu đội nón dứa, tay cầm roi song, đứng cạnh từng người nắn túi, nắn cả cạp quần nữa. Đến lượt Pha, ông khám thật kỹ. Rồi khi xét kỹ vẫn không có kết quả, ông ngẩn ngừ, lắc đầu, lại gọi Pha, khám riêng lại lượt nữa. Song vẫn vô hiệu. Mặt đỏ lên, ông hầm hầm giơ roi dọa dẫm:

– Chúng bay thế này thì tệ thật. Nhưng cái kim trong bọc rồi một ngày cũng ra, thì cái nhẫn này chúng bay không nuốt trôi đâu. Có khôn hồn đem ra đây để về mà ở với vợ con, tao hẹn cho năm phút nữa, giấu chỗ nào thì đi mà lấy về. Những thằng ngay thực, phải tìm cho ra. Nếu không tao đã có cách xử?

– Chua cả mồm.

Một người phàn nàn thế. Rồi bọn người tình nghi là gian được tản đi mỗi kẻ một nơi. Họ cố đi sục sạo cái nhẫn kim cương bị giấu chỗ nào. Pha chán ngán. Anh đã phải ở lại mất bao thì giờ. Mà rồi cũng không biết lúc nào mới được về đây. Ruột anh nóng như nung.

Bỗng trong buồng nhà trên có tiếng giằng co và tiếng reo của Pha:

– Đưa tôi xem! Đây rồi.

Ai nấy rất mừng. Pha đã tóm được đứa ăn cắp để minh oan cho anh em khố rách áo ôm. Người ta dồn dập chạy lên, thì, ô hay, không có lẽ đứa ăn cắp lại là... con trai ông Nghị.

Cậu bé mười tuổi ấy, bị Pha móc chiếc nhẫn trong tay thì tức nên đỏ mặt tía tai, cậu cứ mũi giày tây đạp mãi vào ngực và móng tay sắc cào nát mặt kẻ thù. Pha gỡ mãi mới được.

XXIII

Hôm sau, chị Pha cất cơn, nhưng anh bị ông Nghị gọi đến, đánh cho một trận thực đau và đuổi đi, không cho làm nữa. Ông rất giận:

– Giá mày tử tế hẳn hoi như người ta, thì hôm qua mày nhận là mày lấy, có phải người ngoài người ta đỡ cười thằng chủ mày không?

Ông hẹn cấm cửa anh, và bắt anh phải trả ngay năm thùng thóc vay trước. Anh khóc mếu lạy van, song không ăn thua. Sau cùng phải bắt vợ ốm xanh ốm gầy bế con đến ông Nghị, cả nhà thụp xuống đất

lễ sống ông, ông mới tha. Ông Nghị cho chịu chẳng phải vì đã rủ lòng thương cái gia đình nheo nhóc, cảnh nghèo bệnh nặng, nhưng là ông trông rõ ràng vợ chồng Pha chỉ còn có bộ xương, giá có đèo mà bán, cũng không đủ tiền thóc.

Thực vậy, cuộc sinh nhai của Pha rất đỗi gay go, nhất là mấy hôm sau này trời mưa luôn không ngớt. Dự và Tân hết lòng với anh, nhưng hai người này cũng không được dư dật cho lắm, nên sự cứu giúp có chừng mà thôi.

Rồi may quá, anh tìm được việc làm cho một người làng Đông Xá, vì người ấy hứa có thể trả công ngay bằng gạo. Như vậy cơm ngày hai bữa anh không phải lo mà vợ anh cũng không phải nhịn đói.

Nhưng sự dễ chịu ấy cũng chỉ được có năm ngày. Ngày thứ sáu, có lính huyện đem trát quan về làng bắt hai chục phu đi hộ đê mà Pha là người đầu tiên bị Lý trưởng đến tróc.

Pha phải đến nhà Dự, nhờ em vợ nuôi vợ con, rồi mượn cái cuốc và cơm nắm muối vừng cùng bọn phu người làng lên mặt đê An Bắc.

Khúc đê này rất xung yếu. Vì trời mưa dữ quá, nước các ngả đổ về. Nếu nó vỡ, thì đồng điền làng mạc cả ba phủ huyện phải ngập hết. Vì vậy các ông quan địa phương gần đó và nhân viên sở lục lộ phải hết sức cứu chữa, và lâm thời đắp một cái quai ở trong để phòng nếu khúc đê ấy chẳng may bị thần nước phá tan tành.

Trời nắng chang chang. Độ quá trưa thì Pha tới nơi. Trên mặt đê, phu phen đã đông nghìn nghịt làm việc tấp nập. Trống ngũ liên thúc rộn. Mặt sông nước đỏ ngòm, cao mấp mé con chạch, chảy mạnh, xoáy hoắm, đùn lên những đám bọt trắng xóa.

Lý trưởng An Đạo dẫn phu đến điểm trình quan, quan bảo cho nghỉ một lát rồi đưa phu đến ông thừa, điểm lại và cắt việc. Ông thừa, Pha còn nhớ mặt, bây giờ gầy đi, đen đi, râu mọc tua tủa, nói tiếng khàn khàn, trỏ tay vào bờ đường bảo:

– Cho chúng nó chờ cả đấy.

Pha ngồi xổm đợi. Anh thấy một người đang nhăn nhó nhìn đống tre trước mặt, nằn nì:

– Cụ trông lại cho, làng cháu đủ một trăm tre, cây nào cũng chọn rất kỹ.

Ông thừa lắc đầu:

– Chỉ được sáu mươi nhăm cây, còn ba mươi nhăm cây không hợp lệ, bác mang về, mai nộp đủ thì tôi xóa sổ đi cho.

Người ấy cãi:

– Ba mươi nhăm cây thế này, sao cụ lại bảo không hợp lệ?

Ông thừa gắt:

– Quan bảo chứ cụ nào bảo. Này, có tử tế, tôi giúp cho cách này.

– Vâng, thế nào cụ dạy cho.

– Đây, tôi có tre tốt, bốn hào một cây, bỏ tiền ra tôi bán cho.

– Thưa cụ thế thì cao quá, cụ tính bớt đi.

– Ồ, tôi không mặc cả lôi thôi, tôi muốn cho các bác chạy việc khỏi phải đòn phải đánh, nên tôi làm ơn, chứ tôi ăn lời ăn lãi gì mà cao với hạ. Tiền ngay mới có tre, chứ tôi không cho chịu được.

Người này nghĩ ngợi một lát rồi đáp:

– Vâng, cụ làm ơn để lại, thế nào sớm tối hôm nay, tôi cũng xin nộp tiền.

– Thế tôi biên nhận cho anh một trăm tre nhé.

Ông thừa viết xong, đưa giấy rồi hỏi:

– Thế anh đem ba mươi nhăm cây tre kia về? Phải vạ, vừa nhọc xác, vừa để làm gì? Có để lại rẻ, tôi mua cho.

– Cụ giả cháu bao nhiêu?

– Hào một cây thì mua, trừ vào số nợ ban nãy.

Người này suy tính một lát rồi bằng lòng. Pha và những phu người làng yên lặng xem việc mua bán. Lý trưởng mỉa mai, nói khẽ với người tuần:

– Nghĩa là ba mươi nhăm cây tre này lại thành ra hợp lệ để chốc bán cho người khác. Ngon quá!

– Nhận sáu nhăm cây mà biên là trăm. Cứ một vụ đi đê ông ấy làm giàu được.

Ông thừa coi cho người mang ba nhăm cây tre của ông ra xếp một nơi, rồi điểm phu. Ông thu thẻ từng người, rồi cắt việc.

Pha và mọi người đứng thành một dãy dài, từ ruộng ra chân đê đến qua ngang mặt đê, chỗ con chạch. Một người cầm mai đào ba góc đất, rồi một người cúi xuống bê tảng đất lên, chuyền tay nhau cho đến người cuối cùng thì be cho con chạch thêm vững.

Mặt trời như thiêu vào lưng. Phu phen chỉ đóng chiếc khố, mồ hôi nhễ nhại. Nước ào ào cuộn. Trống thùng thùng đánh liên hồi. Các

người coi đê quần lấm như trát đất, đi lại tấp nập hò hét. Sức nước xem thế rất mãnh liệt, nhưng sức người cũng găng. Cả một dãy dài hàng hai cây số, hoạt động không ngừng, nhưng bên kia, bên cánh đồng, chạy rộng như một bức thảm nhung xanh, gió hiu hiu, lúa má vẫn bình tĩnh lơi lả, có vẻ êm đềm như các ông điền chủ đợi ngày thu thóc.

Đến chiều, trời oi bức, như báo trước một tai nạn chẳng vừa. Quả nhiên, lúc mọi người đương nghỉ tay, ngồi ở vệ đê bốc cơm ăn, thì một cơn giông nổi lên. Sóng to vỗ mạnh vào con chạch kêu óc ách. Mây đen kéo mù mịt. Nhưng một lệnh truyền ra, những ngọn roi mây quất lia lịa, bắt họ phải đứng đó để chờ. Bỗng tin dữ dội ở đâu đưa đến, người báo vỡ đê Đồng Sớm, người đồn sạt khúc đê Phượng Hoàng. Ai nấy nghĩ đến ruộng nương đều lo lắng sợ hãi.

Quan bắt dân phải hết sức nhanh chóng, be con chạch cho cao, cho rộng thêm lên. Nước mưa ở trên trút xuống như dội. Trời tối dần. Những ngọn đèn pha thỉnh thoảng lóe sáng để đếm từng hàng xem có thiếu người nào không. Mãi nửa đêm ngớt mưa, bọn phu mới được nghỉ.

Nhưng sáng hôm sau, mực nước lên gần mấp mé mặt con chạch đã đắp cao. Nhiều nơi nước rỉ sang đồng. Mà trời vẫn u ám. Mưa lại trút một trận nữa. Rồi mưa mãi. Mưa cho vừa ba ngày.

Người ta không còn hy vọng giữa vững đê An Bắc nữa. Các nhà chức trách ngày đêm hò hét, thôi thúc dân phu. Nhưng thế nước mỗi ngày một lớn.

Những nhà ở gần đê đã sắp sửa sự tránh lụt. Người ta lo lắng đêm ngày, cho đi hỏi tin, nhưng không ai dám chắc khúc đê có thể vững được. Người ta đem trâu bò lợn gà bán rẻ đi. Nhà giàu có thóc thì bắc sàn cao để giữ cho khỏi làm mọc mầm hoặc ủng thối. Nhà nghèo thì than khóc mấy sào lúa sắp chết đuối, tiếc công của mấy tháng và nghĩ đến cách sinh nhai trong những buổi đói kém khó khăn.

Nhưng cả một vùng này tuy chưa lụt về vỡ đê, song đã lụt về úng thủy. Trời mưa nhiều, nước tiêu đi không kịp. Nhất là làng An Đạo, vì ở vào chỗ thấp như lòng chảo, nên trừ dinh cơ Nghị Lại làm trên chỗ cao, còn nhà nào cũng ngập, nhà đến sân, nhà mấp mé mặt hè.

Nước ấy cố nhiên không sạch gì. Nó trộn với các thứ rác rưởi, bè ngổ, bè dừa, phân gio, chuột chết nổi lều phều. Người ta rửa ráy, tắm táp, đại tiểu tiện ngay ở đầu hè, rồi cũng chỉ khỏa một cái, vục lấy vài gầu dùng vào việc ăn uống.

XXIV

Nước xuống.

Sau bảy ngày đêm vất vả nhọc nhằn, Pha và phu làng được về để bọn khác thay. Họ vui vẻ như những quân lính thắng trận. Pha nói:

– Quyết năm nay khỏi lụt.

Một người đáp:

– Phải chứ, lụt nữa thì chết. Nghĩ đến nguồn cơn mấy nghìn người dầm mưa dãi nắng, mà đê vỡ thì thật chán.

Pha kiêu căng, tự nhiên thấy một chút sung sướng trong tâm hồn. Nhìn đồng điền xanh tốt, lả lướt hai bên đường về làng, anh thấy như lúa má cũng có tri giác đương vui vẻ đón chào bọn người đã cứu sống nó.

Anh đăm đăm nhìn cánh ruộng bát ngát. Nhưng sực nghĩ đến ba phần tư lúa má ở nơi mênh mông này mà bọn dân đen vừa cứu vớt được là của Nghị Lại. Thì ra chính bọn anh đã cứu sống ông Nghị, trong khi ông này khểnh khơi nằm hút thuốc phiện, nghĩ kế bóp hầu bóp cổ bọn anh. Rồi nhớ lại nỗi khổ cực trên đê, anh phải rùng mình. Ngoài những roi vọt chửi mắng mà anh nhận được là sự thường, anh đã một buổi phải đói meo bụng mà vẫn cứ phải hết sức làm việc. Nguyên là phu phen phải đem gạo nhà đi ăn, mà anh chỉ mang có ít cơm nắm với muối vừng đủ cho một bữa. Nên sáng hôm sau phải nhịn. Song, đến chiều, nhiều người thương, gom góp những cơm ăn còn lại để cho anh vay. Lúc về, quan phát cho công bảy hôm là hai hào mốt, anh đã phải dùng để trang trải công nợ vừa hết.

Về đến nhà, Pha thấy nước tuy đã xuống, nhưng còn láng ở sân. Anh mở cửa ra, một mùi hôi hám xông lên, mà mặt đất ướt át. Chân vách bị ngâm nước, ải ra, sụt xiêu hẳn đi. Anh phải mất nửa ngày quét tước và giọi lại cái mái bị tốc nhiều chỗ.

Tay trắng, Pha không thể trông cậy vào đâu được. Không ai mượn anh làm nữa. Vợ anh đi vay gạo mấy hôm đầu người ta còn cho, nhưng rồi ai cũng lắc đầu. Bởi tiếng đồn đê chỗ nọ vỡ, đê chỗ kia vỡ, nên người ta phải trữ gạo để ăn, hoặc đợi bán giá cao. Trong mấy hôm, giá thóc vọt lên gấp rưỡi.

Vợ chồng Pha nhịn đói không được, đành phải ra sau nhà, bẻ buồng chuối xanh, bán rẻ để mua gạo nấu cháo.

Nhưng cũng chỉ được một bữa. Bữa sau, anh phải bán cái phản đi, lấy hai hào. Rồi áo quần, bát đĩa, cứ dần dần theo nhau đi ra ngoài để chuộc về cho chủ một ít gạo. Nhưng rồi quanh mình anh không có gì bán được cả. Một lần anh đưa mắt nhìn đến thằng bé con và suy nghĩ. Nhưng nó gầy gò, bẩn thỉu quá, có đem bán cũng chưa chắc có người mua. Giá nó lên năm, lên bảy, có sức hầu hạ, thì người ta còn sai vặt được. Đằng này, con anh mới được ngót hai tháng, lại xanh xao vàng vọt, lúc nào cũng như cái mồi sẵn sàng cho thần chết, thì người phúc đức đến đâu cũng không dám nuôi.

Vợ chồng Pha nghĩ cảnh cơ cực nhiều phen khóc với nhau. Anh em thân thiết như Dự và Tân, cũng đi vắng đến nửa tháng nay, vả nhờ mãi cũng rát mặt. Anh nghĩ đến ông bát Hướng, là chú họ làm ăn khá giả ở trên tỉnh có thể vay được cái vốn con con, nhưng lấy gì để ở nhà cho vợ ăn mà đi được.

Anh nhịn đói, sôi cả bụng. Chợt nhìn cây chuối cụt đầu anh bèn sang hàng xóm nhờ cái thuổng, đào củ lên mà ăn sống. Củ chuối to ấy làm cho vợ chồng no lòng được hai bữa.

Cái cảnh đói khó này không cứ chỉ có trong gia đình Pha. Cả một hạt này, vì năm ngoái đã bị lụt, nên năm nay nhà nào cũng đói. Lại còn nỗi mấy hôm nước ngập dân ăn bậy bạ, bẩn thỉu, cho nên thần dịch tả được dịp tốt, ra oai ngay.

Đầu tiên, vợ thằng Mới tự nhiên nổi cơn đau bụng, được một đêm thì chết.

Lý trưởng trình quan, quan xin nhà thương phái người về tiêm.

Y tá ở tỉnh về đình, bảo Lý trưởng cho rao mõ, bắt nhà nào cũng phải đi tiêm trừ tả.

Nghe tiếng mõ rao, Pha mừng lắm. Anh bảo vợ:

– Thuốc này rất thần hiệu, nên bảo nhau ra tiêm cho đông.

Vợ chồng Pha ra đình. Người ta đứng chờ đông nghìn nghịt, chị Pha nhìn vào trong xem người y tá làm việc, thấy chọc cái kim vào thịt mà chị ghê cả người. Chị chắc rằng đau lắm, chị tưởng tượng đến cái mũi nhọn ấy nó đâm vào cánh tay chị, chị thấy thít lên, rùng cả mình. Rồi sợ đau, chị lẩn vào trong đám đông, chuồn về.

Pha cố len vào, để nhờ tiêm. Anh quay lại không thấy vợ đâu cả. Khi tiêm xong, anh cố kiễng chân lên tìm vợ trong đám đông, cũng không thấy. Anh đứng chờ đến lúc vãn người mới về. Song vợ anh chưa có ở nhà.

Đến tận chiều sẩm, khi hỏi thăm biết người y tá đã nhận tiền hành lý của làng mà về tỉnh rồi, chị Pha mới dám ló mặt ra đường và thú thực với chồng rằng vì sợ đau, không dám tiêm. Pha cáu quá, mắng:

– Thế ra bu nó sợ đau chốc lát chứ không sợ cái chết.

Chị Pha cãi:

– Chết thế nào, chết đã có số. Số ai bị các quan bắt đi thì có tiêm cũng không tránh được. Mà số không chết thì chả tiêm cũng chả việc gì.

Sáng hôm sau, một tin ghê gớm đồn đi, là thằng Mới vừa chết về bệnh tả. Chị Pha lo đến thân, tối nào cũng ra miếu bà cô lễ cầu bình yên.

Chị đã gầy lại thêm gầy. Bởi vì mỗi ngày chỉ ăn một bữa cháo loãng, nấu bằng cơm cháy mà bà trưởng Bạt cho.

Cực chẳng đã, Pha phải bàn với vợ bán nhà để lấy tiền ăn. Mà lại bán ngay cho Trương Thi bên hàng xóm lấy sáu đồng. trương Thi hãy đưa cho chị ba đồng, hẹn đến cuối tháng mới trả nốt. Vì vậy vợ chồng vẫn còn có quyền là chủ nhân cái nhà và luôn thể chủ nhân cả những cái bẩn thỉu ghê tởm chứa chất trong nữa.

Pha được mát mặt, trang trải nợ nần lặt vặt, còn thừa đong gạo, mua khoai, mua ngô. Nhưng vợ chồng phải dành dụm để kéo cho dài ngày được sống đỡ lo lắng. Bởi vậy, chỉ dám ăn ngũ cốc có bữa sáng, còn bữa chiều thì đi đào củ chuối, hái lá râm bụt, hoặc những lá mà người làng bảo rằng ăn được, mọc bừa bãi ở cọc giậu.

Những tin dữ dội về quan ôn bắt lính ở làng An Đạo hoặc những làng cạnh, không mấy ngày không có làm cho mọi người kinh khủng. Mà toàn là những người không tiền. Chị Pha lo quá, hối hận mãi rằng trốn tiêm là dại.

Nhưng một hôm, chị không phải lo nữa, vì nguyên chị yếu, lại ăn bậy, ở bẩn mà không tiêm phòng, nên thần dịch tả đem chị đi, sau một trận thượng thổ hạ tả có vài giờ đồng hồ.

XXV

Đám ma chị Pha, như cuộc khủng bố của thần chết. Nó vẻn vẹn chỉ có ba người, thì một người đã cứng đờ, mặt mũi thâm sì, nằm trong cái áo quan gỗ mỏng, bu lu dưới đòn càn mà hai đầu có hai người sống giúp, là Pha và Dự. Ngoài ra, không ai dám mó tay làm giúp một người chết dịch. Thấy đám ma người ta vội vàng chạy cho xa.

Chôn vợ xong, Pha về nhà soạn những quần áo của chị. Anh không thể quên được nét mặt vợ đến chết còn như nhăn nhó vì đau đớn. Anh nhớ mãi lúc chị tắt thở thì chân tay co rúm như con vật bị thui. Thấy giường nằm của vợ mọi khi, bây giờ vắng tanh, anh ôm con vào lòng nức lên khóc. Nghĩ đến cảnh gà sống nuôi con, anh đau đớn lắm. Anh thương vợ đã chịu đói khát mấy hôm cuối cùng. Nhưng, chợt nghĩ đến sự nhẹ nợ của người chết, anh lại buồn cho thân thế anh. Cảnh anh đã túng lại thêm bấn. Giá không có đứa con, mà anh có bổn phận phải nuôi, anh có thể liều hành động phi pháp để theo mệnh lệnh của thần đói. Anh có thể ăn cướp, ăn trộm, dù có bị tù tội chăng nữa, anh cũng không còn phải để liên lụy cho ai. Mà vào tù, dù có mất tự do, nhưng anh không lo cơm ăn, áo mặc. Bây giờ cơm không có, áo không có, anh cần tự do để làm gì.

Bây giờ nhà đã bán, vợ đã chết, anh còn hy vọng gì ai đỡ đần để làm ăn mong có tiền, một ngày kia trả được nợ ông Nghị để lấy văn tự đợ ruộng về. Âu là anh bán phắt cho ông ấy ba sào từ bây giờ là khôn. Nghĩa là trừ gốc, trừ lãi, trừ năm thùng thóc, ông ấy có bắt chẹt, anh còn có thể lấy lại chút ít ăn cho qua ngày.

Cả đêm anh không ngủ được. Anh thấy cái đời người dân cày hết sức cực nhục. Người dân cày sống để làm việc vất vả, mà làm việc vất vả không để hưởng sự sung sướng. Từ thuở bé, anh chưa dám ăn bữa nào ngon, mặc áo nào đẹp, ở thì nhà cửa chật hẹp ụp xụp, tối tăm, chính những cái ấy nó đã giết vợ anh. Anh muốn theo gót các anh, anh bỏ làng để tìm một nhà nào, một xưởng nào để làm đầy tớ, hoặc cu li cũng được.

Sáng sớm hôm sau, thấy trời hửng sáng, Pha đem chiếu và áo của vợ ra ao, cái ao duy nhất của làng để giặt.

Trong khi anh ngồi đập chiếu xuống mặt nước, thì bác cu Tý gánh nước ăn ở mé bên kia, hỏi thăm tin buồn của anh và an ủi anh

rằng số giời. Nhưng ông trùm Sinh cho trâu xuống tắm cứ mắng mãi anh rằng đem chiếu người chết dịch giặt ở ao của đình làng như thế thì động. Anh sợ người làng kêu nên vò quàng cái áo rồi về.

Thần dịch tả hoành hành làng An Đạo càng ngày càng dữ. Người ta đổ tội cho Pha, không phải vì đã rắc vi trùng dịch tả vào nước ăn của làng, nhưng tội đã hỗn xấc với thần để ngài giận.

Rồi đến hôm cuối tháng, khi cụ nhất biết đích rằng Pha vừa có ba đồng bạc bán nhà và hiện ở nhờ nhà em vợ thì cụ chiêm bao ngay thấy thần làng về báo mộng, quở mãi cụ.

Cụ bèn cho mõ rao họp, bắt Pha ra xử tội.

Dự tức lắm, xui Pha giở bướng. Bởi vậy, khi Pha thấy các cụ bắt anh phải nộp một con lợn tạ thần, anh gân guốc nói:

– Tôi nhất định không nghe, các cụ đuổi tôi đi đâu thì đi.

Nhưng ở làng lép vế, bao giờ cũng bị thiệt. Ông Lý đã quát tuần:

– Gô cổ nó lại cột đình kia. Ông Chánh hội đi vào trình quan nghĩ xem quan xử thế nào nào.

Chánh hội đi một lát, Nghị Lại ra, khuyên giải Pha:

– Mày xử như thế thì không đời nào khá được con ạ. Trên các cụ đã dạy thế, mà mày cứ bướng! Có thiếu tao cho vay. Tháng trước tao giận mày, là giận chốc lát đấy thôi. Lệ làng là quan trọng.

Rồi ông nói với các cụ:

– Trình các cụ, nếu các cụ sửa lễ tốn kém bao nhiêu đã có tôi cho nó vay, miễn là các cụ cứ cầu khấn cho làng được yên ổn.

Pha tức đầy ruột:

– Các cụ định ăn thịt tôi, cứ việc mổ tôi ra. Tôi không vay ai cả.

– Nói càn này!

Dứt lời, bốp một cái, ông Lý hầm hầm tát anh. Và người ta cứ thi hành lời quyết định của quan Nghị, mặc dầu anh giẫy giụa kêu gào cạnh cái cột.

Gần ba chục cụ đánh hơi thấy mùi thịt lợn ở đình, lục tục kéo nhau ra lễ thần. Cụ nhất móm mém mặc áo thụng rách bướp, trịnh trọng mở cửa hậu cung, đứng tận cạnh ngai để mật khấn. Đoạn, mọi người lần lượt thì thụp, rồi ngả thịt ra mâm đánh chén.

Chiếu trên cùng, cụ nhất, ông Lý trưởng, hai ông Chánh Phó hội, rồi dần dần ông Lý cựu, ông Chánh hội cựu, ông thủ quỹ, thơ ký, cụ trùm Vận, ông xã Bộ, vân vân... cả thảy tám mâm.

Các cụ vừa chén vừa nói lào rào. Chai nọ cạn đã có chai kia thế vào, mặt cụ nào cụ ấy đỏ như gấc.

Chợt ông Lý lè nhè nói rất to, làm mọi người yên lặng:

– Cứ bảo nó kiện nổi tôi, thì ừ đấy, lạm bổ đấy, nó làm gì tôi tốt.

Lý cựu phật ý tức hơi, nói:

– Này, tôi bảo cho ông biết, tôi tha cho ông ngày nào, ông được ngày ấy, chứ đừng làm bộ.

Xã Bộ bâng khuâng thấy người ta nói đến tên mình, hỏi:

– Bộ bộ gì, ai gọi Bộ đấy. Bộ không biết, Bộ chỉ biết chén thôi, còn đứa nào kiện nhau, thây cha chúng nó.

Lý cựu loạng choạng đứng dậy:

– À ông xã, ông gọi ai là chúng nó đấy?

– Thế sao chúng nó đọc tên ông, ông tức thì ông nói chơi đấy, đừng cà khịa.

Chánh hội nói:

– Chơi ở đâu, chứ chơi ở đây người ta gông cổ lại.

Trùm Vận tưởng người ta nói móc mình, và ngày xưa ông đã bị gông ở đình làng:

– Gông ấy à. Đứa nào gông thì chửi bố nó lên.

Lý cựu thấy có người về bè với mình, đắc chí cười xòa, nói:

– Thì chửi, thì không chửi, thì chửi, bảo sao!

Xoảng, cái bát từ mâm trên liệng xuống.

– Ôi giời ôi, nó đánh chết tôi!

Tuy cái bát không trúng mặt ai, ông Lý cựu đập đầu ngay xuống sàn đình ăn vạ, và mọi người nhổm cả dậy can... Họ loạng choạng giẫm cả lên bát đĩa. Tiếng kêu cứu dậy lên.

Cảnh huyên náo diễn mãi tới lúc ông Nghị đến can, và Pha phải trói cho đến lúc có người bảo rằng con anh đang hiện mắc bệnh tả nặng.

XXVI

Trong nửa tháng trời, làng An Đạo bị mất bốn mươi người toàn những người hoặc đi làm đồng, không biết mà tiêm hoặc trốn tiêm, và phần nhiều là nhà nghèo, bữa đói bữa no, ăn uống bậy bạ, tham lam. Sau bữa chén ngoài đình, ba cụ cũng về chầu tổ.

Làng lại họp lần nữa để lập đàn lễ tiễn quan ôn. Mỗi khi có việc cúng bái, tất phải có chén, và mỗi bận có chén y như có người chết thêm. Các bà đổ là vì dân không thành tâm.

Ngoài đường, ngay ban ngày cũng vậy, người đi lại rất vắng vẻ. Chập tối, không ai dám ra khỏi nhà, vì sợ gặp quan ôn bắt lính. Người các nơi cũng phải tránh đường làng. Thà người ta chịu vòng xa còn hơn qua một nơi gặp người nào cũng khăn trắng. Ngoài đồng, thửa ruộng gần làng thì chi chít những mả mới trên rắc vôi bột trắng xóa. Thực là một cảnh thảm đạm. Đêm khuya, nghe tiếng lá cau kêu phần phật, tre cọ cót két, người ta phải rùng mình tưởng như tiếng các oan hồn hiện về vậy.

Pha nhiều lúc cầu trời cho anh được theo vợ về âm phủ để nhẹ nợ. Anh có chết, người làng phải chôn anh, chẳng lẽ người ta để thối ra được. Thì người ta có lôi xác anh xềnh xệch ra đồng, vứt vào một cái hố, anh sẽ hết hoạn nạn, hết đau khổ. Bây giờ anh có khác gì chết đâu để đợi một ngày kia khi đã trải hết tất cả đau khổ của người đời không còn có thể mòn mỏi hơn được nữa, anh mới chết thật.

Vợ con anh chết cả, anh ở đời vò võ một mình. Ngày thui thủi đi làm công không để đủ mình ăn, đến tối anh lại thẫn thờ về nhà Dự, để nghe em đọc báo hoặc nói chuyện trong các sách vở.

Cảnh ngộ có thể thay đổi được người. Mà Pha bị ức chế nhiều, lại được sự giảng giải luôn, nên anh mất cả tính hiền lành, và sinh ra liều lĩnh.

Lắm lúc nghe chuyện được khuây khỏa. Pha mong đời anh cứ được bình tĩnh như thế mãi.

Anh nhất định không đi lại gì với Nghị Lại nữa. Có túng, anh bóp bụng chịu đói. Không ai mướn anh công việc thì anh trông nom ruộng của anh. Mấy thửa ruộng xanh rờn, lúc nào cũng nô giỡn với gió. Đòng đòng non đã đâm cao, làm anh mừng sẽ tránh được vụ đói. Nhìn khúc đê vững vàng ở đằng xa, anh nhớ ngày nào đã phải vất vả

bỏ công việc làm ăn, dồn sức dưới mưa bão để chống với nạn nước, lúc bấy giờ mười phần thắng chín. Nhưng người ta có thèm nhớ đến công những ai. Người ta thấy lúa chín vàng, chỉ biết sắp thuê người liềm hái ra cắt về để được đầy cót đầy vựa.

Suy nghĩ, anh thấy đời bất công lạ! Nghị Lại quanh năm không rời cái bàn đèn thì mỗi ngày thêm giàu có vì ruộng. Mà những người không ngày nào không làm việc cho ruộng như anh chẳng hạn thì lại không được hột lúa mà ăn.

Một hôm về tháng chín, Hòa về làng, Pha mừng rỡ chảy nước mắt.

Hai anh em ruột kể lể gia cảnh cho nhau nghe, rồi cùng sụt sịt khóc. Hòa nói:

– Cái hôm nghe bác đám Đảng nói chuyện thím ấy mất rồi chú lại bỏ luôn thằng cháu, tôi nóng ruột quá, muốn xin phép về thăm chú ngay. Đến nay chú nói, tôi mới biết mấy tháng nay chú lại bị hết vạ nọ đến vạ kia.

Pha thở dài, nhìn anh. Hòa bây giờ nhanh nhảu hơn trước khác hẳn Pha. Anh mặc cái áo tây xanh và đội mũ. Thấy anh ăn nói hoạt bát, bạo dạn và dùng nhiều tiếng chữ khó hiểu, Pha vui vẻ khen:

– Từ ngày anh bỏ làng ra đi, tôi tưởng anh không về nữa, mà có về cũng tiều tụy. Không ngờ anh hơn trước nhiều.

Hòa gật:

– Phải, tại tôi đi làm ở nơi xa lạ, nên tự nhiên phải thay đổi mà tôi cũng không nhận thấy. Chắc nó là cái kết quả của những sự giao thiệp hàng ngày. Vả lại, tôi được học, nên thỉnh thoảng đọc báo, sách và bàn bạc với anh em. Mà sống vào nơi xô xát, mình hiền lành sao được.

Pha thở dài:

– Ở nhà quê, ngoài chuyện ăn uống và áp chế, tôi chẳng được biết cái gì.

Hòa cười:

– Đúng đấy, nghĩa là người sắc sảo đến đâu cũng phải cùn đi, vì quanh năm chỉ quen những chuyện xôi thịt, nạn điền chủ, tổng lý, quan lại. Chú hiền lành, nhu nhược quá, không thể mãi thế được. Chú phải tìm cách để biết, để khôn, chú đã biết đã khôn, tự khắc không ai bắt nạt nổi. Chú xem như anh Dự thì rõ.

Pha trầm ngâm:

– Hay tôi đi với bác, bác kiếm việc làm cho tôi.

Hòa cau mặt nghĩ:

– Cái đời dân thợ như tôi cũng không sướng gì hơn dân cày đâu. Nó cũng gặp nhiều cảnh áp bức lắm. Nhưng được, tôi cố tìm việc cho chú.

Pha hớn hở:

– Nhưng quyết tôi cũng được như bác, không rù rờ, ngớ ngẩn, và cố nhiên không bị đày đọa hàng ngày như ở nhà quê.

– Cái đó là do ở như mình cả. Mình hiểu quyền mình, thì phải giữ, không nên cho ai xâm phạm tới.

Rồi ngẫm nghĩ một lát, Hòa lắc đầu.

– Dân cày chỉ chết về cái rời rạc nhau quá, cho nên bị áp chế tàn nhẫn. Chính ra hai cánh tay mình quý lắm. Nó làm giàu cho người làm mình nghèo. Vậy phải họp tất cả những cánh tay ấy lại cho mạnh, thì ai chả phải sợ.

Pha thở dài:

– Bác nói đúng. Tôi suy việc hôm làng kiện Chánh hội và Lý trưởng, bị họ bất tỉa từng người thì biết.

– Các chế độ thối mục ở hương thôn cần phải sửa đổi nhiều lắm. Nếu không nâng cao mức sống cho dân quê, ắt dân quê phải coi sự sống là giời bắt tội.

Anh em đương nói chuyện vui, bỗng Phát vào bảo Pha:

– Anh vào quan gọi gì ấy?

– Việc gì, anh có biết không?

– Không thấy quan nói.

Pha khăn áo để đi, cố đoán phỏng mãi, mà không sao chắc được chuyện gì. Song, dù chuyện gì, ít ra cũng có một vài sự bắt nạt, cho nên Pha quyết phen này không chịu ức chế.

Pha đến nhà ông Nghị, thấy ông ngồi vắt chân chữ ngũ thõng xuống đất, thần mặt đương nghĩ. Anh chào, ông Nghị hỏi:

– Thế nào, anh mày mới về có tiền, mày nộp tao cái món ba chục ngày tháng sáu đi chứ. Tao đang cần tiền đi tỉnh ngày mai đây.

Bị đòi nợ bất thần, Pha choáng người. Anh như người bị đẩy ngã không víu bám vào đâu được. Anh gãi tai nói:

– Thưa quan, ngày nọ con có tiền đến nộp quan thì quan không thu cho, bây giờ đánh đùng một cái, quan hỏi, con làm gì có...

– Mày nói lạ, hẹn của mày hết từ rằm, tao chờ mãi đến hôm nay mới hỏi, lại còn giả ngô giả ngọng nói là đánh đùng!

– Thôi thì trăm sự nhờ quan cho con khất vậy, để xong gặt con bán thóc đi nộp quan vậy.

– Mày nghĩ kỹ xem tám sào của mày đã đủ lúa để nộp gốc lãi năm thùng của tao chưa?

– Bẩm quan tám sào gặt ít ra cũng được hơn hai mươi thùng.

– Thế mày định nộp tao bao nhiêu?

– Con xin nộp quan bảy thùng.

Ông Nghị bĩu môi:

– Này, tao bảo cho mày biết, đáo giang tùy khúc, nhập gia tùy tục. Mày vay lúa của tao thì mày phải theo lệ nhà tao. Thằng Phát! Mày giảng cho nó biết cái lệ ấy.

– Lệ mọi khi nộp gấp đôi.

Pha trợn mắt kinh ngạc:

– Thưa thế thì nặng quá.

– Nặng thì ai bảo mày vay? Trước khi mày vay sao không hỏi trước cái lệ ấy. Mà khi đói nhăn răng, đến lạy van tao, sao không kêu nặng.

– Bẩm quan, quan nên biết thương người.

– Mày bảo tao thương, tao thương mày về nỗi gì. Tao thương mày để tao chết đói à? Mày phải biết đây tao không phải sét ty, chúng mày túng thiếu, đến lạy van, tao cho nhờ, có thế thôi. Nhưng tao bảo cho mà biết năm thùng ngày ấy giá những bảy hào một thùng, chạy đi ba đồng rưỡi. Đáng lẽ tao bắt mày cứ chiếu cái ba đồng rưỡi mà nộp bằng thóc, vì tao cho vay bằng thóc, tao không lấy bằng tiền.

Pha lẩm nhẩm tính:

– Bẩm thế thì chết dân nghèo chúng con. Thóc ngày mùa có bốn hào, bốn hào rưỡi một thùng.

Ông Nghị mắng:

– Ai bảo mày thế? Chính tao cũng chỉ bán có ba hào rưỡi một thùng thôi. Cho nên mày cũng chỉ được tính với tao giá ấy là tao chịu thiệt rồi.

– Vậy ra quan bắt con nộp cho những mười thùng cho đủ ba đồng rưỡi vốn?

– Với lại ba đồng rưỡi lãi, nghĩa là mười thùng nữa, mày không biết tính?

Pha giật mình:

– Là hai mươi thùng?

– Chứ gì? Hôm nay mày ăn nói khụng khượng lắm đấy nhé. Lại một chục mày vay để tạ thần ngày nhộn. Bốn chục ấy chiếu theo văn tự, mày phải viết nhượng cho tao chỗ tám sào của mày.

Sửng sốt, Pha trợn mắt, hỏi:

– Để rồi con chết đói?

– Tao biết đâu với mày. Mày vay thì mày phải giả. Tao hẹn cho từ giờ đến mai, nếu không đem nộp tất cả gốc lẫn lãi món nợ, thì phải làm giấy bán đứt ruộng. Bằng không, tao kiện.

– Quan để sau vụ gặt hãy hay, vì lúa của con cấy, con có quyền gặt.

Nghị Lại cáu:

– Mày nói quyền! Để tao xem quyền mày to bằng ngần nào.

Nói đoạn, ông đứng dậy hầm hầm, giơ tay tát Pha. Song anh đỡ được và cứng cỏi nói:

– Ông không có phép đánh tôi. Ông ăn hiếp vừa chứ!

Ông Nghị cười sâu sắc, trỏ vào mặt Pha:

– À được. Tao không có phép đánh mày. Nhưng rồi đã có người đủ quyền phép đánh mày cho tao, mà đánh một cách thậm vô lý.

Rồi ông sai Phát đuổi Pha ra, không cho anh nói một nửa lời nào nữa.

XXVII

Dự xui Pha mời trương Thi và San đến bàn việc. Ba người cùng chung một số phận là cuối tháng này bị Nghị Lại tịch ký mất ruộng vì không trả được nợ.

Đến tối, Thi và San cùng đến. Dự bắc chõng ra sân cho khách ngồi để nói chuyện. Thi than thở:

– Tôi với anh Pha thực chẳng có thù hằn gì nhau, chẳng qua chúng tôi mắc lừa tay bợm già. Tôi mất năm sào vì nghe hắn xui dại.

San tiếp:

– Bây giờ tôi nghĩ việc khao cho cháu mới hối hận chứ. Tôi mất đứt mẫu hai, lại còn bị làng nước chê cười là khác nữa.

Dự cười thương hại, hỏi:

– Hắn định lấy ruộng vào cuối tháng này của các anh trước khi được gặt. Các anh có biết không? Thế hắn ăn cướp lúa của các anh vậy các anh phải thế nào chứ chịu được à?

Thi và San ngẫm nghĩ một lát, Pha nói:

– Tôi mời các bác đến đây để ta bàn nhau việc này, chứ ta chịu thì hèn lắm.

San lắc đầu:

– Bác bảo không chịu thì làm gì được. Người ta giàu có, lại quen quan.

Dự xua tay:

– Cái đó không làm gì, không đáng sợ. Chỉ đáng sợ ở chỗ ba anh biết hợp nhau mà chống lại hắn, không cho hắn làm việc trái phép ấy.

Thi mừng rỡ, nói:

– Chi bằng ta gặt quách trước đi, được hột nào hay hột ấy còn hơn mất sạch.

– Phải, mà ba anh lại nên đồng lòng nhau. Ba anh cứ chờ cho lúa chín rồi cùng ra ruộng hợp sức nhau mà gặt. Đứa nào dám dụng đến lông chân các anh, các anh dọa đánh chí mạng, thì đứa nào không khiếp.

San sợ hãi, nói:

– Nhưng hạn nợ mình hết, người ta cầm ruộng trước khi được gặt, thì người ta có thể ngăn mình không cho xâm phạm đến thửa ruộng lúc ấy đã thuộc quyền người ta.

Pha đáp:

– Tôi tưởng các bác không ngại chỗ đó. Người ta chỉ lợi dụng sự rời rạc của anh em mình để bắt nạt. Nhưng đến khi anh em mình biết hợp sức nhau thì người ta cũng phải kiêng dè. Đẩy một người có thể làm ngã được, chứ đẩy ba người chụm lại nhau thật chặt chẽ, tôi tính khó lòng nổi. Các bác cứ chờ cho lúa chín, rồi ba anh em ta cùng

gặt cho nhau. Tôi chắc họ thấy sức anh em mình mạnh, họ không dám giở giói ra đâu.

San hỏi:

– Thế ngộ ông Nghị đem người ra gặt trước?

– Thì ta ngăn lại: Cốt nhất bao giờ ta cũng hợp thành một tảng.

Dự gật gù, nói tiếp:

– Nếu các anh chịu nhục, họ sẽ bắt nạt mãi. Ở đời thế đấy, nên các anh phải cứng mới được. Các anh có chịu mất ruộng cũng chỉ nên chịu sau khi đã gánh hết lúa về nhà.

Ba người yên lặng, Dự lại nói:

– Các anh tin rằng khi các anh cứ hăng hái chống lại, thì đến mười ông Nghị Lại cũng không làm gì nổi các anh.

Pha quả quyết nói:

– Tôi thề rằng sẽ chống đến cùng. Trước hết tôi hãy giúp bác trương Thi gặt chỗ năm sào của bác ấy đã, rồi đến mẫu hai của bác San.

Thi và San cảm động, xin hôm nào Pha gặt cũng đến giúp.

Thấm thoát chẳng bao lâu, lúa đã nhuộm vàng cánh đồng. Người ta sắm sửa đi gặt.

Pha, Dự, Thi và San rủ nhau ăn cơm thật sớm, người nào người nấy liềm và đòn càn ra đồng. Bốn người hăm hở làm việc dưới ánh nắng khô khan của mùa thu còn rớt lại. Đến chiều, họ vui vẻ gánh lúa về, qua cổng Nghị Lại, họ cười nói hả hê, rồi đập lúa cho đến khuya.

Thi phục Dự đã nghĩ cho cách rất dễ để lấy lại năm sào thóc, và cảm lòng tử tế của bạn.

Nhưng tin ấy đến tai Nghị Lại. Ông căm hờn, gắt:

– À chúng nó hùa nhau cướp lúa nhà ông.

Ông cho gọi trương Thi để mắng cho một trận, nhưng Thi không đến. Ông càng tức. Ông hạ lệnh cho đầy tớ, sáng hôm sau ra gặt chỗ mẫu hai của San. Ông dặn:

– Đứa nào lôi thôi, cứ gô cổ vào, điệu cho Lý trưởng giải lên huyện cho ông.

Nhưng bọn người nhà Nghị Lại đến ruộng đã thấy bốn anh em và năm người thợ gặt đang thoăn thoắt cắt lúa. Họ cứ làm lơ, cười nói như thường. Phát lớn tiếng hỏi:

– Này, ruộng của quan, sao các anh dám gặt?

Dự ngẩng đầu, khuỳnh tay vào háng, vênh mặt hỏi lại:

– Quan nào? Quan anh cấy đấy à?

– Tôi không lý sự với các anh, quan sai tôi ra gặt.

Đoạn hắn bảo thợ:

– Cứ xuống cắt đi, tội vạ đã có quan.

Pha, Thi và San, mỗi người cầm đòn càn chạy lại gần, hung hăng toan đánh. Dự gạt đi mà nói:

– Các anh không nên thế. Ta lấy lời lẽ bảo cho nhau hiểu thì hơn. Các anh phải biết rằng đây là lúa của bác San thì bác ấy có phép gặt. Ai thò lưỡi liềm cắt một lượm, ấy là ăn trộm lúa, tôi sẽ hô tuần đến bắt.

Phát cãi:

– Chính các anh gặt trộm. Anh em đâu, xông vào đánh cho bốn thằng một trận.

Bốn anh em không biến sắc mặt. Pha cười mai mỉa:

– Các anh không có phép, các anh chớ có dây với chúng tôi.

Dự tiếp:

– Các anh định gây sự với chúng tôi. Nhưng tôi hãy hỏi các anh đánh nhau với chúng tôi thì các anh được gì? Thà bảo chúng tôi gặt ruộng các anh thì các anh bị thiệt nên phải hết sức giữ lấy lại. Nhưng đây các anh làm thuê cho ông Nghị, chẳng qua, nếu có thắng, các anh cũng chỉ nhận được hai bữa cơm, vài xu công, và hơn nữa một lời khen suông không mất tiền. Nhưng các anh có chắc chúng tôi chịu thua các anh hay không? Các anh phải biết chúng tôi là những thằng liều để sống.

Bọn thợ gặt nhà Nghị Lại đứng im. Dự lại nói:

– Mà các anh có bị thương thì thiệt mình, ông Nghị có cho tiền các anh chữa chạy không? Nói tóm lại chỉ khổ các anh toạc đầu xẻ tai, để giữ quyền lợi cho ông Nghị ngồi nhà hưởng. Chúng tôi với các anh vốn không thù hằn gì nhau. Vậy các anh có nên vì ông Nghị mà lôi thôi với chúng tôi hay không? Các anh cũng như chúng tôi, chúng ta là kẻ nghèo. Vậy các anh có nên về hùa với người giàu để bắt nạt lẫn nhau không?

Mọi người thở dài can Phát:

– Thôi, sinh sự làm gì cho thiệt thân.

Dự sung sướng, tươi tỉnh nói tiếp:

– Những ruộng lúa chín vàng kia, phần nhiều là của ông Nghị, nhưng tôi hãy hỏi giá không có công chúng ta làm thì nó đáng giá bao nhiêu tiền. Để kệ ông ấy một mình, thì cả bốn trăm mẫu ấy chỉ là đất bỏ hoang, một xu cũng không đáng. Vậy chính chúng ta là người có công nhất làm cho ông ấy giàu, mà ông ấy đền cho ta cái gì? Chẳng đền cái gì cả. Trái lại, ông ta lại còn xử tàn nhẫn với chúng ta, chỉ rình dịp để cướp ruộng của chúng ta. Bốn chúng tôi đây, ba người bị ông ấy lấy ruộng. Mà trong các anh, tôi hãy hỏi có ai được ông ấy làm ơn cho gì, hay cũng oán hận ông ấy như chúng tôi.

Bọn người nhà Nghị Lại nhìn nhau, có ý cảm động. Họ lảng dần và sau hết, Phát thấy trơ trọi cũng về, nhưng còn hăm dọa để lấy sĩ diện:

– Được, tôi trình quan cho các anh.

Pha cười:

– Anh trình quan giời tôi cũng không cần, anh Phát ạ. Tôi tưởng anh là người oán ghét ông Nghị hơn hết cả mới phải.

Phát bẽn lẽn đi về.

Bốn anh em đắc chí, cười ha hả, càng hăng hái làm việc cho mau chóng.

San hỏi:

– Ngộ chốc nữa lão ta ra, thì anh em nói thế nào?

Dự bĩu môi, khinh bỉ, đáp:

– Hạng người ấy vốn không có lương tâm, nên không thể lấy lời lẽ mà nói được. Nếu họ biết nghe lẽ phải trái đã không tàn ác đến thế. Họ chỉ nghe lợi mà thôi. Cho nên, hễ lôi thôi thì ta cứ xông lại đánh bừa.

Thi bảo Dự:

– Thì lúc ấy anh tránh ra một chỗ, mặc sức ba chúng tôi, tù chúng tôi chịu.

Bốn người bàn nhau vậy, nhưng từ đó đến chiều, họ không bị ai cản trở cả.

XXVIII

Anh em rất ngạc nhiên về cái thái độ của Nghị Lại chịu nước lép. Thấy sự đoàn kết rất có công hiệu. Dự trỏ vào đống lúa xếp đầy sân:

– Đáng lẽ mẫu bảy thóc của anh Thi với anh San đã vào túi tham không đáy hết cả.

Pha lo ngại:

– Nhưng quyết hắn trả thù, mà thù này phải biết hắn tính toán kỹ lưỡng lắm.

Thi gật đầu:

– Cho nên hôm nào lúa của anh chín, ta nên rủ người đi cho đông, và phải cẩn thận lắm kẻo thua mất.

San xua tay:

– Nếu tám sào của anh Pha bị hắn cướp hết, thì thóc của chúng mình đã gặt về, đem chia ba.

Mấy anh em rất cảm động. Một lát Pha nói:

– Bác trương bảo rằng thua, nhưng tôi cho là không đúng. Chúng mình ba lần gặt, đã được đến hai lần dù có thua một lần ta cũng vẻ vang quá rồi.

Dự tiếp:

– Như thế, tức là đằng nào mình cũng giữ phần thắng lợi rồi.

Bốn người cười vui vẻ, nghỉ tay, để uống nước. Bát chè tươi sóng sánh dưới ánh trăng. Tiếng thình thịch đập lúa ở sân các nhà theo luồng gió lạnh hiu hắt đưa đi làm cho làng An Đạo có vẻ hoạt động.

Một lát, San nói:

– Từ nay chúng mình phải giữ mình. Hắn có đến hàng trăm thứ khí giới mà ta chỉ trơ mỗi đứa hai cánh tay không.

Dự đáp:

– Nhưng hai cánh tay mạnh mẽ, hai cánh tay làm cho đất cát có giá trị.

Pha cười:

– Cảnh vui thế này, mà tiếc quá, tôi không được hưởng lâu.

Thi ái ngại:

– Sao lại không. Anh Pha ạ, gặt xong, chúng tôi sửa cho anh cái nếp nhà cũ của anh cho sáng sủa, sạch sẽ, anh về mà ở. Từ hôm tôi mất hàng xóm, tự nhiên thấy vắng ngắt mà buồn tẻ.

Pha lắc đầu:

– Cảm ơn anh, có lẽ tôi theo bác cháu đi làm xa. Chứ ở nhà lấy gì mà ăn? Vả lại ở đâu, chứ ở làng này thì thiên vạn cổ cũng không ngóc đầu lên được.

– Mấy hôm nay tôi thấy khoan khoái lắm, không có gì sung sướng cho bằng thân thiết mà bênh vực nhau.

Pha mỉm cười:

– Và đừng nhu nhược như tôi.

Dự tiếp:

– Muốn thế, phải hiểu biết, và muốn hiểu biết phải học chữ.

Bốn anh em yên lặng, ngắm cảnh trăng trong, Pha vui vẻ hơn các bạn, tuy anh không kém nhọc mệt hơn các buổi làm với Nghị Lại. Song dù làm với Nghị Lại, anh có được thêm mấy xu công anh cũng không lấy sự giúp anh em không lấy công làm thiệt thòi. Trái lại, anh còn hết sức làm lụng như chính công việc của anh vậy. Bởi vì anh được tự do, không phải thấy quanh mình những tiếng the thé, những con mắt khoằm khoặm, luôn luôn sắc mắc cho bõ mấy xu công.

Đêm ấy, Pha trằn trọc mãi không ngủ. Lúc nào anh cũng nghĩ đến Hòa, với cái áo tây xanh, với câu nói hoạt bát, với lý sự cứng cỏi mà trước kia, khi còn ở nhà. Hòa không có.

Sáng hôm sau, Pha dậy sớm, nhìn ngoài đường, thấy ba người lính khố xanh đi trước bọn người liềm hái ra phía đồng. Anh cho là bọn lính đi tuần đêm, bây giờ về huyện, tình cờ chập vào thợ gặt chứ không có lẽ muốn chống chọi với bọn các anh, ông Nghị hèn đến nỗi phải mượn sức súng xưa nay chỉ dùng để cản giặc cướp. Nhưng tò mò, anh lững thững đi theo để dò xem họ đi đâu.

Quả nhiên, bọn thợ với lính ra cánh Mả Dơi đến ruộng anh thì đứng lại, và xuống cắt lúa.

Pha căm, run bắn người lên. Không nghĩ trước sau, tự nhiên anh cắm cổ chạy đến gần. Bất đồ Nghị Lại đứng từ bao giờ, trỏ vào mặt anh, bảo lính:

– Đây, chính thằng này gặt trộm lúa nhà tôi mấy hôm nay.

Pha nắm tay, tiến lại gần:

– Ruộng của tôi, ông không có phép.

Nói chưa dứt lời, anh bị ba người lính quây lại. Biết thế nguy, anh hăng tiết, nhất định liều, chống cự cho đến kỳ cùng. Anh vớ được chiếc đòn càn xông vào Nghị Lại phang một cái thật mạnh vào đầu.

– Đồ ăn cướp!

Ông Nghị ngã dúi, kêu rền rĩ. Nhưng ba người lính đã ôm ghì lấy anh. Đánh được ông Nghị, anh hả dạ quá, càng phấn chấn nên hết sức quần quại và phang huyên thiên. Nhưng anh thế cô, chẳng mấy chốc bị ba người lính khỏe túm chặt được, đè anh ngã ngửa và trói gô lại.

Ông Nghị thấy anh mất cựa, mới dám lại gần, giật cái đòn càn vừa chửi vừa phang lên đầu, lên lưng anh. Anh cắn răng nhìn cái mặt tàn nhẫn, có đôi mắt trắng dã và bộ môi thâm sì.

Mặt mũi, áo quần anh đỏ ngòm như nhuộm máu. Anh đau ê ẩm cả người. Và sau hết, anh tê dại, không biết gì là đau nữa. Anh nằm co quắp dưới đất, lờ đờ nhìn những lưỡi liềm sáng loáng nó cắt xoèn xoẹt lúa của anh. Anh tưởng như cổ anh bị đứt vậy. Anh nghẹt hơi, quay mặt đi, không dám trông nữa.

Lập tức người ta tháo bốn chiếc võng ở trong bó để sẵn bên bờ đường, lấy ra một cái, xỏ đòn càn, khênh anh đi. Nghị Lại sung sướng nhìn theo, đắc chí, nói:

– Phúc cho ba thằng kia chưa ra đây.

Pha bị trói giật cánh khuỷu, nằm dúm dó trong võng rùng mình, quật lên quật xuống.

Bỗng thấy tiếng gọi, anh mở mắt ra. Dự, Thi, và San theo đã tới nơi, hỏi đầu đuôi, nhưng anh nhăn mặt, lắc đầu không đáp.

Trông đôi môi mím chặt, thì biết rằng không phải vì đau mà anh không nói, nhưng chính là vì anh muốn nuôi trong lòng một mối hận nghìn năm.

Bỗng Dự vật đầu vật tai, nức lên khóc. Trên mặt cương quyết của Pha cũng chảy ra hai dòng nước mắt trong veo.

Pha nhắm mắt cho nước trôi hết, rồi mở to ra nhìn Dự. Dự giậm chân xuống đất hỏi:

– Sao anh lại đi một mình để đến nỗi gặp tai nạn này?

Pha rất tự nhiên, mỉm cười đáp:

– Nếu có bị tù, tôi không ân hận. Tôi đã đánh được nó một đòn. Hả giận.

Thi thất vọng:

– Chúng ta còn nhiều dịp gặp nhau. Không cần!

Pha lắc đầu:

– Tôi không ở làng nữa. Tôi không còn gì ở làng nữa. Ngày này sang năm, các anh sẽ biết chuyện tôi.

Rồi yên lặng một lát để nhìn thân hình tiều tụy của Pha, và nghĩ thấm thía, Dự nghẹn ngào than thở:

– Chúng ta sống để làm gì? Không để ăn ngon, không để mặc đẹp, không để ở sướng nhưng là để chịu những sự bóc lột của địa chủ tàn nhẫn, những nỗi áp bức của quan lại tham nhũng, những cái bất công của chế độ thối nát chốn hương thôn, để bước đường cùng là đi đến chỗ phá sản.

Pha giơ hai cánh tay bị trói lên trời, nắm chặt bàn tay run run vào ngực để tỏ nỗi căm hờn, nghiến răng rồi nhắm nghiền mắt lại, kệ cho hai dòng lệ cứ tuôn trào ra, và kệ cho ba anh em theo mình, không biết đến đâu mới trở lại.

10-1938

In theo bản in lần thứ nhất (*Phổ thông bán nguyệt san* số 23, ngày 1-10-1938)

LÊ VĂN TRƯƠNG
(1906 - 1964)

Lê Văn Trương sinh tại làng Đồng Nhân, thành phố Hà Nội. Quê gốc ở tỉnh Hà Tây, nhưng thuở nhỏ học ở thị xã Bắc Giang, nơi người cha đến lập nghiệp. Đã học trường Trung học Bảo hộ (tức trường Bưởi), Hà Nội. Năm 1926, làm chuyên viên Sở Bưu điện, được bổ đi Phnômpênh, rồi đi Môngcônbôray. 1930, ông bỏ nghề công chức, đi khai khẩn đồn điền ở Lôvêa, Battambang, làm thầu khoán, đi săn, buôn lậu (sang Thái Lan, Xanhgapo, Trung Quốc). Bị phá sản, ông trở về Bắc, từ 1932, đi hẳn vào con đường làm báo, viết văn.

Lê Văn Trương (còn có bút danh Cô Lý) chủ yếu cộng tác với nhà Tân Dân (nhà xuất bản Tân Dân và các báo: *Tiểu thuyết thứ bảy, Phổ thông bán nguyệt san, Ích hữu, Truyền bá, Đổi mới,* đều do Vũ Đình Long chủ trương), là một cây bút chủ chốt, thuộc loại viết khỏe và "ăn khách" nhất của nhà Tân Dân. Những ngày sau cách mạng, Lê Văn Trương ra tờ *Việt Nam hồn.* Khi kháng chiến toàn quốc bùng nổ, ông tham gia kháng chiến một thời gian. Năm 1953, ông hồi cư vào Hà Nội khi đó thuộc vùng quân đội Pháp chiếm đóng, tiếp tục viết báo viết văn. Sau đó, Lê Văn Trương chuyển vào Sài Gòn (trước ngày ký Hiệp định Giơnevơ). Có thời gian, ông làm việc ở Đài phát thanh của chính quyền Ngô Đình Diệm nhưng bị nghi kỵ rồi bị sa thải. Lê Văn Trương mất tại Sài Gòn ngày 25 – 11 – 1964 trong cảnh cùng túng, bệnh tật.

Lê Văn Trương có một sức viết đặc biệt dồi dào. Chưa ai thống kê thật đầy đủ các sáng tác của ông. Có người nói ông có tới 200 cuốn sách; theo gia đình ông, ông còn giữ được 125 tác phẩm, trong đó có 96 cuốn đã xuất bản và 29 cuốn chưa in, số sách chưa in là 7 cuốn.

Trong nhiều tác phẩm của mình, Lê Văn Trương đã làm nổi bật lên kiểu nhân vật "người hùng". Đó là những nhân vật can trường, lỗi lạc trong "trường đời" với cuộc sống đầy phiêu lưu, mạo hiểm, đồng thời, có tấm lòng hy sinh cao cả vì nghĩa vụ gia đình và luôn giữ trọn sự trong sạch của "lương tâm trong gió lốc", cưỡng lại mọi quyến rũ của cuộc sống phù hoa trưởng giả. Nhà phê bình Vũ Ngọc Phan, trong bộ sách phê bình văn học *"Nhà văn hiện đại"* , đã xếp tác phẩm Lê Văn Trương vào loại "tiểu thuyết luân lý". Tiểu thuyết của ông phần nhiều có tính chất luận đề, nhằm tuyên truyền cho một quan

niệm và nhân sinh, đạo lý mà nhân vật "người hùng" là những minh họa hùng hồn. Đặc biệt, ông đề xướng "triết lý sức mạnh", cho rằng mạnh được yếu thua là quy luật của "trường đời", do đó, ông đề cao kiểu "người hùng" gan dạ, ngang tàng, coi thường cái học sách vở chỉ biết bằng cấp mà coi trọng sự từng trải và những bài học rút ra từ những vật lộn trên đường đời, dũng cảm lao vào con đường mạo hiểm để giành giật... "Triết lý sức mạnh" của Lê Văn Trương có những khía cạnh lệch lạc, nhất là khi nó bị đẩy lên cực đoan; cũng như nhân vật "người hùng" có chí có lòng của ông nhiều khi ồn ào, huênh hoang, có phần giả tạo. Tuy vậy, tư tưởng luân lý trong tiểu thuyết Lê Văn Trương không hẳn không có nguồn gốc sâu xa trong đạo lý truyền thống dân tộc và đã ít nhiều đáp ứng tâm lý, nguyện vọng của số đông công chúng tiểu tư sản bất bình với xã hội trưởng giả thối nát, muốn tìm một lối thoát, nên được họ đón nhận khá nhiệt tình.

Lê Văn Trương không phải là cây bút thận trọng, nhiều khi ông viết khá dễ dãi. Trong khối lượng sáng tác đồ sộ của nhà văn, không mấy tác phẩm thật đặc sắc. Tuy vậy, phải nhận rằng ông là nhà tiểu thuyết có óc tưởng tượng phong phú, sức sáng tạo dồi dào và tác phẩm của ông có một sức hấp dẫn riêng, từng nổi tiếng một thời.

TÁC PHẨM ĐÃ XUẤT BẢN CỦA LÊ VĂN TRƯƠNG

– *Trước cảnh hoang tàn Đế Thiên Đế Thích*. Trung Bắc xuất bản, H. 1934.
– *Cô Tư Thung*. Phổ thông bán nguyệt san (P.T.B.N.S.), số 2.
– *Một người*. P.T.B.N.S., số 6 và số 7.
– *Người cha*. P.T.B.N.S., số 12.
– *Con đường hạnh phúc*. P.T.B.N.S., số 19.
– *Một lương tâm trong gió lốc*. P.T.B.N.S., số 21 và số 22.
– *Trong ao tù trưởng giả*. P.T.B.N.S., số 28 và số 29.
– *Ngựa đã thuần rồi mời ngài lên*. P.T.B.N.S., số 31.
– *Tôi là mẹ*. P.T.B.N.S., số 43 và số 44.
– *Bốn bức tường máu*. P.T.B.N.S., số 62 và số 63.
– *Người anh cả*. P.T.B.N.S., các số 73, 74 và 75.
– *Nó giết người*. P.T.B.N.S., số 84.
– *Hai anh em*. P.T.B.N.S., số 98.
– *Tiếng gọi của lòng*. P.T.B.N.S., số 106 và số 107.
– *Lòng mẹ*. P.T.B.N.S., số 113 và số 114.
– *Những người của ngày mai*. Tiểu thuyết thứ bảy, 1939.
– *Đứa cháu đồng bạc*. Tân Dân xuất bản, H., 1939.
– *Dưới bóng thần Vệ nữ*. Nam Kỳ xuất bản, H., 1939.

- *Những mảnh tình*. Mai Lĩnh xuất bản, H., 1939.
- *Một linh hồn đàn bà*. Tân Dân xuất bản, H., 1940.
- *Tôi thầu khoán*. Tân Dân xuất bản, H., 1940.
- *Đời nghệ sĩ*. Hương Sơn xuất bản, H., 1941.
- *Điệu đàn muôn thuở*. Đời Mới xuất bản, H., 1941.
- *Một cuộc săn vàng*. Tân Dân xuất bản, H., 1941
- *Ái tình muôn mặt*. Tân Dân xuất bản, H., 1941.
- *Một tội ác*. Tân Dân xuất bản, H., 1941.
- *Những con đường rẽ*. Tân Dân xuất bản, H., 1941.
- *Triết lý sức mạnh*. Hương Sơn xuất bản, H., 1941.
- *Cô Thơm*. Duy Tân thư xã xuất bản, H., 1941.
- *Anh và tôi*. Đời Mới xuất bản, H., 1942.
- *Bóng hạnh phúc*. 2 tập. Cộng Lực xuất bản, H., 1942.
- *Chồng chúng ta*. Đời Mới xuất bản, H., 1942.
- *Đầu bạc đầu xanh*. Đời Mới xuất bản, H., 1942.
- *Những thiên tình hận*. Hương Sơn xuất bản. H., 1942.
- *Bị sa lầy*. Đời Mới xuất bản, H., 1942.
- *Chờ chết*. Đời Mới xuất bản, H., 1942.
- *Hai người bạn*. Đời Mới xuất bản, H., 1942.
- *Kẻ đến sau*. Đời Mới xuất bản, H., 1942.
- *Lấy chồng cọp*. Đời Mới xuất bản, H., 1942.
- *Những kẻ có lòng*. Đời Mới xuất bản, H., 1942.
- *Săn đuổi*. Đời Mới xuất bản, H., 1942.
- *Sau phút sinh lý*. Đời Mới xuất bản, H., 1942.
- *Sợ sống*. Lê Cường xuất bản, H., 1942.
- *Tiếng còi báo động*. 1942.
- *Con chim đầu đàn*: 1942.
- *Anh em thằng Việt*. Tân Dân xuất bản, H., 1943.
- *Chung quanh người đàn bà*. Hương Sơn xuất bản, H., 1943
- *Cùng một kiếp*. Hương Sơn xuất bản, H., 1943
- *Giọt nước mắt đầu tiên*. Đời Mới xuất bản, H., 1943
- *Hai tâm hồn*. 1943.
- *Lỡ một kiếp người*. Đời Mới xuất bản, H., 1943.
- *Người mẹ tội lỗi*. Đời Mới xuất bản, H., 1943.
- *Ba ngày luân lạc*. Đời Mới xuất bản, H., 1943
- *Cô giáo tình lý*. Đời Mới xuất bản, H., 1943.

– *Con đường dốc.* Đời Mới xuất bản, H., 1943.

– *Dây oan.* Đời Mới xuất bản, H., 1943.

– *Hai bàn tay thằng con trai.* Đời Mới xuất bản, H., 1943.

– *Kiếp hoa rơi.* Hương Sơn xuất bản, H., 1943.

– *Những kẻ không nghèo.* Đời Mới xuất bản, H., 1943.

– *Những mái nhà ấm.* Đời Mới xuất bản, H., 1943.

– *Những người đã sống.* Đời Mới, H., 1943.

– *Hận nghìn đời.*

– *Người vợ lý tưởng.*

– *Người vợ thứ năm.*

– *Chặt xích.*

– *Con Thiên lý mã.*

– *Tình và tiền.*

– *Vết chàm thiên cổ.*

– *Truyện ba người.*

– *Chó hai đầu.*

– *Thằng đánh giầy.*

– *Cô nàng Nường Koòng.*

– *Kẻ si tình.*

– *Cánh tay.*

– *Đồng tiền xiết máu.*

– *Anh vẹo.*

– *Người của ngày mai.*

– *Một cô gái mới.*

– *Di ngôn cụ Nghị.*

– *Ông Nghị cờ vàng.*

– *Nghệ sĩ và tình yêu.*

– *Bắc Nam.*

v.v... [1]

---

1. Lê Văn Trương còn một số tác phẩm chưa in thành sách, trong đó có tác phẩm đã đăng báo. Có một số tác phẩm ký tên ông nhưng do người khác viết.

– Sáng tác của Lê Văn Trương quá bộn, chúng tôi tuy đã cố gắng nhưng bảng danh mục trên đây chắc có nhiều sai sót (NBS).

TRƯỚC CẢNH HOANG TÀN ĐẾ THIÊN ĐẾ THÍCH

(Truyện vừa)

Trong phòng xem sách tại khách sạn Angkor les Ruines, đèn điện thắp sáng choang, những cánh quạt trần tung ra cái không khí mát mẻ, những cậu bồi mẫn cán quần áo sạch sẽ, cử chỉ lễ phép, đã khiến cho khách du quan đến trọ ở đấy không phải phiền lòng về sự bỏ nhà ra thất nghiệp, được thảnh thơi mà xem xét những di tích lâu đài thành quách rải rác khắp chung quanh. Khách sạn này trước kia chỉ có mấy cái nhà gạch đơn sơ nhưng từ khi chính phủ đặt ra phòng du lịch, nhờ về sự quảng cáo đắc lực mà khách phong lưu giàu có năm châu đến đây vãn cảnh một ngày một đông; khách sạn đã phải mở rộng ra: phòng ngủ, phòng ăn, phòng xem sách, phòng tiếp khách, hàng ngang dãy dọc san sát, quy mô rất to tát, xếp đặt rất tối tân.

Hồi ấy về tháng sáu, đang là vụ mưa, nên khách du quan đến đây rất ít, có chăng chỉ một vài viên chức nhà nước nghỉ phép, một vài nhà đại phú hiếu kỳ cùng dăm ba thủy quan thừa lúc tàu đỗ bến Sài Gòn tiện thể lên thăm di tích mà thôi.

Trong phòng xem sách khách sạn, tối hôm ấy, chỉ có hơn một chục người vừa Pháp vừa Nam. Ở góc phòng bên trái, một thiếu nữ đang ngồi dựa lưng vào cái ghế xích đu nói chuyện với người hướng đạo (guide). Nàng trạc độ 23, 24 tuổi, ăn mặc rất lịch sự, quần cẩm châu trắng, áo cẩm quít màu da giời. Đôi bông tai, chiếc vòng ngọc và mấy sợi dây chuyền nạm kim cương phản chiếu ánh sáng đèn điện nẩy ra những tia sáng lóe mắt làm cho con người ngồi đó đã xinh lại càng thêm xinh. Một mái tóc cánh phượng đen nháy, một bộ mặt trái xoan nõn nà, một khổ người óng ả, điểm thêm nụ cười tươi tỉnh: đó là cái biểu hiện cho vẻ đẹp của đàn bà xứ Nam. Nàng chẳng những kiều mị lạ thường, lại nói năng rất hoạt bát, cử chỉ rất lịch thiệp chẳng có vẻ rụt rè, e lệ của người xứ Bắc. Nhưng đừng thấy thế mà đã vội bảo nàng có vẻ lả lơi tầm thường đâu. Không, nàng có vẻ trang nghiêm, sắc sảo khiến ta trông thấy phải đem lòng kính nể.

Tờ báo La Tribune indigène ở trên tay ngọc ngà kia đủ tỏ cho ta biết rằng nàng chẳng phải là người vô học mà trông cách phục sức, cách đi đứng ta có thể đoán được rằng: nàng không phải là kẻ mới ra đời vậy.

Nàng chính tên là Bella Như Nhang, nhưng đám phong lưu công tử Sài Gòn lại đặt cho cái huy hiệu "Cô ba Cần Thơ" vì nàng chính quê ở Cần Thơ và lại là con thứ hai [1]. Ai đi qua con đường Legrand de la Liraye ở Sài Gòn, mà chẳng phải dừng chân đứng lại, nhìn tòa nhà ba từng nguy nga ở đầu phố. Trong bảy năm giời lăn lộn với đời, nàng đã dùng cái sóng khuynh thành kia đạp đổ bao nhiêu cơ nghiệp để lấy tiền tậu ngôi nhà lộng lẫy ấy.

Trong cái đội tình nhân của nàng, (nói cho đúng những người mê nàng) quan sang có, điền chủ có, hiệu chủ có, nàng chẳng hề yêu ai, mà thứ nhất đối với những hạng công tử xác thì dẫu xinh xắn như Phan An, tài tình như Tương Như, nàng cũng chẳng thèm để mắt đến bao giờ. Nàng chỉ coi bọn phú quý kia như những cái máy đúc tiền cho nàng, mà hạng công tử xác kia, nàng chỉ coi như những vật vô dụng vậy thôi. Một cuộc thí nghiệm rất đau đớn về tình ái xưa kia đã làm cho thui cái mầm tình ái nó sắp nẩy nở ở trong lòng nàng. Nàng bước chân vào cõi phong tình đã bảy năm giời nay mà tự thân mình chẳng hề vướng víu, nhưng khách tài hoa đã vướng víu vì nàng chẳng phải là ít. Nàng đã làm nghiêng ngửa bao nhiêu cơ đồ, tan nát bao nhiêu gia đình!!!

Một vài thí dụ trong nghìn việc đã xẩy ra đủ khiến cho ta biết nàng là hạng người thế nào.

Ông điền chủ họ Nguyễn ở Bắc Liêu là một trang thiếu niên rất lanh lợi đã đem một tấm tình si yêu nàng. Ông bỏ vợ dại, con thơ, bán hết điền sản lên ở Sài Gòn cho được gần gụi nàng. Không đầy một năm giời, cái gia tư mấy chục vạn kia đã thành ra luồng khói: tiêu tan trong cuộc đổ bác, cuộc vui chơi cả. Lúc biết ông đã hết tiền, nàng liền cự tuyệt ngay. Ông bèn năn nỉ mà rằng: qua vì yêu em mà ra cái thân thế dường này, nếu em dứt tình cùng qua thì thà rằng qua chết trước mặt em, chứ qua không đành lòng mà xa em đâu. Ông vừa nói, vừa rút súng ra. Nàng thấy thế cứ điềm tĩnh mà bỏ đi. Hai phát súng lục đinh tai cũng không làm cho nàng quay đầu lại.

---

1. Vì ở Nam Bộ, con cả được gọi là *hai* nên con thứ hai gọi là *ba*.

Dư luận ở Sài Gòn đã một phen sôi nổi. Tuy pháp luật có can thiệp vào nhưng vì chẳng đủ chứng cớ nên không kết án nàng được. Từ đấy người ta đặt cho nàng cái biệt hiệu "con cọp cái". Tuy biết chắc là "con cọp cái" nó ăn thịt người đấy mà bọn phong lưu tài tử cũng vẫn tranh nhau lăn mình vào.

Lại một lần nàng nhận được một bức thư:

Sài Gòn, ngày...

Cô Ba,

Tôi là học trò kiết mà lại muốn ăn ngon, muốn gái đẹp, muốn có tiền tiêu, nhưng tự xét mình chẳng có một cái tài năng gì để làm cho thỏa được những điều sở nguyện, vậy xin mong ở tấm lòng nghĩa hiệp của cô.

PHẠM BÍCH NG...

Nàng xem xong, viết giấy hẹn ngày, mời lại chơi nhà.

Đúng hẹn, anh chàng vác cái "mặt dày" lại. Sau một bữa tiệc đủ cả rượu ngon, vật lạ, nàng giữ "cu cậu" ngủ lại một đêm. Sáng dậy nàng cho một tấm giấy phiếu ngân hàng mà bảo rằng:

– Từ nay thầy đừng có trở lại đây nữa nhé.

Nàng lại cho gọi hết gia nhân đầy tớ đến mà dặn rằng:

– Hễ từ nay chúng bay thấy người này lại, cứ việc đuổi cổ ra, không cần phải hỏi han gì. Phải nhớ lấy nghe không?

Cái bản lĩnh nàng đã như thế thì bọn nam tử trong con mắt nàng chẳng qua là những "bồ nhìn" mà thôi. Mà ngày nay nàng đã trở nên giàu có, chẳng cần phải lợi dụng bọn si tình nữa, thì cái giá trị của bọn đàn ông đối với nàng, ta chẳng cần phải nói cũng đủ biết là thế nào rồi vậy.

Ngày nay, nàng lại xem chùa Đế Thiên Đế Thích, trong khi nàng biết chắc rằng, đương vụ mưa này, ít kẻ đến, cũng là muốn tìm lấy cái thú tịch mịch, để được thư lòng xem xét những dấu vết của một nền văn minh rực rỡ mà nay đã mai một đi, mà có lẽ vì nàng đã chán cái cảnh ngựa xe huyên náo đất Sài Gòn rồi.

Trong khi nàng đang ngồi nói chuyện với người hướng đạo, thì cái sắc đẹp của nàng đã làm cho bao nhiêu người Pháp ngồi đấy phải ước vọng, mắt nhìn chằm chập mà bàn ra nói vào. Nếu ta để tai nghe thì thấy tiếng xì xào:

– Morceau de roi (đồ ngự của vua) extra chic (lịch sự quá) - trop sérieuse (đứng đắn quá) - Ce n'est pas à vendre, c'est dommage (Thế mà không đem bán, tiếc nhỉ?)

Những cái nhìn sống sượng ấy, những câu nói vô lễ ấy, chẳng hay nàng có biết không, nhưng xem ra nàng cũng chẳng thèm để ý đến, coi như là bọn họ không có mặt ở trong phòng vậy. Nàng chỉ chăm chú nói chuyện với người hướng đạo để hỏi về lịch sử các di tích mà nàng đã được xem qua. Nhưng nếu ta để tâm xét kỹ thì cuộc hỏi chuyện người hướng đạo khúm núm ở trước mặt nàng chẳng qua là một cái "cớ", chứ nàng vẫn chú ý nhìn một thiếu niên cứ cặm cụi xem sách tưởng chừng như không có nàng ngồi đấy. Mà nào anh chàng ta có đẹp đẽ gì cho cam, nhưng nàng sở dĩ nhìn, chẳng phải là nhìn về sự đẹp đẽ của anh chàng.

Thiếu niên người dong dỏng cao, mặt mũi gân guốc, phỏng độ 26, 27 tuổi mà nét mặt trông đã già cằn. Trông da chỗ đen, chỗ trắng, ta có thể đoán ngay chẳng phải lúc sinh ra đã thế, có lẽ trong đời dầm mưa dãi nắng nhiều, nên mặt phong trần đã phải nắng sạm mầu dâu vậy. Toàn thể con người trông chẳng có cái vẻ là đặc sắc, đại để có vẻ rắn rỏi lanh lẹn mà thôi, nhưng ta nhìn kỹ, ta sẽ thấy hai con mắt sáng quắc như sao. Nếu bảo rằng có thể đoán sự thông minh của con người ta bằng hai con mắt, thì thiếu niên chắc là thông minh lắm. Hai lưỡng quyền thật cao nó biểu hiện cho sự nghị lực, sự can đảm; một cái mồm thật rộng, hai làn môi mỏng dính. Ta trông thấy cặp môi ấy, cái mồm ấy, trên khuôn mặt lạnh lùng ấy, ta tưởng tượng rằng dễ suốt đời thiếu niên không cười bao giờ, nhưng nếu việc đáng cười mà đã làm cho cười được thì ta sẽ thấy một cái cười cay độc, chua chát, một cái cười hoài nghi về thế sự, về nhân tình.

Ta đừng thấy thế mà đã vội cho là vô duyên đâu, cái duyên của con người quắc thước là ở chỗ quắc thước. Thiếu niên mặc một bộ áo trắng rất xoàng, nhưng toàn thể có thể tỏ cho ta biết được con người lịch sự, con người hành động, tuy ngang tàng mà lễ phép, nghiêm nghị mà dễ dàng.

Chàng đến đây đã ba hôm nay, sáng nào cũng đi xem phong cảnh mãi đến bữa cơm tối mới về.

Tuy lúc ra vào, có được gặp Bella Như Nhang luôn, nhưng chàng cũng chẳng để ý đến, chẳng theo phép lịch sự, khi mà gặp thì hoặc

ngả mũ, hoặc cúi đầu chào đó mà thôi. Về phần Bella Như Nhang tuy là người đã lịch duyệt thế cố chẳng còn mong mỏi gì về nhân tình nữa, tuy sự từng trải đã đúc cho nàng một quả "tim sành", nỗi đoạn trường đã làm cho nàng lạnh lùng như đá, nhưng dẫu sao, cũng vẫn là đàn bà, mà đã là đàn bà thì không sao thoát khỏi cái khuôn sáo của tạo hóa được, mà thứ nhất đối với một người đàn bà đẹp thì cái luật thiên nhiên kia lại càng chặt chẽ lắm.

Xét tâm lý, người đàn bà đẹp, ai cũng tưởng tượng rằng cái sắc đẹp của mình là trung tâm điểm của vũ trụ, mà mọi sự hành vi của nhân loại cũng chỉ vì cái sắc khuynh thành ấy mà ra cả. Thì như Bella Như Nhang kia, lúc đi sắm đồ ở hãng Charner, lúc đi chơi chợ phiên, lúc đi xem diễn kịch, hàng vạn con mắt bọn nam nhi chẳng đổ dồn vào mình nàng là gì? Những cái lườm, cái nguýt của bọn chị em chẳng là những cái tang chứng ghen tỵ vẻ kiều mị của nàng là gì? Mà bao nhiêu lũ "con đen" lìa vợ, lìa con, phá gia, phá nghiệp khuân tiền đến cho nàng tiêu, cũng chẳng là vì một nụ cười của nàng sao?

Bella Như Nhang xưa nay vẫn yên chí như thế, nay bỗng gặp một người, chẳng những không thèm để ý đến cái sắc đẹp của mình, chẳng những không thèm nhìn đến những đồ châu ngọc mình trang sức mà lại hình như không biết mình ở đấy nữa, thì thế tất nhiên là nàng phải để tâm đến "anh chàng" chẳng thèm để tâm đến nàng vậy.

Ấy bọn phụ nữ thường hay yêu những người không yêu mình.

Oái oăm thay là ông Tạo vật!

Những trang sắc nước hương trời đã in sâu vào óc cái tư tưởng:

Sắc bất ba đào dị nịch nhân. [1]

Mà nay bỗng gặp một người không chịu say đắm vì mình, lẽ tất nhiên là phải để tâm đến cái "chỗ" không say đắm ấy.

Lúc Bella Như Nhang nhìn thiếu niên thì thiếu niên chỉ nhìn sách. Một lúc lâu, chàng đánh diêm hút thuốc lá rồi móc túi lấy ra bức thư mà chàng vừa nhận được lúc ban chiều. Phong thư đóng dấu nhà bưu điện Nam Vang (Phnômpênh) của phòng luật sư gửi cho M. Hoàng Cương ở Battambang, rồi sở bưu chính Battambang lại gửi theo đi (réexpédié) tới Angkor les Ruines.

---

1. Nhan sắc không có sóng gió nhưng dễ dàng làm người ta bị đắm chìm.

Phnômpênh ngày 2 tháng 8 năm 1930

Thưa ngài,

Theo như ý muốn của ngài, tôi đã cho mời các chủ nợ đến điều đình, họ đều không bằng lòng cho giả dần mà gay go nhất là nhà Đông Pháp ngân hàng. Họ đã đầu đơn ra tòa án xin phát mại sản nghiệp của ngài.

Cứ theo giá trước kia thì cả. lồn điền 600 mẫu tây đất ấy cùng các đồ nông khí có thể bán được tới 60.000$00. Nhưng nhất đán đem phát mại trong lúc đồng tiền đang khan này thì vị tất đã có kẻ mua tới 20.000$00. Mà để như thế thì sợ tiếng tăm, có điều trở ngại cho sự doanh nghiệp của ngài sau này. Vậy tôi đã hết sức điều đình với ông Mahomed Chettyar, ông ấy đã thuận mua tới 25.000$00. Trừ 4.000$00 tiền nợ, ông ấy còn phải trả lại ngài 21.000$00. Số tiền ấy chỉ đủ trang trải các món nợ khác và tiền bút giấy mà thôi. Tôi lấy bổn phận là người biện hộ và cái danh dự là bạn của ngài trong sáu năm giời nay mà khuyên ngài bằng lòng đi, vì làm như thế thì ngài sẽ toàn danh dự mà danh dự trong sạch vị tất đã không phải là cái lợi khí cần dùng nhất cho cuộc tương lai sau này. Định kiến ngài thế nào xin cho biết ngay.

Một người bạn rất trung thành của ngài.

MAITRE TROMEUR

Cái thư "ghê gớm" ấy, Hoàng Cương xem đi đọc lại chẳng đổi sắc, trên cái vẻ mặt nghiêm nghị rắn rỏi như tạc vàng đá kia, ta không thấy một cái triệu chứng gì nó biểu lộ cho ta biết được rằng cái con người mà cái thân thế, cái sự nghiệp có can thiệp với bức thư kia đã vì những nỗi éo le ấy mà cảm động. Đối với những người gan góc ấy thì sự khó khăn, đau đớn vị tất đã làm cho núng chí được mà đến ngay sự phú quý vinh hoa vị tất đã làm cho động lòng được.

Ở trong cái đời nhục thể này, đã bao kẻ hễ hơi có một sự gì buồn - vị tất đã đáng buồn - thì mặt nhăn mày nhó, mà hơi có một sự gì vui - vị tất đã đáng vui - thì hí ha hí hởn. Những kẻ đó đều là thiếu can đảm, thiếu nghị lực cả. Cuộc đời đã là một cuộc phấn đấu mà cái công lệ thiên nhiên là phải tiến lên mãi thì cơ tồn vong, sự thành bại chẳng qua là những bài học của hóa công, hà cớ gì mà phải quan tâm; cuộc đời đã là một trường huyết chiến thì dẫu khóc than cũng

chẳng ích gì, âu là ta cứ ra công rèn luyện cái bản ngã của ta cho ngày một cứng cáp, nên chăng thì ta biết với ta, thế chẳng cũng là quá đầy đủ rồi sao?

Hoàng Cương vừa nhìn bức thư vừa ngẫm nghĩ... Cái cảnh tượng tan tành ngày nay đã bắt ký ức của chàng phải quay đầu lại.

Chàng hồi tưởng lại xưa kia, chàng chỉ đem một bầu nhiệt huyết, một tấm lòng kiên nhẫn rời bỏ quê cha đất tổ là xứ Bắc Kỳ tốt tươi kia mà vào xứ Cao Mên nóng nực này. Nếu nhất đán có phải giở về chốn cũ thì cũng vẫn một bầu nhiệt huyết ấy, một tấm lòng kiên nhẫn ấy, nào có thiệt gì đâu, chẳng qua là tay trắng mà đi thì lại tay trắng mà về. Chàng ngẫm nghĩ đến đấy xoa tay rồi vùng cười xòa.

Tiếng cười chua chát, cay độc, tiếng cười lạnh gáy, ghê mình khiến cho Bella Như Nhang nghe tiếng mà phải giật mình, tờ báo đương cầm ở tay bỗng rời ra; những khách xem sách ở trong phòng đều phải sửng sốt quay đầu nhìn chàng. Tiếng cười kia có khác chi lưỡi dao cực sắc nó đã đâm toang cái màn yên tĩnh che phủ phòng xem sách nhà khách sạn Angkor les Ruines lúc bấy giờ.

Hoàng Cương biết mình sơ ý bèn bỏ chỗ ngồi đứng dậy ra hiên.

Đêm ấy là đêm rằm.

Trên vòm trời trắng toát, gương nga đưa đẩy, tỏa xuống dưới trần muôn nghìn đạo hào quang, khi mờ khi tỏ, bao phủ những đỉnh lâu đài cao chót vót, rải rác khắp chốn danh lam thắng tích này. Cây si cổ thụ mấy người ôm ở đằng trước khách sạn kia (mà có lẽ cũng là ở trước chùa Angkorwat nữa vì chùa với khách sạn đối diện nhau) nó rườm rà, tha thướt, lù lù như một bức Vạn lý tràng thành đắp ngược chặn lấp phía trời tây không cho chàng thấy các đỉnh lâu đài điện Angkorthom và các đỉnh chùa tản mác ở phía ấy.

Không biết vì lẽ gì nhà Viễn Đông bác cổ chủ trương trông coi những di tích Đế Thiên Đế Thích (Ruines d'Angkor) lại cấm không cho khách sạn làm nhà gác. Giá thử có một nhà lầu cao ngất thì ta đứng lên đấy, tầm con mắt có thể bao quát được hết các đại cương của các đống đá đổ nát mà người ta gọi là những kiến trúc vĩ đại của nền văn minh Ấn Độ kia. Các di tích ấy rải rác khắp trong một khu vực hơn mười cây số vuông.

Tiếng cắc kè kêu ở kẽ hộc (có thể gọi xứ Cao Mên là xứ cắc kè được vì đi đến đâu cũng chỉ nghe tiếng cắc kè) hòa lẫn với tiếng cây

reo, họa nên những khúc nhạc rất khắc khoải, rất thê thảm riêng cho sứ Cao Mên.

Bóng giăng vằng vặc chiếu xuống, một cảnh bí mật êm đềm như giục lòng khách...

Hoàng Cương lần theo bóng giăng, vừa đi vừa ngắm cảnh...

Suốt một góc trời tây, lố nhố những đỉnh lâu đài cao vòi vọi, đột khởi ở trong đám rừng cây cối đen sì...

Cái trạng thái ấy đã gây cho vùng Đế Thiên Đế Thích một cảnh tượng hùng vĩ lạ thường.

Nếu ta muốn tưởng tượng cái hùng vĩ của nó thì tất cả nhà cửa thành phố Hà Nội đem rỡ ra, chất thành một đống gạch, mới gọi phác ra được đôi ba phần. Nhưng cách kiến trúc kia còn có vẻ mỹ thuật, lộng lẫy biết là bao, mà những di tích ấy lại chen chúc vào trong những rừng cây bát ngát thì còn có vẻ mỹ quan hơn nhiều.

Hoàng Cương noi theo một con đường thật rộng, lát toàn những tấm đá to bằng cái mặt bàn, qua mấy dẫy hành lang, trèo mấy lần thềm đá, mới lên đến chỗ chính điện cao nhất của Angkorwat.

Chùa này làm toàn bằng đá, nóc đá, vách đá, cột đá, sàn đá, chạm trổ rất cầu kỳ. Hoàng Cương đứng ở đấy nhìn khách sạn Angkor les Ruines thấp lẹt đẹt nhỏ tí tẹo, đối với chùa này chỉ như một chiếc thuyền nan đứng cạnh một chiếc tầu bể to lớn vậy. Nhưng trong nhà khách sạn đèn thắp sáng choang, nó biểu hiệu cho sinh hoạt mà chùa này thì bốn bề tường đá im lặng như tờ, nó bảo cho khách biết rằng: cái di tích hùng vĩ này chỉ còn là một nơi hoang phế mặc cho gió dập mưa vùi. Bóng nga phản chiếu, bao la sắc đá trắng nhạt một mầu, trong cái cảnh hùng vĩ lạnh lùng ấy như hiện ra một vẻ thê lương thảm đạm khiến cho lòng khách giang hồ phải ngậm ngùi về nỗi "sao dời, vật đổi" luống lại ngao ngán cho thân thế nổi chìm.

Này Angkorwat, nọ Angkorthom cùng bao nhiêu lâu đài, bao nhiêu chùa, miếu xưa kia lộng lẫy, nguy nga biết bao mà nay chỉ còn là những đống đá xanh ngổn ngang chồng chất!

Đế Thiên Đế Thích xưa kia cổ nhân đã tốn bao công phu, trải bao thế kỷ mới xây đắp nên ngươi, nay ngươi chỉ còn là một vật kỳ quan bí mật nó khêu gợi tấm lòng tò mò của khách năm châu.

Song những du tử đến đây, chẳng biết có hiểu thấu cho rằng mỗi một hòn đá này là một mạng người, mỗi một giọt nước ở hồ kia là một giọt máu đào không???

Chẳng biết khách có biết cho rằng chốn này xưa cũng là một đế đô phồn thịnh của một dân tộc, chốn này xưa kia đã nung đúc nên biết bao nhiêu bực anh hùng cái thế làm vẻ vang cho giống nòi, chốn này xưa kia đã trải qua một thời kỳ khói hương sầm uất, ngày nay chỉ còn lạnh ngắt như tờ không?

Bao nhiêu thảm trạng tranh quyền cướp nước, bao nhiêu "ân ái éo le" đã làm cho chìm đắm biết bao nhiêu trượng phu hào kiệt, thục nữ thuyền quyên, mà ngày nay... ngày nay thì dẫu đến nắm xương tàn ta cũng không còn trông thấy nữa!!!

Đế Thiên, Đế Thích, ngươi là một nguồn học vô tận cho nhà khảo cổ, một mối tiêu sầu thú vị cho khách năm châu, nhưng đối với ta, ngươi chỉ là cái tang chứng hiển nhiên của cuộc đời dâu bể, ngươi chỉ là một mối não nùng ai oán cho cảnh phù du.

Hoàng Cương nghĩ đến đấy muốn hét lên một tiếng: "Ai ngờ"? Ai ngờ đâu những công trình lao khổ của mấy mươi triệu con người trong bao nhiêu thế kỷ, những chí khí vĩ đại oanh liệt của bao nhiêu bực anh hùng, ngày nay chỉ còn là một đống đá rêu!!!

"Hữu hình tất hữu hoại", ngán thay! Cái thời gian vô tình kia đã xây đắp nên thì cái thời gian cay nghiệt kia lại đạp đổ đi, thế thì đời người thấm thoát, trăm năm nào có ra gì!!!

Ôi! Gương kim cổ rành rành ra đó, khách phù du sao cho khỏi ngậm ngùi!

Hoàng Cương hồi tưởng lại xưa kia lúc còn măng sữa, cha yêu mẹ quý, sung sướng biết là bao, nhưng chẳng may thông huyên sớm vội lánh trần, tấm thân "tầm gửi" nhờ người, đã phải chịu bao nhiêu chiều cay đắng. Gặp đến lúc, thân đã lớn, chí đã thành, những tưởng đem một bầu nhiệt khí chống chọi với ông xanh già để chiếm lấy một ghế ngồi trong vũ trụ, cái chí nguyện bình sinh tưởng chừng như vượt qua muôn trùng sóng gió, giẫy đạp chông gai mà bước lên, chứ có ngờ đâu đến cái quang cảnh ngày nay!

Chàng lại hồi tưởng khi 18 tuổi đầu, lìa phần mộ, lìa quê hương mà đến xứ này; nào khi doanh nghiệp bôn ba, cái thân thế tang bồng nay đây mai đó, khi Vọng Các (Bangkok), khi Sài Gòn; nào lúc trèo

đèo lặn suối, mặt phong trần đã bao phen dãi gió dầm mưa, nay núi Đậu mai Biển Hồ. Dầu cực khổ mà chí chẳng chùn, gian nan mà lòng chẳng đổi, bao nhiêu năm giời thân cò lặn lội, mới gây được một cái cơ nghiệp cỏn con, ngày nay bỗng bị ngọn trào "kinh tế" nó cuốn hút ra tận bể khơi, tan tành man mác còn có gì đâu!

Chàng càng ngẫm nghĩ lại càng chán nản cho đời, ái ngại cho thân, nhưng trông thấy những đống đá lù lù trước mặt, nó như nhắc nhở lại cuộc tang thương, nó như vẻ mỉm cười chế nhạo mà bảo rằng:

" Sao anh không trông tôi đây?"

Phải, bể dâu dù biến đổi, đá kia vẫn đứng trơ trơ:

Gan lì, già sọc có non gì mà sợ cóc chi ai.

Chàng bùi ngùi cho cảnh vật, xót xa cho thân thế, luống lại chạnh niềm nhớ tới người xưa. Ừ mà, tướng quân Marius khi xưa đã bao phen đạp xương tắm máu, xông pha trong bãi chiến trường, lập nên những đại kỳ công làm vẻ vang cho xứ La Mã (Rome), đã bao phen nắm cái uy quyền "trấn quốc" ở trong tay, thế mà khi 80 tuổi, tóc đã bạc, lưng đã còng, chân đã mỏi còn phải lênh đênh, cơ khổ lẩn lút xứ người. Tuy vậy mà chí chẳng chùn, gan chẳng núng, sau lại khôi phục được cơ đồ nghiêng ngửa. Cổ nhân thì mãnh liệt hùng dũng như kia, sao mình lại yếu đuối hèn nhát thế này. Nghĩ đến đấy, Hoàng Cương đã thấy phấn khởi trong lòng, dận mạnh gót chân xuống đá mà nói to lên rằng:

– Cho người về bảo chủ ngươi: có thấy Marius Tướng quân ngồi trên di tích đổ nát thành Carthege [1].

Chàng nói vừa dứt lời thì có tiếng người hỏi:

– Thầy Hai nói chi mà coi bộ giận dữ vậy?

Rồi một cái bóng xanh xanh, trắng trắng, thướt tha, phảng phất như một cái hồn ma mới chui ở dưới đá lên, mà hiện ra trước mặt. Hoàng Cương định thần nhìn kỹ thì là Bella Như Nhang. Chàng đương bàng hoàng chưa kịp giả lời thì nàng lại hỏi:

– Có phải thầy Hai đến thăm Đế Thiên Đế Thích này cũng có một mối cảm tưởng như Marius tướng quân, hồi trốn tránh đến thành Carthage không?

1. Câu nói của tướng Marius trả lời lính thị vệ của Toàn quyền xứ Carthege đến đuổi ông khi ông bị truy nã phải trốn đến đây.

– Thưa cô, tôi đâu dám ví mình với cổ nhân.

– Cổ nhân thì cũng là mình chứ ai, cũng gan ấy, cũng óc ấy, cũng cùng phải chịu một cái cảnh tình ấy, thì cũng phải đeo một mối cảm hoài ấy, có khác gì đâu. Phải, Marius tướng quân xưa kia, tỉ cái thân thế mình khi oanh liệt cũng như thành Carthage lúc cường thịnh, mà lúc thân thế gian nan, cũng như thành Cathage khi đổ nát. Tướng quân cám cảnh chạnh lòng mà phát lộ ra nhời ấy. Nhưng sau khi Marius tướng quân lại hiển hách trở về thành La Mã chẳng biết còn có nghĩ gì thương đến thành Carthage đổ nát kia không?

– Thưa cô, người là người, vật là vật, sức người há chống chọi được với búa giời ru? Thành Carthage kia cùng chùa Đế Thiên Đế Thích này há chẳng là phải chịu chung cái công lệ thiên nhiên mà đào thải theo thời gian sao? Cơ trời đã dĩ nhiên như thế, thì ta dù có thương xót chẳng qua cũng là thương xót cho cái thân thế phù du, chứ đã tấm bụi trần ở trên mặt đất, há canh cải được những quy tắc thần bí của hóa công sao?

Nguyên Bella Như Nhang từ khi Hoàng Cương bỏ phòng sách ra ngoài hiên, nàng tò mò muốn biết con người kỳ lạ ấy bèn theo ra định bụng lân la làm quen hỏi chuyện. Nhưng khi ra đến nơi, đã không thấy chàng đâu. Nàng vừa muốn quay về phòng ngủ thì vừng giăng sán lạn, cảnh vật thanh u như gợi ra trong lòng nàng một mối cảm hoài vô hạn, nàng bèn lần theo bóng giăng mà đi... cũng ngẫu nhiên mà được nghe câu nói, xong nàng đã định bụng im đi, nhưng không biết một cái sức mạnh thần bí gì nó buộc nàng phải hỏi.

Hai người vừa đi vừa nói chuyện, phút chốc đã ra khỏi mấy lần cung điện.

Gió thổi... những lá cây dừa cao chót vót ngất nghểu ở trước sân chạm nhau kêu sột soạt; những tiếng dế cùng những tiếng của bao nhiêu con vật vô hình nó ẩn núp ở dưới đất pha lẫn với nhau mà nổi lên một thứ âm hưởng bi ai thảm khốc như tiếng khóc than rền rĩ của hồn ma, bóng quỷ phảng phất ở đâu đây. Những bông hoa rừng chen chúc ở trong kẽ đá xông ra mùi hương ngào ngạt. Mùi đá, mùi rêu, mùi đất, mùi cây hòa lẫn với nhau tỏa ra bầu giời một thứ hương lạ lùng "khác tục"; luồng gió mát mẻ thơm tho như cuốn cuộn hai người vào một cõi bồng lai tịch mịch; gương nga chênh chếch như bao bọc hai người vào trong vòng hào quang ấm áp...

Cái vẻ mặn mà khả ái của cảnh vật như giời chỉ dành phần riêng cho khách giang hồ du tử.

Bước xuống đến thềm, Balle Như Nhang lại hỏi:

– Thầy Hai ôi, đã biết đạo giời là như thế mà sao người ta vẫn cứ thi nhau sáng tạo, xây đắp nên những "cái" mà đã biết chắc sau này sẽ phải tan tành, mà đã biết thế sao còn lăn lóc sống chết vì danh lợi là những cái "hư vô" nhỉ?

– Người ta lúc mới sinh ra đã biết chắc rồi sẽ phải chết, sao mà vẫn phải sống, mà cho dẫu đến phút cuối cùng vẫn chứa chan những hy vọng về sự sống. Giá dụ ông hóa công khắt khe kia, lúc sinh ra người, lại in ngay cái "tử kỳ" vào mặt thì cõi đất sẽ không phải là cõi đất ngày nay nữa. Thế giới ngày nay sở dĩ là thế giới ngày nay là vì con người ta, ai cũng có một "vũ trụ hy vọng" ở trong lòng. Đã đeo nặng cái hy vọng ấy, lẽ tất nhiên là phải lo hành động cho đạt những điều sở nguyện. Chẳng qua phép giời là phải "động" luôn. Kìa, cô trông các tinh tú trên giời, có lúc nào ngừng không? Nếu ngừng lại thì cái thế giới này sẽ phải diệt vong vậy. Tuy rằng "động" luôn như thế mà vẫn phải theo một cái ngoài khuôn phép, nghìn muôn năm cũng thế mà thôi. Ví dụ nếu các tinh tú mà "động" ra ngoài khuôn phép, thì vị nọ thế tất nhiên sẽ đụng phải vị kia, mà đụng nhau thì... Nói đến đây, hai người nhìn nhau cả cười.

Gương nga vẫn vằng vặc tỏ một góc giời...

Balle Như Nhang lại nói:

– Nghe thầy nói, như được nghe những nhời bàn xác đáng của một nhà triết lý. Còn tôi thì vừa ngu, lại vừa ít học, thành thử tuy là có óc mà cũng như không.

– Cô đã đọc qua sách của Plutarque tiên sinh thì sao gọi là ít học được. Cô đọc đến "đời Marius Tướng quân" mà có còn nhớ câu châm ngôn kia, chắc là lúc đọc đến đoạn ấy, cô cũng xúc cảm mà để tâm suy xét, đã thế sao gọi là ngu được?

– Thầy Hai, cứ nói tốt cho tôi làm gì? Chẳng qua đọc thì nhớ lõm bõm đó mà thôi, chẳng qua như nước mặt hồ kia, bóng giăng chiếu xuống thấy mình sáng thì biết rằng mình sáng đấy thôi, chứ nào có biết tại làm sao mà mình sáng đâu?

Nàng vừa nói vừa chỉ tay xuống mặt hồ...

Một làn nước bạc trắng phau, phẳng lờ như một tấm thảm. Lâu

lâu, một luồng gió thoảng qua làm cho mặt nước lăn tăn biến hóa ra muôn nghìn con rắn trắng đuổi nhau trên mặt sóng... Dưới đáy nước, một vừng giăng trắng xóa như một cái đĩa bạc...

Nhìn bức tranh tuyệt xảo của hóa công; đứng trước một cảnh tượng nên thơ của tạo vật, chạm trán với một vấn đề huyền bí của vũ trụ, hai người bỗng xúc cảm mà đem lòng nghĩ ngợi...

Trầm ngâm một lát lâu, Bella Như Nhang mới hỏi chàng:

– Tại sao giời lại sinh ra mặt giăng nhỉ? Ừ thì giời sinh ra mặt giời đã đành rằng để cho người ta được sáng sủa làm lụng để nuôi sống, cho cây cỏ hấp thụ lấy khí ấm áp mà sinh chồi nẩy lộc. Ừ thì giời sinh ra ban đêm để nghỉ ngơi, để di dưỡng lấy sức khỏe, lấy tinh thần. Nhưng đã ngủ thì thôi chứ. Cớ chi giời lại sinh ra giăng rằm nhỉ? Sao lại sinh ra cái hiện tượng nửa tỏ, nửa mờ thế; mà sao những cảnh tượng đêm giăng lại êm đềm, đẹp đẽ thế này?

Hoàng Cương nghe nàng nói mà bàng hoàng, không ngờ một người con gái lại có cái kỳ tưởng suy xét đến thế, gieo một mối cảm tình nồng nàn đến thế. Câu hỏi khó giả nhời thay! Chàng tự xét cũng không biết hóa công đã sinh ra đêm giăng để làm gì?

Hai người vừa đi vừa ngẫm nghĩ, nặng trĩu một tấm lòng thơ, thì vừa lúc ấy, ở trên con đường đá trắng xóa kia, hai vợ chồng người quản lý nhà khách sạn đang dắt nhau vừa đi vừa cười về phía cổng chùa, hình như ông hóa công sai đem câu giả nhời có sinh hoạt đến cho hai người, hình như ông hóa công muốn đem gói ghém cặp vợ chồng kia vào trong tấm màn "băng" để cho cái khí vị nồng nàn, ấm áp, của ái tình nó khỏi tan đi vậy.

Balle Như Nhang trông thấy thế, nhìn Hoàng Cương mà sửng sốt, mà bối rối nhưng chàng vẫn bình tĩnh như thường. Hai người lững thững giở về, khi chàng từ giã nàng để về phòng ngủ, nàng còn dặn với:

– Tôi nghe nói thầy ở Cao Mên lâu năm, thầy lên đây vãn cảnh luôn, thông thuộc vùng này lắm, vậy sớm mai thầy làm ơn đưa tôi đi xem và giảng cho tôi nghe nhé.

Bella Như Nhang về buồng trằn trọc không sao ngủ được, những cảm tưởng hồi vừa qua bắt thần trí nàng phải suy nghĩ...

Nàng nghĩ đến biết bao kẻ nam nhi xưa kia chỉ một cái liếc mắt, một cái mỉm cười của nàng cũng đủ làm cho bó tay chịu trói mà sao

cái anh chàng gặp gỡ này lại gan lỳ thế được? Nàng lại nghĩ đến những di tích nàng đã xem qua, xưa kia, lộng lẫy biết bao, mà nay chỉ còn là một đống đá. Thế thì cuộc phú quý vinh hoa ở trên đời này phỏng có ra gì! Nàng lại nghĩ bấy lâu nay nàng nằm trên đống tiền, nàng đã được hưởng những lạc thú gì? Một vành lược bạc, gẩy tan nhịp gõ, một mảnh hồng quần hoen ố rượu rơi, thì dấn mình vào cõi yên hoa chẳng qua là: "gặp thời thế thế thì phải thế" chứ đồng bạc trắng kia nào đã đem lại cho khách má đào được một chút "chân lạc thú" nào đâu! Nghĩ đến đấy, nàng thấy trong mình lạnh lùng, trống trải hình như thiếu thốn một "thứ" gì. Các nhà tiểu thuyết thường nói: "Ân ái là nguồn lạc thú mà chốn gia đình là cõi tiểu thiên tiên". Nhưng nhìn quanh mình thì thấy trái hẳn. Biết bao nhiêu bạn gái đã phải chịu trăm điều đắng cay về nỗi chồng con. Nàng đã biết thế mà chính thân mình khi đào còn tơ, liễu còn yếu cũng đã qua cầu ấy, nên từ bấy đến nay, nàng vẫn giữ mình, chẳng để cho vướng víu. Còn như nói ân ái là nguồn lạc thú thì đấy, những kẻ bấy lâu nay lăn lóc sống chết vì nàng chẳng qua là cái gương phản trái lại ư? Nào đã thấy ai tìm được một chút hạnh phúc gì đâu? Hay chỉ mua lấy cái vạ nghiệp đổ nhà tan. Nàng ngẫm nghĩ đến đây rồi lại tự hỏi: nhưng ngoài chốn gia đình, ngoài sự ân ái ra thì trong đời người đàn bà còn có việc gì đáng để tâm nữa không? Nghĩ đến đấy, nàng sửng sốt, bàng hoàng toát mồ hôi...

Ngoài những "cái" ấy ra thì đều là "hư vô", đều là mộng, đều là "không không" cả. Thế ra từ bấy đến nay nàng đã lăn lóc về những cái "hư vô", nên sắc có mà hình không! Nàng lại thấy một tiếng gọi ở trong bể lòng nó đột khởi lên, rồi muôn vật hình như bảo nàng phải "yêu" để sống, phải "yêu" để cầu lấy chân lý sự sống, rồi nàng thấy một cái buồn rầu vô hạn nó bao la ở trong cái lạc thú vô hạn hiển hiện ra bởi cái ái tình vô hạn...

Ngọn đèn điện le lói... Nàng nhìn xuống chiếc nhẫn kim cương, chiếc vòng kim cương lóng lánh như sao mà nàng buồn, mà nàng giận, mà nàng mắng:

"Cái ánh sáng khốn nạn của bay đã làm cho ta lóe mắt mà đi sai đường lạc lối, bay có biết không?"

Rồi nàng nhìn qua cửa sổ, những đỉnh chùa Angkorwat như chỉ rõ cho nàng biết cái "hư vô" của nhục thể, rồi nàng nghĩ: Ừ, đã đành rằng ngoài nguồn tình ái, thì ở đời "sắc, ương" đều không cả, ừ đã

đành rằng bể tình là bể khổ mà ta vẫn phải dấn mình vào mới tìm thấy sự lạc thú, nhưng ta biết yêu ai bây giờ? Ta tìm đâu cho thấy một người đáng yêu để... Nghĩ đến đây thì hình ảnh của Hoàng Cương như hiển hiện ra ở trong thần trí nàng; một nguồn sinh hoạt mới mẻ thơm tho như theo cái hình ảnh kia đến mà nhập vào thân thể nàng vậy. Rồi, nàng phải tự nhận rằng đã yêu Hoàng Cương, nàng yêu thực, nàng yêu lắm. Có lẽ nàng đã bị "một tiếng sét của ái tình" nó đánh phải, nhưng một tiếng sét mới êm đềm thú vị làm sao!

Trong một đời người, mà chưa có một tiếng sét ấy, chưa đủ gọi là một đời người vậy.

Ái tình! Ái tình! Nó có phép thần thông rất quảng đại, thuật biến hóa rất nhiệm mầu. Nó làm cho kẻ dại nên khôn, kẻ ngu nên trí, nó khiến cho kẻ đại gian, đại ác thành ra đại nhân đại nghĩa. Nó bắt ta phải lo sợ, buồn rầu, nhưng lo mà vẫn vui, buồn mà vẫn thú.

Nó tức là ngọn thần đăng soi sáng cho ta trong bước đường đời tối tăm này vậy.

Bella Như Nhang nghĩ đến Hoàng Cương thì nàng thấy nàng "sống" một cảnh đời mà xưa nay nàng chưa từng "sống", nàng thấy một cái ánh sáng hi vọng nó đột khởi lên. Nhưng nàng lại lo:

"Không biết cái anh chàng mặt sắt lạnh lùng kia có lòng yêu đến ta chăng? không biết..."

Nàng ôn lại trong trí nàng những cách cử chỉ của Hoàng Cương mà nàng phải áy náy. Nhưng áy náy cũng là áy náy vậy thôi, chứ nó cũng không làm cho bế tắc được nguồn lạc thú bồng bột ở trong lòng nàng lúc bấy giờ.

Nàng trông bó hoa hồng đang phô thắm ở trên mặt bàn như có vẻ ghen tị sự sung sướng của nàng, nhưng quay lưng lại nhìn đến chiếc giường lò xo rộng rãi, chiếc gối trơ trọi lại ra chiều mai mỉa.

Rồi, không biết... không biết tại làm sao nàng bỗng bưng mặt khóc.

Từ xưa đến nay, bao kẻ chết vì nàng, nàng không khóc, bao kẻ điêu đứng vì nàng, nàng không khóc, ngày nay nàng đi khóc một cái vô hình... Mà con người đá ấy đã phải khóc, ắt sự chẳng vừa. Nàng nghĩ đến tấm thân ngọc ngà đem ra làm mồi thơm cho ong bướm, làm cái cạm để bẫy tiền mà nàng tự mình lại "ghê tởm" cho cái thân mình. Ôi! Ví dụ Hoàng Cương yêu ta thì ta chỉ đem hiến cho người yêu một tấm thân hoa tàn nhị rữa này, thì nhục nhằn biết là bao! Nhưng trái tim

nóng nó đập thình thịch ở trong ngực nàng hình như nhắc nhở cho nàng biết: ta đây mới là vật đáng kể, còn những bộ phận khác đều là những cái bỏ đi; ta đây thì dẫu bể dâu biến đổi cũng vẫn trơ như đá, vững như đồng, chứ những "cái" kia có chống chọi được với thời gian cay nghiệt đâu. Nghĩ đến đấy nàng lại tự nhủ nàng:

– Biết đâu Hoàng Cương chẳng cũng nghĩ như thế.

Sáng mai, nàng dậy thật sớm, ra công trang điểm cho thiệt đẹp. Nàng đã đẹp lại muốn đẹp thêm, đẹp nữa, để cho ai cũng phải để ý đến. Trong cái rương áo của nàng thì thôi có thiếu gì mà nàng phải chọn mãi chẳng được cái nào vừa ý, sau mãi nàng mới mặc tạm cái áo nhiễu trắng.

Nàng nhìn vào gương đứng thấy hiển hiện ra một cô thiếu nữ lộng lẫy như ngọc, trắng trẻo như ngà mà nàng tự nghĩ: "Nếu về đất Sài Gòn ta chỉ hô lên một tiếng, còn biết bao nhiêu kẻ sẵn lòng chết vì ta, nhưng chẳng biết cái anh chàng họ Hoàng kia có để ý gì đến cái đẹp của ta không?"

Nàng đến phòng ăn, thì còn sớm lắm, chưa ai đến. Nàng bảo bồi dọn chung, để nàng cùng ngồi ăn điểm tâm một bàn với Hoàng Cương. Nàng lại cho thu xếp đồ ăn để nàng đem đi ăn buổi trưa vì nàng định đi chơi đến chiều mới về.

Nàng ngồi chờ mãi, đến hơn bẩy giờ. Hoàng Cương mới đến, tay cầm cái ống nhòm. Nàng liền vồn vã hỏi:

– Sao thầy Hai ngủ trưa dữ thế, đem ống nhòm đi để làm gì?

– Không, tôi dậy đã lâu, nhưng tưởng cũng như mọi ngày cô dậy trưa, nên còn ngồi xem sách mãi, ("À thế ra từ trước đến nay, chàng cũng vẫn để ý đến ta", nàng nghĩ mà mừng thầm). Hôm nay, tôi định đưa cô lên trên lăng ở đỉnh núi Phnompakhean, đứng đấy có thể trông thấy rõ Biển Hồ mà nếu dùng ống nhòm thì lại càng tỏ rõ lắm.

Cái xe hòm rộng rãi êm ái đã chờ ở cửa. Mọi ngày nàng đi chơi đâu vẫn cầm lái lấy, nhưng hôm nay nàng thấy tinh thần dường như vơ vẩn, không chú ý được, sợ có điều bất trắc, bèn sai tài xế cầm.

Lúc ra đến xe, Hoàng Cương vừa định trèo lên ngồi đằng trước với bác tài thì nàng vội nắm áo mà bảo rằng:

– Thầy Hai ngồi dưới này nói chuyện với tôi cho vui. Một người như thầy mà còn e lệ những điều tiểu tiết ấy sao?

– Đối với tôi thì có hề gì, nhưng sợ có điều bất tiện cho cô.

– Bất tiện gì, tôi thân cô, thế cô, một mình trơ trọi ở trên đời này, thầy tính còn ai để tâm gì đến mình mà hòng...

Nàng vừa nói, vừa để ý nhìn Hoàng Cương xem chàng có ái ngại cho thân thế nàng không, nhưng bộ mặt gân guốc già cằn kia vẫn lạnh lùng như tuyết, nàng thấy thế mà buồn.

Lăng Phnompakhean ở trên một ngọn đồi cao, cách khách sạn độ gần một cây số. Vụt chốc xe đã đến nơi. Đường lên rất dốc, thật khó đi, nàng vừa đi, vừa thở hổn hển, lắm lúc giả đò như muốn ngã, xem anh chàng kia có lại gần đỡ cho nàng không, nhưng anh chàng cứ khom khom rảo bước chẳng để ý gì đến. Nàng thấy thế mà thất vọng, nhưng lại tự nghĩ:

– Ở đời có chí thì nên; dẫu sự tình ái cũng phải có công phu thì mới có kết quả được, ta đã vội gì mà nản lòng.

Xứ Cao Mên, tuy về đêm mát mẻ, nhưng ban ngày thì nóng bức lắm. Vì mưa luôn, đất ướt, đường lại trơn, trèo lên là vất vả, Bella Như Nhang lên đến đỉnh, đã mệt thở không ra hơi, mồ hôi ra ướt đẫm cả áo. Nàng phải ngồi nghỉ ở trên tảng đá "vết chân bụt". Vết chân bụt này rộng độ hơn một cái nong. Dưới bàn chân, có thích chữ Cao Mên. Hoàng Cương chăm chú đọc. Bella Như Nhang thấy thế bèn hỏi:

– Thầy Hai cũng biết chữ Cao Mên à?

– Có, tôi làm đồn điền, thường hay giao thiệp với người Cao Mên, cũng phải biết.

– Sao tôi nghe người ta nói thầy là người buôn bán.

– Có, ngoài vụ kia thì tôi đi buôn.

– Tôi đi qua Nam Vang (Phnômpênh), Gò Sật (Pursat), Đũng Sa Nang (Kompongchnang) thấy các người buôn bán toàn là các chú cả.

– Thế thầy giao thiệp với họ, thầy có biết tiếng họ không?

– Tôi cũng có biết, người Bắc Kỳ tôi, lúc nhỏ thường ai cũng học chữ Hán, nên học tiếng Khách cũng dễ.

– Thầy biết nhiều thứ tiếng cũng thú nhỉ?

– Thú gì? Tôi chỉ vì biết lắm thứ tiếng mà suýt nữa mất mạng đấy.

Hoàng Cương nói xong biết mình lỡ lời, vội im đi, nhưng Bella Như Nhang cứ gặng hỏi đầu đuôi mãi, thành thử chàng không muốn nói mà phải nói:

Đầu đuôi có gì đâu! Một hôm tôi có việc đến nhà một người bạn ở một xứ đồng rừng kia. Vì mưa không về được, y rủ tôi đến nhà Bang trưởng đánh mà chược. Cái nghề đánh bạc, cố tính ai lại muốn thua bao giờ, tôi ngồi đánh đầu cánh trên lão Bang, đánh "đì" dữ lắm. Lão ta không ù được. Lão ta tức. Gia dĩ các chú ở xứ này giao thiệp với người ngoài thường hay dùng tiếng Cao Mên, nên lão ta cũng không biết tôi nói được tiếng Khách. Lão ta nói nhiều câu thô bỉ lắm, tôi vẫn làm lơ như không biết, nhưng sau lão ta nói đến câu "Ố nàm chày sẩy lừa"; (An Nam tử khốn nạn) không dừng được, tôi bèn vùng dậy, nắm cổ lão ta mà hỏi:

– Anh thử đứng với tôi, coi ai nhớn hơn? Sao anh khinh người thế, anh có biết Nhật Bản nó gọi anh là giống gì không?

Lão ta tưởng tôi đánh lão, kêu cứu ầm ỹ, một lũ đầy tớ lão xông ra đánh tôi. Cùng thì phải tính, tôi liền thuận chân đạp lão ta ngã chúi xuống và nhấc cái ghế ngồi, đánh lung tung. Nhưng "mãnh hổ bất như quần hổ" tôi vừa đánh, vừa đỡ, vừa lùi. Lùi ra đến cửa, cửa khóa! Đã tưởng mình phải chết thì vừa may, mấy đứa đầy tớ Cao Mên đi theo tôi ở nhà bên cạnh, thấy tiếng ồn ào, liền chạy sang phá cửa, xông vào cứu được tôi ra. Từ đấy, tôi thề không học thêm thứ tiếng nào nữa.

Bella Như Nhang nghe chàng kể chuyện đến chỗ nguy hiểm, lòng nàng bồn chồn lo sợ thay cho chàng tưởng chừng như nàng đang mục đích tấn kịch kia vậy. Lúc chàng nói dứt, nàng mới hỏi:

– Thế thầy có bị vít (thương tích) nào không?

– Có, cái sẹo ở trên đầu này là một cái tang chứng nguy hiểm cho những người biết lắm thứ tiếng đấy.

Hoàng Cương hồi tưởng đến việc ấy cũng tủm tỉm cười, nhưng Bella Như Nhang thì mặt có vẻ ái ngại, rồi bỗng nhiên nàng đứng dậy, chạy lại, chẳng nói năng gì, lật mũ chàng ra xem. Thấy cái sẹo to tướng nó rành rành ra đó, nàng dươm dướm nước mắt, rồi nàng lấy tay vuốt mái tóc chàng. Lúc bấy giờ nàng mới biết sự lạc thú của cái khóc, nàng thấy trong mình khoan khoái như một người mẹ vuốt mái tóc đứa con cưng bị ngã mà lại có vẻ mặn nồng hơn: như một người yêu vuốt mái tóc của người yêu vậy.

Hoàng Cương thấy nàng cử chỉ sỗ sàng thế, có vẻ bất bình. Chàng có biết đâu cách cử chỉ mà bề ngoài chàng cho là sỗ sàng ấy có ẩn một mối tình yêu vô hạn ở trong.

Bella Như Nhang dường như biết ý bèn nói chữa:

– Tôi vừa muốn học tiếng Cao Mên, nhưng ngày nay tôi cũng theo thầy mà không học một thứ tiếng gì nữa. Thầy bảo đứng đây trông thấy Biển Hồ, nào có thấy đâu?

– Muốn thấy thì phải trèo lên gác sân ở đỉnh lăng kia chứ.

Rồi chàng đưa nàng vào trong lăng.

Lăng này ở đỉnh núi, cao lắm. Nhà Viễn Đông Bác Cổ có làm một cái thang sắt để trèo lên sân gác. Thành thang nhỏ rất khó đi. Bella Như Nhang vốn người nhanh nhẹn bạo dạn, xưa nay chẳng biết sợ là gì, nhưng nàng muốn đem dốt Hoàng Cương vào trong lưới tình, bèn dùng những bí quyết mà xưa nay nàng đã làm cho chìm đắm bao nhiêu nam tử, nàng làm ra bộ sợ sệt mà rằng:

– Trời ơi! Thang cao thế này, bực nhỏ thế này, tôi trèo làm sao được? Nhưng đã lặn lội lên tới đây, mà không được coi những cảnh đẹp ấy chẳng cũng là uổng lắm sao?

Cái “tiếc”, cái “muốn” của phụ nữ chẳng đã làm nghiêng đổ bao nhiêu cơ đồ!!!

– Được, cô bỏ giầy ra, cứ mạnh bạo trèo lên, tôi đỡ.

Nàng trèo lên trước, chàng trèo lên sau, thỉnh thoảng lấy tay đỡ chân nàng. Đến lưng chừng, Bella Như Nhang lại giả đò run sợ, không trèo nữa khiến Hoàng Cương phải tiến lên mấy bực, lấy tay choàng vào lưng nàng, nưng lên. Bella Như Nhang thấy một nguồn sinh thú lạ thường ở bàn tay kia nó chạy vào mình nàng, nhưng lên gần đến nơi, nàng nghiệm ra rằng cái bàn tay sắt kia không phải là bàn tay thịt, nó không có cái vẻ run rẩy ấm áp của ái tình. Nàng thấy thế mà đau điếng người đi, chân không buồn bước nữa, nàng chỉ cầu thầm cho bực thang gẫy ngay xuống, cho được cùng chết với người yêu. Nhưng sự thực là đó; cái bàn tay sắt nó cứ bám chặt lấy mình nàng mà đưa lên như một pho tượng vậy.

Lên đến đỉnh lăng, nàng buồn bã chẳng thiết gì nhìn cảnh vật nữa, nên khi Hoàng Cương đưa cái ống nhòm cho nàng, nàng nói:

– Thầy hãy xem trước đi, tôi còn mệt hoa cả mắt.

Hoàng Cương liền ra tựa vào lan can lấy ống nhòm nhìn... ngắm...

Nàng thấy chàng đứng lất la lất léo ở lưng chừng giời, những muốn chạy lại du cho chàng ngã xuống. Nhưng nghĩ đến đây, nàng

lại thấy đau đớn lạ thường, tưởng chừng như cái chết của con người đứng kia tức là cái chết của mình vậy. Nàng lại muốn chạy lại ôm lấy Hoàng Cương bế vào lòng mà hỏi:

– Pho tượng sành! Pho tượng sành! Lòng người sắt đá chi chi mà không biết ta yêu, ta quý ngươi?

"Pho tượng sành" vẫn đứng sừng sững. Chán thay!

Trên từng mây trắng xanh, con "rồng lửa" phun nhiệt khí bức bối ra vũ trụ...

Cây cối núi non uể oải như ngây ngất ở trong lò.

Bella Như Nhang thấy lòng mình ngây ngất hơn cảnh vật. Nàng thấy một cái "khó" nó nổi lên ở trong đời nàng. Cái khó ấy là sự chiến đấu với thời gian để giật lấy "quả tim vàng" nó ẩn ở trong cái "ngực sắt" của con người đứng trước mặt.

Hoàng Cương cứ điềm tĩnh đứng nhìn phong cảnh, một "thế giới cảm giác" sôi nổi ở chung quanh chàng, chàng có biết đâu.

Biết những cái "khó" đã là một sự khó. Nhưng "biết rằng khó" tức là cái nguồn sinh ra những sức mạnh để làm những khó vậy. Mà ở đời này có khó mới quý, chứ những "cái" ta chỉ giang tay ra là được thì đối với ta chẳng thiết tha quý báu gì.

Bella Như Nhang nghĩ như thế lòng thấy phấn khởi. Nàng liền chạy lại gần Hoàng Cương, nghển trán lên, áp má vào má chàng, như muốn nhìn chung cái ống nhòm với chàng. Nàng thấy má bên trái nóng như lửa đốt, thân thể âm ỷ như than vùi. Nhưng dù có phải cháy thiêu đi, nàng cũng mong được như thế mãi mãi. Khá tiếc thay, Hoàng Cương lại vội nhường cái ống nhòm cho nàng, đứng né ra một bên lấy tay chỉ trỏ mà bảo nàng:

– Kìa, cô Ba trông, Biển Hồ như một tấm thảm bạc trải bên đống cỏ xanh rì, kìa nhà cửa tỉnh Siemréap như trăm nghìn đứa bé tí hon mặc áo trắng, áo đỏ ngẩng đầu lên nhìn chúng ta, kìa, những di tích lâu đài nho nhỏ lố nhố như những thằng lùn nó vây bọc lấy hai anh khổng lồ là chùa Angkorwat và điện Angkorthom, kìa cung ông vua cùi (ruines du roi lépreux) kìa hồ Đông Barai, kìa hồ Tây Barai, kìa núi Pnomkoulen mà người ta lấy đá để xây những lâu đài thành quách này, kìa núi Dangrek uốn éo như một cánh cung, hai đầu ở Xiêm mà thân cung thì ở Cao Mên, kìa cô trông bãi tàu bay là chỗ để

cho khách năm châu rẽ mây mà đến, cưỡi gió mà về, cô trông: nước mây man mác, rừng núi bao la...

Khốn nạn, những phong cảnh đẹp đẽ như thế, nào nàng có thấy gì đâu. Nàng chỉ thấy trong ống kính trăng trắng xanh xanh, mờ mờ, tối tối. Nàng đã để hết thần trí nghe chàng nói. Nàng xét ra những tiếng nói kia nó cứ từ từ mà gieo xuống, lạnh lùng như hạt sương sa, chẳng có vẻ gì là sốt sắng đằm thấm, có lẽ chàng chỉ muốn vì cảnh vật mà phô bày vẻ đẹp, chứ chẳng có vị gì nàng. Nghĩ đến đấy thì thấy hình như có vật gì nó chẹn lấy họng, thở không được, nàng liền đưa trả cái ống nhòm mà bảo:

– Tôi xem chán rồi, thôi ta đi chỗ khác.

Lúc xuống thang, nàng chán nản, chẳng còn muốn cho Hoàng Cương đỡ nàng nữa, nhưng Hoàng Cương cứ tưởng rằng nàng có tính nhát, liền xuống trước giơ tay đỡ lấy chân nàng.

Độc địa thay ông giời già, ông thường hay chơi khăm như thế. Lúc mà ta tưởng: "Thôi đến đây là hết" thì chính là lúc ta thấy những sức mạnh vô hình, "nó làm cho ta không tự chủ được" lại cuồn cuộn ta đi.

Thang thì hẹp, chỉ vừa một người trèo, mà lại dốc ngược, nên phải xuống giật lùi. Bella Như Nhang đã ngao ngán, thất vọng, tưởng chừng cuộc tình duyên đến lúc này là kết liễu, là đoạn tuyệt, mà chính nàng, nàng cũng chẳng còn thiết gì nữa, nàng chỉ cầu cho chóng chóng được xa con người "độc ác" kia thôi. Nhưng khi cái bàn tay sắt kia nắm vào cổ chân nàng, thì ngọn lửa lòng đã sắp tắt như lại bùng lên, nàng muốn xuống thật lâu để kéo dài cái "phút hạnh phúc" ấy ra vậy.

Ở đời, cuộc rượu vui đến đâu cũng có lúc tan, cuộc cờ đánh mãi rồi cũng tàn, thì xuống mươi lăm bực thang kia chẳng phải là "một thế kỷ" mà một thế kỷ trong con mắt bọn khách tình, cũng còn là ngắn ngủi lắm!

Lúc xuống núi, tuy dễ hơn lúc lên, nhưng vì đường dốc lại trơn, người đi như muốn bổ nhào ra.

Hoàng Cương liền đưa cái ba toong đầu bịt sắt cho nàng chống, nhưng nàng lại muốn được hơn nữa...

– Thầy Hai ơi, đường trơn dữ quá, thầy cho tôi vịn vai, không thì té chết. Chàng chưa kịp giả lời thì nàng đã giang tay nắm chặt lấy

vai chang. Nàng dựa mình vào chàng, hai mắt lim dim, một luồng điện bí mật như đã thu hết sự linh hoạt của nàng. Chân nàng chẳng buồn bước, chỉ theo cái dịp chân của người bên cạnh mà bước thôi.

Anh tài xế đứng ở dưới chân núi trông lên thấy cái tình cảnh ấy cũng lấy làm lạ mà tự hỏi:

"Chủ mình xưa nay đối với bọn đàn ông coi như cỏ rác, mà sao đối với nhà thầy này lại ra vẻ quý yêu thế kia".

Hoàng Cương lại đưa nàng đi xem điện Angkorthom, có cái giếng nhỏ chỉ bằng cái nia mà sâu vô kể, ném hòn đá xuống lắng tai nghe mãi mới thấy tiếng động.

Đến cung ông vua cùi, thấy ngổn ngang những cung điện đã đổ nát mà có lắm tòa đã sụt xuống, đất phủ lấp cả. Nhà Viễn Đông bác cổ bây giờ mới đang cho người đào lên và sửa sang lại.

Lúc ấy đã hơn mười một giờ trưa, nàng thấy đói, bảo chàng nghỉ để ăn cơm. Chàng bèn nói:

– Tôi biết một chỗ ngồi ăn mát lắm mà thú lắm, chúng ta chờ đến đấy sẽ ăn.

Nhà Viễn Đông bác cổ có đắp hai con đường vòng chung quanh Đế Thiên Đế Thích. Nếu đi khắp hai con đường ấy, có thể thiệp liệp xem hết các nơi được. Di tích Đế Thiên Đế Thích rải rác hàng bao nhiêu nơi, chứ có phải chỉ chùa Angkorwat và điện Angkorthom mà thôi đâu. Con đường vòng nhớn thì dài độ 10 cây số, con đường vòng nhỏ dài độ 6 cây số. Hai con đường ấy thông với nhau mà chỗ cung điện vua cùi cạnh Angkorthom chính là chỗ hợp lại của hai con đường ấy.

Xe hơi rẽ sang con đường vòng nhớn qua nhiều nơi di tích, rồi đến một chỗ mà người Cao Mên gọi là cái "bể tắm của bà hoàng hậu".

Bể này vuông độ một mẫu đất xây từng ngăn như hình chữ điền. Ở giữa là nhà thủy tọa nhỏ, có cây. Bốn ô ấy, nước thông ra, tháo vào được mà những cái ống thông nước lại là những con voi đá xây rất tỉ mỉ ở dưới thành ngăn. Giêng, hai thì bể cạn khô, nhưng lúc này vì mưa luôn bể đầy ắp.

Hoàng Cương đưa Bella Như Nhang vào nhà thủy tọa, nàng liền bảo tài xế đem thức ăn lại. Nàng lấy cái khăn nhỏ trải ra mặt đất, bày biện các thức ăn. Trông cái cách nàng cắt bánh, trông cái tay nàng xé thịt, cùng một trăm cách cử chỉ khác rất thường mà ngọn bút không thể tả được, ta có thể đoán

– Nếu nàng muốn thì nàng sẽ là một tay nội trợ rất khéo léo, đáng yêu, vì nàng đã sẵn có lịch duyệt và có biệt tài về khoa trị gia.

Nàng tuy đói mà không ăn được mấy, chỉ những nhìn Hoàng Cương ăn mà no. Nàng ước gì được tự tay cầm bánh, thịt mà bón cho chàng như một người mẹ cho con ăn.

Nàng tưởng tượng như thế mà trong mình sung sướng lạ thường.

Hôm ấy nàng có đem theo một chai rượu chát, Hoàng Cương uống vài cốc thấy trong người vui vẻ, chàng trỏ tay vào bể mà bảo nàng:

– Người Cao Mên nói chuyện với tôi rằng cái bể này nguyên trước kia có một ông vua vì yêu hoàng hậu mà xây đắp ra để khi trời nóng nực, hoàng hậu ra đấy tắm táp. (Nàng nghe chàng nói mà ước gì chàng cũng đem cái lòng vua yêu hoàng hậu mà yêu nàng). Kể cách chơi ấy thì đế vương thực, nhưng ngày nay...

Chàng nói đến đấy thì nàng bèn lấy cái cảm tưởng của nàng lúc bấy giờ mà nói tiếp:

– Ngày nay nó là cái gương thiên cổ chỉ rõ cho ta biết rằng cuộc vinh hoa phú quý ở trên đời chẳng qua như một giấc mộng hoàng lương, trăm năm còn có gì đâu? Có còn thì là còn tấm lòng vua yêu hoàng hậu, cùng là tấm lòng hoàng hậu yêu vua mà thôi.

Nói đến đoạn dưới, nàng dằn từng tiếng đôi con mắt phượng thì nhìn Hoàng Cương một cách rất tình tự như muốn tỏ cho biết nỗi lòng.

Nhưng những hạng người như Hoàng Cương nào có hiểu một chút gì đâu!

Những hạng người ấy là những hạng người rất đáng thương; lúc bé đã sớm mất một người mẹ là người đã lấy cái tình mẫu tử rất ấm áp để khêu gợi những nguồn cảm giác rất êm đềm nó còn ẩn hình náu bóng trong lòng ta, cập đến lúc mới nhớn lên, liền đã phải lăn lưng ra giành giật với đời; vì sớm trải mùi đời đen bạc, sớm nếm cái thế vị chua cay, lòng dạ thành ra khô khan, cháy sém như một bãi sa mạc, mà một trận mưa xuân lác đác không thể làm cho nảy nở ra những đồng cỏ xanh rì được.

Chàng nghe nàng nói, nghe cái giọng nói rất thấm thía của nàng mà chàng vẫn thản nhiên, chẳng hề động tâm.

Khốn nạn thay, những con voi đá nó lập lờ ở dưới đáy nước trong veo kia trông thấy vẻ mặt rền rĩ của nàng lúc bấy giờ cũng dường như cảm động, huống hồ là người!

Mà có lẽ Hoàng Cương là những hạng người lòng gan dạ sắt xưa nay chưa hề quan tâm đến sự buồn rầu đau đớn của mình nên không thấu những nỗi buồn rầu đau đớn của kẻ khác: có lẽ, chàng chỉ mải nghĩ đến sự lập thân, lập nghiệp chứ chẳng hề bao giờ nghĩ đến sự "yêu đương". Mà đã không nghĩ đến thì còn biết làm sao hiểu được các trạng thái cùng các triệu chứng của nó.

Ôi, đáng tiếc thay! Đáng tiếc thay!

Giời mùa hạ ở xứ Cao Mên như thiêu như đốt, người và vật như nung nấu ở trong lò.

Những đàn khỉ khát nước chạy ra uống ở chung quanh bể. (Ở đấy có lệ cấm săn bắn các giống cầm thú, nên chúng dạn người lắm.)

Bella Như Nhang lấy thịt và bánh còn thừa ném cho chúng. Trước chúng còn chạy tán loạn, sau rồi đổ xô cả lại, tranh nhau, cắn nhau, giành giật nhau...

Nàng bèn trỏ tay vào đàn khỉ mà bảo Hoàng Cương rằng:

– Đấy, thầy Hai coi, người ta cũng như đàn khỉ kia, cấu xé nhau, giết nhau cũng chỉ vì miếng ăn, lúc tỉnh ngộ ra thì đã muộn quá rồi, ngán thay!

– Tuy thế thì dã man thật, nhưng không thế thì không được, ngôi bá chủ ở trong vũ đài chẳng là chỉ để dành riêng cho những kẻ nhanh chân nhẹ bước sao?

Lúc ăn cơm xong, Hoàng Cương thấy trong mình nóng bức lạ thường, bèn bảo nàng:

– Cô cứ ra xe trước chờ tôi, tôi tắm một chút rồi sẽ ra sau, chứ không nóng bức không chịu nổi.

Vô lễ thay, bất nhã thay!

Nhưng xét cho kỹ ra thì những người vô tình như Hoàng Cương họ không có phân biệt nam nữ mà chàng coi Bella Như Nhang cũng như một người bạn giai mà thôi. Nói ra chàng là kẻ vô giáo dục thì cũng khí quá, nhưng nói rằng chàng thiếu cái "xã giao giáo dục" thì cũng không phải là oan. Một người như thế, không có thể bảo là một kẻ vô giáo dục, nhưng đối với đàn bà mà sỗ sàng như thế, thì cũng không tránh khỏi cái tội vô lễ. Có lẽ từ trước đến nay con quái vật "doanh nghiệp" nó đã nuốt hết thời giờ của chàng không còn để cho phút nào nhàn rỗi mà trau dồi lấy phép lịch sự của "xã hội giao tế".

Đối với những hạng ấy thì người cũng như mình, nói là nói, làm là làm, không có sự gì là khuất khúc, là biết thớ lợ cả. Kể thì cũng đáng ghét thay mà cũng đáng yêu thay. Bella Như Nhang nghe chàng nói như thế, chẳng những không giận mà lạ thay, nàng lấy thế làm lo. Ấy thường tình con người ta vẫn thế, ghét nhau thì những cái lỗi bé bằng con mò cũng thành ra to như núi mà đã yêu nhau thì những cái tội to như núi, cũng không trông thấy nữa. Nàng thấy chàng mồ hôi nhễ nhại lại say rượu, những muốn can không cho tắm, nhưng nghĩ đi nghĩ lại, chỉ lo thầm trong lòng mà chẳng dám nói ra.

Khi Hoàng Cương tắm xong giở ra, lại đưa nàng đến xem một cung điện, xưa kia chắc là to tát lắm, nhưng nay đã đổ nát hết cả.

Đường đi vào thật dài thật rộng, hai bên bè mỗi bên có đến năm mươi pho tượng đá to bằng ông hộ pháp, tay đều ôm mình một con rắn chín đầu, dài dằng dặc.

Bella Như Nhang trỏ vào những bức tượng ấy mà hỏi:

– Sao bên này thì ngó ông nào ông ấy mặt mũi tươi tốt quá, mà bên kia thì đều như mếu cả?

– Ấy, một bên tượng khóc, một bên tượng cười đấy, đại để cũng là những truyện li kỳ không thể tin được như những truyện nhịn ăn mà mặc, nhịn mặc mà ăn ở chùa chiền ta vậy.

Rồi chàng trông những pho tượng khác, mỉm cười mà hỏi đùa:

– Sao ông lại khóc thế hả ông?

Nàng nghe chàng hỏi mà tự nghĩ: "Còn một người khóc thầm trong bụng đứng ngay bên cạnh chàng, chàng có biết đâu".

Hai người còn đi xem xét mấy nơi cổ tích nữa, nhưng đến chiều, thì Hoàng Cương thấy ở trong mình khó ở, đầu choáng váng, chân tay nặng nề chẳng buồn bước nữa. Bella Như Nhang thấy chàng hai má đỏ gay, mắt lờ đờ bèn bảo:

– Tôi coi bộ thầy Hai mệt lắm, thôi ta về nghỉ, mai sẽ đi nữa.

9 giờ đêm, chuông báo hiệu ăn đã nổi, trong phòng ăn, khách đã đến đủ, Bella Như Nhang ngồi chờ mãi mà chẳng thấy Hoàng Cương đến, bèn sai bồi đi gọi. Một lúc lâu người bồi lại bảo nàng:

– Thầy ấy nóng sốt dữ lắm, nằm ngủ li bì tôi hỏi mãi mới tỉnh. Thầy ấy nói không muốn ăn cơm.

Nàng thoạt nghe biến sắc, chẳng nề hà gì, vội chạy xuống phòng ngủ hỏi thăm.

Xét tâm lý những kẻ chung tình thì đại phàm, những đàn bà bình nhật, dù nhút nhát đến đâu, đến khi đã yêu cũng trở nên bạo dạn mà coi thường những điều tiểu tiết, còn như bọn nam tử dù bình nhật thì mạnh bạo biết bao, cái khí tượng anh hùng tưởng chừng như vào trong rừng bắt cọp cũng không màng, thế mà khi đứng trước mặt người yêu để tỏ bày tâm sự cũng đều run như cái dẽ mà những tay xưa nay biện thuyết giỏi như Tô, Trương [1] cũng đều ấp úng như cậu học trò nhỏ không thuộc bài đứng trước thầy giáo vậy. Lạ thay, những cái hiện tượng trái ngược, huyền bí ấy có chăng chỉ ông thần ái tình mới có thể giảng cho ta hiểu được mà thôi.

Bella Như Nhang vào đến phòng thấy Hoàng Cương nằm mê mệt ở trên giường, sờ đến trán, nóng như lửa đốt. Nàng bèn bảo người quản lý nhà khách sạn gọi dây nói về Siemréap mời thầy thuốc.

Tỉnh Siemréap cách Angkor les Ruines có sáu cây số, nên một giờ sau một y sĩ đến, xem bệnh xong, ông nói:

– Thầy ấy cảm cũng nhẹ thôi. Nếu điều dưỡng thì vài ngày có thể khỏi được, nhưng tối nay thế nào cũng lên cơn sốt dữ lắm, vậy cô phải ở đây trông nom cho thầy ấy luôn, nếu có mỏi, phải gọi người khác thế. (Y sĩ cứ tưởng nang là vợ người bệnh nằm đấy). Lát nữa tôi cho người đem thuốc đến, cứ hai giờ lại đổ cho thầy ấy một thìa.

Hoàng Cương một là vì đang lúc say rượu mà tắm, hai là trong lòng nhiều mối ưu tư nên thụ bệnh. Chàng sốt nóng cả đêm, lúc mê lúc tỉnh: đến nửa đêm lại thổ, dơ bẩn bắn đầy vào mình Bella Như Nhang, nàng chẳng lấy thế làm gớm. Nàng thức suốt đêm mà chẳng biết mỏi mệt là gì. Ngày nay nàng mới biết đến sự lạc thú: săn sóc cho một người. Nàng chỉ cầu cho bệnh nhân cứ ốm thế mãi để nàng cứ được ngồi ở đầu giường này mà trông coi cho chàng mãi, dẫu chẳng được chàng thương yêu đến, nhưng thế cũng là quá đủ rồi.

Yêu để mà yêu, thương để mà thương mới là tuyệt đích của ái tình. Đó mới là biểu hiệu của tấm lòng Đức Phật thương chúng sinh, Đức Thiên Chúa yêu con chiên. Còn yêu để cầu người yêu giả, thương để cầu người thương lại, chẳng là còn thấp kém lắm sao, chẳng là

1. Tô Tần và Trương Nghi, hai nhân vật nổi tiếng về tài biện luận thời Chiến Quốc (Trung Quốc).

một việc cầu "lợi" cho mình sao? Nếu đã vì "lợi" mà có, thì cũng có lúc vì "lợi" mà tan. Nhưng ở buổi đời này tìm đâu cho thấy được hai người có được quả tim như Bella Như Nhang. Chẳng biết kẻ bệnh nhân rền rĩ ở trên giường kia có biết hay không. Nhưng biết ra thì càng hay, mà chẳng biết ra thì cũng thôi. Nàng chỉ biết mình yêu chàng chứ có biết tại làm sao mà yêu chàng đâu. Tấm lòng yêu nó đã hiển hiện ra tựa như gió mát, như giăng trong thì còn cần gì phải hỏi nó tự đâu mà lại. Mà có một tấm lòng yêu như thế, chẳng cũng là đầy đủ sự thần tiên lạc thú rồi sao? Mà dù kẻ nằm kia sau này mà chẳng yêu nàng nữa, thì nàng có vì lẽ đó mà dứt lòng yêu chàng được chăng?

Biết bao kẻ nói rằng yêu người yêu mà còn muốn dò xét về quá khứ, toan tính về tương lai, như thế sao gọi là yêu được. Yêu là hiện tại, nhìn vào nó mà tin về quá khứ, dựa vào nó mà vững lòng về tương lai. "Một túp lều một tấm lòng" không phải là chỗ thấy biết của loài người máu thịt, mà ta có thể nói rằng Bella Như Nhang lúc này không phải là người của cõi trần này vậy.

Nàng ngồi nhìn bệnh nhân rền rĩ ở trên giường, tâm can nàng hình như cùng rền rĩ với bệnh nhân. Nàng trông trên bàn thấy một phong thư còn bỏ ngỏ, nàng cầm lấy, xem gửi cho ai thì chưa có chỗ ở, (có lẽ bệnh nhân lúc viết xong thư vì cơn sốt đến mà chưa kịp đề). Nàng lại đặt xuống, đã định không xem, nhưng bức thư bí mật – những thư chưa đề chỗ ở đều bí mật cả – nó cứ nằm lì lì trên bàn như một hòn đá nam châm hút hết thần trí nàng vào. Địa điểm! Nếu cái thư kia mà có đề địa điểm rồi thì có lẽ cũng làm cho nàng khỏi phải mang một mối ngờ trong lòng mà tránh được cái xấu: xem thư trộm.

Một phút nghi ngờ nhưng ta có thể nói là một thế kỷ hơn vì trong một cái thời khắc rất ngắn như thế, bao nhiêu là tư tưởng đã chớp nhoáng đảo nhoàng qua óc mà làm cho lòng phải sôi nổi: Vui đấy, buồn đấy, thất vọng đấy lại có hi vọng ngay đấy. Những cảm giác ấy cứ theo làn tư tưởng mà thay đổi, mà cuộc vấn đáp thầm trong trí nàng nó là những cái khuôn đúc nên những cảm giác ấy.

– Chàng sở dĩ lãnh đạm cùng ta, là vì chàng có vợ rồi? Không những người làm công ở khách sạn này quen biết chàng đã lâu, đều nói rằng chàng chưa có vợ con gì. Hay là chàng đã yêu ai mà thơ kia là thơ viết cho người yêu của chàng? Không có một cái tang chứng gì chứng thực rằng chàng đã có "người yêu" rồi, ta xét cách cử chỉ, ngôn

ngữ chàng cũng đủ biết. Hay ta xét nhầm? Không, ta xưa nay xét người tinh lắm, không có thể nhầm được. Hay là...?

Còn bao nhiêu là cái "Hay là" cứ nổi lên ở trong trí tưởng tượng của nàng rồi bị bao nhiêu là cái "không, không" làm cho tiêu tán ngay đi. Nhưng rút cục lại, phong thơ bí mật nằm kia vẫn là một vấn đề mà cuộc "vấn đáp ngầm" kia không giải quyết được, rồi một cái sức mạnh vô hình bắt nàng phải lấy mà xem.

Siemréap Angkor, ngày 13 Aout 1930.

Kính trình luật sư Tromenr.

Mấy hôm nay, tôi đã nghĩ kỹ rồi. Nếu ông Mahomed Chettgar thuận mua cái đồn điền của tôi 25.000$ thì xin ông nhận lời bán đi mà trang trải công nợ cho tôi. Phải, tôi cũng nghĩ như ông, người ta ở đời quý nhất là danh dự. Danh dự trong sạch có thể làm ra đồng tiền, chứ đồng tiền không có thể làm ra được danh dự trong sạch.

Kính chúc vạn an.

HOÀNG CƯƠNG

Nàng đọc xong bức thơ ngoảnh nhìn kẻ viết bức thơ kia đang quằn quại trên giường bệnh mà tấm lòng yêu quý lại theo tấm lòng kính phục mà tăng tiến lên - ta có thể nói rằng không có sự kính phục, không có ái tình bao giờ.

Đêm đã khuya, khí giời lạnh lẽo. Nàng rón rén lại bên giường định lấy chăn đắp lên mình cho Hoàng Cương. Chăn lại ở phía trong đầu giường, nàng phải giơ tay qua mình chàng mới với được. Trông thấy bộ mặt khảng khái kia, dẫu ông thần bệnh cũng không làm cho giảm vẻ nam nhi được, nàng động lòng ái mộ bất giác sẽ đặt làn môi son lên trên trán... Bệnh nhân vẫn mê man chẳng biết gì, nhưng cái hôn - mà ta có thể cho là cái "hôn trộm" kia - thì dẫu đến chết nàng cũng chẳng quên vậy.

Sáng hôm sau, Hoàng Cương đã tỉnh, lúc mở mắt ra đã thấy Bella Như Nhang ngồi đấy mà người bồi thì đang quét dọn. Chàng nói:

– Kìa cô Ba, sang thăm tôi lúc nào mà tôi không hay, tôi sốt quá, cứ nằm lì ra, chẳng biết gì, thật vô lễ quá.

Anh bồi ton hót:

– Suốt đêm hôm qua, cô Ba thức săn sóc cho thầy, vì thầy sốt mê man, nên chẳng biết, chứ có phải mới đến đâu.

Bella Như Nhang ngồi im, mặt đỏ gay. Hoàng Cương bèn ngỏ lời cảm ơn nhưng một cách "cảm ơn" điềm đạm của con người biết ơn, của một người bạn thân, chứ không phải cái "cảm ơn" rất nồng nàn, rất thấm thía của kẻ tình chung. Nàng nghe mà ngao ngán bèn nói:

– Thầy nói quá lời chi vậy, thầy chẳng nề khó nhọc mà đưa tôi đi xem chốn này, chốn khác thì trong lúc ốm đau, thầy không có người nhà ở đây, tôi trông nom cho thầy là việc bổn phận, có gì mà ơn với huệ.

Hoàng Cương thấy đói, bèn đòi ăn. Nàng sai bồi pha một cốc sữa bưng lên. Chàng còn run lẩy bẩy ngồi chưa vững, nàng bèn đứng dậy lấy gối xếp ở sau lưng cho chàng dựa. Uống hết cốc sữa, trong người đã tỉnh táo, chàng bèn nói:

– Tôi tiếc vì mệt mà hôm nay không đưa cô đi xem núi Koulen và Biển Hồ được. Ở vùng này còn nhiều cảnh đẹp lắm. Năm nào tôi cũng đến đây xem mà không biết chán. Chốn này cũng dạy ta được lắm bài học hay. Người nào giầu sang, kiêu căng, đến đây, trông thấy những thành quách lâu đài kiên cố thế kia mà còn phải đổ nát thì phỏng sự giầu sang đã chắc chắn gì? Cứ nghĩ thế mà lòng kiêu căng cũng dẹp bớt đi. Kẻ thất vọng đến đây thấy những đống đá kia, dẫu trải bao phen mưa gió mà vẫn cứ trơ trơ ra đó thì lòng cũng thấy bớt buồn rầu mà phấn khởi lên.

Nàng nghe chàng nói mà muốn hỏi lại chàng:

– "Còn kẻ này xưa nay rất khinh bỉ ái tình mà đến đây cũng phải đem lòng yêu chàng, chàng có biết chăng?".

Nghĩ bụng thế mà thẹn thùng chẳng dám nói ra.

Hoàng Cương lại nói:

– Tôi rất tiếc chưa đưa cô đi xem hai cái hồ nhân tạo là Đông Barai cùng Tây Barai. Hồ bên Đông thì rộng bằng hồ Lãng Bạc ngoài Bắc Kỳ tôi còn hồ phía Tây thì rộng hơn nhưng bây giờ đất sô xuống gần lấp hết. Nghĩ cho kỹ ra, nếu con người ta mà cứ do dó ở nhà chẳng đi đến đâu thì cảnh đời chẳng qua cũng như cảnh nhà nông, mà người đời, tôi tính cũng như bác thợ cầy kia, buổi sáng cứ cắm cúi, nào bừa, nào cuốc, một vũ trụ bao la đẹp đẽ chung quanh mình chẳng nhìn gì đến!

Bella Như Nhang nghe chàng nói mà chẳng có ý gì muốn đi xem những phong cảnh chàng đã kể. Cái vũ trụ của nàng chẳng là người ngồi trước mặt đấy sao, lọ là còn phải đi tìm ở đâu?

Nàng nghĩ đến bức thơ nàng đã xem trộm, nàng nghĩ đến cảnh éo le của chàng, bỗng phát khởi lên tấm lòng bác ái, nàng muốn cho cái vũ trụ của nàng được tươi tốt mà trổ ra bông thơm cỏ lạ, không muốn cho nó phải rầu rĩ với tang thương, bèn nói:

– Tôi coi bộ thầy mấy hôm nay lo nghĩ một việc gì có phải không? Đã chẳng biết nhau thì thôi chứ nếu biết nhau rồi thì cái bổn phận là phải giúp nhau. Hoặc giả thầy có cần tiền...

Nàng nói đến đây, Hoàng Cương vội gạt đi mà rằng:

– Không tôi có lo việc gì đâu, làm thân con người ta, thì cái nghĩ là việc thường ngày, hà cớ phải lo, mà có lo thì cũng tự mình lo lấy. Tuy cô có bụng tử tế mà nói thế, nhưng tôi xét làm nam tử mà phải hệ lụy đến ai, kẻ trí giả rất lấy thế làm nhục. Tôi tuy chẳng ra gì, nhưng tự xưa nay vẫn cố giữ mình cho được thanh thản khỏi phải hàm ân ai. Tiền bạc dẫu nợ nhiều đến đâu, nếu có chi, cũng có ngày giả xong, chứ tôi thiết tưởng một cái ân thì giả biết kiếp nào cho hết. Đã biết là giả không hết thì đừng vướng vào là hơn. Tôi là người buôn bán, xưa nay vay mượn người ta cũng nhiều, nhưng những kẻ cho tôi vay cũng là vì lợi, thì không có ân. Tôi đã là người thì đối với tấm lòng quý hóa của cô sao tôi lại không biết cảm kích, vậy tôi xin đa tạ. Còn tiền thì tôi không dám vay, cũng chẳng cần dùng gì mà vay. Những lời tôi nói với cô đây là lấy cái tình thực mà nói, cô đừng phiền nhé.

Nàng thấy chàng nói thế không dám ép nữa, nhưng biết bao nỗi âu sầu, bi ai nó âm ỷ ở trong lòng.

Thuốc sẵn, thầy hay mà lại có một nữ khán hộ trông nom cho chu đáo như thế, dẫu bệnh gì cũng phải khỏi.

Bốn hôm sau, Hoàng Cương đã thiệt mạnh, chàng bèn lại buồng Bella Như Nhang để từ giã vì mai có việc phải về nhà. Lúc mới bước chân vào đến cửa buồng, nghe có tiếng đờn cầm thánh thót ở trong. Chàng dẫu tự xưa đến nay chẳng có thời cơ nào mà học những món tiêu khiển thanh tao ấy, nhưng thấy tiếng đàn nó não nùng ai oán cũng phải đứng lại nghe.

Tiếng vàng xen tiếng sắt, réo rắt thanh tao như đưa người vào cõi thần tiên mê mộng... Tiếng tơ pha tiếng trúc, rền rĩ nỉ non như ru người vào chốn sầu thành chất ngập. Nếu kẻ biết nghe đàn thì có thể đoán là một khúc "hoàng cầu phượng" chứ không phải phượng cầu hoàng.

Dứt tiếng đàn theo tiếng khóc. Dầu nó nhỏ như sợi tơ, nhưng cũng có thể tỏ cho chàng biết: con người đang khóc kia phải đeo một mối sầu vô hạn. Bella Như Nhang sở dĩ tủi thân mà khóc chỉ vì cách đối đãi lạnh lùng của Hoàng Cương trong mấy ngày nay đã làm cho nàng phải tuyệt vọng.

Trước kia, chàng đối với nàng cũng như khách qua đường chẳng qua gặp đồng bào ở nơi quê người đất khách thì trò chuyện đấy thôi. Dần dần thấy nàng có kiến thức hơn người, cử chỉ lỗi lạc, cũng đem lòng kính nể. Nhưng từ khi ốm đến giờ, thấy nàng xử với mình tư tế quá, chàng cũng rất lấy làm cảm kích. Nên ngày nay, nghe tiếng khóc não nùng kia chàng mới tỉnh ngộ, chàng hiểu... biết...

Biết rằng yêu chàng, nhưng chàng xét ra chàng chẳng yêu nàng một chút nào cả; thế thì không có thể mang một cái đời hành động tự do trói vào một sợi tơ lòng mà tự mình chẳng muốn mang. Chàng cũng phải cho chàng là thông minh, nhân, trí, nhưng những cái nết ấy có đủ đâu? Phải có một tấm lòng yêu, phải có một tấm lòng tín ngưỡng về ái tình, mà chàng đều không có cả! Chàng tự nghĩ: ở đời quý nhất là tấm lòng; một tấm lòng đã chết thì sống cũng như không, có xác mà không hồn, có ảnh mà không hình. Cái thân thế ta ngày nay cũng ví như kẻ thuyền chài kia, ở nơi biển cả mênh mông, bỗng gặp cơn bão táp, ta có thể nản chí mà buông tay chèo lái được không? Nam nhi chí, nam nhi chí, cái bảo vật vô giá ấy sao ta nỡ hoài! Đã thế thì ta không thể dối người, dối mình mà coi thường cái đời ta, cái đời nàng được. Nàng đã là người lịch duyệt tài hoa thì cái cảnh giả ơn người tri kỷ là phải nói thực cho nàng, phải nói thực cho nàng biết thân ta còn nhiều trách nhiệm phải gánh vác... cái thân làm giai này còn nặng nợ non sông... không thể không giả được...

Chàng gõ cửa vào, thấy dung nhan nàng có vẻ tiều tụy, cũng ái ngại bèn nói:

– Tôi trông cô hình như mỏi mệt lắm, hình dung sút kém lắm, cô phải nên tĩnh dưỡng để bảo trọng lấy sức khỏe. Sức khỏe quý lắm, cô nên nhớ lấy lời một người bạn rất trung thành của cô. Rồi chàng tủm tỉm cười mà nói tiếp: Giữ được non xanh đó lo gì mà không có củi đun. Người ta còn sống một ngày nào, còn có quyền được hy vọng ngày ấy. Cái hy vọng ngày nay nó tiêu tán đi thì ngày mai lại có một cái hy vọng khác nổi lên.

Hoàng Cương nói thế là có ý khuyên nàng quên chàng đi, bảo nàng đổi ý kiến đi. Nhưng quên thù, quên oán, quên nhục, quên vinh, chứ quên người yêu thì quên làm sao? Đổi nhà, đổi đất, đổi ruộng, đổi vườn, chứ đổi lòng là một việc mà kẻ tình chung không sao làm được. Nhưng những quan niệm ấy một người chưa biết sự yêu đương như Hoàng Cương nào có biết đâu.

Bella Như Nhang cứ lặng im, Hoàng Cương nói tiếp:

– Trong khi tôi ốm đau, cô có lòng hạ cố đến, thật rất lấy làm cảm khích. Ngày mai tôi phải về nhà, vậy xin có lời thành thực...

Chàng nói đến đấy thì nàng vội nói:

– Ngày mai thầy về rồi!

Lúc ấy giá có ai rạch máu ra mà thề rằng yêu chàng, chàng cũng không tin bằng câu nói kia vậy. Câu nói kia không phải là câu nói ở cửa miệng, nó là cái vang của trái tim đỏ yêu đương đột xuất ra.

– Vâng, mai tôi có việc phải về, có lẽ từ nay, mây ngàn hạc nội biết bao giờ cho được gặp nhau nữa, vậy tôi xin có mấy lời đa tạ cái thịnh tình cô đã có lòng săn sóc đến tôi, mà những ngày tôi được gần cô là những ngày sung sướng nhất trong đời lưu lạc của tôi, tôi không bao giờ quên, mà...

Một tiếng khóc chuyển đá vang lên. Bella Như Nhang tiến lại giang hai cánh tay ngọc ngà ra ôm chặt lấy cổ Hoàng Cương mà nói:

– Anh Hai, anh Hai, em nói với anh một lời này mà em xin thề rằng từ trước đến nay em chưa hề nói với ai mà có lẽ từ đây em cũng không nói với ai nữa: em yêu anh, anh có biết chăng. Có lẽ cái thân em đã đạc dầy nhưng...

Nghe đến đấy, Hoàng Cương liền lấy tay bịt miệng nàng không cho nói nữa mà rằng:

– Em Bella, nếu anh yêu em thì cần gì phải biết đến lai lịch em, cần gì phải quan tâm về việc quá khứ. Một cái mình ngọc này, một tấm lòng vàng này, chẳng đủ hay sao, nhưng anh xin thú thực với em rằng: tuy anh có quý em, nhưng không yêu em một chút nào cả. Nếu nhất đán thành vợ thành chồng, em đem một khối chung tình độc nhất vô nhị mà yêu anh, nhưng trong khi sánh vai kề má, em thấy lòng anh lạnh như băng giá như tuyết, em thấy anh chỉ thương em, quý em mà không yêu em như thế chẳng là đau đớn cho em lắm sao. Nếu anh nghe lời em thì anh sẽ làm khổ cho em sau này vậy. Có lẽ:

em nói em yêu anh, chẳng cần anh phải yêu trả lại, nhưng còn như anh, trong lúc em đem cái khí vị rất nồng nàn ấm áp của ái tình bao bọc lấy anh, anh tự thấy lòng mình lạnh lẽo khô khan, chẳng cũng là khổ tâm cho anh lắm sao. Gia dĩ thân anh còn lắm nợ nần... anh không thể đem một đời hữu dụng, một tấm lòng son mà khinh suất dùng vào một việc chưa đáng dùng được. Em Bella, em Bella nếu em có thật yêu anh, em nên nghĩ đến chỗ khổ tâm ấy, nên nghĩ đến cái phận sự làm giai của anh.

Ôi! Ích kỷ thay kẻ vô tình!

Mà cũng kỳ quái thay kẻ "trọng nghiệp vong tình!"

Họ coi chữ tình như một món hàng vậy, họ nói chuyện về tình ái như ta bàn những việc doanh thường kế lợi vậy. Họ tưởng ở trên đời còn có những việc đáng thiết tha hơn ái tình!

Thảm thay cho họ! Mà cũng ái ngại thay cho họ. Nhưng một điều ta có thể tha thứ cho họ được, là họ biết quý sự thực, dám nói sự thực.

Bella Như Nhang nghe chàng nói đến đấy rú lên một tiếng, mà ngã lăn ra...

Một tuần lễ sau khi về đến nhà Hoàng Cương nhận được một bức thơ, một mớ tóc, một cái ngân phiếu 25.000$00.

Thư rằng:

Hoàng Lang rất yêu mến của em,

Dẫu chàng chẳng nhận thiếp làm vợ, mà tự thiếp, thiếp coi chàng như một người chồng muôn năm của thiếp vậy. Khi chàng nhận được bức thơ này thì thiếp đã là người thiên cổ, ôm một khối tình chung vô tận xuống chốn tuyền đài. Thiếp xét ra sống ở cõi trần ai nhục thế này mà không được lòng chàng yêu đến thì chẳng còn lẽ gì đáng sống mà cũng không sống được nữa. Thôi kiếp này, phận chẳng lành, duyên chẳng đẹp, thiếp xin cầu đến kiếp sau. Nhưng trước khi thiếp chết còn mong cho người yêu của thiếp được thư tâm mà lo về sự nghiệp. Vậy gọi là món tiền nhỏ mọn, của ít lòng nhiều, cúi xin chàng đoái thương đến thiếp mà nhận cho để cho thiếp được thỏa hồn nơi chín suối.

Sau xin chàng đừng bi tâm gì về cái chết của thiếp, thiếp thật đã vui sướng mà chết, thật đã vui sướng được hy sinh cái đời vô dụng này cho khỏi bận chí trượng phu vậy. Sau này lúc sự nghiệp đã thành, chàng có giở mớ tóc mây, chạnh lòng nhớ đến thiếp lại qua

thăm Đế Thiên Đế Thích, chàng trông đống đá xanh trập trùng mà ái ngại cho "hòn máu đỏ", than cho một câu: ở chốn này đã có một người quá yêu ta mà chết: Thế là hồn thiếp đã được ngậm cười ở nơi chín suối rồi đấy.

BELLA

Hoàng Cương xem xong bức thơ, ruột đứt ra từng khúc, chàng phát run cả người như trong khí giời đông gió rét, ai đem chậu tuyết mà đổ vào người chàng vậy. Chàng muốn mọc cánh mà bay ngay về Đế Thiên Đế Thích.

Lúc bước lên xe chàng còn hy vọng: may ra thì nàng chưa chết.

Xe chạy như bay, ném lại những đồng cỏ mênh mông mà cuốn lấy con đường vô tận...

Lúc bước chân lên thềm khách sạn Angkor les Ruines, người bồi chạy ra rầu rĩ mà kể cho chàng nghe:

– Thầy đi được ba hôm thì cô Ba đi xem Phnompakhean, chẳng may trượt chân ngã chết rồi. Thầy tính, gieo mình từ trên đỉnh ấy xuống thì còn gì? Khốn nạn, con người đẹp đẽ như thế, lúc người ta khiêng về, tay chân, mình mẩy nát dừ chỉ còn là một đống thịt đỏ lòe! Con người tử tế, phúc hậu như thế mà chết một cách thảm thiết như thế, ai mà chẳng phải xót thương.

Người bồi nói xong, khóc nức nở; Hoàng Cương nghe xong câu chuyện choáng váng tê tái cả người như ai đem chiếc búa cái đập lên đầu chàng vậy. Chàng rít lên một tiếng "ta giết nàng" rồi gục xuống, thổ huyết ra lênh láng...

Lúc tỉnh dậy, Hoàng Cương bèn sai người bồi đi mua vàng hương rồi bảo đưa ra mộ. Chàng trông thấy nấm đất còn ướt, những cuống hương đỏ thắm như máu còn cắm ở trên mà chàng như ngây như dại. Ngoảnh nhìn những đỉnh lâu đài lố nhố ở chân giời như những cái *dấu hỏi to tướng* của thời gian hỏi người trần thế mà chàng tự hỏi: *"Ta sống làm gì? Có phải xây đắp những tòa lâu đài nguy nga kia cho ông tạo vật vô tình sau này đạp đổ đi không?"*

Chàng nghĩ đến đây mà chàng phải cám cảnh cho cái thân thế mình, luống lại ngậm ngùi cho cái số phận con người bạc mệnh nằm kia. Rồi nỗi: thương, tiếc, quý, yêu, sôi nổi trong chốn bể lòng... Chàng phục xuống trước mồ khóc không ra tiếng.

Những giọt nước mắt thấm đất kia chẳng là những hạt ngọc vô giá của thần ái tình đã bao công mài giũa mới có được sao?

Những giọt nước mắt kia chẳng là những giọt máu đào cuồn cuộn ở chốn bể lòng mà tung tóe ra sao?

Giời nắng chang chang, bao la sắc lửa một mầu; Bốn bề yên lặng, cảnh tiêu sơn như nặng trĩu một gánh sầu vô hạn...

Trên từng mây xanh biếc, đôi chim giời tung cánh cùng bay mà ở dưới trần...

Chàng thì từ nay lẻ bạn...

Từ nay, chàng phải đeo một trái tim "dập nát" sống ở đời với bọn người vô tình, lãnh đạm...

Từ nay trong trái tim đầm đìa những máu kia, luôn luôn hiển hiện cái hình ảnh rất yêu mến của Bella cũng như cái tinh thần tàn phá rất khốc liệt của hóa công lúc nào cũng in sâu ở di tích đổ nát thành Đế Thiên Đế Thích kia vậy.

Trung Bắc xuất bản, H, 1934.

TRƯỜNG ĐỜI

(Tiểu thuyết)

I

Tháng năm, năm 1935, một chàng tuổi trẻ bước chân vào sòng bạc Pa Kha.

Lúc ấy vào khoảng tám giờ đêm. Những chiếc "tai cong tắng" [1] ném cái ánh lửa trắng tinh, chiếu một quang cảnh hỗn độn trong một bầu không khí làm mửa ra... dạ dày.

Chàng tuổi trẻ vừa giẫm chân lên cái ngưỡng cửa đã in dấu bụi của bao con người máu mê thì liền bị cái mùi hôi hám bắt ngừng ngay lại. Thốt nhiên, chàng đưa tay lên che mũi và miệng, rồi lẩm bẩm:

– Chà chà! Thế này thì sống làm sao cho được?

Chàng không sống được, nhưng những con người ở trong vẫn sống được, sống say mê, sống sôi nổi, chung đúc tất cả bao nhiêu nguồn sống lên cái diện tích nhỏ xíu của mấy đồng tiền xấp ngửa, dồn dập tất cả cảm giác vào cái khắc - cái khắc ngắn ngủi nhưng dài bằng cả một thời gian vô tận của chiếc bát đồng lúc bật ra.

Hôm ấy là ngày phiên chợ. Tất cả tài nguyên của các thung lũng đã biến thành những tờ giấy bạc mỏng mẻo bay đến các bàn bạc. Nhẹ ở sức mang, nhưng nặng những mồ hôi của sức làm, những tờ giấy bạc ấy càng nhiều bao nhiêu lại làm tăng nhiệt độ của sự sống ở sòng bạc bấy nhiêu.

"Canh bạc hôm ấy to quá!". Đó là một miếng ngon mà con người máu mê nhớ mãi cũng như "bữa phiện nay ấy khoái quá" là một thứ kỷ niệm mà những người hút xách không bao giờ quên.

Đời người thường phần nhiều bị đánh dấu bằng những cái mốc: vui, buồn, những bản sinh, tử, giá thú; nhưng người đánh bạc nhớ lại đời mình toàn bằng những con số thôi: "canh ấy cháy năm trăm,

---

1. Đèn măng – sông lớn.

canh nọ sát một nghìn". Những vui, buồn, sống, chết, đối với họ chỉ là những mũi kim băng trước cài đùi *được, thua.*

Sòng bạc ở Thượng du là chỗ hẹn hò những dục vọng của người các giống: Mèo, Mán, Mường, La Chí, Xạ Phang, Nùng, Xá, khách Quảng Đông, người Nam, thích cánh nhau, xô đẩy nhau, chen chúc chung quanh chiếu bạc; và bóc lột nhau bằng những cái nhìn đỏ ngầu như thèm khát.

Khi người trẻ tuổi bước vào, những con bạc đang bị thôi miên bởi phép mầu của thần đổ bác, chẳng một ai quay cổ lại. Nhưng, bọn hồ lỳ như những con quạ đánh hơi thấy xác chết, đã đổ dồn vào người trẻ tuổi những cái nhìn nó cân nhắc một cái túi. Rồi hình như sự cân nhắc ấy làm cho họ được vừa ý, họ vội vàng du mấy người chầu rìa ra để lấy chỗ cho người trẻ tuổi ngồi.

Bạc lúc ấy đang rền, đã đi một hơi sáu cái lẻ. Mà làng thì chẳng một ai khát nước. Nhà cái nhìn chiếu bạc, lắc đầu:

– Về bớt đi. Bố ai dám ăn!

Hồ lỳ vừa toan kẻm thì chàng trẻ tuổi đã giơ tay ngăn:

– Thế thì để tôi. Ông thừa bao nhiêu?

– Lẻ thừa, lẻ thừa... trăm tám.

– Đất.

Chàng trẻ tuổi vừa đưa tay về phía bát thì tên hồ lỳ vội ngăn lại:

– Ngài hẵng cược ra đã.

Chàng trẻ tuổi ngước mắt nhìn tên hồ lỳ bằng một cái nhìn nó đè chết một người dưới sự khinh bỉ, rồi quay sang xóc cái:

– Ông xướng lên.

Một sự lạ xưa nay chưa từng có: tên hồ lỳ không nèo tiền cược nữa, một điều kiện mà bố đẻ ra y có thò tay mở bát, y cũng bắt phải tuân theo. Không biết y bị ảnh hưởng bởi sự ăn mặc lành lặn hay khẩu súng lục của chàng trẻ tuổi đeo ở lưng. Hay bởi cái nhìn ngay thẳng ở trên cái khuôn mặt khôi ngô kia nó thầm bảo y: người này không phải là người mở chạc.

– Lẻ thừa trăm tám!

Hai cô vợ Tây ngồi cạnh người xóc cái, áng chừng bị cám dỗ bởi cái mặt giỏi trai và cái thân hình rắn rỏi, bỗng khấn thầm cho chàng

trẻ tuổi được, mặc dầu các cô đã đánh mỗi người hai đồng bạc lẻ. Các cô lẩm bẩm:

– Cái này không khéo ông chủ gỡ được.

– Lẻ thừa trăm tám!

Người xóc cái xướng dứt, nhấc tay khỏi cái bát; chàng trẻ tuổi quờ tay vào. Những tiếng reo nó chứng tỏ những mảnh lòng bị cháy:

– Lại mắt vịt! Lại mắt vịt!

Lúc ấy anh hồ lỳ mới nhận thấy rằng mình đã dại, không bắt cược tiền trước khi mở. Anh nhìn chàng trẻ tuổi bằng một cái nhìn băn khoăn. Chàng trẻ tuổi mặt thoáng tái đi, song cử chỉ vẫn ung dung. Chàng khẽ đặt cái bát xuống chiếu, rồi đưa ra móc túi quần sau. Anh hồ lỳ thở một cái thở dài của người mới trút được gánh nặng. Hai cô me Tây thì xuýt xoa:

– Thế mà lại còn lẻ nữa!

Anh xóc cái nhìn hai cô một cách bợm bãi:

– Lẻ thì hai cô được chơi chứ sao.

– Nhưng ông kia thua nhiều quá!

Thì ông ấy gỡ tiếng sau.

Trái với lời người xóc cái, chàng trẻ tuổi không có cơ hội để gỡ tiếng sau, vì chàng đã hết tiền rồi. Chàng móc túi ném ra hai tờ giấy một trăm, lấy lại hai chục bạc lẻ, rồi đứng dậy đi ra, cũng chẳng thèm theo cái lối thường của những kẻ thua bạc là lắng nghe một cách an ủi những tiếng xuýt xoa của kẻ đã được, tự coi là một bổn phận phải than thở cho người thua.

Ngoài đường tối om, lại lác đác mưa. Người trẻ tuổi, đã ra khỏi cửa sòng, còn đang ngập ngừng chưa biết có nên đi hay không thì bỗng người mặc quần áo vàng, tay cầm một chiếc ô, ở phía chợ chạy lại:

– Thưa cậu, áo mưa đây. Con đi tìm mãi cậu về xơi cơm, đâu cũng chẳng thấy. Sau có người bảo cậu vào sòng. Cậu cũng vào sòng à? Cậu có đánh không? Được hay thua?

Vừa nói, người lão bộc vừa khoác áo mưa lên lưng cho chủ.

Chàng trẻ tuổi lẳng lặng đi. Người lão bộc theo sau che ô và bấm đèn soi đường. Qua cửa chợ. Đường chỗ ấy gồ ghề và trơn, người lão bộc trượt chân suýt ngã.

– Thôi không phải che cho tôi nữa. Đi cẩn thận kẻo ngã. Ngã bây giờ, có làm sao thì thật là khốn đốn.

– Nhưng ướt đầu cậu.

– Ướt cũng chẳng sao.

– Cậu cứ không giữ gìn, nhỡ cảm một cái thì làm thế nào?

– Cảm, một tý mà cảm được thì có họa là người giấy.

Mặc dầu chủ đã bảo, người lão bộc vẫn cứ đi theo che. Chàng trẻ tuổi đứng lại, nắm hai cánh tay người lão bộc du lên trước:

– Cái thân ông già, ông không lo, ông lại cứ đi lo cho tôi. Ai đời lại dở hơi như thế, bảo mãi mà không nghe!

Người lão bộc buộc lòng phải đi trước một mình, nhưng vẫn còn ngoái cổ lại, nói một cách cầu khẩn:

– Thế cậu lôi cái che đầu ở cổ áo mưa lên vậy.

Bấy giờ, gió rét căm căm và mưa bay xiên càng nặng hạt, nhưng chàng trẻ tuổi vì trong lòng đang dồn dập những cảm giác, vẫn thấy như phát sốt ở trong chiếc áo mưa. Chàng dằn lòng kéo cái "cai – púi – sông" (capuchon) lên đầu. Tay kéo, miệng nói một cách bực tức và gay gắt:

– Đây, kéo rồi, đi trước đi.

Người lão bộc như hả lòng, lúc ấy mới lùi lũi đi, không dám nói một câu nào nữa. Qua cửa nhà dây thép, chàng trẻ tuổi chừng như chợt hối về chỗ đã tàn nhẫn với người chỉ vì yêu thương mình mà lo lắng - dù sự lo lắng ấy nhiều khi làm bực dọc – liền đổi giọng:

– À thế nào, ông Phó, cơm có gì ăn không? Tôi đói lắm.

Người lão bộc hớn hở, quay ngay lại:

– Thưa cậu có. Con lùng mãi mới mua được một con vịt. Con đánh tiết canh, tốt lắm. Con đã mua chai vang. Hôm nay, cậu nên uống vài cốc. Đã lâu lắm, cậu chưa uống vang.

– Tiền đâu mà mua đủ thứ thế?

Câu hỏi rất thường ấy làm cho người lão bộc bối rối. Y ấp úng mãi, mới thốt ra được một câu để không trả lời:

– Thì cậu... cứ xơi đi. Cậu cứ hỏi tiền đâu, tiền đâu làm gì?

Chàng trẻ tuổi nhìn ông Phó, thở dài, rồi lặng im. Ông Phó thấy chủ không căn vặn nữa thì có vẻ sung sướng, nói tiếp:

– Con vịt béo quá, lúc tần, phải hớt ra bao nhiêu là mỡ. Rượu vang ở đây không có hạng tốt, thành ra con không mua được thứ Médoc mà cậu vẫn thích. Ấy gần đến nhà rồi, cậu bước khéo, không lại vấp phải những bực đá như hôm qua.

Ông Phó vừa nói, vừa lùi lại sau, bấm đèn soi đường cho chủ đi.

Hai người bước vào đến hiên: hai con ngựa buộc ở đấy, mừng hí lên.

Chàng trẻ tuổi ngừng lại, vuốt ve con ngựa đen, cao và mập:

– Ông Phó, tôi trông hình như nó gầy đi có phải không? Áng chừng mấy hôm nay không có ngô cho nó ăn.

– Thưa cậu, vẫn có đấy chứ. Nhưng ít thôi.

Chàng trẻ tuổi lại thở dài, vỗ vỗ vào con ngựa, rồi đẩy cửa vào. Chàng gieo mình xuống chiếc giường vải đi rừng. Ông Phó lại vặn to ngọn đèn búp măng rồi tiến lại trước mặt chủ:

– Cậu để con cởi áo mưa.

– Ừ nhỉ, tôi quên.

Cất chiếc áo mưa lên mắc, ông Phó ngồi xuống tháo đôi ủng trong khi người thiếu niên cởi bì súng lục ném vào đầu giường.

– Cậu thay quần áo, rồi rửa mặt xơi cơm không nguội.

Chàng trẻ tuổi lẳng lặng cởi áo *blouson* và quần ngựa. Khi chàng đã mặc xong bộ quần áo ngủ, thì ông Phó đã từ dưới bếp bưng lên một chậu nước nóng để cạnh bàn. Rửa mặt xong chàng trẻ tuổi nằm kềnh ra giường. Ông Phó mở ngăn kéo lấy một quyển sách đặt ở cạnh giường, rồi quay ra bưng chậu nước xuống bếp. Trên tay chàng thiếu niên, quyển sách đã mở ra rồi lại bị gập lại sau những tiếng thở dài. Rồi sau đó bị để hẳn xuống dưới chăn. Chàng ngồi nhỏm dậy, nhìn quanh nhà một lượt, rồi lại nằm xuống. Tâm hồn chàng lúc ấy dường như bị căng xé bởi nhiều ý nghĩ đen tối, cũng đen tối như gian nhà trọ.

II

– Mời cậu dậy xơi cơm.

Chàng trẻ tuổi ném chiếc chăn dạ phủ ngang bụng, vùng dậy.

– Nào thì ăn.

Chàng ngồi xuống ghế, nhìn đĩa tiết canh:

– Ở đây cũng có húng đấy à? Ông đánh khéo quá nhỉ.

Trên khuôn mặt rám nắng của ông Phó, thoáng một hân hoan:

– Con phải vào tận trong nương người Kinh mới mua được đấy.

Miệng nói, tay rót rượu:

– Thứ rượu này, chắc cũng không được ngon lắm. Ấy thế mà họ cũng bán những tám hào rưỡi.

Chàng trẻ tuổi cầm cốc rượu vừa toan uống thì ông Phó đã vội ngăn:

– Kìa cậu không uống viên kí ninh đi đã. Hôm nay cậu đờ đẫn làm sao ấy.

Chàng trẻ tuổi lẳng lặng cầm viên kí ninh, đặt vào lưỡi, chiêu bằng một hớp rượu:

– Ông cũng vẫn thường uống đấy chứ?

– Con ấy à? Con ở trong này ngoài hai mươi năm đã quen rồi, còn bao giờ ngã nước được nữa. Lâu lâu, cậu tiêm cho con thế là đủ rồi. Trước kia, còn mồ ma cụ, con chẳng tiêm cũng chẳng sao. Cậu xem con vịt có béo không?

Chàng trẻ tuổi vừa cầm đũa thì có tiếng đấm cửa gấp và mạnh. Ông Phó, bực mình vì có người đến quấy chủ mình trong bữa ăn, nói một cách càu nhàu:

– Ai đập mà gớm thế? Phá nhà người ta hay sao đấy?

Cửa mở, một người nhảy xổ vào.

– À, anh Khôi, tưởng ai. Cơm chưa? Ngồi ăn một thể. Thật tình là mới ngồi vào, chưa gắp miếng nào.

– Tôi lên làm thuế gỗ ở Bảo Nhai, nghe người ta nói bao nhiêu bè gỗ của anh về gần đến Việt Trì thì bị trận bão hôm nọ làm vỡ tan cả rồi, tôi vội vàng lên hỏi anh xem có đúng không.

– Đúng, vỡ ráo. Lại bão về đêm, thành ra chẳng theo vớt được một cây nào.

Khôi lắc đầu:

– Thôi, thế là hơn hai vạn đồng bạc trôi ra bể!

– Ừ, ra bể.

– Thế bây giờ anh định tính làm sao?

– Tôi cũng đang băn khoăn tự hỏi tôi như thế đấy.

Khôi lặng im, nhìn chằm chằm vào bạn, rồi vùng nắm lấy hai bàn tay:

– Anh Trọng Khang, anh đừng quá thất vọng nhé.

– Thất vọng! Không. Nhưng buồn thì buồn lắm.

– Một lúc mất ngần ấy tiền, ai mà chả phải buồn.

– Giá một mình tôi thì thua keo này, ta bày keo khác. Nhưng trong cái số tiền hơn hai vạn ấy, có năm nghìn đồng của thầy mẹ tôi để lại cho em gái tôi. Anh tính thời buổi này, một người con gái nghèo...

– Chắc cô ấy cũng hiểu mà không oán trách anh. Dần dà, ta mưu việc khác.

– Không, em gái tôi thương tôi lắm, không bao giờ oán trách tôi. Nhưng mưu việc khác...? Chờ đến lúc tôi có tiền thì em gái tôi cũng luống tuổi rồi. Thời buổi này là thời buổi muốn lấy được một người chồng khá giả, người con gái cần phải có vốn.

– Đó là một tang chứng suy đồi của nhân tâm.

– Nhưng cũng là một thực trạng của thời đại. Tính việc, mình không thể không nhìn đến cái thực trạng ấy.

Ông Phó đã lấy thêm đũa bát. Trọng Khang rót rượu:

– Thôi, những chuyện ấy không nói đến nữa, hãy ăn đã. Thần khẩu anh linh lắm đấy nhé. Giá anh đến sáng hôm nay thì anh bị... ăn chay.

– Tính anh thích thịt lắm cơ mà, anh chả thường bảo với tôi không có thịt, anh không ăn được cơm là gì?

Trọng Khang cười khanh khách:

– Sự ăn chay của tôi là một miễn cưỡng. Anh đã hiểu chưa? Uống đi. Xếp những lo nghĩ lại ngày mai. Cổ nhân dùng chén nước trong lúc biệt ly, có nghĩa lắm. Hôm nay, anh phải uống thật say để đưa ma cái đời sung túc của tôi. Uống!

– Hơi men có sức nhiệm màu làm át được mùi xác chết. Nhưng anh phải cho tôi hút một điếu thuốc lào đã.

– Kia, ông Phó ông ấy đã biết tính anh, cái điếu cầy đã dựng đằng sau lưng anh đấy.

Khôi lục túi:

Ô hay, mình lại bỏ quên gói thuốc lào đâu mất rồi. Ông Phó cho xin một điếu nào.

Ông Phó móc túi đưa ra một hộp nho. Khôi mơ hộp véo lấy một điếu, rồi đặt cái hộp cạnh cốc rượu. Những anh xanh đỏ vẽ trên nắp hộp bỗng làm cho Trọng Khang để ý. Chàng cầm cái hộp rồi nhìn ông Phó một cách nghiêm khắc:

– Cái hộp bạc của ông đâu mà lại mua cái hộp này đấy?

Ông Phó luýnh quýnh:

– Thưa cậu... không biết con... để quên đâu mất, tìm mãi không thấy.

Trọng Khang nhìn con vịt, nhìn chai rượu, rồi gật gù:

– Tôi biết chỗ tìm. Và tôi cũng lại biết nó đã biến ra những thứ gì rồi.

Ông Phó lại càng bối rối:

– Thưa cậu...., thưa cậu... có phải hâm lại vịt không ạ?

Hai anh em ngồi tần ngần nhìn những giọt cà phê rỏ đều đều xuống cốc. Ông Phó lại móc túi quần của chú lấy ra một cái "píp", nhồi thuốc thật chặt, đặt ở cạnh cốc cà phê. Trọng Khang cầm lấy, ông Phó đánh diêm.

– Thôi ông xuống nhà ăn cơm đi.

Ông Phó đi khỏi, Khôi bảo bạn:

– Anh có một người đầy tớ ngoan quá.

– Còn là đầy tớ đâu nữa. Ông ta ở với nhà tôi cả hơn bốn mươi năm, từ hồi còn để chỏm. Thầy mẹ tôi lúc còn sống tin ông ta lắm. Tôi cũng thế. Tiền trăm, tiền nghìn giao cho ông không hề suy suyển bao giờ. Ông ta thương tôi lắm. Mấy hôm nay hết tiền, tôi phải ăn muối vừng ông ta đem bán cái ống thuốc bạc để mua vịt và rượu cho tôi đấy.

– Anh đã đến cái nông nỗi ấy cơ à?

– Thì làm gì chả đến. Có bao nhiêu bỏ ra làm gỗ cả. Bây giờ mất hết thì còn gì nữa?

Khôi móc ví:

– Tôi còn ít tiền đây. Anh hãy lấy mà tiêu tạm.

– Bao nhiêu?

– Tôi còn sáu chục, anh có thể lấy năm chục.

Trọng Khang lắc đầu:

– Năm chục thì nhiều quá để sống chờ thời dăm ba ngày, mà ít quá để gây dựng lại một cơ nghiệp. Anh cũng nghèo. Lương hơn trăm thì còn hai cụ và sáu bảy đứa em. Chiều hôm nay, tôi cũng vừa lĩnh được cái măng – đa của em gái tôi gửi cho tôi. Tôi định vào sòng để phất, chẳng may lại thua. Nhưng tôi cũng còn lại hai chục. Thôi, cám ơn anh.

– Thì anh cứ cầm lấy, nhỡ có tiêu gì chăng?

– Chẳng ích gì đâu mà bắt anh phải chạy tiền tiêu từ giờ đến cuối tháng. Tôi biết lòng anh đối với tôi tốt, thế là đủ rồi.

Khôi nèo mãi. Trọng Khang cầm lấy năm đồng:

– Thôi tôi xin anh năm đồng. Tôi xin, vì vay thì chưa biết bao giờ lại giả được.

– Anh cứ cầm cả lấy không giả thì thôi.

– Nếu có ích cho tôi, tôi cầm ngay. Hà tất để anh phải ép.

Trọng Khang lên tiếng gọi ông Phó:

– Đây năm đồng, ngày mai đi chuộc cái ống thuốc về. Ống thuốc ấy là của thầy tôi cho ông. Ông không có thể vin vào bất cứ một lẽ gì mà bỏ mất đi được.

Ông Phó ấp úng, muốn nói thì Trọng Khang đã gắt:

– Cầm lấy tiền. Mai chuộc về. Không nói lôi thôi. Tôi cấm ông từ nay không bao giờ được làm như thế nữa. Ông còn làm như thế, tôi đuổi ông về quê ngay lập tức.

Ông Phó mặt tiu nghỉu, cầm lấy giấy năm đồng.

– Tôi không khiến ông lo cho tôi, sao ông cứ lo?

Ông Phó rơm rớm nước mắt, miệng lải nhải:

– Thì cậu... cậu gặp...

Trọng Khang bực mình đứng phắt dậy, lấy tay đẩy ông Phó xuống bếp:

– Lúc này chỉ còn thiếu có cái nước mắt ông nữa thôi. Tôi không cần ai buồn cho tôi cả. Mai cuốn gói về quê đi, tôi không chịu được cái nét mặt sầu thảm của ông đâu.

– Ông ta trung thành với anh như thế, sao anh cũng bực?

– Chỉ bực vì chỗ quá trung thành ấy. Lại càng bực hơn khi biết rằng lòng y tốt như thế mà mình ở vào một cảnh ngộ không có cái gì để đền bù lại.

– Ồ, tấm lòng tốt thì còn cái gì đền bù được. Và tôi chắc một người như ông ta thấy gặp cảnh này, còn đau đớn hơn anh, bởi vì tôi xem cách thức ông ta đối xử với anh thì thật là khăng khít hơn da với thịt.

– Có thể, mà tôi cũng không muốn cho ông ta hầu hạ. Nhưng ông ta hình như lấy sự chăm nom nâng giấc tôi làm lẽ sống của ông ta vậy.

Ngừng một lát, đôi con mắt lờ đờ như nhìn về một quá khứ nào, Trọng Khang nói tiếp:

– Thầy mẹ tôi lấy vợ cho ông ta, lại chạy luôn cho chức phó lý. Ở nhà quê, thế là có một địa vị rồi đấy. Cấy dăm sáu mẫu ruộng, con trai hiện nay lại làm chưởng bạ, kể thì đời ông ta cũng sung túc an nhàn. Nhưng ông ta lại không chịu ở nhà quê. Làm phó lý một năm, ông ta thấy buồn nản xin từ dịch để ra hầu hạ thầy mẹ tôi. Thầy tôi thấy thế quát tháo ầm ĩ và đuổi về. Ông ta khóc mà về, nhưng được nửa tháng lại bò ra, nói rằng nhớ thầy mẹ tôi và chúng tôi lắm, không thể ở nhà quê được. Lúc còn mồ ma thầy mẹ tôi, ông ta phải ở gần thầy mẹ tôi thì mới thấy vui. Thầy mẹ tôi mất đi, ông ta phải ở với chúng tôi. Ấy bây giờ, giá tôi đuổi về, nhất định ông ta cũng không về nhà quê đâu. Thể nào ông ta cũng lại lần về Hà Nội với em gái tôi.

Chép miệng, Trọng Khang đứng dậy, đi đi, lại lại:

– Song dù thế nào, tôi cũng buộc lòng phải đuổi ông ta về vì tôi đã sa vào một tình thế không thể chu cấp nổi cho ông ta nữa rồi. Nay mai thì... chính tôi phải lăn lưng để tự nuôi mình.

– Nhưng anh định làm gì mới được chứ?

– Làm gì? Chính tôi cũng chưa biết. Nhưng tôi cảm thấy tôi làm gì cũng được, miễn là có thể sống.

Đến đây, một mối lo vụt kéo đến xâm chiếm tâm hồn, Trọng Khang kéo một hơi thuốc dài rồi nhún vai:

– Nếu có một mình tôi, thì thật tôi chẳng cần phải nghĩ, nhưng chết cái, tôi còn em gái tôi. Bao nhiêu vốn của nó... Nó không trách oán tôi đâu. Nhưng lòng kẻ làm anh...

Trọng Khang ngồi xuống cạnh Khôi:

– Anh có biết mấy hôm trước đây tôi tính kế gì không? Tôi định tải thuốc phiện ở Pakha, Xì Mầu sang Tàu bán rồi mua hàng lậu về.

– Ấy chết! Bây giờ bên Tàu cấm ngặt thuốc phiện. Anh tải sang họ bắt được, thế nào cũng bị xử bắn.

– Người ta sống chết chẳng qua một may một rủi; nhưng sự mưu toan ấy đã không thành rồi. Tôi không có tiền. Chứ nếu có tiền thì thế nào tôi cũng liều. Vì chỉ có cách ấy, tôi mới hy vọng khôi phục lại cơ đồ trong một thời gian rất ngắn. Em tôi năm nay đã hai mươi tuổi rồi. Có lẽ trời không cho tôi thành công trong việc này. Tôi viết giấy về bảo nó vay hộ bà cô cho tôi một nghìn, nó chỉ gửi lên cho tôi có hai trăm.

Trọng Khang lại đầu giường lục túi quần đưa ra một phong thư.

– Đây bức thư nó viết cho tôi. Anh thử xem với một đứa em gái như thế này, người ta có thể đi ăn cướp, giết người để mưu hạnh phúc cho nó. Phương chi cái hạnh phúc của nó lại chính từ tay tôi phá đổ.

– Nào phải tự anh, đó là một sự chẳng may.

– Tôi không thể vin vào cái cớ ấy để tha thứ cho mình được.

Khôi giở bức thư, lẩm bẩm đọc.

Anh cả yêu quý,

Em nhận được thư của anh liền đưa cho cô xem. Cô xuýt xoa mãi, vì cô có hơn nghìn bạc vừa mới cho người ta vay mất rồi. Giá mà thư anh về trước độ năm ngày... Cô bảo em viết thư lên cho anh nếu có cần thì độ một tháng nữa, anh về mà lấy. Nhưng em đã thưa với cô một tháng nữa thì anh lại không cần dùng đến, vì anh chả viết giấy cho em nói bè gỗ của anh đã thả ra sông; chỉ mười lăm ngày nữa thì về đến Hà Nội là gì.

Em mở cái két nhỏ thì số tiền anh cho em để tiêu vặt còn vừa vặn hai trăm mười bốn đồng. Em vội vàng ra dây thép mua măng – đa gửi lên cho anh hai trăm. Còn mười bốn đồng em tiêu từ nay đến hôm anh về cũng đủ chán.

À, em đã đan xong cho anh cái áo len đẹp quá. Anh chắc phải bằng lòng. Buồng anh bây giờ sáng nào em cũng thay hoa vì em không muốn cho anh bắt chộp được em như lần trước nữa đâu: về đến nhà, trong buồng chẳng có một bông hoa nào. Anh là cứ hay chơi cái vố bất thình lình lắm.

Cô thấy thế cứ ngẩy ngà em:

– Anh mày nó đã về đâu mà cứ mua hoa thế cho nó tốn. Chờ nó về hẵng cắm hoa, có được không.

Cô ngẩy ngà mặc, em cứ mua. À, liệu về sơm sớm, chứ chậm để em hết tiền không thể mua hoa cắm ở buồng anh thì em giận lắm đấy.

Trên ấy, chắc độ này rét lắm có phải không? Ở đây đã hơi mát, chứ không nực nữa. Thôi thế là rằm tháng tám này, em lại không được đi chơi trăng nữa. Vì không có anh ở nhà, ai đưa em đi.

Anh cố thu xếp về trước tháng chín nhé, anh chưởng bạ con ông Phó mấy hôm trước có ra đây, khẩn khoản mời anh em mình đến mùng năm tháng chín về xem hội. Em thích về nhà quê chơi quá, anh ạ. Năm nay ra Sầm Sơn, không có anh buồn quá.

À chị Lan chị ấy hứa với em nếu em về quê chơi thì chị ấy cũng về. Cái tin ấy hẳn làm cho anh bằng lòng và hẳn có sức mạnh làm cho anh thu xếp công việc để về trước tháng chín. Ngày nào chị ấy cũng lại đây thêu với em và... làm gì nào, đố biết. Và nói chuyện về anh. Chị ấy thích cái tủ sách của anh lắm. Chị ấy hỏi em sao anh bận công việc như thế mà còn có thì giờ đọc sách.

Em tưởng đã đến cái lúc anh mưu hạnh phúc rồi đấy. Với một người chị như thế, em sung sướng lắm nhé. Anh nên về trước tháng chín để... nói rõ ý muốn của anh với chị ấy đi vì em nghe như có người rục rịch muốn hỏi chị ấy đấy.

Xem ý chị ấy, thì không ao ước gì hơn được làm vợ anh.

Thôi viết dài, mỏi tay lắm rồi. Anh cố mà về sớm để đưa em về quê chơi thăm bà Phó nhé. À, ông Phó có mạnh khỏe không? Bảo ông ấy thế nào cũng phải mua một ít vải mèo cho em để em căng cửa sổ đấy.

Em bé của anh.

TUYẾT VI

III

– Thế em anh chưa biết cái tin bè bị vỡ à?

– Tôi chưa dám nói cho nó biết, vì tôi sợ nó buồn. Và khi tôi viết giấy về bảo nó vay tiền, tôi cũng nói một cách hờ hững: có sẵn thì vay, không thì thôi, tôi cũng không cần lắm. Nếu tôi nói tôi cần thì cô tôi không có, nó đã đem bán hết tư trang để lấy tiền gửi lên cho tôi rồi.

– Anh có một người em gái thật là... đáng yêu. À, còn cô Lan nói trong thư là ý trung nhân của anh phải không?

– Nói rằng ý trung nhân thì cũng không đúng. Nhưng nếu một ngày kia mà tôi cần phải lấy vợ thì thế nào tôi cũng lấy cô ta.

– Tại sao lại thế? Thế hai bên chưa gắn bó gì cả à?

– Cô ta là bạn thân của cô em gái tôi, cô ta đến nhà chúng tôi chơi luôn. Rồi đây có lẽ... tôi cũng yêu cô ta vì em gái tôi yêu cô ta lắm. Tôi tự nghĩ: nếu tôi lấy một người mà em gái tôi đã yêu quý thì sau này chị dâu em chồng sẽ không có điều gì xích mích. Vì thế có lần em gái tôi yêu cầu tôi lấy cô ấy, tôi ngỏ ý bằng lòng. Tôi bảo chờ một vài năm, khi nào tôi có thật nhiều tiền. Nhưng thế này thì biết đến bao giờ? Thầy mẹ tôi mất đi để cho hai anh em được gần vạn đồng bạc. Tôi làm ăn trong bốn năm được thành hơn hai vạn. Ngờ đâu trong một buổi tối mất cả. Tôi nghĩ chỉ còn cách đi buôn lậu, nhưng vì số tiền không đủ, tôi lại sòng để đánh, ai ngờ thua mất trăm tám. Người ta lúc cùng sinh nghĩ bậy. Lần này là lần đầu tiên và có lẽ là lần cuối cùng tôi bước chân vào sòng. Cái không khí ở đây ghê tởm quá. Vận mình lúc bĩ...

Khôi nhìn bạn:

– Nhưng dù sao anh cũng phải tính thế nào chứ.

– Lòng tôi bây giờ còn đang hoang mang, chưa biết tính cách nào. Mà tính cách nào thì cũng phải có tiền. Tiền tôi không có.

– Tôi rất hận rằng tôi không giàu. Anh giúp đỡ tôi bao nhiêu phen mà đến khi anh gãy khúc, tôi chẳng giúp đỡ gì được anh cả.

– Anh chớ nên phàn nàn. Chúng ta biết lòng nhau là đủ rồi. Lán gỗ của tôi bây giờ chưa có tiền làm, vậy lâu lâu anh tạt qua trông coi hộ, để khỏi bị ăn trộm, thế là đủ rồi. Có lẽ tôi bán lán. Có lẽ tôi về Hà Nội xoay kế khác, chứ làm gỗ ít tiền không thể làm được. Có lẽ rồi tôi đi làm công. Đời tôi muốn xoay chuyển ra thế nào, tôi cũng không sợ, tôi sợ nhất là khi phải báo cáo cái tin buồn cho em gái tôi thôi. Nó bây giờ như con chim sơn ca, đang thời xuân trẻ, ca hót vang lừng, chẳng biết gì là buồn, tin tưởng vui sống dưới sự che chở đùm bọc của tôi. Vì tôi làm ăn không nên thân... Tưởng tượng vì túng thiếu mà mất cái tiếng hót vang lừng kia, tôi thấy mạch máu tôi đông lại, anh ạ.

– Anh không nên quá lo xa và nghĩ vơ vẩn. Cô ấy là người có lòng, tất đủ nghị lực để vui cái cảnh đời mới.

Hai người đang nói chuyện thì có tiếng ngựa hí và tiếng ồn ào ở ngoài cửa. Lại xen lẫn vào những câu tiếng Tây.

– Ngựa thồ ở đâu về mà nhiều thế?

Khôi chạy ra mở cửa, rồi lại chạy vào:

– À, bọn ông Nam Long, chủ thầu ở Hà Nội, sang thầu đường ở bên Tàu. Úi chà, công việc họ làm to lắm, những gần một trăm bạn. Hôm nay, chỉ còn vài chục ngựa thồ, chứ hôm qua đã đi hơn trăm con rồi. Tôi có gặp họ ở Phố Lu.

– Tây à?

– Không, ta.

– Thế họ nói tiếng Tây với ai?

– Với nhau.

– Thế họ không biết tiếng ta à?

– Sao họ lại không biết. Nhưng họ thích thế. Nói tiếng Tây bây giờ là dấu hiệu của những con người sang.

Trọng Khang chép miệng:

– Người mình bây giờ lắm đứa lọ lĩnh quá. Sang gì hở anh?...

– ...

– Họ học ở Tây về quen đi rồi. Con gái ông chủ thầu cũng nói thạo lắm. Tôi chỉ nghe thấy cô ta nói toàn tiếng Tây.

– Anh có quen bọn ấy à?

– Không quen. Nhưng có gặp ở nhà một người quen ở Phố Lu ngày hôm kia. Cô ta đẹp lắm, cử chỉ như đầm. Nghe đâu có đi Tây học, đỗ bằng luật khoa cử nhân.

– Đàn bà lên đây làm cái gì?

– À, tính cô ta thích mạo hiểm, thích du lịch. Đi ngựa, đánh quần, và ăn mặc quần áo cưỡi ngựa trông oách lắm. Lại có một ông kỹ sư đi theo, ăn mặc cũng oách như cô ta. Nghe đâu là chồng chưa cưới thì phải. Hai người thường cùng cưỡi ngựa đi rong chơi ở Phố Lu. Ông bố hình như cũng chiều con lắm và cách ăn ở có lẽ Tây lắm, nên mới để cho tự do như thế. Lão đội kiểm lâm làm với tôi hôm vừa rồi, cũng kiếm được gần trăm bạc, trong khi đánh mối bán cho họ ba con ngựa. Con nào cũng hơn trăm, nhưng xoàng cả. Giá con ngựa ô của anh thì mấy trăm họ cũng mua.

Sáng hôm sau, lúc Trọng Khang ra đứng cửa nhìn ông Phó dóng ngựa cho mình để lại thăm Khôi thì thấy một người con gái ăn mặc quần áo cưỡi ngựa, chân đi giầy ủng, lưng đeo một khẩu súng lục nhỏ, tay ve vẩy một chiếc roi ngựa bằng sừng hiện từ phía chợ đi lại.

Người con gái ấy trạc hai mươi hai, hai mươi ba, cắt tóc ngắn theo lối đầm, trang điểm một cách rất Tây phương. Cách đi đứng tỏ ra một người bạo dạn. Trọng Khang đoán ngay là con gái ông chủ thầu.

Trong khi Trọng Khang nhìn nàng, thì nàng, nhìn con ngựa. Rồi nàng quay lại nói với tên người nhà đi theo sau:

– Con ngựa đẹp quá mà cao quá nhỉ!

Nàng rảo cẳng đến trước mặt Trọng Khang hỏi bằng tiếng Pháp:

– Con ngựa này của ngài đấy ư? Ngài có thể cho phép tôi được xem một tí không?

Vụt Trọng Khang thấy bực tức, bực tức về chỗ một người đồng loại nói với một người đồng loại không dùng tiếng mẹ đẻ, hơn nữa cái người nói ấy lại là một người đàn bà. Chàng tự nhủ: ngữ này có lấy chồng cũng chẳng qua là để hưởng khoái lạc, chớ không phải là để làm vợ, làm mẹ. Tuy lòng chàng khó chịu như thế, nhưng sắc đẹp vốn có cái sức mạnh bắt buộc người ta phải lịch sự. Trọng Khang cũng trả lời một cách rất lễ phép, song bằng tiếng ta. Đó cũng là một cách phản đối, nhưng cái lối phản đối ấy người con gái không để ý đến:

– Vâng, xin mời cô cứ xem.

Người con gái lại gần vỗ vào cổ ngựa, nhìn kỹ từ đầu đến chân rồi hỏi, cũng vẫn bằng tiếng Pháp, với cái giọng của một người xưa nay chưa hề bị trái ý bao giờ:

– Ngài bán con ngựa của ngài cho tôi nhé? Bao nhiêu tôi cũng mua. Tôi không kỳ quản về đồng tiền đâu, ngài muốn bao nhiêu ngài cứ nói thật đi.

Lúc này Trọng Khang không thể chịu được nữa. Lâm vào cảnh nghèo, chàng mới cảm thấy tất cả sự sỗ sàng của người giàu sang. Vẫn bằng tiếng ta, giọng hơi gay gắt vì khinh mạn, chàng đáp:

– Thế thì cô không phải là người biết chơi ngựa rồi. Bởi vì một người biết chơi ngựa bao giờ cũng hiểu rằng một khi người ta có con ngựa hay như thế này, người ta không bán bao giờ. Thứ nhất ở trên chốn rừng núi này, con ngựa này là một người bạn đồng hành trung thành và tận tâm nhất.

– Tôi trả ngài năm trăm. Ngài bảo sao?

Vẫn bằng tiếng ta, Trọng Khang trả lời:

– Tôi đã bảo rằng thế thì tôi được lãi ba trăm rưởi, vì tôi mua nó một trăm rưởi. Nhưng ba trăm rưởi cũng không bù được với những công việc nó đã giúp ích cho tôi và tấm lòng tôi mến nó.

– Nếu tôi tăng giá nữa thì ngài nghĩ sao?

– Tôi nghĩ rằng lòng mến là một thứ không thể đem đánh giá bằng tiền được.

Cái nhìn của người con gái lúc bấy giờ mới đặt một cách chăm chú lên khuôn mặt của Trọng Khang:

– Tôi xem ra hình như ngài cũng giàu và không cần đến tiền thì phải.

Trọng Khang nhếch một nụ cười:

– Tôi hiện nghèo lắm, ngày mai chưa biết sống bằng gì?

– Thế tại sao ngài không bán con ngựa của ngài đi?

Trọng Khang cau mặt:

– Thì tôi đã bảo lòng mến là một thứ không thể đem ra đầu cơ trong lúc túng thiếu được cơ mà.

Người con gái cười, để lộ hàm răng trắng như ngà:

– Ngài là một người hơi kỳ quái. Thôi tôi xin lỗi ngài nhé.

Nói xong, người con gái tháo chiếc "găng" bằng da, giơ tay ra bắt Trọng Khang. Cái cử chỉ thành thật và bồng bột ấy làm cho Trọng Khang xuê xoa được sự ghét bỏ gây ra bởi sự ăn nói lố lăng của nàng. Bất giác, chàng trả lời bằng tiếng Pháp.

– *De rien, mademoiselle.*

Câu tiếng Pháp của chàng lúc này có một sức phản động đột ngột. Nó làm cho người con gái nghĩ ngay đến cái chỗ từ lúc nãy mình toàn nói bằng tiếng Pháp mà người ta chỉ trả lời bằng tiếng Nam.

Nàng tủm tỉm cười, rồi lần này, hỏi Trọng Khang bằng tiếng ta:

– Sự tôi nói tiếng Pháp chắc làm cho ngài khó chịu lắm nhỉ?

Trọng Khang phác một cử chỉ để chối.

Người con gái gặng lại:

– Không. Chắc là ngài khó chịu lắm, cho nên ngài một niềm trả lời tôi bằng tiếng ta.

Một ý nghĩ đến ngay trong óc Trọng Khang: "Người này vì hoàn cảnh mà sinh ra lố lăng, chứ bản tâm vẫn là một con người tốt".

– Vâng, tôi không giấu cô. Thoạt tiên, tôi thấy một người Nam nói với một người Nam mà không dùng tiếng mẹ đẻ thì tôi hơi khó chịu thật. Thứ nhất người ấy lại là một người đàn bà. Người Pháp họ nói với nhau có dùng tiếng "Ăng – lê" bao giờ. Họ quý tiếng họ lắm. Tại sao mình lại không?

– Tôi vì đi du học ở Pháp, nên quen mồm đi đấy.

Trọng Khang tủm tỉm:

– Biết đâu sự quen mồm ấy chẳng cũng là để tỏ cho người ngoài biết rằng mình là một người học thức.

Người con gái cũng cười:

– *Non, ce n'est pas de la vérité, mais c'est peut-être du snobisme.* Ấy chết, tôi lại nói tiếng Pháp rồi. Tôi quen nghĩ bằng tiếng Pháp, vả chữ *snobisme*, tiếng Nam không biết dịch là gì. Thế thì có lẽ tôi là một người Việt Nam không tốt.

Trọng Khang xốc khẩu súng lục đeo ở lưng:

– Cô đã biết nghĩ thế, thì cô bây giờ là một người Việt Nam rất tốt rồi.

– Chà, khẩu súng lục ngài đeo sao to thế? Hình như nặng thì phải. Đến vài cân.

– Chả mấy. Hơn ba cân.

– Thế thì lúc bắn thế nào?

– Dùng nó quen đi. Tôi cho là không nặng. Chúng tôi sống cái đời ở rừng núi, phải cần đến thứ súng *Mauser* này mới bắn được xa. Chứ thứ súng của cô, không bắn xa được mấy. Đi ngựa mà lại đeo súng trường thì bất tiện lắm.

– Súng của ngài bắn xa được bao nhiêu?

– Có thể được một hai cây số.

– Thế cơ à? Bao nhiêu phát?

– Hai mươi bốn phát. Sang đến đất Tàu, những thứ súng này cần lắm. Bên đó giặc cỏ như rươi.

– Ba tôi cũng đem đi mười mấy khẩu súng trận. Sang đến địa phận Tàu lại có lính của chính phủ Vân Nam đón chúng tôi. Như thế cũng chả ngại. Ông có thể cho tôi xem khẩu súng của ông được không?

– Xin vâng, nhưng xin mời cô vào trong này.

Người con gái mạnh bạo theo Trọng Khang vào trong nhà, chẳng một chút e lệ. Trọng Khang tháo súng đưa cho người con gái xem.

– Súng này có một cái lợi là nếu muốn bắn xa và bắn lâu thì tháo cái bao gỗ này lắp vào như một cái báng.

Người con gái cầm khẩu súng giơ lên:

– Trời ôi! Sao nặng thế này. Tôi thì tôi chịu đấy. Ba tôi có lẽ cũng chịu. Họa chăng anh François mới dùng nổi. Nhưng cũng vị tất, vì anh ấy cũng chẳng khỏe hơn tôi nào. Ông bắn có giỏi không? Ở nhà, tôi với anh François cũng tập bắn bia đến hơn 100 phát, nhưng cũng chưa lấy gì làm tin lắm. Mười phát cũng còn sai đích đến ba bốn.

– Bắn bia khác, bắn thật khác. Bắn bia thì người ta không bị xúc động. Tôi đã biết lắm người bắn bia rất giỏi mà lúc bắn thật thì trúng rất ít. Sự bắn giỏi hay không là một vấn đề thần kinh hệ. Người nào trấn tĩnh được lòng mình thì người ấy có thể bắn giỏi. Ở đất Tàu có nhiều giặc cỏ, cô sang mà không sợ à?

Người con gái nhún vai, trả lời một cách rất tự nhiên:

– Không. Có lẽ vì nghe người ta nói thế, nên tôi nhất định nèo ba tôi phải cho đi kỳ được.

Hai người còn đang trò chuyện thì có người nhà đến mời con gái ông chủ thầu về ăn điểm tâm.

Trọng Khang đứng dậy, tiễn ra tận cửa.

Trước khi quay đi, người con gái còn lại gần ôm cổ con ngựa, hôn một cái rồi nói bằng một giọng tiếc rẻ:

– Tôi yêu con ngựa này quá. Tôi tiếc rằng ông cũng yêu nó quá mà không chịu bán cho tôi.

– Tôi cũng rất tiếc là không chiều được...

– Tôi cũng có mua ở Phố Lu mấy con, nhưng xoàng cả. Biết thế này, tôi buộc ba tôi phải đem con ngựa của tôi lên đây.

– Đem lên đây thì chỉ trong vài tuần lễ nó sẽ ngã nước chết. Mà dù có khỏi thì nó cũng không quen đường núi, như thế rất nguy hiểm cho tính mệnh người cưỡi.

– Thôi thế là đành rằng trong thời kỳ tôi ở trên này, tôi không có được một con nào vừa ý như ngựa của ông.

Nhìn Trọng Khang bằng một cái nhìn rất "đàn bà", nàng tiếp:

– Tôi mong ông đổi ý kiến.

Trọng Khang cười, lặng im.

– Nếu ông đổi ý kiến thì... nhà tôi ở trước chợ, ông nhớ lại nhé.

Nói xong, giơ tay bắt tay thật chặt, rồi đi thoăn thoắt. Trọng Khang nhìn theo một lát bỗng gọi giật lại:

– Này cô!

– Ông đã đổi ý kiến rồi ư? Sung sướng cho tôi quá!

– Không. Nhưng tôi có thể chiều cô một lát được. Tôi cho cô mượn cưỡi về nhà, rồi cô lại cho người đem đến đây trả tôi.

– Ồ! Quý hóa quá! Vừa rồi, tôi cũng đã toan hỏi ông như thế.

IV

Trọng Khang ngần ngừ, rồi đĩnh đạc bước vào. Con gái ông chủ thầu lúc ấy đang cho phim vào máy ảnh, vội ngửng đầu lên. Một nét mừng bừng nở như hoa. Nàng chạy vội ra đón Trọng Khang:

– Ngài đã đổi ý kiến rồi à? Ngài đem ngựa lại bán cho tôi đấy à?

Sực nhớ lại cuộc nói chuyện ngày hôm qua về chỗ người Nam lại đi nói chuyện với nhau bằng tiếng Pháp, nàng cười giòn tan:

– Ấy chết, tôi lại quên! Tôi lại nói tiếng Pháp với ngài rồi. Ngài nên biết cả đêm hôm qua, tôi cứ nghĩ vẩn vơ về con ngựa của ngài mà không tài nào ngủ được. Nếu ngài đã đổi ý kiến thì tôi sung sướng biết mấy.

– Tôi rất tiếc không thể làm cho cô sung sướng được. Tôi đến đây không phải là để bán ngựa, mà là để xin... việc làm.

– Việc làm? Tôi tuyệt nhiên chẳng biết một tí gì, tôi lên đây chỉ là đi chơi xem phong cảnh. Nếu thế xin mời ngài lên gác. Ba tôi với anh François đang ngồi trên đó bàn tính công việc.

Trọng Khang đi theo đến cầu thang thì người con gái bỗng quay lại:

– Tôi không biết có công việc gì có thể để cho ngài làm được không. Nhưng nếu có công việc, ngài cùng đi được với chúng tôi thì vui lắm.

Trọng Khang khẽ nghiêng đầu để cám ơn. Lên khỏi cầu thang, người con gái vừa chạy, vừa gọi to:

– Ba ơi, người có ngựa hôm qua đã đến đây này.

Đến cửa, Trọng Khang ngừng lại. Cửa mở, Trọng Khang ngó vào thì thấy ông chủ thầu đang hí húi chỉ trỏ một tấm địa đồ và bàn luận với người mà con gái ông gọi bằng anh François. Con gái ông vào, ông cũng không ngửng đầu lên.

– Con thích thì con mua, rồi trả tiền người ta, chứ gọi ba làm gì?

Người con gái đặt tay vào vai ông rồi nói một cách nũng nịu:

– Người ta đến không phải là để bán ngựa...

– Thế thì người ta đến để làm gì?

– Người ta đến xin việc làm.

Ông chủ thầu lúc ấy mới ngửng lên. Trọng Khang tiến vào. Ông ta nhìn chàng, rồi giơ tay bắt tay.

– Đây ông François Giáp, kỹ sư giúp việc cho tôi.

Trọng Khang lại bắt tay Giáp:

– Còn đây là con gái tôi, chắc ông đã biết.

Ông chủ thầu vừa nói, vừa quàng tay ra sau lưng con gái.

– Chúng tôi được hân hạnh biết cô là con gái ngài, nhưng chưa được cái vinh dự biết...

– Tên tôi chứ gì? Tên tôi là Marie Ngọc. Nhưng ông không thích tên Tây thì ông có thể gọi tôi là Khánh Ngọc.

Khánh Ngọc nói xong, chạy lại gần bên Giáp, hỏi bằng tiếng Pháp:

– Từ sáng đến giờ, anh làm được nhiều việc chưa?

– Nhiều rồi. Thế nào, hôm nay đẹp trời, cơm xong, chúng ta đi chụp ảnh chứ?

– Còn để xem...

– Sao lại còn để xem?

Khánh Ngọc trả lời một cách hóm hỉnh:

– Ngộ trời mưa thì sao?

Rồi nàng chạy lại cạnh cha:

– Ba có việc gì cho ông ấy làm để thỉnh thoảng con được cưỡi nhờ con ngựa của ông ấy.

Ông chủ thầu đặt điếu thuốc lá xuống bàn:

– Kể việc thì tôi cũng có nhiều. Nhưng không rõ ông biết làm gì, thì tôi mới có thể liệu mà mượn ông được chứ?

Đương làm chủ, nay phút chốc vì cảnh ngộ phải tụt xuống người làm công, Trọng Khang thấy khó chịu về những câu hỏi của ông chủ thầu. Nhưng chàng cố nén lòng tự ái:

– Những công việc chuyên nghiệp thì tôi không biết. Và tôi chắc rằng ngài mượn đủ người làm rồi. Song sang đất Tàu và làm một công việc to lớn như thế này, hẳn ngài phải giao thiệp nhiều, tất ngài cần đến một người thông ngôn tin cẩn. Tôi, tôi biết tiếng Vân Nam nhiều, có thể thông ngôn được một cách rõ ràng. Với lại ở cái đất đầy giặc cỏ như thế, một người... can trường và một tay súng giỏi cũng có thể giúp ngài được nhiều việc.

Khánh Ngọc hấp tấp hỏi ngay:

– Ông bắn giỏi lắm à?

– Tôi có thể bắn vỡ một quả trứng ngoài ba mươi thước.

Ông chủ thầu ngẫm nghĩ một lát:

– Phải, ông đoán đúng. Tôi hiện bây giờ cũng đã có nhiều người thông ngôn, nhưng tôi chưa được vừa ý. Trước khi mượn ông, tôi cần biết trước kia ông làm gì, và ông định lấy tôi một số lương độ bao nhiêu?

Trọng Khang tần ngần một khắc:

– Tôi trước đây mười lăm hôm là một người buôn gỗ. Vì trận bão hôm nọ, bao nhiêu bè gỗ của tôi bị vỡ sạch. Hết vốn, tôi phải buộc lòng đi làm công. Lương lậu thì tôi chưa cần nói vội, để ngài dùng tôi trong ít lâu, xem tôi đáng bao nhiêu thì ngài trả. Bao nhiêu tôi cũng xin vui lòng. Nhưng tôi cũng cần thưa để ngài biết, cái chủ định của tôi đến đây không phải là để làm công mãi. Tôi ở đất này đã lâu, thời thường cũng có sang Tàu chơi, có quen biết ít người bên ấy, công việc của ngài thì nhiều, nếu còn đoạn đường nào, ngài cho thầu lại, tôi xin mộ cu li làm. Chứ ngài tính một khi đã buôn bán bạc vạn thì dẫu bây giờ mỗi tháng có được một trăm bạc lương chăng nữa, cũng vẫn là ít.

– Sự thầu lại thì tôi chưa dám nói trước. Để sang bên ấy, rồi tôi sẽ liệu. Nhưng có phải ngài giỏi tiếng Xạ Phang thì ngài hẵng cứ theo chúng tôi, công xá tôi sẽ liệu cho ngài sau. Nếu ngài giúp việc cho tôi đắc lực thì tôi quyết chẳng để cho ngài ân hận. Sáng ngày kia tôi đi, ngài về thu xếp rồi ta cùng đi.

Ở nhà ông chủ thầu bước ra, Trọng Khang lòng nặng như chì. Chàng về nhà nằm lặng ở giường nghĩ ngợi. Ông Phó thấy chủ buồn,

cứ xoăn xoe ở chung quanh, nhưng không dám hỏi. Trọng Khang nằm chừng mười phút, rồi lấy giấy viết một bức thư dài cho em gái. Viết xong, chàng gọi ông Phó lại gần.

– Tôi không muốn chi cái cảnh thầy trò xa nhau, nhưng cảnh ngộ bắt buộc chúng ta phải thế. Bây giờ, tôi đã nhận lời làm công với ông chủ thầu đằng kia, tôi phải sang Tàu với ông ta.

Ông Phó vừa nghe đến đấy, đã ứa nước mắt:

– Cậu đi làm công, khổ cực cậu chịu làm sao được! Ai hầu hạ trông nom cậu.

Ông Phó nói đến đấy ngồi thụp xuống, lấy hai tay bưng mặt khóc hu hu. Trọng Khang cáu tiết quát rầm nhà:

– Nếu ông khóc thì tôi tống ông về Hà Nội ngay mà không nói với ông một lời nào nữa.

Thấy chủ giận, ông Phó vội vàng lau nước mắt:

– Thì con nín rồi, cậu cứ nói đi.

– Ông bảo nếu tôi không đi làm như thế thì lấy gì mà sống sau này?

– Thì con còn hơn sáu mẫu ruộng ở nhà quê, bán đi cũng được một vài nghìn. Ít tiền thì ta làm ít vậy. Sang năm, gỗ may ra có giá thì cũng được ba bốn nghìn rồi. Ta lại gây dần dần vậy.

– Thế ngộ lỗ và bè vỡ như năm nay thì sao?

– Thì thôi.

Trọng Khang nắm tay ông Phó lôi dậy:

– Không tính quẩn như thế được. Ông ở với thầy mẹ tôi ngót bốn mươi năm, mới gây được một cái cơ đồ như thế. Vả lại ông còn vợ, còn con ông...

– Vợ con con không đứa nào dám nói gì. Nói gì thì con giết. Con về bán chỉ mười ngày là con có thể mang tiền lên cho cậu. Cậu đừng đi làm công, người ta sai, khổ lắm.

– Tôi đã bảo ông đừng tính quẩn mà! Ý tôi đã quyết rồi, không được nói gì nữa. Nói nữa thì thầy trò lìa nhau đấy.

– Cậu lìa con, nhưng con không bao giờ lìa cậu.

– Thế thì ông im đi mà nghe tôi, đừng lôi thôi gì nữa.

– Thì con xin nghe.

– Ông cầm bức thư này về đưa cho em tôi, và ông cố khuyên giải nó đừng có buồn phiền gì cả. Tôi đi với người ta chừng một năm, xong

công việc, thì thế nào tôi cũng có một cái vốn to trở về. Tôi chỉ lên làm công trong ít lâu thôi, rồi tôi sẽ thầu lại công việc của người ta.

– Thế thì cậu cho con theo với.

– Ồ! Theo là theo thế nào. Có đời nhà ai đã đi làm đầy tớ lại còn đem đầy tớ đi theo không?

– Nhưng cậu một mình như thế, không có người theo hầu hạ thì còn chịu làm sao được?

– Thế ông già, mai kia ông chết đi thì ai hầu tôi? Ông đội đá ở đời mà hầu tôi mãi được à?

– Lúc ấy lại khác, chứ bây giờ...

– Thôi đừng có nói cùng. Người ta ở cảnh phú quý thì xử theo phú quý, ở cảnh bần hàn, phải xử theo cảnh bần hàn. Đàn ông như con dao pha, cảnh ngộ nào cũng xử được thì mới sống được chứ. Người ta mướn tôi để làm việc, chứ không phải để làm ông hạng. Xưa nay, tôi nể ông cho nên đem ông theo, chứ tôi có thích để ông hầu hạ tôi đâu. Thôi, thu xếp đồ để về đi. Chỉ để vào cái túi da cho tôi mấy cái sơ mi, hai bộ quần áo ngủ, cái áo len, cái áo da, vài quyển sách tôi chưa xem thôi, còn bao nhiêu đem về Hà Nội tất. Khẩu súng trường thì đem gửi ông Khôi. Thồ cả về Phố Lu. Đến Phố Lu ông bán con ngựa đi. Được bao nhiêu cho ông cả, mua quà về cho cháu. Đây còn hai mươi đồng, thầy trò chia nhau, mỗi người một nửa.

– Thì cậu cầm cả lấy mà tiêu. Con chuộc cái ống thuốc, mất có bốn đồng, còn một đồng đây, con về Phố Lu đủ rồi.

– Tôi đã bảo tôi không muốn ông cãi tôi một điều gì cả. Đây mười đồng, cầm lấy, rồi thu xếp đi, mai về sớm.

Ông Phó cầm lấy mười đồng bạc, vừa mếu vừa khóc:

– Thế cậu không cho con đi theo thật ư?

– Chẳng thật thì dối à?

– Nếu cậu thầu được thì con cũng có thể giúp cậu được nhiều việc.

– Ai chả biết thế. Nhưng từ nay cho đến ngày ấy thì tôi lấy cơm gạo đâu mà nuôi ông.

– Thì còn hai mươi đồng bạc đấy, con ăn dè cũng đủ đến ngày ấy.

– Thôi, lý sự thế thì không cùng. Thu xếp đi, rồi mai về sớm, có thế thôi. Ông có nghe tôi hay không thì ông bảo. Ông muốn cho tôi buồn tôi chết thì ông cứ trái lời tôi đi.

V

Đoàn người ngựa từ Pa Kha đi về ngả Nàm Cô.

Trọng Khang tự biết phận mình bây giờ là một kẻ làm công, gò ngựa cho đi chầm chậm, để ông Nam Long, Khánh Ngọc và Giáp đi lên trước. Chàng đi lẫn vào với bọn thư ký và cai, nhưng chàng chẳng nói năng gì. Nếu có ai hỏi chuyện gì chàng trả lời một cách để cho không hỏi nữa.

Chàng thấy lòng buồn rười rượi. Nhưng cái buồn ấy đối với con người ấy, không phải là thứ buồn gây ra bởi sự so sánh cái địa vị thấp kém ngày nay. Chàng buồn vì không thể gây cho em gái một ngày mai tốt đẹp theo ý muốn đã định.

Xác ngồi trên ngựa, mà hồn thì bay về Hà Nội, về gian nhà mà chàng đã sống với em gái những ngày cực kỳ hạnh phúc. Những kỷ niệm đã chìm trong thời gian đều nhô dần ra để gieo thêm đắng cay vào lòng. Chàng hồi tưởng mấy năm trước đây, lúc cha chàng mất đi, rồi mẹ chàng vì không chịu nổi đau buồn cũng thụ bệnh. Khi hấp hối, mẹ chàng nắm tay Tuyết Vi gửi gắm cho chàng. Chàng đã thề trước cái xác chết yêu quý sẽ hi sinh tất cả để gây hạnh phúc cho em gái. Ai ngờ đâu...!

Tuy vậy, chàng cũng không nản lòng về ngày mai. Chàng tin rằng với tài sức mình, nếu gặp cơ hội thì cơ đồ lại nổi như chơi. Nhưng cái cơ hội ấy biết bao giờ mới đến? Năm nay, em gái chàng đã hai mươi tuổi rồi. Vài, bốn năm nữa, một người con gái đã kể là già.

Ý nghĩ ấy làm cho Trọng Khang nóng sốt cả người. Chàng cắn răng để khỏi thở dài, nắm chặt lấy đầu yên ngựa để trấn áp sự ngứa ngáy nó thúc chàng cho ngựa phi nước đại.

Với chàng, thì giàu, nghèo, không cần; miễn sao được sống một cuộc đời khoáng đạt, một cuộc đời tự do và hoạt động là đẹp đẽ rồi. Nhưng đối với em gái chàng thì, một khi nghèo, cái hạnh phúc sẽ chẳng bao giờ đến cả.

Bao nhiêu cảnh đẹp bên đường, chàng chẳng trông thấy gì hết, chỉ toàn thấy những cảnh quẫn bách theo nhau đến phá tan cuộc đời tươi vui của em gái chàng.

Vụt, bốn năm phát súng lục nổ liền liền. Chàng ngửng đầu, ngơ ngác nhìn lên phía trước như người vừa tỉnh một cơn mê ghê gớm. Chàng nghe rõ ràng tiếng Khánh Ngọc gọi chàng. Chàng vội thúc gót vào sườn ngựa cho phi. Chỉ một loáng đã đến nơi. Những tiếng súng mà chàng ngờ rằng báo một tai nạn, chỉ là những tiếng súng của Khánh Ngọc và Giáp bắn bia chơi với nhau. Chàng cau mày, khó chịu. Khánh Ngọc tay còn cầm khẩu súng, cười và bảo chàng:

– Sao ông cứ đi tụt lại sau thế? Ông không lên mà xem tôi với François ngồi trên ngựa bắn cái thân cây kia, mỗi người mấy phát đều trượt cả. Ông thử bắn đi cho tôi xem nào.

Trọng Khang nhìn cái thân cây, cách chỗ mình đứng độ hai mươi thước.

– Ở cái đất giặc cỏ này, thiếu gì cơ hội để thử súng, hà tất phải bắn bia cho nó phí đạn. Nay mai qua con Tiểu Bạch Hà, đến rặng núi Mai Lin Phố, sài cứu[1] kéo ra hàng đàn, chỉ sợ không có đủ đạn mà bắn để bảo vệ tính mạng thôi.

Khánh Ngọc cho ngựa lại gần Trọng Khang:

– Đến lúc ấy sẽ hay, bây giờ ông hẵng bắn thử một phát cho tôi xem, chỉ một phát thôi.

Trọng Khang còn ngần ngừ thì Giáp đã bảo chàng:

– Thôi thì ông chiều cô ấy, không để nói lôi thôi mãi, điếc tai lắm.

Ông Nam Long cũng quay đầu ngựa lại:

– Thì ông cứ bắn thử đi, để chúng tôi xem có thể tin ở sự bảo vệ của cây súng ông không nào?

– Chỉ sợ cụ không cho chúng tôi được cái vinh hạnh ấy. Chứ nếu cụ đã có lòng tin thì quyết không khi nào tôi để cho nhỡ nhàng. Đây, cô trông... nhưng cái thân cây ấy to và gần quá, tôi bắn vào cái cành mốc ở trên ngọn kia kìa.

– Bé thế sợ không tin. Và xa quá.

Trọng Khang giơ súng. *Pẹt*. Cành cây gẫy rơi ngay xuống.

Khánh Ngọc vỗ tay:

– Khá quá! Nhưng ông không ngắm tí nào mà sao lại trúng?

– Tôi bắn quen, đã có đà tay. Nếu tôi ngắm lâu thì có lẽ không trúng nữa, vì súng nặng, tay run.

---

1. Một loại chó sói.

– Ừ, có lẽ, khẩu súng của ông nặng gấp mấy của tôi. Mai kia, ông nhớ dạy tôi với Françios bắn nhé. Hình như ở cái đất này, cũng phải cần bắn giỏi thì phải.

– Cần lắm lắm. Nhưng dạy thì... cô cứ bắn mãi rồi tự khắc quen tay, chứ chẳng cần phải dạy.

Bọn người, ngựa đi sau đã theo kịp. Trọng Khang nhìn ngay thấy ông Phó vai vác súng, tay dắt ngựa đi trà trộn ở trong. Chàng thúc ngựa tiến lại gần, cầm khẩu súng gõ lên đầu ông Phó:

– Tôi bảo ông không nghe, tôi bắn chết ông bây giờ đây này. Ông trốn ở đâu? Bây giờ ông ở chỗ nào dò ra đấy? Quay về ngay, không một phát súng, ông chết tươi ngay bây giờ. Ông làm khổ tôi vừa vừa chứ!

Ông Phó không trả lời, cũng không quay đi, chỉ ứa nước mắt, Khánh Ngọc thấy bọn người xúm xít, cũng cho ngựa tiến lại.

– Có việc gì đấy, ông Trọng Khang?

Trọng Khang chưa kịp trả lời thì ông Phó đã òa khóc, rồi vái lạy Khánh Ngọc lia lịa:

– Lạy cô, cô cho con theo đi với. Con nấu bếp giỏi, con làm giỏi, con biết nói tiếng Xạ Phang, con biết nói đủ các thứ tiếng. Lạy cô, cô cho con đi theo hầu cô vậy.

Khánh Ngọc chẳng hiểu đầu đuôi, quay nhìn Trọng Khang.

– Đây là người đầy tớ của tôi. Tôi đã đuổi ông ta về Hà Nội nhưng cứ nhất định trốn theo.

– Thì cho đi theo đã sao.

Ông Phó lại vái:

– Vâng, cho con đi theo thì con giúp được nhiều việc lắm. Đấy cậu con đã rõ, con biết cả cái vùng này như bàn tay con.

Trọng Khang quắc mắt:

– Theo để hầu ai?

– Hầu ai cũng được. Miễn là cho con đi theo.

Khánh Ngọc nhìn cái nét mặt sầu thảm của ông Phó, lại nhìn đến cái nét mặt băn khoăn của Trọng Khang:

– Thôi cứ cho hắn đi, ông ạ. Tôi xem hình như hắn mến ông lắm.

– Nhưng cái cảnh tôi bây giờ không phải là cái cảnh tôi ngày trước...

– Không sao. Ông cứ cho đi. Ông thôi đừng nghĩ đến việc ấy nữa. Ông già kia cứ đi với chúng tôi. Cậu ông bằng lòng rồi.

Trọng Khang lặng lẽ sóng cương đi cạnh Khánh Ngọc.

– Thì cho hắn đi theo để hầu hạ, có làm sao, mà ông phải nghĩ ngợi lôi thôi.

– Tôi không nói giấu gì cô, trước kia tôi cũng không đến nỗi nghèo, thầy trò vẫn ở với nhau không rời một bước. Nhưng bây giờ, tôi đã là người đi làm công, cô bảo lấy đâu mà bao bọc nói cho y nữa. Y không bao giờ muốn xa tôi cả. Y ở với nhà tôi ngót bốn chục năm nay. Xa tôi thì y thấy khổ sở vô cùng. Còn tôi, cho đi theo, tôi cũng thấy khó chịu lắm.

– Việc gì mà ông phải khó chịu. Cho đi để hầu hạ ông có được không?

Trọng Khang cười nhạt:

- Đến cái địa vị này, tôi còn đâu dám nghĩ đến chỗ để cho ai hầu hạ mình nữa. Chẳng những không dám nghĩ, mà tôi cũng không muốn nữa. Con người ta ở cảnh ngộ nào thì phải xử theo cảnh ngộ ấy.

- Tuy thế, nhưng y là một người nghĩa bộc, nên mới không muốn bỏ chủ trong lúc thất thế. Có dăm ba người nữa đi theo, ba tôi cũng không nói gì đâu. Để rồi tôi sẽ bảo ba tôi. Vả lại y thông thạo vùng này như thế, y cũng giúp được nhiều việc.

Tiếng Giáp ở đằng trước gọi. Khánh Ngọc quất ngựa tiến lên. Trọng Khang không theo. Ngựa đi được một quãng ngắn, không thấy Trọng Khang, nàng quay lại:

- Ô hay! Sao ông không đi lên cùng với chúng tôi. Đi lên đây nói chuyện cho vui.

Lúc ngựa Trọng Khang đến gần, nàng vui vẻ bảo:

– Chúng tôi không ai coi ông là người làm công đâu, ông đừng có e ngại. Ta cứ coi nhau như những người bạn cùng đi đường xa, như thế thì nó vui vẻ hơn.

Rồi lúc lại gần ông Nam Long, nàng cười khanh khách hỏi cha:

– Đố ba biết tại làm sao ông Trọng Khang cứ đi tụt lại đằng sau? Ông ấy giữ lễ đấy. Ông ấy tự cho mình là một người làm công. Ông ấy bảo ông ấy hộ vệ cho ba mà ông ấy không đi liền thì nhỡ có việc gì, làm sao ông ấy hộ vệ cho kịp.

Ông Nam Long biết con gái thích nói chuyện với Trọng Khang liền bảo chàng:

– Ông không cần phải bày vẽ ra thế. Ông cứ đi chung với chúng tôi cho vui. Ông biết rõ vùng này thì khi đến đâu, có phong cảnh gì đẹp, ông bảo cho cháu nó chụp.

– Phải đấy, lúc con ở Hà Nội, con đã hứa với các bạn còn sẽ chụp đủ năm trăm phong cảnh thật đẹp. Nếu không đủ thì con có quyền bắt đền ông Trọng Khang. Nhưng nào thấy phong cảnh gì đẹp đâu. Người ta bảo đường khó đi, nhưng có khó đi tí nào đâu?

– Đường khó đi thì khi sang phà Khấu Chẩn rồi cô sẽ biết. Còn phong cảnh đẹp thì chừng một cây số nữa đến Nàm Cổ, cô sẽ tha hồ mà chụp.

– Thì ông hẵng nói qua cho tôi nghe.

– Nói thì nó mất cái thi vị đột ngột đi. Chốc nữa đến con đường rẽ sang Khấu Chẩn, tôi sẽ đưa cô đi xem một chỗ gọi là *Sủi Ón Lừng*. Ở đó, đã có hàng nghìn án mạng thê thảm xảy ra. Ai chết đều mất tăm.

– Tôi thích những sự ghê gớm như thế. Nhưng thôi, ông đừng nói nữa. Nói thế thì rồi đến khi xem nó mất vị đi. Tối hôm nay, tôi chắc có nhiều chuyện để biên vào nhật ký.

Trọng Khang cười tủm:

– Nếu tối hôm nay ta sang qua biên giới, nghĩa là qua dốc Khấu Chẩn mới đóng trại để nghỉ, thì tôi đánh cuộc với cô, cô không còn hơi sức đâu để viết nữa. Mà có lẽ bữa cơm tối, cô cũng không muốn ăn nữa, hay là chỉ ăn gượng không thấy ngon.

– Ồ, đường gập ghềnh đến thế cơ à? Nếu thế thì tôi thích lắm. Xưa nay, tôi chưa biết sự mỏi mệt là gì. Và cả anh François cũng thế.

– Thế thì lần này cô với ông François sẽ được vừa ý.

– Chúng tôi cũng mong như thế. Chúng tôi ở Pháp về chỉ mới biết sự mệt mỏi sau khi đánh quần để tranh giải *championnat mixte*. Kể lần ấy cũng đã mệt đấy chứ, anh François nhỉ?

– Cũng khá. Lần ấy có lẽ là lần mà chúng mình mệt nhất.

Ông Nam Long đã đi qua con đường này hai lần, lúc sang xem công việc, liền cười:

– Tôi chỉ sợ lần này, anh nảy đom đóm mắt, rồi anh không dùng đến tiếng mệt nữa. Lúc ấy, phải dùng đến tiếng lả. Sáng mai, dậy lên ngựa, anh tưởng người anh nặng đến nghìn cân. Này Marie, ba

đã bảo không đi được, con cứ nằng nặc đòi đi, có mệt nhoài, đừng có kêu ca đấy nhé.

– Không bao giờ con kêu ca. Con xin đi với ba là chỉ để cho biết cái mệt ghê gớm mà ba đã tả là thế nào thôi. Giá ba không nói đến những nguy hiểm và đường đá cheo leo thì có lẽ con cũng không đòi đi đâu.

– Ừ, rồi con sẽ được biết. Sự tập thể thao của con chỉ là những trò trẻ thôi. Mệt con nghỉ được. Chứ đằng này, muốn nghỉ cũng không thể nghỉ. Con sẽ hiểu: tập chơi với làm thực là hai thứ khác nhau. Suốt ngày phải dầm mưa, dãi nắng với nghỉ cả ngày ở nhà, bốn giờ chiều mới ra sân đánh quần, nó xa nhau như cái pháo tép với khẩu súng. Đời ba vất vả đã nhiều, ấy thế mà lần đầu ba lên dốc Khấu Chấn, ba cũng tưởng chừng như đứt hơi. Ba nằm vật ra gần một tiếng đồng hồ, rồi mới nói được. Hôm ấy không mưa, nếu mưa nữa thì chưa biết còn mệt đến thế nào. Những bạn thể thao của con, ăn dưng ngồi rồi, tập tành được cái ngực to, cái đùi nở, đã tưởng rằng sức lực của mình ghê gớm lắm. Tóm lấy lũ ấy, bắt trèo, hay chỉ bắt xuống dốc Khấu Chấn thôi, họ sẽ thấy cái sức lực mà họ khoe khoang là một thứ đáng xấu hổ.

– Con hiểu ba rồi, ba muốn nói là người ta cần phải mó tay vào việc mới rõ ai là thế nào chứ gì.

– Chính thế. Cái sức lực và cái tài trí có đem ra ứng dụng vào việc đời mới biết ai hơn, ai kém. Chứ ở nơi đất bằng, ai cũng có thể nói là mình tài giỏi cả.

VI

Nước và núi bao vi khu Nàm Cỏ hiện ra ngoài cái tưởng tượng của con người ta. Ngoặt một rừng cây, con mắt khách bộ hành liền đập ngay vào dãy núi xanh biếc, vây quanh một bể nước mênh mông như những cái thành chậu khổng lồ. Nước trắng xóa một màu; ở giữa cái khu trắng xóa ấy, lại nhô lên một hòn núi nhỏ làm cho bất cứ ai, đã nếm cái thi vị phồn hoa, đến đây cũng phải thốt ra một lời ước:

– Giá có một mái nhà ở kia.

Rồi thì liền đó tưởng tượng làm việc. Người ta hình dung ngay thấy một con thuyền bơi ra, bơi vô; người ta bỗng thấy mình lâng lâng như đã rũ sạch được hết bụi trần.

Những thác nước ngoằn ngoèo đổ bất tuyệt ở chung quanh, làm bốc lên những đám mù trắng xóa, lửng lơ bay như một cái gì huyền ảo, và đem lại cho cái rộng vô biên một điệu nhạc thiêng liêng nó gợi lên ở lòng người biết bao âm hưởng.

Đám mây, vòm trời mà khi ở rừng cây, người ta nhìn chẳng có một cái gì đẹp thì nay đến đây, chúng phụ họa vào với nước, với núi, bỗng lộng lẫy và hùng vĩ lạ thường.

Trong óc khách tha hương, vụt nổi lên một cảm tưởng là nước, núi, trời, mây, không thể bao giờ xa được nhau; xa nhau thì chẳng còn thứ nào có nghĩa. Cái nọ nhận màu của cái kia, cái kia biến tính để trội lên vì cái nọ. Núi hình tượng một cái gì oai hùng, nước một cái gì mềm dẻo, mây một cái gì mơ màng, vòm trời một cái gì phiêu diêu. Tất cả ngần ấy thứ gợi lên ở trong thần trí ta một cái gì cao cả, rồi đổ dồn vào thành một khung cảnh: khung cảnh hữu tình.

Khánh Ngọc thoạt trông thấy reo ngay lên:

– Thật là một phong cảnh Thụy Sĩ, nhưng chỉ thiếu có tuyết. Trời ơi, đẹp vô ngần là đẹp!

Ông Nam Long thấy con vui vẻ, mỉm cười:

– Trông thì cũng vui mắt, nhưng giá ba có phép gì đem dời cả khu này về cách Hà Nội ba cây số thì mỗi năm ba sẽ có thể thu lợi được chừng mười vạn đồng. Lúc ấy có lẽ ba trông còn đẹp hơn bây giờ.

– Ba kỳ quá, cái đẹp đâu có phải là thứ dùng để sinh lợi. Cái óc kinh doanh của ba...

– ... Chỉ nhìn thấy cái cảnh đẹp ở chỗ nào mà có thể biến được ra những thứ đem cất vào tủ sắt.

– Nếu ba có cái phép đảo hải di sơn ấy, con cũng không cho ba làm.

– Thì thôi.

– Ừ, ba phải chiều con thế chứ. À, François, anh lấy máy ảnh chụp đi. Tôi đứng ở rìa nước, anh đứng ra tận xa kia thì vừa chụp được cả tôi và cả phong cảnh.

Chụp xong, Khánh Ngọc hỏi Trọng Khang:

– Đã sắp đến *Sửi Ón Lừng* chưa, hở ông?

– Còn độ ba bốn cây số nữa. Nhưng không ở gần đường cái. Từ đường cái vào đấy độ hơn một cây.

– Thế thì ta đi rước, để lúc xem xong, đoàn người ngựa đến thì vừa.

– Không thể được. Từ đây đã bắt đầu vào con đường nguy hiểm. Chúng ta tải bao nhiêu là bạc. Nếu vì ham vui chơi mà nhỡ công việc...

– Ồ, có bao nhiêu là lính dõng, bao nhiêu là người nhà. Ông cứ đưa tôi đi.

Trọng Khang nhìn ông Nam Long.

– Tôi tưởng đoạn đường này cũng chưa nguy hiểm lắm, có thì từ Khấu Chấn trở đi. Ông có thể đưa cháu đi. Tôi với François ở đây là được rồi.

Trọng Khang và Khánh Ngọc thúc ngựa vượt lên. Ông Nam Long nhìn theo con gái với một cảm giác khoan khoái, nhưng Giáp thì thấy có một cái gì nó làm cho se lòng lại; chàng thấy mình không làm vui Khánh Ngọc bằng Trọng Khang.

Tuy rằng đôi bên đã đính ước, và ông Nam Long đã hứa sau khi làm xong công việc này trở về, sẽ cho làm lễ cưới, nhưng Giáp cũng cảm thấy mơ hồ, thấy như người sắp gặp phải một tai nạn gì.

Rồi tự nhiên ở đâu, một cái buồn không căn, không cớ đột nhập lòng chàng. Chàng muốn nói với ông Nam Long để xin phóng ngựa đi theo, lấy cớ là để chụp ảnh cho Khánh Ngọc, nhưng chàng chưa kịp nói, thì ông Nam Long đã rút ở túi ra một quyển sổ, rồi cùng chàng bàn tính về công việc.

– Con ngựa của ông chạy nhanh quá.

– Thế cô cho ngựa cô đi trước, tôi cho ngựa tôi theo.

Đi gần đến con đường rẽ sang Khấu Chấn, một dãy núi cao vút đã đột ngột hiện ra ở trước mặt. Trọng Khang đưa Khánh Ngọc xuống một con đường rẽ.

Tiếng gầm như thiên binh vạn mã.

– Ô quái! Nước gầm ở đâu mà tôi không nhìn thấy?

– Cô xuống quá dưới này, rồi sẽ trông thấy.

Hai người đi chừng năm trăm thước đến một ngọn núi, Khánh Ngọc nhìn xuống bỗng rú lên:

– Nước chảy mạnh đến thế này cơ à? Nước ở đâu đổ về mà nhiều thế? Nếu người mà lăn xuống đây thì chắc bị cuốn phăng rồi va phải đá, chết ngay lập tức.

– Cô đã hiểu thế nào là nước chảy như thác chưa? Dãy núi này chạy dài không biết bao nhiêu trăm cây số; cái suối kẹp ở chân hai dãy núi kia cũng dài không biết tới đâu mà kể. Đã có một hôm, tôi lần theo con suối này, đi suốt một ngày, nhưng tới chiều, đến ngọn núi đỏ kia, nhìn về vẫn thấy ngọn núi này, tôi đành chịu không đi nữa. Một ngày đi như thế, ra mới được chừng mười cây số. Cô thử tưởng tượng trong một con đường dài như thế, có bao nhiêu thác nước đổ xuống. Một phút kể có hàng bao nhiêu vạn thước vuông.

– Nhưng nước ở đâu ra mà nhiều thế?

– Ta ở ngọn núi thấp này không biết, chứ ở những ngọn núi cao mây phủ kia, mưa suốt ngày đêm đấy.

– Thế đây gọi là núi *Sủi Ổn Lừng* à?

– Không. Tôi đưa cô đến đây để cô được trông thấy nước nhiều đến thế nào. Rồi chốc nữa, lại đằng kia, cô mới hình tượng được rõ tất cả cái lạ lùng, bí mật của *Sủi Ổn Lừng*.

Hai con ngựa sóng cương xuống núi, ngoắt về phía bên trái, dõi theo một dòng suối nhỏ, nước chảy mạnh đến nỗi lúc nào cũng sủi ngầu lên. Đi quanh co một lúc đến một khoảng đất bằng, con suối biến vào trong đất mất. Nước ở đấy lúc nào cũng bắn tóe lên, tiếng réo vang trời.

– A, a, bây giờ tôi mới hiểu tại làm sao mà người ta gọi là Long ẩm thuỷ. Cái miệng nó chỉ nhỏ bằng cái nong thế kia, mà sao nó uống được hết nhỉ?

Trọng Khang buộc ngựa của mình vào một bụi cây gần đấy. Con ngựa trông hố nước réo, sợ hãi, cứ muốn giật ra để chạy. Trọng Khang quất cho một roi, nó mới chịu đứng im.

Chàng buộc ngựa xong, lại đỡ cho Khánh Ngọc xuống. Chung quanh miệng rộng có những phiến đá nhô lên như những cái mặt bàn. Trọng Khang lấy mùi xoa phủi một hòn đá mời Khánh Ngọc ngồi. Nàng ngồi trầm ngâm nhìn một lát, rồi vụt hỏi:

– Tất cả cái nước này nó tiêu đi đâu nhỉ?

– Nó tiêu đi đâu thì không ai biết cả, nhưng có một điều là nó không trả lại những thứ người ta đã ném xuống. Kìa, cô trông, nước xoáy mạnh đến hõm xuống như một cái phễu thế kia cơ mà. Có một điều thần tình là nếu ném một hòn đá nhỏ cho trúng vào cái xoáy ốc ở giữa kia, thì thế nào hòn đá cũng nảy lên khỏi mặt nước một lần,

rồi mới rơi xuống chìm nghỉm. Và nếu là hòn đá bẹt thì có khi nó bật qua khỏi mặt nước lên đến trên đất.

– Sức nước mạnh biết chừng nào, ông nhỉ.

– Thì cô tính ngần kia nước xô vào có một chỗ nhỏ như thế, cô xem đá xanh còn mòn đi, nhẵn bóng như thế kia.

– Nếu chung quanh không là đá thì chắc sức nước đã làm cho lở xuống ầm ầm.

– Hẳn thế.

Trọng Khang nhặt mấy viên đá đưa cho Khánh Ngọc.

Nàng cầm ném xuống thì y như lời Trọng Khang; hòn đá nào cũng nảy lên một lần, rồi mới lại rớt xuống. Nhiều hòn mỏng nảy lên đến hai ba lượt.

Ném hết đá, Khánh Ngọc nhìn khắp chung quanh rồi hỏi:

– À lúc nãy, ông nói đến những án mạng khủng khiếp; thế nào? Ông kể tôi nghe.

– Đi lên trên đường kia rồi tôi sẽ nói.

Miệng nói, chân quay đi, toan lại dắt ngựa thì Khánh Ngọc đã nắm áo kéo lại:

– Không, ông kể ở đây. Mắt nhìn mà tai nghe thì mới thú. Chứ lên trên kia đã mất cả cái không khí rùng rợn đi rồi, câu chuyện của ông vì thế mà kém ý nhị đi chăng.

– Từ khi có cái hầm nước này, tính ra đã có bao nhiêu người chết rồi. Có khi bọn giặc cỏ bắt cả một làng ném xuống đây. Bao nhiêu vụ thù oán đã diễn ra ở chỗ này. Muốn giết ai, chỉ việc bắt ném xuống, ấy thế là mất tích. Biết bao nhiêu gia đình, có người nhà bỗng dưng biến mất, cứ nhớ ngày đi, đem xôi gà đến đây làm giỗ. Biết bao nhiêu trai gái thất vọng cùng trói tay nhau nhảy xuống đây. Kể ra thì nhiều chuyện thê thảm lắm. Nhưng có độc một chuyện là não nùng ai oán hơn cả, bởi vì nó là một chuyện tình, mà hai người lại là hai người trẻ đẹp. Kìa cô trông, đống đá lù lù ở dưới chân núi kia là mộ người con gái đấy.

– Thế còn mộ người con trai?

Trọng Khang trỏ tay xuống mặt nước đang sùi bọt:

– Dưới này.

– Tại làm sao họ không cùng chết một chỗ?

– Nếu thế thì nó đã không bi đát. Người con gái ấy, tục truyền là con một ông tù trưởng vùng đây, tên gọi nàng Mười. Người ta nói nàng đẹp như chúa Ngàn, và tài thêu thùa của nàng thì nội vùng đây không có ai hơn. Nàng đã đính hôn với con một ông tù trưởng khác ở Xi Ma Kai tên là chàng Tư. Hai bên cùng trẻ đẹp, nên yêu nhau một cách tha thiết. Không một buổi chiều nào, chàng Tư không từ Xi Ma Kai cưỡi ngựa về dạo quanh thung lũng nàng ở, rồi thổi *khèn* inh ỏi...

– *Khen* là cái gì?

– Một thứ kèn nghe nó cũng chẳng có gì là du dương. Nhưng một khi con người ta đã yêu nhau... Nàng Mười cứ cơm chiều xong, là ra ngồi dưới gió... để đón lấy những... nỗi lòng của người yêu nhờ ngọn gió đưa lại. Vì mấy năm mất mùa luôn, nên hai bên chưa kịp lấy nhau thì một hôm nàng Mười đi chợ gặp một tên tướng giặc ở miền Pha Long. Sắc đẹp của nàng làm cho tên tướng giặc say mê. Y cho người đến hỏi, cha mẹ nàng không bằng lòng. Biết để dây dưa thì sanh chuyện, hai nhà bàn nhau cho cưới ngay, chẳng lấy một chút sính lễ. Hôm cưới, đùng đùng giặc cỏ kéo về đầy ngàn sơn dã, vây kín chung quanh. Chàng Tư một ngựa, một dao xông ra đánh, nhưng vì ít không địch được nhiều, nên bị thương, rồi bị bắt. Bọn giặc xông vào trói gô tất cả hai họ lại. Tên tướng giặc hứa với nàng Mười nếu bằng lòng lấy y thì y tha chết cho cả hai họ và cả chàng Tư nữa. Nhưng đã yêu, khi nào nàng lại bằng lòng. Ấy thế là tên tướng giặc đem buộc chàng Tư vào một cái cần, cho khiêng tới đây. Y đóng cái cần ở bờ này, nhưng đóng một cách để cho chân chàng Tư vừa chấm đến mặt nước. Y bảo nàng Mười:

– Nếu em không bằng lòng lấy tôi thì tôi cho chặt cần.

Chàng tư Tư tuy bị thương đã mệt rũ, cũng cố ngóc đầu lên nói với người yêu:

– Thà rằng anh chết, chứ em bằng lòng lấy nó thì anh cũng không sống được đâu. Sống thì phải có nhau mới sống được. Em đừng bằng lòng, thà anh chết!

Nghe người yêu cầu khẩn khoản thế, nàng Mười đời nào lại bằng lòng:

– Mày giết chồng tao thì tao chết theo. Có thế thôi!

Gặng hỏi mấy lần, nàng đều một niềm trả lời như thế, tên tướng

giặc hạ lệnh cho chặt gốc cần, nhưng chỉ chặt có một nhát, cái cần oẻ xuống, chàng Tư bị ngập nửa mình, rồi bị sức nước xoay tít đi như chong chóng. Nàng Mười thấy thế, sợ hãi cuống cuồng, ú ớ nói không thành tiếng.... Chàng Tư, lúc ấy, tuy bị vặn đau như dần, nhưng cũng tự biết nếu mình không chết ngay đi, thì thế nào người yêu cũng vì thương mình mà ưng thuận, nên tuy bị xoáy như chong chóng, chàng cứ nói nheo nhéo:

– Thà rằng anh chết! Thà rằng anh chết! Em đừng bằng lòng! Sống thì phải có nhau! Cô thử tưởng tượng cái thảm kịch lúc ấy: một người thất vọng ở dưới xoáy nước kêu lên, một người khắc khoải ở trên bờ nhìn xuống. Chàng Tư vừa nói, vừa tập trung tất cả sức lực còn sót lại, dún mình lên cao một cái để cố làm cho gẫy cái cần. Mình chàng vừa qua khỏi mặt nước, lại ngã bõm ngay xuống. Lần này thì vì cái cần đã gẫy một nửa, lại bị sức nặng lôi đi, nên nó ngã ngay xuống. Ấy thế là chúng bị chìm nghỉm. Ấy thế là cả chàng cả cái cần bị nước cuốn bật gốc hút phăng đi. Mấy người đứng cạnh sà ra nắm lại, nhưng không kịp!

Khánh Ngọc nghe đến đấy liền òa khóc.

Trọng Khang mỉm cười:

– Cô không muốn nghe nốt chuyện nữa hay sao mà cô khóc?

Cái mỉm cười và câu hỏi ấy làm cho Khánh Ngọc tức giận:

– Không! Tôi không muốn nghe nữa!

Nàng nói xong, đứng phắt dậy, vùng vằng lại tháo cương ngựa, rồi nhảy tót lên, quất cho chạy bay lên phía đường cái. Trọng Khang lặng lẽ trèo lên ngựa, rồi cho đi thung thẳng theo nàng.

Lên đến đường cái, Khánh Ngọc ghìm ngựa lại, đứng đợi. Trọng Khang cũng vẫn cứ cho ngựa đi từ từ Khánh Ngọc hình như còn bực tức cho ngựa quay đi, nhưng được một quãng lại quay lại.

Khi hai ngựa đã gần nhau, vẫn bằng cái mỉm cười ấy, Trọng Khang bảo:

– Tôi không ngờ cô dễ xúc động và dễ giận đến như thế?

– Phải, đàn bà chúng tôi thế, chỉ có đàn ông các ông là ghê gớm.

– Chính thế. Đàn ông cần phải ghê gớm. Những người đàn ông nào không ghê gớm chỉ mới đàn ông có một nửa. Người đàn ông nào thật đàn ông thì phải biết để dành những xúc cảm ẻo lả cho đàn bà.

Ngay bây giờ, nếu cô không bằng lòng tôi thì tôi xin quay đầu ngựa về Pa Kha.

Khánh Ngọc lặng im.

– À, thế nghĩa là cô không bằng lòng tôi?

Khánh Ngọc vẫn lặng im. Trọng Khang quay đầu ngựa. Nhưng chàng mới đi được mươi bước thì Khánh Ngọc đã gọi giật lại:

– Thế ông bỏ tôi một mình ở đây à?

– Đoàn người ngựa cũng sắp lên đến nơi rồi.

– Ông thật là người vô lễ.

– Ai là người vô lễ trước? Người ta cần phải biết vô lễ với những người vô lễ với mình?

– Thôi... không... mà bây giờ... Ông làm là làm với ba tôi, chứ có phải đâu làm với tôi.

– Dù thế, nhưng một khi cô đã không bằng lòng tôi thì sự làm ăn nó cũng chẳng còn gì là thú nữa. Vả tính tôi không chịu được những cái gì...

– Ông chẳng phải chịu cái gì cả. Thôi, ông đừng nhắc tới nữa, lúc ấy, bộ thần kinh của tôi có rối loạn thật. Tôi xin lỗi ông.

Trọng Khang cúi đầu ngẫm nghĩ một lát:

– Thế bây giờ cô muốn xuống ngựa nghỉ ở đây đợi hay ta đi lại?

– Thôi ngồi nghỉ ở đây.

Trọng Khang buộc ngựa, rồi lại đỡ Khánh Ngọc xuống. Chàng dắt ngựa của nàng lại một bãi cỏ, rồi móc thuốc lá nhồi vao cái "píp". Vừa hút, vừa đứng nhìn ra *Sủi Ồn Lừng*.

Bỗng chàng nghe ở sau lưng có tiếng *tách* . Chàng quay lại thì đã thấy Khánh Ngọc tươi cười chạy đến.

– Tôi đã chụp đền ông một bức ảnh rồi. Lỗi tại tôi thật. Chốc nữa, ông đừng nói gì với ba tôi và anh François nhé, người ta cười tôi. Lúc đó, lòng tôi thương cảm quá. Thôi, ông bắt tay tôi đi và đừng nghĩ gì đến nữa.

Khánh Ngọc giơ tay. Trọng Khang nắm lấy.

– Ông khí khái mà tôi thì trẻ con.

Trọng Khang cười:

– Một người đã biết mình là trẻ con thì không còn là trẻ con nữa. Thôi, ta lên ngựa. Cụ và ông François đã đến kia rồi.

VII

Trời hôm ấy nắng gắt. Đến bến đò Khấu Chẩn thì mọi người đã mệt nhoài. Ông Nam Long ra lệnh cho dừng lại để ăn cơm. Ông Phó sau khi tháo yên và buộc ngựa cho Trọng Khang và Khánh Ngọc, vội vàng lấy ở túi dết ra một cái khăn mặt, đem xuống sông vò, rồi mang lên cho chú lau mặt. Khánh Ngọc trông thấy thế, tủm tỉm cười:

– Ông có người đầy tớ ngoan quá.

– Tôi nhường cho cô đấy.

– Dù tôi có trả y một tháng bao nhiêu tiền, y cũng không hầu tôi một cách sung sướng và chăm chú như là hầu ông. Hôm nọ, ông vừa nói với tôi; lòng mến là một thứ không thể đánh giá. Sự tận tâm của y không thể lấy tiền mà mua được.

Cơm đã dọn ra, Trọng Khang đứng dậy, toan đi về phía bọn cai và thư ký thì Khánh Ngọc đã vội giữ lại:

– Ông ngồi đây ăn với chúng tôi, đi đâu. Anh François và ba tôi chắc rất thích ngồi cùng ăn với ông.

Ông Nam Long cũng nói:

– Một khi ông đã là thư ký riêng và thông ngôn của tôi thì lúc nào cũng phải gần tôi. Tôi cần bàn với ông nhiều chuyện. Hình như qua mảng rồi, đi khỏi dốc Khấu Chẩn một quãng thì đến biên giới có phải không?

– Vâng.

– Chắc thế nào tại đấy, cũng có lính đón chúng ta. Chúng ta ngủ đêm ở đây.

– Sang qua Khấu Chẩn thì đường nguy hiểm lắm rồi, ta không thể cho đi chụm cả lại như lúc nãy được nữa. Tôi với hai anh lính dõng đi trước để dò địa thế. Bắt hai lính dõng và hai người nhà có súng đi kèm đồ. Còn những hòm bạc thì cho đi sau cùng. Bao nhiêu lính dõng và bao nhiêu người nhà có súng phải đi kèm. Cứ mỗi hòm bạc lại một lính dõng và một người nhà. Con ngựa nào cũng bắt phu dắt, chứ không thả cho đi tự do như lúc nãy được nữa. Nhỡ động dụng, phải bắt chúng nó hạ cả thồ xuống để chụm vào một chỗ. Cấm không được đi xa nhau. Dù giặc nhiều hay ít mặc kệ, cấm không được

đường đường đối phó, chết uổng mạng và vô ích. Ta chỉ cần bảo vệ đồ đạc và hòm bạc. Phục cả chung quanh, đứa nào thò đầu ra là ta bắn. Lúc ấy, tôi sẽ ở phía đằng đầu đem người quay lại, rồi ta muốn định liệu thế nào sẽ hay. Tôi biết vùng này và đã rõ những hành động của bọn giặc. Cụ có thể tin ở tôi. Chốc nữa, sang mảng thì phải cho buộc hòm bạc vào đây rồi hẵng cho sang. Bây giờ nước lớn, có nhiều khi chân sào không bắt kịp, mảng trôi băng đi. Lúc ấy, ta chỉ việc cầm đầu dây kéo hòm bạc lại. Tuy ướt, nhưng còn hơn mất.

– Ông bàn chí lý. Bây giờ, bao nhiêu việc đi ở đường xá và trong khi đêm tối, tôi giao cả cho ông, ông liệu làm sao cho bình yên vô sự thì làm. Tuy ta có mấy chục tay súng, nhưng giặc cỏ bên này thường đông lắm. Ta cũng cần phải đề phòng. Ông cứ chịu khó, nếu an toàn và có lãi, tôi sẽ chia cho ông một phần, chứ không để ông thiệt đâu. Ông có thể tin ở lời nói danh dự của tôi. Trong bọn người đi theo tôi thì thật là thừa người để làm công việc, nhưng thiếu người để đương đầu với bọn cướp, có ông cũng là một cái may cho tôi. Tuy sang đến chỗ làm, chính phủ Tàu cho tôi hai mươi bốn tên lính, nhưng ta cũng không nên tin họ lắm. Tôi định đóng ở Mai Lin Phố, nhưng Mai Lin Phố thì xa chỗ làm những mười lăm, mười sáu cây. Công việc diệu vợi.

– Nhưng dù sao cũng phải gửi tiền ở đấy, chứ ở giữa rừng thì tài nào cũng không giữ được. Công việc lại là công việc lâu ngày, thế nào cũng đến tai bọn giặc cỏ. Chúng nó có đủ thì giờ tổ chức để đến cướp mình.

– Nếu có nhiều cu li thì cũng không lâu lắm. Tuy hạn một năm, nhưng có nhiều cu li thì có thể xong trong sáu bảy tháng. Cầu cũng không phải bắc mấy, chỉ phải cái núi nhiều.

– Con đường ta làm nối liền con đường Sấy Thùng Chổi sang đến đường đi Quảng Tây?

Trọng Khang quay hỏi François lúc ấy đang thì thầm với Khánh Ngọc.

– Ông cũng đã theo cụ lên xem xét kỹ càng rồi?

– Không, kỹ sư Tàu đã làm sẵn bản đồ. Tôi chỉ việc xem theo đấy, bảo cho họ làm.

– Việc này có cái gì khó đâu. Chỉ có năm sáu cái cầu, nhưng cũng là cầu gỗ. Chỉ vì họ thiếu cốt mìn phá núi, nên họ phải triệu đến tôi. Gia dĩ ở đây đồ làm ăn đem từ Hà Nội lên thì tiện và gần hơn đem từ Vân Nam xuống. Từ Vân Nam đi mất gần hai mươi ngày mà từ Hà Nội đi chỉ có năm ngày. Công việc thì ông không lo, tôi đã tính kỹ

cả. Chỉ lo có giặc cướp. Cậu François vừa đỗ kỹ sư cầu cống ở Tây về, tôi muốn cho cậu ấy đi theo cho biết việc và để đỡ tay phòng khi tôi phải về Hà Nội lấy tiền.

– Nước ở vùng này độc lắm, cô Khánh Ngọc sang xem cho biết phong cảnh, rồi cũng nên về chứ không nên ở lâu.

Khánh Ngọc chẩu mỏ:

– Tôi không cần ông phải lo cho tôi. Xong công việc tôi mới về.

Ông Nam Long nghiêm sắc mặt:

– Độ hơn tháng nữa tôi về, nó cũng sẽ về với tôi, chứ ở lâu thế nào được.

Khánh Ngọc ngả đầu vào vai cha:

– Không, con không về đâu, ở Hà Nội buồn lắm. Anh François...

Nói đến đây, không hiểu sao nàng líu lưỡi, rồi lặng im.

Đoàn người ngựa sang mảng gần hết, chỉ còn hai chuyến nữa thì, người chở mảng vì phải đẩy nhiều lần mệt quá, run tay chống sào không vững, chiếc mảng liền bị dòng nước chảy xiết lôi đi. Người chở mảng chống hai lần để ghìm đều không trúng phải đá, sào bị cắm xuống bùn, mảng cứ trôi. Hai người cai ở trên mảng sợ hãi kêu rối rít. Nhanh như chớp, Trọng Khang với lấy cuộn dây giòng két bạc lúc nãy, chạy xuống mạn hạ lưu đứng đợi. Tiếng chàng hét lấp cả tiếng nước reo:

– Cố nắm lấy! Nắm thật chặt! Nhảy xuống sông, rồi tôi sẽ kéo lên.

Mảng vừa lướt tới, cuộn dây ném ra, cả ba đều vớ được. Trọng Khang chạy quanh, quấn vội ngay đầu dây vào một cái cây. Mảng cứ trôi, cả ba đều sa xuống nước. Khánh Ngọc lúc ấy cũng chạy đến phụ lực với chàng kéo ba người lên.

Mảng trôi chừng trăm thước nữa va phải đá, vỡ tan tành.

Ba người lên được bờ cám ơn Trọng Khang rối rít.

– Ơn với huệ gì, mảng vỡ rồi, còn bảy người và bốn ngựa đây, làm sao mà sang được bây giờ.

Chàng nhìn trước nhìn sau không còn cách gì.

– Cô Khánh Ngọc, chỉ còn một kế là ta chịu ướt vậy. Cô có biết bơi không?

– Biết, nhưng nước chảy xiết thế kia, nó cuốn phăng đi, chứ bơi làm sao được?

– Miễn là đừng sợ, tôi đã có cách. Sợi dây này to không thể đứt được. Bây giờ làm thế nào ném được đầu dây này sang bên kia, rồi ta buộc hai đầu vào hai cái cây, ta lần dây mà bơi sang.

– Nhưng sông rộng đến bốn năm mươi thước, làm sao mà ném dây sang được?

Trọng Khang quay hỏi một người cai:

– Trong hành lý có cuộn dây gai nào không?

– Có.

– Thế thì được rồi. Cụ bảo ai lấy cuộn dây gai, rồi buộc một hòn đá vào đầu ném sang đây cho tôi. Tôi sẽ buộc đầu dây thừng này cho kéo sang. Rồi cụ sai buộc thừng cho chặt vào một gốc cây để chúng tôi lần sang, chứ chờ đóng được máng khác thì biết bao nhiêu ngày.

Khi bắt được dây gai rồi, Trọng Khang đem buộc vào đầu dây thừng cho kéo sang. Dây thừng buộc chếch theo dòng nước chảy để cho ngựa sang khỏi bị sức nước đẩy mạnh quá.

– Nào ai sang trước thì sang đi, cởi giày và quần áo ra.

Mọi người nhìn dòng nước chảy xiết, dùng dằng.

Trọng Khang liền cởi ủng, cởi quần áo ngoài, chỉ mặc một cái "quần cộc" rồi dắt một con ngựa xuống. Con ngựa ấy vừa đặt mõm xuống gần nước, liền chồm lên, quay đầu, nhất định không chịu sang. Khánh Ngọc đánh thế nào nó cũng không xuống.

Cô bảo dắt con ngựa của tôi để cho nó sang trước. Bác Cai, dắt tất cả ngựa lại đây cho chúng nhìn.

Con ngựa ô chủ dắt thì sang ngay. Trọng Khang khoác cương vào vai, còn hai tay lần dây thừng mà sang. Đến giữa dòng, nước chảy mạnh, con ngựa bị lôi đi kéo Trọng Khang làm cho sợi dây thừng căng ra. Trọng Khang nắm chặt lấy sợi dây, ráng sức dướn mình nắm dây tiến lên. Qua khỏi dòng nước mạnh đến bờ. Chàng giao ngựa cho ông Phó, rồi lại lần sang. Không có ngựa, chỉ thoắt một cái là đến nơi.

– Ông Giáp sang chứ, cởi quần áo ngoài và giày ra.

– Tôi bơi kém lắm, ông liệu thế nào chứ...

– Có việc gì mà phải bơi, ông cứ nắm chặt lấy dây thừng mà lần sang.

Nước ngập tới bụng, Giáp thấy mình như sắp bị cuốn băng đi, vội vàng chạy ngay lên bờ:

– Trời ơi, nước mạnh quá đi thôi!

Anh Mèo chở mảng đứng cạnh đấy, thấy thế cười khì khì. Trọng Khang thuận tay tát cho nó một cái.

– Mày chở mảng không nên để cho người ta phải khổ sở và mất thì giờ thế này, còn cười gì. Lát nữa, mày mà không cho được tất cả ngựa sang, tao dìm mày xuống đấy.

Chàng lấy một sợi thừng khác buộc dưới nách Giáp:

– Thế này thì thật chẳng còn sợ gì nữa. Nói dại, ông có buột tay đã có tôi kéo ông lên.

Từ lúc nãy, Khánh Ngọc chỉ đứng nhìn. Vụt trong óc nàng nẩy ra một sự so sánh. Nàng đem so sánh cái thân thể trắng nhễ trắng nhại của Giáp với cái thân thể ngăm ngăm đen của Trọng Khang. Nàng thấy một bên mềm yếu, còn một bên thì rắn chắc. Cái màu đen thật là hợp với màu đất, màu núi, màu cây, màu nước; sự quả cảm và nhanh nhẹn hợp với sức sống mãnh liệt của vũ trụ đang biểu diễn chung quanh nàng.

Trọng Khang đang cầm dây, đứng nhìn cho Giáp lần sang thì nghe đằng sau có tiếng *tách*. Chàng quay đầu lại, cau mặt, cái cau mặt trách móc, nó như có ý bảo: "lúc này mà cô còn nghĩ đến sự vui đùa được ư?"

Khánh Ngọc vội vàng đeo cái ống ảnh lên vai, xin lỗi:

– Tính tôi nó quen như thế rồi.

– Thôi bây giờ cô cởi giày và bộ quần áo đi ngựa ra.

– Vâng, nhưng em yêu cầu ông một điều...

– ???

– Máy ảnh đây, ông chụp cho em một tấm trong khi em lần sang để em giữ làm kỷ niệm.

Tiếng em nàng nói lần đầu tiên bằng một giọng phục tùng khiến cho Trọng Khang không thể từ chối.

– Xin vâng. Cô ngồi xuống đây để tôi rút đôi giày ủng ra cho cô.

Khánh Ngọc ngồi lên một cành cây. Trọng Khang quỳ xuống, một tay nắm đùi, một tay cầm gót giày lôi mạnh ra. Khánh Ngọc có cái cảm giác như có một cái gì bằng sắt và bằng thép nắm vào mình.

Tháo xong đôi giày ủng, Trọng Khang lại cởi giùm nàng cả hai dạng cúc ở hai bên ống quần. Trong lòng Khánh Ngọc, lúc bấy giờ

đột hiện lên một cái gì sung sướng, thứ sung sướng mà không lần nào, nàng tìm thấy ở cạnh Giáp, mặc dầu Giáp đã nhiều lần chiều nàng những việc tương tự như thế.

Tiếng ông Nam Long nghe lanh lảnh:

– Ông cẩn thận cho cháu nghe không?

– Cụ cứ yên tâm, không sao đâu. Để tôi buộc dây vào lưng cô đã chứ.

– Em không cần...

– Không nên có những sự liều vô ích. Người ta chỉ nên liều khi không thể không liều được.

– Nhưng... cái dây thừng lòng thòng thì chụp ảnh, nó mất cả vẻ mỹ quan đi.

Trọng Khang bật cười:

– Người ta bảo đàn bà làm đỏm ngay cả trong khi hấp hối, đúng thật. Vâng, tôi xin chiều ý cô.

– Ông nhớ chụp nhé.

Ra đến giữa dòng sông, thấy Trọng Khang giơ máy ảnh ngắm vào mình, Khánh Ngọc giơ một tay lên vẫy vẫy, tiếng ông Nam Long hét:

– Ô kìa, không nắm cả hai tay vào dây kia, con tưởng là một trò đùa đấy à!

Khánh Ngọc sang rồi, Trọng Khang quay bảo anh Mèo chở mang:

– Mày khỏe cười, bây giờ mày phải cho hai con ngựa sang cho tao. Nếu để cho ngựa trôi đi, ông bắn cho chết giữa dòng sông này.

– À, à, cái ông không phải bắn lớ, tôi cho sang được lớ.

Mọi người đã sang tất cả, Trọng Khang lấy dây quấn tất cả quần áo, giày của mình và của Khánh Ngọc làm một gói rồi đeo lên vai lần sang. Sang đến bờ bên kia đã thấy Khánh Ngọc trắng toát trong một bộ "combinaison", tay cầm một chai Rhum và một cái cốc đứng đón.

– Đây, em đền công ông một cốc rượu.

Trọng Khang nốc cạn một hơi.

– Ông xơi cốc nữa.

– Thôi cám ơn cô, uống cốc nữa thì bốc nóng, không lên nổi cái dốc này đâu.

VIII

Khánh Ngọc toan lên ngựa thì Trọng Khang cản lại:

– Cô cưỡi ngựa tôi. Ngựa của cô không lên nổi dốc này đâu. Nội đây, chỉ có con ngựa của tôi là lên được, nhưng cũng phải lên một cách chật vật.

Rồi gọi ông Phó:

– Ông đi dắt ngựa để cô lên. Nhớ lâu lâu cho nó nghỉ thì nó mới còn sức mà lên. Coi chừng không cô ngã thì khốn đấy.

Quay sang Giáp:

– Thôi chúng ta chặt lấy mỗi người một cái gậy, để ngựa cho chúng nó dắt, chứ không tài nào cưỡi ngựa được đâu.

Giáp ngước đầu nhìn lên đỉnh núi cao vút:

– Phải, tôi trông cũng khiếp lắm.

- Ông nhớ đi từ từ, đừng có cố. Cố thì đến lưng chừng, đứt hơi đấy.

Muốn tưởng tượng được hết sự vất vả khi lên cái dốc Khấu Chấn này, phải biết rõ khi người ta xuống nó thế nào.

Là một con đường ngòng ngoèo dài chừng sáu bảy cây số, nối từ ngọn núi đến bờ sông, ấy thế mà giá san bằng, người ta đo từ ngọn núi ra bờ sông chỉ độ ba bốn trăm thước.

Một cái dốc vô cùng vĩ đại mà mỗi khi xuống nó, ai cũng đều phải chạy như bị giặc đuổi. Mỏi quá, muốn nghỉ, người ta phải bám lấy thân cây ở bên vệ đường, rồi ngồi xệp xuống, chứ không thì thế nào cũng bị lăn băng đi. Tuy chạy, nhưng mắt lúc nào cũng phải chăm chăm nhìn vào con đường, chờ đến chỗ ngoặt, phải lái ngay mình theo nó, chứ không thì thế nào cũng bị đâm bổ xuống dòng sông.

Sáu cây số đường dốc ấy, một người khỏe và đã xuống quen, chỉ đi mất có gần nửa giờ. Nhưng trèo lên, thì một người giỏi đến đâu, cũng mất xấp xỉ hai giờ. Có nhiều người yếu không trèo quen, lên khỏi dốc, nằm bẹt, rồi phát sốt, phát rét ầm ầm.

Ít người ở trên đỉnh núi xếp đá gỗ lăn xuống thì một vạn quân cũng không thể lên. Đá lăn xuống chạy mạnh đến nỗi nhiều khi có tiếng rú lên như còi báo động.

Ông Nam Long đã lên một lần, nên ông đã rõ biết sự khó khăn. Ông mua sẵn một chiếc ba toong đầu bịt sắt nhọn. Lúc bắt đầu lên,

ông sai người khỏe mạnh đi cùng để đỡ cho ông. Tuy thế, ông cũng phải nghỉ mười chặng mới lên đến trên đỉnh núi, ông phải vào ngay nhà Lý trưởng Cờ Cải nằm vật ra đến nửa giờ mới lại hồn.

Khánh Ngọc nhờ có con ngựa và nhờ ông Phó là người thông thạo, nên trèo lên cũng không mệt nhọc mấy. Nhưng nhiều khi dốc quá nàng tưởng chừng như tuột khỏi lưng ngựa, nàng rú lên, rồi ôm lấy cổ ngựa.

– Cô không sợ, ngựa của cậu con nó lên quen rồi.

– Nhỡ đứt thắng đái thì chết.

– Không. Yên ngựa của cậu con thửa riêng thắng đái để leo dốc, chỉ bện năm lần, không tài nào đứt được.

Giá cứ thả ngựa cho lên, thì Khánh Ngọc thế nào cũng đến đỉnh trước mọi người. Nhưng một vì nàng thương con ngựa, thương ông Phó và muốn chờ Trọng Khang và Giáp, nên nàng cứ cho ngựa nghỉ luôn.

Trời nắng như đốt, mồ hôi nàng vã ra ướt đẫm cả chiếc áo ngoài, con ngựa thì mình như dội nước.

Trọng Khang dìu Giáp lên được chừng một cây số thì Giáp đã thấy run chân và hoa mắt. Ngực đã như bể thổi.

– Tôi khát nước lắm.

– Thế thì hẵng ngồi nghỉ ở cái mỏm đá này vậy.

Trọng Khang lấy bình nước đeo ở vai rót ra một chút đưa cho Giáp.

– Trời ơi! Ít thế này thì sao đủ khát được?

– Ấy, đừng nốc cả một hơi, ông chiêm chiếp tí một. Trời nắng, leo dốc, không nên uống nước nhiều. Càng uống nước mồ hôi càng ra. Dù uống bao nhiêu cũng không hết khát được. Ông phải chịu khó nhịn.

Đá núi bốc ra cái nóng chín người. Gió núi thổi vù vù. Giáp toan cởi áo ngoài ra thì Trọng Khang đã vội can:

– Ấy cám chết. Nắng thế này, mệt thế này, cần phải mặc ấm. Lên được bốn cây thì Giáp đã thấy cứng chân, tim trong ngực đập mạnh như muốn đứt ra.

– Nghỉ một chút, chứ tôi không thể nào đi được nữa.

Trọng Khang lái Giáp vào một gốc cây, rồi gọi một tên mã phu nắn gân chân cho Giáp, Giáp nằm thẳng cẳng gối đầu lên một hòn đá. Tên mã phu bóc một múi chanh đưa cho Giáp. Giáp nhai ngấu nghiến n...

– Ồ, cái nị ngậm chứ, lại nhai thì khỏi mệt làm sao được?

Trọng Khang nhìn người bạn đồng hành, ái ngại:

– Ông cố đi một chút nữa, chỉ còn hai cây thôi.

Giáp mệt quá, lặng im, không trả lời, và có lẽ cũng không nghe tiếng.

Nghỉ được mười phút, Trọng Khang lại giục:

– Thôi ta dậy chứ. Chiều nay phải đến động Diêm Sinh mới nghỉ cơ mà.

Giáp gượng gạo đứng dậy:

– Trời ơi! Không bao giờ tôi bị mệt như bây giờ. Dốc gì mà dốc ghê gớm như thế.

Ngửng đầu nhìn con đường cháy nắng một cách kinh hãi:

– Thế ông không mệt à?

– Cũng mệt chứ, nhưng chúng tôi chịu đựng quen, mệt gọi là thôi. Ông chiếp một ngụm nước nữa rồi ta đi.

– Gần đến rồi chứ?

– Vâng, gần đến rồi.

– Xa nữa thì tôi đành chịu. Đầu tôi nhức lắm. Ông có dầu bạc hà đấy không?

– Đầy tớ tôi nó cầm cả. Để đến Cờ Cải, rồi xoa một thể...

*

* *

Lần này, Khánh Ngọc nhất định chờ hai người. Đến một gốc cây, nàng xuống ngựa. Gặp ai đi qua, nàng cũng hỏi. Đều một câu trả lời:

– Còn nghỉ lại sau.

Nhìn đồng hồ tay, thấy chờ gần một giờ mà hai người chưa lên, nàng băn khoăn hỏi ông Phó:

– Sao lâu thế, hay ngã nghiếc làm sao? Hay xảy ra việc gì?

Ông Phó trả lời bằng một giọng tin tưởng:

– Có cậu con thì quyết không xảy ra sự gì được cả.

Khánh Ngọc mỉm cười:

– Cậu ông "ghê gớm" thế cơ à?

Hỏi dứt miệng, nàng vụt có vài cảm giác như thèn thẹn, thẹn vì nàng đã vô tình nhắc lại hai chữ ghê gớm mà Trọng Khang đã nói với mình ở Sùi Ón Lừng. Rồi thì tất cả những việc hôm ấy hiện đến trước mặt nàng. Nào lúc Trọng Khang bắn súng, nào lúc kể câu chuyện thê thảm, nào khi ném dây cho người trên máng, nào lúc dắt ngựa lần dây bơi qua sông, nào lúc Trọng Khang cởi giày cho mình. Không hiểu sao lòng nàng bỗng thấy rạo rực một khoái cảm. Nàng thấy hai tai bừng nóng. Nàng bâng khuâng nhìn ông Phó, chờ câu trả lời.

Ông Phó vẫn thản nhiên, vẫn một giọng tin tưởng mãnh liệt:

– Leo cái dốc này, cậu con coi vào cái mùi gì. Có ông Giáp trông bị thịt như thế thì mệt, chứ cậu con ít khi mệt lắm. Nhiều lần, nước lũ lên to, sợ người làm cuốn gỗ không kịp, cậu con cũng xuống suối vần gỗ với chúng con cả ngày. Cậu con tuy trông mảnh khảnh như thế, nhưng khỏe vô cùng.

Ông Phó vốn rất ít nói, nhưng lần này, cạnh người đàn bà này, ông Phó thấy cần dùng phải nói nhiều về chủ mình, sự cần dùng ấy sinh ra bởi lòng ông bị ép trong hai ngày hôm nay dưới sự thắc mắc: không biết chủ có cho đi theo không. Người chủ đang giàu, vụt bị nghèo, hiện ra ở trước mắt ông với bao nhiêu tính nết tốt đáng ca tụng, và xứng đáng với tấm lòng trung thành, luyến ái của ông. Nếu Khánh Ngọc không ngắt lời thì có lẽ ông còn nói, nói nhiều nữa, nói cho hả cái lòng vui sướng được đi theo ông chủ. Ông càng muốn nói với Khánh Ngọc vì nhờ Khánh Ngọc mà ông được cái sung sướng ấy. Lúc này, ông thấy yêu Khánh Ngọc một cách lạ thường, ông cảm thấy ông có thể hy sinh cho nàng cũng như hy sinh cho chủ.

– Tại sao cậu không cho ông theo?

– Vì cậu con bảo một khi đã phải đi làm công thì không thể đem đầy tớ theo. Con thì con nghĩ khác.

– Ông nghĩ thế nào?

– Con nghĩ cậu con càng nghèo, càng khổ bao nhiêu, con càng cần phải theo để hầu hạ bấy nhiêu. Sáng ngày, cô nói cho một câu, con ơn cô quá. Thấy nghèo mà bỏ đi thì lòng con không đang cho được.

Ông Phó nói xong, lại ứa nước mắt.

– Tại cậu ông không cho ông đi theo, chứ có phải ông bỏ đâu.

– Thì thế cũng gần như là bỏ. Xưa nay, con không dám trái ý cậu con bao giờ, nhưng sáng hôm nay, thì con liều lắm. Nhất là cậu con

giết con thì thôi, chứ còn sống thì con thế nào cũng phải theo. Không có cô sáng hôm nay thì không biết cậu con xử trí với con ra sao. Nhưng dù thế nào thì thấy con khóc lóc, cậu con cũng đến phải bằng lòng. Bởi tuy cậu con ngoài miệng rất ác, nhưng lòng thì tốt lắm.

– Và cũng thương ông.

– Thương thì hẳn là thương rồi vì con bế cậu con từ tấm bé. Mấy hôm trước đây, cậu con còn giàu, tiền trăm, tiền nghìn đều giao phó cho con, không bao giờ cậu con hỏi con đã mua gì, còn bao nhiêu. Mà con thì cẩn thận không suy ly đi đâu của cậu con một xu.

– Thế cậu ông trước kia có giàu lắm không? Làm sao mà chóng hết thế?

– Giàu lắm thì không giàu, nhưng cũng có vài ba vạn. Vì trận bão hôm nọ, bao nhiêu bè gỗ đắm hết. Con thì khóc lóc lo cuống cuồng, cậu con cứ thản nhiên. Lắm khi thấy con buồn cậu con còn mắng con nữa:

"Tôi có chết đâu mà ông đã khóc. Còn người thì còn của. Gặp cơ hội, chỉ một việc, lại có bạc vạn ngay, sao ông đốn mạt và hèn thế?"

Rồi cậu con dọa đuổi con về nhà quê. Con nẫu cả ruột, mà cứ phải gượng làm vui để khỏi bị đuổi đi.

– Cậu ông buôn gỗ từ bao giờ?

– Từ năm cậu con hai mươi, nghĩa là bảy năm nay rồi. Hai mươi tuổi, cậu con đã lên rừng, lên núi, sang Tàu, đi khắp, chẳng sợ cái gì cả.

Khánh Ngọc ngồi tần ngần một lát, rồi lại hỏi:

– Thế trước kia cậu ông học ở đâu, có đỗ gì không?

– Cậu con học đâu hay đỗ gì thì con không biết, bởi ngoài công việc ra, con có dám hỏi gì cậu con đâu. Cậu con cả ngày mặt cứ nghiêm như ông thần, còn ai dám hỏi gì nữa. Nhưng con nghe người ta nói cậu con giỏi lắm, bởi không cái gì là cậu con không biết. Nội vùng đây, ai có điều gì đều cũng phải đến hỏi cậu con cả, từ ông Kiểm lâm, ông Đồn, ông Châu. Ngoài thì giờ làm việc và đi bắn, cậu con xem sách cả ngày. Trước khi cậu con đi nằm, bao giờ con cũng phải đem quyển sách cậu con xem dở ngày hôm trước ấy để trước vào đầu giường. Mỗi lần, cậu con về Hà Nội đều mua hàng hòm sách lên. Cậu con đọc, đọc cả ngày. Có nhiều lần, cô con ở Hà Nội cũng gửi lên nữa.

Khánh Ngọc bỗng hình như thấy trái tim mình nó máy. Nàng cố mãi mới hỏi ông Phó được một câu:

– Cô... nào?

– Dạ, em gái của cậu con.

Đương ngồi, nàng vụt đứng dậy, đứng dậy để xua đuổi những tiếng gì nó đang xào xạc ở trong đầu nàng. Tuy thế, nhưng nàng cũng có cái cảm tưởng rằng con mắt của ông Phó đang nhìn chằm chằm vào mình; và hình như đã biết những tư tưởng nó đang xao động ở trong thần trí mà chính nàng, lúc ấy, cũng không biết là những tư tưởng gì. Nàng chỉ nhận thấy rằng nó có, nó có hiển nhiên ở trong người nàng mà thôi. Nàng vội vàng đánh lảng sang chuyện khác:

– Trời hôm nay nóng quá nhỉ? Quái! Tại làm sao mãi chưa thấy lên?

– Chắc vì ông Giáp mệt, cậu con còn phải dắt ông ấy.

Ông Phó nói xong trèo lên cành cây nhìn xuống, rồi ông reo lên:

– Kia rồi, con biết ngay mà. Ông Giáp mệt quá, không lê chân đi được nữa. Cậu con phải xốc nách cho ông ấy.

– Đâu, đâu? Xuống đi, cho tôi trèo lên xem nào.

– Cô đi giày "nhọn" gót thế này thì trèo sao được.

– Ông tưởng thế. Tôi trèo giỏi lắm cơ. Ông xuống đi để tôi trèo lên ông xem.

IX

Giáp lúc này chỉ còn là cái xác người. Mặt đỏ gay, mắt đỏ tía, ngực thở không ra hơi, thái dương thì nghe như có một đàn ông vỡ tổ.

– Trời ôi, anh mệt đến thế cơ à?

Giáp chẳng trả lời, thấy bóng mát thì nằm ngay xuống. Khánh Ngọc cúi xuống lấy mùi xoa lau mặt cho Giáp:

– Anh có làm sao không?

Giáp lim dim hai mắt không nói. Và cũng không nhận thấy rằng Khánh Ngọc đang lau mặt cho mình. Trọng Khang lấy lọ dầu bạc hà của ông Phó xoa mặt, xoa cổ, xoa thái dương, xoa khắp cả mình mẩy cho Giáp. Một lúc lâu, Giáp mới hơi tỉnh:

– Ông cho tôi uống nước, không tôi đứt ruột mất.

– Ông uống từ từ chứ nhé. Không sao, ông cứ nằm nghỉ một lát thì khỏi. Mệt và say nắng đấy thôi.

Quay nhìn lên đỉnh núi:

– Nhưng còn từ đây lên thì làm thế nào? Cố nữa thì sợ ốm, rồi lại phải nằm ở Cờ Cải thì nhỡ hết cả hành trình của bao nhiêu người.

Khánh Ngọc nói ngay:

– Hay để tôi nhường ngựa cho anh François.

Trọng Khang gạt ngay đi:

– Không được. Từ đây cho đến nơi cũng còn nhiều đường đất.

– Anh François mệt lắm rồi. Ông cũng phải để cho tôi thử qua cái mùi nhọc mệt một tí chứ.

Trọng Khang trỏ Giáp đang nằm thiêm thiếp:

– Thì cô cứ trông đây cũng đã hình dung được nó là thế nào rồi.

– Sao bằng cảm thấy nó tung hoành ngay ở trong cơ thể mình. Để cho anh François trèo nữa, nhỡ ốm một cái thì rầy rà.

– Thế cô không sợ cô ốm à?

– Còn có một phần đường nữa. Mà tôi vì được đi ngựa nên chưa mệt tí nào.

- Nếu cô có bụng tốt như thế thì càng hay.

Cúi xuống lay Giáp:

– Thôi ông dậy đi. Cô Khánh Ngọc nhường ngựa cho ông đấy. Lên trên kia nghỉ hẳn một thể.

Giáp thở hổn hển ngồi dậy, nhìn chung quanh:

– Chết người! Thế Marie lấy gì mà đi?

– Tôi chưa mệt. Gần đến nơi rồi. Tôi có thể trèo được. Anh cứ đi đi, không nhỡ ốm nặng.

– Cám ơn Marie, tôi thấy cứng cả chân không thể nào trèo được nữa. Đầu như muốn vỡ ra.

Giáp lảo đảo trèo ngựa. Chàng quên không bám lấy đầu yên, thành ra con ngựa vừa đi được mấy bước thì một suýt nữa, chàng bị ngã ngửa ra đằng sau, nếu Khánh Ngọc không nhanh chân lại đỡ kịp.

– Đường dốc, anh phải nắm lấy yên.

Giáp đi rồi, Khánh Ngọc quay lại nhìn thấy Trọng Khang đang lúi húi đẽo lại cái gậy:

– Cô cũng nhanh ghê nhỉ. Nhưng nếu ở đường bằng mà cô chạy sát ngay chân sau ngựa như thế, thì có khi giật mình, nó đá phải, vì nó mệt rồi, hai nữa đương lúc lên dốc, nó không cất nổi chân, mà có lẽ vì nó khôn, nó biết rằng cô. Lần sau, cô nhớ đừng có chạy sát ngay đằng sau nó như thế. Có muốn đỡ thì phải đứng lánh ra một bên.

– Nhưng trong lúc vội vàng, ai còn nghĩ được thế?

– À, cái khó là phải nghĩ được.

– Nhưng tôi có phải là... đàn ông đâu?

Khánh Ngọc nói xong, nhìn Trọng Khang tủm tỉm cười. Trọng Khang đưa cái gậy cho nàng:

– À đã vậy, từ giờ cô đừng có trách đàn ông chúng tôi vô lễ và ghê gớm nữa nhé.

Khánh Ngọc đón lấy chiếc gậy:

– Không. Bây giờ chẳng những tôi không trách, mà tôi còn cho rằng đàn ông cần phải ghê gớm. Và lâu lâu... cũng cần phải vô lễ. Và... có lẽ chỉ những người đàn ông ghê gớm mới biết vô lễ một cách... phải lẽ mà thôi.

Trọng Khang mỉm cười, móc mùi xoa ở túi:

– Cô phải để tôi quấn cổ tay cho cô, chứ không chống gậy rã cánh ra rồi không cầm nổi cương ngựa nữa.

Khánh Ngọc tháo găng da, cởi khuy "măng – xét", vén áo, để lộ một cổ tay tròn và trắng như ngà.

– Ông buộc nhè nhẹ chứ nhé, bàn tay ông thế kia mà ông ghì mạnh, thì có lẽ tôi đến gẫy xương.

– Cô là một tay thể thao cừ khôi cơ mà?

– Ồ! Cái thứ thể thao tiêu cơm của những con người vô công rồi nghề dùng gì được ở chốn này.

Trọng Khang quấn khăn mặt vào cổ tay cho nàng xong thì nàng vùng hỏi:

– À, ông, có lẽ... trong đời ông, ông không bị cảm xúc mạnh bao giờ có phải không?

– ...

– Lúc nãy, khi chiếc mảng bị nước cuốn đi, nếu ông cũng xúc động như chúng tôi thì có lẽ cái phút quý báu đã trôi đi mất, mà

ngày hôm nay đã có tai nạn. Ông nói phải: nên dành sự xúc cảm cho đàn bà.

– Thế cô cho tôi là hòn đá à?

– Không phải. Nhưng...

– Nhưng làm sao?

– Thế ông cũng có khi bị xúc động à?

– À, một khi người ta không phải là hòn đá. Nhưng...

– Nhưng làm sao?

– Tôi chỉ xúc động khi nào có một cái gì đáng để cho tôi xúc động.

– Thế cái mảng trôi với ba người kêu cứu ở trên không phải là một cớ chính đáng để cho lòng ta xúc động sao?

– Như thế gọi là hoảng hốt. Mà sự hoảng hốt thì không đẹp đẽ, và không bao giờ dùng được việc gì cả. Những thứ lòng như thế gọi là lòng sò, lòng hến. Còn có thứ gì cứng, mạnh và bền chắc mọc được ở trong ấy nữa!

– Thế lòng tôi tức là lòng sò, lòng hến có phải không?

Trọng Khang cười:

Cô thật là lôi thôi. Tôi nói là... không nên dễ cảm động quá, chứ tôi có chê sự cảm động đâu. Tôi ghét thứ lòng đá gỗ ngang với thứ lòng sò hến. Cô thử tính coi: một tí, một tị gì cũng có thể làm cho lòng mình rối loạn thì còn đâu là sinh lực để hành động nữa?

Thế nghĩa là ông chê thứ lòng đàn bà chúng tôi chứ gì?

– Cô lắm chuyện lắm. Thôi ta đi.

Khánh Ngọc dận gót giày xuống đất:

– Ông phải trả lời thì tôi mới đi.

Trọng Khang cầm tay Khánh Ngọc kéo đi:

– Thì vâng, tôi chê. Ta đi đi không tối.

Khánh Ngọc bước theo:

– Ông chê mặc ông, nhưng lòng tôi thế nào, tôi cứ giữ, tôi không bỏ.

– Cái đó là quyền cô.

Rồi giơ gậy, chỉ con đường dốc ngược:

– Nhưng nếu cô lên hết con đường dốc này mà cô thở thì cái đó lại không là quyền ở cô.

– Tôi không muốn thở mà nó cứ thở thì có phải tại tôi đâu?

– Ấy, cái đó mà sai khiến được thì mới là khó chứ!

Trèo được hai trăm thước, Khánh Ngọc đang đi trước, quay lại:

– Thế này, tháo nào anh François mệt là phải.

– Thì người ta đã gọi là cái dốc bạc đầu cơ mà.

– À, lần đầu ông treo cái dốc này, ông có mệt không?

– Cũng mệt. Nhưng chưa đến nỗi như ông Giáp. Hôm ấy trời mưa, thành thử tôi cứ phải bò bốn chân luôn.

Khánh Ngọc đi giày cao gót, dẫm phải một hòn cuội, té sấp xuống, ném cả gậy. Nhưng may, nàng chống hai tay đỡ kịp. Nàng phá lên cười:

– Ông vừa mới nói bò bốn chân, tôi đã thực hành ngay.

Trọng Khang nhặt chiếc gậy đem lại.

– Cô đã đỏ ửng cả mặt. Cô nắm vào cánh tay tôi mà đi.

– Ấy tôi cũng vừa mới định xin với ông như thế. Nhưng ông đã mệt chưa? Thêm một gánh nặng cho ông...

– Cô cứ vịn, không sao.

Đi được ba trăm thước nữa, Trọng Khang đã thấy hơi thở gấp của Khánh Ngọc tràn vào gáy mình. Chàng dừng lại:

– Hay ta nghỉ một chút?

– Thôi cứ đi, ta nghỉ nhiều lắm rồi. Ba tôi thấy tôi lâu lên, ba tôi lại nóng ruột.

Trọng Khang lại đi, nhưng từ đây thì chàng thấy bàn tay bám vào vai mình mỗi lúc một nặng thêm. Chàng đổi tay gậy, luồn tay ra sau lưng Khánh Ngọc:

– Cô dựa nhiều vào tôi mà đi. Và nếu có mệt quá thì thôi vất gậy đi, tôi đỡ cô cũng được rồi.

Khánh Ngọc lẳng lặng vất gậy, nắm vào cánh tay Trọng Khang. Nàng thở dốc và hai chân thấy nặng như chì. Tuy là mệt, nhưng nàng cũng còn đủ sáng suốt mà nhận thấy rằng người bên cạnh nàng cứ bước phăng phăng: mà bàn tay nó quàng vào lưng nàng là một thứ gì rắn chắc ghê gớm. Nàng có cái cảm tưởng như mình dựa vào một cái gì bằng sắt, bằng đá. Rồi ở chỗ sâu thẳm của lòng nàng, đột khởi lên một ước nguyện mơ hồ: giá luôn luôn và mãi mãi, nàng được

nâng đỡ bởi cái sức mạnh ghê gớm ấy. Trước cái sức mạnh ấy, nàng cảm thấy mình yếu, yếu một cách lạ lùng. Nhưng nàng lại cũng sung sướng cảm thấy rằng mình yếu để được nâng đỡ, được che chở.

Từ trước tới nay, bao giờ nàng cũng thờ cái thuyết đàn ông và đàn bà ngang nhau. Và nàng coi như một cái nhục, nếu để cho người đàn ông phải che chở và dìu dắt mình. Trong những cuộc giao thiệp của nàng với Giáp và với tất cả các bạn trai khác, nàng không chịu nhận một sự săn sóc của ai bao giờ. Và không bao giờ nàng chịu được cái ý nghĩ: để cho một người đàn ông coi mình như một kẻ vị thành niên, lúc nào cũng cần phải chăm chút đến.

Cạnh Trọng Khang, bao nhiêu ý tưởng ấy đều biến đổi ráo. Nàng thầm cảm thấy rằng mình yếu đuối, yếu đuối trước sự sống dồn dập và tàn nhẫn trong một khung cảnh mà loài người chỉ có thể trông cậy vào sức mình. Nàng thấy mình kém cả về phần sức, phần trí và phần hồn.

Cái điều tin chắc chắn rằng văn hóa Tây phương đã thúc cho mình "những bắp thịt, một tinh thần" đủ để đối chọi với sự sống, bây giờ đã lung lay. Nàng thấy rằng thứ bắp thịt ấy chỉ đủ để nhảy nhót trong sân vận động mà cái tinh thần ấy chỉ đủ để lòe nhau trong những phòng khách. Va đầu vào sự sống to, rộng và tàn bạo trong những nơi mà mình không được che chở bởi cái địa vị sẵn có của mình những thứ ấy ngã gục ngay xuống như cành khô chạm phải sức nặng. Bao nhiêu năm du học chỉ đem đến cho nàng và cho Giáp những mảnh bằng, đủ để đi làm công, và để hãnh diện với xã hội. Chứ đứng trước sự sống nó chuyển những khối sức mạnh hùng liệt của nó, trước sự sống mà đâu đâu cũng có thể nấp một nguy hiểm, phục một thiên tai, đợi một quyết định thì nàng và Giáp chỉ là những gì lòe loẹt nhưng cực kỳ vô dụng.

Liếc nhìn con người mặt khắc khổ, mắt sáng quắc, cứ thản nhiên bước đi như sức sống mãnh liệt và tàn nhẫn, nàng vụt thấy con người ấy lớn lên như một khổng lồ. Lòng rạo rực, nàng đặt má nàng vào cánh tay của Trọng Khang, sung sướng bởi sự gần gũi, sung sướng được nâng đỡ bởi một bàn tay thép.

Trọng Khang thấy thế lại tưởng nàng mệt lả, vội vàng dìu nàng lại dưới một gốc cây:

– Chúng ta nghỉ một tí chứ.

– Em chưa muốn nghỉ.

Chàng cười một cái cười nhân từ:

– Nhưng tôi cần phải nghỉ.

Và chế giễu:

– Tôi thở dốc ra đây này.

Khánh Ngọc vội vàng lấy hai bàn tay che ngực:

– Ông cứ chế em.

Dưới làn lụa đẫm mồ hôi, cái ức đồng trinh đang phập phồng như con chim câu lúc bị bắt.

Trọng Khang nhếch mép, rồi tháo bình nước rót một cốc:

– Cô uống đi.

– Uống từ từ...

Trọng Khang phì cười, lật mũ. Những giọt mồ hôi lã chã rỏ xuống. Chàng cho tay vào túi quần. Khánh Ngọc vội vàng rút chiếc khăn mặt vải nhỏ thơm sực một mùi nước hoa thượng hảo hạng đưa ra:

– Khăn mặt ông đã buộc tay cho em rồi, còn đâu đấy nữa mà móc. Đáng lẽ ra thì hôm nay ông không bị mồ hôi ra nhiều như thế này đâu?

– Tại sao?

– Tại vì em và François báo hại ông. Và nếu ông không tử tế nhường ngựa cho em và François cưỡi thì bây giờ ông đã đang ung dung ở trên đỉnh núi kia rồi.

Trọng Khang đưa trả chiếc mùi xoa đã ướt đẫm:

– Nếu thế thì không bao giờ tôi tha thứ cho sự ích kỷ ấy của tôi cả.

– Sao lại gọi là ích kỷ. Con ngựa ấy của ông cơ mà. Em với François mới là những người lợi dụng lòng tử tế của ông chứ.

Trọng Khang cười chế giễu:

– Cô hay dùng những chữ to lớn quá đi thôi. Kìa, ông Phó ông ấy đã mang ngựa xuống kia. Cô có lợi dụng thì cứ lợi dụng nữa đi.

– Ông bảo mang xuống đấy à?

– Không.

– Thế tại làm sao mà ông Phó lại mang xuống?

– Có lẽ ông ta sợ cô mệt.

– Tôi làm gì mà được ông ta săn sóc cho như thế?

– Y bây giờ cũng như tôi, không phải là một người lam công cho cô sao?

Khánh Ngọc nhìn Trọng Khang bằng một con mắt cầu xin:

– Từ giờ ông đừng nói thế nữa. Em bằng lòng rằng ông Phó chỉ là đầy tớ, đầy tớ của ông không thôi. Ông Phó, ai bảo ông mang ngựa xuống đấy? Như thế có phải mệt cả nó và mệt cả ông không?

Ông Phó không trả lời, móc túi lấy ra hai trái lê da xanh rờn, đưa cho mỗi người một quả.

Khánh Ngọc mừng quá:

– Chà! Em cứ trông thấy trái lê này, mà em thấy hết mệt và mát cả người.

Thuận tay rút con dao săn của Trọng Khang đeo ở bên mình:

– Ấy, đừng cắn cả vỏ thế, để em gọt cho.

Ông Phó buộc ngựa, rồi rút cái quạt ở thắt lưng phẩy cho hai người.

– Ồ, "cụ" Phó, sao bây giờ "cụ" bày vẽ thế? Thôi "cụ" có quạt cho cô Khánh Ngọc thì "cụ" quạt, chứ nếu "cụ" quạt cho tôi thì tôi mát, tôi nằm đây ngủ ngay một giấc, không ai khiêng được tôi đi bây giờ đâu.

Khánh Ngọc gọt trái lê rồi bổ làm ba.

– Ông Phó ăn một miếng đi.

– Bẩm con đã ăn mía rồi.

Khánh Ngọc bắt chước giọng Trọng Khang:

– Ồ, cụ Phó. Từ giờ cụ đừng bẩm báo nữa. Cụ cứ ăn đi cho tôi bằng lòng.

Ông Phó bật phì cười:

– Con chưa thấy ai tính dễ dãi và vui vẻ như cô. Cô giống như cô Tuyết Vi con ở Hà Nội.

– Ồ nếu thế thì may mắn cho tôi lắm. Tôi lại được là em ông Trọng Khang cơ à.

Trọng Khang ngước mắt nhìn ông Phó. Ông Phó sợ tái mặt.

– Trên đầu đã hai thứ tóc như thế mà cứ hay bép xép.

Khánh Ngọc bênh ngay:

– Ấy, không phải lỗi tại ông ấy đâu. Lỗi tại tôi ngứa mồm hay hỏi. Vả ông ấy là người không có đủ đảm lực để... vô lễ như ông, nên ông ấy phải trả lời tôi. Ông có mắng thì mắng tôi này này.

Khánh Ngọc gọt quả lê thứ hai, cắt một miếng đặt vào lòng bàn tay đưa lại tận mõm con ngựa:

– Mày ăn lê đi, và bảo chủ mày đừng có mắng tao nhé.

X

– Con mệt lắm hay sao? Ba đã bảo con đừng có đi cơ mà.

– Không, con có mệt đâu.

– Sao trông con uể oải như thế.

Khánh Ngọc quất ngựa cho chạy lên mười bước, rồi quay lại tươi cười:

– Ba trông con có uể oải đâu nào. Có anh François uể oải thì có.

– Tôi mệt thật, giá bây giờ có chỗ nào để nằm ngủ một giấc thì sung sướng ghê.

Khánh Ngọc giơ roi, quất vào mông ngựa của Giáp:

– Này ngủ!

Con ngựa đau, chạy lồng lên va phải một tên lính dõng:

– Marie cứ nghịch tinh thế, nhỡ lao xuống dốc thì khốn!

Khánh Ngọc cười sằng sặc:

– Thì anh lại nằm sóng sượt như ở dốc Khấu Chấn.

Ông Nam Long thấy con tươi cười, sung sướng:

– Thế mà con gái ba khỏe đáo để cơ đấy.

Cầm roi trỏ bọn thư ký và cai, ai ai cũng mặt mũi bơ phờ, ngồi gật gù trên mình ngựa:

– Con ba thế mà còn dai sức hơn các ông tướng này cơ đấy. Khánh Ngọc móc túi lấy một điếu thuốc lá thơm, hút mấy hơi, thở khói lên trời:

– Ba trông, con nhả ra mây.

Sự vui vẻ gượng gạo của Khánh Ngọc không lâu. Mười lăm phút sau, nàng ngồi lầm lầm lì lì trên ngựa, chẳng nhìn gì đến những đồng ruộng như hoa như gấm, chênh chếch ở trên sườn núi.

Ông Nam Long thấy thế lại hỏi:

– Con mệt đấy à? Con có sao không?

Khánh Ngọc như vừa bị lôi khỏi một giấc mộng. Nàng giật mình:

– Không.

Rồi từ đấy, nàng cũng chẳng gượng vui nữa. Nguồn vui của nàng từ khi ở Cờ Cải đi ra, hình như đã bị Trọng Khang đem lên đằng đầu đoàn người ngựa mất rồi. Trọng Khang không ở gần nàng, nàng thấy trong mình buồn buồn làm sao. Đã mấy lần, nàng muốn tiến lên trước, nhưng lần nào, nàng cũng bị ông Nam Long ngăn cản:

– Đây đã đến những con đường nguy hiểm, con phải ở gần ba.

Bao nhiêu phong cảnh, nàng nhìn mà không phân biệt thấy gì hết. Gần đến động Diêm Sinh, nàng đang cúi đầu nghĩ ngợi thì vụt, ở một con đường rẽ, Trọng khang phi ngựa lại, cách nàng có mấy bước. Nàng giật mình rú lên. Rồi nàng cười:

– Ông làm tôi sợ quá. Ông quay lại có việc gì thế?

– Có một vệ đội và một ông *phải chướng* đón cụ nhà ở kia. Tôi lại để báo cho cụ nhà biết. Họ xếp hàng cả ở rìa đường, cạnh gian mà nhà họ đã chọn cho chúng. Cụ nên lên "duyệt binh" qua một tị.

– Duyệt binh cơ à, to chuyện thế?

– Cái con bé hay quá. Để yên cho người ta nói chuyện nào.

– Thế cách đây có xa không?

– Hai cây số. Đáng lẽ ông *phải chướng* cũng lại chào cụ, nhưng tôi gạt đi. Chúng ta phải đến một cách oai vệ để cho họ phải phục. Sự gặp gỡ lúc đầu cũng ảnh hưởng to lắm.

– Ông nghĩ phải. Ông đã rõ phong tục bên này, bây giờ ta phải thế nào?

– Gần đến nơi, cụ và tôi, chúng ta đi lên trước, cho bốn tên người nhà vác súng xếp hàng đôi theo sau.

– Thế không cho tôi đi à?

– Cô và ông Giáp cũng đi chứ. Họ xếp hàng ở rìa đường. Đến nơi, chúng tôi dừng lại, cụ cứ tiến lên, diễu qua mặt họ, họ bồng súng chào, cụ giơ tay chào trả. Rồi cụ vẫy tôi, tôi đến làm thông ngôn. Cụ nói mấy câu ủy lạo họ. Ta nói rộng ra một chút. Nhưng mà nói rộng thế nào, cũng không linh ứng bằng cụ cho họ một trăm bạc. Bọn này họ ở trông nom cho ta mãi đến khi xong việc.

– Được rồi.

– Cụ chỉ giao thiệp với những người bề trên họ, cụ không rõ. Đời những lính và dân vùng đây khô cực lắm. Họ chỉ thấy biết có đồng tiền.

– Không, tôi đi qua đây một lần, tôi cũng đã hiểu sơ sơ.

Trọng Khang cho gọi bốn tên người nhà lại:

– Các bác nên nhớ sang đến đây, khác hẳn ở bên nước nhà. Cái thanh thế của cụ chủ là một thứ gì to lắm. Ư ăn mặc quần áo vàng, mũ vàng, lại giày như thế kia thì oách hơn lính Tàu nhiều lắm rồi. Các bác phải xếp hàng hai cho đều, và mặt mũi lúc nào cũng phải nghiêm trang kính cẩn nghe không?

– Cái đó ông không cần phải dặn. Bọn này ở với tôi đã lâu, chúng nó biết cả rồi. Có cái con Khánh Ngọc kia kìa. Lúc nào, nó mà đã thích cười thì đến ở đâu nó cũng cười.

– Chốc nữa, ba duyệt đạo binh tí hon, con cười cho mà xem. Ba với ông Trọng Khang dàn cảnh khiếp quá; cứ nghĩ thế con đã đủ bật phì cười rồi.

Nàng cười lên sằng sặc. Cả bọn cùng cười.

– Thôi, thôi ba xin con.

– Thì cụ cứ để yên. Tôi chỉ sợ lúc ấy, cô không cười được nữa mà thôi.

– À, ông thách tôi có phải không?

– Ai lại thách cô một thứ dở hơi như thế?

Khánh Ngọc cho ngựa đi gần Trọng Khang, rồi khẽ nói:

– Trong cái sự dàn cảnh này, tôi thấy đàn ông các ông chẳng ghê gớm một tí nào.

Trọng Khang cười tủm, quay sang François:

– Chốc nữa gặp lão *phài chướng*, tôi sẽ giới thiệu ông một cách đặc biệt.

Giáp chưa nói, thì Khánh Ngọc đã xen vào:

– Ông có giới thiệu cái chỗ anh ấy lên dốc Khấu Chấn bở mồ hôi tai ra không đấy? À ông cứ nói *phài chướng, phài chướng* nghĩa là gì?

– Chức cũng như quan một. Cô thấy không: ở xứ nhà thì bao giờ chúng ta có được một ông quan một dàn binh đi đón. Cái vinh dự ấy không đáng một chút công bày cảnh hay sao?

Đoàn người ngựa đến cách động Diêm Sinh chừng hai trăm thước thì *phài chướng* họ Minh đã cùng một tên vệ binh đi ngựa tới đón.

Đôi bên vái chào, rồi họ Minh đưa ra một chiếc danh thiếp để tự giới thiệu. Ông Nam Long cũng giới thiệu mọi người. Trọng Khang làm thông ngôn. Hai mươi bốn người lính xếp hàng ở bên vệ đường cùng quay mặt vào phía làng. Đó chỉ là mười túp lều tồi tàn làm trên tít ngọn núi. Mọi người đứng lại. Ông Nam Long và họ Minh tiến lên. Một người đội hô. Cả bọn bồng súng. Ông Nam Long tay giơ cạnh vành mũ chào lại rất oai vệ. Trọng Khang hất hàm làm hiệu:

– Sao cô không cười đi?

– Ông này nhớ dai lắm. Kìa, ba tôi vẫy ông.

Trọng Khang thúc ngựa lại. Ông Nam Long gò cương nói mấy câu. Trọng Khang thông ngôn:

– Tôi vì việc nước của ông mà sang đây, nay quan đốc bản Mai Lin Phố sai các ông đến đây đưa đón tôi thế này, lòng tôi thật là cảm kích khôn cùng. Tôi xin tỏ lòng cám ơn các ông đã vì tôi mà phải khóc nhọc.

Họ Minh trả lời ngay:

– Đó là cái bổn phận chúng tôi. Ông chủ không cần phải băn khoăn như thế.

Tôi rất mong rằng nhờ sự trông nom của các ông mà không xay ra sự gì để công việc có thể mau chóng. Trước khi tôi đi, ông lãnh sự Trung Hoa ở Hà Nội đã nói với tôi rằng tôi có thể tin ở sự che chở của các ông, và tôi sẽ gặp ở đây những người bạn rất tốt. Điều đó thì bây giờ tôi có thể chắc.

Giơ tay vẫy người đội lại gần:

– Đây, ông cầm lấy trăm bạc phân phát cho anh em gọi là để đền chút công khó nhọc. Rồi đây, tôi làm ở trên ấy, chúng ta còn nhiều... tình nghĩa đi lại về sau.

Họ Minh đưa mọi người đến một gian nhà mà thoạt trông, Khánh Ngọc đã giãy nảy:

– Trời ôi, ngủ ở đây ấy à? Thế thì chắc mai tôi phải ốm mà chết.

– Cô nên biết người ta đã quét dọn cả một ngày hôm nay để tiếp đón mình rồi đấy.

– Quét dọn một ngày mà còn thế này? Nếu không quét dọn thì còn bẩn đến thế nào?

– Thì phân trâu, phân bò và phân lợn ngập lên đến đầu gối không còn chỗ nào mà để chân nữa.

– Chà chà! Người Tàu thật chiếm kỷ lục về khoa ở bẩn.

Vừa vào trong nhà được một lát, mọi người đã bị bọ chó và mạt gà đốt ran. Khánh Ngọc gãi luôn tay. Thế này thì ngủ làm sao cho được?

– Thế mà rồi cũng phải quen cả.

– Quen làm sao cho được?

– Không quen cũng không được, vì từ đây đi đến đâu, cô cũng bị mạt gà và bọ chó đốt. Cô xem tôi, nó có đốt nữa đâu.

– Da ai mà bì với da ông được.

Ba gian nhà trống, tuy đất quét đã sạch sẽ, nhưng vẫn còn nguyên dấu vết của những vũng nước đái, những phân trâu, bò. Ngay trước cửa những đống phân còn lù lù. Chung quanh nhà, những vũng bùn và gò phân vây bọc. Mái nhà đen nhẫy những mồ hóng. Ruồi nhặng rình rình.

– Ba ơi, căng cái "tăng" ra, chứ đây thì ở làm sao được?

– Căng vào đâu, hở con? Con trông ngoài có chỗ nào là chỗ không lầy lội.

Trọng Khang gọi ông Phó:

– Ông hãy giăng tạm cái giường vải ra ngoài hiên kia cho cô ngả lưng. Rồi ông tẩy uế gian nhà này đi. Cô ra ngoài kia một lát, nửa giờ nữa, cô vào đây, tôi sẽ làm cho gian nhà này ở được cho cô xem. Bây giờ cô đã biết cái mùi phong trần chưa. Đây lại Mai Lin Phố, còn hai ngày nữa, rồi cô còn thấy. Cô bảo dựng "tăng" lên, nhưng nhỡ đêm động dụng, thì làm thế nào. Thà chịu bẩn một tị.

Khánh Ngọc nằm trên ghế vải chỉ một lát là thiếp đi.

Sáu giờ rưỡi, nàng mở mắt đã thấy trong nhà đèn đất đốt sáng trưng. Những cái màn trắng toát đã căng ra. Nàng choàng dậy vào nhà, thấy Trọng Khang đang đeo một cái giỏng gỏ. Ba nàng và François đã mặc quần áo ngủ, ngồi cạnh bàn, uống rượu:

– Con tôi ngủ một giấc ngon nhỉ? Đi rửa mặt mũi tay chân rồi thay quần áo, ăn cơm con.

– Ồ, đã không hôi mấy.

– Rẩy bao nhiêu là crésyl và đốt bao nhiêu là rác mới được thế này đấy.

Khi nàng trang điểm xong xúng xính trong bộ kimono lại bàn vẫn còn thấy Trọng Khang đóng và đeo.

– Kìa, ông Trọng Khang, không lại uống rượu với chúng tôi

– Cô cứ dùng trước đi.

– Ông làm gì đấy?

– Tôi còn phải soát lại cửa và cửa sổ. Thôi, thế này thì đêm nay, dù có trăm giặc đến, ta cũng có thể yên như thường. Các người nhà có súng nằm đây. Vệ binh cắt canh nhau, gác ngoài kia. Cô có thể ngủ kỹ.

Khánh Ngọc nhìn quanh nhà, thấy có ba cái giường vải kê song song.

– Thế ông nằm đâu?

– Tôi ấy à? Đâu chẳng được.

– Ông không có giường ư?

– Giá ông Phó không đi theo thì không có. Nhưng ông ấy...

– Thế sao ông chưa cho căng lên? Ông Phó, sao chưa căng giường lên cho cậu ông?

– Thưa cô, nhà chật quá, chưa biết căng vào chỗ nào.

Khánh Ngọc nhìn khắp nhà:

– Thu những cái giường kia gần lại.

Trọng Khang giơ tay cản:

– Không được. Đêm hôm, tôi còn phải dậy luôn. Kê gần đấy, cụ, cô và ông Giáp không ngủ được. Ở nơi đèo heo hút gió này, ngủ say là một điều tối nguy hiểm. Tôi còn phải ra vào luôn để xem lính họ có gác cẩn thận không chứ.

Khánh Ngọc lặng yên. Năm phút sau, Trọng Khang ra, nàng cũng theo ra. Trọng Khang đang ngồi ghếch chân lên ghế cho ông Phó tháo giày thì nàng đến cạnh:

– Ông không mệt tý nào à?

– Cũng có mệt. Nhưng đến cái trường hợp không thể mệt được thì cũng phải nén nó đi chứ.

Khánh Ngọc mấp máy môi muốn nói câu gì, nhưng không hiểu nàng nghĩ sao, nàng lại không nói. Nàng đứng yên một lát, rồi nàng bảo:

– Ông mau mau vào uống rượu nhé.

Nàng quay đi, rồi lại quay lại:

– Tôi tưởng ông chẳng cần phải vất vả như thế. Cứ để người nhà nó cắt phiên nhau canh gác cũng được rồi. Nếu ba tôi không gặp được ông thì sao?

– À, thế lại khác. Nhưng một khi đã có tôi, tôi muốn rằng mọi điều phải chu đáo. Mình phòng bị đủ lẽ, nhỡ có xảy ra việc gì, mình không còn ân hận nữa.

Giáp ngồi ở trong, thấy Khánh Ngọc ra cũng lại theo ra.

– Marie, làm gì đấy? Không vào uống rượu đi, rồi còn ăn cơm chứ.

– Anh cứ uống trước đi. Tôi còn hỏi ông Trọng Khang câu chuyện này.

XI

Bữa cơm hôm ấy, mọi người mỏi mệt, chỉ ăn qua loa, duy Trọng Khang thì ngồi nghiễm nhiên đánh từ đầu bữa đến cuối. Khánh Ngọc không dám nhìn, chỉ liếc trộm vì ông Phó luôn luôn đứng hầu ở sau lưng Trọng Khang. Mấy lần, chàng giục ông Phó đi ăn với mọi người thì ông đều trả lời:

– Để cậu xơi xong, rồi con ăn.

Cái tình thầy trò khăng khít trong khi nghèo nàn làm cho ông Nam Long phải thốt ra:

– Ông nghèo mà ông còn có được một người đầy tớ trung thành như thế. Giá bây giờ mà tôi bị phá sản như ông thì chắc chẳng còn ai ở quanh mình.

Khánh Ngọc ngồi sát lại cạnh cha, nũng nịu:

– Còn con chứ ba.

– Lúc ấy thì ba lại phải hầu con.

Trọng Khang nhếch mép cười. Giáp thấy khó chịu liền hỏi:

– Ông cười cái gì?

Trọng Khang cứ điềm đạm nhai nốt miếng cơm. Nuốt xong, chàng mới ôn tồn:

– Tôi cười vì cụ đi tiên tri tương lai là một thứ không thể tiên tri được. Cụ đã bị phá sản đâu mà cụ biết ai trung thành và ai không trung thành? Chờ lúc phá sản mới biết được.

Khánh Ngọc thấy Trọng Khang ăn ngon lành quá vùng nói:

– Tôi trông thấy ông ăn mà tôi thèm:

Trọng Khang đưa bát cho ông Phó xới cơm, không trả lời. Giáp thấy Khánh Ngọc chẳng để ý gì đến mình, liền gợi chuyện để bắt nàng phải nhìn mình, nhưng chỉ được ba câu, Khánh Ngọc lại không để ý tiếp chuyện nữa. Câu hỏi của Giáp rơi giữa khoảng không yên lặng, làm dội vào lòng chàng một tê tái. Chàng có cái cảm tưởng: mặc dầu đã đính ước, Khánh Ngọc cũng có thể thoát khỏi tay chàng, như một vật gì trơn quá không tài nào nắm được.

Tuy thế, nhưng xét ý tình, thấy Trọng Khang không sốt sắng với nàng. Giáp còn hi vọng đó chỉ là một cái thích chốc lát của Khánh Ngọc. Chàng tự nhủ: "Một tháng nữa đây Marie về Hà Nội thì cái thích chốc lát ấy cũng hết đi. Một khi nghĩ đến tương lai, Marie không thể nào lấy một người như thế, Marie đỗ cử nhân luật, không khi nào có thể lấy một người trong tay chẳng có bằng cấp gì. Ba Marie làm thầu khoán, bao nhiêu công việc lớn lao phải cần đến một kỹ sư cầu cống như mình. Vả lại địa vị trong xã hội đã to, lấy một người như thế thì chị em Marie sẽ cười... Mình hà tất phải lo hão, lo huyền. Có lẽ vì Marie thấy lạ thì để ý, chứ vị tất đã phải là yêu. Mình nặng mặt ra, Marie cho thế là bất lịch sự, Marie có thể giận mình. Bây giờ mình chỉ cố tìm cách để chiều Marie thì mọi việc rồi sẽ như ý cả".

Lúc uống cà phê, Giáp bỏ đường rồi lấy cùi dìa quấy lên tử tế mới đưa cho Khánh Ngọc:

– Marie uống đi rồi ngủ không mệt, mai ta còn phải đi sớm.

– Anh hãy cứ lo cho anh. Ngày hôm nay, anh hình như mệt hơn tôi thì phải. Tôi thế nào cũng thức đến mười giờ để xem cảnh trăng lên ở trên núi. Có phải hôm nay, độ mười giờ thì có trăng không, ông Trọng Khang?

– Vâng, hình như thế.

Trọng Khang uống một hơi cạn cốc cà phê, rồi cầm cái "píp" mà ông Phó đã nhồi thuốc sẵn, đứng dậy, lại chỗ bọn người nhà, lúc ấy đã ăn xong, đang ngồi nói chuyện.

– Các anh em đã được cụ chủ cho theo lên đây, tất là tin cẩn được. Ngoài các ông ký và các ông cai không kể, trong anh em có mười người thì bây giờ phải thay phiên nhau gác mỗi người một giờ. Liệu thu xếp với nhau thế nào cho ổn thì thôi. Tuy ngoài kia đã có hai mươi bốn vệ binh rồi, nhưng mình cũng không có thể tin được họ. Ở vùng này, giặc cỏ nhiều lắm, các anh em nên nhớ: tuy gác đây là vì cả mọi người, nhưng chính cũng là vì thân mình nữa đấy. Thấy hơi có cái gì khác, phải đánh thức tôi dậy ngay.

Ông Nam Long cũng lại gần:

– Mọi công việc bây giờ tôi giao hết cả cho ông Trọng Khang, ông ấy bảo điều gì, các anh em phải nghe cũng như nghe tôi vậy.

– Các anh em nên nhớ ở những chỗ này, trong những lúc này, không thể nghĩ đến sự nhọc mệt được... Súng của chúng tôi, chúng tôi giữ không kể. Còn mười khẩu súng của anh em, lúc nào cũng phải để liền ngay cả đây. Bì đạn của anh em cũng để liền ngay với súng. Người gác phải đứng không được ngồi. Các anh em nên vui lòng nghe theo để cho mọi điều được êm đẹp, không nhỡ xảy ra việc gì, các anh em lại bảo tôi không dặn trước. Mỗi lần thay gác, phải soạn lại các két tiền ở dưới chân giường tôi kia. Hễ ai giao thiếu cái gì, phải gọi tôi dậy, đừng có nhận. Trong giờ nào, mất cái gì, người gác ấy phải chịu trách nhiệm. Bắt đầu từ bác Xuân, gác trước đi. Vác súng và đeo bì đạn cẩn thận. Cấm không được ngồi. Tính mệnh của mọi người là ở sự tận tâm của người gác đấy.

Trọng Khang dặn xong, lại phía giường mà ông Phó đã kê cho chàng ở cạnh cửa, mở chăn chui vào. Ông Phó đưa cho chàng quyển sách, cài màn, rồi kéo một cái ghế vải nhỏ lại gần bên giường đặt cốc nước, cái đèn bấm, gói thuốc lá, khẩu súng và bì đạn lên.

Khánh Ngọc thấy chàng đi nằm vội hỏi ngay:

– Ông đã đi ngủ đấy à? Ông không chờ xem trăng với tôi à? Ông cũng mệt à?

Trọng Khang chống tay, ngóc đầu dậy:

– Vâng, tôi mệt lắm. Cô muốn xem trăng thì để ông Giáp chờ cô. Nhưng giá cô để hôm khác thì hơn. Trong những giờ phút nghiêm trọng này, đem sự vui chơi pha trộn vào với việc làm thì nguy hiểm lắm. Cô chưa từng ở trên này bao giờ, cô chưa rõ. Tôi có thể nói rằng giặc ở đây như muỗi. Mà mạng người, họ coi chẳng còn có nghĩa gì. Cô nên nghe tôi, không xảy ra việc gì lại hối không kịp.

Ông Nam Long vuốt tóc con:

– Ông Trọng Khang nói phải đấy. Con nên nghe. Khi xong công việc, con muốn gì, ba cũng sẽ chiều.

Giáp cũng tiếp lời:

– Phải đấy. Thôi Marie đi ngủ đi.

Giáp nói xong nắm tay Khánh Ngọc. Nàng lặng lẽ nhìn về phía giường Trọng Khang, rồi rụt tay lại, lặng lẽ về phía giường mình.

Khánh Ngọc mệt, nhưng vì buổi chiều đã được ngủ một giấc, nên nàng không thiếp đi ngay như ông Nam Long và Giáp. Nằm trong chăn, nàng thấy bâng khuâng thế nào. Nàng lắng tai nghe thì thấy sự im lặng tiềm nhập vào nàng như một cái gì khắc khoải. Nàng nhìn vào chiếc đồng hồ đeo tay dạ quang: chín giờ mười lăm. Nàng hình dung thấy ở ngoài một vầng trăng sáng đang lửng lơ đầu núi. Nàng muốn đứng dậy mở cửa để ra xem, nhưng nghĩ đến câu nói của Trọng Khang, và thứ nhất cái giọng nói nghiêm nghị, nàng lại thấy nể nể không dám. Mỗi khi cái lòng ham muốn của nàng đến thì câu nói kia cũng đến theo:

– Trong cái giờ phút nghiêm trọng này, đem sự vui chơi pha trộn vào với việc làm thì nguy hiểm lắm.

Bất giác, nàng sẽ mở màn, quay nhìn về phía cửa thì thấy Trọng Khang vẫn còn xem sách mà người gác vẫn vác súng đứng ở gần đấy. Ông Pho đã trải tấm chăn ngựa nằm cạnh giường của chủ.

Lúc ấy, nàng cũng muốn có một quyển sách để xem, nhưng sực nghĩ, sách đóng cả ở các hòm đồ, dậy mở thì làm rộn mọi người, nàng lại cố nén. Nàng vớ gói thuốc lá thơm ở dưới gối lấy ra một điếu, nhưng khi tìm đến diêm thì không có. Mấy lần, nàng toan dậy ra phía chiếc đèn treo ở giữa nhà ngang, ngay phía đầu giường của Trọng Khang để châm, nhưng lần nào, nàng cũng bị những ý nghĩ phức tạp ngăn lại. Nàng thấy ngượng nghịu, khi phải lại gần cái đèn ấy, chỉ vì cái đèn ấy ở cạnh một người đàn ông, mà trí nhớ cứ bắt nàng phải nghĩ đến luôn. Cái nó làm cho nàng mấy lần toan vùng dậy mà lại phải nằm yên là cái im lặng nặng nề, lâu lâu chỉ bị rộn lên bởi những tiếng ngựa hí ở ngoài tường. Nàng có cái cảm tưởng nếu mình đứng dậy thì cái im lặng ấy sẽ không im lặng nữa. Một bước chân, một giơ tay, một hơi thở của nàng sẽ làm cho nó loạn động lên, rồi nó làm loạn động cả cái mơ rạo rực mà nàng cảm thấy đang bị đè nén ở trong lòng nàng.

Nhưng rồi sau, vì buồn quá, vì thấy cần phải hút thuốc lá quá, nàng tự cho mình là vô lý, nàng vùng ngồi dậy. Nhưng đến khi cho chân xuống giường, nó mới khó và vất vả làm sao! Chân đã đi vào giày rồi, nàng rón rén mấy bước về phía chiếc đèn, cầu mong Trọng Khang, mải xem sách không nhìn thấy mình. Nhưng mới được có ba bước thì nàng sực nghĩ ra rằng tay mình không cầm thuốc lá. Lúc ấy, nàng tức với mình lắm, nàng tự hỏi tại làm sao mình phải rụt rè, phải rón rén? Nàng đi mạnh lại phía giường, tung gối, cầm bao thuốc lá, rồi đi vội về phía chiếc đèn, giơ điếu thuốc lá lên gần lửa. Thằng gác quay lại, thấy thế cũng cứ lặng im nhìn nàng, mà Trọng Khang thì cũng cứ lặng im xem sách dường như không biết là có nàng lại gần vậy

Lúc ấy, nàng thấy tức sôi lên. Tức sôi lên vì trước khi lại đây, nàng tưởng rằng cái cử chỉ ấy nó ghê gớm lắm, ai ngờ chẳng có gì cả, chẳng ai thèm để ý đến cả. Rồi muốn rằng Trọng Khang phải nhìn thấy mình, muốn rằng mọi người trong nhà phải biết rằng mình đã dậy, nàng đi thật mạnh chân. Nhưng nhà thì nhà đất mà dép thì lại là dép dừa, thành ra chẳng dội lên được tiếng gì cả, chỉ duy có tiếng thình thịch của trái tim nàng.

Nàng gieo mình thật mạnh xuống giường. Thành gỗ két lên. Cái tiếng két ấy làm cho bao nhiêu cơn tức bỗng tiêu tan đi hết. Lúc ấy, nàng mới nhận thấy rằng mình kỳ quái. Nàng cười thầm mình là trẻ con. Nàng hút một hơi thuốc lá, nhả khói ra bóng đêm, rồi nhìn về phía Trọng Khang thì thấy chàng vẫn cứ nằm yên xem sách, nàng cũng nằm xuống. Một câu hỏi chớm mọc ở đầu liền bị xua đuổi đi bằng những cái thở phì của những hơi thuốc lá.

Điếu thuốc lá ấy hết, nàng nối lửa châm điếu nữa. Nàng nằm nhìn lên đỉnh màn nghĩ ngợi, hồi tưởng đến những kỷ niệm khi du học ở Pháp, khi đánh quần với chị em ở Hà Nội, toàn những điều nghĩ nó không ăn nhập gì với những rộn rực của lòng nàng lúc bấy giờ.

Điếu thuốc lá thứ hai cũng đã hết. Bên phía cửa có tiếng giường kẹt, nàng quay sang, thì thấy Trọng Khang đang đi về phía những người nhà nằm. Chàng nhìn dẫy súng, đống đồ đạc rồi quay về. Đến gần ông Phó, chàng cúi xuống xua mấy con muỗi đang đốt má, rồi kéo cái chăn phủ kín đầu cho ông. Chàng ra phía cửa, nhìn lại then cửa, đứng yên lặng nghe động tĩnh ở ngoài một khắc, rồi quay về giường.

Chàng ngồi xuống thành giường, cầm cốc nước uống, soát lại khẩu súng lục.

Những hình ảnh ấy rộn ràng trước mắt Khánh Ngọc một khắc rồi nàng thiếp đi lúc nào không hay. Khi nàng mở mắt dậy thì đã thấy đồ đạc ở trong nhà dọn sạch láng cả. Quay nhìn sang giường bên, ba nàng và Giáp vẫn còn ngu. Nàng với cái áo len, quàng lên vai. Ra cửa, đã thấy Trọng Khang, quần áo gọn ghẽ đang ngồi đóng móng ngựa ở giữa sân.

Trọng Khang thấy nàng, ngừng tay:

– Cô đã dậy đấy à? Cô đánh thức cụ và ông Giáp dậy để còn đi chứ. Bây giờ hơn bảy giờ rồi, ăn điểm tâm xong tám giờ. Có lẽ quá trưa mới đến chỗ nghỉ.

Khánh Ngọc nói như để xin lỗi:

– Hôm qua mệt quá, tôi ngủ thiếp đi thành ra dậy trưa. Ông biết đóng móng ngựa đấy à?

Đi đường trường, cái gì cũng phải biết một tí. Nếu hôm nay, tôi không xuống chuồng ngựa thì thế nào con ngựa của cô cũng bị què. Móng cùn đã gãy, chỉ còn có một nửa.

- Cám ơn ông.

Ông Phó lễ mễ bưng một chậu nước bốc khói vào trong nhà:

– Cô rửa mặt.

– Ừ phải đấy, từ giờ ông hầu tôi. Nhưng ông cũng phải tận tâm như là hầu cậu ông cơ.

Khánh Ngọc vào khua hai người dậy. Ông Nam Long nhìn ra ngoài:

– Trưa quá nhỉ. Đóng đồ xong thì chín mười giờ rồi,làm sao đến Pín Lồi cho kịp được.

Khánh Ngọc chẩu mỏ:

– Ông Trọng Khang ông ấy đã bảo mọi người đóng sẵn sàng rồi. Chỉ chờ ba mặc quần áo xong, ăn điểm tâm, rồi đi. Để ba với anh François thì có đến nửa ngày.

Trọng Khang vào thì thấy ông Phó đang đi giày cho Khánh Ngọc.

– Chiều trời hôm nay thế nào cũng mưa, cô nên mặc ấm vào. Và để sẵn áo đi mưa ở trên yên ngựa. Có lẽ có nhiều vắt. Ông Phó lấy cái phu la quấn kín cổ cho cô. Và nhỡ có bị vắt cắn thì gọi tôi ngay, tôi lấy thuốc xoa cho, chứ không có khi thành sâu quảng.

XII

Trọng Khang vừa trèo lên ngựa định đi trước mọi người thì ở trong nhà, Khánh Ngọc đã gọi giật giọng:

– Ông rồi hãy đi, tôi nhờ cái này đã.

Trọng Khang xuống ngựa, Khánh Ngọc đã chạy lại gần:

– Ông hãy đưa tôi đi xem động Diêm Sinh để cho tôi biết cái suối nước có diêm sinh nó thế nào đã?

– Tôi rất tiếc không thể chiều cô. Chúng ta đã sang đến địa hạt Tàu. Đường đi vừa khó khăn vừa nguy hiểm. Lúc này là lúc phải nghĩ đến công việc, không thể vui chơi được nữa. Cô muốn xem thì để lúc về.

– Tôi muốn xem ngay bây giờ cơ.

– Thế thì tôi không thể đi với cô.

Trọng Khang trả lời xong, trèo lên ngựa.

Khánh Ngọc nói bằng giọng giận dỗi:

– Nếu ông không đi, tôi sẽ bảo người khác đưa tôi đi.

– Vâng, cái đó tùy cô.

Trọng Khang thúc ngựa đi, nhưng đi được mấy bước lại quay lại. Khánh Ngọc thấy Trọng Khang quay lại, mặt đang nặng trịch, bỗng tươi lên:

– Ông đã đổi ý kiến đấy chứ? Phải không ông...

– Tôi không phải là người có thể đổi ý kiến. Tôi chỉ khuyên cô đừng có đi. Vì đi như thế, có rất có thể gặp giặc có nó bắt cóc.

– Nó bắt cóc đi thì càng hay chứ sao! Ông thì cần gì!

– Cô Khánh Ngọc, cô nên biết điều một chút. Cụ nhà ta sang đây làm công việc này rất hệ trọng. Cô đừng nên vì những cái thích kỳ quái của cô mà để nhỡ việc cụ. Nhỡ việc thì người Tàu họ sẽ coi khinh người mình. Cái thanh thế của người Nam sẽ chẳng còn gì nữa. Tôi không thể chiều ý cô bởi vì một khi mó tay vào những việc quan hệ, người ta không thể xử sự như một cô gái cả đời chỉ biết có ăn với chơi.

Rồi nhìn Khánh Ngọc một cách nghiêm nghị:

– Cô đừng nên để tôi khinh cô.

Khánh Ngọc cắn môi, để khỏi òa khóc.

Trọng Khang ái ngại:

– Tôi xin hứa khi về tôi sẽ đưa cô đi xem.

Khánh Ngọc ngửng đầu, ngập ngừng:

– Nhưng tôi về trước ông thì ai đưa tôi đi.

– Thì... cũng đành vậy. Nhưng nếu cô muốn giữ nguyên tấm lòng quý trọng của tôi đối với cô, thì cô đừng nên đi hôm nay. Nhỡ xảy ra việc gì chẳng lành thì bao nhiêu công việc dở hết cả. Thôi, cô đừng buồn nữa, tôi rất muốn chiều ý cô, nhưng lẽ phải buộc tôi không thể chiều cô được.

Một khắc im lặng.

Rồi Khánh Ngọc vụng nói:

– Thôi, thế tôi nghe ông. Nhưng ông phải kể nốt câu chuyện Sùi Ồn Lừng cho tôi nghe nhé.

– Cái đó tôi có thể chiều được.

Khánh Ngọc chạy vào trước cửa:

– Ba ơi, con đi trước với ông Trọng Khang nhé.

Rồi cũng chẳng đợi trả lời, nàng chạy ra nhảy tót lên ngựa.

Hai người lặng lẽ đi chừng một trăm thước.

– Câu chuyện hôm nọ đến đâu rồi nhỉ?

Khánh Ngọc đang như người chìm trong mộng, vùng ngửng đầu:

– Đến...

– À, à, đến chỗ chàng Tư bị nước hút đi.

– Vâng phải đấy. Thế rồi nàng Mười ra sao?

– Sau lúc đó, mọi người thấy nàng gục xuống, mồm và mũi, máu tươi đổ ra ròng ròng. Người ta sờ đến tim nàng thì đã hết đập!

– Trời! Có lẽ vì xúc động mạnh quá mà đứt mạch máu.

– Chính thế.

– Tên tướng giặc thấy nàng chết bỗng như điên, như dại: y cúi xuống vừa ôm, vừa cắn, vừa cấu, vừa hôn hít thi thể nàng.

– Nó cũng yêu cô phải không ông?

– Thì đã hẳn. Rồi sợ hai oan hồn khi về âm ti có thể phối hợp với nhau, nó sai đem chôn nàng ra tận chân núi.

– Thằng khốn nạn! Chắc nó thù lắm.

– Thù thì không đúng. Nó ghen.

– Ghen mà đến thế ư? Ghê gớm quá!

– Chỉ có lòng ghen mới có thể tàn nhẫn được đến thế. Nhưng...

– Nhưng nó cũng chưa ghê gớm lắm. Nếu tôi...

– Ông làm sao?

Trọng Khang cười tủm:

– Nếu tôi mà đã yêu thì ở trong trường hợp ấy, tôi không giết người chồng. Tôi sẽ ôm nàng mà nhảy xuống Sủi Ón Lừng . Bởi vì thằng tướng giặc kia dù có sống... thì cũng như là một người chết, sao bằng... Cô thử nghĩ xem...

Mặt Trọng Khang vẫn cứ thản nhiên. Khánh Ngọc chỉ nhìn chàng bằng cái nhìn rất dài, không nói.

– Chỉ có thế thì mới hả được. Nhưng may cho tôi, tôi lại có một cái tâm tính không bao giờ có thể yêu được một người đàn bà mà người khác đã yêu.

XIII

Đường từ đấy bắt đầu khó đi. Thật là những cái thang bắc ngang lưng chừng trời. Một bên thì núi cao vút, một bên thì vực sâu thẳm, lại thêm đá gan gà lởm chởm. Lối đi ngoắt ngoéo lại chỉ vừa một con ngựa.

Những người đi theo đã bắt đầu kêu khổ. Trọng Khang luôn luôn hò hét mọi người phải cầm dây cương cho cẩn thận, và luôn luôn thôi thúc bọn mã phu phải đi liền ngay với ngựa thồ.

Đi được hai cây số thì trời mưa như trút nước, hơi mù bốc lên dày đặc, khiến cách xa một bước chẳng còn trông thấy gì hết.

Gió núi lại bắt đầu thổi lùa cái lạnh thấu xương vào cơ thể. Trọng Khang cứ luôn luôn đi đi lại lại để kiểm soát những ngựa thồ và nghe ngóng vân mòng. Khánh Ngọc thấy thế liền bảo:

– Thôi ông nghỉ một chút đã. Tôi chắc chẳng xảy ra việc gì đâu. Ông vất vả như thế nhỡ mai ốm thì ai trông coi cho chúng tôi.

– Nếu có sự chẳng may như thế thì đến lúc đó sẽ hay, chứ bây giờ, tôi còn khỏe mạnh, tôi hẳn cứ làm cho hết bổn phận. Cô thử tưởng tượng trong lúc sương mù dày đặc thế này, một vài tên mã phu đánh lạc ít con ngựa thồ đi thì có phải thiệt hại biết chừng nào.

Ông Nam Long đi cạnh con gái nghe nói thế liền bảo:

– Nhờ có lạc thì thôi. Ông cũng nên gìn giữ sức khỏe. Cái sức khỏe của ông quý cho chúng tôi hơn mấy thồ đồ.

– Tôi chịu sương gió và mệt nhọc đã quen, cụ không ngại.

Giáp trong lúc ấy, vì phải chú ý vào đường đi để cho khỏi bị ngã, nên không nghe thấy những câu chuyện người ta nói ở sau mình. Chàng cũng chẳng trông thấy gì hết, ngoài con đường mấp mô những đá mà mỗi một bước ngựa lại làm cho chàng xiêu vẹo đi ở trên yên. Và cái làn mưa nó làm cho chàng vuốt mặt không kịp.

May mà con ngựa của chàng là ngựa đi núi đã quen, chứ không, những tiếng sấm liên hồi như bổ tan núi làm cho nó chồm lên mà đưa chàng xuống vực.

Tiếng sấm, tiếng gió hòa với tiếng thác nước đổ ầm ầm chung quanh, gây nên một không khí rùng rợn, nó gieo cái sợ hãi vào tâm hồn mọi người.

Khánh Ngọc không muốn cho Trọng Khang rời khỏi mình, nên cứ luôn luôn bảo:

– Ông đừng đi đâu cả đấy.

Bỗng ở mé trước, tiếng gì ầm ầm như súng trái phá nổ. Tiếng kêu dữ dội phả vào gió gầm nghe lạnh cả gáy. Bọn người không ai bảo ai đều dừng cả ngựa lại, rồi cùng thốt ra:

– Cái gì thế, ông Trọng Khang?

– Có lẽ lở núi. Chết chửa, tiếng lở nghe gần quá, không biết đá có đè phải ai không?

Chàng nói xong thúc ngựa, lách mọi người tiến lên. Qua một con đường queo, cả một cảnh tượng thê thảm bày ra trước mặt. Nửa sườn núi lở xuống chôn sống ba con ngựa thồ và hai tên mã phu ở trong. Đá chặn mất lối đi! Những người thoát chết mặt tái mét, đang run bắn, nhìn một cách sợ hãi lên phía núi. Những người đi trước đứng ở phía bên kia hỏi nheo nhéo:

– Những ai bị núi đè đấy?

Cạnh Trọng Khang, nhiều người sợ phát khóc lên.

Chàng xuống ngựa, đưa cương cho một người cầm:

– Không sợ. Núi vát thế kia, không đổ nữa. Nếu có đổ thì đã đổ rồi. Ông chủ và mọi người có đến thì bảo chờ tôi ở đây. Ồ khóc! Khóc

cái gì? Số chết thì khóc mà khỏi được à? Lúc này sợ hãi mà được nữa à? Lúc này, muốn sống thì đừng có sợ! Phải mau mau kiếm cách mà cuốc đường để đi, không thì bão đến nơi, chết cả một nút bây giờ.

Chàng cố men đá, trèo sang phía bên kia, cho người chạy đi báo cho cả bọn dừng lại. Chàng sai dỡ một thồ xẻng cuốc, rồi bảo mọi người:

– Chờ ông chủ đến rồi cùng đi. Nhưng bây giờ, phải chọn lấy mười người khỏe mạnh ở lại với tôi để bới cái đất núi này lên mà cứu lấy những người ở trong ấy.

– Còn cứu làm sao được nữa? Chết cả rồi! Có bới thì cũng phải chờ tạnh mưa.

Bọn mã phu đồng thanh nói thế và đều không nhúc nhích.

– Những ai ở lại làm thì tôi cho mỗi người một đồng. Ai khỏe mạnh mà không bằng lòng làm thì liền bị du xuống vực kia.

Cả bọn vẫn không nhúc nhích.

Nào những anh em người Kinh đâu? Hãy mó tay vào, để cho họ bắt chước!

Trong bọn có bốn người xuống ngựa.

– Các anh em hãy cố trèo sang bên kia khơi tạm một con đường để cho bọn người đi sau sang được đây.

Bọn người Kinh vác cuốc đi rồi, Trọng Khang tiến lại gần một tên mã phu cao lớn đứng ở đầu hàng:

– Có phải mày nhất định không làm phải không?

– Mưa, làm thế nào? Làm để mà chết à?

Tên ấy vừa nói dứt liền bị Trọng Khang đấm cho một quả trúng hàm, ngã chúi vào sườn núi. Chàng đánh xong, rút súng, quát:

– Dậy vác cuốc chim làm ngay, không tao bắn. Những người bị vùi trong này là anh em của chúng mày. Dậy cầm cuốc mau!

Tên mã phu loáng choáng đứng dậy đi lại phía thồ xẻng cuốc.

– Còn sáu bảy thằng kia nữa. Làm đi, tao cho mỗi đứa hai đồng. Không làm thì một phát súng. Muốn chọn đằng nào thì chọn.

Mười người lính Tàu đi trước với ông quan một, lúc ấy cũng đã quay lại, nghe thấy Trọng Khang phân trần, kéo đến đánh bọn mã phu túi bụi. Năm sáu người lính cũng bỏ súng kéo đến làm giúp.

Tiếng ông Nam Long gọi chàng ở bên kia. Chàng quay lại nói với ông *phài chướng*.

– Ngài làm ơn cắt hai người lính để họ trông làm ở đây hộ tôi. Lúc ông chủ tôi sang thì xin ngài cứ cho áp giải thồ đi trước.

Nói xong Trọng Khang vác hai cái cuốc và hai cái xẻng bò sang bên kia:

– Trong số ba thồ bị vùi ở đây thì có một thồ đồ ăn, một thồ tiền và một thồ quần áo của cô Khánh Ngọc.

Ông với cô cứ đi trước đi, đợi tôi ở Pín Lồi. Nếu xong sớm thì ta sẽ cứ đi, nhược bằng chậm thì ta ngủ đêm lại đấy.

– Thế chúng tôi chờ ông làm xong rồi cùng đi có được không?

– Không thể được. Trời này không khéo giông bão. Nếu ở lại, nhỡ gặp bão ở núi, thì chết hết.

Khánh Ngọc nhìn chăm chăm vào chàng:

– Ông đã biết thế, sao ông ở lại?

Trọng Khang cau mày:

– Lúc này không phải là lúc bàn luận và đắn đo hơn thiệt. Lúc này, cô chỉ nên nghe lời. Ông Phó, nói dại nhỡ có bão thì lập tức phải đi loan báo cho tất cả hạ thồ xuống tìm chỗ sườn núi nào khuất gió mà ẩn, chứ không thì bay hết cả xuống vực đấy. Thôi cô với cụ đi mau lên. Dắt ngựa và trèo cho khéo. Bác Xuân, bác Viễn ở lại đây với tôi. Ngựa buộc chặt vào kia. Chịu khó làm chỉ hai giờ đồng hồ là xong.

Đoàn người ngựa đến Pín Lồi được chừng nửa giờ thì cơn bão nổi lên ầm ầm. Bao nhiêu mái nhà tranh ở chung quanh bị bốc lên hết. Duy chỉ có chiếc nhà ông Nam Long ẩn, mái ngói, lại xây, nên không việc gì.

Ông Phó đứng ngồi không yên, nhìn ra ngoài trời kêu khổ luôn mồm. Nhưng nhìn đến Khánh Ngọc ngồi thừ ra, mắt đăm đăm nhìn ra phía núi, như chứa cả một thế giới lo sợ, ông lại thấy một cần phải an ủi nàng:

– Cô đừng lo. Cậu con khỏe mạnh và quyền biến lắm. Chắc không việc gì.

Những phút ấy là những phút mà người ta cởi mở tâm hồn cho nhau:

– Cậu ông có bao giờ đi đường bị gặp bão như thế này không?

– Có. Đã có lần, cậu cháu phải trói nhau vào một cây cổ thụ để cho gió khỏi cuốn đi. Nhưng ở đấy tuy chẳng có cây cổ thụ, thì cậu con thế nào cũng tìm được một chỗ đất hõm để nằm xuống nấp. Cô đừng lo. Kìa, gió cuốn cây táo kia đi! Trời ơi, nếu cậu con có mệnh hệ nào!

Ông Phó bưng mặt khóc. Lại đến lượt Khánh Ngọc phải dỗ ông:

– Sao ông bảo cậu ông giỏi lắm cơ mà?

– Giỏi, nhưng gió to thế này, giỏi thế nào lại được!

Một giờ.

Hai giờ.

Rồi ba giờ.

Bão đã dịu, Trọng Khang vẫn chưa thấy về.

Khánh Ngọc đã sống những thời khắc mà mình không còn gì để giấu mình nữa. Nàng cảm thấy rằng mình đã yêu Trọng Khang một cách say mê. Nhìn thấy Giáp lúc ấy trùm chăn kín, nằm ngủ, nàng thấy ghét và khinh một cách lạ lùng. Tự nhiên, nàng đem so sánh cuộc đời hoạt động và mạo hiểm của Trọng Khang với cuộc đời hèn yếu của Giáp.

Đột nhiên, một mối lo đến xâm chiếm lòng nàng. Nàng sợ Trọng Khang không yêu mình. Nàng nhớ lại câu Trọng Khang nói với mình lúc ban sáng:

"May tôi lại không bao giờ có thể yêu một người đàn bà đã có một người khác yêu".

Lúc ấy, mối lo nhỡ xảy ra tai nạn cho Trọng Khang cũng ngang với mối lo Trọng Khang biết Giáp đã đính hôn với mình mà không yêu mình nữa. Bão ở ngoài trời mà bão cả ở trong lòng nàng.

Nàng thấy mình không thể lấy Giáp được nữa. Và nghĩ đến những sự thân mật của Giáp đối với mình ở trước mặt Trọng Khang, nàng bỗng thấy như có cái gì nóng nóng chạy từ ngực lên tai.

Ông Nam Long thấy con gái thẫn thờ liền bảo:

– Thì con việc gì phải quá lo như thế.

Nàng nhún vai chỉ Giáp:

– Ba bảo không lo. Trong khi một người vì mình mà trải bao nguy hiểm như thế, không lo cho người ta thì mình còn có lòng dạ gì nữa.

– Nhưng lo cũng không ích gì.

– Thì mình cứ lo... như thế thì dẫu có sao sự hy sinh của người ta đối với mình không phải là một việc vô ích.

Gần tối thì Trọng Khang thồ hai cái xác và hòm xiểng về. Mọi người mừng reo lên. Khánh Ngọc chạy ngay ra nắm lấy hai tay chàng.

– Áo mưa của ông đâu mà để ướt như chuột thế này?

Trọng Khang đang bị rét run:

– Chiếc vải sơn bọc hòm bạc rách cả. Tôi phải lấy áo mưa quấn không ướt hết bạc còn gì.

– Ông Phó! Lấy mau quần áo để cậu ông thay. Tôi lấy dầu xoa cho ông nhé.

Nàng chạy vào trong nhà thì bị Giáp nắm áo giữ lại.

– Em làm gì mà rối rít lên thế? Anh...

Nàng nhìn thẳng vào mặt Giáp, rồi hất tay ra một cách khinh bỉ:

– Tôi cần phải rối rít đối với một người đã rối rít vì ba tôi.

– Nếu em mà... thế nữa thì anh về đấy.

– Tôi thế làm sao? Tôi chỉ sợ anh không dám về một mình thôi.

Nàng với lọ dầu rồi đi ra. Nàng lại bị Giáp nắm lại:

– À, vì đồng tiền thì ai chả phải hy sinh.

– Anh đừng nói xấu người ta, nếu anh muốn giữa chúng ta còn có một cảm tình đẹp đẽ.

Nàng ra đến nhà ngoài thì thấy Trọng Khang đang nằm thiêm thiếp.

– Trời ơi, ông làm sao đấy, ông Phó đâu?

Nàng mở nút lọ dầu chổi, đổ vào lòng bàn tay xoa hai thái dương, Trọng Khang vẫn nằm im. Nàng hốt hoảng rú lên:

– Ba ơi! Ông Trọng Khang làm sao đây này?

Tiếng rú ấy làm cho Trọng Khang mở mắt:

– Tôi có làm sao đâu? Tôi đói quá, mệt lả đi. Cô cho tôi cốc rượu.

– Thế ông hẵng thay quần áo đi đã chứ.

– Ông Phó ông ấy còn đi lấy.

Khánh Ngọc cầm cốc rượu lại. Trọng Khang nốc một hơi, rồi chiếp môi:

– À, rượu ngon.

– Ông làm em sợ quá.

– Cô tính, tôi như con trâu trương thế này, lại đói từ sáng, lại cuốc, lại đi bộ, thì gì mà không lả.

– Thế ngựa ông đâu?

– Phải để thồ chứ! À, thế nào, cô ra xem cụ xử trí với hai người chết ra sao. Hình như có em chúng nó cũng đi với chúng mình.

Khánh Ngọc quay ra, còn ngoái cổ lại:

– Ông thay áo mau rồi ăn cơm. Tôi đã mở một hộp gan để dành cho ông đấy.

XIV

Trọng Khang quyết chí học lấy cái nghề thầu khoán, cho nên nhiều khi Giáp hằn học với chàng, chàng cũng tảng lờ đi như không biết. Chàng tự nhủ: "Mình không yêu người tình của hắn, thì rồi một ngày kia, hắn sẽ thấy. Nhân tâm con người ta ai là chẳng ghen. Hắn bực tức với mình cũng lẽ thường của lòng người. Mình phải nên rộng lượng. Khánh Ngọc, tuy yêu mình, nhưng thấy mình không yêu trả lại thì rồi một ngày kia, tất cũng chán. Vả chừng tháng nữa, nàng về Hà Nội rồi, lúc ấy, nàng sẽ quên mình đi như người ta quên một cái áo. Đối với những người tâm tình nông nổi như thế, cảm tình có gì là sâu. Chẳng qua là động cỡn trong chốc lát. Nếu bây giờ mình kháng cự lại Giáp, mà Giáp có làm gì mà mình kháng cự. Chẳng qua chỉ là những sự bóng gió ngấm ngầm. Hay mình cự tuyệt trắng ra với Khánh Ngọc? Thì cái giao tình của mình với cụ Nam Long sẽ xảy ra lắm điều ngang ngửa, cụ ta chiều con lắm. Mình sẽ bỏ lỡ một cơ hội tốt để khôi phục cơ đồ. Âu là mình cứ làm lơ như chẳng biết gì cả. Thế là hơn. Mình hất hủi Khánh Ngọc thì cũng không nên, bởi dù thế nào cũng do tấm lòng nàng quý mến mình mà ra. Bây giờ mình cứ nghĩ vào việc làm ăn và giả ngây giả điếc thế là xong cả".

Vì nghĩ thế, cho nên khi đến chỗ làm. Trọng Khang nhất định bảo ông Phó kê giường của mình sang gian các thư ký và cai, không ở chung với ông Nam Long và Khánh Ngọc nữa. Chàng cho như thế thể nào rồi Khánh Ngọc cũng hiểu mà trở lại với Giáp. Nhưng chàng đã không tính đến lòng yêu đương của người con gái, cùng những mưu cơ và sự quả cảm do lòng yêu xui nên. Chàng đinh ninh rằng tối hôm ấy, Khánh Ngọc sẽ biết cái ý định của chàng. Chàng mỉm cười nhủ thầm: "Khó chịu một tý, nhưng rồi thì biết, biết rồi thì thôi. Những cô gái nhà giàu từ xưa đến nay chẳng ai trái ý... À, bất quá mình cũng bị mấy cái lườm nguýt. Nhưng mình tảng lờ và coi những cái

lườm nguýt ấy là những cái nhìn thường thì rồi cũng đến chịu. Chứ chả lẽ lại dám bảo mình: "Sao ông không ngủ cùng buồng với tôi?"

Tám giờ tối hôm ấy, sau khi chàng với ông Nam Long sang điều đình việc mộ phu với các hương trương trở về, chàng phải sưng sốt, khi bước vào nhà, thấy cái giường của mình đã kê ở một góc nhà, đối diện ngay với chiếc giường của Giáp. Chàng quắc mắt nhìn ông Phó. Cái nhìn ấy như nói: "Sao tôi đã bảo ông kê chiếc giường tôi ở gian bên kia, mà ông lại dám kê sang đây". Ông Phó sợ hãi vội phân trần:

– Con đã kê giường cậu sang gian bên, nhưng cô Khánh Ngọc bảo con dọn sang đây. Cô...

Khánh Ngọc lúc ấy đang ngồi vờ vẫn gãy mandoline, đỡ lời ngay:

– Tôi biết ba tôi thế nào cũng muốn ông cùng ở với chúng tôi, nên bảo ông Phó dọn sang đây. Ở một nơi đèo heo hút gió như thế này, chúng tôi phải cần có một người... can đảm và tỉnh ngủ như ông ở cạnh thì mới không lo sợ được. Có phải thế không ba?

Ông Nam Long vô tình, trả lời ngay:

– Ừ phải. Ông với tôi bây giờ như người nhà. Sao lại ở bên ấy? Bên ấy để cho người làm.

Khánh Ngọc lại nhìn Trọng Khang một cách hóm hỉnh:

– Ba tôi lại cần bàn chuyện với ông luôn.

Giáp nhìn Khánh Ngọc, lòng giận sôi lên, nhưng cũng phải nói xuôi, bằng cái lối người bề trên che chở:

– Gian bên đông người, ông ở bên này với chúng tôi có phải rộng rãi mát mẻ không.

Trọng Khang lẳng lặng tháo súng, rồi ngồi lại giường duỗi chân cho ông Phó kéo ủng. Nhìn đến quyển sách, chàng vụt nảy ra một ý kiến:

– Tính tôi hay xem sách khuya, ở đây sợ để đèn, cụ và cô không ngủ được chăng?

Khánh Ngọc cười:

– Ông kiểu cách lắm. Thế bao nhiêu đêm chong đèn suốt sáng, sao chúng tôi vẫn ngủ được. Chúng tôi kéo cái điểm vải che kín giường là hết thấy sáng ngay.

Trọng Khang đành chịu. "Người ta quý mình, mến mình, mình cũng chẳng nên làm quá. Thôi, mươi mười lăm hôm nữa, người ta về thế là xong chuyện. Con một ông chủ thầu giàu có lấy một ông kỹ sư

cầu cống là phải lắm rồi. Bằng kỹ sư với bằng cử nhân sánh với nhau, tốt đôi lắm. Rồi về đến cái xã hội xa hoa ở Hà Nội, người ta liền quên ngay cái thích một hôm ở trong rừng. Sự đời có phải là sống ở rừng mãi đâu, mà bảo người ta thích mình mãi được".

Chỉ trong hai tuần lễ, Trọng Khang đã quen hết các công việc. Mộ phu, điều đình với các người mộ phu, mua bán các vật liệu, phân phát công việc làm cho cai, nhất nhất việc gì, chàng cũng đã có thể thay ông Nam Long được cả. Giáp xem địa đồ, chỉ bảo qua loa là chàng coi cai làm được đúng ngay. Lại một điều chàng có oai và biết tiếng Xá Phang nên cu ly rất sợ. Các thư ký đạc điền và cai thì vì chàng tính nết xuề xoa, nên cũng rất yêu. Họ không ưa Giáp vì Giáp kiêu điệu. Tất cả, thấy Khánh Ngọc thân mật với chàng và xa dần Giáp đều bằng lòng.

Được ba tuần lễ, một hôm, sau buổi làm, ông Nam Long bảo chàng:

– Cứ xem cái tình hình này thì ông có thể thay tôi được lắm lắm. Vài tuần lễ nữa, tôi về Hà Nội, có lẽ tôi chỉ sai người mang tiền lên mà cũng không cần phải lên ngay nữa. Ông trông coi về mọi công việc tiền nong mua bán, còn cậu François thì về công việc tạo tác. Tôi về thì yên lòng lắm. Trừ khi nào xảy ra việc gì quan trọng mới phải đánh dây thép để cho tôi lên. Tôi giao toàn quyền cho hai người, có thể được lắm

Giáp nghe ông Nam Long nói thế, mặt bỗng sa sầm ngay xuống. Trọng Khang hiểu ý liền nói ngay:

– Bây giờ cụ còn ở đây, những công việc cụ chỉ bảo và sai đi điều đình, tôi cứ theo lời cụ mà làm thì sao chẳng được. Nhưng một ngày kia, cụ về rồi, trong nhiều công việc cần phải quyết định, tôi sợ rằng tôi không đủ kiến thức và kinh nghiệm chăng. Giả dĩ, tôi dù sao cũng là người ngoài, tôi tưởng việc tiền nong cụ nên giao cho ông Giáp, rồi có việc gì cần đến tôi thì tôi giúp. Như thế tiện hơn. Đằng nào ông Giáp với ông cũng là người thân.

Trọng Khang nói đến đây thì Khánh Ngọc cau mặt lại. Nàng vụt mạnh ngọn roi ngựa xuống đôi ủng. Chàng giả ngô như không thấy biết gì hết:

– Vả lại ông Giáp là kỹ sư. Để cho ông đứng đầu công việc thì người ta phục hơn. Chứ tôi...

Ông Nam Long xua tay.

– Cậu François mới ra trường ra đã biết gì đâu. Vài ba năm nữa, sau khi theo tôi làm một vài việc như thế này rồi thì mới cáng đáng được. Ông ở đây, vừa biết tiếng, lại vừa biết phong tục. Cầu cống, đường sá, thì một ông kỹ sư làm được, bởi đã có dạy ở trong sách, vả lại kiểu mẫu nó đã rành rành ra đấy. Nhưng còn những việc... không có cái gì làm định lệ và mực thước, như những việc chúng ta vừa làm thì cần phải có kinh nghiệm và khôn ngoan lắm lắm. Ông tuy chưa làm thầu khoán bao giờ, nhưng trong công việc buôn bán ông đã nhiều kinh nghiệm lắm. Gia dĩ ông lại có đởm lực, có thể thay tôi được. Tôi đi thầu, năm nay ngoại ba mươi năm, tôi biết người lắm, cứ chịu khó giúp tôi. Tôi biết ông có thể đương được những việc lớn lao. Xong việc này, biết đâu ta chẳng còn làm với nhau nhiều việc nữa. Ông đừng từ chối, tôi sẽ chẳng để cho ông thiệt đâu. Sự hạnh ngộ này may cả cho ông và cả cho tôi.

Trọng Khang ngần ngừ một lát:

– Cụ có lòng tin mà giao cho như thế, tôi thật cảm kích khôn cùng. Nhưng có điều này, tôi cần phải thưa thực. Trước kia, tôi cũng có ít vốn, chẳng may cái số long đong bị phá sản phải đi làm công. Như tôi đã thưa với cụ hôm đầu, tôi theo cụ là hi vọng có một ngày kia bao thầu lại của cụ một đoạn đường mà làm. Bây giờ đoạn cuối chưa làm, mà lại san cu ly, hay cụ cho tôi mộ cu ly bao thầu lại đoạn ấy thì...

Ông Nam Long ngắt lời ngay:

– Ông đã nói thật thì tôi cũng lại nói thật. Bây giờ, tôi cần đến ông nhiều lắm. Không khi nào tôi để cho ông đi làm riêng. Trước kia, tôi định bụng chỉ về Hà Nội lấy tiền rồi lại lên ngay vì tôi biết cái công việc lớn như thế này, khó lòng có thể giao cho ai được. Thì đấy ông xem bao nhiêu thư ký và người nhà, tôi mang lên đấy. Họ chỉ có thể làm những công việc phụ mà thôi. Và có đứng đầu, chẳng qua chỉ có thể đứng đầu những công việc nhỏ. Thôi, tôi tính thế này thì ông cũng không thiệt và cũng như là ông làm cho tôi. Lãi trong cái công việc này, trừ chi phí đi, tôi sẽ chia cho ông mười lăm phần trăm. Ông cố làm, lãi nhiều thì ông cũng được nhiều. Nếu ông bằng lòng thì mai tôi sẽ làm giấy cho ông.

– Cụ nghĩ thế thì cháu được đội ơn cụ biết mấy. Cần gì phải giấy má, một lời nói của cụ...

– Không, ông không ơn tôi. Cái số tiền tôi chia cho ông, chính ông làm ra, bởi nếu có một người mẫn tiệp, biết tháo vát thì đáng lãi

tám nó sẽ lãi lên mười. Mà tôi thì khỏi lên đây vất vả. Tôi nói thật, chính tôi cũng đã thấy sợ cái nước độc ở đất này rồi. Vả lại giặc cướp như ong, nếu không có ông, tôi cũng ghê về chỗ đó lắm. Để con cháu ở đây mãi, tôi cũng ngại lắm.

– Ba ngại, nhưng con chẳng ngại tí nào.

Rồi thấy mặt Giáp sa sầm, nàng thương hại:

– À, thế còn anh François, ba định chia cho anh ấy bao nhiêu?

Ông Nam Long cười, trỏ Khánh Ngọc:

– Tôi sẽ chia cho anh cái món lãi kia, chắc anh không bằng lòng tí nào.

Thấy cha mình nói thế trước mặt Trọng Khang, Khánh Ngọc bỗng đỏ mặt:

Nhưng nếu con không bằng lòng để cho ba... chia như thế thì ba cũng đến chịu, ba nhỉ?

– Như thế thì ba cũng chịu nhưng... sao con lại không bằng lòng. Thôi chúng ta về ăn cơm chứ ba thấy đói lắm rồi. Công việc chạy lắm. Nếu cứ thế này không xảy ra việc gì thì chắc khá to. Ông Trọng Khang, ông nên nhớ ông cũng có bạc vạn ở trong cái số đó đấy.

XV

Người đi lấy thư ở Pa Kha về, trong lúc mọi người vừa ăn cơm xong. Khánh Ngọc trông thấy mừng reo, vội vàng đỡ lấy cái bọc:

– Nào xem họ viết những gì? Đố François biết tôi có tất cả bao nhiêu thư? Nhưng ai gửi cho tôi nào? Ông Trọng Khang có chờ một bức thư nào khẩn cấp không?

– Hình như có.

– Sao lại hình như. Nếu thế thì hãy cất đi, mai chúng ta xem một thể.

Trọng Khang tỏ vẻ khó chịu:

– Cô ác thế, chắc từ trước đến nay, cô chưa bao giờ hiểu cái khắc khoải của...

– Của một người chờ tin một người thân yêu chứ gì?

– Có lẽ.

Khánh Ngọc đang tươi cười, thoáng thấy lòng se lại, nàng gượng gạo hỏi Trọng Khang:

– Ông nói cho tôi biết cái tin tức mà ông khắc khoai chờ mong ấy là của ai, rồi thì tôi sẽ mở cái gói này, không thì nhất định là sáng mai.

– Của ai, bất cứ là của ai, một khi đã khắc khoải chờ mong thì cái người gửi thư ấy đối với ta cũng là thân thiết rồi.

Thấy Trọng Khang nói một cách bí mật như thế, Khánh Ngọc càng khó chịu:

– Ông không nói rõ thì nhất định... mời ông chờ đến sáng mai.

– Kìa cô, sao cô lại độc ác thế? Tôi chờ một cái tin cần lắm mà.

– Tin cần mặc?

Ông Nam Long đặt điếu xì gà:

– Ồ, trẻ con nào, mở ra, ba cũng chờ mấy cái tin cần.

– Những tin của ba toàn là về công việc và tiền nong cả, chẳng có cái gì là cần.

Trọng Khang thừa một khắc Khánh Ngọc không để ý, liền giật phăng lấy gói thư. Khánh Ngọc vội vàng choài qua bàn để giật lại, trong lúc hấp tấp va phải chén cà phê, rơi xuống vỡ tan.

– Ồ, cái con bé này trẻ con quá.

– Trẻ con! Ba không có việc gì cần.

Rồi nàng nắm chặt gói thư không cho Trọng Khang cởi. Trọng Khang băn khoăn:

– Tôi đã thưa với cô rằng tôi chờ một cái tin cần lắm mà.

Cái vẻ băn khoăn ấy làm dội một lo sợ không căn cớ vào lòng Khánh Ngọc, nàng buông tay. Vừa lúc ấy, Giáp cũng nắm cánh tay nàng kéo lại:

– Thôi đừng chơi ác thế nữa?

Nàng quay lại quắc mắt nhìn Giáp:

– Việc gì đến anh đấy.

Trọng Khang mở gói thư, lục lấy ba bức, rồi đi về phía giường. Một bức của Khôi và hai bức của em gái. Bức thứ nhất, em gái chàng trách chàng gặp tai biến như thế mà giấu không cho biết. Bức này gửi trước khi nhận được thư của Trọng Khang báo tin cái bè vỡ, đã

phải buộc lòng đi làm công. Bức thứ hai có năm cái măng – đa hai trăm (ở những nhà dây thép nhỏ, người ta chỉ có quyền gửi một cái măng – đa nhiều nhất là hai trăm) và cái tin Lan đã đi lấy chồng.

Trọng Khang không yêu Lan, nên sự Lan đi lấy chồng không làm cho chàng đau đớn, nhưng chàng buồn vì nhân tình thế cố. Chàng đọc bức thư mà không cầm được thở dài.

Anh cả yêu quý.

Em nhận được thư của anh ngày hôm nay nói anh phải đi làm công cho người ta, mà em ứa hai hàng nước mắt. Anh đi làm công? Cứ nghĩ anh bị người ta sai khiến mà em thấy ruột em loạn cả lên.

Anh ngỏ ý lo cho hậu vận của em. Điều đó, anh đừng nghĩ. Có lẽ chúng ta nghèo là một cái phúc. May ra em lấy được một người chồng yêu em vì em, chứ không phải yêu em vì tiền. Lúc còn thầy mẹ, em đã nhờ thầy mẹ mà được sung sướng. Thầy mẹ mất đi, em lại được nhờ anh mà không phải lo lắng một tí gì về mọi thứ cần dùng thường ngày. Ngày nay bè vỡ, anh hết vốn. Người ta cho là một cái chẳng may, nhưng riêng em cho đó là một cái may, vì em đã có một cơ hội để tỏ cho anh biết em cũng thương yêu anh chẳng kém tấm lòng anh thương yêu em. Anh đừng có lo gì về em cả. Em có thể sống được ở Hà Nội một cách ung dung, mặc dầu anh không có tiền gửi cho em nữa. Em đã nhận một chỗ dạy học ở trường của một người bạn, tháng ba mươi lăm đồng. Nếu anh có cần, em có thể gửi cả lên cho anh, vì em ở với cô, một tháng chẳng phải tiêu đi đâu một xu. Cô được tin bè vỡ, khóc sướt mướt. Lúc ấy, em thấy yêu cô hơn trước, bởi vì em biết được rằng cô yêu anh, yêu chúng ta một cách tha thiết. Cô vội vàng đi thu nhặt tiền nong được 300đ bảo gửi lên ngay cho anh. Em cũng nhờ cô đi bán đồ vàng của em, nhưng cô nhất định không bán, cô chỉ đem cầm được 700đ. Nếu anh có cần dùng tiền nữa thì anh viết giấy về cho em. Em sẽ bán đi cũng được năm ba trăm nữa. Anh đừng nên để tâm đến chỗ em không có đồ vàng đeo. Chính ra từ ngày anh sắm cho em, em cũng để đấy chứ có đeo đến bao giờ đâu. Lòng sở nguyện của em là cầu sao cho anh được mạnh khỏe thế thôi. Em tin rằng đối với những người như anh, hoạn nạn chỉ làm cho anh to lớn và tài giỏi thêm ra. Thế cho nên dù thế nào, em cũng vẫn nhìn tương lai bằng một con mắt trong trẻo. Em chỉ xin anh đừng có áy náy gì về em bởi em biết lòng anh thương em lắm, anh chỉ áy náy về chỗ đó thôi.

À, còn cái tin này hơi buồn, chị Lan đi lấy chồng rồi!

Thì ra chỉ khi nào hoạn nạn, người ta mới biết bụng người. Và bọn con gái trưởng giả toàn là một lũ hèn chỉ biết sống cho đồng tiền, cho địa vị. Họ không có đủ trác kiến để biết giá trị một con người như anh. Cái đó cũng là một cái vô phúc cho họ. Họ không bao giờ có được cái vinh dự sống với một con hổ trong loài người. Em chắc anh cũng như em, không giận, mà chỉ thấy thương hại cho họ.

Hôm em báo cái tin anh bị phá sản, em thấy mặt chị ấy tái hẳn đi. Rồi năm hôm sau, có một người bạn em nói cho em biết chị ấy đã vâng lời cha mẹ, thuận lấy một ông Tham. Rồi từ đấy, chị ấy không lại em nữa. Thì ra anh xét người sành hơn em thật. Anh vẫn bảo với em rằng anh không tìm thấy ở chị ấy một điều gì đáng yêu cả, nhưng chỉ vì em quý mà anh bằng lòng lấy làm vợ. Em cũng nhất quyết không bao giờ lấy một người. yêu em, chỉ vì đồng tiền của em. Vì nghèo như thế này, em cho là một cái may mắn.

À, trong thư em xem đến đoạn anh nói ông Phó nhất định theo anh mà em cảm động quá. Con trai ông ấy hôm nọ cũng có ra đây, đem biếu em đôi gà sống thiến. Thì ra thầy mẹ chúng ta đã có cái đức cảm hóa được lòng người. À, kỳ giỗ hôm này, anh chắc không về được, thôi để em cúng lấy vậy.

Anh cả, anh đừng có băn khoăn gì về em nhé. Em bây giờ ngày hai buổi đi dạy học, vui vẻ lắm. Âu cũng là một cơ hội để em khỏi ăn dưng, ngồi rồi. Thôi em xin cầu chúc cho anh mạnh khỏe. Anh mà mạnh khỏe thì em tin rằng cái nguy cơ đến đâu, anh cũng lại chuyển lại được như thường.

Em gái nhớ của anh.

TUYẾT VI

T.B. Đây theo lời yêu cầu của anh, em gửi cho anh cái ảnh mới chụp, để anh treo ở đầu giường. Đấy anh trông. em có buồn một tí nào đâu.

Chiếc đồng hồ báo thức đánh tám tiếng, Trọng Khang cất bức thư xuống dưới gối, rồi đứng dậy sang buồng bên, cắt gác cho mọi người. Chàng cầm chiếc đèn bấm ra soi chung quanh nhà, tàu ngựa, chỗ lính đóng.

Lòng nặng trĩu những cảm giác, đi qua chiếc ghế dài kê ở mé trước sân, dưới một gốc cây, chàng ngồi xuống. Ông Phó rón rén lại gần:

– Cậu nhận được thư của cô. Cô có nói gì không?

– Nó gửi cho tôi một nghìn bạc. Và bảo tôi đừng nghĩ ngợi gì. Bây giờ, nó đã đi dạy học. À, anh chưởng bạ gần đến ngày giỗ, có đem ra biếu đôi gà sống thiến.

– Thưa cậu, thế hôm nay giỗ ở đây, con cũng định làm cỗ xôi con gà, cậu nghĩ thế nào?

– Tôi cũng định bảo ông thế.

Ông Phó đứng im một lúc lâu, rồi vùng hỏi:

– Thưa cậu, con không hiểu tại sao ông Giáp ông ấy ghét gì con mà ông ấy hay hạch con quá.

– Thôi, mọi việc nhẫn nại đi, chỉ dăm bảy tháng nữa là công việc xong.

– Không, con có nói gì đâu. Con thấy hình như ông ấy có... điều gì bất bình với cậu. Những hôm cậu đi vắng, con thường nghe ông ấy nói xấu cậu với cụ chủ. Cậu cũng nên để tâm về chỗ ấy.

– Thế cô Khánh Ngọc có đấy không?

– Không. Bởi vì lần nào có cô Khánh Ngọc đấy, cô ấy cũng bênh cậu. Sáng hôm qua, hai người cãi nhau vì cậu, nhưng rồi sau họ nói tiếng Tây, con chẳng hiểu gì. Cô Khánh Ngọc đối với con cũng tốt lắm.

– Thế là đủ rồi. Từ giờ, ông cứ giả câm giả điếc đi là êm hết mọi chuyện. Vào lấy cái "píp" ra đây cho tôi. Rồi xem trong ấy có sai gì không. Ông nên nhớ bây giờ ông ở với người ta, chứ không phải ở với tôi.

Trọng Khang đánh diêm hút được mấy hơi thì bỗng có cái cảm giác như có ai ở đằng sau nhìn mình. Rồi chàng nghe có tiếng chân người lại, chàng cũng cứ ngồi lặng im.

Một bàn tay đặt lên vai, Trọng Khang quay lại. Khánh Ngọc ngập ngừng, rồi nói thẳng một hơi:

– Tôi xin lỗi ông vì lúc nãy tôi đã làm cho ông phải đợi một cái tin.

Trọng Khang mời Khánh Ngọc ngồi:

– Gớm, cô hay vẽ chuyện lắm.

Khánh Ngọc ngồi xuống ghế, trỏ tay ra khoảng không đen mù mù:

– Gớm, trông âm thầm quá nhỉ?

– Ghê rợn là khác nữa. Biết đâu bây giờ ở những đầu núi mà ta không nhìn rõ kia, chẳng có những bọn giặc cỏ đang bàn tính với nhau để sang cướp nhà chúng ta?

– Tiền để cả ở Mai Lin Phố thì còn gì mà cướp?

– Họ cướp được cô, được cụ, được ông Giáp thì là được tiền chứ còn gì.

– Thế còn ông?

– Tôi thì họ cướp để làm gì? Họ bắt cóc tôi để nuôi ăn không à?

– Ông tưởng thế chứ.

Rồi nàng vùng hỏi:

– Ông hình như được tin buồn ở nhà?

– Không.

– Ông giấu tôi. Tôi rất khó chịu một điều là... chúng tôi thì chẳng có cái gì giấu ông mà ông... thì bí mật với chúng tôi quá.

– Thế nghĩa là tôi cũng chẳng có cái gì để giấu cả. Kìa tiếng ai như tiếng ông Giáp gọi cô.

– Gọi gì tôi?

Trọng Khang cảm thấy Khánh Ngọc sắp nói với mình những câu mà mình không muốn nghe, bởi vì nếu nghe thì sẽ phải có những câu từ chối tàn nhẫn nó làm vẩn đục cái giao tình của đôi bên, chàng liền gắn mồm Khánh Ngọc bằng một câu hỏi:

– À thế nào, sau khi xong công việc này về đến Hà Nội, chắc cô cùng ông Giáp làm lễ cưới. Cô nên tin thế nào cũng sẽ có mặt tôi ở đấy để uống rượu mừng cô.

Khánh Ngọc vụt có cái cảm giác như ai dí lửa vào da mình. Nàng nghẹn thở, không nói được. Trọng Khang biết thế, nhưng vẫn cứ cười:

– Thật tôi chưa thấy một đôi vợ chồng nào được nhiều cái may mắn như thế. Đem nhau đi thiên sơn vạn thủy, cùng chịu nguy hiểm gian lao với nhau... Đến khi cưới nhau thật là đầy đủ hạnh phúc.

Khánh Ngọc đứng phắt dậy.

Nàng toan quay vào thì vừa lúc ấy, Giáp cũng đi ra;

– Marie còn làm gì đấy, chưa đi ngủ cơ à?

– Chưa. Tôi còn ngồi nói chuyện với ông Trọng Khang. François ra đây.

Giọng nói có vẻ bực tức. Cái bực tức ấy duy có Trọng Khang biết.

– François có biết tôi với ông Trọng Khang nói chuyện gì với nhau không?

François nói bằng một giọng mát mẻ:

– Ai nghe trộm mà biết được.

– Ông ấy bảo chúng mình một khi đã đưa nhau đi thiên sơn vạn thủy, cùng chịu gian lao, cùng chịu nguy hiểm thì lúc lấy nhau hẳn là phải hoàn toàn hạnh phúc. Tôi cũng nghĩ thế.,..

Giáp ngơ ngác không hiểu.

– Ông ấy lại bảo thế nào đến khi chúng mình cưới nhau, ông ấy cũng đến uống rượu mừng.

Giáp nói với Trọng Khang bằng một giọng mỉa mai:

– Xong công việc này, thì ông với chúng tôi đã gần thành người nhà rồi. Thế nào lúc ấy tôi cũng mời ông. Ông sẽ được uống rượu cả hai nhà.

– Tôi cũng chỉ mong có thế thôi.

Khánh Ngọc cười khanh khách:

– Thế thì ông là người tham uống quá nhỉ.

Nàng nói xong, khoác tay Giáp đi vào trong nhà.

Tiếng cười của Khánh Ngọc làm cho Trọng Khang thương hại: "Cô ả bực lắm, nhưng biết làm thế nào". Rồi vùng nghĩ đến Lan "Những cô con gái nhà giàu đều có thứ tình cảm nông nổi như thế cả. Họ chỉ biết chạy theo cái thích một lúc. Chứ trong lòng họ, còn có cái gì là sâu và bền. Thế cũng xong, khỏi lôi thôi. Từ nay, mình cũng đỡ bị họ quấy rầy".

Chàng đứng dậy, vào nhà. Ở bàn chỉ có ông Nam Long và Giáp đang ngồi xem nhật trình mới ở Pa Kha đưa lại, Khánh Ngọc thì đã vào giường. Không hiểu sao, chàng thấy cần phải nói:

– Cô Khánh Ngọc đi ngủ sớm thế cơ à?

Một câu trả lời buông sõng ở trong màn đưa ra:

– Chẳng đi ngủ thì còn thức để làm gì?

XVI

Thường ngày, bao giờ Trọng Khang cũng dậy từ năm giờ, đánh thức các cai, ăn điểm tâm với họ, rồi ra chỗ làm. Giáp và ông Nam Long thì mãi tám giờ mới ra. Những ngày mát trời, Khánh Ngọc cũng theo ra xem. Còn những ngày mưa, nàng ở nhà làm sổ sách với bọn thư ký.

Mười một giờ, tan làm, Giáp với ông Nam Long lên ngựa về ngay. Trọng Khang còn phải ở lại điểm phu và ký giấy cho các cai, nên có khi gần mười hai giờ mới về đến nhà. Ăn cơm xong, chàng lại phải ra ngay chỗ làm vì một giờ đã lại khởi công. Các cai thì ăn ngay ở chỗ làm chỉ buổi tối mới về. Đã nhiều lần, Trọng Khang muốn ở luôn buổi trưa ở chỗ làm, nhưng ông Nam Long và Khánh Ngọc không nghe. Nhiều lần, ông Nam Long bảo chàng hai giờ trưa hẵng ra, nhưng chàng đều từ chối.

– Ở nhà một giờ, hơn vạn cu ly không người coi, hại cho cụ bao nhiêu là tiền.

– Thì bao nhiêu cai đấy.

– Cai nào cũng không bằng mình.

Công việc làm trên một con đường dài. Giáp và các thư ký đạc điền theo địa đồ đo ngắm, rồi đóng cọc làm dấu, còn Trọng Khang thì chia ra từng đoạn, đốc cu ly và cai làm. Chàng giao cho cai mỗi người coi từng nơi một. Mỗi người cai Nam có dưới quyền mình năm bảy người cai Xạ Phang và một người thông ngôn. Trọng Khang suốt ngày đi từ nơi nọ đến nơi kia để kiểm soát công việc. Đường làm mỗi ngày một xa dần chỗ ở, thành thử Trọng Khang chỉ kịp đủ thì giờ về ăn rồi lại đi ngay.

Khánh Ngọc thấy chàng vất vả, sợ chàng ốm, nhiều lần đã khuyên chàng nghỉ ngơi buổi trưa vài giờ, chàng đều nói:

– Công việc làm có năm bảy tháng, sức tôi có thể kham được. Cám ơn cô đã lo cho tôi.

Sáng hôm ấy, lúc Khánh Ngọc trở dậy, nàng vụt trông thấy chiếc ảnh của Tuyết Vi gài bằng kim băng ở diềm màn. Nàng choáng váng cả người, tuy đêm hôm qua vì bực mình, nàng đã tỏ ý thân mật với Giáp ở trước mặt Trọng Khang. Hôm nay, phút bực mình qua đi,

nàng lại hối. Hối về chỗ Trọng Khang có thể khinh mình mà không bao giờ yêu mình nữa.

Nàng muốn lại gần nhìn kỹ bức ảnh, nhưng vì Giáp còn ở đấy, nàng e lệ không dám lại, thứ e lệ này gây ra bởi lòng nàng yêu Trọng Khang chứ không phải vì nể Giáp. Nàng chỉ muốn mau mau cho Giáp đi ra chỗ làm, để được xem kỹ càng. Giáp không biết ý ấy, thấy mát trời, lại rủ nàng đi, nàng chối phắt.

Nàng tự nhủ có lẽ vì Trọng Khang đã có người yêu, nên không để ý đến nàng, và tìm cách để xa nàng. Đã nhiều lần, nàng muốn hỏi ông Phó, nhưng nàng thấy ngượng lại thôi. Cái thái độ Trọng Khang sốt sắng muốn được xem thư ngay đã làm nàng nghi. Tấm ảnh treo ở đầu giường ngày hôm nay làm cho mối ngờ của nàng biến thành sự thực. Lòng nàng bỗng dưng thấy héo đi. Cả bầu trời sáng sủa của một buổi sáng ở trên núi rực rỡ, nàng nhìn thấy tối đen, sa sầm. Luôn luôn, chiếc ảnh hiện ra ở trước mắt nàng như một tai nạn. Muốn biết rõ cái tai nạn ấy, Giáp lên ngựa rồi, nàng vội vàng đi lại phía giường. Nàng cầm lấy chiếc ảnh nhìn ngắm. Cái sắc đẹp lộng lẫy của Tuyết Vi đã làm cho nàng thất vọng: "Đẹp thế này, chắc là yêu lắm. Thôi thế là thôi! Một người như Trọng Khang thì tiền bạc của mình, học thức của mình cũng chẳng làm cho lay chuyển được. Lòng người ta đã khăng khít với người khác rồi". Nghĩ thế nàng thấy ghét cay, ghét đắng Tuyết Vi mà nàng cho là tình nhân của Trọng Khang. Ghét vì nàng cảm thấy bởi người ấy, đời nàng từ nay sẽ vô vị. Nàng không thể nào lấy Giáp được, vì càng ngày, nàng càng nhìn thấy những chỗ không đáng yêu của Giáp. Ngày nay xét ra, nàng mới rõ từ trước tới nay, nàng không yêu Giáp bao giờ. Chẳng qua gặp gỡ nhau ở Ba Lê, vì tình bè bạn đi lại, lâu rồi thành thân, rồi khi về đến đất Bắc, Giáp ngỏ ý muốn lấy nàng, nàng cũng ưng thuận, bởi vì trong cảnh nàng thì nàng lấy Giáp là phải lắm rồi. Cùng một cuộc đời sống như nhau, có những tư tưởng giống nhau, một địa vị tương đương, lại đã quen nhau, đã biết rõ tâm tính nhau. Thì ra nàng chưa có dịp nào để dò hỏi lòng mình cả. Và Giáp cũng chưa bao giờ làm cho nàng nghĩ luẩn quẩn và mơ màng như đối với Trọng Khang cả. Còn như cái tâm tính? Nàng chỉ mới biết nó trong lúc thường. Đến nay cùng nhau rong ruổi trên con đường gió bụi, gặp những biến cố và bất thường, nàng mới xét thấy nó chẳng có cái gì là đẹp đẽ và hùng liệt như nàng đã tìm thấy ở Trọng Khang. Nàng xét ra thì Giáp

chỉ có một cái học để làm kỹ sư chứ không có cái bản lĩnh để làm người cho to lớn như ở Trọng Khang. Trong nhiều cuộc nói chuyện, nàng nhận thấy Trọng Khang có lắm tư tưởng dồi dào và xác đáng do cuộc đời đem lại, do sự nghĩ ngợi, hàm dưỡng mà có, chứ không như nàng và Giáp, tư tưởng toàn đượm những mùi sách. Nàng nhớ lại một hôm ba người bàn về đời sống của tinh thần, Trọng Khang có nhiều câu nghị luận xác đáng, khiến Giáp không thể cãi vào đâu được.

"Đời sống của tinh thần cũng như đời sống của cơ thể, phải để cho nó tự tìm chất nuôi thích hợp, lớn lên rồi bành trướng ra, chứ nếu đem những lý thuyết, những tư tưởng sẵn của người khác mà nhồi vào nó thì cũng như gà vịt bị nhà hàng đem nhồi ngô, tuy có béo đấy, nhưng chẳng ích gì. Mầm sống của nó tự chết đi ở trong nó; sống nhờ tay người, nó chẳng dùng gì được cả. Xem như bao nhiêu người học thật là bao nhiêu sách, nhưng nào có được một ý nghĩ gì là của mình, và có dùng gì được đâu?".

Những lời nghị luận ấy nàng nhớ mãi, nàng đem đối chiếu vào mình thì thấy đúng; rồi nàng thấy mình toàn suy nghĩ theo những quyển sách mà mình đã học, chứ chẳng suy nghĩ theo cái lối riêng của mình, bởi cái lối riêng ấy mình không có.

Bao nhiêu chỗ phát hiện đẹp đẽ của thằng người, Giáp đều không có. Nàng thấy mình không thể lấy Giáp được. Lấy Giáp thì đời nàng hết sinh thú. Nhưng nàng và Giáp đã đưa nhau lên đến đây, nói ra thì đau đớn cho Giáp. Nàng định về đến Hà Nội, sẽ tìm cách từ hôn. Nhưng xa được Giáp rồi thì nàng làm gì? Bao nhiêu ý nghĩ của nàng đều đổ xô cả về Trọng Khang mà nàng nhận thấy có nhiều chỗ đẹp đẽ và rắn rỏi đáng yêu. Cái thằng người ở trong Trọng Khang là một thằng khổng lồ, mặc dầu nó chẳng có một cái bằng nào, và chỉ có hai bàn tay trắng. Nàng thấy ở cạnh một người chồng như thế, nàng sẽ tìm ra được bao nhiêu lạc thú mà nàng không tìm thấy mảy may ở Giáp. Cái lạc thú trước nhất có lẽ là cái lạc thú được vâng lời và bị cai trị. Đối với Giáp xưa nay, nàng chỉ "bị" vâng lời và "được" cai trị mà thôi.

Nàng đang ngắm nghía bức ảnh thì ông Phó ở nhà ngoài đi vào. Nàng vội vàng buông ra, rồi vớ cầm quyển sách của Trọng Khang đang xem dở ra bàn. Quyển ấy là quyển luận thuyết *Ni ange, ni bête* của Huxley. Nàng giở sách thấy có nhiều chỗ gạch bút chì. Muốn xem những đoạn ấy, nhưng mắt hoa lên, vì lòng nàng đang rộn bởi một

quyết định. Nàng muốn hỏi ông Phó để biết rõ cái sự không may của đời mình. Bao nhiêu đàn ông trong thiên hạ lúc ấy chỉ dồn lại có một người. Thiếu người ấy, nàng sẽ bị cô độc; nàng cảm thấy mình không thể làm vợ một người khác.

Từ trước đến nay, nàng chỉ biết qua rằng Trọng Khang có một người em gái và chưa vợ. Cuộc đời tình cảm của Trọng Khang, nàng chẳng biết một tí gì cả. Ngày nay, nàng phải biết, biết ngay, bất cứ bằng cách gì. Nàng gấp sách rồi nhất định gọi ông Phó để hỏi. Nhưng khi ông Phó đến, nàng lại thấy ngượng.

– Ông đem đánh cái mũ cho tôi.

– Thưa cô, mũ con vừa đánh hôm qua.

– À quên, đôi giày.

– Giày thì buổi tối nào, con chả đánh.

Nàng bối rối:

– Tôi nói là nói đôi giày tôi vẫn đi ở trong nhà cơ mà.

– Thưa cô, giày len ấy thì chỉ có chải, chứ đánh làm sao được.

– Ừ thì ông chải đi.

Ông Phó đi rồi, nàng lại tự mắng mình là nhút nhát. Nghĩ đến những cử chỉ của Trọng Khang, nàng cho mình là hèn. Nàng gọi giật ngay ông Phó lại:

– À này, hôm qua cậu ông nhận được tin nhà, có cái gì mà mặt cậu ông buồn thế?

– Không, nhà có tin gì đâu. Mà cậu con có buồn thì họa chăng chỉ có trời biết. Cô trông nhầm đấy. Con ở với cậu con bao nhiêu năm, không hề thấy cậu con than thở qua một câu.

– Ừ có lẽ tôi nhầm, nhưng thư nhà nói cái gì, chắc cậu ông cũng nói cho ông biết.

– Vâng, cậu con chỉ bảo với con rằng cô con...

– Cô nào?

– Em cậu con, gửi cho cậu con một nghìn đồng và bảo cậu con đừng có lo nghĩ gì về cô con cả. Cô con đã đi dạy học rồi. Có thế thôi.

– Chỉ có thế thôi ư?

– Vâng.

– Thế sao có những ba bức thư?

– Còn những thư của ai, con không biết.

Khánh Ngọc ngần ngừ một lát lâu, rồi vụt hỏi:

– Cậu ông có... yêu ai bao giờ không?

Ông Phó mở to hai mắt, nhìn nàng. Ông đã hiểu cả. Ông nhìn nàng một cách yêu mến. Nhưng trong cái yêu mến ấy, có xen vào một thương hại. Khánh Ngọc nhìn cái nhìn của ông vụt thấy tất cả sở nguyện của lòng mình tiêu tán đi hết. Nàng tự nhủ: "Thôi chính là người trong ảnh kia rồi!". Bàn tay nàng đang cầm quyển sách bỗng run lên, nhưng nàng vẫn hỏi, hỏi để biết rõ rằng mình thật hết hy vọng.

– Thế thì những bức thư kia chắc là của người... yêu gửi cho cậu ông?

– Có lẽ không phải. Vì cậu con với cô Lan không hề viết thư cho nhau bao giờ.

Lan, nàng đã biết được cái tên của người tình địch nàng rồi. Nàng bỗng thấy cái tên ấy tầm thường và tự nhủ sao Trọng Khang lại có thể yêu được một cái tên tầm thường như thế.

– Lạ, yêu nhau lại không viết thư cho nhau bao giờ. Có lẽ cậu ông giấu ông.

– Không. Cậu con chả giấu gì con cả. Chuyện cậu con với cô Lan, con biết cả. Đến về Hà Nội, cậu con cũng chẳng lại thăm cô ấy bao giờ. Chỉ có cô ấy lại nhà cậu con chơi thôi.

– Lại nhà cậu ông?

– Vâng. Vì cô ấy là bạn thân của cô Tuyết Vi con.

– Chắc cậu ông yêu cô Lan lắm?

– Con không biết. Nhưng nếu không vỡ bè để cậu phải đi làm công cho cụ, thì cuối năm nay, cậu con sẽ cưới cô ấy.

Thôi thế là bao nhiêu hy vọng chết hết. Khánh Ngọc bỗng ứa nước mắt. Ông Phó sầu thảm đứng nhìn nàng.

– Thôi ông đi làm gì thì làm đi. À, và ông đừng nói với cậu rằng tôi hỏi chuyện ông về cô Lan nhé.

– Điều ấy cô không cần phải dặn. Con vì quý cô lắm, nên con mới dám nói. Vả nếu cậu con mà biết con nói chuyện với cô thì con cũng chết. Cậu con bắt con bao giờ miệng cũng phải câm như thóc, cấm không được nói chuyện cửa chuyện nhà với ai. Việc này đầu đuôi đều ở cô Tuyết Vi con. Cậu con chiều em mà bằng lòng đấy, chớ tịnh không bao giờ con nghe thấy cậu con nhắc đến tên cô ấy cả. Mỗi lần cô ấy đến

chơi, chỉ cô ấy với cô con nói chuyện, chứ cậu con cũng chẳng nói gì. Và con cũng chẳng thấy cậu con đi đâu với cô ấy bao giờ.

Tai Khánh Ngọc lúc ấy đã ù còn nghe thấy gì nữa. Nàng chỉ nghe thấy độc có cái tan tác nó đang hoành hành ở trong tâm hồn. Nàng chỉ nhìn thấy cái vô vị đang chờ đợi nàng, trong lúc hai cái hình bóng đang ôm chặt lấy nhau đi trước mặt nàng như một khiêu khích.

Tuy thế, nhưng không hiểu sao gần đến giờ Trọng Khang về, nàng vẫn thấy lòng rộn rực. Rồi đến khi Trọng Khang ngồi vào bàn ăn, nàng vụt nói một câu:

– Chà, ông Trọng Khang có một người yêu đẹp quá. Đến tôi trông ảnh cũng phải mê.

Trọng Khang nhìn về phía màn rồi mỉm cười:

– Đấy có phải người yêu tôi đâu, em gái tôi đấy.

Khánh Ngọc như người bừng tỉnh. Mặt nàng đang tái, bỗng bừng đỏ. Những lời nói của ông Phó lại mơ hồ lọt vào tai nàng. Những hi vọng cũng lại vụt nổi.

Giáp cười khì khì:

– Tôi chưa thấy ai lạ lùng như ông. Không treo ảnh người yêu mà lại đi treo ảnh của em gái ở đầu giường. Tôi đi đâu mà không có cái ảnh của Marie đem theo thì thôi không còn làm ăn gì được nữa.

Khánh Ngọc nhìn Giáp một cách bực tức. Trọng Khang hồn hậu:

– Mấy ai có được cái diễm phúc như ông.

Ông Nam Long hôm ấy vui vẻ vì thấy công việc chạy một cách không ngờ.

– Bọn thanh niên ngày nay yêu bằng nhiều sự biểu dương lôi thôi quá. Cái ảnh người yêu treo ở đầu giường sao bằng cái hình người yêu đóng khung ngay ở trong ngực. Có lẽ cái tình yêu đời nay không sâu xa bằng của thời xưa. Ông Trọng Khang, tôi khuyên ông đừng có bắt chước cậu François. Nó phiền phức lắm. Những thứ đó chẳng qua chỉ là để lấy lòng người con gái. Mà tôi, tôi cho một khi đã phải nghĩ đến sự lấy lòng người con gái thì nó không... có vẻ tài trai tí nào nữa. Chỉ để cho người con gái phải lấy lòng mình thôi.

– Chúng ta có phải là con vua, cháu chúa đâu mà ghê gớm thế được.

Giáp vừa nói, vừa nhìn Khánh Ngọc đang cầm đôi đũa gõ xuống thành bàn:

– Ba tôi thế mà sâu sắc hơn anh. Tuy không làm vua, nhưng một khi người đàn ông đã làm được cho người đàn bà yêu thì tức cũng là vua của người đàn bà rồi.

Giáp xịu mặt, nhưng còn cười gượng:

– Thế tôi chưa là vua của Marie à?

Khánh Ngọc nhìn thẳng vào mắt Giáp:

– Anh xét mình anh đã xứng đáng là một ông vua cho người đàn bà thờ phụng chưa? Hà tất anh phải hỏi.

Giáp lặng yên không trả lời. Trọng Khang thấy cái cảnh một người đàn ông bị một người đàn bà dồn vào góc tường như thế có một cái gì không đẹp, mặc dầu rằng cái nghĩa tương phản của câu ấy là để cho mình. Mà có lẽ cũng chỉ vì thế mà chàng thấy cần phải bênh vực Giáp, chàng chúm chím cười:

– Cái chỗ xứng đáng hay không xứng đáng là tự lòng người đàn bà định giá. Chỉ có kẻ nào tự ái đến ngu ngốc mới vỗ ngực tự cho mình là xứng đáng làm vua. Còn như sự định giá của người đàn bà, thứ nhất là người đàn bà, có thể nhầm lắm lắm.

Khánh Ngọc nói một cách tin tưởng:

– Nhầm hay không, cái đó không cần biết. Chỉ biết rằng người đàn bà có tin là xứng đáng, mới yêu đương và thờ phụng được.

– Cô đã nói đến thế thì tôi đành chịu. Nhưng tôi cũng xin cô để ý rằng lòng tin tưởng ấy có thể đưa ta đi xa. Mà một khi nó lại dựa vào những điều xét đoán sai lầm thì tai hại biết đến chừng nào.

– Ông nói xét đoán. Trước kia, tôi cũng lầm như ông. Nhưng ít lâu nay, tôi quan niệm cuộc đời một cách khác: sức mạnh của hành động không ở suy xét mà ở lòng tin. Điều gì ta suy xét ra thì ta lại lấy suy xét mà đánh đổ được. Còn những điều không suy xét mà tự trong sâu thẳm tâm linh đã cho là phải thì cái điều ấy ở lại mãi với ta. Có lẽ từ trước đến nay, tôi theo một cái học vấn thiển cận, tôi bị nô lệ nhiều quá mà tôi không có thì giờ dùng đến linh giác. Tôi bị, theo như lời ông thường nói, tôi bị... nhồi như con gà, con vịt của hiệu cao lâu. Từ trước tới nay, người khác cảm hộ tôi, nghĩ hộ tôi, nói hộ tôi, tôi chẳng còn là tôi nữa. Nhưng từ nay, tôi quyết chỉ cảm và làm theo những điều gì chính tôi tin tưởng. Tôi phải nói rằng tôi được thế là nhờ trông gương ông, chứ chính tôi và anh Giáp trước kia, chỉ là con người máy trong bàn tay những tư tưởng sẵn có của nhiều người khác.

XVII

Buổi chiều hôm ấy, mãi quá ba giờ, Khánh Ngọc mới ra chỗ làm. Nàng đi thẳng ngay đến mỏm núi Sám Coọc mà nàng biết chắc thế nào cũng gặp Trọng Khang một mình ở đấy.

Trọng Khang đang đứng coi phu bắc cầu, thoáng thấy nàng, tảng lờ quay đi như không thấy. Ít ngày nay, Khánh Ngọc không bày tỏ thái độ thân ái gì đối với chàng nữa, nhưng chàng vẫn cảm thấy nếu hai người mà gần nhau thì thế nào cũng lại xảy ra. Cứ cái nhìn của Khánh Ngọc cũng đủ nói cho chàng biết.

Khánh Ngọc đứng trên mỏm núi, gọi. Cực chẳng đã, Trọng Khang phải bảo lấy ngựa, rồi đi lên.

– Ba tôi với François đâu?

– Ở phía xóm Nùng cơ mà. À, từ giờ cô đừng có đi một mình như thế này. Từ nhà ra đây, ba bốn cây số, lại qua một đoạn rừng, cô không sợ bị bắt cóc à?

Khánh Ngọc vỗ vào khẩu súng đeo ở lưng:

– Ông tưởng dễ bắt cóc tôi đấy à? Tôi bây giờ bắn đã không đến nỗi như trước. Ông không tin hãy thử bắn thi với tôi.

– Thôi, cô đừng bắn nữa. Cu ly đang làm, nghe tiếng súng, họ loạn lên, mất bao nhiêu là công việc.

– Công việc! Lúc nào ông cũng chỉ nói đến công việc. Đối với ông, hình như một chút mà không có công việc thì ông không sống được.

Nói xong, Khánh Ngọc rút súng:

– Đây, tôi bắn vào quả bầu dại leo ở cái cây kia cho ông xem.

Miệng nói, tay bắn luôn ba phát. Cả bọn cu ly đang làm, đều ngừng tay, ngửng đầu lên nhìn.

– Đấy, cô đã làm hại của ba cô năm phút công việc rồi. Năm phút nhân với số một nghìn cu ly, bao nhiêu là thì giờ, bao nhiêu là tiền rồi. Ba phát súng cô bắn, tôi thoáng nhìn thì hình như không trúng một. Cái thích của cô đắt tiền quá.

Khánh Ngọc bắn nốt bốn phát đạn nữa. Trọng Khang vẫn thản nhiên:

– Lại tốn thêm năm phút, bao nhiêu là tiền nữa.

– Lúc nào cũng công việc, lúc nào cũng tiền. Tôi không cần tiền!

Khánh Ngọc mặt giận tía, rút một *sác giơ* đạn nữa, lắp vào súng toan bắn. Trọng Khang vội giơ tay cản:

– Cô nên nhớ: cái người nào ở trong địa vị phải nói đến công việc, mà cứ nói công việc là một người biết sống đấy. Tôi làm cho ba cô, thế tất nhiên là tôi phải nghĩ đến đồng tiền của ba cô. Cô không cần tiền, là bởi có người đã kiếm sẵn cho cô tiêu rồi.

– Tôi không như ông, tôi rất khinh đồng tiền.

– Trong cái cảnh ngộ cô, cô chỉ mới biết khinh có đồng tiền. Và cô chỉ mới nói được có thế. Khinh đồng tiền quá và trọng đồng tiền quá, hai thứ đều là kém cả. Biết giá trị nó, không khinh mà cũng không trọng, cái đó vừa phải biết đời, và vừa phải có lòng. Phải, tôi quý đồng tiền, bởi vì tôi đã biết kiếm được nó, người ta phải vất vả biết chừng nào. Cô xem những cu ly làm kia, suốt cả ngày dưới nắng, dưới mưa mà chỉ có năm hào. Tại làm sao chỉ cô mới biết khinh đồng tiền? Là bởi cô may mắn, có một người cha giàu quá và kinh doanh giỏi quá. Những cu ly kia, nếu cũng may mắn sinh vào một cửa nhà giàu như cô, chắc họ cũng nói được như cô. Cô nên nhớ ba cô vì muốn kiếm tiền mà phải liều tính mệnh sang đây đấy.

Những lời nói tàn nhẫn, nhưng thẳng thắn của Trọng Khang làm cho Khánh Ngọc nhận rõ lỗi của mình.

– Mấy hôm nay, trong người tôi khó ở, thôi ông tha lỗi đi cho tôi. Thế này thì có lẽ tôi rồ dại, nhưng không hiểu sao, có nhiều lúc, tôi ao ước cho giặc cỏ bắt cóc tôi đi. Có lẽ lúc ấy, tôi lại tìm thấy sinh thú, chứ bây giờ, nhiều kh , tôi nhận thấy rằng đời tôi vô vị quá.

Sự đau đớn nó phát ra những câu nói kỳ quái ấy làm cho Trọng Khang thương hại:

– Tôi tưởng cái cảnh cô thì thật sung sướng không còn ai sánh kịp.

Khánh Ngọc nhìn Trọng Khang bằng một cái nhìn đầy trách móc:

– Ông nói câu ấy thì ông không thành thật. Tôi tưởng ông biết hơn ai hết rằng bây giờ, tôi là người khổ nhất trong thiên hạ.

Cái nhìn thẳng thắn đầy yêu thương, và thứ nhất giọng nói đau xót ấy làm cho Trọng Khang cảm động. Chàng thấy mình không có quyền nói dối nữa:

– Nếu có phải tôi xét lầm, tôi không thấy rõ mối buồn u ẩn của cô thì tôi xin lỗi cô.

Rồi sợ câu chuyện nếu cứ theo cái đà ấy thì nó sẽ đi đến chỗ khó giải, chàng liền nói lảng sang chuyện khác:

– Tôi tưởng cần phải dạy cô bắn một chút. Biết đâu chẳng có lúc dùng đến. Đi quá ra đây để cho cu ly họ khỏi trông thấy, rồi tôi sẽ bảo cho cô biết tại làm sao cô bắn sai cả.

Hai người sóng cương cùng đi. Đi quá mỏm núi chừng 300 thước. Trọng Khang xuống ngựa, đỡ cho Khánh Ngọc xuống. Buộc ngựa xong, chàng rút súng:

– Bắn súng lục khó hơn súng trường ở chỗ súng trường thì có vai để tỳ, mà súng lục thì không. Thế cho nên cánh tay phải không run, và phải cầm cho chắc. Nhưng chắc đây không phải cứng nhắn nhắc, bởi vì nếu cứng thì khi tiếng nổ dội lên, súng sẽ bật xa đích nhiều. Cứng đây, là phải dẻo, và phải làm thế nào cho tiếng dội không làm chệch cái đích mình ngắm. Cô và ông Giáp cầm súng bắn, không giơ thẳng cánh tay, đó là một điều tối kỵ. Giơ thẳng cánh tay có cái lợi là đường ngắm ở thẳng, ngay tầm con mắt của mình; và khi đạn nổ, súng có dội lại cũng không xê xích được bao nhiêu. Chứ cánh tay mà cong thì sức mạnh của đạn nổ dội lại nhiều lắm. Những điều này, bắn quen rồi cô tự khắc nhận thấy, chứ dạy cũng không thể được. Một khi mà mình bắn đã linh tay rồi, súng với mình đã là một rồi, thì cầm thế nào, bắn thế nào rồi cũng trúng. Đây... cô nhận kỹ tôi bắn mấy phát thì cô sẽ thấy ngay. Tôi ngắm cái mặt gỗ ở cành thứ ba cái cây kia kìa. Cô trông...

Đạn nổ liền ba phát. Hai người chạy lại thì đều trúng cả ba. Trọng Khang rút dao, đẽo một ít vỏ ở thân cây:

– Bây giờ cô thử lại bắn đi. Tôi sẽ đứng nhìn cho cô.

Trọng Khang dắt Khánh Ngọc đi quá cái cây chừng 30 thước:

– Cô phải dang thẳng cánh thế này... ngón tay cái phải cắp chặt vào thân súng... bóp cò phải từ từ, không vội vàng, mà cũng không nên chậm quá. Thế, hơi lệch về bên trái. Phát này sai rồi. Không phải xem nữa, tôi trông cái đà tay cô cũng đủ biết. Thôi, phát này hơi thấp quá. À, phát này trúng đấy!

Cả hai lại xem thì y như lời Trọng Khang nói:

– Bây giờ cô lại thử bắn tất cả bốn phát nữa cho tôi xem nào?

Bốn phát, Khánh Ngọc bắn trúng hai.

– Cô là một người học trò thông minh lắm.

– Còn ông cũng là một người thầy biết dạy học trò lắm.

– Thôi bây giờ cô có lại chỗ ông Giáp thì lại đi. Tôi phải xuống coi họ làm.

– Không, ông đưa tôi lại. Thôi đành là phí tiền một buổi, một buổi hôm nay thôi.

– Nhưng cô cũng phải để tôi lại dặn các cai đã chứ.

Hai người đi ngựa đến mỏm núi, đã thấy Giáp ở đấy. Giáp đang chỉ trỏ, và nói bô bô hình như giận dữ lắm. Sự giận dữ đó vì công việc thì ít mà vì nghe tin Khánh Ngọc đang đi chơi một mình với Trọng Khang thì nhiều. Mỗi một tiếng súng nổ ở trên núi lại như một mũi dao đâm vào trái tim chàng. Rồi đến khi nhìn thấy hình bóng của hai người đang thong dong đi ở trên mỏm núi, lòng giận của chàng không sao cầm được nữa. Vô phúc cho một tên cu ly đứng gần đấy, vì không nghe rõ, lại làm sai. Chàng giơ roi vút thật mạnh vào vai. Tên cu ly vặn mình dưới đau đớn, rồi chồm dậy, hoa cái xẻng lên để đánh. Giáp sợ hãi, vội vàng bỏ chạy. Tên cu ly vẫn không thôi, vác xẻng đuổi theo. Vừa đuổi, vừa hô:

– Anh em ôi! Thằng này ác lắm! Giết chết nó đi!

Xưa nay bọn cu ly vẫn ghét Giáp. Một tên bắt chước, rồi hai, rồi ba. Giáp không dám nghĩ đến sự chống cự, chỉ cắm đầu chạy. Chàng chạy về phía Trọng Khang vì linh giác bảo chàng sự cứu giúp ở đấy. Bốn tên Xạ Phang đuổi riết. Khánh Ngọc ở trên cao trông thấy cái nguy cơ của Giáp, liền rút súng. Trọng Khang nhanh mắt, vội giơ tay cản:

– Cô đừng bắn, lôi thôi to!

Liền lúc ấy, chàng cho ngựa phóng như bay xuống dốc. Tên chạy trước bị chàng cho ngựa va vào, ngã ngửa. Nhanh như cắt, chàng nhảy xuống, cướp lấy cái xẻng, đứng thủ thế, chờ ba tên kia. Hai tên bị chàng đánh ngã còn một tên chạy trốn. Chàng rút ngay súng, bắn chỉ thiên:

– Mày mà chạy tao bắn chết!

Tên đang chạy sợ chết, đứng lại. Chàng sai người trói cả bốn lại, rồi lột áo đem ra giữa đám cu ly, cứ roi gân bò mà đánh mãi. Đánh đến bật máu, đánh đến chúng ngất đi, đánh đến Khánh Ngọc trông khiếp quá lăn vào giằng roi, chàng cũng không tha. Mỗi lần, Khánh Ngọc lăn vào, chàng lại du ra.

– Cô biết gì! Cô phải để yên cho tôi trị chúng nó, không thì chúng nó làm loạn bây giờ, hỏng hết cả công việc.

Chàng lại đánh, đánh đến bốn tên mê đi không kêu được nữa, chàng mới ngừng tay. Chàng quay lại thì thấy Khánh Ngọc đầm đìa những nước mắt; mà những người đứng chung quanh, mặt đều tái nhợt.

– Trời ơi! Ông tàn nhẫn quá, tôi không thể tưởng tượng ông "ghê gớm" được đến thế!

Khánh Ngọc nói xong lại khóc.

– Tàn nhẫn, việc đời đến chỗ tàn nhẫn thì cần phải biết tàn nhẫn. Tôi đã bảo cô đàn bà thì đừng có can thiệp vào công việc của chúng tôi. Trong một chỗ hỗn quân, hỗn quan như thế này, phải có ra uy cho chúng nó sợ. Họ mà nhờn thì mình phải chết. Rồi cô xem còn tàn nhẫn hơn. Chốc nữa, tôi sẽ nói với *phài chướng* đem chúng nó ra đầu núi bắn bỏ.

– Trời ơi! Ông đừng làm thế nhé! Ông đánh chúng nó thế đã đau lắm rồi. Thế cũng đã đủ cho chúng nó sợ rồi. Ông đừng nên để cho có những cái án giết người ở trên lương tâm.

– Lương tâm tôi, tôi biết.

– Ông định bắn thật đấy à?

– Tôi có nói dối bao giờ. Không thế, làm sao cai trị nổi một vạn cu ly dở cướp, dở giặc thế này?

Khánh Ngọc cuống cuồng, vội chạy lại định cởi trói cho những tên cu ly kia chạy trốn. Trọng Khang giơ tay, nắm chặt lấy nàng:

– Cô cởi cho chúng nó thì chúng nó cũng không dám chạy đâu. Cô đừng làm thế mà mất cả oai quyền của chúng tôi đi.

– Nhưng ông đừng bắn chết chúng nó cơ?

– Thì cô cứ mặc kệ để tôi xử trí nào. Cô biết gì mà can thiệp vào đây.

Trọng Khang sai lấy nước lã đổ vào mặt bốn tên Xạ Phang cho chúng tỉnh lại:

– Chúng mày dám đánh lại quan kỹ sư tức là chúng mày mắc vào tội chết. Chúng mày không nhìn đến những điều lệ mà quan Đốc bàn đã yết thị ở kia hay sao? Cai, dắt chúng nó ra đầu núi kia, rồi cho người đi mời ông *phài chướng* đến đây.

Khánh Ngọc thấy thế, lại lăn vào năn nỉ:

– Thôi, xin ông nể tôi mà tha cho chúng nó. Có mặt tôi ở đây, tôi không muốn trông thấy cái cảnh tượng có những người bị giết. Xin ông tha cho đời tôi cái ám ảnh ấy, lần sau, không có tôi, ông muốn làm gì thì làm.

Cai đã dắt bốn tên đi được một quãng thì Trọng Khang gọi lại.

– Cô nên nhớ xứ này là một xứ mọi rợ, mạng người không có nghĩa gì. Không phải tôi tàn nhẫn, nhưng không thế thì không còn có đủ oai quyền để làm công việc.

– Chẳng công việc thì thôi, chứ tôi thấy giết người thì tôi khổ lắm. Thôi ông thương tôi.

Trọng Khang sai cởi trói cho bốn tên cu ly:

- Đáng lẽ thì tao giết chết chúng mày, bởi cái tội chúng mày đáng giết lắm. Nhưng vì tao nể lời con gái ông chủ, tha cho. Bây giờ có hai cách, tao cho chúng mày chọn: một là chúng mày lạy xin lỗi quan kỹ sư, hai là tao giao chúng mày cho ông *phài chướng*, chúng mày muốn chọn đằng nào thì chọn.

Bốn tên khép nép lại lạy Giáp. Lạy xong, chúng lại vái cả Khánh Ngọc.

– Thôi đi làm đi, và nhớ bảo nhau: chúng tao là hạng người mà chúng mày không thể nhờn được. Nếu chúng tao có hèn, chúng tao đã không dám sang đến đây.

Bốn tên cu ly tản đi rồi, Trọng Khang mới quay lại các cai và những người Nam cùng đi với Giáp:

– Lúc nãy anh em, những ai có mặt ở đây? Các anh là những đồ khốn nạn! Thấy chúng nó đánh chủ mình như thế mà không một thằng nào lại cứu. Thôi đừng có cãi nữa, tao đứng ở trên kia, tao nhìn thấy rõ cả rồi.

– Nhưng bởi vô cớ, ông Giáp đánh nó.

Trọng Khang thuận tay, vút ngay vào mình người nói câu ấy:

– Tao không cần biết ông Giáp phải hay trái. Tao chỉ biết rằng đã đem nhau sang đây thì sống chết cũng phải bênh nhau. Chúng mày như thế thì họ còn coi người mình ra gì. Còn đứa nào nó nể sợ nữa. Ở đây, không giống như ở xứ nhà. Ở đây, chỉ cần biết có một điều là phải xoay lưng vào nhau mới đủ sức đối phó với người ta.

Chúng mày ghẻ lạnh như thế, rồi đây tao chỉ sợ đến lượt chúng mày chẳng có ai bênh thôi. Chúng mày thấy chúng nó đông, chúng mày sợ chết có phải không? Tao truyền đời cho biết: ở đây, nếu chúng mày sợ chết, thì rồi, có một ngày kia, chúng mày sẽ bị chết. Trong cái đất giặc cỏ này, muốn sống, phải không sợ chết. Từ giờ đi, bất cứ một lẽ gì, thấy ai đánh một người mình phải xúm lại mà diệt chết nó đi, tội đâu đã có tao và cụ chủ cáng đáng.

XVIII

Đến bữa cơm, Khánh Ngọc còn thấy ghê mình, không sao ăn được:

– Tôi cứ nghĩ đến cái lúc ông đánh chúng nó máu me đầm đìa, mà tôi kinh cả người.

Nàng nói xong đặt đũa:

– Thôi, tôi chả ăn nữa. Tôi không thấy đói một tí nào.

Ông Nam Long vuốt lưng con:

– Thế ai bảo con nhìn? Thôi con uống hết cốc rượu đi, tự khắc nó khỏi. Ba thấy lắm người đàn bà thấy nhiều cái ghê sợ mà phát ốm đấy.

– Ốm thì con không đến nỗi ốm, nhưng không khéo nằm ngủ đến giật mình. À ông Trọng Khang, tôi hỏi thật nhé. Ông đánh người ta thế, ông không ghê mình à? Và ông có thấy thương hại họ không?

– Nếu cô nghĩ thế này thì cô sẽ thấy hết thương ngay. Giá dụ tôi không xuống kịp mà nó đánh trúng ông Giáp một xẻng, ông Giáp gục xuống...

– Ồ thế thì...

– Thế thì làm sao? Những ý sai lầm có thể làm cho lệch bộ máy thần kinh đấy. Cô nên coi chừng. Cô giàu một tấm lòng tình cảm, nhưng những thứ tình cảm ẻo lả ấy không đưa cô đến chỗ công bằng. Rất có hại cho những người đàn ông nào giàu một tấm lòng tình cảm như cô.

– Tôi cũng biết thế, nhưng sao tôi vẫn thấy ghê cả mình.

– Cái thế của chúng ta như người cưỡi đầu voi dữ rồi không thể ung dung mà xuống được. Ở với đàn sói, mình phải dữ tợn hơn sói.

– Tư tưởng... ấy nếu ông đem thực hành cả trong cuộc đời.

– Thì tôi lại có thể hiền như con cừu, nếu tôi ở với đàn cừu.

– Tôi cũng rất mong như thế. Tôi vẫn biết việc làm của ông trong lúc này là phải, vì ông cần phải nghĩ đến công việc của ba tôi về sau, nhưng không biết sao thịt tôi vẫn cứ máy, mà óc tôi thì cứ thấy lộn xộn làm sao.

Đặt tay lên vai ông Nam Long:

– Ông ấy thế thì ba bằng lòng lắm.

– Hẳn là ba phải bằng lòng, bởi vì nếu ai cũng như con thì chẳng làm được công việc gì.

– Như con thì thà chẳng làm công việc còn hơn.

– Phải là con ba mới nói thế được. Nếu mọi người, ai cũng nghĩ như con? Thì trên đời này, chẳng còn có cái gì nữa. Đàn bà thì nên như con, nhưng đã là đàn ông thì phải như ba và ông Trọng Khang. Con nhìn đời qua một làn lụa màu, còn ba và ông Trọng Khang thì nhìn thẳng ngay vào cái chỗ thiết thực của nó.

Cơm xong, Trọng Khang thấy mặt Khánh Ngọc vẫn cứ bần thần, đem lòng ái ngại. Chàng thấy thương cái yếu ớt của người đàn bà ẩn trong cái cơ thể mỹ miều của nàng. Chàng khẽ bảo:

– Tôi có một cách làm cho các dây thần kinh của cô lại yên tĩnh được ngay. Nhưng chỉ sợ cụ không bằng lòng. Tôi thú thật với cô, chính lòng tôi bấy giờ cũng thấy xao động, nhưng cái việc nó bắt thế thì phải thế.

– Ông bảo có cách gì? Tôi chắc ba tôi bằng lòng. Ba bằng lòng trước đi nào.

– Ừ, ông Trọng Khang đã đề nghị ra thì chắc là hay và hiệu nghiệm.

– Bây giờ chỉ có cách: tôi cho nó đem một cái bàn đèn về đây, cô hút ba điếu, tự khắc hết ghê mình ngay. Thuốc phiện có phép mầu nhiệm làm trấn tĩnh lòng người ta.

Khánh Ngọc vỗ tay:

– Thế thì tốt quá. Tôi chưa được hút thuốc phiện bao giờ. Tôi nghe người ta nói hút vào đi mây về gió sướng lắm. Ông cho người đi lấy đi. Tưởng cái gì, chứ cái ấy thì ba tôi bằng lòng ngay. Mẹ tôi nói lâu lâu ba tôi cũng có hút.

Ông Nam Long biểu đồng tình:

– Ừ phải đấy, đã lâu không hút, hút một vài điếu cũng hay. Ông Trọng Khang ở rừng nhiều, chắc cũng hay hút.

– Vâng. Lâu lắm tôi mới hút. Nhưng đã hút một lần thì hút thật nhiều để cho thật say.

Khánh Ngọc nhìn chàng:

– Thế ông không sợ nghiện à?

– Nghiện. Nghiện ở mình. Một người đã để cho thuốc phiện bắt phải nghiện thì người ấy là một người hèn. Nói tỉ dụ nếu một ngày kia mà tôi có nghiện thì chính tự tôi làm cho tôi phải nghiện, chứ không phải thuốc phiện bắt tôi phải nghiện được. Ông Giáp đã hút bao giờ chưa?

– Có, tôi có hút vài lần cho nó biết mùi, nhưng vì sau thấy tuy có khoái một tí, nhưng gãi khổ quá, tôi lại thôi.

Ông Nam Long nói ngay:

– Tạng cậu François yếu, nếu hút luôn mười ngày thì có thể nghiện. Nó bắt ghê lắm, người yếu không nói tài với nó được. Trước kia, khi tôi đi làm mỏ vàng ở Tuyên, vì buồn quá, đêm nào cũng ngả bàn đèn ra, sau bỏ nó một đêm thấy nhớ, tôi vội vàng thôi ngay. Cũng khó chịu mất mấy ngày. Mấy ngày ấy, nếu không có gan chịu đựng thì nghiện rồi. Nên biết, không nên đam. Câu ấy thoạt nghe thời dễ, nhưng thực hành được, phải là người can trường lắm lắm. Cuộc chơi bời toàn là những lưỡi dao sắc, cái tốt nhất là đừng có mó vào. Nhưng đã mó vào thì phải biết đến cái chỗ có thể đứt của nó.

Những câu chuyện của ông Nam Long với Trọng Khang làm cho Khánh Ngọc xét thấy không giống những câu chuyện của nàng và Giáp nói với chúng bạn. Nàng cảm thấy hai người đi sâu vào cuộc đời hơn nàng và Giáp nhiều. Do đó, tấm lòng nàng kính trọng Trọng Khang lại cứ lớn dần mãi lên.

Bàn đèn đã đem về. Khánh Ngọc sà ngay xuống.

– Nhưng ai tiêm bây giờ?

– Để tôi tiêm cho.

Khánh Ngọc xoay xở thế nào mà thành ra nàng ngồi được ở một bên phía chiếu với Trọng Khang. Rồi khi Trọng Khang tiêm xong, nàng ngả đầu xuống thì lọt thỏm ngay ở trong cánh tay chàng. Nàng thấy sung sướng chồm người lên.

– Ôi! Thấp thế thì hút thế nào. Trọng Khang vội vàng với chiếc gối đưa cho nàng, nhưng nhanh hơn, nàng đã ghé ngay đầu vào bên

sườn chàng. Không còn làm thế nào được, Trọng Khang đành để yên. Giáp ngồi bên kia thấy thế hiểu ngay, tức sôi lên, nhưng không biết nói thế nào, cũng đành phải cắn răng chịu.

– Kìa, cô hút mạnh, chứ yếu thế thì tắc.

– Trời ơi! Đắng quá.

Khánh Ngọc ngồi dậy, lưng nàng thì dựa vào đùi Trọng Khang, Trọng Khang vờ với gói thuốc lá rồi lui ra xa, và đến điếu sau, trước khi mời Khánh Ngọc hút, chàng đã lấy ngay chiếc gối để ở cạnh mình.

Khánh Ngọc hút liền ba điếu đã thấy hơi lảo đảo, lôi thôi, nhưng nàng cũng nhắm mắt giả say không ngồi dậy nữa để hưởng cái thú được nằm cạnh người mà mình yêu mến. Trọng Khang tiêm mời ông Nam Long và Giáp mỗi người ba điếu, rồi chàng hút thẳng một chập mười bốn, mười lăm điếu.

Khánh Ngọc lim dim nằm cạnh, nhìn làn khói, nhìn ngọn đèn, nhìn luôn cái tay người tiêm.

– Ông không nghiện mà sao ông tiêm, tôi thấy khéo quá.

– Tôi không hút luôn, nhưng tôi tiêm cho anh em hút cả ngày ở lán gỗ của tôi, mỗi khi họ kéo đến chơi.

– Thế ông không sợ nghiện à?

– Tôi đã nói với cô rằng nếu tôi có nghiện thì là tự tôi nghiện, chứ không phải thuốc nghiện có thể bắt tôi nghiện được.

– Tưởng tượng một người như ông bây giờ mà nghiện để cho nó so vai, rụt cổ vào thì cũng hay đấy nhỉ?

– Điều ấy tiếc rằng không thể có để cho cô xem thấy cái hay.

Trọng Khang nói xong, lại tiêm, lại hút.

Hút được chừng một giờ Khánh Ngọc kêu đói. Trọng Khang gọi lấy hộp bánh bích quy, nhưng Khánh Ngọc gạt đi.

– Tôi đói lắm cơ. Ăn bánh thì thấm thía vào đâu.

Ý nàng muốn kéo dài cuộc hút ra để nàng có thể nằm cạnh Trọng Khang lâu thêm nữa.

– Nhưng bây giờ cô thấy hết ghê mình rồi chứ?

– Hết rồi. Thuốc phiện hiệu nghiệm thật. Thảo nào người ta mắc nghiện là phải. Bây giờ tôi chỉ thấy đói cào ruột lên thôi. Tôi thấy cần phải ăn cơm hay ăn cháo.

Trọng Khang gọi ông Phó:

– Nhà có gà béo phải không? Ông xuống bếp làm gà thái thiếc ra cẩn thận, rồi lúc xong bảo tôi, tôi sẽ xuống làm cơm gà cho cụ và cô xơi.

Khánh Ngọc vội vàng gạt đi:

– Nếu ông xuống bếp thì tôi chả ăn nữa.

– Tôi chỉ xuống độ chừng nửa giờ là xong.

– Ừ thế thì được. Nhưng ai dạy ông làm bếp? Ông làm có khá không?

– Tôi chơi với người khách ở Phố Lu và Bảo Khai, tôi thấy họ làm, tôi bắt chước. Còn như ngon hay không, chốc nữa, cô xơi sẽ biết. Các anh em đến chơi ở lán gỗ của tôi thường thường họ vẫn bắt tôi làm cho họ ăn.

– Thế ra chỉ có tôi là đoảng. Tôi chẳng biết cả thổi cơm nữa. Mẹ tôi vẫn bảo tôi: Một ngày kia thế nào mày cũng bị chồng diếc.

Nàng vô tình để cho Giáp có thể chêm vào một câu:

– Cái điều ấy thì Marie đừng lo.

Khánh Ngọc đang tươi cười, bỗng sa sầm mặt xuống. Phù dung tiên tử đang đưa nàng đến cõi mộng; câu ấy lôi nàng về sự thực. Nàng cau mày:

– Anh nên nhớ tôi rất không ưa người chồng tiêu thụ được cả cái chỗ không biết thổi cơm của tôi.

Ông Nam Long thấy thế, liền mắng con:

– Độ rày con Marie nó hay gắt gỏng làm sao ấy. Hay mày đã sắp ngã nước rồi. Thôi còn mười hôm nữa, tao phải cho mày về, chứ không thì rồi mày đến hóa điên.

– Con không về đâu. Con ở đây cho đến khi làm xong. Bây giờ nghĩ đến đường về con ngại quá.

Trọng Khang cười:

– Thế cô định ở luôn trên này không bao giờ về cả à? Bởi vì nếu về thì cô không thể ngại chỗ đường khó được. Đằng nào cũng phải một lần.

– À, lúc ấy thì lại khác.

– Khác cái gì?

– Đi một mình với ba tôi cứ lầm lầm lì lì như ông phật Ấn Độ, buồn chết đi được. Xong công việc, ông phải đưa tôi đi xem hết thắng cảnh ở đây, rồi tôi mới chịu về.

– Điều ấy thì tôi xin chịu. Vì nếu đi một vài người thì thế nào cũng bị bắt cóc, không tài nào tránh được. Chính ở đây, lính tráng và súng ống thế này, tôi cũng còn lo ngay ngáy.

– Tôi chả lo tí nào. Người nào lo là người ấy xoàng.

Ông Nam Long và Trọng Khang bật cười:

– Cô không phải lo vì đã có người khác lo cho cô.

Thuốc phiện đốt nóng giác quan làm cho nàng bạo dạn:

– Có lẽ cái số tôi, rồi suốt đời được người khác lo hộ. Nhưng một ngày kia, nếu tôi mà lấy anh François thì có lẽ tôi lại phải lo cho anh ấy, chứ bộ anh ấy thế kia thì lo gì cho tôi được.

– Marie đừng xét lầm và coi thường giá trị của tôi như thế.

– Thì còn phải xét lầm và coi thường gì nữa. Từ hôm bắt đầu đi ở Pa Kha đến giờ, anh đã lo hộ được cho tôi cái gì, hay anh cũng chỉ lại đến như tôi, toàn để người lo hộ.

– À, vì tôi ở vào cái cảnh không phải lo.

– Thế ai là ở cái cảnh phải lo? Thôi anh đừng có ngụy biện. Thả ra thì cái tài sức của anh cũng chẳng đủ để mà lo. Anh chỉ biết về cầu cống, cũng như tôi chỉ biết tì tòe có mấy mẩu luật. Ngoài hai cái địa điểm ấy ra, tôi với anh đến là vô dụng. Những mảnh bằng của tôi với anh chẳng qua chỉ là những cái chứng chỉ đủ để đi làm công mà thôi.

Trọng Khang thấy tình thế đang găng, có thể đi đến chỗ quyết liệt liền đàn giải:

– Tôi tưởng người ta nếu biết rõ một thứ rồi chuyên về cái địa điểm của mình, cũng đã là hay lắm và có ích nhiều rồi.

– Thì tôi có cãi là không đâu. Nhưng ông nên nhớ: nếu chỉ chuyên chết về một mặt để làm một con người máy, dưới quyền sai phái của kẻ khác thì sự phát biểu của thằng người chẳng đẹp đẽ một tí nào. Cuộc đời như thế là một cuộc đời không đầy đủ, không hoàn toàn. Thì chúng tôi học bao nhiêu là sách, nhưng nào đã thấy biết gì hơn ông và ba tôi đâu. Ấy cũng may mà ba tôi chiều tôi, mà cho tôi đi chuyến này, chứ không thì tôi thành ra một người tàn tật, chỉ nhìn thấy đời bằng một con mắt, mà lại là con mắt cập bà lời, mới chán chứ. Anh François, nếu mà anh ấy thật thà thì anh ấy phải nhận rằng: thằng người ở trong anh ấy, cũng như con người ở trong tôi, đều kém cỏi lắm. Cả bao nhiêu năm du học chỉ có độc một cái đức là làm

cho nó tàn tật đi mà thôi. Thì đấy, xem ngay bọn du học chúng tôi từ trước đến nay về nước, nào đã ai làm được cái thá gì. Hay chỉ đem về được độc một cái lối ăn chơi hoang phí. Và nhằm nhằm tìm vợ giàu để lấy, và cậy cục để đi làm công, có thế thôi. Bây giờ, tôi mới hiểu rõ nghĩa chữ "singer" mà người Pháp thường chế giễu chúng tôi. Ông xem ngay những hành động của tôi. Chẳng qua chỉ là học bắt chước như con khỉ, đánh phấn, cúp tóc, đi ngựa, nói tiếng Tây, chứ nào trong bụng có cái gì. Bây giờ tôi nghĩ, tôi mới biết thẹn. Xem như ba tôi, học ở trường nào? Ấy thế mà theo ngay được cái lối kinh doanh của người Pháp, xoay xở sang được tới đây để thầu. Bây giờ, tôi mới hiểu cái học con vẹt chỉ làm cho hỏng và yếu người đi. Tôi chỉ nghĩ sao ăn mặc và cư xử cho đầm, chứ nào tôi có nghĩ đến cái gì để ích cho mọi người đâu?

– Cô nên biết tình thế không cho phép.

– Chẳng có tình thế nào cả. Con người khá giả thì bất cứ ở tình thế nào, cũng tìm được một lối đẹp đẽ để đi. Tôi, tôi chắc rằng con đường mà tôi và anh Giáp François đang đi đây không phải là con đường đẹp đẽ. Bởi vì chúng tôi đã rõ lòng nhau. Nào có cái hoài bão gì to tát. Chẳng qua chỉ nghĩ đến nhà cho sang, áo cho đẹp, tiền cho nhiều, để chơi cho đúng "mốt", có thế thôi. Thật ra thì chúng tôi có tài giỏi gì hơn ai đâu. Nhờ có cha mẹ giàu thì đi học, học thì đỗ, đỗ rồi thì nhờ mảnh bằng kiếm tiền ăn chơi, thế thôi. Hơi gặp một chút bất thường ở đời là co rúm lại, chẳng còn thi thố được tí gì. Tôi đi lên đây vất vả thật. Nhưng tôi đã học được một điều là chỉ học ở cái trường của ba tôi đã học thì mới có thể trở nên to tát, đẹp đẽ được. Chúng tôi sang Pháp du học với một quan niệm sai lầm, cho nên hỏng cả. Suốt các bè bạn, tôi chỉ thấy họ bàn tán, lúc đi học về làm nghề này nhiều tiền, nghề kia ít bạc, chứ chẳng thấy họ bàn làm một cái gì cao xa cả. Nếu học mà chỉ cốt có cái bằng để đi làm công thì chẳng cần phải sang Pháp. Ấy may tôi là máu huyết của ba tôi, nên tôi mới biết thích mạo hiểm mà đòi cho kỳ được lên đây.

François nắm ngay lấy cái cớ ấy:

– Thế còn tôi?

– Anh lên đây là vì có tôi. Tôi là cả cái tương lai mà lòng anh sở nguyện. Chứ không có tôi đi thì cũng chẳng bao giờ anh đi.

XIX

Chỉ còn bảy hôm nữa là ông Nam Long về Hà Nội, công việc đã bàn giao cả rồi.

Đương là một người vui vẻ cười cợt suốt ngày, Khánh Ngọc bỗng như một cái cây hết nhựa, buồn rũ xuống. Cả ngày nàng chỉ nằm dài trên giường chẳng bước chân đi đến đâu. Trong cái nhìn của nàng, bây giờ hình như thiếu ánh sáng, cái ánh sáng trong trẻo của thuở xưa. Bữa cơm, nàng ăn qua loa, rồi lại bước ra sân, ngồi dưới một gốc cây nhìn núi, nhìn trời. Nàng không trò chuyện với ai. Mà có ai hỏi, nàng chỉ trả lời bằng những câu nhát gừng, François thì mừng rỡ, hết sức chiều chuộng, nhưng càng chiều chuộng bao nhiêu, nàng càng khó chịu bấy nhiêu. Ông Nam Long lại cho là nàng ốm, càng muốn chong chóng về. Luôn luôn, ông bảo người khán hộ mà ông đưa đi theo, lấy nhiệt độ cho nàng, nhưng nhiệt độ vẫn như thường. Và cũng chẳng có triệu chứng gì tỏ ra nàng bị ốm cả.

Nàng chỉ không ăn và không ngủ được. Cái bệnh căn của nàng duy chỉ có nàng biết. Nàng biết rằng một khi xa cái đất này rồi, thì đời nàng sẽ buồn thảm, bởi vì nàng không còn hy vọng gì được yêu đương bởi người nàng yêu. Nàng muốn cho ở lại, nhưng vốn biết ba nàng là người cương quyết, chỉ chiều nàng những cái có thể chiều, nên nàng cũng không dám xin một điều vô lý như thế. Trọng Khang thấy nàng buồn, tìm hết cách để trốn, đúng giờ cơm mới về, ăn xong lại đi ra chỗ làm ngay. Và tối, sau bữa ăn, lấy cớ là mệt nhọc đi ngủ ngay. Chàng không dám hỏi chuyện Khánh Ngọc và cũng không dám nhìn nàng nữa, bởi vì chàng cảm thấy nếu hỏi đến thì nàng sẽ òa khóc. Rồi thì xảy ra bao nhiêu chuyện lôi thôi.

Trước kia, chàng nhìn Khánh Ngọc như một người con gái đã bị sự Âu hóa làm thành ra lố lăng, nhưng từ hôm chàng thấy Khánh Ngọc phát khóc lên, khi thấy chàng đánh bọn phu Xạ Phang, và thứ nhất, từ khi biết sắp phải về, nàng buồn như rũ, chàng nhận thấy bản chất đàn bà ở trong người nàng vẫn có nguyên vẹn, mặc dầu bề ngoài nàng có ít nhiều cử chỉ chàng không ưa. Chàng nhận thấy cái văn minh vật chất mới chỉ làm biến đổi một chút ít hành vi về ngoại giới, chứ tâm hồn nàng vẫn là tâm hồn một cô gái thơ ngây, có thể yêu đương, và đau đớn vì yêu đương.

Chàng rất sợ những cuộc hôn nhân mà trong đó, người vợ văn minh nửa mùa, luôn luôn "lý thuyết" với chồng để đòi quyền lợi. Là một kẻ con trai giống khỏe, lại có một quan niệm rõ rệt về việc đời, chàng không thể dung được những cái nhố nhăng của người đàn bà. Người đàn bà mà chàng yêu phải là hình bóng của em gái chàng. Một người đàn bà thùy mị, nghiêm trang và hiểu sâu xa cái bổn phận thiêng liêng của mình. Người đàn bà chàng yêu phải là người có tính chất phương Đông, nghĩa là một thứ đàn bà thuần túy.

Biết Khánh Ngọc yêu mình, chàng cũng thấy lòng mình xúc động, càng xúc động hơn khi lòng tự ái của đàn ông được thỏa mãn, khi nàng bỏ một người mà cả dư luận xã hội cho là hơn mình, đi yêu mình là người tiền cũng chẳng có và bằng cấp cũng không. Chàng thầm nhủ: "Ừ, y cũng biết giá trị làm người của mình", nhưng chàng vẫn không thể đánh ngã được ý nghĩ: "Mình không có quyền phá vỡ hạnh phúc của một người khác, thứ nhất mình đã được chứng kiến cuộc yêu đương ấy. Họ đã sắp lấy nhau, người ta yêu một người khác trước mình... Cái tình ấy là một thứ tình ẻo lả, người đàn bà gieo một mối tình như thế là một người nông nổi, mình xa đi là hơn, chẳng nên vướng víu vào. Tội gì lại đi mua lấy cái tiếng cướp vợ của một người khác. Dù chưa hẳn là vợ chồng, nhưng đã thân mật như thế, đã đi với nhau như thế, thì thiếu một chút lễ nghi nữa, nào có nghĩa gì. Gia dĩ Giáp cũng yêu cơ mà. Làm đau đớn cho Giáp, mà chẳng sung sướng gì cho mình! Bởi mình không yêu. Hơi đâu, và biết đâu, như thế ông Nam Long lại trách mình là người không ngay thẳng. Xem ý ông tuy trọng vọng mình nhưng ông vẫn thiết tha đến Giáp hơn mình. Mình không nên làm rối loạn những dự tính của ông. Mình càng không nên lắm, bởi vì mình không yêu".

Tuy có những ý nghĩ như thế, nhưng thấy Khánh Ngọc buồn, chàng vẫn để ý, để ý bằng im lặng. Và hình như Khánh Ngọc cũng có cái cảm tưởng ấy, nên dù nàng nói ít, nhìn ít, nhưng những cái nhìn và những câu nói bây giờ cũng chứa đựng rất nhiều ý nghĩa hơn trước kia nhiều.

Mỗi khi Khánh Ngọc nghĩ đến chàng, nàng thấy như có một làn hơi nóng từ đâu chạy vào tim mà chàng nghĩ đến Khánh Ngọc cũng thấy có một cái gì dìu dịu toát ra khắp cơ thể. Không yêu nhưng chàng đang hưởng cái thú được yêu.

Người đàn ông yêu người đàn bà bắt đầu bằng lòng thương. Người đàn bà yêu người đàn ông bắt đầu bằng lòng kính trọng. Từ

ngày Khánh Ngọc nhận thấy Trọng Khang đè bẹp Giáp cả một từng cao ở chỗ phát biểu của thằng người, nàng tìm thấy ở Giáp ngày nay và trước kia nhiều cái thấp hèn và yếu ớt.

Trong ông kỹ sư, có một thằng người kém cỏi quá. Mà trong chú lái bị phá sản lại có một thằng người đẹp đẽ ghê. Nàng tự nhủ: "nếu mình không đi lên đây để được nếm cái mùi vị gian lao và nguy hiểm, thì suốt đời mình cũng đến nhầm mãi như mọi người, chỉ xét giá trị của nhau ở bề ngoài.

Hỏi một trăm một nghìn cô con gái thì ai ai ở cái xã hội này cũng phải về phe với Giáp. Họ về phe bởi vì họ chưa có cơ hội để nhìn sự phát biểu của thằng người. Họ chỉ lóe mắt vì địa vị, vì những mảnh bằng. Những thứ ấy toàn là những giấy mã xanh đỏ, dán lên thằng người. Mưa róc đi, trần ra một thứ nan tre. Mình may mắn hơn mọi người, là vì đã gặp những trường hợp để xét cái chân giá trị của người ta. Một thoáng gập ghềnh trên con đường gió bụi lợi bằng bao nhiêu năm học ở Ba Lê. Thì ra nếu không lăn mình vào cuộc sống, suốt đời sẽ chẳng có được một chút ánh sáng gì để biết đời, hiểu người. Cái giá trị của một người chỉ có thể biết được khi người ấy đối đầu với bất thường của sự sống gay go và tàn nhẫn. Giáp rồi đây làm gì? Chẳng qua lấy được mình rồi thì cơ ngơi sẵn đấy, cứ thế mà lên, rồi cùng mình theo đuổi những cuộc vui và hái những vinh dự dễ dàng mà xã hội để dành sẵn cho những người có thế và có tiền. Chứ đối với Trọng Khang, ai biết được những cái mà người ấy có thể làm về sau. Không biết được, nhưng chắc chắn là nó đẹp đẽ mà to lớn, bởi vì ở một cái bản chất gang thép như thế, không có thể phát ra những thứ thấp hèn được. Con người này phấn đấu toàn bằng những khí giới tự mình rèn lấy, còn người kia toàn bằng những khí giới mượn. Mà việc gì phải phấn đấu, thế trận người khác đã bày hộ cho rồi, quân nhu đã được cấp sẵn, chỉ việc rung động là đắc thắng. Có thế thôi. Không bao giờ Giáp phải bỏ cái "tài" vào đấy. Mà cái "tài" của y nào ra quái gì! Cạnh con người như thế, cái "tài" của mình sẽ lấn át cái "tài" của y. Cai trị một người chồng, còn có gì là thú nữa. Còn đâu là tình nữa. Một cuộc đời tẻ lạnh cạnh một cái xác vô hồn. Nhất định là sau khi về Hà Nội, mình phải tỏ ý mình cho y biết. Mình không thể vì thương y mà hủy bỏ cuộc đời của mình. Ba mình chắc nhì nhèo mình, "me" mình chắc rầy la rằng như thế thì mang tiếng, mang tai. Tai tiếng? Ai chẳng lấy mình thì thôi. Mình độc thân... nhưng có lấy

ai thì phải lấy... một người có thể cùng mình tạo một cuộc đời cho ra cuộc đời. Trọng Khang đã đính ước. Y không thể yêu mình và có lẽ còn khinh mình là khác nữa. Nhưng chẳng lấy y thì mình cũng chẳng đời nào lấy Giáp. Lấy làm sao được một khi mình đã biết y không có cái gì to đẹp ở trong người, khí khái không, lỗi lạc không. Y cũng như mình, là sản phẩm của đồng tiền cha mẹ. Mình bây giờ đã tỉnh ngộ, chứ y thì có lẽ suốt đời chẳng tỉnh ngộ được. Những sách vở, những lề thói học mót của người đã làm lú lấp cái thằng người ở trong y nhiều quá rồi. Có lẽ mình sẽ độc thân, có lẽ mình sẽ mở trường dạy học, có lẽ mình đi thầu khoán? Mà có lẽ mình sẽ đi thầu khoán thật. Cuộc đời ở đấy nó ồ ạt và thích hợp với tâm tính của mình. Mình chẳng phải là con gái của ba mình sao?"

Vì có những ý nghĩ ấy, nên Khánh Ngọc rất tàn nhẫn với Giáp khi hai giờ đêm, Giáp mon men đến giường nàng, định để phân trần, định để hỏi duyên cớ tại sao nàng buồn, tại sao mình bị hất hủi.

Lúc ấy, Khánh Ngọc vì nghĩ vẩn vơ nên chưa ngủ. Còn Trọng Khang thì vì nghe thấy những tiếng thở dài của nàng, nên cũng thao thức. Giáp trở dậy Trọng Khang biết, mà Khánh Ngọc cũng biết.

Giáp vừa vén cửa màn thì Khánh Ngọc nói ngay, nàng nói hơi to:

– Anh làm gì thế? Anh đi đâu?

Giáp ngập ngừng: "tôi muốn...", rồi ngồi xuống mé giường. Khánh Ngọc vùng dậy, du Giáp ra:

– Đã là một người tầm thường, anh muốn trở nên một người mất dạy nữa hay sao? Ai đã cho quyền anh được vô lễ với tôi như thế? Anh về giường anh đi, không tôi bắn chết ngay bây giờ đây này.

Tiếng sắt chạm vào mặt bàn ngủ, tiếng Khánh Ngọc:

– Bao nhiêu cái lịch sự anh học ở Ba Lê đâu cả rồi?

– Thì Marie nói khẽ chứ.

Giáp đứng dậy, nhưng chưa chịu đi. Khánh Ngọc lại gắt:

– Anh muốn chết thật đấy phải không?

Tiếng thở dài, rồi tiếp đến tiếng nghẹn ngào:

– Marie đã yêu người khác thật rồi à?

Khánh Ngọc mở màn bước xuống giường:

– Tôi yêu ai hay không? Quyền ở tôi. Nhưng anh đã tầm thường và mất dạy như thế, tôi không thể yêu anh được nữa.

Giáp cúi đầu, quay đi. Khánh Ngọc ra vặn to ngọn đèn. Giáp lại quay lại:

– Đã thế hôm nay, tôi về. Bởi vì sự tôi ở đây, không còn cái nghĩa của nó nữa.

– Anh về hay anh ở là quyền của anh.

Khánh Ngọc nói xong, quay vào giường. Giáp đứng thần ra một lát, rồi cũng về chỗ nằm.

Cả tấn kịch vừa xảy ra, Trọng Khang nằm trong màn biết không sót một li. Chàng thấy băn khoăn thương Khánh Ngọc và băn khoăn cả về chỗ Giáp đòi về. Chàng nhận thấy rằng tuy công việc chẳng còn gì khó khăn, những thư ký đạc điền và các cai cũng có thể làm được, nhưng nếu việc này đến tai ông Nam Long, ông sẽ cho rằng vì mình mà sinh ra câu chuyện bất hòa, thì có chỗ không đẹp. Đã một phút, chàng có cái ý nghĩ bỏ đấy mà đi để cho mọi việc ổn thỏa cả, nhưng ý nghĩ ấy thoạt đến lại bị xô đuổi đi ngay: chàng cần phải nghĩ đến ngày mai của em gái chàng.

"Ồ, mình chẳng làm gì. Mặc kệ người ta khu xử với nhau. Đâu phải tự mình gây nên. Mình không thể vô lý đến bỏ một cơ hội có thể giúp mình khôi phục lại cơ đồ. Nhưng dù sao... cũng là vì có mình mới xảy ra câu chuyện này. Không có mình... Trước kia, họ vẫn đằm thắm với nhau lắm cơ mà. Đành rằng họ chẳng trách gì mình được, nhưng làm ăn thế này thì bực bội quá. Đàn bà... dúng vào đâu là lắm chuyện".

Nghĩ thế, chàng lại thấy ái ngại cho Giáp. Chàng lại thấy lởn vởn cái ý nghĩ bỏ đi. "Nhưng mình bỏ đi thì cũng chẳng thay đổi gì. Khánh Ngọc đã không yêu Giáp thì dù mình bỏ đi, cũng chẳng làm cho nàng thay đổi ý kiến. Mà có lẽ vì thế nàng lại oán ghét Giáp hơn lên. Cứ để thế này, rồi khi xong việc, mình đi đằng mình, may ra hai người lại còn tái hợp với nhau được. Ồ, mà... ô! Sao mình lại cứ nghĩ luẩn quẩn lắm thế, có lẽ gần Khánh Ngọc mình đã bị ảnh hưởng những cái tính vẩn vơ của người đàn bà rồi hay sao? Việc mình, mình cứ làm, cái gì xảy ra mặc kệ nó. Hơi đâu đi phí thì giờ và sức khỏe để nghĩ đến những cái chó chết thế. Ích gì? Ồ, mình thành luẩn quẩn rồi hay sao thế này? Tại sao mình không rạch ròi như trước nữa thế này? Đường mình bước, mình cứ bước, chạm phải ai ngã thì mặc thây. Hơi đâu cứ lo đông, lo tây thế này thì còn đi xa thế nào được.

Trọng Khang vừa trùm chăn nhất định để ngủ thì lại nghe tiếng Khánh Ngọc thở dài, rồi tiếp đến tiếng Khánh Ngọc gọi Giáp:

– Anh muốn về hay muốn ở, mặc anh, nhưng anh làm thế nào đừng để cho tôi khinh anh thì làm.

– Marie khinh thì tôi phải chịu.

– Anh phải làm thế nào để cho tôi không khinh anh, chứ anh đã chịu thì còn nói làm gì. Nếu có thế, thì ngay từ mai anh về đi. Ra anh không còn có một chút lương tâm gì về nghề nghiệp nữa. Anh lên đây chỉ cốt theo tôi. Chứ không phải để học lấy kinh nghiệm như ba tôi mong ước cho anh. Nếu đã thế anh về là phải lắm.

– Nhưng ở đây khổ sở đau đớn thế này thì tôi làm sao?

– Ấy chỉ vì anh không biết cắn răng chịu khổ sở và đau đớn mà thành ra anh tầm thường. Anh về đi là phải. Tôi cũng khuyên anh nên về. Nhất định để cho tôi khinh anh rồi cơ mà.

Tiếng ông Nam Long cựa mình, hai người lặng im một lát. Rồi Giáp lại hỏi Khánh Ngọc:

– Tôi xét mình không làm gì mà để đến nỗi Marie xử với tôi một cách khắc nghiệt quá.

– Anh đã nhất định về, nghĩa là anh đã nhất định để cho tôi khinh anh thì chúng ta không còn chuyện gì để nói với nhau nữa.

– Thì tôi không về nữa, nhưng Marie nói cho tôi biết vì lẽ gì Marie lại bỗng dưng đổi tất cả những cảm tình đối với tôi.

– Tôi có đổi cảm tình đối với anh hay không, tôi chưa biết rõ lắm. Nhưng ví phỏng tôi có đổi thì cái đó cũng không phải là tại tôi. Anh còn lạ gì lòng người. Nó là một thứ mà anh và tôi, không ai có thể sai khiến nó được.

XX

Bữa cơm xong, thừa một lúc Giáp ra ngoài, Khánh Ngọc bảo Trọng Khang:

– Còn hai hôm nữa tôi về, tôi muốn được đi tắm suối nước nóng Ôn Toàn, và xem núi đổ ở Hắc Hà, ông đưa tôi đi.

Câu nói ấy kèm thêm một cái nhìn cầu khẩn, và một ý từ giã nó đau xót như một vĩnh biệt.

Trọng Khang thấy mình không thể từ chối.

– Nhưng đây đến đó thì xa, vừa đi, vừa về một ngày không thể kịp. Ngủ đêm tại đó thì tôi lo ngại lắm.

Thấy con gái buồn bã, ông Nam Long chiều con:

– Thì ông cứ đưa cháu đi, đem theo dăm người lính, tôi tưởng chẳng thể xảy ra sự gì được.

– Cụ không biết, chỗ ấy hẻo lánh lắm.

– Thì cũng đến hẻo lánh như ở đây, chứ còn thế nào nữa.

Trọng Khang ngẫm nghĩ, rồi nhìn Khánh Ngọc:

– Ông Giáp cùng đi với chúng ta chứ?

Khánh Ngọc gật đầu.

Trọng Khang châm thuốc lá hút hai hơi:

– Nhất cử nhất động của chúng ta ở đây đều có người dò xét cả. Và tôi tin rằng hiện bây giờ, hằng hà sa số những bọn giặc cỏ đang nghĩ cách làm sao mà bắt cóc được chúng ta. Cụ và cô đừng thấy rằng ta sang đây hơn một tháng yên tĩnh, mà đã vội tin rằng vô sự đâu. Nếu chúng ta không đề phòng cẩn mật thì họ đã cướp bao nhiêu phen rồi. Đấy cụ với cô xem: trong mười tên cu ly đi làm, thì ba bốn đứa có súng. Những bọn đó là giặc cả chứ đâu. Giá cô bỏ cái ước muốn ấy đi, thì có phải...

Lại một cái nhìn cầu khẩn:

– Tôi không muốn bỏ. Thế những người Mỹ đi du lịch qua cả Tây Tạng thì sao? Đây ra đấy có một thôi đường. Tôi về Hà Nội chuyến này thì còn bao giờ có dịp được tắm suối nước nóng nữa! Và ở đâu để cho tôi được trông thấy núi đổ nữa?

– Thôi ông cứ đưa cháu đi, cho cháu vui lên một tí, có xảy ra việc gì, tôi không oán trách ông đâu.

Từ đêm xảy ra cuộc xô xát giữa Giáp và Khánh Ngọc, Khánh Ngọc lại cứ buồn héo đi. Làn má trước hồng hào, nay đã tái nhợt; đôi mắt vì không ngủ đã quầng thâm. Những cái nhìn trách móc đượm một buồn thảm làm cho Trọng Khang cũng nao lòng. Lắm lúc, chàng cầu khẩn cho chóng chóng đến ngày Khánh Ngọc đi, đi cho mình khỏi phải trông thấy cái đau đớn của tuyệt vọng tự mình gây nên nữa. Cuộc xô xát đêm hôm ấy làm cho chàng càng rõ lòng Khánh Ngọc đối với mình, và chàng riêng phục những câu nói khảng khái của nàng. Lòng ái ngại cho Giáp, nhưng lòng cảm mến Khánh Ngọc

cũng bắt đầu từ đó. Giáp thì không dám nói đến chuyện về nữa. Và từ đấy, Giáp cũng không dám tỏ ý hằn học đối với mình nữa. Vì thế chàng càng ái ngại cho kẻ bị thua mình chàng tự nhủ mình không nên cướp một mối tình để làm đau một kẻ khác.

Giáp ở ngoài vào:

– Hôm nay, cô Khánh Ngọc ngỏ ý muốn chúng ta đưa cô đi tắm suối nước nóng Ôn Toàn, nhưng tôi ngại quá. Thôi, ông cứ đưa cô ấy đi. Độ này, không hiểu sao cô ấy buồn quá, cứ héo người đi. Có lẽ tắm suối nước nóng khỏi được chăng. Một mình ông đưa đi cũng được rồi, tôi ở nhà trông coi công việc thay ông.

Sự nhượng bộ của kẻ tình địch bị thua, vốn có cái mãnh lực làm cảm động những con người như Trọng Khang. Trong khi Khánh Ngọc mừng rỡ, sẽ được đi một mình với chàng thì chàng tự nhủ: "Mình không thể độc ác với một người đã chịu lún với mình".

– Đến có cả ông đi, tôi còn ngại thay, huống hồ lại một mình tôi.

– Tôi thì có đảm lực gì?

– Ông quá nhún thế, chứ có ông đi, cũng thêm bao nhiêu vây sức. Nếu ông không đi thì tôi chịu không dám nhận lời.

– À, nếu ông xét phải cần đến tôi thì tôi xin vâng.

– Cần lắm chứ.

Quay sang Khánh Ngọc:

– Bây giờ tôi xin chiều ý cô, mặc dầu tôi biết rằng đó là một việc rồ dại. Nhỡ có xảy ra sự gì cụ đừng có trách tôi là không hết sức nhé.

– Không, tôi không trách một tí gì.

– Mai đi, phải đem theo sáu tên vệ binh, nhưng ta đừng nói gì với họ cả, nhỡ chúng tiết lộ ra ngoài. Đem hai anh Xuân và Viên. Đạn dược phải "thồ" đi cho đủ. Năm giờ chiều ngày kia, thế nào chúng tôi cũng về đến đây. Nếu giờ ấy mà cụ chưa thấy chúng tôi về thì tất là xảy ra tai nạn. Cụ bảo Đốc ban Mai Lin Phố đem lính đi tìm chúng tôi. Nhưng là nói phòng xa thế thôi, đâu đến nỗi thế.

Nhìn thấy vẻ lo lắng hiện rõ ràng trên mặt Trọng Khang, ông Nam Long bảo con gái:

– Hay thôi, con đừng đi nữa.

Khánh Ngọc nguẩy ngay đi:

– Không ai đưa con đi, con cũng đi một mình. Con lên đây chỉ để xem phong cảnh mà chưa được biết một phong cảnh nào cả.

Lúc nàng quay lại thì trên đôi mắt nhung có điểm hai hạt nước mắt:

– Thì con đi, nhỡ có sao, ba bỏ tiền chuộc. Con vui lên nào.

Trọng Khang đứng dậy, lại phía hầm cốt mìn lấy ra hai mươi cái kíp, cho vào một cái hộp.

– Đã vui thì ta vui hẳn một thể. Mai ta đem mìn đi đánh cá Hắc Hà. Thế nào cũng được những con măng một người khiêng. Thôi cô vui đi, mai ta sống trẻ trung một ngày. Tôi xin thú thực rằng bao nhiêu ngày bị công việc đè lên cổ, tôi cũng thấy nặng cả mình. Tôi tính trước những nguy hiểm đấy thôi. Chứ một khi đã đi thì nguy hiểm tôi không bao giờ nghĩ đến nữa. Ông Phó, đem dầu ra đây. Súng của cô và của ông Giáp đâu, đưa tôi tháo ra lau cho. Đem đồ hộp và vài chai sâm banh đi. Tắm ở đấy và đánh cá xong đói lắm. Giờ này, tuyết xuống phủ kín núi. Ông Giáp đem nhiều phim ảnh đi mà chụp. Và cô nhớ mặc áo cho ấm. Tuy suối nước nóng, nhưng trên núi cao, rét lắm đấy.

Đoàn người ngựa kéo ra khỏi nhà một buổi sáng mùa đông cực đẹp, mặt trời vươn mình trên đỉnh núi phía đông, trút suối lửa xuống những thung lũng. Cây cỏ còn nặng những sương đêm, phản chiếu ánh sáng rực rỡ như kim cương. Gió ào ào thổi qua hốc đá đem cái rét thấu xương cho khách bộ hành.

Trên đôi má xanh nhợt của Khánh Ngọc, đã ửng một chút hồng. Trọng Khang đi bên nàng luôn luôn dặn:

– Đường từ đây đi khó khăn lắm. Cô chớ cầm lỏng lẻo dây cương. Qua những chiếc cầu ván, cô nhớ xuống ngựa, nghe không. Tôi thì không thể đi luôn ở bên cô được. Cô nhớ nhé. Đã có một lần, tôi thấy một người lười xuống ngựa, cho ngựa đi qua cầu gỗ ải, con ngựa thụt chân làm văng chủ xuống vực đấy. Hôm nay không mưa thì hay quá, nếu mưa đi qua đoạn rừng trước mặt kia, khổ không chừng.

– Ấy tôi lại thích những cái khổ như thế.

– Tôi thật chưa thấy người nào kỳ quái như cô. Ông Giáp, ông đi liền cô Khánh Ngọc, tôi phải hoặc đi trước, hoặc đi sau để nghe vân mòng, chứ đi chụm cả lại một chỗ thì nói dại, có làm sao, như cá bị đơm trong giỏ.

Tám giờ, đoàn người ngựa sắp vào rừng thì mưa như trút. Trọng Khang đang đi với một vệ binh ở đằng đầu, liền quay ngựa lại:

– Thôi chúng ta không may rồi! Con đường qua rừng này, lầy không thể nói. Ngựa nhiều khi không đi qua được, phải lội, chúng ta đến rồi ướt như chuột cả. Rét thế này bị ướt, tôi chỉ lo cô ốm.

– Có lẽ tôi khỏe thêm ra.

– À, nếu thế thì được. Nhưng nhớ giữ đừng để cho ướt súng đạn nhé.

Rừng bị kẹp vào một thung lũng: bao nhiêu nước mưa ở các trái núi bao bọc chung quanh, đều đổ dồn cả xuống. Đất núi bồi mãi lên thành ra động có nước tới là thành ra sa lầy. Cây cối lại mọc um tùm, cành đâm ngang, đâm dọc chỉ để lọt con đường vừa một ngựa đi. Năm con ngựa vừa đi được một quãng thì đã bị sụt tới quá gối, không tài nào đi được nữa. Những tên vệ binh và hai tên người nhà đều mặt chua như giấm; mà cho đến Giáp, chú ý tìm hết cách để chiều lòng Khánh Ngọc, cũng than thở luôn mồm. Khánh Ngọc chẳng những không lấy làm khó chịu, lại còn múa roi ngựa, rồi hát vang. Trọng Khang nhìn nàng thấy mên mến:

– Hát không phải là một cách giải quyết bước đường khó đi. Chả nhẽ ngựa không đi được, ta cứ đành đứng đây mãi à? Chờ cho mưa tạnh rồi nước tiêu hết đi thì biết đến bao giờ. Thôi ta đành xuống lội để cho mấy tên vệ binh dắt ngựa vậy. Cô muốn ướt thì được ướt. Chà chà, vắt nhiều quá, cô che kín cổ vào.

– Nhưng đỉa nhiều thế kia, tôi sợ lắm!

– Ồ; cô đi ủng mặc quần dày, đỉa cắn làm sao được. Cứ cố bắt ngựa đi, nhỡ nó què thì rầy rà to. Mà nó cũng không đi được nữa đâu. Chỉ có hai cây số là ra khỏi rừng này, công việc một giờ thôi. Cô phải bạo lên một tí chứ.

Trọng Khang nói xong, nhảy xuống ngựa. Bùn sâu, chàng vừa xuống thì đã bị ngập gần đến gối.

– Nào cô xuống đi, ồ, vệ binh, dắt giùm hộ ngựa.

Khánh Ngọc vừa cho chân xuống nước, thấy hai con đỉa trâu đen sì, dài gần bằng chiếc đũa, vội rú lên, rồi ôm chầm lấy Trọng Khang. Nàng sợ đỉa cũng có, nhưng nàng thừa dịp ấy để ôm lấy Trọng Khang cũng có. Trọng Khang giơ tay vớt một con đỉa:

– Đây này, có cái gì ghê gớm đâu mà sợ.

Chàng rút dao, chặt ba cái gậy, đưa cho Giáp và Khánh Ngọc mỗi người một cái:

– Cô cứ nhìn thẳng mà đi, thì cô sẽ không trông thấy đỉa, cô sẽ không sợ. Cô không nhớ câu ngạn ngữ hay sao: “Người đi đường chậm trễ bởi vì chỉ mải nhìn ở hai bên, mà không biết chỉ nên nhìn có cái đích”.

– Câu ngạn ngữ ấy của ông là một câu ngạn ngữ dỗ trẻ. François đi mau lên đấy. Cuộc du lịch của chúng mình hôm nay là một cuộc du lịch hãn hữu. À François, chụp ảnh một cái đi để kỷ niệm.

Ba người đang lội lõm bõm ở trong bùn, trong nước, bỗng thấy mấy tên vệ binh đi trước rú lên, rồi quay trở lại. Trọng Khang đã tưởng xảy ra biến cố, vội vàng ôm Khánh Ngọc kéo lại nép ở dưới một thân cây, rút súng lăm lăm chờ.

Cành cây rào rào, rồi tiếp đến tiếng líu lô:

– Trăn, trăn gió to quá!

Trọng Khang bật cười:

– Đấy cô xem, một con trăn mà chúng nó còn chạy tán loạn lên như thế, nếu gặp giặc, còn trông mong gì?

Chàng vốc nước té lên mình tên vệ binh:

– Thế súng của mày đâu, để làm gì mà không bắn?

Lúc ấy tên vệ binh mới vội vàng lấy súng khỏi vai. Khánh Ngọc cản:

– Ấy để tôi bắn.

Nàng tiến lên mấy bước. Hai con trăn vì tránh nước leo lên cây đang vắt vẻo ở một cành giữa đường đi.

– Cô ngắm vào đầu cơ. Hễ con nào chạy trốn đã có tôi.

Trước khi giơ súng, Khánh Ngọc còn quay lại bảo François:

– Anh cố chụp cả tôi, cả hai con trăn đi.

Bốn tiếng súng nổ liền. Hai con trăn rơi xuống. Nhưng chưa chết hẳn, chúng còn quẫy làm cho nước đục ngầu. Mỗi lần thấy khúc nó vươn lên khỏi nước là mỗi lần Khánh Ngọc lại bắn.

Xuân, Viên cầm một cành cây vớt chúng lên:

– À trăn đỏ đầu, giống này mà đi một mình thì khốn với nó đấy.

Khánh Ngọc lại gần.

– Xem nó trúng đạn ở đâu nào?

– Ở đầu, ở mình, ở khắp cả.

– Đấy ông xem những bài học của ông, tôi theo có khá không. Tiếc quá nhỉ, không lột được da nó đem về. À, Xuân, bác đem treo nó lên cành cây kia, tôi đứng cạnh để cho ông François chụp.

Lúc quay đi, Khánh Ngọc còn tiếc rẻ quay lại:

– Để mai, nếu nó chưa thối thì ta đem về nhà lột.

– Điều ấy cô khá yên tâm, chỉ tối nay, sài cửu (chó sói) sẽ "lột" giùm cô, không còn một tí nào. Và từ đây đi, nếu cô muốn bắn thì có rất nhiều dịp. Nhưng tôi khuyên cô đến hôm về, hãy bắn thì hơn.

Khi mọi người ra khỏi rừng thì trời ngớt mưa. Gió rét là thế mà ai ai cũng đẫm mồ hôi. Khánh Ngọc mệt, ngồi nghỉ trên một mỏm đá. Trông ai cũng lấm như chôn, như vùi, nàng bật cười:

– Chúng mình toàn là cu ly vác đất cả đấy. Ông Trọng Khang, hình như có vắt cắn tôi đây này.

Trọng Khang lại cởi chiếc khăn quàng, nhìn kỹ cổ và tai:

– Cô giỏi đấy, không bị một con vắt nào cắn cả. Tôi hình như bị một nốt ở cổ tay. Cô tháo giày ra dốc nước đi, và cởi bít tất vắt cho khô nước, không nhỡ cảm.

Hoặc vì dây buộc chằng chịt, bị nước làm cho dít, cởi khó cũng có, hoặc vì Khánh Ngọc muốn được Trọng Khang hầu mình cũng có, nên nàng dềnh dàng cởi chầm chậm. Đến khi Trọng Khang tháo ủng của mình xong rồi, quay lại, thấy Khánh Ngọc còn loay hoay chưa xong liền hỏi:

– Sao lâu thế?

– Dít quá, tôi không kéo được.

Trọng Khang lại gần:

– Cái lối dây buộc giày thế này đi rừng rất là phiền phức. Tôi biết nếu hôm nay mưa thì tôi bảo cô đi đôi ủng như của tôi.

Chàng nói xong, quỳ xuống tháo dây giày, rồi kéo ra. Lại cởi luôn cả đôi bít tất ra nữa. Những cổ chân như ngà ngọc hiện ra.

– Cô xuống suối kia rửa chân sạch đi, không nước ăn. Một bàn chân như thế này mà sần lên thì uổng quá có phải không, ông Giáp?

Giáp mỉm cười:

– Ai bảo thích đi chơi những lúc oái oăm.

– Ấy, tôi cũng định để cho chúng được mang một ít dấu vết phong trần mà chưa được đây.

– Cô nói ít dấu vết nước bùn thì đúng hơn. Đây mới là dấu vết phong trần.

Trọng Khang vừa nói, vừa bóc ra những tảng da bị nắng làm cho đen kịt, bây giờ vì dầm nước nên bong ra từng tảng.

– Tôi ước một ngày kia được như ông.

– Điều đó rất dễ. Cô chỉ việc ra giang nắng từ sáng đến tối như tôi. Nhưng thật ra, nếu có thế thì về đến Hà Nội, bao nhiêu đàn ông trông thấy cô đều chạy cả. Thứ da phong trần nếu còn có chỗ coi được thì chỉ coi được ở người đàn ông, chứ ở người đàn bà thì nó thành ra quỷ dạ xoa.

Gần trưa thì đến chỗ núi sụt, Khánh Ngọc muốn lên xem ngay. Trọng Khang vội cản:

– Thì cô hãy chờ lúc cơm xong. Cô phải nghĩ đến những tên vệ binh theo chúng ta nó đã hết hơi rồi. Và chính tôi chỉ còn thiếu chút nữa là lả ra thôi.

Bàn ăn là một mỏm đá. Cơm nắm và thịt gà quay.

Khánh Ngọc mấy hôm nay không ăn được, bây giờ ăn nhiều quá và rất ngon lành.

Giáp nhìn nàng:

– Có lẽ Marie sinh ra để sống một cuộc đời hoạt động thật? Ở nhà thì buồn thiu, mà đi mưa gió thì lại mạnh khỏe và vui vẻ quá chừng.

– Có lẽ thế anh ạ. Bây giờ không hiểu sao tôi khác trước. Ở nhà thì như bị tù hãm. Đi như thế này, tôi thấy tôi sống một cách lạ lùng.

Nàng nói xong đặt một cái nhìn đầy yêu đương vào cái cổ cháy nắng của Trọng Khang.

Rồi liền đó, nàng mường tưởng đến những người đàn ông gặp trong những "sa – lông" tráng lệ ở Hà Nội. Một so sánh trong tâm trí làm cho nàng mỉm cười.

– Ông Trọng Khang bây giờ mà về Hà Nội, chắc sẽ bị các tiểu thư nhìn bằng một con mắt ngạo nghễ.

– Người ta nhìn tôi thế nào, đó là cái quyền của người ta. Tôi chỉ biết tôi nhìn tôi, tôi thấy sự bằng lòng là được rồi.

– Cái quyền đó là cái quyền ngu dốt của những người ngu dốt. Các cô ấy sống trong một hoàn cảnh eo hẹp, mà sự ỷ lại và sự ăn chơi đú đởn được nâng cao lên thành những đức tính thì hiểu làm sao được cái đẹp... "phong trần" của ông.

Sợ câu chuyện ấy làm đau đớn Giáp, Trọng Khang vội khôi hài.

– Cô thật có lắm ý tưởng kỳ quái. Lại còn cái thứ đẹp phong trần nữa.

Khánh Ngọc vẫn nghiêm trang:

– Ồ, có chứ. Mà cái đẹp ấy không phải ai cũng có thể có được như cái đẹp phấn sáp mượn của khoa học. Muốn có phấn sáp, người ta chỉ phải vất vài đồng bạc ra. Nhưng muốn cho mặt mình tráng được một làn bụi mỏng phong sương, ít nhất phải có một bản lĩnh. Không thế, người ta sẽ sợ gian lao như các cô gái bây giờ sợ nghèo. Mà rồi thì phong sương không có dịp để bám vào nữa.

Ra đi với tất cả một tấm lòng nhân nhượng, Giáp nhiều khi đã phải ngậm bồ hòn làm ngọt. Nhưng đến bây giờ thì Giáp tức lắm rồi không chịu được nữa. Tức nhưng vẫn phải ôn tồn:

– Marie xét thế thì thiên vị lắm. Mỗi người chúng ta là do hoàn cảnh gây nên. Chả nhẽ như tôi với Marie, cái hoàn cảnh cho phép được ở chỗ an nhàn, ta lại đi đâm đầu vào gió bụi, tìm những nguy nan mà ta có thể không cần phải gặp.

– Thế thì cái hoàn cảnh của chúng ta là một hoàn cảnh xấu. Chúng ta là những kẻ chẳng may. Và chúng ta đừng nên lấy cái địa vị ngày nay làm kiêu hãnh. Chúng ta đã có ở trong người một chút gì gọi là cái tinh túy của sự sống đâu.

Trọng Khang đứng dậy:

– Người ta bảo sự bàn cãi làm nảy ra chân lý. Nhưng tôi cho thứ chân lý ấy cũng chẳng bổ ích gì. Bởi vì loài người không sống bằng những cái mình biết, mà bằng những cái nó cấu tạo nên cái bản thể của mình.

Rồi trỏ tay lên hòn núi sụt:

– Chân lý ở trước mặt ta kia. Sao cô cứ bỏ mồi mà đi bắt bóng? Đi, ông Giáp, để một mình cô ấy ngồi đấy mà cãi lẽ.

Khánh Ngọc ném vội chiếc khăn ăn, đứng dậy:

– À, ra các ông định đi tìm chân lý một mình. Sao ích kỷ thế?

*
* *

– Theo thổ dân thuật lại thì núi này sụt đã ngoài ba mươi năm nay, sau một trận bão. Trước khi núi sụt, người ta thấy khói bốc nghi ngút, rồi thì những tiếng nổ long trời ầm ầm kế tiếp nhau trong một tiếng đồng hồ. Đất truyền đi trong mấy giây. Khi đã yên lặng, người ta nhìn ra thì không thấy ngọn núi cao ngất trời kia đâu cả. Dân cư sợ hãi, ba tháng liền, không ai dám mon men lại gần đấy.

– Có lẽ là cái điềm ở đây sắp có núi lửa bật ra.

– Cái đó thì mình chưa biết. Nhưng từ ngày núi sụt chẳng xảy ra chuyện gì cả.

Trọng Khang vừa nói, vừa trỏ những hầm đất rạn rỡ mà mấy chục năm vẫn để nguyên vẹn.

– Người Xạ Phang thì bảo đất rỗng ruột, núi nặng nên sụt xuống.

Cả khối núi tuy chìm xuống nhưng ngọn nó còn nhô lên khỏi mặt đất chừng hai mươi thước. Xung quanh vây bọc những vết nẻ, vết rạn mà lúc ấy vì mới mưa nên nước đầy ăm ắp.

– Tiếc quá, chúng ta đến xem trong một ngày mưa. Chứ nếu tạnh ráo thì có thể nhìn rõ những dấu tích của khối đất bị lún. Lần đầu tiên, tôi đến đây, có cái cảm tưởng như nhìn thấy một khối đá đặt trên một đống bùn sệt. Rồi cái trạng thái "vật đổi sao dời" hiện rành rành ra ở trước mặt. Tôi tự nhủ: "Ở đời, chẳng có cái gì bền cả, có chăng chỉ là cái luật lệ nó cai trị muôn vật và cái đà sống luôn luôn đi tới trong sự luân chuyển không ngừng của nó".

Khánh Ngọc nắm lấy cánh tay Trọng Khang để nhảy qua một khe nước:

– Cái luật lệ cai trị muôn vật biết đâu chẳng cũng có chỗ thay đổi. Ta không nhìn thấy thì ta bảo rằng không thay đổi đấy thôi.

Lội qua bao nhiêu khe nước, ba người trèo được lên đỉnh ngọn núi.

Khánh Ngọc dún dún hai chân rồi cười bảo:

– Giá trước kia nó chưa sụt, trèo được lên tới đây phải nhiều công phu lắm.

Trọng Khang nhìn nàng lặng im, thì nàng lại nói tiếp:

– Nhưng công phu ấy lại được trả giá bằng những cái nhìn có thể xa tít mù khơi. Tôi đi từ Hà Nội lên đây kể thì vất vả lắm, nhưng được nhiều cái lợi to vô kể, ông Trọng Khang ạ.

– Mà cái lợi kiến kim ngay là đã biết được một chân lý...

– Một à? Nhiều nữa. Biết một cách sâu xa và rõ rệt. Trường đời to và rộng hơn trường học nhiều. "Đi một ngày đàng, học một sàng khôn". Lại toàn là những cái khôn đích đáng tìm thấy ngay ở trong miếng thịt nóng hổi của đời. Còn ở trường học thì chỉ toàn...

– Cô đừng nên nói xấu sự học nhiều quá. Ít nhất nó cũng cho cô những khí cụ để ứng dụng trong cuộc đời.

Khánh Ngọc nhìn Giáp rồi cười:

– Ông nói thế, chắc anh François bằng lòng lắm. Thì sự học đã chẳng làm cho anh ấy thành một ông kỹ sư cầu cống, bây giờ bất cứ làm ở sở nào cũng kiếm được tháng vài trăm. Và bất cứ đi đến đâu, cũng làm cho nhiều thiếu nữ phải thèm khát. Vì ai mà không thích làm bà kỹ sư nhỉ?

Những lời nói chế giễu ấy làm cho Giáp vừa đau đớn, vừa bực tức nhưng sắc đẹp lộng lẫy và cái gia tài hàng vạn, vẫn có sức cám dỗ người ta một cách mầu nhiệm, nên sự ức uất cứ phải phát lộ ra một cách ôn hòa:

– Những ý tưởng của Marie bây giờ đều phát sinh ra bởi một khối óc thiên lệch. Sự Marie lên đây, những lợi gì tôi chưa biết, chỉ biết Marie bây giờ có trong đầu nhiều thiên kiến lắm. Marie xét việc chỉ theo một phương diện. Vì thế sự hiểu biết thành ra hẹp lại.

– Cái đó thì cũng rất dễ hiểu. Vì tôi xét việc không lợi cho anh, nên anh cho là óc tôi hẹp. Nếu tôi có thiên kiến thì anh cũng là người ích kỷ. Thôi, thế chúng ta ngang nhau đừng cãi nữa.

Với một người đã nghĩ, cảm như thế, còn phân trần gì được nữa. Giáp tự biết nếu còn nói nữa chỉ làm cho mình thành lố bịch trước con mắt kẻ tình địch. Chàng quay lại bảo Trọng Khang:

– Thôi bây giờ ông đưa chúng tôi đi tắm suối nước nóng chứ.

– Bây giờ đã quá hai giờ rồi. Tuy suối ở ngay dưới chân núi này, nhưng đi đường quanh co cũng mất đến hai giờ, tối mất. Mà chúng ta cần phải tìm chỗ để ngủ đêm hôm nay. Vả lại, tắm suối nước nóng mà tắm buổi trưa thì nó nóng lắm, nước lại không trong. Ta chờ buổi

sáng tắm tốt hơn. Bây giờ, ta hãy tìm chỗ để ngủ đêm. Ta ngủ một giấc cho thật kỹ, rồi bốn giờ sáng mai ta dậy sớm, kéo xuống núi. Tắm xong, ăn cơm thì về đến nhà vừa năm giờ. Tôi vì chiều ý cô Khánh Ngọc mà đi như thế này, chứ đêm nay thì chưa biết ra thế nào. Những xóm Mèo ở chung quanh đây toàn là cướp giật cả. Biết chúng nó có để cho chúng mình ngủ yên không?

Khánh Ngọc đương hát, ngừng lại:

– Thì đến chúng nó bắt cóc bọn mình là cùng, chứ còn thế nào nữa.

Nhưng nói xong, giang hai tay, rồi cười to:

– Tôi chưa biết mùi vị của sự bắt cóc là thế nào đấy. Nếm một tí cũng hay.

Trọng Khang nhìn nàng bằng một cái nhìn trách móc:

– Nghĩ liều như thế thì còn nói gì nữa.

XXI

Cắm trại xong, Trọng Khang nhìn khắp chung quanh một lượt rồi bảo Giáp và Khánh Ngọc:

– *Thành trì* của chúng ta quyết chẳng ai có thể xâm phạm được trừ phi bọn giặc có mọc cánh, đằng vân đến.

Đúng như lời chàng, chỗ chàng cắm trại không sợ bị đánh úp. Sau khi đi khắp mấy xóm Mèo quanh đấy, thấy nhà nào cũng trống trải mà mặt ai cũng có vẻ hung ác, chàng liều tìm đến chốn này để căng lều. Đấy là một mỏm đá mặt bằng khá rộng, nhô ra khỏi sườn núi mà đường lên rất là cheo leo.

Trọng Khang đứng ở trên, trỏ tay xuống:

– Nói rằng thiên binh vạn mã thì cũng khí quá, bởi đường dốc hẹp thế kia, binh mã cũng chẳng có chỗ nào đặt chân, nhưng một tay súng đứng trấn ở đây thì nghìn người cũng không có thể lên, miễn là có đủ đạn để giết đủ nghìn người. Tối hôm nay, ta có thể ngủ yên. Và chắc thế nào cũng về đến nhà vô sự. Tôi thú thật rằng lúc đi, tôi lo lắm nhé. Nhưng chọn được chỗ này, tôi vững dạ lắm rồi.

Muốn phòng mọi sự bất trắc, Trọng Khang sai vần những tảng đá lại đặt gần đường lên, vừa dùng làm chỗ để núp bắn, vừa để một khi cần phải lăn xuống.

Chọn được chỗ tốt để cắm trại, Trọng Khang vui vẻ lắm, nhưng những vệ binh chẳng vui vẻ tí nào. Vì cái "tăng" chật, chỉ nằm đủ bốn người, bọn họ phải ngủ đêm ở ngoài trời lạnh.

Biết trước rằng thế nào họ cũng phàn nàn, Trọng Khang đã an ủi trước ngay:

– Anh em đi chuyến này vất vả, lúc về đến nhà, thế nào ông chủ cũng đãi mỗi người một món tiền. Còn như sợ đêm lạnh thì anh em không cần phải lo. Tôi đã bảo người ở dưới xóm Mèo đưa củi lên. Ta đốt to thì chẳng còn lạnh gì nữa. Và nếu có lạnh thì anh em cũng không phải chịu lạnh một mình đâu, tối nay, tôi sẽ cùng ở ngoài trời với anh em. Tôi lại đã thuê cho anh em một chiếc bàn đèn và có nhiều thuốc phiện.

Chàng lại dặn Xuân, Viên:

– Hai bác đêm nay đừng có ngủ nhiều. Một bác thì canh đến nửa đêm, còn một bác từ nửa đêm cho đến bốn giờ sáng là lúc chúng tôi dậy. Bọn vệ binh, ta không có thể tin được họ đâu. Lúc canh, phải đứng ngay trước cửa lều, cấm không cho ai được vào. Đường lên thì đã có vệ binh canh và đã có tôi. Tôi thì đêm nay tôi không dám ngủ.

Giáp nghe chàng nói thế, vội bảo ngay:

– Chả nhẽ tôi lại là một người vô dụng hay sao? Thôi thì ông thức từ tối cho đến mười hai giờ, còn thì từ mười hai giờ trở đi là về phần tôi.

Trọng Khang vội gạt ngay:

– Sợ giặc đánh ở bên ngoài, ta không cần lo nữa rồi. Tôi sở dĩ cần phải thức là để phòng những bất trắc ở bên trong. Vệ binh đây toàn là một bọn cướp trở về đấy chứ gì. Tôi biết tiếng, có mặt tôi ở đấy, chắc họ có muốn cũng không dám, vì khởi sự thì phải bàn luận. Mà bàn luận thì tôi nghe được. Ông đi đường mệt, cứ ngủ kỹ đi để mai tắm cho sung sướng.

Giáp gặng mãi, Trọng Khang nói:

– Ông muốn thế thì cũng tùy ông, nhưng tôi thì quyết tôi không dám ngủ. Vì lúc mà con người ta đổi lòng thì chỉ một nhoáng.

Khánh Ngọc cũng đòi thức.

– Cô thức mệt, mai đi tắm còn thú vị gì nữa. Nhưng nếu cô muốn bắn chó sói thì cô chịu khó thức đến mười một giờ. Thế nào chúng đánh hơi thấy người ngựa cũng kéo đến. Nhưng đốt lửa thế này, có đến thì cũng gần nửa đêm, mà cũng chỉ lảng vảng ở xa thôi.

– Ồ, thế thì thế nào tôi cũng phải thức. Đem được cái kỷ niệm bắn chó sói về Hà Nội, danh giá biết mấy. Một khi tôi kể cho *chúng nó* nghe, *chúng nó* phải phục tôi biết chừng nào. À, mà hôm nay ông cho đem bàn đèn ở dưới xóm lên đây, ông phải cho tôi hút mấy điếu đấy nhé. Hút vào, tỉnh lắm, không buồn ngủ một tí nào. Chốc nữa, ta cùng hút với họ.

Giáp vội gạt đi:

– Marie nằm hút với họ, coi sao cho tiện.

Khánh Ngọc cau ngay mặt lại:

– Những thành kiến ở trong đầu anh mới là những thành kiến đáng bài xích. Trong lúc này mà anh còn phân biệt giai cấp được! Tỉ dụ tối nay, giặc kéo đến vây đánh đây, còn có giai cấp trước cái chết nữa không? Lúc ấy thì anh thích bình đẳng hơn ai hết. Người ta đã bình đẳng trước viên đạn giết người, tại làm sao người ta lại không bình đẳng trước cái bàn đèn? Lúc nao, anh cũng tưởng tượng như ở Hà Nội mà mảnh bằng kỹ sư và địa vị giàu có của anh cho quyền anh khinh những người khác. Anh bảo đầu óc tôi hẹp hòi, chữ hẹp hòi ấy, chính là cái đầu óc anh.

Trọng Khang lại phải dàn hòa:

– Ông Giáp nói là không tiện, chứ có nói đến đồng đẳng và bình đẳng đâu mà cô lôi một núi những giai cấp ra thế?

Rồi sợ Khánh Ngọc lại còn nói lôi thôi để cho không khí càng thêm khó thở, chàng cười, đánh lảng sang chuyện khác:

– Tối hôm nay, cô có thể bắn chó sói, nhưng cô bắn ít chứ nhỉ. Chúng ta cần phải dành đạn. Mà có bắn thì nhớ bắn vào giữa khoảng hai con mắt đỏ ngầu của chúng nó nhé. Nhưng trúng hay không thì cũng không bao giờ cô được trông thấy xác...

– Tại sao thế?

– Không trúng thì nó chạy đi, mà trúng, nó nằm xuống thì đồng loại của nó liền xé nó ra làm trăm mảnh nuốt ngấu, nuốt nghiến.

– Khiếp nhỉ. Thế thì đồng loại của nó ắt phải khấn thầm cho viên đạn của tôi trúng.

Sương chiều bắt đầu xuống. Khí núi ở các hốc đá đùn lên theo chiều gió, là là bay về phương bắc. Mặt trời lặn vào núi, ném cái ánh sáng hấp hối lên cảnh vật. Tất cả nhuộm một màu sắc linh động; trong một phút, đổi thay ra thiên hình vạn trạng những cái rực rỡ.

Dãy ruộng chênh chênh ở các sườn núi hiu hắt một màu lam. Con Hắc Hà uốn quanh các chân núi, lấp lánh những mảnh gương, hắt trả màu biếc lên da trời. Suối Ôn Toàn chỉ còn là một đám mù trắng xóa. Những thác nước bắt nguồn ở những ngọn núi đỏ như... ném châu, gieo vàng.

Khánh Ngọc ngồi trên mỏm đá lặng ngắm những biến thái của buổi chiều tà, lặng ngắm cái mung lung phiêu diêu của trời đất. Rồi hồn nàng vụt như bị chìm trong một cái gì lớn, rộng, lòng nàng xúc động bởi một cái gì tươi trẻ. Nàng đứng dậy giang hai cánh tay như muốn ôm ghì lấy một cái gì vui đẹp. Cử chỉ ấy đem đến một cái gì e thẹn, nàng quay lại: Giáp đứng sừng sững sau lưng nàng, mắt chứa đầy một thèm muốn. Mặt nàng đang tươi, bỗng sầm lại:

– Anh đứng làm gì đấy?

Giáp nói bằng một giọng van lơn:

– Tôi nhìn em.

Khánh Ngọc chỉ tay ra đám người:

– Trong khi mọi người ai cũng làm đổ mồ hôi trán, anh chọn được cái công việc nhẹ nhàng quá nhỉ?

Nàng quay đi thì Giáp tiến lên nắm lấy tay nàng:

– Có phải em không yêu anh nữa thì em bảo, hà tất em phải tìm hết cách làm cho anh đau đớn như thế?

Một tiếng khóc nấc lên ở trong cổ. Tiếng khóc làm cho Khánh Ngọc đã bực, lại càng thêm bực. Nhưng nó cũng làm cho nàng ái ngại mà không nỡ quyết liệt. Nàng khẽ rút tay ra:

– Nếu có phải tôi đã làm cho anh đau đớn thì đó cũng không phải là tự ý muốn của tôi. Anh đã hiểu, tôi không phải là người độc ác.

Rồi sợ nếu còn nói chuyện nữa thì rồi nàng sẽ phải tàn nhẫn, nàng kéo tay Giáp lôi đi:

– Ta lại xem họ làm cái gì ăn nào. Tôi đói một cách ghê gớm. Chắc anh cũng đói lắm chứ?

Không để Giáp trả lời, nàng rảo cẳng đi.

Những gốc củi khô đã chất lên, lửa cháy đỏ rực. Bọn vệ binh đang xúm xít xung quanh hơ chân tay. Xuân, Viên đang thổi cơm mà Trọng Khang thì đang loay hoay bày bàn ăn. Thấy hai người lại, chàng giơ cao cái cốc cắm mấy chục bông hoa cúc dại.

– Cô xem, bọn vệ binh họ đã biết tính cô chưa. Thằng Giàng Khái Phà lên tít mãi trên kia, ngắt đem về cho cô đấy. Thôi, cô với ông uống rượu khai vị đi, rồi chúng ta ăn cơm.

Khánh Ngọc móc túi:

– Ồ, tôi chẳng có một đồng tiền nào cả để cho nó.

– Tôi đã cho nó rồi.

– Cám ơn ông. Đi với chúng tôi, những đồ ăn hại, ông thật là khó nhọc.

Thấy bộ mặt bần thần của Giáp, Trọng Khang vội giục:

– Ông Giáp, mở rượu ra uống đi, tôi xem ông hình như mệt lắm.

Thấy một tên vệ binh vừa buông đũa đã nhảy ra sửa soạn bàn đèn, Trọng Khang bảo Khánh Ngọc:

– Kìa cô trông, họ cần hút hơn ăn.

Khánh Ngọc nhìn Giáp:

– Tối nay, tôi thấy cũng cần phải hút lắm. Hút để thức, thức để bắn chó sói.

Giáp cúi đầu không nói, cứ rót rượu uống mãi, hết cốc này đến cốc khác. Trọng Khang thấy thế phải can:

– Ông uống vừa chứ. Nhỡ say mà đêm động dụng thì rầy rà lắm.

Lời can của Trọng Khang đã chậm. Giáp đã uống nhiều rồi. Cơm xong thì chàng đã say mềm. Nằm xuống là thiếp đi.

– Cô đã làm gì cho ông ấy buồn, nên ông ấy mới uống nhiều quá. Bây giờ say thế kia, nhỡ giặc đến thì nguy hiểm biết chừng nào.

Khánh Ngọc nhìn Trọng Khang, rồi òa khóc:

– Nào tôi có muốn chi thế! Nào ai đè ép nổi lòng mình!

Tiếng khóc ấy là cả một lời thú. Trọng Khang thấy choáng váng cả người, nhưng chàng cũng cố điềm tĩnh và tảng lờ như không biết:

– Nếu không phải tự cô thì thôi, việc gì cô phải khóc. Thôi bây giờ cô cũng đi ngủ đi chứ. Mai chúng ta cần phải dậy sớm cơ mà.

Chàng nói xong, bước rảo ra khỏi "tăng", chẳng để Khánh Ngọc trả lời.

Chàng đi được ba bước thì Khánh Ngọc cất tiếng gọi:

– Thế ông không cho tôi bắn chó sói à?

Nhìn nét mặt buồn rầu của Khánh Ngọc, Trọng Khang bất nhẫn:

– Cái đó là tùy cô. Nhưng tôi chỉ sợ cô thức, mai mệt, đi tắm mất vui.

– Đời tôi chưa được thức một đêm nào cả. Có thức một đêm cũng chẳng sao. Ông bằng lòng đi.

– Thế thì cô ra đây. Tôi phòng xa là phòng xa cho cô đấy thôi.

*

* *

Cả bọn kéo đến, xuống bờ suối Ôn Toàn, thì trời vừa hửng sáng. Khánh Ngọc chỉ tay lên đỉnh núi đỏ rực, rồi cười bảo mọi người:

– Ở đời, dễ ai có một cái kỷ niệm đi tắm như chúng mình.

– Cô phải bảo ít ai có những cái thích oái oăm và nguy hiểm như cô. Bây giờ, tôi mới vững dạ đấy. Chiều được cái thích của cô, bao nhiêu người phải đi sát ngay bên cạnh cái chết.

– Ông tha thứ cho tôi từ trước đến nay chỉ sống một cuộc đời bình thản thôi hay sao? Tôi muốn nếm cái mùi mạo hiểm một tý.

Rồi cầm ngay lấy một kíp cốt mìn ở tay Trọng Khang:

– Ông phải cho tôi bắn cá với đấy.

Trọng Khang vội vàng giật lại:

– Chiều cô cái gì, chứ cái này thì xin chịu. Nhỡ ra, gãy tay, nát mặt ngay. Thôi cô xuống tắm đi, rồi ta bắn cá.

– Nhưng ăn cơm cá xong, rồi ta mới về chứ.

– Cái đó thì dĩ nhiên rồi. Chiều mới đến nhà, đói chịu làm sao được.

Suối nước nóng bắt nguồn ngay ở chân núi. Những mạch nước tụ trong một cái hồ nhỏ ở sườn núi, rồi mới gieo xuống đào thành một con sông nhỏ. Nước chảy xiết vướng những mô đá reo ầm ầm và bắn tung tóe như những mảnh bạc. Suối nước qua một đồng cát nhỏ, rồi lại lẩn ngay vào khe núi.

Lúc ấy, khói bốc lên nghi ngút cách một thước không rõ mặt người.

Khánh Ngọc vùng vẫy dưới suối, trỏ dòng nước đang đổ từ sườn núi:

– Tại sao ông không cho tôi tắm ở trên hồ kia lại bắt xuống tận dưới này?

– Để nước cuốn cô ném vào ghềnh đá kia có phải không? Nếu nước không cuốn thì cũng không thể nào tắm ở trên ấy được, vì nước nóng bỏng. Chảy từ trên ấy xuống đây, qua bao nhiêu lớp đá, nó mới còn nóng vừa tắm như thế này đấy.

– Thế chốc nữa tắm xong, ta bắn cá ngay ở đây à?

– Ở đây nước chảy xiết và nóng như thế này làm gì có cá. Ta phải xuống dưới hạ lưu, sau rặng núi kia có một cái hồ khá rộng. Chỗ ấy nước không chảy, trong suốt đến đáy. Tôi đố cô với ông Giáp bơi ngược nước đến cái mô đá kia được...

Trọng Khang vừa nói đến đấy thì một loạt súng ở phía khe núi bắn ra, đạn vèo vèo bay trên đầu ba người. Sợ cuống quít, Khánh Ngọc và Giáp đều bíu lấy chàng. Chàng quay đầu về phía có tiếng nổ:

– Thôi chết rồi! Giặc nó phục bắn chết hết cả vệ binh rồi.

Miệng nói, tay lôi hai người chạy lên bờ về phía để quần áo và súng đạn. Giáp luôn miệng kêu khổ:

– Bây giờ làm thế nào! Bây giờ làm thế nào! Đi chơi thế này thì có chết người không?

Mọi người vớ được súng thì bọn giặc chỉ còn cách chừng một trăm bước.

Trọng Khang nhìn trước nhìn sau, rồi giơ tay cản không cho Khánh Ngọc bắn:

– Chống cự làm gì vô ích! Chết uổng mạng thôi cô. Họ đông lắm.

XXII

Trọng Khang gạt tên giặc định trói mình:

– Không cần phải trói, chúng tôi không trốn đâu. Mà trốn làm sao được, các ông đông thế kia.

Tên ấy còn lưỡng lự, thì tên chủ tướng đã quát:

– Cứ trói vào!

Trọng Khang giơ tay:

– Đây thì trói.

Rồi thấy mặt Giáp xám ngắt, chàng bảo:

– Ông đừng lo, họ không giết chúng mình đâu. Chẳng qua chỉ tốn tiền của chủ thôi.

– Tôi hiểu, nhưng nếu cô ấy nghe lời ông thì có phải chúng mình không đến nỗi khổ sở như thế này không?

– Thôi lúc này, ông còn trách oán làm gì nữa. Việc này lỗi tại tôi, không để ý phòng bị. Đêm qua yên ổn, tôi không dè họ dám đến cướp ban ngày. Thì ra họ biết mình cắm trại ở một chỗ hiểm trở, họ không đến. Họ đi đánh mình trong lúc bất ngờ. Nếu mình phòng bị thì bốn năm chục đứa này đã làm gì được mình. Ông đừng nên trách cô Khánh Ngọc nữa, lỗi tại tôi ngu dốt...

Khánh Ngọc ngắt lời Trọng Khang:

– Không phải lỗi ông, lỗi của tôi. Nhưng tôi cũng không hối hận. Có cái bước này, tôi mới rõ anh François, người chồng chưa cưới của tôi, can đảm lắm lắm.

Trọng Khang nhìn Khánh Ngọc bằng con mắt trách móc:

– Đứng trước cái chết, ai là người thản nhiên được? Cô nói chi những lời như thế.

– Ấy thế, mà tôi vẫn thản nhiên đấy.

– Tôi biết thế, cho nên tôi không muốn cô có cái bụng nhỏ nhen, nói những câu mát mẻ để làm đau đớn nhau một cách vô ích.

Khánh Ngọc bỗng òa khóc:

– Thôi tôi xin lỗi ông. Tôi muốn không nói, nhưng anh François cứ oán trách, thành ra buộc lòng tôi phải nói.

– Thôi cô nín đi, không họ tưởng mình nhát sợ, họ khinh mình đi. Họ bắt chẹt mình được. Cô và ông nhớ hễ lát nữa, họ có bắt mình viết giấy má gì, tôi không bằng lòng thì đừng có viết nhé. Lúc ấy, mới là lúc cần can đảm.

Cả ba bị dắt đến chỗ bọn người nhà và vệ binh ngồi chờ, lúc trước khi xuống tắm. Tám cái xác nằm ngổn ngang. Lắm người chưa chết còn rên rỉ. Bọn giặc đang tranh nhau lột quần áo và khí giới.

Trọng Khang toan đứng che đi, không cho Khánh Ngọc trông thấy, nhưng đã muộn. Nàng khóc vang lên. Còn Giáp thì hoa mắt, run đầu gối đứng không vững. Một tên giặc thấy thế, lại hoa đao chém cổ những người ngắc ngoải, rồi giơ thanh đao đỏ lòe những máu lại gần mặt từng người. Giáp và Khánh Ngọc nhắm nghiền mắt, không dám nhìn. Đến lượt Trọng Khang, nó liền bị chàng đá mạnh vào bụng, ngã chúi ngay xuống, thanh đao văng khỏi tay. Nó lồm ngồm bò dậy, nhặt thanh đao, giơ lên.

Trọng Khang vẫn chẳng nhúc nhích:

– Mày chém đi, tao có sợ đâu.

Khánh Ngọc thấy thế hét lên, rồi đâm bổ vào giữa hai người.

– Trời ơi! Đừng chém!

Chủ tướng thấy nhốn nháo chạy đến. Nghe xong đầu đuôi câu chuyện, y giơ tay toan tát Trọng Khang thì Khánh Ngọc liền đã đưa hai tay bị trói, hất tay y ra:

– Ông lấy bao nhiêu tiền chuộc, ba tôi cũng trả, đừng có đánh! Tên tướng ngơ ngác không hiểu thì Trọng Khang liền thông ngôn:

– Người đàn bà này bảo ông giơ tay định đánh một người đang bị trói là ông... anh hùng lắm. Ông có giận muốn giết tôi thì giết đi.

Tên tướng nhếch mép cười:

– Đàn bà nước anh bướng nhỉ?

– Nước tôi không có ai hèn, đi ra oai với những người bị trói bao giờ. Vì thế, nên chúng tôi chẳng ai sợ chết cả.

Tên tướng một tay nắm chặt lấy Khánh Ngọc, một tay rút súng chĩa vào Trọng Khang.

– Phải, ông nên bắn chết đi, đỡ phải nuôi cơm. Ông định bắt cóc chúng tôi để lấy tiền chuộc, nhưng không ích gì đâu. Người nhà chúng tôi không làm gì có tiền để chuộc chúng tôi đâu. Ông tính một khi giàu có thì ai hơi đâu sang làm ăn ở cái đất này.

Tên tướng tra ngay súng vào vỏ:

– Người nhà anh không chuộc đã có người khác chuộc. Chính phủ Trung Hoa mướn các anh sang đây làm thì đã có Chính phủ chuộc.

– Chính phủ Tàu có bằng lòng chuộc chúng tôi hay không thì điều đó tôi không được biết. Nhưng nếu ông hy vọng vào số tiền chuộc của người nhà chúng tôi thì chắc chắn là không có. Thương chúng tôi, nhưng không có tiền thì người nhà cũng đành chịu. Chúng tôi chỉ còn biết chết. Vì thế nên chúng tôi không để cho ai vô lễ với chúng tôi cả.

Bọn giặc lấy khăn bịt mắt ba người, rồi dắt đi. Giáp và Khánh Ngọc toan đi thì Trọng Khang kéo áo lại, rồi ngồi xệp ngay xuống, nhất định không đi.

– Ở đường núi, chúng tôi không biết đi bộ. Nếu các ông định giữ chúng tôi để chờ chính phủ Tàu đem tiền lại chuộc, thì các ông phải

để cho chúng tôi đi ngựa. Chúng tôi không quen vất vả. Vất vả, chúng tôi chết đi thì các ông còn lấy đâu ra tiền chuộc nữa.

Tên tướng giặc nghe nói phải tai, liền bảo mọi người xuống ngựa, nhường cho ba người cưỡi.

Khánh Ngọc biết Trọng Khang yêu sách bọn giặc như thế là vì mình và vì Giáp liền bảo:

– Tôi làm cho ông bị khốn đốn như thế này, ông đã không trách oán, lại lúc nào cũng nghĩ đến chúng tôi, ông hơn chúng tôi nhiều quá.

– Tôi đã bảo cô, lúc này không nên nghĩ chi đến những điều đó. Trong lúc hoạn nạn, ta chỉ nghĩ làm sao để gìn giữ lấy nhau. Tôi dặn một điều cô và ông cần phải nhớ là nếu tôi không bằng lòng điều gì thì bọn giặc nó bắt viết đừng có viết. Tôi đã bảo với chúng nó: nếu hy vọng vào tiền chuộc của người nhà chúng mình thì không có đâu.

– Tại sao ông lại nói thế? Nhỡ nó giết thì sao?

– Điều đó thì ông và cô cứ tin ở tôi, không bao giờ nó giết chúng mình đâu. Nó bắt chúng mình là để lấy tiền chuộc. Giết chúng mình thì có lợi gì cho chúng nó. Tôi sở dĩ nói người nhà chúng ta không có tiền chuộc là muốn để mặc cho chúng nó với chính phủ Tàu xoay nhau. Nếu nó có bắt cô viết thư về nhà thì cô cũng nói với cụ như thế. Cụ sẽ chẳng phải tổn một xu nào. Bất quá chúng ta bị giam cầm ít ngày. Cô bảo cô muốn biết mùi vị phong trần, tôi tưởng chẳng có dịp nào may mắn hơn. Cái tiền mà cụ đáng lẽ phải bỏ ra chuộc chúng ta ấy, thì sau này sẽ đem phân phát cho gia đình những người vì đi với chúng ta mà bị giết. Tôi chỉ còn lo một điều cô và ông Giáp không chịu nổi cực khổ mà sinh ốm đau thôi. Nhưng điều ấy cũng không cần lo mấy. Tôi đã vòi được chúng nó cho chúng mình cưỡi ngựa, thì tôi cũng có cách bắt chúng nó phải đối đãi với chúng mình tử tế. Tôi chỉ còn lo một điều là nó... phạm đến cô, nhưng dù thế nào cô đừng rời xa chúng tôi, thì cũng không ngại.

Khánh Ngọc nghe Trọng Khang nói thế, bỗng rùng mình:

– Thôi mọi việc tùy ông, ông bảo thế nào tôi cũng xin nghe. Nếu xảy ra việc ấy thì tôi chỉ còn có chết.

– Thằng tướng giặc này tôi xem ra cũng là người biết điều không đến nỗi nào. Tôi nói thế là để phòng xa đấy thôi. Cô đừng nên quá lo. Và cô cũng đừng nên nghĩ quẩn quanh cho nó hại sức khỏe. Dù sao việc cũng đã xảy ra rồi, không vớt lại được nữa. Ta chỉ nghĩ cách đối

phó với những việc sắp tới thôi. Ông Giáp, ông cũng đừng nên buồn rầu lo lắng nữa. Tôi đoan với ông thế nào chúng ta cũng được bình yên trở về.

– Không, tôi không buồn. Tôi chỉ lo chúng nó đòi số tiền chuộc nhiều quá.

– Ấy thế cho nên tôi mới dặn ông và cô phải nghe lời tôi. Bất cứ họ làm thế nào cũng cứ thản nhiên, để mặc tôi đối phó. Giá dụ nếu cụ chủ ở nhà có vì thương cô Khánh Ngọc mà bỏ ngay thì số tiền ấy sau này, ta cũng có thể xin bồi thường ở chính phủ Tàu được. Tôi chắc rằng họ cũng đã dò biết hết tung tích của mình rồi, nói dối rằng cô không phải là con gái cụ cũng không được nữa. Mà chỉ thêm hại cho mình. Làm sao cho chúng nó tin rằng: vì chúng ta nghèo, nên mới phải lặn lội sang tận bên này làm ăn. Thế thì mọi việc trôi chảy cả. Chúng nó láo xược, ta phải phản đối ngay. Làm sao cho chúng nó biết rằng chúng ta liều chết thì chúng nó cũng không dám quá tay. Tôi ở vùng này đã lâu, được mục kích nhiều vụ bắt cóc, chỉ là già nắn rắn buông cả đấy thôi.

Vì bị bịt mắt, nên Trọng Khang cũng chẳng biết bọn giặc dắt mình qua những đường nào. Nhưng cứ nghe móng ngựa nện xuống đá, và xem con ngựa lắc lên, lắc xuống, chàng cũng đồ chừng rằng mình đi qua nhiều đường núi.

Đi chừng năm giờ đồng hồ thì cả đoàn dừng lại. Đi bộ độ một quãng dài thì nghe có tiếng cửa mở. Rồi khi có người đến cởi trói và cởi mảnh vải buộc mắt, ba người thấy mình ở trong một cái hang đá nhỏ tối om, chỉ lất léo có một ngọn đèn dầu cá treo ở tường.

Trọng Khang xoa mắt, rồi vỗ lên vai Giáp lúc ấy, đang ngơ ngác nhìn sự chật hẹp và bẩn thỉu của cái nhà giam!

– Lâu đài của mình đấy!

– Bị giam ở đây lâu thì chết chứ sống làm sao được. Nằm ở đâu?

Trọng Khang trỏ đống cỏ tranh lù lù ở một góc:

– Trải cái này ra mặt đá mà nằm, chứ còn nằm ở đâu nữa. Ông mệt muốn nằm à?

– Không, thế họ không cho mình giường phản gì à?

– Đến họ cũng ít khi nằm giường, nữa là mình. Nhưng không sao. Tôi yêu cầu họ trả lại những giường mà họ đã lấy của chúng mình, may ra họ cũng bằng lòng.

– Ông cố đòi họ trả cả chăn nữa, chứ lạnh giá thế này, không có chăn thì đến chết rét.

– Ông cứ yên tâm, nhưng dù thế nào cũng không thể bằng ở nhà được.

Rồi chàng lại gõ những dóng cửa chấn song nhẵn bóng:

– Khó trốn lắm. Và hình như cái hang này đã có nhiều người đến ở trước chúng ta. Cô trông những vách đá nhẵn lỳ đi như thế kia. Chúng nó chắc ở chỗ mình xuống ngựa lúc nãy. Hang này cách chỗ chúng nó ở không bao xa. Kìa cô trông thằng chủ ngục đang ăn cái gì. À bánh ngô, giá nó cho chúng mình một cái thì cũng hay. Tôi thấy đói cồn cào cả ruột.

– Tôi không đói, chỉ thấy khát nước thôi.

– Sao cô không bảo? - Ê, tiên sinh đứng gác kia, cho chúng ta nước uống chứ.

Tên gác đeo súng, đủng đỉnh lại vục một bát sách nước ở trong một chiếc chum mang đến.

– Ồ, chúng nó cho chúng mình ăn uống như chó.

Rồi cười hỏi tên gác:

– Tên bác là gì, nói cho chúng tôi biết để chúng tôi dễ gọi, chứ cứ gọi bác bằng "tiên sinh đứng gác" thì dài và lôi thôi lắm. Chúng ta chắc còn ở đây với nhau lâu, Tên gác cười nhe bộ răng đã sún gần hết:

– Xẩn Lay Phá.

– À Xẩn tiên sinh! Giá tiên sinh có cái gì múc nước để vào đây cho chúng tôi thì hơn, chứ mỗi khi khát mà gọi tiên sinh thì phiền cho tiên sinh lắm.

– Cái đó còn phải chờ lệnh của Đại lão gia. Bây giờ hẵng uống ít chứ, không ai hầu được!

Trọng Khang quắc mắt:

– À! Chú lại định hạn chế cả nước uống của chúng tôi hả?

Rồi giằng lấy bát nước mà Khánh Ngọc đang uống, chàng hắt qua chấn song cửa vào đầy cả mặt tên gác.

Tên gác gầm lên; sáu bảy người ở ngoài chạy vào, trong số đó có cả tên chủ tướng.

Trọng Khang dõng dạc:

– Tôi đã nói với ông rằng nhà chúng tôi không có tiền chuộc chúng tôi đâu. Ông có đem chúng tôi mà giết thì giết ngay đi. Chứ chúng tôi không đời nào để cái thằng quỷ họ Xần này nói láo với chúng tôi cả.

Xần Lay Phá cãi lấy, cãi để:

– Tôi bảo nó uống ít, rồi nó hắt nước vào mặt tôi, chứ tôi làm cái gì.

Tên tướng giặc bảo một người đứng cạnh:

– Thôi, anh thay gác cho nó. Xần Lay Phá đi lên!

XXIII

Tên tướng giặc và bốn bộ hạ mở cửa vào. Giáp đang nằm trên đống tranh, toan đứng dậy thì Trọng Khang đã ra hiệu cho nằm im.

Bọn người đến sát sau lưng, Trọng Khang mới uể oải quay đầu lại:

– Tôi đã nói với ngài rằng nhà chúng tôi không có tiền chuộc đâu, ngài không giết đi còn chờ gì nữa? Đó ngài trông các bạn tôi. Chúng tôi chờ chết một cách vui vẻ lắm. Ở đời, chỉ có sống với chết, chúng tôi chẳng oán thán ngài.

Tên tướng ngồi cạnh Trọng Khang:

– Nhà các ông không chuộc đã có Chính phủ. Tôi chỉ cần các ông viết một bức thư về để cho người ta tin rằng các ông chưa chết.

Trọng Khang thấy tên tướng xưng hô với mình một cách tử tế, không khinh miệt như trước, mới ngồi dậy, làm bộ nghĩ ngợi:

– Các ông bắt chúng tôi viết giấy về nhà nhưng chúng tôi nhất định không viết. Bởi vì viết cũng chết mà không cũng chết! Nhà chúng tôi thật tình là không có tiền. Có tiền thì khi nào còn phải lặn lội sang kiếm ăn tận bên này. Ông nói rằng chính phủ Tàu sẽ chuộc chúng tôi; điều đó chúng tôi cũng ngờ lắm. Nhưng cho dù chính phủ Tàu có cái bụng tốt ấy nữa, chúng tôi cũng chẳng thể nào viết được. Tôi xin nói thực.

Tên tướng cướp giật thanh mã tấu ở tay một bộ hạ, hoa lên:

– Tại sao?

Trọng Khang vẫn thản nhiên. Còn Giáp và Khánh Ngọc vì có lời dặn của chàng, nên cũng giữ được bình tĩnh.

– Còn tại làm sao nữa. Chúng tôi ốm yếu như thế này, ngài bắt giam một cách cực khổ, giường chẳng có nằm, chăn không có đắp. Chờ được chính phủ Tàu bàn bạc xong, đem tiền lại chuộc thì chúng tôi đã chết cả rồi, còn đâu mà... viết với lách. Âu bằng chúng tôi thà chịu chết ngay bây giờ, để cho chính phủ Tàu khỏi bị thiệt một món tiền, mà cũng vẫn chẳng cứu thoát được chúng tôi. Nếu ngài thương tình, xin cho được chết ngay, bằng không muốn đem khảo đả, chúng tôi cũng cam chịu.

Trọng Khang nói xong, cởi ngay áo ngoài. Tên tướng vội vàng ngăn:

– Về sự chăn chiếu và ăn uống, các ông không ngại. Tôi sẽ chu liệu tử tế. Tôi chỉ cần các ông viết thư về thôi.

– Nếu ngài đã hứa thế, chúng tôi xin chiều ý. Đời người cùng lắm thì mới chịu chết, chứ có ai thích chết bao giờ? Nhưng còn một điều này, tôi cần thưa thực: chúng tôi đây có một người đàn bà, ngài là một người lớn, nhưng còn các bộ hạ...

Tên tướng vội xua tay:

– Chúng tôi đây chỉ cần tiền. Những điều xằng bậy như thế, bộ hạ tôi mà làm, tôi giết chết ngay. Ông có thể tin rằng không bao giờ xảy ra những sự hèn hạ như thế. Năm bảy thứ giặc. Trước kia, tôi cũng làm quan, nhưng vì thù nhau với Đốc bàn, mới phải đi làm nghề này.

– Ngài thì chúng tôi tin đã đành. Nhưng lúc vắng ngài, các bộ hạ của ngài, chúng tôi tin làm sao được. Bị ô danh, sao bằng cùng nhau chịu chết...

– Người đàn bà này là vợ ông?

– Không, là vợ người bạn tôi đây.

– Ông bảo với ông bà ấy không cần phải lo. Quân lệnh của tôi nghiêm lắm. Quyết không ai dám trái phép. Nếu ông không tin, tôi xin thề với ông.

Đến lượt Trọng Khang giơ tay ngăn:

– Ngài nói thế, chúng tôi xin tin rồi. Chúng tôi biết ngài là con người quân tử rồi. Nhưng ngài định đòi tiền chuộc bao nhiêu? Nhiều quá thì tôi sợ rằng chính phủ Tàu không chịu bỏ ra. Nếu có thể được việc cho ngài, ngài bảo thế nào, chúng tôi cũng xin theo ngay. Còn như nhà chúng tôi thì quả tình là không có. Một vài nghìn bạc, đối với ngài, thấm tháp vào đâu.

Tên tướng ngẫm nghĩ một lát, rồi hỏi Trọng Khang:

– Hai mươi vạn, ông nghĩ thế nào?

Trọng Khang thấy tên tướng hỏi đến mình về số tiền chuộc, bỗng dưng cảm động, không dám giở mánh khóe lọc lừa ra nữa.

– Cái đó thì tự ý ngài định, chứ chúng tôi biết đâu.

– Không, tôi muốn hỏi ông xem bao nhiêu thì chính phủ Tàu có thể bằng lòng một cách dễ dàng.

– Hai mươi vạn đây là tiền Pháp hay tiền Tàu?

– Tiền Pháp, chứ tiền Tàu thì có được là bao.

– Nếu là tiền Pháp thì nhiều quá. Tôi e rằng với số tiền to như thế, người ta phải bàn bạc lâu la thì giờ. Mà có lẽ, người ta đành để cho chúng tôi chết. Chúng tôi chết, chúng tôi thiệt đã đành, nhưng nào có ích gì cho ngài?

– Thôi, tôi nhất định là mười vạn.

Nhìn nét mặt tên tướng, biết rằng y đã quyết định, Trọng Khang không dám kỳ kèo nữa:

– Số tiền ấy kể cũng đã là to. Nhưng nếu phúc nhà chúng tôi mà đỏ thì may ra chính phủ bằng lòng. Thôi, ngài cho đi lấy giấy bút để chúng tôi viết. Chúng tôi cố khẩn thiết để giúp ngài, chứ về phần chúng tôi khi bước chân sang làm việc bên này, đã đành là nắm chắc chín phần chết, chỉ hy vọng có một phần sống. Cái thư này, ngài cứ sai người mật đưa cho người nhà chúng tôi, rồi người nhà chúng tôi lại bí mật đến cầu Đốc bàn Mai Lin Phố. Ta tránh cái tiếng đi cho xin với chính phủ thì chính phủ mới có thể bỏ tiền ra một cách dễ dàng, ngài nghĩ thế nào?

Tên tướng mỉm cười:

– Ông nói có lẽ đấy.

– Thôi thế ngài cứ lên nhà, để chúng tôi bàn nhau viết thư. Tôi xin thề nói rất thống thiết, để chóng được việc cho ngài. Tuy chúng tôi bị ngài bắt, nhưng cách ngài đối xử khiến chúng tôi phải kính trọng ngài nhiều lắm. Nói thế này, thoạt nghe nó khí chướng tai, nhưng sự thực là thế: chúng ta bây giờ cùng một cảnh với nhau. Bởi nếu chính phủ Tàu không bằng lòng thì ngài không có tiền, mà chúng tôi đành là phải chết. Chúng tôi không muốn chết, mà ngài thì muốn có tiền.

Tên tướng cười khà, rồi vỗ vào tay Trọng Khang:

– Ông nói phải lắm. Tôi cũng mong rằng chính phủ sẽ bằng lòng.

– Để ngài khỏi phải giết chúng tôi. Nhưng nếu có bị ngài giết, chúng tôi cũng chẳng oán. Chúng tôi cho là số chúng tôi như thế.

Tên tướng đứng dậy:

– Ông bảo với hai vợ chồng bạn ông đừng có lo lắng gì, tôi không để cho ai phạm đến đâu.

– Đa tạ ngài. Nhưng quên, ngài cho cái hẹn là bao nhiêu ngày chứ?

– Ông liệu xem nếu chính phủ bằng lòng thì chừng bao nhiêu ngày có tiền?

– Thôi, ngài cứ lên, để chúng tôi bàn nhau xem, chốc nữa ngài xuống, chúng tôi xin thưa.

XXIV

– Họ bắt phải chuộc mười vạn. Nhưng mà họ bắt đây là bắt chính phủ Tàu, chứ họ không nói gì đến cụ nhà, bởi họ đã tin rằng cụ nhà không có tiền. Nhưng chờ được chính phủ Tàu bằng lòng thì lâu ngày lắm, có lẽ chúng ta đến ốm chết cả ở đây. Vả lâu như thế thì công việc ở nhà ai làm. Vậy bây giờ, cô phải viết giấy cho cụ, cứ xoay món tiền ấy chuộc chúng ta ra, rồi xin chính phủ bồi thường sau. Tiền ở nhà hiện nay còn có hơn sáu vạn. Mà tiền làm thì chính phủ Tàu trả ở nhà băng Hà Nội. Thế nào cụ cũng phải về lấy, trong mười ngày mới có thể lên tới đây được. Cái số phận của chúng ta thì đành là không lo rồi, nhưng trong mười hôm, không có cụ ở chỗ làm, thiệt bao nhiêu là công việc!

– Ôi, lúc này, ông còn cần gì phải nghĩ đến công việc. Ba tôi được tin tôi chưa chết là ba tôi mừng rồi, cầm bằng như làm việc này không có lãi.

– Ồ, phải nghĩ đến tất cả chứ. Bây giờ, tôi tin rằng mọi việc sẽ ổn thỏa cả, tôi mới xin trách cô một điều. Cô đã biết cụ thương cô như thế, sao cô không nghĩ thương cụ bằng cách tránh đi cho cụ những nỗi phiền? Cô lại đem đặt những cái thích trẻ con của cô lên trên những cuộc mưu toan của người lớn. Ấy may mà cụ già và ta còn hy vọng xin bồi thường được ở chính phủ Tàu, chứ không thì có phải

chuyến này, vì con mà cụ bị phá sản rồi không? Cô ở đây tuy khổ sở, nhưng cô thử tưởng tượng: cụ ở nhà khổ sở đến chừng nào.

Khánh Ngọc ngả đầu vào lòng Trọng Khang, rồi òa khóc:

– Em biết cái tội của em nhiều lắm rồi.

Trọng Khang đỡ Khánh Ngọc dậy:

– Cô nín đi. Tôi thấy cô là người có lòng, mới nói với cô như thế. Muốn được sống một cuộc đời ý nghĩa, đẹp đẽ, ta cần phải biết hy sinh những cái thích của ta một ít. Thôi cô nín đi, rồi còn viết thư chứ.

– Ông đọc cho em viết đi.

– Ấy, bút ta. Cô phải viết nhè nhẹ, chứ không nhòe hết. Đấy, đại để công việc như thế, cô liệu viết thế nào thì viết.

– Óc em loạn, lòng em rối, chẳng còn biết viết thế nào.

– Thế ông Giáp viết vậy.

– Tôi sợ trong lúc hoang mang, tôi viết cũng không gẫy gọn. Ông viết đi, rồi chúng tôi ký cũng thế.

Nửa giờ sau, tên chủ tướng xuống thì bức thư đã viết xong. Trọng Khang giảng qua loa cho y nghe.

– Thế được rồi. Tôi cho đem đi ngay thì đêm hôm nay độ nửa đêm, người nhà các ông sẽ bắt được.

– Cái hẹn hai mươi hôm là đề phòng những chậm trễ có thể xảy đến, chứ nếu người ta thương chúng tôi thì chỉ độ mười hôm thôi. Ngài kèm cả bức thư đòi tiền chính phủ vào đây, rồi người nhà chúng tôi sẽ đem cả lại bàn luận với Đốc bàn Mai Lin Phố. Ở Mai Lin Phố không xong, có lẽ phải lên đến tỉnh trưởng Vân Nam. Ở Vân Nam thì ngã ngũ.

Trọng Khang nói đến đây, tủm tỉm cười:

– Sự sống chết của chúng tôi chính ra thì ở trong bàn tay ngài, ấy thế mà lại tự Vân Nam định đoạt, việc đời cũng lắm cái kỳ quá nhỉ! Giá lúc ngài làm quan mà ngài nhận được một bức thư tống tiền như thế này thì ngài nghĩ thế nào?

Tên tướng không trả lời, cầm bức thư đứng dậy:

– Lát nữa, chúng ta uống rượu rồi tôi sẽ nói cho ông nghe.

Y đi rồi, Trọng Khang bảo Giáp:

– Y đã mời chúng ta uống rượu, thế nghĩa là chúng ta sẽ được đãi

vào bực thượng tân, ông không phải lo cực khổ. Tôi đã biết mà, tôi đem cái chết ra bắt chẹt y thì y phải mắc. Y không đãi chúng ta tử tế, chúng ta nhất định không viết thư.

– Thế ngộ bây giờ thư viết rồi, y trở mặt thì sao?

Trọng Khang nhìn Giáp một cách thương hại:

– Ông xét việc đời, theo những con số của công việc, nên ông đa nghi quá. Đời sống có phải chỉ là một vấn đề cơm áo đâu mà bảo lúc nào cũng phải nghĩ đến công việc, đặt công việc lên trên hết mọi sự. Cạnh cái sống của vật thể, còn cái sống của lòng, dù cho một người vụ thực đến đâu, cũng không thoát khỏi được. Y làm giặc, nhưng trong thằng giặc, còn có thằng người. Cái thằng người ấy có nhiều điều thắc mắc và cần dùng mà tiền tài không thể giải quyết. Thằng người ấy gặp những thằng người khác như chúng ta thì cái lòng y tuy đã bị thằng giặc bóp chặt, cũng cố mà chồm dậy. Tôi quyết y không sai lời hứa đâu.

– Nhưng nếu y sai lời hứa thì chúng ta cũng chẳng làm gì được y.

– Đành thế. Nhưng chúng ta có quyền khinh y. Mà cái lòng khinh của thằng người đối với thằng người cũng là một khí giới ghê gớm lắm chứ. Trừ những linh hồn bạc nhược và ung độc thì chẳng kể, loài người sợ nhất là bị đồng loại khinh. Mà một khi mình có khinh mình trước, người khác mới khinh sau được. Y lừa dối chúng ta thì y xấu hổ với y trước. Tôi chắc con người này vì hoàn cảnh mà đi làm giặc, chứ lòng ruột y không đến nỗi đốn mạt. Chúng ta bây giờ là những thằng tù, chẳng còn gì để đánh cuộc với nhau, chứ không tôi dám đánh cuộc với ông rằng y không lừa dối chúng ta.

Môi Khánh Ngọc mấp máy... Nhưng khi thấy đôi mắt ngay thẳng của Trọng Khang nhìn nàng, nàng lại lặng im. Trước cái khuôn mặt hồn hậu và hùng dũng ấy, nàng thấy nàng không có quyền nhỏ nhen.

*

* *

Ba người còn đương nói chuyện thì cửa mở. Hai tên giặc bưng một mâm rượu vào.

– Lão gia tôi nói các ngài chờ một chút, lão gia tôi bận thay áo, rồi sẽ xuống ngay.

Khánh Ngọc nhìn mâm rượu, rồi bảo Giáp:

– Y đã uống rượu với chúng mình thì không khi nào y còn lừa dối. Ông Trọng Khang đoán đúng. Anh là cứ hay suy bụng ta ra bụng người.

Nói xong, nàng biết mình độc ác, lại vội đánh trống lảng:

– Thịt thà nhiều đấy, nhưng nấu nướng thế này thì có thánh ăn.

– Marie thật được voi đòi tiên. Giá dụ họ có bắt mình ăn cơm ngô, mình cũng phải chịu. Nhưng ớt nhiều thế này, cay ăn thế nào được.

– Cô với ông cũng nên cố mà ăn. Ớt tuy cay, nhưng nó trừ được nước độc. Chúng mình ở đây, không có ký ninh uống, lấy ớt mà thay vậy. Tôi chắc là họ giam mình ở trong cái xó này không cho dời đi đâu một bước. Không khí u uất, nhỡ cô và ông ốm một cái thì thật khốn đốn to.

Tên tướng giặc bước vào với một chiếc áo "xường xám" lót lông cáo. Cả ba người đứng dậy vái. Y cũng vái trả, rồi quát bộ hạ:

– Tao đã bảo chúng mày trải chiếc chiếu mây cơ mà.

Quay sang ba người:

– Chăn đệm quần áo của các ông thì vẫn còn nguyên, nhưng tiếc rằng ba chiếc giường vải thì bộ hạ tôi không biết, đã phá ra lấy vải dùng cả rồi. Thôi, các ông nằm tạm chiếc chiếu mây này vậy. Cũng chẳng bao nhiêu ngày. Lót tranh ở dưới cho nhiều thì cũng ấm. Tôi sẽ cho người đem nhiều gốc củi khô vào đây để các ông sưởi.

– Chúng tôi là những kẻ thất thế, ngài đã không khinh mà còn biệt đãi như thế này, thật cái lượng của ngài, không còn biết lấy gì mà sánh kịp. Kẻ trượng phu bất cứ ở cảnh ngộ nào cũng xử sự ra kẻ trượng phu, câu cách ngôn của nước ngài, hôm nay tôi mới hiểu hết cái nghĩa sâu xa của nó.

Tên tướng rót rượu mời ba người. Trước khi cầm chén, Trọng Khang lễ phép bảo y:

– Tuy thế này, nhưng cũng gọi là hạnh ngộ. Ngài cho biết quý tính đại danh để chúng tôi giữ một kỷ niệm trong bước đường...

Tên tướng cười khà khà:

– Trong bước đường giam cầm, tôi hùng cứ ở chốn này, quan biết mặt, dân biết danh, tôi nói tên với ngài, dù khi ngài về có nói với Đốc bàn Mai Lin Phố, tôi cũng không ngại.

Trọng Khang cứ lặng im, không cải chính.

– Y cũng đang tìm hết cách để bắt tôi mà tôi thì cũng đang chờ dịp để sửa tội y. May ra món tiền mười vạn có thể giúp tôi mộ thêm quân và mua thêm súng để báo thù. Tôi họ Vương, tên Nhân, quê ở Quảng Tây. Trước kia tôi làm Tri huyện ở Mã Quán. Vì chống nhau với Đốc bàn Mai Lin Phố mà phải đi làm nghề lạc thảo. Tôi đến cướp làng nào, dân cư mà chống cự tôi thường ra lệnh làm cỏ cả làng, nên người ta đặt cho cái biệt hiệu là Đa sát hổ.

Trọng Khang cúi đầu, rồi trân trọng giới thiệu:

– Đây, bạn tôi ông Nguyễn Văn Giáp, kỹ sư cầu cống ở đại học đường bên Pháp, đây là phu nhân họ Lê, cử nhân luật khoa, còn tôi Phạm Trọng Khang làm thư ký cho thân phụ Nguyễn phu nhân... Nguyễn tiên sinh với phu nhân là những người túc học, chính phủ Tàu mời mãi mới chịu sang đây đảm đương công việc. Tôi là người thô thiển, được gần các ngài cũng đã cho là một vinh dự.

Vương Nhân cúi đầu chào Giáp và Khánh Ngọc, rồi nói với Trọng Khang:

– Tôi vì tình thế bắt buộc phải xử trí như thế này, mong ông nói với Nguyễn tiên sinh và phu nhân thể tình mà lượng thứ cho. Tiên sinh sang đây giúp nước tôi, mà tôi bắt bớ như thế này, cũng tự lấy làm không phải. Ngài là người cao minh, tất cũng hiểu cho những chỗ bất đắc dĩ ở đời.

Trọng Khang trừng mắt ra hiệu để cho Khánh Ngọc đừng phản đối gì, rồi thông ngôn đúng lại những lời nói của Vương Nhân. Chờ cho Trọng Khang thông ngôn xong, Vương Nhân mới nhìn cái hang đá rồi nói:

– Tình thế không cho tôi tiếp đãi ông được trọng thể hơn. Nay tôi tính thế này: ngài lên ở trên xóm với tôi để cho Nguyễn tiên sinh và phu nhân ở dưới này, như thế thì có thể tiện hơn.

– Đa tạ tấm lòng ngài, có bụng tin tưởng ở tôi như thế, nhưng việc đó tôi cần phải bẩm mệnh với Nguyễn tiên sinh để tùy ngài định liệu, rồi tôi xin thưa với ngài sau.

Uống hết ba tuần rượu ngô, mặt Giáp và Khánh Ngọc đã đỏ bừng, Khánh Ngọc xin thôi không uống nữa.

– Phu nhân không uống được, xin phu nhân cứ xơi cơm, nhưng Nguyễn tiên sinh và ông phải uống với tôi thật say để kỷ niệm sự... hạnh ngộ như ông vừa nói chứ.

– Nguyễn tiên sinh cũng không uống được mấy, thôi để tôi xin ngồi hầu rượu ngài. À bây giờ cái công việc ngài mưu toan đã thành, tôi xin hỏi ngài tại sao chúng tôi bí mật lên đây mà ngài cũng biết ngay? Và tại sao lúc đêm, ngài không đánh mà lại chờ đến sáng?

Vương Nhân uống cạn chén, vuốt bộ râu rậm, rồi cười khanh khách:

– Bí mật? Thì những hành vi của các ông từ lúc sang đây, nào còn điều gì là bí mật đối với tôi. Tôi sai người do thám các ông lâu lắm rồi. Đã mấy lần, tôi định đem thật nhiều quân xuống đánh đêm, nhưng tên do thám nhất định can, nói rằng các ông tổ chức sự phòng thủ một cách rất hoàn bị, và canh phòng cẩn thận lắm. Đánh được thì tất tổn hại nhiều quân, mà cũng vị tất đã được. Vả lại biết trong bọn các ông, có người giỏi cầm đầu, nên tôi chùng chình mãi. Bây giờ tôi đã đoán được ra rồi: người ấy tức là ông.

– Nào phải tài giỏi gì. Chẳng qua tôi sống ở đất này lâu năm, nên biết cẩn thận thế thôi.

– Ông có biết đã có lần tôi toan sai người đi ám sát ông không? Trừ được ông đi rồi, bọn vệ binh với tên *phài chương* của chúng, tôi chỉ mở bàn tay là chết cả.

– Thế sao ngài chưa cho thực hành?

– Vì biết ông bắn giỏi và can trường lắm, nên tôi còn do dự. Tôi chỉ lo nhỡ hạ thủ ông không nổi, việc vỡ lở, ông càng đề phòng rồi tôi không làm gì được nữa. Nhưng thế cũng là may.

Trọng Khang tủm tỉm.

Vương Nhân nét mặt nghiêm trang, nói bằng một giọng thành thực:

– Tôi cũng rất tiếc phải giết một người tài giỏi. Từ khi làm quan cho đến khi làm giặc, sống trong sự chém giết bao nhiêu năm, tôi đã rõ biết người tài giỏi là hiếm lắm. Quân? Chẳng qua là những hình nhân, cốt ở người cầm đầu. Nhiều khi chỉ có ba bốn mươi bộ hạ, tôi đánh lui quân lính hàng mấy trăm, tôi đã hiểu cái sức có thể làm được của một ông chủ tướng. Người tài tiếc người tài, lẽ cố nhiên là thế.

– Đa tạ ngài, xin mời ngài uống chén rượu này với tôi.

Vương Nhân uống cạn rồi đặt chén:

– Thì vừa may, hổ đã lìa rừng...

Rồi nhìn Khánh Ngọc:

– Tôi chắc rằng ngài chiều ý Nguyễn phu nhân, chứ ngài thì không muốn vì một cái thú đi tắm mà để lụy như thế này?

– Ngài đoán đúng. Tôi đã hết sức ngăn, nhưng phu nhân không nghe. Mà chủ tôi thì chiều con lắm. Tôi làm lỡ việc của chủ nhân như thế này, thật tự xét mình đáng bề tội lỗi.

– Điều đó không phải tại ngài kém. Con hổ đã lìa khỏi rừng rồi thì thế nào cũng bị người ta bắt miễn là có những tay biết bắt. Ngài hỏi tôi tại sao tối hôm qua tôi không đánh? Nếu tôi đánh tối hôm qua, thì bây giờ ngài chắc không phải ngồi đây, còn tôi thì có lẽ không còn được cái hân hạnh ngồi uống rượu với ngài nữa. Ngài cắm trại ở một chỗ hiểm trở như thế thì một nghìn quân tuy nhiều, nhưng cũng vẫn là ít. Ngài có biết tối qua, tôi đã định cùng một vài đày tớ, lẻn lên đánh cái miếng bất thình lình không?

– Thế tại sao ngài không thực hành?

– Là vì không thực hành nổi. Đứng ở ngọn núi bên. Tôi nhìn sang thấy ngài lúc nào cũng tỉnh táo ngồi cạnh đống lửa, tôi biết rằng ngài không phải là hạng chủ tướng để cho người ta có thể đánh úp được.

– Ấy thế mà ngài vẫn đánh úp được tôi đấy thôi.

– Đó lại là một lẽ khác. Đêm hôm qua, tôi không đánh, mà ngài thì tin rằng bất thình lình, ngài bí mật đi chơi như thế không ai biết được.

Ngừng một khắc, nhìn Trọng Khang một cách hóm hỉnh:

– Người ta ở đời cũng không nên quá tin ở những sự bí mật của mình.

Rồi vỗ lên đùi Trọng Khang:

– Mà ngài thì quá tin ở... những điều bí mật ở ngài quá.

Trọng Khang giật mình, ngờ ngay rằng Vương Nhân đã dò biết được Khánh Ngọc yêu mình, mà nàng không phải là vợ đã cưới của Giáp. Cái sự mời mình lên ngủ ở trên xóm, chẳng qua là để trêu chọc. Chàng nghiêm sắc mặt:

– Trong công việc làm ăn, như ngài đã rõ, sự kín đáo là một khôn ngoan cần phải có, chứ còn như lòng tôi thì thật không có một điều gì uẩn khúc cần phải giấu giếm ai bao giờ.

Đôi mắt như lưỡi dao lướt trên má Trọng Khang:

– Tôi có nói đến... lòng ngài đâu. Tôi nói là nói đến công việc của ngài ấy. Tôi biết được vì... bởi vì tôi cũng đọc được những bí mật của lòng người đôi chút. Nguyễn tiên sinh và... phu nhân không biết một tiếng Vân Nam nào đấy chứ?

Đã ngơ ngác, Trọng Khang lại càng ngơ ngác, nhưng chàng cũng trả lời xuôi:

– Biết một vài tiếng thôi.

Vương Nhân uống một hớp rượu, đặt cốc, rồi chậm rãi:

– Tôi tuy bây giờ làm giặc thật, nhưng xưa kia cũng có đọc sách và thứ nhất đọc ở quyển sách rộng rãi mênh mang ở trước mắt chúng ta, tôi cũng hiểu chút ít nhân tâm và đôi điều nghĩa lý, ngài chớ nên thấy tôi làm nghề này mà khinh miệt tôi quá.

Trọng Khang vội vàng nắm tay Vương Nhân:

– Tôi xin lấy cái danh dự làm người suốt đời không bao giờ hèn nhát mà thề với ngài rằng: tôi không khinh miệt ngài. Nếu thật ngài coi tôi là bạn, thì tôi xin ngài có điều gì ở trong lòng cứ nói ra. Rồi về phần tôi, tôi cũng xin nói hết. Ở đời, gặp được người mà mình có thể thổ lộ can tràng là một việc rất hiếm và một hạnh phúc hãn hữu. Cái thế của chúng ta bây giờ, tuy gây ra những quyền lợi trái ngược nhau, nhưng lòng chúng ta thật là quý trọng nhau.

Giọng Vương Nhân đượm màu cảm khái:

– Vâng, vì quý trọng nhau, nên tôi có bắt chẹt ngài trong một tình thế rất có thể bắt chẹt được đâu?

– Nếu ngài bắt chẹt thì tôi đành xin chết.

– Phải... tôi rõ ngài là người "biết" chết trước những cảnh ngộ cần phải chết. Mà Nguyễn phu nhân cũng thế. Còn như Nguyễn tiên sinh thì có lẽ không biết nhìn cái chết bằng một con mắt bình tĩnh.

– Bạn tôi cũng can đảm lắm.

– Phải, tôi đã rõ. Lúc đánh ngài, tôi đi đầu. Vì... xin thú thực, bộ hạ tôi biết ngài bắn giỏi, đứa nào cũng chùng chình không dám tiến lên.

– Giá lúc ấy mà tôi lại chống cự...?

– Thì tôi là người chết trước tiên.

Vương Nhân nói xong, cười vang hầm đá:

– Vì tôi còn sống, nên tôi biết rằng ngài ở vào một tình thế không thể liều mình. Ngài còn có cái bổn phận phải bảo vệ những người mà chủ nhân đã đem giao phó cho ngài.

Trọng Khang cúi đầu:

– Ngài biết nỗi khổ tâm của tôi, thật tôi được đội ơn vạn bội.

– Chẳng những thế, tôi lại còn biết rằng ngài tìm đủ mưu kế để bảo vệ cái túi tiền của người đã mượn ngài nữa.

– Ngài đoán thật đã không sai. Tôi vì quyền lợi của chủ nhân nên phải nói dối ngài. Ngài đã rộng dung cho tôi nhiều lắm.

– Tôi sẵn lòng bỏ qua. Mà tôi đã bỏ qua rồi. Một người có lòng và trí khôn, ở vào tình thế ấy, phải xử như thế. Tôi, tôi cũng đến phải xử như ngài.

Đập mạnh đùi xuống chiếu:

– Ở đời này, chỉ có Tào Tháo mới biết dụng Quan Công; và cũng chỉ có Quan Công mới biết tha Tào Tháo. Quan Công thật là đáng dụng, mà Tào Tháo thật là đáng tha.

Cầm hồ rượu rót vào chén của Trọng Khang:

– Hôm nay, ngài phải uống thật say, chúng ta còn cần phải nói chuyện nhiều.

XXV

– Tôi bắt cóc người ta đã nhiều, nhưng mới thấy có ngài là người đã bị trói, còn dám giơ chân đá vào bụng giặc là một. Ngài thật dám ngạo nghễ cả với cái chết. Những người khác bị bắt, đều run như cái dẽ. Sự sợ chết của loài người nhiều khi bẩn mắt quá, khiến tôi không dám nhìn. Nguyễn phu nhân, cũng vậy. Tôi đem lòng quý phu nhân từ lúc phu nhân dám xông ra hất tay tôi, không cho phạm đến ngài. Ngài nói với phu nhân thế hộ cho.

Trọng Khang thông ngôn cho Khánh Ngọc nghe rồi nói:

– Cô chỉ nghiêng đầu đáp lễ là đủ rồi, đừng có trả lời gì, vì theo tục ở đây, người đàn bà nói ít mới được người ta trọng.

Chàng bịa ra cớ ấy vì chàng biết nếu để Khánh Ngọc nói thì nàng sẽ nói những câu có thể làm cho đau lòng Giáp. Chàng tìm hết cách để tránh cho Khánh Ngọc có thể tỏ tấm lòng yêu đương đối với mình.

– Phu nhân là người can đảm. Và hình như quý ngài lắm.

– Vì tôi làm hết bổn phận một kẻ bề dưới.

– Tôi xem ra phu nhân đối đãi với ngài một cách rất kính trọng không coi ngài là một người bề dưới tí nào. Câu này chỉ nói riêng với

ngài thôi. Tôi rất tiếc cho phu nhân một người tài sắc như thế mà lại lấy phải một người chồng hèn nhát như thế.

– Nguyễn tiên sinh là một người học rộng.

– Học rộng mấy mà hèn nhát thì cái chỗ học rộng ấy có gì là đáng quý. Cái bằng kỹ sư của ông ta chẳng những không chuộc lại được cái chỗ làm người thấp kém mà lại còn...

Trọng Khang vội ngắt lời:

– Ngài nói ngài quý tôi, vậy tôi xin ngài tha cho cái sự phải nghe một người khác phê bình bạn mình. Dù sao, cũng là bạn tôi, người đã cùng tôi trải bước gian nguy.

– Tôi xin chiều ý ngài. Nhưng tôi nói điều này, ngài cũng đừng giận nhé, chẳng qua chúng ta bàn việc đời mà nghe với nhau thôi. Ông trời thật độc ác. Tại sao một người như Nguyễn phu nhân lại không lấy được một người như ngài mà lại đi lấy...

– Tôi đã xin với ngài tha cho tôi mà.

– Thì thôi, tôi không nói nữa. Nhưng tôi cần nói để ngài biết tôi quý ngài mà không nỡ bức bách nhau, chứ ngài không thể đem cái chết ra mà dọa tôi được đâu, bởi tôi biết ngài ở vào một tình thế không thể chết.

– Điều đó bây giờ tôi đã rõ, và tôi rất lấy làm hổ thẹn. Nhưng thật ra, trước đây một giờ, quyền lợi của ngài cũng buộc liền vào với sự sống chết của tôi.

– Có thế.

– Giá dụ, tôi cứ liều chết không chịu viết thư thì ngài xử trí ra thế nào?

– Ông và Nguyễn phu nhân có thể gan được, nhưng đối với Nguyễn tiên sinh thì tôi chỉ trừng mắt, rồi tôi bắt ông ta viết văn tự bán đầu, ông ta cũng phải viết ngay.

– Bạn tôi đâu đến nỗi thế.

– Ông không tin thì để tôi thử cho mà xem.

– Thôi, tôi xin ngài.

– Thì vâng, tôi xin chiều ý. Nhưng nếu tôi là ông thì tôi cần phải đề phòng những người nhìn tôi bằng một con mắt không tốt như thế kia. Tôi xem ra Nguyễn tiên sinh không ưa ông.

– Lời ngài khuyên, tôi xin đa tạ. Nhưng tôi không thể. Tôi không có tính đi đề phòng những người mà tôi đã coi là bạn. Có lẽ thế là tôi dại nhưng tôi không thể làm khác được.

– Thế thì ông lại cao hơn tôi một bực. Tôi xin bái phục. Nhưng ông ơi, xưa kia tôi cũng vì không thèm để ý đến cái chỗ đê hèn của loài người mà bị du vào một tình thế chỉ có sự làm giặc mới có thể giải quyết. Đốc bàn Mai Lin Phố bấy giờ là bạn tôi, ấy thế mà chính y phản tôi. Nếu tôi còn sống, tôi thề phải giết cho được đứa phản bạn ấy.

– Tôi đã được tiếp kiến ông ta mấy lần, tôi đã rõ tâm điền của ông ta, cho nên tôi vẫn khuyên chủ nhân tôi để ý đề phòng.

– Thằng ấy cứ cho nó "ăn" là mọi sự êm cả, chứ không thì anh ruột nó, nó cũng kiếm chuyện.

– Y biết ngài ở đây mà không đem quân tiễu trừ bao giờ à?

– Tôi vùng vẫy khắp vùng này, chứ có ở đâu nhất định. Vì thế, y không thể đem đại đội binh mã đến đánh tôi được. Ồ, nếu y biết tôi ở đây thì khi nào chịu để cho tôi yên. Tôi là lưỡi gươm treo ở trên đầu y. Y vẫn thường khoe với Tỉnh trưởng Vân Nam rằng vùng này y cai trị yên tĩnh lắm, vì thế cho nên... tôi giúp ông mà cũng là để trêu tức y một thể. Tôi đòi tiền chuộc ở chính phủ Tàu, chứ chủ nhân ông thì số tiền mười vạn không có ngay, nhưng vì con gái thì rồi cũng lo được.

– Ngài bảo lo được, nhưng mất mười vạn rồi thì còn gì để sinh nhai nữa.

– Vì nghĩ chỗ ấy mà tôi đòi tiền chuộc ở chính phủ Tàu. Đằng nào tôi cũng có tiền, sao tôi nỡ làm hại ông là người mà tôi biết có phần vào trong cái công việc làm ăn này.

– Cái phần ấy là chủ nhân tôi thương tôi mà hứa cho đấy, chứ thật ra, tôi chỉ là một tên thư ký thôi. Nhưng dù sao, tôi cũng đội ơn ngài nhiều lắm, chủ nhân tôi mà nghèo thì còn gì để chia cho tôi nữa. Còn một điều này, tôi rất lo một khi Đốc bàn Mai Lin Phố có thù với ngài thì y...

– Y không chịu đề nghị với Tỉnh trưởng Vân Nam bỏ tiền chuộc, rồi y đem quân đến đây đánh tôi, tôi phải buộc lòng giết các ông đi chứ gì? Điều đó, ông chớ lo. Ở đây, núi rừng trùng trùng điệp điệp, y biết tôi giam các ông ở chỗ nào. Mà giá dụ có thế nữa, ông cũng cứ yên lòng. Đã biết nhau, sao ta nỡ hại nhau. Tôi chỉ buồn một nỗi vì

phải nghĩ đến mình và các thủ hạ mà không thể thả các ông về ngay được thôi.

– Ngài đối với chúng tôi thế này cũng là quá tử tế rồi, tôi đâu còn dám mong một điều phi lý như thế nữa. Tôi chỉ còn ngại một điều Nguyễn phu nhân là người có nhan sắc, trong khi đêm hôm, ngài xa đây, thủ hạ của ngài...

Vương Nhân cởi khẩu súng Luger đưa cho Trọng Khang, rồi ngắt lời:

– Đây, tôi giao cho ông khẩu súng này. Nếu thủ hạ tôi có đứa nào vô lễ, tôi cho phép ông cứ bắn chết. Khẩu súng này tuy không cùng kiểu với khẩu Mauser của ông, nhưng sức mạnh cũng tương tự, mà lại bắn được những ba mươi hai phát. Tôi đã dùng quen, rất đích. Thôi tôi xin đổi cho ông để làm kỷ niệm. Một khi ở đây về, ông còn làm công việc trong xứ này, tất còn phải cần súng lục tốt và bắn được xa.

– Lòng ngài đối với tôi thật rộng như bể, tôi biết lấy gì để đáp lại.

– Những người như tôi với ông, biết và gặp được nhau là hả hê lắm rồi, sao ta lại nói đến ơn làm gì. À thế nào, ngài thưa với phu nhân, nếu phu nhân bằng lòng, thì ngài lên trên xóm ở với tôi cho vui.

*

* *

Tiệc tan, Vương Nhân đi rồi, Trọng Khang mới bảo với Khánh Ngọc và Giáp:

– Tôi vì muốn bảo vệ cho cô mà phải nói dối với Vương lão gia rằng cô và ông Giáp đã lấy nhau rồi.

Khánh Ngọc phản đối ngay:

– Ai cho phép ông nói dối như thế?

– Tình thế cho phép tôi. Mà chưa lấy nhau thì cũng sắp lấy nhau. Nào có cái gì là khác.

– Ấy thế mà khác nhau nhiều lắm. Tôi không thể nào...

Trọng Khang vội vàng ngắt lời:

– Nhưng khi nguy nan như thế này, các điều nhỏ nhen không thể tính đến được. Tôi chỉ biết chúng ta đây như những kẻ cùng đi một chuyến đò chẳng may bị đắm, phải tìm hết cách để bảo toàn lấy

nhau. Bao nhiêu điều tiểu tiết không nên nghĩ đến. Chỉ nên nghĩ cách làm thế nào cho toàn vẹn cả. Lúc này mà chúng ta không biết thương nhau thì không còn lúc nào nữa.

Chàng nói xong, nhìn Khánh Ngọc bằng một con mắt cầu khẩn:

– Nếu tôi có lỗi với cô, thì cũng xin cô mở rộng lòng mà tha thứ cho tôi.

Câu ấy còn có một nghĩa khác nữa, Khánh Ngọc hiểu, nên nàng không nói nốt câu quyết liệt đối với Giáp. Tuy nàng không nói ra, nhưng Giáp cũng đã thừa rõ. Cái cử chỉ của nàng trong ít lâu nay cũng đã khiến Giáp biết thái độ của nàng đối với mình rồi. Chàng nhìn tương lai trong một cuộc nhân duyên như thế, chẳng còn gì là vui đẹp, nhưng tấm lòng yêu Khánh Ngọc vẫn mạnh hơn cái khí khái làm người của chàng.

Chàng vẫn hy vọng, cho nên khi thấy Khánh Ngọc không nói cái câu đoạn tuyệt, nét mừng lộ rõ rệt ngay trên mặt chàng.

Nét mừng ấy, Trọng Khang nhìn thấy:

– Ông Giáp cũng tha thứ cho tôi nhé. Nhưng tôi biết lòng ông không còn ước muốn gì hơn, nên tôi tưởng cũng chẳng cần phải nói trước với ông.

Khánh Ngọc tức đầy ruột, nhưng vì nể Trọng Khang quá, đành phải lặng im.

– Nghe tôi nói thế, Vương lão gia hứa sẽ trông coi cho cô, chẳng để ai phạm đến. Vì muốn tỏ lòng kính trọng, Vương lão gia có mời tôi lên ngủ trên xóm, để ông và cô ở dưới này.

Khánh Ngọc hét ngay lên:

– Không thể thế được!

Rồi nhìn cái vẻ mặt cầu khẩn của Trọng Khang, nàng đổi giọng:

– Thế thì tôi sẽ chết. Không có ông ở đây, ai che chở cho tôi. François tuy quý tôi, nhưng sức François, anh đừng giận tôi, sự thực như thế thì tôi nói thế. Cửa không có then trong... Không, ông Trọng Khang, ông phải thương tôi. Chứ không bao nhiêu công lao và mưu kế ông bày ra để cứu tôi thoát chết, cũng không ích gì. Ngủ ở cái hang này một đêm với François thì tôi sẽ chết vì sợ hãi. Mà tôi dám chắc, François cũng sợ hãi không ngủ được đâu. Cái thằng ông hắt nước vào mặt lúc trưa, nếu nó thù mà đến đây thì chúng tôi làm thế nào?

– Tôi để khẩu súng này ở đây cho cô.

– Lòng run lên như dẽ, thì súng dùng gì được. Không, ông Trọng Khang, ông phải thương tôi. Và ông hỏi ngay anh François xem anh ấy có dám ngủ ở đây một mình không? Bao nhiêu nguy hiểm chờ chúng tôi. Không, ông phải thương tôi. Nếu không, tôi sẽ oán ông cho tới chết.

– Thế thì tôi biết trả lời Vương lão gia làm sao. Ông ta biết tôi nói dối thì ông ta không tha thứ cho tôi đâu.

– Ông muốn trả lời với y thế nào, mặc ông. Y tha thứ hay không, tôi không cần biết. Tôi chỉ nói cho ông biết nếu ông để cho tôi ngủ ở đây một mình với François thì sáng mai lúc ông xuống đến đây, ông chỉ thấy có cái xác của tôi thôi.

Giọng nói quyết liệt và cái vẻ đau buồn của Khánh Ngọc làm cho Trọng Khang thương xót. Càng thương xót từ khi bị bắt, chàng đã biết tâm hồn Khánh Ngọc cũng là một tâm hồn hùng dũng có họ hàng hơi hướm với tâm hồn mình. Chàng thấy phân vân. "Nàng ghét Giáp, nên không muốn nằm chung một nơi với Giáp, chứ nàng có sợ hãi gì. Bây giờ thuận nghe lời nàng thì một ngày kia, mình có thể thuận yêu nàng. Mà điều đó rất không thể được. Mình không thể cướp tình yêu của một người đã cùng lướt qua cái chết với mình. Nhưng nếu không nghe lời thì có lẽ...".

Trọng Khang vừa nghĩ đến đấy thì Khánh Ngọc đã lê lại gần nắm tay chàng:

– Ông Trọng Khang, thật tình ông không thương tôi ư?

Trong con mắt nàng, thoáng hiện một cái gì... thất vọng ghê gớm như cái chết, Trọng Khang vội vàng nói ngay:

– Thôi được, thế để tôi liệu cách nói với ông ta. Nhưng cô nên nhớ thế thì nguy hiểm lắm.

Khánh Ngọc nắm chặt lấy tay chàng:

– Ừ có thế chứ, chả lẽ lòng một người như ông mà lại là đá, gỗ hay sao?

XXVI

Trọng Khang cởi áo ngoài:

– Bây giờ rượu say, cơm no rồi, ta phải nghĩ đến chỗ ở và giường nằm chứ. Này tiên sinh nào đứng gác đấy?

Một tên đại hán nhòm vào.

– Tiên sinh làm ơn cho tôi xin một ít nước lạnh và một cái chổi để tôi rửa cái sàn đá lồi lõm này đi. Chứ bẩn và hôi thế này, chúng tôi ở đây lâu e có lẽ đến chết mất. Lúc ấy lại mất công tiên sinh phải chôn.

Tên đại hán mủm mỉm cười:

– Tiên sinh nói dại. Tiên sinh khỏe như thế, chết làm sao được. À, mà tiên sinh đừng có gọi tôi như thế. Tôi tên là Séo Súng.

Cửa mở, Trọng Khang ló đầu nhòm ra ngoài thì thấy ở phía đầu hang có chừng mười tên giặc đang xúm nhau vào hút thuốc phiện và đánh bạc.

– Gớm có ba chúng mình mà cái ông Vương Nhân này cắt những một vệ đội để canh. Lại những hai lần cửa. Này ông Giáp, ông thử tưởng tượng, nếu khẩu súng này không phải là của ông Vương Nhân cho chúng mình để bảo vệ, tôi bổ chết ngay tên đại hán đứng gác, rồi xông ra chỗ đang đánh bạc kia. Tôi bắt họ giơ tay, đoạt hết khí giới, dồn tất cả vào gian buồng này, khóa trái cửa lại, rồi chúng ta ung dung ra đi, có phải tiết kiệm được mười vạn đồng không?

– Thế ngộ nhỡ họ đuổi theo thì làm thế nào?

– Cứ xem đi bộ lúc nãy khá lâu, thì từ đây ra chỗ xóm cũng đến gần một cây số. Bọn bị giam ở đây có kêu cũng chẳng ai nghe tiếng. Đến khi họ biết thì chúng mình đã đi xa rồi.

Trọng Khang cười khà khà:

– Hay ta thực hành?

Giáp vội nắm áo Trọng Khang:

– Thôi, tôi can ông, nhỡ họ bắt được thì họ giết mất. Chúng mình lại không thuộc đường lối, biết đi ngả nào?

– Ta cứ đi liều, rồi khắc tìm đường về. Mười vạn bạc to lắm, không liều chết sao có được.

Giáp lại van vỉ:

– Thôi đừng ông. Nhỡ một cái thì khốn cả. Kìa, Marie không can ông ấy đi.

Khánh Ngọc lúc ấy đang vun đống tranh, chạy lại:

– Ông định làm thật đấy à?

– Tôi cùng cô, ta thử mạo hiểm một phen.

– Tôi rất thích mạo hiểm. Nhưng dùng khẩu súng của người ta cho để bảo vệ danh tiết của tôi mà làm phản người ta thì tôi xem ra nó không đẹp. Mười vạn bạc tuy to, nhưng thôi ông ạ.

Khánh Ngọc nói đến đấy thì tên đại hán xách một thùng nước và một chiếc chổi lại. Trọng Khang đổ thùng nước xuống sàn đá:

– Này chú, chú có biết chúng tôi đang bàn bạc gì không?

Séo Súng cười:

– Tôi có phép thần đâu mà bảo nghe được các tiên sinh bàn bạc.

– Chúng tôi đang định bàn nhau trốn đấy. Tôi khuyên các chú nên canh gác cho cẩn thận, chứ tôi xem ra hình như hớ hênh, chểnh mảng lắm. Giá tôi dùng súng này mà choảng vào đầu chú, rồi xông ra áp bách bọn đang đánh bạc kia phải tránh đường cho chúng tôi đi thì hẳn là trốn thoát.

– Nhưng lão gia tôi đã biết rằng các ông không bao giờ trốn. Còn dùng súng bắn chúng tôi thì ông không dám, vì là khẩu súng của lão gia tôi tặng. Ông có biết vì lão gia chúng tôi thương chúng tôi, không muốn cho phải thay nhau canh gác nhọc mệt, nên mới biếu ông khẩu súng ấy không?

– Thế thì lão gia chú ghê gớm lắm.

– Lão gia tôi cái gì cũng biết.

– Biết được cả lòng người ta.

– Chính thế. Nào ông dội nước đi, để tôi quét giúp.

– Thôi chúng tôi làm lấy cũng được. Lão gia các chú muốn cho các chú nghỉ ngơi cơ mà. À, nếu có tranh cho tôi xin một đống nữa thì hay quá.

– Được, ngoài kia thiếu gì.

Cọ rửa gian hầm sạch sẽ rồi, Trọng Khang đem tranh ra bện một cái bùi nhùi thật dài, thật to.

– Ông bện để làm gì thế?

– Để làm cái giường nằm. Cái bùi nhùi này để đóng góc bốn bên, tranh ta bỏ vào giữa, như thế vừa được cao mà không lả tả ra ngoài. Rồi cô xem, nằm ấm và êm không kém gì giường đệm lò xo. Chốc nữa, họ cho gộc củi, ta đốt ở xó kia thì gian hầm này biến ngay thành một lâu đài cẩm thạch.

Khánh Ngọc không nói, lặng lẽ nhìn Trọng Khang, quần áo xắn quá gối, ngồi xếp bằng tròn, tay đang dẻo quẹo như một người thợ lành nghề.

Nàng nhận thấy bất cứ cảnh ngộ nào, chàng cũng đối đầu được, chẳng bỡ ngỡ một cái gì, mà cái gì cũng đã dự tính được từ trước. Lúc nào, chàng cũng vui vẻ, hồn nhiên, khẳng khái và đại lượng.

Khi Trọng Khang đã bện xong, xếp thành một cái giường rồi, Khánh Ngọc mới hỏi:

– Ông học làm những thứ này ở đâu đấy?

Trọng Khang nhíp mắt, nhìn chiếc giường một cách sung sướng:

– Cô hỏi tôi học ở đâu? Tôi cũng không nhớ, nhưng chắc chắn là không phải học ở trường.

– Chỉ học ở trường như chúng tôi thì thành ra những đồ vô dụng. Nhưng lúc này mà không có ông cáng đáng thì chúng tôi còn khổ sở biết đến chừng nào. Tôi, tôi muốn cũng được học ở cái trường của ông, để rồi đây tôi cũng được như ông, bất cứ ở tình trạng nào cũng xử sự rõ ra con người lớn, tự chủ được mình và sai khiến được cảnh ngộ.

– Điều ấy, cô chớ lo. Chuyến này, thoát chết về được đến Hà Nội, cô hiểu biết việc đời bằng một ông cụ già đã sống một trăm năm, nhưng cô lại hơn ông cụ già ở chỗ lòng cô vẫn bồng bột và trẻ trung. Bản chất những con người hào hùng như cô càng lăn ra đời bao nhiêu càng đẹp, càng cao lên bấy nhiêu. Trong khi óc sáng thêm ra thì lòng cũng trong thêm ra.

– Ông quá khen tôi.

– Tôi nói thật đấy. Cô là một tên học trò sắc sảo và chăm chỉ của trường đời.

– Lời khen ấy ở miệng một người như ông khiến cho tôi sung sướng vô kể. Và tôi thấy những tội lỗi của tôi cũng nhẹ đi được đôi phần. Cái sự tôi vòi ba tôi lên đây như thế này cũng không uổng.

– Không uổng thì dĩ nhiên rồi. Nhưng những bài học của cô khí đắt quá mà thôi.

– Ông bảo không đắt thì sao thấm thía được.

– À, cái đó lại là một lẽ khác. Chà chà, giá có mấy cái đinh và một sợi dây gai, ta đóng vào khe đá để khi tắm rửa, hay thay quần áo, ta giăng cái chăn lên thì thú biết mấy. Nhưng thôi, tối rồi, để mai

ta sẽ nghĩ cách. Lỗ Bình Sơn (Robinson) trong chốn hoang vu, còn tìm được đủ thứ để tự túc, huống hồ ta mới chỉ ở một cái hang đá bên cạnh lại có loài người. Mai, ta đem rấp nước những lá tranh này đi thì có thể bện thành một cái thừng được đấy. Chà, cái sàn này tuy lồi lõm, nhưng chỗ này, thì lại nhẵn quá. Giá nhảy đầm ở đây thì sướng biết mấy.

Trọng Khang vừa nói, vừa nhảy mấy điệu "cờ la két".

– Ông cũng biết nhảy đầm đấy à? Ông nhảy với tôi một bài nào.

– Nhảy với đàn bà thì có lẽ tôi không biết. Khi tôi ở lán gỗ, buồn, tôi chỉ học nhảy "cờ la két" cho cứng chân để đi rừng.

– Ông nói dối. Sao lại có lẽ. Đã biết nhảy "cờ la két" thì phải biết nhảy "tăng gô" và quay "van".

– Thì nhảy, nhưng tôi quay valse nhanh khiếp lắm đấy, cô có theo được không?

– Theo được. Ta vừa nhảy, vừa hát. Ông có biết hát Tây không?

– Hát Tây thì tôi không thạo và cũng không thích, tôi chỉ thích có cái khoa Kiều lẩy. Cô thì chắc không biết.

– Tôi ít khi xem chữ quốc ngữ.

– Cái đó là một điều kém, khi về Hà Nội, cô cần phải bổ khuyết. Quyển Kiều là một quyển thơ hay nhất nước Nam mà bất cứ một người Nam nào cũng phải coi là một bổn phận thuộc lòng từ đầu đến cuối.

– Điều đó chẳng cần phải chờ về đến Hà Nội. Ông thuộc lòng thì ở đây ông dạy tôi đi.

– À, cô nghĩ thế mà hay đấy. Cái nghề giáo sư quốc văn cũng vui vui. Cả ngày ở xó buồng này, không kiếm được tý việc gì làm thì buồn đến chết. Nhàn cư vi bất thiện. Ông Giáp có học thì tôi dạy luôn cả một thể.

Nhảy đương dẻo, Trọng Khang bỗng thấy Khánh Ngọc đi sai bước. Chàng cúi xuống nhìn thấy Khánh Ngọc hai mắt nhắm, đang ngả đầu vào vai mình.

Nét mặt đã đẹp mà yêu đương lại làm cho càng thêm đẹp bỗng làm cho Trọng Khang xúc động. Nhưng cái xúc động ấy chỉ chạy qua trái tim chàng như một chớp nhoáng. Chàng nghĩ ngay đến sự đau đớn của Giáp là người bạn đã cùng mình trải gian nguy.

Chàng ngừng ngay lại, Khánh Ngọc mở choàng mắt, đờ đẫn nhìn chàng:

– Cô nhảy dẻo lắm. Một tay quán quân quần vợt có khác. Thôi, bây giờ đến lượt ông Giáp, ông nhảy đi để khánh thành nhà mới của chúng ta.

Khánh Ngọc từ chối ngay:

– Thôi để mai, bây giờ tôi chóng mặt lắm rồi.

Rồi nhìn đến cái quần còn vén quá gối của Trọng Khang:

– Chỉ cái đời chúng mình mới có một cuộc khiêu vũ mà nam kỵ binh ăn mặc kỳ quái như thế kia.

Trọng Khang nhìn xuống chân, rồi cười khanh khách:

– Giá Vương lão gia trả chúng mình ống ảnh để chụp cái sàn nhảy này. Kìa, ông Giáp, sao ông cứ buồn rũ ra thế? Ông nên nhớ: lúc này buồn vô ích. Mà việc gì phải buồn, chẳng qua bị cấm cố mươi lăm hôm. Ông buồn mà sinh ốm đau thì khốn đốn lắm. Chẳng có thuốc thang gì đâu. Chúng mình phải lấy cái vui để chống với bệnh sốt rét nó đang rình chúng mình ở các xó này. Cô nhảy với ông Giáp một bài cho khuây khỏa. Tiếc quá, không có cái gì kêu để đánh, giả làm jazz.

Khánh Ngọc lại kéo Giáp đứng dậy:

– François nhảy đi... Những sự vui vẻ có phải là một điều cố gượng được đâu. Chỉ có những tâm hồn khỏe mạnh mới vui được. Chúng ta bị đầu độc bởi một kiến giải sai lầm, chỉ gục đầu vào sách để luyện óc cho thành con vẹt, mà quên lãng sự trau dồi tâm hồn cho thêm mạnh mẽ. Một giáo dục sai lầm đã làm tê liệt hầu hết những sinh lực làm người của chúng ta. Kìa, không nhảy à?

– Tôi thấy hơi choáng váng trong người. Cái hầm này lạnh lắm.

– Anh mặc bao nhiêu áo mà còn rét. Ông Trọng Khang chỉ một chiếc sơ mi thì sao?

– Sao Marie lại cứ đem tôi mà so sánh như thế? Tôi ví với ông Trọng Khang làm sao được.

Trọng Khang thấy câu chuyện sắp găng, lại vội vàng dàn giải:

– Ở hang đá thì hẳn là phải lạnh. Tại ông không vận động, nên nó rét đấy. Ông nhảy đi một bài cho nó hoạt máu. Từ sớm mai, chúng ta sáng phải dậy sớm tập thể thao. Tôi sẽ dạy ông và cô ít miếng võ. Thôi, ông cố đi, chỉ tí nữa là họ đem gộc củi đến cho ta.

Giáp uể oải nhảy, mà Khánh ngọc cũng uể oải bước theo. Duy có Trọng Khang là ra sức đánh trống mồm.

Bọn giặc đang chơi bạc ở ngoài, nghe tiếng ầm ĩ, chạy đến nhòm vào, rồi cười khúc khích. Trọng Khang chạy ra cạnh chấn song:

– Ê, cười gì? Các chú thì bao giờ hiểu được cái thú khiêu vũ này.

Séo Súng vừa nhìn, vừa bảo Trọng Khang:

– Tôi chưa thấy ai bị bắt cóc mà lại vui vẻ như các tiên sinh.

– Thế nghĩa là cái hang này đã giam nhiều người rồi?

– Ồ, tính biết bao nhiêu mà kể. Nhiều khi họ khóc như ri, chúng tôi phải đánh họ mới im.

– Thế bây giờ thấy chúng tôi cười, chắc các chú cũng bực mình lắm.

– Không.

– Thế thì các chú đi đi để chúng tôi vui. À, thế nào, gần tối chưa?

– Cũng sắp.

– Thế có ai bị giam mà chết ở đây chưa?

– Cũng có năm bảy người. Trong số đó có hai người vì sợ mà chết.

– Hẳn là đàn bà.

– Không. Lại là đàn ông. Có khi ở đây giam đến ba bốn chục người.

– Thế họ nằm ngồi thế nào?

– Nằm lên nhau, ngồi lên nhau ấy.

– Thế các ông không thương họ à?

– Thương? Họ bắt được chúng tôi, họ có thương chúng tôi không?

– Tôi thì tôi thương đấy.

– À, tiên sinh... khác người ta.

XXVII

Một giờ sau, cửa mở. Người mang chăn, quần áo, người gánh củi, người bưng một mâm cháo. Lại kèm cả một cái bàn đèn.

Một tên giặc ăn mặc ra dáng một tên đàn anh nói với Trọng Khang:

– Lão gia tôi bảo bưng bàn đèn xuống để các tiên sinh hút cho đỡ buồn. Lão gia tôi vì bận việc không thể xuống hầu tiếp được.

– Chú về thưa với lão gia rằng ngài đối với chúng tôi tử tế quá.

Cả bọn ra rồi, Trọng Khang bảo Giáp:

– Đấy ông xem, có cái cảnh bị bắt cóc nào mà lại được sung sướng như chúng mình không? Họ đối với mình tốt lắm, ông đừng buồn. Để tôi đi đốt lửa, rồi chúng ta ăn cháo và hút thuốc phiện. Ông cứ nên coi những ngày chúng ta bị giam ở đây là những ngày chủ nhật, chúng ta nằm khàn để tĩnh dưỡng, là tự khắc hết buồn ngay. Nào bây giờ ta học làm hỏa đầu quân.

Trọng Khang vừa mó vào đống gộc tre thì Khánh Ngọc đã tranh lấy:

– Ấy, ông phải để tôi học làm nội trợ chứ. Tôi nhớ lại thì hình như trong đời tôi, tôi chưa nhóm bếp một lần nào cả. Nghe đâu chỉ đốt đèn cồn vài lần để đun sữa thôi.

– Thế thì được, xin mời cô cứ học.

Rồi Trọng Khang ngồi khoanh tay nhìn Khánh Ngọc lúi húi mãi mà không nhóm lên được.

– Cô đã thấy chưa? Đốt đèn cồn với gây lửa để nấu cám lợn như thế này chẳng hạn là hai thứ khác nhau. Cô cứ để cả những cái gộc tướng như thế này, cho vào lửa đốt thì bao giờ cháy. Mở đôi con mắt cho to ra. Và nhớ phải trả tiền công ông thầy dạy nhóm bếp đấy nhé.

Trọng Khang lấy con dao chẻ một cái gộc thành những mảnh nhỏ đặt lên trên một cái mỏm đá, rồi chàng mới chất mấy cái gộc lớn lên trên. Dí mồi lửa vào, tre bắt ngay, chỉ một loáng, lửa cháy đùng đùng.

– Cô đã thấy chưa? "Ăn vóc học quen", câu phương ngôn thật là chí lý. Cô không nhóm được, vì cô không bao giờ học làm cả.

– Đời tôi có ngờ đâu có những lúc này mà học.

– Đời tôi chắc cũng không ngờ, nhưng tôi cứ chịu khó nhận xét để cho biết. Biết được bất cứ thứ gì là lợi thứ ấy.

Khánh Ngọc cười tủm tỉm:

– Nhiều cái trông người khác làm thì rất dễ, đến khi mó tay vào mới biết rằng khó. Bây giờ, tôi đã rõ cái gì ta cũng nên nhiệm nhặt và không thể bình phẩm hồ đồ. Chuyến đi này, tôi khám phá được ra rất nhiều chân lý và tôi nhìn đời bằng con mắt khác xưa nhiều lắm.

– Tốt lắm, tốt lắm. Thứ con mắt ấy là thứ con mắt của người đã trải, đã cảm, đã đắn đo kỹ càng, nghĩa là đã sống một cách hữu ích cuộc đời mình. Sau này, nếu cô làm thầy kiện thì cô sẽ là một tay thầy kiện rất sõi.

– Tôi không bao giờ làm nghề ấy. Có lẽ rồi tôi mở trường dạy học.

– Cô nhớ đừng có "cóp" cái món dạy nhóm bếp của tôi vào chương trình đấy nhé.

– Cái đó còn để xem. Nhưng có lẽ tôi làm báo để truyền bá cho chị em một quan niệm mới về nhân sinh mà tôi vừa sống và tôi cho là đẹp đẽ.

Trọng Khang hất một cái tàn lửa nó bắn vào chân:

– Ấy, việc đó tôi xin can cô. Tôi rất sợ những nhà ngôn luận chưa ráo máu đầu. Tôi đã đọc nhiều tờ báo mà trong đó các ông văn "sỡi" mới rời khỏi ghế nhà trường, nói giăng, nói cuội như những ông tướng.

– Bây giờ tôi không còn trẻ nữa.

– Cô bao nhiêu?

– Tôi hai mươi ba. Nhưng tuổi thì kể gì. Ông chẳng vừa bảo bước đường luân lạc này đã khiến cho tôi sống bằng người một trăm tuổi ư? Bây giờ, tôi đã hiểu thế nào là sống một ngày bằng người khác sống một năm. Và có người sống một năm không bằng kẻ khác sống một tháng.

– Cô nói bây giờ ra vẻ một nhà báo và một triết nhân rồi. Coi chừng rồi các bạn đồng nghiệp lại công kích là thứ triết lý rẻ tiền.

– Phải, ở đời thì cái gì là chả rẻ tiền với những kẻ chưa có dịp sống sôi nổi để ngẫm nghĩ. Việc đời thoáng nhìn, cái gì chả thường như sự nhóm bếp kia. Nhưng ta có lần theo cái đà sống của nó, ta mới rõ nó chẳng thường tí nào. Biết được, làm được là khó lắm. Tôi không biết có thành một tay viết báo có tài không, nhưng nếu tôi viết báo thì quyết là tôi coi thường sự đồng nghiệp công kích. Bởi tôi có một lòng tin mãnh liệt ở những tư tưởng mà tôi viết ra. Những tư tưởng ấy đã được lọc qua bao lần kinh nghiệm...

– Thế có nghĩa là cô đã nhận thấy cái khó ở trong những việc rất thường. Được lắm, được lắm. Chân lý có gì cao xa, bí hiểm đâu. Chỉ có những đầu óc bí hiểm và cầu kỳ không chịu nhiệm nhặt, nhận xét lấy nó trong những việc xảy ra hàng ngày đấy thôi. Thì cô xem những châm ngôn của các cụ để lại, thật rất giản dị, dễ dàng. Tỉ dụ như câu: "Đi một ngày đàng học một sàng khôn". Thật là tầm thường. Nhưng nó chỉ tầm thường với kẻ ngồi xó buồng, nhìn ra ngoài đời. Mà nó rất không tầm thường với kẻ đã đi một ngày đường. Tôi chúa sợ những người dòm vào quyển sách mà bàn việc thiên hạ.

Cái gì họ cũng cho là tầm thường và rẻ tiền. Mà họ quên khuấy đi rằng rẻ tiền ấy là khối óc, trái tim họ chưa được đem ra thử thách với nước, lửa của trường đời. Những chân lý của cuộc đời chỉ là vật sở hữu của ta, khi nào ta đã sống nó. Chứ ăn cắp ở sách và nói thánh tướng thì ai là chẳng nói được. Chê người rất dễ mà xét được lỗi ta rất khó.

– Xét được mà lại sửa được.

– Biết được, nhưng làm được thì lại khó hơn một bực nữa. Thương người cũng dễ, nhưng có những cử chỉ thương người mới khó.

Trọng Khang vừa nói vừa nhìn Khánh Ngọc. Khánh Ngọc hiểu ý cúi đầu.

Đống lửa đã cháy to, than đã đỏ rực, Trọng Khang dập những mảnh tre nhỏ để cho lửa cháy nhom nhem:

– Thôi bây giờ hãng xếp những triết lý lại, ta đi ăn, không nguội cháo.

– Tôi không đói, François có đói thì ăn đi.

– Tôi cũng không đói.

– Bây giờ ông và cô chưa đói, nhưng rồi sẽ đói. Thôi, húp tạm một bát, chứ không tối đói thì không thể như ở nhà, moi "bích quy" ra ăn được đâu.

*

* *

Trọng Khang khêu ngọn đèn dầu lạc:

– Tối nay, Vương lão gia có bụng tốt mời thì ta hút cho thật say. Nhưng mai có mời thì ta phải khước đi. Bởi ở vào cái cảnh buồn bã như thế này, cứ hút mãi thì nghiện mất.

– Phải đấy, hôm nay ông cho tôi hút say. Tôi thấy người tôi buồn bã thế nào ấy.

– Hút thì có thể hết. Nhưng cái lối này gọi là lấy thuốc độc mà chữa bệnh đây. Bệnh khỏi, thuốc độc ngấm vào người.

Trọng Khang tiêm luôn cho Giáp ba điếu.

Đến khi đưa mời Khánh Ngọc, Khánh Ngọc từ chối:

– Đêm qua tôi đã hút rồi.

– Cô không hút thì thôi. Nhưng tôi, tôi hút hết chỗ thuốc này, để thử sống cái đời lười biếng mơ màng một đêm xem sao. Thứ đời ấy, đã lâu lắm tôi không được sống. Nay có cơ hội, sao lại bỏ qua?

– Cơ hội? Chẳng qua bây giờ ông không sống thế, thì cũng chẳng còn cách sống nào hơn. Ông là hạng người biết lợi dụng tất cả các cơ hội, không bỏ qua một thứ kinh nghiệm nào của sự sống. Tôi đã hiểu vì lẽ gì, óc ông và lòng ông rộng rãi hơn tôi và François. Ông chớ cho François hút nhiều, nhỡ thoát đây về mà mắc nghiện thì thật là tránh cái tai nạn này để đâm đầu vào cái tai nạn khác.

– Không, hôm nay phải cho tôi hút say. Tôi thấy buồn lắm.

Khánh Ngọc lấy tay hất lên những sợi tóc xòa xuống má Giáp:

– Lấy thuốc phiện để chữa cái buồn là một việc làm dại dột. Mai đây thuốc phiện tan đi, cái buồn vẫn còn, lại đèo thêm bao nhiêu chất độc ở trong người. Thôi, tôi chỉ cho anh hút ba điếu.

Giáp đã bao phen bị Khánh Ngọc hắt hủi, nay thấy nàng ôn tồn, thân mật với mình, mừng hớn hở:

– Marie đã cấm thì tôi thôi. Ông hút cả đi.

Chàng nói xong, cầm bàn tay Khánh Ngọc hôn, Khánh Ngọc không rụt tay lại, chỉ liếc nhìn Trọng Khang bằng một cái nhìn nó như bảo: "Tôi đã thực hành bài học thương người mà ông dạy tôi đấy".

Trọng Khang cứ nhìn vào cái diện, giả vờ như không hiểu gì hết.

– Thôi thế được, để tôi hút cả. Cô và ông có buồn ngủ, cứ đi ngủ trước đi. Tôi thì ít nhất cũng phải đánh vài lượt sái. Hôm nay tôi sẽ sống hoàn toàn một đêm cái đời của người nghiện.

Rồi rờ ấm tích:

– Chỉ tiếc nước không nóng mấy. Và chúng nó móc cả, chẳng để cho mình một điếu thuốc lá nào.

Khánh Ngọc đang nằm nhổm dậy:

– Ấy, đây tôi còn gói thuốc lá thơm để ở túi trong, chúng nó không móc đến.

– Ồ, thế thì đêm nay, tôi sung sướng hoàn toàn. Nhưng chúng ta còn bị giam ở đây lâu, cô còn có những lúc phải cần đến thuốc lá, tôi chỉ lấy hai điếu thôi.

– Ông cứ hút đi cho thật sung sướng. Tôi chịu ông bất cứ bao giờ, ở đâu, ông cũng tìm được cách sống hoàn toàn và đầy đủ những phút sống của đời ông...

– Ấy, cái bí quyết những nguồn vui của đời tôi là ở đấy. Nhưng có một người lúc này không vui là ông Phó. Chắc ông ta khóc hết nước mắt.

– Và ba tôi nữa.

– Nhưng có những lúc khổ thế này thì cái phút vui khi chúng ta trở về lại càng vui hơn. Ở đời, bất cứ cái gì cũng có ích cho loài người để đi sâu vào sự sống.

– Có khác là có những cái sống đẹp đẽ và những cái sống thấp hèn.

Không một câu nào là nàng không ám chỉ Giáp.

Trọng Khang ngồi dậy, đánh sái không trả lời. Và từ đấy, chàng chỉ hút mà không nói chuyện gì nữa, Khánh Ngọc thì nằm chăm chú nhìn chàng và tìm hết cách để không cho Giáp đụng được vào người mình.

Khi đã hút hết ba lượt sái, Trọng Khang vừa bưng bàn đèn lại cất ở một góc buồng thì Khánh Ngọc đã lôi ngay chăn nằm ra giữa chiếu để bắt buộc Trọng Khang phải nằm cạnh mình.

Lúc ấy, Trọng Khang xét thấy không thể không tàn nhẫn được nữa. Chàng lại ổ tranh, thản nhiên bảo Khánh Ngọc:

– Ấy cô nằm thế không được. Cô nằm trong, ông Giáp nằm giữa, tôi nằm ngoài. Nhỡ có xảy ra chuyện gì chẳng lành thì người ta phải bước qua hai lần người mới đến cô. Chiều nay lạnh, chăn dạ của chúng ta phải nửa nằm, nửa đắp.

Khánh Ngọc không phải là hạng người không biết chống cự một cách quyết liệt những tình cảm thiêng liêng của lòng mình:

– Cái lần người của François có nghĩa gì! Không, tôi phải nằm giữa, không nằm cạnh ông, tôi sợ lắm, không ngủ được.

Trọng Khang không làm sao được, phải bằng lòng. Nhưng trước cái cử chỉ rắn rỏi ấy, chàng thấy lòng mến phục lại tăng lên.

XXVIII

Trọng Khang trở dậy trong khi Khánh Ngọc và Giáp còn ngủ li bì. Chàng quét nhà, thu gọn đống lửa, rồi mượn ấm đun nước pha trà và rửa mặt. Chàng đèo hai cái đanh tre, xin một sợi dây thừng, rồi

treo chiếc chăn dạ lên, ngăn một góc thành ra một cái buồng tắm. Chàng đang đắc chí nhìn ngắm thì Khánh Ngọc trở dậy:

– Ông làm gì đấy?

– Cô trông như thế kia thì phỏng tắm rửa và thay quần áo có tiện không?

– Vì tôi, ông phải khổ tâm nghĩ nhiều thứ quá.

– Sao lúc này, cô vẫn còn nói được những câu khách sáo? Có nước nóng kia, cô rửa mặt đi, và nếu cô thấy cần phải tắm, cô hẵn ra khánh thành cái buồng tắm của tôi đi. Người Xạ Phang hàng năm chưa tắm một lần, họ cho tắm luôn ốm. Nhưng tôi thì nghĩ trái lại: ở đây, mỗi ngày ít ra phải tắm một lần mới không ốm. Xát mình mẩy cho đỏ lên, máu chuyển mạnh thì bệnh sốt rét cũng phải chịu.

Trọng Khang rót một chén nước chè nóng đưa cho Khánh Ngọc.

– Tôi với François thật là đoảng. Biết bao giờ cho tôi tập được cái tính cần lao như ông.

Nàng uống nước xong, lại cạnh cửa sổ tập vận động. Khi thấy mồ hôi đã ra, nàng kéo bồn nước lại buồng tắm.

– Ấy khoan, để pha ấm nước nóng này vào, chứ nước lạnh như băng, tắm làm sao.

– Bây giờ, tôi cũng bắt chước ông tắm nước lạnh.

– Ấy chớ. Muốn tập gì thì hãy chờ khi về nhà.

Rồi mặc dầu Khánh Ngọc không nghe, Trọng Khang cũng đổ ấm nước nóng vào bồn nước lạnh. Tiếng nước rào rào làm Giáp thức dậy. Nhưng vừa nhỏm lên, lại quấn chăn nằm xuống.

Trọng Khang đặt xong ấm nước, chạy lại:

– Ông chưa muốn dậy cơ à?

– Tôi thấy người ê ẩm làm sao. Đêm qua rét quá, cái chăn dạ này không đủ ấm.

Trọng Khang sờ trán thấy nóng hâm hấp:

– Kia có nước chè nóng, ông uống một hớp, rồi tôi lấy chiếc chăn nữa đắp lên cho, ra được mồ hôi, nhẹ đi ngay. Tại hôm qua, ông bị xúc cảm mạnh quá đấy mà.

– Tôi thấy mỏi chân tay và hơi nhức đầu.

– Ông uống thuốc đi, rồi tôi bóp đầu và chân tay cho.

Giáp ngồi dậy. Trọng Khang nhìn thấy mặt chàng đỏ dừ, liền sẽ ghé vào tai:

– Tôi thề sẽ bảo tồn hạnh phúc của ông, ông đừng nên buồn phiền gì. Miễn sao chúng ta khỏe mạnh mà về.

Giáp nắm chặt bàn tay Trọng Khang, tỏ ý cảm ơn, rồi lại nằm xuống.

Khánh Ngọc tắm xong, biết Giáp ốm chạy lại.

– Còn rét run lên thế kia, lấy chiếc chăn trùm vào. Ốm cả ở đây thì thật khốn đốn.

– Tôi không thể ốm được. Có xoàng như anh François thì mới ốm.

Trọng Khang nhìn Khánh Ngọc bằng con mắt trách móc:

– Cô đừng nên nói thế. Cô bóp đầu cho ông ấy, để tôi bóp chân. Ông ấy sở dĩ bị bắt và bị ốm ở đây cũng là vì cô.

Khánh Ngọc cúi đầu không nói gì. Nhưng nàng cũng không chịu bóp đầu cho Giáp.

– Cái bổn phận của chúng ta bây giờ là phải bảo toàn sự yên vui cho đời người bạn đã cùng chúng ta trải những bước này.

Khánh Ngọc vẫn không nhúc nhích. Nhưng ở mắt nàng, nước mắt chạy quanh. Một giọt rơi xuống chăn.

Trọng Khang vờ đi như không nhìn thấy, cứ cắm cúi bóp chân cho Giáp. Khánh Ngọc ngồi một lúc lâu, rồi đứng dậy ra giặt quần áo. Trọng Khang liếc nhìn thấy nàng vừa giặt, vừa khóc. Chàng không dám nhìn nữa, quay đầu vào. Rồi tự nhiên không muốn, nước mắt chàng cũng cứ trào ra. Chàng vội vàng lấy tay gạt đi ngay. Chàng thấy như mình vừa làm một việc nó trái với lời thề mà chàng vừa thề với Giáp.

Bàn tay bóp nhanh và mạnh thêm. Các ý nghĩ miên man xô đến đầu.

"Mọi điều ngang ngửa trong cuộc tình duyên của người ta đều tự như mình gây ra. Mình tuy chẳng làm cái gì để khuyến khích mối tình kia cả, nhưng nếu không có mình? Thì có phải thuận buồm xuôi gió, bây giờ người ta đang khăng khít với nhau không. Đâu có những sự ngang trái. Những sự ngang trái do cái duyên cớ có mình mà sinh ra cả. Mình bây giờ xử thế nào? Cự tuyệt trắng ngay thì Khánh Ngọc đau khổ. Mà Khánh Ngọc thì không đáng đau khổ. Không cự tuyệt, cứ để mập mờ thế này thì Giáp khổ. Mà Giáp bây giờ đang ốm. Có lẽ

ốm vì sợ, mà cũng có lẽ ốm vì buồn. Hay ta bảo phăng ngay cho Khánh Ngọc biết".

Chàng quay đầu lại thì thấy Khánh Ngọc tay đang cầm chiếc áo đứng nhìn mình. Mặt nàng lúc ấy là tượng hình của thất vọng. Làn da gì mà tái nhợt như chẳng còn một chút sinh khí. Dưới ngọn đèn dầu cá lắt leo, đôi mắt xưa kia linh động biết bao, bây giờ như không còn chút ánh sáng. Cả cái cảnh tượng ấy đập ngay vào trái tim Trọng Khang. Cái miệng toan nói những câu quyết liệt, bỗng phác một nụ cười:

– Cô có thấy cóng tay không?

Khánh Ngọc sẽ lắc đầu, rồi quay đi phơi áo. Không nhìn thấy, nhưng Trọng Khang cũng thừa biết rằng đôi mắt nhung lúc này đang đẫm lệ.

Chàng thấy cần phải nói huyên thiên để trấn áp những cảm giác nó đang rạo rực ở trong người:

– Chà, hôm nay chắc tuyết xuống nhiều lắm. Không có lửa thì dễ thường đến chết rét. Ông Giáp ốm là phải. Cái gì mà lạnh như ở trong thùng nước đá.

Chàng nói đến đấy bỗng im. Một thứ gì giá buốt như vừa ở ngoài trời đột nhập vào trái tim chàng; cái cảm giác ấy đến cùng một lúc với cái ý nghĩ về tâm trạng của Khánh Ngọc. Chàng hình dung thấy cả cái giá buốt của lòng nàng lúc bấy giờ.

*

* *

Trọng Khang đang thay áo cho Giáp thì tên tướng giặc vào.

– Có thư nhà gửi đến cho các ông đấy. Nguyễn tiên sinh làm sao thế?

– Bạn tôi hình như phải cảm.

– Nặng hay nhẹ?

– Hình như có thể nặng, nếu không có thuốc.

– Ở đây, chúng tôi dùng toàn thuốc lá và rễ cây. Thôi hãy để xem, nếu bệnh không lui, tôi sẽ sai người đi lấy về.

– Đa tạ ngài. À thế nào, người nhà tôi nói những gì với ngài.

– Hẹn nội trong mười lăm hôm, sẽ đem đến chỗ ước định, nộp đủ số tiền. Và trong thời kỳ ấy, quan quân không hành động gì.

– Nếu thế thì may mắn cho chúng tôi lắm rồi. Bây giờ xin ngài thương đến bạn tôi. Cơm chắc là ăn không được. Vậy ngài làm ơn cho chúng tôi xin ít gạo và mượn cái nồi để lúc nào tiện, chúng tôi nấu cháo. Giá có vài quả trứng nữa thì hay quá.

– Cái gì chứ những thứ ấy thì rất sẵn. Ông cần dùng thứ gì cứ bảo, tôi xin chịu biên đủ.

– Cám ơn ngài. Bây giờ ngài có muốn biết trong thư, người nhà chúng tôi nói những gì không?

– Không cần.

Tên tướng đi ra, Trọng Khang và Khánh Ngọc giở bức thư cùng đọc:

Con Marie yêu quý,

Ba biết được con không làm sao là ba mừng rồi. Con đừng có buồn gì cả. Ba không giận con đâu. Còn số tiền nội trong mười ngày ba sẽ về Hà Nội lấy lên. Nếu chính phủ Tàu không bồi thường thì cầm bằng như việc này, ba làm không có lãi. Nhưng nói thế thôi, chứ chắc ba đòi được. Con nói với François đừng có lo lắng gì cả. Chuộc được con xong thì con với François cùng về Hà Nội, ba sẽ cho làm lễ cưới ngay. Để ông Trọng Khang một mình trông coi ở trên này cũng đủ rồi.

Đọc đến đoạn này, mặt Khánh Ngọc đang vui vẻ bỗng cau lại. Nàng lẩm bẩm:

– Về Hà Nội, về Hà Nội để làm gì?

Trọng Khang cứ đọc tiếp:

Ba chỉ lo con và François ốm và bị người ta hành hạ. Những lúc này, không phải là lúc có thể bướng được, con phải chịu khó nhẫn nhục cho qua. Nhỡ con có thế nào thì ba và mẹ ở nhà không sống được đâu.

Khánh Ngọc xem xong òa khóc:

– Ba tôi chẳng nói gì đến ông cả. Mà không có ông thì chúng tôi bị ngược đãi cũng đến chết. Ba tôi chỉ nghĩ đến con người vô dụng.

– Ồ, cô đừng nên thế. Cụ không trách móc tôi thế cũng là may mắn cho tôi rồi. Để tôi gọi ông Giáp dậy, đọc cho ông ấy nghe, may ra vui mà khỏi.

– Đọc làm gì?

Khánh Ngọc choài mình giằng bức thư toan xé, nhưng Trọng Khang đã nắm chặt được tay nàng.

– Cô... cô đừng nên...

Khánh Ngọc buông bức thư, chạy ra góc buồng ôm mặt khóc nức nở.

Trọng Khang mở chăn:

– Ông Giáp, ông Giáp, có thư nhà lại đây, chúng ta chắc chắn là thoát chết rồi.

Giáp đang rên khừ khừ, mở mắt.

– Để tôi đọc cho ông nghe nhé.

Trọng Khang đọc xong bảo Giáp:

– Đấy, ông đừng có buồn gì nữa. Cố cho khỏi đi. Chẳng qua cái hạn của ông trong mươi ngày thôi. Rồi đây về Hà Nội, mọi việc ông sẽ được như ý cả.

Giáp quay nhìn thấy Khánh Ngọc đang khóc liền hỏi:

– Thôi, thầy đã không giận em, sao em còn khóc.

Khánh Ngọc không trả lời. Giáp lại gọi:

– Maire, lại đây. Ô hay...

Khánh Ngọc càng khóc to. Trọng Khang sợ Khánh Ngọc bực mình nói những câu tàn nhẫn, vội can Giáp:

– Thôi ông đừng gọi nữa mệt. Để cho cô ấy khóc một tí cho hả. Ông đắp chăn vào không lạnh. Tôi bóp đầu cho ông nhé. À ông thấy trong người thế nào?

– Tôi thấy rét quá.

– Thế để tôi xê đống lửa lại gần đây.

Trọng Khang đứng dậy nhấc những gộc củi đang cháy để lại gần chỗ nằm. Rồi lại trèo lên chiếu bóp đầu cho Giáp. Khánh Ngọc vẫn đứng khóc.

– Quái, sao khóc nhiều thế?

– Đàn bà ai chẳng thế. Phương chi lỗi lại tự cô ấy mà ra. Thôi ông cố ngủ đi. À nếu ông thấy trong người bệnh tăng thì phải bảo tôi đấy nhé.

– Đầu nhức như búa bổ. Giá có mấy viên aspirine?

– Ở đây làm gì có những thứ ấy. Nhưng tôi có biết mấy bài thuốc lá cũng rất công hiệu. Nếu ông thấy khó chịu quá thì ông bảo tôi, tôi sẽ nhờ người ta hái hộ.

– Thuốc lá thì tôi không dám dùng.

– Thôi thế cứ để xem.

Trọng Khang kéo chăn trùm lên đầu Giáp để cho khỏi nghe tiếng Khánh Ngọc khóc, nhưng Giáp hất chăn ra:

– Ông làm ơn dỗ Marie hộ tôi. Tôi thấy Marie khóc, lòng tôi không chịu được.

Trọng Khang vụt thấy mình bị du vào một tình thế khó xử. Dỗ làm sao? Nói làm sao? Chàng biết rằng nếu mình nói thì lại càng như gợi mối đau ở lòng nàng. Nhưng thương Giáp ốm và sợ Giáp nghi, chàng đành phải theo lời.

Chàng muốn nói một vài câu khôi hài để quấy quá cho xong chuyện. Nhưng chàng không thể nói, vì tâm trạng chàng lúc ấy, cũng đang trong nghiêm trọng. Chàng thấy bực dọc:

– Thôi cô nín đi. Không tôi nghe thấy cô khóc, tôi khổ lắm.

Khánh Ngọc càng nức nở. Trọng Khang càng bực dọc:

– Ô hay, thế ra cô không biết nể tôi một tí nào cả. Bọn giặc nó biết, còn ra thế nào?

Giọng nói khô khan và như có vẻ giận dữ.

Khánh Ngọc quay đầu lại:

– Thôi tôi xin lỗi ông. Tôi không muốn khóc, tôi biết khóc là hèn, nhưng lòng tôi nó cứ bắt phải khóc, biết làm thế nào.

Nàng nói xong, lại giường nằm kéo chăn trùm kín cả đầu.

Nhìn chiếc chăn động đậy, Trọng Khang biết rằng nàng còn đang thổn thức. Chàng thấy hoang mang cả người. Chàng giơ tay toan vuốt chỗ chăn mà chàng biết đấy là đầu nàng, nhưng cánh tay vừa giơ ra thì một ý nghĩ đã bắt rụt ngay lại.

XXIX

Cơm bưng vào, Trọng Khang xem đến Giáp thì ngủ mê man mà gọi Khánh Ngọc thì nàng trả lời gọn lỏn.

– Tôi không ăn.

Trọng Khang khẽ mở chăn:

– Cô có thấy trong người làm sao không?

– Tôi chẳng thấy làm sao cả, nhưng tôi không thấy đói.

– Cô cố ăn một bát.

– Cố làm sao được hở ông!

Giọng nói đượm một chán chường và ủ một oán hận. Trọng Khang không còn biết nói làm sao, đành phải quay ra ngồi ăn một mình. Nhưng quái, hạt cơm chàng nhai sao không thấy có vị. Sự ngon miệng những ngày trước không thấy đến với chàng. Không ngon miệng mặc, chàng cũng theo lệ ăn đúng sáu bát. Ăn xong, chàng thẫn thờ ngồi nhìn hai người quấn chăn như hai con sâu nằm ở hai bên giường, lòng tràn ngập một phân vân và một buồn tẻ. Một bên cứ rên đều, một bên cứ nằm im không nhúc nhích. Chàng thấy thương cả hai, nhưng muốn cho một người vui phải bỏ một. Mà chàng thì không thể. Cảm tưởng chàng lúc ấy bông lông, tinh thần thì tán loạn, chẳng còn biết mình muốn gì và nghĩ gì.

Ngồi chán, bỗng chàng cau mặt vỗ mạnh xuống chiếu rồi bước xuống đất. Khánh Ngọc mở chăn nhìn rồi lại trùm kín.

Trọng Khang đi đi, lại lại ở trong hầm mấy chục lượt, rồi hình như sự cử động đã đem đến yên tĩnh cho tâm hồn, chàng đến kéo chăn Khánh Ngọc, Khánh Ngọc vẫn chẳng nhúc nhích. Chàng sẽ vuốt những sợi tóc bơ phờ rủ xuống mặt, rồi khẽ gọi:

– Cô, cô!

Khánh Ngọc mở mắt. Nhưng mắt vừa mở, nước mắt đã theo mí mà trào ra.

– Cô có muốn nghe lời nói ngay thẳng của một người bạn rất quý mến cô không?

Mi mắt chớp để rơi những hạt lệ xuống cánh tay.

– Chúng ta bây giờ phải có cái bổn phận đối với người ốm đang rên ở bên cạnh này. Tôi nói thế này thì có kẻ cho là chướng tai, nhưng cô đã gần tôi lâu, chắc cô hiểu: chúng ta nhiều khi cũng phải biết sống vì người khác, vì những lẽ khác, ngoài những lẽ gây ra bởi tấm lòng vị kỷ. Cô đừng nên làm cho tấm lòng tôi quý mến cô giảm đi. Tôi thành thực mà nói rằng: tôi quý mến cô nhiều lắm.

Khánh Ngọc nhắm mắt, rồi lại mở to, rồi bỗng mồm mếu xệch đi:

– Thế bây giờ ông bảo tôi phải làm thế nào?

– Cô dậy rồi chúng ta cùng nấu cháo búp cho ông Giáp ăn.

– Tôi có biết nấu cháo búp là thế nào!

– Tôi sẽ dạy cô.

Khánh Ngọc giơ tay, Trọng Khang nắm tay nàng đỡ dậy. Chàng lại bồn nước, vò chiếc khăn mặt rồi đưa cho Khánh Ngọc:

– Cô nên xử ra một người... can đảm, biết tự chủ được mình để xứng đáng với bài học mà cô đã lặn lội từ Hà Nội lên đây để học.

– Nhưng tôi còn hèn yếu thế này, thì nào đã học được gì đâu!

– Cô đã học được của trường đời nhiều rồi. Nhưng... biết coi thường nguy hiểm ở ngoài chưa đủ. Nếu cô biết sai khiến được lòng cô nữa thì cô sẽ hoàn toàn.

Khánh Ngọc nhìn Trọng Khang bằng một cái nhìn sâu thẳm:

– Ông tưởng sai khiến được lòng mình dễ đấy à? Nhưng thôi, tôi cũng nghe ông, tôi xin cố để xứng đáng là đứa học trò của ông.

– Cô là người quả cảm, Vương lão gia cũng phải kính phục, tôi tin rằng nếu cô... muốn, là cô có thể làm được.

Khánh Ngọc đứng dậy, sửa lại mái tóc, rồi thở dài:

– Nào ai muốn những cái gì nó giết đời mình.

Trọng Khang tảng lờ như không nghe thấy:

– Bây giờ tôi cọ nồi, cô vo gạo, rồi ta nấu cháo.

– Ông bảo cháo búp nấu thế nào? Tôi thật là một người đàn bà rất đoảng. Có lẽ kiếp tôi chỉ có thể lấy một người đàn ông đoảng như Giáp, chứ một người đàn ông khá, chắc là người ta phải khinh tôi.

– Như cô bây giờ thì không ai có quyền khinh cả. Cô đừng nên tự mạt sát mình một cách vô lý như thế. Cô ở vào một hoàn cảnh nó không cho cô biết những thứ đó.

Khánh Ngọc kéo đôi ủng đi vào chân cho đỡ lạnh, rồi đem gạo đi vo.

– Ấy cô cho khá vào. Cô cũng phải ăn chứ?

– Bụng tôi đầy chẳng thấy đói một tí nào cả.

– Nhưng cũng phải cố mà ăn. Những lúc này không phải như ở nhà. Bất ngờ có thể xảy đến từng giờ. Có no lòng thì khi gặp việc mới đủ sức mà đối phó.

– Thế hay mâm cơm họ chưa bưng đi, tôi ăn vậy.

– Thôi, cô đang... thế, ăn sợ đầy. Chốc cô húp bát cháo đập quả trứng được rồi. Cháo búp ăn nhẹ, dễ tiêu. À quên, tôi chưa giảng cho cô thế nào là cháo búp. Cháo thường thì cứ cho gạo vào nước đun. Cháo búp thì khi sôi nước đổ cái nước đầu đi, rồi lại cho nước vào đun. Tôi không phải là nhà khoa học, chẳng hiểu làm thế thì có ích gì, nhưng thấy các cụ ta vẫn nấu như thế cho người ốm ăn thì tôi theo.

*

* *

Cháo nấu xong, Trọng Khang đập hai quả trứng vào bát, rồi múc đầy cháo đưa cho Khánh Ngọc:

– Cô quấy lên. Rồi húp đi. Cô xem có sánh không? Chúng mình cũng là những tay nuôi người ốm khá lắm đấy chứ.

Khánh Ngọc vừa toan húp, Trọng Khang đã lại cản:

– Ấy chết, chưa có muối. Thế mà cứ khoe khéo mãi. Gói muối đây, cô liệu mà dùng bao nhiêu thì cho vào.

Khánh Ngọc húp xong bát cháo, toát mồ hôi. Trọng Khang lấy khăn tay đưa cho nàng.

Lau mặt xong, Khánh Ngọc cười bảo:

– Ông đối với tôi săn sóc quá. Tôi có cái cảm tưởng như tôi là em bé của ông.

Một cái nhìn yêu đương kèm theo câu nói ấy.

– Thì những gian nguy mà ba chúng ta cùng chung sống đã kết chúng ta thành anh em rồi.

Nụ cười rụng ngay trên làn môi son.

– Thôi bây giờ cô lại đánh thức ông Giáp dậy cho ông ta tỉnh đã. Tôi múc cháo, rồi cô ép ông ta thì ông ta phải ăn.

Khánh Ngọc buồn rầu lại giở chăn lay gọi Giáp. Bỗng nàng hốt hoảng gọi Trọng Khang:

– Trời ơi! Sao nóng như lửa?

– Thì tôi đã bảo ông ấy mệt nhiều quá. Nếu cơn sốt cứ tăng mãi thế này thì nguy quá. Hay tôi nhờ người lấy thuốc lá cho ông ấy uống nhé? Nhưng chỉ sợ ông ấy không chịu uống.

– Không, ông cứ nhờ lấy, tôi ép uống thì phải uống.

– Cô thử gọi xem có tỉnh không nào?

Khánh Ngọc cầm chiếc khăn mặt nóng ở tay Trọng Khang, lau mặt cho Giáp, rồi dỗ dành:

– Chết làm sao được. Anh chịu khó húp mấy thìa cháo cho đổ mồ hôi là tự khắc khỏi.

Giáp lắc đầu:

– Chết mất! Ăn làm sao được!

– Nói dại nào. Cảm xoàng một tí có làm sao.

Trọng Khoang đỡ lưng Giáp, còn Khánh Ngọc thì dùng thìa đổ.

Hết bát cháo, hai người trùm kín cả ba cái chăn lên mình Giáp.

– Nếu toát được mồ hôi thì thế nào cũng đỡ.

Mồ hôi đã chẳng toát ra, mà mười phút sau, Giáp bỗng thổ hết. Nôn xong Giáp lại rên, lại than. Than dứt lại nôn.

Mặt thì đỏ như gấc, mà hơi thở thì nóng giẫy.

Khánh Ngọc thấy thế, vùng bưng mặt khóc:

– Nếu anh ấy có mệnh hệ nào thì thật là tôi giết anh ấy. Trời ơi! Tôi làm chết bao nhiêu người rồi! Tôi thật là một con khốn nạn, một đứa không lòng ruột.

– Ô, cô khóc, cô than thế có ích gì? Có khỏi được người ốm đâu. Những lúc này, mới cần phải biết không rối loạn.

Khánh Ngọc bùi ngùi lau nước mắt:

– Thế bây giờ, ông bảo làm thế nào?

– Chỉ còn cách mời Vương lão gia và nhờ ông ta lấy thuốc lá hộ.

Trọng Khang nhờ tên gác đi mời thì nửa giờ sau Vương Nhân đến với một người thầy thuốc.

Trông thấy cái bộ dạng lẩm cẩm của tên thầy thuốc, Khánh Ngọc nói ngay:

– Tôi chỉ sợ những ngữ này chẳng biết gì, uống thuốc vào chẳng công hiệu, lại thêm hại.

– Biết làm thế nào? Ở đây người ta ốm đều nhờ y cả. Chẳng có thuốc như ở Hà Nội mà người ta vẫn sống. Cô cứ để y bốc thuốc xem sao. Tôi ở rừng những lúc ốm cũng chỉ uống thuốc lá đấy thôi.

Người thầy thuốc nhể các mạch máu ở tay, ở chân, ở mặt, rồi lấy lá về cho uống.

Bệnh chẳng thấy chuyển, Giáp cứ mê man nói lảm nhảm. Khánh Ngọc lo, mặt héo lại.

Đêm hôm ấy, cả hai đều không ngủ. Đến khuya, Trọng Khang mới lấy một chiếc chăn ở trên mình Giáp bảo Khánh Ngọc:

– Cô cứ lo buồn và vất vả quá, nhỡ lại ốm nữa thì thật là khốn đốn. Cô ngủ đi để tôi canh cho.

– Thôi để ông ngủ. Tôi nhỡ có ốm nữa cũng chẳng sao, chứ ông mà ốm thì thật là chết cả nút. Ông vì tôi đã khổ sở bao nhiêu rồi.

Khánh Ngọc nói xong, lại khóc.

Trọng Khang nắm tay Khánh Ngọc:

– Lúc này cô phải nên tỏ ra một người có đảm lực. Sống, ta phải can đảm từng phút, từng giờ; chứ chỉ can đảm trước một cái chết, không đủ. Bây giờ, những câu nói suông không ích gì cả. Lúc này là lúc cô phải biết nghe lời tôi. Cô ngủ đi, tôi dầu sương, dãi nắng và chịu nhọc mệt đã quen, dẫu có thức luôn ba đêm, cũng chẳng sao cả. Cô phải nên tự lượng sức mình, không nên cố. Cô mà ốm nữa thì còn làm cho tôi khổ sở gấp mấy.

– Vâng thế thì em xin ngủ.

– Ừ là em thì bảo phải nghe.

– Nhưng đêm lạnh, ông cũng phải trùm chăn lên chứ, không em tưởng tượng ông lạnh, em không tài nào ngủ được.

Nói xong, nàng chẳng chờ Trọng Khang trả lời, khoác chiếc chăn lên chân Trọng Khang, rồi nằm xuống cạnh. Trọng Khang vì muốn cho nàng ngủ, nên phải để yên.

XXX

Giáp mê man cho mãi đến gần sáng, mới đòi uống nước. Khánh Ngọc lúc ấy cũng thức dậy.

– Thôi ông để em lấy cho. Thế nào François đã thấy đỡ chưa?

Giáp cứ nhắm mắt chẳng trả lời, uống nước xong, lại nằm xuống rên khừ khừ.

– Cô cứ ngủ đi. Đã biết đòi uống nước là bệnh không nặng mấy.

– Thôi, bây giờ đến lượt ông, em ngủ thế cũng đã đủ rồi. Ông nên nghe lời em để cho em được vui vẻ một chút.

– Thế thì vâng. Nhưng tôi đã ngủ thì say lắm. Nhỡ có thế nào cô gọi tôi nhé.

Khánh Ngọc chèn chăn vào hai bên vai cho Trọng Khang rồi ngồi xuống cạnh lấy một điếu thuốc lá thơm ra hút. Thấy Trọng Khang chưa ngủ, nàng giơ điếu thuốc lá gần môi Trọng Khang:

– Cả ngày hôm nay, ông không có thuốc lá hút, chắc là thèm lắm. Ông hút với em một hơi.

Tay Trọng Khang đang duỗi thẳng ở trong chăn khuỳnh lên để cầm. Chẳng may chạm phải đùi Khánh Ngọc, điếu thuốc lá ở trên tay nàng bỗng rơi xuống, lăn ngay vào cổ Trọng Khang.

– Trời ơi! Có bỏng không ông? Em thật vô ý.

Nàng nhặt vội điếu thuốc, rồi cúi xuống nhìn vào cổ Trọng Khang. Hai mặt gần giáp nhau, hơi thở của nàng phà vào má chàng. Bất giác, Trọng Khang nhắm mắt. Nhưng may, Khánh Ngọc đã ngửng đầu lên:

– Trời ơi! Tối quá, chẳng trông thấy gì hết. Thôi bỏng đâu để em xoa đền.

Trọng Khang vội vàng kéo chăn:

– Cái lối chữa bỏng của cô học ở đâu đấy? Thế thì có rát chết; kìa thuốc đâu, cô cho tôi hút?

– Em bối rối quên khuấy đi mất. Thôi ông đừng giơ tay ra nữa lạnh, để em cho ông hút. Em gái hầu anh trai mà.

Cứ hút xong một hơi, Khánh Ngọc lại để vào tận môi cho Trọng Khang. Mỗi lần, bàn tay nàng chạm vào môi chàng, nàng lại thấy lòng tràn ngập một khoái cảm. Nàng ao ước điếu thuốc không bao giờ hết. Nhưng vừa đến hơi thứ năm thì mắt Trọng Khang đã thấy nhắm. Biết cái lối hút thuốc ấy nguy hiểm, Trọng Khang phải giả vờ ngủ.

Khánh Ngọc tần ngần nhìn cái khuôn mặt rắn rỏi như tạc vào đá ấy một lát lâu, rồi không cầm được lòng yêu mến, nàng sẽ lấy tay xoa khẽ vào trán. Lúc ấy, Trọng Khang cũng vẫn chưa ngủ, nhưng chàng cứ phải vờ ngủ. Chàng tự nhủ: "Nếu mở mắt ra lúc này thì thế nào cũng có những lời thú nó du mình vào một tình thế không đẹp đẽ".

Chờ Khánh Ngọc nhấc tay, chàng mới giả vờ ú ớ, rồi quay đầu ra ngoài. Thì liền đó, một giọt nước mắt nóng hổi rơi xuống má chàng. Chàng nghiến răng, cố nghĩ đến Giáp. Rồi chàng thầm đếm: một, hai, ba, bốn. Đếm đến gần ba trăm thì giấc ngủ đến.

*

* *

Gần đến bữa cơm, chàng trở dậy thì đã thấy có nước chè, nước rửa mặt sẵn sàng. Khánh Ngọc như chỉ rình chàng dậy là bưng đến.

– Ông uống nước rồi đi tắm đi. Ngủ ít mà tắm một cái thì cũng tỉnh lắm.

– Cô chịu khó nhỉ. Ha, ha, mình đã có một cô em gái để hầu mình.

– Em học cái nết chăm chỉ của ông đấy.

Trọng Khang vươn vai:

– À thế nào, ông Giáp...

– Cứ rên khừ khừ và ngủ li bì thế thôi. Em đã nấu cháo sẵn, nhưng muốn để ông ngủ, nên không đánh thức anh ấy dậy.

Trọng Khang lùa tay vào trong chăn:

– Còn nóng lắm. Nhưng bệnh không tăng. Để hôm nay, lại cho uống thuốc xem sao.

Khánh Ngọc lấy chiếc chăn treo ra góc hầm đá, rồi bưng bồn nước vào.

– Thế cô không tắm à?

– Em hai ngày tắm một lượt. Tắm luôn sợ tốn nước, tốn củi. Người ta tốt với mình, mình không nên lợi dụng.

– Thế cô bảo với họ thế nào mà có nước đấy.

– Em ra hiệu bằng tay, bằng mắt và bằng mồm.

Trọng Khang tắm xong, toan giặt quần áo thì Khánh Ngọc đã giằng lấy:

– Để em. Những việc này về phần đàn bà. Ông giặt nếu có ai trông thấy họ cười và khinh em đi.

– Nếu cô bị giam ở đây ba tháng nữa thì cô thành một người nội trợ số một.

– Quái, em làm việc thấy khoan khoái đáo để.

– Thì dĩ nhiên. Sinh thú của sự sống là làm việc. Bây giờ cô mới biết à?

– Em nghe nói thì đã lâu. Nhưng bây giờ em mới sống cái chân lý ấy. Thế thì bảo rằng bây giờ em mới biết cũng thế.

– Mà cái chân lý này cô cũng lại sống rồi: một chút vất vả, một chút gian nan, một chút khổ sở cần cho sự trau dồi bản ngã.

– Em đương sống thì đúng hơn.

– Bao giờ mà cô sống cái chân lý này nữa thì đạo của cô cao lắm: tình yêu làm cho người ta sung sướng, một thứ sung sướng đau khổ, nhưng tình thương thì bao giờ cũng làm cho người ta thư thái.

Khánh Ngọc nhìn thẳng ngay vào mắt Trọng Khang:

– Nhưng ông đã yêu bao giờ chưa?

Trọng Khang ngập ngừng:

– Chưa.

– Thế thì ông không có quyền nói.

Ngửng đầu một cách kiêu hãnh:

– Cái quyền nói ấy là về phần em, bởi em đã yêu. Thứ đau khổ của yêu đương là một phương diện của hạnh phúc. Hay nói một cách khác thì nó là một yếu tố để hiểu sự sống. Ông từng trải cái gì, chứ về lòng người thì phải kém em.

– Thì đành là tôi kém. Có lẽ suốt đời tôi, tôi gạt sự yêu đương đi, bởi tôi thấy nó làm phiền phức cuộc đời.

– Thế thì không bao giờ ông hiểu sự sống cả. Và cũng không bao giờ ông sống hết cái sức điện ở trong người ông cả.

Khánh Ngọc nói bằng một giọng tin tưởng nó làm như rung bốn bức tường đá.

Trọng Khang trố mắt nhìn nàng, nhìn cái vẻ đẹp của nàng lúc bấy giờ, rồi bỗng thấy mình như đứng trên một cái gì nó đang chuyển động.

Thì vừa may, có người mang cơm đến; chàng đỡ mâm cơm, rồi cố bông đùa:

– Chà, cô bây giờ nói bằng cái giọng của tín đồ trước một thần tượng.

Rồi thấy giọng bông đùa trong lúc ấy làm cho mình thấp kém, chàng lại vội chữa:

– Mỗi người chúng ta có một quan niệm riêng về nhân sinh do di truyền, tập quán và hoàn cảnh gây nên. Tôi không thể lấy cái quan

niệm về nhân sinh của tôi mà chê cái quan niệm của cô được. Cô cứ sống quan niệm của cô mà tôi cứ sống quan niệm của tôi. Chúng ta đều còn trẻ. Biết đâu có một ngày kia, cô chả phải nhận cái quan niệm của tôi là đúng.

– Điều đó còn thuộc về tương lai. Nhưng em tin chắc rồi đây thế nào ông cũng phải cho cái quan niệm của em là đẹp.

Ngừng một khắc:

– Mà cái ngày ấy có lẽ không lâu, vì một người như ông thì không thể không rung động tất cả những cảm giác đẹp đẽ của nhân loại.

– Thì hẵng chờ đến ngày ấy. Bây giờ, tôi và cô, ta hãy sống cho tình bạn. Cô múc cháo, tôi đánh thức ông Giáp dậy.

– Thôi ta hãy ăn cơm. Cứ để cho anh ấy ngủ. Cháo chưa được dừ mấy.

– Thế bây giờ tôi cứ nhờ tên này mời thày thuốc lát nữa đến nhé. Gớm, mới có một ngày một đêm mà ông ta đã róc cả người đi.

– Hay ông nhờ người ta lấy những thuốc lá của ông. Thế là chắc chắn hơn. Bởi ông đã dùng qua vài lần và thấy hiệu nghiệm.

XXXI

Giáp sốt li bì trong bốn hôm. Hai người nâng giấc, săn sóc Giáp một cách rất chăm chút, nhưng vì không có thầy thuốc, nên cứ đành phải theo thuốc lá xì xằng của thầy Nùng.

Đã nhiều lúc nguy kịch, hai người ôm Giáp khóc nức nở. Nhưng đến đêm hôm thứ tư, bệnh tình bỗng thuyên giảm. Đang lúc hai người khoắc khoải ngồi cạnh Giáp thì Giáp mở mắt, rồi ngồi nhỏm dậy kêu đói.

Cả hai mừng rỡ ôm chầm lấy Giáp hôn lấy hôn để.

Khánh Ngọc vừa hôn, vừa xuýt xoa:

– May quá, tôi tưởng anh có bề nào thì đời tôi thật hối hận cho tới chết. Để tôi nấu cháo cho anh ăn nhé.

Giáp hổn hển:

– Nấu cháo thì lâu quá. Tôi đói lả.

– Thế anh ăn trứng "la coóc" vậy. Thôi, nằm xuống để tôi đi đun nước.

– Tôi nằm mãi ê ẩm cả người rồi. Cho tôi ngồi một tý.

Trọng Khang đứng dậy:

– Thôi cô đỡ ông ấy. Để tôi đi đun nước, rồi tôi nấu cháo cho, chứ mấy quả trứng thì thấm tháp gì.

Khánh Ngọc nắm áo Trọng Khang lại:

– Để em.

– Ồ, cô lôi thôi lắm, ai làm chả thế.

Trọng Khang đặt nồi nước, rồi đi vo gạo. Nước sôi, chàng rót một ít ra bát, thả mấy quả trứng vào, rồi đưa cho Khánh Ngọc. Ăn trứng xong, Giáp ngồi lặng lẽ nhìn Trọng Khang hì hũi nấu cháo, rửa bát và pha trà. Chàng thở dài rồi bảo Khánh Ngọc:

– Chúng ta không có ông Trọng Khang thì còn khổ sở chưa biết đến thế nào.

– Anh chưa biết, lúc anh mê man, ông ấy ngồi cạnh anh suốt đêm không ngủ. Anh mửa, nôn ra cả người, ông ấy trông nom anh chẳng nề hà một tí gì. Ông ấy thương anh như ruột thịt. Ông Vương Nhân cũng tốt lắm.

Giáp lặng im.

– Anh đã muốn nằm chưa?

– Chưa, ăn cháo xong nằm một thể.

Nồi cháo nấu xong, Giáp húp luôn hai bát. Ăn xong mồ hôi vã ra như tắm.

Trọng Khang vừa lấy khăn mặt lùa vào chăn lau khắp mình mẩy cho Giáp, vừa bảo:

– Thôi lần này thì thật là khỏi hẳn. Để tôi thay quần áo cho, rồi ông nằm ngủ một giấc đến sáng mai là ăn giả bữa đấy thôi.

– Tôi ngủ nhiều rồi.

– Bây giờ mới gọi là ngủ, trước kia là mê đấy thôi. Cô Khánh Ngọc, đưa bộ quần áo kia giùm tôi.

– Tôi ốm mấy ngày không tắm rửa, chắc hôi lắm đấy nhỉ.

– Tôi chẳng thấy hôi tí nào. Thôi để sáng mai, tôi sẽ đun nước cho ông lau mình mẩy rồi ba hôm nữa, tôi cho ông tắm. Bây giờ nằm xuống đi.

Giáp ngoan ngoãn nằm xuống.

– Bây giờ độ mấy giờ rồi nhỉ?

– Có lẽ quá nửa đêm. Bọn gác ở ngoài đã thôi đánh bạc. Ở trong cái hang này, sáng tối lúc nào cũng không hay, đồng hồ chẳng có, tôi chỉ nghe tiếng rì rầm của bọn giặc mà phỏng đoán đấy thôi.

– Ông ngủ đi chứ. Thôi tôi khỏi rồi, không cần phải ai canh nữa. Ông mệt nhọc vì tôi nhiều lắm rồi.

– Những lúc vui sướng thế này ngủ làm sao được. Hễ chúng tôi nhìn thấy ông ngủ yên ấy là chúng tôi ngủ rồi đấy. Thôi ông ngủ đi.

– Nhưng tôi không thể ngủ được. Chân tay đau như dần.

– Ồ, cô Khánh Ngọc, cô bóp tay, tôi bóp chân. Và cấm không ai được nói gì nữa để cho người ốm ngủ.

*

* *

Giáp vẫn chưa ngủ. hai người ngồi bóp hai bên. Bỗng Giáp quay sang hỏi Trọng Khang:

– Tại sao ông đối với tôi tốt như thế?

Trọng Khang tủm tỉm cười:

– Thật là người ốm. Ông sắp lẩn thẩn rồi nên mới hỏi tôi một cách vớ vẩn như thế. À cô, còn mấy điếu thuốc lá thơm đâu? Hôm nọ chúng ta đã hẹn khi nào ông Giáp khỏi thì hút một điếu ăn mừng cơ mà. Nhịn bao nhiêu hôm, cực quá. Ông có muốn hút vài hơi không?

– Tôi thấy chua mồm lắm.

– Thôi ông cứ yên tâm. Thế nào chúng tôi cũng để dành một điếu cho ông.

Khánh Ngọc châm lửa hút một hơi, rồi đưa cho Trọng Khang:

– Ông quen hút "píp", hút thuốc này chả thấm thía.

– Ấy thế mà cũng đỡ nghiện đáo để. À ông, tôi ngâm Kiều ru cho ông ngủ nhé?

Giáp thò tay ra khỏi chăn, nắm tay Trọng Khang để lên mặt:

– Ông đừng gọi tôi bằng ông nữa. Tôi là em ông. Không có anh, tôi không còn được sống đến ngày nay.

Giáp nói xong, bỗng khóc tu hu. Trọng Khang vuốt má Giáp, rồi nước mắt chảy vòng quanh:

– Sao anh lại nói thế? Không có tôi, thì anh không lên đến suối nước nóng; không lên đến suối nước nóng, thì không bao giờ anh bị bắt. Cô Khánh Ngọc cũng như anh, tin tưởng ở tài sức tôi mà đi. Ai ngờ tôi bất cẩn để cho anh phải ốm đau khổ sở đến thế này.

Khánh Ngọc ngả đầu xuống, úp mặt vào bàn tay Trọng Khang đang để ở trên mặt Giáp:

– Lỗi chỉ tại tôi, không phải ở ông. Tôi là con đàn bà thấp kém, chỉ biết có sở thích của mình mà không chịu nghe lời nói phải.

Giáp giơ tay vít đầu Trọng Khang xuống ngực mình, rồi ôm cả đầu hai người vào trong cánh tay:

– Thôi Marie cũng đừng khóc nữa. Cũng chẳng lỗi tại Marie. Chẳng qua cái số chúng ta nó thế. Có thế này chúng ta mới biết kính trọng nhau và thương yêu nhau.

Nửa phút im lặng.

Trọng Khang ngửng đầu lên trước rồi nhìn thấy mặt ai cũng giàn giụa nước mắt, chàng bỗng phá lên cười:

– Ồ, chúng mình trẻ con thật.

Giáp nói bằng một giọng sốt sắng:

– Tôi phải sướt qua hai lần chết, mới biết sống cái phút mà anh gọi là trẻ con này đấy. Thôi Marie lau mặt đi. Rồi Marie thử tưởng tượng nếu anh Trọng Khang mà không có một nhân cách trượng phu để cho Vương lão gia phải kính phục, thì những ngày chúng ta bị giam ở đây, sẽ khổ sở đến thế nào? Tôi thì chắc là phải chết.

– Thôi những chuyện đã qua, anh và cô cũng đừng nhắc tới nữa. Đã cùng nhau chung hoạn nạn, chung đau đớn...

Giáp giơ tay lên trời:

– Thì tôi xin thề: còn sống ngày nào, tôi sẽ tận tâm với những người mà hoạn nạn và đau đớn đã khiến cho tôi thành anh em. Marie, Marie cũng đừng gọi bằng ông nữa. Anh Trọng Khang thật xứng đáng là một người anh của chúng ta.

Trọng Khang nhìn Khánh Ngọc, Khánh Ngọc hiểu cái nhìn ấy. Mặt nàng đang hồng hào vì xúc cảm, bỗng tái đi vì lo sợ.

– Tôi cũng xin thề tìm cách để bảo toàn hạnh phúc những người đã cùng sống bước hiểm nghèo với tôi.

– Thì anh đã bảo toàn mãi rồi. Nhưng bây giờ, tôi đã hiểu hạnh phúc chỉ có giá trị khi nào tự tay ta tìm và tạo nên nó. Hạnh phúc ở trong ta, chứ người ngoài không thể mang lại cho ta được. Nhưng... dù sao tôi cũng cảm ơn anh.

Ngừng một lát để thở, Giáp lại nói tiếp:

– Tôi xuất thân ở một cái trường hẹp hòi nên tôi chậm hiểu. Nhưng bây giờ, tôi cũng đã hiểu rồi: tôi có dư những điều kiện để làm một kỹ sư cầu cống, nhưng tôi thiếu rất nhiều những điều kiện để làm người với cái nghĩa hoàn toàn của chữ ấy. Vì thế, tôi không xứng đáng với cái hạnh phúc... của thằng người, mà tôi chỉ có thể có được những lợi lộc đem lại bởi ông kỹ sư. Rồi đây, tôi có công noi theo con đường của anh, họa chăng sau đây, tôi mới có thể tìm thấy chân hạnh phúc. Những cái mà trước kia tôi cho là hạnh phúc, thì ra bây giờ tôi mới hiểu: chỉ là những thỏa mãn của thị dục. Là cái bóng của thằng người, tôi chỉ đi tìm cái bóng của hạnh phúc. Tôi đã không được huấn luyện ngay ở trong trường đời như anh. Tôi dò theo con đường lầm lạc mà cả cái xã hội lầm lạc đã vạch ra. Tôi nhìn, tôi nói, tôi nghĩ, tôi cảm toàn bằng sách vở và những tập quán của xã hội. Tôi chẳng có cái gì là của riêng tôi. Anh bảo như thế thì còn thứ hạnh phúc nào đến cho tôi được.

Giáp nói xong, thở hổn hển; Trọng Khang vội vàng ngăn:

– Thôi anh đừng nói nữa mệt.

– Xác thịt tôi mệt, nhưng tinh thần thì thấy khỏe khoắn lắm. Tôi không ngủ được đâu. Nếu quả thực anh vui vì tôi khỏi bệnh, anh không buồn ngủ thì xin anh ngâm mấy câu Kiều cho tôi nghe. Cái giọng anh trong lúc này, giữa hầm này là một điệu đàn khoái trá cho tâm hồn tôi.

Khánh Ngọc chộp ngay lấy cơ hội ấy để dùng ngay cách xưng hô mà nàng ao ước:

– Và luôn thể, anh dạy em nữa. François ốm thành ra chưa có lúc nào rỗi để dạy em cả.

– Ấy thế thì phải để tôi uống chén nước nóng để lấy giọng đã. Đã lâu lắm, chưa ngâm nga đấy nhé. Giọng có rè như vại vỡ thì anh và cô cũng nghe vậy nhé. Ê, nhưng cấm cô không được nhìn vào mặt tôi. Thế thì còn làm sao mà ngâm được.

Trăm năm trong cõi người ta,
Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau.
Trải qua một cuộc bể dâu,
Những điều trông thấy mà đau đớn lòng.

Trọng Khang ngâm vang gian hầm. Hầm đá kín thành ra tiếng âm lại càng to. Bọn giặc đang ngủ ở ngoài, nghe thấy tiếng người không hiểu chuyện gì, choàng dậy chạy vào.

Thấy ba người vẫn ngồi nghiễm nhiên trên chiếu, Séo Súng liền hỏi:

– Các tiên sinh làm gì thế?

– Bạn tôi khỏi, chúng tôi hát ăn mừng đấy. Chắc các ông mất giấc ngủ phải không? Thôi, xin lỗi nhé. À, có nước chè nóng, ông nào muốn uống thì vào đây.

– Chúng tôi không thể vào được, vì lão gia đã ra lệnh cấm. Chỉ có ai bưng cơm mới được vào thôi.

– Bây giờ lão gia có đây đâu, vào nói chuyện cho vui.

– Nhưng nếu lão gia tôi biết thì chết.

– Các ông không dám vào thì thôi. Tôi không có thuốc lá hút mấy ngày nay, thèm quá, các ông có cái "dín thừng" đấy cho mượn và cho mấy điếu thuốc lào thì hay quá.

– Thế ông ra đây mà lấy.

Thấy Trọng Khang hút coi bộ ngon lành, Khánh Ngọc cũng đòi hút. Nàng không biết hút, nước sặc cả lên mồm.

Thấy nàng nhổ phì phì, bọn giặc ở ngoài cười khúc khích.

– Họ chế cô đấy. Giọng cô, chịu khó học ngâm nga ít lâu thì hay biết mấy. Thật là có cái vẻ du dương và đài các của Đông phương; thế mà đi hát "gie đơ da múa" thì khổ lỗ tai con người ta biết mấy!

– Nhưng tôi đi sang Tây du học từ năm mười sáu thì còn ai dạy ngâm Kiều.

Giáp tủm tỉm cười:

– Giá có dạy thì cũng chẳng học. Lúc ấy, còn cho thế là hủ, là nhà quê ....

– Hay là những con vẹt... thì cũng thế. Nhưng thôi không nói đến nữa, nghĩ xấu hổ lắm. Ông dạy tôi đi.

Trọng Khang ngâm đến chỗ Kiều gặp Kim Trọng thì Giáp đã thiếp.

– Thôi, bây giờ chúng ta cũng phải đi ngủ, khỏi rồi không cần phải canh nữa.

Rồi sực nhìn đến chăn, chỉ còn có một chiếc, Trọng Khang lại chữa ngay:

– Hay cô ngủ để tôi gác.

– Không, anh cũng phải ngủ em mới ngủ được cơ.

– Thế để tôi nằm ghé vào chăn với Giáp.

– Anh ấy quấn một nửa rồi, bây giờ anh kéo thì sợ anh ấy dậy.

– Không sao, tôi rất nhẹ tay.

XXXII

Bọn ba người bị giam hôm nay là đúng mười hôm. Giáp đã bình phục, nhưng còn yếu và xanh.

– Thôi, về Hà Nội anh tẩm bổ chừng vài tuần thì lại béo ngay. Không mai thì kia, tiền đến, chúng ta sẽ được tha. Ở trong cái hầm không có ánh sáng mặt trời và thiếu không khí như thế này một ít lâu nữa thì ở đây ra, chúng mình đến đem theo mầm bệnh lao mà ra.

– Mầm bệnh lao thì chưa biết, nhưng giá tôi và anh mà đem bộ râu đinh ghim này về Hà Nội thì phải biết, đàn bà họ nhìn mình như quái vật.

Ồ, anh không nói, tôi quên mất đấy. Chúng ta nhiều... việc quá thành ra quên cả trang điểm. Cô Khánh Ngọc, cô trông chúng tôi bây giờ đã hết cả vẻ mỹ thuật chưa?

Khánh Ngọc vuốt bộ râu hai người:

– Không, những bộ râu này hợp với cái cảnh này, gian hầm này. Tôi trông hai anh ra phết tướng giặc lắm.

– Hợp hay không thì mai kia ta cũng đã về nhà. Cũng phải sắm sửa cho ra dáng con người một chút. Biết lấy gì để bạt bộ râu đây. À, tôi xem những sách mạo hiểm thấy nói bọn lính thủy, thường lấy nến đốt râu. Ta không có nến, ta dùng cái đèn dầu cá kia vậy. Để tôi thử đốt cho anh.

– Sợ bỏng.

– Không, ta xớt ngọn lửa ở ngoài, bỏng làm sao được.

– Ừ, thế anh thử làm cho tôi.

Trọng Khang vừa giơ ngọn đèn lại gần cằm Giáp, thì Giáp đã kêu rối rít:

– Úi da, nóng lắm! Thôi tôi chịu!

– Tôi mới "cạo xớt" đấy thôi mà.

– Anh cạo thực sự thì có lẽ cằm tôi thành tật.

– Anh xoàng. Thế anh cạo tôi.

Giáp vừa châm ngọn lửa vào râu thì Trọng Khang đã hét:

– À, không được! Cái lối cạo bằng "dao lửa" thế này thì thành tật thật. Tôi xin ông tha cho.

Khánh Ngọc cười ngặt nghẽo:

– Các ông ơi, người ta râu xồm cơ mới làm thế được. Râu cơm của các ông mà cạo bằng lối này thì khi hết bộ râu, cơm cũng không ăn được nữa. Giá có cái nhíp để nhổ cho nhỉ.

Giáp đi treo chiếc đèn lên chỗ cũ:

– Ở đây thì đào đâu ra nhíp. Giá có hai đồng xu.

– Ở đây thì đào đâu ra xu. Anh ngớ ngẩn cũng chẳng kém tôi.

Trọng Khang ngẫm nghĩ một lát:

– À tôi tìm ra rồi. Tôi tìm ra một thứ không phải nhíp, không phải xu, nhưng cũng có cái công dụng như xu và như nhíp. Nhưng râu đã đâm dài như râu chúng mình thì mới nhổ được, chứ râu ngắn thì đành chịu. Vương tôn ông ơi, ngài lấy của chúng tôi mười vạn đồng, chúng tôi chỉ xin ngài có một cái bát thôi.

Chàng bẻ một miếng bát, chặt làm đôi, rồi mài nhẵn và tròn như hình đồng xu.

– Anh ngồi đây. Tôi nhổ cho. Ủa, tối quá, râu ngài biến đi đâu, chẳng trông thấy gì cả. Cô Khánh Ngọc, cầm giùm hộ chúng tôi cái đèn lại đây. À, khá quá, thế này thì kém gì nhíp. Nhưng tôi chỉ nhổ cho anh một nửa mặt thôi, anh lại phải nhổ một nửa mặt cho tôi, chứ không nhỡ Vương lão gia đùng đùng vào đây nói với chúng mình: "Người nhà các ngài đã đưa tiền chuộc rồi, các ngài về đi!" thì tôi thiệt.

Khánh Ngọc giằng lấy hai cái mảnh sành ở tay Trọng Khang:

– Thôi, để em nhổ cho hai anh. Chả nhẽ em không được cái tích sự gì. Em nhổ cho mỗi anh một cái một, như thế thì thật đều, chứ không hai anh nhổ cho nhau được nửa mặt rồi, mà Vương tôn ông vào thì để cho ma nó trông.

*

* *

Trọng Khang và Giáp nằm dài ra giường, Khánh Ngọc ngồi giữa, chiếc đèn ở phía trên đầu hai người.

– Úi da, nhổ từng chiếc thế này nóng ruột lắm.

– Anh còn đi làm gì được nữa bây giờ mà nóng ruột?

– Ấy thế mà nóng ruột. À thế này, cô nhổ cho anh Giáp nhiều chiếc, rồi lại nhổ cho tôi. Trong thời kỳ "đình chiến" ấy, tôi ngâm nga cho mà nghe.

– Ừ phải đấy. Chứ cứ chộp bên này một cái, chộp bên kia một cái, nó nhồn nhột làm sao ấy.

Khánh Ngọc vừa nhổ, vừa đếm. Đếm đến gần một nghìn thì Vương Nhân đẩy cửa vào.

– Các ông làm gì đấy?

Trọng Khang choàng dậy:

– Sắp đến ngày từ giã ngài, chúng tôi làm đẹp cho nhau đấy. Ngài đã có tin gì của nhà chúng tôi chưa?

– Người do thám nói cho tôi biết chỉ nay hay mai là tiền ở bên nước ông tải đến. Nhưng lại có tin ở phủ Đốc Bàn, người ta sửa soạn quân lính một cách tấp nập lắm. Tôi không hiểu là ý nghĩa gì? Ông ở đây đã lâu, tất đã hiểu những thể lệ của sự bắt cóc.

– Vâng, tôi đã hiểu. Nếu người ta can thiệp bằng võ lực trước ngày đưa tiền chuộc thì ngài phải buộc lòng giết con tin chứ gì.

– Ấy vì tôi và ông là cái chỗ "giang hồ lại gặp giang hồ" nên tôi thấy cần phải đến bàn với ông.

Thấy Vương Nhân và Trọng Khang có vẻ mặt nghiêm trọng, Giáp và Khánh Ngọc bồn chồn cả người. Trọng Khang đưa mắt bảo phải bình tĩnh:

– Việc ở phủ Đốc Bàn sửa soạn quân lính thì cũng dễ hiểu. Chắc Đốc Bàn lại muốn sau khi chuộc chúng tôi ra rồi, kéo quân đến đánh ngài. Nhưng tôi tưởng ngài chẳng lo điều đó, vì ngài đã tính trước đến nước ấy rồi. Chắc bây giờ Đốc Bàn cũng chưa dò được ra sào huyệt của ngài, nhưng y lại muốn cho mật thám theo vết những người tải tiền để biết tông tích ngài. Rồi chờ khi chúng tôi về rồi, y tiếp đánh...

– Nếu chỉ có thế thì tôi đã không đến đây, bởi toàn là những điều mà khi bắt các ông, tôi đã tính đến, và đã dự bị sẵn sàng. Tôi chỉ lo Đốc Bàn đã dò được chỗ này rồi, y không nghĩ đến các ông... bởi hôm nay, những do thám của tôi trông thấy nhiều người lảng vảng ở những con đường bên phía núi đằng đông.

Trọng Khang không đổi sắc mặt:

– Nếu chẳng may mà cơ sự xảy ra như thế thì chúng tôi xin chịu chết, bởi đó là lỗi người nhà chúng tôi không khéo thu xếp. Thề có trời đất, chúng tôi chết mà chẳng oán ngài, bởi đến cái tình thế ấy, ngài phải đánh cái nước bạc ấy. Chứ nếu ngài vì một tấm lòng trắc ẩn không phải đường, tha chúng tôi thì sau này còn ai sợ nữa.

– Lý thì như thế, nhưng có những trường hợp và những người mà ta đã không thể xử theo lý được. Đời ngài chắc đã gặp những trường hợp và những người ấy.

Trọng Khang cúi đầu, Vương Nhân lại nói:

– Nhưng tôi cũng còn mong đó chẳng qua là phỏng đoán thôi, chứ nếu là người ở Mai Lin Phố lên thì tất phải đo phía nam lại. Chứ đến phía đông thì thế nào cũng phải đi qua chân núi này.

– Họ đi đường vòng biết đâu?

– Vùng đây núi cao hiểm trở, không có con đường nào khác. Tôi biết y là người tàn nhẫn không có tình nghĩa, tôi chỉ ngại một điều là y nóng muốn lập công và trừ tôi, y không nghĩ đến các ông thôi.

– Nếu thế thì chúng tôi cũng đành với số mệnh. Cứ một điều ngài thắc mắc nghĩ đến chúng tôi như thế này, chúng tôi cũng đã muôn phần cảm khích.

Rồi nắm tay Vương Nhân, Trọng Khang nói bằng một giọng thành thực:

– Sao số kiếp tai ác quá? Những kẻ có lòng như tôi với ngài sao lại ở vào hai phe thù địch mà quyền lợi khiến phải đi hai con đường khác nhau?

– Ấy, ông trời vẫn khăm thế. Nhưng dù sao, ta cũng là bạn tri kỷ của nhau.

– Chính thế. Dù khi tình thế buộc ngài phải cầm súng chĩa vào tôi, tôi cũng vẫn nhìn ngài bằng con mắt của người bạn. Và nghĩ rằng cái chết của tôi cần cho thanh thế của ngài.

*

* *

Vương Nhân đi rồi, Trọng Khang đem đầu đuôi mọi việc thuật lại cho hai người nghe. Rồi kéo Giáp:

– Thôi, anh nằm xuống đây để cô ấy nhổ nốt cho bộ râu. Có chết thì cũng nhẵn nhụi, bảnh bao mà chết, chứ không đến nỗi làm con ma lông lá.

Đến khi thấy Giáp và Khánh Ngọc thờ thẫn, chàng nắm tay hai người, và hỏi Khánh Ngọc:

– Em sợ chết lắm à?

Tiếng em, chàng mới dùng để xưng hô với nàng lần đầu. Khánh Ngọc có cái cảm giác như một cái gì vừa êm, vừa phớt qua ngực mình. Nàng nhìn Trọng Khang bằng một cái nhìn nó cởi mở cả tâm hồn:

– Không. Em không sợ. Vì nghĩ đến anh mà em không sợ. Nhưng giá ba chúng ta không chết mà cùng được sống mãi với nhau, có phải sung sướng biết bao nhiêu không?

Trọng Khang tắc lưỡi:

– Cái chết có thú vị gì mà muốn nó. Nhưng đến cái lúc không thể tránh được thì đời người, đâu là cũng một lần chết. Ta nhìn thẳng vào nó bằng một đôi mắt lạnh lùng, chẳng đẹp hơn là mếu máo, giẫy giụa mà cũng vẫn chết ư? Thôi, em nhổ đi cho anh. À lúc nãy đếm đến bao nhiêu rồi nhỉ?

– Chín trăm bốn hai. Bây giờ chín trăm bốn ba, chín trăm bốn tư...

Giáp dích đầu lại gần Trọng Khang:

– Có anh bên cạnh, em cũng thấy không sợ chết. Không tin, anh sờ vào ngực em xem, trái tim không đập mạnh tí nào.

– Tôi biết. Cứ nghe giọng anh tôi cũng đã rõ hà tất phải sờ. Anh bây giờ với anh ngày trước là hai người chẳng những khác nhau, lại

còn xa lạ nhau nữa. Người ta cứ chạm vào cái chết vài bận, và sống năm lần với tất cả sinh lực của trái tim, thì tự khắc rắn rỏi. Trường đời đã tôi cái thép người cho anh rồi đấy.

– Nhưng em phải thú thật rằng tôi chưa già và chưa kỹ. Tưởng tượng bây giờ họ bắn vào mặt, nát da thịt, thủng ruột gan, máu chảy tóe loe đỏ ối, em vẫn thấy ghê ghê. Chắc là đau đớn lắm đấy nhỉ?

Khánh Ngọc đập vào tay Giáp:

– Gớm, nghe khiếp cả người.

– Anh hỏi thế thì tôi trả lời làm sao được. Tôi đã bị bắn chết lần nào đâu mà biết. Còn như đến sự đau đớn, anh và em không lo. Nếu chẳng may phải chết thật, tôi đã có cách...

– Cách gì?

– Thôi, tôi đủ chục rồi. Em nhổ cho anh Giáp đi.

Chàng nói xong nhổm dậy:

– Tôi nhớ có một lần, tôi bắn một con nai sao suốt qua mang tai, nó ngã ngay xuống không cựa cậy. Giống sinh vật biết đau là do thần kinh. Phá tan bộ thần kinh thì chẳng còn biết đau đớn gì nữa.

– Thế nghĩa là anh sẽ cầm súng bắn vào mang tai tôi?

– Nếu anh sợ đau.

– Nếu tôi không sợ đau?

– Thế lại khác. Anh có biết người Nhật mổ bụng thế nào không? Rất thản nhiên, theo rất đúng lễ nghi trong khi cầm dao rạch bụng. Nếu anh không sợ đau, thì cái chết nó đến bằng cách gì, mặc kệ nó. Chưa chết ngay, ta cũng được hiểu cái đau nó thế nào. Tôi thương nhất những người chết mà không biết rằng mình sắp chết đấy. Phí mất bao nhiêu cảm giác.

Trọng Khang nói bằng một giọng ôn tồn và ung dung như bàn về một lý thuyết. Khánh Ngọc nhìn chàng, bỗng thốt ra:

– François trông, lúc này anh của chúng ta đẹp lạ lùng. Trông như thiên thần ấy thôi.

Trọng Khang vuốt một bên râu chưa nhổ:

– Có lẽ là thiên lôi của phường tuồng. Hảo a. Hảo a! Em còn điếu thuốc nào không?

– Nghe như còn hai điếu.

– Bây giờ ta hút một điếu. Còn để một đến khi tiễn biệt nhau.

Khánh Ngọc châm thuốc rồi đặt vào môi Trọng Khang. Trọng Khang hút một hơi dài, rồi thổi vào mặt Giáp:

– Có thèm không?

– Anh cho tôi một hơi. Chúng ta thật vô tội mà cũng phải lâm vào cái cảnh tử tù chờ chém. Nhưng chẳng qua mới ức đoán thế thôi. Cho dù có thế nào thì Vương lão gia, tôi xem ra kính phục anh lắm, chắc cũng không nỡ đang tay đâu.

– Điều đó còn thuộc về tương lai. Và là việc trời, ta không thể biết. Nhưng nếu Đốc bàn Mai Lin Phố không theo những điều ước thật, và dò ra được sào huyệt rồi kéo quân đến đây thì chúng ta khó sống! Ông ta thương chúng ta, nhưng ông ta phải thương ông ta cùng bộ hạ hơn, ông ta phải đề phòng cái ngày mai cho họ. Anh thử tưởng tượng đã bắt cóc, người ta không chuộc, lại còn đem quân đến đánh, mà tha thì lần sau có ai sợ nữa, còn bắt cóc nổi ai để lấy tiền? Điều này, tôi cứ xét lòng tôi ra lòng người. Lúc tôi đánh bọn cu ly Xạ Phang, tôi cũng thấy thương đấy chứ, nhưng đánh vẫn phải cứ đánh. Việc đời nhiều khi không thể làm theo lòng mình được!

Khánh Ngọc đang nhổ, bỗng dừng tay:

– Như thế thì đáng buồn cho cái kiếp người lắm nhỉ?

– Nhưng nó thế đấy. Trận phong ba chuyển trời có biết thương người đắm thuyền đâu? Nếu biết thương, đã không có phong ba. Mà đã không phong ba thì chuyện đời làm gì còn có nữa.

XXXIII

Ba người cơm xong, đang cùng nhau đánh cờ chiếu tướng thì bỗng nghe ở phía xóm súng nổ vang trời. Tiếng kêu lùa vào hầm đá như gầm, như rú.

Cả ba nhìn nhau, im lặng. Trong những cái nhìn ấy, có cả một thế giới, những thế giới. Rồi bỗng Khánh Ngọc ôm chầm lấy Trọng Khang:

– Thôi, anh em ta chết thật rồi!

Câu ấy, trong lúc ấy, bằng cái cử chỉ ấy gợi lên ở Trọng Khang một xót thương không bờ bến. Chàng, một tay đỡ Khánh Ngọc, rồi cố sức lắng tai nghe. Bên ngoài, tiếng chân người chạy rầm rập hòa vào

với tiếng lắp đạn và tiếng rì rào. Chàng không nghe rõ họ nói gì. Tiếng súng ở phía xa nổ mỗi khắc mỗi nhiều.

Trọng Khang đặt một cái hôn lên trán Khánh Ngọc, rồi quay sang Giáp. Giáp lúc ấy, mặt tái đang trố mắt nhìn ra ngoài như tên tử tù nhìn cái máy chém.

– Thôi đành anh ạ!

Nhưng vừa nói dứt, chàng bỗng gầm lên:

– Không thể chết một cách oan uổng và vô lý như thế này!

Chàng đứng phắt dậy, kéo Khánh Ngọc và Giáp du vào một góc hầm. Rồi nhanh như chớp, chàng vần chum nước và lôi cả cái ổ tranh ra chặn cửa. Chàng rút súng, lên cò, rồi dắt hai người lại nép đằng sau chum nước, chĩa súng ra ngoài chấn song:

– Hai em cứ ép sát mình vào tường ít nhất chúng nó cũng phải chết ba mươi hai đứa, rồi anh em ta có chết mới chết. Và biết đâu quân lính chẳng có đủ thì giờ đến cứu chúng ta?

Tiếng súng bên ngoài vẫn nổ đều. Ngoài cửa hầm đá, không một bóng người. Trọng Khang vai ẩy cửa; cửa cứng nhắc. Chàng lùa tay trái ra phía ngoài sờ ống khóa; sờ không thấy.

Thất vọng, chàng rút tay vào, rồi bảo Giáp:

– Tắt cái đèn đi cho chúng nó khỏi trông thấy mình.

Giáp vừa tiến ra một bước thì bỗng Khánh Ngọc lôi lại:

– Đừng tắt!

Rồi ôm chặt lấy Trọng Khang:

– Thôi anh đừng giết người ta nữa. Người ta không cho mình súng thì mình lấy súng đâu để giết người ta?

Trọng Khang quay lại:

– Thế em bằng lòng chết à?

Khánh Ngọc giơ tay vuốt tóc, vuốt má Trọng Khang:

– Em được cùng chết với anh, em sung sướng lắm rồi!

Trọng Khang đưa khẩu súng cho Giáp:

– Em Khánh Ngọc nói phải. Họ không cho chúng ta khẩu súng để giữ mình thì chúng ta có súng đâu mà giết họ. Anh có chống cự thì chống cự, chứ tôi thì đành lòng chờ chết.

Giáp ngắm nghía khẩu súng, rồi vùng ném ra khỏi chấn song. Thấy thế, Khánh Ngọc vội buông Trọng Khang, ôm chầm lấy Giáp, khóc nức nở.

Trọng Khang giơ tay xoa đầu hai người rồi khẽ bảo:

– Thôi, hai em khóc thế đủ rồi, bây giờ ta còn phải dọn nhà cửa cho nó sạch sẽ chứ?

Chàng vần chum nước lại chỗ cũ. Còn Giáp và Khánh Ngọc thì kéo cái ổ tranh vào phía trong tường, trải chiếu mây lên tử tế.

Trọng Khang lấy chân quờ những lá tranh rơi khắp hầm, rồi đá vào đống lửa. Lửa cháy đỏ rực. Gian hầm sáng trưng chiếu rõ ba cặp mắt long lanh một quả cảm.

Trọng Khang đứng nhìn lửa cháy một khắc, rồi lại nắm hai tay Khánh Ngọc:

– Anh cám ơn em. Không có em thì một suýt nữa anh quên mất đấy.

Giáp khêu to ngọn đèn, rồi lại gần hai người:

– Còn em, em cũng cần phải cám ơn anh đã dạy em biết mở trái tim cho những tình cảm đẹp đẽ.

– Không bằng em chúng ta đã dạy cho chúng ta biết chết trong khi cần phải chết.

Chàng nói xong, bế bổng Khánh Ngọc lên:

– Bà thần của chúng ta đây!

Trăm năm còn có gì đâu,
Chẳng qua một nấm cỏ khâu xanh rì!

Trọng Khang ngâm xong, chỉ tay ra cửa:

– Cứ nghĩ thế thì tí nữa, súng nó chĩa vào kia, chúng ta cũng thấy an ủi biết bao nhiêu.

Khánh Ngọc đang ngồi, vịn vai Giáp quay lại:

– À, còn điếu thuốc lá, anh có hút không?

Trọng Khang nhổm dậy:

– Chẳng hút bây giờ thì còn chờ đem xuống âm ti mới hút hay sao? Em không nhắc thì một suýt nữa lại bỏ phí mất điếu thuốc. Em tôi thật là cái gì cũng nhớ. Thế thì thưởng cho em hút trước.

Khánh Ngọc hút xong đưa cho Giáp. Giáp kéo một hơi dài, rồi bảo Trọng Khang:

– Anh ạ, sao bây giờ tôi nhìn cuộc đời từ trước đến nay, tôi thấy rõ mồn một.

– Ấy là lúc sắp giũ áo ra đi, lính gác nó vùng dậy, làm việc lần cuối cùng đấy.

– Tôi thấy đời tôi vô vị mãi cho tới ngày tôi...

– Im, im, cái gì? Các em có ghê thì quay mặt đi. Vương lão gia đấy à? Chúng tôi sẵn sàng chờ ngài đây.

Cửa mở, Vương Nhân, tay phải đầm đìa những máu cùng hai bộ hạ bước vội vào:

– Ông Trọng Khang, ông phải giúp tôi mới được!

Cả ba ngơ ngác không hiểu.

– Tôi bị đau không cầm được súng nữa rồi, mà bọn giặc thì đông lắm!

– Thế không phải quan quân à?

– Không. Chúng nó đến định để cướp các ông. Tôi cần một người bắn giỏi...

Trọng Khang chạy vội ra cửa, nhặt khẩu súng.

Đến lượt Vương Nhân ngơ ngác không hiểu.

– Thì giờ cấp bách, ngài định sai tôi việc gì, xin nói mau.

– Ông hãy đi, tôi sẽ nói.

Trọng Khang chạy vào cúi xuống hôn vội hai người:

– Hai em hãy ngồi chờ anh nhé. Chúng ta chưa chết đâu!

XXXIV

Tang tảng sáng thì Trọng Khang về.

– Mặc quần áo đi giày vào, ta lên ở trên xóm với Vương lão gia.

Khánh Ngọc và Giáp mỗi người chạy lại nắm một tay:

– Thế là thế nào anh?

– Chúng ta bây giờ... là thượng khách của Vương lão gia.

– Sao lại thế? Anh làm gì mà quần áo lấm láp như thế này?

Trọng Khang ngồi xuống chiếu:

– Bây giờ mới thật sống chắc chắn.

– Tiền nhà đến rồi ư?

– Chưa. Nhưng đến hay không đến, cũng năm hôm nữa thì về. Thì ra tiếng súng lúc nãy là bọn giặc cỏ ở Nam Thoong đến đây đánh Vương lão gia, để định cướp lấy chúng ta mà đòi tiền chuộc. May quá, không thì chúng ta bị buôn hai lần. Vương Nhân nhờ tôi đến đốc thúc bộ hạ giữ mé trại đằng sau núi; vì đấy thấp và đường bằng, ông ta sợ chúng lên được.

– Thế bây giờ chúng đâu rồi?

– Chúng đánh không nổi rút đi cả rồi. Nhưng Vương lão gia sợ đêm nay, chúng lại kéo đến nữa, nên nhờ tôi lên phòng giữ hộ. Thôi ta lên, ông Vương Nhân đang chờ anh em ta để uống rượu.

– Nhân thể có nước nóng, anh tắm đi cái đã cho đỡ mệt, rồi hãy lên. Để em lau đất ở áo và quần đi đã, chứ tiều tụy thế này, ban ngày bọn họ trông thấy họ cười cho.

*

* *

– Không có bàn tay thiện xạ của ông thì phen này chúng tôi nguy khốn. Chỗ tôi đóng quân đây, chỉ có phía ấy là lên được. Tôi chẳng may bị đạn thành ra không bắn được nữa. Mà quân thì đã cất bốn mươi tên đi chờ để tải tiền, thành ra ở nhà còn ít quá. Mời ông xơi chén này gọi là để... tạ chút ơn giúp đỡ.

Trọng Khang đưa chén rượu cho Khánh Ngọc:

– Chén này tôi xin nhường cho Nguyễn phu nhân, bởi cái tình của chúng ta còn có bây giờ là nhờ ở phu nhân.

Bằng mấy câu vắn tắt, Trọng Khang thuật lại những việc đã xảy ra. Vương Nhân chắp hai tay vái Khánh Ngọc:

– Lòng dạ của phu nhân, thật đàn ông chúng tôi phải thua.

Khánh Ngọc cũng vái trả lời:

– Tôi sở dĩ...

Trọng Khang vội gạt đi:

– Em định nói dây mơ rễ muống để làm gì.

Vương Nhân sai một bộ hạ tiếp đồ nhắm vào bát ba người:

– Tôi vì bị đạn gẫy xương tay không thể uống được rượu, tôi rất lấy làm tiếc, chứ không thì tôi phải uống thật say. Thôi ông thưa với phu nhân cứ yên tâm, ở lại đây, nếu quá cái hẹn mười lăm hôm mà tiền chưa đến, tôi cũng xin để cho các ông về. Nếu đến thì càng hay, bằng không thì cũng xin thôi.

– Tiếc quá, cái ống ảnh của chúng tôi bị họ làm hư mất, chứ không thì ta chụp một tấm ảnh làm kỷ niệm. Chúng tôi cứ đinh ninh đợi chết, ai ngờ còn phút này?

– Nếu không có phu nhân thì có lẽ tôi cũng chết bởi tay ông. Nhưng tôi tin trong một lúc bực tức với số mệnh, ông định xử thế, chứ một khi trông thấy tôi, ông cũng chẳng nỡ nào. Cũng như tôi không thể nỡ tâm được với ông...

– Điều đó thì chưa rõ, nhưng tôi thấy rằng sự phu nhân đòi đi chơi thật là một cái không may, ấy thế mà lại chuyển thành ra rất may. May cho tôi để biết chỗ kém cỏi của lòng mình mà bổ khuyết lại. Nguyễn tiên sinh trong lúc ấy, cũng tỏ ra một người rất can đảm. Chính tiên sinh cầm súng vất ra ngoài.

Hai mẩu chuyện để thay lời kết

– Đôi bên hai họ đã thỏa thuận, thân bằng cố hữu đã biết cả, nay con làm ngang trái như thế, không sợ người ta cười ba và mẹ ư?

– Nhưng con không yêu thì biết làm sao?

– Thế sao trước kia con bằng lòng?

– Trước kia con khác mà bây giờ con khác.

Ông Nam Long kéo ghế, ngồi lại gần Khánh Ngọc:

– Ba không biết trước kia và bây giờ, tính tình con thay đổi thế nào. Nhưng ba chỉ nói để con biết ba yêu và chiều con lắm. Con đã nghe. Nay ba chỉ muốn con nghĩ đến những việc thiết thực một chút. Ba thầu khoán, công việc thì nhiều mà nó thì đỗ kỹ sư cầu cống. Nó có thể giúp đỡ cho ba và làm nổi thanh thế của ba nhiều lắm. Gia dĩ nó là người đỗ đạt to, có địa vị trong xã hội, con lấy nó rất xứng đáng. Con nghĩ sao?

Khánh Ngọc vặn chiếc mùi xoa không trả lời.

– Thế sao trước kia con bảo con yêu nó?

– Con đã bảo với ba trước kia khác mà bây giờ khác. Trước kia, con là con bé học trò mới rời khỏi ghế nhà trường. Chứ bây giờ... con đã từng trải việc đời, con nghĩ và cảm khác trước. Nếu đời người mà chỉ có một cuộc đời đi thầu để kiếm lãi, thì vâng, con xin lấy một ông kỹ sư. Nhưng đời người không phải thế, mà sự sống là một cái gì thiêng liêng hơn sự đi tìm lợi lộc thì lấy chồng, con phải lấy một người... đàn ông, một người đàn ông thật đàn ông, thì đời sống của con mới đầy đủ.

– Thế con định lấy ai?

– Lấy ai rồi ba sẽ biết.

– Con định lấy ông Trọng Khang à?

– Vâng, con yêu người ta.

– Ông ấy thì tài giỏi và nhiều nết tốt thật đấy. Nhưng không có bằng cấp và địa vị... gì...

Khánh Ngọc ngắt lời cha:

– Ông ấy có nhiều bằng cấp giá trị bằng nghìn cái bằng luật khoa cử nhân của con, và cái bằng kỹ sư cầu cống của anh Giáp. Con vì theo ba lên trên ấy, trải mấy tháng nguy nan và trực tiếp ngay với cuộc đời, con mới biết được cái sự thật ấy. Mà Giáp cũng thế. Còn như cái địa vị của ông ta thì ở trong trái tim con.

– Nhưng con không nghĩ đến chỗ Giáp theo đuổi con trong bao nhiêu lâu, và vì con mà phải khổ sở ư?

– Con nghĩ lắm. Con thương lắm. Nhưng thương không thể đi đôi với yêu được. Bây giờ con mới nhận ra trước kia, con chỉ thích anh ấy, chứ con không yêu anh ấy bao giờ cả.

*

* *

– Anh về bao giờ mà không đánh dây thép cho tôi biết, để tôi ra ga đón. Thế nào công việc xong rồi chứ?

– Ô kìa, thế Khánh Ngọc không nói gì cho anh biết cả à?

– Có, tuần lễ trước đây gặp tôi ở bàn quần cô ấy có bảo rằng công việc sắp xong. Nhưng tôi không ngờ chóng thế.

– Thế mấy hôm nay, anh không gặp à. Tôi tưởng anh với cô ấy ngày nào cũng phải gặp nhau chứ. Tôi ngỡ năm ngoái ở trên ấy về là cưới ngay, sao để chùng chình thế?

Giáp lấy thuốc nhồi vào cái "píp" của mình rồi đưa cho Trọng Khang:

– Anh hút thử cái "píp" của tôi xem, ngon đáo để. Khánh Ngọc thích lắm nhé, vẫn bảo tôi chờ anh về để biếu anh.

– Ừ, dáng đẹp lắm.

– Anh cũng thích?

Trọng Khang gật đầu.

– Khánh Ngọc biết lựa tính anh lắm. À còn câu chuyện tôi với Khánh Ngọc thì bây giờ... chúng tôi là bạn, Khánh Ngọc không viết thư từ gì cho anh cả à?

– Thì cũng như anh, tuần lễ viết hai lần, nhưng không thấy đả động đến chuyện nhân duyên...

– Cuộc nhân duyên ấy không có nữa. Vì... Khánh Ngọc không yêu tôi, và tôi tự xét cũng không xứng đáng.

– Có lý đâu thế! Đã cùng nhau sống những phút...

– Những phút nó làm cho tôi hiểu... Anh Trọng Khang, tôi với anh... chỉ có sự thành thực mới xứng đáng với cái tình của chúng ta nó đã nảy nở ra ở bên cái chết. Khánh Ngọc yêu anh, yêu anh lắm, yêu như người ta yêu một cái gì đẹp đẽ và cao quý nhất ở trên đời.

Trọng Khang đứng phắt dậy:

– Nhưng tôi không thể yêu như thế? Tôi với anh...

– Anh hãy khoan để cho tôi nói hết. Rồi anh muốn nói gì, tôi xin nghe. Trước nhất, tôi nói để anh biết: tôi không đau đớn mấy về chỗ Khánh Ngọc không yêu tôi. Mà Khánh Ngọc sẽ đau đớn vô cùng, nếu không lấy được anh, nghĩa là được anh yêu. Kìa thì anh hãy khoan để tôi nói. Anh đừng thương tôi, trước anh phải thương Khánh Ngọc, và yêu nữa. Bởi đối với một con người như thế mà không yêu, thì chúng ta thực không còn là con người nữa. Anh sở dĩ bắt trái tim anh phải câm là vì anh không muốn cướp mối tình của tôi. Nhưng mối tình ấy, có bao giờ thuộc về tôi đâu mà bảo anh cướp. Mối tình ấy mọc ra ở trong lòng nàng từ khi gặp anh, vì anh mà có. Còn đối với tôi trước kia, chẳng qua là một thứ cảm tình ẻo lả, chạm vào những sự thực gay go là chết ngay. Sao gọi là tình yêu được! Lúc ấy, tôi là cái bóng một người đàn ông, mà Khánh Ngọc thì là cái bóng một người đàn bà. Làm sao có chân ái tình. Mà nếu có thì cũng là cái bóng của ái tình thôi.

Bây giờ, nếu anh không yêu thì Khánh Ngọc đau đớn lắm; và cũng chẳng ích gì cho tôi. Mà có lẽ vì thế, tôi cũng đau đớn. Chắc chả cần

phải nói, một khi đã sống một cuộc đời như anh, hay thấp hơn, một cuộc đời như tôi đã tập ở bên cạnh anh thôi, thì những cái hình thức bề ngoài và những thành kiến nhỏ hẹp chúng ta chẳng tính đến. Tôi biết anh không khuyến khích mối tình của Khánh Ngọc và anh đã tìm hết cách để làm cho thui chột đi, nhưng một khi mối tình đã chớm mọc lên trong một trái tim hào hùng như thế, còn cái gì làm thui chột cho được. Anh về hỏi cô Tuyết Vi xem Khánh Ngọc thờ phụng anh đến thế nào. Hắt hủi một mối tình như thế là một cái tội. Bây giờ, tôi đã nhờ sống bên anh mà... thành... người rồi, có bằng cấp làm người rồi, tôi tưởng tôi có quyền nói với anh: "Không hèn nhát trước nguy nan, chưa đủ. Phải không hèn nhát trước hạnh phúc nữa".

Trọng Khang lấy que diêm cời cái "píp":

– Tôi về nhà lúc bốn giờ. Tắm rửa, thay quần áo xong là lại thăm anh ngay. Em Tuyết Vi cũng chưa nói gì cho tôi biết cả.

– Mà cần gì phải ai nói. Mối tình Khánh Ngọc đối với anh sáng lòe ở đôi con mắt. Tôi tưởng anh biết rõ hơn ai hết.

– Tôi biết, nhưng...

– Nhưng... vì một tình thương không phải đường, anh không thành thật được với anh chứ sao. À, Marie đến kia rồi. Chắc biết tin anh về đi tìm đấy.

Khánh Ngọc chạy đến nắm tay Trọng Khang:

– Em lại cô Tuyết Vi, nghe nói anh về, em đến thẳng ngay đây, vì em biết thế nào anh cũng đến đây trước. Anh về không đánh dây thép cho em ra đón, tệ thế thì thôi. Chà anh đen quá, thật bóng như Tây đen. Em ở nhà với cô Tuyết Vi, hai chị em chỉ lo anh ngã nước. Anh Giáp, hôm nay phải lại cả đằng nhà ăn cơm đấy nhé.

Không thấy Giáp trả lời, Khánh Ngọc quay lại đã chẳng thấy Giáp đâu.

Khánh Ngọc bỗng thẹn, má đỏ ửng:

– Ồ, lủi đi đâu chóng thế thì thôi.

Phổ thông bán nguyệt san các số 73, 74 và 75,
ra ngày 16 – 12 – 1940, 1 – 1 – 1941 và 16 – 1 – 1941.
Nhà xuất bản Văn nghệ TP. Hồ Chí Minh tái bản, 1995.

TÔI LÀ MẸ

(Tiểu thuyết)

LỜI TỰA

Viết quyển này, tôi xin lỗi các bà mẹ, vì tôi đã dám cả gan dùng cái văn từ còn non nớt, còn khiếm khuyết là chữ quốc ngữ để hình dung một thứ không thể đo lường được, để mô tả cái lòng người mẹ thiêng liêng mà tôi biết chắc rằng dù cái văn từ phong phú nhất của loài người cũng không đủ mềm dẻo, sâu xa để tả nổi.

Làm sao tả được tấm lòng mẹ yêu con từ khi con là một bào thai? Làm sao tả được lòng mẹ băn khoăn, lo lắng khi con sài đẹn? Lấy cái gì mà so sánh được với tấm lòng hy sinh của mẹ đối với con từ lúc con bắt đầu tắm ánh nắng mặt trời cho đến khi con khôn lớn?

Lấy cái gì mà đóng khung được nụ cười thần tiên của người mẹ khi thấy con chập chững đi? Lấy cái gì mà đánh dấu được nỗi bồi hồi của người mẹ thấy con sẩy chân vấp ngã? Lấy cái gì mà vẽ nổi cái vui của người mẹ khi thấy con vui, cái buồn của người mẹ khi thấy con buồn, cái đau đớn của người mẹ khi thấy con đau đớn?

Ừ, lấy cái gì, lấy cái gì để định nghĩa lòng mẹ?

Bảo lòng mẹ là trời, là bể ư? Nhưng bể nào sâu bằng? Trời nào rộng bằng?

Bảo lòng mẹ là vũ trụ ư? Nhưng vũ trụ còn gieo cho con người những thiên tai, thủy hạn, bệnh tật, lo buồn. Chứ mẹ, mẹ chỉ lo cho con những vui sướng, những êm đềm, những ấm áp, những cái... những cái mà nếu con không có thì con không thể nào sống được.

Đời sống của con được dệt nên bởi những ước mơ, lo lắng, bồi hồi, thấp thỏm, nhẫn nại, hy sinh... của mẹ, còn gì nữa? Là những thiếu thốn, vất vả, mệt nhọc, đau buồn, thương xót, âu yếm, săn sóc, đùm bọc, che chở, khoan dung, của mẹ dành cho con.

Thưa Mẹ,

Con phải cung kính cám ơn mẹ là người đã đem lại cho con một nguồn cảm thiêng liêng để vạch nên những dòng này, những tài liệu quý giá để soạn ra cuốn sách này. Và xin mẹ tha lỗi cho con vì con đã dám đem phạm vi chật hẹp của một quyển truyện để đo lường tấm lòng mẹ yêu thương con, vì con đã dám đem cái văn tài còn non nớt của con để mô tả tấm lòng ân ưu của mẹ đối

với con. Thưa mẹ, con biết chắc chắn rằng dù con có thể sống đi sống lại một trăm kiếp để luyện tài thì cái tài con cũng không bao giờ theo kịp tấm lòng mẹ yêu thương con.

Con xin cung kính tặng mẹ quyển sách này gọi là báo đền cái ơn trời bể trong muôn một.

L.V.T

I

Năm 1924, một ngày cuối tháng mười, tàu Amiral Pointy của hãng Changeurs Réunis nhổ neo chạy Sài Gòn với tất cả những cái buồn thảm của một bầu trời đông rủ xuống bến Sáu Kho.

Ngày hôm ấy là một ngày sương mù. Cảnh vật phủ một màu bạc. Ngọn gió bấc vì vèo thổi như cắt da những cu li, chỉ một manh áo rách, đang khuân vác ở dưới bến, và càng làm tê lòng những hành khách vốn đã tê lòng vì cảnh biệt ly, đang đứng ở trên tàu. Những làn sóng biếc, nhô lên ngụp xuống, như đú đởn với làn hơi nước trắng phau. Vài con thuyền tam bản, năm chiếc ghe mành, đi lại trên mặt nước trong bầu sương mù, như vẽ cho khách chưa từng trông thấy bể, một cảnh lung linh trong mộng. Lâu lâu, những hồi còi của những con tàu rời bến hay vào bến rúc lên inh ỏi, như tiếng rú của những con kình nghê, thừa một ngày sương mù, loài người không thể trông thấy, từ những hang bí mật kéo nhau ra đùa giỡn. Rặng núi miền Đông Triều, Uông Bí thường ngày lừng lững bao vây hải cảng như một bức tường thành kiên cố bây giờ không nhìn thấy. Những cây bàng trụi lá, lác đác trên bến, giơ cành khẳng kheo như những bộ xương khô. Thỉnh thoảng, một cơn gió mạnh từ phương bắc kéo lại, giật những chiếc lá còn sót ném xuống mặt đường, rồi lại thổi cho chạy trên mặt đá gồ ghề. Lá chạm nhau, lá chạm đá, rào rào như những tiếng than vãn thì thầm của một cảnh vật đã bị mùa đông đem cái buồn và cái rét đến khuấy rối và làm cho tê tái ê chề.

Cảnh ảm đạm mênh mông của bến Sáu Kho hôm ấy quả thật đã gieo một nỗi ảo não vào lòng người và đã chịu ép mình nằm trong câu thơ mà một hành khách đang khe khẽ ngâm:

Sương buồn ôm kín non sông...

Người hành khách ấy trạc hai mươi, cao gầy, mặt xương xương, hai má hơi hóp, tảng trán lớn và phẳng với hai con mắt sáng trông

rất dữ, nếu không có một nụ cười lúc nào cũng như sắp nở trên môi. Cặp mắt ấy với làn môi ấy, là hai sức mạnh trái ngược. Nó điều hòa cho khuôn mặt có một vẻ sinh động và có một cái hồn mà người ta gọi là cái duyên. Hai con mắt long lên như mắt vọ, nhìn ai khiến cho người ta phải ngượng, phải ghét, phải khó chịu, lại là biểu hiện của một nghị lực mãnh liệt và thông minh "tàn nhẫn". Trong khi làn môi kia lại có vẻ trẻ con nhí nhảnh, hóm hỉnh bộc lộ một tính tình dễ dàng, vui vẻ. Nhìn khuôn mặt ấy, nhìn kỹ con mắt, làn môi ấy, người ta như nhìn thấy sự dung hòa của một "cái sức mạnh của sự tính toán" với một cái sức mạnh yêu đời, chỉ muốn vui.

Cặp mắt nhìn thì làn môi liền chữa ngay cái nhìn ngổ ngáo, sống sượng, hỗn láo, dữ dội, lạnh lùng của cặp mắt. Mà làn môi cười, thì cặp mắt liền chữa ngay cái cười trẻ con dí dỏm, nhí nhảnh, khờ khệch của làn môi.

Cặp mắt ấy, làn môi ấy là tất cả người thanh niên ấy. Nó cho ta nhận thấy một sức sống bí mật cấu tạo nên bởi sự hòa hợp của khối óc rộng rãi và thông minh với một trái tim đầy sinh lực.

Với cặp mắt ấy, làn môi ấy, người thanh niên như đem "phổ" cả trái tim và khối óc lên trên mặt. Trái tim như lúc nào cũng nhủ: yêu đời đi, vui đời đi, lăn xả vào những cuộc hành lạc đi, hiến mình cho những sự cám dỗ thiên nhiên đi. Nhưng khối óc vội vàng đem sự tính toán đến ngăn cản và khuyên bảo: phải coi chừng gai nấp dưới cánh hoa, phải coi chừng sự trượt chân khi bước lên thảm nhung, phải đề phòng cái cạm bẫy ẩn trong liễn mật! Đó, cái cớ nó làm cho khuôn mặt kia trông lúc nào cũng vừa đăm chiêu khắc khổ vừa hớn hở hoài nghi.

Đi đứng nhanh nhẹn, dáng điệu dứt khoát, đó là hình ảnh của một sức mạnh buộc ai muốn khinh nhờn thì trước tiên phải nghĩ ngay đến sự có thể làm được của cái sức mạnh ấy. Sức mạnh mà đứng một mình thì chỉ là một con thú, nhưng sức mạnh mà lại được đưa dắt, bởi những ánh sáng của một khối óc thông minh tính toán giỏi thì là sức mạnh đáng sợ. Nếu cái sức mạnh đã thông minh ấy lại còn biết nghe theo những tiếng gọi sốt sắng và huyền bí của trái tim thì là một sức mạnh hoàn toàn.

Thanh niên mang trên cơ thể cái sức mạnh hoàn toàn ấy. Tuy thanh niên chỉ là một thanh niên hai mươi tuổi, nhưng là một thanh niên biết tin ở tài lực của mình, biết nghĩ đến ý nghĩa đời sống của mình mà dám nhìn tương lai bằng đôi mắt bình tĩnh, dám chờ những

bất ngờ xảy đến một cách can đảm, có hoài bão kỳ vọng một cuộc sống đầy đủ, dù gian lao, cho đời mình.

Đội một cái "cát két" sọc, mặc một bộ dạ xám, thanh niên trông ra dáng một con người lịch sự đã hiểu biết bí quyết của sự ăn mặc và biết đem những sự tiện lợi của y phục dùng trong những trường hợp của đời mình.

Đang đứng tựa chấn song nhìn bể, nhìn trời, nhìn cảnh biệt ly ở chung quanh mình và đang ngâm:

Sương buồn ôm kín non sông
Tình buồn thấm đượm trong lòng...

thì bỗng tàu "súp lê". Hai người bạn cùng đi với thanh niên, dáng chừng từ giã xong với người nhà, bỗng chạy đến vỗ vai, hỏi:

– Không có ai ra tiễn chân anh à?

– Không.

Thanh niên nói một cách không đau đớn, không oán hờn. Rồi vùng cười to:

– Anh Hoành, anh không còn nhớ câu chuyện nhà, tôi kể anh nghe hôm nọ à? Tôi đã giẫm lên bực cổng nhà tôi mà thề như Tô Tần xưa kia: "Bất thừa xa mã, bất quá thử kiều". Tôi đi, tôi có cho ai biết đâu mà hòng có ai đi tiễn? Mà đi tiễn làm gì? Bất quá có người đi tiễn thì chẳng qua cũng chỉ làm phí mấy giọt nước mắt như anh Phong kia.

Thanh niên vừa nói, vừa chỉ một người mặc quần áo tím đứng cạnh:

– Anh Phong, ai ra tiễn anh mà anh phải mủi lòng khóc thế?

– U tôi đấy. Năm nay u tôi đã già.

– Thì anh bổ vào trong Cao Mên ba năm, rồi lại về, việc gì mà phải khóc?

– Nhưng tôi là lớn mà các em tôi còn bé.

– Thế thì lại khác. Anh có quyền khóc một mình mà không ai có quyền cười anh cả. Chắc cụ thương anh lắm?

– Cha mẹ nào chẳng thương con.

– Anh nói thật hay nói dối? Tôi xét thấy thầy mẹ tôi chẳng thương tôi một chút nào cả. Hay thầy mẹ tôi có thương tôi mà tôi không biết. Nhưng cứ như lòng tôi cảm thấy thì hình như không, mà

lại có phần ghét, thứ nhất từ hồi vì việc bãi khoa ở trường Bưởi mà tôi bị đuổi. Các cụ ghét tôi hơn có lẽ vì tôi không đỗ được bằng "điplôm" như điều sở nguyện của các cụ.

– Thế anh xin đi Cao Mên, tuyệt nhiên các cụ không biết?

– Tôi bỏ nhà đi đã gần một năm rồi cơ mà! Có biết các cụ cũng chẳng đi tiễn vì từ khi tôi bị đuổi, thầy mẹ tôi đã thề coi tôi như hạt máu rơi rồi.

– Các cụ giận thì nói thế, chứ cha mẹ khi nào từ được con.

– Cha mẹ chẳng biết có từ được con không, nhưng chắc chắn là con không bao giờ từ được cha mẹ. Từ khi tôi bị đuổi về ở nhà, thầy mẹ tôi bạc đãi và nhiếc móc hất hủi tôi một cách cay độc khiến tôi không thể ở nhà được, phải trốn ra Hà Nội tìm việc làm nuôi thân. Thế mà tôi cũng vẫn không oán hờn. Tôi chỉ oán tôi là đã không biết khéo ăn ở để cho cha mẹ thương. Lúc tôi được bổ làm nhà dây thép, tôi viết giấy về nhà, các cụ cũng chẳng trả lời. Mà tôi xin đổi sang Cao Mên, tôi cũng viết giấy về báo tin, các cụ cũng vẫn không trả lời.

Câu chuyện vừa đến đây, thì một người đàn bà ở buồng hạng nhì đi lại chỗ ba người đứng.

– Chị Hoành cũng khóc đấy à? Ai ra tiễn chị đấy?

– Cả nhà ra tiễn! Nhưng tôi nhớ nhất em tôi. Tôi đi chắc nó buồn lắm.

– Thêm một cái tang chứng làm cho tôi tủi. Các anh chị và các em tôi không hiểu tại sao chẳng ai thương tôi cả. Có lẽ tại tôi tính nóng và hay nói thẳng. Hay là tại tôi không biết cách làm cho họ nhìn thấy lòng tôi thương họ, nên họ không thương tôi.

– Anh em cha mẹ thì việc gì phải thổ lộ. Thương tự nhiên thương. Có lẽ số anh xung khắc với anh em cha mẹ.

– Có lẽ thế. Có lẽ cái số kiếp tôi phải hiu quạnh thế. À chị, trong ca-bin chúng ta chỉ có bốn người thôi đấy chứ? Hay có ai nữa?

– Có một người nữa làm ở Văn Tự cũng đổi vào Cao Mên. Ca-bin chúng mình ở có năm người, giá anh Phong đem cả chị ấy đi có phải cánh dây thép chúng ta được ở riêng một ca bin, tiện lợi không?

– Tôi còn phải để nhà (vợ) tôi ở nhà hầu cụ tôi, và trông coi các em bé không thể đem đi hết được.

Tàu chạy gió rét. Nói chuyện được một lúc thì vợ chồng Hoành vào ca-bin. Chỉ còn Phong với thanh niên.

Phong liền nắm tay thanh niên mà bảo:

– Bây giờ chúng ta đồng sang đất nước người, lẽ cố nhiên là hoạn nạn hay lo buồn ta phải đùm bọc lấy nhau. Tôi vẫn biết anh ít tuổi nhưng khôn hơn tôi với anh Hoành nhiều. Dù thế tôi cũng xin phép anh cho phép tôi khuyên anh một câu là anh nên bỏ những tư tưởng đen tối trong đầu anh đi. Anh cứ nghĩ vơ vẩn như thế, nào có ích gì? Tôi sinh trong một gia đình êm ấm, được mẹ già thương yêu, được các em quý mến, tôi càng hiểu cái buồn gây ra cho anh bởi gia đình anh. Nhưng anh cứ nghĩ mà coi, anh cứ buồn âm thầm như thế thì gia đình anh có biết mà hối tâm thương anh đâu? Âu bằng cứ quên phăng cái buồn ấy đi cho nó nhẹ mình. Vào đất nước người ta đã là một cái buồn, lại thêm cái buồn ấy ở trong lòng thì sống làm sao được! Vào Cao Mên nếu cùng được ở Phnômpênh thì tôi với anh, cùng ở ăn cơm trọ nhà vợ chồng Hoành. Tôi sẽ làm cho anh quên! Anh Vĩnh, nếu anh coi tôi là một người bạn thân thì anh nên nghe tôi!

– Tôi vẫn biết lời anh nói là phải lắm, nhưng anh không nhớ khi người ta hai mươi tuổi...

Vĩnh nói đến đây thì im.

Phong cứ nhìn Vĩnh chăm chăm:

– Khi người ta hai mươi tuổi mà phải sống cái đời hiu quạnh như tôi đã sống, thiết tưởng là đá cũng phải buồn. Vì anh ở trong một hoàn cảnh sung sướng, nên anh không hiểu những cái khổ không tên tuổi của loài người và những sự cần dùng của trái tim. Vì lòng anh lúc nào cũng được ấm áp bởi cái nhìn săn sóc nâng niu của một bà mẹ thương yêu anh, nên anh không thể hiểu cái khổ cô độc của một thằng bé con. Tôi sống mười chín năm ở trong gia đình mà cả nhà đối với tôi như là người ngoài. Hồi bé tôi hay nghịch ngợm. Người ta không hiểu những điều cần có của tuổi trẻ, người ta cho tôi là mất dạy và yên trí như thế. Tính tôi nóng, ngay thẳng và khẳng khái; những cái bất công tôi không chịu được, người ta cho tôi là bất hiếu. Tính tôi bướng không chịu nhục, bị đòn tôi chỉ cắn răng chịu đau chứ không lạy xin, người ta cho tôi là mặt sứa gan lim.

– Cha mẹ nóng thì nói thế.

Vĩnh không để ý đến câu dàn giải:

– Nhiều khi tôi thấy lòng tôi cần phải yêu thương, tôi muốn gần cha mẹ và tỏ lòng yêu thương cho cha mẹ biết, thì anh có biết người

ta nhận tấm lòng thương yêu của tôi tàn nhẫn thế nào không? Tôi còn nhớ mãi, cách đây mười năm, một hôm tôi đi học về, tôi thấy cái đời hiu quạnh khổ quá, tôi cần yêu và cần được yêu lắm, tôi thấy mẹ tôi ngồi vá áo, tôi liền lại gần ngồi cạnh, rồi ngả đầu vào đùi mẹ tôi. Mẹ tôi liền củng vào đầu tôi một cái thật mạnh rồi du tôi ra mà mắng:

– Thằng quỷ sứ mày làm cái trò khỉ gì đấy? Có lẽ hôm nay mày hết cách nghịch rồi phải không?

– Có lẽ mẹ anh không hiểu anh.

– Ấy chỉ vì cái chỗ không hiểu nhau ấy mà đời tôi khổ. Nhưng lạ, sao các anh em chị em, thầy mẹ tôi hiểu hết, mà duy không hiểu có một mình tôi! Ở nhà, ai nghịch cái gì, làm hỏng cái gì là người ta đổ lỗi cả cho tôi. Mà tôi vốn tính khinh những người hèn hạ, tôi không thèm cãi lại. Đánh chán mỏi tay, tôi cũng chẳng cần. Những việc nhỏ mọn xảy đến cho anh tôi hay em tôi, nhiều khi thầy mẹ tôi chỉ mắng qua hay chỉ cười, nhưng đối với tôi thì đánh đòn vô kể. Tôi còn nhớ: một hôm, tôi làm vỡ cái liễn sứ cổ, thầy tôi vác guốc đánh tôi chảy cả máu đầu. Mẹ tôi thấy thế chạy lại lấy khăn toan lau cho tôi, nhưng vì tức sẵn, tôi du mẹ tôi ra, xuống nhà chẳng nói năng gì.

– Cái đó là lỗi tại anh.

– Thì bao giờ tôi cũng vẫn nhận là lỗi tại tôi, chứ tôi có đổ lỗi cho ai đâu! Hình như cái kiếp tôi sanh ra là chỉ để cho người ta hiểu lầm hay không hiểu. Tôi thì học rất khá, nhưng cái số tôi không may. Tôi học sau anh tôi hai năm mà tôi theo kịp. Ở lớp nhất, bao giờ tôi cũng giỏi hơn anh tôi, nhưng đến khi thi bằng cơ thủy thì tôi trượt mà anh tôi đỗ. Anh tôi lại thi đậu vào trường Bưởi. Anh có biết khi mẹ tôi được tin anh tôi đỗ, mẹ tôi nhiếc tôi như thế nào không? Mẹ tôi chỉ tôi mà bảo:

– Cái mặt thằng trời đánh này, ngày sau chỉ ăn mày, ăn xin mà thôi. Đẻ những giống như mày chỉ thảm hại cho cái bụng!

Rồi mẹ tôi quay sang anh chị tôi:

– "Trông mặt mà đặt hình dong thật. Mày trông nó - nó đây là anh tôi - hai vai rộng rãi, ba đình nở nang, có phải công danh cứ bước băng băng không? Còn cái mặt khó đăm đăm như đồ chó chết này thì chỉ chết đường chết chợ thôi". Tôi nhớ, nhớ mãi câu mẹ nhiếc tôi, mà tôi xét ra sở dĩ thầy mẹ tôi ghét tôi chỉ vì tôi nghịch ngợm, tôi cương trực và tôi xấu trai lắm.

– Anh không xấu. Ai trông anh bảo anh xấu trai là người ấy mù.

– Tôi đem so sánh hình dạng tôi với anh tôi, thì tôi thấy anh tôi trắng, hai má phinh phính, trên khuôn mặt nhiều cái dễ yêu hơn tôi. Tôi nhìn cái nhìn trìu mến của mẹ tôi đối với anh tôi và cái nhìn ghét bỏ của mẹ tôi đối với tôi, thì tôi cũng đủ hiểu là tôi xấu trai.

– Không, tôi đã bảo rằng không! Anh có một khổ mặt quắc thước nó đi với tính nết anh. Nếu tôi mà là con gái thì tôi phải lấy những người như anh, mà không thể nào yêu những người trắng trẻo có cái vẻ đẹp ủy mị như anh Hoành. Đàn ông phải có cái vẻ đẹp "đàn ông". Đàn ông mà cái vẻ đẹp như đàn bà là nghĩa thế nào? Chính chị Hoành thường khen anh có vẻ lắm. Nhưng có bao giờ con gái yêu anh không?

– Tôi nhớ mang máng thì hình như không. Tôi có đi hát một vài lần, tôi có nhân tình với một vài cô đầu, nhưng thế sao gọi là yêu được? Hiện bây giờ, tôi chẳng còn nhớ hình ảnh của một người đàn bà nào mà tôi đã quen biết từ trước. Yêu theo tôi hiểu, thì nó phải nồng nàn và tuyệt đối như trong những lúc tôi tưởng tượng, giá tôi được mẹ tôi yêu tôi như thế. Nhưng hình như mẹ tôi không yêu tôi bao giờ cả. Tôi nhớ rõ ràng không bao giờ tôi ngồi nói chuyện được với mẹ tôi đến ba câu, trừ những khi mẹ tôi đánh tôi, bắt tôi nằm hỏi tội tôi. Kể những tội lỗi mà mẹ tôi kể ra thì nhiều lắm. Có lẽ vì thế mà mẹ tôi không yêu được tôi chăng?

– Anh cứ nghĩ vơ vẩn mà nói thế, chứ có lẽ nào mẹ lại không yêu con? Mà một người con như anh thì đáng yêu lắm.

Vĩnh nói một cách chua chát:

– Đáng yêu, đáng yêu ở chỗ mặc toàn quần áo cũ của anh tôi. Anh ạ, tôi còn nhớ mãi cái tết tôi được mẹ tôi may cho tôi một cái áo alpaga mới. Cái kỷ niệm ấy tôi giữ, giữ mãi để sau này tôi lập gia đình, tôi sẽ tránh những sự bất công như thế. Mẹ tôi may cho tôi và anh tôi mỗi người một cái áo alpaga lót. Nhưng mẹ tôi hà tiện, phòng khi chúng tôi lớn nên may dài. Chúng tôi mặc dài như lễ sinh. Nhưng anh tôi hơi cao và lớn hơn, mặc cái áo của tôi thì vừa. Thế là anh tôi chiếm cái áo của tôi. Anh cứ tưởng tượng cái áo ấy anh tôi mặc đã dài thì sẽ biết tôi mặc đến đâu! Nó gần chấm đất. Ấy thế mà mẹ tôi bằng lòng để cho anh tôi mặc cái áo may cho tôi và bắt tôi phải mặc áo may cho anh tôi. Mẹ tôi bảo, xấu như tôi thì mặc cái gì cũng phí cái ấy đi. Tính tôi đã bướng, thấy mẹ tôi bất công thế, chẳng nói gì đem cái áo xuống bếp đốt cháy ra tro!

– Chắc anh phải bị một trận đòn!

– Thì đã hẳn, một trận đòn nhừ tử! Tôi xét ra thì hình như mỗi gia đình phải có một người con chịu thiệt thòi nhất, và để hứng đỡ lấy những cái không hay gây ra bởi tính xấu của cha mẹ. Phải có một người con xấu số chịu lấy những bất công, trong khi cha mẹ bực mình. Tôi nhớ mỗi khi thấy mẹ tôi gắt gỏng hay có cái gì bất như ý là y như phải lôi tôi ra. Mà dù thầy mẹ tôi không lôi tôi ra thì anh chị em cũng du tôi ra đỡ đòn.

– Tôi tưởng anh có phải con vợ lẽ đâu.

– Không là con vợ lẽ mà tôi bị ghét mới lạ chứ! Tôi sưu tầm trong lịch sử thì thấy có nhiều trường hợp giống như cái cảnh tôi. Đấy anh xem mẹ Trịnh Vương đời Chiến quốc chẳng thương con trai út hơn anh là gì!

– Phải, lại còn muốn cho em chiếm đoạt ngôi vua của anh nữa. Nhưng Trịnh Vương có dám vì thế mà oán trách mẹ đâu?

– Tôi có dám oán trách mẹ tôi đâu.

– Thế sao anh nhớ mãi những chuyện cũ làm gì? Anh gàn quá.

– Anh bảo tôi gàn là anh lầm. Tôi nhớ những chuyện cũ không phải là để oán cha mẹ mà là để nếu sau này tôi có lập gia đình mà tôi có con thì tôi sẽ yêu chúng nó đều nhau. Tôi nhớ, là để nếu sau tôi có làm cha thì tôi tránh cho con tôi những sự đau khổ mà cha tôi đã gây cho tôi. Tôi nhớ, là để khi tôi có vợ tôi sẽ báo cho vợ tôi biết rằng: sự yêu thương của cha mẹ cần cho con cái hơn là no cơm, ấm áo. Tôi nhớ, là để sau này tôi cố làm cho con tôi trong khi thiếu thời khỏi mắc phải cái cảnh cô đơn buồn thảm như tôi. Chính cái tuổi hai mươi mà lòng tôi đang khao khát yêu đương này, tôi lại thấy sự ấy cần lắm. Tôi nghĩ lại những lúc thiếu thời, tôi bồi hồi như mới thoát một ác mộng. Và tôi băn khoăn tự hỏi sao tôi có cái sức sống dai để sống cho qua những ngày buồn thảm như thế? Tôi nhớ, tôi phải nhớ mãi để làm những bài học sau này hòng gây hạnh phúc cho con. Anh đừng bảo tôi bất hiếu. Tôi dám chắc cái lòng anh chị em tôi yêu thầy mẹ tôi không mạnh bằng tôi. Nhưng tôi không thể làm những cái nhỏ nhen để cho cha mẹ tôi hiểu, thì làm thế nào! Tôi tưởng chữ hiếu không phải ở chỗ tâng bốc, nâng giấc hay cúi đầu vâng lời cha mẹ như một con chó. Mà chính là chỗ phải làm sao cho dương danh hiển thân trong con đường danh dự. Thầy mẹ tôi cứ ta thán rằng: không

đỗ nổi cái "díplôm" vì thầy mẹ tôi cho cái bằng ấy là cái vinh quang đệ nhất của đời người. Rồi anh xem, tôi không chịu đứng cái địa vị này mãi đâu. Chẳng qua bây giờ không có kế dung thân thì bơ vơ đấy thôi. Anh là bạn thân, tôi mới dám nói. Không phải tôi khinh cái nghề làm thầy ký, nhưng tôi xét thấy nó không đủ trả lời cho những ước vọng của lòng tôi.

– Tôi biết, tôi biết lắm. Tôi cứ nhìn anh ngày nào đi làm về cũng chịu khó xem sách, tôi cũng rõ là anh còn mơ ước nhiều cái lắm. Mỗi người một chí hướng. Tôi, tôi thích cái đời yên ổn, gia đình tôi cũng không muốn làm cho tôi phiền lòng, tôi tự lấy cái địa vị ngày nay làm đủ. Còn anh, nếu anh chưa cho là đầy đủ thì anh có quyền mơ ước những cái khác. Khi người ta mới có hai mươi tuổi, người ta có quyền hoài bão đủ tất cả những cái cao xa. Nhất là cái người hai mươi tuổi ấy lại là anh!

II

Cái đời sống của Vĩnh ở Nam Vang trong mấy tháng trời, là cái đời của một thanh niên cố chết để gây sự nghiệp. Ngày hai bữa đi làm và xem sách, thế thôi. Vĩnh định tâm cóp nhặt một số tiền khá to rồi thừa dịp nào xin làm bồi tàu sang Tây học. Học để làm gì, chưa biết. Nhưng hẳn phải làm sao cho sang tới Ba Lê mà người ta ca tụng là kinh đô ánh sáng. Vì thế ngoài tiền cơm, Vĩnh chẳng tiêu gì. Phong ở chung với Vĩnh thấy Vĩnh tiết kiệm quá cũng phải kêu. Nhiều khi Phong rủ Vĩnh đi ăn cao lâu hay xem hát, Vĩnh đều từ chối. Phong gắt:

– Thì tôi trả tiền cho anh, chứ tôi có bắt anh trả đâu mà anh sợ.

– Tôi không đi là có lý do riêng chứ không phải vì tiền bạc. Lý do thứ nhất mất thì giờ xem sách. Lý do thứ hai là tôi không thể ăn không của ai được. Anh hay người khác mời tôi đi, tôi xét có thể đãi lại được thì tôi mới đi. Lúc này tôi chưa có thể đãi lại được, vì tôi phải để dành tiền để đi Tây học thì tôi đành phải từ chối. Lý do thứ ba: bây giờ tôi chưa muốn hưởng những cuộc vui bởi tôi cho xem sách là vui nhất.

Phong mời nhiều lần. Vĩnh đều trả lời như thế, nên từ đấy Phong cũng không mời nữa.

Xứ Nam Vang, thực phẩm đã đắt đỏ mà nhà ở lại hiếm, nên Vĩnh và Phong phải ở chung với vợ chồng Hoành, một gian nhà chỉ kê được hai cái giường, một cái bàn và bốn cái ghế. Gian nhà ấy mướn mười bốn đồng. Trước kia thì sự phí tổn chia làm bốn, vợ chồng Hoành một nửa và Phong, Vĩnh một nửa. Nhưng sau Vĩnh thấy thế thì thiệt hại cho Hoành là người cũng ít lương như mình, bèn tính cách xoay sang ở trọ và trả cho vợ chồng Hoành mỗi tháng hai chục đồng.

Vợ Hoành thấy thế bèn bảo chồng:

– Ai cứ bảo anh Vĩnh là bủn xỉn, nhưng xem một việc này thì không phải thế.

– Đã đành tính anh ấy không bủn xỉn, anh ấy để dành tiền đi Tây học.

Cái giao tình của vợ chồng Hoành đối với Vĩnh từ đấy lại càng thân mà Vĩnh thì coi vợ chồng Hoành như anh và chị mình, một người chị và một người anh săn sóc và quý mến em trai, chứ không phải anh và chị chỉ ở cái tiếng suông không mà thôi.

Ở Nam Vang được sáu tháng thì Hoành được lệnh đổi đi Siêm Rệp. Hoành nghe tin tái người, mà Vĩnh cũng ái ngại cho bạn bởi Vĩnh biết vì sự ăn tiêu đắt đỏ nên Hoành tháng nào hết tháng đó. Nay phải đi xa lại phải dọn dẹp đồ đạc, thuê nhà cửa thì tiền đâu? Mà vợ Hoành lại gần đến ngày sanh, Vĩnh muốn đưa gần hai trăm bạc của mình giúp bạn, nhưng Hoành từ chối:

– Số tiền ấy là cả tương lai của anh, tôi vay mà tôi biết chắc rằng không thể trả được thì tôi không vay. Túng thì đành túng, đến đâu hay đến đó. Trời sinh voi trời sinh cỏ, có ai chết đói bao giờ.

– Vẫn biết thế, nhưng chị ấy đã gần đến ngày sinh thì làm thế nào? Ở Siêm Rệp anh chẳng quen thuộc ai, vì tôi nghe nói, chẳng có một người Bắc nào. Một mình anh đã vậy, nhưng còn chị ấy thì sao cho tiện! Anh cứ cầm lấy, tôi vui lòng cho anh chị vay cơ mà.

– Anh vui lòng cho vay nhưng tôi không thể nào vui lòng nhận được. Giá sở mà bằng lòng cho anh thay tôi thì hay quá.

– Chúng ta thử lên xin xem.

Chiều hôm ấy, hai người lên nói thống thiết thì ông Giám đốc bằng lòng ngay. Được tin Vĩnh đổi lên Siêm Rệp, các bạn cùng sở mà Vĩnh quen ngỏ ý muốn viết thư gởi gắm với người nhà, nhưng Vĩnh đều từ chối.

– Tôi muốn sống với sự bất ngờ. Cứ để mặc tôi lên trên ấy rồi sự bất ngờ sẽ đem nhà ở lại cho tôi.

– Coi chừng ở trên ấy ít người mình, không khéo thầy lại bị ở với Cao Mên ăn bồ hốc[1].

Vĩnh yên trí rằng Siêm Rệp không có người Bắc Kỳ mà mình thì chẳng có quen một người Nam nào ở đây, tất nhiên là đêm đầu phải ngủ ở khách sạn. Ai ngờ khi xe đò vừa mới ngừng bỗng có một người trạc ngoài bốn mươi đến trước mặt cung kính hỏi bằng tiếng Bắc:

– Tôi hỏi thế này thật là đường đột, ông có phải là ông Vĩnh mới đổi lên làm sở dây thép trên này không?

– Chính tôi, nhưng sao ông biết? Ông là người Bắc phải không? Tôi nghe ông nói toàn giọng Bắc.

– Vâng, tôi là người Bắc, lên buôn bán trên này đã hơn hai mươi năm. Hôm qua có mấy thầy người Nam làm nhà dây thép nói chuyện cho tôi biết rằng có một thầy người Bắc đổi lên đây, nên tôi ra đón. Trên này chẳng có ai là người Bắc ở, chỉ có một mình tôi. Thôi ông lại nhà tôi ở, người xứ sở với nhau gặp nhau thì còn gì bằng.

Vĩnh thấy người đồng hương xử với mình một cách sốt sắng không thể từ chối. Chàng vào trình diện với ông chủ rồi theo về. Đi đường, ông người Bắc tỉ tê:

– Tôi vào đây đã lâu năm, ít gặp người đồng xứ. Nên gặp ông tôi mừng lắm. Nhà tôi tuy là người Sài Gòn nhưng lấy tôi lâu năm thì cũng thành ra người Bắc. Thầy đừng ngại làm phiền vợ chồng tôi. Ta cứ coi nhau như người nhà. Mà chả người nhà thì cũng người nhà vì trong đồng đất nước người, ta gặp nhau là trở nên thân thích rồi.

Về đến phố Chợ, ông người Bắc trỏ cái biển sơn vàng có kẻ hai chữ Nam Phát mà bảo Vĩnh:

– Đấy, tiệm tôi đấy.

Đến cửa đã có một người đàn bà ăn mặc kiểu Sài Gòn và hai bé trai ăn mặc rất sạch sẽ đứng đợi.

Ông Nam Phát đon đả giới thiệu Vĩnh với vợ rồi bảo hai con:

– Chúng mày không chào ông đi!

Vĩnh thấy hai đứa mặt mũi khôi ngô đem lòng yêu, liền nắm tay đứa bé ước lên tám mà hỏi:

---

1. Một loại cá.

– Em tên gì?

– Em tên Định.

– Thế anh của em tên gì?

– Anh của em tên Nam.

Cửa hàng đồ sộ, nhà cửa rộng rãi, bày biện rất lịch sự. Vĩnh biết ngay là một gia đình giàu có.

Ông Nam Phát đỡ va li đưa Vĩnh lên một cái buồng có giường Tây, có bàn mà bảo:

– Đây, tôi đã để dành riêng cái buồng này chờ ông.

Vĩnh nhìn gian buồng lịch sự, rồi nhìn ông Nam Phát, cảm động bảo:

– Tôi không ngờ lại được ông tiếp đãi một cách chu đáo như thế này. Tôi đã làm gì mà ông cư xử với tôi quá tử tế thế?

– Ông là người Bắc, thế quá đủ rồi. Chính tôi đây phải ơn ông đã đem hình ảnh xứ sở đến cho tôi.

– Thế ông không năng về Bắc à?

– Tôi đã hơn hai mươi năm, chẳng về bao giờ. Mà biết quê quán ở đâu mà về! Tôi mồ côi cha mẹ, phiêu bạt từ nhỏ, quên cả quê quán. Chỉ còn nhớ mình là người Bắc, ở tỉnh Nam Định, nên tôi đặt tên hai cháu là Nam Định để kỷ niệm quê quán của tôi. Thôi, ông thay quần áo và rửa mặt rồi mời ông xuống xơi cơm.

Xuống nhà, Vĩnh đã thấy ở buồng ăn bày ra một bàn tiệc đủ cả rượu ngon, vật lạ. Bây giờ, Vĩnh mới hiểu cái lòng tha thiết của con người ta đối với xứ sở đã sinh ra mình.

Suốt bữa cơm, ông Nam Phát đối với Vĩnh rất là sốt sắng mà bà vợ đối với Vĩnh cũng rất là niềm nở, Vĩnh bỗng thấy khoan khoái nhẹ nhõm cả người. Cạn cốc rượu đầu tiên, câu chuyện bắt đầu:

– Ông bà buôn bán tôi xem ra phát tài lắm?

– Cám ơn ông, nhờ trời cũng khá, nhưng phú quý bất quy cố hương...

– Thế sao ông không về Bắc?

– Một lẽ, tôi chẳng còn nhớ quê quán ở đâu mà về. Hai là nhà tôi quê quán ở trong này, tôi về Bắc sợ nhà tôi phiền về nỗi nhớ nhung họ hàng.

Vĩnh vốn là người ngay thẳng, không ưa những sự úp mở nên chiều hôm ấy, trước khi lên buồng ngủ, bèn bảo ông Nam Phát:

– Tôi ở đây chắc còn quấy quả ông bà nhiều, vậy xin ông bà làm ơn cho tôi biết...

Ông Nam Phát là người từng trải đã hiểu ngay đại ý của Vĩnh muốn nói, vội gạt đi:

– Ồ, tiền với nong, ông đừng ngại, ai lại lấy tiền cơm ông.

– Ông bà có bụng tốt ấy, tôi xin đa tạ. Nhưng giá tôi mà ở đây chơi năm ba ngày hoặc một vài tháng thì ông bà không lấy đã đành. Nhưng tôi ở đây hàng năm mà ông bà xử thế thì thiệt thòi cho ông bà nhiều lắm. Gia dĩ như thế lòng tôi cũng áy náy không yên.

– Chẳng có gì là thiệt thòi, ông đừng ngại. Nhà thì của nhà, có ông chẳng qua thêm đũa thêm bát...

– Vâng, tôi vẫn biết thế, nhưng nếu ông bà cứ nhất định không lấy tiền thì có lẽ tôi cũng không dám ở đây nữa. Ừ, thì ông bà chả lấy nhiều thì phải lấy ít cho đủ số tiền tôi làm tổn phí cho ông bà.

Ông Nam Phát ngẫm nghĩ rồi bảo Vĩnh:

– Tôi thu xếp thế này thì tiện lợi cho cả hai bên nhưng không biết ông có bằng lòng không?

– Việc gì, ông cứ nói.

– Tôi có hai cháu mà thầy giáo Cao Mên ở đây dạy chẳng ra thế nào, lại phải học bằng chữ Cao Mên lâu tấn tới lắm. Giá ông có thì giờ rồi, ông xem xét bài vở và mỗi ngày dạy cháu giúp tôi vài giờ thì hay quá. Mà như thế thì ông khỏi áy náy.

Vĩnh đã toan không nhận, nhưng thấy người ta xử với mình thật là tử tế, không nỡ từ chối, bèn trả lời:

– Tôi tuy đi làm, nhưng khi về tôi còn bận xem sách. Tôi có dạy bảo các cậu ấy chẳng qua chỉ có thể dạy bảo buổi tối độ một giờ thôi.

– Ồ, một giờ là tốt lắm rồi. Mà dù ông có bận xem sách thì cách một ngày ông dạy cháu một giờ cũng được.

Vĩnh ở đấy được hơn mười hôm, đối với vợ chồng ông Nam Phát rất là tương đắc. Mà hai đứa trẻ thì quấn quýt tin yêu như anh cả.

Một hôm, buổi chiều Vĩnh đi làm về gần đến nhà thì thấy thằng Nam, thằng Định nắm tay một người con gái trạc mười bảy, mười tám và gọi mình ríu rít, rồi thằng Định chạy lại nắm tay chàng mà khoe:

– Chị em mới đi học ở Sài Gòn về đấy!

Còn thằng Nam thì thầm với chị:

– Thầy em đi làm về đấy, thầy em chăm học lắm. Thầy em tử tế lắm.

Người con gái cúi đầu chào. Vĩnh cũng chào trả lại. Vĩnh còn đang dùng dằng chưa biết có nên đứng lại nói chuyện hay vào thẳng phòng thì bà Nam Phát chạy ra:

– Đấy, cháu Hai nó học năm thứ nhứt ở trường Nữ học Sài Gòn, mới được nghỉ hè về chơi đấy.

– Cô Hai trông còn nhỏ mà học giỏi quá nhỉ? Không biết cô Hai bao nhiêu tuổi?

– Cháu mười bảy. Nó đậu bằng Cơ thủy năm ngoái.

– Cô ấy học giỏi như con trai. Tôi nhớ năm mười sáu tôi mới đỗ bằng Cơ thủy.

Thế rồi Vĩnh lên gác cũng chẳng để ý nhìn xem cô Hai đẹp hay xấu.

Nói rằng cô Hai xấu thì cố nhiên là không phải. Nhưng nói rằng cô đẹp cũng chưa đúng, bởi sắc đẹp của cô còn trong thời kỳ trứng nước, chưa thành hình rõ ràng. Cô người thon và tròn. Thật là cái dáng đẹp của người đàn bà xứ Nam chứ không lè bè như người đàn bà xứ Bắc. Thắt đáy lưng ong, khổ mặt trái xoan, chân tay nhỏ, nước da trắng, hai con mắt bồ câu thùy mị, toàn thể ngần ấy cái, hứa hẹn một sắc đẹp lộng lẫy về mai sau.

Bữa cơm chiều hôm ấy, Vĩnh vào bàn ăn đã thấy người nhà ngồi đông đủ chỉ còn một ghế cạnh cô Hai là bỏ trống. Chàng đến ngồi đấy, chẳng thấy gì là ngượng vì chàng coi cô Hai như em gái mình.

Hôm ấy cô Hai nói chuyện về sự học ở Sài Gòn cho cha mẹ nghe. Suốt bữa cơm, những tiếng cười ròn rã vui như tết. Nếu một người hữu tâm nhìn cô Hai nói, cô Hai cười, thì đã nhận ra bao nhiêu vẻ thơ, nhưng Vĩnh là người vô tình chẳng nhận thấy gì cả, hay chỉ nhận thấy cô Hai cười nói cũng như thằng Nam hay thằng Định cười nói mà thôi. Mà có lẽ cũng không hóm hỉnh dễ thương bằng chúng nó nữa.

Tối hôm ấy, Vĩnh đương đọc sách trên buồng, thì ông Nam Phát lên:

– Tôi biết ông bận đọc sách lắm. Nhưng giá ông có lòng tốt bỏ ra ít thì giờ dạy con cháu giúp tôi thì may quá. Vì nếu ông không bằng lòng thì ít ngày nữa cháu lại phải về Sài Gòn học lớp riêng, chứ ở

chơi không thì quên hết cả chữ. Ông làm ơn dạy giùm cháu tôi trong ba tháng hè, để cháu được gần gũi với gia đình.

– Ông nói thế thì tôi nể lắm, chứ quả tình tôi bận lắm. Nếu tôi phải dạy nhiều thì đâu còn thì giờ xem sách.

– Vâng, tôi biết thế, nhưng ông ráng giúp tôi. Bởi cháu đi đằng đẵng một năm, vợ chồng tôi nhớ lắm. Tôi vẫn định cho cháu nghỉ học ở nhà buôn bán, nhưng cháu nhất định xin học đỗ díplôm mới thôi. À, mà tôi lấy làm lạ sao ông đã đỗ đi làm có lương rồi mà còn học để làm gì?

Vĩnh không muốn nói cái chí của mình cho ông Nam Phát biết vì sợ ông không hiểu, bèn nói tránh:

– Tôi thích học thì học đấy thôi. Vậy từ nay, buổi trưa khi ăn xong, tôi sẽ dạy cô Hai từ mười hai giờ đến một giờ. Nhưng ông cho ăn cơm đúng mười một rưỡi thì mới được, chứ trễ thì tôi mất cả buổi trưa.

Trong hai tháng trời, Vĩnh dạy cô Hai rất là chăm chỉ. Cô Hai thấy Vĩnh rất nghiêm trang đứng đắn thì đem lòng kính và sợ. Mà Vĩnh thấy cô Hai thông minh ngoan ngoãn cũng đem lòng mến. Buổi tối, khi thằng Nam, thằng Định lên học thì cô Hai cũng theo lên ngồi đấy mượn sách báo của Vĩnh xem hoặc làm những bài mà Vĩnh ra cho mình buổi trưa. Nhưng đến khi hết giờ học thì cô cùng theo hai em xuống. Mà ngoài giờ dạy học Vĩnh cũng chẳng nói chuyện gì với cô Hai bao giờ. Ngoài giờ học thì hai người chỉ gặp nhau ở buồng ăn. Cô Hai thấy Vĩnh nghiêm nghị quá nên muốn gì cũng không dám nói. Mấy hôm đầu, cô Hai mới lên học thì gọi Vĩnh bằng ông, nhưng mấy hôm sau thì cũng theo hai em gọi bằng thầy. Chính Vĩnh cũng không nhận thấy sự thay đổi trong cách xưng hô ấy.

Vĩnh chỉ học, chỉ nhận thấy có quyển sách, ngoài ra chẳng nhìn thấy sự gì khác cả.

Nhận thấy sự khác ấy trước tiên là bà Nam Phát. Bà thấy con gái bà đẹp ra và nhiều khi ngồi ngẩn người hàng giờ không nói. Nhưng bà cũng chẳng hiểu duyên cớ vì đâu. Bà lấy làm lạ. Bà cho là con gái đến tuổi dậy thì đều như thế cả. Bà cũng không hiểu tại sao có hôm con gái bà cười nói cả ngày, có hôm mặt cứ rầu rầu chẳng nói chuyện với ai. Những hôm cô Hai cười nói là những hôm Vĩnh chấm bài cho cô rồi khen cô. Mà những hôm cô buồn là sau khi Vĩnh chấm xong bài mà chẳng khen gì cô cả. Vĩnh không biết cái duyên do như

thế, nếu biết thì chàng cũng chẳng hà tiện một lời khen vì bài vở ngày nào cô Hai cũng làm khá cả.

Một buổi chiều chủ nhật, Vĩnh đang ngồi đính mấy cái nút và vá víu một vài chỗ sứt chỉ thì thấy cô Hai trang điểm rất lịch sự đẩy cửa vào:

– Hôm nay có phường xiếc lại trình diễn, ba tôi biểu lên mời thầy cùng đi xem.

Vĩnh vẫn chăm chú vá víu:

– Cô xuống nói với ông rằng tôi cảm ơn. Tôi bận lắm không đi được. Ở Hà Nội tôi xem mãi chán lắm rồi.

– Thầy bận gì, ba tôi đã mua vé cả rồi mà.

Rồi thấy Vĩnh đang vá víu, cô Hai vồn vã bảo:

– Thầy bận vá áo phải không? Để tôi đem xuống nhà vá cho. Thầy mặc quần áo đi.

Rồi cũng chẳng chờ Vĩnh trả lời, cô Hai lại giằng lấy kim chỉ. Giằng vội vàng thế nào mà kim đâm phải tay Vĩnh. Một giọt máu nổi lên trên da. Cô Hai trông thấy, vội vàng cầm lấy tay Vĩnh đưa lên môi mút giọt máu. Mút xong khẽ buông tay Vĩnh ra mà bảo:

– Tôi xin lỗi thầy nhé. Thầy có còn đau không? Ở trường, chị em tôi ai lỡ kim đâm phải tay cứ mút thế là khỏi buốt ngay.

Vĩnh cũng chẳng để ý đến cử chỉ ấy, chàng cho cô Hai vì tình thầy trò mà thương mình đấy thôi.

Cùng đi xem xiếc với cô Hai hôm ấy, Vĩnh cũng chẳng nhận thấy rằng cô Hai ăn mặc lộng lẫy hơn mọi ngày, mà bọn con trai trẻ ai cũng nhìn chằm chằm, và hình như họ thèm muốn cái địa vị của chàng.

Tối hôm ấy, khi tan buổi học, cô Hai để cho hai em xuống trước, rồi hỏi Vĩnh:

– Thầy còn đau tay không?

Vĩnh thấy thế ái ngại, liền ngọt ngào bảo:

– Không hề gì đâu. Một mũi kim đâm vào có sao. Cô đừng áy náy. À, tôi mới mua được quyển truyện này, tôi chưa có thì giờ xem, cô xem trước đi. Nếu cô thấy hay thì tôi cho cô đấy.

Hôm sau, cô Hai cười nói vui vẻ suốt cả một ngày. Nhưng chỉ được một ngày ấy thôi. Những hôm sau, cô nhìn cuốn lịch treo tường một cách sợ hãi vì ngày khai trường sắp tới rồi. Cô lại sắp phải đi Sài Gòn rồi.

Cha mẹ cô thấy thế lại ngỡ rằng con gái thấy sắp phải xa mình mà buồn nên cố hết sức lấy lời an ủi cô.

– Thì con đi Sài Gòn, rồi Tết má cho xe hơi về đón con, việc gì mà con buồn!

– Thỉnh thoảng ba về Sài Gòn vào thăm con. Từ giờ đến Tết thấm thoát có là mấy.

Bao nhiêu lời an ủi đều vô hiệu. Cô Hai mặt lúc nào cũng buồn thiu. Cô biếng cả ngủ, cô biếng cả ăn. Bữa cơm cô cứ nhìn trộm Vĩnh, nhưng Vĩnh thì cứ cúi đầu ăn, nào có nhìn thấy đâu cô nhìn mình.

Còn bảy ngày nữa, cô phải đi. Cô xếp hành trang một cách uể oải. Chán nản. Vẻ mặt lúc nào cũng bâng khuâng tự hỏi: sao mình lại có thể xa... nhà trong bốn năm tháng trời được?

Vĩnh thấy cô sắp đi học, cho nghỉ nhưng cô nhất định không nghe. Mà từ đấy, mỗi khi đồng hồ đã đánh một giờ, cô còn tìm hết cách để ngồi rốn lại thêm một tí. Một tí thôi, vì Vĩnh là người làm việc rất đúng giờ, không thể khuấy rối được.

Cái tối trước hôm đi, cô theo hai em lên buồng Vĩnh, cầm một cái hộp đưa cho Vĩnh bảo:

– Tôi có thêu được một tá khăn mặt, biếu thầy để thầy dùng. Khi nào thầy dùng hết, thì thầy lại viết thư ra Sài Gòn cho tôi hay, tôi sẽ gửi một tá khác về.

Vĩnh mở nắp hộp, cầm từng chiếc khăn giơ lên:

– Khăn lụa, sang quá, cô thêu đẹp quá. Một tá này tôi dùng thì bao giờ hết. À, mai cô đi Sài Gòn phải không, tôi gửi tiền cô mua cho tôi mấy quyển sách nhé.

Vĩnh toan mở tủ lấy tiền, cô vội gạt:

– Ba và má tôi cho tôi nhiều tiền lắm. Thôi để tôi ứng cho thầy chứ bây giờ đã biết giá bao nhiêu mà đưa trước.

– Đến Tết mới trả cô ấy à? Tết biết tôi còn ở đây hay đã phải đổi đi nơi khác rồi!

Câu ấy làm cho cô Hai xây xẩm mặt mày. Nếu cô không vội ngồi ngay xuống ghế thì có lẽ cô đã ngã. Nhưng Vĩnh vì quay lưng vào mở tủ không nhìn thấy, Vĩnh cầm năm đồng đưa cho cô rồi bảo:

– Thôi cô cứ cầm lấy năm đồng này, nếu thiếu thì cô phụ vào cho tôi, mà thừa thì cô xem ở Sài Gòn có cái gì hay hay cô mua về cho

tôi. Cô đi thế này, ông bà với thằng Nam, thằng Định chắc nhớ cô lắm nhỉ? Cô có nhớ chúng nó không?

– Thưa thầy có, tôi nhớ cả thầy nữa!

Thằng Định nghe chị nói thế liền chẩu mỏ:

– Thế chị ở nhà với thầy có được không?

Cô thẹn đỏ mặt không nói. Vĩnh liền nói:

– Học trò thì phải đi học, chứ ở nhà làm sao được! Có như mày lười như gấu, động một tí thì làm nũng rồi xin ở nhà.

Vĩnh nói xong, tát yêu vào má thằng bé. Thằng bé khoái chí nói lem lém:

– Bây giờ có thầy đến đây, con không hay ở nhà chứ trước khi thầy chưa đến, con ở nhà luôn luôn. Anh Nam cứ đi học một mình.

Cô Hai đi Sài Gòn được gần nửa tháng thì bỗng một hôm ba má cô thấy cô về. Ba má cô ngạc nhiên chưa hiểu duyên cớ làm sao thì cô đã vội vàng chạy lại ôm chầm má cô khóc nức nở mà bảo:

– Con nhớ ba má quá không thể ở Sài Gòn được nữa đâu.

Ba cô an ủi:

– Ừ thì ở nhà học tư ông Vĩnh vậy. Từ khi mày đi, nhà này trống hẳn đi. Má mày cũng nhớ mày ngơ ngẩn mất hai ba hôm.

Ba má cô nhớ cô là một sự chắc chắn rồi. Nhưng còn cô, cô nhớ ba má cô hay nhớ "ai" mà phải trở về thì chỉ có trái tim cô biết.

III

Việc đầu tiên của cô Hai sau khi đã giãi bày với cha mẹ cái cớ làm cho cô thôi học là chạy lên buồng Vĩnh. Lúc ấy đã hơn ba giờ, cô biết chắc là Vĩnh đi làm nên cô không gõ cửa.

Vừa đến nơi, cô đứng lặng yên nhìn ngắm gian buồng, nhìn cái giường Vĩnh nằm, nhìn cái chăn Vĩnh đắp, nhìn chồng sách Vĩnh đọc, nhìn cái áo Vĩnh mặc, nhìn đôi giày Vĩnh đi. Rồi cô thấy lòng cô bồi hồi, đầu gối cô run, không tài nào đứng được nữa. Rồi cô ngồi xuống bên giường. Cũng không hiểu tại làm sao, cô sẽ cầm chiếc áo mân mê, rồi cô lôi cái áo ôm vào lòng. Một quyển sách bìa đen thật dày hiển hiện ở trên tấm "ga" trắng. Cô cầm lấy xem thì thấy ngoài bìa

có dán một mảnh giấy trắng trên có kẻ chữ "Quyển nhật ký của tôi". Dưới những chữ ấy lại có một dòng chữ viết bằng mực đỏ:

"Cấm không ai được mở"

Hàng chữ ấy có cái mãnh lực hâm nóng tính tò mò của cô Hai. Vẫn biết người viết quyển sách ấy đã dặn thế, nhưng người viết quyển sách ấy hiện giờ không có đây, cô xem thì ai biết mà trách vấn cô? Mà như thế cô có thể hiểu rõ cái đời của Vĩnh, biết hết được cảm tưởng của Vĩnh đối với nhà mình, đối với... mình, cô xoăn xoe quyển sách mãi cân nhắc những câu hỏi ngầm và những câu trả lời ngầm ở trong lòng cô rồi cô vùng mở ra.

Nhưng những dòng chữ ngoằn ngoèo vừa đập vào con mắt thì cô bỗng sợ hãi, có cái cảm tưởng như vừa phạm một tội ác. Cô lại vội vã gấp quyển sách lại để vào chỗ cũ rồi chạy xuống cầu thang. Nhưng đến nửa chừng, cô sực nhớ cô chưa để cái gối lên trên quyển sách, cô lại chạy lên. Để cái gối xong, cô còn ngắm kỹ càng xem nó có đúng như cũ không.

Suốt từ lúc ấy cho đến lúc Vĩnh về, cô chỉ áy náy rằng quyển sách và cái gối không đúng dấu, sợ Vĩnh biết chăng.

Xuống dưới hàng, cô ngồi nói chuyện với má cô được mấy câu, cô lại đứng dậy đi ra cửa. Đứng ở cửa chưa được một phút, cô lại quay vào, cô nhìn đồng hồ rồi cô lại xuống bếp. Xuống bếp chưa nói với con Nụ xong một câu chuyện, cô lại lên buồng mình. Cô sửa sang lại mái tóc, cô nhìn ngắm mãi cái bóng mình ở trong gương, rồi cô lại bồn chồn chạy xuống cửa hàng. Rồi cô lại ra đứng cửa.

Cô đứng ngồi không yên. Ba cô thấy thế bèn chỉ cô mà bảo với má cô:

– Con Hai nó nhớ hai em nó quá nên như điên.

Má cô chỉ mỉm cười mà không trả lời. Trong cái mỉm cười ấy, ta như thấy một nét hoài nghi, một vũ trụ tha thứ, một cảm tưởng ái ngại và xót thương. Má cô liền gọi cô lại gần sẽ lấy tay vuốt mấy sợi tóc xòa xuống mặt cô mà bảo:

– Thì con cứ ngồi đây, rồi... chúng nó thế nào cũng phải về, chứ biến được đi đâu mà con phải lo cuống cuồng lên thế!

Rồi má cô lại nhìn ba cô mà bảo:

– Con Hai nó không đánh phấn thoa son mà trông cũng trắng và đỏ như người đánh phấn thoa son.

– Hừ, má nói thế, chứ thoa son đánh phấn đẹp hơn nhiều. Má cho phép con đánh phấn nhé.

– Giá con đen thì má cho phép con đánh phấn ngay. Đấy, con lấy gương mà soi xem có phải da con không đánh phấn mà còn trắng hơn má đánh phấn nhiều.

Cô vô lấy gương tay soi, rồi áp mặt lại gần mặt mẹ:

– Ừ nhỉ, má nhỉ! Tại con còn nhỏ, má đã già.

– Thế thì việc gì phải đánh phấn cho nó hỏng da.

Má cô lại nắm cổ tay cô mà bảo với ba cô:

– Mấy tháng về đây, con Hai nó đẩy ra nhiều. Trông bây giờ đã ra dáng con gái dậy thì, mà nó cứ tưởng nó còn trẻ con, nũng nịu quá.

– Thế cho nó "bú tí", có sao.

Ba cô nói xong, cười khanh khách. Má cô sẽ nguýt yêu cô một cái rồi bảo:

– Cho bú tí nhưng sờ vú luôn.

Cô chẩu môi cãi:

– Con sờ vú bao giờ, má chỉ bịa để nói xấu con.

– Phải, mới một năm nay, cô đi Sài Gòn, cô không sờ vú, chứ trước kia ở nhà thì có mà chê! Thằng Định nó thấy, lần nào nó ghen, đấm đùi đụi mà vẫn không chừa.

Nói chuyện với ba má cô được dăm câu nữa, cô lại chạy ra cửa rồi cô lại chạy ra sân.

U em nuôi cô hồi trước, ngày nay đã trở thành u già đang kiếm quần áo để nấu, thấy cô đến liền cầm một cái khăn mặt giơ lên cho cô xem mà bảo:

– Giá tôi không kiểm lại, thì thằng bếp đã để cả cái khăn mặt lụa này vào nấu. Lụa nào mà còn được, cái khăn mặt lụa hình như của cô thêu cho ông Vĩnh. Ông Vĩnh dặn thằng bếp mấy lần đừng có nấu mà cái thằng hư thế, cứ quên.

Cô Hai bỗng ôm chầm lấy u già hôn, rồi móc túi lấy ra đồng bạc:

– Em đi Sài Gòn về không mua được quà gì cho u, biếu u đồng bạc nhé.

Cái đồng hồ treo đánh năm tiếng rền rĩ. Cô Hai vùng bỏ u già chạy lên nhà:

– Má nhỉ, sao năm giờ rồi mà các em con chưa về?

– Chúng nó tan học năm giờ, có về đến nhà thì cũng phải năm giờ mười lăm. Nhưng thế nào cũng gần sáu giờ mới về vì chúng nó còn ra nhà dây thép đón thầy học cùng về.

Cô Hai đã thừa biết, nhưng cô còn vờ hỏi:

– Thầy học nào?

– Ông Vĩnh đấy. Chúng nó độ này mến ông ấy lắm. Thằng Định đi đâu không rời tao ra một bước, tối nào không được ngủ với tao, là nó tru tréo lên; thế mà cứ nằng nặc đòi lên ngủ với ông Vĩnh. Tao phải đe nó mãi, nó mới chịu thôi.

– Thế sao má không cho nó lên ngủ với ông ấy có được không?

– Thế phiền cho người ta vì người ta xem sách khuya lắm.

Không hiểu tại làm sao, cô bỗng thấy lòng cô yêu hai em hơn trước.

Sáu giờ kém mười lăm, Vĩnh dắt tay thằng Định, thằng Nam về tới cửa thì thấy cô Hai chạy ra. Cô ôm lấy thằng Định hôn chùn chụt.

– Chị Hai về bao giờ thế?

– Hôm nay có được nghỉ đâu mà chị Hai về?

– Cô Hai làm sao mà nghỉ học thế?

Với ba câu hỏi ấy, cô Hai chẳng biết trả lời ra làm sao. Nhưng may, có bà Nam Phát đỡ lời:

– Cháu nó nhớ vợ chồng tôi và các em nên xin thôi. Mà tôi tính cháu nó còn trẻ dại, cho ở chỗ xa xôi thì cũng ngại lắm. Thôi thì để cho cháu ở nhà buôn bán.

– Thế thì uổng lắm nhỉ.

Vĩnh nói xong lên gác cũng chẳng hỏi thêm câu gì. Cô Hai thấy Vĩnh không bằng lòng về cái cử chỉ của mình bỗng buồn xo. Từ đấy cho đến bữa cơm chiều chẳng thấy cô nói với ai một câu. Mà thằng Định đến nũng cô thì cô đuổi nó nguây nguẩy.

Bữa cơm tối hôm ấy, cô chẳng tương gì đến ăn. Cô cứ lấm la lấm lét nhìn Vĩnh. Bà mẹ cô hiểu ý cô nên đến khi ăn cơm xong liền bảo Vĩnh:

– Cháu Hai bây giờ nó không muốn ở Sài Gòn. Mà xa xôi quá, vợ chồng tôi cũng rất lo ngại cho cháu khi trái nắng trở trời, vậy tôi phiền ông bảo thêm cháu giúp tôi.

– Muốn đậu díplôm thì cần phải học theo chương trình ở nhà trường, chứ tôi bảo làm sao được. Tôi chỉ có thể dạy thêm cô ấy Pháp văn mà thôi.

– Thì Pháp văn cũng được, chúng tôi cho cháu học là để biết chữ chứ có phải để đi làm đâu.

– Tôi cũng bận lắm bà ạ. Dạy thằng Nam thằng Định thế cũng đã mất nhiều thì giờ lắm rồi. Trước kia tưởng cô Hai học trong ba tháng hè thì tôi còn dạy được. Chứ dạy hàng năm trời tôi thì giờ đâu.

Ông Nam Phát bèn bảo Vĩnh:

– Có phải thế thì chẳng dám phiền ông nữa. Cháu nó biết thế cũng đủ làm sổ sách rồi.

Cô Hai nghe thế liền khóc òa lên rồi mếu máo nói:

– Thế mai con lại ra Sài Gòn vậy. Con muốn học nữa cơ.

Vĩnh thấy thế ái ngại liền ngọt ngào bảo:

– Cô muốn học nữa thì nên ra Sài Gòn. Nhưng nếu vì cô nhớ ông bà quá mà không thể đi Sài Gòn nữa thì thôi, tôi cũng đành để một giờ trong một ngày dạy cô. Cô đã bằng lòng chưa? Thế cô lau nước mắt đi nào.

Cô Hai mặt còn đầm đìa nước mắt nhoẻn miệng cười. Cái cười thật là bao hàm bao nhiêu ý nghĩa mà tiếc thay, Vĩnh không hiểu.

Thằng Định thấy cô vừa khóc, vừa cười liền chế:

– Ê, ê không biết xấu...

Cô chạy lại toan cúng cho nó thì nó đã chạy nấp vào lòng Vĩnh:

– Thầy cứu con với. Ê, ê, không biết xấu lại còn đánh người ta.

Rồi lắc tay Vĩnh hỏi:

– Chị ấy trốn học sao thầy không đánh chị ấy đi? Mà con muốn ở nhà, thầy lại đánh con? Thầy cưng chị ấy hơn con à?

Cả nhà đều cười rộ. Cô Hai cũng bật cười.

Từ khi đến ở nhà ông Nam Phát, Vĩnh chẳng còn thấy gì là hiu quạnh nữa. Chàng thấy xung quanh toàn là những người yêu mình, quý mình cả. Bao nhiêu nỗi buồn từ trước tới nay đều tiêu tán cả đi. Nhưng chàng vẫn chẳng để ý đến cái tình cô Hai đối với mình. Chàng cũng chẳng biết nữa. Vì chàng không thể tưởng tượng đến ái tình với một cô con gái bé mà người cha coi mình như bạn, với cô học trò nhỏ coi mình như thầy.

Những sự săn sóc của cô Hai, chàng cho vì tình thầy trò mà ra cả. Chàng cho vì cô thương mình cô độc ở nơi đất khách quê người mà săn sóc mình đấy thôi.

Sự săn sóc của cô Hai không thê nói. Nó vượt quá phạm vi thầy trò.

Sáng nào, năm giờ rưỡi, Vĩnh dậy cũng đã thấy cô Hai léo xéo gọi đầy tớ lấy nước vào buồng tắm cho mình rồi. Tập võ xong, vào buồng tắm đã thấy nước, khăn mặt, xà phòng, tinh tươm. Về buồng ngủ đã thấy cốc sữa nóng và cái bánh tây để đấy. Từ khi cô Hai về, cô đã bỏ cái lệ bắt Vĩnh phải ăn lót lòng với cả nhà vì cô bảo thế làm mất thì giờ xem sách của Vĩnh. Cô bắt bếp phải đem đồ ăn lót lòng lên buồng cho Vĩnh để Vĩnh vừa ăn vừa có thể xem sách. Đi làm về đã thấy giường nệm xếp tinh tươm; giày dép lau bóng, sách vở xếp đặt đâu vào đấy. Mà sáng nào cũng thấy mấy đóa hoa hồng tươi cắm ở trên bàn.

Bữa cơm nào cũng thấy cô Hai lên gọi Vĩnh xuống ăn, chứ không như trước hoặc thằng bếp hay thằng Nam, thằng Định. Gối, khăn mặt, cô Hai thêu cho Vĩnh không biết bao nhiêu, cái áo nào mới hơi rách, cô đã mạng lại tử tế.

Vĩnh đem so sánh đời mình ngày nay với đời mình ngày trước, nghĩ đến lúc phải đổi đi nơi khác mà lạnh cả lòng.

Còn vợ chồng ông Nam Phát thấy con mình đối với thầy học như thế cũng để im, vì ông Nam Phát vẫn nuôi trong lòng cái hy vọng làm sao con gái mình lấy được một người Bắc một trăm phần trăm Nay người này đã là người nết na có chí thì còn gì bằng. Mà bà Nam Phát thì vì biết lòng con bà quá yêu người ta nên cũng vì thương con mà "thương" cả đến điều sở nguyện của lòng con. Bà tuy là người Sài Gòn, nhưng vì lấy chồng người Bắc lâu năm, nên bà cũng đã Bắc hóa. Gia dĩ bà có một người chồng Bắc tử tế, cần cơ, ngay thẳng như ông Nam Phát, nên bà nhìn tất cả người Bắc bằng một con mắt đầy tình cảm. Bà cho người Bắc có đủ điều kiện để làm cho vợ được sung sướng. Thứ nhất cái người ấy lại là người đã được con gái bà yêu.

Câu chuyện bà thủ thỉ với chồng trong canh khuya đủ tỏ cho ta biết rõ lòng bà đối với việc trăm năm của con gái mình.

– Ông à, tôi xem ra hình như con Hai nó mến cái nhà thầy Bắc ấy quá.

– Bà có chắc không?

– Ai còn có thể biết con hơn mẹ.

– Thế thì bà cứ để yên nhé. Nếu nó lấy được thầy ấy thì may quá. Thầy ấy là người nết na có chí lắm.

– Tôi cũng biết thầy ấy tử tế lắm.

– Nhưng thầy ấy có...

– Thầy ấy cho con Hai là tuồng trẻ, thầy ấy có để ý gì đến nó đâu.

– Người ta là người lớn lại là thầy học, người ta có biết, người ta cũng để bụng, chứ khi nào người ta nói ra.

– Những việc buôn bán thì ông sành lắm, chứ những việc này thì ông dốt đặc. Quả tình thầy ấy không biết đâu.

– Thế để hôm nào tôi liệu lời nói cho thầy ấy biết cái ý của vợ chồng mình nhé.

– Đừng, cứ để thế thì hay hơn. Con mình mới mười bảy tuổi còn nhỏ lắm. Mười lăm hôm nữa tết mới có mười tám, mà thầy ấy mới hai mươi hai, vội gì. Cứ để cho trẻ biết rõ nhau thì thành vợ chồng mới tốt.

- Thế lỡ người ta đổi đi nơi khác hay người nhà gọi người ta về lấy vợ thì có phải khổ con mình không?

Để đến lúc ấy sẽ hay. Nếu người ta mà thương con mình thì người ta có thiếu gì cách để lấy con mình. Người ta xin nghỉ để cưới, hay người ta thoái thác về nhà. Mà lạ, tôi xem thầy này chẳng nhớ nhà và cũng chẳng thư từ gì về nhà cả.

– Hình như xích mích với anh em, cha mẹ.

– Quái, thầy ấy sao người kín đáo quá, chẳng nói chuyện nhà chuyện cửa với ai.

– Tôi cũng biết đại khái thầy ấy cha mẹ song toàn, và đông anh em mà thôi.

– Con Hai thì nó mê người ta lắm rồi đấy.

– Thì để cho nó mê có hại gì. Nhưng tôi chỉ sợ người ta không yêu con gái mình thôi.

– Cái ấy ông đừng lo. Vừa đẹp, vừa giàu, vừa nết na, vừa thông minh như con Hai ai mà không yêu được. Chưa đến lúc đấy thôi. Rồi chả say như phải rượu.

Trong những đêm ông bà Nam Phát nói chuyện về việc trăm năm của cô Hai thì cô Hai cũng trằn trọc không ngủ được. Cô chẳng

hiểu ái tình ra thế nào. Cô chỉ ao ước giá được nhìn thấy Vĩnh luôn, gần Vĩnh luôn, thế thôi. Cô cũng chẳng nghĩ mà cũng chẳng hiểu đến cái thứ vợ chồng. Hay cũng chỉ hiểu một cách mơ hồ như thằng bé con nghe người ta nói chuyện ngáo ộp, chứ cũng chẳng biết ngáo ộp nó ở đâu mà mặt mũi nó ra thế nào. Cô chỉ có một cái vui là khi nào Vĩnh khen cô học giỏi. Và thêm một cái vui nữa là được cùng hai em đi chơi ô tô với Vĩnh. Cô nhớ mãi cái hôm Vĩnh đưa cô và hai em đi Đế Thiên Đế Thích rồi tắm ở hồ Barai.

Hôm ấy, cô cùng hai em cô mặc quần áo tắm xuống tắm chung với Vĩnh, Vĩnh biết bơi, bơi ra xa rồi lại bơi vào. Còn thằng Nam, thằng Định thì té nước, cô ướt hết cả tóc. Cô khoái nhất cái lúc Vĩnh mắng hai đứa rồi chạy lại lấy khăn mặt lau tóc và lau mặt cho cô.

Hai em cô thì cứ níu lấy Vĩnh bắt Vĩnh dạy bơi. Vĩnh chiều hai đứa, đỡ hết đứa này cho đến đứa kia. Cô ao ước giá Vĩnh cũng dạy mình, nhưng ngượng ngùng chẳng dám nói ra thì thằng Nam đã bảo Vĩnh:

– Thầy dạy chị con bơi chứ.

Vĩnh ngửng đầu hỏi cô:

– Cô Hai có muốn học bơi không?

Cô Hai se sẽ đáp:

– Có.

Rồi cô giơ cả hai tay cho Vĩnh nắm. Lần ấy là lần đầu da thịt cô chạm với da thịt Vĩnh, cô thấy bàng hoàng cả người. Kịp đến lúc Vĩnh rờ tay vào ngực và bụng cô thì cô thấy như nghẹt thở.

Từ đấy cô ao ước giá chủ nhật nào, Vĩnh cũng đưa cô đi tắm. Nhưng ác thay, Vĩnh chỉ đi một lần thôi. Cô muốn đòi đi nữa, nhưng thấy Vĩnh nghiêm nghị quá, cô sợ không dám nói. Cô xúi hai em cô xin Vĩnh đi nhưng lần nào cũng bị Vĩnh từ chối.

Thằng bếp, thằng bồi, bác tài, con ở cho đến u già nuôi cô thuở trước đã điếc tai về những lời dặn của cô:

– Cái áo này của ông Vĩnh phải ủi cho tử tế.

– Đôi giày này của ông Vĩnh phải đánh cho tử tế.

– Lên quét buồng cho ông Vĩnh tử tế.

– Ông Vĩnh ông ấy kêu đấy, chạy mau lên!

Cô cho ở đời chỉ có cái nghề ký dây thép là danh giá nhứt. Cô cho chỉ có cái nghề bán măng – đa là đáng giá nhứt. Cô cho chỉ có

ông Vĩnh ký dây thép là sang trọng nhứt, là hiên ngang nhứt, là hùng dũng nhứt, là tài hoa lỗi lạc nhứt, tử tế nhứt. Cái gì cũng ông Vĩnh.

– Ông Vĩnh, ông ấy bảo như thế.

– Ông Vĩnh, ông ấy làm như thế.

– Ông Vĩnh, ông ấy hay ăn như thế.

– Ông Vĩnh, ông ấy hay hát như thế.

Ông Vĩnh, những ông Vĩnh là ông Vĩnh.

Cái gì cũng ông Vĩnh, cứ ông Vĩnh là phải cả.

Ba má cô thấy cung cách cô thế chỉ mỉm cười. Cả nhà ai cũng biết là cô yêu ông Vĩnh, duy chỉ có cô là không biết mình yêu ông Vĩnh và ông Vĩnh cũng không biết cô yêu mình mà thôi.

Thằng bồi, thằng bếp, con ở hay đứa nào mà làm cho ông Vĩnh giận hay làm hỏng cái gì của ông Vĩnh là bị cô rầy la ngay.

Cái bàn giấy của ông Vĩnh đã có cô dọn dẹp sạch sẽ. Mà cái buồng của ông Vĩnh là chỗ cô thích lên nhứt.

Cái bàn trải tờ giấy chặn, mới hơi dính mực đã được cô thay ngay. Bình mực hơi cạn đã được cô châm thêm. Cái áo gối hơi dơ đã được cô thay ngay, buồng hơi nhám nhám đã được cô gọi người lên quét ngay.

Ngoài sự dọn dẹp bàn giấy và trông coi gian buồng của ông Vĩnh, chẳng có việc gì làm cô vui được cả.

Cô chẳng thích nói chuyện với ba cô, với má cô, với các em cô, nếu ba má cô và các em cô không nói chuyện đến ông Vĩnh.

Ông Vĩnh mà đi đâu thì cô mong ngóng như trẻ mong mẹ đi chợ về.

Cô còn nhớ mãi cái đêm có người mời Vĩnh đi ăn tiệc suốt đêm không về.

Đêm ấy, cô không ngủ, chỉ chăm chăm chờ ông Vĩnh gọi là xuống mở cửa. Nhưng chờ đến mười một giờ, cô thiếp đi lúc nào không hay. Đến lúc cô mở mắt ra thì đã sáng. Cô hỏi người nhà mới biết cả đêm ông Vĩnh không về! Cô băn khoăn tự hỏi không biết đêm qua ông Vĩnh ngủ đâu và làm gì? Cô chờ Vĩnh về để hỏi cho ra lẽ. Nhưng đến lúc Vĩnh về, cô lại sợ không dám hỏi. Cô xui thằng Định lên hỏi thì mới biết rằng hai giờ đêm ông Vĩnh về, sẽ gọi cửa không thấy ai ra mở, ông sợ gọi to làm mất giấc ngủ của người nhà, nên ra sở ngủ.

Cô nghe em nói mới yên lòng, nhưng cô gọi thằng ở lên máng cho nó một trận nên thân. Những là đồ điếc lòi, đồ mê ăn mê ngủ, thôi thì đủ các thứ tên để nguyền rủa những người ngủ say.

Bao nhiêu cảm tình của cô đối với Vĩnh, Vĩnh đều không biết cả. Những đêm cô Hai trằn trọc, và những đêm ông bà Nam Phát nói chuyện với nhau về việc trăm năm của con gái mình thì Vĩnh cứ đánh một giấc thẳng chẳng nghĩ gì đến cô Hai, chẳng tơ tưởng gì đến việc trăm năm.

Chàng thấy mọi người âu yếm săn sóc đến mình, thì chàng chỉ có cảm giác là mình không còn là ông khách ăn cơm trọ ở cái nhà này nữa. Chàng coi mình như em hay con cái của gia đình này mà thôi.

Một khi con người ta đã không buồn bực thì phải phấn chấn trong người. Gần tết, vợ chồng Hoành lên chơi thấy da dẻ Vĩnh hồng hào đều khen:

– Độ này ảnh béo tốt và đẹp ra.

Vợ chồng Hoành đã là bạn thân với Vĩnh thì tất nhiên được ông bà Nam Phát biệt đãi và cô Hai chiều chuộng. Thôi thì bắt tài xế đánh xe đi chơi chẳng thiếu một nơi nào: Biển Hồ, Đế Thiên Đế Thích. Đến lúc về là mua biếu đủ các thứ quà.

Lúc sắp từ giã, vợ chồng Hoành hỏi Vĩnh:

– Anh làm thế nào mà được nhà này quý thế?

– Tôi chẳng làm thế nào cả, tôi chỉ dạy các con người ta thôi.

– Anh ở đây không mất tiền cơm chắc để dành được nhiều.

– Gần nghìn bạc.

– Thế anh định tìm dịp đi Tây nữa không?

– Khi nào tôi để dành được nghìn rưỡi thì tôi đi.

– Chúng tôi như anh thì chúng tôi ở luôn đây.

Vĩnh không hiểu cái thâm ý của vợ chồng Hoành bèn sốt sắng trả lời:

– Ở đây mãi thế nào được, ở đây thì rồi đến mai một một đời, đến cuối năm 1927 thế nào tôi cũng kiếm cách sang Tây.

Vợ chồng Hoành nghe cái giọng thành thực của bạn biết ngay rằng bạn chưa yêu cô Hai, chỉ ngậm ngùi bảo:

– Anh may mắn gặp được người tử tế quá. Nhưng khi anh đi chắc cả nhà người ta nhớ anh.

– Nhớ thì nhớ chứ. Mình có thể vì sợ người ta nhớ mà bỏ cả sự nghiệp một đời sao. Sự nghiệp của em là phải tìm đến kinh thành Ba Lê kia! Cái cứu cánh của đời em là phải lấy một địa vị lẫy lừng cho bõ những lúc thầy mẹ em nhiếc móc em.

– Thế từ bấy đến nay, anh có nhận được tin nhà không?

– Chẳng nhận được tin gì. Em viết mấy cái thư mà chẳng thấy trả lời gì cả, em chán cũng không viết nữa.

– Chắc hai cụ còn giận anh về cái tội bỏ nhà đi.

– Có lẽ! Giá gia đình em mà đối với em cũng được như gia đình ông Nam Phát đối với em thì đời em thật là hoàn toàn sung sướng. Nhưng tiếc thay...

– Thôi anh cũng đừng nên buồn rầu nữa. Tết nay anh thử viết một cái thư thống thiết về xin lỗi xem hai cụ có trả lời không nào.

– Em có làm gì mà phải xin lỗi! Mà nếu có lỗi thì người dưới mấy em cũng xin...

– Anh cứ bướng thế, thảo nào hai cụ không giận.

– Giận thì giận, cũng đành. Em không thể dối trá và nịnh hót được.

– Thế khi nào anh sắp đi Tây, anh viết giấy cho vợ chồng tôi biết nhé. Và, vợ chồng ông Nam Phát có biết cái ý định của anh không?

– Nói với người ta có ích gì? Người ta với mình là người dưng, có dính dấp gì đến mình mà nói.

– Anh nghĩ thế là anh nghĩ lầm. Tôi thiết tưởng một khi ai đã đối đãi với mình tử tế như ông bà Nam Phát đối với anh thì không còn là người dưng nữa.

– Đã đành rằng thế, nhưng nói ra, sợ người ta vì mến mình mà lại bàn ra nói vào lôi thôi. Chẳng lợi gì cho mình lại buồn cho người ta. Để đến khi nào gần đi em sẽ nói. Ấy chỉ ngại một điều là người ta đối với mình tử tế quá, mà mình đột nhiên bỏ người mà đi. Nhưng sự nghiệp là trọng, nhẫn tâm thì cũng phải nhẫn tâm chứ sao.

Câu chuyện đến đây thì cô Hai lên. Vợ Hoành liền nắm tay lôi lại gần mà bảo:

– Bao giờ cô rỗi, ra Nam Vang chơi với vợ chồng tôi nhé.

Cô Hai liền trỏ Vĩnh mà bảo:

– Để khi ông Vĩnh ra Nam Vang, em sẽ theo ông ấy ra thăm ông bà.

Rồi cô thở dài:

– Nhưng ông Vĩnh ông ấy có đi đâu bao giờ mà bảo em được theo ông ấy.

Ông Vĩnh, lúc nào cũng chỉ ông Vĩnh. Vợ Hoành thấy thế ái ngại liền bảo:

– Cô cứ kiên tâm có một ngày kia... rồi ông cũng bằng lòng... cho cô theo ra Nam Vang chơi.

IV

Tối hôm ấy là tối ba mươi tết. Vĩnh buồn rầu nghĩ đến quê cha đất tổ. Chàng tưởng tượng lúc này là lúc cha mẹ, anh em đang sum họp, thấy thiếu mình cùng nhau nói chuyện về mình đây. Chuyện gì, Vĩnh cũng độ chừng rằng: đều là những chuyện kể tội mình. Chàng đem so sánh những cử chỉ của gia đình ông Nam Phát đối với mình với lại những cử chỉ của cha mẹ anh em mình đối với mình, thì thấy một bên tử tế với mình quá, và một bên thì tệ với mình quá. Rồi chàng bâng khuâng tự hỏi sao cha mẹ đã sinh ra con mà lại không yêu con? Sao anh em đã sẵn có tình máu mủ liên lạc mà không yêu được nhau? Chàng cho là lỗi tại mình không khéo khu xử. Chàng lại sực nhớ tới Hoành dặn viết một bức thơ thống thiết về nhà.

Nhưng vừa đặt bút viết được mấy chữ thì chàng lại không biết viết những gì. Viết những câu sáo để tả những cảm giác mà lòng mình không có thì chàng làm sao mà viết cho được? Chàng lại xé đi, định bụng ngày mai chỉ ra sở đánh một cái dây thép chúc mừng. Chán chường, chàng thở dài nằm xuống giường.

Vừa lúc ấy có tiếng gõ cửa, cô Hai vào:

– Ba má tôi biểu mời thầy xuống xơi nước tất niên với ba má tôi.

Vĩnh đứng dậy cứ quần áo ngủ xuống. Vừa ra khỏi cửa, cô Hai đã gọi giật lại:

– Tối hôm lạnh, thầy khoác áo tây vào không cảm.

Rồi cũng chẳng để Vĩnh trả lời, cô Hai chạy đi lấy cái áo khoác lên vai cho Vĩnh.

Ở buồng khách, đèn thắp sáng trưng, vợ chồng ông Nam Phát và thằng Nam, thằng Định đều có ở đấy.

– Tôi có người biếu ít chè mạn sen thơm lắm, mời ông xuống xơi một chén với tôi.

– Cám ơn ông bà.

Vĩnh nhìn mặt mọi người thì hiểu ngay vừa đây họ có nói chuyện đến mình. Chàng hiểu ngay vì người ta nhìn cảnh vật gia đình sum họp êm ấm của người ta nên chạnh thương nỗi cô độc của mình. Chàng bùi ngùi cảm kích. Đến khi thằng Định tụt xuống ghế chạy lại nắm tay chàng hỏi:

– Tết, thầy có nhớ nhà không?

Chàng không còn giấu được vẻ buồn ở trong lòng.

Chàng ôm lấy nó, bế lên:

– Thế thầy nhớ nhà, em bằng lòng để thầy về nhà ăn tết nhé?

– Thế thì con lại nhớ thầy. Con không bằng lòng cho thầy về đâu. Thầy phải ở mãi mãi đây với con cơ. Thầy ở đây ăn tết với con. Rồi mai ba má con mở hàng cho thầy.

Bà Nam Phát vùng cười lớn, rồi nạt thằng bé:

– Chỉ nói nhảm. Ai dám mở hàng cho thầy.

– Thế không mở hàng cho thầy thì thôi. Nhưng mai thầy mở hàng cho con nhé.

Vĩnh hôn nó rồi bảo:

– Ừ, mai thầy mở hàng cho em một xu.

– Một xu thì ít lắm, con không lấy đâu.

Bà Nam Phát lại cười:

– Cái anh chàng ấy thật xấu nết, ai lại mặc cả sự mở hàng bao giờ.

Vĩnh uống vài chén nước rồi cáo từ lên gác. Cô Hai cũng theo lên mà Vĩnh không hay. Lên đến buồng, Vĩnh ngồi gục đầu xuống bàn nghĩ ngợi. Lần ấy là lần đầu, cô Hai thấy Vĩnh buồn rũ như thế. Cô liền chạy đến đỡ đầu chàng dậy mà hỏi:

– Thầy nhớ nhà, thầy buồn lắm sao?

Vĩnh xưa nay là người gan góc không để lộ vẻ buồn cho ai biết bao giờ, nay bỗng để cô Hai bắt gặp, chàng thấy ngượng nghịu vì chỗ người ta đã thấy được chỗ yếu của mình. Chàng liền trả lời để chữa:

– Tôi buồn vì lẽ khác, chứ có phải buồn vì nhớ nhà đâu.

Đã có bụng thương nhau, thấy nhau buồn thì phải hỏi cho ra, chứ không thì chịu làm sao được?

– Thầy buồn gì, sao thầy không nói cho ba má tôi biết?

– Ông bà biết thì làm gì được.

Rồi Vĩnh đánh trống lảng sang chuyện khác.

Cô Hai tiu nghỉu xuống nhà nhưng từ đấy cái buồn của Vĩnh đè trĩu trên lòng cô.

Đêm hôm ấy, Vĩnh trằn trọc cả đêm không ngủ nên dậy trưa. Vừa mặc quần áo xong định xuống chúc mừng vợ chồng ông Nam Phát thì đã thấy thằng Nam, thằng Định và cô Hai tay cầm bó hoa hồng lên:

– Năm nay con mừng tuổi thầy mạnh khỏe.

– Năm nay con mừng tuổi thầy giàu.

– Năm nay tôi mừng thầy đừng buồn như năm cũ.

Rồi cô Hai cầm lấy bó hoa đưa cho Vĩnh, Vĩnh cầm lấy bó hoa:

Tôi cám ơn em. Tôi rất mong rằng suốt năm em sẽ được tươi như bó hoa em tặng tôi hôm nay.

Lần ấy là lần đầu Vĩnh gọi cô Hai bằng em. Cô Hai nghe Vĩnh xưng hô với mình một cách thân mật như thế, sung sướng lạ lùng. Cô nhìn Vĩnh một cách trìu mến:

– Không biết tại làm sao, tôi thấy thầy buồn thì tôi khổ quá, cả đêm hôm qua tôi không thể ngủ được.

– Từ đây, em sẽ ngủ được, vì từ nay tôi sẽ không buồn nữa.

Rồi Vĩnh móc túi lấy ra hai đồng bạc mở hàng cho thằng Nam, thằng Định mỗi đứa một đồng.

Thằng Định cầm đồng bạc đút túi rồi bảo Vĩnh:

– Thế thầy không mở hàng cho chị Hai em à? Lúc nãy, ba má em mở hàng cho chị ấy một trăm bạc, mà em chỉ có một đồng. Năm nào em cũng kém chị ấy. Thầy mở hàng cho chị ấy đi, nhưng đừng nhiều hơn em nhé.

Vĩnh nghĩ ngợi một lát rồi tiến đến sẽ hôn lên trán cô Hai mà bảo:

– Tôi xin mở hàng cho cô một cái hôn, để đáp lại tấm lòng tử tế của cô đã trông nom, săn sóc tới tôi như một người anh ruột. Và tôi xin phép cô từ nay cho tôi coi cô như người em gái.

Cô Hai thẹn đỏ mặt, nhưng vì sung sướng quá mà thành ra nghẹn lời chẳng nói được câu nào.

Vĩnh lại nói:

– Cái đời hiu quạnh của tôi thật đã nhờ cô mà được vui vẻ nhiều lắm.

Vĩnh thành thực coi cô Hai như người em gái, chứ chàng có ngờ đâu vì cái hôn ấy mà một mối tình thơ ngây trong thời kỳ trứng nước bỗng vụt lớn dần lên.

Thằng Định xuống nhà bô bô kháo với mẹ:

– Thầy con mở hàng cho chị Hai con một cái hôn mà không cho tiền.

Bà Nam Phát nghe thế ngờ Vĩnh đã yêu con mình rồi, nên tối hôm ấy hỏi dò con gái:

– Ông Vĩnh... ông ấy... sáng hôm nay làm... cái gì... đối với con đấy?

– Có làm cái gì đâu.

– Sao thằng Định nó bảo ông ấy "hôn" con?

– À có, có "hôn" vào trán con phớt một cái.

– Một cái thôi à?

– Một cái chứ mấy cái nữa.

– Thế ông ấy không nói gì với con à?

– Không... à có. Ông ấy bảo ông ấy cám ơn con và coi con như em gái.

– Có thế thôi à?

– Vâng, có thế thôi.

Bà Nam Phát ngẫm nghĩ một lát rồi lại hỏi con:

– Thế con có yêu ông ấy không?

Cô Hai bỗng tái mặt, run lên không trả lời.

– Con có muốn ở gần ông ấy không?

Cô Hai sà vào ôm chầm lấy mẹ khóc hu hu.

Bà Nam Phát để cho con khóc một lúc lâu rồi nâng niu bế con lên lòng mà bảo:

– Con muốn lấy người ta, ba má cũng gả cho đấy. Nhưng để con lớn thêm một ít nữa đã!

Cô Hai chỉ nắm chặt tay mẹ mà không nói gì.

– Thế từ trước người ta có trêu chọc gì con không?

– Trêu chọc, bao giờ thầy con lại trêu chọc.

– Không, má bảo trêu chọc nghĩa là có nói gì với con không?

– Nói thì vẫn nói luôn, ngày nào chả nói.

– Ừ, thì má vẫn biết thế, nhưng ngoài chuyện dạy con cơ mà.

– Thế thì chẳng nói chuyện gì khác cả.

– Thế ông ấy hôn trán con lần này là lần thứ mấy?

– Là lần đầu.

– Ông ấy tử tế lắm phải không con?

– Tử tế lắm lại có lòng tốt nữa. Thằng bếp về quê ăn tết, ông ấy cho năm đồng.

– Tốt với thằng bếp nhưng biết có tốt với con không?

– Sao lại không tốt.

– Thế con vui lòng làm vợ ông ấy chứ?

Cô Hai ngả đầu vào ngực mẹ không trả lời.

Những cử chỉ của Vĩnh những ngày hôm sau đó khiến cho bà Nam Phát biết rằng chàng chưa yêu con mình. Nhưng từ đấy thì cô Hai đối với Vĩnh có vẻ e lệ thẹn thò không dám thân mật như trước nữa. Hình như cô cố lảng tránh Vĩnh. Bữa cơm nào mà cô vào sau phải ngồi cạnh Vĩnh là cô thấy khó chịu.

Cô không dám một mình vào buồng Vĩnh khi có Vĩnh ở đấy nữa. Hết giờ học là cô gấp sách đi xuống ngay chứ không ở nán lại như trước. Mà cái tên Vĩnh, người nhà cũng ít ai nghe thấy cô gọi đến nữa. Cô đã đem ấp ủ vào trong lòng.

Ông Nam Phát thấy thế tưởng con gái mình giận gì Vĩnh liền hỏi vợ:

– Này, mấy tháng nay, tôi xem con Hai nó ngúng nguẩy với ông Vĩnh làm sao ấy.

Bà Nam Phát cười bảo chồng:

– Tôi vẫn bảo ông chỉ buôn bán là giỏi, còn những chuyện này ông ù ù cạc cạc chẳng hiểu một tí gì. Nó ngúng nguẩy với người ta cũng như hai mươi năm về trước tôi ngúng nguẩy với ông ấy.

Ông Nam Phát nhìn vợ một cách âu yếm:

– Thì ai biết đâu.

Ông Nam Phát không biết. Mà Vĩnh cũng không biết nốt. Vĩnh thấy cô Hai đổi thái độ với mình thì lòng không yên. Chàng ngờ vì cô Hai hiểu lầm cái hôn thành thực của chàng hôm tết mà giận chàng chăng? Khi tan học, chàng muốn nói cho cô Hai biết rõ lòng mình để cô khỏi hiểu lầm mà giận mình, nhưng ngượng ngùng không biết nói sao. Chàng liền viết cho cô một bức thư.

Siêm Rệp 2-4-1926

Cô Hai,

Trong ba bốn tháng nay, cô có điều gì giận tôi mà cô không nói ra. Tôi thấy thế, tôi buồn chết đi được. Từ hôm trước tôi thành thực mừng cho tôi đã có một người em gái thân yêu, nhưng ai ngờ đâu chính từ ngày ấy, tôi đã vì lòng thành thực sốt sắng gây ra một kẻ thù. Có phải tôi có điều gì lầm lỗi, cô nên bỏ qua đi cho tôi, lòng tôi thành thực tưởng như thế đấy, chứ không phải dám có cái cử chỉ khinh nhờn đối với cô đâu. Nếu cô không tha lỗi cho tôi mà bỏ sự hiềm thù đối với tôi, thì tôi phải bỏ cái nhà này mà đi, hay xin đổi đi nơi khác.

Như thế tôi buồn lắm. Vì cái tình ông bà đối với tôi thật là chu đáo, thằng Nam, thằng Định đối với tôi thật là quấn quýt, nay tôi phải bỏ những người mến tôi đi nơi khác để lại phải đeo một cái đời hiu quạnh thì còn gì buồn thảm cho tôi bằng.

Xin cô trả lời ngay cho tôi biết rằng cô không giận tôi, hay có giận nhưng đã tha lỗi cho tôi rồi thì tôi mới có thể ở đây được.

VĨNH

Cô Hai nhận được phong thư, muốn chạy ngay lên buồng ôm lấy Vĩnh mà trả lời phăng là không giận gì cả nhưng nghĩ đi nghĩ lại cô lại thôi. Cô đương mân mê nghiền ngẫm bức thư thì má cô vào. Cô chăm chú đọc quá, nên cô không hay. Bà cụ thấy cô đọc thư liền hỏi:

– Má không thấy nhà dây thép đưa thư, sao con có thư nào đọc đấy?

Cô đưa bức thư cho má cô xem. Bà cụ xem xong tủm tỉm cười bảo cô:

– Đàn ông đều thật ngu dốt như nhau. Ông Vĩnh cũng như ba mày.

Cô Hai trố mắt không hiểu. Bà cụ nói tiếp:

– Ba mày cũng tưởng mày giận ông Vĩnh. Mà ông Vĩnh cũng tưởng mày giận ông ấy. Họ có biết đâu.

– Thế con có nên trả lời không hở má?

– Sao lại không, không trả lời thì ông ấy đi ở chỗ khác.

– Thế trả lời thế nào, hở má? Má đọc cho con trả lời người ta.

– Ông ấy hỏi mày thì mày trả lời ông ấy, chứ ông ấy có hỏi má đâu!

– Thì má giúp con.

– Lòng mày thế nào thì cứ trả lời thế ấy, má có biết đâu. Trả lời người ta tôi... thế này, tôi... thế nọ.

– Thế con viết xong, con đưa má sửa lại cho con nhé!

– Thôi, chẳng phải đưa, con viết xong cứ sai thằng Định đưa lên cho ông ấy.

– Ai lại để thằng Định đưa lên, sợ nó bép xép. Con viết xong đem lên buồng để đấy, đến khi ông ấy đi làm về ông ấy xem.

Cô Hai viết đi viết lại mười lần mới xong bức thư.

Thưa thầy,

Em vừa nhận được bức thư của thầy sáng hôm nay mà em hoảng sợ, khốn nạn, không biết trong vòng mấy tháng nay, em đã cư xử rồ dại ra thế nào mà khiến cho thầy có thể ngờ là em giận thầy. Em không bao giờ giận thầy. Ba mẹ quý thầy như vàng ngọc. Thằng Nam, thằng Định lòng nó đối với thầy thế nào thì thầy đã rõ biết. Còn em, em coi là hạnh phúc đệ nhất của đời em khi thầy rủ lòng thương nhận em là em gái.

Thầy đừng đi đâu nhé, thầy đừng xin đổi nhé. Gia đình em mà thiếu thầy chắc phải buồn tẻ lắm. Có phải thầy đã thành thực coi em là em gái yêu thì em xin thành thực thưa: người anh trai yêu quý ơi, em gái có lầm lỗi điều gì thì cứ gọi lên mà mắng nhé, cái nhà này vắng anh thì... nhiều người khổ lắm đấy.

Nay kính

NGUYỄN THỊ VÂN

Mới đầu má cô đã bảo không cần xem nhưng Vân nhất định bắt bà phải xem cho kỳ được.

– Thế con đọc má nghe.

– Má xem đi, con không đọc đâu.

Bà Nam Phát xem xong liền đưa trả Vân mà bảo:

– Được lắm rồi.

– Nhưng con chỉ sợ ngắn quá.

– Ngắn ấy à? Nó nhiều nghĩa hơn mấy trăm cuốn sách của người ta để ở trên buồng. Nhưng má chỉ e người ta không hiểu được nghĩa!

– Nếu tối nghĩa thì con phải viết lại.

– Không tối nghĩa đâu. Rõ ràng lắm. Người ta chưa đến lúc hiểu, nhưng thế nào cũng phải hiểu, mà đã hiểu rồi...

Bà Nam Phát nói đến đấy nhìn con cười. Vân nũng nịu:

– Má cứ chế con.

– Ai hơi đâu mà chế cô. Lẽ tự nhiên là như thế.

Bà nói xong, ôm đầu con gái hít lấy, hít để.

– Con gái thế này, ai mà chẳng phải yêu.

Vĩnh hôm ấy đi làm về đã thấy Vân thập thò ở cửa:

– Có ai gửi cái gì trên buồng cho thầy đấy.

Vân nói xong chạy mất.

Vĩnh đọc xong bức thư mới yên lòng. Nhưng cũng chẳng thấy cảm động vì những lời âu yếm trong thư.

Quả như lời bà Nam Phát phỏng đoán, Vĩnh chưa đến lúc hiểu.

Một lẽ là xưa nay Vĩnh chỉ sống cái đời cô độc nên lòng đã cứng rắn, không hề bị rung động bởi ái tình, mà chính chàng cũng chỉ coi Vân như em ruột mình. Hai là vì chàng vốn tính ngay thẳng phân minh, nên không hiểu những câu bóng gió trong thư.

Hôm ấy, ông Nam Phát đi Sài Gòn. Trong buồng ăn chỉ có năm người. Trái lệ thường, hôm ấy, Vân lại ngồi gần Vĩnh vì thường ngày ông Nam Phát ngồi giữa, Vân một bên, Vĩnh một bên, nay bỏ ghế ông Nam Phát ra thì tự nhiên Vĩnh và Vân phải ngồi gần nhau. Vĩnh thấy Vân tủm tỉm cười. Cơm nước xong, Vĩnh thực thà nói với bà Nam Phát:

– Trong mấy tháng nay, tôi thấy cô Hai có ý khác trước, tôi tưởng cô ấy giận tôi, tôi lo quá.

– Đời nào cháu dám giận ông. Mà ông có làm gì để cháu giận.

– Bây giờ thì chắc cô ấy không giận tôi nữa!

Vân nhìn Vĩnh đăm đăm:

– Bây giờ và cả trước kia không bao giờ em giận thầy cả. Nếu thầy bảo vì cái hôn trước kia mà em giận, thì bây giờ thầy hôn em nữa đi xem em có giận thầy đâu.

Vĩnh còn dùng dằng thì bà Nam Phát liền cười bảo:

– Nó có nói chuyện với tôi rằng hôm tết nó có lên mừng tuổi ông, ông bảo muốn nhận nó là em gái. Ông thương cháu thế thì tôi rất bằng lòng. Thôi, ông cho phép các cháu từ giờ cứ gọi ông bằng anh cho nó thân, chứ gọi thầy thì nó xa xôi thế nào ấy.

Rồi bà lại cười:

– Trong lòng cư xử thế nào ra ngoài cũng như thế.

– Tôi xin vâng, và rất cảm ơn bà. Nhưng chỉ sợ ông nhà chưa bằng lòng.

– Thế nào ông nhà tôi chả bằng lòng. Nhà tôi quý ông lắm. Được thế, nhà tôi vui mừng biết mấy.

Tối hôm ấy, khi thằng Nam, thằng Định và Vân lên buồng, Vĩnh liền bế hai đứa lên lòng mà bảo:

– Từ giờ trở đi, tao cho phép chúng mày gọi tao bằng anh, thử gọi đi tao nghe nào.

– Anh Vĩnh!

– Anh Vĩnh!

– Ừ được. Thế còn cô Hai có gọi tôi bằng anh không?

– Thầy mà còn gọi tôi bằng cô Hai thì tôi gọi thầy bằng anh sao được.

– Thế thì em Hai vậy.

Vĩnh nói xong quay sang hôn thằng Nam và thằng Định mỗi đứa một cái.

Thằng Nam thấy Vĩnh không hôn chị nó, liền hỏi:

– Kìa, thế anh không hôn chị Vân?

Vĩnh đặt hai đứa xuống giường rồi đứng dậy lại gần Vân. Vân thẹn cúi gầm mặt xuống. Vĩnh thấy thế lại tưởng Vân không bằng lòng cho mình hôn, lại quay lưng trở vào.

Thật đúng như lời bà Nam Phát: "Đàn ông ngu dốt như nhau".

V

Một buổi sáng, mãi tám giờ, Vân chưa thấy Vĩnh dậy. Nàng mở cửa vào thì thấy Vĩnh trùm chăn kín nằm ở giường. Nàng khẽ lại vạch chăn gọi. Vĩnh mở mắt:

– Anh làm sao thế?

– Không biết làm sao trong người khó ở. Đêm qua suốt cả đêm không ngủ được.

Vân sẽ lấy tay đặt lên trán Vĩnh:

– Thế làm sao đêm qua anh không gọi?

– Anh sợ làm mất giấc ngủ của người nhà. À, em đưa mảnh giấy để anh xin phép ông chủ nghỉ mấy hôm. Anh thấy trong người mệt quá, không sao đi làm được, gõ mãi mấy cái máy đau cả ngực.

Viết giấy xong thì người nhà đem ra sở. Ông chủ trả lời cho Vĩnh biết sở neo người làm, chỉ có thể cho phép Vĩnh nghỉ một hôm thôi. Nếu muốn nghỉ lâu phải đi nằm nhà thương rồi xin người ở Nam Vang về thế.

Vợ chồng ông Nam Phát được tin Vĩnh mệt kéo cả lên buồng hỏi thăm.

Uống mấy viên thuốc giải cảm thì toát được mồ hôi mà về đêm đã đỡ sốt.

Sáng hôm sau, Vân lên buồng đã thấy Vĩnh mặc quần áo tề chỉnh sắp sửa đi làm.

– Anh còn mệt lắm không? Em trông anh hai con mắt lờ mờ mà môi còn đỏ lắm. Tối hôm qua anh có ho không?

– Hơi ho, còn hơi mệt, nhưng không có người thay cũng phải gượng đi làm.

– Thế anh nằm nhà thương có được không? Mệt mà gượng, lỡ một cái thì khốn.

– Có sao, đi nhà thương xin giấy, xin má lôi thôi lắm. Mà mình có ốm bao nhiêu.

Buổi trưa đi làm về, Vĩnh xuống nhà dưới ăn cơm, Vân hỏi Vĩnh thấy nói đã đỡ, lòng mừng khấp khởi.

Nhưng khi ăn cơm xong, bỗng một cơn ho kéo đến. Vĩnh rút khăn mặt ra khạc đờm thì thấy đầm đìa những máu. Vĩnh thất sắc mà cả nhà đều lo sợ cuống cuồng. Vân thì nhổm dậy nhìn cái khăn mặt của Vĩnh rồi chạy mất. Vĩnh tưởng Vân có tính tởm máu nên cũng chẳng để ý.

– Ông có làm sao không?

– Tôi thấy hơi buốt ngực, nhưng cũng chẳng việc gì.

Vĩnh nói xong đứng dậy ra buồng rửa mặt. Vào đến nơi đã thấy Vân hai tay ôm mặt khóc nức nở. Vĩnh lại gỡ tay Vân ra mà hỏi:

– Em làm sao mà khóc đấy?

Vân liền dang hai cánh tay ghì chặt lấy Vĩnh, khóc to lên mà chẳng trả lời.

Không biết trong cái tiếng khóc ấy, trong những giọt nước mắt ấy, trong cái ôm ấy có bao hàm một ý nghĩ của yêu đương lo ngại mãnh liệt đến thế nào, khiến cho Vĩnh hiểu ngay rằng mình đã được yêu bởi hết những năng lực của một trái tim thơ ngây.

Bao nhiêu kỷ niệm trong hơn một năm trời xô đến óc. Thì ra người ta đã yêu mình từ bao giờ mà mình không biết! Chàng như thằng mù bỗng gặp một sức mạnh thiêng liêng làm cho sáng mắt ra.

Ánh sáng chói lòe ùa kéo đến.

Vĩnh thấy ngây ngất say vì... ánh sáng, vì... sung sướng.

Chàng sẽ nắm tay Vân:

– Anh không chết đâu, em đừng lo.

Vân vừa mếu, vừa trả lời:

– Em lo lắm.

Vĩnh sốt sắng:

– Em đừng lo, đây em xem, anh còn bế nổi em lên cơ mà.

Vừa nói Vĩnh vừa bế bổng Vân lên:

– Đấy, anh đã bảo anh còn khỏe lắm cơ mà.

Vĩnh đặt Vân xuống, lấy tay lau nước mắt cho Vân.

Hai người cùng vào buồng ăn.

Không biết trên hai khuôn mặt đầy ngấn lệ ấy, bàn tay Thần Ái Tình không biết đã khéo tô điểm thế nao mà ông bà Nam Phát thoạt trông thấy đã hiểu ngay rằng hai trẻ đã nói với nhau những lời khắc cốt.

Trên vẻ mặt lo âu của Vân, hiện ra một vẻ vui mừng làm cho nàng như đã được "tráng" một làn ánh sáng rực rỡ.

Mà trong những cái nhìn của Vĩnh nhìn Vân, người ta như thấy cả một vũ trụ yêu đương.

Hai người vào thì không khí gian phòng như bị chuyển động bởi những mãnh tuyến của hai trái tim đã yêu, đã hiểu nhau, đã cam kết sống chết cho nhau phát ra.

Con mèo tam thể ngồi chồm chỗm trên búp phê như ngó hai người bằng con mắt long lanh hơn mỗi ngày.

Đến thằng Nam, thằng Định trông thấy khuôn mặt hai người cũng biết ngay rằng, đã có một việc gì nghiêm trọng vừa xảy ra.

Trái với mọi ngày, chúng không dám bép xép, chỉ lấy mắt ngó hai người.

Bà Nam Phát thấy vẻ mặt lo âu của con gái, đem lòng ái ngại. Bà biết rằng từ nay, cái mạng của con gái bà buộc liền vào với cái mạng của người kia rồi. Bà liền dỗ con gái ngồi xuống ghế rồi tìm lời an ủi:

– Nó bị cảm, máu đọng ở cổ họng thì thế, chứ có làm sao đâu, con đừng lo.

Vân sẽ áp đầu vào ngực mẹ:

– Nhưng anh con còn phải đi làm thì sao mà khỏi được. Cũng tại anh con phải đi làm sáng hôm nay mới sinh ra thế đấy.

Rồi nàng nói một giọng cầu khẩn:

– Má có cách nào cho anh con khỏi đi làm không?

Bà Nam Phát nhìn ông Nam Phát như có ý cầu mong một kế để giải quyết êm đẹp cho con gái mình.

Ông Nam Phát nhìn con rồi nhìn Vĩnh nói một cách quả quyết:

– Nếu đi làm mà đau thì ông ở nhà cũng được chứ sao. Đi làm lương tháng cũng chẳng được bao nhiêu. Đi buôn khá hơn mà đỡ mệt.

Vân thấy cha nói thế thì nhìn chằm chằm vào Vĩnh như dò hỏi ý kiến.

Vĩnh cúi đầu ngẫm nghĩ một lát rồi nói:

– Tôi vẫn biết cái nghề đi làm công nhiều sự bó buộc. Chính tôi cũng không thích. Đi làm thế này chẳng qua là tạm để chờ thời.

– Thế sao ông không xin nghỉ để đi buôn?

– Đi buôn, nhưng tôi không có vốn.

Vân vùng rời lòng mẹ, chạy lại nắm hai tay Vĩnh:

– Anh đừng lo, ba em khối vốn, má em khối vốn, mà em cũng khối vốn.

Vĩnh cảm động, cảm động vì cái cử chỉ bồng bột sốt sắng của Vân thôi, chứ không phải cảm động vì chỗ người ta hứa cho mình vay tiền làm vốn. Chàng bèn nắm chặt lấy hai tay Vân mỉm cười một cách âu yếm:

– Em ngây thơ quá, em tử tế quá, thương anh quá, nhưng em chưa biết rằng anh là cái hạng người không muốn nhờ vả ai.

Chiều hôm ấy, Vĩnh đi nằm nhà thương. Y sĩ xem mạch báo phổi và tim chưa bị thương tổn gì, chẳng qua vì thủy thổ bất phục và làm việc bằng trí óc nhiều quá mà sinh ra thế. Nếu chịu khó tĩnh dưỡng ít lâu và nếu xin được phép về Bắc nghỉ thì sẽ bình phục ngay.

Vĩnh nghe y sĩ nói vẫn thản nhiên, nhưng Vân thì có cảm tưởng như mình mới thoát chết. Nàng cầm lòng chẳng đậu liền thốt ra một tiếng thật to:

– Merci (Cám ơn).

Y sĩ nhìn nàng mỉm cười:

– Tôi năm nay gần sáu mươi, lần này là lần đầu tiên, tôi thấy một người mạnh cám ơn thay cho người đau một cách sốt sắng như thế.

Rồi ông vuốt râu gật gật đầu:

– Cô khá yên tâm. Trong nửa tháng tôi sẽ chữa cho ông ấy khỏi. Nhưng chữa khỏi, tôi ra cửa hàng cô biếu tôi cái gì nào?

– Ông muốn lấy gì thì lấy.

Y sĩ cười sằng sặc:

– Toi chẳng lấy cái gì đâu, tôi chỉ yêu cầu được bắt tay cô một cái thôi. Nhưng cô phải nhớ cho ông ấy về Bắc nghỉ mấy tháng nhé.

Ông bà Nam Phát là người buôn bán giàu có trong tỉnh và đối với y sĩ cũng có tình qua lại, nên y sĩ thấy ông bà Nam Phát và con gái đưa Vĩnh lại nhà thì hết sức chăm nom săn sóc cho Vĩnh.

Ông cho phép Vân muốn vào thăm Vĩnh lúc nào thì vào. Ông chỉ cấm một điều là không được nói chuyện nhiều với Vĩnh mà thôi, vì sợ Vĩnh mệt.

Nhưng cấm thế nào được đôi trẻ mới yêu nhau?

Suốt ngày, Vân ngồi ở đầu giường trông nom cho Vĩnh đến chín giờ mới chịu về để cho người khác thay.

Vĩnh xưa kia nghiêm nghị bao nhiêu, bây giờ lại cười đùa bấy nhiêu. Vĩnh kể cả đời mình cho Vân rõ, nào cha mẹ anh em đối xử

với mình thế nào, nào cái chí mình muốn sang Tây học thế nào. Nhiều khi Vân thấy Vĩnh nói nhiều quá, sợ Vĩnh mệt, bắt im. Nhưng chỉ được mấy phút Vĩnh lại nói. Vân lấy tay bịt mồm Vĩnh thì Vĩnh lại nắm lấy tay hôn lấy hôn để.

– Anh cứ cựa cậy mà nói luôn miệng thế, em giận em về bây giờ.

Vân nói xong làm bộ đứng dậy quay lưng đi ra. Nhưng vừa trông thấy bộ mặt tiu nghỉu của Vĩnh, nàng lại quay lại ôm đầu Vĩnh:

– À thôi, em không về nữa, nhưng không được nói và hôn nữa nghe không. Người gì mà khó bảo quá. Thế thì bao giờ khỏi được.

Chính Vân bảo cấm hôn mà khi nói xong Vân lại cúi xuống hôn Vĩnh trước.

– Quái em ạ, anh nói được với em thì người nó nhẹ đi. Mà được hôn em thì hình như hết cả bệnh tật.

– Đã hết thế nào được. Khỏi rồi còn phải về Bắc nghỉ mấy tháng mới khỏi hẳn.

Vĩnh phụng phịu:

– Thế em không sợ em nhớ anh à? Em không nhớ anh à?

Vân quay đi chùi giọt nước mắt, chẳng biết trả lời làm sao!

Vĩnh kéo Vân lại gần:

– Anh thấy trong người anh khỏe mạnh lắm, tưởng chẳng cần phải về Bắc. Đấy em xem mấy hôm đầu hơi khạc ra máu, chứ bây giờ còn nữa đâu. Em bắt anh xin nghỉ về Bắc thì anh nhớ chết mất, mà lúc nào biết có được bổ về đây nữa không.

– Miễn làm sao cho anh khỏe mạnh, rồi những chuyện khác ta sẽ nói sau.

– Nhưng biết xa em anh có khỏe mạnh được không hay là ốm tương tư mà chết. Em, em không biết rằng anh yêu em lắm sao.

Vân buông tay cho Vĩnh tha hồ hôn hít.

– Thôi em đừng bắt anh phải về nhé.

– Không, anh phải về. Y sĩ bảo thế, yêu nhau cần phải lo xa.

Thế rồi đến lượt Vân kể cho Vĩnh nghe những nỗi yêu đương âm thầm trong hơn một năm trời. Toàn những câu chuyện trẻ con bâng quơ. Nếu ta tỉnh, nếu ta không yêu, ta cho là rồ dại vô lý. Nhưng có biết đâu chính những cái rồ dại vô lý ấy là cái phần thơm tho của cả cuộc đời.

Ấy là chưa kể những cái nhìn, những cái vuốt tay, những cái vuốt má, những cái chẩu mỏ, những cái nguýt nũng nịu im lặng, mỗi cái ý nghĩa bằng mười cuốn sách.

Nhà văn sĩ đại tài đến đâu, với một thứ tiếng nói phong phú đến đâu cũng không thể chép lại được những ngôn ngữ cử chỉ của một đôi thanh niên đã hết lòng yêu nhau.

Không có bài thơ của thi sĩ nào hay cho bằng câu chuyện của một cặp nhân tình nói với nhau... Bởi lòng yêu là một bài thơ hay gấp trăm nghìn lần những bài thơ hay.

Vũ trụ họ đem thu được cả vào một đuôi con mắt. Bao nhiêu cái sôi nổi của lòng người, họ làm cho "toát" ra ở làn môi.

Một bàn tay của người yêu giơ lên? Thôi, chính là mặt trời mọc. Một cái mỉm cười của người yêu họ tưởng chừng như thấy mặt trăng lên.

Mấy nghìn năm nay, người ta đã viết ra bao nhiêu truyện ái tình, mà sau đây mấy nghìn năm, người ta còn viết mãi. Người thuở xưa, bây giờ và sau này có ai chán đâu? Nếu không có những tấm lòng khao khát yêu đương sao lại thế được. Nếu tinh thần của sự sống mà không phải là yêu đương thì sao người ta có thể sống được với một tấm lòng khao khát không bao giờ thỏa mãn.

Hỏi tất cả những kẻ sắp kề miệng lỗ, nếu họ thực thà thì họ sẽ phải thú với ta rằng: Những phút sung sướng nhất của đời họ là những lúc họ yêu và được yêu.

Trong những phút thiêng liêng ấy, người ta quên hết, quên cả bệnh tật, quên cả đói rét, quên cả những nhục nhằn trói buộc của kiếp phù sinh.

Cái phần thưởng ông trời đền cho loài người để bù lại cho cái kiếp khổ ải ở trên mặt đất, phải chăng là những phút say sưa sung sướng gây ra bởi mầm tình ái mà ông đã đem du vào lòng mọi người.

Loài người cứ băn khoăn không biết sống để làm gì? Câu trả lời rất dễ thật đã hiện lên rõ rệt trong vạn vật và sáng ngời trong tim gan mọi người "YÊU VÀ LÀM NGƯỜI KHÁC YÊU MÌNH"; cái người khác ấy là một con đĩ hay một thiên kim tiểu thư, cái người khác ấy có tài sắc chim sa cá lặn hay xấu như ma mút, cái người khác ấy tính nết hiền thục hay bản tính thấp hèn, cái người khác ấy tài hoa hay tầm thường, nhưng một khi ta đã yêu họ và làm được cho họ yêu ta đều thành thần cả.

Họ sẽ là bó đuốc soi đường cho lòng ta, họ sẽ là luồng gió mát thổi chí cho ta, họ sẽ là cái vũ trụ yên vui của đời ta.

Một khi bàn tay mầu nhiệm của thần Ái tình đã đụng vào đây, cái gì cũng biến đổi cả. Bao nhiêu chất dơ bẩn đều tiêu tan hết, chỉ còn lại những tinh khiết.

Một phút say sưa gây ra bởi ái tình thì tất cả vàng trên trái đất cũng không mua được.

Vĩnh và Vân ở trong một gian buồng nhà thương sặc sụa những mùi thuốc tím, sặc sụa những mùi thuốc vàng, mà tưởng chừng như mình lạc vào một cái vườn hoa đầy hương thơm cỏ lạ. Lòng lúc nào cũng say sưa ngây ngất như uống rượu mạnh.

Những người ở gian bên biết Vân chưa chồng mà đã "suồng sã"(!) như thế thì lườm nguýt nàng mà thì thầm bằng tiếng Cao Mên:

– Con gái chưa chồng mà dễ thế!

– Một tí tuổi đã mê trai!

– Sao bố mẹ thả lỏng như thế!

Vân nghe biết nhưng giả bộ không biết. Khinh bỉ lặng im. Phải, nàng có quyền nhìn vào chỗ thiêng liêng của lòng mình mà khinh bỉ những kẻ chưa từng cảm thấy thứ thiêng liêng ấy là gì, Vĩnh thì chẳng biết tiếng Cao Mên nên ù ù cạc cạc ngỡ họ nói gì với nhau. Nhưng bà Nam Phát khi vào thăm Vĩnh nghe họ nói như thế không chịu được về kể chuyện lại với chồng.

– Bà rõ lẩn thẩn, để tâm đến những lời dị nghị khốn nạn của những đứa tầm thường ấy làm gì? Chỉ sợ con gái mình không yêu người ta hay người ta không yêu con gái mình chứ một khi chúng đã thực lòng yêu nhau rồi thì cứ để mặc cho chúng nó yêu nhau. Nói năng gì có thể làm buồn lòng cho chúng nó là một cái tội. Những quân ấy thì chúng biết gì. Con gái mình không phải là một đứa hư mà người ta là người lớn, bà lo gì.

– Thì tôi cũng nói để cho ông biết chứ có ai bảo sao! Mà có ai ngăn cấm chúng nó yêu nhau đâu. À, thế này, nó sắp ra mà ông đốc tờ đã tư giấy cho nó được nghỉ dưỡng bệnh ba tháng, ông liệu thế nào. Trước khi nó đi, có nên bảo nó về nhà thu xếp với cha mẹ nó cho yên chuyện không?

– Tôi tưởng chẳng cần phải nói. Người ta là người có lòng và một người hiểu đời, mình cư xử hết lòng tử tế với người ta thì không bao

giờ người ta phụ mình đâu. Gia dĩ người ta đã yêu con mình thì người ta tự khắc phải liệu tính êm đẹp.

Nhận được giấy sở cho phép về Bắc nghỉ dưỡng bệnh ba tháng. Vĩnh bồn chồn như người nhận được cái tin chẳng lành. Y sĩ nghe lời ông Nam Phát tự xin mà không cho Vĩnh biết. Khi giấy của Hội đồng sức khỏe (Conseil de Santé) đưa bệnh, Vĩnh mới ngã ngửa người ra. Lúc ấy có ông Nam Phát và Vân đều có đấy.

– Anh có xin nghỉ bao giờ mà người ta dám tự ý cho anh nghỉ. Anh không nghỉ thì ai cấm anh.

Vân lại bên giường.

– Ba em nói với y sĩ xin cho anh đấy. Anh về nghỉ cho mạnh khỏe rồi lại vào.

– Thế em nhất định bắt anh đi mà không sợ anh nhớ em à.

Vân lặng im không biết trả lời làm sao, chỉ đứng ứa nước mắt. Ông Nam Phát đỡ lời:

– Ba tháng có là bao, thầy cứ nên về. Mà tôi tưởng thầy cũng cần phải về Bắc để thu xếp việc nhà chứ.

Vĩnh hiểu ý:

– Ông đã dạy thế thì con xin vâng, nhưng con đi thì lòng con nao nao thế nào ấy.

Vân ôm mặt khóc. Đến lượt Vĩnh phải dỗ Vân:

– Thôi nín đi, mỗi ngày anh sẽ viết cho em một bức thư. Ba tháng là chín mươi ngày có là bao. Mà không chừng anh về một tháng thấy mạnh anh lại vào.

Lại đến lượt Vân khuyên bảo Vĩnh:

– Ấy đừng! Anh phải ở cho đủ ba tháng thì mới thiệt mạnh được, vì bác sĩ đã bảo như thế. Mỗi ngày anh viết cho em một phong thư đủ rồi.

Một hôm, ông Nam Phát lên buồng Vĩnh, đưa cho Vĩnh năm trăm bạc mà bảo:

– Tôi ở đây không có người thân thích, thầy đến cùng ở chung với tôi ngần ấy ngày, thì cũng gọi là thân thích rồi, thôi gọi là có chút ít biếu thầy để thầy uống thuốc, thầy đừng từ chối.

Vĩnh gạt ngay đi:

– Thưa ông, con đã có tiền rồi, ông bà xử tử tế với con như thế đã là quá đủ rồi. Giá con chưa có thì con cũng nhận ngay, nhưng con đã có hơn nghìn bạc.

– Tiền đối với một người ốm thì có bao giờ thừa. Thầy cứ nhận đi cho tôi vui lòng.

– Con không thể nhận được, vì con không cần đến, con chỉ xin cám ơn ông bà.

Ông Nam Phát cố ép mấy lần, Vĩnh vẫn một mực không nhận, ông buồn rầu bảo Vĩnh:

– Thầy còn xử khách tình như thế nghĩa là thầy chưa thực lòng thương vợ chồng tôi và... các cháu. Giá dụ như tôi, nếu tôi cần tiền mà thầy có bụng tốt giúp tôi, tôi nhận ngay. Bởi tôi đã thật thương yêu nhau thì không có những sự câu nệ nhỏ nhặt về tiền bạc nữa. Thầy còn câu nệ, thế nghĩa là thầy đối với chúng tôi chưa được hết lòng.

Đã đến cái trường hợp ấy, từ chối tức là tỏ ra mình không tin yêu người ta. Vĩnh buộc lòng phải cầm.

Vân và bà Nam Phát sắm sửa cho Vĩnh đủ các thứ cần dùng đi đường của một người ốm, nào sâm, nào mền, nào gối, nào bình thủy chẳng thiếu một thứ gì.

Hai hôm trước khi tàu nhổ neo chạy về Bắc, cả nhà ông Nam Phát cùng đi xe hơi đưa Vĩnh về Sài Gòn. Ông Nam Phát cầm lái ngồi đằng trước với thằng Nam, thằng Định. Vĩnh ngồi đằng sau với Vân và bà Nam Phát. Đôi tình nhân chỉ nắm tay nhau mà chẳng nói gì.

Bà Nam Phát tuy đã mấy phen ông Nam Phát dặn, không nên nói gì về chuyện dối lừa với Vĩnh, nhưng vì bà ta quá lo cho số phận con gái, lo rằng Vĩnh về Bắc có việc gì cản trở không vào nữa, lo vì sợ bố mẹ Vĩnh ép Vĩnh lấy vợ, nên trước khi ở nhà trọ ra bà bảo Vĩnh:

– Thầy đi chuyến này thì rồi biết chúng ta có được gặp nhau nữa không vì những sự bất ngờ ai biết đâu mà dò được. Thôi thì vợ chồng tôi chúc cho thầy đi đường mạnh khỏe.

Bà Nam Phát nói đến đây thì Vĩnh đã hiểu ý, liền nhìn Vân rồi cầm hai tay bà Nam Phát ngọt ngào bảo:

– Con ở nơi đất khách không có nhà cửa, ông bà đem nhà cửa đến cho con, con không có anh em, ông bà đem anh em đến cho con, con ốm đau, ông bà săn sóc trông nom con. Nếu con mà là người còn

biết cầm bát cơm ăn thì thế nào con cũng phải vào. Nếu con không phải là người thì còn nói làm gì nữa.

Cái ý chính, Vĩnh tuy không nói ra nhưng Vân và ông bà Nam Phát đã hiểu ngay.

– Con thiết tưởng cái tình ông bà xử với con như thế là cùng cực, nếu con quên được thì con đâu có còn đáng sống nữa. Con chỉ có một danh dự. Con xin lấy danh dự mà thề rằng sống chết con cũng vào, ông bà đã tin con chưa ?

Vĩnh nói xong, buông tay bà Nam Phát rồi nhìn Vân rơm rớm nước mắt. Đó là lần đầu tiên, Vân nhìn thấy Vĩnh khóc. Không biết trong giọt nước mắt của con người cương nghị ngay thẳng nó có cái gì làm cảm phục được lòng người, khiến Vân phải bồn chồn vội vàng chạy đến ôm chầm lấy Vĩnh mà bảo cha mẹ:

– Anh con là một người... không ai có thể nghi ngờ anh con được.

VI

Vĩnh lúc đi là một người khác, mà lúc về là một người khác.

Lúc đi thì lòng lạnh lẽo, quạnh hiu. Mà lúc về thì say sưa, ấm áp bởi một hình ảnh.

Chàng đã toan không về nhà, đến ở với một người anh em ở Đồ Sơn dưỡng bệnh, nhưng nghĩ cuộc trăm năm của mình nếu không có bố mẹ thì không được tốt nên chàng phải buộc lòng về nhà.

– Tao tưởng mày chết mất xác ở Cao Mên rồi !

Đó là câu đầu tiên của mẹ chàng nói với chàng.

Đến lúc thằng đầy tớ xách mấy cái va li vào trong nhà thì ông cụ lại đánh xuống một câu:

– Cái thầy ký thời nay, đi đâu sang trọng lắm. Làm gì anh ký dây thép mà phải sang trọng thế !

Vĩnh tức trào máu, bệnh tình mình cha mẹ chẳng hỏi gì đến, lại còn mai mỉa. Chàng toan xách va li đi ngay, nhưng nghĩ đi, nghĩ lại phải cố nhịn.

Hai tháng trời Vĩnh ở nhà là hai tháng buồn thảm: chỉ những lúc nào chàng viết thư cho Vân là được vui một tí mà thôi. Chàng thấy

mình ở nhà của cha mẹ mà thành ra một người khách. Còn ở Siêm Rệp thì là một người khách lại hóa ra một người nhà.

Tấm lòng quý mến vợ chồng Nam Phát lại vì thế mà tăng lên.

Mười ngày trước khi đi, chàng chờ lúc cha mẹ vui vẻ liền lên ngồi hầu chuyện và toan mon men gợi việc trăm năm của mình ra nói, nhưng mẹ chàng đã bảo:

– Thế nào, cậu Ba, đi làm có dành dụm được đồng nào đưa đây để tôi lo cưới vợ cho cậu.

Cha chàng lại nói thêm:

– Hôm nọ, tôi có gặp một người bạn, người ta nói quen ông "Sếp", có thể xin cho cậu được đổi ra ngoài này. Cậu làm đơn đi để tôi nhờ người ta lo giùm.

Vĩnh nghe cha mẹ nói, choáng váng cả người. Chàng biết giá cha mẹ người khác thì còn có thể lấy lẽ phải chăng mà giãi bày được, nhưng cha mẹ chàng đã nói thì không thể nói năng giãi bày gì được nữa.

Chàng lặng im không trả lời. Mẹ chàng lại giục:

– Thế nào, cậu trả lời cho tôi biết để tôi liệu.

Thất vọng đâm tức. Tức đâm khùng. Gia dĩ Vĩnh vốn là người cương trực không biết thớ lợ, liền nói buông xuôi:

– Con thế nào cũng phải vào trong ấy. Con không thể lấy vợ ở ngoài này được. Con đã trót hứa hôn với người ta ở trong ấy rồi.

Mẹ chàng nổi giận:

– Thật là quân vô phúc, hỏi vợ không có cha mẹ. Bà bảo cho mày biết, bà không có lấy cái giống con dâu Sài Gòn chỉ ăn rồi lại ngủ đâu! Bà không cho bén mảng đến nhà những quân chồng đường vợ sá ấy.

Vĩnh vốn người nóng tính, không chịu nổi những bất công:

– Mẹ không cho con mang về nhà thì con vào ở luôn trong ấy.

Mẹ chàng ngoảnh bảo cha chàng:

– Ông xem nó ăn nói thế, có thật là quân vô phúc không ? Bà đã bảo từ trước, bà từ mày không cho mày về nhà, sao mày còn về nhà làm gì.

Vĩnh buồn rầu không muốn cãi.

Cha chàng hút điếu thuốc lào rồi mỉm cười một cách mát mẻ, bảo:

– Tao thử xem mày có vào được trong ấy không.

Vĩnh đã rõ biết cha mẹ, biết rằng có nói năng gì cũng vô ích, liền lủi thủi xuống nhà.

Cha chàng đi Hà Nội được ba hôm thì hai hôm sau có giấy ở sở gọi chàng về Hà Nội. Ông "Sếp" nói cho chàng biết đã xin được cho chàng bổ ra ngoài Bắc.

Vĩnh nghe tin choáng váng, nhưng chàng là người có nghị lực, biết giữ được toàn thông minh và can đảm trong những trường hợp khó khăn. Chàng chỉ cám ơn ông "Sếp" rồi đi ra.

Vốn đã sẵn có quan niệm phân minh về cuộc đời, nên quyết định rất chóng, Vĩnh về nhà liền thảo đơn xin nghỉ việc, rồi xếp hòm xiểng toan đi. Nhưng cả nhà biết tin ấy đều giữ lại. Cha chàng biết chàng xin thôi, chửi mắng ầm ĩ:

– Thì ra những quân Tây học ngày nay nó coi con đĩ hơn bố.

– Thầy đã biết mặt mũi tính nết người ta thế nào mà thầy đã bảo người ta là con đĩ ? Thầy muốn cho con ở ngoài này, nhưng con không muốn ở thì con xin thôi. Thầy dù có ra xin hủy cái đơn xin thôi của con đi, nhưng con không đi làm, thì ai cấm con được ?

Ông cụ với cái xe điếu toan đánh. Vĩnh vùng dậy:

– Con không phải còn trẻ con mà thầy đánh. Mà con làm nên tội gì mà đánh!

Mẹ chàng thì túm lấy chàng, vừa đánh, vừa la:

– Mày bảo không ai có phép đánh mày phải không ? Con nhà vô phúc, con nhà mất dạy.

Vĩnh để cho mẹ đánh chán rồi bỏ xuống nhà ngay. Chàng phẫn uất không thể nói được. Nhưng khi viết thư cho Vân, thì chàng kể nỗi nhớ nhung và nói mình sắp vào, chứ không đả động gì đến việc nhà, sợ Vân buồn.

Chiều hôm ấy, chàng ra nhà dây thép bỏ thư, khi về đến nhà thì thấy va li bị phá tung, quần áo bị đốt hết, tiền nong chẳng còn đồng nào. Chàng vừa hỏi đứa ở xem ai phá thì mẹ chàng đã chạy ra bô lô ba loa:

– Tao phá đấy, tao đập đấy, tao đốt đấy, tao lấy đấy, mày có giỏi thì đi kiện tao đi !

Vĩnh cười gằn không nói gì.

Lục bóp thì chỉ còn mười đồng, không đủ tiền xe đi Cao Mên, mà quần áo thì chỉ còn một bộ dính mình.

Vay thì biết vay ai ? Mà đánh dây thép cho Vân thì sợ Vân buồn vì không hiểu tại sao mình tiêu nhiều thế.

Chàng chỉ còn một cách là chờ tháng lương cuối cùng sở trả cho mình. Chàng liền viết giấy vào sở trong Nam Vang xin làm măng – đa gửi ra Bắc cho mình.

Quá hạn một tháng, Vĩnh chưa vào, Vân buồn đâm ốm nhưng vẫn không nghi Vĩnh. Vì thường ngày Vĩnh vẫn viết thư cho Vân lấy cớ rằng có người anh bệnh nặng nên chưa vào được.

Lãnh được lương, việc đầu tiên của Vĩnh là đi may mấy bộ quần áo mặc tạm rồi xuống tàu vào Nam Vang. Vĩnh không đánh dây thép cho Vân biết, chàng muốn để Vân được hưởng sự vui sướng bất ngờ.

Đến Nam Vang, bước lên xe hơi đi Siêm Rệp, Vĩnh mừng sắp được gặp người yêu nên quên cả sự buồn bực mà gia đình đã gây ra cho mình. Xe thơ mở tốc độ năm mươi cây số mà chàng cho là chậm lắm.

Cây cối làng mạc hiện ra bên đường, chàng cũng chẳng nhìn thấy gì hết. Chàng chỉ mong sao cho chóng đến Siêm Rệp. Nhìn thấy nhà cửa tỉnh Siêm Rệp, trái tim chàng "nhảy" lên. Bước vào cửa hàng Nam Phát, thằng Nam, thằng Định trông thấy chàng rú lên. Cả nhà xúm lại. Vĩnh không thấy Vân liền hỏi:

– Em con đâu ?

– Cháu nó mệt, nằm ở trên gác.

Vĩnh vội vàng chạy lên, thì Vân cũng vừa nghe thấy tiếng Vĩnh, tung chăn chạy xuống.

Hai người gặp nhau ở cầu thang... Vĩnh bế bổng Vân ra phòng khách, chẳng nói chẳng rằng, đặt lên đi văng rồi hôn khắp mình mẩy, trước mặt mọi người.

Dù ông bà Nam Phát có ngờ Vĩnh thì trước cái cử chỉ bồng bột ấy cũng không thể ngờ được nữa.

Vân mặc một bộ áo lụa mỏng, tóc buông xõa chưa vấn. Vĩnh thì quỳ ở dưới chân. Trông Vân lúc ấy như một cô em bé đang nũng nịu bắt anh xin lỗi.

Lúc ấy, Vân sung sướng nghẹn họng không nói gì được nữa, mặc cho Vĩnh muốn hôn hít thế nào thì hôn.

Trên khuôn mặt hơi xanh vì bệnh, một luồng máu nóng đã chạy lên, làm cho hai má đỏ ửng.

Vĩnh hôn chán lại lùi ra ngắm Vân một lát, rồi bỗng chạy đến ôm chầm lấy, ngả đầu vào lòng khóc nức nở.

– Em ốm đấy à ? Nhớ anh phải không ?

– Nhưng bây giờ em đã khỏi rồi. Anh đã khỏi chưa ?

Vĩnh vỗ vào ngực:

– Ngực anh bây giờ là sắt. Có một trái tim yêu em ở trong cái ngực này.

Một tiếng động, Vĩnh giật mình, vội vàng quay ra xin lỗi ông bà Nam Phát:

– Con thật là rồ dại, nhưng con mừng quá.

Vân kéo Vĩnh ngồi xuống đi văng:

– Ba má không bắt lỗi mình đâu. Có phải không hở ba má ?

Ông bà Nam Phát đều tủm tỉm cười:

– Nam, Định lại đây với anh.

Hai đứa chạy đến trèo lên lòng chàng.

– Chúng mày có nhớ anh không ? Anh nhớ chúng mày quá. Thôi, dắt anh lên buồng đi, anh thay quần áo, chứ đi xe hơi bụi quá.

– Buồng anh ấy à ? Chị Hai chị ấy chiếm của anh rồi, em bảo mãi không nghe.

Vĩnh ghé môi vào tai Vân:

– Em nhớ anh quá, nên phải lên nằm buồng anh để ướp hơi phải không ?

Vân sẽ lấy tay dí vào mũi Vĩnh mà không trả lời.

– Thế nào, có phải không ?

Vân lại dí mạnh:

– Làm cho người ta nhớ gần chết mà còn hỏi mãi.

Buổi chiều hôm ấy, khi cơm nước xong, Vĩnh liền bảo thằng Nam, thằng Định ra ngoài. Rồi nhìn Vân. Vân hiểu ý đứng dậy theo các em.

Vĩnh đem hết gia sự nói với ông bà Nam Phát rồi kết luận:

– Con vốn biết lòng ông bà thương con, mà cô Vân rất yêu con, nhưng con tự xét thì thấy con không thể ăn nhờ ai được, dù là người thương yêu mình. Đi làm thì con không thể đi làm nữa. Con quyết chí sang Tây độ vài năm học thêm để cố gây lấy một sự nghiệp. Hôm

con đi tàu bể, con có làm quen với một người bồi tàu. Người ấy có hứa với con sẽ tìm cách đưa con sang đến nơi mà không mất tiền. Con vào đây là để cho ông bà hiểu rằng lòng con không dời đổi. Biết đâu con đi như thế chẳng giỏi, chẳng khôn thêm ra một chút cho xứng đáng với em Vân con hơn.

Ông Nam Phát rầu nét mặt bảo Vĩnh:

– Chí làm trai bay nhảy, tôi không dám ngăn cản, nhưng tôi chỉ sợ cháu nó không sống nổi trong khi thầy xa nó thôi. Thầy có biết rằng nó thương thầy lắm không ? Ba tháng trời thầy ra Bắc, nó như điên, như cuồng. Đến hạn thầy chưa vào, cháu đâm ốm, ấy mới hôm qua nó còn sốt liên miên. Thầy vào thì nó liền khỏi hết, tôi chỉ lo cháu không chịu nổi sự xa cách. Chứ thầy và cháu còn trẻ cả, chờ vài năm ngại gì.

Bà Nam Phát thì một mực không nghe:

– Không thể được đâu ! Ấy mới có mấy tháng mà nó đã điên dại lên như thế, huống hồ mấy năm. Nhà chúng tôi cũng khá, của chúng tôi cũng như của thầy, thầy hà tất phải đi như thế. Cứ ở đây rồi xem có cách gì ta buôn bán. Sự buôn bán mà mở mang cũng là một việc ích lợi chứ sao. Thầy đi thì cháu chết mất ! Cháu thương thầy lắm, thầy cũng nên thương cháu một chút.

– Ấy cũng vì con quá thương cô Vân nên con mới tính thế. Con muốn cho em con sau này không phải hổ thẹn vì sự kén chọn của mình. Đã đành con ở đây với ông bà, lại được em con săn sóc thì là sung sướng lắm rồi. Nhưng trong cái sung sướng ấy, ccn cảm thấy một sự hèn hạ tầm thường, con không thể chịu được. Làm trai mà không nuôi nổi vợ, phải nhờ người khác thật là một cái khổ và một cái nhục. Sau này, sinh con cái ra, lấy tiền đâu cho chúng ăn học, phải ngửa tay xin người thì con chịu sao được. Gia dĩ cái phần gia tài này cũng có phần của cậu Nam, cậu Định trong đó, con không thể ăn cướp cái phần ấy được. Con bây giờ còn khỏe mạnh, trẻ trung mà không cố trau dồi học vấn để cho mai một một đời thì uổng lắm. Con vẫn biết lòng em yêu con lắm, con biết con đi thì mấy tháng đầu em con cũng khổ lắm, nhưng phải ráng chịu, trăm sự nhờ ông bà khuyên giải cho con. Con không đi được thì con ân hận suốt đời. Ông bà thương con mà thấy con phải mang mối ân hận ấy chắc cũng thấy một sự khổ tâm cho cả đôi bên. Chí con đã quyết...

Bà Nam Phát khóc hu hu:

– Thầy quyết thế là thầy quyết để cho con Vân chết !

Ông Nam Phát vội lại bịt mồm:

– Thôi, bà làm gì mà tru tréo lên, nó vào bây giờ thì lại lôi thôi chuyện. Thầy ấy nói rất có lý, con trai tôi, tôi cũng muốn cho nó như thế. Muốn cho người ta hèn, mà người ta có chí, ai người ta chịu. Ta không thể vì con gái mà để cho người ta lỡ sự nghiệp một đời.

Trong câu cảm khái ấy, có bao hàm một ý nghĩa đau đớn ,nó khích động lòng Vĩnh, nhưng Vĩnh cũng nghiến răng không để lộ ra vẻ đau buồn.

Ông Nam Phát quay lại bảo Vĩnh:

– Có phải thầy có chí sang Tây học thì tôi có thể giúp, hà tất phải lẩn trốn như thế. Đã phải làm để nuôi thân thì còn học được gì.

– Thưa ông, như thế học được nhiều lắm chứ ? Học làm người. Điều gì chứ điều đó thì chết con cũng không vâng lời được. Con không phải dám chê đồng tiền của ông đâu, nhưng quả tình con không thể nhận được.

Bà Nam Phát cũng ngăn không được, ông Nam Phát ép cũng không được, hai người chỉ nhìn nhau thở dài.

Vĩnh lại nói:

– Ông bà đừng nói cho em con hay, để con lo liệu nói dần cho em con hiểu, rồi em con sẽ bằng lòng cho con đi. Ông bà nói ngay bây giờ cho em con biết thì em con khóc lóc, buồn rầu mà cũng chẳng ích gì, vì dù sao thì lòng con cũng không dời đổi.

Khi Vĩnh bước ra thì đã thấy Vân đứng chờ ở đấy. Thấy mặt Vĩnh tái mét. Vân vội vàng hỏi:

– Anh nói chuyện gì với ba má mà trông mặt thất sắc đi thế ?

Vĩnh đánh trống lảng:

– Không ! Có chuyện gì đâu ! Anh xin thôi không làm nữa chớ đâu có chuyện gì.

– Không phải, thôi không đi làm việc gì mà anh phải thiểu não như thế ?

Rồi nàng hấp tấp chạy vào buồng ăn. Thấy cha mẹ ngồi ngẩn người ra mà mặt mẹ đầm đìa những nước mắt, Vân hiểu ngay đã có

một việc chẳng lành xảy đến cho đời mình, vội lại nắm tay mẹ mếu máo hỏi:

– Việc gì thế hở má ?

Bà Nam Phát thấy con gái thương quá, không giữ nổi lời dặn của Vĩnh bèn kể hết cho con gái nghe. Vân nghe xong bỗng rú lên rồi ngã vật xuống.

Ông bà Nam Phát khóc ầm nhà. Vĩnh chạy xuống thấy thế sợ run cả người. Chàng quì xuống lay gọi mãi không tỉnh. Mười lăm phút sau y sĩ đến tiêm thuốc cứu chữa mãi mới hồi tỉnh.

Vân trông thấy Vĩnh chỉ khóc. Vĩnh cũng chẳng biết nói làm sao, chỉ đứng ngẩn ra nhìn.

Khi ông Nam Phát và Vĩnh tiễn y sĩ ra đến cửa, y sĩ liền bảo hai người:

– Cô ấy tạng yếu, lại phần vì mới ốm chưa khỏi, phần bị xúc cảm mạnh, nên mới sinh ra thế. Nếu còn để cho buồn thì sẽ mắc chứng đau tim, không tài nào chữa khỏi đâu.

Vĩnh nghe đến đấy hoảng hồn, chẳng kịp nghe y sĩ nói nữa, vội chạy vào giường Vân:

– Anh thề không đi nữa đâu. Anh sẽ ở đây suốt đời với em.

Vân kéo tay Vĩnh để lên trán:

– Anh lấy danh dự mà thề với em như thế chứ ?

Vĩnh sốt sắng:

– Anh lấy mọi cái trọng hơn danh dự, cái sức khỏe của mẹ mà thề rằng anh không đi đâu nữa. Em đã tin anh chưa ?

Trên khuôn mặt trắng bệch như sáp của người ốm bỗng phát ra nụ cười.

VII

Nhiều khi ta trông thấy một người có những hành vi trái ngược.

Cái hành vi ngày hôm nay thì là cái hành vi của một người có lượng khoan hồng mà cái hành vi hôm sau lại tối tàn ác. Nhiều khi những hành vi ấy cứ liên tiếp nhau trong một ngày không biết bao nhiêu lần. Người ấy vừa là người bồng bột dễ dàng đấy mà chốc nữa

đã biến ra một người tính toán suy bì từng li từng tí đấy. Có những lúc người ấy cân nhắc từng đồng xu mà lát nữa tiêu hàng chục, hàng trăm chẳng cân nhắc một tí nào.

Vừa là một người khắc khổ nghiêm trang đấy lại biến ngay ra một người cợt nhả ba lơn đấy. Vừa hoài nghi tất cả việc đời mà buồn rầu ủ rũ mà rồi tin đời, yêu đời, vui đời ngay đấy. Những trạng thái ấy nhà tâm lý giải phẫu cho là do lượng ngã trong một người, ta như thấy hai người, và hai người ấy lúc nào cũng phản đối nhau. Hai cái động lực nó gây ra những hành vi của đời người ấy là bởi khối óc và trái tim không bao giờ đồng ý.

Vĩnh là người biết nhìn sự thực hiện ra trước mắt, lại biết lấy thông minh của khối óc xét đoán và cân nhắc.

Nhưng chàng cũng lại là người có trái tim, giàu sinh lực, giàu tình cảm.

Khối óc luôn luôn nhủ chàng phải lạnh lùng nhìn sự thực để phân tích, để cố tìm lấy một con đường đi lợi nhất cho đời mình. Nhưng trái tim một phút đã bị khiêu động thì năng lực mãnh liệt của nó ầm ầm kéo nhau đến, làm át hết những sự dẫn đo của khối óc thông minh đi.

Quyết chí dứt áo ra đi mà chẳng bồi hồi về sự Vân nhớ mình, ấy là chàng nghe theo sự xét đoán của khối óc, nó nhủ mình phải đúng đắn thì mới có thể lập nên sự nghiệp. Đời một kẻ tài trai mà không có một sự nghiệp thì chỉ là một cái đời hèn không đáng sống. Lúc ấy, chàng có một nghị lực không bịn rịn về những sự khóc than thường tình của nhi nữ.

Nhưng khi thấy Vân ngất đi, thì trái tim lại phát ra những tiếng gọi sốt sắng yêu đương, mắng chàng là tàn nhẫn, đi bỏ một mối yêu nồng nàn ở trước mặt để theo đuổi một sự nghiệp viển vông ở đâu đâu. Lúc ấy chàng linh cảm thấy ở đời chỉ có một lạc thú: yêu và được yêu. Chàng chỉ có một điều nghĩ: phải hy sinh hết để đền bồi cho người đã yêu mình. Lời thề chàng thốt ra là lời thề đã phát ra tự đáy lòng.

Cái khổ của đời chàng là vì bởi có một khối óc nó "mạnh" quá và một trái tim nó "mềm" quá.

Xét thấy mình không thể giày xéo lên một cái tử thi, giày xéo lên một tình yêu, mà đi du học, chàng cam đoan luôn luôn ở bên Vân,

và làm theo hết các ý muốn của Vân. Nhưng nghĩ đời như thế thì tuy là sung sướng, tuy là hạnh phúc, nhưng là một thứ hạnh phúc tầm thường mà ta có thể gọi là đê hèn.

Chàng không thể ngồi yên cho vợ nuôi, cha mẹ vợ nuôi. Rồi khi sanh con đẻ cái, nhất nhất cái gì cũng phải ngửa tay chờ người. Người vợ nhờ mình che chở, mình không cung phụng nổi. Đứa con mình đẻ ra, mình không nuôi nổi. Chàng thấy nổi lên một cái nhục ở chỗ làm cha, làm chồng không danh dự. Chàng thấy cái đời không sự nghiệp, không phải cái đời của một tài trai. Những kinh nghiệm mà chàng đã học được ở trường đời đều nhủ chàng: "Rồi đây mày sẽ có một đàn con với một người vợ ràng buộc thì mày có muốn vẫy vùng cũng không vẫy vùng được nữa". Không có một cái nghề để nuôi vợ, nuôi con, sự khuất nhục sẽ chờ mày ở đầu đường. Lúc cái tình còn mới mẻ, còn nồng nàn thì cha mẹ vợ đối với mày gì mà không quý hóa, nhưng bát nước nóng lâu cũng nguội, những sự xích mích sao chẳng xảy ra. Mày đã không thể tự lập thì phải nuốt nhục.

Nghĩ đến đấy, Vĩnh thấy bào hao cả người. Chàng ghê sợ tưởng chừng như những sự nhục nhã đang đến vây bọc mình. Vì thế ông bà Nam Phát đã mấy lần ngỏ ý cho Vĩnh cùng Vân thành hôn mà Vĩnh đều từ chối xin hẹn một vài năm. Ông bà Nam Phát thương Vĩnh, tin Vĩnh, không cần tới sự cha mẹ Vĩnh bằng lòng hay không. Miễn hai trẻ yêu nhau là được rồi. Ông bà Nam Phát tin rằng Vĩnh có đủ tài lực đùm bọc, che chở Vân.

Vân tuy đã khỏi, nhưng thấy Vĩnh cứ thoái thác chưa muốn kết hôn với mình thì mặt buồn rầu rầu. Vĩnh hết sức dỗ dành, đem mọi lẽ ra giải bày thì Vân cũng chỉ vui được một lúc. Ông bà Nam Phát thấy con băn khoăn buồn tẻ thì cũng bị buồn lây.

Vĩnh thấy Vân mặt ủ mày chau thì cũng không chịu được. Một hôm Vĩnh đi chơi về, vào đến buồng thấy Vân ngồi đấy mà tâm thần để đâu, đến không hay mình lên thang gác. Chàng đứng ngắm Vân một lát lâu nhận thấy vẻ đau buồn hiện trên khuôn mặt nõn nà mà héo cả ruột. Chàng thương cảm quá, liền tiến lại nắm tay Vân để vào lòng mà hỏi:

– Em làm sao mà buồn đấy?

Vân nhìn chàng không trả lời. Vĩnh tán loạn tâm thần không biết nói gì nữa. Hai người ngồi yên một lát lâu, bỗng Vĩnh vùng đứng dậy đi đi lại lại trong phòng.

Rồi Vĩnh đến trước mặt Vân mà bảo:

– Những lời anh sắp nói đây với em là những lời nghiêm trọng, em phải để hết tâm trí mà nghe, em thử nhìn vào tấm lòng em yêu anh, xem có thể vì tình yêu mà chịu đói rét được với anh không?

Vân chẳng lưỡng lự:

– Gần anh, được anh yêu, em chẳng sợ gì đói rét.

– Em có cái can đảm bỏ cuộc đời an nhàn sung sướng này mà chịu cực khổ với anh không?

– Cạnh anh, em chẳng còn biết gì là cực khổ.

– Em có thể theo anh đến chỗ vất vả để giúp anh gây dựng tương lai không?

– Với anh, em có thể bước trên chông gai mà chẳng biết gì là vất vả.

– Trong khi chúng ta cùng nhau chiến đấu với sự sống, chẳng may chúng ta có phải nghèo túng lam lũ, em có ân hận gì không?

– Em chẳng ân hận gì, chỉ ân hận không được chia sự vất vả với anh. Với anh, buồn lo đều không có nghĩa.

Vĩnh ôm chầm lấy Vân nói to:

– Thế thì chí anh đã quyết. Chúng ta lấy nhau rồi đi làm đồn điền.

Vân nhìn Vĩnh ngơ ngác. Vĩnh nói tiếp:

– Hôm nọ, người chủ buôn lúa Yam Wa trước kia vẫn qua lại nhà dây thép có quen biết anh, gặp anh, hỏi anh nay làm việc gì. Anh trả lời anh chưa có việc làm thì y bảo mới xin được phép khẩn 500 mẫu tây đất. Nhưng vì vợ y chết, y bận việc nhà lắm, không làm được nữa. Y ngỏ ý nếu anh muốn khẩn, y sẽ nhường cho. Đất trên xứ Lovéa tốt, dễ phá lắm mà lại toàn là đồng tranh, không có cây cối. Chỉ cày cấy ba năm là thành thục điền. Hôm ấy, chí anh chưa quyết nhưng nếu em cũng chịu khó theo anh giúp anh thì chúng ta cùng lên.

– Anh trông người yếu lắm, sợ làm đồn điền chưa được. Mà anh có quen làm đồn điền bao giờ?

– Anh không yếu, vì không hoạt động nên người trệ ra thế. Em bảo quen với không quen. Bắt tay vào việc rồi quen tất. Một khi con người ta đã có cái chí quyết tâm, thì việc khó khăn đến đâu cũng làm được.

– Nhưng anh chân tay học trò thì chịu vất vả làm sao được?

– Em đừng ngại, một khi lòng anh đã quyết làm thì chân tay học trò sẽ biến thành chân tay hộ pháp. Việc đời làm được hay không, không phải ở chân tay. Mà do cái sức mạnh ở trong lòng mình. Anh có bảo y anh không có vốn, thì y ngỏ ý cho anh vay ít nhiều, nếu anh bằng lòng lên. Y nói nếu có tiền thì khẩn cả, không thì khẩn lần. Ngoài sự khai khẩn, ta còn có sự buôn bán. Y nói đổi lúa và cho vay lúa non, lãi lắm. Ta mở một cửa hàng nhỏ để buôn bán lấy tiền chi tiêu thường ngày, còn cái đồn điền là chuyện kiếm lợi về sau. Xứ Lovéa lại giàu, nhiều lúa. Bây giờ, anh chưa biết thế nào, nhưng nếu em bằng lòng theo anh lên đấy, ảnh sẽ lên thăm dò. Yam Wa là người đứng đắn, anh xét lời nói có thể tin được.

– Nhưng anh chưa biết tiếng Cao Mên thì buôn bán với người Cao Mên làm sao được?

– Em đừng lo. Lòng anh đã muốn thì anh học tiếng Cao Mên mấy chốc, chỉ sợ em không có can đảm chịu sự cực khổ với anh thôi. Em nhất quyết theo anh chứ?

Vân đứng dậy ngả đầu vào ngực Vĩnh mà bảo:

– Em theo anh, đi đâu em cũng theo, anh quên rằng em đã đem giao phó tính mạng em cho anh từ bao giờ rồi ư?

Vĩnh lấy tay vuốt má Vân:

– Thế để anh lên Lovéa xem xét ít ngày rồi về anh sẽ liệu. Rồi ta sẽ nói với ba má làm lễ cưới. Không phải rằng anh không biết cái sướng, khi chúng ta thành vợ chồng đâu. Không phải rằng anh không mong mỏi ao ước cái ngày mà em đem cả linh hồn xác thịt cống hiến cho anh đâu. Nhưng anh nghĩ chưa có một cái nghề nuôi thân, đủ cung cấp sự ấm no cho em thì chưa có thể gần em được. Ham mê thú nhỏ nhen trước mắt để di lụy về tương lai là người ngu. Cúi lưng nhờ vả người là kẻ hèn. Anh yêu em, anh chết được, nhưng yêu em mà phải hèn thì không được. Em tính mà coi: được một thằng hèn nó yêu thì cái tình yêu ấy quý giá gì! Lấy một thằng chồng không có danh dự thì vinh hạnh gì!

– Em hiểu lòng anh lắm.

– Gia dĩ cái bổn phận làm chồng của anh là phải vì em mà nghĩ đến tương lai. Anh muốn rằng tấm áo em mặc tự tay anh kiếm ra. Bát cơm em ăn tự mồ hôi anh làm ra. Các đứa con yêu quý của chúng ta sau này tự anh cống hiến nhu cầu cho nó. Vẫn hay rằng, bây giờ

ba má thương chúng ta thì nuôi nấng chúng ta hay con chúng ta, nhưng chúng ta còn có danh dự của chúng ta, còn có cái danh dự của gia đình, còn có danh dự của con chúng ta. Đã đem thân ăn nhờ thì còn gì là danh dự! Anh không thể để em và con chúng ta chịu nhục. Bổn phận của anh là gây cho em một cái tổ ấm áp. Nhưng một khi trong cái tổ ấm áp ấy mà không có ông thần danh dự ngồi vào thì còn ấm áp cái gì? Anh sở dĩ thoái thác việc hôn nhân từ bấy cho đến nay, không phải là anh không thương em đâu. Nhưng là vì anh muốn rằng anh có thể nhìn người mà không phải thẹn với mình, nhìn em mà anh có thể tự bảo rằng anh đã xứng đáng với lòng em yêu anh. Cái cánh tay của người chồng là phải dang ra để che chở cho gia đình. Nay có cánh tay phải đi khuất phục, nhờ vả ai thì cái gia đình ấy còn gì là vinh quang. Nếu em thấy anh thoái thác sự hôn nhân mà em tưởng rằng anh không yêu em là em lầm. Anh yêu em, anh yêu em quá, anh yêu em lắm, nhưng anh muốn yêu em bằng một trái tim trong sạch với một danh dự hoàn toàn, em đã hiểu chưa?

– Em hiểu rồi. Anh là một người chồng đáng yêu, đáng quý, đáng kính, đáng phục...

– Mà em là một người vợ đáng tôn thờ nhất của anh.

Vĩnh đi Lovéa xem xét một tháng rồi về bảo Vân:

– Chúng ta có thể tin tưởng ở tương lai. Mà em có thể tin ở sự cố công gắng sức của anh. Với tấm lòng em yêu anh, với tấm lòng anh yêu em, thế nào anh cũng phải thành công. Em có thể nói với má sự quyết định của anh, rồi anh sẽ nói với ba sau.

Trưa hôm ấy, khi Vĩnh đi qua sân thấy Vân ngồi trên cái ghế đẩu, hai chân buông thõng vào thang nước cho con ở kỳ cọ, còn u già thì đứng đằng sau chải đầu, liền dừng lại mỉm cười bảo:

– Lên Lovéa thì không có ai hầu hạ như thế này nữa. Anh rất lo em sung sướng đã quen, không chịu cực như anh được.

Vĩnh nói xong thở dài. Vân giật lấy cái lược ở tay u già và co chân không cho con ở kỳ cọ nữa. Nàng bảo hai người, rồi nói với Vĩnh:

– Từ nay nhất nhất việc gì em cũng xin làm lấy.

– Anh thấy em xinh đẹp thế kia, tay chân nõn nà thế kia mà sắp phải vất vả, lòng anh nao nao thế nào ấy. Anh chỉ sợ em không chịu quen cực khổ thì làm thế nào?

Vân quả quyết:

– Anh đừng lo. Với một mối tình ở trong lòng, em chẳng sợ gì cả. Có cùng nhau gian lao mới cùng nhau hưởng chứ. Anh cứ yên tâm, rồi em sẽ xứng đáng với anh.

Ông bà Nam Phát khi được biết Vĩnh đã bằng lòng xin cho kết hôn lòng mừng khấp khởi. Nhưng khi nghe nói đến sự Vân cũng lên ở đồn điền để khai khẩn, thì có vẻ lo ngại, nhất là bà Nam Phát. Vân sốt sắng bảo:

– Ba má phải cho con theo anh con lên trên ấy mà làm lụng với anh con để tập dần làm vợ rồi làm mẹ chứ. Chả lẽ mọi cái anh con tập hết mà con chẳng tập một cái gì à?

– Đã đành rằng thế, vợ phải theo làm lụng giúp đỡ chồng, nhưng con còn nhỏ lắm, mới có mười tám tuổi.

– Mười tám tuổi thật, nhưng con cũng đã là một người vợ rồi.

– Thì cứ để cho anh mày lên đấy lập thành cơ ngũ rồi sau hẵng lên có được không? Bây giờ con cứ ở đây với ba má, anh con khi đi khi về, chứ ở trên ấy xa xôi lắm, thầy thuốc không, nhà thương không, nhất nhất cái gì cũng không cả. Lại giáp với Xiêm, trộm cướp nhiều, má ngại lắm.

– Thế má định để cho anh con làm cỗ sẵn rồi chỉ chờ về rước con lên ăn thôi à? Thế chẳng hóa ra con hèn lắm sao! Bảo cái gì cũng thiếu thốn và trộm cướp ư? Sao anh con ở được? Anh con ở được thì con ở được! Mà đã có anh con thì còn sợ gì! Thiếu anh con là thiếu cả. Không, nhất quyết con phải theo anh con! Chồng một nơi vợ một ngả thế nào được? Thứ nhất cứ nghĩ rằng trong những lúc anh con gian lao mà con lại ở nhà sung sướng một mình thì con không chịu được!

– Nhưng anh mày không bằng lòng thì sao?

– Sao anh con lại không bằng lòng, có phải thế không anh?

Vĩnh trầm ngâm một lát:

– Má nói có lẽ phải, hay cưới xong em cứ ở nhà để một mình anh lên sắp đặt trước đã.

Vân nổi giận:

– Nếu thế thì anh khinh em lắm. Anh tưởng em lấy chồng chỉ cốt an hưởng mà không muốn chung lo sao? Anh thường nói đến bổn phận người đàn ông. Thế để đàn bà chúng em không có bổn phận

hẳn? Thế dễ chỉ có đàn ông mới có bổn phận làm người đàn ông còn đàn bà không có bổn phận làm người đàn bà hẳn? Hay anh bảo cái bổn phận của em chỉ là ăn ngày hai bữa rồi ở đây rong chơi cả ngày. Nếu anh cho là đàn bà như thế thì thân em còn cái giá trị gì trước con mắt anh? Sao anh trọng anh thế, mà anh lại khinh em thế?

Vĩnh vội vàng xin lỗi:

– Anh có dám khinh em đâu. Nhưng lòng má muốn thế nên anh phải chiều theo.

– Lòng má muốn cho em được sung sướng, nhưng sung sướng quá thì làm sao em thành người hữu dụng được? Anh thương em thì phải bênh vực em mà chống chọi với cái lòng thương sai lầm ấy... Má thương con mà má không muốn cho con có được một chút vinh hạnh dự phần vào công cuộc gây dựng cơ đồ của anh con về sau này ư? Con nhất quyết phải theo anh con lên.

Vân vừa nói vừa dằn từng tiếng. Trên vẻ mặt ngây thơ ấy, hiện lên một vẻ cương quyết khiến Vĩnh phải mến phục.

Ông Nam Phát thấy con gái quả quyết như thế rất lấy làm đắc chí, tự nhủ: "Nó thật giống ta". Tuy ngoài miệng thì cũng nể vợ cản trở một đôi câu, nhưng trong lòng phải chịu rằng Vân có lẽ phải, ông liền dàn giải:

– Thôi, cứ để khi cưới xong rồi sẽ liệu. Bây giờ, ba thu xếp thế này thì ổn thỏa cả. Cái cần là vốn để khai khẩn, mà thầy Ba lại không bằng lòng vay của ba thì âu là ba bỏ tiền ra chung phần với thầy ấy, một đằng có của, một đằng có công, chẳng ai phải ơn ai.

– Vốn thì ông bà không ngại. Hôm con lên Lovéa, ông Yam Wa đã hứa bảo lĩnh nhà băng cho vay ba nghìn rồi. Con cứ mua lại một cái máy cày khai lần. Một khi đã khai được ít nhiều thì có thể vay thêm. Chứ bây giờ thì hiện chưa cần đến. Con còn bỡ ngỡ, làm to lỡ không thành tựu thì tổn hại nhiều lắm. Cứ để con lên làm một vài năm, nếu có thế nào, con sẽ về nhờ ông bà.

– Thầy khách tính lắm, ba không còn biết nói thế nào.

– Không phải con khách tính. Trong thì tình cha con, nhưng ngoài là công việc. Công việc chưa biết làm sao mà lại lấy tiền của ba, sau này lỗ vốn, con ân hận lắm. Cậu Nam, cậu Định sau này có thể trách con mà chính con cũng không an tâm. Có ba nghìn đồng là quá đủ. Ba hẵng cứ để con làm một năm. Nếu xem chắc chắn có thể

làm được, con sẽ bảo ba. Vốn liếng của nhà con thì con để cho nhà con mở một cửa hàng để sau này có cháu thì cho cháu, còn con thì tận lực làm cái đồn điền. Con không muốn có sự lôi thôi vì đồng tiền. Vẫn hay rằng lúc thuận gió xuôi buồm thì chẳng sao, nhưng chắc đâu là thuận gió xuôi buồm mãi. Bây giờ thì ba má giận con, nhưng ba má cứ nghĩ kỹ một chút thì ba má sẽ cho con là phải mà không giận con nữa. Ông Yam Wa bảo lĩnh cho con ba nghìn, con vẫn cho là cái ân. Nhưng xét ra cái ân ấy con còn có thể trả được vì ông chẳng qua cũng tính toán về tiền tài mà thôi. Con vay tiền thì con mua máy cày, mua trâu bò, làm nhà cửa. Nếu phát tài thì con trả cả gốc lẫn lãi, mà nếu con không làm ăn nên, thì máy cày đấy, trâu bò đấy, nhà cửa đấy ruộng đang khai dở đấy, ông ta lấy lại rồi ông ta khai khẩn, ông ta trả nhà băng. Cái con nên ơn ông là ở chỗ ông xét con có chí làm việc mà ông nhường cho. Đồng tiền của ông ấy với đồng tiền của ba bỏ ra, hai đàng khác nhau. Ba thì vì lòng thương con, thương em con mà chẳng nghĩ gì mất còn, chứ đằng này ông Yam Wa ông ấy tính không đi đâu mà mất được. Con đã chịu ơn ba má nhiều lắm rồi. Bây giờ chịu nữa thì con thấy nó nặng nề lắm. Cứ một cái lòng ba má thương con ấy, bao nhiêu tiền cũng không thể đền bù.

Rồi Vĩnh nắm tay Vân:

– Ba má cho con một người con gái quý yêu thế này cũng là... bắt con phải hàm ơn nhiều lắm rồi. Cứ một cái tấm lòng tin rằng con có thể đem lại hạnh phúc cho em con cũng đã phải khiến cho con băn khoăn.

Rồi nhìn vào mắt Vân:

– Có phải cái cách trả ơn ba má màu nhiệm nhất là làm thế nào cho mình thật là hoàn toàn sung sướng không, hở mình?

VIII

Một con sông nhỏ, nước trong veo, lững lờ chảy như uể oải, như còn đắm đuối nhìn rặng xoài xanh um đang nghiêng mình soi bóng trong gương nước.

Lác đác trên những đỉnh ngọn cây, những giang, sếu, hạc vươn cổ nhìn trời, nhìn nước.

Một đàn cò trắng ở đâu bay về sà xuống mé sông.

Trên những cành cây duối rũ xuống mặt sông, năm ba con chim bói cá lông đỏ thắm, xanh biếc đang ngất nghểu lim dim như những tín đồ nhập định.

Sát ngay vệ sông, một dãy chùa mái uốn cong.

Chạy theo dọc sông, một con đường đất đỏ vàng.

Bắt đầu từ cổng chùa, mười lăm nóc nhà ngói, tường đóng ván, xếp hàng bên đường. Những nhà ấy to nhỏ tuy có khác, nhưng đều có một kiểu kiến trúc giống nhau, ngói cong trét xi măng, cửa mở ra đường để cho ta nhìn thấy những đồ tạp hóa và những cái đầu trọc.

Một vài thím xẩm, đầu kết bím, chạy đi chạy lại lăng xăng. Ta ngỡ là lạc sang một xóm nhỏ ở bên Tàu, nếu không có những chú Cao Mên cao lêu đêu, đen trùi trũi vừa đi vừa hát nghêu ngao trước các cửa tiệm.

Các chú ấy vào các tiệm Khách tìm rượu uống.

Ngoài những tiếng hát nghêu ngao của mấy chú say rượu ấy, ta chẳng còn nghe thấy tiếng động gì hết. Phủ Lovéa nằm im lìm như say cái nắng tháng mười.

Ngoài đường chẳng có cái gì là hoạt động, tuy đó là một phố của xứ Lovéa. Vài đứa bé con Khách, đầu nhẵn thín, chạy từ cửa tiệm nọ sang cửa tiệm kia.

Năm ba cô gái Cao Mên áo đỏ, áo xanh, sampo (một thứ váy) thắt đuôi, đội những cái thúng từ trong các cửa tiệm đi ra.

Chẳng có bóng dáng một đứa trẻ Cao Mên. Chẳng có một cái nhà sàn.

Thì đã bảo đó là phố Khách. Nhưng sao đã có Khách ở mà trông hiu quạnh vắng vẻ thế? Sao người Khách đã đến tụ họp ở đấy mà không có sự buôn bán tấp nập?

Hẵng chờ xem lúc mặt trời sắp lặn.

Tiếng xe bò kẽo kẹt inh trời. Xe bò hàng đoàn ở hai đầu đường kéo về như nêm cối, rồi chui vào các cổng ở ngay bên cạnh các cửa tiệm.

Người ta đánh bò hàng đàn xuống sông uống nước. Các ông con trời "tỉu lớ" ngậu xị.

Phố Lovéa bỗng dưng biến đổi. Buổi trưa lặng lẽ bao nhiêu, thì bây giờ ầm ĩ bấy nhiêu.

Nếu ta lại đi theo các xe bò xem ngừng ở đâu thì ta phải giật mình. Ngừng trước những cái vựa thóc dài hằng ba bốn mươi thước.

Cái nào cái ấy to gấp mấy mươi những cửa tiệm của họ. Thóc, những thóc, toàn thóc. Thóc đỏ ối, thóc vàng xòe, thóc đen sẫm. Bao nhiêu xe bò trọng tải mỗi xe hàng mươi tạ đều đầy ăm ắp những thóc.

Thóc ở đâu mà tải về đây lắm thế?

Cả xứ Lovéa hàng mấy vạn người Cao Mên cày ruộng, đều đem thóc đến cả đây đong cho các chú[1]! Thóc của mấy chục vạn mẫu ruộng, của cả phủ này đổ về đây, chứa vào những vựa thóc của mười mấy tiệm Khách.

Nếu ta xét kỹ cách thức người Khách làm sao lấy được hết lúa của người Cao Mên thì ta phải giật mình cho xứ Lovéa và cả xứ Cao Mên.

Người Cao Mên nào nghèo nhất cũng cày hơn mười mẫu đất mà trong nhà chỉ còn vài chục nồi thóc! Các chú chẳng cấy cấy gì mà tiệm nào cũng có 5, 6 vạn nồi.

Ấy là mới kể mười cửa tiệm ở gần phủ Lovéa, còn rải rác ở các làng không biết bao nhiêu tiệm. Tiệm nào nghèo nhất cũng hàng vài nghìn nồi trở lên. Thì ra người Cao Mên còm cọm làm quanh năm đem thóc cống hiến cho các chú.

Bất cứ ở xó xỉnh nào trong xứ Cao Mên, chìa khóa kinh tế đều về tay các chú.

Những người Cao Mên làm ruộng: Bố chết ư? Đến đặt thóc non cho các chú để lấy tiền tống táng! Lấy vợ ư? Đặt thóc non cho các chú! Có kiện cáo ư? Đặt thóc non cho các chú! Thiếu thóc ăn ư? Đặt thóc non cho các chú! Muốn vải vóc, xà bông, dầu hôi nhất nhất cái gì cũng đổi bằng một lối: đặt thóc non!

Ta thử làm một con toán nhỏ:

– Một cái sà rong mua sáu hào, các chú đánh giá bán một đồng, anh không có một đồng ư? Anh đổi lúa non! Một thăng lúa ngày mùa bán tám hào thì đặt lúa non chỉ có bốn hào. Một cái sà rong phải đổi hai thăng. Cái sà rong sáu hào thành ra đồng sáu. Nhưng người Khách đã cho thế là đủ đâu. Lúc bán thóc thì họ dùng cái thăng nhỏ nghĩa là bằng hai thùng sắt tây. Nhưng khi mua thì họ dùng cái thăng gỗ lớn bằng hai rưỡi cái thùng sắt tây. Cái sà rong sáu hào mà người Cao Mên phải trả đến hai đồng! Khắp thôn quê xứ Cao Mên gần gần như thế cả.

---

1. Chỉ người Trung Quốc.

Một gia đình Cao Mên cày mười mẫu ruộng, trung bình được ba trăm giạ (ở Cao Mên gọi là thăng) thì nợ các chú năm sáu trăm. Để một ít thóc về làm giống và vài chục giạ để ăn, còn trả các chú ráo, ấy là các chú còn thương hại cho đem về ăn, chứ lấy hết cũng phải chịu.

Số thóc nợ lại đến sang năm một lãi thành hai. Ăn tiêu lại nhờ vào lưng các chú cho đặt thóc non, thành ra đời đời kiếp kiếp bao giờ cũng vẫn nợ.

Ngoài các cửa tiệm chính thức đặt thóc non, đến mùa lúa lại còn các chú đánh xe bò, đem hàng vải cùng thực phẩm và những thứ cần dùng khác đi đổi thóc. Một vài thước vải, mấy miếng đường thẻ, vài ba con khô, một hai chén muối là được vài giạ lúa rồi.

Buổi sáng, các chú đánh xe bò ra đồng lấy thóc nợ đến chiều mới về. Họ chỉ vất vả từ tháng mười cho tới tháng giêng là mùa gặt của dân cày, mà là mùa đòi nợ của các chú, còn các tháng khác chỉ toàn là đánh mã chược. Ấy thế mà phong lưu. Battambang là chỗ chứa thóc của xứ Cao Mên thì Lovéa là chỗ chứa thóc của xứ Battambang.

Xứ Lovéa đồn điền bát ngát, lại còn hàng mấy mươi vạn mẫu đồng tranh chưa khai khẩn. Làm ruộng ở đấy dễ dàng lạ thường. Cày vỡ, bừa rồi gieo mạ, chứ không thể cấy xuể. Mà quanh năm chẳng phải tát một gàu nước nào. Đến mùa, nước sông dâng lên ăm ắp tràn vào các ruộng.

Suốt phố Lovéa toàn Khách, cái gì cũng Khách.

Khách bán thịt, Khách bán hủ tiếu, cà phê, Khách bán chạp phô, tạp hóa, nhất nhất một đồng xu của người Cao Mên đều chạy vào túi người Khách. Khách lên đây chiếm cứ không biết đã bao nhiêu năm.

Nhưng năm 1927, ta thấy lọt một gia đình người Việt Nam.

Trước cái nhà nhỏ ở đầu phố Khách cứ khoảng độ năm giờ, ta thấy một thiếu nữ mặt mũi xinh tươi trạc mười tám, mặc một bộ quần áo bà ba lụa trắng thập thò ở trước cửa như có ý đợi chờ ai.

Vụt thấy bóng ngựa phi nước đại ở đầu đường là trên miệng hoa lại nở một nụ cười.

Một thanh niên cao lớn, mặc lối đồng tử quân, vai đeo súng, mặt mũi đầy bụi nhảy xuống nắm tay thiếu nữ dắt vào nhà.

Mặt, cánh tay, chỗ chân người thanh niên rám nắng đen bóng, tương phản hẳn với nước da trắng mịn của người thiếu nữ. Thiếu nữ trông nhu mì bao nhiêu thì thanh niên trông gân guốc bấy nhiêu.

Thân thể thanh niên xương xương rắn như sắt, trông thở ra sức mạnh. Hai đường răn bên má làm tăng vẻ cương quyết của cái cằm vuông. Giao my sâu như đánh dấu cho khuôn mặt ấy một nghị lực. Làn môi nhạo đời trễ ra. Tiếng nói choang choáng, khô khan, cộc lốc, đanh đá như quất, như vụt. Lông mày lúc nào cũng long lên, nhìn ai cũng như muốn dò xét, muốn lùa thấu tim gan.

Cái roi gân bò đầu bịt đồng, lúc nào cũng ngoe nguẩy như muốn tìm người để đánh.

Không đứng đâu yên, không ngồi đâu yên, chân tay lúc nào cũng cử động, mình mẩy như ứ những sức thừa không thế thì không chịu được.

Nhìn thanh niên, ta như thấy một sức mạnh tàn nhẫn hiện hình lên. Rồi ta tưởng chừng như một đời con người này không thể yêu, không thể cảm thông, không thể nói với ai một lời âu yếm dịu dàng.

Thiếu nữ dắt thanh niên đến một cửa hàng liền bá cổ hôn:

– Ấy chết, mặt anh đầy những bụi. Để anh lau mặt đã chứ.

Rồi thanh niên giơ hai tay ôm hai má thiếu nữ mà ngắm mãi:

– Thế này đủ rồi, mình người ta mồ hôi nhễ nhại thế này mà không gớm à?

Nói xong cười sằng sặc. Cái cười ấy làm cho khuôn mặt biến đổi hẳn. Bao nhiêu vẻ cương quyết, bao nhiêu nét tàn nhẫn tiêu tan hết. Chỉ còn một vẻ yêu đương đắm đuối ở hai con mắt say sưa. Và một vẻ hoan lạc ở trên làn môi hé nở để lộ ra hai hàm răng trắng như ngà.

Thiếu nữ lấy tay bóp mũi thanh niên mà bảo:

– Từ rày không được nói như thế nữa nghe không? Ai đời vợ lại gớm chồng.

– Bẩn thì phải gớm chứ!

Rồi lắc lắc cái đầu thiếu nữ:

– Cô em gái tôi kỳ quá. Yêu chồng chứ yêu được cái mồ hôi và bụi bặm như thế này à?

Thanh niên buông tay, cởi cái thắt lưng đạn. Bụi bay lên mà thóc thì bám đầy.

– À anh, hôm nay anh có mệt không?

– Mệt, nhưng trông thấy em thì hết mệt rồi! Mình là liều thuốc bổ của anh mà không biết à? Còn chờ gì mà không rót một chén thuốc bổ cho anh uống.

– Quỷ ạ, lúc nào cũng pha trò. À, hôm nay có đổi được nhiều thóc không?

– Hơn hai trăm thăng. Nhưng sang năm ta khai khẩn đồn điền thì không còn thì giờ đi đổi nữa. Cũng tiếc, nghề đổi thóc phát tài quá. Ngủ gật một mùa cũng kiếm được hơn nghìn đồng lãi. Anh đổi phải chăng hơn tụi Khách, nên họ đổi của anh nhiều lắm.

– Sang năm em sẽ đi đổi thay anh!

– Thôi, tôi can. Nắng cháy má hồng, về Siêm Rệp ba má không nhận ra con gái của ba má nữa. Mà sang năm, mình còn bận một việc khác cần hơn việc đổi thóc.

Thiếu nữ nghe nói, mặt hớn hở nắm tay chồng khẽ đặt vào bụng. Chồng bảo vợ:

– Ừ nhỉ! Để tôi phải đánh dạy nó ngay từ bây giờ, bằng không sau này không dạy được!

– Thôi, tôi can ông. Sau này em không bằng lòng anh đánh đâu đấy. À, mình thích con trai hay con gái?

– Con gái để cho nó giống mình.

– Không, không, em thích con trai cho nó giống cậu nó.

Vừa lúc ấy có tiếng bò kẽo kẹt ở cửa. Thanh niên vùng dậy:

– Yên, yên, xe bò nhà ta đã về. Để tôi trị cho thằng Srok này một trận, tôi bảo nó bao phen phải khâu bao cho nó tử tế mà nó lười, không chịu nghe làm cho hôm nay vãi bao nhiêu là thóc.

Thanh niên với lấy cái roi gân bò.

Thiếu nữ giằng lấy: - Gớm, mình ác lắm.

Thanh niên không buông:

– Mình biết đâu, ở đời này cũng có lúc cần phải ác. Không ác nó khinh nhờn. Mình biết đâu đến những cái lẽ mà người ta cần phải tàn nhẫn.

Thanh niên xuống vựa thóc, thiếu nữ chạy theo. Tám cái xe bò đỗ ven vựa thóc. Thanh niên đến gần một cái xe bò, vạch một lỗ thủng cho người đánh xe nhìn rồi bảo:

– Srok, mày có biết hôm nay mày làm hại bao nhiêu thóc của tao không? Tao đi ngựa sau thấy thóc chảy từ phum Takmau cho đến Réamséna. Tao đã bảo mày bao phen, cái bao lót xe nào rách phải vá lại tử tế trước khi đi cơ mà!

Rồi nắm chắc roi gân bò, thanh niên quất thằng Srok túi bụi. Thiếu nữ can không được phát khóc lên. Thanh niên vẫn chẳng ngừng tay. Thiếu nữ thấy kinh người liền rú lên chạy vào nhà.

Một lát sau thanh niên vào. Thiếu nữ mặt còn đầm đìa nước mắt trách:

– Anh tàn nhẫn quá, không biết xót thương là gì. Đã một lần anh đánh thằng A Phủi gần chết, nay lại thằng này.

– Công việc trong nhà thì anh chịu nghe hết mệnh lệnh của mình, nhưng công việc ngoài, mình phải để mặc anh. Anh có vì giận mà đánh chúng nó đâu? Anh bình tĩnh xét thấy rằng phải đánh thì đánh. Lên cái xứ rừng rú này có phải như ở Siêm Rệp đâu. Thằng nào mạnh, thằng ấy được. Nếu mình để cho nó khinh nhờn mình được một lần thì nó khinh nhờn mãi. Bây giờ mới có chục thằng cu li mà còn bảo không được. Sau này vỡ ruộng mướn hàng trăm người thì làm thế nào? Mình phải ra uy cho chúng nó sợ. Có uy thì rồi mình làm ân cho nó, nó mới hiểu cái ân của mình, và nó mới biết cám ơn. Chứ ai mình cũng tử tế nó cho mình đần, nó bắt nạt. Hiền với bụt, chứ không thể hiền với ma.

– Mình thì đối với ai mình cũng ác.

– Mình lầm, thế sao anh đối với mình anh lại hiền như con cừu. Mình có biết tại làm sao anh phải đánh thằng Khách, A Phủi không? Anh đi đổi lúa, nó cũng đi đổi lúa, thì việc gì đến nó mà mỗi khi thấy anh nó lườm nguýt và đi nói xấu anh. Mình có biết hôm anh gặp nó ở ruộng, tại làm sao mà anh đánh nó không? Nó cậy đông người nên lúc anh đem hàng đến đổi cho mấy người Cao Mên nó đang đổi, nó dọa anh nếu ngừng xe lại đổi tranh của nó, nó đánh. Anh chẳng sợ, cứ đem hàng ra đổi. Khi người Cao Mên thấy hàng anh tốt hơn mà lại đổi được nhiều hơn, nên ùn ùn lại đổi của anh thì nó nói bô bô:

– Thằng An Nam, coi chừng tao chặt đầu mày!

Anh chỉ cười. Mình xem anh nhịn đến thế là cùng. Nhưng khi người Cao Mên xúc thóc đổi cho anh thì nó cầm giật lại. Anh không chịu nổi nữa, lại đấm cho nó một cái ngã chúi xuống. Bọn đầy tớ nó xông vào thì anh phải hô bộ hạ anh đánh lại chứ. Anh phải trả một tháng lương thằng Um, thằng Pà Dao gấp hai mấy đứa khác, là cốt chỉ để dùng trong những lúc ấy. Anh phải mượn những đứa có võ và có gồng là vì anh biết rằng mối lợi ở vùng này bọn Khách đang chia

nhau mà bây giờ mình đến chia một phần của nó thì nó phải thù ghét mà kiếm chuyện đánh mình. Mình yếu, mình không đề phòng trước thì sẽ bị chúng nó đánh chết! Đấy, mình xem, từ ngày anh đánh cho thằng A Phủi một trận nên thân, có thằng Khách nào dám ngó ngang anh nữa đâu?

Tại làm sao trước kia anh dắt mình đi chơi phố, chúng nó cười rộ lên chế giễu?

Thế mình xem từ ngày anh đánh thằng A Phủi vỡ đầu mà ông đồn lại còn xử cho anh được kiện thì anh với mình đi qua, chúng nó có dám ê, ê nữa đâu. Mình cứ để yên mặc anh. Phải trị cho chúng nó sợ, rồi sau mới làm thân được. Rồi mình xem, chỉ ít lâu là chúng nó phải phục tùng anh. Ở cái xứ giặc cướp này, phải dữ hơn giặc cướp thì mới yên thân được. Thôi, em lau nước mắt đi, anh van em, em cố xét rõ mà hiểu cho hành vi của anh thì em sẽ không cho anh là tàn nhẫn.

Vân đã nguôi lòng:

– Nhưng em thấy đánh thế, em ghê cả mình.

– Thì ai bảo em ra xem.

Nghe những lời Vĩnh dàn giải với vợ, ta đủ rõ ngay rằng chàng đã được huấn luyện ở trường đời thực tế.

Sự thực tế đã khiến chàng nhìn rõ thấy một yếu tố của sự sống là: "Sức mạnh". Chẳng những cần phải "mạnh" để thắng người. Mà chính mình lại cần phải "mạnh" để thắng mình.

Một tang chứng. Nếu Vĩnh mà không có một nghị lực cứng rắn thì hôm đầu đi đổi lúa sẽ là hôm cuối cùng. Trời tháng mười xứ Cao Mên nắng như đốt mà phải bêu đầu ngoài nắng từ sáng cho đến tối, thì một cái cơ thể chưa từng chịu gian lao như Vĩnh chịu làm sao được. Đi đằng sau xe bò, bụi bay lên trùm cả đầu tóc. Lại phải nói ra rả suốt ngày thì người ta mới đổi cho mình. Mà lúa lùa vào áo sơ mi ngứa ran. Một ngày Vĩnh khát nước, uống không biết bao nhiêu lần. Bình nước đem theo hết, khát quá, phải uống nước lã. Mà ruộng ở Cao Mên xa nhà chừng mười hay mười lăm cây số chứ có gần đâu. Vĩnh tuy cưỡi ngựa, nhưng vì cưỡi không quen, da ở xương khu sứt. Mỗi khi xuống ngựa mà lại phải lên thì mông như phải bỏng.

Về đến nhà, Vân thấy Vĩnh hai mắt lờ đờ, mặt đỏ gay, mệt không nói được, khuyên Vĩnh không nên đi nữa. Vĩnh chỉ mỉm cười. Chiều tối hôm ấy, Vĩnh không ăn được cơm, mà về đêm, Vĩnh thấy

mình mẩy đau như dần, phát sốt, phát rét. Nhưng sáng mai, ba giờ đã bò dậy. Vân can không cho đi, Vĩnh chỉ trả lời:

– Sự nhọc mệt, một khi mình đã không chịu thua nó thì nó phải chịu thua mình.

Quả nhiên được năm hôm thì quen, nhưng nhìn Vĩnh ngày nay, người ta không nhận được ra Vĩnh thuở trước nữa. Từ ngôn ngữ, cử chỉ đổi hết. Chỉ khi nào đối với Vân thì còn là Vĩnh yêu đương thuở xưa mà thôi.

Khi ở Siêm Rệp, từ giã ông bà Nam Phát bước chân ra đi, người quen biết và bè bạn ai cũng đổ chừng cho Vĩnh sống cái đời ấy độ mười hôm là bỏ về.

Vĩnh chỉ mỉm cười mà không nói. Khi bắt tay vào việc, chàng đã có một cái chí quyết thắng. Mà dò hỏi nghị lực mình thì nó trả lời có thể thắng được.

Chàng mở cho Vân một cửa hàng tạp hóa cũng như các tiệm khác. Vân lại có tài khâu vá mà ở đây người Cao Mên chỉ mặc toàn quần áo may sẵn, nên Vân mua một cái máy khâu tập may.

Vân bảo cho người Cao Mên biết, nếu mặc áo quần sẵn thì không vừa, trông không đẹp. Muốn đẹp, mua vải của Vân, Vân sẽ may cho. Muốn kiểu gì cũng được. Một vài người mặc thử thấy đẹp bảo nhau kéo đến nhà Vân may đông lắm.

Thứ nhất là đàn bà con gái, Vân lấy một vài mẩu lụa xanh đỏ kết thành hoa đính vào áo cho, đều thích lắm. Áo cánh đàn ông Cao Mên gần như áo ta, ăn công sáu hào. Mà áo của đàn bà thì may như áo sơ mi ngủ trùm vào đầu, Vân lấy công bốn hào, thêm cho một cái hoa. Cứ những tiền công may cũng kiếm được một tháng gần trăm bạc.

Các tiệm Khách thấy cửa hàng vợ chồng Vĩnh đắt hàng đều ghen ghét và hậm hực. Họ kiếm đủ cách làm khó khăn để cho không ở đấy được. Vĩnh thường nói với vợ:

– Nếu không xin phép mua được cây súng thì có lẽ mình không thể ở đây được.

Lovéa lại gần biên giới nước Xiêm, trộm cướp là việc thường ngày.

Ăn cướp ở Cao Mên rồi chúng vào rừng sang Xiêm không ai còn dám đuổi.

Chẳng những thế, hơi xích mích, là người Cao Mên dùng đến võ lực. Kẻ sát nhân trốn sang Xiêm thì pháp luật cũng không làm gì được.

Trước Vân cũng lấy làm sợ hãi. Nhưng thấy Vĩnh cứ thản nhiên như không, Vân mới yên lòng.

Vĩnh đến nơi thì là mùa gặt, nên chàng thử đi đổi lúa để cho biết cách thức và tiện dịp kiếm thêm ít lời để khai khẩn đồn điền.

Nhiều khi Vân thấy chàng vất vả quá, thường phàn nàn:

– Thật em không hiểu mình. Thiếu gì nghề mà mình phải đem thân ra đày đọa thế này.

– Càng đem thân ra đày đọa bao nhiêu thì có lợi ích vào thân bấy nhiêu. Đàn ông chúng anh như viên đá tảng đầu ghềnh, càng sóng càng tròn láng.

IX

Phải chiến mà thắng, phải cướp mà lấy.

Năm năm sau, đầu phố Khách Lovéa, người ở các xứ xa đi qua đều phải lấy làm lạ, thấy một tòa nhà sàn sơn xanh làm theo lối Tây, lạc vào những cửa tiệm lụp xụp tối tăm của cái nạn khách trú.

Trong một khu đất chừng năm mươi mẫu, trồng toàn cây, tòa nhà kia với mái ngói đỏ, với cửa chớp sơn vàng, với tường sơn xanh đứng lừng lững như một anh đại phú mặc áo gấm, nhìn một cách ái ngại những thằng nghèo quần áo tả tơi bao vây xung quanh.

Những tiệm Khách tường gỗ mốc meo, những nhà sàn Cao Mên lợp tranh thấp lẹt đẹt lại càng làm cho tăng cái vẻ tráng lệ của tòa nhà Tây kia.

Trước cửa nhà, ngay cầu thang đi thẳng xuống, một vườn hoa hồng điểm cho cảnh vật một vẻ vui cười.

Hàng đàn chim bồ câu chút chít đậu trên mái, chốc chốc lại bay đi rồi bay về, làm cho cái nhà này có vẻ ấm cúng.

Đường cái lót gạch rất sạch sẽ, những cái ghế đá đỏ lúc nào cũng bóng láng, đủ tỏ chủ nhân bất cứ việc gì cũng để mắt đến.

Khắp vườn không có một đùm cỏ, không có một cọng rác, chứng tỏ chủ nhân đã truyền được cái tánh cẩn thận sạch sẽ của mình cho gia nhân đầy tớ.

Vào khoảng năm giờ chiều, có hai thằng bé, một đứa lên năm, một đứa lên ba, súng sính trong hai bộ pyjama ở trên thềm bước

xuống. Thằng lớn cầm cái kèn vừa đi vừa thổi, thằng nhỏ xách cái giỏ theo sau.

Đàn chim bồ câu trên mái nhà thấy hai đứa, sà cả xuống đậu khắp bên người rồi ùa vào mổ cái giỏ.

Thằng bé con cuống quýt, thét:

– Mẹ! Mẹ!

Một thiếu phụ thướt tha trong bộ áo lụa trắng, từ trên nhà chạy xuống sẽ xua đàn chim, rồi cầm lấy cái giỏ:

– Ai bảo con không chờ mẹ?

Rồi mắng yêu thằng bé lớn:

– Sao con không đuổi chim đi cho em.

– Con mắc thổi kèn. Thằng ấy nó nhát lắm. Động một chút thì la.

Thiếu phụ dắt hai con lại ngồi trên ghế đá. Rồi mở giỏ, bốc một nắm thóc vung ra. Đàn chim lại sà xuống, xúm xít xung quanh, mổ thóc lia lịa.

Thằng bé con chạy đến vồ những con chim đang cúi cổ mổ, nhưng đều vồ trượt.

– Thôi, con đừng làm tội, để nó ăn, chóng ngoan.

– Không, mẹ bắt con chim trắng kia cho em ôm.

Thiếu phụ lại bốc một nắm thóc, nhưng lần này thiếu phụ không vung ra, chỉ để nguyên trong lòng bàn tay, rồi xòe ra. Năm sáu con chim bay đến đậu lên cánh tay, lên bàn tay. Thiếu phụ sẽ nắm một con đưa cho thằng bé:

– Không con chim trắng kia cơ.

– Nó có đậu trên tay mẹ đâu mà mẹ bắt được.

Thằng bé con phụng phịu quay mặt đi. Thiếu phụ buông con chim ra rồi nắm cánh tay thằng bé:

– Con cứ vòi vĩnh như thế, thầy về mẹ mách bây giờ. Thôi, anh Hà đưa cái kèn cho em mượn nó thổi.

– Không, nó chưa biết thổi.

– À, anh hư thế nhé, không chiều em nhé.

Thằng bé lớn bất đắc dĩ phải đưa cái kèn cho em. Nhưng trước khi đưa, nó còn phồng má trợn mắt thổi một hồi thật mạnh như để tỏ lòng phẫn nộ.

Vừa lúc ấy, hai con chó Tây thật lớn ở ngoài cổng chạy vào nhảy cỡn và vẫy đuôi chạy chung quanh ba mẹ con.

Thằng bé lớn reo lên:

– A , thầy đã đi bắn về!

Rồi nó giật ngay lấy cái kèn ở tay em nó:

– Em phải thổi kèn chào thầy chứ.

Rồi nó chạy ra cổng, vừa chạy vừa thổi inh ỏi. Thiếu phụ cũng dắt đứa con nhỏ theo ra.

– Nào đã thấy thầy đâu.

– Chó về là thầy sắp về. Đi ra đầu đường đi mẹ.

Cũng chẳng để thiếu phụ trả lời, nó kéo áo lôi đi.

Thiếu phụ với đứa con lớn thì thủng thẳng đi lại đầu đường.

Còn thằng bé con tròn như cái hạt mít lon ton chạy trước. Đi bộ bốn trăm thước, bỗng có một thanh niên nấp ở sau một bụi cây xồ ra chĩa súng:

– Giơ tay lên.

Ba mẹ con đều cười khanh khách.

Thanh niên đến ôm lấy thằng bé con công kênh lên vai vừa cười, vừa bảo thiếu phụ:

– Người ta đã biết chó về trước là y như mẹ con kéo nhau ra đón người ta. Thằng Vũ nó được ngồi cổ thế này nó khoái lắm.

Thằng bé lớn lại rờ cây súng:

– Thầy để con đeo.

– Nặng, con đeo làm sao được.

Thằng bé nhất định không nghe cố giằng lấy.

Thiếu phụ bèn nạt:

– Hỗn nào, thấy thầy cưng cứ làm nũng bậy, lại phải đòn bây giờ. Có bắn được gì không? Ngựa đâu?

– Bắn được mấy con nhím và một con nai. Ngựa buộc ở kia.

– À thế ra buộc ngựa một nơi, để nấp làm cướp, định bắt người ta nạp tiền mãi lộ đấy phải không?

– Thì đúng, nhưng đây không lấy tiền. Đây chỉ...

– Quỷ... yêu tinh!

Rồi thiếu phụ chìa má cho chồng hôn. Quay nhìn thằng Hà bị mắng còn xịu mặt, thanh niên liền bảo:

– Thôi, đừng đeo súng, để thầy dắt ngựa đến cho mà cưỡi, rồi chốc nữa chúng nó khiêng nai về, thầy cắt bộ móng cho mà chơi.

– Thầy cho con xem mổ nữa cơ.

– Được.

Thanh niên dắt ngựa lại, đỡ hai con đặt lên yên:

– Ôm nhau cẩn thận, không ngã đấy.

Rồi thanh niên dắt ngựa thủng thỉnh về nhà.

Lên đến thềm, u em đã bế một đứa bé ước chừng năm sáu tháng chờ ở đấy.

Thiếu phụ bế con nựng nịu:

– Còn anh Điện này cũng phải bắt thầy cho cưỡi ngựa, bắt thầy công kênh chứ!

Thằng bé hai tay sờ soạng, mà đầu thì cứ rúc vào ngực. Thanh niên nắm hai chân con lắc lắc:

– Anh đói, đòi bú, u em lấy ghế để mợ ngồi cho em bú.

– Có đói đâu, vừa bú xong, anh ấy hư thế đấy. Lúc nào cũng đòi măm măm.

Thằng bé đòi bú không được, khóc thét lên.

– Thì cho nó bú một tí. Tội nghiệp, nó nhớ cái vú quá, Nào ra thầy bế, rồi thầy bảo mẹ cho bú nào.

Thanh niên giơ tay, thằng bé không theo cứ ôm ghì lấy mẹ.

Thiếu phụ vạch áo cho con bú, rồi vừa hôn hít, vừa vỗ đít nựng:

– Gớm, nó đeo mẹ quá, không rời một chút xíu nào.

– Nó đeo lắm thì khổ nhiều. Nghe người ta mướn vú, có phải hôm nay được đi bắn với người ta không. Hôm nay, em đi thì thế nào cũng bắn được mấy con nhím, nó lại gần người anh quá. Anh cứ tiếc mãi không có em ở đấy.

Thiếu phụ xoa đầu con:

– Đi bắn cũng chả sướng bằng ở nhà nựng cái anh chó này.

Rồi nhìn chồng:

– Quái, làm sao mình lại cứ thích cho tôi mướn vú mới được chứ, không sữa nào tốt bằng sữa mẹ.

– Thì người ta muốn cho mình nhàn. Chứ chúng nó đeo như sam thì còn đi được đến đâu, còn vui được gì.

– Chả cái gì vui hơn là ở nhà hú hí với con. Em phải đi đâu độ nửa giờ là sốt cả ruột. Mà có đi chơi đâu, cũng chẳng thấy cái gì vui.

Rồi với tay kéo hai đứa lớn lại gần:

– Đây, ba cuộc vui của tôi đây. À Hà, con vào bàn giấy lấy hai phong thư ra đây cho thầy xem.

– Thư của ai, nói gì?

– Thư gửi cho cậu, chứ có phải gửi cho em đâu.

– Gửi cho tôi thì mình xem cũng được chứ sao.

– Em chả xem thế.

Bức thư thứ nhất là của một người bạn ở Sài Gòn gửi về:

Sài Gòn, 1-3-1931

Ông Vĩnh,

Lúa bây giờ xuống giá quá, trong bốn tháng sụt từ 5đ70 đến 3đ10. Mà rồi đây còn xuống không biết đến thế nào, 2đ50 hay 2đ, chưa biết chừng. Nếu có ai lên mua thì liệu mà bán đi, chứ không thể chờ đến tháng chín vụ nước lớn mới chở ra Chợ Lớn, Bình Tây bán được đâu, vì tôi dám chắc chỉ có sụt, chứ không thể lên. Tôi vay của nhà băng hơn ba vạn bán hết lúa trả còn thiếu, họ đòi tịch ký, lôi thôi lắm. Ông cũng liệu mà bán đi may ra mới đủ trả, chứ không để lúa xuống giá thì nguy to. Thị trường lúa gạo tôi xem ra chẳng hứa cho ta một hi vọng gì.

Chúc ông bà và các cháu mạnh khỏe.

THÀNH XUÂN PHÁT

Tái bút - Nhớ có về Sài Gòn đưa bà và các cháu về chơi tôi nhé, nhà tôi nhắc mãi. Từ bây giờ, cứ mười lăm ngày tôi lại đánh dây thép nói giá lúa cho ông biết.

Bức thư thứ hai là một cái ngân đơn của nhà Đông Pháp ngân hàng báo cho biết số tiền Vĩnh nợ tính đến 29 tháng 2 là 21.215đ40.

Vĩnh xem xong đưa cho vợ.

– Nếu giá lúa cứ xuống thế này thì cái cơ đồ anh gây dựng trong bao năm không khéo sập mất. Lại đến công cốc mà thôi.

– Thế lúa nhà ta cả đồn điền lẫn thóc lấy nợ bao nhiêu?

– Hơn bốn vạn giạ. Đằng thẳng như trước 1đ một giạ thì bán được hơn bốn vạn đồng. Trả nợ nhà băng còn thừa hai vạn. Đóng thuế, trả tiền công còn hơn một vạn. Nhưng cứ giá lúa bây giờ thì trả nhà băng còn thiếu ít nhiều mà tiền thuế tiền công chưa có. Nhưng lúa còn xuống nữa!

– Thế anh xem có ai mua thì bán đi có được không?

– Bây giờ lúa xuống giá đùng đùng, ai người ta lên đây mua. Mà chờ đến mùa nước lớn, đem ra Chợ Lớn, Bình Tây bán, thì không biết còn xuống thế nào. Lại còn tiền bao, tiền thuyền mỗi tháng mất gần một hào. Không khéo tay trắng, chúng ta lại hoàn tay trắng.

Vĩnh nói xong thở dài. Vân bèn bế con đặt vào lòng Vĩnh mà bảo:

– Hết thì gây dựng một phen nữa, chứ mình cần gì phải buồn. Tay không mình làm nên cơ đồ, chứ có phải của cha ông để cho đâu mà phải tiếc.

– Đã đành rằng thế, nhưng trước kia có anh với mình thì thế nào cũng được. Bây giờ có ba đứa này, chúng ta không thể để cho chúng nó thiếu thốn. Nghèo thì lấy đâu cho chúng nó ăn học. Mà không ăn học thì sau này chúng nó sao thành người được. Tôi lo là vì hậu vận chúng nó mà lo, chứ đã có cái gan làm việc, có cái chí làm giàu, thì keo này thua ta bày keo khác, chứ việc quái gì mà nản lòng. Nhưng trông thấy chúng nó thế này mà không có một món tiền gì để bảo đảm tương lai, ai mà chẳng lo?

Vĩnh lên đây ra công khai phá trong năm năm, 500 mẫu đồng tranh đã thành ruộng tốt. Thôi từ sáng đến tối, phơi mình ngoài nắng, đốc thúc cu li, chẳng quản nhọc nhằn, nên mới có cái kết quả như thế. Lại khéo ăn ở được lòng người Cao Mên, nên cửa hàng bán rất chạy. Cho ai vay, người ta cũng trả.

Người Khách ở đây trước kia ghét chàng, nhưng sau thấy chàng khôn ngoan, quyết liệt, biết không làm gì được cũng đem lòng sợ. Sợ rồi nể. Nể rồi yêu. Vì bất cứ ai có việc gì chàng cũng sẵn lòng giúp. Chàng là người giao thiệp rộng, quen biết nhiều, nên giúp họ được nhiều việc đắc lực.

Vĩnh lại lần hồi đi chơi đây đó, nên mới ở Lovéa có năm bảy năm, mà biết rõ các vùng lân cận hơn một người Khách đã ở đây hơn hai mươi năm. Bắn giỏi, can đảm, cương quyết, thích mạo hiểm, lại có nhiều thủ hạ giỏi, giặc cướp nghe tên là nể sợ, không có một thung lũng nào mà Vĩnh chưa từng đi săn bắn đến. Quen thân với quan phủ, quan đồn, quan sứ và các thầy kiện ở Nam Vang, ai có việc gì cần, Vĩnh cũng sẵn lòng giúp. Khi mới lên, Vĩnh tàn ác bao nhiêu, sau thấy người ta đã phục tùng mình thì lại tử tế bấy nhiêu, thành thử ra ai cũng yêu mến. Chàng lại có những thuật rất màu nhiệm để mua chuộc lòng người: Giặc cướp bị bắt giam ở phủ Lovéa, chàng đều cho người nhà đem cơm áo, mềm mùng và thuốc hút đến trại giam cho tử tế.

Các tay đầu trộm đuôi cướp thấy chàng vừa gan dạ lại vừa nhân hậu nên mến lắm. Trâu bò của chàng, không ai cướp trộm bao giờ, mà dù cướp được cũng không đi thoát. Bởi nếu bị cướp, chàng sẽ đốc thúc thủ hạ rượt theo chận đánh lấy lại cho kỳ được mới thôi.

Kẻ nghèo khó bệnh tật ai đến cầu cứu, chàng vẫn thường giúp đỡ. Chàng lại mua các thứ thuốc thông thường dùng như ký ninh, thuốc nhỏ mắt, thuốc ho, thuốc xức ghẻ phát không cho họ mỗi khi thấy họ cần dùng nên cả vùng đều ca tụng chàng là người nhân đức.

Trong các tiệm Khách ở Lovéa, bất cứ có việc vui mừng gì cũng mời chàng đến dự.

Đối với người Cao Mên, thì vợ chồng chàng đi đến đâu cũng được họ kính trọng.

Cả xứ ai có việc gì khó khăn cũng đến hỏi chàng. Chàng đối với họ vừa là một cố vấn, vừa là một cứu tinh.

Trước kia, Vân chưa có con mọn thì đi đâu Vĩnh cũng dắt Vân đi.

Từ khi Vân có con thì chẳng đi đến đâu cả, suốt ngày ở nhà săn sóc và chơi giỡn với con. Lâu lâu, Vĩnh rủ đi Sài Gòn thì Vân đem cả con đi.

Vĩnh vẫn đinh ninh làm năm bảy năm nữa kiếm lấy mười vạn rồi cho vợ về Bắc để tiện việc học hành cho các con, vì chàng xét thấy muốn thành người thì phải về Bắc học hỏi, chứ ở Cao Mên thì chẳng những hoàn cảnh không tốt mà thầy học cũng chẳng ra thế nào.

Ai dè đâu, bỗng có sự nghiêng ngửa gây ra bởi nạn kinh tế bất ngờ.

Sau cái dây thép của bạn gọi cho chàng trong ba tháng sau đã làm cho chàng lo sợ và buồn bã vô cùng.

Từ 3đ một tạ lúa sụt xuống 2đ8 rồi 2đ5, 2đ3, 2đ1 rồi 1đ8. Nhưng không thể để lại vụ sau, chàng phải nhăn mặt về Chợ Lớn bán. Tiền đài tải, tiền đóng thuế, trừ đi rồi còn trả nhà băng thì chàng còn thiếu hơn một vạn. Chàng muốn bán đồn điền, nhưng lúa đã xuống giá như thế thì đồn điền ai còn dám mua.

Ba cái máy cày Fordson vì không có tiền mua Mazout phải bỏ xó. Mà nhân công đắt, làm ruộng thế thì sao cho đủ vốn. Trông vào cửa hàng thì lúa đã không có giá. Cao Mên ai còn có tiền mua, mình phải bỏ ra cho họ vay để lấy lúa vụ sau, nhưng lúa đã thế thì ta cũng không thể cho họ vay được nữa. Mà tiền đâu cho họ vay.

Vĩnh xét thấy buôn bán không được và làm ruộng cũng không được bèn gọi gạt cái đồn điền trước kia đáng giá năm, sáu vạn cho nhà băng lấy hai vạn. Nhà băng không thuận, bảo Vĩnh cứ làm. Nhưng nhà băng lại không chịu xuất vốn ra cho Vĩnh nữa thì còn làm sao được.

Vĩnh xét thấy không thể khoanh tay chờ chết - mà nào có một mình chết, bao nhiêu người thân yêu chết theo mình - bèn tính kế đi buôn hàng lậu ở Xiêm.

Mới ngỏ ý ấy cho Vân biết, Vân giẫy lên không chịu:

– Đường lối rừng rú hiểm nghèo, ma thiêng nước độc, lại giặc cướp như ong, mình đi như thế, lỡ chẳng may có thế nào thì mẹ con em biết trông cậy vào đâu?

– Thế mình định để anh ngồi chờ cho chết đói cả nhà à?

– Em còn nghề may quần áo tháng kiếm hơn bốn năm chục chết đói thế nào được?

– Bốn năm chục ấy chỉ đủ ăn, chứ ba đứa con nó lớn lên lấy gì cho đi học. Hay để cho nó thành Cao Mên đi cày.

– Thành gì thì thành, chứ mình đi như thế em không chịu đâu.

– Mình trẻ con quá, nước độc thì anh không sợ rồi, vì cái thân anh đã dạn dầy thế này, còn nước độc nào phạm vào được. Trộm cướp thì nó làm gì được anh một khi anh đã có khẩu súng trong tay.

– Mình đừng quá tự tin như thế. Cướp Lào, cướp Xiêm là ghê lắm. Lại còn nhà đoan, họ bắt được có phải bị tù tội không?

– Cứ như mình thì chẳng làm nên cái quái gì. Một khi người ta đã định làm một việc gì thì không nên nghĩ đến tù tội và cái chết.

Cái số mà chết thì ngồi đây với mình cũng chết. Mà nói dại, anh đi như thế, lỡ bọn cướp có đón đường bắn chết thì cũng thôi, chứ cần gì.

Vĩnh vừa nói vừa cười.

Vân chạy đến bịt mồm chồng và đấm thùm thụp:

– Mình chỉ nói dại. Mình chết thì ai trông nom che chở cho các con.

– Mình sẽ thay anh.

– Em thay thế nào được.

– Sao lại không được. Ví dụ bây giờ anh mắc bệnh lăn đùng ra chết mình không phải thay anh sao?

– Thế thì lại khác. Mình chỉ bạo mồm. Thôi, tính cái gì thì tính chứ đi buôn lậu thì em chịu thôi. Mình mà đi, em nhất quyết không cho đi đâu. Ba má ta còn giàu, ta hãng vay ba má vài nghìn cho đỡ lúc này.

– Anh chịu. Trước kia chưa có con, anh còn không vay. Bây giờ có con anh lại càng không thể vay. Mà ví dụ ba má cho vay thì ăn hết vài nghìn rồi làm cái gì nữa. Gặp hồi kinh tế này, công nợ ba má vị tất đã đòi được. Không khéo rồi họ lại quịt hết. Hôm nọ, anh đi Xiêm Riệp, ba ta thán, có mấy người họ nợ hơn một vạn mà họ không trả. Ba má tuy có bụng tốt như ta cũng không thể ỷ lại vào đấy được. Mà làm cái gì bây giờ cũng không được nữa, chỉ có kế đi buôn lậu. Trời cho xong xuôi hai chuyến đi là lại nổi cơ đồ. Mình đừng nên lo, cứ để cho anh đi.

Vân nắm lấy tay chồng khóc rưng rức:

– Không, không, em ghê lắm.

Vĩnh bế vợ lên lòng an ủi. Hai đứa con nghe tiếng mẹ khóc vội chạy vào, ngơ ngác nhìn cha mẹ, Vĩnh bế cả hai đứa cho ngồi trên lòng mẹ.

– Em nên vì tương lai của hai đứa con này mà can đảm để cho anh đi. Em nên nghĩ xa xôi một chút. Em cứ tưởng tượng cảnh vợ chồng mình trong túi không có một xu, để chúng nó bò nheo, bò nhóc. Nếu em không để cho anh thừa dịp này cố liều một chuyến thì cơ hội đã qua không bao giờ trở lại! Lúc ấy, có hối cũng đã muộn. Rồi đây chúng ta sẽ nghèo xơ, nghèo xác không có tiền cho chúng nó về Bắc học, phải ở chết trong cái xứ Cao Miên này để chúng nó ngu dốt suốt một đời thì chúng ta mắc một cái tội là: Đã đem cái khổ, cái

nhục buộc vào mình chúng nó. Mình phải có bổn phận lo cho cái đời của chúng nó sau này. Nếu vợ chồng ta nghèo thì cái đời của chúng nó sau này sẽ phải ra sao? Mình nên can đảm để cho anh đi. Anh đoan với mình rằng không hề gì đâu. Anh cũng lo anh chết lắm chứ vì anh yêu mình và thương con. Nhưng anh biết chắc anh không thể chết được anh mới dám đi. Mình phải biết tin ở tài lực của anh. Mình phải vì các con mà can đảm. Cái đời chúng ta bây giờ không kể đến nữa. Chỉ kể cái đời chúng nó. Mình thử ngẫm mà coi: Cái đời chúng nó sau này, nếu vợ chồng chúng ta nghèo nàn thì cái đời chúng nó sẽ khổ đến chừng nào. Mình nên nhớ rằng anh thương yêu mình và các con nhiều lắm. Anh biết rằng anh lỡ có mệnh hệ nào thì mình khó sống lắm. Ấy thế mà anh dám đi, thế nghĩa là anh đã dám chắc rằng anh không chết mà nhà đoan cũng không bắt được anh. Anh đi, thế nào anh cũng phải đi.

– Nhưng mình đi thì mình buôn gì mới được chứ? Mà vốn đâu?

– Thiếu gì cách. Buôn thuốc phiện đem sang Xiêm bán rồi mua hàng hóa ở Xiêm về bán. Còn vốn ấy à? Thiếu gì, chỉ sợ mình không có cách kiếm tiền: có cách kiếm tiền thì thiếu gì người bỏ vốn. Thế trước kia anh khai khẩn đồn điền thì có một đồng xu vốn nào. Anh quen nhiều, biết nhiều, lại có tiếng là người đứng đắn, biết làm việc. Anh sang Xiêm dò la việc bán buôn, nếu xét có thể làm ăn được, anh về Nam Vang gọi hùn, khối người hùn. Em bằng lòng cho anh đi chứ?

– Em vẫn cứ sờ sợ thế nào!

– Em nhát như cáy. Người ta nếu không mạo hiểm thì có làm nên cái trò trống gì bao giờ. Có ai ngồi nhà mà tiền đến đâu. Của là của trời. Ai có gan là người ấy được. Cái luật trời là phải chiến mà thắng, phải cướp mà lấy. Thì vua chúa đời xưa chẳng qua cũng chỉ là những người liều mạng mà thôi.

– Nhưng chúng mình đã có con!

– Đã có con lại càng phải liều mạng xông ra giật cho con.

X

Trên con đường Phnômpênh - Sài Gòn, một chiếc ô tô hòm kín mở hết tốc lực.

Một thanh niên, áo sơ mi cụt tay màu cánh chả, quần ka ki cộc ngồi bẻ lái. Bên cạnh thanh niên là một ông Khách già mặt xanh bủng cấu ra thuốc phiện. Người Khách mặc một chiếc áo đoạn thâm dài chấm gót. Lâu lâu, người Khách ấy lại lau cặp kính trắng rồi thì thầm với thanh niên bằng tiếng Khách:

– Tôi thì tôi tin ông lắm. Tôi biết ông đã tính việc gì thì không sai. Nhưng tôi bây giờ bị lỗ vốn nhiều quá hết cả tiền, giá như trước kia thì một mình tôi bỏ ra rồi chia lãi với ông cũng được.

– Trước kia chưa kinh tế thì nói gì.

– Vậy, ông có đến thì ông nói cho khéo, chứ họ đa nghi lắm.

– "Sếnh sáng" cứ yên tâm.

– Ông phải nói rõ cách thức và sự lợi hại cho họ biết thì họ mới chịu hùn vốn.

– Họ hùn thì họ ăn lãi.

– Đã đành rằng thế, nhưng mình cũng cần phải làm cho họ biết rằng họ có thể lãi. Mình cũng cần phải tỏ ra rằng mình có thể làm được. Chứ ông tính bây giờ bỏ ra một lúc vạn bạc, nhiều lắm. Phải làm sao cho họ tin cái bụng và cái tài của ông.

– Để đến nơi rồi tôi sẽ tùy cơ ứng biến chứ giờ đã nói trước thế nào được.

– Ấy là tôi dặn ông thế. Anh em mình mà trúng cho mấy phát thì gỡ lại được cơ đồ chứ nhà băng bây giờ họ làm khổ, họ chỉ dọa tịch ký.

– Tôi thì mời họ tịch ký họ lại chẳng tịch ký cho.

Xe hơi đến Sài Gòn qua mấy phố rồi ngừng trước một tòa nhà có rào sắt làm theo lối kiến trúc nửa Tây nửa Tàu tại đường Gustave Dumutier.

Mới nghe tiếng còi xe hơi thì cánh cửa sắt có đục chữ thọ từ từ mở, như đã có người đợi trước.

Hai người đến cửa thì đã có chủ nhân, một người Khách, da xanh bủng cấu ra thuốc phiện ra đón.

Vào đến phòng khách thanh niên đã trông thấy một người Tây trạc năm mươi ngồi ở đấy.

Thấy khách vào, người Tây đứng dậy. Thanh niên bắt tay rồi chào bằng tiếng Tây thì người Tây đáp lại bằng tiếng Khách:

– Ông cứ nói tiếng Quảng Đông tôi hiểu cả.

Trà đãi khách vừa cạn mấy chén thì người Khách đi với thanh niên chỉ thanh niên mà bảo hai người kia:

– Ông này sẽ nói chuyện cho hai ông biết...

Rồi nhìn xung quanh nhà. Chủ nhân biết ý:

– Vậy mời các ngài lên buồng hút của tôi.

Một cái buồng tối om như trăm nghìn cái buồng hút thuốc phiện khác. Gian buồng chỉ lờ mờ ánh sáng của ngọn đèn dầu lạc. Chủ nhân đi trước bật đèn điện:

– Mời các ông ngồi xuống giường này.

Thanh niên chưa biết nên ngồi hay không vì giường thấp, thì người Khách cùng đi với thanh niên vội bảo:

– Ông Simon và ông Vĩnh không muốn cởi giày thì ngồi đôn kia.

Hai người mặc quần áo tây kéo hai cái đôn lại gần giường. Còn hai người kia nằm xuống hai bàn đèn.

Chủ nhân tiêm luôn ba điếu cho người Khách đi với thanh niên rồi cười bảo:

– Tôi đã biết tính ông Phóc Tai, không có ba điếu là chịu, không làm gì được.

Ông Phóc Tai hút xong ngồi dậy, lấy cái điếu hút thuốc lào bỏ thuốc vào kéo một hơi rồi bảo Vĩnh:

– Ông nói rõ cho hai ông ấy biết. Tôi thì tôi bằng lòng hùn một vạn rồi đấy. Tiền tôi đã đem sẵn theo đây.

Nói xong móc túi lấy ra một xấp giấy "xăng".

Ông Simon sẽ gãi cằm bảo Vĩnh:

– Ông Lâm Sâm và ông Phóc Tai đã có nói chuyện qua với tôi, nhưng công việc thế nào xin ông cho tôi biết rõ thêm chút nữa.

– Từ Sài Gòn về Phnômpênh, từ Phnômpênh về Battambang thì không nói làm gì. Bởi ta ở địa phận nhà, chẳng có gì là nguy hiểm. Từ Battambang lên Lovéa là chỗ tôi ở cũng thế. Nhưng từ Lovéa sang Xiêm thì phải đi qua rừng sâu, bốn năm mươi cây số rất là nguy hiểm, nguy hiểm vì sợ cướp đón đường, nhưng lại tránh được nhà đoan Tây và nhà đoan Xiêm ở ải địa đầu Aranya. Con đường từ Lovéa sang Xiêm, tôi xin bảo đảm là vô sự. Bởi bao nhiêu tay trùm trộm

cướp tôi đã lót trước rồi. Mà dù họ có phản phúc, manh tâm tham lam ra đón đường định cướp thì tôi cũng đủ phương kế chống cự, để thắng.

Thanh niên sẽ liếc mắt nhìn ba người một lượt để dò ý kiến họ đối với lời nói của mình thế nào, rồi lại chỉ tay vào cái chấm đen nói tiếp:

– Từ cái làng nhỏ Chiêng Ca Soli là chỗ bắt đầu khỏi rừng vào địa hạt Xiêm tôi đã hẹn những người chân tay đợi ở đấy. Họ sẽ đưa tôi và hàng đến Pachim. Con đường này thì ít cướp; nhưng lại sợ nhà đoan Xiêm hơn. Tôi cam đoan là đi lọt. Đến Pachim thì bạn hàng chúng ta đợi ở đấy. Bán được tiền bao nhiêu tôi sẽ đi Băng Cốc, đến nhà Đông Pháp ngân hàng mua ngân phiếu lấy tên một nhà buôn bán to ở đấy gửi về cho ông Phóc Tai. Ông Phóc Tai chỉ việc chờ ở Nam Vang hễ có giấy gọi là ra nhà băng lĩnh.

Thanh niên nói xong, cuốn bức địa đồ:

– Đường đất tôi đã nói rõ cho các ông biết. Các ông nghĩ thế nào?

Simon vuốt râu gật gật đầu như có ý hoài nghi:

– Lỡ cướp biết đón đường mà ông không địch nổi thì làm thế nào?

Thanh niên nắm tay khoa lên đập xuống giường:

– Tôi đã bảo vô sự thì là vô sự.

Simon lại nói:

– Thế còn nhà đoan? Lỡ một hôm, ông trở về nói với chúng ta rằng nhà đoan lấy mất cả?...

Vĩnh hiểu ý Simon muốn nói gì, chàng bèn nhìn thẳng vào mắt Simon và nói:

– Ở địa phận Cao Mên, lỡ nhà đoan có bắt được thì các ông không thấy tôi về. Một lẽ, pháp luật Xiêm phạt tù người buôn thuốc phiện lậu như giặc cướp. Tôi mà để cho bị bắt thì tôi tù chết ở bên ấy. Mà cho dù chỉ bắt được hàng, không bắt được tôi, tôi cũng không mặt mũi nào sống vì tôi không thể sống được với cái lòng các ông ngờ vực tôi và... sự thất bại. Các ông còn thấy tôi về là mọi việc trôi chảy. Hễ không trôi, thì không thấy tôi về.

Lâm Sâm thấy Vĩnh nói thế liền bảo:

– Ông Phóc Tai là một người bạn tôi tin tưởng. Ông Phóc Tai lại tin ông, thế là đủ. Bây giờ ông nói rõ cho chúng tôi cách thức buôn bán và đài tải thế nào, và lỗ lãi ra làm sao:

– Hẵng nói cách đài tải. Phải làm sao có tay trong mua khắp lục tỉnh, Cao Mên thuốc phiện ty cho nhiều.

Phóc Tai vội nói:

– Ta có thể mua thuốc ngang lãi hơn.

– Con đường từ Bắc vào Sài Gòn tôi không thuộc đất, mà mua thuốc phiện ở Sài Gòn chả có mấy, không bõ. Lại còn sự nguy hiểm đài tải thuốc ngang từ Sài Gòn đến Battambang. Cứ thuốc ty cũng lãi rồi. Mua thuốc ty và sái nhất đủ số tiền của mình rồi đem tập trung lại ở Battambang. Công việc mua ấy về phần các ông. Từ Battambang sang Xiêm về phần tôi. Hoặc tải ngựa, hoặc tải voi, tiện đàng nào tôi sẽ làm đàng ấy. Nhưng tôi cho voi tiện hơn. Vì mình đi tháng mưa thì có thể hy vọng ít bị nhà đoan bắt được. Lúc ấy rừng ngập, ngựa đi rất là vất vả. Một lạng thuốc phiện ở đấy lấy ở ty thì mười một đồng mà một lạng sái nhất mua ở ngoài độ sáu đồng. Đánh lên hai mươi phần trăm tiền phí tổn, đem sang Xiêm bán được một lạng thuốc trung bình hai mươi đồng, mà một lạng sái mười bốn đồng. Cứ trong ba chục đồng ta bỏ ra, lãi từ mười lăm đến mười tám. Cứ ba tháng, ta có thể làm một chuyến.

Vĩnh nói đến đấy. Simon bèn ngửng đầu lên hỏi một cách lững lờ:

– Thế là chúng ta phải bỏ ra mỗi người một vạn. Còn ông, ông có bỏ gì không?

Vĩnh liền đứng dậy, nhìn Simon và mọi người một cách kiêu hãnh như một anh khổng lồ nhìn thằng bé tí hon; hay hơn nữa, như tướng công đã từng trăm trận đánh nhìn thấy thằng nhát gan:

– Tôi bỏ cái mạng tôi mà tôi chỉ xin các ông có một phần lãi, tưởng không quá lạm.

Rồi lấy ngón tay giữa chỉ vào ngực:

– Tôi đem lại cho các ông một ý kiến, với phương pháp kiếm tiền, bốn nghìn đồng bạc lãi tưởng không là đắt! Tôi lấy danh dự để bảo đảm ba vạn đồng bạc, tưởng ba vạn bạc không là nhiều.

Không biết trong cái giọng nói ấy có một vẻ quả cảm khảng khái thế nào, không biết trong cái nhìn ấy có phát lộ ra một ánh sáng cương trực anh hùng thế nào mà làm khích động được lòng người. Simon đứng dậy nắm tay Vĩnh mà bảo:

– Tôi tin ông. Tôi đã từng bao phen chìm nổi, tôi hiểu một lời nói khẳng khái trong cái phút nghiêm trọng. Tôi xin lỗi ông vì tôi đã ngờ

ông. Tôi mong từ đây ông sẽ coi tôi như một người bạn, vì tôi rất lấy làm vinh hạnh có một người bạn như ông.

Câu chuyện từ đấy bắt đầu vào vòng thân mật.

Vĩnh - Tôi đã sang Xiêm điều tra kỹ càng. Các ông không ngại. Thế nào cũng trôi chảy cả. May ra trong năm bảy tháng, anh em mình lại khôi phục được cơ đồ biết đâu.

Simon - Tôi chẳng nói giấu gì ông. Tôi bị cái nạn kinh tế làm cho khánh kiệt. Vạn bạc này là viên đạn cuối cùng của tôi đây. Mất, thì tôi chỉ còn một cách: dí khẩu súng lục vào thái dương.

Lâm Sâm - Tôi cũng thế. Nếu trong một năm nữa, không chạy được hai vạn trả nợ góp, thì họ cầm mất hết nhà cửa. Lúc ấy thì ra ở đường.

Phóc Tai - Tôi mà mất vạn bạc này thì chỉ còn có một cách là trốn về Tàu. Hoa hột, vòng xuyến của vợ con, bán hết lấy tiền đưa ông đấy.

Vĩnh - Các ông cứ yên tâm. Trời chẳng có thể nào nỡ giết những kẻ có lòng như chúng mình. Tôi sẽ cố, hết sức cố. À, quên còn một việc tôi chưa nói với các ông. Tôi định thế này. Một khi sang Pachim bán hết hàng, lấy được tiền thì tôi xin cứ trích ra cái phần lời của tôi, chỉ gửi về vốn và phần lời của các ông thôi. Tôi còn mua các hàng hóa lậu đem về.

Ba người đồng thanh - Được, chúng tôi bằng lòng vì đó là phần ông.

Vĩnh về Lovéa được nửa tháng thì một hôm nhận được một cái dây thép.

Mọi việc xếp xong rồi, mời ông ra Battambang ngay.

PHÓC TAI

Đó là cái hiệu báo ngầm cho Vĩnh biết thuốc phiện đã mua đủ đem đến Battambang.

Vĩnh liền gọi vợ đến dặn:

– Trong những công việc làm ăn, ai cũng muốn tính toán cho hết nước để thắng, nhưng những sự bất ngờ thì không ai có thể biết trước được.

Vân đã ôm lấy chồng khóc òa:

– Thế thì làm thế nào?

– Im, đừng khóc, em phải xử ra một người vợ xứng đáng với anh. Em phải nên có can đảm. Nói dại ví dụ anh có chết đi thì ba đứa con chỉ trông cậy vào có một mình em.

Vân càng khóc to.

– Nếu thế thì anh không nói nữa.

Vĩnh làm bộ giận, quay đi. Vân chạy theo nắm lại.

– Em có bình tĩnh nghe thì anh mới nói.

Vân gật đầu:

– Hôm nay, anh bước chân ra đi, thì em cứ coi là anh đã chết rồi vậy. Ba đứa con chỉ còn trông cậy vào một mình em. Em phải thay anh mà nuôi chúng nó. Em nên thương chúng nó đều nhau.

– Thì xưa nay em có thương đứa nào hơn đứa nào đâu mà anh nói thế.

– Anh nói thế, bởi vì xưa kia anh bị cha mẹ ghét, nên lúc thiếu thời phải sống một cái đời hiu quạnh buồn khổ. Vẫn hay rằng bây giờ chúng nó còn bé thì chưa biết đứa nào hơn đứa nào. Nhưng một ngày kia chúng nó lớn lên, biết đâu chẳng có đứa hư, đứa ngoan, đứa đẹp, đứa xấu. Em có cam đoan như thế không nào?

– Em xin cam đoan với anh như thế.

– Nói dại anh có chết đi thì khi chúng nó lớn lên phải đem chúng nó về Bắc học thì mới thành người được. Đất Bắc và thứ nhất Hà Nội là nơi tinh tú, nhiều thầy hay bạn giỏi. Gia dĩ lại có một hoàn cảnh sống tốt, lợi cho sự tiến thủ của thanh niên. Chứ ở đây thì không làm gì nên thân. Phải về Bắc mà rèn luyện cho thành người rồi muốn đi đâu thì mới được. Em nghe chưa?

– Em xin vâng, nhưng sao anh cứ nói gở thế.

– Thế không phải là nói gở, mà là phòng ngừa tương lai.

– Nhưng về Bắc thì em biết ở đâu?

– Cái đó là việc của em. Cũng như anh lỡ có chết, làm gì để nuôi chúng nó thì tùy em. Hoặc về nhà, song anh chắc em khó lòng mà ở với thầy mẹ anh được. Nhưng thế nào em cũng phải về Bắc, thời gian sẽ đem lại cơ hội. Nhưng đó cũng là việc còn lâu, chờ thằng nhỏ nhất nó lên năm sáu tuổi đã. Em phải can đảm, em phải kiên nhẫn, em phải đảm đương, nghĩa là phải bắt chước những cái tính của anh trong khi làm việc.

– Em bắt chước anh thế nào được?

– Một khi phải nuôi ba đứa con thì tự khắc phải bắt chước được. Nói dại anh có chết thì em cũng đừng buồn rầu. Buồn rầu mà chết thì ba đứa con...

Vân lại ôm chồng khóc òa lên:

– Anh đã lo xa thế thì anh đừng đi có được không.

– Anh lo xa mà anh phải đi, cũng như bây giờ vì anh lo xa mà anh phải nói. Bây giờ thì không đi cũng không được nữa rồi. Anh đã lấy danh dự mà thề với người ta rồi. Hàng đã xếp xong rồi. Nhưng nói phòng xa đấy thôi, em đừng ngại. Mấy thằng cướp, mấy viên chức nhà đoan có là cái quái gì mà anh sợ. Một khi mà cánh tay này chưa run, trái tim này chưa chùng, bộ óc này vẫn còn sáng suốt, thì chúng ta có quyền tin ở hậu vận. Thì đây em trông mặt anh mà xem. Có phải là cái mặt đờ đẫn xám xịt của tên quân bại trận bước đến chỗ chết đâu. Anh sắp bước đến chỗ đắc thắng.

– Thế bao giờ anh đi?

– Anh đánh xe hơi đi ngay bây giờ.

Vân phát run lên:

– Chóng thế à?

– Chiều đi hay mai đi cũng là có một lần đi.

– Thế hẵng hôn các con đi.

Hai vợ chồng dắt nhau vào buồng.

Lúc ấy buổi trưa. Thằng Hà và thằng Vũ ôm nhau nằm ngủ khểnh trên giường. Mặt hai đứa hồng hào thơ ngây trông mới dễ thương làm sao.

Vĩnh cúi xuống hôn hai con rồi quay lại bảo vợ:

– Ấy, cũng vì muốn cho chúng nó bao giờ cũng có cái nệm trắng nằm, miếng cơm dẻo ăn, ông thầy hay để học, nên anh phải mạo hiểm ra đi. Chứ anh cũng biết đi như thế này thì lòng mình khổ lắm. Nhưng khổ thì cũng phải chịu chứ biết làm sao. Cái đời chúng ta không nên kể đến nữa, chỉ nên kể đến đời chúng nó. Sự hạnh phúc của chúng ta không nên nói đến nữa chỉ nên nghĩ đến sự hạnh phúc của chúng nó. Em hiểu chưa?

Vân bá cổ chàng hôn:

– Em hiểu rồi. À còn hôn anh bé nữa chứ.

Con vú em bế thằng nhỏ lại. Vĩnh bồng nó thì nó cứ choài mình sang mẹ.

– Thì con cho thầy bế tí xíu để thầy đi cho may.

Rồi tưởng chừng thằng bé đã lớn biết nghe, nàng hôn trán nó mà bảo:

– Thầy vì các con mà phải lăn mình vào nơi nguy hiểm, con không biết sao?

Nói đến chỗ thương tâm, Vân lại ứa nước mắt. Vĩnh dắt vợ ra hiên:

– Anh phòng xa thế chứ có cái quái gì mà phải lo.

Khi bước lên ô tô Vĩnh còn dặn với:

– Một kẻ nào đã đem cái mạng mình ra làm vốn thì thế nào cũng phải thắng, em đừng ngại.

Mà thắng thật, Vĩnh đi hơn một tháng thì về. Vân mừng như người chết được sống lại.

– Đấy, anh đã bảo em, trong đời anh không biết sự thất bại là gì cơ mà. Nếu cứ trôi chảy như thế này năm chuyến thì gỡ hết nợ.

Thất bại! Phải chờ đến lúc đậy nắp ván mới có thể biết được rằng mình có thất bại hay không.

Thất bại! Nó là việc người, nhưng cũng chính là việc Trời.

Có gan không chịu thua trời thì thất bại vẫn không là thất bại. Đời người sống, chỉ có thể tự hào thôi. Sự thành bại ở đời đối với con người quả cảm chẳng có nghĩa gì. Có nghĩa là sự luôn luôn gắng công của mình mà thôi. Có nghĩa là ở chỗ bị đời đạp ngã bao nhiêu phen mà vẫn dùng nghị lực để cố ngóc dậy. Có nghĩa là ở chỗ không bao giờ chịu nhận mình là thất bại.

Vĩnh đi một chuyến nữa lại về.

– Thì đấy, anh đã bảo một khi đã đem cái mạng mình ra làm vốn thì phải đắc thắng. Anh nói có sai đâu.

Đắc thắng! Đắc thắng! Nó thuộc về ngày mai.

Ngày hôm nay loài người chỉ có thể biết được rằng mình thấy mình thôi.

Từ Cao Mên sang Xiêm có một con đường tắt đi qua rừng Prey Rénéam rất ngắn.

Tục truyền rằng xưa kia nước Xiêm muốn đánh úp nước Cao Mên mới bí mật sai quân đốn cây phá rừng làm con đường ấy, rồi thừa lúc bất thình lình, trong nước Cao Mên không có phòng bị, kéo quân ra đánh. Người Cao Mên trở tay không kịp, bị thua, mới cắt những châu quận phía Bắc nhường cho nước Xiêm.

Con đường độc đạo ấy, ngày nay là con đường của trộm cướp. Một khi cướp đã chạy vào con đường ấy thì quan quân nào cũng không dám rượt vì sợ chúng núp bắn.

Không kể chi những sự nguy hiểm như hùm, beo, rắn rít, voi rừng, còn một sự nguy hiểm nữa trong mùa nắng là nước. Lỡ nửa đường mà hết nước là chết khát.

Con đường này rộng độ một thước. Hai bên dừa, ruối, mây, dứa bao phủ như một bức trường thành vô cùng kiên cố. Lỡ đi giữa đường có gặp hổ báo thì chỉ còn một cách là làm cho hổ báo sự hãi chạy đi.

Mặt đường về mùa nắng thì phẳng phiu như trải nhựa mà về mùa mưa thì lầy lội. Vắt! Hằng hà sa số là vắt. Thấy động chân người là vắt ở các lá cây ném mình xuống. Vắt ở đây cắn rất độc, nếu không có thuốc rịt ngay là sâu quảng. Ruồi rừng, muỗi rừng thấy người đi kéo ra vo vo như ong vỡ tổ. Lại còn những con bò cạp nằm giữa đường như những vỏ cây mục. Ai vô ý giẫm lên nó chích phải thì chỉ còn ngồi ôm chân khóc. Thứ bò cạp này người Cao Mên gọi là "cà sa tầm ray", nghĩa là cái vòi nhọn của nó có thể chích thấu da voi.

Con đường này thật như một con đường hầm đục trong rừng cây. Trời mưa hay trời râm thì tối om om. Suốt dọc đường, cách độ sáu bảy cây số, lại có những chuồng trâu bò đóng gióng sẵn.

Một khách lạ vào đấy thấy những chuồng ấy tất phải bâng khuâng tự hỏi sao lại có kẻ nuôi trâu bò ở đây?

Không, đó là những cái chuồng của cướp trộm đóng sẵn để khi đi cướp được trâu bò, về nghỉ chân ở đấy.

Từ Pailin, Backpééa xuống Lovéa khắp vùng Battambang đường các ngả đều thông về cửa rừng Prey Rénéam. Trộm cướp, cướp ở đâu được cũng đều về Xiêm bằng con đường ấy. Nhưng là trộm cướp cừ khôi và có đông người chứ những tay non và có ít bộ hạ thì không bao giờ dám đi qua con đường ấy.

Ban đêm, rừng xông ra chướng khí mịt mùng, kẻ nào không quen, ngủ đấy một đêm là mắc bệnh sốt rét.

Những cây lim cổ thụ cao vút rũ lá xuống khiến cho vũng nước nào cũng đều bị nhựa lá ngấm ra, không còn ai dám uống.

Con đường này là chỗ gặp gỡ của trộm cướp bốn giống: Xiêm, Lào, Cao Mên và Cô Là.

Anh hùng và quyết liệt nhất là bọn Cô Là, vì giống họ là giống gồng ngải giỏi nhất.

Phục hai tay súng thiện xạ ở đấy, thì một đội hình cũng không thể đi qua được.

Một khi quan quân đuổi cướp mà chúng đã chạy vào cửa rừng thì chỉ còn đứng ngó, vì không ai dại gì mà liều mạng vô ích với chúng.

Đường quanh co, chúng núp ở những chỗ quẹo mà bắn thì mười phát trúng cả mười.

Một người tay không vào đây là một người dại tự hiến mình cho thần chết.

Một người có súng dám mạo hiểm vào đây là một người can đảm.

Một người có đầy tiền trong túi hay chở hàng hóa qua đây là một người không nghĩ gì đến cái chết, coi tánh mạng nhẹ như lông hồng.

Một buổi chiều tà về tháng sáu năm 1932, trời mưa như trút. Một đoàn người bảo vệ ba con voi lưng chất đầy hàng hóa từ phía Xiêm về, cứ lẳng lặng đi trong rừng Prey Rénéam.

Nếu ta tò mò trèo lên lưng voi lật cái tấm vải sơn ra nhìn thì ta thấy toàn là lụa nhiễu và vải vóc. Ta phải lấy làm lạ, sao bọn người kia chở những hàng hóa đắt tiền như thế từ Bangkok về lại không theo con đường xe hỏa đến Aranya, rồi chất ô tô đem về xứ Cao Mên. Có phải vừa tiện, vừa mau chóng!

Hãy nhìn quyển sổ và cái cầu của nhà đoan ở Poi Pét là ải địa đầu xứ Cao Mên giáp với Aranya. Hãy đem so sánh cái giá hàng ở Xiêm và ở Cao Mên.

Cứ tưởng tượng một thước lụa ở Xiêm mua một hào hay hào rưỡi mà về Cao Mên bán bảy, tám hào thì đủ rõ duyên cớ tại làm sao, bọn người kia lại phải mạo hiểm tải hàng hóa đi như thế.

Đến Thuac Corbay, thì một người dáng chừng là trùm bọn ấy bỗng thét:

– Gần tối mà mưa lắm, các em hãy nghỉ chân ở đây thổi cơm ăn đã.

Mấy quản tượng người Cuội (đối với người Cao Mên, họ cũng như người Mán, người Mọi đối với người Bắc) trần trùng trục, đen lùi lũi đang ngất nghểu ở trên đầu voi vội giơ tay vỗ xuống, ba con voi đứng lại.

Người trùm ấy bận quần ka ki Ăng lê, áo da, ghệt da quấn kín chân, tay đeo găng da màu nâu (đáng chừng để cho vắt và muỗi khỏi cắn) lưng đeo súng trận, lại có hai khẩu súng giắt ở dây lưng đạn.

Voi dừng, người ấy liền lại vuốt ve rồi nói:

– Cố đi các con, sắp về đến nhà rồi.

Người ấy rút từ trong túi một cái còi thổi lên mấy tiếng. Tám chín người Cao Mên lực lưỡng mặc quần đùi, chạm trổ đầy mình, tay cầm súng, lưng giắt dao chạy đến.

– Mưa lắm, mà voi đã mệt. Thầy trò ta nghỉ đây một đêm, sớm mai lại đi. Bốn người cầm súng đứng hai đầu, hai người cầm súng dẫn quản tượng đi hái lá cho voi ăn, còn ba người thổi cơm.

Người trùm chỉ nói có thế, nhưng tiếng nói dõng dạc, sang sảng như tiếng gươm chạm nhau. Mọi người tản đi.

Người trùm ấy thuộc vào hạng người không có tuổi. Mặt đen xạm, má hóp, trán đã có những đường nhăn, hai bên môi có hai cái hằn sâu.

Thấy cái mặt già như thế, ta độ chừng người ấy gần bốn mươi. Nhưng nhìn đến con mắt sáng ngời, đi đứng lẹ làng, lại cái mỉm cười lúc nào cũng tươi, ta cho người ấy chưa đến ba mươi. Đó là hạng người trẻ mà "già", già mà "trẻ".

Các gia nhân đi rồi, người ấy móc túi lấy thuốc lá hút. Rồi lấy một cái ghế vải nhỏ đeo ở lưng voi đem xuống ngồi dưới gốc cây cho đỡ mưa.

Quần áo ướt đẫm, người ấy chẳng buồn cởi ra để giũ nước. Hút vài hơi thuốc lá, người ấy tháo găng rồi thò tay vào ngực móc ví lấy ra một cái ảnh, ngắm nghía. Vừa ngắm nghía vừa hôn.

Lúc ấy vẻ mặt biến đổi hẳn. Trước kia cương quyết khắc khổ bao nhiêu, bây giờ mơ màng đắm đuối bấy nhiêu.

Ai đã trông thấy người ấy năm phút trước, bây giờ phải cho là người khác. Không có thể ngờ rằng cái vẻ mặt gân guốc già cằn ấy đã có thể nhờ được một sức mạnh huyền bí ở trong lòng mà chuyển thành ra dịu dàng trẻ trung đến thế.

Ấy thế rồi tính tò mò muốn cho người ta biết tông tích người thanh niên ấy là ai. Mà cái ảnh kia là cái ảnh gì mà lại có phép nhiệm mầu hoán cải vẻ mặt của người thanh niên một cách mau chóng như thế.

Vĩnh ngắm nghía bức ảnh vợ, con một lát rồi đứng dậy đi bách bộ, nhìn địa thế để liệu đóng trại nghỉ tối hôm nay.

Cơm nước xong thì tạnh mưa và vừa tối. Vĩnh gọi các gia nhân lại dặn:

– Chỗ này là chỗ hiểm nghèo. Ta có thể chạm trán với bọn cướp đi ăn cướp ở Cao Mên kéo về hay bọn ăn cướp từ Xiêm kéo sang Cao Mên ăn cướp. Vậy mỗi đầu đường cách chỗ để hàng hóa một trăm thước hai người súng ống sẵn sàng đứng gác. Thấy động thì liền thổi hiệu tù và hỏi. Nếu không thấy trả lời đúng khẩu hiệu thì là cánh cướp không quen, cứ việc bắn, vừa bắn vừa lùi về nấp ở xung quanh hàng hóa để bảo vệ hàng hóa. Động dụng không có lệnh của tôi thì người nào đứng đâu cứ đứng chết đấy, không đi loạng choạng, bắn phải nhau.

Rồi Vĩnh dẫn cả bọn đi dặn chỗ lúc canh thì phải đứng đâu, lúc động thì phải lùi về đâu. Mà nếu có kẻ cướp định manh tâm đến cướp hàng hóa thì họp nhau ở đâu.

– Phải cắt phiên nhau một tốp gác từ giờ cho đến nửa đêm, một tốp gác từ nửa đêm đến sáng. Còn một người luôn ở cạnh tôi, gác cho tôi ngủ. Ba quản tượng thì trông voi và ngồi giữ hàng hóa, nếu có mưa phải lấy thêm vải sơn đậy lên tử tế.

Vĩnh nói, cả bọn nghe, không hỏi đi hỏi lại. Một lời Vĩnh nói ra họ đã hiểu. Dặn xong mỗi người đi một ngả.

Người Cao Mên mà Vĩnh dặn ở cạnh, lúc ấy trèo lên lưng voi lấy xuống một cái giường sắt nhỏ, rồi căn giường và treo mùng lên tử tế. Vĩnh nắm cái đèn lồng treo lên đầu giường. Rồi cứ để nguyên quần áo chui vào. Nhưng mới nằm được độ nửa giờ lại chui ra, cuốn cái chăn hình người nằm để đó. Rồi vẫy người đứng canh gác cho mình ngủ lại ngồi chung một chỗ với bọn quản tượng. Vĩnh phải đề phòng như thế là để ngộ nhỡ có ai đến bắn lén thì chỉ bắn cái giường không. Vĩnh không ngủ, hết đi lại đầu này xem những người canh gác có ngủ không, lại đến đầu kia.

Rừng sâu...

Đêm lạnh lẽo. Với tiếng cú rúc, trùng than.

Về khoảng mười giờ đêm. Vĩnh đang ngồi hơ chân gần đống lửa đốt cạnh mấy người quản tượng thì bỗng nghe thấy tiếng tù và và rồi tiếp bốn năm phát súng nổ ở đầu đường về Xiêm. Vĩnh vớ lấy súng rồi cả bọn cùng nép mình bò lại hướng có tiếng súng nổ.

Hai người gác lùi về thấy Vĩnh liền khẽ bảo:

– Chúng con thấy một bọn có đèn "pin" đi đông lắm, chúng con thổi hiệu tù và, họ đáp lại sai, chúng con bắn, họ cũng bắn lại. Rồi họ chạy cả, hình như có người chết.

– Có lẽ là một bọn không quen mình muốn sang cướp bên Cao Mên.

– Thưa thầy, họ đông lắm, có lẽ tụi nó định đến cướp hàng hóa của thầy trò mình.

– Cứ lặng yên, lắp đạn chờ. Đèn bấm đâu? Đừng có bấm lên nhé. Nghe tiếng động là cứ việc bắn cả ra.

Cả bọn tay lăm lăm cầm súng im lặng chờ...

Mười lăm phút trôi qua... mưa gió vẫn rì rào.

Rồi một giờ sau cũng chẳng thấy động tĩnh gì.

– Không phải bọn đến ăn cướp của bọn mình đâu mà. Bọn mình thì còn ai dám đến cướp. Mà có cướp thì họ phải đến đánh chứ lẽ nào chưa đánh đã lui. Có lẽ một bọn không quen cánh mình, định sang cướp bên Cao Mên nên không trả lời đúng hiệu tù và của mình.

– Hay ta lại xem thầy ạ!

– Hãy chờ chút nữa xem sao.

Nửa giờ sau vẫn không thấy gì. Vĩnh liền bảo:

– Nào có anh nào can đảm dám cầm đèn bấm đi trước soi đường không?

– Con.

– Con.

– Con.

Bốn năm người đều thưa một lượt.

– Thôi thầy biết các anh gan ruột cả. Anh nào cầm đi trước cũng được. Đi được hai trăm thước thì thấy có vết máu.

– Có đứa bị đạn, thầy ạ.

– Tội nghiệp!

– Tội nghiệp gì chúng nó hở thầy. Nó định đến cướp của mình cơ mà.

– Thôi các anh cứ đi nữa đi, xem có phải nó định cướp của mình không?

Đi được bốn năm thước nữa thì thấy một người máu me đầm đìa nằm phục ở giữa đường.

Người cầm đèn soi vào mặt rồi hô lên:

– Thằng này chưa chết. Quái, sao trông quen quen. Anh em lại nhận mặt nó xem nào.

Vĩnh dụ mọi người tiến lên. Vừa cúi xuống định vén tóc nhìn mặt, thì kẻ bị thương bỗng chống tay ngồi dậy rồi nhanh như cắt, sẵn dao cầm ở tay đâm Vĩnh một nhát đúng vào bụng.

– A Duôn (thằng An Nam) bọn tao thù oán gì mày mà mày sai người nhà chặn đường bắn gãy chân tao.

Vĩnh rú lên một tiếng, ngã vật xuống.

Liền lúc ấy người đâm bị xả ra từng mảnh.

Cả bọn chém xong quay lại:

– Nó đâm trúng thầy ở đâu?

Không thấy Vĩnh trả lời, cả bọn khóc òa lên.

Soi đèn bấm thì con dao đâm còn thấy cắm ở bụng, một người bạo tay rút ra, máu vọt.

– Khổ chưa, nó đâm trúng mạng mỡ, không khéo thầy chúng ta chết mất, các anh em.

Người ấy vừa nói vừa khóc nức nở.

– Thuốc dấu đâu rịt vào cho thầy, máu ra nhiều quá. Lòi cả ruột ra đây này.

Kẻ rịt, người gọi. Ai cũng khóc như cha chết.

Không có cảnh tượng nào bi tráng bằng cái cảnh tượng của bọn người lực lưỡng, khí giới đầy mình ấy đang khóc xung quanh kẻ bị thương trong chốn rừng sâu, trong lúc đêm khuya này. Không có giọt nước mắt nào thành thực xót thương bằng những giọt nước mắt của bọn đầu trộm đuôi cướp khóc cho người nằm đấy. Trên lương tâm họ, mỗi người ít nhất cũng có mấy cái án mạng, bàn tay họ đã bao phen

đẫm máu, họ đã bao phen tàn nhẫn, ấy thế mà trên những cái mặt quỷ sứ ấy đều đầm đìa những nước mắt. Họ khóc ngất đi như khóc một người tình nhân, trẻ trung yêu đương.

Một lát sau, Vĩnh mở mắt:

– Sao các em lại khóc thế? Sao các em hèn thế? Các em phải tỏ ra là những người bạn mạo hiểm xứng đáng với anh.

Rồi ôm bụng:

– Không khéo anh chết mất các em ơi!

Cả bọn rút dao, nghiến răng:

– Băm nó ra!

Vĩnh khoát tay :

– Tha cho nó, nó lầm mà chúng ta cũng lầm.

Nói xong Vĩnh lại ngất đi.

Cả bọn khiêng Vĩnh đặt lên giường, xé vải băng bó rồi đi tìm nước hòa thuốc, cạy răng đổ vào.

Chừng năm phút, Vĩnh cựa mình rồi rên khừ khừ.

Cả bọn mắt đầy lệ há hốc mồm nhìn...

Vĩnh rên lên một lát rồi lại mở mắt:

– Các em, anh chết... chắc anh chết... làm thế nào khiêng anh về đến nhà... làm thế nào... bảo toàn... những hàng hóa ấy... cho vợ con anh... chỉ có thế thôi.

Cả bọn giơ dao thét:

– Chúng con xin cố chết. Chúng con xin thề.

Vĩnh lại ngất đi, cả bọn lại khóc.

Một người trong bọn liền ra hiệu cho im rồi bảo:

– Thầy mắng chúng ta hèn là phải. Bây giờ khóc ích gì. Phải làm ngay những lời thầy vừa nói. Hai anh nào khỏe mạnh đi mau nhất khiêng thầy về Lovéa để thầy được gặp mặt vợ con trước khi chết. Còn chúng ta phải bảo vệ hàng hóa đến Lovéa giao cho cô.

Trưa hôm sau, hai người khiêng Vĩnh về đến nhà.

Vân được tin run bắn người lên ngã khuỵu xuống.

Hai người dìu Vân đến bên giường Vĩnh thì Vĩnh bỗng mở mắt, một người khiêng Vĩnh reo lên:

– Thầy còn sống cô ạ! Đi đường thầy chẳng mở mắt lần nào, chúng con lo khiêng thầy về không kịp.

Vĩnh mở mắt thấy vợ, các con đang lăn lộn bên giường liền giơ tay vẫy vợ lại gần:

– Em đừng khóc nữa... Em nên can đảm... em nên tỏ ra xứng đáng với một người suốt đời phấn đấu như anh.

Rồi bắt đầu ra hiệu chỉ các con:

– Em nên nghĩ đến chúng nó.

Vĩnh nói xong liếm môi, Vân vội chạy rót cốc nước mang lại, toan cho Vĩnh uống thì một người Cao Mên khiêng Vĩnh lúc nãy vội cản:

– Cô cho thầy uống thì thầy chết ngay. Chờ trối trăng xong đã.

Vĩnh sẽ liếc nhìn hai người Cao Mên ra hiệu bảo lại gần.

Hai người liền đến quỳ bên giường.

– Cám ơn các em đã đem anh về nhà. Gửi lời cám ơn chúng nó nữa nhé. Bao giờ chúng nó đem hàng về tới nơi?

– Sắp tới.

– Thôi các em đi đi, không người ta biết, người ta đến bắt các em.

– Thì chúng con đi tù.

Vĩnh trừng mắt. Hai người vừa khóc vừa lạy, vừa lùi ra.

Vân dắt các con lại gần.

Vĩnh cựa cậy toan nắm lấy tay chúng nó, nhưng vì kiệt máu, đuối sức không giơ tay lên nổi. Vân hiểu ý, bế ba đứa con cho Vĩnh hôn. Thằng bé lớn vừa xoa má bố, vừa hôn, vừa khóc. Điện chẳng hiểu gì vừa hôn, vừa cười.

– Thôi cho chúng nó ra, em lại gần đây...

Vĩnh lại ôm bụng, lịm đi, mồ hôi toát ra đầm mặt. Vân vừa khóc, vừa lấy khăn lau mồ hôi cho chồng. Vĩnh lịm đi đến một phút lại mở mắt.

– E... m.

Lúc này tiếng Vĩnh nói đã phào phào. Vân phải ghé tai lại gần mới nghe rõ:

– Nào ngờ anh lại chết bỏ em nửa đường... với ba đứa con thơ... Thôi cố nuôi dạy chúng nó... sao cho xứng đáng là vợ anh... là mẹ chúng nó... Có về Bắc, nói với thầy mẹ thương cháu mà tha tội cho

anh... Không ở Lovéa được nữa đâu... Ba má có lên thì lạy ba má thay anh... Cố đem con về Hà Nội học hành... Phải can đảm. Anh chết không ân hận... chỉ thương em... con. Thôi có thế thôi. Anh khát nước... cho anh uống.

Vân cầm cốc nước lên tay đỡ đầu cho Vĩnh uống. Uống được mấy ngụm bỗng Vĩnh nấc mấy tiếng rồi trợn trắng mắt. Tay còn nắm xuống đệm như tìm tay ai mà nước mắt thì giàn giụa chảy xuống hai gò má.

Trong đời người này có hai lần khóc: Khi yêu và khi chết.

XI

Trên một chiếc giường nhỏ, màn đệm trắng tinh, một đứa chừng bảy, tám tuổi ngồi khom khom cho một y sĩ trẻ tuổi nghe mạch. Một thiếu phụ, đem một vẻ đẹp nghiêm trang, một vẻ đẹp có đượm một vẻ buồn man mác, đứng đăm đăm nhìn, như khắc khoải chờ một lời nói của y sĩ. Y sĩ nghe lưng, nghe ngực rồi đứng dậy. Thiếu phụ vội vàng đến đỡ con nằm xuống, lấy chăn đắp lên người. Đứa bé tung chăn ra hai tay ôm ghì lấy cổ thiếu phụ áp sát vào ngực vừa vuốt tóc vừa bảo:

– Con không đau nhiều đâu, mẹ đừng sợ.

Cái cảnh đứa bé con đau an ủi mẹ, không biết có cái gì thần tiên nó làm cho y sĩ phải xúc động.

Lần này, đến lượt y sĩ đứng đăm đăm nhìn.

– Nhưng mẹ thấy con nóng nhiều quá. Thế con ngủ đi nhé. Mẹ bảo các em nó đừng vào quấy để con ngủ nhé.

Thằng bé gật đầu, rồi buông tay nằm xuống.

Thiếu phụ lại gần y sĩ, se ngước nhìn mà không nói. Nhưng trông cái nhìn có bao hàm một câu hỏi và chờ một câu trả lời.

Y sĩ hiểu ý khẽ nói:

– Có lẽ cậu em mắc chứng sốt rét thương hàn nhưng bà cứ yên tâm, tôi sẽ chữa khỏi. Bây giờ tôi hãy tiêm cho cậu ấy một phát thuốc.

Sốt rét thương hàn. Bốn câu ấy có cái ma lực làm cho thiếu phụ tái mặt, mặc dầu y sĩ đã hứa rằng có thể chữa khỏi. Thiếu phụ cất cái giọng run run, khẩn thiết bảo y sĩ:

– Thôi trăm sự nhờ quan, rồi tiền nong bao nhiêu tôi xin chu tất.

Y sĩ vừa mở cái hộp da lấy thuốc, vừa bảo:

– Ấy chết, sao bà cứ gọi tôi thế... ở trong đồng đất nước người, người xứ sở gặp nhau là quý, chứ cần gì tiền nong. Bà cứ yên tâm, tôi xin hết sức.

Y sĩ lấy thuốc vào ống tiêm xong, lại gần giường. Thiếu phụ theo lại.

– Tiêm vào mạch máu thì hơi lâu, bà đỡ cậu em ngồi dậy rồi bảo cậu ấy ngoảnh mặt đi, không cậu ấy sợ.

Thằng bé nghe y sĩ nói thế liền vùng dậy giơ tay:

– Tôi không sợ đâu!

Rồi thằng bé cứ nhìn ống tiêm trừng trừng. Y sĩ còn ngờ câu nói của thằng bé nên dùng dằng thì mẹ nó bảo:

– Được, quan cứ tiêm, cháu gan lắm.

Y sĩ lấy dây cao su buộc cánh tay, rồi lấy cồn xoa lần mạch máu. Mạch máu nhỏ khó lần, thành thử phải đâm đến hai ba lần mới có máu chảy vào ống tiêm mà thằng bé vẫn không nhăn mặt. Khi y sĩ rút ống tiêm ra thằng bé liền bảo mẹ:

– Có thế thôi thì việc gì mà sợ mẹ nhỉ? Có phải ngày xưa thầy vẫn bảo ai sợ là người ấy hèn không?

Trước khi nằm xuống thằng bé con còn nói với:

– Em tiêm thì em khỏi, em đi học mẹ nhỉ!

Thiếu phụ đặt bàn tay lên trán con. Y sĩ nhìn thằng bé một cách yêu mến rồi bảo thiếu phụ:

– Tôi chưa thấy cậu bé nào gan như cậu này.

– Thưa quan, cháu giống thầy cháu thuở xưa và vì cháu thương tôi.

Thuở xưa? Cái kỷ niệm thuở xưa như làm cho thiếu phụ buồn thảm. Một vẻ thê lương não nùng hiện lên đôi mắt bồ câu mơ màng.

– Ấy chết, sao bà cứ gọi tôi thế. Phải, tôi vào đây có nghe anh em nói đến chuyện ông nhà.

– Mời quan xuống dưới nhà xơi nước.

Y sĩ như có vẻ không bằng lòng, cái không bằng lòng của một người cầu xin người khác đừng xử khách tình với mình:

– Bà cứ gọi tôi bằng ông có được không? Xứ Battambang có ai mà quan với khách. Bà xử thế thì còn gì là thân tình của người cùng xứ sở.

Thiếu phụ không trả lời. Con sen xách ấm nước sôi lên. Thiếu phụ pha trà rồi mời y sĩ xuống. Đưa chén nước, y sĩ bảo thiếu phụ:

– Bệnh thương hàn cần phải kiêng cữ cơm và đồ ăn cứng, không tiêu, có thể hại đến ruột. Bà chỉ nên cho cậu em uống sữa và nước cam. Thế nào cậu em cũng sốt đến 39 hay 40 độ. Nhưng bà đừng lo. Bệnh này không thể chữa khỏi ngay được. Trong 2 ngày nếu chịu kiêng cữ thì không việc gì. Chốc nữa tôi cho người đem thuốc lại, cứ ba giờ bà cho cháu uống một muỗng. Rồi mỗi ngày tôi sẽ lại trông nom cháu hai lần.

Thiếu phụ tưởng y sĩ dặn thế là hết, toan đứng dậy để tiễn, y sĩ lại nói tiếp:

– Đã là chỗ người xứ sở thì bà đừng ngại: Đêm hôm có việc gì, bà cứ cho gọi, tôi đến ngay, bà đừng sợ làm phiền.

Thiếu phụ đứng dậy hẳn. Y sĩ cũng đứng dậy. Nhưng ra đến cửa hàng, y sĩ còn nán lại nhìn hàng hóa một lượt.

– Cửa hàng này bà bày trông gọn mắt quá, mà hàng hóa cũng nhiều quá. Thật đủ các đồ Bắc. Bà dọn cái cửa hàng này từ hồi ông còn sống hay...

– Cậu cháu mất rồi, tôi mới bán đồn điền và nhà ở Lovéa về mua lại cái cửa hàng của người chị em gần một năm nay.

– Buôn bán độ này có khá không, thưa bà?

– Bẩm, cũng khá.

Y sĩ thấy thiếu phụ không gọi mình bằng quan nữa nhưng cũng lựa lời nói để không gọi mình bằng ông.

Ra gần đến cửa, y sĩ còn như tiếc rẻ chưa được nghe một tiếng "ông" của thiếu phụ gọi mình, quay lại:

– À quên, nhân tiện, tôi mua bà đôi dép Nhật Bản để về đi.

Thiếu phụ lại tủ lấy ra mấy đôi cho y sĩ chọn. Y sĩ chọn xong, thiếu phụ bảo người nhà cầm ra để vào ô tô. Y sĩ móc ví toan trả tiền thì thiếu phụ gạt đi:

– Thôi, đôi dép có là bao.

– Không, bà buôn bán được bao nhiêu, đông cháu...

– Nếu thế thì xin để khi nào trả tiền thuốc tôi xin trừ đi.

Y sĩ nói một cách sốt sắng:

– Thuốc men có là bao, tôi không lấy tiền công với cháu đâu.

Thiếu phụ liền nghiêm sắc mặt, trả lời một cách cung kính, nhưng quả quyết:

– Nếu quan không bằng lòng lấy tiền thuốc và tiền công thì chúng tôi không dám phiền đến quan nữa.

Giọng nói ấy, vẻ mặt ấy không biết bốc ra một thứ gì thiêng liêng làm cho người ta phải kính phục. Y sĩ chẳng những không còn dám trách thiếu phụ về sự gọi mình bằng quan mà lại còn lo thiếu phụ giận, bèn vội vàng nói một cách đàn giải:

– Vâng, thế hẵng để đến khi nào tôi chữa khỏi đã.

Y sĩ không dám trả tiền nữa, ngả mũ chào thiếu phụ một cách cung kính rồi đi ra.

Một giờ sau, y sĩ đem thuốc đến rồi giảng nghĩa tại làm sao mình phải đem thuốc đến mà không sai người nhà, y sĩ bảo thiếu phụ:

– Lúc nãy tôi quên không dặn bà phải cho cậu ấy uống mấy muỗng một lần nên tôi phải lại. Bà có muỗng để tôi lường một lần cho em uống, rồi những lần sau bà cứ y thế cho cháu uống.

Thiếu phụ lại đưa y sĩ lên gác. Y sĩ lấy thuốc ra lường đổ vào chén rồi đem lại giường. Lúc ấy thằng bé đang thiêm thiếp ngủ. Thiếu phụ vừa xoa má vừa gọi:

– Hà, Hà, dậy uống thuốc con!

Thằng bé mở mắt. Thiếu phụ nâng niu lòn tay đỡ lưng con. Vừa nâng vừa âu yếm dỗ dành:

– Con trai mẹ chịu khó dậy uống thuốc cho chóng khỏi nghe không?

Y sĩ nghe đến hai chữ "chịu khó" lại tưởng thằng bé tuy không sợ đau, nhưng sợ thuốc đắng, liền sẽ bảo:

– Thuốc ngọt lắm, không đắng đâu mà cậu sợ.

Thằng bé ực một hớp rồi khẽ đặt tay lên tay mẹ:

– Con có sợ thuốc đắng đâu, mẹ nhỉ!

– Con mẹ chẳng sợ cái gì cả! Con mẹ chỉ sợ mẹ lo mẹ buồn thôi.

Thiếu phụ nói hình như trúng chỗ yếu của lòng thằng bé, nó liền ôm ghì lấy thiếu phụ ngả đầu vào ngực.

Trong cái tình mẫu tử ấy không biết có gì êm ấm làm cho y sĩ nao nao lòng, muốn ứa nước mắt:

– Bà có một đứa con ngoan và can đảm nhất.

Rồi như biết muốn được lòng thiếu phụ, trước phải xử làm sao cho được lòng thằng bé, y sĩ liền giơ tay:

– Thôi, cậu bắt tay tôi một cái nào!

Y sĩ bắt tay thằng bé xong quay đi. Thiếu phụ đỡ con nằm xuống rồi đứng dậy.

– Thôi bà cứ ở trên này với cậu ấy, không cậu ấy buồn.

Thiếu phụ chẳng trả lời, cứ tiễn xuống. Đến buồng khách,,thiếu phụ mời uống nước, y sĩ cũng từ chối. Mà khi ra đến cửa hàng cũng cứ đi thẳng, chứ không kề cà như lần trước. Ra đến xe hơi mới quay đầu lại, thấy thiếu phụ tiễn mình ra đến cửa, vội cung kính ngả mũ, cúi đầu chào, rồi lên xe.

Ngồi trên xe, y sĩ mới quay đầu lại nhìn kỹ vào nhà thì không thấy bóng thiếu phụ đâu nữa.

Một tiếng thở dài... Máy kêu... xe chạy...

Trong bảy hôm, ngày nào y sĩ cũng đến ba lần: sáng, trưa, chiều.

Lần nào, cũng như lần nào, xem bệnh cho thằng bé, dặn dò cách thức thuốc thang, nói vài câu âu yếm thằng bé rồi đi ngay.

Thiếu phụ mời uống nước cũng không uống mà cũng không dám hỏi thiếu phụ một lời nào về chuyện nhà cửa.

Trong đời, có những người đàn bà có một vẻ đẹp trang nghiêm đoan chính, thuần hậu, khiến cho kẻ ngổ ngáo đến đâu, đến trước mặt cũng phải rụt rè kính nể.

Lại có những đàn bà có một vẻ buồn não nùng gây ra bởi một tuyệt vọng khốc liệt, khiến ta trông thấy phải mủi lòng. Người ấy không hỏi ta, ta cũng muốn đem ngay đời ta hi sinh để mong ước đem lại một chút vui cho đời người ấy. Định mệnh ác nghiệt đã hình như dùng con dao nung đỏ khắc một dấu đau thương nghìn đời lên trên mặt khiến cho ta trông thấy mà tưởng chừng như sự đau thương kia thấm đến lòng ta. Một linh khiếu bảo cho ta biết rằng đời người ấy không thể nào vui được nữa, mà ta vẫn mong ước cho người ấy vui, lại mong ước hơn lên. Nhìn cái nhìn người ấy nhìn, nhìn cái cười người ấy cười, nghe tiếng nói người ấy nói, ta như cảm thấy một vết thương lòng ghê gớm mà ta biết chắc rằng thời gian - thời gian đã có cái bàn tay màu nhiệm hàn rịt bao nhiêu vết thương lòng - cũng không thể hàn rịt được

cái vết thương lòng ghê gớm của người ấy nữa. Ta biết chắc thế, nên lòng lại càng bồn chồn, lại càng ao ước hi sinh, lại càng muốn chiến đấu với những cái không thể chiến đấu được.

Có cái vẻ đẹp đoan chính, nghiêm trang, thuần hậu ấy, ai trông thấy cũng muốn rước về nhà để yêu đương, để thờ phụng.

Có cả vẻ đẹp và vẻ buồn ấy? Thì dù ngay một thằng tướng giặc tay gươm, tay giáo, ăn thịt người không tanh đến trước mặt, thằng giặc cũng phải quăng gươm, quăng giáo vội vàng quì ngay xuống.

Thiếu phụ chủ cái nhà này là người vừa có cái vẻ đẹp vừa có cái vẻ buồn kia. Y sĩ đã không phải là một thằng tướng giặc nên phải bồn chồn vì yêu đương, bồi hồi vì kính trọng.

Thiếu phụ cứ gọi y sĩ bằng quan, y sĩ cũng không dám cầu xin gọi bằng ông. Thiếu phụ lưu y sĩ lại uống nước, y sĩ cũng không dám nhận lời vì y sĩ sợ ngồi lại chẳng lẽ không nói chuyện, mà nói chuyện thì y sĩ lại sợ không nén được lòng, buột mồm hỏi những câu chuyện về gia sự mà y sĩ biết rằng thiếu phụ không muốn cho người ta hỏi đến, nhưng vì phép lịch sự, thiếu phụ phải trả lời.

Trong bảy ngày, lần nào thiếu phụ tiễn y sĩ ra đến tận cửa cũng được nghe một câu:

– Bệnh tình đã bớt nhiều, bà cứ yên tâm.

Nhưng đến đêm hôm thứ bảy, về khoảng hai giờ, thiếu phụ vừa cho thằng bé uống thuốc xong thì thằng bé kêu đau bụng. Xức dầu xoa bụng thế nào cũng không đỡ. Mà để hàn thử biểu vào thấy nóng gần tới bốn mươi độ. Thiếu phụ hỏi con đau làm sao thì nó không trả lời, chỉ vừa rên vừa lắc đầu, rồi thiếp đi!

Thiếu phụ sợ hãi gọi người nhà thất thanh. Hai đứa đầy tớ gái và u già vội chạy lên. Cả ba chỉ đứng nhìn nhau không biết tính ra làm sao. Bỗng thiếu phụ khóc thét lên. Tiếng khóc ấy làm cho thằng Vũ, thằng Điện thức dậy. Nghe thấy tiếng mẹ khóc ở buồng trong, thằng Vũ dắt thằng Điện chạy vào. Thiếu phụ trông thấy hai con bỗng ôm chầm lấy vừa khóc, vừa mếu:

– Không khéo anh Hà chết mất, Vũ, Điện ơi!

Thằng Vũ, thằng Điện cũng khóc. Ba mẹ con ôm nhau khóc. Hai đứa gái mủi lòng cũng khóc. Cả nhà đều khóc. Giường bệnh bỗng phát ra những tiếng khóc làm cho ai nghe cũng phải thất ruột. Thiếu

phụ bỏ hai đứa ra rồi chạy lại lay gọi thằng bé đang thiêm thiếp. Nhưng nó vẫn cứ vừa rên, vừa nấc mà chẳng mở mắt.

Thiếu phụ bỗng quay lại hỏi hai đứa tớ gái:

– U già, con sen có ai biết nhà quan Đốc không?

Cả hai đều đồng thanh:

– Thưa mợ, ban ngày bảo xe kéo đến, thì tìm được nhà, chứ đêm thì chúng con không biết đường. Mà chúng con cũng chẳng biết tiếng Cao Mên để hỏi thăm.

Chẳng nghĩ ngợi, thiếu phụ khoác áo dài rồi bảo:

– U ở nhà trông coi các em tôi về ngay. Con sen đi với mợ.

Thằng Vũ, thằng Điện thấy mẹ đi, chạy lại ôm mẹ khóc inh ỏi đòi theo. Thiếu phụ dỗ:

– Để mẹ đi mời ông Đốc đến chữa bệnh cho anh Hà, tí mẹ về.

Hai đứa nhất định không nghe. Thiếu phụ cau mày:

– Thằng Vũ mày hư nhé! Em nó bé dại đã đành, mày lớn rồi mà cũng thế à?

Rồi nói to một cách nghiêm khắc:

– Vào giường ngủ ngay, mẹ đánh bây giờ.

Chừng như đã có nhiều lần, thiếu phụ phải dùng sự trừng phạt ấy, nên hai đứa trẻ biết mẹ không nói dối, vừa khóc, vừa lủi thủi dắt nhau vào buồng. Thiếu phụ thấy con thế, như thương hại chạy theo ôm lấy hai đứa vuốt ve rồi ôn tồn bảo:

– Các con ngoan không mẹ giận.

Thằng Vũ liền ôm cổ mẹ:

– Em nín rồi, em không theo mẹ nữa rồi, mẹ đừng giận em nữa nhé!

Rồi thằng Vũ buông mẹ, ôm cổ em mà dắt vào buồng vừa đi vừa dỗ:

– Thôi em cũng nín đi, không mẹ giận!

Thiếu phụ cùng con sen tất cả xuống thang.

Hai giờ đêm phố tỉnh thành xứ Cao Mên tuy người ta hay ăn chơi về đêm, nhưng giờ ấy khuya, phố xá cũng vắng ngắt. Tỉnh Battambang thiêm thiếp ngủ dưới ánh sáng của những chùm đèn điện, im lìm.

Lâu lâu, từng hồi, những đàn chó ở dãy nhà lá bên sông rú lên. Cái dư âm làm cho sự im lặng ấy có một vẻ rùng rợn. Thiếu phụ và con sen chạy theo đường Norodom qua chợ, thẳng xuống phía nhà thương.

Đoạn này vắng vẻ lại xa thành phố, nên đèn điện cũng thưa.

Hai bên đường toàn cây nên tối lắm.

Thiếu phụ cũng chẳng sợ hãi cứ rảo cẳng bước.

Qua cửa chùa Wáttơpích, thì gặp hai người Cao Mên lực lưỡng thất tha thất thểu như say rượu, từ phía trước mặt đi lại. Họ vừa đi vừa hát những câu dâm đãng, tình tứ.

Con sen sợ hãi nắm tay chủ. Thiếu phụ liền mắng:

– Sợ gì, cứ đi.

Khi thầy trò đi gần hai người thì họ giơ tay toan nắm lấy mà nói:

– Néang sá át nà, dúp tâu na, mọ anh prap. (Các cô đẹp quá, đêm đi đâu đấy lại đây tôi hỏi).

Thiếu phụ né mình tránh rồi trả lời bằng tiếng Cao Mên:

– Chúng tôi đi đâu, quyền gì các anh hỏi!

Thầy trò lại rảo cẳng. Hai người Cao Mên đứng lại bàn tán một lúc, rồi theo. Trước họ còn đi chậm, sau họ chạy. Con sen thấy thế rú lên. Thiếu phụ liền tát nó một cái:

– Đồ nhát như cáy. Câm cái mồm.

– Nhưng chúng nó gần đến kia kìa!

– Chúng nó gần đến thì chúng nó làm cái gì?

Vừa lúc ấy, hai người đuổi theo còn cách ba bước.

Thiếu phụ liền đứng dừng lại rồi dõng dạc hỏi:

– Chúng tôi có người nhà bệnh nặng, đi gọi đốc tờ, các anh đuổi theo có phải định ăn cướp thì bảo.

– Chúng tôi... theo để xem hai cô... có cần việc thì thì chúng tôi... giúp.

Lại vẫn cái giọng dõng dạc oai nghiêm ấy:

– Chúng tôi không cần đến các anh!

Rồi thiếu phụ dắt tay con sen quay lưng đi.

Hai người kia không dám đuổi theo thiếu phụ nữa.

XII

Y sĩ ở một tòa nhà cạnh bệnh viện. Khi được tin đày tớ lên báo có bà Vĩnh đến mời lại thăm bệnh cho con thì cứ quần áo ngủ hấp tấp chạy xuống.

– Cậu em làm sao thưa bà?

– Cháu ngất đi!

– Ồ! Thế bà chờ tôi một chút tôi lấy thuốc rồi tôi đi ngay với bà.

Năm phút sau, xe hơi đã đến trước cửa nhà Vân.

Y sĩ và Vân lên đến buồng Hà thì đã thấy thằng Vũ, thằng Điện ở đấy. Hai đứa thấy mẹ về ôm chầm lấy.

– Các con không ngủ à, để yên mẹ xem anh thế nào.

Y sĩ bắt mạch Hà. Ba mẹ con đứng trố mắt nhìn.

– Không việc gì đâu bà ạ, mạch vẫn đều, có lẽ cậu ấy nóng quá nên mê đi đấy.

– Nhưng lúc nãy cháu nó kêu đau bụng dữ quá.

– Thế à...? Nhưng bây giờ không ai bán nước đá thì làm thế nào...? À thôi, để tôi đi vào nhà thương lấy túi cao su và nước đá. Trong nhà thương bao giờ cũng có trữ sẵn...

Thiếu phụ vội vạt:

– Thôi quan khỏi phải đi, quan viết giấy để tôi cho người đi lấy. Thế phiền quan quá!

Y sĩ cũng không dám cưỡng, vừa toan viết giấy thì con sen vội nói:

– Con sợ lắm...

Y sĩ ngừng tay, ngửng đầu nhìn... cái ngửng đầu và cái nhìn ấy họp thành một cái dấu?

– Lúc nãy, con đi với mợ con, có hai người Cao Mên đuổi theo, con sợ quá.

– Thì tôi đã bảo tôi đi, vừa chóng...

Rồi y sĩ hấp tấp xuống thang.

Vân nghe y sĩ nói Hà không việc gì mới an lòng, bèn giục thằng Điện, thằng Vũ đi ngủ. Thằng Vũ không muốn đi ngủ, mà không đi ngủ lại sợ mẹ giận liền nắm tay Vân rồi cầu khẩn:

– Mẹ cho em ở đây với anh Hà một tí nữa... mẹ đừng giận em.

Giọng khẩn cầu dễ thương quá, Vân liền xoa đầu dịu bảo:

– Thế khi nào ông đốc tờ lại khám xong thì các con phải đi ngủ nhé. Thế các con không sợ mẹ giận lắm à?

Hai đứa chỉ sà vào lòng mẹ mà không trả lời. Vân ngồi dưới cuối giường ôm thằng Điện. Còn thằng Vũ đứng nắm tay thằng Hà như có vẻ thương xót lắm.

Vân thấy thế liền hỏi:

– Con thương anh con lắm à?

Thằng Vũ chẩu mỏ:

– Có! Thương lắm!

Rồi nó nắm bàn tay anh nó để lên miệng hôn. Thằng Điện ngồi lòng mẹ được một lúc bỗng lùa tay vào áo, sờ vú.

Vân vừa hôn đầu, vừa khẽ bấu tay lôi ra:

– Lớn rồi còn sờ người ta cười.

Thằng bé rút tay ra rồi nép vào ngực.

– Thế con có thương anh con như anh Vũ không?

Thằng bé quay đầu ra không trả lời câu hỏi của mẹ, chỉ tay vào giường mà khe khẽ nói:

– Anh Hà ốm đấy!

Mười lăm phút sau, y sĩ lại, lấy nước đá bỏ vào túi cao su, chườm bụng cho thằng Hà. Rồi dùng khăn mặt khô, xát khắp người cho nó. Được một lúc, thằng Hà mở mắt gọi mẹ.

– Mẹ đây, mẹ vẫn ngồi cạnh con đây. Con thiếp đi mẹ lo quá. Con có nhìn thấy em Vũ, em Điện nó đứng cạnh con không?

Thằng Hà sẽ ngóc đầu nhìn hai em, giơ tay ra hiệu rồi lại nhắm mắt.

Lúc ấy y sĩ mới biết rằng mình chỉ mặc quần áo ngủ, vội xin lỗi:

– Lúc nãy vì bà gọi gấp nên tôi bối rối quá, quên mặc quần áo tề chỉnh, xin bà tha lỗi cho.

Giọng nói chân thành làm cho thiếu phụ cảm kích:

– Có gì gọi là lỗi. Chính chúng tôi phải cảm ơn ngài vì tấm lòng bối rối của ngài đối với chúng tôi.

– Tôi nghe con sen nó nói mà tôi lo cho bà quá. Khuya thế này không còn xe, mà đàn bà đi một mình ở xứ Cao Mên này thì sợ thật. Thế chúng nó không có đuổi kịp bà chứ?

– Chúng đuổi kịp, nhưng tôi quay lại hỏi thì bọn chúng lảng đi ngay.

– Thôi để tôi thuê cho bà một người khán hộ đến ngủ đây trông cậu giúp bà, để lỡ đêm khuya có làm sao, cô ấy đi gọi tôi cho tiện. Nhà không có một người đàn ông, đêm khuya lỡ động dụng, khó lắm.

– Cảm ơn quan, tôi không dám phiền.

– Có gì là phiền. Tôi trông bà cũng xanh lắm, cần phải tĩnh dưỡng, vất vả quá lỡ đau thì các cậu ấy...

Y sĩ vừa nói vừa chỉ ba đứa con.

Câu nói ấy, cái chỉ tay ấy làm cho Vân nhìn thấy một cái vực thẳm.... Nàng bỗng tái mặt đi, rồi nhắm mắt lại...

Y sĩ thấy thế đem lòng ái ngại sẽ bế thằng Vũ vào lòng rồi vừa xoa đầu vừa nói:

– Trong nhà không có một người đàn ông thì... khó lắm. Con không cha...

Y sĩ vừa nói đến đấy thì Vân vùng đứng dậy. Câu nói ái ngại ấy như quật vào lòng tự ái của nàng, như mỉa mai cái danh dự gia đình nàng. Nàng không cần ai phải ái ngại giùm gia đình nàng, nàng không cần ai phải ái ngại con nàng. Nàng nhìn y sĩ một cách kiêu hãnh rồi nói với một giọng cương quyết:

– Bây giờ, tôi là cha chúng nó!

Hạnh phúc? Người mẹ chỉ có một hạnh phúc! Cái hạnh phúc của đứa con.

Từ khi Hà ốm thì Vân cũng hình như ốm theo nó.

Thằng Hà nóng, Vân thấy nóng, thằng Hà mê, Vân thấy mê, thằng Hà đau bụng, Vân cũng hình như thấy mình đau bụng, mà thằng Hà có tỉnh táo thì Vân cũng thấy mình tỉnh táo.

Đời sống của nàng lúc ấy như ăn nhịp theo sự lên xuống của cái hàn thử biểu, buộc liền với những cơn nóng, cơn lạnh, cơn mê, cơn sảng của con.

Bệnh thằng Hà mỗi ngày một tăng. Mặc dầu y sĩ đã bảo bệnh thương hàn cũng như lên đậu, tăng giảm bất thường. Vân lúc nào cũng cứ như "chín" cả người.

Y sĩ mỗi ngày đến bốn lần: sáng, trưa, chiều, khuya.

Từ khi Vân trả lời một cách nghiêm nghị khi y sĩ tỏ lòng thương mấy đứa con không cha, thì y sĩ không còn dám đả động đến chuyện

nhà của Vân nữa. Nhưng sự chữa bệnh vẫn sốt sắng như thường. Mà ta nghiệm ra rằng từ đấy y sĩ ít nói đến chuyện nhà của Vân, chỉ nói toàn những chuyện thuốc thang của thằng bé thôi.

Chưa được mười hai hôm, Vân đưa y sĩ một trăm bạc. Y sĩ muốn từ chối nhưng không dám từ chối, mà cầm cũng không muốn cầm, ngập ngừng mãi mới bảo Vân (giọng nói hổn hển như có vẻ vừa lo ngại, vừa bực tức).

– Bà cho tôi nhiều quá!

– Xin quan cứ cầm lấy, cháu nó còn chưa khỏi, chúng tôi còn quấy quả quan nhiều.

Y sĩ đi lại thăm bệnh đã được mười lăm hôm, không đến chậm một lần nào, bỗng một hôm vào buổi chiều đến chậm hơn một giờ. Đáng lẽ đến sáu giờ thì mãi bảy giờ mới đến.

Vừa đến cửa đã xin lỗi:

– Tôi vì dở tí việc cần, xin bà tha lỗi cho tôi.

Nửa giờ sau khi y sĩ về rồi, Vân đang ngồi trên gác thay nước đá vào túi cao su cho con thì bỗng nghe thấy tiếng chân người ầm ầm ở cửa. Rồi nghe rõ có tiếng người gọi tên mình ra chửi rủa.

Vân vội vàng chạy xuống thì đã thấy một bọn đàn bà xúm đông đặc ở trước cửa hàng nhà mình, mà giữa đám đông ấy, một người đàn bà Sài Gòn trạc ngoài đôi mươi đang xỉa xói vào nhà Vân. Tay xỉa miệng chửi:

– Mày quyến rũ chồng bà... mày bùa thuốc chồng bà.. để mày bòn rút... để cho nó hất hủi bà, để cho nó ngớ ngẩn... để cho nó đi cả đêm với mày... Rồi người ấy lại dọa:

– Mày ra đây, bà xé xác mày ra, con trâu xanh ngựa đỏ kia. Mày chọc ai chớ chọc con Năm này thì không xong...

Vân chẳng hiểu ra làm sao, vừa giận vừa tủi. Nàng cũng không biết người đàn bà ấy là ai. Vân còn do dự chưa biết xử trí ra làm sao, thì người đàn bà ấy lại nhiếc, lại chửi:

– Mày bỏ thuốc thằng đốctờ Tùng để nó ngơ ngẩn bỏ cả ăn cả uống, mày xui xiểm nó để nó hành hạ bà...

Vân hiểu ngay. Nàng giận sôi lên. Nàng vừa toan bước ra cửa thì có hai người thợ ở gần đấy chạy ra can:

– Bà ra làm gì. Nó là đồ chó dại cắn càn, chấp chi! Để rồi bảo ông ấy.

– Thế người này là vợ ông ấy đấy à?

– Trước kia, ông ấy mới đến thì không có vợ, không biết người này ở đâu mới lại ở chung với ông ấy được năm tháng nay.

– Thế bác ở đây giúp tôi, tôi phải làm cho ra lẽ, chứ không mang tiếng.

– Thôi bà. Tiếng với tăm.

Vân thấy họ hình như nghi ngờ mình, bèn gạt họ ra mà bảo:

– Nếu mình tôi không thì tôi không cần, nhưng còn các cháu. Tôi không thể để cho ai làm nhục gia đình tôi được.

Trong giọng nói, có một vẻ quả quyết, trong cái nhìn hiện lên một vẻ ngay thẳng. Toàn thân nàng lúc ấy đầy một nghị lực. Mấy người thợ Bắc không dám can nữa.

Trong đời những người hiền, có những lúc hăng - hay cục - trong đời những người yếu, có những lúc mạnh. Lại càng hăng, càng mạnh khi nào người khác làm nhục một cách vô lý, bất công.

Khi nào sự nhục nhã gây ra bởi sự bất công ấy lại có thể có ảnh hưởng xấu đến cả những người thân yêu của họ, thì họ chống cự một cách bội phần quyết liệt.

Cái ý nghĩ: "Từ nay, anh ấy đã không còn để bênh vực, để che chở, thì đứa khốn nạn nào cũng có thể dám đến ăn hiếp ta, làm nhục các con ta" làm cho nàng có một sức mạnh phi thường. Trong cơ thể, nàng bỗng thấy như lưu thông một thứ máu ngang tàng và dũng cảm của người chết. Nàng tưởng chừng như người chết đã đem trái tim kiêu dũng, đã đem cánh tay không run, không sợ, đã đem cái khí khái hiên ngang của kẻ làm người không chịu khuất, không chịu nhục đến cho nàng.

Vân xông ra hăng hái như một con hổ cái bị người đi săn tìm cách giết con. Mắt nàng chiếu ra những tia sáng dữ dội khiến ai trông thấy cũng phải sợ hãi. Sự ngay thẳng, sự trong sạch, cái tình mẫu tử bị thương tổn, sự uất ức của con người vô tội bị ngờ oan, chói lòe trên trán, trên mắt, trên môi, trên má, trên mặt, trên khắp cơ thể, ngần ấy thứ hiện ra một cách rõ rệt ở trong cái dáng đi mạnh bạo khiến cho đám người tò mò đứng xem phải đem lòng kính trọng mà không còn dám ngờ rằng, một người đi đứng đàng hoàng như thế, có cái khổ mặt kiêu hãnh như thế lại là một con người trăng gió, quyến rũ chồng người.

Nàng bước ra cửa, bình tĩnh, bình tĩnh như hòn núi đá, bình tĩnh trong phong ba bão táp, tự tin ở sức mình...

Cái thím Năm đang chửi rủa ầm ĩ thoạt thấy nàng ra, thoạt nhìn thấy điệu bộ "bà chúa" của nàng, thốt nhiên giật mình, lùi lại một bước rồi im.

Nàng tiến lại một cách ngang nhiên, như tin ở lòng ngay thẳng của mình, như tin ở sự thiêng liêng bất khả xâm phạm của ngay thẳng và lẽ phải, như tin ở cái danh dự trong sạch của mình.

Thím Năm lùi rồi đứng. Rồi hình như tự nhủ: "Ta đến đây gây chuyện với nó, nay thấy nó ra lại lùi thì người ta cười ta". Thím Năm tự nhủ mình thế nên vội xông lại toam túm áo Vân. Vân gạt tay thím Năm một cách khinh bỉ, khinh bỉ đến nỗi thím Năm tưởng chừng như mình bị nhổ vào mặt.

Rồi nàng giơ tay, cái tay oai nghiêm của một bà hoàng hậu, chỉ vào mặt thím Năm, nói cái giọng run run cảm động vì uất ức, vì bị người ta khinh một cách vô lý:

– Mày là vợ một ông đốc tờ mà mày cư xử ra một con người hàm hồ, hèn hạ. Ông Tùng xem ra người có giáo dục, sao mày lại vô giáo dục đến như thế? Mày lấy tang chứng gì... mà mày dám đến cửa nhà tao làm rộn như thế?

Rồi hình như không cầm được lòng giận, nàng tiến lên nửa bước, nghiến răng hỏi:

– Tang chứng mày đâu? Tang chứng mày đâu?

Ý hẳn con mắt nàng lúc ấy có chứa một sự gì trong sạch quá, phát lộ ra một cái gì uy nghi quá, hay vì lòng căm phẫn chính đáng làm cho dữ dội quá, nên thím Năm bỗng sợ hãi - cái sợ hãi tự nhiên của con người quấy đứng trước con người phải - liền lùi lại ba bước.

Vân không tiến theo, chỉ nhìn những người đứng xem một cách buồn rầu mà bảo thím Năm:

– Tao có quyền đem mày ra cò bót, nhưng thôi tao tha cho mày để mày về mà ăn năn sám hối tội lỗi của mày.

Nàng nói xong, khoan thai bước vào.

Không biết trong cái dáng đi ấy có cái gì cảm khích lòng người, những người đứng xem bỗng vỗ tay... Rồi ê ẩm lên:

– Đi về, đi về nhà, ê bêu, ghen xằng, ghen bậy!

Thím Năm ấp úng được mấy câu, vội lủi mất.

Vân vào trong nhà bỗng ngồi phịch xuống ghế ôm mặt khóc nức nở. Nàng hồi tưởng khi người anh cương dũng của nàng còn sống thì bất cứ ở đâu, nàng cũng chỉ nhìn thấy những con mắt kính trọng nàng. Ngày nay chẳng may một định mệnh khốc liệt đã đánh gãy cây cột cái chống nhà ấy, đã làm rơi cánh tay quả cảm thường ngày che chở cho nàng, nên nàng mới bị người ta làm nhục một cách vô lý thế này! Rồi ngẩng đầu lên nhìn cái ảnh phóng đại của Vĩnh, nàng rên rỉ:

– Nếu anh còn sống, nếu anh còn sống!

Không hiểu tại sao lúc ấy, nàng sực nhớ đến câu nói của y sĩ:

– Con không cha... con không cha...

Nàng thấy chua xót trong lòng.

Nhưng khi nhìn kỹ cái ảnh phóng đại, thấy cái vẻ mặt gân guốc đầy nghị lực lồ lộ trên giấy, thấy cái mỉm cười lúc nào cũng như khinh đời, mỉa đời, lúc nào cũng như khiêu khích với số mạng, nàng thấy như mình hèn nhát quá, không đáng sánh với con người quả cảm thế kia. Nàng nhìn đến mắt người chết, thì con mắt hình như trách móc.

Rồi liền lúc ấy, cả hai cảnh tượng Vĩnh dặn dò mình trước khi đi, trong khi hấp hối bỗng hiện ra trong trí nhớ. Những lời dặn dò ấy xô nhau kéo đến:

– Em phải xử sự cho xứng đáng vợ một người suốt đời phấn đấu như anh... Em phải can đảm, vì em là mẹ chúng nó... Khóc là hèn... em phải nghĩ đến tương lai chúng nó... Em phải noi gương anh...

Nàng bất giác nắm tay giơ lên:

– Em xin lỗi anh, em hèn nhát thật. Nhưng bắt chước một người như anh, thì bắt chước làm sao được.

Rồi lau nước mắt, nàng đưa tay lên như thề với cái ảnh, thề với vong hồn người chết:

– Em xin cố, em xin cố!

Nàng lên gác, thằng Vũ, thằng Điện đang chơi cạnh giường Hà, thấy nàng lên bỗng xúm đến. Vũ hỏi trước:

– Cái gì ở dưới nhà thế mẹ?

Rồi trông thấy ngấn nước mắt còn nhem nhếch trên má Vân, thằng bé lấy tay lau cho mẹ mà hỏi một cách trìu mến lo ngại:

– Ai làm gì mẹ mà mẹ khóc thế hở mẹ?

Thấy vẻ mặt buồn rầu của con, Vân vội mỉm cười:

– Đâu, mẹ có khóc đâu!

Thằng bé chỉ tay:

– Thế ngấn nước mắt kia là gì?

– À, à.

Rồi Vân rút mùi xoa lau mặt:

– Mẹ xuống bếp khói vào cay mắt đấy. À, anh Hà từ lúc mẹ xuống có ngủ không đấy? Các con đùa giỡn không cho anh ngủ phải không?

Thằng Điện láu táu:

– Không... đùa giỡn đâu!

Vân lại giường con, thấy con gầy như cái que, mặt mũi hốc hác, nằm lép xuống đệm, nàng không cầm được nước mắt.

Thằng Vũ lúc ấy trông thấy rõ ràng liền lại cầm tay nàng khoác vào cổ mình mà hỏi:

– Mẹ chẳng khóc là gì đấy!

– Mẹ thương anh mà khóc đấy!

– Anh sắp khỏi rồi cơ mà, ông Tùng bảo thế!

Câu nói của thằng bé bỗng làm cho Vân phải nghĩ ngợi. Cái việc này xảy ra thì nàng không thể để cho ông Tùng chữa cho con nàng được nữa. Nhưng biết gọi y sĩ nào, vì Battambang chỉ có hai y sĩ: một Tây, một Việt. Y sĩ Tây thì đi nghỉ mát một tháng nữa mới về. Mà gọi y sĩ ở tận Pursat cách Battambang một trăm cây số thì diệu vợi lắm, tốn tiền lắm. Mà chỉ một hay hai ngày mới có thể đến thăm một lần! Nếu cứ để cho y sĩ Tùng ra vào trong nhà sau chuyện này, thì người ta dị nghị! Người ta sẽ buộc tiếng xấu cho mình. Người ta sẽ bảo: nếu không có tình ý, sao thế còn cho ra vào.

Thôi đành là tránh sự hiềm nghi. Đành phải mời bác sĩ ở Pursat.

Sự quyết định ấy vừa đến thì lại có những ý nghĩ khác đến theo.

Lỡ khi có sự cần kíp thì làm thế nào?

Lỡ vì sự y sĩ Pursat không thể đi lại thăm nom luôn luôn được, không thể theo liền ngay sự tăng giảm của bệnh mà chữa thì làm thế nào?

Lỡ vì sự trông nom chểnh mảng mà...

Nghĩ đến đấy nàng rùng mình toát mồ hôi. Nàng sẽ nhắm mắt... Rồi nàng mở mắt. Một ý định cương quyết đã nổi lên. Hình như khi nàng nhắm mắt thì người chết đã hiện về nhắc lại cho nàng những câu mà khi sinh thời vẫn nói với nàng:

– "Cái đời chúng ta bây giờ không nên kể đến nữa. Chỉ kể đến cái đời chúng nó. Chúng ta bây giờ chỉ sống cho chúng nó".

Nàng đã thề bắt chước người chết thì nàng phải cư xử theo lời dặn của người chết. Nàng không thể vì sợ những lời dị nghị của loài người mà để nguy đến tính mạng của con nàng được.

Rồi nàng thấp thỏm chờ... Nàng chỉ sợ y sĩ vì việc này thẹn mà không dám đến nữa. Không lần nào nàng hồi hộp, ngồi chờ y sĩ bằng lần này.

Nàng quyết định nếu y sĩ đến, nàng sẽ nói rõ hết ý nghĩ của lòng mình cho y sĩ biết mà chỉ cầu xin y sĩ chữa khỏi bệnh cho con mình thôi. Nàng khắc khoải nhìn đồng hồ tính từng phút.

Đồng hồ đánh mười tiếng, mà chưa nghe thấy tiếng xe hơi! Nàng rủn cả người, nhìn con đang rên rỉ ở trong giường. Nàng thấy tim gan nàng cũng như rên lên theo tiếng rên của đứa con.

Buom bi buom... Nàng mừng quýnh, tất tả chạy xuống. Không hôm nào, y sĩ được nàng đón tiếp một cách vui mừng như hôm ấy.

Y sĩ thấy mặt nàng vui vẻ, cũng tươi ra. Vừa lên thang, vừa rút đồng hồ:

– Tôi lại chậm năm phút, chắc bà mong lắm. Xe hết "xăng" thành ra phải ngừng để lấy nên chậm.

Thì ra y sĩ cũng tính từng phút!

Y sĩ nói thản nhiên như không có một việc gì xảy ra. Hình như y sĩ chưa biết.

Mà chưa biết thật, nếu biết thì tất nhiên khi đến phải xin lỗi ngay.

Vân nghĩ thế nên nàng định bụng khi khám bệnh cho con mình xong, thì biết hay không biết nàng cũng nói.

Y sĩ xem mạch, tiêm thuốc, rồi xuống nhà. Vân định bụng khi nào qua nhà khách thì nàng sẽ nói. Nhưng y sĩ xuống thang mau quá thành thử khi nàng đến nhà khách thì y sĩ đã ra đến cửa hàng, nàng chạy mau toan gọi thì y sĩ đã ra khỏi cửa. Nàng toan ra cửa gọi lại,

nhưng trông trong nhà tối tăm, vắng vẻ, nàng lại ngường ngượng thế nào rồi thôi.

Đến lúc xe hơi chạy, thì một nỗi lo sợ trong lòng nàng mới bắt đầu nổi lên. Rồi liền một ý nghĩ đến.

"Nếu y sĩ biết chuyện xấu hổ mà không đến?". Nghĩ đến đấy, nàng thấy cái thân hình xanh ngắt, gầy như cái que của con hiện đến trước mặt. Nàng hình như nghe tiếng rên khừ khừ ở khắp nhà nổi lên. Nàng sợ hãi... Nàng chạy lại nép đầu vào cái ảnh phóng đại của chồng mà cầu khẩn:

– Anh phù hộ cho con. Anh làm thế nào cho em đỡ hèn mạt tí anh ơi!

XIII

Sáng hôm sau, nàng khắc khoải ngồi chờ y sĩ. Nàng chỉ lo y sĩ không đến. Nếu y sĩ đến thế nào nàng cũng nói cho biết. Tuy khắc khoải chờ nhưng nàng không còn cảm thấy ngượng ngùng trong khi phải nói với y sĩ, vì suốt đêm qua, nàng đã đủ thì giờ để cân nhắc hành vi ấy một lẽ phải rõ ràng, sáng sủa có thể trấn áp được cái tính thẹn thò của mình.

Y sĩ đến sớm mười phút. Lần này, y sĩ lại được tiếp đón bằng một sắc mặt vui vẻ hơn hôm qua.

Y sĩ thấy thế hình như cảm động:

– Tôi đến hôm nay sớm mười phút để chuộc cái tội đến chậm năm phút tối hôm qua.

Giọng nói thản nhiên. Vân biết ngay là y sĩ chưa hay chuyện vợ mình làm quấy. Mặc dầu thế, nhưng chốc nữa khám bệnh xong, thế nào cũng phải nói!

Hôm ấy, thằng Hà đã tỉnh. Thấy y sĩ cầm ống tiêm cho nó, nó bèn hỏi:

– Ông tiêm cánh tay nào?

Vân thấy con hỏi như thế, mừng quá. Y sĩ cũng mừng:

– Thì tôi đã bảo bà rằng có thể tin ở sự tận tâm của tôi.

– Cám ơn quan có lòng tử tế, chốc nữa xuống nhà tôi muốn thưa với quan một việc.

Y sĩ nghe câu nói ấy, mặt bỗng nở ra:

– Vâng, nhưng giá sự tận tình của tôi có quyền cho tôi cầu xin bà gọi tôi bằng ông, để chốc nữa hầu chuyện bà thì may quá...

Vừa nói, vừa nhìn Vân một cách khẩn khoản cầu xin. Trái với lòng mong ước của y sĩ, Vân nhìn thẳng vào mặt y sĩ một cách lạnh lùng mà chẳng trả lời.

Xuống đến nhà, Vân gọi con sen pha nước, rồi chỉ cái ảnh Vĩnh mà bảo y sĩ:

– Giá nhà tôi còn sống thì hôm nay nhà tôi phải hàm ơn quan biết mấy vì sự quan săn sóc cho cháu. Nhưng nhà tôi mất đi, thì tôi xin thay nhà tôi mà chịu hết cái ơn huệ ấy.

– Có cái gì là ơn, mà bà phải nói nặng tình như thế, chẳng qua là cái bổn phận của nghề chúng tôi thôi. Được thấy cái vẻ vui mừng hiện lên mặt bà là tôi lấy làm thỏa mãn lắm rồi.

Vân không trả lời, nhưng đổi giọng:

– Hôm qua quan có biết chuyện gì xảy ra ở nhà tôi không?

Vân nói với một giọng buồn.

Y sĩ ngơ ngác lo ngại:

– Tôi chẳng biết chuyện gì cả... Nếu có phải tôi đã vô ý làm mích lòng bà điều gì, thì xin bà tha tội cho.

– Không, quan có làm việc gì đâu.

Rồi bằng vài câu vắn tắt, Vân kể rõ cho y sĩ biết tấn kịch mà thím Năm đã gây ra trước cửa nhà nàng.

Nghe chuyện, mặt y sĩ đang đỏ bỗng hóa tái, tái rồi đỏ, đỏ rồi lại tái. Khi Vân nói xong, y sĩ liền đứng dậy:

– Thật lỗi tại tôi. Thôi, xin bà cứ để cho tôi chữa khỏi cho cháu rồi tôi sẽ liệu. Vợ với con gì cái đồ mất dạy ấy. Mà nó có phải vợ tôi đâu!

– Quan nói thế nào, tôi không hiểu.

– Câu chuyện này khó nói lắm. Chỉ xin bà tha tội cho tôi và cho phép tôi chữa khỏi cho cháu rồi tôi sẽ liệu.

Vân chưa kịp bảo y sĩ đừng nghĩ ngợi, cứ bình tâm chữa cho con mình thì y sĩ đã đi trước cái ý muốn của Vân.

Nàng thấy trong mình nhẹ nhõm như mới cất đi được một gánh nặng, nàng ngọt ngào bảo y sĩ:

– Sự đó đâu phải lỗi ở quan? Nhưng ví dụ điều đó là lỗi ở quan đi chăng nữa, tôi cũng chỉ nghĩ đến sự quan trông nom săn sóc đến cháu mà thôi!

Y sĩ sốt sắng:

– Tôi sẽ đuổi cổ nó đi để tạ tội với bà.

Vân kinh ngạc nhìn, y sĩ nói tiếp:

– Nó làm cho tôi mang tiếng với một người tôi... quý trọng nhất trên đời. Sự chơi bời dại dột nguy thật!

Giọng nói thất vọng khiến Vân ái ngại:

– Tôi thì tôi không có quyền biết đến đời tư của ngài. Nhưng xin ngài đừng vì một việc nhỏ mọn như thế mà ruồng rẫy người ta. Có yêu ngài người ta mới ghen.

– Tôi đâu cần nó yêu...

Rồi nói một cách chua xót:

– Thôi trăm sự xin lỗi bà. Bà đã tha lỗi cho tôi chưa? Tha cho tôi một cách hoàn toàn chưa?

Giọng nói thành thật khiến cho Vân ái ngại. Nàng liền ôn tồn nói:

– Sẽ hoàn toàn, nếu ngài đừng ruồng rẫy người ta. Vì như thế, sợ có điều trở ngại không tốt xảy ra, trong khi ngài đến đây chữa bệnh cháu.

– Bà dạy thế nào, tôi cũng xin nhắm mắt vâng theo. Được bà... tha lỗi cho thì việc gì tôi cũng làm.

Trong đời người đàn ông có những cảnh ngộ chỉ có những người đàn bà nào đã hiểu đời, biết người mới biết tha thứ.

Tùng đỗ bác sĩ, liền được bổ vào Cao Mên. Trong nơi đất khách, những cảnh đêm dài trằn trọc vẫn là những đêm buồn bã. Gia dĩ Tùng mới có hai mươi bảy tuổi, cái tuổi mà trong gân cốt ứ một sức thừa, cái tuổi không thể sống cô độc trong một gian buồng, nên Tùng cần phải có một người đàn bà ở bên cạnh để cho khuây khỏa. Người đàn bà ấy bất cứ là ai, miễn là cho có đầu người để cho nó vui nhà. Miễn là người ấy có thể đem lại cho mình một chất vui trong những đêm khuya tĩnh mịch.

Một đêm, Tùng cùng anh em đến chơi đùa xóm nhà lá cạnh đường Bắc túp, gặp cô Năm. Tùng thấy cô Năm người cũng dễ coi, lại ăn nói hoạt, lại tính nết đàng điếm (trong những sự cẩu hợp này, đàn

ông phần nhiều thích những gái đàng điếm, vì họ đã đề phòng trước đến khi bỏ nhau cho khỏi bức rức) liền bỏ ra năm chục cho cô Năm sắm sửa. Rồi một hôm, cô Năm đến nhà Tùng ở luôn với Tùng.

Sự giao tình của Tùng đối với cô Năm cũng như cái giao tình của người Tây đối với các me Tây, linh hồn và trái tim chẳng dự phần nào vào đấy.

Chẳng qua đêm nằm một mình nó buồn, chẳng qua cái cúc áo đứt không có người đính ngay thì nó khó chịu, chẳng qua ở nhà trơ trọi không có ai bầu bạn để chuyện trò, thì nó lạnh lẽo thế nào, chẳng qua sợ phiền phí về những sự cần dùng mà một người đàn ông tráng kiện không thể không có, nên Tùng mới cho cô Năm về ở chung với mình.

Vừa là một cô khâu, vừa là một cô bếp, vừa là cô nhân tình lúc nào cũng sẵn sàng. Tùng vẫn thường khoe với anh em cái cách "lấy vợ mà không phải lấy vợ" của mình là diệu kế. Vừa giản tiện, vừa được nhiều cái vui mà lại ít tốn tiền. Tùng thường ca tụng cái sáng kiến của những người Tây sang xứ An Nam đã khéo đào tạo nên một hạng me Tây để khi ở thuộc địa dùng thì được mọi sự tiện lợi mà khi về nước thì có thể bỏ lại một cách không tiếc thương, không hối hận như ta bỏ một đôi giày hay cái mũ. Các me Tây ấy đã biết là như thế, mà vẫn lấy mình thì mình cần gì phải hối hận. Miễn là trong khi lấy nhau chi cho họ đủ tiền xài.

Lúc Tùng được đổi đi Battambang, chàng đã toan bỏ cô Năm, đã cho cô trăm bạc và các đồ đạc vặt. Cô Năm đã bằng lòng, hai người đã bắt tay từ giã nhau, nhưng không hiểu chàng nghĩ sao, lại cho cả cô Năm lên theo. Có lẽ chàng nghĩ đến Battambang thì cũng lại phải lấy người khác, âu bằng cứ để người này là người đã quen "việc"!

Lên Battambang được sáu tháng thì bỗng một hôm được Vân gọi đến chữa bịnh cho con mình.

Tùng bàng hoàng trước cái sắc đẹp nghiêm trang của Vân. Tùng hồi hộp trước cái vẻ buồn thấm thía của Vân. Đến khi được biết rõ cái nhân cách cao quý của nàng thì chàng đem lòng yêu. Yêu bằng hết cả sinh lực của một trái tim hai mươi tám tuổi chưa từng yêu ai. Trong tình yêu ấy lại pha vào một lòng kính trọng, nó khiến cho chàng phải rụt rè khép nép trước mặt Vân. Chàng hi vọng rằng chàng cố công chữa cho con Vân khỏi thì Vân sẽ phải cảm ơn mình, rồi sự cảm ơn sẽ đưa nàng đến ái tình. Rồi lúc nàng hết tang chồng, biết đâu nàng không chịu cùng mình kết nghĩa vợ chồng để lấy một

nơi nương tựa chắc chắn cho đàn con. Chính chàng cũng chỉ ao ước có thế, ao ước che chở cho Vân đem lại một chút vui để quét sạch những nỗi buồn rầu kia. Chàng vấn tâm thì thấy mình cũng thương yêu các con Vân như con mình. Chàng định bụng khi nào con Vân hết bịnh thì sẽ viết thư cho Vân biết ý định của mình.

Nhưng sau một hôm, chàng than vãn cho những đứa con không cha bị Vân trả lời một cách cương quyết:

– Bây giờ tôi là cha chúng nó!

Thì chàng phải thất vọng trước sự hi sinh của người mẹ nhất định ở vậy để giữ hoàn toàn hạnh phúc cho các con.

Tùng tuy ngao ngán thất vọng nhưng chàng cũng chưa đến nỗi tuyệt vọng, chàng hi vọng vào thời gian làm cho Vân quên tình nghĩa đối với chồng. Chàng hi vọng vào ngày tháng làm cho Vân phải nghĩ đến một chỗ nương dựa chắc chắn cho đàn con nhỏ. Đã là thầy thuốc, đã rõ những sự cần dùng của xác thịt đối với một người đàn bà trẻ, chàng mong rằng tháng ngày sẽ đem lại cho cơ thể Vân những nguồn sinh lực mới khiến nàng không thể không nghĩ đến sự tái giá.

Những hi vọng làm cho chàng vơ vẩn. Gia dĩ đã có hình ảnh của một người đàn bà mình yêu xâm chiếm linh hồn thì Tùng còn thì giờ đâu săn sóc cô Năm. Cô Năm thấy chàng lạt lẽo thì hiểu ngay chàng đã có tình với người khác. Dò biết Tùng thường đến nhà Vân, cô Năm liền đến gây sự với Vân, Tùng tuyệt nhiên không biết.

Đến khi Vân kể lại cho nghe thì Tùng thấy tê tái và thẹn thùng. Bao nhiêu hi vọng tiêu tan hết! Lúc ấy Tùng mới rõ sự cẩu hợp trước kia mình cho là tiện lợi thì ngày nay là một trở lực đến phá đổ hạnh phúc đời mình.

Chàng muốn về đuổi phăng cô Năm để chuộc tội với Vân, nhưng đến khi Vân yêu cầu mình không được đuổi cô Năm mới tha thứ thì cũng phải vâng chịu ngay. Nhưng Tùng chịu một cách ngao ngán và đau xót.

Gặp trở lực ấy cản đường, Tùng mới rõ biết lòng mình yêu Vân nó tuyệt đối và to lớn ra dường nào.

Không lấy được Vân, không được Vân yêu thì đời chàng phải đen tối, chẳng còn hạnh phúc gì. Chàng cảm thấy chàng chỉ có thể có một hạnh phúc là được Vân yêu và che chở cho con Vân.

Vân yêu? Làm sao Vân có thể yêu một người lang chạ với những quân lăng loàn vô giáo dục như thế!

Che chở cho con Vân? Đời nào Vân chịu để cho một người chơi bời lăng nhăng che chở cho con mình!

Nàng là một người nhân cách cao quý như thế khi nào lại hạ mình xuống kết duyên với một người đàng điếm như mình.

Tùng cứ nghĩ thế mà giận muốn giết ngay cô Năm đi. Nhưng lại sợ ruồng rẫy ngay y thì y có thể kiếm chuyện lôi thôi với Vân nên chàng phải nén lòng. Mặc dầu Vân đã cấm chàng không được bỏ, nhưng làm sao chung chạ được với một người đã gây sự tan nát của lòng mình và là một trở ngại hạnh phúc cho đời mình. Chàng phải ngậm bồ hòn làm ngọt chờ cho đến khi chữa cho con Vân khỏi rồi sẽ xin Vân bỏ cái điều yêu cầu nó làm khổ cho đời mình đó đi.

Bây giờ, hãy cứ tận tâm chữa cho con Vân khỏi. Vân tha lỗi, quên những sự chơi bời rồ dại của mình biết đâu? Hai hôm sau, Tùng ngày bốn lần đến nhà Vân chỉ xem bệnh, cho thuốc rồi lại đi ngay, không dám nói năng với Vân một lời.

Hai hôm sau khi xảy ra sự cô Năm đến lôi thôi trước cửa nhà Vân, Tùng nhìn mặt Vân thấy hình như nàng có một vẻ khó chịu khi phải dàn mặt mình, nhưng vì lòng thương con không biết làm thế nào, bèn khẩn khoản cầu xin Vân:

– Tôi biết tôi lại đây làm buồn lòng cho bà lắm. Nhưng vì bệnh của cậu em nên bà phải buộc lòng gọi đến tôi, chứ mặt tôi gợi cho bà nhiều cảm tưởng khó chịu. Vậy khi tôi đến thì bà cứ tránh đi một nơi, tôi xem bệnh cho cậu em tôi lại về ngay. Hoặc cần nói gì thì tôi nói với con Nụ thưa lại với bà cũng được.

Giọng chân thành và nhún nhường ấy làm cho Vân cảm kích. Nàng liền tươi cười bảo Tùng:

– Ông cứ an tâm. Tôi biết tôi trong sạch là đủ rồi. Tôi có cần dư luận đâu. Miễn sao cho cháu khỏi. Tôi tự xét lòng tôi không có điều gì phải thẹn với ai là đủ.

Lần ấy là lần đầu, Vân gọi Tùng bằng ông. Tùng thoạt nghe sung sướng như muốn phát điên. Bao nhiêu hy vọng tiêu tan lại ầm ầm kéo về. Lúc ấy, chàng vui quá, nên không nhận được giọng lạnh lùng của Vân. Chàng định bụng khi nào thằng Hà khỏi, chàng sẽ đến nói rõ sự cẩu hợp của mình đối với cô Năm rồi xin phép nàng bỏ cho mình sự bó buộc kia đi.

Thằng Hà hết sốt, thằng Hà đã khỏi, đã bắt đầu ăn trả bữa.

Một hôm Tùng đến nhà Vân toan nói thì buồn thay, đã bị Vân nói trước:

– Bây giờ cháu đã khỏi rồi. Tôi xin cảm ơn ông đã hết lòng chữa cho cháu.

Rồi móc ví lấy một trăm bạc đưa cho Tùng:

– Thôi gọi là có món tiền nhỏ mọn để gửi ông... Giá cậu cháu còn sống mà nhà chúng tôi giàu có như thuở xưa thì xin đưa ông nhiều hơn.

Cậu cháu? Lúc nào cũng nói đến cậu cháu! Lúc nào cũng nghĩ đến người chết. Thành thử Tùng muốn nói gì cũng không dám nói nữa. Chàng ngỏ ý từ chối thì Vân nói một giọng nghiêm nghị:

– Nếu ngài không cầm thì tôi không bao giờ yên lòng. Mà chúng tôi cũng không hiểu sự từ chối ấy duyên cớ bởi đâu.

Tùng ấp úng:

– Duyên cớ bởi bà bây giờ không được sung túc như xưa mà từ trước đến nay bà thuốc thang cho cậu em đã tổn phí nhiều.

– Cám ơn ngài, chúng tôi không muốn hàm ân ai về đồng tiền cả. Tấm lòng tốt của ngài đối với chúng tôi và cháu, chúng tôi xin ghi nhớ. Thế nào cũng xin ngài cầm cho. Lúc cậu cháu còn sống, cậu cháu vẫn dạy tôi đồng tiền phải cho phân minh. Nay cậu cháu đã mất chúng tôi lại càng phải giữ lời dạy ấy lắm.

Tùng không dám từ chối, phải cầm. Lúc Tùng cầm rồi, Vân còn ẵm con bảo bắt tay Tùng:

– Con bắt tay quan Đốc đi, con cám ơn quan Đốc đi. Từ nay con khỏi có lẽ quan Đốc không đến nữa đâu. Con bắt tay quan Đốc mạnh vào.

Tùng hiểu ngay, Vân không muốn cho mình đến nhà nữa. Chàng tối tăm cả mặt mũi, lạnh lòng bước xuống thang. Đến phòng khách, chàng cố thu hết nghị lực nói:

– Bây giờ bà cho phép tôi không còn phải giữ lời hứa trước kia tôi hứa với bà.

– Lời hứa nào... à, à về chuyện cô Năm ấy à? Cái đó là việc đời tư của ông, tôi đâu dám biết đến.

Tùng bước lên xe như người mất hồn. Về nhà, liền cho cô Năm tiền, bắt phải về Nam Vang ngay. Cô Năm đi rồi, Tùng thấy một cái nỗi chua xót ngao ngán đến xâm chiếm linh hồn. Tùng nhìn ngày mai thấy đen tối, buồn tẻ.

Một người đã yêu, có vì cớ người mình yêu không yêu mình mà không yêu họ nữa được không?

Tùng muốn quên Vân, quên thằng Hà, thằng Vũ, thằng Điện mà không sao quên được. Trong nhà thương, trong sân quần, trong bàn giấy, trong buồng ngủ, đâu đâu Tùng cũng nhìn thấy hình ảnh của bốn mẹ con Vân đến ám ảnh mình.

Nhiều khi khổ không chịu được nữa, Tùng muốn viết cho Vân kể hết nỗi lòng mình, họa chăng Vân có ái ngại thương mình chăng, nhưng nghĩ kỹ biết thế nào Vân cũng từ chối lại thôi. Gia dĩ đối với một người có lòng như Vân trong khi chưa mãn tang chồng, mình làm thế thì chỉ gợi ác cảm đối với mình.

Tuy không viết thư, nhưng ai cấm được Tùng đêm đêm đi lảng vảng trước cửa nhà Vân để hi vọng nhìn thấy bóng Vân ở trên gác. Ban ngày, Tùng không có can đảm đi qua, cũng không có can đảm vào mua hàng, nhưng ban đêm mà không đi qua một vài lần thì không tài nào ngủ được.

Vân tuyệt nhiên không hay biết Tùng đến lảng vảng trước cửa nhà mình, nàng chỉ hú hí với con và cố buôn bán để nuôi con. Nhưng loài người tò mò, loài người chỉ chờ dịp để nói xấu, loài người chỉ kiếm chuyện để cho có chuyện mà nói xấu lẫn nhau. Trước họ còn chưa để ý, sau thấy Tùng cứ đêm đêm lảng vảng trước cửa nhà Vân hàng mấy tháng, họ liền thì thầm với nhau. Rồi họ tự nhủ: Có lẽ trước kia thím Năm đến nhà Vân gây sự là một việc có lý. Không có lửa, sao có khói? Sao bác sĩ Tùng cứ đêm đêm lảng vảng trước cửa nhà Vân làm gì? Rồi họ tự trả lời:

– Lảng vảng để khi nào vắng người là vào.

Vào? Chưa ai dám cả gan nói đã trông thấy Tùng vào nhà Vân, nhưng ai ai cũng nhất quyết là nghe thấy người nọ hoặc người kia nói như thế.

Những lời phao đồn dị nghị còn đang âm thầm lan rộng trong bóng tối thì một việc xảy đến đem luôn cơ hội làm nó nổ bùng ra: "Vân đến nhà Tùng!".

Hôm ấy mồng một Tết, sau khi Vân đưa các con đi mừng tuổi các nhà quen, về đến nhà thì thằng Hà bỗng hỏi:

– Sao mẹ không đưa con đến mừng tuổi ông Đốc. Ông ấy chữa cho con khỏi cơ mà.

Câu nói của con làm cho Vân nghĩ ngợi. Nàng tự nhủ mình là gái góa còn trẻ mà đến nhà một người đàn ông chưa vợ, hay nói cho đúng là một người đàn ông đã đuổi nhân tình vì mình, hãy tạm gọi là nhân tình, vì trong tiếng An Nam không có danh từ nào đúng hơn, thì thật có lắm điều bất tiện có thể để cho người ngoài đàm tiếu. Trong cái đoạn đường đời góa chồng, phải xông xáo ra buôn bán nuôi con, Vân đã hiểu sự độc ác vô lý của loài người. Nàng toan xui vú già dẫn thằng Hà đi, nhưng nàng lại cho thế là không lịch sự, không xứng đáng với tấm lòng sốt sắng của y sĩ trong khi chữa bệnh cho con mình.

Nàng hồi tưởng đến chồng. Rồi nàng nhìn lên bàn thờ như muốn hỏi người chết phải xử thế nào cho phải. Nếu chồng nàng còn sống, thì trong cái trường hợp này, thế nào chồng nàng cũng đem con đến mừng tuổi bác sĩ để cảm ơn bác sĩ. Chồng nàng đã chết, cha chúng nó đã chết, nàng đã ôm lấy cái nhiệm vụ thay cha chúng nó thì những việc gì cha chúng nó nếu sống làm cho chúng nó thì bổn phận nàng là phải làm. Nàng không muốn cho chúng nó phải chịu cái số phận hẩm hiu của những đứa con mồ côi thiếu một người cha.

Chẳng ngần ngại, nàng xoa đầu thằng Hà rồi bảo:

– Con đem bánh pháo đi đốt để mừng tuổi ông Đốc!

Tùng ở trên gác, nghe tin người nhà lên báo có mẹ con Vân đến thăm, mừng tưởng phát điên. Bao nhiêu hi vọng ở trong lòng tưởng đã chết nay bỗng sống lại. Chàng chạy vội xuống dưới nhà. Trông thấy bốn mẹ con Vân, chàng mừng quá, không giữ nổi điềm tĩnh, Vân chưa kịp nói gì thì Tùng đã chạy đến ôm lấy thằng Hà mà hỏi:

– Cậu còn nhớ đến tôi à?

Giọng nói ấy bao hàm bao nhiêu nỗi mừng vui, chua xót, nhớ nhung, như bây giờ mới gặp cơ hội để phát ra.

– Tôi nhớ cậu quá mà tôi không dám lại thăm.

Vân hiểu ngay là câu ấy bác sĩ nói với mình. Nàng hình như hối hận rằng đã đến đây. Nhưng nàng lại cho ngay thế là mình hèn nhát! Nàng đã hứa là thay cha chúng nó thì nàng không thể hèn nhát được, nàng liền dịu dàng bảo Tùng:

– Chúng tôi bao giờ cũng vẫn nhớ cái ơn của ông trong khi thuốc thang cho cháu. Hôm nay tôi dắt cháu lại mừng tuổi ông và để cám ơn ông.

– Ơn với huệ gì. Mời bà ngồi. Các cậu ngồi đi. Để tôi lấy kẹo các cậu ăn. Bà đến đây khiến tôi... sung... (rồi Tùng lại chữa) cảm kích khôn cùng, chính tôi phải cám ơn bà. Tôi chữa bệnh thì bà đã trả tiền tôi rồi, còn ơn gì nữa đâu.

– Đồng tiền nào cho xứng đáng với tấm lòng chăm nom của ông đối với cháu.

Câu nói ấy làm cho Tùng càng mừng thêm, chàng liền rót cốc rượu đem đến trước mặt Vân:

– Bà uống với tôi cốc rượu đầu năm để... kết chặt cái giao tình của tôi đối... với gia đình bà. Và tôi xin hứa với bà rằng, bao giờ bà cũng có thể coi tôi như một người bạn trung thành và kính cẩn.

Tùng lại rót một cốc cho mình rồi giơ cốc:

– Tôi xin uống cốc rượu này để mừng bà năm nay buôn bán phát tài.

Vân xưa nay vốn biết Tùng mến mình, nhưng vì nàng xét mình không mến người ta, không thể yêu ai được nữa nên nàng vẫn làm lơ đi như là không biết. Nhưng nàng thấy cái tình yêu ấy nó phát lộ ra một cách rõ ràng quá, sốt sắng quá, thành thực quá, nàng sợ Tùng trong một lúc bồng bột thổ lộ ra, để rồi phải nghe một lời từ chối thì đau khổ cho chàng, nàng liền nói một câu bóng gió để cho Tùng đừng hi vọng hão huyền.

– Vâng, tôi cũng xin uống cốc rượu này để mừng ông năm nay thăng quan tiến chức.

Mỗi một tiếng nói như mang đến cho mắt Tùng một ánh sáng hi vọng. Mắt chàng sáng rực những hào quang hạnh phúc. Vân uống cạn cốc rượu rồi đặt cốc:

– Nhưng có lẽ tôi chỉ được uống cốc rượu năm nay mừng ông thôi.

Tùng hốt hoảng:

– Sao bà lại nói thế?

Nếu xưa kia Vân chưa biết Tùng yêu mình thì bây giờ cũng phải biết, vì câu hỏi ấy có một giọng sợ hãi, nó bộc lộ hết tấm lòng yêu, chàng đã cố giấu trong bấy lâu.

– Vì có lẽ tháng sáu này mãn tang nhà tôi, tôi bốc mộ cho nhà tôi đem về Bắc. Rồi tôi ở luôn ngoài ấy để tiện việc học hành cho các cháu. Lúc nhà tôi hấp hối có dặn thế.

Lúc nãy, Tùng mừng bao nhiêu thì bây giờ buồn khổ bấy nhiêu. Chàng nói, nhưng nói không ra tiếng. Chàng đứng sững một lát như người ngây rồi bảo Vân:

– Thế công việc buôn bán trong này bà bỏ ư? Bà đi mà bà không nhớ các cụ ở Siêm Rệp ư? Tôi tưởng bà buôn bán ở đây đã quen khách thì nên ở trong này, chứ về Bắc bây giờ khó buôn bán lắm.

– Tôi bây giờ là người của nhà chồng, dẫu nhớ các cụ tôi, cũng đành phải chịu. Dẫu buôn bán khó nhưng sự học hành của các cháu là cần. Nhà tôi trối trăng thế. Ông tính học ở trong này, thầy Cao Mên dạy có ra gì đâu mà nên người được. Tôi phải lấy hậu vận các cháu làm trọng.

Rồi lại sợ Tùng trong một lúc sôi nổi ngỏ ngay ý mình với nàng, nàng liền nghiêm sắc mặt nói một cách cương quyết, nó làm cho Tùng phải héo ruột:

– Bây giờ tôi chỉ nghĩ đến hậu vận các cháu, còn các việc khác là phụ hết.

Trước cái vẻ mặt nghiêm nghị cương quyết ấy, Tùng không dám nói. Chàng tiễn mẹ con ra cửa.

Vân lại sợ Tùng sau này còn tơ tưởng mình, bèn bảo thằng Hà:

– Con bắt tay thật mạnh để cảm ơn quan Đốc đi, chúng ta gặp quan Đốc lần này có lẽ lần cuối cùng đấy.

Rồi lại sợ Tùng đến đáp lễ nhà mình, Vân nói tiếp:

– Trưa hôm nay, chúng tôi đi Siêm Rệp mừng tuổi ông ngoại, bà ngoại chúng nó, tôi nói để ông biết, không ông lại nhà tốn công ông.

Lúc Vân vào nhà Tùng, có nhiều người trông thấy. Mà khi Vân ra, dùng dằng nói chuyện với Tùng ở cửa cũng có nhiều người trông thấy.

Không đầy mười hôm, cả tỉnh Battambang đồn ầm lên về cái tin Tùng nhân tình với Vân. Người ta bàn tán:

– Gái góa hơ hớ với trai chưa vợ thì tằng tịu nhau là lẽ thường.

– Tằng tịu à? Không khéo họ lấy nhau.

– Lấy gì? Buồn thì chơi qua.

– Trai tơ bao giờ lấy gái nạ dòng. Lấy thì đã phúc. Mà có lấy thì cũng chỉ lấy cho qua thì giờ!

Những sự phao đồn ấy, Vân tuyệt nhiên không biết, vì nàng chẳng đi đến đâu. Nhưng một tháng sau, đến tai Tùng. Thoạt nghe,

Tùng giận sôi lên. Muốn giết hết những quân đặt điều nói xấu. Nhưng làm sao biết mà giết được. Sự phỉ báng nó như không khí, ở khắp mọi nơi, nhưng ta không trông thấy ở nơi nào cả.

Tùng thấy họ phỉ báng người mình tôn thờ, đi đến đâu cũng hết sức thống mạ những người đồn bậy thế.

Nhưng càng thống mạ một cách kịch liệt quá, cải chính một cách sốt sắng quá khiến cho thiên hạ lại ngờ.

– Không tình ý với nhau sao bênh nhau dữ thế!

Tùng càng cải chính, người ta càng đồn ầm lên. Không có cái tức gì bằng cái tức của một người lương thiện bị người ta đặt điều nói xấu mà thấy mình không có thể làm gì để trừ tiệt đi.

Tùng tức lắm, nhưng tức mà cũng đành khoanh tay. Sau chàng nghĩ nếu những sự phao đồn ấy mà đến tai Vân thì Vân sẽ phải buồn. Chàng bèn xin đổi đi tỉnh khác. Vì chàng cho chỉ có cách ấy là giữ được tiếng trong sạch cho Vân.

Anh em trong tỉnh làm tiệc tiễn hành. Khi đến tuần rượu sâm banh, Tùng bèn đứng dậy nói:

– Tôi sở dĩ phải xin đổi đi là vì có một sự phao ngôn, nó làm hại cho danh dự một người đàn bà mà tôi biết chắc là trong sạch. Tôi xin đập cái cốc này mà thề như thế. Trong khi tôi ở đây, tôi đối với anh em thực là tận tâm. Vậy tôi xin anh em có nghĩ tình tôi thì sau khi tôi đi, có kẻ nào đặt điều nói xấu người đàn bà đó, anh em nên trừng phạt kẻ nói xấu hộ tôi.

Trước khi đi, Tùng viết cho Vân một bức thư:

Bà Vân,

Cái hạnh phúc đời tôi là được ở một tỉnh mà bà ở. Nhưng vì có những kẻ tiểu nhân nó đồn đại một cái tin có thể làm hại đến danh dự và sự buôn bán của một người tôi kính trọng, nên tôi phải xin đổi đi nơi khác. Tôi viết bức thư này để xin lỗi bà, thưa để bà biết tại làm sao tôi đi mà không dám đến chào bà.

Bà nói với các cậu em hộ rằng lúc nào tôi cũng nghĩ đến các cậu. Tôi đi thì tôi nhớ lắm. Nhưng vì danh dự một người tôi kính mến thì nhớ cũng phải đi.

Nay kính thư.

TÙNG

XIV

Về tháng sáu, trời Cao Mên đỏ chói những lửa. Tỉnh Battambang dưới sức nắng nung nấu, như một cái lò bánh tây.

Ngoài đường, người đi kẻ lại tấp nập. Thỉnh thoảng một trận mưa rào đổ xuống. Khách bộ hành chạy đụt mưa dưới hiên các nhà. Nhưng chỉ độ mười lăm phút mưa lại tạnh, trời lại quang đãng. Ánh nắng rọi xuống đường một lát lại khô hết, không để một dấu vết trận mưa qua. Nhưng vừa mới khô ráo thì một trận mưa khác lại đổ xuống. Rồi trong mươi lăm phút lại tạnh. Rồi nắng lại chói lòe, lại làm khô hết.

Chỉ có xứ Cao Mên mới có những ngày đang nắng lại mưa, đang mưa lại nắng hàng vài chục lần như thế.

Trong khi mưa thì hơi đất xông lên, làm cho người ta khó chịu gấp mấy khi nắng.

Hôm ấy là hôm cúng mãn tang chồng, Vân ngồi đối diện với bàn thờ mà chẳng biết ở ngoài trời đang mưa lại nắng, chẳng thấy gì khó chịu.

Hai mắt lim dim, nàng như đang ngồi tưởng tượng hồi sinh lại người chết, rồi cùng người chết nói chuyện. Bà Nam Phát ở Siêm Rệp lên thấy con đang nghĩ ngợi như thế cũng không dám bước mạnh chân. Chỉ lâu lâu bà cầm chiếc quạt phe phẩy cho con rồi lại ra trông cháu.

Vân ngồi trầm mặc hàng giờ như thế. Nàng dùng tưởng tượng làm sống lại những ngày qua. Nàng ôn lại quãng đường đời mà nàng được sống dưới sự che chở, đùm bọc trong sự yêu thương của chồng. Nàng hồi tưởng lại những ngày đầy ánh sáng, đầy hoan lạc mà Vĩnh lúc nào cũng ở bên mình nàng để nâng niu, để đón ý, chiều lòng...

Những ngày ấy, than ôi! Đã không còn nữa. Mỗi khi Vân bừng mắt nhìn đến thực tế, nàng lại thấy lòng lạnh buốt. Nàng bâng khuâng tự hỏi: Kẻ kia đã chết, sao nàng còn sống được?

Nàng đem so sánh quá khứ với hiện tại thì thấy hiện tại đầy chông gai, đầy buồn thảm. Nó khác xa những ngày mà nhờ chồng, nàng như được bước trên một tấm thảm nhung êm dịu, chỉ có việc ở nhà hú hí với con, yêu chồng và để chồng yêu.

Vĩnh đã dùng cánh tay cường dũng gạt đi trên con đường nàng bước mọi khó khăn, mọi lo nghĩ, rồi đem lại cho nàng những hương thơm, những êm ngọt.

Nàng nhớ lại những ngày cùng chồng với con đến các làng Cao Mên chơi thì cả làng xúm đến đón rước như đón rước một bà chúa, tôn kính như một nữ thần. Nay Vĩnh chết đi, còn đâu những sự đón rước ấy, những sự tôn kính ấy! Hay là chỉ còn những sự khó khăn, cản trở đang chờ nàng.

Nghĩ đến hậu nhật, tâm hồn nàng liền bị xâm chiếm bởi một u hoài não ruột, mênh mang. Nàng bâng khuâng như người mất hồn, phục trước bàn thờ.

Trong đời người, nếu sự sống cứ chạy đều đều, không có gì biến thiên, thì ta đâu có biết rõ được cái mặt thật và mặt trái những cảnh đời ta thường sống.

Người đàn bà có chồng che chở, có chồng đùm bọc có biết đâu rõ những khó khăn của mưu sinh, có hiểu đâu những ngoắt ngoéo của cạnh tranh, có bao giờ tưởng tượng đến muôn nghìn khó chịu gây ra bởi tập tục thế tình.

Thằng bé con hàng xóm đến trước cửa nhà mình phá giỡn, chồng chỉ quát một tiếng là nó dông ngay.

Ông hàng xóm quá tự do, đêm đêm làm ầm ĩ quá, chồng chỉ nói một tiếng là ông hàng xóm từ đấy im.

Người đàn bà có chồng cho những chuyện ấy là những chuyện nhỏ nhặt, và cho là dĩ nhiên phải như thế.

Nhưng một khi chồng chết, người quả phụ phải xông xáo vào thực tế, mắng thằng bé con, nó liền nhái lại, bảo ông hàng xóm, ông hàng xóm cười lại một cách khinh bỉ chẳng thèm trả lời, lúc ấy mới biết rằng những chuyện ấy chẳng nhỏ nhặt một tí nào. Lúc ấy, người quả phụ mới hiểu cái việc trước kia mình cho là dĩ nhiên phải như thế, sở dĩ nó phải như thế là vì có một sức mạnh bắt nó phải đi như thế.

Vĩnh chết đi, Vân biết rằng gia đình mất một sức mạnh chống trời. Nàng không dám ở Lovéa vì nàng xét mình không thể xông xáo trong rừng rú và đối đầu với bọn ăn cướp giết người được. Nàng bán nhà cửa đồn điền rồi về mua một cửa hàng ở Battambang buôn bán, yên trí rằng ở chỗ tỉnh thành thì chẳng còn lo ngại gì. Mà cũng chẳng còn phải gặp việc gì khó khăn cản trở trên sức nàng. Sống ba năm, đứng mũi chịu sào, nàng mới biết sự khó khăn trở ngại chính là những công việc nhỏ nhặt thường ngày mà xưa kia nàng không để ý.

Ngày nay, nàng nhìn đời thấu rõ hơn xưa, nàng lại càng kính phục chồng. Nàng mới biết rõ những việc của chồng làm xưa kia thì đừng thèm nói đàn bà, dẫu đàn ông cũng ít người làm được.

Càng nghĩ càng ngao ngán, nàng bỗng khóc nức nở, ruột gan tan nát tưởng chừng như không còn đủ nghị lực để sống nữa.

Bà Nam Phát thấy nàng khóc cũng không vào dỗ, vì bà đã biết trong những lúc đau đớn như thế, khóc được thì nó nhẹ những nỗi đau đớn đi.

Bà thấy con thế, bà chỉ thương con gạt thầm nước mắt. Vừa lúc ấy thì ba đứa cháu đi học về. Bà liền ôm lấy thằng Hà mà khẽ bảo:

– Cháu vào dỗ mẹ cháu đi.

Thằng Hà vội chạy vào. Vân như bị sự đau đớn thu hết thần trí không nghe thấy tiếng giày của nó. Thằng Hà thấy mẹ nằm phủ phục trên giường liền lại ôm ngang lưng lôi dậy, áp má vào cổ khẽ nói:

– Sao mẹ khóc thế, mẹ nhớ thầy phải không?

Vân thấy con hỏi, càng tủi thân, càng khóc. Thằng Vũ, Thằng Điện cũng chạy vào. Bốn mẹ con cùng khóc.

Bà Nam Phát cũng chạy vào, trước cái cảnh não lòng ấy, bà Nam Phát cầm lòng không đậu, ôm chầm lấy con gái vừa khóc vừa than:

– Trời ơi! Ba má suốt đời ăn ngay ở thẳng, có làm gì nên tội, để cho con mắc phải cái cảnh mẹ góa con côi như thế này!

Lời than ấy bỗng làm cho Vân cảm thấy sự hèn nhát của mình.

Nàng đã hứa với người chết rằng sẽ can đảm, mà sao bây giờ nàng lại để cho đau thương đè bẹp như thế này? Mà nào có phải một mình đau thương?

Cả một đàn con đều bị buồn khổ vì sự đau thương của mình.

Nàng đã hứa cố thay cha chúng nó mà nay nàng để cho thất vọng làm mềm yếu như thế này ư? Như thế thì thay làm sao được!

Nàng như có cái cảm tưởng rằng người chết về trách móc mình. Nàng lại tự thẹn đã có can đảm giấu không cho con biết ngày hôm nay là ngày cúng giỗ cha chúng nó, để chúng nó khỏi buồn thảm, vẫn cho chúng nó đi học như thường, mà bây giờ vì sự hèn nhát của mình để lộ cho chúng nó biết để chúng nó phải buồn.

Nào đâu là lời hứa: "Từ nay nàng chỉ sống cho chúng nó, vì chúng nó?". Cái bổn phận của nàng phải chăng là tránh cho chúng nó

những nỗi đau buồn để chúng nó khỏi xót thương vì đã mất người cha yêu quý?

Nghĩ thế, nàng vội lau nước mắt rồi bảo các con:

– Thôi mẹ hết buồn rồi, mẹ trông thấy các con là mẹ hết buồn rồi. Các con đừng khóc nữa mà mẹ buồn đấy.

Rồi nàng vội vã dắt các con lên gác thay quần áo.

Hai hôm sau, bà Nam Phát thấy con vẫn còn mặc quần áo xổ gấu liền bảo:

– Để tang đủ ba năm rồi, sao con còn mặc những quần áo ấy? Con nên thay quần áo khác đi cho trong nhà nó vui vẻ một tí.

– Con đã nguyện để tang anh con suốt đời thì mẹ bảo con thay quần áo làm cái gì. Đời con làm gì còn có thể nói đến vui vẻ nữa. Anh con chết là vui vẻ của đời con hết rồi.

– Sao con nói thế! Sự buồn rầu lâu dần rồi sẽ quên đi chứ! Con còn trẻ sao đã vội nói những câu phẫn chí như thế?

Vân mặt rầu rầu bảo mẹ:

– Còn trẻ hay còn già bây giờ con không nghĩ đến nữa. Con chỉ nghĩ làm thế nào nuôi các cháu cho nó nên người thôi. Con định tháng mười này đưa chúng nó về Bắc cho tiện việc học hành.

Bà Nam Phát giật mình:

– Con về Bắc thì làm gì kiếm ra ăn. Họ hàng nhà chồng thì đối với chồng con đã không thuận, như thế còn hòng nhờ cậy gì. Ở đây có ba má... Vân ngắt lời:

– Con vẫn biết lòng ba má thương con và các cháu nhưng con chẳng cần mong nhờ ai cả. Con chỉ trông cậy vào con để nuôi các cháu. Nhà con đã dặn phải đem các cháu về Bắc để chúng nó theo thầy, theo bạn, thì con phải về. Con xem ra ở trong này học hành chẳng ra thế nào. Con vẫn biết bây giờ ở trong này con buôn bán đã quen khách, có cơ kiếm được. Nhưng má tính nếu giàu có muôn nghìn mà các cháu ngu dốt, chẳng ra thế nào thì giàu có như thế có ích gì. Nhà con suốt đời cố chết làm việc để gây dựng cho các cháu, chỉ nguyện vọng cho các cháu thành người khá giả. Nay chẳng may nhà con xấu số mất đi thì bây giờ cả bổn phận con là phải làm cho đầy đủ những nguyện vọng mà nhà con mong ước cho các cháu. Con đi thì con biết ba má nhớ con lắm, mà con cũng nhớ ba má lắm, nhưng hậu vận các cháu bao giờ cũng phải đi đầu.

– Vẫn biết thế, ba con thường nói đất Bắc kiếm ăn khó khăn lắm, con lạ nước, lạ cái...

– Trước lạ sau quen, chỉ sợ không có chí, chứ có chí thì đâu mà chẳng kiếm ăn được. Đấy má xem anh con...

– Con bì với anh con thế nào được.

– Vẫn biết con không thể nào theo kịp anh con. Nhưng anh con mất đi, thì con cũng phải cố theo gót ảnh để gây dựng cho các cháu. Con vốn liếng bây giờ cũng có ít nhiều. Con về Bắc rồi con sẽ liệu dần. Về, thế nào con cũng phải về Bắc.

Bà Nam Phát ngẫm nghĩ một lát rồi nắm tay con:

– Con nhất định ở vậy suốt đời ư?

– ? ? ?

– Con nên nhớ trong nhà không có một người đàn ông khó lắm. Má muốn nói với con một điều, nhưng vì má thấy con còn buồn rầu nên má chưa dám nói. Có một người tử tế, danh giá... muốn nhờ má nói với con...

Vân sẽ lắc đầu:

– Con không bao giờ cải giá. Người tử tế danh giá đến đâu con cũng không màng.

– Nhưng con nên nghĩ xa xôi một chút. Không có một người đàn ông trong nhà thì khó lắm.

– Con biết lắm, ba năm nay không có anh con, con há lại chẳng biết rõ những sự khó khăn ở đời sao? Không có đàn ông, con sẽ là đàn ông. Thôi má đừng nói nữa. Thứ nhất là trong lúc này, vong hồn anh con còn phảng phất ở đâu đây...

– Má có dám bảo con quên anh con đâu. Má vì lo hậu vận con mà nói đấy.

– Con biết lòng má thương con mà nói thế. Nhưng con xin thưa để má biết con vì lo hậu vận các cháu mà nhất định ở vậy một đời. Từ khi con có con, con lại càng rõ lòng má thương con lắm. Nhưng ngày nay, các cháu chỉ còn mình con ở trên đời, con không thể...

– Nhưng người ấy cũng thương chúng nó như con thì con bảo sao?

– Con bảo rằng không có thể. Mà dù có như thế nữa, con cũng không muốn bắt chúng nó phải chịu cái nhục, gọi người khác không đẻ ra chúng nó bằng cha. Cha chúng nó chết đi, con bây giờ là cha

chúng nó. Má không xem những cảnh dượng ghẻ đối xử với con riêng của vợ đó sao! Có ra thế nào! Mà ví dụ quả có người yêu các cháu được như cha nó xưa kia thì lòng con ngày nay đã chết. Con không thể yêu ai ngoài các cháu. Con không có quyền để cho người khác cướp phần yêu đương trong lòng con đối với các cháu. Con không thể âu yếm một người nào trước mặt các cháu. Con không thể để cho các cháu buồn rầu vì nhìn người ta chiếm cái địa vị của cha nó xưa kia. Con không muốn các cháu phải nhờ vả và vâng theo mệnh lệnh một người khác ngoài cha nó và con. Má đừng nói nữa, con không bao giờ lấy chồng khác. Anh con đã chết đi, con ấp ủ cái hình ảnh anh con suốt đời trong lòng để cho có đủ nghị lực phấn đấu nuôi nấng các cháu.

– Thì con đã biết người ấy là ai mà con cứ chối bai bải. Người này khá lắm và yêu con lắm. Ông...

– Má đừng nói tên. Ví dù cái người ấy là một ông hoàng giàu mãn thiên hạ, trẻ đẹp như sao băng, con cũng chẳng thiết. Con đã bảo với má rằng lòng con đã chết rồi, con chỉ sống vì các cháu, cho các cháu thôi.

Bà Nam Phát biết ý con đã quyết nên không nói nữa nhưng đến đêm, trong khi mẹ con trò chuyện bà lại nói:

– Má thường nghe người ta nói những đàn bà góa ở vậy lâu năm là hay sinh ra nhiều chứng bệnh lắm. Má chỉ lo cho con có thế thôi. Ba con nói chuyện với má xưa kia có một người ở Cao Lãnh góa chồng hơn một năm bỗng mắc chứng điên. Thầy thuốc bắt mạch bảo chứng ấy là "sa hoa phong" chỉ lấy chồng mới khỏi, chứ chẳng có thuốc nào chữa được. Nếu không lấy chồng thì mắc chứng điên cho đến quá năm bốn mươi. Trong khi máu huyết sung túc không có người đàn ông thì nhiều cái lôi thôi lắm.

– Thế người ấy có lấy chồng không?

– Có, lấy chồng thì khỏi liền.

– Thế người ấy có con không?

– Có, hai đứa.

– Thế thì người ấy còn xoàng lắm. Có lẽ người ấy chẳng yêu chồng, yêu con nên mới tơ tưởng những chuyện tầm bậy, tầm bạ.

– Con không nên nói chắc trước. Biết đâu... À, trong ba năm, con có thấy bao giờ trong người... khó chịu không?

– Chả bao giờ. Má tính, làm việc cả ngày, tối đến hú hí với các cháu, dạy các cháu học. Mệt là ngủ tít, còn lúc nào để... khó chịu nữa? Có lẽ những người góa chồng sở dĩ không... chịu được, phải lấy chồng là vì họ không có một mục đích gì về đời sống của mình. Con có một mục đích và một cái bổn phận của người chết trao cho con là nuôi dưỡng và dạy dỗ các cháu cho nên người, nên con vì say sưa với nhiệm vụ mà có thể quên đi những sự cần dùng của xác thịt. Con xin thưa để má biết, ví dù con không thể quên đi được, con cũng cố gắng chịu đựng những cái ràng buộc ti tiện như thế. Con phải nghĩ đến cái bổn phận thiêng liêng của kẻ làm mẹ là phải hy sinh hết đi cho con. Cái phần sung sướng của con ngày nay là khi nào được trông thấy các cháu sung sướng. Con vẫn biết má thương con, nên mới nói với con như thế. Nhưng con nghĩ sự yên vui của các cháu về sau này, còn cần hơn là những sự thỏa mãn của con bây giờ. Nghĩ rằng vì mình ham vui, ham sướng, vì mình ích kỷ để cho các cháu buồn rầu thì con tưởng như thế là đáng khinh bỉ lắm. Con còn mặt mũi nào nhìn thấy anh con nữa? Con còn mặt mũi nào trông thấy các cháu nữa? Cái vinh dự làm mẹ còn gì nữa? Cái giá cao quý của kẻ làm mẹ có phải chỉ ở chỗ đẻ con ra đâu? Cái bổn phận thiêng liêng của kẻ làm mẹ có phải chỉ là nuôi con đâu? Con là mẹ chúng nó, con phải tránh cả cho chúng nó những đau đớn về tinh thần có thể xảy ra sau này. Con phải cư xử làm sao cho sau này chúng nó lớn lên khỏi phải tủi thẹn vì con. Má cứ yên tâm, con không bao giờ mắc chứng "sa hoa phong" đâu!

Bà Nam Phát không nói sao được đành im. Nhưng bà vẫn chưa thất vọng. Trước khi về bà lại bảo Vân:

– Má chỉ sợ khi con về Bắc, lỡ ốm đau không làm ăn gì được, có phải chúng nó nheo nhóc không? Má vẫn biết lúc khỏe mạnh bình thường thì không sao, lỡ khi trời long đất lở thì làm thế nào? Nếu con lấy được một người chồng tử tế có phải những lúc ấy có chỗ nương dựa không? Người này là một người tử tế, người ta yêu thương con lắm.

– Nhưng con không thể yêu thương ai, ngoài các cháu ra, thì má bảo thế nào? Ôi, nếu cứ nghĩ chuyện đường dài thì chán vạn sự nguy hiểm. Ta là người, ta cứ làm cho hết việc người, còn việc trời thì biết đâu mà lường được. Làm cho đầy đủ bổn phận làm người đến đâu hay đến đấy. Cái bổn phận của con lúc này là phải nghĩ đến những sự yên vui của các cháu trước. Con không có quyền nghĩ đến con. Con

tưởng giá má thương con thì nên giúp con lo tròn bổn phận. Má nêu chi ra những viễn tưởng hãi hùng để cho con nản chí ngã lòng.

– Giá như người khác thì má cũng chẳng nói làm gì. Nhưng người này má tiếc lắm. Má chỉ sợ sau này có một lúc lòng con thay đổi, thì không bao giờ con còn có thể nào gặp được một người như thế nữa. Người ấy chắc con cũng biết...

– Má đừng nói thêm. Tên cũng vô ích. Trừ phi nhà con sống lại thì con không thể chung chạ được với ai.

– Con nói con nghĩ đến hậu vận. Má thiết tưởng nghĩ đến hậu vận thì phải biết lo xa. Ví dụ con gặp một người khá giả giúp con, dạy dỗ các cháu thì có phải là càng lợi không? Chứ một đàn con như thế, không có một người đàn ông đưa dắt, má thiết tưởng cũng khó khăn rầy rà lắm. Má ví bây giờ lỡ con ốm đau liệt giường thì làm thế nào, ai trông nom thuốc thang cho con, ai kiếm miếng nuôi các cháu?

Vân tái mặt, rồi run lên:

– Nếu có cơ sự như thế thì là trời giết con và các cháu. Trời đã giết thì không tài nào tránh được. Chứ làm người, làm mẹ, con hãy cứ biết lo trọn cái bổn phận làm người, làm mẹ.

Tiếng giày nện thình thình trên gác. Thằng Hà, thằng Vũ, thằng Điện cười như nắc nẻ chạy xuống.

– Mẹ ơi, mẹ viết chữ cho em tô, anh Hà viết xấu lắm.

– Mẹ ạ, nó tô mỗi nét như cái que củi mà nó lại bảo con viết xấu. Mẹ lên nhìn sách nó mà xem.

– Mẹ lên dạy em đánh vần, con không bằng lòng để anh Hà dạy. Anh Hà dốt lắm.

– Mày chưa biết đánh vần mà mày chê tao dốt.

Thằng Hà nói xong củng lên đầu thằng Vũ rồi chạy. Thằng Vũ toan đuổi theo đánh thì Vân đã vội nắm nó:

– Con đừng đánh anh, mày cứ lười học và cãi nhau thì mẹ giận, mẹ buồn đấy. Lên gác học đi, chóng ngoan.

Vừa nghe nói đến mấy tiếng mẹ giận, mẹ buồn, ba đứa đương lí láu bỗng im bặt rồi dắt nhau lên gác.

Vân quay lại bảo bà Nam Phát:

– Đấy má xem, cảnh con tuy góa bụa nhưng êm đềm như thế đấy.

Con không thể đem một người đàn ông vào đây để phá rối sự hạnh phúc của các cháu và... của con. Má tưởng con không sung sướng ư? Con sung sướng lắm chứ. Sung sướng vì các cháu sung sướng.

XVI

Bà Nam Phát về Siêm Rệp được một tuần lễ thì Vân nhận được một bức thư của Tùng gởi đến.

Siêm Rệp, ngày...

Thưa Bà,

Trước khi cầm bút, tôi xin Bà hãy rộng lòng tha thứ cho cái tội đường đột và bà hãy dằn lòng đọc hết bức thư.

Cụ đã nói cho tôi rõ cái ý định của bà là không bao giờ tái giá. Nhưng tôi vẫn hy vọng rằng ý định ấy một ngày kia bà sẽ thay đổi, nếu bà biết bà đã được tôn thờ bằng một tấm lòng sốt sắng của một người đã đem đặt hạnh phúc của bà và các con bà lên trên hạnh phúc của đời mình.

Cụ nói với tôi rằng cụ chưa nói lên cái người ao ước được làm bạn với bà cho bà biết vì bà nhất định không muốn nghe. Vì lẽ đó tôi mới dám mạo phạm viết cho bà bức thư này, mong rằng tấm lòng cung kính tôi đối với bà trong bấy lâu sẽ có đủ màu nhiệm làm cho bà nghĩ đến sự tái giá một cách không sợ hãi.

Có phải bây giờ bà chưa muốn tái giá thì tôi xin chờ. Ba năm, năm năm, tôi cũng có can đảm chờ được. Với một tấm lòng yêu như tôi yêu bà, thời gian không có nghĩa gì. Miễn là bà để cho tôi một hy vọng.

Tôi xin đoan với bà rằng tôi sẽ yêu các con bà như con tôi đẻ ra. Tôi sẽ làm hết những việc mà cha chúng nó nếu còn sống sẽ làm cho chúng nó. Tôi sẽ chỉ nghĩ đến chúng nó mà hy sinh hết hạnh phúc riêng của đời mình đi.

Xin bà đừng sợ tôi ghẻ lạnh. Khi nào mà lòng tôi khởi lên một tình cảm khốn nạn như thế, tôi sẽ lấy dao rạch nát lòng tôi.

Vẫn hay rằng bà vì bổn phận mà phải hy sinh hạnh phúc riêng của mình đi cho các con, nhưng tôi thiết tưởng một người đã yêu chúng như con thì sự tái giá của bà chẳng làm giảm gì hạnh phúc của chúng cả. Trái lại tương lai của chúng vì thế mà vững vàng thêm.

Tôi vẫn biết bà là một người không ích kỷ, bà là một người mẹ hoàn toàn, bà chỉ nghĩ đến các con bà, nhưng bà còn trẻ. Bà cũng có quyền nghĩ đến hạnh phúc riêng của mình một chút - mà như thế cũng không có gì là trái đạo với người đã khuất, miễn là không có gì trở ngại đến hạnh phúc của con bà thì thôi. Bà gây cho chúng một tương lai chắc chắn. Bà đem đến một cái hạnh phúc cho tôi là người tôn thờ. Tôi âm thầm trong bao nhiêu lần mà chẳng hề rì răng vì kính trọng tấm lòng làm mẹ thiêng liêng của bà.

Nếu trong lúc này, mà tôi đả động đến tấm lòng yêu bà chắc bà cho tôi là ích kỷ, nhưng với tấm lòng chân thành tôi thờ kính bà, xin bà đại lượng đối với tôi một chút.

Tôi vốn biết tấm lòng bà sợ sự tái giá như thế, mà tôi phải buộc lòng nói ra, tôi lại biết rõ rằng nếu bà không thuận thì cái kỷ niệm về tôi sẽ bị xua đuổi khỏi tâm trí bà một cách ghê tởm, thế mà hôm nay tôi phải buộc lòng nói ra thì bà cũng rõ tấm lòng tôi yêu bà nó mạnh quá rồi, không thể cầm được nữa.

Bà lại nên nhớ tấm lòng ấy không đột khởi lên bởi dục vọng trong chốc lát mà là tấm lòng tôn thờ muôn đời. Bởi nếu vì dục vọng trong chốc lát thì trong mấy năm, tôi đã quên đi rồi.

Tôi không thể quên mà chắc chắn là suốt đời tôi, tôi cũng không thể quên, vậy mong bà đoái thương mà ưng lời tôi yêu cầu thì bà đã tạo ra một đời hạnh phúc cho tôi đó.

Tôi tin rằng nếu bà không ưng thuận thì suốt đời tôi sẽ bị đen tối, không còn biết lạc thú là gì. Tôi sẽ phải sống với một đau buồn không có sức mạnh gì làm cho tôi mất đi được.

Nay kính thư.

TÙNG

Vân xem bức thư cũng bồi hồi ái ngại cho người đã yêu mình, nhưng bổn phận làm mẹ, tấm lòng lo hậu vận cho con bắt nàng phải từ chối thì làm thế nào?

Thương Tùng thì có thương, nhưng yêu? Nàng không thể yêu ai ngoài người đã khuất. Mà ví dụ có yêu, nàng cũng không thể vì lòng ích kỷ mà hy sinh cả một cuộc đời hạnh phúc của các con. Nàng liền lấy giấy viết cho Tùng một bức thư.

Battambang, ngày...

Ông Tùng,

Tôi xin thú thật rằng bức thư của ông đã làm cho tôi cảm động, và tôi xin cám ơn ông đã có một tấm lòng tốt đối với tôi như thế.

Nhưng, TÔI LÀ MẸ! Bây giờ TÔI LÀ MẸ, tôi chỉ có thể làm những việc mà bổn phận làm mẹ sai khiến tôi phải làm thôi. Bây giờ, tôi chỉ còn một hạnh phúc. Hạnh phúc của đàn con tôi.

Không phải tôi bị nô lệ những thành kiến cổ hủ hay tiếng tăm hão huyền mà từ chối lời ông yêu cầu đâu.

Tôi từ chối vì hai lẽ: lẽ thứ nhất, sự tái giá của tôi có hại cho sự yên vui về tinh thần của đời các con tôi. Lẽ thứ hai, tôi không yêu mà cũng không có thể yêu ai ngoài người chồng đã mất.

Như thế thì lấy ông, chẳng những tôi làm khổ cho các con tôi mà cũng làm khổ luôn cho cả ông nữa.

Xin ông đừng đem những viễn tưởng rực rỡ về tương lai mà cám dỗ tôi. Tôi không động tâm, bởi vì ngoài sự gây dựng cho các con tôi và kỷ niệm người chết, thì ở đời này không còn cái gì có thể làm cho tôi động tâm được nữa.

Không phải rằng tôi không tin lời ông nói rằng sẽ yêu các con tôi như con ruột ông đâu. Cho dù có thế, thì hạnh phúc của đời chúng nó cũng bị giảm. Là mẹ, tôi không thể để cho một người khác san sẻ cái tình yêu của chúng, tôi không thể bắt chúng gọi một người khác ngoài cha chúng bằng cha, tôi không thể để cho chúng chịu cái nhục nhờ vả một người khác.

Ông thành thực, tôi cũng thành thực. Ông bảo ông có thể thay cha chúng ư? Cha chúng thì không ai có thể thay được. Vì một lẽ rất thường: thay một cái quần, cái áo chứ không thể thay được người cha. Trời đã bày ra thế, biết làm sao?

Tôi vẫn biết ông có lòng quý tôi và thành thực muốn mưu hạnh phúc cho đàn con tôi, nhưng tôi, tôi không thể đáp lại lòng ông vì những lẽ tôi đã nói ở trên. Xin ông đừng hi vọng gì và từ nay mong ông đừng thư từ gì cho tôi nữa, nó chỉ làm bận lòng ông và lòng tôi mà thôi. Một người mẹ cầu xin ông như thế đó.

Sau đây, xin cám ơn tấm lòng tử tế của ông đã đối xử với gia đình tôi.

Nay kính thư.

NGUYỄN THỊ VÂN

Vân viết thư trả lời được sáu hôm thì bỗng một buổi tối, vào khoảng bảy giờ, Tùng lù lù đến. Lúc ấy Vân đang ngồi tính sổ ở cửa hàng, thấy Tùng đến, nàng cau mày tỏ vẻ khó chịu. Tùng thấy thế, sợ hãi:

– Tôi xin lỗi bà... nhân tôi có việc đi qua đây... tiện thể vào thăm các cậu.

Vốn là người lịch sự, gia dĩ cũng cảm động về chỗ Tùng quá yêu mình, nên biết Tùng sợ mà nói dối, Vân cũng không nỡ thẳng tay. Ít nhất người ta cũng có công thang thuốc cho con mình.

– Cám ơn ông, các cháu vẫn chơi cả. Mời ông vào nhà trong, để tôi cho gọi các cháu xuống.

Qua một khắc sửng sốt, Vân lại bình tĩnh ngay; nhưng Tùng thì rối loạn, muốn nói mà không biết nói gì. Vừa may, lúc ấy vú già đã lên gác gọi ba đứa con Vân xuống.

Khi thằng Hà đến bắt tay Tùng, Tùng bỗng ôm chầm lấy nó khóc nức nở. Vân sẵn có từ tâm nên nhìn thấy sự thất vọng của một người, nàng cũng thấy lòng mình rạo rực.

Thằng Hà thấy Tùng khóc chẳng hiểu làm sao, chỉ đứng ngó chàng rồi hỏi:

– Ai làm gì mà ông khóc?

Tùng lại càng nức nở. Vân thấy thế sợ các con có hoài nghi điều gì chăng, liền bảo thằng Hà:

– Tại ông Đốc thấy mẹ con mình vài tháng nữa về Bắc, nên ông nhớ các con mà khóc đấy.

Rồi sợ trong lúc quá đau đớn, Tùng có bồng bột, nói ra điều gì có thể gieo mối ngờ vực vẩn vơ vào óc các con mình, nàng liền bảo chúng lên gác.

Chúng vừa đi, vừa quay lại ngó Tùng. Khi chúng đã lên gác rồi, Vân liền quay lại ôn tồn:

– Tôi không trách ông đâu, nhưng cái cử chỉ của ông có nhiều phương hại đến thanh danh gia đình tôi...

– Nhưng thưa bà... lòng tôi...

– Tôi hiểu... Đã từng yêu... tôi cũng rõ biết.

– Bà đã rõ biết, sao bà...

– Thì tôi đã nói cho ông biết mọi lẽ trong bức thư, sao ông cứ theo đuổi làm gì? Tôi đã bảo bây giờ tôi chỉ còn sống cho các con tôi, vì các con tôi mà thôi.

Sự thất vọng làm cho Tùng đâm liều, chàng tiến đến:

– Xin bà thương tôi, thương cái đời tôi...

Rồi Tùng dang tay toan nắm tay Vân, Vân liền co tay lại:

– Ông nên nhớ tôi là một người mẹ. Ông không được phạm đến lòng tôn kính của các con tôi đối với tôi.

Lại trỏ bức ảnh phóng đại của Vĩnh treo trên tường:

– Không được vô lễ đối với... linh hồn người chết.

Giọng nói nghiêm khắc làm cho Tùng sợ hãi vã mồ hôi ra như tắm. Đầu gối run run, chàng trở về ngồi vật xuống ghế, mặt tái mét, môi xám ngắt.

Vân còn giận:

– Ông nên nhớ người chết đang nhìn chúng ta.

Tùng ngẩng đầu lên nhìn thẳng vào ảnh người chết rồi đứng dậy. Tinh thần yêu đương phát lộ ra mặt, lúc ấy làm cho chàng đẹp đẽ bội phần. Sự phấn khởi không biết tự đâu mà đến:

– Người chết, bà cứ nói đến người chết. Nếu người chết có sống lại đến đây, cũng không có điều gì quở trách tôi, vì người sẽ chứng minh cho tôi rằng: tôi yêu bà quá mà bản tâm tôi chỉ là muốn gây hạnh phúc cho các con bà.

Rồi nhìn Vân:

– Tôi xin lấy hết những thiêng liêng ở trên đời mà thề như sau, nếu tôi nói sai, xin người chết và thần linh đừng để tôi sống. Vẫn hay rằng bà phải tôn thờ kỷ niệm của người chết, nhưng gây lại cuộc đời vì bà còn trẻ trung, xây thêm những nền tảng chắc chắn cho các con bà, chẳng có cái gì là thóa mạ đến kỷ niệm của người chết cả. Nếu có phải tôi đến đây với một sự tà tâm thì vâng, bà trách phạt tôi là phải lắm. Nhưng tôi đến đây với tất cả tấm lòng thờ kính chân thành, xin bà nghĩ lại. Đối với gia đình bà, tôi chỉ ao ước được thay.

Tùng nói đến đây trỏ tay lên bức ảnh, Vân vội nói:

– Thì tôi đã bảo ngài: người chết không thể thay được. Ngài hãy nhìn: một người quả cảm như thế kia, khí phách như thế kia, có thể thay được ư?

– Thưa bà, bà hiểu lầm ý nghĩa câu nói của tôi. Tôi có dám ví mình như ông Vĩnh đâu. Tôi nói rằng bao nhiêu tấm lòng yêu đương của người chết đối với bà, đối với các con bà, tôi thấy có ở trong người tôi mà thôi. Bà có tin cho tôi như thế không?

– Tin, tôi có phải chờ bây giờ mới tin như thế đâu.

– Thế bà...

– Thì tôi đã bảo với ngài rằng tấm lòng tốt của ngài đối với gia đình tôi, chỉ có hại cho sự yên vui tinh thần của các con tôi mà chẳng bổ ích gì. Chẳng những thế, nó chỉ làm khổ cho ngài...

– Thì tôi cam chịu khổ.

– Nhưng tôi, tôi không thể để cho các con tôi khổ. Tôi không thể để cho các con tôi nhìn thấy một người khác đến tranh cướp tình yêu của chúng ở trong lòng mẹ chúng...

– Tôi có tranh cướp đâu. Tôi chỉ xin bà cho được quyền yêu chúng và gây dựng cho chúng.

Vân se sẽ lắc đầu:

– Không thể được. Các con tôi thấy một người khác đến chiếm địa vị của cha chúng thì chúng nghĩ ra sao? Ngài nói đến gây dựng, nhưng ngài hiểu sự gây dựng thế nào? Có phải cho chúng ăn hai bữa cơm, cho chúng quần lành áo tốt, cho chúng đi học là gây dựng đâu? Ngài hiểu hẹp hòi quá. Đó chỉ là vấn đề vật chất, nó chẳng có nghĩa gì đối với sự đau đớn tinh thần mà tôi sẽ gây ra cho chúng nếu một ngày kia chúng thấy... một người khác không phải cha chúng...

Tùng vừa muốn cãi thì Vân đã nói tiếp:

– Mà tôi thì không yêu ngài, tôi không thể yêu ai, mà ngài cứ làm cho tôi phải bận lòng mãi.

Giọng nói bực tức, gay gắt làm cho tiêu tan tấm lòng bồng bột của Tùng.

– Thôi thế, tôi xin lỗi bà, tôi thật là một người xấu số. Tôi thật đã gây ra cho bà bao nhiêu sự khó chịu. Tôi tưởng tấm lòng chân thành của tôi có thể làm lay chuyển được lòng bà. Ai ngờ lòng bà không có gì có thể làm lay chuyển được. Thôi, tôi xin lỗi bà. Cái số kiếp buồn thảm của tôi đã như thế, đành vậy!

Rồi cúi đầu một cách chán nản:

– Bà còn có con để khuây khỏa, chứ tôi thì lấy gì mà khuây khỏa được!

Thấy Tùng quá đau đớn, Vân thương hại:

– Trời đã định sẵn rằng chúng ta mỗi người phải đi một con đường, đành vậy!

Tùng đứng dậy toan từ giã nhưng lại ngồi xuống:

– Bao giờ bà đưa các cháu về Bắc?

– Vài tháng nữa.

– Hay tại tôi đến làm phiền lụy nên bà...

– Có phải thế đâu!

– Nếu có phải thế thì tôi xin rằng từ nay sẽ không bao giờ bước chân đến tỉnh Battambang này và nếu có gặp ở đâu tôi cũng xin tránh mặt. Như thế thì bà sẽ được vừa lòng. Bởi vì bà còn ở xứ Cao Mên, tôi dẫu không được gặp bà, tôi cũng có cái cảm giác là được gần bà một chút...

– Không phải thế! Tôi sở dĩ phải buộc lòng xa ba má tôi mà về Bắc là một xứ tôi không quen biết ai cả cũng chỉ vì nhà tôi, khi lâm chung đã dặn phải đưa các cháu về đấy học hành mới có thể nên người được. Nay các cháu đã lớn, tôi phải tuân theo ý muốn...

– Thế bà không sợ những sự chẳng may xảy ra ở một nơi mà bà không có ai có thể nhờ cậy được ư?

– Lời người chết dặn là thiêng liêng.

Tùng trầm ngâm một lát rồi bảo Vân:

– Tôi... tôi thấy bà... vẫn hay rằng không có tư cách gì để ngăn cản bà... nhưng giá bà cứ ở đây, rồi gửi các cậu ấy về Bắc học, tôi có lắm bà con ở ngoài ấy.

– ... Mẹ bao giờ cũng phải ở gần con. Thứ nhất ngày nay cha chúng nó đã không còn để săn sóc chúng nữa.

XVII

Hôm ấy, gió to. Mặt bể sóng gầm, những đám mây xám từ phương Bắc bay là là về Nam. Màu nước đen vàng. Mặt trời không trông thấy.

Tàu Claude Chappe bị sóng đánh tròng trành làm cho hành khách đều ngây ngất.

Trên boong bày ra một cảnh hỗn độn. Chỗ này một đống hòm xiểng, chỗ kia một túm người, ai cũng nhìn trời, nhìn mặt bể một cách sợ hãi.

Bí mật. Trời, nước, không khí bị rung chuyển bởi một sức bí mật.

Ai ai cũng hồi hộp chờ như lo có một cái gì ghê gớm ở lưng trời sa xuống, ở mặt nước phát lên. Sóng đánh vào mũi tàu có khi làm bắn tóe nước lên boong.

Trong con mắt mọi người, ta như nhìn thấy một cái gì ngơ ngác hãi hùng.

Ngơ ngác hãi hùng nhất là một thiếu phụ ôm ba đứa con ngồi nép vào bức tường gỗ sơn trắng.

Chốc chốc thiếu phụ lại nhìn trời, nhìn nước, nhìn tàu rồi nhìn con.

Mấy hạt mưa bắt đầu rơi xuống, những đợt sóng bạc đầu tiếp theo đánh vào hông tàu.

Bỗng một tràng sét lóe lên, tiếp theo một hồi sấm ầm ầm chuyển động không trung dội vào lòng tàu.

Ba đứa bé ôm chầm lấy mẹ. Đứa nhỏ khóc thét lên. "Có sấm, có lẽ bão, không bão...".

Câu nói ấy tự một người nói ra, rồi chạy lên môi những người ngồi trên boong như một luồng điện.

Thiếu phụ nghe được câu ấy bỗng thấy bớt sợ, hôn con rồi lẩm bẩm: "May, không có bão".

Một trận mưa rào đổ xuống. Một làn mưa bị gió hắt làm cho ba mẹ con ướt hết áo. Thằng bé nhỏ lại ôm chặt lấy mẹ.

– Con hẵng ra ngồi cạnh anh Hà để mẹ lôi hòm và va li vào gần đây không ướt hết.

Thằng bé cứ ôm nhằng nhằng lấy không buông.

– Thế anh Hà và anh Vũ chịu khó lôi vào giùm mẹ vậy.

Hai thằng bé lảo đảo đứng dậy, nắm lấy cái hòm da lôi, nhưng chúng nó bé mà cái hòm da thì to và nặng quá sức của chúng, lôi không nổi.

Liền lúc ấy, một thanh niên từ đằng lái chạy lại:

– Để tôi đỡ các cậu nào.

– À, ông Đốc! À, ông Đốc!

Thiếu phụ thấy người thanh niên bỗng sa sầm mặt lại. Thanh niên bê mấy cái rương và va li để áp vào mạn tường rồi tát yêu vào má hai đứa trẻ:

– Các em đừng sợ, mưa một chút rồi lại tạnh ngay.

Rồi nhìn thiếu phụ:

– Anh Điện sợ lắm hay sao mà ôm lấy mẹ riết thế kia?

Thanh niên không thấy thiếu phụ nói gì, ngượng nghịu toan đi, nhưng không biết nghĩ ngợi thế nào lại ngồi xuống mặt rương. Thằng Hà, thằng Vũ sấn đến:

– Ông Đốc cũng về Bắc đấy ư? Sao hai hôm nay tôi không trông thấy?

– Bao giờ thì về đến Bắc, hở ông?

Thanh niên xoa đầu chúng:

– Độ một ngày, một đêm nữa.

– Những một ngày một đêm nữa cơ à? Lâu thế! Thế ông cũng ở Sài Gòn lên đây phải không? Sài Gòn to nhỉ, đẹp nhỉ?

– Hà Nội còn to hơn, đẹp hơn.

– Thế Hà Nội là Bắc phải không?

Thằng Hà đập vào tay em:

– Cậu học giỏi nhỉ.

Thiếu phụ chỉ nhìn thanh niên ngồi nói chuyện với hai con mình mà không nói gì. Thanh niên có cảm giác là có hai con mắt nhìn vào mình nên càng không dám nhúc nhích.

– Hai cậu trông bể có đẹp không?

– Đẹp gì, tối om om.

– Mưa thì đừng tối ư? Chốc nữa tạnh trông đẹp lắm!

Thằng Điện đang ngồi trong lòng mẹ, thấy hai anh nói chuyện vui vui cũng nhổm dậy, sấn đến. Thanh niên giơ tay ôm choàng lấy nó như muốn được... lấy một chút hơi nóng của thiếu phụ. Thanh niên hôn nó rồi hỏi:

– Cậu có sợ không?

Thằng bé gật đầu trỏ tay lên trời.

– Có tôi đây rồi, cậu đừng sợ.

Rồi mạnh bạo quay lại hỏi thiếu phụ:

– Thưa bà, bà có say sóng không ạ.

– Cám ơn ông, tôi bận trông nom các cháu nên quên không biết rằng mình có say sóng hay không.

Một phút im lặng, hai người cùng im lặng, một thứ im lặng nặng nề.

Thanh niên thấy khó chịu, vội bế thằng bé đứng dậy toan đưa nó lại chơi đằng lái, nhưng thằng bé không bằng lòng, tụt xuống chạy lại với mẹ. Thiếu phụ bế nó rồi hỏi:

– Con có đói không?

Thằng bé gật đầu.

Thiếu phụ lấy một hộp sữa, lấy dao mở rồi đổ vào cốc.

Thằng Hà, thằng Vũ lúc ấy cũng sán đến đòi ăn.

– Để chốc nữa tạnh mưa, mẹ lại đằng bếp mua bánh tôm cho các con ăn.

– Chúng con ăn bây giờ cơ.

Thiếu phụ chưa kịp trả lời thì thanh niên đã vội vàng chạy đi mua. Một lát, chàng đem mấy cái bánh và một hộp thịt ướp lạnh. Thiếu phụ không bằng lòng:

– Ông chiều các cháu thế? Ông mua hết bao nhiêu để tôi xin trả lại tiền ông.

Thanh niên không trả lời, chỉ ngước mắt lên nhìn thiếu phụ một cách cầu khẩn.

Thằng Hà, thằng Vũ ăn xong thì vừa tạnh mưa. Gió lúc ấy đã bớt mạnh.

– Thế là trời không có bão nữa.

Thanh niên nói bâng quơ như thế. Thiếu phụ lúc ấy cũng hình như theo đuổi một tư tưởng gì ở trong lòng:

– Ừ không có bão...

– Tôi thấy trời trở gió mà lo cho bà và các cháu.

– Cám ơn ông.

Rồi hình như cảm động vì tấm lòng lo lắng của Tùng đối với đàn con mình, thiếu phụ liền hỏi:

– Ông cũng được đổi ra Bắc đấy ư?

– Không!

– Thế ông ra có việc! Sao mấy hôm nay tôi không trông thấy ông ở trên tàu?

– ... Tôi... tôi sợ bà biết, bà phiền lòng, nên tôi trốn không dám cho bà nhìn thấy... Lúc thấy các cậu ấy lôi cái hòm, tôi cầm lòng không được...

Vân cúi mặt ngẫm nghĩ không trả lời. Thằng Hà, thằng Vũ ăn no liền nằm xuống cạnh mẹ ngủ. Thiếu phụ xoa đầu rồi lấy cái chăn đắp cho chúng nó.

– Sao bà không đi hạng ba, mà lại đi "boong" có phải vất vả các cậu không?

– Đi "boong" thì chỉ có tôi là phải trả tiền, còn các cháu không tốn tiền. Tôi cần phải để dành tiền cho các cháu ăn học.

– Bà về Bắc không đem ai theo hầu hạ, thế những khi khuân vác hòm xiểng lên tàu xuống tàu bà làm sao?

– Thuê.

– Còn các cậu ấy, diệu vợi và mệt nhọc bà quá nhỉ?

– Đành vậy, biết làm sao! Ông ra Bắc đến chừng nào ông vào?

– Không biết...

Thiếu phụ trố mắt:

– Thế ông được nghỉ mấy tháng?

– Tôi cũng không biết.

– ???

– Tôi cứ đi rồi viết giấy xin nghỉ.

– Nếu người ta không bằng lòng cho nghỉ?

– Thì thôi luôn.

– Tại làm sao ông lại thế? Tôi đã nói rõ với ông rồi cơ mà.

Tùng hình như không cầm nổi được lòng nữa:

– Tôi vẫn biết thế. Nhưng khi tôi tưởng tượng bà ra Bắc một nách ba con mọn, lại có một mình, tôi không thể chịu được... bà nên thương tôi... Đấy, bà coi... trong khi đi đường, không có... một người đàn ông...

– Sao ông cứ nhắc mãi câu ấy. Tôi biết như thế đã lâu rồi, nhưng cảnh ngộ tôi...

– Bà đã rõ tấm lòng tôi đối với bà... không hiểu làm sao tôi thấy muốn đâm đầu xuống bể... Bà đừng quá nhẫn tâm... bà đừng... Nếu bà từ chối thì tôi chỉ còn có một cách là đâm đầu xuống bể. Tôi đã có gan bỏ việc vì bà thì tôi cũng có gan...

Vân nhìn Tùng bằng một con mắt đầy trách móc:

– Sao ông lại nói thế?

– Thì tôi không thể sống được nữa, bà bảo sao? Bà muốn cho tôi chết, thì đây tôi xin chết trước mắt bà.

Nói xong, Tùng nhổm dậy. Vân vội vàng nắm lấy tay Tùng bắt ngồi xuống cạnh mình.

– Ông muốn cho tôi có một cái án mạng trên lương tâm?

– ...

– Phải, tôi cũng biết người ta lắm lúc quá thất vọng, không muốn sống nữa thật đấy. Nhưng muốn chết nhiều khi cũng vẫn phải sống là vì... Nếu tôi không có các cháu, thì có lẽ sau khi nhà tôi mất, tôi chẳng còn sống đến ngày nay. Lấy gì mà sống? Nhưng tôi vẫn phải sống là vì tôi có các cháu.

Rồi nhìn thẳng vào mặt Tùng:

– Ông yêu tôi lắm phải không?

Tùng nắm chặt lấy tay Vân mà không trả lời. Vân cũng chẳng rút tay lại, chỉ lắc đầu một cách chán nản:

– Tôi không ngờ tấm lòng ông, nhưng ông yêu một cách hẹp hòi ích kỷ quá. Ông chỉ nghĩ đến ông, sự hạnh phúc của ông. Ví dụ, có vì tôi mà ông phải chết, thì tôi cũng đành để ông chết, chứ không thể nhận lời được.

Rồi trỏ đàn con:

– Trước tôi phải vì chúng nó... nghĩ đến chúng nó mà không thể vì ông, nghĩ đến cái chết của ông được. Ông bảo ông yêu tôi. Nói rằng ông chỉ yêu ông thì đúng hơn.

Tùng buông tay Vân ra, toan cãi.

– Ông hẵng lặng yên nghe tôi nói. Bao giờ ông có yêu tôi như tôi yêu các con tôi thì mới gọi là yêu được. Nếu tôi chỉ nghĩ đến tôi, đến

hạnh phúc... hẵng đừng nói hạnh phúc vội, tôi chỉ nghĩ đến sự yên vui của đời tôi thì tôi lấy ông ngay. Lấy ông sẵn tiền lương của ông, sẵn có người đùm bọc, tôi không phải lo nghĩ, vất vả có hơn không. Nhưng vì tôi yêu các con tôi quá, tôi không thể nghe lời ông được. Tôi chỉ nghĩ đến chúng nó mà không dám nghĩ đến mình. Ông ích kỷ như thế mà ông nói ông yêu! Ông thử đem so sánh rồi ông xét lại lòng ông xem.

Tùng chỉ lấy tay gạt nước mắt mà không trả lời.

Vân ái ngại:

– Ông Tùng! Sự sống nó tàn nhẫn như thế đấy biết làm sao... Nếu ông yêu tôi thì ông nên nghĩ đến cái bổn phận làm mẹ của tôi. Tôi chỉ có thể sung sướng khi nào tôi làm đầy đủ bổn phận. Tại làm sao ông cứ cố theo đuổi để cố ngăn tôi không cho tôi làm đầy đủ bổn phận. Ông cứ muốn làm giảm phần sung sướng của tôi trong khi làm mẹ. Tôi đã bao lần nói với ông: Bây giờ tôi là một người mẹ, tôi đã là một người mẹ! Người mẹ có quyền không cảm động, không thương xót nếu sự cảm động và thương xót ấy có di hại đến sự yên vui của đời các con mình. Lúc thiếu thời, tôi đã được hoàn toàn sung sướng trong khi làm vợ thì đến bây giờ...

Vân nói đến chỗ thương tâm cũng ứa nước mắt.

Tùng sợ hãi:

– Tôi xin bà nín đi, tôi hiểu lòng bà lắm rồi, nhưng tôi...

– Nếu ông có thương tôi thì xin ông nghe lời tôi, ông đừng để cho tôi bị giày vò bởi cái ý nghĩ: Vì tôi mà có một người đau khổ. Ông nên vào ngay Cao Mên làm việc, chứ không thì có nhiều sự cản trở cho đường công danh của ông. Ông đừng nên để cho cái đời tôi đã buồn lại phải buồn thêm. Ông thương tôi thì ông nên nghĩ đến cái cảnh ngộ tôi một chút. Tôi đã bảo rằng đời góa bụa của tôi, không cần đến một người đàn ông để nuôi con mà. Tôi không thể vì ông mà để cho con tôi phải chịu một sự đau đớn tinh thần về mai sau. Ông đã nghe ra chưa?

– Nhưng tôi khổ lắm...

– Ông nói ông khổ. Cái khổ của ông không thấm vào đâu với cái khổ của tôi: Một người chồng đang yêu quý chết một cách thảm khốc, một đời... tình ái trẻ trung tan gãy, lại ba mụn con thơ. Ấy thế mà tôi vẫn sống được, vẫn phải sống. Nếu ở đời này, chỉ nghĩ đến mình

thì dễ lắm. Nhưng thế thì sao gọi là người có lòng được. Ông cố quên tôi đi. Thời gian sẽ giúp ông...

– Tôi không thể quên được đâu.

Tùng đau đớn đứng dậy toan đi, bỗng quay lại:

– Vâng, tôi xin nghe lời bà. Thế bà cho phép tôi lâu lâu viết thư về thăm cháu. Và nếu có một ngày kia...

– Cái ngày kia, không có đâu, không bao giờ có. Tôi đã bảo tôi không bao giờ tái giá mà. Bây giờ các con tôi còn bé tôi đã không tái giá, thì khi chúng nó lớn lên, tôi lại càng không thể tái giá được. Nhưng lâu lâu ông nghĩ đến tôi, ông cứ viết thư về thăm, và tôi sẽ trả lời ông. Nhưng xin ông thưa thưa cho một chút vì lúc này tôi cần phải để hết đầu óc nghĩ kế sinh nhai.

– Nếu bà đoan với tôi nếu có bao giờ cần dùng đến bất cứ một việc gì thì bà...

– Vâng, tôi sẽ xin nhờ đến ông mà tôi coi là một người bạn rất trung thành và đại lượng.

Tùng thở dài:

– Số mệnh tàn khốc thật!

– Tôi tưởng đối với tôi số mệnh còn tàn khốc hơn là đối với ông. Tại làm sao tôi không than mà ông cứ than. Một khi người ta đã thấy có một trách nhiệm phải làm, rồi cứ theo đuổi làm cho đầy đủ cái trách nhiệm ấy thì cho dù số mệnh tàn khốc đến đâu, cũng tự khắc được an ủi.

Thằng Điện cựa mình, Vân vội bế nó lên lòng:

– Tôi cứ nhìn chúng nó là bao nhiêu đau buồn tiêu tan hết. Trong khi ngã lòng đến đâu mà thấy mặt chúng nó là tôi lại thấy có nghị lực, can đảm ngay. Thôi, ông... chúng ta đừng nên quá ích kỷ một chút thì hạnh phúc dễ kiếm lắm.

– Thế xin bà giữ những lời hứa với tôi?

– Tôi không bao giờ sai lời hứa. Nhưng xin ông đừng hi vọng về sự tôi tái giá.

Mười một giờ đêm hôm ấy, tàu đến bến Sáu Kho.

Mặt bể, sóng lăn tăn lấp lánh bóng trăng, coi tựa những cái suối vàng đang chảy. Những tàu, những bè chi chít ép ở trong bờ bày ra

một quang cảnh lộn xộn. Bên này, rặng núi miền Đông Triều, Uông Bí, nằm dài dưới chân trời lẩn mình vào những đám mây trắng.

Vầng trăng tròn xoe đĩnh đạc gắn giữa vòm trời. Mấy ngọn hải đăng sáng lòe xé màn đêm. Tàu cập bến, người lên kẻ xuống rộn rịp. Còi ô tô, tiếng phu xe inh ỏi...

Vân đang đứng dựa lan can tàu nhìn mọi người thì Tùng đến khẽ vỗ vào tay nàng:

– Thôi, tôi xin chào bà.

– Chúc ông mạnh khỏe. Đến bao giờ ông vào?

– Tôi về nhà chơi vài hôm rồi khi nào tàu này vào Sài Gòn, tôi lại vào.

– Thế khi nào ông gặp ba má tôi thì ông nói giùm hộ, tôi ra ngoài này bình an vô sự nhé.

– Xin vâng. Thế không có ai ra đón bà ư ?

– Tôi có đánh dây thép cho ai biết đâu mà ra đón.

Vân nói dối thế, chứ nàng có đánh dây thép cho bố mẹ chồng, nhưng chẳng hiểu vì lẽ gì, chẳng ai ra đón cả.

– Thế bà không lên bộ ư?

– Thôi khuya rồi, tôi ngủ dưới tàu, sáng lên cho tiện. Bây giờ lên đi ngủ phòng thì bất tiện quá. Mà như thế vừa tốn tiền, vừa làm mất giấc ngủ của các cháu.

Tùng tần ngần xoắn xoe cái mũ như muốn nói gì mà không dám nói. Mãi sau, chàng mới đánh bạo nói:

– Tôi xem hình như bà phải nghĩ đến... kế sinh nhai nhiều lắm. Tôi nói thế này là... do lòng chân thành... bởi ít nhất bà đã cho tôi là bạn của bà... xin bà nên yên trí rằng tôi không dám khinh khi bà đâu và quả tình tôi không có... ý gì quất quéo về sau cả. Tôi có một mình, nhà giàu, lương nhiều, giá bà cho phép tôi gửi mỗi tháng... ít tiền về để các cháu ăn quà.

Giá một người khác nói thế thì thế nào cũng bị Vân mắng, nhưng sự chân thành hiện lên rõ rệt ở mắt Tùng, nên nàng không cho đó là một sự khinh mạn:

– Cám ơn ông, tôi cũng có nhiều tiền. Tôi sở dĩ phải tiết kiệm là vì... chẳng cần tiêu. Xin ông đừng có xử như thế mà mang tiếng tôi và tôi sẽ giận ông. Tôi không muốn cho các cháu phải hàm ân ai cả

dù là họ hàng. Tôi đã đoan với ông rằng nếu khi nào tôi có cần dùng gì, tôi sẽ nghĩ ngay đến ông mà.

– Thôi thế tôi xin phép bà cho tôi hôn các cậu một lần trước khi từ biệt, bởi vì... biết bao giờ còn có dịp gặp nhau nữa...

Tùng nói đến đây như đẫm lệ. Vân lại lật chăn cho Tùng hôn ba cái đầu tóc bơ phờ chúm vào nhau. Thằng Hà gác chân lên bụng thằng Vũ mà ngủ. Vân vừa giơ tay toan nhấc chân nó ra thì Tùng trong khi đang hôn nó, vội vàng nắm lấy tay nàng để lên miệng. Vân liền rụt tay lại.

– Xin bà chớ coi đó là một sự ngạo mạn, đó chỉ là tấm lòng thành kính của tôi đối với một người mẹ muôn phần đáng kính, đáng trọng. Thôi chào bà.

– Chào ông.

Vân ngùi ngùi nhìn Tùng xuống thang. Xuống đến đất, Tùng còn lấy mũ vẫy Vân. Vân cũng giơ tay ra hiệu từ giã.

Lúc ấy, khách lên bộ đã gần hết, chỉ còn năm bảy người không có nhà ở Hải Phòng ngủ lại trên tàu.

Một người Tây thấy nàng xinh đẹp mà lại có một mình đứng tần ngần ở đấy, liền sấn lại:

– Cô nhìn trăng hay chờ ai đấy?

Nàng quay đi không trả lời.

Người Tây tiến lại gần, giơ tay sờ vào má nàng:

– Trời lạnh thế này, đứng một mình buồn nhỉ?

Nàng vừa lấy tay hất tay y ra thì liền bị y nắm chặt lấy cổ tay. Điềm tĩnh, nàng nói bằng một giọng đĩnh đạc:

– Nếu ông không buông tay tôi ra, tôi kêu lên bây giờ. Sao ông bất lịch sự thế?

Người Tây còn tiếc rẻ chưa buông thì nàng lại nói:

– Hay ông muốn tôi lại dùng cách bất lịch sự đối lại với ông? Ông có buông ra hay không thì ông bảo?

Thấy nàng nói tiếng Tây rất đúng mẹo mà cử chỉ lại rất dõng dạc, người Tây xấu hổ vội vàng buông, ấp úng mấy câu không rõ nghĩa rồi lủi mất.

Cái cử chỉ sỗ sàng của người ta sực làm cho nàng nghĩ tới những sự khó khăn mà nàng sẽ phải gặp sau này, trong khi không có một người đàn ông che chở ở một đồng đất xa lạ.

Nàng nhìn ra đêm tối thấy nao nao sợ hãi. Lòng nàng lúc ấy thấy giá lạnh.

Thì cái tương lai bất ngờ cũng sâu thẳm và bí mật như đêm tối kia. Biết bao gian nguy sẽ ẩn ở trong ấy để vật ngã nàng. Nàng thấy rùng mình, rợn tóc gáy.

Nàng nhìn ra biển cả mênh mông mà có cái cảm giác như mình đang bị vây bọc bởi phong ba không hạn định của hậu nhật. Nàng nghĩ đến ốm đau, chết chóc, nàng nghĩ đến sinh kế, nàng nghĩ đến chông gai của đời. Nhờ ai, cậy ai, lại ba mụn con thơ phải cần có mình, chỉ trông cậy có mình. Nàng tưởng tượng đến cái rừng người mà loài người đối với nhau như thú dữ. Chỉ những bóc lột, chỉ những lường gạt, chỉ những áp bách. Từ khi chồng nàng mất đi, một mình đứng mũi chịu sào, nàng đã thấy rõ cái luật trời: mạnh được, yếu thua, khôn sống, mống chết. Mà nàng thì yếu ớt với ba đứa con thơ yếu ớt hơn nàng. Nàng bỗng thấy mềm nhũn cả người. Hai dòng nước mắt không biết từ đâu cứ từ từ tuôn ra.

Nàng nhìn bể cả thì sóng chập chờn, nàng nhìn vào đêm tối thấy đêm tối chập chùng chứa đầy những bí mật hãi hùng.

Một phút, vầng trăng bị một đám mây che lấp làm cho cảnh vật tối đen, Vân hoảng sợ, thấy lạnh buốt xương sống, tưởng chừng có muôn nghìn những nanh vuốt của những ma quái bí mật đang vờn qua trước mặt mình. Nàng thấy hơi thở của mình bị đứt ra từng khúc.

Thằng Điện cựa mình:

– Mẹ ơi, em lạnh.

Tiếng gọi của con nàng trong lúc tinh thần khủng bố ấy, như một tiếng sét sáng lòe trong đêm tối.

Con nàng lạnh! Con nàng lạnh! Tiếng vang ấy dội vào tâm khảm. Nàng không được sợ lạnh, nó chỉ có mình nàng để đuổi cái lạnh đi cho nó.

Nàng vội vàng chạy lại bế nó vào lòng. Hơi nóng của thằng bé như chảy xuyên qua da thịt nàng mà vào làm nóng trái tim. Ôm thằng bé, nàng thấy đỡ sợ, đỡ buồn, đỡ lo, đỡ khổ.

Đám mây che phủ mặt trăng đã tan. Cảnh vật lại sáng. Ánh sáng lại nhảy nhót múa mênh trên đợt sóng. Vầng trăng chói lọi vẫn điềm tĩnh thả ánh sáng xuống mặt đất. Cũng như mặt bể chập chờn những chấm lửa, lòng Vân bỗng thấy phấn chấn, đột khởi những đốm hi vọng dạt dào.

Nàng nghĩ đến tương lai không thấy hãi hùng như trước nữa.

Tương lai vô định cũng như mặt bể không bờ bến kia, ngày mai mờ mịt cũng như đêm tối âm thầm kia, nhưng nàng cảm thấy tấm lòng yêu con của nàng cũng như ánh sáng mặt trăng kia cứ thản nhiên rủ xuống cảnh vật, đánh đuổi đêm tối.

Mây che lấp, trăng lại ló đầu. Bể nước dù biến chuyển, đêm tối dù âm thầm, trăng vẫn sáng tỏ, vẫn bình tĩnh trước sương sa gió giật.

Nhìn vào tấm lòng yêu con, dựa vào tấm lòng con thương mình. Vân như thấy có đủ sức mạnh để chống chọi với bất ngờ của hậu nhật, bình tĩnh như ánh trăng kia. Nàng cúi xuống hôn con như cầu xin nó đem lại cho mình đủ can đảm nghị lực để phấn đấu, phấn đấu cho nó, phấn đấu vì nó. Nàng ôm lấy nó như tín đồ ôm một đạo bùa hộ mệnh để được vững vàng mà bước trong chốn rừng tên mưa đạn, đầy những hiểm nghèo.

Nàng bỗng thấy một niềm kiêu hãnh được che chở, được đùm bọc các con của kẻ làm mẹ nổi lên làm tràn ngập tâm hồn. Sung sướng, nàng se sẽ nhắm mắt lại. Nàng nhìn vào đáy lòng, thấy ba đứa con nàng đem lại cho nàng những nguồn sống mãnh liệt, có thể đối chọi được với tất cả nguy nan mà không nao núng.

Nàng nâng con se sẽ ru: *"Sương buồn ôm kín non sông..."* .

Phổ thông bán nguyệt san, các số 43 và 44,
16-9-1939 và 1-10-1939.
Nhà xuất bản Trẻ TP. Hồ Chí Minh tái bản, 1995.

HẬN NGHÌN ĐỜI

(Tiểu thuyết - Trích)

Truyện được kể ở ngôi thứ nhất - người kể chuyện là nhân vật "tôi". Phần đầu truyện, kể về việc "tôi" quen biết với nhân vật chính như thế nào. Đó là trong một chuyến buôn lậu trên đất Xiêm (Thái Lan), "tôi" gặp một người lạ mà cách ăn mặc, nhất là cử chỉ hành vi rất giống mình. Họ dường như nhận biết nhau là những kẻ cùng hội cùng thuyền - Ở một trạm kiểm soát, người lạ kia đã nhận là của mình chiếc va li chứa hàng lậu của "tôi". Thái độ bình tĩnh tới thản nhiên, dửng dưng của người đó khiến nhân viên kiểm soát bỏ qua hai chiếc va li, không hề ngờ rằng trong đó chứa hàng lậu. Người bạn đồng hành của người lạ đó đã nói qua cho "tôi" biết sở dĩ anh ta dửng dưng, thờ ơ trước mọi sự như vậy vì anh ta không còn thiết tha gì ở cuộc đời này sau một mối tình tan nát.

Rồi sau đó người lạ ấy với "tôi" trở thành đôi bạn thâm giao. Trước một chuyến đi xa, anh ta kể cho "tôi" nghe chuyện mối tình đó của mình. Dưới đây là lời anh ta.

*

* *

....

Tôi còn nhớ lắm năm 1920, là năm tôi mười bảy, tôi đương ngồi dưới nhà ngang thì nghe tiếng mẹ già tôi gọi:

– Có đứa nào dưới đấy, gọi thằng Ba lên đây.

Tôi giật nẩy mình, thì thuở nay, mỗi khi thầy tôi, hoặc mẹ già tôi gọi đến tôi thì phi đánh, tất phải chửi. Mà ít ra cũng phải nghe những lời đay nghiến đau đớn hơn là roi đòn. Nó là cái dùi lửa xiên vào lòng tự ái. Nó thấm thía đến tim gan vì những câu đay nghiến ấy nào phải chỉ riêng cho tôi, còn móc máy mẹ tôi là người đã khuất bóng từ hồi tôi mới lên mười.

Nghe tiếng mẹ già tôi gọi, tôi còn chưa dám chạy lên ngay vì lên ngay thì mẹ già tôi nhiếc:

– Quân ăn cướp, đi đâu mà vội vàng thế?

Còn lên chậm thì:

– Đồ điếc lòi, ngồi đâu mọc rễ ra đấy, gọi tám trống canh chưa thấy mặt.

Mẹ tôi đã mất sớm. Ở cái gia đình này, còn ai thương yêu tôi nữa! Còn tôi thì biết thương yêu ai bây giờ? Hồi ấy, cha tôi đối với tôi lúc nào cũng gắt gỏng, động một chút là đấm, là tát, là chửi, là mắng. Mẹ già tôi coi tôi như cái gai trước mắt, nào lườm, nào nguýt, thôi thì xỉ vả không còn chỗ nói. Anh cả tôi thì coi tôi như người dưng. Nhưng người dưng tuy đối với mình, không yêu nhưng cũng không ghét, còn kẻ đồng tình với mình mà nhạt nhẽo như người dưng thì phần thương đã không có mà phần ghét bỏ lại tăng tiến hơn nhiều. Anh hai tôi năm ấy lên mười, kém tôi năm tuổi, vì là con mẹ già, nên tôi phải gọi bằng anh. Trong cái tuổi ngây thơ ấy, tâm hồn đâu đã có những điều hiểm độc, nhưng vì thấy cả nhà ghét bỏ tôi, nên anh cũng hùa theo. Nhiều lần chỉ vì anh hai tôi mà tôi bị lắm trận đòn nên thân. Hai chị tôi đối với tôi rất là ghẻ lạnh, còn đầy tớ trong nhà cũng khinh khi tôi nốt vì tôi cũng gần như chúng nó.

Mẹ già tôi gọi tôi. Tôi chờ đến cái thời kỳ vừa phải, nghĩa là không gần lúc gọi mà cũng không xa lắm, Mới dám lên:

– Thưa mẹ, cho gọi con.

Mẹ già tôi cứ thấy mặt tôi là đã đổ ghét, bèn ngoảnh bảo thầy tôi:

– Đấy, nó đã vác mặt dầy lên đấy, ông bảo gì nó thì bảo đi.

Tôi vẫn cúi mặt chưa dám nhìn. Thầy tôi cũng chưa kịp nói gì thì mẹ già tôi lại nói tiếp:

– Bảo hộ với bảo hiếc gì nó. Năm nay đỗ cái bằng tốt nghiệp chẳng qua chó ngáp phải ruồi. Người gì mà mặt lúc nào cũng lầm lầm như chó ăn vụng bột. Đầu tóc thì rũ rượi như đứa chết trôi.

Thật là tức có thể ứa máu cổ. Tôi mà chải chuốt thì mẹ già tôi chửi là làm dáng. Còn để tóc không chải thì lại chửi là đứa chết trôi. Đằng nào mẹ già tôi cũng chửi. Ở vào cái cảnh tôi lúc bấy giờ, thật không còn biết thế nào là phải trái. Tôi cho đời người rất nhiều cái khổ, nhưng không có cái khổ nào bằng lúc tâm hồn bị phân vân, vất va vất vưởng chẳng biết bám víu vào đâu để tìm nguồn sống. Có khi việc tôi làm là phải cho thầy tôi mà lại không là phải đối với mẹ già tôi. Cũng có lúc là phải đối với mẹ già tôi lại không là phải đối với thầy tôi.

Tôi còn nhớ một buổi chiều ở trường thầy giáo dạy về luân lý, có khuyên học trò phải sạch sẽ. Tôi yên trí lời thầy dạy là phải. Sớm hôm sau thức dậy, tôi vội vàng ra ao, tắm rửa kỳ cọ. Vì mải "sạch sẽ" quá, nên tôi tắm lâu quên bẵng không đánh thức anh hai tôi. Anh hai tôi chợt dậy trông đồng hồ đã gần đến giờ đi học mà chưa kịp rửa mặt, mặc quần áo, bỗng khóc vang nhà.

Mẹ già tôi đang ngủ chồm dậy hỏi:

– Vân, ai làm gì con mà con khóc thế?

Giọng nói mới êm ái âu yếm làm sao! Tôi còn nhớ mấy năm về trước kia cũng có một người nói với tôi bằng thứ giọng âu yếm, êm ái như thế. Nhưng người ấy lúc bấy giờ đã chết, đau đớn mà chết, ức uất mà chết. Tôi nghĩ đến lúc nào là ứa nước mắt. Nhưng tôi không có quyền khóc như anh hai tôi. Vì mỗi khi mẹ già tôi thấy tôi có nước mắt lại chửi:

– Rõ giống con đĩ mẹ mày, động một chút là chảy nước đái ra.

Vì tôi không muốn ai động đến linh hồn mẹ tôi, nên tôi không khóc ra nước mắt. Tôi chỉ nuốt... Nuốt nước mắt? Cái câu rất thường nhưng ý nghĩa rất chua cay, tôi đã hiểu từ khi tấm bé, từ khi mà những trẻ con cùng tuổi với tôi còn đang vui đùa với con bướm, ông trăng.

Anh hai tôi kể lể, mẹ già tôi bèn gắt:

– Thằng ông mãnh kia, sao mày không đánh thức anh?

Con u em mách lẻo, tấn công:

– Thưa bà, cậu ấy tắm giặt từ tờ mờ sáng đến giờ chưa xong.

Mẹ già tôi đùng đùng nổi giận, ngồi dậy vấn tóc, với lấy cái phất trần ở vách vụt tôi tối tăm mặt mũi. Vừa đánh, vừa nhiếc:

– Người không đáng đồng kẽm mà chải chuốt. Này... chải chuốt với bà này... chải chuốt với bà!

Hôm ấy ra trường, tôi đầu bù, tóc rối, mặt mũi lem nhem, thầy giáo liền mắng:

– Sao hôm qua, tôi dạy anh người ta phải ăn ở sạch sẽ mà anh để đầu tóc, quần áo thế kia, anh là đứa học trò hư!

Rồi thầy giáo lại vụt tôi chừng mười thước kẻ nữa. Đâu là chân lý? Chân lý lúc ấy đối với tôi chỉ là sự dối giả và bất công của loài người. Sinh vào một gia đình nào mà cha mẹ biết lấy cái tình thiêng liêng mà cảm hóa được lòng ta, biết lấy cái lý trí sáng suốt mà dẫn

dụ cho ta, đó là hạnh phúc của tuổi niên thiếu. Đối với tôi, hạnh phúc ấy đã không có. Người ta đã chẳng dẫn dụ, chẳng yêu đương thì thôi, người ta lại kiếm hết cách làm cho linh hồn tôi ung độc.

Một vết thương ở linh hồn lúc còn ấu thơ nào có phải một cơn gió thoảng qua, một cơn giông đổ lại, bão mau mau cùng với thời gian qua mà tiêu tan. Nó in sâu vào tim gan, nó thâm nhập vào cốt tủy. Đấy, cái lý do mà bạn bè trong tôi thường bảo tôi giống con "cú sầu vạn niên". À, tôi kể đến đâu rồi nhỉ?

– Đến chỗ mẹ già anh gọi lên rồi đang nhiếc anh.

– Tôi đang tê tái vì những lời nhiếc mắng của mẹ già thì thầy tôi bảo:

– Thầy định cho con ra Hà Nội học, vậy từ nay đến hết hè, con phải cố học để thi vào trường Bảo hộ.

Ra Hà Nội học. Một điều bấy nay, tôi không hề bao giờ dám mơ tưởng đến. Tôi nghe thầy tôi nói mà choáng váng cả người. Tôi vẫn đinh ninh rằng đường công danh tôi đến cái bằng tốt nghiệp là cùng, ai ngờ lại có sự may mắn ấy. Tôi mừng quýnh vội quả quyết trả lời ngay:

– Thầy cho con ra học, con xin cố.

Rồi quay sang thấy mẹ già tôi có vẻ bất bình, tôi liền nói thêm:

– Thầy mẹ có bụng thương cho con đi học thêm, con xin cố, nhưng vị tất con đã thi đậu vào trường Bưởi được.

Mẹ già tôi nói một giọng chế nhạo, chua chát:

– Phải học mà làm ông Tham ông Phán. Tham Phán thì ấm vào xác, chứ bà đây bà chẳng thèm nhờ.

Tôi nghẹn họng không biết nói làm sao. Anh cả tôi ngồi một bên trường kỷ, nhìn tôi một cách khó chịu rồi bảo:

– Chú ấy có tài thì chú ấy đỗ, hơi đâu mẹ nói lôi thôi.

Giọng nói chứa đầy sự tức tối, giận dỗi chỉ rình cơ hội để trút bớt ra. Thì chẳng may cho con chó Mực. Nó đang ở đâu bỗng đâm choàng vào gần chân anh tôi mà nằm. Anh tôi mắm môi đạp con Mực kêu cái *"oẳng"*:

– Gớm, chó cũng muốn sang, cứ lên chỗ cao ráo mới chịu nằm.

Vì tôi thành con Mực phải đánh oan. Cái thân tôi lúc ấy còn khổ hơn con Mực. Con Mực còn được yên ổn sống coi nhà, chứ tôi có được yên ổn sống như nó đâu.

Tôi xuống nhà. Trên nhà còn xì xào to nhỏ, chắc là chỉ có chuyện tôi, mà toàn là những chuyện không hay cho tôi cả. Tôi tuy không nghe, nhưng cũng đoán rằng mẹ tôi và anh tôi đương bới lông tìm vết để nói xấu tôi với thầy tôi.

Mọi khi, những cử chỉ ấy làm cho tôi buồn rầu lắm. Nhưng hôm ấy thì không. Hai chữ Hà Nội như đã cuốn hết sầu não mà vất đi. Tôi tưởng tượng đến một tỉnh thành rực rỡ và sự tự do của tôi ở trong cái tỉnh thành đầy hoạ mộng ấy. Tôi chưa được ra Hà Nội bao giờ.

Tôi còn nhớ năm nào mẹ già tôi, anh hai tôi, hai chị tôi đi chùa Hương về nói chuyện Hà Nội. Nào nhà ngói như bát úp, đường đi như bàn cờ, nào nhà hát, nào xe điện, nào cao lâu, nào Hồ Gươm, nào Hàng Đào con gái đẹp như tiên, nào Hàng Ngang có chú Khách béo như chum, nào Hàng Buồm thơm ngát những mùi xá xíu và lê, táo, còn vô số là những vui thú... Lại nói đến chợ Đồng Xuân, kẻ bán, người mua như nêm cối, ăn cắp như rươi.

Nói đến ăn cắp, tôi ngớ ngẩn hỏi u già:

– Ở Hà Nội, cũng có ăn cắp ư?

U già chẩu mỏ có vẻ trân trọng, bảo tôi:

– Cậu chưa biết, kẻ cắp chợ Đồng Xuân nó nhanh như cắt. Tiền thắt vào dùi tượng, nó cũng cắt được. Ngoảnh đi, ngoảnh lại, vô ý một ít là mất ngay. Cậu bao giờ được đi Hà Nội, có cái gì phải coi chừng không nó lấy hết.

– Thế làm thế nào mà biết được ăn cắp?

– Nó cũng ăn mặc lôi thôi lếch thếch như cậu.

Câu nói của u già làm cho tôi chán ngán. Tôi ngoảnh lại ngắm thân hình: quần vải lịm một manh vá ống, áo vải tây thâm rách tay, cái mũ rơm của anh cả tôi cho đã cũ. Có cái gì đáng tiền mà sợ ăn cắp lấy! U già nhận xét đúng: có lẽ ăn cắp trông thấy tôi nó cũng tưởng tôi cùng một phường với chúng nó.

Tôi nghe lỏm những học trò đi học ở Hà Nội về nói con gái Hàng Ngang, Hàng Đào đẹp và lịch sự lắm. Các bà mẹ ông Thông, ông Phán ở tỉnh tôi chỉ ao ước cho con lấy được vợ Hàng Ngang, Hàng Đào, nhưng ít ai được cái vinh dự ấy. Bà điều Liêm, người tỉnh tôi cưới vợ cho con là người Hàng Đào, đón dâu bằng những sáu bảy chiếc ô tô, pháo đốt tưởng chừng như vỡ tỉnh. Ai hỏi con dâu bà người đâu thì bà nói một cách vênh váo:

– Cháu người Hàng Đào.

Từ đấy, nói đến con gái Hàng Đào là tôi tưởng tượng ngay đến những thiên kim tiểu thơ, da trắng như trứng gà bóc, vàng đeo đầy mình, chân tay nõn nà như ngọc, miệng cười tươi như hoa... Cứ tưởng tượng ngần ấy cái đẹp đẽ, tôi đâm ra hy vọng hão huyền. Rồi tôi tưởng tượng tôi cũng đỗ ông Phán, tôi cũng lấy con gái Hàng Đào. Nhưng ngán thay, trận gió độc địa thổi qua làm bay tà áo, tôi trông thấy cái áo vải thâm cũ rích, tôi liền bị mất hứng ngay.

Hà Nội? Tôi sẽ về Hà Nội. Tôi sẽ được xa cha, xa mẹ già, xa anh em là những người coi tôi như cừu thù này. Cái hy vọng công danh còn mù mịt chưa biết, nhưng được xa nơi ngục hình này lòng tôi rất lấy làm khoan khoái.

*

* *

Trước khi kể những chuyện xảy ra, tôi tưởng cần phải nói cho anh biết qua gia thế tôi.

Cha tôi quê ở Hà Đông, con nhà Nho. Nhưng thời buổi Tây, Tàu nghiên bút đành xếp xó. Việc tảo tần mặc một tay mẹ già tôi. Mẹ già tôi người đanh thép, buôn bán đảm. Xét thấy việc làm ruộng ở nhà quê vất vả, chẳng lợi lộc là bao, mẹ già tôi khuyên thầy tôi bán hết ruộng lấy vốn lên Bắc Giang buôn bán. Tỉnh Bắc Giang lúc ấy mới mở, kẻ buôn bán còn ít, mà dân quê ngu dốt phần nhiều, nên trong hơn hai mươi năm đặt đổi và cho vay mượn, nhà tôi đã trở nên giàu có. Vì nhà nhiều việc quá lại neo người, nên mẹ già tôi định lấy nàng hầu cho thầy tôi để giúp đỡ công việc. Nàng hầu! Hai chữ nàng hầu, cứ nghĩ đến là tôi ghê mình!

Ông ngoại tôi mất sớm. Bà ngoại tôi đem mẹ tôi và cậu tôi lên Lục Nam buôn bán. Mẹ con tảo tần hôm sớm nuôi nhau, dẫu chẳng sung túc nhưng lần hồi cũng đủ ăn tiêu. Cái cảnh mẹ góa con côi được như thế cũng tạm lấy làm mát mặt. Nhưng chẳng may đến năm mẹ tôi mười bảy tuổi vì cậu tôi ốm, rồi đấp luôn vài việc, thành ra sa sút. Bà ngoại tôi có vay mượn của mẹ già tôi ít nhiều. Mẹ già tôi xem tình thế bà ngoại tôi không thể trả được mà xét thấy mẹ tôi là người nết na hiền hậu bèn tính cách: mất của thì ta lấy người. Mẹ già tôi liền dỗ ngọt bà ngoại tôi:

– Cụ chẳng may phải lúc vận áo xám, buôn bán thua lỗ, lại túng thiếu. Thôi thì cụ cho em nó về ở đây với tôi cho có chị, có em. Rồi tôi giúp thêm cho cụ ít vốn mà buôn bán, may ra trời trông lại... biết đâu.

Nuôi con những ước về sau...

Bà ngoại tôi trước không nghe, sau tình thế quẫn bách bèn bàn với mẹ tôi. Mẹ tôi thấy mẹ già thiếu thốn mà em trai thì không chỗ nương dựa, nên cũng liều nhắm mắt để cứu vãn vận nhà.

Một hôm, mẹ già tôi và vài người nữa đi ba cái xe lên Lục Nam đón mẹ tôi về. Thế là mẹ tôi đương là con gái yêu quý của bà tôi, người chị hiền của cậu tôi đã phải xả thân vào làm tôi tớ nhà người. Tự đấy cái đời mẹ tôi đã gặp bao nhiêu cơn mưa gió phũ phàng. Ông ngoại tôi trước kia làm ông đồ nên cũng dạy mẹ tôi được ít nhiều chữ nghĩa. Cũng bởi mẹ tôi là người thông minh lại lắm tình cảm, nên những cảnh ngứa ghẻ đòn ghen lại càng làm cho mẹ tôi đau đớn.

Tự hồi lên sáu là tôi bắt đầu có trí nhớ thì những sự ngược đãi của mẹ già tôi đối với mẹ tôi đã khiến tôi phải não lòng. Chẳng biết trước kia ra sao nhưng đại để chắc cũng là những cảnh tượng thê thảm.

Bữa cơm thì mẹ già tôi cho tôi cùng ngồi ăn, nhưng bắt mẹ tôi phải đứng quạt hầu xới cơm. Tôi còn nhớ một hôm đang ngồi ăn, tôi bỗng thấy một con sâu đo lẫn vào bát canh cải. Tôi đã gắp gần bỏ vào miệng mới thấy, tôi sợ hãi la ầm lên. Nếu tôi biết vì câu nói ấy mà mẹ tôi bị tàn tật thì con sâu đo kia dù ghê gớm đến đâu, tôi cũng có can đảm nuốt nó đi. Trông thấy con sâu, mẹ già tôi liền hỏi:

– Đứa nào nhặt rau?

– Thưa bà, con.

Mẹ tôi vừa dứt lời thì liền bị một bát canh nóng sôi đổ táp ngay vào mặt.

Tôi thấy cử chỉ tàn nhẫn của mẹ già tôi đối với mẹ tôi, lại thấy thân hình mẹ tôi lúc bấy giờ thật là tiều tụy, đầu tóc bù rối, hai mắt nhắm nghiền, lại tự nghĩ vì mình mà gây ra cái thảm kịch ấy, tôi vừa tức, vừa thương, vừa hối hận. Trong một khoảnh khắc ấy, người tôi trào lên không biết bao nhiêu cảm giác. Tôi trợn mắt nhìn mẹ tôi, rồi ngất đi.

Tôi ốm không biết mấy tháng, đến khi tinh thần tôi đã lại, tôi đã biết phân biệt các sự xung quanh mình, tôi thấy một người đàn bà da nửa trắng nửa đỏ, một bên mắt sâu như cái lỗ đáo, một con mắt

đăm đăm nhìn tôi mới âu yếm dịu dàng làm sao! Hình như hào quang của hai con mắt nhập vào làm một nên mới có những tia sáng chói lọi tỏ rõ sự thương yêu một cách rõ rệt đến thế.

Người ấy là ai? Nội nhà này, có ai là người thương tôi đến thế. Có ai nhìn tôi bằng một con mắt âu yếm đến thế? Tôi bỗng nhớ đến bát canh cải, con sâu đo. Người ngồi đó tức là mẹ tôi. Nhưng sao thân hình tiều tụy thế? Cái mặt trắng trẻo hiền hậu xưa kia sao bây giờ trông ghê gớm thế? Đôi con mắt bồ câu nhu mì sao hỏng một? Tôi bỗng hiểu... Lòng tôi chan chứa xót thương. Tôi tung chăn ra vùng dậy, ôm lấy cổ mẹ tôi hôn lấy hôn để. Rồi tôi ôm ghì lấy mẹ tôi, khẽ gọi:

– Chị Hai, chị Hai của em.

Chị Hai! Tại làm sao người dứt ruột đẻ ra tôi, tại làm sao người nuôi nấng tôi trong khi sài đẹn, tại làm sao cái người khi tôi buồn thì buồn, khi tôi ốm thì lo, khi tôi cười thì vui vẻ cười theo tôi, khi tôi khóc thì âu yếm dỗ dành tôi mà tôi không được quyền gọi bằng mẹ? Mà tôi lại phải đem cái tên quý hóa ấy đi gọi con người chỉ tìm cách hành hạ và làm cho đau đớn cái người đã sinh ra tôi ???

Sự trái ngược ấy tự trời đặt ra hay tự cái tập quán xấu xa của xã hội gây nên?

Tôi nhìn rõ sự giả dối của xã hội từ đấy, tôi ghét cái lao tù trưởng giả từ đấy. Lao tù thật, lao tù thành kiến, lao tù chứa toàn sự bất công, hèn hạ, ác độc, giả dối, ích kỷ.

Mẹ già tôi có quyền bắt tôi phải gọi bằng mẹ? Có phải chỉ vì có tiền bỏ ra mua mẹ tôi mà có cái quyền ấy không?

Mẹ, mẹ, chữ ấy hồi bấy giờ đối với tôi thật là vô nghĩa. Tôi gọi mẹ cũng như tôi gọi con chim, cái mũ, cái áo, chẳng có cảm tình gì.

Tôi mới yếu khỏi nên ghì cổ mẹ tôi một lát đã đuối sức mệt nhoài, thở hồng hộc. Mẹ tôi nhẹ nhàng bế tôi đặt xuống giường rồi nhìn tôi chòng học. Rồi trên mí mắt kia có một giọt nước mắt hiện lên, rồi giọt nước mắt cứ từ từ mà chảy xuống má tôi. Có lẽ vì thấy tôi sống sót, mẹ tôi mừng mà khóc, hay thấy tôi gầy còm như con mắm mà khóc.

Sau đấy một ít lâu, u già kể chuyện cho tôi biết trong khi tôi ốm thập tử nhất sinh, thầy thuốc nói không còn phần nào sống thì mẹ tôi đã thắt cổ tự tử.

Sau người nhà biết hô hoán lên, cứu chữa mãi mới khỏi. Có lẽ mẹ tôi đinh ninh rằng tôi chết thì cái nguồn an ủi cuối cùng, cái lẽ sống độc nhất đã mất, còn kéo dài cái đời sống khổ, sống não ra làm gì.

Mẹ già tôi đánh mẹ tôi luôn, lắm trận thật đau. Nhưng không khi nào mẹ tôi kêu van khóc lóc cả. Khóc cũng khổ mà không khóc cũng khổ. Khóc thì mẹ già tôi chửi bù lu bù loa bảo rằng định gieo vạ, mà không khóc thì nhiếc mắng rấn ráo. Đằng nào mẹ già tôi nói cũng được.

Nhiều đêm, tôi nằm thấy má tôi ươn ướt. Thì ra nhiều đêm thanh vắng, mẹ tôi nghĩ đến nguồn cơn, mẹ tôi bùi ngùi thương thân ôm tôi mà khóc. Mỗi khi tôi thấy mẹ tôi khóc, tôi chỉ ôm chặt lấy mẹ tôi. Mẹ tôi lại vuốt ve tôi rồi tiếng khóc cũng im dần. Mẹ tôi chỉ vì tôi mà sống. Nếu không có tôi thì cảnh tình ấy bước sang cõi đời khác chẳng là đỡ thảm đạm và nhục nhằn hơn là sống khổ, sống sở như thế sao.

Có tôi, mẹ tôi phải cố hận mà sống để đem lại cho đời tôi một chút an ủi.

Đời sống của mẹ tôi là chuỗi ngày nhẫn nại và hy sinh.

Tôi còn nhớ mãi cái thảm kịch gây ra bởi con sâu đo cũng như tôi còn nhớ mãi cái thảm kịch gây ra bởi con quay.

Hồi ấy tôi lên chín. Anh tôi lắm đồ chơi lắm mà tôi thì chẳng có một thứ gì. Nội các thứ đồ chơi của anh tôi, nào ô tô, nào tàu hỏa, nào búp bê... tôi cũng chẳng ưa thứ nào cả, chỉ thích nhất con quay sừng.

Mỗi khi tôi thấy anh tôi quấn dây, rồi xoay mình vươn vai đánh, con quay nó vùn vụt ở trong tay bay ra, quay tít thò lò, tiếng kêu vo vo, nó chạy, lượn, nó mới đậu làm sao!

Tôi ao ước:

– "Giá tôi cũng có một con quay sừng như của anh tôi".

Tôi đang chăm chú nhìn con quay thì ở đằng xa mẹ tôi cũng chăm chú nhìn tôi, mà có lẽ mẹ tôi đoán biết sự mong ước của tôi bởi vì chỉ có người mẹ mới thấy những bí ẩn của lòng con, chỉ có những người nào thương yêu nhau mới tỏ rõ tâm sự nhau.

Tôi chạy lại vồn vã bảo mẹ tôi:

– Em thích con quay sừng kia quá, chị Hai mua cho em một con nhé.

– Chị Hai làm gì có tiền, hở em!

Tiếng mẹ tôi nói có vẻ buồn rầu thất vọng: con quay sừng kia chỉ có một hào bạc, mà không làm sao kiếm ra để mua cho đứa con cưng được vui lòng!

Tôi nghe mẹ tôi nói, ngoảnh mặt nhìn con quay mà tôi cũng buồn.

Hồi ấy, tôi còn đi học chữ Nho. Một hôm, tôi đi học về, mẹ tôi đưa con tôi một con quay. Con quay này không phải là con quay sừng, cũng không phải là con quay tiện. Nó chỉ là một con quay đẽo, mà lại là con quay mẹ tôi đẽo cho tôi. Tôi đánh dẫu nó không tít, không đậu bằng con quay của anh tôi, nhưng tôi yêu quý nó hơn hết cả các con quay sừng ở trên trần thế.

Tôi có con quay thích quá, lúc nào cũng đánh, ngoài sân, sau vườn, dưới bếp, nhà ngang. Mẹ tôi nhìn tôi đánh quay, thấy tôi vui sướng mà mẹ tôi cũng vui sướng: mẹ tôi vui sướng cái vui sướng của tôi.

Một hôm ở trong bếp, tôi muốn khoe tài với mẹ tôi, tôi bảo:

– Em đánh quay giỏi lắm, để em đánh cho chị Hai coi.

Rồi tôi quấn dây, dang thẳng cánh, bổ một cái thật mạnh thì ôi thôi! Cái dây vướng phải rổ bát đĩa lôi ụp xuống, kêu đánh ầm một tiếng: bát đĩa vỡ tung tóe. Tôi tái xanh cả mặt, sợ run lập cập.

Mẹ già tôi đang quét tước ở trên nhà ngang xồng xộc chạy xuống hỏi:

– Đứa nào đánh vỡ gì?

– Thưa bà, tôi trót lỡ tay.

Mẹ tôi nói chưa dứt lời thì bị mẹ già tôi túm lấy đầu dầm xuống, sẵn cái chổi cầm trên tay, đánh túi bụi.

Mẹ tôi thấy tôi bé nhỏ, không nỡ để mẹ già tôi đánh tôi, nên nhận cái lỗi của tôi làm lỗi của mình để chịu đòn thay cho tôi.

Từ đấy, tôi không đánh quay nữa, mà tôi thấy ai đánh quay, tôi cũng chẳng buồn nhìn.

Nhưng con quay của mẹ tôi đẽo cho tôi, tôi không đành lòng vứt bỏ đi. Tôi giữ, tôi giữ mãi cho đến ngày nay để kỷ niệm cái đời đau đớn và lòng hy sinh của mẹ tôi đối với tôi.

Năm tôi lên mười, mẹ tôi ốm. Một là vì ít thuốc thang, hai là vì buồn rầu lo nghĩ quá mà bệnh một ngày một nặng.

Rồi một ngày kia đi qua đầu chợ Thương một cái đám ma chỉ lơ thơ vài người đi đưa. Và chỉ có một thằng bé con mặc đồ trắng.

Thằng bé không khóc. Nó rũ rượi đi theo chiếc áo quan, cúi mặt nhìn xuống đất, lâu lâu lại ngửng đầu lên nhìn cái quan tài.

Không biết lúc ấy trong đầu nó nghĩ những gì, nhưng trông mắt nó thì cũng đủ rõ toàn những buồn thảm. Nó nghe thấy người đi đường thì thầm:

– Ô, đám ma không có người chống gậy nhỉ.

– Có con trai đâu mà chống gậy.

Thằng bé ngơ ngác nhìn người đi xem rồi nó tự hỏi:

– Làm sao nó không chống gậy cho mẹ nó? Ai cấm nó không cho nó chống gậy cho mẹ nó?

Đã buồn thảm, nó lại buồn thảm thêm.

Đám ma đến nghĩa địa. Nó thấy một cái hố sâu sâu, rộng rộng. Rồi mấy người đem cái quan tài của mẹ nó đặt xuống, lấy xẻng lấp đất lên. Nó ngơ ngác, rồi nhảy choàng xuống ôm lấy cái quan tài, hình như nó muốn lấy cái thân thể bé nhỏ của nó để cho chỗ của mẹ nó khỏi bị sự vùi lấp... của loài người. Nó ôm ghì lấy cái quan tài, nhưng quan tài to, tay nó ngắn, ôm làm sao cho xuể. Nó gầy như cái que, sức vóc là bao, nó bị người ta lôi xềnh xệch như con ếch. Thằng bé thấy hình như nửa người nó rời rụng... chết hẳn đi, rồi "chạy" vào trong quan tài nằm chung với mẹ nó. Nó thấy hình như ruột gan tan tác ra từng mảnh, đầu óc như vỡ nát. Người ta vất nó lên xe đem về nhà lúc nào nó cũng không hay.

Từ đấy, thằng bé đã nhút nhát lại nhút nhát thêm, đã ít nói lại càng ít nói. Vết thương của linh hồn hình như lúc nào cũng hiện ra trên sắc mặt tai tái của nó.

Rồi... ngày hai buổi nó đi học, lủi thủi đi, lủi thủi về như con chó người ta chặt đuôi. Nó chẳng chuyện trò với ai. Ai gọi thì nó thưa, ai hỏi thì nó trả lời. Trẻ con người ta khi đi đường thì trông ngang, trông ngửa, nó chỉ cúi gằm mặt mà đi, hình như trước mặt nó lúc nào cũng hiện ra một nấm mồ, hình như có cái gì nặng đè trĩu lên cổ nên nó không cất đầu lên được.

Tình cờ, một hôm nó đi học về, nó thấy u già cầm một cái lược và một mớ tóc rối. U già thấy nó liền giơ bảo:

– Cái lược và mớ tóc này là của cô Hai, bà thấy ở mái nhà bảo tôi đem vất đi.

Xưa nay, thằng bé ăn nói rất vụng, sao hôm ấy, nó lại ứng khẩu nói được khéo thế:

– U già đưa em xem, rồi em đem vất giùm hộ u.

U già đưa cho nó. Nó cầm đến nắm tóc tơ hơi hung hung đen kia rõ ràng là tóc của mẹ nó, nó bỗng xúc động trào nước mắt. Nó giả tảng ra sau vườn để u già yên trí là đem vất đi. Nhưng kỳ thực nó giấu tất cả vào trong túi nó.

Rồi một hôm vắng người, nó ra sau vườn, nó đào một cái hố thật sâu, nó đem nắm tóc của mẹ nó vùi xuống. Giá lúc ấy có ai tò mò trông trộm thì thấy một cảnh tượng rất nực cười: Một thằng bé chống gậy cúi lom khom đi xung quanh một đống đất nhỏ.

Thằng bé làm gì? Thằng bé chống gậy cho mẹ nó, bởi vì trước kia người ta đã cấm nó, nên nó phải giấu.

Ngày ngày đi học về, thằng bé thế nào cũng phải chạy ra sau vườn thăm nom đống đất. Nó vun, nó đắp, nó trồng cỏ lên, bởi vì trong ý tưởng ngây thơ của nó cái mả này mới chính là cái mả của mẹ nó: nó đã lấy tấm lòng làm con xây đắp nên.

Thế rồi không biết tại làm sao, một hôm mẹ già nó biết. Mẹ già nó sai thằng bếp lấy cuốc đào lên vất bỏ cả đi. Thằng bé đứng trông tưởng chừng như những nhát cuốc kia cuốc vào ngực nó.

Mẹ nó tuy chết, nhưng vẫn sống ở trong lòng nó. Mỗi khi nó đem cái lược của mẹ nó ra ngắm nghía, nó chải lên tóc nó thì nó lại tưởng như bàn tay nõn nà của mẹ nó vuốt ve lên đầu nó.

Nó giữ cái lược rất cẩn thận cũng như nó đã giữ con quay, vì đời nó chỉ còn hai cái kỷ niệm ấy là nhắc nhở cho nó một vài phút sống êm đềm và ấm áp.

*

* *

Đã đến gần ngày học trò thi vào trường Bảo hộ.

Tôi cũng xếp hành lý để đi thi.

Nói đến hành lý mà chán ngắt. Ít quyển sách, vài bộ quần áo cũ của anh cả tôi không mặc nữa, nên đem chữa cho tôi. Có lẽ từ bé đến giờ tôi chỉ toàn mặc quần áo thừa của anh tôi. Tôi lấy một cái hộp kính cẩn để con quay và cái lược vào rồi đem giấu ở đáy chiếc va ly

nan. Tôi quyết chí chuyến này ra Hà Nội, thi đỗ hay không tôi cũng không về nữa. Ngày ấy tôi đã lớn, tôi thấy những cách quá tàn ngược của gia đình đối với tôi, tôi không thể nào chịu nổi.

Bốn phương đâu chẳng là nhà. Con người ta hễ có can đảm, có nghị lực, và thứ nhất có chí tiến thủ, lại có thể chịu đói rét, thiếu thốn, kham khổ được thì đi đến đâu mà chết đói. Cái chí bỏ nhà ra đi phát sinh trong óc tôi đã lâu, nhưng chưa có dịp thực hành được.

Ngày nay, tôi sắp từ bỏ cái nhà này bước chân ra đi, tôi sực nghĩ đến phần mộ mẹ tôi, mà có lẽ từ nay không bao giờ tôi còn trông thấy nữa, tôi quyết đi thăm một lần trước khi vĩnh biệt.

Tôi đi thăm mộ mà tôi chẳng đem hương, đem vàng gì. Nhưng có vàng hương nào khiến cho mẹ tôi vui lòng bằng những yêu kính thiết tha ấp ủ ở trong lòng.

Đứng trước mộ mẹ tôi, tôi không thể không tưởng tượng đến những sự đọa đày mà mẹ tôi đã phải chịu, không thể không nhớ đến tấm lòng yêu tha thiết của mẹ tôi đối với tôi.

Có lẽ nhiều người lúc nhỏ sung sướng hơn tôi, nhưng vị tất ai đã được một người mẹ yêu quý như là mẹ tôi đã yêu quý tôi.

Thảm thiết cho lòng tôi hơn nữa là tôi không phải là kết quả của một cuộc tình ái. Tôi chỉ là kết cấu của một nhục dục đê hèn. Mẹ tôi khổ sở mà sinh ra tôi, đau đớn mà có tôi. Do thế cái kỷ niệm của mẹ tôi đối với tôi lại muôn phần thiết tha hơn nữa.

Tôi đứng trước mồ mẹ tôi, tôi thấy như tôi bé lại, tôi tưởng chừng như mẹ tôi sống lại mà ôm lấy tôi như hồi nào. Tôi tưởng chừng như hồi nào mẹ con đang lui lủi với nhau ở dưới xó bếp.

Cái xó bếp, cái xó bếp. Ba tiếng ấy hồi sinh lại bao nhiêu kỷ niệm êm đềm.

Trước kia, mẹ tôi phải làm vần vật cả ngày mà cả ngày mẹ già tôi cứ long lên sòng sọc, nên không bao giờ tôi được đứng gần mẹ tôi cả.

Chỉ có lúc buổi sáng là lúc cả nhà còn đương ngủ mà mẹ tôi đã phải dậy làm lụng rồi là tôi mới được tự do âu yếm mẹ tôi mà thôi. Những thời khắc ấy là những thời khắc sung sướng nhất nên tôi không bỏ phí bao giờ.

Trời rét như cắt ruột, tôi thấy mẹ tôi dậy là tôi cũng bò dậy. Mẹ tôi cản thế nào, tôi cũng không nghe.

– Em ngủ nữa đi cho khỏe, sáng còn đi học.

Tôi phụng phịu:

– Không, em dậy với chị Hai cơ.

– Chị Hai phải dậy sớm dọn dẹp, em dậy sớm làm gì?

– Em dọn dẹp với chị Hai.

– Em bé bỏng đã dọn dẹp gì được. Ngủ đi chóng ngoan.

Tôi cũng muốn là đứa con ngoan của mẹ tôi mà tôi cũng lại muốn dậy sớm để gần gũi mẹ tôi, tôi kiếm cớ:

– Cụ Đồ bảo dậy sớm học chóng thuộc, em dậy em học, em quên chữ nào chị Hai nhắc em.

Ở dưới xó bếp, mẹ tôi ngồi đun nước, tôi lặng lẽ ngồi một bên. Tôi trông ngọn lửa cháy đỏ ối mà tôi vui, tôi nghe tiếng củi nổ mà tôi sướng, tôi nhìn bức tường đen kịt đầy những khói mà ánh lửa chiếu mà tôi tưởng chừng như ánh lửa vui cười vì tôi. Tôi coi như nồi, niêu, xanh, chảo treo ở xung quanh như những người bạn rất thân đến mục kích và chứng thực cho sự sung sướng của mẹ con tôi. Tôi ngồi chồm chỗm cạnh mẹ tôi chẳng biết mỏi, biết chán là gì. Mẹ tôi bảo tôi học thì tôi cũng nghe lời giở sách học, chứ theo ý tôi thì cứ ngồi nhìn mẹ tôi, nhìn ngọn lửa còn sướng hơn.

Tôi học, thỉnh thoảng tôi lại giả vờ hỏi nghĩa, chứ kỳ tình tôi đã thuộc làu như cháo.

– *Nhân chi sơ* là gì hở chị Hai?

– Là người chưng xưa.

– Không phải, không phải, là sờ vú mẹ.

Rồi tôi sà vào lòng mẹ tôi, tôi vạch yếm, tôi sờ vú. Cũng có lúc tôi giả bộ làm em bé, tôi bú tí.

Tôi nằm thon lỏn vào lòng mẹ tôi, tôi nhắm mắt lại. Những lúc ấy, tôi sung sướng cực kỳ mà mẹ tôi cũng cực kỳ sung sướng.

Nhiều lần, mẹ tôi bắt tôi chắp tay mà mẹ tôi cũng chắp tay, miệng thì lầm rầm khấn vái.

– Lạy trời phù hộ cho mẹ con tôi.

Mỗi khi tôi nghe thấy mẹ tôi khấn như thế, tôi tưởng chừng như ông trời - một ông trời của riêng những cảnh khổ sở - đã bước chân ngay xuống cái xó bếp này dùng phép màu mà biến thành một cảnh bồng lai đầy dẫy những lạc thú.

Cái xó bếp ấy là một thế giới thần tiên của mẹ con tôi.

Những lòng dạ khô khan ở nơi lầu son gác tía bao giờ mới biết được những cái thú "xó bếp" ấy. Cái thú không mất tiền mua, mà dù có tiền mua cũng không được.

Muốn biết những cái thú thần tiên ấy, phải có một trái tim trong sạch, phải trải qua những cảnh đau thương đọa đày như mẹ con tôi, *phải lấy một trái tim yêu đương để hiểu một trái tim yêu đương*.

Than ôi! Những thú ấy ngày nay đã không còn nữa.

Những ký ức ấy tuy đã xa lắc, xa lơ, nhưng khi đứng trước mồ mẹ tôi thì tôi tưởng chừng như chúng sống cả lại. Tôi tưởng chừng như người chết ngồi dậy gọi tôi. Tôi vội phục xuống trước mồ mà khóc.

Thần hồn định tỉnh, tôi đã không báo nghĩa mẹ. Thì nay dương danh hiển thân là cái vọng cuối cùng để cho mẹ tôi có thể ngậm cười nơi chín suối.

Trước mồ, tôi phát một lời thề: quyết chí học hành để cho thành một người xứng đáng với tấm lòng mà mẹ tôi đã kỳ vọng cho tôi.

Tôi đau đớn từ giã mộ đất đã vùi sâu nắm xương của mẹ tôi, nhưng tim gan thấy sôi nổi lên một nghị lực dồi dào, mãnh liệt.

Ngày hôm sau, tôi lên chào thầy tôi, mẹ già tôi, các anh các chị tôi rồi xách va ly ra ga. Tôi quay lại nhìn cái nhà tôi ở, cái chỗ chôn nhau cắt rốn mà chẳng có chút tình gì để cho tôi mến tiếc. Tôi lại thấy sung sướng được rời khỏi ngục hình ấy.

Xưa kia, hồi mẹ tôi còn sống, mỗi khi tan học, tôi ba chân bốn cẳng chạy về cho chóng tới nhà. Bây giờ vẫn cái nhà ấy, tôi lại muốn mau mau cho chóng xa đi.

Trước kia, ở trong cái nhà ấy, có một người mong thấy mặt tôi, thiết tha đối với tôi. Ngày nay, người ấy đã không còn nữa thì cái nhà ngói năm gian kia, cái cổng kia, cái nhà ngang kia, cái vườn kia, cái ao kia đối với tôi còn có nghĩa gì. Hay chúng chỉ nhắc nhở cho tôi những đau xót. Thì ra lúc thiếu thời tôi yêu cái nhà kia không phải vì nó đẹp, không phải vì nó mát, không phải vì nó to, không phải vì tôi được sum họp với anh em tôi, mà chỉ tại trong cái nhà ấy có trái tim yêu tôi.

Con chim kia, ngày đi kiếm ăn, đêm còn tìm đường về tổ. Sinh ra người, ai lại không có tấm lòng cố quốc tha hương. Nhưng tổ chim kia

là chỗ vợ chồng con cái sum họp chan chứa bao nhiêu lạc thú, chứ cái nhà này đối với tôi ghê sợ hơn cái nhà tù.

Có phải ở đời chỉ có lâu đài vàng ngọc mới có thể quyến rũ được lòng ta đâu. Một sợi tơ lòng ở chốn lều tranh thắt chặt lòng ta hơn là lầu son gác tía.

Tôi ra đến ga, gặp mấy anh em bạn cùng đỗ một khoa họ cũng đi thi. Anh Mão thì quần là trắng tinh, áo cũng mới, mũ cũng mới, giày cũng mới. Mẹ anh ấy tiễn chân ra tận tàu, lại còn căn dặn mãi:

– Con ra Hà Nội, đi đường phải cẩn thận nhìn trước nhìn sau, hễ đỗ thì đánh ngay dây thép về cho u, nghe không?

Anh Minh thì bố theo ra. Ông cụ đã gần bảy mươi, đầu bạc trắng, lưng đã còng, cũng lóp ngóp chống gậy theo ra tận ngoài "ke" dặn đi, dặn lại:

– Đi tàu, đi đường, lên xe, xuống xe, phải coi chừng cho lắm, không lỡ một cái thì khốn đấy.

Anh em, bà con họ tiễn chân ra tàu, nào khuyên lơn, nào dặn bảo ríu ra, ríu rít. Riêng tôi thì thui thủi một mình. Nào có ai lo sợ, mừng vui với mình!

Nhưng tôi thì không cần phải căn dặn. Những điều ấy, cái đời khổ sở của tôi đã mở một con mắt cho tôi biết tự bao giờ. Lúc ấy, tôi có thể tự phụ rằng tôi biết việc đời hơn những bạn tôi nhiều, tự mình giác ngộ lấy mình. Tôi tự nghĩ thế mà trong lòng cũng được vui vẻ.

Còi tàu rúc. Tôi quay nhìn tỉnh Bắc Giang một lần cuối cùng như thằng tù được phóng thích nhìn cái nhà pha đã giam nó.

*

*   *

Thành phố Hà Nội đã hiện ra ngoài sức tưởng tượng của tôi.

Cái nhà ga khổng lồ sừng sững như hút hết cả các con đường sắt la liệt vào trong lòng. Cái cầu sông Cái dài dằng dặc mới vĩ đại và "bạo dạn" làm sao. Nhà cửa, xe cộ đủ hạng, người đi lại làm rối cả mắt. Tôi mải trông mà quên cả buồn rầu.

Tôi thuê xe đến ở một nhà người quen. Hôm sau tôi đi thi. Tôi được vào vấn đáp. Rồi tôi đỗ. Nhà người quen ở xa trường lắm. Nếu ở

ngoài thì những đi cùng về thì đã hết thì giờ, còn thì giờ đâu học. Mà lấy "các" tàu điện thì tôi đâu có tiền. Lúc tôi đi, thầy tôi dặn cho một tháng mười đồng. Làm thế nào cho đủ thì làm.

Tôi liền xin vào ở trong trường. Một tháng tôi phải trả tám đồng, còn hai đồng bút giấy đủ chán. Xưa nay, tôi không có một xu tiền túi, nay một tháng có hai đồng, tôi lấy làm giàu lắm rồi.

Trường Bảo hộ ở trên một khu đất rất rộng, cây cối um tùm. Cái phong cảnh thứ nhất nó tô điểm cho trường này thêm vẻ mỹ quan là hồ Lãng Bạc, hay Hồ Tây cũng thế!

Ba ngôi nhà ba tầng làm quay lưng ra hồ, trên một hàng chữ nhật. Còn chung quanh thì có những gian nhà một tầng chạy dài bao bọc cả lấy.

Nhà ông đốc là một tòa lâu đài làm ở ngay bên hồ.

Chẳng biết đối với con nhà giàu xưa nay được bố mẹ nâng niu thì một khi vào ở trong trường, họ có cái cảm giác gì, chứ tôi cho cách ăn ở lưu học sinh thật vừa rất tiện lợi để mở mang tinh thần, lại rất thích hợp phương pháp vệ sinh để bồi bổ cho thân thể. Có lẽ vì tôi bị khổ sở, thiếu thốn, kiềm thúc từ tấm bé, nên bây giờ đến đây, tôi đem so sánh mà tôi lấy làm thỏa mãn cũng chưa biết chừng.

Tôi ở trường thật là sung sướng. Tôi rất chăm học. Giờ chơi thì tôi chuyên về thể dục. Chạy nhảy, leo dây, đá bóng, khoa nào cũng khá. Chẳng bao lâu, đương là một thằng bé gầy còm, yếu đuối, nhút nhát, tôi bỗng trở nên một cậu con trai mạnh khỏe, cứng cáp và bạo dạn.

Trước kia ở nhà, người và vật như xúm nhau lại để làm cho đời tôi đen tối thì ở đây, trái lại, người và vật đã làm cho tôi sáng suốt, vui vẻ.

Tôi đã biết lấy sống làm vui. Tôi đối với bè bạn một niềm nhũn nhặn, nhưng không thân mật với ai. Chủ nhật, chúng bạn phần nhiều có họ hàng ở ngoài phố, nên xin ra từ sớm, còn tôi thì bao giờ cũng ăn cơm buổi sáng rồi mới ra, mà liệu đến giờ lại vào sớm cũng để ăn cơm chiều. Tôi ra thì cũng chẳng biết đi đâu xa, chỉ thẩn thơ ở Bách thú xem khỉ, xem hổ, xem nước, xem cây, mãi rồi cũng chán. Không có óc thi sĩ thì làm sao biết cảm xúc đối với những vẻ đẹp huyền bí của cảnh vật. Những chủ nhật sau, tôi đem sách ra đọc. Đọc chán rồi lại đi quanh quẩn, cũng chẳng biết đi đâu. Tôi còn nhớ một hôm, có anh em bạn rủ tôi lên phố, rồi đi xem tuồng Quảng Lạc ban

ngày. Nhưng tôi nhất định từ chối. Anh em mời mình tất nhiên lần sau mình phải mời lại. Mà mời lại thì không có tiền. Ăn không trả thì thật là khó coi. Ở đời, người ta nhiều khi bị hoàn cảnh trói buộc chẳng kể, chứ tự mình thì không nên trói buộc mình vào những hoàn cảnh éo le.

Anh em họ cho tôi là khoảnh, là kiêu điệu. Họ có nói sao cũng mặc. Tôi nhất định từ chối. Tôi thơ thẩn đi xem các phố, rồi tôi lại kéo bộ từ Hàng Bạc về tận trường. Phỏng thủ ba xu đi tàu điện lúc ấy tôi cũng có, nhưng tôi tự nghĩ: nếu muốn giữ toàn giá trị mình không để cho đồng tiền nó làm mờ ám, thì không nên tiêu phí. Cái gì có thể đừng được thì đừng. Tiết kiệm không phải là biển lận. Tôi sở dĩ có những ý tưởng ấy mà thực hành cho được là vì sống trong lao tù trưởng giả, tôi đã nhìn thấy cái mặt trái của xã hội, nhìn thấy cái nhục nhã xấu xa gây ra bởi đồng tiền.

Đến Tết. Tôi nhất định không về, nên trước Tết mấy ngày, tôi liền viết giấy về nhà nói dối rằng bây giờ bài vở nhiều lắm, tôi phải ở ngoài này để ôn lại, chứ về thì vừa mất thì giờ, vừa tốn tiền.

Thấy chúng bạn náo nức mong về mà tôi rối ruột. Họ về thì anh em cha mẹ vui mừng đón tiếp, chứ tôi về nhà thì chỉ chuốc cho mình cái tủi, cái buồn và cái nhục.

Nghỉ tết, các lưu học sinh về tết, trường vắng tanh chỉ có mấy người học trò Lào và Cao Mên, vì nhà xa quá nên không về được mà thôi. Tôi còn nhớ mãi đêm giao thừa đầu tiên mà tôi không ở nhà ấy.

Hà Nội đang ngủ say như chồm dậy bằng những tiếng pháo liên thanh vang động cả một góc trời. Tôi nằm ở trên tầng gác thượng, chung quanh toàn là màn ở giường la liệt. Tôi tưởng tượng ngày hôm nay nhà nào cũng cúng bái, mà tôi chạnh lòng nhớ tới mẹ tôi lúc này đang ở bãi tha ma hiu quạnh kia. Chẳng biết thầy tôi lúc cúng có nhắc nhở đến mẹ tôi không? Cái không thì đã nắm phần chắc. Nhưng dù sao, không có cái bàn thờ nào có thể sánh được với quả tim tôi. Tôi đã đem cái hình ảnh mẹ tôi đặt vào, không cứ gì ngày giỗ hay ngày tết, lúc nào quả tim tôi cũng nhắc nhở đến mẹ tôi bằng những cảm giác yêu đương. Cái bàn thờ ấy, tôi dám chắc, mẹ tôi còn quý hơn hết các bàn thờ khác vì cái bàn thờ ấy được lập nên bởi lòng kính cẩn của đứa con.

Nghỉ tết đã qua, nghỉ hè lại gần đến. Một điều khiến cho tôi băn khoăn là nếu ba tháng hè tôi cũng không về nhà nữa thì ở Hà Nội,

ăn ở vào đâu? Từ trước kia, tôi ăn tiêu bỏn xẻn, trong số tiền tháng hai đồng, tôi có để dành được hơn mười đồng, nhưng sống ở Hà Nội ba tháng trời sao cho đủ. Mà tưởng tượng đến phải về nhà thì tôi rùng mình. Tôi đã nhất định không về thì dù có phải sống ở Hà Nội trong ba tháng bằng mười đồng, tôi cũng cố xoay cách để sống. Tôi còn đương bối rối chưa biết liệu ra sao thì vừa may, anh Vân là tại ngoại học sinh nói chuyện cho tôi biết có người ở phố Hàng Bạc ngỏ ý muốn nhờ anh ta trong ba tháng hè về dạy mấy đứa cháu, nhưng anh ta không thể nhận lời được vì thầy mẹ anh ta nhớ anh ta lắm, bắt phải về quê ở.

Tôi khẩn khoản nhờ anh giới thiệu hộ. Anh vui lòng nhận lời ngay.

Hôm chủ nhật, trước nghỉ hè, anh Vân đến trường đón tôi đến Hàng Bạc để trình diện với cụ Liên Mỹ. Nhà cụ Liên Mỹ ở giữa phố, các nhà ngoài thấp dùng làm cửa hàng, còn nhà trong là chỗ để thờ tự và tiếp khách. Trong cùng là chỗ dọn cho tôi ở và dạy học trò. Nhà làm theo lối cổ, mái thấp, nên trong nhà khí tối. Gia tư cụ cũng bình thường. Cụ bà và người con dâu trông coi cửa hàng bạc, còn con trai cụ thì phải bổ đi làm việc ở tỉnh xa.

Anh Vân đưa tôi vào nhà cụ. Cụ đương ngồi trên sập, thấy khách, vội vàng bước xuống mời khách ngồi và gọi đầy tớ pha nước.

Trông cách bày biện cũng đủ biết là một nhà ngăn nắp. Trên bàn thờ, đồ đồng sáng loáng thấp thoáng sau cái màn the điều. Ngoài chiếc màn the là chiếc tủ chè kê liền với cái sập cụ ngồi. Ngoài sập là một cái bàn và bốn cái ghế gụ, mặt đá, làm theo lối Tàu.

Tất cả đồ đạc bóng bẩy sạch sẽ như ngày nào cũng có người lau chùi.

Nước xong, anh Vân cung kính thưa với cụ:

– Bẩm cụ đây là anh Cung bạn học với con. Anh học rất giỏi, nếu cụ bằng lòng thì nghỉ hè này, anh ấy ra đây để bảo các cậu em.

– Vâng, tôi cũng muốn tìm người kèm dạy các cháu trong kỳ hè chứ để các cháu chơi lêu lổng sợ hư người và quên cả chữ.

Nói xong cụ nhìn tôi xem có đủ tư cách để giao phó cái trọng trách ấy không. Cuộc xét nghiệm đã làm vừa ý cụ, cụ liền nói:

– Nếu cậu Cung không bận mà muốn lại đây dạy giúp các cháu cho tôi thì còn gì bằng. Ngoài sự cơm nước, giặt giũ, tôi xin đưa một tháng năm đồng để tiêu vặt. Ông Huấn ở Hàng Ngang cũng có ba, bốn đứa nữa muốn cho lại đây học, tiền nong thế nào thì tùy ở cậu.

Tôi vội vàng thưa:

– Bẩm cụ, con bây giờ về nhà thì cũng đến chơi, nếu cụ có lòng thương, giao các cậu ấy cho con dạy thì con xin hết sức, còn tiền nong thì con không quản...

Cụ Liên Mỹ hỏi gia thế, quê hương, tôi cũng cứ thực mà nói, nhưng không đả động một câu gì đến mẹ tôi.

Ở nhà cụ Liên Mỹ ra, anh Vân đưa tôi đi may ít quần áo và sắm ít đồ vặt, vì đến nhà người ta, mình cũng phải cho tươm tất. Anh bảo tôi:

– Thế gian phần nhiều chỉ xét người ở cái áo, mấy ai đã có con mắt xét người qua được cái áo đâu. Anh đừng có ngại tốn mới được.

Điều tôi lo nhất là thầy tôi và mẹ già tôi không bằng lòng. Nhưng may, tôi viết thư về, xin phép thì mấy hôm sau nhận được giấy trả lời rằng thuận.

Đến hôm nghỉ hè, cụ Liên Mỹ sai người lên tận trường đón tôi.

Trời về tháng Năm. Hà Nội như ở trong lò. Ngoài đường xe chạy rất nhiều. Một trận gió thổi qua làm cho đất Thăng Long như chìm trong đám bụi.

Về đến nhà, cụ Liên Mỹ đã chờ sẵn. Cụ dắt tôi đi xem chỗ ăn, chỗ nằm. Cụ đối với tôi có vẻ trân trọng quá khiến tôi phải e ngại.

Sau tôi hỏi ra mới biết cụ trước kia cũng là học trò nghèo, nên ngày nay cụ thấy học trò nghèo liền đem lòng thương.

Ba cháu cụ, đứa nào trông cũng mặt mũi sáng sủa, ăn mặc sạch sẽ, nhưng không xa hoa. Chúng nói năng ngoan ngoãn tỏ ra con nhà có giáo dục. Cái giáo dục tôi nói ở đây là gia đình giáo dục, nó còn cần cho người ta hơn trí dục, thể dục nhiều. Cái gia đình giáo dục tôi nói ở đây không phải là cách dạy dỗ rất nghiêm khắc, động một chút là đánh, là chửi đâu. Trái lại, tôi thấy lắm nhà nuông con một cách vô lý, đứa trẻ muốn gì cũng chiều theo.

Người làm cha mẹ phải có thiên trách dạy dỗ uốn nắn con, chứ không phải cứ nuôi cho sống là đã đầy đủ thiên trách đâu. Cha mẹ phải lấy trí sáng suốt mà uốn nắn tinh thần còn măng sữa của con trẻ, phải lợi dụng tình máu mủ thiêng liêng để cảm hóa nó, phải biết theo tính tình từng đứa mà khai thông những xu hướng tiềm tàng trong lòng nó. Gia đình giáo dục tóm tắt ở hai chữ giáo hóa. Lấy cái lẽ phải mà dạy nó, lấy lòng âu yếm mà cảm hóa nó. Cha mẹ mà khắc nghiệt quá thì trẻ không dám gần, suồng sã quá thì nó lờn.

Trước ngày khai giảng, cụ Huấn phố Hàng Ngang sang chơi, ngỏ ý nhờ tôi dạy hộ cô con gái và hai đứa cháu trai. Tôi nhận lời.

Lớp học: một thầy và sáu trò, năm cậu thì sức học còn kém, chỉ có cô Thuần năm ấy lên lớp nhất là học khá hơn cả. Cô mười lăm tuổi. Người tầm thước, nước da thật trắng, trắng quá, cái trắng của kẻ ở thành thị, ít vận động, ít được hô hấp khí trời trong sạch. Hai mắt hơi to, đen nháy, lông mi khá dài. Mặt lúc nào cũng tươi đủ tỏ trong đời cô chưa gặp sự gì bất như ý. Cái miệng hơi hẹp. Đôi gò má hơi gầy nhưng mỗi khi cô cười thì người ta chỉ trông thấy một núm đồng tiền mà quên hẳn đôi má. Cái cổ trắng nõn, khí dài quá. Hai bàn tay búp măng rất trắng nhưng gầy.

Cả thân thể cô là một quả đào non, nhưng một ngày kia nó đủ sức lực rồi thì nó sẽ đầy đặn, hồng hào, đẹp đẽ.

Nét mặt, đôi mắt, dáng đi đứng, lời ăn tiếng nói tỏ ra cô là một người rất nhu mì, phải chăng.

Sự lễ phép của cô khiến cho tôi nhiều phen phải tự hỏi sao cô sinh vào nơi giàu sang mà không kiêu căng, tự đắc như phần nhiều người.

Cô học rất chóng thuộc, chữ viết rất tốt, nhưng dốt tính lắm. Cô thường nói với tôi sang năm đi thi chỉ sợ hỏng tính.

Tôi an ủi cô:

– Người ta mỗi người có khiếu riêng. Có người giỏi luận, có người giỏi tính. Nhưng biết chỗ kém của mình thì bồi bổ thêm vào cũng không là việc khó. Cô kém tính, chăm làm tính là tự khắc giỏi.

– Cậu bảo thế nghĩa là tôi lười ư? Không, ngày nào tôi cũng cố làm, nhưng những cái tính rất xoàng, tôi vẫn không làm được.

– Làm tính cũng như làm luận. Đọc xong đầu đề phải điềm tĩnh suy nghĩ. Hễ rối trí làm hay sai.

– Tôi không thể trả lời. Nhưng đi thi tính cần lắm. Tính làm cho đúng nghĩa là hoàn toàn, thầy giáo thường cho mười điểm. Một bài luận biết thế nào là hoàn toàn, cô có thấy ai làm luận được mười điểm không?

– Không. Thế thì luận khó hơn tính. Tôi dốt tính cũng không đáng xấu hổ là mấy.

– Dốt là không xấu. Xấu là biết mình dốt mà không cố làm thế nào cho mình khỏi dốt.

Chuyện trò tôi nói với cô, đại để như thế cả, nghĩa là chỉ toàn chuyện một người anh hơn tuổi nói với người em nhỏ, không phân biệt là trai hay gái.

Học trò rất quyến luyến, vì thế mà cụ Liên Mỹ và cụ Huấn đối với tôi cũng rất chu đáo. Ngày hai buổi dạy học trò, lúc nào nhàn rỗi tôi lại đánh cờ với cụ Liên Mỹ. Cờ tôi thấp, đánh thua luôn. Cụ Huấn cũng là một tay sính cờ. Từ ngày có tôi ở đấy, cụ thường lại chơi luôn. Cụ rất cao cờ. Cụ đem các trận thế của Khuất Trung Bì chỉ dẫn cho tôi, chẳng bao lâu tôi cũng khá.

Cũng vì cuộc cờ, tôi được quen biết cụ cử Tốn là một cử võ xuất thân. Tôi ngỏ ý muốn nhập môn cụ để học một vài bài quyền cho thân thể được cứng cáp. Cụ vui lòng nhận lời ngay. Từ đấy, cứ tối đến, tôi lại xuống phố Sinh Từ học võ.

Cụ Cử thấy tôi nhanh nhẹn lại có sức lực, khuyên tôi nên cố luyện tập cho đến đầu đến đũa. Tôi thưa với cụ rằng tôi sắp phải vào trường, rất tiếc không thể gần gũi cụ lâu để luyện tập. Cụ bảo tôi:

– Việc đời biết đâu mà lường. Nhưng sự bất ngờ xảy ra hàng ngày. Nếu biết một đôi miếng để phòng thân cũng là một cái hay.

Tôi cũng nghĩ thế, nên gần đến thời kỳ vào trường tôi rất lấy làm tiếc.

Còn năm hôm nữa là hết hè. Tôi xin phép cụ Liên Mỹ cho học trò nghỉ.

Học trò thấy tôi sắp đi rất lấy làm mến tiếc. Thứ nhất là cô Thuần. Cô thường nói với tôi:

– Nếu cậu ở đây mà dạy tính cho tôi ít tháng nữa thì tôi có thể giỏi được.

Có lẽ cô cũng đem ý kiến ấy nói với cụ Huấn, nên một hôm cụ Huấn bảo tôi:

– Nhà tôi cũng rộng rãi, tĩnh mịch, giá cậu đến ở chung với tôi rồi khi đi học về kèm các cháu cho tôi thì hay lắm.

– Con cũng rất lấy làm tiếc, nhưng ở đây xa lắm. Những đi về còn thì giờ đâu mà học.

– Từ Hàng Ngang lên trường Bưởi đi tàu điện cũng chẳng lâu là mấy.

Tôi đương phân vân chưa biết trả lời ra sao thì thằng Ân, cháu cụ, đã chạy lại vồn vã bảo:

– Cậu về ở với con, nghe không, rồi con bảo thằng xe nó kéo cậu đi học.

Thằng bé mới dễ yêu làm sao. Tôi ngửng đầu nhìn cô Thuần thì thấy cô đăm đăm nhìn tôi như chiều van vỉ. Tôi bèn nói thật với cụ Huấn:

– Cụ có lòng yêu, con cũng đa tạ, nhưng vì mỗi tháng thầy mẹ con chỉ cho có mười đồng tiền cơm, tiền học, còn tiền đâu mà lấy "các" tàu.

Cô Thuần nghe tôi nói có vẻ ngạc nhiên. Mãi bấy giờ, tôi mới hiểu. Cô sinh vào nơi đài các, phú quý, cái gì cũng sẵn có, không phải mong ước một thứ gì nên cô không biết những trói buộc của đồng tiền. Cô không ngờ rằng ở trên đời lại có những người chỉ vì thiếu hai đồng mà không thể đến ở nhà cô.

Cụ Huấn nghe tôi nói, sốt sắng bảo tôi:

– Không, cậu đến ở tôi không lấy tiền cơm cậu đâu. Tôi còn đãi cậu mỗi tháng sáu đồng để trả tiền học và "các" tàu điện.

– Cụ xử với con như thế thật là quá rộng rãi, con không còn biết nói làm sao.

Hai anh em thằng Ân thấy tôi bằng lòng, mừng quýnh, vội chạy lại nắm tay tôi:

– Thế cậu đi ngay lại nhà con đi.

Tôi xoa đầu chúng nó:

– Cậu còn phải thu xếp đồ đạc đã chứ!

Tôi trông sang cô Thuần thì thấy cô mỉm một nụ cười.

Tôi viết giấy về nhà nói rõ với thầy mẹ tôi, và xin thầy mẹ tôi từ rày đừng gởi tiền ra nữa. Tôi rất lấy làm mừng rằng từ nay, tôi không phải phiền lụy gì đến nhà, và mẹ già tôi hẳn không còn phải đay nghiến thầy tôi về số tiền học phí của tôi nữa.

Hôm tôi dọn sang ở nhà cụ Huấn thì thằng Ân, thằng Ấn cứ quấn quýt xung quanh để dọn giùm cái này, cái khác. Chúng nó nói líu ríu cả ngày.

Nhà cụ Huấn ở đầu phố Hàng Ngang, phía bên tay trái. Một tòa nhà hai tầng rất đồ sộ. Gian ngoài là cửa hàng bán vóc nhiễu. Cách một cái sân nhỏ làm vườn cảnh, lại có một tòa hai tầng nữa khá dài. Tầng dưới dùng làm nhà khách và nhà thờ. Trên gác chia ra hai phòng, một phòng làm buồng cho tôi ngủ, còn một phòng làm nhà học.

Gác ngoài cũng có hai phòng: buồng cô Thuần và buồng mẹ con thằng Ân, thằng Ấn. Mẹ hai đứa năm ấy ngoại ba mươi, góa chồng đã sáu bảy năm.

Thoạt mới vào nhà cụ Huấn cũng biết ngay là một nhà đại phú quý. Đồ đạc bày biện cực kỳ hoa mỹ: nào tủ chè, nào sập khảm, nào ghế trắc, nào gương dàn mắt, nào độc bình cổ, ngoài sân thì đôn sứ, cá vàng vô kể.

Cụ hiếm hoi sinh được một trai, một gái. Người con trai chẳng may thất lộc đi để lại hai đứa con trai. Còn cô Thuần thì mãi năm gần năm mươi cụ mới sinh ra nên quý lắm. Xưa kia, cụ Huấn tuy đi làm việc quan, nhưng cụ bà vẫn ở nhà buôn bán không theo đi. Nay cụ Huấn về hưu thì hàng họ và mọi việc trong nhà cũng vẫn do một tay cụ bà cả.

Người ta đương ở chỗ bình thường mà bỗng dưng đến một chỗ phú quý thì tránh sao cho khỏi phải ngượng nghịu rụt rè ấy ngay.

Gian phòng để riêng cho tôi rất là sạch sẽ. Bốn bức tường trắng kẻ hoa treo hai bộ tứ bình, một bộ ngựa quang dầu, một cái tủ áo nhỏ, một cái bàn giấy, hai cái ghế.

Gian ngoài thì dài hơn. Có một cái tủ chè kê sát vào tường, một cái sập gụ, một cái bàn dài, bốn cái ghế, hai bên tường là đôi trường kỷ. Gần cửa sổ, kê hai cái tủ kính để sách vở. Trên tường, một bức hoành phi đề bốn chữ: "Quốc ân, gia khánh" với mấy đôi câu đối treo lõng thõng.

Cô Thuần dẫn tôi vào xem trong buồng của tôi. Tự tay cô lấy quần áo tôi đem xếp vào tủ, sách vở xếp vào bàn giấy. Rồi dặn chỗ này để giày chỗ này treo áo, cô tự nhiên như một người em gái nhỏ săn sóc đến anh.

Sáng hôm sau, vì thức khuya nên tôi dậy trưa. Tôi đem khăn mặt xuống nhà rửa mặt. Chưa ra đến cửa gác đã trông thấy cô Thuần đứng ở gác ngoài đon đả hỏi:

– Cậu đi đâu đấy?

– Tôi xuống rửa mặt.

– Không, cậu cứ ở trên này, để tôi bảo thằng xe đem thau lên, tội gì lên xuống cho mỏi chân.

– Thôi, cám ơn cô, tôi không dám phiền nhiễu đến thế.

– Phiền với nhiều gì, nhà đầy tớ nhiều, cậu cứ sai chúng nó.

Câu nói có vẻ sốt sắng. Tôi không nghe theo sợ cô giận. Cô liền gọi thằng xe lên dặn mỗi sáng phải đem nước lên cho tôi rửa mặt và từ nay tôi có sai bảo gì phải lập tức làm ngay.

Tôi mỉm cười bảo:

– Cô làm thế rồi sau này, tôi sinh hư ra đấy.

– Con người ta hư tại tính, có thế mà hư được sao.

Cô Thuần năm ấy đã lên lớp. Mà tôi đã lên ban thứ hai trường Bưởi. Thằng Ân, thằng Ấn thì học ở trường Hàng Vôi. Bao giờ cô Thuần và hai cháu cũng về trước tôi. Nhưng bữa cơm nào cũng chờ tôi về rồi cùng ăn. Còn người nhà thì ăn cơm trước.

Bữa cơm của chúng tôi rất là vui vẻ. Nhiều lần chúng tôi ăn, bà Huấn cũng lên góp chuyện với chúng tôi:

– Giá ngày nay, tôi có một đứa con trai bằng tuổi cậu thì có phải trong nhà vui vẻ biết bao.

Cô Thuần liền dừng đũa:

– Thế ngày nay, mẹ bảo nhà không vui sao? Con thấy vui lắm.

Bà Huấn liền ôn tồn vuốt ve cô:

– Sao không vui, nhưng giá anh mày còn sống thì có phải còn vui nữa không?

Bà nói xong nhìn hai đứa trẻ có vẻ thương xót. Tôi thấy bà nhắc đến người con trai đã thất lộc mà tôi lại nhớ đến mẹ tôi. Tôi tự nghĩ:

– Giá mẹ tôi còn sống, ngày nay trông thấy tôi đã trưởng thành thì mẹ tôi vui sướng biết bao.

Những ký ức cứ dồn dập trong óc. Tôi mải nghĩ quên cả gắp. Cô Thuần gắp thức ăn vào bát tôi, tôi cũng không hay.

Cô bèn vỗ vai tôi:

– Cậu nghĩ gì mà quên cả ăn thế?

Tôi sửng sốt:

– Không, tôi có nghĩ gì đâu.

– Cậu còn dối tôi mãi, từ ngày cậu lại đây đến giờ, mặt cậu lúc nào cũng buồn. Nhưng hôm nay thì cậu buồn hơn mọi hôm.

– Không, tôi có buồn đâu.

– Có, có, cậu đừng giấu tôi.

Tôi im lặng không nói.

Thì một hôm mẹ già tôi về chơi. Những cách thức mẹ già tôi đối với tôi như đã trả lời cho câu hỏi của cô Thuần.

Hôm ấy là chủ nhật. Tôi đang ở dưới nhà đánh cờ với ông Huấn. Thuần thì ngồi xem truyện, còn Ân, Ấn thì đang đùa với con mèo. Bà Huấn thấy mẹ già tôi đến vội vàng mời ngồi và gọi người pha nước. Tôi trông mặt mẹ già tôi có vẻ giận dữ mà tôi lo. Mẹ già tôi nói chuyện với bà Huấn một lúc, rồi quay lại mắng tôi - hình như mẹ già tôi một khi trông thấy tôi không mắng thì bực tức không chịu được.

– Ai nuôi mày đến bây giờ khôn lớn, dễ mẹ mày phải không? Mày viết giấy về mà bảo "không cần" tiền nữa. Tết mày cũng không về, nghỉ hè mày cũng không về. Ai chả biết bây giờ mày kiếm được tiền! Mày đừng vội khinh người rẻ của. Bạc vừa vừa chứ.

Tôi cung kính trả lời:

– Thưa mẹ, con đâu dám khinh tiền của mẹ. Nhưng vì ông bà đây gọi con về dạy các cậu, đã không lấy tiền cơm lại còn cho con tiền trả tiền học, vì thế con mới viết giấy về thưa với mẹ đừng gởi tiền, chứ nào phải con dám khinh tiền mẹ!

Bà Huấn thấy thế nói giúp cho tôi. Bà khen tôi ngoan ngoãn, chăm học. Càng khen bao nhiêu thì bà lại càng làm cho mẹ già tôi giận bấy nhiêu. Mẹ già tôi nói vài câu cay đắng rồi vùng vằng đứng dậy cáo từ.

Tôi nghĩ đến cực thân, lên gác ngồi thừ ra. Cô Thuần rón rén đến tận sau lưng mà tôi không hay:

– Người lúc nãy không phải là mẹ cậu phải không? Mẹ cậu chết rồi phải không?

Tôi sẽ gật đầu mà không nói gì.

Từ đấy, cô Thuần đối với tôi lại càng ân cần.

Tết.

Tất cả nhà ông Huấn rộn rịp sắm sửa để ăn Tết. Thằng Ân, Ấn và cô Thuần đều tíu tít về chọn quần áo mới. Một hôm cô Thuần bảo tôi:

– Tết đến nơi, cậu không may áo để ăn Tết ư?

– Ăn Tết cần gì phải áo. Cứ có áo mới ăn Tết được ư? Nếu thế để nhà nghèo họ không có tiền may áo thì họ nhịn ăn Tết cả.

Tôi vừa nói, vừa cười. Cô Thuần nghĩ một lát rồi bảo:

– Dưới hàng nhà tôi lắm xatanh đẹp lắm, sao cậu không may một áo.

Tôi chỉ cười mà không trả lời.

Đến chiều đi học về qua cửa hàng, bà Huấn giữ tôi ở lại, đem các thứ xatanh, đoạn cho tôi xem rồi bảo tôi chọn lấy một áo. Lúc ấy, cô Thuần cũng ngồi đấy. Con mắt cô cứ nhìn tôi như cố ý bảo nhận lời đi cho cô bằng lòng. Tôi chưa kịp nói thì bà Huấn lại bảo:

– Cậu may một áo xatanh hoa này đi, vừa tốt, vừa đẹp. Tôi không lấy tiền đâu.

Không lấy tiền! Câu ấy làm cho tôi đỏ mặt. Vì gia cảnh bắt buộc, tôi muốn thoát ly khỏi quyền áp chế của mẹ già tôi, nên tôi mới phải đến ở nhà này. Tôi dạy con cháu bà thì bà trả tiền cơm tiền học cho tôi là lẽ tất nhiên. Còn cái áo kia tôi làm gì mà được. Tôi có phải là kẻ đi ăn xin đâu. Cho hay lòng tự ái của thiếu niên thật là kỳ lạ. Vì lòng tự ái thành ra tôi nói dối:

– Bà có bụng tốt, con cám ơn. Nhưng con đã đặt may một bộ quần áo tây rồi.

Tôi vừa nói, vừa gập xatanh giao trả bà Huấn. Cô Thuần nhìn tôi chòng chọc, dường như hiểu biết... cái nhìn ấy làm tôi ngượng nghịu lạ lùng.

Tôi chưa biết xử trí ra sao thì vừa may, thằng Ân ở trong nhà thấy tôi chạy ra. Tôi thừa dịp hỏi nó mấy câu băng quơ rồi dắt nó lên gác.

Tôi vẫn biết cô Thuần thực bụng, tôi vẫn biết bà Huấn là người tốt, nhưng lòng tự ái không cho tôi nhận được. Tôi nói thác ra là đã đặt may quần áo tây, nhưng nào có đặt gì đâu.

Ngày nay đã trót lỡ lời, nếu không có thì ông bà Huấn còn coi tôi ra thế nào. Mà thứ nhất là tôi không muốn cho cô Thuần biết là tôi nói dối. Tôi nhất định đi may một bộ quần áo tây. Đó là việc ngông cuồng thứ nhất của đời tôi.

Tiền tôi dạy học tư, tiền tôi để dành trong hai năm nay được hơn năm mươi đồng. Tôi liền lại nhà một người bạn ăn mặc quần áo đã lâu, nhờ đưa đi may.

Tôi chọn một bộ dạ màu tím, mua một cái mũ và một đôi giày.

Xưa kia, tôi chưa mặc quần áo tây bao giờ, nay nhất đán đóng vào, tránh sao cho khỏi ngượng nghịu.

Bạn đứng cạnh bảo tôi:

– Giá anh không gầy thì trông "tây" (!) lắm.

Tôi nhìn vào gương mà tôi sửng sốt. Sừng sững trước mặt, một chàng âu phục tươm tất lắm. Nhưng cái mặt xương xương trông có vẻ già. Tôi hỏi bạn:

– Trông tôi già lắm nhỉ?

– Anh bao nhiêu mà đã già. Nhưng thoáng trông thì đến 22, 23.

Có lẽ, có lẽ, cái đời tôi sớm biết những sự khổ sở nên già sớm, bì sao được với những kẻ đi trên đường đời ung dung như đi chơi mát.

Tết đến, cả nhà xúm xít lại mừng tuổi ông Huấn, bà Huấn. Rồi thằng Ân, thằng Ấn với cô Thuần chạy lên gác mừng tuổi tôi.

Cô Thuần mặc một cái áo gấm màu lam, ngoài phủ áo xatanh da đồng trông rất là diễm lệ. Thằng Ân, thằng Ấn thì xúng xính áo gấm đỏ, khăn xếp, giày hài, cổ đeo kim khánh trông kháu lắm.

Cô Thuần thấy tôi bèn nói:

– Năm nay, tôi mừng cho cậu...

Nói đến đây, cô tịt ngắc... có vẻ ngượng nghịu. Cái ngượng nghịu nó lây hay sao. Thành ra tôi cũng ngượng nghịu chẳng biết trả lời làm sao, vội bế thằng Ấn rồi dúi cho mỗi đứa một hào.

– Cậu mừng cho các em năm nay...

Rồi tôi cũng tịt ngắc... vì tôi nghĩ đến sự tịt ngắc của cô Thuần.

Hai đứa dắt tôi xuống nhà mừng tuổi ông bà Huấn. Tôi đã lo ngay ngáy về sự ông bà ấy mở hàng cho tôi. Nhận cũng dở mà không nhận cũng dở, vì sợ đông người ta, nhưng may không có sự mở hàng. Bà Huấn nói chuyện với tôi năm nào cũng cứ mồng hai Tết cả nhà sang Hưng Yên lễ tết quê ngoại. Bà ngỏ ý mời tôi cùng đi.

Sáng mùng hai cả nhà dậy sớm. Tôi cũng thắng âu trang vào xuống dưới nhà. Thằng Ân, thằng Ấn thấy tôi ăn mặc tây lạ mắt chạy lại sờ mó rồi reo ầm lên:

– Cậu mặc tây trông đẹp quá, cừ quá. Sang năm em cũng bảo mợ em may quần áo tây cho em.

Cô Thuần thấy tôi mặc tây nhìn tôi một cách ý nghĩa như hiểu biết rằng tôi khổ tâm mới phải may bộ quần áo tây kia. Cái nhìn của cô như soi thấu chỗ u ẩn của lòng tôi.

Xe ô tô đến, chúng tôi cùng lên. Tôi ngồi cạnh người tài xế, thằng Ấn ngồi cạnh tôi.

Hôm ấy đi hãy còn sớm. Gia dĩ lại là ngày Tết, nên hàng phố đều đóng cửa. Hà Nội như ngủ trong giấc mộng. Chỉ những xác pháo đỏ ối đầy đường nhắc cho ta biết rằng đế đô đang say đắm trong cuộc vui xuân.

Xe đến bến nhà Dầu, rồi sang phà. Hôm ấy hơi gió, nên phà cứ chềnh bên nọ, bên kia. Bà Huấn, mợ Cả, Ân, Ấn và Thuần, chốc chốc lại ló đầu ra bảo tôi:

– Cậu coi chừng đấy. Hôm nay gió lắm đấy, cậu ngồi xuống tử tế vào. Sao cậu không sang tàu này mà ngồi.

Tôi đưa mắt tỏ ý cám ơn cô đã có lòng sốt sắng lo ngại cho tôi. Rồi chiều ý cô, tôi ngồi xuống mạn phà.

Đến bờ, chúng tôi lên xe. Ở đây, đường vắng xe chạy rất nhanh, một loáng đã đến nơi. Bà Huấn, mợ Cả bận đi lễ và đi mừng tuổi những nhà quen, còn Thuần thì rủ tôi và hai cháu ra đồng chơi.

Mùa gặt hái đã xong và vụ trồng mầu chưa đến. Trông xa tít mù tắp, những ruộng cùng bờ.

Ân, Ấn xưa nay ở chỗ thành thị chật hẹp, nay được về chốn nhà quê rộng rãi chơi đùa lấy làm thú lắm. Chúng nó cười nói ầm ỹ. Ân, Ấn chạy trước, tôi và Thuần lững thững theo sau. Trong người tôi thấy khoan khoái lạ thường. Ký vãng tuy chìm ngập trong sầu thương, nhưng hiện tại đã như gấm, như hoa thì ta nhìn tương lai cũng không đến nỗi sợ hãi cho lắm. Ánh sáng hy vọng như khí ấm mùa xuân, tưng bừng ở trong người tôi.

Chúng tôi đang thơ thẩn nhìn ngắm cảnh vật thì bỗng một đàn trâu bò đương ăn ở vệ đê thấy chúng tôi ăn mặc màu lòe loẹt vùng sợ hãi chạy tán loạn.

Ân, Ấn sợ hãi chạy lại ôm lấy chân tôi. Còn Thuần thì nép vào sau lưng, tay nắm vào vai tôi. Tôi lúc ấy không còn động đậy được nữa. Tôi rợn tóc gáy khi thấy một con trâu mộng xăm xăm chạy lại định húc chúng tôi.

Trong tay không có một vật gì có thể chống cự. Đã đành mình nhanh chân có thể chạy thoát được, nhưng còn ba người kia thì sao? Mà ba người kia là ai? Là những người... ngoài mẹ tôi đã chết đi, chỉ còn có ba người ấy là thương yêu tôi, là những người đã đem lại cho

cuộc đời nhục nhằn, cô độc của tôi một chút vui. Tôi đành rằng có chết thì với họ cùng chết.

Con trâu cứ chạy lại. Ân, Ấn thì run bắn lên và kêu cứu ầm ĩ. Trong người ta có những lúc sự thông minh như ngừng lại, chỉ có cái bản năng tự vệ, cái bản năng mãnh liệt và sáng suốt nó sai bảo hành vi mình mà thôi.

Con trâu còn cách chúng tôi mười thước!

Rồi năm thước!

Rồi...

Tôi vội lật cái mũ ném trúng vào đầu nó. Trâu giật mình... chạy tạt ngang.

Lũ mục đồng vác gậy đến xua đàn trâu đi. Ân, Ấn lúc ấy hết sợ lại lem lém như thường:

– Thế cậu không sợ nó sao? Em sợ lắm.

Thuần thì không nói gì. Nàng điềm tĩnh đi nhặt cái mũ, lấy khăn mặt phủi đất rồi đội lên đầu cho tôi. Tôi hỏi:

– Thế cô Thuần có sợ không?

Nàng trả lời một cách tự nhiên:

– Em gần anh thì chả còn sợ gì nữa.

Lần ấy là lần đầu nàng gọi tôi bằng anh và xưng với tôi bằng em.

Lúc chúng tôi về đến phà Ái Mộ thì đã năm giờ.

Trời lúc ấy nổi cơn giông. Gió to, nước chảy xiết. Tôi ngỏ ý với bà Huấn nên chờ đến lúc gió im hẵng sang, nhưng bà không nghe:

– Người ta sang được thì mình cũng sang được

Ô tô xuống phà. Tàu ra đến giữa sông thì gió lại càng mạnh, sóng lại càng to.

Chiếc "sà lúp" đã nhỏ lại hẹp lòng. Buồng máy đã chiếm gần hết thân tàu. Trong tàu, hàng hóa của những người sang ngang đã chất đầy. Hết chỗ, chúng tôi phải ngồi cả ở mũi. Lúc ấy tôi còn nhớ ở đây có mấy kiện hàng mà Thuần thì ngồi lên trên.

Gió to. Tàu lại kèm phà. Sóng vỗ mạnh làm cho chiếc phà xô đi xô lại. Chiếc dây thừng buộc phà ở đầu mũi bỗng đứt. Tàu mất thăng bằng chênh hẳn về một bên. Mấy kiện hàng lăn tõm xuống sông, lôi cả Thuần đi! Tàu chạy ngang, nước chảy dọc. Với tiếng người kêu cứu

thất thanh! Dòng nước đã cuốn Thuần đi hơi xa, chờ tàu quay mũi thì muộn mất rồi, mà thủy thủ thì chẳng thấy một ai nhảy xuống. Tôi cuống quýt... rồi tôi nhảy xuống. Vì vội vàng nên quên cởi áo, thành ra khó bơi quá. Tôi úp mặt xuống nước, cố cởi áo ra, khi đã cởi được áo rồi, tôi dùng hết sức mạnh bơi lại phía Thuần lúc ấy còn nhấp nhô trên mặt nước.

Một phút, hai phút.

Tôi bơi kịp, nắm được tóc nàng. Tôi dùng tay đỡ cho đầu nàng lên khỏi mặt nước. Ngoảnh lại nhìn thì tàu cũng xa mà bờ lại xa hơn. Bơi lại tàu thì ngược nước, mà bơi vào bờ thì vì vướng giày và quần tây khó bơi lắm. Tôi cứ bơi đứng, tay đỡ lấy đầu nàng, mặc cho dòng nước muốn lôi đi đâu thì đi.

Tàu quay mũi, mở hết tốc lực chạy đến chỗ chúng tôi. Hai cái thùng vứt ra, tôi nắm được một. Người ta lôi chúng tôi lên.

May, Thuần chưa việc gì, chỉ uống phải ít nước, nên ngạt thở. Cứu chữa chừng hai phút thì Thuần mở mắt. Tôi mừng quá rú lên:

– À, em tôi sống rồi!

Lần này là lần đầu tiên tôi gọi nàng bằng em. Mà tôi cũng chẳng hiểu tại làm sao tôi lại dùng cái danh từ thân yêu ấy. Hoặc giả, tôi đã yêu nàng mà tôi không tự biết, chỉ biết cả tàu nghe tôi gọi như thế thì yên trí chúng tôi là anh em thực.

Chúng tôi đều rét run cầm cập, bà Huấn và mợ Cả cởi áo ngoài cho Thuần mặc. Còn tôi thì được bác tài cho mượn cái áo, nên cũng đỡ rét.

Về đến nhà, bà Huấn vực nàng vào. Kẻ đốt lửa, kẻ sắc sâm, người gọi đốc tờ tíu tít, cũng chẳng ai để ý đến tôi.

Tôi lên gác thay quần áo. Vì rét quá, nên tôi lên giường trùm chăn, thành thử ngủ lúc nào không hay. Tôi ngủ say quá. Khi tôi tỉnh dậy đã thấy ông Huấn ngồi ở đầu giường. Tôi thấy chân tay rời rã, nặng như chì, tôi tưởng tôi ốm, nhưng không phải, chỉ vì tôi đói quá. Ông Huấn sai người pha sữa cho tôi uống. Tôi hỏi chuyện mới biết Thuần không hề gì cả, chỉ vì quá sợ nên bây giờ còn hơi mệt mà thôi.

Uống sữa xong, tôi lại ngủ. Trong giấc mơ, chỉ tiếc cái áo đẹp, mình mới được mặc có một lần mà hà bá đã bóc lột mất của mình.

Sáng hôm sau, tôi sang thăm Thuần thì thấy cả nhà xúm xít ở quanh giường. Nàng đắp chăn kín cả người chỉ để hở cái đầu. Thấy

tôi nàng sẽ nhích mình nằm xê vào một bên rồi lấy mắt ra hiệu cho tôi ngồi xuống cạnh giường. Tôi còn vùng vằng thì nàng đã giơ tay kéo tôi ngồi xuống:

– Tối hôm qua, em sang thăm anh thấy anh nằm thiêm thiếp đi, em tưởng anh ốm lo quá. Đốc tờ khám, bảo anh chỉ ngủ say, em cũng không tin. Sau thầy em nói anh dậy uống sữa em mới mừng.

Tôi rất lấy làm lạ về chỗ mình ngủ say đến đốc tờ vần mó vào người mình mà mình không hay.

– À, em nghe chị Cả bảo anh mất áo phải không?

Cả nhà thấy nàng xưng hô với tôi như thế chẳng lấy làm ngạc nhiên. Nhưng tôi thì không hiểu làm sao lúc ấy, tôi lại thấy ngượng.

Hết Tết, nàng lại đi học như thường. Khi đi thi tốt nghiệp nàng đỗ. Cả nhà đều mừng. Riêng tôi cũng lấy làm thỏa mãn vì cái công tôi dạy nàng đã có kết quả.

Tôi còn nhớ có một hôm tôi nói đùa:

– Thôi, nay mai vào trường Sư phạm, rồi ra làm cô giáo, lúc ấy thấy tôi chắc là không chào vì...

Tôi vừa nói đến đây thì bỗng nàng sầm mặt lại, nói một cách rất nghiêm nghị:

– Anh xét tôi thế nào mà anh lại bảo tôi là con người thế?

Tôi hoảng sợ vội chữa:

– Tôi nói đùa đấy chứ. Cô giận tôi à?

Nàng nhìn tôi một cách dịu dàng:

– Tôi không bao giờ giận anh. Mà cũng không bao giờ tôi có thể nghĩ đến sự giận anh. Anh có biết tại sao tôi đỗ không?

– Cô học giỏi thì cô đỗ.

Nàng lắc đầu:

– Không phải: Vì có anh mà tôi đỗ. Vì anh cố dạy tôi môn tính, tôi mới đỗ. Vì có anh nên ngày nay tôi mới còn sống để đi thi.

– Tôi đã quên rồi.

– Anh có thể quên được. Nhưng tôi thì tôi không bao giờ có thể quên được rằng anh đã liều mình để cứu tôi.

– Tôi biết bơi, tôi chết đuối làm sao được. Thế sao gọi là liều mình?

– Thế hôm ấy ở tàu thiếu gì người biết bơi, sao không ai cứu tôi cả?

– Vì họ không quen biết cô.

Tôi rất lấy làm khó chịu khi nghe nàng nhắc đến việc ấy, nên đánh trống lảng sang việc khác:

– Thế cô phải cố học để thi vào trường nữ Sư phạm chứ?

– Tôi muốn học nữa, nhưng thầy tôi bảo tôi tạng yếu lắm, ở nhà buôn bán. Có anh ở đây, tôi muốn giỏi thì học anh cũng thế. Thầy tôi bảo nghề giáo học vất vả lắm.

– Thôi bây giờ cô đã đỗ, cái chức trách tôi thế là xong rồi, hết hè này, tôi lại phải vào trường ở vì...

Nàng nghe tôi nói thế, mặt bỗng tái không còn hột máu, vội hỏi giật:

– Anh nói thật hay anh nói dối? Nàng vừa nói, vừa nhổm dậy nắm lấy tay tôi.

– Ông Đốc có hứa cho tôi lương, tôi phải vào chứ, bỏ lương làm sao được.

– Thế anh ở đây thì việc gì còn cần lương.

– Chả lẽ tôi cứ làm phiền hai cụ mãi. Bỏ thế phí.

– Thế anh nhất định bỏ em anh đi thật sao?

Nàng nói xong, khóc nức nở. Tôi thấy nàng khóc mà bỗng thấy hối hận, chẳng biết hối hận vì lẽ gì. Tôi lấy tay vuốt tóc nàng âu yếm bảo:

– Anh vào trường chứ anh có đi đâu.

Nàng nghe tôi nói lại càng khóc to. Tôi phải hứa với nàng, tôi không xin vào trường nàng mới nín.

Nghỉ hè ấy, tôi lại xuống Sinh Từ học võ cụ Cử. Một hôm đi về, vì mệt quá cứ để cả áo lên giường nằm thì bỗng thấy Thuần đẩy cửa chạy vào. Thấy áo tôi đầy những mồ hôi, nàng gắt tôi ầm ĩ. Nàng bắt tôi dậy thay áo.

– Anh cứ thế có khi cảm chết.

– Chết thì chôn.

Nàng lấy tay củng vào trán tôi:

– Từ rày cấm anh không được nói gở mồm thế nghe không?

– Nói thế mà chết được thì chẳng hóa ra chết dễ lắm ư?

Nàng nói một giọng nũng nịu:

– Anh muốn cho Thuần buồn phải không?

Tôi vừa cười vừa bảo:

– Cô làm sao mà buồn? Tôi thực không bao giờ muốn cho cô buồn cả.

– Anh cứ gọi em bằng em thì em mới bằng lòng cơ. Rồi em bảo một cái hay lắm cho nghe.

– Ừ thì anh không muốn cho em bao giờ phải buồn. Cái gì, nói đi.

– Thầy mẹ em thấy em yếu quá mà ở Hà Nội nóng, muốn cho em với thằng Ân, thằng Ấn ra Đồ Sơn nghỉ mát, nhưng đi một mình mà không có anh đi, em không muốn đi.

– ???

– Thầy mẹ em già, ngại đi xa. Mẹ em muốn nhờ anh đưa chúng em đi. Anh nhận lời nhé.

Tôi chưa trả lời thì nàng đã ngồi xuống cạnh tôi nắm hai tay tôi mà bảo:

– Anh không nhận lời em giận đấy. Rồi em buồn cho mà xem. Chỉ có những cô gái ngây thơ mới nói được những câu ngây thơ ấy một cách nghiêm trang khiến cho ai nghe thấy cũng phải cảm động.

– Đi thì đi. Nhưng anh sợ tốn cho hai cụ.

Nàng nghe nói mừng lắm, vội vàng chạy xuống nhà nói với ông Huấn, bà Huấn biết rằng tôi đã bằng lòng. Ân, Ấn nghe nói đi Đồ Sơn vỗ tay reo mừng. Bà Huấn trân trọng bảo tôi:

– Quan nhà tôi và tôi thì già không đi được. Mợ Cả còn phải ở nhà coi hàng. Tôi muốn cho các cháu ra Đồ Sơn chơi giải trí, vì tôi xem con Thuần nó yếu lắm, vậy cậu bằng lòng đưa các cháu đi thì tôi chắc bụng lắm không nghi ngại gì. Cứ ở dưới ấy chơi, đến khi tôi cho người xuống đón, hẵng về.

Bà Huấn giục tôi đi thu xếp quần áo, lại bảo cả con gái lên xếp giùm cho tôi.

Ông Huấn, bà Huấn ủy thác cô Thuần cho tôi mà không nghi ngại điều gì vì ông bà yên trí coi tôi như anh cô Thuần. Mà chính lúc bấy giờ tôi cũng không ngờ rằng sau này tôi lại đem lòng luyến ái cô bằng một thứ tình khác tình anh em.

Cô Thuần lấy một cái va ly to trong đã xếp đầy quần áo của cô lên buồng tôi. Cô bảo tôi đưa chìa khóa rồi cô lấy quần áo tôi xếp chung vào đấy. Cầm đến mấy bộ quần áo tây trắng - đi học tôi vẫn

mặc quần áo ta - để lâu không là nên nhầu hết, cô bèn quay lại mắng tôi một cách yêu đương:

– Anh xoàng xĩnh lắm. Quần áo đi chơi mà để nhàu như thế này ư? Bây giờ phải bảo thằng xe nó mang đi thợ giặt chứ.

– Đến ngày kia đi giặt sao cho kịp.

– Kịp, cho nó thêm tiền thì kịp.

Rồi cô nguýt tôi bằng một cái nguýt mới dễ yêu làm sao:

– Anh luộm thuộm lắm. Từ nay, tôi phải trông coi quần áo cho anh mới được, không người ta thấy anh ăn mặc lôi thôi, người ta cười tôi không trông nom cho anh.

Tôi nghe nàng nói, tôi nhìn nàng, nhìn đống quần áo mà tưởng chừng như mình có một cô em gái thực.

Lúc sắp đi, bà Huấn gọi tôi xuống đưa cho ba trăm đồng và dặn:

– Đây, cậu cầm tiền để chi phí cho các em. Như có thiếu thì viết giấy về, tôi sẽ gửi xuống. Cậu xem thế nào là phải thì cứ tiêu, muốn ở đâu thì ở. Tôi giao hết trách nhiệm cho cậu.

Từ khi tôi may quần áo tây thì thằng Ân, thằng Ấn cũng may theo. Hôm ấy, chúng mặc hai bộ quần áo lính thủy trông khôi ngô lắm.

Chỉ có u nuôi của Thuần đi theo chúng tôi. Tôi còn nhớ hôm ấy chính bà Huấn bảo tôi ngồi đằng sau xe với Thuần mà bắt u em lên ngồi đằng trước với tài xế.

Chúng tôi ở nhà đi sớm, chưa ăn cơm, nên đến Hải Phòng thì vừa đói, Thuần ngỏ ý muốn đỗ lại Hải Phòng ăn cơm và xem tỉnh nhân thể. Tôi gạt đi:

– Đây cách Đồ Sơn hơn hai mươi cây số. Xe chạy chỉ nửa giờ. Chúng mình ăn cơm ở Đồ Sơn cũng vừa. Ngay hôm nay chúng ta còn phải đi kiếm thuê một cái nhà chứ ở khách sạn tây thì đắt lắm. chùng chình ở đây thì tối. Mai trở về Phòng xem cũng được.

– Anh nói có lý lắm. Me giao chúng em cho anh là me biết người lắm.

Me? Me? Nghe chừng nàng nói mà tôi tưởng tôi là con bà Huấn thật.

*

* *

Chúng tôi thuê được một cái nhà lợp ngói chung quanh có vườn, lại quay ra mặt bể. Nhà làm lối nửa tây, nửa ta. Nhà có ba gian. Một gian là buồng, có hai gian thông nhau. Chủ nhà ở gian buồng, còn chúng tôi ở hai gian thông nhau. Giường, bàn có sẵn, chỉ thiếu màn gối thì ở nhà đã mang theo đi.

Tôi nhờ chủ nhà nấu cơm cho chúng tôi ăn và cho u già giúp đỡ sự nấu nướng.

Nhà này lát gạch sạch sẽ lắm. Hai cái giường kê đối nhau. Một cái bàn để giữa hai cái tràng kỷ. Giáp tường, đối diện với cái bàn, có cái tủ áo cũ. Gian giữa thì có cửa thông ra ngoài. Gian bên thì có hai cửa sổ. Về đêm mở cửa sổ, gió biển lùa vào mát lắm.

Sáng hôm sau, chúng tôi dậy thật sớm để đi xem bể.

Lúc ấy, trời hơi gió, mặt bể phẳng lì như một tấm thảm.

Vừng đông mới hé mọc, uể oải như còn ngái ngủ nhưng bóng lửa đã chói lòe một góc trời.

Một bàn tay bí mật rắc những mảnh vàng xuống mặt bể.

Một cơn gió thoảng... Những mảnh vàng ấy bỗng cử động rồi họp lại thành suối tự chân trời chảy lại.

Một vài con thuyền đánh cá, nho nhỏ, xinh xinh như bập bềnh trên suối lửa.

Hàng đàn quạ bể lượn đi lượn lại trong không trung. Những con chim ta không trông thấy ở trong bụi hót ríu rít khiến cho cảnh tượng đã huyền ảo lại thêm phần huyền bí.

Thuần một tay nắm vai tôi, một tay trỏ con thuyền bảo tôi:

– Giá con thuyền kia nó cứ đi mãi về đằng đông, nó chui qua rặng núi lửa kia thì có lẽ đến đường lên trời đấy nhỉ?

Tôi vừa nhìn nàng, vừa cười:

– Có lẽ đến động Thiên Thai.

Ân, Ấn vội hỏi:

– Động Thiên Thai là gì hở cậu?

– Động Thiên Thai là động Thiên Thai chứ còn là động gì. Các em muốn nghe, bảo cô kể cho nghe.

– Cô không biết. Vì cậu đã không biết thì cô biết làm sao được.

Chúng tôi vừa đi, vừa nói chuyện phiếm. Những chuyện giá người ngoài nghe thì phải lấy làm bật cười vì nó ngớ ngẩn lắm, nhưng nó rất thú vị đối với chúng tôi.

Đến bãi cát tôi cho phép Ân, Ấn đùa nghịch. Chúng chạy nhảy, cười đùa ầm ĩ. Cái tuổi thanh đồng vô tư, vô lự kia thật là cái tuổi sung sướng nhất trong đời người. Nhìn chúng nó, tôi lại sực nghĩ đến cái đời thơ ấu của tôi. Thật là tôi đã phải chịu những sầu thương từ lúc lọt lòng mẹ. Nếu bảo rằng Tạo hóa có luật thừa trừ thì có lẽ Tạo hóa bắt tôi khổ sở trước để đền bồi cho tôi về sau này. Mà đừng nói sau này, ngay bây giờ, Tạo hóa chẳng đã dành riêng cho tôi phần lạc thú cạnh ba người rất kính mến tôi rồi đó sao?

Thuần thấy tôi có vẻ nghĩ ngợi, muốn cho tôi hết buồn liền rủ tôi chơi hú tim. Tôi bằng lòng. Rồi tôi chạy, tôi nhảy, tôi la, tôi cười, tưởng chừng như mình bé lại. Ân, Ấn đuổi Thuần. Thuần chạy thế nào bỗng đâm choàng vào người tôi. Mất thăng bằng, tôi ngã ngồi xuống đống cát. Thuần cũng ngã lên lòng tôi. Ân, Ấn xúm lại ngồi cả lên lòng Thuần. Trước những cử chỉ thân mật, yêu đương ấy, trái tim khô héo của tôi như nở nang ra vì sung sướng. Rồi tôi hôn Ân, rồi tôi hôn Ấn, tôi lại hôn cả Thuần nữa. Thuần thấy tôi hôn cũng ôm lấy đầu tôi hôn. Ân, Ấn thấy Thuần hôn tôi, cũng bắt chước. Rồi cả ba đè tôi ra hôn như mưa.

Lần ấy là lần đầu tiên tôi hôn Thuần. Chẳng biết trong lòng Thuần có những cảm giác gì, chứ tôi hôn Thuần thì tôi cũng thấy như hôn Ân, Ấn vậy.

Chúng tôi chơi đùa đến khi cơ thể nóng bừng, mồ hôi ra nhễ nhại mới thôi.

Mặt bể long lanh như xui người ta xuống dầm mình vào để giải cái oi bức.

Thuần xin tôi:

– Anh cho chúng em xuống tắm, nghe không? Ân, Ấn thấy nói đến tắm, mừng rỡ múa lên.

Tôi bèn bảo:

– Tắm thì phải có quần áo tắm, chúng mình có đâu.

Ân vội hỏi:

– Thế sao cậu không mua cho chúng em?

– Ở đây, đâu có bán, phải ra Hải Phòng.

Chúng tôi về ăn cơm, ăn vội ăn vàng rồi bảo tài xế đánh xe đi Hải Phòng.

Hôm ấy, Thuần mặc quần áo màu xanh dương, vấn tóc trần, giầy cườm, trông đẹp và sang lắm.

Tôi chưa biết Hải Phòng bao giờ, nhưng bác tài thuộc đường.

Trước hết chúng tôi ra Sáu Kho xem tàu bể. Hôm ấy chỉ có hai chiếc tàu binh thành thử không xin được phép lên xem. Tàu to quá. Mới đến thì nó lừng lững ở trước mặt, khi quay về thì sừng sững ở sau lưng. Ân, Ấn tò mò, cái gì cũng hỏi, hỏi mãi. Chúng hỏi nhiều cái ngớ ngẩn, oái oăm khiến tôi không trả lời được. Tôi bèn gắt yêu:

– Các em hỏi luôn, cậu trả lời không kịp, thôi để cậu nặn thêm ra mấy cái mồm nữa như ông ngáo thì các em hết hỏi.

Ông ngáo mặc. Ân, Ấn vẫn cứ hỏi. Thuần bèn vỗ vai cháu:

– Hai cháu để cho cậu nghỉ một chút, rồi chốc nữa cậu lại giảng cho nghe. Chứ chúng mày bắt cậu nói luộn thế, sái hàm rồi còn gì.

Nàng vừa nói, vừa rút khăn mùi xoa lau mấy giọt mồ hôi ở má tôi.

Xem Sáu Kho xong, chúng tôi vào một hiệu Tây gần nhà thờ mua mấy bộ quần áo tắm. Khi tôi trả tiền, bà đầm làm thu ngân vừa đếm tiền vừa hỏi tôi:

– Em ông đấy phải không?

– Không phải, đấy là bạn tôi.

– Tôi trông hai người sau này tốt đôi lắm.

Câu nói ấy đã làm cho tôi nghĩ ngợi vẩn vơ. Và không hiểu tại sao làm cho tôi phải ngượng nghịu khi trông thấy Thuần. Trong lòng tôi lúc ấy như sợ hãi thế nào. Mà cũng vì thế, tôi không dám suồng sã với nàng như trước nữa.

Sáng hôm sau, mới bảnh mắt, Ân, Ấn đã xin đi tắm. Tôi cho cả u em đi để thay quần áo cho Ân, Ấn. Chúng tôi ở trong mặc quần áo tắm, nên đến bể thì cởi cả quần áo ngoài ra, duy Thuần thì chỉ cởi áo dài thôi mặc dầu bên trong đã có mặc quần áo tắm.

Giá chưa có lời nói cô đầm làm cho tôi ngượng nghịu thì có lẽ tôi đã khuyên nàng cởi hết quần áo ngoài để tắm cho tiện. Mà tôi bảo thì thế nào nàng cũng nghe. Nhưng lần này, chẳng những tôi không dám khuyên, chính tôi cũng không dám nhìn nữa.

Xuống đến nước Ân, Ấn cứ bám chặt lấy tôi, bắt tôi dạy bơi. Thuần trước còn bẽn lẽn, sau cũng đùa nghịch, tập bơi với Ân, Ấn. Tôi còn nhớ ba người chống tay xuống cát, chân đạp nước bắn tóe nước cả lên đầu tóc tôi. Tôi cấm ba người không được xa bờ, sợ lỡ có sóng giật, bị cuốn đi.

Còn tôi thì bơi ra thật xa. Thuần thấy tôi ra xa quá, vẫy tay bảo tôi vào. Không biết lúc ấy tôi nghĩ thế nào, tôi lại nổi lên cái ý kiến muốn trêu Thuần. Có lẽ sự sợ hãi của nàng dội vào lòng tôi làm cho tôi vui sướng. Sự sợ hãi làm tỏ rõ tấm lòng thiết tha của nàng đối với tôi.

Tôi giả vờ lạng lạng như người bị sóng cuốn. Rồi tôi sẽ ngụp xuống, lại sẽ nhô lên như người bị chết đuối thật.

Thuần ở trên bờ kêu gọi thất thanh. Nhô lên nghe thấy tiếng nàng kêu, tôi lấy làm sung sướng quá. Rồi bỗng chẳng nghĩ gì nữa, tôi tự để cho luồng cảm giác sung sướng lôi đi. Tôi sải vào bờ như bay. Thuần ôm chầm lấy tôi:

– Gớm, làm em sợ quá!

Rồi nàng lấy tay phát vào vai tôi đen đét. Tôi chạy trốn để khỏi bị đánh. Nàng đuổi theo. Tôi ngụp xuống. Đến khi tôi nhô lên thì vướng phải nàng, thành thử tôi công kênh nàng lên. Nàng nắm tóc tôi cười rũ rượi. Da đùi nàng áp vào cổ tôi khiến cho cổ tôi như bị bỏng. Không biết trạng thái tâm lý của lòng người nó ra thế nào mà vừa lúc trước đây tôi cầu mong được đến gần nàng để được sung sướng, bây giờ gần rồi, tôi lại đâm hoảng sợ. Tôi vội vàng lặn ngay xuống, tưởng chừng chỉ có làn nước đè lên mới có thể bảo vệ và đem lại sự yên tĩnh cho mình. Tôi lặn đi thật xa, lúc tôi ngoi đầu lên thì thấy Thuần đang sặc nước. Tôi lại thương hại bơi lại gần. Lần này nàng bám chặt lấy tôi bắt đền:

– Anh làm em uống phải ngụm nước, mặn quá, bắt đền đấy! Ướt hết cả tóc rồi đây này!

Giọng nói và bộ điệu nũng nịu làm cho tôi sung sướng quá, khiến tôi lại muốn cho nàng uống phải ngụm nước nữa để bắt đền tôi một lần nữa.

Sóng hơi to. Chúng tôi lên bờ chờ lúc sóng thụt xuống chạy đuổi theo. Trông thấy hai bàn chân nõn nà giẫm trên cát mà mỗi khi sóng đánh vào rửa sạch lại làm nõn nà thêm, tôi bỗng nổi lên cái ý muốn ôm lấy bàn chân ấy mà hôn. Nhưng không dám táo bạo đến

như thế, tôi liền nằm lăn trên những dấu cát mà bàn chân nàng đã in hình lên. Nàng lại lầm tưởng tôi ngã, vội vàng chạy lại đỡ tôi dậy. Tôi thừa lúc ấy đặt đầu lên đùi nàng, nàng cũng để yên, chỉ sẽ lấy tay phủi những hột cát dính ở mặt tôi.

Cái con u già ngu dốt, đứng đằng xa thấy thế lại tưởng xảy ra tai nạn, vội vàng chạy lại. Bóng nó như cơn gió xua đuổi hết những cảm giác khoái trá đang tràn ngập tâm hồn tôi. Rồi làm cho tôi bẽn lẽn, rồi làm cho tôi tức giận, tức giận đối với tôi - tôi vội vàng chồm dậy du mạnh nàng ra.

Nhưng thoáng trông thấy một vẻ ngơ ngác gây ra bởi sự không hiểu hiện trên mặt nàng, tôi lại vội chữa:

– Đố em đuổi được anh nữa đấy.

Vẻ ngơ ngác liền biến đi để nhường chỗ cho vui mừng, vì nàng tưởng tôi đùa, nhưng lỡ tay đùa mạnh. Nàng gọi Ân, Ấn, rồi ba người cùng đuổi tôi.

Bãi bể vang những tiếng cười.

Những lần sau ra tắm, nàng cởi hết quần áo ngoài, chỉ mặc một cái *côngbinaidông* đen. Màu len đen lại làm tôn sắc trắng của thịt. Nhưng kỳ quái làm sao, tôi không dám nhìn. Mà tự đấy, tắm tôi cũng tắm xa, không dám lại gần nàng nữa. Tuy vậy, không muốn gần mà lại bắt buộc phải gần. Những công việc cỏn con xảy ra ở đời phải chăng là ông trời đã cố ý xếp đặt từ trước để trêu ghẹo lòng người. Nàng đang chạy bỗng trượt chân, ngã xuống cát. Chạm phải sỏi, da sứt, máu chảy. Nàng thấy máu, hét lên. Tôi hết cả ngượng nghịu, ù chạy lại. Tôi nắm lấy đùi nàng, tôi nặn cho máu ra. Rồi té nước bể lên. Nước bể mặn, nàng thấy xót, kêu đau nhăn cả mặt:

– Chịu khó xót một tí thì nó khỏi.

– Nhưng đau lắm, em không chịu được.

Nàng nói xong ngả đầu vào vai tôi. Tôi không dám cựa cậy. Lúc ấy, trong người tôi có những cảm giác trái ngược: vừa khó chịu, vừa vui thích. Càng khó chịu bao nhiêu, càng vui thích bấy nhiêu.

Ân, Ấn thấy chúng tôi ngồi yên trên bờ không xuống tắm, đều gọi. Gọi cũng mặc, chúng tôi cứ ngồi yên.

Gọi không xuống, chúng nó lại gần lấy nước té. Nàng lại ôm chặt lấy tôi, giấu mặt ra sau lưng tôi.

Mỗi khi hai tay nàng ghì lấy tôi, người tôi như phát sốt, phát rét, một thứ sốt rét kỳ quái làm cho tôi mát ruột hởi lòng làm sao. Thành thử tôi cứ ngồi yên để chúng nó té. Té mãi, chúng tôi cũng chẳng xuống, chúng liền chạy lại. Thằng Ân với tay nàng quàng vào cổ nó, thằng Ấn duỗi tay sang quàng lấy cổ tôi.

Trên bãi bể hôm ấy, thật là có một bức ảnh thần tiên tạo nên bởi cái tính ngây thơ của bốn chúng tôi. Chúng tôi ôm nhau nhìn mặt bể, nhìn ra chân trời. Mỗi khi làn sóng đánh vào làm cho chúng tôi bị nước ngập đến bụng, chúng tôi cùng cười rũ rượi. Đến khi làn sóng lui ra, chúng tôi ngồi trơ trên cát, chúng tôi cũng lại cười: chúng tôi chỉ chờ bắt lấy cơ hội cỏn con để cười, để vui, để sống.

Thì ra những cơ hội để sung sướng của người ta cũng không phải là hiếm có ở đời. Chỉ tại lòng mình có sẵn sàng điều kiện để đón tiếp lấy sự sung sướng hay không?

Hai tháng tôi ở Đồ Sơn, là hai tháng mà cơ hội sung sướng như bao giờ cũng rình ở bên mình tôi, đợi bao giờ tôi cần đến là ló đầu ra. Chẳng bù với hồi nào, xung quanh mình tôi như bao vây bởi sầu não, nhục nhằn. Càng nghĩ thế, tôi lại càng đem lòng yêu Thuần, yêu Ân, yêu Ấn, yêu ông bà Huấn, yêu mợ Cả là những người đã đem lại cho đời tôi những phút vui đầm ấm của ngày nay.

Tôi đương là thằng bé bị gia đình hắt hủi thì ở đây người ta lại âu yếm tôi. Tôi đương là đứa con mồ côi bị mẹ già đầy ải, thì ở đây, người ta lại tin cẩn tôi. Các anh, các chị ở nhà tôi coi tôi như cái gai trước mắt, thì ở đây, Ân, Ấn và Thuần phải cần có tôi mới được vui, chỉ có thể vui với tôi thôi. Tôi đang thiếu yêu đương, người ta đem lại cho tôi yêu đương: tôi đang cần được an ủi, người ta đem lại cho tôi hạnh phúc. Tôi đang sống trong sự thiếu thốn thì người ta nâng tôi lên chỗ dư dật. Tôi đang bị bao vây bởi khinh bỉ, người ta đem lại cho tôi kính trọng.

Bất cứ một việc gì xảy ra là chúng tôi cũng túm lấy để vui cười, để sung sướng.

Thằng Ấn ngã? Sung sướng! Vì đó là dịp để chúng tôi chế giễu nó, để giảng luân lý về đức cẩn thận cho nó nghe. Và bắt nó hôn tôi với Thuần. Mỗi khi nó hôn Thuần rồi hôn tôi thì tôi lại tưởng tượng như là được Thuần hôn, vì môi nó nóng hổi những hương vị của da thịt Thuần.

Nồi cơm khê? Thì lại một dịp, chúng tôi rút thăm để xem ai phải ăn cháy khê.

Một cái bát vỡ? Thì lại một dịp để chúng tôi "oẳn tù tì" xem ai phải nhặt mảnh bát đem vứt đi.

Tôi còn nhớ một đêm không biết tại sao vỡ cái chén. "Oẳn tù tì" thì thằng Ân phải đem đi vất. Nhưng đêm ấy, trời tối, nó lại sợ ma. Nó nhờ tôi:

– Cậu đưa con đi, không con sợ lắm.

Tôi dắt nó ra, Thuần thấy tôi ra cũng ra theo. Thằng Ấn ngồi trong nhà một mình đâm sợ ra theo nốt. Chúng tôi mò ra cổng. Thuần ôm lưng tôi mà Ân, Ấn thì bám lấy quần chúng tôi nhằng nhẵng.

Lâu lâu, tôi lại giả vờ làm ma, hú lên một tiếng để cho Thuần ôm chặt lấy tôi, để cho Ân, Ấn vừa ôm chúng tôi, vừa cười khúc khích.

Những cây phi lao bị gió đêm thổi vù vù. Một cớ để cho chúng tôi nắm chặt tay nhau, lặng im nghe, lặng im nghe... Cái âm nhạc yêu đương của trái tim đang rộn ràng ở trong ngực chúng tôi.

Thì đã bảo một con sâu, một con nhện cũng có thể làm cho chúng tôi cực kỳ sung sướng. Tính Thuần rất sợ sâu. Thằng Ân biết thế lại hay trêu. Bắt được con sâu nào là nó rình đem bày ra trước mặt Thuần hay để vào áo, Thuần sợ hãi, hét lên, rồi chạy lại ôm tôi bắt tôi vất đi hộ. Rồi Thuần đuổi Ân, Ấn chạy khắp nhà. Thuần đuổi mệt nhoài, không bắt được lại ngồi xuống cạnh tôi làm nũng:

– Thằng ranh ấy nó nhanh như con khỉ, em chịu không bắt được. Anh bắt nó cho em.

Nàng lại nắm tay tôi để lên ngực nàng:

– Anh xem, em đuổi nó mệt quá. Mồ hôi nhiều quá.

Một cớ để tôi cầm cái quạt, quạt cho nàng, và lấy khăn tay lau mặt.

Tôi quạt, nàng ngồi yên để tôi hầu ngây ngất vì sung sướng, sung sướng vì được yêu đương, tôn thờ... bởi người mà mình cũng yêu đương tôn thờ.

Sáng trăng, chúng tôi đi chơi trăng, vui với trăng. Mà đêm tối thì chúng tôi ở nhà hú hí vui cùng đêm tối.

Sáng, tối hay gì gì, chúng tôi cũng đều vui vẻ và sung sướng cả.

Chúng tôi vui với mây bay, gió thổi, vui với người đi qua, vui với con chim hót!

Chúng tôi được hít không khí trong sạch, không phải hít bụi, khói ở cái rừng người mà người ta gọi là Hà Nội.

Con mắt chúng tôi được nhìn cảnh tượng thiên nhiên, đẹp đẽ, bao la của trời đất chứ không phải buộc nhìn những tường vôi, mái ngói mà người ta ca tụng là những công trình kiến trúc vĩ đại của đất Thăng Long.

Chúng tôi được nghe những tiếng sóng vỗ, cây reo, chim hót chứ không phải bắt buộc nghe những tiếng còi tàu, còi ô tô inh ỏi, những tiếng xe cộ rộn ràng là biểu hiện của những cuộc sinh hoạt huyên náo, sầm uất nhưng vô vị, chẳng nói gì với linh hồn ta.

Chúng tôi được chạy, nhảy, vui, cười giữa cảnh vật mênh mông, chứ không phải giam mình cả ngày ở những cái hang chuột mà người ta gọi là nhà, là buồng.

Vì thế chúng tôi thấy cơ thể khang kiện và tinh thần phấn chấn bội phần. Ấn, Ấn thì béo ra, đã có máu mặt. Thuần thì hai má đỏ hây hây, đi đứng đã thấy mạnh dạn chứ không có cái vẻ gió thổi bay như trước nữa.

Ông Huấn, bà Huấn, mợ Cả thấy chúng tôi về mừng như bắt được của. Lại thấy chúng tôi mạnh khỏe, nên càng mừng.

Bà Huấn đon đả, vồn vã:

– Các con đi chơi bể có vui không? Me ở nhà me nhớ quá.

Lúc ấy, tôi tưởng chừng như tôi là con bà thật, mà chính bà cũng có cái cảm giác ấy.

Thuần nghe mẹ nói thế, liền tủm tỉm cười:

– Me cứ hỏi anh con xem con có nhớ me không?

*

* *

Có một hôm, tôi soi gương thấy da đã đen, lại bị gió bể làm cho đen thêm, nhân Thuần đứng gần đấy, tôi bèn quay lại bảo Thuần:

– Cô này, trông anh đen như Tây đen.

Thuần chạy lại, áp má vào má tôi cùng nhìn vào gương:

– Không, có đen đâu.

Thấy khuôn mặt đen đủi của mình song song ở cạnh khuôn mặt mỹ miều của Thuần tôi bất giác thở dài và bỗng đâm lo:

– Tôi trông xấu lắm nhỉ? Thuần quả quyết trả lời:

– Ai bảo anh thế. Trông anh đẹp lắm chứ.

Rồi nàng quay lại nhìn cả người tôi:

– Em trông anh cao lớn và có vẻ hùng dũng lắm. Anh phải cái hơi gầy. Ai bảo anh cứ hay nghĩ!

– Cô cứ nói tốt cho tôi. Tôi trông xấu hơn phán Tâm nhiều.

Phán Tâm là con một người láng giềng, nhà cũng bán tơ lụa vẫn ngấp nghé muốn lấy Thuần.

Thuần nghe tôi nói vùng cười khanh khách:

– Người thế mà anh bảo đẹp à? Thân hình chưa đầy ba tấc, quần áo thì chải chuốt, phấn sáp như đàn bà!

– Ồ, người ta ăn mặc "mốt". Cô khó tính quá.

– "Mốt" gì! Đàn ông thì phải xuềnh xoàng như anh chứ. Đàn ông gì mà ăn mặc lòe loẹt: "Nơ" tím, "pốt sét" tím, "bít tất" tím! Người ta đẹp đâu ở cái mũ, đôi giầy, em trông y không có vẻ gì cả. Mỗi khi sang bên nhà em láu ta láu táu. Em ghét như đào đất đổ đi.

Những câu nói ấy làm cho tôi nở cả ruột gan.

Nàng lặng im một lát, cầm cái gương soi kỹ rồi hỏi tôi:

– Thế anh trông em thế nào?

– Anh trông em...

Tôi ngập ngừng, nàng lại hỏi dồn:

– Trông thế nào? Xấu lắm phải không? Nói mau đi.

– Trông em... không có ai đẹp bằng.

Nàng vội vàng bỏ gương toan chạy. Tôi nắm lại:

– Ô hay, người ta nói thế, sao bỏ chạy. Thế em có nhận là em đẹp không?

– Xấu như ma lem lại bảo đẹp, chỉ nịnh.

Lần này, nàng giằng tay chạy mất, tôi nắm lại không kịp.

Nàng trông đẹp thật. Da không phấn sáp mà trắng như ngà. Má hây hây đỏ như đào. Ngón tay nõn nà như ngọc. Nét thần tiên ở ngực, ở lưng đã uốn cong. Lại hai con mắt nhu mì tình tứ, lại dáng

dấp thẹn thò, lại những cử chỉ ngây thơ, lại cái giọng nói êm dịu mà mỗi tiếng là một vần thơ.

Trước cái sắc đẹp lộng lẫy bắt đầu phát hiện một cách rõ ràng ấy, tôi thấy tôi rụt rè, tôi thấy tôi luyến ái. Càng luyến ái bao nhiêu lại càng rụt rè bấy nhiêu. Tôi đối với nàng tuy vẫn thân thiết, nhưng tôi không dám suồng sã như khi nàng còn bé.

Lạ một điều tôi càng muốn tránh nàng bao nhiêu, thì nàng lại cố gặp tôi bấy nhiêu: tôi đã muốn xa, nàng lại cố gần.

Con trai, học trò, ông già, bà lão ai đi qua phố Hàng Đào, trông thấy nàng ở trong cửa hàng cũng phải dừng lại ngắm một lát rồi mới đi thoát được. Nàng thì chẳng ngắm ai mà cũng chẳng nhìn ai. Cứ độ gần mười một giờ và gần năm giờ là giờ tôi gần đi học về thì nàng ra đứng cửa để ngóng tôi. Thấy tôi về mặt nàng nở ra. Nàng đon đả hỏi, rồi chạy xuống bếp gọi người nhà lấy nước tôi rửa mặt, dọn cơm cho tôi ăn.

Tôi thấy nàng săn sóc tôi quá, tự nhiên tôi nhìn thấy ông bà Huấn và mợ Cả, tôi phát ngượng hình như mình đã phạm một đại tội gì. Từ đấy, đứng trước mặt nàng, tôi cố làm ra vẻ lãnh đạm, nghiêm nghị. Rồi tôi cũng không gọi nàng bằng em nữa.

Cái cử chỉ kỳ khôi của tôi làm cho Thuần buồn. Con mắt lúc nào cũng nhìn tôi cũng như chiều trách móc oán hờn cái gì.

Chúng tôi khủng khỉnh với nhau như thế gần một năm, nàng cũng chẳng hiểu tôi giận gì nàng mà tôi cũng chẳng hiểu rõ tại làm sao tôi lại đối xử với nàng một cách kỳ lạ như thế. Bỗng một cơ hội xảy ra nó làm cho chúng tôi... hiểu rõ rằng chúng tôi đã yêu nhau đến thâm nhập cốt tủy. Mà những cử chỉ kỳ quái của tôi chỉ là để che đậy một tình yêu mãnh liệt.

Hôm ấy, tôi xuống tàu điện thế nào vướng phải một cái sọt rách miếng áo. Trước kia, quần áo tôi vẫn nhờ nàng vá cho tôi. Nhưng lần này, tôi lại mượn u em kim chỉ để khâu lấy. Tôi đang lúi húi khâu bỗng Thuần sừng sững ở trước mặt.

Nàng nhìn tôi một vẻ tức giận, rồi bỗng chạy lại giằng cái áo vất xuống đất. Chưa hả giận nàng còn lấy gót giày gí lên.

Tôi kinh ngạc không nói được câu nào, trố mắt nhìn.

Gí chán, nàng bưng mặt khóc hu hu. Không hiểu tại làm sao, tôi thấy nàng khóc, tôi cũng ứa nước mắt.

Tôi đứng dậy lại gần định dỗ nàng thì nàng lấy tay du tôi ra rồi bước ra cửa. Tôi chạy theo níu áo nắm lại:

– Kìa, anh làm gì mà em giận anh thế?

Cách xưng hô anh anh em em hình như làm cho nàng nguôi giận. Nàng đứng yên nhưng vẫn không trả lời, mà vẫn khóc.

– Kìa, anh làm gì, anh có làm gì em đâu?

Sự tức tối, uất ức trong gần một năm nay như được dịp bung ra:

– Anh làm gì? Anh không làm gì...

Tôi cầu xin:

– Thì anh có làm gì đâu.

– Gần một năm nay anh coi tôi như người dưng nước lã... mà anh bảo anh không làm gì.

– Kìa... em.

– Tôi tự hỏi tôi không biết tôi đã ăn ở thế nào mà anh nỡ ghẻ lạnh với tôi như thế. Cho dù tôi có thế nào thì tôi là... em anh, anh cũng phải bảo tôi chứ... Đàng này không... anh cứ nhìn trộm tôi như một kẻ thù, anh lảng tránh... anh giết tôi, anh làm cho tôi khổ sở, anh có biết không? Anh có biết gần một năm nay không đêm nào tôi ngủ yên không?

Bỗng nàng ôm ghì lấy tôi, gục đầu vào ngực tôi mà nức nở:

– Anh Cung, em làm gì mà anh nỡ ghét bỏ em như thế? Anh không thương em nữa phải không?

Tôi bồi hồi sửng sốt cả người, không biết tính cách nào cho nàng tin tôi. Tôi bèn dìu nàng lại mở tủ lôi ra một cái hộp, rồi tôi để vào tay nàng, rồi tôi thề:

– Trước những di tích của mẹ anh là người đã chết, trước những kỷ niệm thiêng liêng này, anh xin lấy danh dự làm người mà thề với em rằng không bao giờ anh giận em cả, mà cũng không giận một người nào trong nhà này cả. Bao giờ anh cũng... quý em như bao giờ, nếu anh nói sai thì...

Tôi nói đến đây, nàng vội lấy tay bịt miệng tôi:

– Em tin anh rồi, đừng thề.

Trên khuôn mặt đẫm đìa những nước mắt, nở một nụ cười sung sướng.

– Thế làm sao anh xử với em như thế?

– Anh xử với em làm sao? Không một phút nào, anh không nghĩ đến em. Anh đi học thì bóng em theo sau anh. Anh ngồi trên tàu ngó xuống đường thấy ai mặc áo màu giống em là anh giật mình. Không bao giờ anh muốn cho em buồn. Lúc nào anh cũng muốn cho em vui. Phải chết đi để cho em sung sướng anh sẵn lòng ngay. Thế mà em bảo anh ghẻ lạnh với em nghĩa là thế nào?

Nàng nghe tôi nói, mặt mày hớn hở, nàng sẽ nắm cổ áo tôi vuốt:

– Thôi em hiểu rồi. Em tin anh... À, cái hộp gì đây?

Nàng sẽ mở nắp: chỉ có con quay xù xì và cái lược gãy.

Tôi liền kể hết sự tích cho nàng nghe, lúc thiếu thời tôi khổ sở thế nào, lúc mẹ tôi chết tôi đau đớn thế nào, cái đời cực nhục của mẹ con tôi ra làm sao, vì đâu mà tôi giữ con quay với cái lược này, nhất nhất tôi nói hết không giấu giếm.

Nàng sẽ để tay lên đầu tôi và trách bằng một cái giọng khiến cho người bị trách sung sướng vô ngần:

– Thế mà mãi ngày hôm nay mới nói với em. Mẹ anh chắc yêu anh lắm nhỉ?

– Yêu, yêu lắm.

– Em sẽ yêu anh cũng như khi còn sống mẹ anh yêu anh.

– Anh cũng yêu em như anh đã yêu mẹ anh. Anh yêu em như... không bao giờ một người anh có thể yêu em gái được đến thế.

Chúng tôi nói, chúng tôi nói mãi rồi chúng tôi cũng chẳng nhớ chúng tôi đã nói những gì. Rồi chúng tôi im hẳn. Nàng ngồi dựa vào tôi hai mắt lim dim, còn tôi thì nắm chặt lấy hai tay nàng.

Giá cứ để yên cho chúng tôi như thế thì không biết xoay ra cục diện thế nào, có lẽ trong một lúc đắm đuối, chúng tôi sẽ bị lôi cuốn bởi ngọn trào mãnh liệt của ái tình. Thì vừa may, có tiếng chị dâu nàng ở dưới nhà gọi nàng. Nàng bàng hoàng đứng dậy cầm cái hộp với cái áo chạy xuống.

Nàng đi rồi mà tôi còn như ngây, như dại. Tôi như vừa mới sống những phút đầy đủ nhất của kiếp người. Tôi như vừa mới sống một giấc mộng cực kỳ đẹp đẽ. Tôi ngồi lặng yên không dám động đậy để tận hưởng cái dư vị khoái trá mà nàng còn để lại. Tôi sung sướng muốn kêu, muốn gào, nhưng không dám kêu, dám gào sợ cái dư ảnh kia tan vỡ.

Đến chiều, lúc nàng lên buồng tôi, nàng chỉ đem trả cái áo đã vá tử tế. Rồi nàng lại vội vàng xuống thang. Tôi giở cái áo ra thấy một mảnh giấy trong có mấy chữ:

"Những kỷ niệm yêu quý và thiêng liêng của mẹ anh, em xin giữ mãi. Sống thì nó ở luôn cạnh mình mà chết thì em xin đem theo. Em xin cầu khẩn người chết soi thấu tấm lòng thành của em mà phù hộ cho... chúng ta".

Mảnh giấy ấy không ký tên mà cũng không đề tên tôi, nhưng thật là đầy ý nghĩa. Chúng tôi hai lòng cũng như một, tuy chưa ai nói rõ nỗi yêu đương gắn bó với ai, nhưng cứ nhìn nhau, cũng thấy trong mắt nhau cả một lời thề khắc cốt.

*

* *

Chúng tôi đều chưa nói với nhau nỗi niềm ấp ủ ở trong lòng, thì một chuyện xảy đến bắt nàng phải nói, khiến tôi càng rõ tấm lòng nàng thương yêu tôi thật không bờ bến.

Ngày ấy sắp đến ngày tôi thi bằng thành chung. Một hôm tôi đi học về, không thấy Thuần ở cửa hàng. Tôi rất lấy làm ngạc nhiên vì bao giờ tôi đi học về, Thuần cũng ngấp nghé chờ tôi. Mà khi nào tôi về chậm thì nàng lấy làm khó chịu lắm. Tôi đương băn khoăn tự hỏi duyên cớ vì sao Thuần không có ở đấy để đón tôi thì bà Huấn đã vẫy tôi lại gần nói thầm một thôi một hồi:

– Sáng hôm nay, bà Tuần Thái có về đây hỏi con Thuần cho con trai. Tôi xét ra thật là môn đăng hộ đối. Gia dĩ ông Tuần bà Tuần lại có gia tư hàng vạn, cậu ấy lại đi học Tây về đỗ cử nhân luật, chỉ nay mai ra làm quan. Mặt mũi trông khôi ngô như ngọc. Tôi xét chẳng còn đám nào hơn nữa. Tôi đã nhận lời. Cậu tính con gái mười bảy mười tám rồi, nào còn bé bỏng gì nữa. Kén chọn được đến thế là cùng thôi. Cơ hội ấy mà bỏ lỡ, còn bao giờ gặp được. Và còn đâu hơn. Được cả bố mẹ lẫn con, được cả người lẫn của. Từ trước đến giờ cũng có lắm đám đến xin, tôi chưa bằng lòng vì có chỗ đỗ đạt, nhưng bố mẹ bần tiện. Mà chỗ quyền cao chức trọng thì con cái chẳng ra gì. Đằng này thì hoàn toàn cả. Thế mà tôi bảo, nó không nghe, chê thế này, thế khác. Em nó nể cậu lắm, cậu làm ơn dỗ nó giùm cho tôi.

Bà còn nói những gì gì nữa, nhưng đầu tôi đã choáng váng, tai tôi ù, tôi không còn nghe thấy gì.

Thì ra từ trước đến giờ tôi chưa có cơ hội hỏi lòng mình, tôi không ngờ tôi yêu Thuần đến thế.

Tôi cũng không hiểu tại làm sao tôi yêu nàng. Vì tình bè bạn, vì tình anh em, hai chúng tôi gần nhau mà thành thói quen, hay vì hàm ân nàng đem lòng xót thương đến đứa bé vô cớ xưa nay bị người ta hắt hủi, hay vì nàng đẹp, nàng thông minh, hay vì tất cả ngần ấy cái hợp lại mà tôi yêu nàng, tôi không biết.

Nhưng tưởng tượng rằng đương gần gũi, nay bỗng chia lìa, tưởng tượng cái tình keo sơn ấy nay phải tan vỡ, tưởng tượng rằng bỗng chốc người ta đem gả nàng cho người khác, tưởng tượng rằng nàng đang là người em rất thân ái của tôi, bỗng vì tình thế bắt buộc phải xử nhạt nhẽo với tôi, tưởng tượng rằng nàng không ở cái nhà này nữa, tôi không được thấy mặt nàng nữa, tôi không được nghe tiếng nàng gọi tôi nữa, tôi không được hai con mắt nhu mì kia nhìn tôi nữa, tưởng tượng rằng nàng không còn ngủ ở cái buồng ngoài kia nữa, rồi chồng nàng đem nàng đi nơi khác, mà cái buồng tôi nằm này từ nay nàng không bước vào nữa, tưởng tượng cái ghế kia từ nay bỏ trống khiến tôi không còn được ngồi cạnh nàng nữa, tưởng tượng đến bãi Đồ Sơn là chỗ mà chúng tôi đã sống một cách thân mật, từ nay tôi phải thui thủi ra một mình để khóc với mây nước đã nhìn thấy chúng tôi yêu nhau, tưởng tượng cái bàn tay nõn nà kia từ nay cầm tay kẻ khác, mớ tóc mây kia để cho kẻ khác vuốt ve, làn má hây hây kia để cho kẻ khác hôn hít... tất cả những hình ảnh ấy, những ý nghĩ ấy, những cảm tưởng ấy làm cho tôi như hóa điên, hóa dại. Tôi thấy mình phải kêu, phải gào, phải khóc, phải đập đầu vào tường.

Tôi mới biết rằng mấy năm nay ở đây tôi được sung sướng, tôi thiết tha với cái nhà này không phải vì thằng Ân, thằng Ấn quý tôi, không phải vì ông Huấn, bà Huấn mến tôi, không phải vì tôi ở đây được sung túc. Tôi sở dĩ được sung sướng vì tôi được gần nàng. Tôi thiết tha với cái nhà này là vì nhà này có nàng. Ngày nay, nàng bỏ cái nhà này đi lấy chồng thì cái nhà này đối với tôi lạnh lẽo hơn bãi tha ma. Trong đời khốn khổ đau đớn của tôi, không lúc nào tôi cảm thấy khốn khổ và đau đớn bằng lúc này. Đời tôi không có nàng, cái gì cũng là vô duyên, cái gì cũng là không nghĩa. Mất nàng là mất hết. Có nàng là có hết.

Tôi lui thủi lên gác, nằm vật xuống giường. Rồi tôi lại chồm dậy. Tôi đọc, tôi viết, tôi hát, tôi muốn cố làm một việc gì để nén lòng đau thương đi. Nhưng đều vô hiệu. Ruột gan tôi lúc ấy như sôi lên. Cơ thể tôi hình như bị đau thương đè bẹp. Chân tôi như rời như rụng. Người ta dọn cơm lên, tôi cố làm ra ve điềm tĩnh, cố ngồi ăn, nhưng không tài nào ăn được. Tôi cáo đau bụng lên giường nằm. Nhưng nằm không được lại bị giật dậy như kẻ tội phạm bị đánh bằng roi điện.

Không lúc nào tôi thấy em Thuần yêu quý của tôi đẹp như lúc này. Có lẽ trước kia, tôi được thỏa thích nhìn cả ngày mà tôi không biết cho nàng là đẹp, ngày nay tôi sắp không được nhìn nữa, nên vẻ đẹp càng tăng lên bội phần.

Tôi quằn quại giẫy giụa rồi không biết làm sao cho hết buồn, hết khổ, tôi úp mặt xuống giường khóc, tưởng chừng rằng thôi đến đây là chết, tan tác mà chết không còn bao giờ ngóc dậy nữa thì vừa lúc ấy có hai cánh tay ôm lấy cổ tôi, rồi cất giọng êm như ru nói một cách cương quyết như rót vào tai tôi:

– Bao giờ em cũng là vợ anh. Em chỉ có thể là vợ anh.

Tôi vùng quay lại, thấy Thuần mặt mũi nhợt nhạt mà mắt thì đầm đìa những nước mắt. Tôi ôm choàng lấy nàng. Tôi khóc to, nàng cũng khóc.

Khốn nạn, cái tuổi trẻ chỉ biết có khóc. Mà không biết chiến đấu để cướp lấy thắng lợi. Chúng tôi chỉ ôm nhau thút thít khóc mà không nói được câu gì. Chúng tôi ngồi ôm nhau như thế mấy giờ không biết, chỉ biết rằng rất lâu. Mãi sau, Thuần thấy tôi đau đớn quá, không còn có sức chống lại với định mệnh nó đạp bẹp tôi, nàng khẽ an ủi:

– Anh ơi, em biết rằng anh yêu em lắm nhưng anh có biết rằng em cũng yêu anh không? Em phải xa anh thì em không sống được đâu.

Bốn bề yên lặng, chỉ có tiếng tích tắc của cái đồng hồ như đếm những giọt nước mắt của chúng tôi, như cầm canh cho thổn thức của lòng.

Quá nửa đêm, tôi giục Thuần về buồng ngủ, Thuần nhất định không về.

– Em cứ ở đây, lỡ thầy mẹ biết thì chết.

Nàng ngửng đầu nhìn tôi:

– Anh sợ chết lắm à?

– Không, anh sợ cho em.

– Em chẳng sợ gì cả, em chỉ sợ phải xa anh thôi.

Nàng nói xong lại ôm chặt lấy tôi.

Tôi không dám giục nàng về nữa, tôi bế nàng đặt nằm xuống. Rồi tôi nhìn. Nhìn chán lại hôn. Hôn chán lại gục đầu vào ngực nàng khóc. Nàng lùa những ngón tay vào tóc tôi:

– Chúng ta không bao giờ xa nhau nghe không, chúng ta cứ sống như thế này nghe không, anh?

– Chúng ta cứ sống như thế này.

Miệng tôi tuy nói thế, nhưng tôi không biết nghĩ cách gì cho khỏi lìa tan.

Chúng tôi còn nhỏ dại quá, chúng tôi còn ít nghị lực quá, chỉ biết oán trách số kiếp mà không biết làm gì để thắng số kiếp.

Mãi đến khi ở dưới nhà có tiếng mợ Cả đánh thức đầy tớ dậy quét dọn, chúng tôi mới bừng tỉnh giấc mê. Trước khi về buồng, Thuần còn cố an ủi tôi:

– Anh cứ an tâm đừng buồn, thế nào chúng ta cũng không xa nhau. Thế nào em cũng là vợ anh. Bảo rằng chúng tôi đã sống một thế kỷ, một thế kỷ đau thương của cuộc tình duyên ngang trái, hay là chúng tôi đã sống một thế kỷ sung sướng của một cuộc tình ái nồng nàn, cũng thế thôi, bởi vì trong lúc ấy, chúng tôi không biết rằng chúng tôi sướng hay chúng tôi khổ. Nghĩ đến sự cản trở nó làm cho chúng tôi phải chia lìa thì ruột chúng tôi như xé, nhưng nhìn nỗi yêu đương chan chứa trong con mắt nhau, chúng tôi sung sướng đến cực điểm.

Bây giờ, tôi mới hiểu lí do làm sao cái vui có thể lẫn với cái đau, cái sướng có thể trộn với cái khổ. Mà sống một phút sôi nổi như thế, người ta đã tiêu pha nghị lực và tình cảm bằng một người sống cả năm.

Nàng đi rồi, tôi nghĩ vẩn vơ tìm cách thế nào cho chúng tôi có thể lấy nhau. Thấy ông bà Huấn có lòng thương tôi, tôi bèn nổi lên ý định:

– Mai tôi sẽ nói thực hết với ông bà.

Tôi sở dĩ có cái ý định ấy là vì tôi xét chẳng còn cách nào hơn.

Sáng hôm sau, lại trúng vào một ngày chủ nhật. Tôi định đến khi bà Huấn dậy, còn đang ngồi uống nước trong nhà khách tôi sẽ xuống nói với bà. Nhưng tôi dùng dằng e lệ mãi, lết lên rồi lại xuống, xuống rồi lại lên mà thành thử vẫn chưa dám bước chân vào

buồng khách. Tôi đứng thẫn thờ ở sân giả bộ nhìn cá vàng, cây cảnh để cho đầu tôi có đủ thì giờ mà quả quyết, chứ thực ra thì nào tôi có trông thấy gì đâu. Mãi đến lúc tôi thấy con u em mang tráp trầu ra cửa hàng, nghĩa là lúc bà Huấn sắp ra ngồi hàng, tôi mới mạnh bạo bước vào. Nhưng tôi chưa kịp mở mồm thì bà Huấn đã vội hỏi:

– Thế nào, cậu đã khuyên cháu cho tôi chưa?

Bao nhiêu lời thú của tôi liền chết ngay trong cổ họng, tôi nghẹn ngào trả lời buông xuôi:

– Thưa bà, chưa.

Tôi rất tức bực với tôi vì sự nói dối ấy. Nói cho chí tình ra, tôi còn khinh bỉ tôi là hèn mạt nữa. Tôi ngồi xuống ghế, chờ dịp sẽ nói. Nhưng tôi chưa kịp nói thì Thuần vào, có lẽ nàng muốn xuống thú với mẹ như tôi. Nhưng sau vì những lời qua tiếng lại, chúng tôi biết rõ cái quan niệm của bà Huấn đối với cuộc nhân duyên của con, nên đều không dám nói.

Nàng không nói vì nàng muốn tránh cho tôi một cái nhục.

Mà tôi không dám nói vì tôi khốn nạn, vì tôi đê hèn, không đủ nghị lực để che chở, bênh vực cho tấm lòng yêu của mình, vì tôi không đủ can đảm để đối đầu với những nỗi khó khăn của đời, vì tôi không có gan nhận trước lấy cái nhục, cái đau để yêu, vì tôi còn giàu một tấm lòng tự ái "trẻ ranh". Vì tấm lòng tự ái ấy mà tôi không dám liều để thắng. Vì tôi ngu dại, nên không hiểu rằng hạnh phúc của đời người phải mạo hiểm xông ra mà giật lấy, chứ không bao giờ tự nhiên nó tiến đến cho mình. Hạnh phúc chỉ là thứ phần thưởng dành riêng cho kẻ nào có gan chiến đấu, có gan nhận trước lấy những chẳng may, nhận trước lấy những phũ phàng mà người ta đem ném vào mặt mình.

Người ta ném vào mặt mà mình vẫn trơ như đá, vững như đồng, lăn xả vào để tiến lên thì thế nào rồi cũng chiến thắng. Chân lý ấy, tuổi trẻ làm gì đã biết. Thế cho nên ngày nay tôi dám nói quyết rằng: tuổi trẻ không đủ lực lượng để yêu, tuổi trẻ không đáng yêu, không biết yêu.

Ái tình là một trận giặc kịch liệt mà tuổi trẻ không dám làm tên quân xung phong, cảm tử. Tuổi trẻ chưa đánh đã chịu thua. Họ cởi giáp trước khi giặc đến. Họ sợ máu, sợ xương người, sợ thương tích, sợ nhục nhã của chiến bại. Họ quên rằng nếu không dấn mình trong

máu, không giày xéo lên xương thì không có một chiến công hiển hách bao giờ. Họ không có cái hùng khí nhận trước lấy rằng việc đời chỉ có: một thua, hai được. Ươn hèn họ muốn được nhưng lại sợ thua, nên bao giờ họ cũng bị thua, thua một cách nhục nhã. Họ không biết rằng với kiên nhẫn một trái tim mãnh liệt và quả cảm có thể thắng, thắng hết.

Lúc ấy, ông Huấn cũng ngồi xem sách ở đấy. Thấy Thuần vào, bà Huấn liền bảo ông Huấn:

– Đấy, ông xem con nhà có khó bảo không? Con quan Tuần, đỗ cử nhân, lại sắp đi làm quan, nhà giàu mà nó còn chê thì chê cái gì?

Thuần quả quyết cãi:

– Giàu có mà làm gì, quan sang mà làm gì, cử nhân mà làm gì, con lấy chồng là lấy người chứ có phải lấy tiền tài, danh diện, bằng cấp đâu?

– Thế người làm sao? Mặt mũi đầy như mâm xôi mà mày còn chê. Đây, cậu Cung, cậu thử xem cái ảnh mà xem. Mày không bằng lòng bà cũng gả.

Bà vừa nói, vừa mở cái tráp của ông Huấn cầm bức ảnh đưa tôi xem. Tôi đã hoa cả mắt, cầm cái ảnh mà chẳng trông rõ gì hết, chỉ thấy trắng trắng, đen đen.

Tôi chưa kịp trả lời bà Huấn, Thuần đã lên tiếng:

– Con vẫn biết thầy mẹ thương con nên mới lo đến bề gia thất cho con, nhưng thầy mẹ vội vàng quá. Người ta đến hỏi, thầy mẹ chỉ biết người ta con quan, người ta giàu, người ta đỗ, thầy mẹ nhận lời. Mẹ không xem xét người ta tính nết thế nào, có chí khí gì không. Con thì con chẳng cần quan tư, tiền tài, đỗ đạt đâu. Cứ người nào tử tế, thương yêu con là con lấy. Mẹ không xét kỹ...

– Tao chả phải xét. Con rồng lại nở ra rồng. Bố mẹ người ta thế, tất nhiên là người ta khá. Mà không khá, sao lại đỗ được cử nhân. Chí khí ở cái chỗ làm được quan ấy (!) chứ chí khí ở đâu nữa. Mày phải biết kén được một chỗ đáng cha, đáng mẹ khó lắm, mày không xem bây giờ thiên hạ chỉ bòn của, chứ nhà người ta như thế, người ta chẳng yêu thương mày, thì dễ người ta yêu thương của. Của nhà người ta không thiếu, mày phải biết thời buổi này kén được một chỗ xứng đáng khó lắm. Nhà tao thế này, chả lẽ lại gả mày cho nhà thường dân khố rách áo ôm.

– Mẹ nghĩ thế nào thì nghĩ, con nhất quyết không thuận.

Nàng nói xong, vùng vằng lên gác.

Một lời nói vô tình của bà Huấn như kim đâm vào lòng tự ái của tôi. Tôi xét gia thế tôi với gia thế bà thì xa nhau một vực, một trời. Bà lại là người cho trên đời chỉ có giàu sang phú quý mới là đáng kể thì dẫu mình có nói ra cũng chẳng khi nào bà đoái thương đến mình. Mình là hạng người gì lại dám có cái ngưỡng vọng cao xa như thế. Mình chỉ là đứa con lẽ mọn, mồ côi mồ cút, con nhà bạch đinh tiền nong đã không, bằng cấp đã không, tài cán cũng lại không.

Nếu mình nói ra, người ta không hiểu người ta lại cho mình đã dùng lời đường mật quyến rũ con gái người ta để bòn của thì còn ra thế nào.

Mình nói ra, nếu người ta không thuận, người ta lại mỉa mai mình, người ta chỉ hỏi mình một câu:

– Mày có những điều kiện gì mà dám chơi trèo như thế?

Mình trả lời ra làm sao?

Người ta có thể trách mình đã lợi dụng lòng tin cẩn, sự tử tế của người ta để dỗ dành con gái người ta thì mình trả lời làm sao? Mà người ta thì tin cẩn mình hết chỗ nói. Người ta nhờ mình đưa con gái người ta đi Đồ Sơn. Người ta tử tế với mình đến tột bực. Người ta nuôi cơm và trả tiền học cho mình trong mấy năm trời. Người ta hỏi mình danh dự làm người của mình đâu mà mình lại thế, thì mình nói làm sao?

Chỉ có cái tuổi trẻ ươn hèn và dở hơi mới có những điều nghĩ kỳ quái về danh dự như thế. Cái danh dự của họ ở đây chỉ là tấm lòng tự ái bành trướng ra đến cực điểm mà thôi. Họ quên rằng đã yêu nhau chỉ có một danh dự: Phải làm thế nào cho không tủi thẹn khối tình mà người yêu đã giao phó cho mình. Và phải kiếm hết cách bảo toàn hạnh phúc cho người yêu.

Tuổi trẻ không thể hiểu ái tình. Họ không nhìn rõ mầm rễ sâu xa của ái tình, nên họ tưởng rằng người yêu có thể tìm thấy hạnh phúc ngoài mình ra. Tuổi trẻ ngu dốt không hiểu rõ giá trị một trái tim yêu đương. Vì thế, họ không biết đến sự cần dùng của trái tim yêu đương.

Tuổi trẻ ươn hèn không biết tự tin ở mình, nên họ không tin đến cái sức có thể làm được của một trái tim yêu đương. Cái bản ngã của

thiếu niên? Nó mong manh lắm; lòng tín ngưỡng của họ vất vơ lắm, có bề rộng mà không có bề sâu. Chỉ vô phúc cho ai yêu những người có cái bản ngã mập mờ như thế! Hỡi ôi! Thật đúng như câu châm ngôn Pháp: *Les jeunes sont incapables d'aimer* [1].

*

* *

Thuần đi rồi, bà Huấn quay sang tôi:

– Đấy, cậu xem cháu có dại dột không? Cử nhân thì bổ tri phủ, tri huyện. Lại có của, có thần thế, mấy chốc rồi lên án sát, tổng đốc. Một bước lên bà lớn, không muốn, còn muốn cái gì? Chả lẽ cha mẹ biết mà không bảo con. Bảo nó thì nó cho là mình ép duyên nó. Ừ, bảo Phán Tâm bên cạnh, nó không lấy đã đành, bởi dù nhà giàu có, nhưng chẳng qua chỉ là anh thông quán làm ti thuộc người ta. Chứ đằng này những cử nhân luật, một bước làm quan. Cậu thử tính xem ở nước nhà có mấy cử nhân luật. Có phải cử nhân luật thì phải thông minh và dày công học tập lắm mới đỗ được không? Cậu thì cũng như người nhà, thôi cậu cố khuyên nó cho tôi.

Tôi không biết nói thế nào, đành phải nói xuôi:

– Vâng, để con bảo cô ấy.

Nhưng nào bà Huấn đã buông tha cho tôi đâu, bà còn tả cho tôi phần hạnh phúc và tương lai rực rỡ nếu Thuần bằng lòng lấy cái ông cử nhân luật ấy:

– Cậu tính, con dâu một quan Tuần, vợ một ông Cử du học ở Tây về, đi đến đâu không có kẻ quý, người nể. Mà mình làm dâu gia với chỗ ấy thì mình cũng được mát mặt, con mình cũng được mát mặt.

Tôi còn hy vọng ở ông Huấn về chỗ ông hiểu biết lòng người và việc đời hơn, nhưng sau xét ra ông chẳng hiểu gì hết. Từ lúc nãy đến giờ, bà Huấn nói, ông chỉ ngồi nghe. Mãi bây giờ ông mới nói... nói một câu độc đoán nó như lưỡi dao chém đứt niềm hy vọng của tôi:

– Bà đã xét là phải, thì cứ gả, việc gì còn phải hỏi nó. Trẻ con biết gì.

– Thôi, hẵng để cậu Cung cậu ấy lên giảng giải lợi hại cho nó nghe, xem nó bảo thế nào. Chứ gả thì hẳn là gả đứt đi rồi.

---

1. Tuổi trẻ không đủ khả năng yêu - NXB.

– Đã thế thì bà còn phải bàn làm gì?

– Bàn thì cứ bàn, mà làm thì cứ làm.

Sau khi nói cái câu vô lý ấy, bà Huấn quay lại nói với tôi một câu khiến cho tôi có cảm tưởng bị người ta nhổ bãi nước bọt vào mặt:

– Cậu cố khuyên bảo con Thuần giùm tôi, chóng, tôi làm mối cháu Thịnh cho cậu. Nó cũng vô số vốn.

Cô Thịnh là con ông em họ của bà, buôn bán ở phủ Kiến Xương. Cô Thịnh lâu lâu có về chơi Hà Nội, tôi có được gặp mặt mấy lần.

Thì ra bấy lâu nay bà vẫn coi tôi chỉ là thằng học trò kiết, một nhân vật số hai. Sở dĩ bà dùng tôi trong nhà, chẳng qua chỉ để làm cái việc một thằng đầy tớ trí thức dạy Ân, Ấn và Thuần mà thôi. Chứ không bao giờ bà cho tôi là ngang hàng với cô Thuần cả. Tôi nghe bà nói thế mà tôi mừng... mừng rằng tôi chưa nói thực với bà. Đã hèn, đã nhát, tôi lại còn nói một câu, hèn nhát hơn:

– Bà cứ để rồi con sẽ bảo cô ấy. Cảm ơn bà, con chưa muốn lấy vợ, con còn cần phải lập công danh.

Công danh? Thiếu niên chỉ nói công danh, nhưng họ có hiểu cái công danh quý nhất ở đời là cái quái gì đâu! Trong cái đầu óc hủ lậu của họ, họ cứ nghĩ đỗ được cái bằng thành chung, đỗ được cái bằng tú tài, đỗ được cái bằng cử nhân, tiến sĩ, rồi ra làm việc cho nhà nước, ra làm quan là công danh đấy hẳn.

Ở đời, không có công danh, chỉ có sự nghiệp, mà cái sự nghiệp nhất là sự nghiệp gây ra bởi trái tim: làm thế nào cho những người mình yêu và yêu mình được hoàn toàn sung sướng.

Những câu nói của bà Huấn làm cho tôi đã phân vân, bối rối lại phân vân, bối rối thêm. Trong đầu tôi bỗng nẩy lên mấy câu hỏi ngớ ngẩn:

– Mình có quyền phá vỡ cái tương lai rực rỡ của nàng không? Mình có thể để vì mình mà mẹ con người ta chia rẽ không?

Khốn nạn! Thì đã bảo tuổi trẻ không hiểu ái tình và không biết tin ở ái tình! Họ còn tưởng tượng rằng hạnh phúc của một người con gái đã yêu có thể tìm thấy ở ngoài ái tình.

Những câu trả lời toàn là do một trái tim ươn hèn, nhưng lại không tự biết là ươn hèn, mà còn tự cho là cao thượng, biết hy sinh:

– Không, mình không thể phá vỡ cái tương lai rực rỡ của nàng.

Mình không thể bắt nàng phải chịu chung cảnh nghèo nàn của mình. Mình không thể gây ra những sự ngang trái để cho mẹ con người ta phải chia rẽ nhau.

Tuổi trẻ không hiểu rằng một trái tim đã yêu, nếu bất đắc dĩ phải đi lấy một người khác thì sẽ bị một vết thương làm đen tối cả một đời. Họ không hiểu rằng: cái tương lai rực rỡ ở tiền tài, ở danh phận không phải là chân hạnh phúc. Đó chỉ là lớp vàng mạ ngoài. Chân hạnh phúc của người tình nhân là yêu và được yêu mà thôi.

Tôi lúc ấy có một ý định:

– Mình phải hy sinh, mình phải hy sinh!

Chỉ có tuổi trẻ điên cuồng và ngu tối mới có những lối hy sinh khốn nạn như thế. Thế có là hy sinh đâu! Thế là hèn, thế là tỏ ra mình không xứng đáng với hạnh phúc.

Tôi biết tôi còn ở đây thì không khi nào nàng phụ tôi mà đi lấy người khác. Tôi nghĩ lẩn thẩn - chỉ có tuổi trẻ mới có những điều nghĩ lẩn thẩn như thế:

– Yêu nhau thì cứ gì lấy được người yêu mới là sung sướng, yêu nhau là thấy nhau có một tương lai rực rỡ, thấy nhau sung sướng là mình sung sướng rồi.

Nhưng có một điều là nàng có thể tìm thấy sung sướng khi xa tôi không thì tôi không dò hỏi tới.

Bây giờ chỉ còn một cách là tôi bỏ cái nhà này mà đi để cho nàng được thảnh thơi gây tương lai đời nàng. Với cảnh phú quý, với người chồng đỗ đạt, nàng sẽ quên tôi. Rồi... rồi một ngày kia, cạnh một người chồng xứng đáng, trên một địa vị cao sang, biết đâu nàng lại không cám ơn mình về chỗ mình biết vì hậu vận nàng mà hy sinh cho nàng.

Chí tôi đã quyết, nhưng đến khi thực hành, nó mới khó làm sao!

Tôi dùng dằng bốn năm lần mới đi được. Nguyên chiều nào từ ba giờ đến năm giờ, nàng cũng đến nhà một người cô ở Hàng Bột để học thêu, tôi bèn đem hết quần áo để vào va ly, rồi tôi xuống nói với ông bà Huấn rằng thầy tôi cho gọi tôi về có việc cần.

Lúc tôi xách va ly đi qua cưa buồng nàng, tôi tưởng chừng như có thể ngã gục xuống mà chết ngay ở đấy.

Thấy cửa buồng hé mở, tôi lẻn vào để nhìn chỗ nàng ngủ, để nhìn

chăn, nệm, màn, gối, đồ đạc mà nàng đã mó tay vào, để hít cái hơi hướm của nàng một lần cuối cùng nữa. Những đồ vật trong gian buồng ấy đã chứng kiến những cảm giác của nàng lúc mong nhớ tôi, đau khổ vì tôi. Nghĩ đến đấy, máu tôi hình như đọng lại không chạy nữa.

Tôi đứng lặng, trố mắt nhìn, cái nhìn mất hết trí khôn của người điên. Tôi đang như sống trong giấc mê thì bỗng con mèo tam thể ở ngoài đi vào. Rồi một tiếng meo... eo làm tôi bừng tỉnh. Nó như những tiếng của con quỷ quát đuổi tôi ra. Tôi vội vàng giật một tấm ảnh nàng treo trên tường, rồi rảo bước xuống thang.

Sau khi chào mọi người, tôi đi ra. Nhưng tuy đi mà người lảo đảo, các đồ vật trong nhà như múa tít, hai vai như có vật gì nặng đè trĩu lên. Ra đến cửa thì hai chân như có bù loong sắt tán chặt xuống đất không tài nào nhấc lên được. Tôi ngơ ngác nhìn mọi người, nhìn đường, nhìn xe cộ qua lại mà chẳng hiểu mình đã làm gì, đương làm gì, sắp phải làm gì. Đầu tôi như một bãi sa mạc nóng dậy, mà tim tôi lại như một khối băng lạnh giá. Tôi đứng ngây người ra đấy không biết bao nhiêu lâu. Mấy anh phu xe thấy tôi cầm va ly xô nhau chạy đến mời, tôi cũng không hay. Mãi sau, tiếng mợ Cả bảo:

– Kìa, cậu lên xe đi không lỡ tàu!

Tôi mới vội vàng như người máy, bước lên xe. Anh xe hỏi tôi đi đâu, tôi chỉ trỏ tay ra phía Bờ Hồ. Nhìn thấy nước Hồ Gươm xanh biếc, tôi sực nghĩ đến bao nhiêu người bị thất vọng vì tình đến chết ở đây. Trong đầu tôi, vụt nảy ra ý định tự tử. Tự tử là... hết mọi sự đau đớn. Tự tử là yên thân.

Trông làn nước xanh mát mẻ như mời, như gọi, tôi toan bảo xe đỗ, nhưng sực nhớ ra rằng mình biết bơi, tôi lại bảo xe chạy về phố Hà Trung, đến nhà anh Hiển là người bạn thân nhất của tôi ở trường.

Tôi kể hết sự tình cho bạn rõ. Bạn tôi lẳng lặng nghe đến khi tôi kể hết, bạn vùng đứng dậy vỗ vai tôi:

– *Tu as bien fait! Tu as bien fait!* [1]

Khốn nạn! Bạn tôi cũng đương tuổi như tôi, cái tuổi giàu lòng tự ái, cái tuổi hiếu danh dự một cách sai lầm, cái tuổi ngu dốt chẳng rõ tí gì về lòng người và việc đời, cái tuổi không biết yêu, không xứng đáng được yêu. Trong cái tuổi ấy, thiếu niên chỉ giàu một tấm lòng

1. Bạn xử sự thật đúng!

bồng bột hão huyền mà thôi.

Tôi nghe bạn nói thế mà muốn tát ngay cho một cái vào mặt. Tôi không rõ lúc ấy tôi nghĩ ngẫm thế nào mà lại có cái ý muốn kỳ quái thế. Giá lúc ấy, anh Hiển nghe tôi nói xong liền chửi tôi:

– Mày là đồ khốn nạn, mày không biết yêu, về ngay đi, về ngay với người yêu mày đi! Thì có lẽ tôi đã quỳ xuống hôn chân anh.

– *C'est très chevaleresque, c'est très chevaleresque!* [1]

Những câu khen ấy đã chẳng làm cho tôi vui, lại làm cho tôi khổ thêm, đau thêm. Những câu ấy làm cho tôi thấy xa Thuần là nên, là phải. Mà trong thâm tâm tôi thì tôi không muốn xa Thuần một tí nào.

– Thế bây giờ anh định thế nào?

– Tôi định đi thật xa, vì ở Hà Nội tôi không thể nào không kiếm cách để gần nàng. Nhìn nàng sum hiệp với kẻ khác thì tôi chết được.

– Anh định đi đâu?

– Vào Cao Mên. Tôi có quen một ông hoàng Cao Mên lúc còn học ở Hà Nội. Tôi đã viết giấy cho y nhờ giúp tôi. Nhưng chưa nhận được giấy trả lời.

– Lỡ y không thể giúp anh?

– Thì đi đâu thì đi, miễn sao cho thật xa. Cái đời tôi bây giờ còn kể gì! Giàu, nghèo, sướng, khổ, tôi không quan tâm nữa.

Chiều hôm ấy, Hiển rủ tôi đi chơi phố, tôi từ chối. Nhìn cảnh tưng bừng ở ngoài phố, tôi không chịu được. Tôi chỉ muốn một mình một nơi, không muốn nhìn thấy ai mà cũng không muốn nói chuyện với ai.

Tôi tuy muốn cho nàng được thảnh thơi gây tương lai, tìm hạnh phúc, nhưng sao lúc ấy, tôi lại ao ước: giá nàng biết chỗ tôi ở, nàng đến gọi là tôi về ngay. Còn về rồi kiếm cách nào cho được gần gũi nhau thì tôi không nghĩ tới, cũng không dám nghĩ tới, vì tôi biết chắc rằng chẳng còn cách gì.

Có lúc tôi nghĩ giá nàng đến đây thì tôi sẽ rủ nàng đi trốn, mặc cha mẹ nàng muốn coi tôi là gì thì coi, mặc thiên hạ muốn dị nghị thế nào thì dị nghị. Nhưng ý tưởng ấy vụt hiện ra trong óc, tôi lại cố xua đuổi đi ngay.

---

1. Thật là anh hùng mã thượng!

Chiều hôm ấy, tôi lên cơn sốt. Hôm sau thì bệnh đã trầm trọng, có lúc tôi mê đi. Anh Hiển đối với tôi thật là tử tế: anh săn sóc, trông nom tôi cực kỳ chu đáo. Anh chỉ lo đến kỳ thi bằng thành chung, tôi không khỏi để đi thi.

Những lúc tôi tỉnh, anh đem điều lo ngại ấy nói với tôi, tôi lắc đầu bảo anh:

– Thi với cử thì làm gì, tôi dù được làm vua mà không được gần nàng thì sự làm vua cũng không có nghĩa, huống hồ cái bằng thành chung.

Tôi ốm kịch liệt, trong cơn mê, tôi gọi tên nàng rồi tôi khóc. Nhiều lúc tôi khóc ngất đi. Anh Hiển lo cho tính mệnh tôi, đem hết câu chuyện nói với mẹ để cầu cứu phương kế. Bà cụ cho tôi là ốm tương tư, chỉ làm cách nào cho tôi gặp nàng là tôi khỏi. Nhiều lúc bệnh tôi trầm trọng, anh Hiển muốn lại Hàng Đào nói cho Thuần biết để Thuần lại thăm tôi, nhưng anh lại sợ tôi giận, vì làm như thế thì sự hy sinh của tôi không còn nghĩa gì nữa.

Những lúc tôi tỉnh, Hiển đem cái ý ấy nói với tôi, tôi liền cương quyết bảo bạn:

– Nếu có phải tôi chết anh cũng nên để yên cho tôi chết, đừng cho nàng biết. Như thế có hại đến tương lai của nàng về sau. Tôi chỉ cầu mong sao cho nàng quên tôi, và nếu có thể, làm thế nào cho nàng ghét tôi, khinh tôi thì càng hay hơn nữa.

Tôi còn ốm thì anh Hiển đi thi. Anh đỗ. Tôi còn nhớ mãi hôm ấy, anh về, anh ngồi đầu giường tôi, anh khóc. Anh khóc vì anh thương số kiếp tôi lận đận, chẳng được may mắn bằng anh.

– Anh khổ sở từ tấm bé. Những tưởng rằng khổ mãi rồi sướng, ai ngờ cái số anh bị khổ suốt đời, nên trời mới run rủi cho anh gặp một cuộc tình duyên ngang trái như thế này. Bây giờ anh yêu cũng dở, mà không yêu cũng không được. Thật không còn cách nào...

– Còn một cách, anh ạ, là tôi chết đi. Nhưng khốn nạn, tôi không chết được. Trời còn bắt tôi phải sống. Sống để nhìn trái tim mình héo đi. Và để nhìn cái kết quả khốc liệt gây ra bởi sự hèn nhát của tôi.

*

*   *

Tôi thoát khỏi tay thần bệnh thì cái ý định hy sinh của tôi càng mạnh và chắc chắn thêm ra.

Tôi ốm hơn một tháng rồi khỏi. Lúc tôi gần bình phục thì nhận được dây thép và một cái măng – đa 100$ của ông hoàng Prajadipok ở Cao Mên gửi về. Nguyên trước kia, tôi cũng có bắt được mấy lá thư mời tôi vào, nhưng vì tôi ốm chưa vào được. Ông hoàng tưởng tôi không có tiền, nên gửi tiền cho tôi làm lộ phí.

Tôi đi hỏi thì ba hôm nữa, có chuyến tàu chạy Sài Gòn.

Tôi ở nhà anh Hiển, vẫn nhất quyết không đi đâu, nhưng nay tôi sắp từ biệt đất này, chưa biết ngày nào về, tôi không thể đến nhìn cái nhà mà tôi đã được hưởng biết bao sung sướng và cũng đã gây ra cho tôi biết bao nhiêu nỗi đắng cay. Nhưng đắng cay thì đắng cay, tôi vẫn thiết tha ấp ủ nỗi đắng cay đó vì trong ấy có lởn vởn hình ảnh của nàng.

Ban ngày, tôi không dám đi qua, vì sợ trông thấy nàng, tôi không cầm lòng được, lỡ bại lộ chân tình thì cái công mình hy sinh, chịu đau khổ trong bấy lâu thành ra uổng cả. Tôi chờ đến tối, lúc hàng phố đóng cửa cả, mới ở nhà ra đi. Anh Hiển thấy tôi đi muốn đi theo vì anh biết tôi còn mệt, nhưng tôi nhất định từ chối. Tôi đến phố Hàng Đào, tôi nhìn lên cửa sổ phòng nàng nằm mà tôi thổn thức, không biết nước mắt ở đâu cứ trào ra ràn rụa. Lúc ấy phố xá đã vắng cả, chỉ có một vài cái xe không khách, anh cu ly xe uể oải kéo đi, một vài người đi chơi khuya về, lê đôi giày coi bộ mệt mỏi.

Dãy nhà lồi ra, lõm vào dưới ánh đèn trông thật là buồn tẻ. Nhưng không gì buồn tẻ bằng cái cảnh tượng những con chuột cống được lúc không người, chạy từ cống này sang cống khác. Chúng vụt hiện ra rồi biến đi như ma, như hình ảnh hạnh phúc của đời người. Tôi nhìn chán tôi đi, nhưng đi được một quãng, tôi lại quay trở lại. Hình như cái nhà kia là hòn đá nam châm hút tôi đến.

Tôi đi đi lại lại không biết bao nhiêu lần với không biết bao nhiêu ý nghĩ trong đầu.

– Bây giờ nàng đã ngủ rồi. Không biết lúc này nàng có nghĩ đến ta không. Nàng sẽ coi sự ta bỏ nhà nàng ra đi mà không từ giã nàng như thế là ý nghĩa gì? Nàng có lấy thế làm buồn không? Nàng có biết ta vì tương lai, hạnh phúc của nàng mà phải lìa bỏ nàng không?

Nghĩ đến chỗ thương tâm, nước mắt ở đâu lại ứa ra.

Tôi dẫu chẳng được cùng nàng từ giã, nhưng được nhìn cái cửa sổ nàng nằm, tôi cũng thấy nỗi khổ sở như bớt đi, tôi muốn cầm hòn đá ném lên cửa sổ để nàng nghe tiếng động thức dậy ra cho tôi nhìn mặt. Lắm lúc tôi muốn nghĩ cách trèo vào nhà, lắm lúc tôi muốn có phép tàng hình như Đông Phương Sóc để lên buồng nhìn nàng ngủ.

Tôi thơ thẩn mãi như thế, sáng lúc nào không hay. Tôi cũng chẳng thấy mỏi, chẳng thấy mệt.

Khi thấy những người bán hàng chợ Đồng Xuân đã kéo nhau đi lũ lượt, tôi mới biết rằng đã gần sáng rồi. Tôi vội vàng nhìn lên cửa sổ một lượt cuối cùng rồi quay đi. Nhưng quay đi được năm bước, tôi lại sực nhớ tôi chưa nói một câu từ giã với cái cửa sổ ấy, tôi lại quay lại. Tôi giơ tay gửi lên một cái hôn gió. Rồi tôi đứng sững ra đấy, không tài nào bước nổi nữa. Tôi thấy chân tay bủn rủn như lại phát sốt rét. Lúc ấy, không hiểu làm sao, lòng tự ái ẩn ở đâu lại kéo đến, tôi lại cho tôi là hèn nhát. Ý chí bỗng trở lại. Tôi giơ tay gửi một cái hôn gió thứ hai, rồi tôi quay đi. Nhưng vừa đi, tôi lại vừa khóc:

– Anh từ giã em lần cuối cùng đây...

Tôi về đến nhà thì anh Hiển đã thức. Tôi bắt tay anh, rồi đi thẳng lên gác. Anh thấy tôi buồn rầu quá, nên anh cũng không hỏi. Tôi vừa ngồi xuống ghế bỗng thấy anh Hiển mừng rối rít chạy lên:

– "En" đã đến! "en" đã đến!

Anh Hiển nắm tôi lôi xuống nhà. Xuống đến nhà tôi đã thấy Thuần đứng sững ở đấy. Chẳng e lệ vì có bạn tôi và mẹ bạn tôi đứng đấy, nàng chạy lại ôm chầm lấy tôi khóc. Tôi đưa nàng lên gác. Nàng vừa đi vừa run. Tôi sợ nàng ngã, tôi phải ôm lưng để cho nàng bước. Tôi liếc nhìn thì thấy da nàng tái ngắt mà mắt nàng thì quầng thâm, hình như từ hôm tôi đi nàng cũng đau đớn như tôi.

Tôi muốn làm ra bộ thản nhiên bình tĩnh mà không sao thản nhiên bình tĩnh được. Tôi quỳ xuống ôm lấy chân nàng khóc. Nàng lấy tay khẽ kéo tôi dậy bắt ngồi xuống một bên rồi hỏi:

– Hơn một tháng nay anh đi đâu?

Tôi không trả lời. Nàng lại hỏi:

– Anh làm những gì? Em lên trường hỏi cũng không thấy anh. Anh không đi thi à?

Tôi vẫn không trả lời. Lưỡi líu lại không còn biết nói làm sao.

– Thế anh định bỏ em phải không?

Câu nói ấy làm cho tôi rạo rực, tức giận:

– Bỏ em, anh bỏ được em?

– Thế sao anh lại trốn đi hơn một tháng chẳng thăm hỏi gì em cả.

Tôi nắm lấy tay nàng, để đầu vào lòng nàng:

– Ấy vì anh phải xa em mà đau đớn ốm gần chết đây. Em không thấy dấu vết đau thương ở trên mặt anh sao?

Nàng lấy hai tay nhấc đầu tôi dậy:

– Thế anh nhìn mặt em?

Nhìn mặt nàng tôi chỉ thấy đầm đìa những nước mắt, tôi chỉ thấy ruột khô héo vì mong nhớ, tôi chỉ thấy một khuôn mặt choắt đi vì đã phải sống những đêm không ngủ, tôi chỉ thấy đôi mắt đắm đuối yêu đương nhìn tôi.

– Em ơi, nào có phải anh muốn xa em! Ở trên mặt đất này, còn đâu khiến cho anh tìm thấy lạc thú hơn là ở xung quanh mình em. Còn ai là người có thể đem lại nguồn an ủi cho cái đời cay đắng của anh bằng em? Từ khi mẹ anh chết đi, đời anh chìm vào đêm tối. Cho đến khi biết em, anh mới được hưởng chút ánh sáng, mới được hưởng chút yên vui. Anh xa em, anh xa em! Anh cứ nghĩ thế mà lạnh lòng không muốn sống nữa. Nhưng nghĩ anh không phải là người có thể đem lại cho em một tương lai rực rỡ, nên anh phải đi, đi thật xa để em quên anh.

Nàng níu lấy tôi:

– Em quên anh làm sao được!

– Không quên, nhưng phải cố mà quên. Anh đi xa để em được thư lòng mà gây dựng tương lai.

– Anh đi, thì em chết đấy!

Tôi chẳng để ý:

– Anh phải đi để nhường chỗ cho người xứng đáng hơn. Anh chỉ là một thằng hèn. Anh chỉ là một đứa con lẽ mọn. Anh chỉ là đứa con thường dân, anh chỉ là một thằng học trò nghèo. Tài cũng không, tiền cũng không, địa vị cũng không! Anh chỉ có một tấm lòng, nhưng ở thời buổi này, một tấm lòng làm gì được hở em?

Nàng ôm lấy cổ tôi:

– Một tấm lòng, đủ rồi, một tấm lòng anh yêu em, đủ rồi.

Tôi vừa khóc, vừa lắc đầu:

– Không đủ đâu, không đủ đâu! Gần anh, em chỉ gần cái nghèo, cái hèn, em sẽ chỉ biết cái nhục, cái khổ. Em không đáng để chịu sự khổ sở, nhục nhã ở đời. Mà anh, anh thấy em thế, anh cũng không chịu được. Lấy người ta, đã giàu, em lại giàu thêm, em lại sang thêm, đã sung sướng, em lại sung sướng thêm!

– Anh cho thế là sung sướng ư? Em chả thấy sung sướng một chút nào! Sự sung sướng của đời em là được gần anh. Giàu cũng chẳng làm gì, sang cũng chẳng làm gì. Em chỉ muốn được chịu chung cái nghèo, cái khổ với anh thôi! Gần anh thì nghèo khổ, em cũng coi là sung sướng.

Tôi biết nếu cứ bịn rịn như thế thì không khi nào nàng chịu nghe lời tôi, tôi bèn đứng dậy nghiêm nét mặt bảo nàng:

– Em chưa sống trong đời thực tế, em chưa hiểu sự khó khăn, rắc rối ở đời. Anh khổ sở từ tấm bé, anh nhìn đời rõ hơn em. Sự thầy mẹ em định đoạt cho em như thế là khôn ngoan. Thầy mẹ em chỉ vì nghĩ đến tương lai hạnh phúc của em mà nhận lời gả em cho người ta. Còn anh, anh cũng chỉ vì hạnh phúc của em mà phải tìm kế xa em. Ví dụ ngày nay hai cụ có thương anh mà gả em cho anh, anh cũng không dám nhận thay, bởi vì anh xét mình chẳng có tài sản gì để xây dựng tương lai cho em cả. Huống hồ thầy mẹ em không khi nào bằng lòng gả em cho anh.

Em đến đây thế này, lỡ hai cụ biết thì còn ra thế nào! Hai cụ còn coi anh ra thế nào ! Hai cụ có thể ngờ anh lợi dụng sự tin cẩn của hai cụ mà quyến dỗ em. Anh đau, anh khổ, nhưng anh muốn toàn danh dự. Anh không muốn ai có thể ngờ anh là hèn nhát.

Tôi nói đến đấy, nàng đứng dậy, đi lại phía tôi, nhìn tôi bằng một con mắt đầy hào quang, đầy ngay thẳng, đầy ngây thơ mà hỏi:

– Yêu nhau là hèn mạt à?

Tôi phải cúi đầu trước cái nhìn ấy, thẹn thò vì câu nói ấy, tôi liền xin hỏi:

– Chúng ta nghĩ thế, nhưng thầy mẹ em và thiên hạ có nghĩ như thế đâu? À, em làm sao biết anh ở đây mà đến?

Nàng để hai tay lên vai tôi:

– Anh chỉ nói đến nghèo hèn, anh chỉ nói đến thiên hạ, không một chút nào anh nói với em. Anh không bao giờ tự hỏi: anh đi thì em làm sao, em sống làm sao? Anh có biết từ ngày anh đi, anh để cho em muôn sầu nghìn khổ không? Anh có biết em không đêm nào ngủ được không? Em sở dĩ biết được anh ở đây là vì đêm qua em trằn trọc không ngủ được. Em dậy sớm ra cửa sổ nhìn. Em thấy anh đi đi lại lại trước cửa nhà em, anh trông lên chỗ em nằm, anh khóc. Em vội vàng khoác áo, mở cửa theo anh. Thôi, ngày nay không còn trở lực gì có thể ngăn cản chúng mình sum họp nữa. Anh đi đâu, em cũng xin đi.

– Nhưng anh đi xa lắm, em không thể theo được.

– Xa đến đâu thì xa. Cao Mên, Lào, Ma Ní, đi đâu thì đi, miễn là không phải xa anh.

Nghe giọng nói quả quyết của nàng, tôi giật mình. Tôi tự nghĩ: nếu thế này thì ra mình muốn thành toàn cho nàng, lại hóa ra làm hại nàng. Tôi liền bảo:

– Đi đâu thì anh vẫn là anh, nghĩa là một người không đủ tư cách đem lại một tương lai rực rỡ cho em. Anh cứ nghĩ vì anh mà em bỏ phí một cuộc đời tốt đẹp, anh không chịu được. Bây giờ chỉ còn một cách là quên đi. Em Thuần ôi, quên anh đi, quên anh đi!

Nói câu ấy tôi đau buốt lòng, nhưng vẫn cố giữ vẻ thản nhiên. Tôi thấy lảo đảo muốn ngã, tôi liền giơ tay nắm lấy một góc bàn. Nàng trố mắt nhìn tôi mà hỏi:

– Đó là câu cuối cùng của anh?

Đã muốn ngã, tôi quả quyết:

– Đã không thể gần nhau thì ta phải xa nhau cho khỏi vướng chân nhau.

Nàng đứng ngây người nhìn tôi một khắc, rồi xuống thang.

Tôi bỗng thấy đầu óc choáng váng, mắt tối sầm, rồi tôi gục xuống.

Lúc tôi mở mắt thấy bạn tôi, tôi liền hỏi:

– "En" đi rồi ư? Lúc đi "en" có nói gì với anh không?

– Không.

– Đời tôi thế này là hết, anh ạ!

Rồi tôi khóc ròng. Tôi giận tôi, tôi giận cả nàng. Tôi giận nàng vì nàng không cố ép tôi bắt tôi đưa nàng đi trốn với tôi. Khốn nạn,

lúc gặp nàng thì tôi ao ước giá nàng đến đây cùng tôi trốn đến một đồng đất xa lạ. Thế mà khi nàng đến, tôi lại không dám!

Thì đã bảo thiếu niên hèn nhát không đáng yêu và không biết yêu mà!

*

*   *

Tôi đứt ruột mà bước chân xuống tàu. Người ta sống trăm năm hồ dễ mấy ai đã biết một lần đứt ruột như thế.

Tâm hồn tôi lúc ấy như tê liệt, tê liệt bởi cái đau, cái khổ, cái tiếc, cái tức bực. Tôi như một thằng ngây đứng trước mọi cảnh hoạt động của đời, như một thằng ngốc đứng trước mọi cảnh biến chuyển của trời. Làn mây bay, tôi tưởng đó là ảnh hình của linh hồn con người ta tan tác. Dòng sông chảy xiết, đó là vận mệnh mình bị xô đẩy đến bến đau thương. Mặt bể mà người ta ca tụng ầm ỹ là đẹp đẽ, tôi chỉ coi là một cái mồ rộng rãi, trời đặt bày ra để chôn lấp một cách chắn chắn và kín đáo những cực khổ ở đời. Đâu đâu tôi cũng chỉ nhìn thấy những cái vô vị, những cái trống rỗng của một cuộc đời lầm than, không sinh thú.

Miếng cơm tôi và vào miệng, sao nó khô khan như đá sỏi, đói muốn ăn mà lúc ăn thì không nuốt được. Ngụm nước, khát muốn uống, nhưng uống vào mồm thấy nó tanh như mùi máu.

Máu trong người, tôi tưởng là đã cạn hết, một bàn tay ác nghiệt như mới đem rót chì sôi vào. Phải đi đứng, phải nói năng, tôi thấy nó nặng nề khó chịu làm sao! Có khi cả ngày tôi không nói mà có nói thì tôi cũng chẳng rõ là tôi đã nói gì. Tôi cũng không hiểu tôi làm thế nào mà đi được từ Hà Nội xuống Hải Phòng, tôi lấy vé ra sao, tôi lên tàu ra sao, những ai đã ra tiễn tôi, người ta nói những gì, tôi nói những gì, tôi cũng không nhớ nữa. Tôi chỉ nhớ là tôi bị chìm trong một khoảng không tối đen mà cái gì cũng hiện ra trước mặt tôi sau một làn sương mù hắc ám. Tôi lấy làm lạ sao cái ô tô nặng trĩu kia không đè lên tôi để cho bẹp nát đi. Tưởng tượng khi cái ô tô kia đè lên gẫy nát chân tay, giập tan tim phổi, tôi cũng không thấy đau đớn và ghê sợ một tí nào. Chiếc tàu nặng hàng vạn cân sắt, có lúc tôi tưởng tượng thấy đổ nhào, tôi và hành khách bị ép chỉ còn là một đống thịt đầm đìa những máu, tôi nhắm mắt lại, sung sướng rằng đã

được chết. Nhưng quái, khi tôi thấy trong người tôi chẳng có cái gì khác, tôi mở mắt thì thấy xung quanh tôi một bọn người ngớ ngẩn vẫn cười nói như thường. Tôi bỗng nổi giận muốn lại đấm cho mỗi người mấy quả và hỏi họ: sao chúng mày còn cười nói được?

Một sự lạ nhất là sao tôi còn sống cho được đến ngày nay, sau những ngày thất vọng như thế. Thất vọng, thất vọng? Loài người đặt ra hai chữ ấy, nhưng tôi dám chắc một vạn người không có một người hiểu cái thất vọng nó ra thế nào?

Muốn tưởng tượng thấy nỗi thất vọng ấy ư? Phải đập cho tan tương lai, quá khứ và hiện tại, bởi lúc ấy người ta không còn phân biệt gì được về thời gian nữa. Tương lai, quá khứ và hiện tại hợp thành một khối buồn mênh mông như không gian nó đè trĩu lên đầu, lên cổ, nó làm cho các giác quan cóng cả lại, không nhận xét thấy gì hết, ngoài cái buồn nó kéo rút ruột gan ta, cấu xé linh hồn ta, bới móc tim gan ta.

Lúc tôi bước chân lên chiếc tàu bể, tôi tưởng chừng như tôi đã để hết các nguồn sống ở dưới bến mà chỉ đem độc một cái xác chết lên tàu. Tôi ngơ ngác đứng nhìn thủy thủ chạy lăng xăng mà tự hỏi: sao tôi lại ở đây?

Kịp đến giờ kéo neo, quay mũi, tưởng tượng từ đây tôi sẽ vĩnh viễn xa nàng, con tàu sẽ đưa tôi qua mấy lần bể để cho tôi chết vùi, chết dập trong một đống đất xa lạ... tôi bỗng kêu rú lên một tiếng, rồi tôi chạy ra lan can, toan nhảy xuống bể bơi vào bờ. Nhưng chưa tới lan can thì tôi bỗng tối tăm mặt mũi, chân tay mềm nhũn, rồi hình như có bao nhiêu cánh tay mạnh mẽ nắm lấy tôi lôi trở lại. Lúc tôi mới mở mắt thì tàu đã gần đến Tourane, tôi thấy hai ba người ngồi quây ở đầu giường tôi. Thì ra tôi mê mất một ngày, một đêm. Một người bồi tàu nói cho tôi biết lúc ấy tôi xăm xăm chạy ra đâm đầu xuống bể, có mấy người trông thấy vội vàng ra cản tôi lại, tôi giằng co, tôi đánh đập, tôi khóc lóc, người ta phải khó nhọc lắm mới dìu được tôi vào buồng. Người ta tiêm thuốc cho tôi, người ta đổ sữa cho tôi, tôi chẳng hay biết gì hết. Thấy tôi vật vã nhiều quá, người ta cho tôi là điên. Người ta định khi đến Tourane cho khiêng tôi lên nhà thương trên ấy.

Một lát sau, thầy thuốc trên tàu đến. Tôi trả lời rằng tôi không điên, tôi chỉ bị cảm và nay đã khỏi rồi. Tôi yêu cầu đừng đem tôi lên nhà thương Tourane. Rồi muốn chứng thực rằng tôi đã bình phục, tôi

vùng dậy, nhưng mệt quá, tôi đã ngã dúi xuống. Thì ra tôi đói quá. Sau khi uống một cốc sữa nóng, tôi mới hồi sức. Sáng hôm sau thì tôi dậy được, lên "pông". Hành khách tò mò kéo đến nhìn tôi như một quái tượng. Mà tôi là một quái tượng thật: tôi là một người chết trong đám người sống.

Trời hôm ấy nắng to. Mặt bể long lanh, vòm trời xanh ngắt, mây trắng từng hàng thướt tha bay như những dải lụa mỏng. Những dải lụa mỏng ấy, tôi nhìn thành những cái thòng lọng để thắt cổ. Lắm lúc tôi tưởng tượng, một dải lụa ấy là là xuống gần tôi, phủ qua đầu tôi, thòng vào cổ tôi, rồi một bàn tay bí mật kéo tôi phăng lên lưng chừng trời, để cho tôi chết cứng giữa khoảng mây nước vui tươi ấy.

Những con yến đen đen bay lượn trên đầu, tôi chỉ coi là những vật bẩn thỉu trời sinh ra chỉ để làm vẩn đục những ngày đẹp đẽ như ngày hôm nay. Nếu không có những con yến kia, mây, nước, sẽ đẹp đẽ và sạch sẽ biết mấy. Điểm mấy cái chấm đen vào, trời hình như cố ý không cho loài người được hưởng một cái thú gì hoàn toàn cả. Những con yến ấy là tượng hình của thần số mệnh tàn khốc chỉ chăm chăm chờ cơ hội để dệt nên cho loài người những tràng ngày đen tối và sầu thảm.

Nhìn mây nước, tôi cũng biết là đẹp, nhưng khổ thay, tôi lại cảm thấy rằng từ khi tôi rời khỏi đất Bắc, tôi không còn có thể hưởng được một cái đẹp gì ở đời nữa.

Tôi tưởng đến quá khứ, quá khứ chỉ là một cái bể đen ngòm; tôi nhìn đến hiện tại, hiện tại là một bầu trời mờ mịt; tôi nghĩ đến tương lai, tương lai là một chuỗi ngày giá lạnh. Tôi chỉ còn sống ở đời với một tấm lòng giá lạnh với cái giá lạnh của cảnh vật. Không khí tôi thở như nặng nề sắp đông lại thành băng, thành tuyết.

Tôi đang đứng nhìn vơ vẩn, nghĩ liên miên thì có một người hành khách ăn mặc lam lũ cụt một chân đến ngửa tay xin tiền tôi. Tôi móc túi lấy mấy hào để vào bàn tay ghẻ lở của y. Khi y quay đi, nhìn thấy cái chân cụt, tôi choáng người sờ lên ngực. Thì ra trái tim tôi cũng bị tàn tật như cái chân kia. Một định mệnh khốc liệt đã cưa nó đi như nhà giải phẫu đã cưa cái chân kia mà lắp vào đấy một chiếc chân gỗ. Tôi bỗng ứa hai hàng nước mắt. Tôi thương tôi, tôi thương người. Tôi cảm thấu đến những nông nỗi đau đớn ở đời từ đấy. Tôi bồi hồi nhìn những cơ cực của loài người, tôi thấy rõ ràng rằng tôi cùng một số kiếp hẩm hiu như họ, sinh ra suốt đời chịu

thống khổ mà chỉ được nếm một vài ngày hoan lạc thôi. Mà một vài ngày hoan lạc ấy một khi đã hưởng rồi thì chao ôi! Ta lại càng cảm thấy những thống khổ kia một cách thấm thía hơn. Những thống khổ ấy lại càng thống khổ một khi ta đã rõ mùi vị của yêu đương.

Trong một lúc, những thống khổ của lòng tôi như bay ra mà hòa vào với những thống khổ của nhân loại, rồi tôi tưởng chừng như tôi với nhân loại, chỉ là một. Tôi nhận thấy cả cái não nùng của những kiếp người: sinh ra, lo nghĩ, đau khổ rồi chết. một phút thương cảm lâm ly nó đã làm cho tôi quên sự đau buồn riêng của mình.

Tôi tưởng tượng bây giờ đây Thuần đang nhớ tới tôi, đang khóc sự biệt ly, đang đau buồn vì tôi mà tôi run bắn người lên. Thì ra bao giờ tôi cũng lo sự đau buồn xảy đến cho nàng hơn là những sự đau buồn xảy đến cho tôi.

Mất nàng, tôi mất hết những lẽ sống ở trên đời. Nhưng nàng mất tôi? Trong thâm tâm thì tôi muốn rằng nàng sẽ quên được tôi đi để theo được cuộc đời mà cha mẹ nàng đã xếp đặt cho nàng, nhưng không biết có một sức bí mật khốn nạn gì lại xui tôi ao ước nàng đừng quên tôi mà cứ đau khổ vì tôi mãi. Có lẽ đó là lòng ích kỷ. Lúc tôi nhận thấy lòng tôi như thế, tôi khinh bỉ ghê tởm tôi một cách lạ lùng. Tôi cho vì tôi khốn nạn như thế, nên bây giờ phải khổ sở như thế này là rất đáng. Ông trời rất có mắt.

Ý nghĩ mình tự khinh mình ấy làm cho tôi nhẹ nỗi đau buồn đi một lát.

Tôi xuống buồng viết cái dây thép để khi đến Sài Gòn đánh cho ông hoàng Cao Mên và một bức thư cho anh Hiển, dặn anh dù tình cảnh Thuần ra sao cũng đừng viết thư cho tôi, mà nàng có hỏi địa chỉ tôi thì bảo là không biết. Tuy tôi viết thư dặn anh Hiển thế mà tôi vẫn ước thầm: giá anh cứ trái lời tôi, cứ viết thư kể tình cảnh Thuần cho tôi biết và bảo Thuần địa chỉ của tôi để thỉnh thoảng nàng viết thư thăm tôi. Và biết đâu... rồi nàng chẳng vì không thể sống xa tôi được mà phải vào với tôi?

Thì đã bảo thiếu niên không bao giờ có một ý định rõ rệt. Họ chỉ thuần hy vọng ở bất ngờ, ở trời, mà không bao giờ biết hy vọng ở mình.

Họ muốn hạnh phúc? Nhưng hạnh phúc ấy, họ chỉ mong người làm cỗ sẵn để họ đến ăn, chứ họ không có đủ can đảm và nghị lực để

tự tạo ra hạnh phúc cho mình bao giờ. Họ quên rằng sống đã là tàn nhẫn, thì muốn có kết quả tốt đẹp bất cứ một việc gì cũng phải nỗ lực, cũng phải trăm cay nghìn đắng, trải qua bao khó nhọc mới có, chứ chẳng có kết quả tốt đẹp gì lại êm đềm mà đến bao giờ.

Huống hồ kết quả ấy lại là hạnh phúc. Lại là hạnh phúc yêu đương của cả một đời, thì người ta có thể nào cứ an nhàn mà có được.

Người ta cứ bảo thiếu niên hăng hái. Cái hăng hái của thiếu niên chẳng qua... chẳng qua là một mớ lửa rơm, là một tang chứng yếu ớt của tuổi thơ ngây dại dột, không có đủ bình tĩnh để đi tới mà thôi. Thiếu niên hèn nhát. Thì chí phải tôi, bởi nếu tôi không hèn nhát, thì đâu tôi có phải đeo mối hận nghìn đời như thế này!

*

* *

Tôi lên bến Sài Gòn, đi qua thành phố Sài Gòn đông đúc mà tôi có cái cảm giác là đi qua một sa mạc. Ở những chỗ đông người tôi càng thấy lòng hiu quạnh. Tôi chỉ muốn vắng vẻ để nghĩ đến nàng mặc dầu sự nghĩ ngợi ấy làm cho tôi khổ sở. Khổ sở, tuy là khổ sở nhưng cũng còn là sống.

Tôi thuê một phòng ngủ nằm chúi ở đó để mai chờ tàu lên Phnômpênh, chứ không đi đâu cả. Khi tôi mở va ly lấy quyển sách tôi đang xem dở ra đọc thì thấy một phong thư rơi ra. Đó là phong thư của anh Hiển viết cho tôi để giấu vào đấy lúc nào.

Anh Cung.

Trước sự đau buồn của anh, tôi đành phải để cho anh đi. Tôi chỉ khuyên anh một điều, nên bảo trọng sức khỏe, bởi vì ở đời, trừ khi có chết mới hết hy vọng, chứ còn sống một ngày là ta còn có thể hy vọng.

Biết đâu trước sự bền vững của chị Thuần, mà thầy mẹ chị ấy không bằng lòng cho anh chị lấy nhau! Tôi chỉ sợ lòng người không bền vững mà thôi, chứ đã bền vững thì rồi việc trắc trở đến đâu ta cũng thắng được. Tôi xem ra thì rồi thế nào anh chị cũng thắng vì hai người đã yêu nhau đến thế thì không còn cái gì có thể chia rẽ được nữa.

Tôi khuyên anh giữ gìn sức khoẻ để hưởng hạnh phúc sau này. Chứ nếu anh buồn bực mà chết đi thì chẳng những anh tự phá hạnh

phúc của anh, mà anh, anh lại giết cả chị Thuần nữa đấy. Yêu anh như chị ấy đã yêu, chị ấy không thể sống sau khi anh chết. Anh nên nhớ lấy và nghe lời.

Người bạn tâm huyết của anh.

HIỂN

Bức thư của anh Hiển thật là một viên thuốc dấu cho vết thương lòng của tôi. Tôi cũng hy vọng ở sự bền lòng của Thuần - tuy tôi vẫn xui và đi xa để cho nàng quên tôi. Tôi mong mỏi một sự bất ngờ sẽ làm cho ông bà Huấn biết mối tình của chúng tôi, rồi trước sự chung tình của Thuần, phải buộc cho chúng tôi sum hiệp.

Khốn nạn, tôi chỉ hy vọng vào bất ngờ mà không dám hy vọng vào mình bao giờ cả. Lúc ấy, tôi lại càng thấy rõ sự hèn nhát của tôi. Anh Hiển nói đến hạnh phúc, nhưng anh quên không tính đến sự chịu đựng đau khổ của con người ta.

Tôi vào Cao Mên được bảy tháng, thì một hôm tôi đi vắng năm bữa về, bỗng bắt được hai cái dây thép. Một cái của ông bà Huấn, một cái của anh Hiển.

"Thuần mệt, cậu về ngay. Bằng lòng cho lấy nhau. Cậu về ngay lập tức".

Cái dây thép của ông bà Huấn làm cho tôi mừng khôn xiết, nhưng cái dây thép của anh Hiển lại làm cho tôi ngã chúi xuống.

"Chị Thuần đã thú hết với cha mẹ. Ông bà Huấn đã bằng lòng. Chị ấy đang ngắc ngoải chờ anh, anh về mau, kẻo không kịp".

Thuần ngắc ngoải! Thuần ngắc ngoải! Không có chữ gì của lời người có thể tả hết nỗi lo sợ bồn chồn của tôi lúc bấy giờ. Lúc ấy, tôi, tôi... tôi muốn san bằng cả rừng rú, sông núi để lấy một con đường thẳng cho xe chạy từ Phnômpênh đến Hà Nội. Tôi muốn biến làm khí trời để bay ngay ra. Tôi nắm đầu bứt tóc chửi rủa mình sao đã đi vắng để nhận cái dây thép chậm mất năm ngày. Tôi chỉ lo tôi về thì nàng đã chết rồi. Nghĩ đến nàng chết, tôi có cảm tưởng người tôi tan tác ra như một cái pháo. Tôi sầm sầm từ thang gác chạy xuống du ngã một người mà tôi cũng chẳng quay đầu nhìn lại xem là ai. Cứ quần áo ngủ như thế, tôi nhảy lên xe, ra ngay Nhà dây thép [1] đánh một cái dây thép báo cho ông bà Huấn biết rằng tôi sẽ về ngay.

1. Bưu điện.

Xong, tôi đi hỏi xem bao giờ có xe chạy Sài Gòn và tàu từ Sài Gòn ra Bắc. Nghe người thư ký sở tàu nói với tôi rằng những bốn hôm nữa mới có tàu ở Sài Gòn chạy ra Bắc, tôi bỗng tắc hơi không thở được.

Về đến nhà, tôi nhảy bổ vào, định lên nói cho ông hoàng Pradijapok rằng tôi phải đi ngay, thì thấy một bọn người đang xúm quanh ở phòng khách, mà ông hoàng cũng đang đứng đấy. Thì ra lúc tôi chạy vội va phải đứa em ông làm cho ngã từ trên thang xuống chảy máu đầu. Tôi cũng chẳng để ý, đến nắm lấy ông hoàng mà bảo:

– Tôi phải ra Bắc ngay! Tôi phải ra Bắc ngay!

Ông trố mắt nhìn tôi tưởng là tôi phát điên. Tôi cũng chẳng biết lúc ấy ông trả lời ra sao, vì tôi nói xong thì chạy ngay lên buồng thu xếp hành lý.

Tôi đang thu xếp, ông hoàng vào:

– Ông có việc gì vội thế?

Tôi trả lời phăng:

– Vợ tôi đang ngắc ngoải ở nhà

– Thế bao giờ có tàu?

– Những bốn hôm nữa.

– Thế thì việc gì ông phải vội?

Câu nói ấy làm cho tôi định thần lại. Tôi bỗng ôm mặt khóc nức nở. Rồi tôi mới xin lỗi ông vì sự hấp tấp đã làm ngã em ông.

– Thôi, việc nhỏ ấy có kể gì, hẵng nói đến việc ông, bà ấy mệt nặng lắm sao? Sao trước kia ông bảo với tôi rằng ông chưa có vợ?

Tôi đứng lặng yên một lát, rồi tôi bỗng tiến lên nắm tay ông hoàng kể cho một hồi đoạn tình sử của mình cho ông ấy biết. Tôi nói được như thế tôi rất lấy làm khoan khoái.

– Tàu những bốn hôm nữa mới chạy thì hai hôm nữa ông ở đây đi cũng kịp, vội cũng đến thế thôi.

Tôi không nghe, tôi hy vọng đến Sài Gòn tôi sẽ tìm được cách về cho chóng. Mà dù chẳng tìm được cách gì thì về Sài Gòn cũng là đã gần nàng thêm một chút.

– Đành vậy, nhưng bây giờ đã hai giờ, chẳng còn chuyến xe ô tô nào chạy Sài Gòn cả, thế nào ông cũng phải chờ đến sáng mai.

Tôi đành bó tay trước sự thực. Tôi lại ra Nhà dây thép đánh một cái dây thép nữa về nói rằng tàu bốn hôm nữa mới chạy, vậy bệnh tình nàng thế nào trả lời ngay cho tôi biết.

Tôi về đến nhà, đã thấy anh Hiển chờ tôi ở phòng khách. Thì ra ông bà Huấn sợ tôi có đi đâu, hoặc đổi chỗ ở không nhận được dây thép, nên sau khi đánh dây thép liền nhờ anh vào tìm tôi.

Tôi thấy anh vội ôm chầm ngay lấy mà hỏi:

– Thế nào?

Câu ấy đủ cả các nghĩa. Anh Hiển chỉ trả lời tôi bằng một câu:

– Chưa chết.

Câu trả lời ấy cũng đủ các ý nghĩa. Nó quét sạch hết những nỗi lo sợ của tôi. Tôi ôm lấy anh, nỗi mừng không biết lấy gì mà tả cho hết.

– Chị ấy ốm nặng, lâu lâu mê đi, lúc tôi vào đây thì tỉnh. Tôi nói với chị ấy rằng tôi vào đây tìm anh thì chị ấy chỉ ứa nước mắt mà không trả lời.

– Thế anh xem bệnh tình có nguy kịch lắm không? Anh phải nói thực cho tôi biết.

– Bệnh này là tâm bệnh, lúc mê, lúc tỉnh, nên không thể biết mà nói trước được. Nếu anh kịp về ngay cho chị ấy trông thấy mặt thì may ra không hề gì cả.

– Thế đầu đuôi làm sao mà ông bà Huấn biết? Làm sao mà biết chuyện đến hỏi anh? Anh nói hết, anh nói hết cho tôi biết.

– Anh đi được bốn tháng thì chị ấy bắt đầu ốm. Lúc đầu, không lấy gì làm nặng, chỉ ngây ngấy sốt, không ăn được nhiều cơm. Nhưng được hai tháng bỗng mê đi. Từ đó lúc mê, lúc tỉnh, bao nhiêu thầy thuốc ra công chữa chạy thế nào cũng không thuyên giảm...

– Thế ai nói với ông bà Huấn?

– Hình như lúc chị ấy mê cứ gọi tên anh khóc, nên ông bà Huấn đâm nghi, tra hỏi chị ấy, nhưng chị ấy chỉ khóc mà không nói.

– Thế làm sao biết được?

– Thì anh cứ để yên cho tôi nói, anh cứ hỏi đốc tôi thế, tôi trả lời sao kịp. Một hôm, sau một cơn mê, tỉnh lại chị ấy viết mấy chữ cho tôi, sai u già đem đến, nhưng u già lại đưa cho ông bà Huấn...

– Viết những gì cho tôi, anh có biết không?

– Có, sau ông Huấn đến nhà tôi, đưa cái thư cho tôi xem, rồi tra vấn tôi. Tôi thấy chị ấy mệt nặng, sợ nếu không có anh ở gần thì nguy đến tính mệnh, nên tôi phải nói hết sự tình. Đây, mảnh thư ấy còn đây, anh có xem thì xem.

Tôi vồ lấy mảnh giấy: chỉ có mấy chữ viết nguệch ngoạc.

Anh Hiển,

Tôi biết mình tôi khó sống lắm. Vậy khi nào tôi chết, anh làm ơn viết thư báo anh Cung của tôi rằng tôi vì yêu anh ấy mà chết, chết vì anh ấy, chết mà vẫn yêu.

THUẦN

Tôi đọc xong mắt hoa lên, khóc rũ xuống.

– Thì anh có muốn nghe chuyện hay không. Và phải kiếm cách gì về ngay thì may ra... chứ khóc ích gì?

– Chẳng có cách gì cả. Tàu bốn hôm nữa mới ra Bắc mà bây giờ thì không có chuyến xe nào đi Sài Gòn cả. Anh liệu xem tôi có về kịp không? Khổ quá, tại tôi rồ dại và nghĩ lẩn quẩn bỏ ra đi, chứ không thì đâu đến nông nỗi này!... Thế nào, anh kể rõ từng ly, từng tý cho tôi nghe.

Hôm ấy, tôi đang tập võ ở sân thì thằng nhỏ lên gọi xuống có khách. Thoạt mới nhìn thấy có vẻ mặt thảm đạm của ông Huấn, tôi đã độ chừng có một việc gì chẳng lành xảy ra, vì từ khi anh đi, ngày nào tôi cũng lượn qua Hàng Đào, nhưng chẳng thấy bóng chị đâu. Ông Huấn thấy tôi, đưa mảnh giấy cho tôi rồi hỏi:

– Bây giờ cháu nó mệt nặng lắm, cậu phải nói thực cho tôi biết hết mới may có kế mà cứu chữa cháu được.

Trước tôi còn chối, nhưng sau...

Bạn tôi nói đến đây thì tôi liền lại nắm áo bạn tôi mà gắt:

– Sao anh lại chối?

Bạn tôi gỡ tay tôi ra:

– Kìa, kìa... anh quên rồi, anh bắt tôi thề phải giữ kín dù thế nào cũng không được nói cơ mà.

Lúc ấy, tôi mới hối hận rằng mình kỳ quái nhưng bạn tôi biết tôi đau đớn quá cũng không giận, chỉ nói tiếp.

– Sau tôi thấy nói bệnh tình trầm trọng quá, tôi đành phải thú thực hết. Ông Huấn nghe tôi kể lại chỉ chắc lưỡi bảo tôi:

– Chúng nó đã yêu nhau thế mà sao lại không nói gì cho vợ chồng tôi biết cả?

Tôi liền nói rõ vì những lẽ gì anh phải im lặng mà rứt ruột ra đi. Ông Huấn có hỏi địa chỉ anh, tôi nhất định không nói. Nhưng sau khi tôi đến thăm chị ấy tôi thấy yếu quá, chỉ còn có một cách gọi anh về may ra mới qua khỏi nên tôi nói hết. Ông bà Huấn liền nhờ tôi đánh dây thép cho anh. Sau bà Huấn lại sợ anh hoặc đi đâu hoặc không ở đây, nên nhờ tôi vào tìm anh cho chắc. Bà Huấn thương chị ấy lắm. Nếu trước kia anh có can đảm nói thì may ra... Nhưng thôi, việc đã qua, còn nói làm gì!

– Thế trước khi anh vào đây thì bệnh tình ra làm sao? Dung nhan ra thế nào? Có nhận được anh không?

– Chị ấy chỉ nhìn tôi mà ứa nước mắt. Mãi sau mới mấp máy môi hỏi tôi anh đi tự bao giờ và tình hình anh ra làm sao?

– Đã yếu đến thế rồi cơ à!

– Thì anh tính ốm mấy tháng trời rồi.

– Thế thì không khéo tôi về không kịp mất!

Tôi nói xong bỗng khóc òa.

– Anh cứ yên tâm. Chẳng có lẽ trời lại nỡ tâm giết hai người đã yêu nhau như anh chị? Tôi tin rằng số mệnh không đến nỗi tàn khốc với anh đến thế.

*

* *

Cả đêm hôm ấy, tội không ngủ, mà anh Hiển cũng không ngủ được với tôi. Tôi hỏi chuyện thì mới rõ bây giờ cả nhà đang mong chờ tôi về, và hết thảy ai ai cũng trách oán tôi sao đã yêu nhau như thế mà không nói ra.

Không phải bây giờ tôi nói ra để gỡ tội. Tôi, tôi mắc cái tội hèn nhát, tôi là một thằng khốn nạn đã đành rồi. Nhưng chính tôi, tôi cũng không ngờ rằng nàng yêu tôi đến nỗi xa tôi mà chết dần, chết mòn đi. Tôi đã không tin như thế thì vị tất ông bà Huấn đã có thể tin như thế. Tôi cũng tưởng rằng xa nàng để cho nàng được tự do mà gây dựng cuộc đời, ai ngờ đâu nàng không thể gây dựng được cuộc

đời, nếu cuộc đời ấy không có tôi! Tôi không thể ngờ trái tim con người ta lại có thể héo dần đi được sau thất vọng tình ái.

Bốn hôm sau, chúng tôi xuống tàu. Chà, chà, sao tôi thấy tàu đi chậm như thế.

Một đêm, tôi nằm ở tàu, mê thấy Thuần về ôm lấy tôi khóc lóc, kể lể... Tôi giật mình, toát mồ hôi, đánh thức anh Hiến dậy:

– Hay là đã chết rồi, không chết sao tôi lại thấy hiện về?

– Chị nói gở, vì anh tơ tưởng quá nên nằm mê thấy thế. Chứ chết thế nào được. Tôi tin rằng trời không nỡ chôn sống cái đời anh.

– Thế anh nói thực với tôi, hôm anh vào đây bệnh nàng có trầm trọng không?

– Trầm trọng thì có trầm trọng, nhưng không đến nỗi chết. Tôi tin rằng ông trời không đến nỗi độc ác như thế.

Nghe lời anh Hiến, tôi mới hoàn hồn. Nhưng thấy mắt tôi máy luôn, thịt tôi giật luôn, tôi lại đâm lo:

– Anh ạ, tôi nóng ruột lắm, không khéo...

– Thì mong mỏi như thế, tai nào cho khỏi nóng ruột. Anh cứ yên tâm, chỉ nay mai là đèn nơi. Tôi chắc chị ấy thấy anh sẽ khoi liền.

Ba hôm sau thì tàu đến bến Hải Phòng. Chúng tôi nhảy lên Hà Nội. Đến phố Hàng Đào, thấy cửa nhà Thuần đóng kín, tôi đã trợn. Tôi liền hoi anh Hiến:

– Hôm anh đi nhà có đóng cửa không?

Anh Hiến tái mặt, muốn trả lời tôi, nhưng không nói ra hơi.

Tôi bổ xuống xe, gõ cửa, cửa chỉ khép, tôi du mạnh xông vào thì thấy bà Huấn đang lăn ra khóc, có mấy người vừa dìu, vừa khuyên dỗ. Tôi bỗng run bắn cả người, tôi vội vàng nắm lấy cánh cửa cho khỏi ngã.

Mọi người thấy tôi, rú lên. U nuôi Thuần, mặt đầm đìa những nước mắt, chạy lại ôm tôi khóc mà bảo:

– Cậu về chậm mất rồi! Cô con đi từ sáng hôm qua!

Ngày nay, tôi cũng lấy làm lạ, sao được cái tin ấy, tôi không chết ngay đi. Bà Huấn đang khóc, thấy tôi về, vùng dậy, chạy đến nắm lấy tôi cấu, xé và chửi rủa:

– Mày giết con bà! Mày giết con bà! Trời ơi! Nó giết con tôi!

Lúc ấy, tôi thực là mất hồn, tôi cũng chẳng biết rằng bà Huấn nói những gì và mọi người lúc ấy xử trí ra làm sao.

Tôi chỉ biết rằng khi bà Huấn buông tôi ra, tôi ù té chạy lên buồng nàng. Mấy người toan cản tôi lại đều bị tôi gạt ngã. Tôi chạy lên ôm chầm lấy tử thi nàng mà hôn hít, lay gọi, tôi không có thể tin rằng nàng có thể chết được. Tôi hôn chân, tôi hôn tay, tôi hôn mắt, rồi tôi khẽ gọi:

– Em Thuần! Em Thuần!

Tôi gọi, tôi gọi mãi... Đến lúc tôi tin rằng nàng đã chết, nàng đã chết thực, tôi bỗng hét lên một tiếng. Tôi quay lưng ra thì thấy mọi người đã đứng quanh ở cửa buồng.

– Tôi giết em tôi! Tôi giết em tôi!

Nói được mấy câu ấy rồi tôi ngồi vật xuống cái ghế, ôm đầu khóc. Rồi tôi nghe văng vẳng như có tiếng quát tháo:

– Đuổi cổ nó ra. Đuổi cổ nó ra, không tôi chết mất.

Tôi bâng khuâng chưa biết xử trí ra sao thì liền lúc ấy anh Hiển nắm vai tôi, giọng nói có vẻ nghiêm khắc:

– Anh đã giết người ta, anh không có quyền đến làm nhơ nhuốc cái hương hồn người ta, anh không có quyền làm cho đau đớn thêm cái gia đình đã đau đớn vì anh.

Rồi anh Hiển xốc nách lôi tôi đi. Lúc ấy, tôi đã hết cả sức lực, hết cả ý định, chỉ còn như một đứa bé con, người ta muốn lôi tôi đi đâu thì đi.

Tôi nhớ mang máng khi tôi xuống đến cầu thang thì thằng Ân, thằng Ân chạy đến ôm chầm lấy tôi, ai kéo ra cũng nhất định không buông. Sau mẹ nó phải quát mắng, chúng nó mới buông cho tôi đi. Mẹ chúng nó bảo tôi:

– Thôi cơ sự đã ra dường này, cậu đừng nên đến đây nữa. Người ngoài người ta biết chuyện, chẳng còn ra thế nào.

Rồi quay sang anh Hiển:

– Cậu nên khuyên cậu ấy đừng đến đây nữa. Ông bà tôi trông thấy cậu ấy thì khổ lắm.

Anh Hiển dìu tôi về đến nhà anh. Cả ngày đêm hôm ấy, tôi không nói năng một lời nào. Tôi cũng chẳng biết anh ấy và người nhà anh ấy nói với tôi những gì.

Anh ấy tưởng tôi sắp hóa điên, cho gọi đốc tờ. Nhưng khi đốc tờ đến, giơ tay toan xem cho tôi, tôi liền hất tay ra:

– Tôi không làm sao cả.

Rồi tôi nhờ anh Hiển đi hỏi hộ tôi hôm nào đưa ma.

Anh Hiển liền ôn tồn bảo tôi:

– Anh nên nghĩ chín một chút. Anh đi đưa ma có điều không tiện. Tôi rất sợ anh khi thấy quang cảnh đám ma, đau đớn quá lại làm... những... thì coi nó không tiện. Anh nên thương đến gia đình người ta.

– Thế anh bắt tôi không được đưa tiễn em tôi một lần cuối cùng ư? Tôi chịu làm sao được!

– Tôi chỉ sợ gia đình nhà người ta trông thấy anh thì...

– Thế người ta cho gọi tôi về đây làm gì?

– Anh đã đau đớn như thế mà anh không hiểu sự đau đớn của lòng người ư ? Anh không biết kính trọng nỗi đau của kẻ khác ư? Nếu anh có phải thật yêu chị ấy thì anh phải biết thương đến cha mẹ chị ấy ngày nay đang khóc con. Cứ để đám ma đưa xong, tôi sẽ đưa anh ra huyệt sau, cũng không muộn. Anh tưởng nắm đất ấy, nắm xương ấy đáng quan tâm lắm ư? Cái huyệt chính thức của chị ấy ngày nay là trái tim anh. Linh hồn chị ấy ngày nay đã phảng phất đâu ở quanh mình anh rồi. Anh nên nghe tôi.

Những lời nói của bạn, tôi đều cho là phải. tôi gật đầu vâng chịu.

Mấy hôm sau, tôi thấy bạn tôi mua về một bó hoa tươi rồi bảo tôi:

– Chúng ta đi.

Tôi mặc quần áo rồi theo bạn. Bạn đưa tôi xuống nghĩa trang, trao bó hoa cho tôi, trỏ một cái mả còn rắc đầy vàng:

– Đấy!

Tôi cầm bó hoa đặt lên mộ, rồi quỳ xuống. Tôi không biết tôi quỳ như thế bao nhiêu lâu. Tôi nhớ rằng tôi không khóc, vì còn nước mắt đâu mà khóc nữa! Đến lúc bạn đến vỗ vai tôi, tôi mới mở mắt nhìn. Thì ra trời đã tối. Bạn tôi lôi tôi dậy:

– Anh có quỳ ở đây mấy năm đi chăng nữa, chị ấy cũng không sống lại được nữa. Tôi dám chắc chị ấy ở dưới mồ có nghe tôi nói thì cũng đồng ý với tôi mà bảo anh nên quên đi. Một số mệnh tàn khốc đến như thế này thì chỉ còn có một cách quên đi mà thôi.

Rồi anh Hiển đến vái trước mộ mà khấn:

– Chị có khôn thiêng xin phù hộ cho anh ấy có đủ nghị lực để sống. Một người oan uổng đã là nhiều lắm rồi!

Anh Hiển đã khấn đến đây bỗng ôm mặt khóc. Một lúc lâu, anh ấy ngửng đầu bảo tôi:

– Anh phải sống. Sống để giữ mãi kỷ niệm của chị ấy ở trong lòng. Anh mà tự tử chết đi thì trước là anh hèn nhát, sau là anh phụ người chết đó. Chị ấy còn cha mẹ già. Ông bà Huấn trong lúc đau đớn có hắt hủi anh thật, nhưng mấy hôm nữa, cơn giận nguôi đi, biết đâu chẳng gọi anh đến. Rồi hai cụ trông thấy anh, tức là trông thấy chị ấy.

Tôi chẳng trả lời, vì lúc ấy còn trí khôn đâu mà hiểu biết mà trả lời nữa.

*

*   *

Từ đấy, tôi chẳng ốm, chẳng đau, nhưng thịt cứ róc dần đi. Anh Hiển thấy thế rất lo cho tính mệnh của tôi. Anh hỏi tôi, tôi cũng bảo chẳng đau ốm gì. Mà tôi cũng chẳng thấy gì là đau đớn thật. Thì ra lòng tôi đã chết. Lúc ấy với bây giờ, tôi cũng vẫn là một người. Sống mà không biết gì là vui, buồn, lo, sợ không còn quan tâm gì đến sống, chết nữa.

Anh sẽ hỏi tôi: Tại làm sao tôi không chết, tôi lại cố sống? Tôi không chết, tôi lại cố sống là để giữ một lời hứa... một lời hứa với người chết.

Đưa ma được năm hôm thì một hôm u nuôi của Thuần đem đến cho tôi ít di tích của nàng, rồi bảo tôi:

– Lúc cô tôi gần chết, có đưa vật này cho tôi và dặn khi nào cậu về thì đưa cho cậu.

Tôi giở cái hộp ra thì chỉ có con quay, cái lược, những di tích của mẹ tôi xưa kia. Kèm theo một nắm tóc của nàng.

Tôi trố mắt nhìn những di tích ấy mà không khóc. Tôi thấy cả một khoảng đời niên thiếu của tôi hiện lên. Tôi nhớ lại những ngày đau khổ mà tôi sống cạnh mẹ tôi. Tôi nhớ lại những ngày sung sướng tôi sống gần nàng. Tôi đang hồi sinh lại những ký ức ấy thì u già vỗ vào tay tôi:

– Cô con còn dặn cậu nên trông coi đến hai cụ con mà đừng oán trách gì. Hai cụ con bây giờ đã già rồi, anh Ân, anh Ấn còn bé, nhà lại chẳng có người đàn ông nào. Hôm qua, cậu Hiển lại nói chuyện cậu, hai cụ con lại khóc lóc...

Tôi nhìn anh Hiển, anh Hiển ngượng nghịu cúi mặt. Thì ra anh vì thấy tôi cứ khô héo dần đi, anh sợ tôi có mệnh hệ nào, nên anh lại nói với ông bà Huấn xem có cách gì cứu cho tôi được không, vì anh biết tuy con gái chết, ông bà buồn rầu oán trách tôi, nhưng trong thâm tâm vẫn thương mến tôi lắm, bởi ít nhất, tôi cũng giữ ở trong người một chút hình ảnh của con gái ông bà.

– Tôi sở dĩ phải buộc lòng đến nói với ông bà Huấn là vì tôi... tôi không muốn những người thân yêu nàng huých tướng với nhau sau khi nàng đã mất. Tôi muốn cho cái kỷ niệm nàng...

Tôi lại nắm tay bạn:

– Tôi hiểu, tôi hiểu, nhưng ông bà Huấn có tha thứ cho tôi đâu.

– Điều ấy, tôi xin cam đoan với anh. Chẳng những ông bà Huấn đã tha thứ cho anh, lại còn nhờ tôi về mời anh lại ở đằng ấy nữa. Có phải thế không u già?

U già gật đầu:

– Hai cụ con cho con lại mời cậu. Lúc cô con mất, cô con cũng dặn hai cụ con như thế.

Tôi lại thì chỉ có ông Huấn ra đón:

– Thôi, nhà tôi trong một lúc đau xót có nói gì, cậu đừng để tâm. Cháu nó có dặn tôi sau khi nó mất thì mời cậu về ở và cậu nên gìn giữ lấy sức khỏe.

– Con có dám giận cụ bà đâu. Cái tội con như thế, hai cụ tha thứ cho cũng là may lắm rồi.

Ông Huấn quay đi chùi một giọt nước mắt. Mới có mấy tháng trời mà dung mạo ông biến đổi đi nhiều quá.

Thằng Ân, thằng Ấn thấy tôi đến, mừng tíu tít, sán đến ôm lấy tôi.

Bà Huấn lúc ấy đang mệt nằm trong buồng nghe tin tôi lại, liền cho gọi vào. Tôi vào, đứng cạnh giường chưa biết nói gì, bà Huấn đã bảo tôi ngồi xuống bên mình:

– Con ngồi xuống đây. Thôi, nó đã số hệ thế, con cũng đừng... con cũng phải giữ lấy sức khỏe đừng quá thương, lỡ có làm sao... nó dặn mẹ thế.

Cách xưng hô thân mật ấy làm cho tôi nao nao. Cùng một giọng như khi bà nói với người chết lúc còn sống:

– Thôi, con đến đây với mẹ, nó muốn như thế, nó dặn như thế con phải nghe theo.

Tôi chẳng biết trả lời ra sao, chỉ nắm tay bà úp lên mặt.

Tôi ở đấy được đến tuần trăm ngày thì tôi viết một bức thư để lại, rồi tôi trốn đi. Anh có hiểu tại làm sao không?

Là bởi cái nhà ấy nhắc nhở cho tôi lắm kỷ niệm làm cho tôi đau đớn quá không thể chịu được nữa. Hai nữa, có tôi đấy, mỗi khi ông bà Huấn nhìn thấy tôi lại sực nhớ đến con gái.

Tôi không quên, không bao giờ quên được, nhưng tôi muốn người khác có thể quên đi để mà sống.

*

* *

– Anh là người đầu tiên được tôi kể cho nghe câu chuyện này mà bấy lâu tôi vẫn ủ kín trong lòng. Nay tôi đi xa, chưa biết sống chết thế nào, tôi muốn kể lại cho anh mong sau này có cơ hội anh chép lại thành sách để giữ mãi kỷ niệm của nàng. Và để sám hối tội ác của tôi, vì tôi hèn mạt nên đã để chết một mạng người. Tôi cũng muốn cho anh hiểu rõ: tôi làm cái nghề buôn lậu này không phải vì lợi, tôi muốn dấn mình vào chỗ nguy hiểm, đùa với cái chết cho đỡ buồn.

Anh Cung nói xong, đứng dậy,bắt tay tôi:

– Thôi ta giã từ nhau.

Tôi nắm tay bạn:

– Anh còn trẻ, anh có thể làm lại cuộc đời. Nếu người chết có sống lại, chắc cũng đồng ý với tôi khuyên anh như thế.

Anh Cung chỉ mỉm cười, không trả lời.

Từ đấy, tôi không được gặp anh nữa, mà hỏi bè bạn cũng chẳng ai biết anh đi đâu, sống hay chết.

Theo *Hận nghìn đời*,
Nhà xuất bản Trẻ (TP.Hồ Chí Minh)
tái bản, 1995.

Mục lục

TỔNG TẬP VĂN HỌC VIỆT NAM

TẬP 28